

VIÊN GIÁC

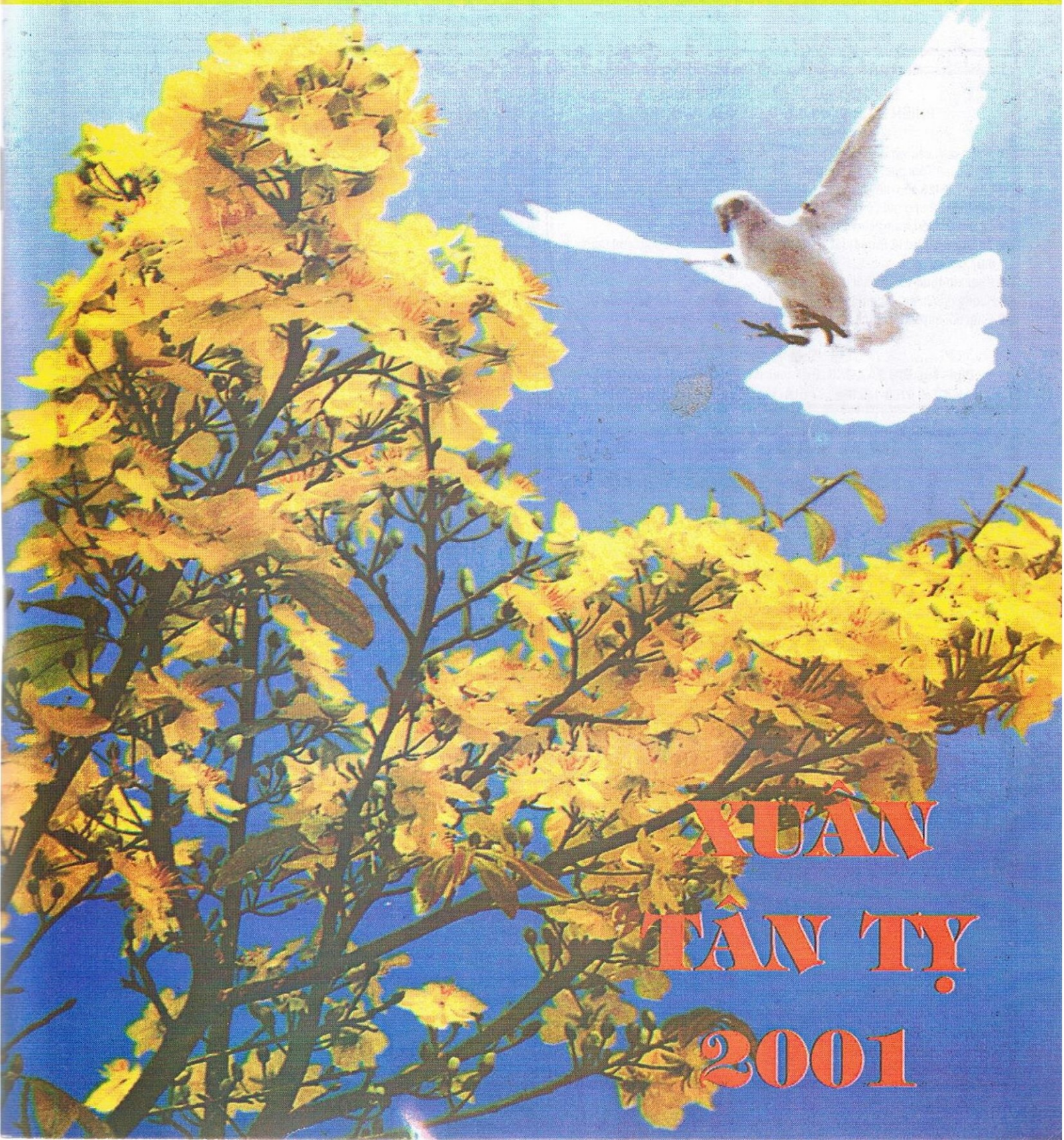


SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

120

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL.2544 ■ NĂM THỨ 22 ■ THÁNG 12 ■ JAHRGANG 22. ■ DEZEMBER 2000 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH



**XUÂN
TÂN TỶ
2001**

Chúc Mừng

Năm Mới

**Thành tâm kính chúc
Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng Ni
Và Đồng Bào Phật Tử
Khắp nơi trên Thế Giới
Một Năm Tân Tỵ
Được Kiết Tường Như Ý**

Chùa Viên Giác



Thư Tòa Soạn

Thế giới đã xúc động hoan nghênh một con người đã vì tự do dân chủ, vì độc lập dân tộc, vì thống nhất đất nước, để xứng đáng lãnh giải thưởng Nobel Hòa Bình. Đó là Tổng

Thống Nam Hàn, Kim Đại Trọng.

Nhớ lại chừng vài chục năm về trước, ông ta là người chủ trương tiến gần lại phía Bắc hơn và đã hoạt động không ngừng nghỉ trong thời kỳ trai trẻ của mình, để cuối cùng lãnh bản án tử hình và bị lưu đày ra ngoại quốc, nhưng sau khi ông ta lên làm Tổng Thống thì lại ân xá cho vị Tổng Thống tiền nhiệm đã ẩn tu nơi một ngôi chùa. Rồi kinh tế Á Châu khủng hoảng, ông Kim Đại Trọng cũng đã vững tay lái và đã đưa kinh tế Đại Hàn trở lại vị trí thăng bằng như năm 2000 trong hiện tại. Quả là màu nhiệm. Nơi ông chỉ có một niềm tin. Đó là công lý và tình người. Rồi đột nhiên lãnh tụ hai miền Nam Bắc Triều Tiên gặp gỡ để đi đến kết quả là hai bên thân nhân bắt đầu được thăm viếng nhau trong nỗi vui mừng với biết bao là nước mắt sau 50 năm chia cắt đôi miền.

Thế Vận Hội mùa hè tại Sydney vào ngày 15 tháng 9 vừa qua đã thể hiện được tinh thần tự chủ của quốc gia, nên cả hai miền đều đi chung dưới một lá cờ trắng; nền xanh của nước Đại Hàn. Thế là từ đây Đại Hàn đã có một công dân ưu tú và cũng đã chứng minh cho thế giới thấy rằng không ai có thể cản ngăn được ý nguyện hòa giải và thống nhất được; nếu người đó luôn chủ trương hòa bình và thống nhất đất nước không cần bom đạn. Điều ấy nước Đức đã làm được và Đại Hàn sẽ làm được trong thời gian tới.

Năm 67, 68 Đại Hàn vẫn còn tiến rất chậm, sản lượng kinh tế quốc gia của họ thua xa miền Nam Việt Nam ta rất nhiều; nhưng 30 năm sau, bây giờ Nam Hàn đã là Thầy của Cộng Sản Việt Nam về chính sách kinh tế và nhất là chính sách hòa giải dân tộc. Họ không cần ai làm trung gian, mà chính họ, cả 2 miền đất nước đã lấy thành tâm thiện ý với nhau để đối xử với nhau, kết quả là Bắc Hàn được sự giúp đỡ của thế giới và Nam Hàn một Kim Đại Trọng sáng chói như một vì sao Bắc Đẩu của phương Đông. Trong khi Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã được hơn 300 nhân sĩ và trí thức, các Dân biểu Quốc hội khắp nơi trên thế giới đề cử Ngài lãnh giải thưởng Nobel này; nhưng vì sự kiện của Đại Hàn đổi thay quá đột ngột và mọi diễn tiến đều có lợi cho nền hòa bình; nên kết quả đã như trên. Còn Hòa Thượng Quảng Độ vẫn còn nằm trong danh sách

chờ đợi cho những tháng ngày của năm đến. Nhưng dầu không được lãnh, Hòa Thượng chắc cũng không buồn. Vì ý của Hòa Thượng muốn cho thế giới thấy được thực trạng khổ đau của Việt Nam và làm sao giúp cho Việt Nam qua khỏi được ách độc tài đảng trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam là được. Còn cá nhân Ngài khi vào tù ra khám đâu có quản khó nhọc chi. Đó là một tâm hồn Bồ Tát và một hạnh nguyện lợi tha trong khi hành Bồ Tát đạo vậy.

Sau năm 1975 người Cộng Sản Việt Nam áp dụng chính sách học tập cải tạo và đày đọa biết bao nhiêu thành phần trí thức yêu nước khác của miền Nam Việt Nam để rồi chết chóc, khổ đau. Con xa cha, vợ xa chồng, quê hương ly cát, để rồi 25 năm sau người Cộng sản lại đi van nài Mỹ để được bang giao, xuống nước để kêu gọi Việt kiều về lại quê hương đầu tư và du lịch; nhưng những người Cộng Sản không thực tâm, họ chỉ cố moi móc túi tiền của tự bản và tạo hỏa mù để Việt kiều ở ngoại quốc nghĩ rằng người Cộng sản đã thực tình cải thiện chính trị lẫn đời sống cho nhân dân. Quả thật thế giới đã lầm và tất cả mọi người đều lầm. Vì con cọp, con gấu nếu được nuôi chung với súc vật trong nhà, lúc đầu những loại này cũng ngoan ngoãn, nhưng trước sau thì bản tính hung dữ của chúng cũng sẽ hiện nguyên hình. Do vậy mà đừng vội fin những gì của người Cộng Sản đang chủ trương và thực hiện.

Nếu thực tình họ có liêm sỉ thì họ đã cho Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Thích Quảng Độ và chư Tăng Ni thuộc Viện Hóa Đạo đã có thể đi cứu trợ cho đồng bào bị nạn lụt ở Đồng Bằng Sông Cửu Long một cách tự do rồi. Họ sợ tiếng nói trung thực của lương tâm loài người và nhất là của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, do vậy mà họ đã tìm đủ mọi cách để cản ngăn. Họ chỉ cho tay chân bộ hạ của họ diễn tuồng rồi quay phim, chụp hình đăng báo. Trong khi đó những người chủ trương hòa bình và chỉ muốn gióng lên tiếng nói trung thực của lương tâm thì bị cản ngăn và theo dõi.

Nước Đức sau khi thống nhất chưa xử tử một người lãnh đạo Cộng sản Đông Đức nào và rồi đây có lẽ Đại Hàn cũng sẽ vậy. Vì điều ấy Tổng Thống Kim Đại Trọng đã không muốn. Trong khi đó tại hai miền đất nước của Việt Nam đã có biết bao nhiêu triệu người đã chết cho lý tưởng tự do này, để làm bước tiến thân cho chỉ một số người trong Trung Ương Đảng, không học thức, không tu thân. Chỉ có hạm quyền hành, danh vọng và tiền bạc, chức tước. Nếu người Cộng Sản Việt Nam dám cho tổng tuyển cử trong hiện tại, thì chắc rằng chủ nghĩa tự do sẽ toàn thắng,

Mùa Xuân thông thường mang lại sự ấm áp cho mọi loài cây cỏ, chim muông và ngay cả loài người cũng có nhiều ước vọng. Bây giờ thì thế giới đã đổi thay rất nhiều và mong rằng người Cộng sản Việt Nam cũng phải tự cảnh tỉnh mình, hãy nhường chỗ trống ấy cho hoa tự do dân chủ được nở hoa trên quê hương Việt Nam ngàn đời yêu dấu và ngày ấy mong rằng sẽ không xa nữa.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

Cùng Chúc Tân Xuân

Tin Phạt sự

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
Viện Hóa Đạo

Phật lịch 2544

Số: 03/VHĐ/VT-TB

THÔNG BẠCH

Về việc Công an xã Vĩnh Hội Đông, tỉnh An Giang, câu lưu Phái Đoàn Viện Hóa Đạo, ngăn cấm phát tặng phẩm cho đồng bào lâm nạn, và kế hoạch cứu trợ của Viện trong những ngày sắp đến

Kính gửi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất các Cấp trong và ngoài nước

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức,

Qua Thông Bạch hôm nay, tôi muốn nói rõ việc Công an tỉnh An Giang ngăn cấm, câu lưu Phái đoàn Viện Hóa Đạo do tôi hưởng dẫn đi cứu cấp đồng bào lâm nạn lũ lụt. Nhân đây tôi cũng minh xác rằng những lời Bộ Ngoại Giao CHXHCNVN tuyên bố tại Hà Nội, hôm 11.10 vừa qua, về những việc liên quan đến chuyến đi cứu trợ của tôi là những lời dối trá, nhằm lừa gạt dư luận trong và ngoài nước.

Như quý vị đã biết, ngày 24.9.2000, tôi đã ra Thông Bạch Cứu Trợ thông báo việc Ban Tử Thiện Xã Hội của Viện Hóa Đạo tổ chức 3 phái đoàn về 3 tỉnh Long An, Đồng Tháp và An Giang cứu cấp đồng bào lâm nạn. Nhưng đã gặp rất nhiều trở ngại, nhất là tại tỉnh An Giang, nhà cầm quyền ngăn cản không cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chúng ta thực hiện việc cứu người trong cơn hoạn nạn. Đồng thời, ngày 24.9.2000, tôi cũng gửi một văn thư mang số 11/VHĐ/VT đến các ông Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải và Nông Đức Mạnh phân ánh sự kiện trên và yêu cầu Trung Ương chỉ thị cho các cơ quan chức năng địa phương tạo điều kiện dễ dàng cho Giáo Hội ta được thăm hỏi, tặng quà cho đồng bào lâm nạn hầu an ủi và chia sẻ phần nào trong muôn vàn thống khổ mà họ đang phải cố đờn gánh chịu.

Sau khi Thông Bạch và Văn Thư nói trên được Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế công bố, ngày 28.9.2000, phóng viên hãng thông tấn Reuters tại Hà Nội chất vấn người phát ngôn Bộ Ngoại Giao Việt Nam về việc nhà cầm quyền tỉnh An Giang ngăn cản Giáo Hội tặng quà cho đồng bào, thì được trả lời: "Không một nước nào lại ngăn cản việc cứu trợ nạn nhân lũ lụt".

Lời tuyên bố của Bộ Ngoại Giao một quốc gia không thể là lời dối gạt. Vì tin tưởng mãnh liệt như thế nên tôi quyết định sẽ đích thân hướng dẫn một phái đoàn đi cứu trợ xuống tỉnh An Giang vào ngày 6.10.2000 để chứng nghiệm lời tuyên bố của Nhà nước CHXHCNVN.

Đoàn của chúng tôi dự tính đi 2 xe gồm 50 người, trong đó có Thượng Tọa Thích Nguyên Lý, người đã hưởng dẫn phái đoàn lần trước đến An Giang. Nhưng vào lúc 18 giờ ngày 5.10.2000, Thầy Nguyên Lý cho người đến báo cáo cho tôi biết là Công an đến tận chùa ra lệnh cấm thầy cho tôi mượn xe và cũng cấm thầy đi với tôi. Cho nên, cuối cùng chỉ còn một xe và đoàn viên gồm các Thượng Tọa Thích Long Trình, Phó Ban Tử Thiện Xã Hội của Viện Hóa Đạo; Thích Quảng Huệ, Thư Ký Ban Tử Thiện Xã Hội; Thích Tâm Ân, Kiểm Sát Ban Tử Thiện Xã Hội; cùng với 2 Đại Đức Thích Hạnh Châu, Thích Chúc Hậu và 5 Phật tử đi với tôi. Riêng Thượng Tọa Thích Không Tánh, Trưởng Ban Tử Thiện Xã Hội, thì đã lên đường xuống An Giang từ ngày 5.10.2000 để xem xét tình hình cứu trợ chung trước khi phái đoàn chúng tôi đến.

Khởi hành từ Thanh Minh Thiền Viện vào lúc 8 giờ sáng hôm 6.10.2000, đến thị xã Châu Đốc lúc 18 giờ cùng ngày và nghỉ qua đêm tại nhà trọ Văn Hà.

Sáng hôm sau, ngày 7.10.2000, lúc 7 giờ sáng chúng tôi xuống thuyền trực chỉ về huyện An Phú, cách thị xã Châu Đốc 15 cây số, là nơi bị ngập lụt nặng nề. Cách An Phú chừng 5 cây số, cảnh tượng đau thương đã diễn ra trước mắt chúng tôi: dọc bờ sông nhiều nhà ngập một nửa dưới làn nước, có nhà ngập đến mái, đồng bào kê gỗ làm sàn ở tạm, nhiều gia đình ngồi trên nóc nhà; người lớn đi lưới cá, nhặt cây điên điển, bông súng kiếm miếng ăn qua ngày,

người già và trẻ nít quây quần bên nhau trên sàn hay trên nóc, cheo leo nguy hiểm. Chúng tôi ghé thuyền vào tận nơi tặng quà. Họ mừng rỡ cho chúng tôi biết đây là lần đầu tiên họ nhận quà cứu trợ. Chúng tôi vô cùng xúc động và ngạc nhiên, tự thấy mình là người may mắn được đến với đồng bào lâm nạn sớm nhất.

Đang mãi mê và sung sướng làm việc, thì bỗng một chiếc thuyền của Công an xuất hiện. Công an ra lệnh cho chủ thuyền đưa chúng tôi đến trạm thu thuế đường sông gần đó. Lúc ấy là 10 giờ sáng. Đồng bào ngơ ngác với niềm tuyệt vọng nhìn theo thuyền chúng tôi. Đến nơi, Công an gọi chúng tôi lên văn phòng. Họ hỏi tôi từ đâu đến, tôi đáp thành phố Hồ Chí Minh. Họ bảo đưa một phần quà cho họ xem, tôi cho người xuống thuyền mang lên, mỗi phần quà gồm 10 gói mì ăn liền và một bì thư tiền mặt 100.000 đồng (một trăm ngàn). Sau khi xem xét, Công an nói với tôi: "Tổ chức này không hợp pháp. Phải bỏ chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trên phong bì đi!". Tôi liền thắc mắc: "Ông không thấy đồng bào đói rét quanh các ông? Nước mênh mông bao vây dân, các cháu cho đến người già chơ vớ trên nóc nhà chờ phẩm vật cứu trợ? Sao ông nỡ bắt chúng tôi ngồi gói lại các gói quà cho hợp với luật lệ phi nghĩa như thế?". Tôi cũng đã hiểu ý ngay nên hỏi thẳng: "Như vậy có nghĩa là chúng tôi không được phép tặng quà cứu trợ cho đồng bào?". Ông công an gật đầu.

Tôi nói tiếp: "Những món quà này do Tăng, Ni, Phật Tử và Kiều bào từ nước ngoài gửi về nhờ Giáo Hội chúng tôi trao đến tận tay đồng bào lâm nạn. Bây giờ ông không cho chúng tôi làm việc này, xin quý ông viết cho chúng tôi mấy chữ, để tôi chuyển cho họ biết rõ lý do, nếu không họ sẽ trách cứ chúng tôi không thành tâm cứu trợ người hoạn nạn". Nghe tôi nói xong, ông công an bỏ phòng đi ra ngoài. Chờ lâu không thấy tin, vừa mệt vừa đau lòng vì cuộc tặng quà bị ngăn cấm, tôi xuống thuyền nằm đợi. Trong khi ấy, công an bắt các vị khác trong phái đoàn ngồi lại *làm việc* cho đến 22 giờ cùng ngày.

Khi trở lại thuyền, tôi thấy nhiều thuyền nhỏ đang áp sát vào thuyền chúng tôi; những bà mẹ bồng con đến xin cứu trợ. Nhưng công an đuổi họ đi. Họ năn nỉ, van xin bao nhiêu công an cũng không cho nhận quà. Thật chua xót biết bao! Kiểm soát lại, chúng tôi mới phát được 92 phần quà. Buổi chiều, công an tăng cường, bộ đội biên phòng ập đến súng ống đầy người, bao vây thuyền chúng tôi ngăn cản không cho xuống của nhân dân chèo đèo.

Đúng 21 giờ, công an lại gọi lên *làm việc*. Nhưng tôi mệt nên không lên. lát sau, một anh công an khoảng 20 tuổi, tay cầm đèn pin và một tờ giấy vào khoang thuyền ngồi cạnh nơi tôi đang nằm và nói: "Đề nghị anh Hai ký vào tờ biên bản này".

Tôi ngồi dậy nói với anh công an: "Này chú Ba, trời tối lắm, anh Hai không thấy gì hết. Nhờ chú Ba đọc cho anh Hai nghe trong đó nói chuyện gì?". Anh công an soi đèn pin đọc từng chữ. Họ, tên, quê quán của tôi viết sai tuốt. Chẳng hạn tên tôi là Tuệ thì đọc là "Tê", Quảng thì anh đọc là "Quan", v.v.... Rồi anh đọc tiếp sự việc tôi đến biên giới mà không có giấy phép, tôi đã vi phạm chương 2 điều 31 của bộ Luật về biên giới. Hồi sáng, công an phán rằng tổ chức Giáo Hội của chúng tôi không "hợp pháp" nên không được phép cứu trợ; tôi đề nghị viết mấy chữ xác minh, nhưng họ không làm. Bây giờ kết sang tội vi phạm luật biên giới. Đến hôm 11.10, khi tôi đang chuẩn bị viết Thông Bạch này, thì lại nghe các hãng thông tấn loan tin Bộ Ngoại Giao CHXHCNVN phủ nhận việc câu lưu tôi và phái đoàn cứu trợ, vu cáo chúng tôi chụp hình, quay phim trái phép của khẩu Campuchia. Người phát ngôn còn đối lập trắng trợn khi tuyên bố chúng tôi đã "ký biên bản thừa nhận hành vi vi phạm an ninh của mình", trong khi ấy tôi cũng như toàn thể các đoàn viên phái đoàn chẳng ai đặt bút ký cái việc vô lý ấy.

Bộ Ngoại Giao bảo "không có việc bắt giữ". Thế tại sao phải dùng súng ống, bộ đội và công an nạt nộ chúng tôi suốt 12 tiếng đồng hồ? Còn việc quay phim, chụp hình ư? Chúng tôi có làm việc đó. Nhưng không chụp hình, quay phim của khẩu Khánh An nơi biên giới Campuchia như Bộ Ngoại Giao cố kết, mà thực hiện ở xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, cách xa biên giới hàng chục cây số. Mà chúng tôi chụp hình gì? Chúng tôi quay phim, chụp hình những ngôi nhà ngập nước, những nạn nhân đang ngồi trên nóc nhà, những người già và các cháu thiếu nhi đang bó vớ đói rét, nhằm hai mục đích: chứng tỏ chúng tôi có đến tận nơi lũ lụt để cứu trợ người lâm nạn, và kêu gọi từ tâm của những Mạnh Thường Quân trong và ngoài nước tiếp tục giúp đỡ đồng bào. Các hình ảnh đau thương này từng xuất hiện trên truyền hình và báo chí của Nhà nước, thử hỏi có gì sai trái, phạm pháp? Chúng tôi không hề chụp hình, quay phim khi cầm địa. Những nơi đi qua, chúng tôi chưa từng thấy một tấm bảng nào niêm yết cấm chụp hình hay quay phim.

Cũng một sự kiện mà buổi sáng công an nói một cách, buổi chiều công an nói cách khác, rồi hôm nay đây Bộ Ngoại Giao hư truyền cách khác. Thế mới biết chính quyền này, từ trên xuống dưới, tất cả đều sợ sự thật như loài dơi sợ ánh sáng, nên cứ nói quanh co, von tròn, bóp méo, đổi trắng thay đen.

Trở lại việc ký biên bản vừa nhắc ở trên. Sau khi anh công an trẻ đọc xong biên bản, tôi liền nói: "Anh Hai không ký đâu, vì lý do các chủ kết tội anh Hai vi phạm chương 2 điều 31 của bộ Luật biên giới. Tội như thế, các chú phải truy tố anh Hai ra tòa xét xử phân minh, xét xử xong anh Hai sẽ ký. Còn ở đây, công an không phải quan tòa, không được quyền muốn bắt ai thì bắt, muốn hách dịch, áp bức ai thì tha hồ lộng quyền, chú Ba lên nói lại với cấp trên như thế". Anh công an rời thuyền ra đi. lát sau, một anh công an khác bước xuống, mở giọng nạt nộ: "Anh phải ký!". Tôi bảo: "Tôi chỉ ký trước tòa án, không ký ở đây!". Nghe lời đáp cũng coi của tôi anh ta bỏ đi. Sau đây, họ gây sự ép buộc tôi Thầy trong phái đoàn đang ngồi làm việc nơi văn phòng tạm thu thuế. Không một thầy nào chịu khuất phục ký tên, lại còn trả lời địch đáng. Bí quá, công an gọi ông bà chủ thuyền lên ký vào biên bản để làm chứng rằng chúng tôi "vi phạm luật biên giới"! Lúc đó đúng 22 giờ. Ép chủ thuyền ký xong, công an ra lệnh cho chúng tôi đi.

Tôi liền nói với công an: "Trời tối như mực, sông nước mênh mông, đường sông không an toàn. Chúng tôi đi cứu trợ, nhờ có kẻ gian biết chúng tôi mang tiền theo, thì ai bảo vệ chúng tôi? Đề nghị công an cho chúng tôi đậu ghe dưới lùm tre bên sông, mai trời sáng tờ sẽ đi sớm". Đám công an xằng giọng: "Các anh không được phép ở lại đây một phút nào nữa, phải đi ngay. Sống chết mặc các anh! Đi ngay!". Vừa hét vừa dùng dao cắt dây cột thuyền đẩy thuyền chúng tôi ra giữa dòng sông. Chúng tôi đành phó mặc cho sông nước trong bóng đêm dày đặc. Gần 24 giờ mới về tới nhà trọ ở thị xã Châu Đốc.

Suốt 12 giờ câu lưu trên sông, đêm khuya rét buốt, gió mạnh sóng lớn, tôi bị cảm nặng; sáng hôm sau toàn thân đau nhức, dậy không nổi, ho nhiều và nói không thành tiếng. Cho đến hôm nay ngồi viết Thông Bạch vẫn chưa khỏi hẳn.

Trên đây là chuyện xảy ra cho riêng tôi. Công an làm việc riêng từng người trong phái đoàn, thái độ hách dịch, dọa nạt, thiếu lễ độ, phi văn hóa và bất chấp luật pháp. Mỗi công an một vẻ nhưng mỗi phần giống hệt nhau. Sau đây là lời kể ghi trong Bản Tường Trình của bốn Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thích Long Trình, Thích Quảng Huệ và Thích Tâm Ân:

"Tại bến đò Châu Giang, Hòa Thượng Viện Trưởng cùng các Thầy đi giao quà tận tay người lâm nạn. Đồng bào đến rất đông, ai cũng nói: Lần đầu tiên mới trực tiếp được quà; lâu nay chỉ nghe các phái đoàn đem phẩm vật trao cho Ủy Ban Nhân Dân, Mặt Trận Tổ Quốc nhập kho để đó. Lâu lâu Đảng và chính quyền địa phương ra lệnh mới được phát. Nhưng quà đến tay đồng bào rất ít, thậm chí nhiều nơi chẳng được xó mủi gì.

"Càng vào vùng lũ lụt càng thấy tang thương. Dân kêu nhau ới ỏi, cùng nhau bơi xuống đến nhận phẩm vật từ tay Hòa Thượng Viện Trưởng và quý Thầy. Khi chiếc ca-nô hiện ra như hung thần bắt thuyền về trạm thu thuế đường sông. Hòa Thượng than: "Lại cấm Giáo Hội ta đi cứu lụt nữa rồi, cảnh năm 1994 tái diễn! Biết bao giờ đồng bào mới hết đói khổ?".

"Thuyền vừa cập bến Trạm thu thuế, một ông công an (đeo lon ba sao một vạch) thét: "Anh nào trưởng đoàn lên làm việc. Mau!". Thượng Tọa Thích Không Tánh đáp: "Anh làm công an là đây tỏ của nhân dân, mà sao xúng hồ thiếu lễ độ với người lớn tuổi? Trước vị Cao tăng đức độ như Hòa Thượng của chúng tôi đây, sao anh dám nạt nộ "anh này", "ông kia"? Anh không tôn trọng các bậc tu hành tôn giáo, thì sao dám bảo là "Tôn trọng tự do tín ngưỡng", "Kính già yêu trẻ"?

"Sau đó công an làm việc liên tục 5 đợt. Đợt đầu Hòa Thượng Quảng Độ, đợt 2 với Thầy Quảng Huệ, đợt 3 với Thầy Long Trình, đợt 4 với Thầy Không Tánh, đợt 5 với Thầy Hạnh Châu.

"Lúc làm việc xong với Hòa Thượng Thích Quảng Độ, vào 2 giờ trưa, công an làm việc với Thầy Quảng Huệ. Công an và Trưởng đội Biên phòng đem bản Nghị Định 34/TTCP (về Luật biên giới) tính đọc. Thầy Quảng Huệ chặn đứng và nói: "Các ông hãy dẹp chuyện đọc Nghị Định đi, vì Nghị Định này chẳng mang lại lợi ích gì cho việc cứu trợ đồng bào đang lâm nạn, mà các ông chỉ cần mở mắt là thấy ngay thảm cảnh quanh các ông, từ tình này sang tình khác suốt 16 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long: người chết, nhà ngập, dân tình khốn khổ, ruộng vườn tan hoang, cơm thiếu, áo không đủ che thân. Các ông có mắt mà không chịu thấy, có tai không lắng nghe tiếng dân than. Nếu bản Nghị Định này là bùa phép của Đảng làm cho nước lụt rút đi, người chết sống lại, thì tôi khâm phục và

dem Nghị Định tụng đọc cho mọi người cùng nghe. Hồi sáng nay Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo của chúng tôi đã nói với các ông: "Cứ lụt như cứu hỏa, các ông đòi hỏi giấy phép, vậy sự đời rét, chết chóc, dịch bệnh có chờ giấy phép không?".

"Thầy Quảng Huệ vừa dứt lời, công an nói xối xá: "Các ông là những kẻ làm cản, đến đây vi phạm biên giới, dĩ không xin phép chính quyền, không xin phép Mặt Trận". Thầy Quảng Huệ đáp ngay: "Biên giới cách đây mười mấy, hai chục cây số, làm sao chúng tôi vi phạm và vi phạm cái gì? Nếu có phải cứu trợ nhân dân Campuchia thì cũng tốt thôi. Hai nước có quan hệ hữu hảo mà! Đói khổ, lụt lội không có biên giới! Nghị Định biên giới của các ông chỉ cản trở sự sống của người dân, chỉ liên minh với thiên tai lũ lụt làm thành nhân tai cho dân Việt mà thôi. Xin các ông dẹp Nghị Định đi!".

Lúc này, ông Trưởng đội Biên phòng lên tiếng: "Đoàn các ông vi phạm 3 điều:

1. Vào biên giới không có giấy phép;
 2. Đi cứu trợ không thông qua Chính quyền, Mặt Trận;
 3. Vào đây phát quà với danh nghĩa Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là tổ chức Nhà nước chưa công nhận.
- Vậy yêu cầu Đoàn phải chấp hành luật của Nhà nước".

"Thầy Quảng Huệ trả lời: "Ồ đây là lãnh thổ Việt Nam, đâu phải biên giới mà phải xin phép? Luật của các ông là luật rừng, luật của kẻ cướp quyền trấn áp lương dân vô tội. Nếu Nhà nước có thực sự là Nhà nước pháp quyền thì làm chi có chuyện cấm tự do đi lại, cấm cứu trợ người đồng bào, làm chi có chuyện dùng đường buôn lậu, tham nhũng, quan liêu của quyền lực trung ương tôi địa phương? Chúng tôi không tuân thủ và chấp hành Luật không bỏ dân lành. Nói ông nghe, thực tâm chúng tôi cũng muốn đến liên hệ với Hội Chữ Thập Đỏ ở xã Vĩnh Hội Đông, nhưng chưa tới nơi các ông đã chặn bắt, câu lưu ở trạm thu thuế giữa sông. Chúng tôi đâu phải hạng người trốn xâu lậu thuế? Chúng tôi cùng với Hòa Thượng Viện Trưởng đi cứu người lâm nạn. Đây chính là âm mưu có chỉ đạo, có kế hoạch của nhà cầm quyền trung ương của các ông, nhằm mục tiêu thu vét hết phẩm vật, tiền bạc cứu trợ của chúng tôi, như đã làm năm 1994. Chúng tôi Đảng Cộng Sản và Nhà nước của các ông bất nhân, bất nghĩa với đồng bào ruột thịt đang bị thiên tai hành hạ. Luật pháp của các ông làm ra để hại dân hại nước, dù phục vụ tốt cho Đảng...".

"Đợt làm việc thứ 3 lúc 3 giờ chiều. Thầy Long Trình được triệu lên. Công an bảo: "Các ông đến đây tự do, bây giờ cho ra về tự do". Thầy Long Trình: "Chữ tự do của các ông nói nghe hay quá! Tự do mà câu lưu người ta hồi sáng tới giờ? Tự do ra về mà phải có lệnh của công an thì mới được ra đi? Đó là thủ tục từ tù ngục! Các ông bắt chúng tôi vào đây thẩm cung từ hồi mười giờ sáng, không có lý do, không có án lệnh của tòa án, như vậy là các ông phạm pháp. Tôi sẽ truy tố các ông. Bây giờ bảo về thì phải có giấy ký nhận, viết biên bản ghi rõ vì sao câu lưu chúng tôi, vì sao cấm chúng tôi cứu trợ đồng bào lâm nạn, chúng tôi vi phạm điều gì chiếu theo bộ Luật Hình Sự, lúc đó chúng tôi sẽ ra đi". Công an đáp: "Về xã hoặc huyện sẽ giải quyết". Thầy Long Trình phản ứng: "Bắt ở đâu giải quyết ở đó, không có chuyện lừa miếng như vậy. Đừng tưởng dễ bắt nạt chúng tôi".

"Phía Công an thấy khó giải quyết, liền gọi điện thoại lấy chỉ thị (chắc là ở cấp trên). Đồng lúc tăng cường bộ đội biên phòng, tập nập lính và súng ống nhằm uy hiếp Phái đoàn Viện Hóa Đạo. Thật khủng khiếp, y như bọn quan nha đến cướp nhà Vương Ông trong truyện Thủy Kiêu:

*"Người tay súng, kẻ hăm he,
Đầu trâu mặt ngựa, là nhè rượu say.
Hóa Đạo cứu trợ năm nay
Bị chặn, bị bắt, thảm thay vô vàn!
Đồng bào bị lụt lâm than,
Mà sao Nhà nước bạo tàn thế ni?
Nguyễn cầu Đức Phật tử bi
Cứu cho dân Việt một thì ấm no".*

"Bộ đội và công an đông tới số trăm, canh chừng cẩn mật bốn bên Trạm thu thuế trên sông, khiến dân chúng khiếp sợ. Công an mặt đáng đáng sát khí, bộ đội đi lại hung hăng. Trong đám họ có nhiều người say rượu, chân nam đá chân xiêu, ăn nói thô lỗ, cộc cằn. Lúc đó, một người trong đám cán bộ cấp tỉnh nói: "Hãy đem tất cả máy quay phim, máy chụp hình và thu bằng mang ra đây, nộp hết cho chúng tôi. Các ông coi chừng, chúng tôi sẽ khám xét ghe, còn cất giấu sẽ bắt đi tù!". Đoàn đem tất cả máy móc giao cho Công an. Lúc này đã 5 giờ chiều.

"Bốn người trong đám này tách ra, ăn nói tục tằn như bọn côn đồ đánh muỗi, chém thuê. Đó là các ông: Bùi Phong Giang, Trưởng đồn Biên phòng 941, mặt đỏ gay, thờ nòng hơi rượu, ngà chó chênh chោ; Huỳnh Văn Phú, Cán bộ, Mai Thanh Dũng, Phó công an xã; và Lê Hoàng Dũng, công an xã, đại diện phía chính quyền. Còn đại diện phía tang vật của Phái đoàn cứu trợ của Viện Hóa Đạo là hai Thượng Tọa Thích Quảng Huệ và Thích Long Trinh, ngồi nghe họ lập biên bản tịch thu máy móc và phim ảnh (Biên Bản đính kèm). Thoạt đầu họ quyết định tịch thu toàn bộ máy quay phim, máy chụp hình và phim ảnh. Nhưng chú Tăng quyết không chấp nhận. Giảng co nhau khá lâu, cuối cùng chỉ tịch thu phim ảnh. Đang lúc ký biên bản, thì một chú công an mặt dữ dằn hỏi Thượng Tọa Long Trinh: "Ồ đây, ông nào là Thích Không Tánh?". "Đó, vị mặc áo vàng đó, hỏi có chuyện gì không?" Thầy Long Trinh vừa chỉ tay vừa đáp.

"Công an chỉ mặt Thượng Tọa Không Tánh ra lệnh: "Ông vào đây làm việc. Đây là đợt làm việc thứ tư. Công an dẫn mặt: "Ông bị quản chế 5 năm, chưa hết hạn đã đi lung tung. Tôi làm biên bản, trực xuất ông ngay bây giờ, và tức khắc về địa phương cư trú, ông nghe rõ chưa?". Công an bắt Thượng Tọa lập biên bản vi phạm. Thượng Tọa hỏi ngược: "Vi sao các ông bắt nhốt Đoàn cứu trợ? Ông không có thẩm quyền, tôi không làm việc với ông. Chẳng lẽ ông Lê Khả Phiêu hay ông Chủ tịch nước tôi đây, tôi sẽ làm việc đảng hoàng. Năm 1994, tôi đã từng tuyên bố trước tòa là tôi không công nhận bản án 5 năm tù giam vì đi cứu trợ lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long hồi đó. Nhà nước không pháp quyền," tòa án không dùng luật pháp, nên tôi không chấp hành bộ Luật khủng bố dân của các ông. Tôi sẽ khiếu kiện từ Trung Ương ra tới Liên Hiệp Quốc, ông nghe tôi nói rõ chưa? Bây giờ ông giải thích tôi nghe lý do gì ông ngăn cản cứu trợ và bắt nhốt Phái đoàn chúng tôi? Các ông nghe gì và thấy gì từ ngày lũ ập xuống miền Cửu Long này? Nước cuộn mênh mông, nhà nhà bị ngập, người người bị chết, đói rách vô cùng tận. Các ông không thể độc quyền cai trị theo kiểu giết dân và đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, không cho Giáo Hội chúng tôi đi cứu trợ như vậy. Giao tặng phẩm cho các ông để các ông chia chác với nhau sao? Vì vậy chúng tôi phải trao tận tay đồng bào. Các ông không thể mãi mãi xem mạng sống của người dân như cỏ rác. Tôi kết tội các ông: Một là xem thường mạng sống đồng bào bị lũ lụt, không chịu ra tay tế độ; hai là miệng của Đảng và Nhà nước kêu gọi thể giới và mọi tầng lớp nhân dân tham gia cứu trợ, nhưng bàn tay của Đảng và Nhà nước ở khắp nơi ngăn chặn việc cứu người hoạn nạn". Công an giận vung trán, hét: "Ông không được nói nữa, tôi cấm ông nói! Ông là người bị quản chế, tôi làm giấy trực xuất ông ngay!".

"Nói rồi, kêu Thầy Hạnh Châu lên làm việc đợt thứ 5 vào lúc 5 giờ 30 chiều. Công an hăm dọa và thúc ép Thầy Hạnh Châu ký vào một văn bản công nhận tội. Thầy Hạnh Châu cương quyết từ khước và nói: "Các ông muốn bắt cứ bắt, muốn giết cứ giết, tôi không sợ và không ký vào giấy tờ bất hợp lệ". Nghe lời qua tiếng lại ồn ào, Thầy Long Trinh vào can thiệp: "Các anh quyền gì nạt nộ đi để tử của tôi như thế? Muốn gì ngồi xuống nói chuyện như người lớn đi. Phải quang minh chính đại, không được mở ám, cưỡng bức!". Công an cho Thầy Hạnh Châu rời văn phòng.

"Riêng trường hợp Thầy Tâm Ân thấy súng ống bao quanh cùng thái độ hung hăng của công an và cán bộ, Thầy liền ngồi thiền, nhập định, tịnh khẩu trong suốt 6 tiếng đồng hồ, cầu nguyện Đức Bồ Tát Quán Thế Âm giáng lâm cứu dân lành đang mắc khổ nạn.

"Điều đáng ghi nhận, là suốt thời gian Phái đoàn bị làm việc, bị khủng bố tinh thần, dân chúng chèo xuồng rất đông đến gần thuyền của Hòa Thượng Quảng Độ xin tặng phẩm. Các em bé xanh xao vì đói suốt bao ngày. Hỏi thăm mới biết, cha mẹ các em đi về các thị xã xin ăn, mong kiếm chút cháo nuôi con. Nhưng bộ đội đã bao vây ngăn cấm, công an còn dùng ca-nô rượt theo những xuồng mới được Hòa Thượng trao tặng phẩm, tịch thu quà trở lại!

"Trần gian mà thấy sao như địa ngục? Cảnh này đồng bào nói hải ngoại có thấu chăng? Đồng bào ở thành phố xa hoa có biết chăng? Hay chỉ nghe, chỉ tin các lời đường mật của Nhà nước mà giá trị không hơn không kém một mảnh giấy báo vô tình, hay hình ảnh truyền hình nói một đường làm một nẻo?

"Nước Việt Nam ngày nay có gì lạ? - Chỉ có những lời dãi bôi, giả nhân giả nghĩa, chỉ có bạo tàn và gian ác. Tiếng oan chỉ muốn vạch trời mà lên".

Kính bạch chư Tôn Đức,

Trên đây tôi trích lại một số đoạn trong Bản Tường Trình của Ban Tử Thiện Xã Hội thuộc Viện Hóa Đạo về sự thật đã xảy ra tại tỉnh An Giang, nơi chúng tôi đi cứu trợ từ ngày 6 đến ngày 11.10.2000. Nếu lời lẽ của bản Phúc Trình có khi cảm phẫn, kính mong chư Tôn

Đức và Phật tử cùng quý đồng bào trong và ngoài nước hoan hi thông cảm cho. Đó chỉ là sự trào dâng trong giây phút vì tâm tư các Thượng Tọa bị chia sẻ giữa nỗi khổ trầm thống của nhân dân và cảnh bất công phi lý của các cơ quan chức năng Nhà nước. Đã là sự thật thì không nên che giấu.

Ngày 8.10.2000, Thượng Tọa Thích Không Tánh bị công an thị xã Châu Đốc kêu đi làm việc, lại làm việc. Công an ra lệnh trực xuất về Sài Gòn trong vòng 3 tiếng đồng hồ. Viện cò cầm nặng sau 12 giờ câu lừ và hành trình trên sóng gió, công an triển hạn đến 12 giờ trưa ngày 9.10. Thượng Tọa rời Phái đoàn trở về Sài Gòn theo giờ giấc hạn định.

Thấy cảnh nhọc nhằn, cảm cúm, tôi khuyên các Phật tử tháp tùng Phái đoàn về Sài Gòn trước để nghỉ ngơi. Phần tôi cùng với các Thượng Tọa Thích Long Trinh, Thích Quảng Huệ, Thích Tâm Ân thì ở lại Châu Đốc, uống thuốc tịnh dưỡng hai hôm. Sáng ngày 11.10.2000, tôi và Phái đoàn lên đường hướng về Đồng Tháp và Long An tiếp tục công việc cứu trợ. Chẳng may trên đường đi, nước cuốn mạnh làm sập chiếc cầu, lưu thông tắc nghẽn, xe cộ phải nằm chờ, tôi đành lấy quyết định trở về Sài Gòn, họp Hội Đồng Viện, đúc kết kinh nghiệm vừa qua, vạch kế hoạch thủ ủng với tình hình hầu đầy mạnh công cuộc cứu trợ sắp đến.

Dù tính chất phi lý của Đảng và Nhà nước cấm cản một tổ chức tôn giáo, như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, cứu trợ đồng bào lâm nạn vùng đồng bằng sông Cửu Long, Viện Hóa Đạo quyết tiếp tục công tác này trong những ngày sắp đến. Đã tận tai nghe tiếng dân đói rách kêu than, đã chứng kiến tận mắt cảnh nước tiếp trời trôi giạt bồng bênh các cháu thiếu nhi, phụ nữ đến người già cả, mà ngaoàn ngổ làm ngơ, thì không xứng là người con Phật, người thừa kế nền Giáo lý Cửu khổ trừ nguy.

Cho nên trong tuần lễ tôi đây, Viện sẽ tiếp tục gửi nhiều đoàn về Miền Tây cứu lụt. Lần này không tổ chức thành đoàn lớn, mà phân nhiệm từng chùa, từng chú Tăng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cùng với Phật tử đi phân phát. Và sẽ vận dụng mọi phương cách "Tùy thuận" của đạo Phật, các đoàn sẽ thực hiện hạnh bố thí ba la mật hồng với bất niệm thống khổ của nhân dân.

Như trăm tuổi đời về sông, như trăm sông đổ về biển, các đoàn cứu trợ sẽ lên đường trong tuần lễ tới. Khi sức khỏe hồi phục, đích thân tôi sẽ lại tháp tùng một trong những đoàn cứu trợ ấy. Do nhu cầu cụ thể của đồng bào, cùng sự gọn nhẹ của các phái đoàn, lần này Viện chủ trương chi tặng tiền, mỗi phần quà nâng lên thành 150.000 đồng VN (một trăm rưỡi nghìn). Hiện nay mực nước rút rất chậm, theo công bố của Nhà nước, ít nhất đến cuối tháng 12 dương lịch nước mới rút hết. Ở An Giang mực nước còn cao tới 4 thước 29! Đồng bào lâm nạn rất cần xuồng để đi động và làm nơi trú thân. Đợt đầu, Viện đã đặt mua 200 chiếc xuồng, mỗi chiếc trị giá 500.000 đồng VN (năm trăm nghìn).

Vậy tôi xin cất lời kêu gọi chư Mạnh Thường Quân trong và ngoài nước hỗ trợ công tác phát xuồng và phát tiền này. Mỗi chiếc xuồng là một chốn lưu thân trên nước lũ; mỗi phần tiền là những lần độ nhật cho một gia đình lâm nạn.

Ở hải ngoại, tiền bạc cứu trợ kính xin chư Tôn Đức, quý Phật tử và quý Đôn bào viết chi phiếu đề tên "Ban Tử Thiện Xã Hội VHB" (Viện Hóa Đạo) và gửi về địa chỉ:

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo - Chùa Diệu Pháp

424 S. Ramona Avenue- Monterey Park, CA. 91754- , Hoa Kỳ
Ban Tử Thiện Xã Hội của Viện Hóa Đạo ở trong nước sẽ có thư tri ân và biên lai nhận tiền gửi đến quý Liệt vị mỗi khi nhận được.
Nay Thông Bạch.

Làm tại Thanh Minh Thiền Viện
Phật lịch 2544 - Ngày 16.10.2000

Viện Trưởng Viện Hóa Đạo
Sa môn THÍCH QUẢNG ĐỘ
(Ký tên và đóng dấu)

ĐẾN VỚI ĐỒNG BÀO VÙNG LŨ

● Tuệ Hạnh

Tháng này ở Việt Nam mới bắt đầu có những cơn mưa lớn, nhưng đồng thời ở Miền Tây lại tràn về một cơn lũ khác nghiệt. Nó xuất hiện ở đồng bằng sông Cửu Long năm 1986 và năm nay trở lại nơi này sớm hơn, với sức tàn phá khốc liệt hơn. Nhưng những thông tin này cũng nhanh chóng đến với Kiều bào tại Đức, những cánh chim Việt đã rời tổ ấm quê hương bay vào bầu trời rộng lớn. Nhưng đáng đởng suốt cả cuộc đời, những cánh chim ấy vẫn hướng về nơi chôn nhau cắt rốn, không sao nguôi được nỗi nhớ thương da diết:

Thương quê mình... mảnh đất nghèo khoai sắn
 Thương mẹ công lụng tần tảo sớm hôm
 Người nông dân bên thửa ruộng nhọc nhằn.
 Đời thiếu thốn vẫn triển miên mờ mịt.

Thế nên, dưới sự lãnh đạo của Thượng Tọa Viện Chủ Chùa Viên Giác ở Hannover và Sư Bà Trụ Trì Chùa Bảo Quang ở Hamburg, Kiều bào Phật Tử Việt Nam tại Đức Quốc đã dành dụm, san sẻ miếng cơm manh áo của mình để gửi về cho đồng bào ruột thịt những lúc nguy nan.

Như đã định, 16 giờ ngày 05.10.2000 mọi người đã tập trung ở chùa Bảo Vân, để chờ xe đến đón. Ni Sư Trụ Trì chiêu đãi mọi người rồi tất cả lên đường đến với đồng bào bị lũ lụt tỉnh An Giang. Lần thứ nhất chúng tôi đã đến các xã Phú Hòa, Trí Tôn thuộc Huyện Thoại Sơn; lần thứ hai chúng tôi hướng về các xã Phú Lâm, Long Sơn thuộc huyện Tân Châu cũng tỉnh An Giang.

An Giang là một trong ba tỉnh bị lũ lụt làm thiệt hại nặng nề nhất về người và tài sản. Tổng giá trị thiệt hại toàn tỉnh là 32 tỷ đồng VN, 11 người chết, 75% dân cần cứu đói cấp thiết, các trường học đều đóng cửa, đường sá bị sạt lở, mạng lưới giao thông bị tê liệt nhiều nơi. An Giang lại là một tỉnh xa, gần như cuối đường đất nước, nên rất ít các đoàn từ thiện viếng thăm.

Đúng 17 giờ xe bắt đầu lăn bánh, đưa chúng tôi dần xa khỏi thành phố, xuôi về Miền Tây, xứ sở của sông nước mênh mông. Đến Long An, mưa bắt đầu nặng hạt rồi lớn dần, rồi như trút nước, gió rít từng cơn làm rát cả mặt mày. Thế là chiếc xe không thể chạy nhanh được nữa, nó phải bò từng chập, trườn từng đoạn vì đường ngập nước lại công trên lưng hơn 1,5 tấn gạo, với vỏ số mì gói, nước tương, quần áo cũ cùng với 30 tấm lòng nòn nóng hướng về đồng bào vùng lũ. Càng gần An Giang, đường càng khó đi. Có đoạn nước ngập đến nửa bánh xe, có đoạn xe bị lún, hi hục lắm chúng tôi mới nâng lên được để tiếp tục cuộc hành trình. Tuy thời tiết quá xấu đường đi có trở ngại, nhưng rồi chúng tôi cũng đến được An Giang khi trời hồng sáng. Từ đây, chúng tôi tiếp tục men theo các con đường sinh lầy để về các xã Phú Lâm, Long Sơn thuộc huyện Tân Châu.

Có đi như thế này, chúng tôi mới thấy được hai bên đường, dưới những rặng dừa là những ngôi nhà lá xác xơ. Nổi có cục, khó khăn hiện ra qua từng bức vách, từng tấm phên rách nát, che chắn tạm bợ. Họa hoằn lắm mới có một trụ ăng-ten truyền hình vươn lên từ một mái nhà. Vùng đất này chẳng thấy nhiều sông nước, do vậy việc đi lại bằng đường bộ của người dân rất đổi khó khăn. Vậy mà đồng bào đã sẵn chờ và đón chúng tôi bằng những giọt nước mắt tủi cực, bằng sự nghẹn ngào xúc động, bằng sự khắc khoải chờ trông. Bởi đã gần 2 tháng rồi, họ phải sống trong đói và lạnh.

Dòng nước bạc biến thành lang

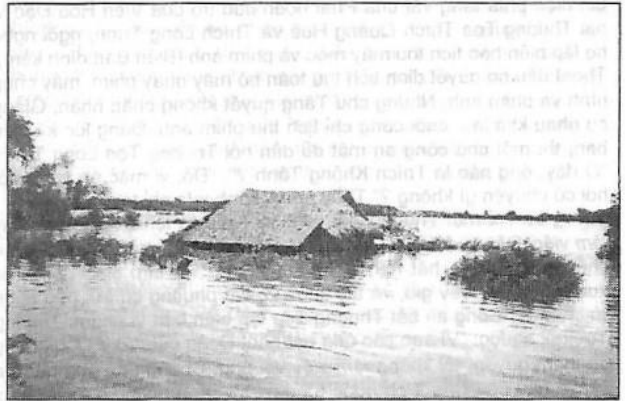
Số phận người chột mỏng đường tở

Mỗi bước đi, chúng tôi đều bắt gặp những cảnh đời làm xốn xang lòng người: Kia những cụ già dưới chiếc nón trời, tay cầm chiếc bao, run rẩy từng bước đến nhận quà cứu trợ. Đó đây các em bé trong chiếc áo mong manh, ứa đến chia tay xin kẹo. Và đây nữa, các phụ nữ, tay nách con, hồi hà trong mưa, tìm đến chúng tôi kể lể nỗi đau mất mát. Đau đầu chúng tôi cũng thấy những đôi mắt buồn rầu sợ hãi, những tấm thân tiêu tụy nghèo nàn, nhưng phảng phất nét thật thà chơn chất.

Vừa xong việc phát quà cứu trợ cho đồng bào, thì màn đêm cũng vừa buông xuống. Chúng tôi chuẩn bị lên xe để trở về thành phố. Nhìn lại lần nữa mảnh đất hoang tàn vì lũ, lòng tôi se lại, nước vẫn lại lãng mênh mông. Điều đó có nghĩa là đồng bào nơi đây vẫn phải tiếp tục thiếu thốn, chịu đói và lạnh chưa biết đến lúc nào ! Thời nhé!



Chào tất cả, chào cảnh đời nghiệt ngã
 Chào xóm làng, chào xứ sở thân yêu
 Xin hãy nhớ dù phương trời cách biệt
 Vẫn trong lòng ngọn lửa sáng quê hương.



Vùng lũ lụt tại huyện Vĩnh Hưng - Tỉnh Long An

GHI NHẬN : CỨU TRỢ AN GIANG

Xót xa trước cảnh đời lầm than của đồng bào bị lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, vừa nhận được sự quyên góp của Kiều bào tại Đức, chúng tôi lên đường đến với đồng bào tỉnh An Giang. An Giang là 1 trong 3 tỉnh bị thiệt hại nặng nề nhất về người và tài sản. Tổng trị giá toàn tỉnh khoảng 32 tỷ đồng VN, 11 người chết, 75% dân cần cứu đói cấp thiết, các trường học đều đóng cửa, đường sá bị sạt lở, mạng lưới giao thông bị tắc nghẽn nhiều nơi. Đến với An Giang, chúng tôi đi làm 2 đợt:

Đợt 1: Chúng tôi đi vào ngày 02.10.2000, ủy lạo các xã Phú Hòa, Trí Tôn thuộc huyện Thoại Sơn. Với 150 phần quà. Mỗi phần quà trị giá 120.000 đồng VN bao gồm: Tiền mặt, gạo, mì gói... như lần trước.

Đợt 2: Ngày 5.10.2000, ủy lạo các xã Phú Lâm, Long Sơn huyện Tân Châu 150 phần quà. Với phần quà giá 120.000 đồng, bao gồm: Tiền mặt, gạo, mì gói... như lần trước.

Vậy tổng cộng cả hai đợt viếng thăm và ủy lạo cho đồng bào tỉnh An Giang là 36.000.000 đồng VN (Ba mươi sáu triệu đồng VN). Đồng bào thật vô cùng tri ân và xúc động khi nhận được những món quà mang nặng tình người của quý liệt vị ân nhân tại Đức "Thấy người khổ nạn khó qua, lòng mình đau xót như là khổ chung". Cuối cùng chúng con đồng thanh cung chúc Thượng Tọa và Sư Bà "Thân Thọ Phước trường lưu, Trí Tuệ hải hà minh, rạng soi tử chúng". Cũng không quên kính chúc quý Kiều bào tại Đức: "Phước Lộc Thọ trường, Bồ Đề tâm tăng trưởng".

Kính ghi,
 Tuệ Hạnh

**TƯỜNG TRÌNH CÔNG TÁC CỨU TRỢ
CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HẢI NGOẠI TẠI ÚC ĐẠI LỢI - TÂN TÂY LAN**



Lũ lụt tại đồng bằng sông Cửu Long

Trong tháng 10 vừa qua Giáo Hội đã có 3 phái đoàn về tận nơi bị lũ lụt xúc tiến công tác cứu trợ, đem đến cho hàng ngàn gia đình món quà tình thương do đồng bào Phật tử tại Úc Đại Lợi gửi tặng. Do chú Tăng, Ni và quý Phật tử thiện nguyện vượt qua những trở ngại khó khăn thực hiện công việc tốt nhằm xoa dịu phần nào những bất hạnh của thân nhân những đồng bào lâm nạn; cũng như giúp một phần phương tiện cần thiết bằng những chiếc xuồng tay chèo để đi lại trên sông nước.

I. Bản tường trình của anh Huệ Nghiêm (Vic) có đoạn như sau:

- Ngày 13.10.2000 Đại Đức Thích Nguyên Tạng đã dẫn đầu phái đoàn đến cứu trợ xã Bình Hàng Trung huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; hợp tác cùng TT. Thiện Phước chùa Bửu Lâm phân phát 600 phần quà mỗi phần gồm 1 tấm bạt che mưa, 1 cái mền, một bịch quần áo, 10 ký gạo, 10 gói mì, 1 gói thuốc Tây và tiền mặt 100.000đ. Tổng cộng là 120 triệu đồng VN.
- Ngày 24.10.2000 phái đoàn đến xã Bình Hòa Tây huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An phân phát 500 phần quà trị giá mỗi phần cũng như lần trước. Tổng cộng là 100 triệu đồng VN.

Số tiền đã ủy lạo là 220 triệu đồng VN do các chùa Pháp Bảo (Sydney), Tu Viện Vạn Hạnh (Canberra) và Tu Viện Quảng Đức (Victoria) thuộc Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan, gửi về trực tiếp cứu trợ tại hai tỉnh bị lụt vùng đồng bằng sông Cửu Long.

... Trước thực trạng khổ đau hiện nay, người dân bị thiên tai nơi ấy đang rất cần đôi bàn tay và tấm lòng rộng mở của chúng ta. Họ đang cần thức ăn, nước sạch và xuồng ghe để đi chuyên. Và... chúng tôi hy vọng các đoàn thể tôn giáo, xã hội, các giới và đồng hương tại Úc Đại Lợi tiếp tục tiến trình vận động, chia sẻ nỗi khổ đau nhọc nhằn của đồng hương chúng ta tại quê nhà để giúp họ nhanh chóng vượt qua cơn thiên tai thảm khốc này...

II. Bản tường trình của anh Tuệ Quán (Sydney) có đoạn viết:

Phái đoàn do Đại Đức Thích Như Định, chùa Thiên Ấn đi từ Sydney ngày 8.10. Ngày 9 & 10.10 đi phát quà tại tỉnh An Giang (Long Xuyên) huyện Phú Tân, xã Phú Thọ 280 phần và xã Phú Xuân 220 phần quà. Mỗi phần gồm thuốc Tây và tiền mặt 100 ngàn đồng VN. Thăm và ủy lạo 24 căn nhà bị sập, mỗi căn 500 ngàn đồng và 6 gia đình người bệnh, mỗi gia đình 500 ngàn đồng. Tất cả là 65 triệu đồng.

- Ngày 11.10 đoàn đi tỉnh Đồng Tháp, huyện Thanh Bình phát tại hai xã Bình Thành và Bình Tấn (sát biên giới Miên) 500 phần quà. Mỗi phần gồm thuốc Tây và 100 ngàn đồng; cũng như thăm viếng 6 gia đình có người chết, tặng mỗi gia đình 500 ngàn đồng và 11 gia đình nghèo 14 chiếc xuồng là 9 triệu 800 ngàn đồng. Tất cả là 62 triệu 800 ngàn đồng.

- Ngày 12.10 đến huyện Tân Hồng (cách biên giới 5 km) phát 400 phần quà, mỗi phần 100 ngàn đồng. Tất cả là 40 triệu đồng và 5 chiếc xuồng là 3 triệu 500 ngàn đồng.
- Ngày 13.10 do Thượng Tọa Phước Tôn chùa Sơn Thắng hướng dẫn đến huyện Tam Bình 2 xã Tân Long và Phú Lộc phát 300 phần quà. Mỗi phần là 100 ngàn đồng tiền mặt. Tổng cộng là 30 triệu đồng.
- Ngày 14.10 phái đoàn đi huyện Bình Minh tỉnh Vĩnh Long ủy lạo 50 gia đình Sóc Miên tổng cộng trị giá là 10 triệu đồng và những gia đình có người bệnh 5 triệu đồng.
- Ngày 15.10 phái đoàn đến tỉnh Tiền Giang xã Điền Hy phát 300 phần quà và thuốc Tây. Mỗi phần là 100 ngàn đồng và 10 triệu đồng cho những gia đình nhà bị tróc nóc. Tại đây có 600 căn nhà đều bị lốc cuốn phăng đi mất hút...
- Ngày 16.10 đoàn đến huyện Mộc Hóa tỉnh Long An phát 500 phần, mỗi phần 100 ngàn đồng và 14 xuồng. Tất cả là 65 triệu đồng.
- Ngày 20.10 đi tỉnh Đồng Tháp huyện Tam Nông phát 19 chiếc xuồng cho 19 gia đình, mỗi xuồng là 600 ngàn đồng. Tất cả là 11 triệu 400 ngàn đồng.
- Ngày 26.10 cũng tại Đồng Tháp, đoàn phát 31 chiếc xuồng, mỗi xuồng 600 ngàn đồng. Tất cả là 18 triệu 600 ngàn đồng. Hai lần phát ngày 20 & 26.10 gồm 50 chiếc xuồng trị giá 30 triệu đồng.

- Ngày 27.10.2000 đoàn đến huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang phát 300 phần quà, mỗi phần là 100 ngàn đồng. Tất cả là 30 triệu đồng và 10 chiếc xuồng trị giá 6 triệu đồng (Tuệ Quán tường thuật). Phái đoàn ĐĐ Thích Như Định gồm có anh Tuệ Quán, cô Từ Anh (Hoa), ông bà Nhường, TT Phước Tôn, Thầy Minh Ngạn, Thầy Minh Phước, ĐĐ Như Tiến, ĐĐ Như Tâm, Sư cô Diệu Nghiệm, Bùi Anh Lộc, anh Dũng, Lê Anh Tuấn. Phái đoàn về lại Sydney ngày 29.10.2000 và cứu trợ tổng số tiền là 486 triệu 200 ngàn đồng VN, từ các chùa : Pháp Bảo \$15,500, GDPT Pháp Bảo \$2000, GDPT Chánh Pháp \$2152, Thiên Ấn \$19.700, Pháp Hoa \$5.000, Viên Giác và Phật Tử Đức Quốc \$2.000, Phổ Quang \$3.000, Liên Hoa \$2.500, HT Thích Giác Nhiên \$6.300, Pháp Quang 25.000.000 đồng VN, Vạn Hạnh 60.000.000 đồng VN.



Đại Đức Thích Như Định (chùa Thiên Ấn Úc) đang phát xuồng cứu trợ cho đồng bào bị lụt tại đồng bằng sông Cửu Long.

III. Phái đoàn do ĐĐ Quảng Nghiệm, chùa Phước Hậu Sydney, đi ngày 13 & 14.10, cùng với ĐĐ Chơn Tài, TT Tịnh Triệt... đến tỉnh Đồng Tháp phát 400 phần quà. Mỗi phần gồm 10 ký gạo, mì gói, nước tương và 200 ngàn đồng tiền mặt.

Văn Phòng Tổng Thư Ký HĐĐH đúc kết 3 đoàn cứu trợ của Giáo Hội đã nhiệt tâm làm việc tại chỗ và phân phát hơn 400 phần quà và 80 chiếc xuồng cho hàng ngàn gia đình lâm nạn. Tổng số tiền đã phân phát cho đồng bào là 806 triệu 200 ngàn đồng VN. Mong rằng quý đồng hương tại Úc Đại Lợi tiếp tục hỗ trợ cho công cuộc cứu trợ này; gửi về các chùa địa phương để nhờ gửi tới những người lâm nạn chưa được cứu giúp.

Chân thành cảm tạ
(Ngày 1 tháng 11 năm 2000)

Ba ngày ở Yên Bái trôi qua nhanh chóng. Trăng tròn rồi khuyết. Có hộp thì có tan, chuyện đầy vơi bao giờ cho hết. Chúng tôi chia tay với mọi người, hình như nước mắt chỉ dành cho phụ nữ. Những đôi tay lú lút vẫy chào.



Chiếc xe đồ đã chuyển bánh, rừng núi reo lời tạm biệt, không gian như có sợi dây, những sợi dây mong manh như sương như khói giã dài theo khoảng cách xa dần. Vài chiếc xe gắn máy chạy theo. Đến ngã ba Cát Lem chúng tôi lại chia tay một lần nữa. Qua khung cửa, người ngoài xe, trong xe nhìn nhau quyến luyến, nét mặt rạng rỡ, nụ cười trên môi mà nước mắt đang thấm chảy trong lòng. Ngọt ngào mà mặn đắng. Ôi, quê hương là thế đấy!

←←← Ban Từ Thiện - Đại diện chùa Linh Thủy Berlin phát xe lăn cho người tàn tật ở Việt Nam)

ƯỚC MƠ

Qua cơn mưa vừa dứt, ở quán nước nhỏ ven đường, chị Hai cúi xuống công chồng, đôi chân teo tóp của anh quặp gọn vào hông vợ, một tay anh cầm nạng, một tay cầm xấp vé số. Người đang bàn thân, chị Hai thậm trọng bước ra đường. Máy hôm nay dầm mưa đi bán chị muốn cảm rồi, sức nặng của anh chồng như nặng hơn trên vai vợ, chị ước gì sắm được cho chồng một chiếc xe lăn.

Cách đây 25 năm, chị Hai đang sống bình yên trong một ngôi chùa nhỏ ở Củ Chi. Thuở ấy, có một thanh niên khuôn mặt trắng trẻo, thông minh, hàng ngày vẫn khắp khênh trên chiếc nạng đến chùa tụng kinh, lễ Phật. Tánh tự trọng và sức tiếp thu kinh điển nhanh chóng của anh đã gây sự chú ý cho mọi người. Khi hiểu hoàn cảnh cô cút phải sống nương nhờ bà con của anh, chị Hai đã hết lòng giúp đỡ. Ngày qua ngày, đến một lúc cảm thấy không thể để anh một mình cô đơn, khốn khổ, chị đã tự nguyện cùng anh chia xẻ đắng cay, ngọt bùi cho đến hết cuộc đời. Sư Bà trụ trì cũng không thể nào ngăn cản nghiệp lực của chị. Sống với nhau, anh chị luôn được sự giúp đỡ của gia đình chị và bà con láng giềng. Hạnh phúc hơn khi hai cháu trai lần lượt ra đời. Tuy nhiên cuộc sống ngày càng vất vả, gia đình chị mỗi lúc một khó khăn hơn. Anh luôn ray rứt cho rằng mình đã trở thành gánh nặng cho vợ. Có lần anh đến một ngôi chùa, xin Thầy tế độ. Thầy trụ trì bảo là phải có sự đồng ý của cha mẹ hoặc vợ, Thầy mới nhận. Từ khi biết được ý định của anh, chị Hai đau khổ đến cùng cực, chị không thể nào thiếu anh được, anh chồng tội nghiệp này đã là cả cuộc đời của chị. Cứ nghĩ đến xa nhau là đã muốn chết rồi, giờ đây hai người chỉ biết cầu Trời khẩn Phật.

Thật là cảm ứng linh thiêng, "*cùng tác biến, biến tác thông*", tình cờ có một ông chủ đại lý vé số ở thành phố biết hoàn cảnh gia đình chị, đã nhận giúp đỡ cho anh đi bán vé số, lại tìm cho nơi ăn chốn ở với giá thật rẻ. Thế là anh chị đi đâu dắt nhau xuống phố thị làm ăn, còn hai đứa bé tạm thời gởi cho mẹ chị. Nhưng vốn ốm yếu lại với chiếc nạng anh không thể nào đi suốt một mình khắp hang cùng, ngõ hẻm; còn chị cũng không thể nhìn anh vất vả như thế! Suy nghĩ mãi, chị lại tìm ra cách công anh trên vai. Thế là ổn! Hạnh phúc lại tràn đầy, nắng mưa, bệnh hoạn, đói khát không lúc nào chia lìa nhau. Mỗi ngày có khí công nhau bán đến hai giờ khuya, được khoảng ba, bốn chục ngàn đồng. Tần tiện để còn gởi về lo cho hai con, anh chị không còn mong gì hơn nữa.

Gần một năm trôi qua, thời gian đã làm cho hai người rám nắng phong trần. Nếu không nhìn xấp vé số trên tay, người ta sẽ nghĩ rằng đây là hai người hành khất. Còn chị lúc này sức khỏe đã kém hơn trước, chị vẫn ao ước có một chiếc xe lăn để không phải một mình chị mà cả hai người đỡ vất vả hơn. Máy hôm trước nghe có ngôi chùa ở đường Vạn Kiếp phát xe lăn. Hai người công nhau đến

trình bày hoàn cảnh. Sau được Ni Sư trụ trì hứa sẽ tìm cách giúp đỡ, chị đã mừng đến phát khóc, hy vọng tràn đầy. Mặc dù chùa là nơi chị đã bỏ ra đi, nhưng lại là nơi anh chị luôn hướng về, chị tin tưởng Đức Phật tử bi luôn hộ trì anh chị. Chị cầu nguyện cho ƯỚC MƠ biến thành hiện thực. Hôm công chồng ra khỏi chùa cũng có những giọt mưa lất phất trên vai, chị cảm thấy nhẹ nhàng. Trời vẫn mưa và cây cỏ vẫn xanh màu, màu xanh của tình người bất tận.

● Như Giác

CHƯƠNG TRÌNH PHẬT HỌC 4 NĂM TẠI TU VIỆN VIÊN GIÁC

Lời mở đầu: Để tạo nhân duyên cho những người sẽ và đang phát tâm xuất gia, Tu Viện chùa Viên Giác tại Hannover đang xúc tiến một chương trình tu học cho các Tăng Ni sinh như sau:

A- Thành phần và điều kiện

- 1/ Tăng Ni sinh và tập sự xuất gia.
- 2/ Từ 18 tuổi trở lên.
- 3/ Được Bôn Sư bảo trợ và giới thiệu.
- 4/ Qua cuộc phỏng vấn tuyển chọn của Ban Giám Viện, để tìm hiểu động cơ và tâm nguyện.

B- Hồ sơ cá nhân

Trước khi xuất gia và nhập học Ban Giám Viện cho thực hiện hồ sơ cá nhân của mỗi học viên TNS, hồ sơ ghi rõ tên tuổi, cha mẹ, học lực năng khiếu và động cơ xuất gia tu đạo, ước nguyện, ý chí, ngày xuất gia, danh hiệu Bôn Sư...; hồ sơ này phải luôn cập nhật hóa để theo dõi diễn tiến trong thời gian tu học và sự nghiệp hoàng pháp sau này - Hồ sơ cá nhân giúp Ban Giám Viện và Giáo Hội trong việc tuyển chọn và đào tạo Tăng tài cho đạo pháp sau khi ra trường - Trong hồ sơ không quên có mục cảm tưởng và đánh giá của vị phỏng vấn khi chấp nhận đồng ý tham gia phát tâm tu học.

C- Nội dung

Chương trình Phật học có 3 phần chính; cốt đào tạo con người trở thành tu sĩ luôn luôn trưởng dưỡng số tâm xuất gia: thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh - nói cách khác phải đủ tư lương khả dĩ cho hành trình giải thoát và hạnh nguyện đối với tử ân, cùng hạnh nguyện phục vụ - trong thời gian tu học TNS phải được sự hướng dẫn quyết tâm thể hiện: với quá khứ biết ơn, hiện tại tinh tấn tu học, tương lai phục vụ với tâm bồ đề - đồng thời phải thực tập thượng yếu đùm bọc lẫn nhau, làm tăng trưởng tinh thần đồng và phục vụ, không sống trong ốc đảo cá nhân - tinh thần Lục Hòa phải được nêu cao và phải áp dụng thực tập thường xuyên - không lý thuyết mà phải thực hiện bằng hành động qua nếp sống hằng ngày trong mọi sinh hoạt: tu học, giao tế, chấp tác, giải trí ...

Đây là 3 phần chính yếu trong thời gian tu học:

I- Tu:

Áp dụng và thực tập đạo lý Phật Đà trong đời sống hằng ngày của tu sinh bằng cách: Công phu, bái sám và thiền tập trong tứ oai nghi - đồng thời thể hiện phong thái, tư cách sống đạo theo sáu phép hòa kính:

- 1- Phải tập sống chung tập thể: ăn mặc phải cùng một hình thức màu sắc giống nhau, trong mọi sinh hoạt;
- 2- Cử xử phải luôn luôn thực tập ái ngữ, không tranh cãi;
- 3- Cử mỗi 2 cuối tuần phải có một buổi họp chung hoặc trà đàm để cùng nhau trao đổi kinh nghiệm tu học, giải tỏa thắc mắc nếu có; lấy quyết định chung sự kiện đã qua hay đề án mới;
- 4- Trong chúng phải đồng tâm nhất trí trên tứ thái và thể hiện cho bằng được tâm vô lượng thứ 3 và 4: hỷ và xả;
- 5- Phải thực hiện và duy trì Bồ Tát (*tung giỡ*) những cốt làm sao tạo sinh khí theo đúng tinh thần giới luật, đừng biến thành thông lệ thiếu ý nghĩa;
- 6- Tài chánh do Phật tử cúng dường hoặc tiền bạc cá nhân, phải gởi vào quỹ chung: đề cao và thực hiện tinh thần, lợi hòa đồng quán.

II/ Học:

Riêng tại Stuttgart có 14 PT quy y (2 nam - 8 nữ - 2 thiếu nam - 1 thiếu nữ và 1 em bé trai 3 tháng) trong đó có PT Trần Ngọc Diệp ở Stuttgart xin quy y cả gia đình, gồm chồng, vợ và 2 con.

Trà đàm:

Tại mỗi địa phương có một đặc thù hình thức tổ chức riêng. Reutlingen thì ngồi trên ghế, còn Stuttgart ngồi sàn gỗ, nhưng nội dung cũng giống nhau. Ngoài việc giải đáp câu hỏi về Phật Pháp, còn có phụ diễn văn nghệ để gây thêm không khí vui nhộn.

Tại Reutlingen do Ni Sư Như Viên và Đại Đức Hạnh Từ hướng dẫn, với ít câu hỏi được nêu ra và được hai vị chủ trì giải đáp thỏa mãn. Về phụ diễn văn nghệ có nhà thơ Đan Hà hát bài "*Có phải chiều nay ra miền Trung...*" rất ngọt ngào, nhà văn Vũ Nam kể một chuyện vui cười nôm nạc, Diệu Phước với 6 câu vọng cổ, ca muối dáo để, Tấn Cảnh và Duy Hoàng thì ngâm thơ rất truyền cảm...

Còn tại Stuttgart được Thầy Viên Giác chủ trì và giải thích, phân tích rõ ràng nhiều câu hỏi theo đúng Chánh Pháp. Về chương trình văn nghệ có cụ bà Lưu Thị Diệp, tuy đã gần 80 tuổi, cũng đóng góp mấy bài thơ do Cụ sáng tác và tự đọc, được bà con tán thưởng nồng nhiệt. Ngoài ra còn có Thanh Vân với bài "Ai ra xứ Huế" ca rất điêu luyện, Diệu Phước có biệt danh Út Bạch-Lan cũng trở tài với 6 câu về Đạo Pháp.

Trai phạn

Phương thức tổ chức tại mỗi địa phương có một sắc thái riêng. Tại Reutlingen thì Quá Đường và Vãng Thực (cháo chiều) của ngày Thọ Bát 4.11 được Ban Trai Soạn cúng dường toàn bộ. Món cháo được bà con khen ngon dáo để.

Bữa Tào Thực (điểm tâm) do gia đình PT Ngọc Dung cúng dường. Còn bữa cơm trai trưa chủ nhật 5.11 được một số Phật Tử cúng dường mỗi người một món, như Diệu Phước: 1 nồi canh chua; Ý Ba và Ý Kỳ: 1 nồi kiem; Lâm Kiến Huệ: 10 ký mắm chay; Ý Kỳ và Hồng, Chi: 1 nồi thức ăn kho mặn và cơm trắng.

Còn tại Stuttgart do Ban Trai Soạn đảm trách. Đặc biệt món bánh canh sáng chủ nhật 12.11. rất hợp khẩu vị điểm tâm.

Phật sự ngoài chương trình

Niệm Phật Đường :

Để đáp ứng những nhu cầu Phật sự tại 3 địa phương Reutlingen - Stuttgart và Rottweil, Thầy Viên Giác có tâm nguyện thành lập tại đây một Niệm Phật Đường, với mục đích tạo dựng:

- Một chánh điện để Phật Tử và đồng bào 3 vùng đến cầu nguyện, dâng các lễ Phật như Cầu An, Cầu Siêu, Tuần Thất, Tiểu Tường, Đại Tường, Sám Hối v.v...

- Một nơi tu học Phật Pháp, với sự hướng dẫn của chư Tôn Đức.

- Một địa điểm cố định cho Phật Tử đến tổ chức sinh hoạt.

Thầy đã ủy nhiệm cho ĐH Thiện Hậu, Chi Hội Trưởng Chi Hội Reutlingen xúc tiến Phật sự quan trọng này. Do đó, trong dịp Chi Hội Reutlingen và Ban Liên Lạc Phật Tử Stuttgart tổ chức các lễ Phật, ĐH Thiện Hậu đã kêu gọi bà con phát tâm hỗ trợ và đã được một số đồng hương ủng hộ nhiệt tình.

Tại Reutlingen, Rottweil và vùng phụ cận, có 47 Phật Tử cúng dường vô hạn định hàng tháng với số tiền là 790 DM. Còn tại Stuttgart và vùng phụ cận, có 27 Phật Tử với số tiền là 430 DM. Cộng chung được 1.220 DM. Công việc vận động bảo trợ Niệm Phật Đường đang còn tiếp tục. Còn địa điểm tạo dựng Niệm Phật Đường là Reutlingen hoặc vùng phụ cận.

Mặc dù chưa có thùng Phước Sướng của Niệm Phật Đường nhưng cũng đã có 7 Phật Tử cúng dường. Đó là ĐH Diệu Kim ở Fürth 100 DM, ĐH Diệu Hoa 50 DM, 1 ĐH vô danh 50 DM, ĐH Âu Thanh Liêm ở Stuttgart 20 DM và các ĐH Kiều My, Lê Cyndy và Trần Jenny Ha ở Nürnberg 30DM.

Cứu trợ nạn lụt Miền Tây

Tuần hành Thông Bạch Cứu Trợ của Hòa Thượng, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, tại hai Đạo Tràng Reutlingen và Stuttgart, ĐH Thiện Hậu đã kêu gọi lòng từ tâm trên tinh thần *lá lành đùm lá rách* cứu giúp đồng bào thân nạn tại Miền Tây do lũ lụt gây ra và đã được sự

hưởng ứng đóng góp một số tịnh tài trong đợt đầu như sau: Tại Reutlingen được 5.435 DM và tại Stuttgart được 2.598 DM.

Đặc biệt gia đình Trần Lâm ở Tübingen đã đóng góp bảo trợ 1.500 DM tại Chi Hội Reutlingen, còn đóng thêm tại Ban Liên Lạc Phật Tử Stuttgart 500 DM. Cảm động nhất có bé Mai 9 tuổi, con Bác sĩ Phú ở Marbach gọi điện thoại cho bác Thiện Hậu và nói: "Ông Hiền ơi, Ông Hiền cho Mai góp 10 DM để giúp người chết lụt với", trong lúc bố mẹ đã phát tâm 300 DM rồi.

Đề cử một vị Cố Vấn cho Ban LLPT Stuttgart

Do đề nghị của Thầy Viên Giác, toàn thể PT ở Stuttgart và VPC có mặt tại Đạo Tràng đều tán đồng đề cử ĐH Thiện Hậu Trần Xuân Hiền đảm nhiệm chức vụ Cố Vấn cho Ban Liên Lạc Phật Tử Stuttgart bắt đầu hôm nay (11.11.2000) và đã được ĐH Thiện Hậu nhận lời.

Tướng Phật tại chánh điện

Vì mỗi thành lập nên Ban LLPT Stuttgart còn thiếu các tướng Phật để thờ tại chánh điện lúc hành lễ, do đó Thầy Viên Giác có hứa khả cung thỉnh một tượng Đức Thế Tôn tặng Ban Liên Lạc trong dịp lễ Phật Đản sang năm. Và gia đình ĐH Dung Mỹ ở Tübingen cũng xin nhờ Thầy cung thỉnh một tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát để tặng cho địa phương này - Tất cả phí tổn gia đình xin đài thọ. Đạo tràng đã vỗ tay tán thưởng công đức của gia đình Dung Mỹ.

Nhân xét chung

Sự thành công tốt đẹp tại hai Đạo tràng Reutlingen và Stuttgart đã nói lên tình hình phát triển Phật Giáo tại Đức Quốc nói chung và tại Miền Nam Đức nói riêng, đang thời kỳ hưng thịnh cao độ, như Thượng Tọa Thích Như Điển đã nói: Thế kỷ 21 là thế kỷ của Phật Giáo.

Đó cũng là nhờ 3 yếu tố sau đây:

- Thứ nhất là nhờ chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thánh Thần Hộ Pháp tử bi gia hộ (Phật lực).

- Thứ hai là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Thầy Viên Giác, một bậc chân tu đầy đức độ và uy tín (Trợ lực).

- Thứ ba là nhờ tinh thần tất cả vì Đạo Pháp của các Ban Tổ Chức, nhất là các Ban Trai Soạn, các Ban Trật Tự, Vệ Sinh của hai địa phương đã tích cực, cố gắng và quyết tâm hoàn thành trọng trách và nhiệm vụ được phân công (Tự lực).

Ban Tổ Chức cũng xin được tán thán công đức Chi Hội Reutlingen đã yểm trợ tích cực trên tinh thần lục hòa trong việc tổ chức các lễ Phật tại Stuttgart được viên mãn.

Riêng tại Chi Hội Reutlingen, Bác Chi Hội Trưởng tán dương hai Phật tử Hiền và Trọng đã phụ giúp lau chùi nhà bếp hết sức sạch sẽ sau Lễ Phật.

Người vui mừng nhất là ĐH Thiện Pháp Hà Thị Lan Anh, Trưởng Ban LLPT Stuttgart và VPC, vì mỗi tổ chức Khóa Tu Bát Quan Trai Giới lần đầu tiên mà không ngờ được thành công tốt đẹp như vậy, nên được Thầy Viên Giác tặng thưởng một bó hoa tươi thắm. Được biết bó hoa này do gia đình Dung Mỹ ở Tübingen kính dâng Thầy lúc Thầy vừa đến Stuttgart tối thứ sáu 10.11.2000.

(Cuối Thu Canh Thìn)

KHÓA TU BÁT QUAN TRAI GIỚI TẠI CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN MANNHEIM & VPC

Ngày 11-12.11.2000, Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC đã tổ chức khóa tu Bát Quan Trai giới dưới sự chủ trì và hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Quảng Bình, Giáo Thọ chùa Viên Giác, cùng với quý Thầy Hạnh Tử, Hạnh An, Hạnh Hòa.

Đây là khóa tu thường lệ mỗi năm theo lịch trình sinh hoạt Phật sự, tu học của Chi Bộ Phật Giáo VNTN tại Đức Quốc.

Sau phần nghi thức khai mạc, lễ Phật và truyền giới thật trang nghiêm, Thượng Tọa đã nhắc nhở Giới Tử về ý nghĩa tu Bát Quan Trai và khuyên tất cả nên giữ gìn giới đức; chẳng những về thân, phải giữ không được ra khỏi phạm vi địa điểm tu học, mà còn phải

giữ gìn tâm ý thanh tịnh trong suốt 24 giờ tu học: không lo nghĩ đến việc gia đình, đời sống bên ngoài.

Nhân dịp này Thượng Tọa cũng có đề cập đến việc Thầy vừa đi công cán Phật sự tại Mỹ và ở đây, Thượng Tọa được nghe quý Thầy, Cô, quý Đạo Hữu Phật Tử khen ngợi sự phát tâm tu học cao độ tại Đức Quốc nói riêng và Âu Châu nói chung. Đặc biệt là việc đồng đạo Phật Tử đã thọ Bồ Tát Giới tại gia. Vì vậy, Thầy sách tấn Phật Tử, nhất là các Phật Tử đã thọ Bồ Tát Giới phải gắng sức tu học, giữ gìn giới hạnh để không hổ thẹn với lời khen của chư Tôn Đức cũng như của quý Đạo Hữu tử bên kia bờ Đại Dương.

Về Giáo Lý, Thượng Tọa và quý Thầy đã hướng dẫn trì tụng, thuyết giảng và Pháp-đàm bộ Kinh Thủy Sám. Chúng tôi đã xin quý Thầy giảng giải để cho Giới Tử hiểu rõ thêm về nội dung và sự khác biệt qua hai mẫu chuyện Quốc Sư Ngô Đạt trong kinh Thủy Sám và Hoàng Hậu của vua Lương Võ Đế trong kinh Lương Hoàng Sám.

Hầu hết quý Đạo Hữu Giới Tử rất tâm đắc vì được trì tụng trọn vẹn bộ kinh Thủy Sám trong một Đạo Tràng trang nghiêm thanh tịnh để quán chiếu nghiệp chướng, tội báo của mình, để thành tâm sám hối, tu học và cầu mong được giác ngộ giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Trong khóa tu cũng có 2 vị xin Quy Y Tam Bảo. Nhưng Thượng Tọa Giáo Thọ đã khuyên nên chờ dịp Thượng Tọa Viên Giác về địa phương.

Trước khi chủ trì Lễ Phật Cầu An, Thượng Tọa đã dành những phút đầu cho nghi thức xá giới. Sau đó Thượng Tọa cùng quý Thầy hướng dẫn trì tụng tiếp quyển hạ kinh Thủy Sám. Với lời chỉ thành phục nguyện cầu an của Thầy, Phật Tử chúng con tha thiết tin rằng chư Phật, chư Bồ Tát và Long Thần Hộ Pháp đã chứng minh, gia hộ cho đồng bào Phật Tử tại địa phương cũng như sự hiệp tâm trì tụng kinh Thủy Sám đã tiêu trừ được phần nào nghiệp chướng của chúng sanh.

Nhân dịp khóa tu này, Chi Hội cũng đã vận động quý Cô Bác, quý Đạo Hữu đóng góp cứu trợ đồng bào nạn nhân lũ lụt tại Đồng Bằng Cửu Long, miền Tây Việt Nam. Thượng Tọa cũng đã nhiệt tâm kêu gọi và quý Đạo Hữu đã đóng góp được số tịnh tài 1.351 Đức Mã. Số tiền này, Chi Hội đã nhờ Thượng Tọa chuyển về Chùa Viên Giác để gửi về cứu trợ đồng bào nạn nhân đang gánh chịu vô vàn khổ đau.

Vi lý do, cùng thời gian này tại Chi Hội Stuttgart cũng có khóa tu Bát Quan Trai do Thượng Tọa Viên Giác chủ trì, nên một số đồng quý Đạo Hữu đã vận tập về Stuttgart và tại Mannheim chỉ có Đạo Hữu chánh thức ghi tên thọ giới cùng với quý Phật Tử vắng lai, tổng số chỉ trên dưới 60 người. Nhưng quý Cô Bác, quý Đạo Hữu đã thông cảm với Chi Hội Mannheim và nhiệt tình hỗ trợ. Số tiền Cúng Đường đã thu được là 1.833 Đức Mã. Tuy nhiên, vì tiền thuê Halle quá đắt (khoảng 1.800 DM) nên Chi Hội phải... *bù lỗ*, nhưng không quá nhiều! Sự hiện diện, vui vẻ, thân thương tu học và nhiệt tình đóng góp của quý Cô Bác, quý Đạo Hữu là một khích lệ rất lớn cho Ban Tổ Chức và Chi Hội Mannheim.

Nhân đây, có một điều chúng tôi xin được trình bày để quý Đạo Hữu cảm thông :

Trong khóa tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Mannheim ngày 21-22.10.2000 và qua điện thoại, nhiều Đạo Hữu đã hỏi chúng tôi: Tại sao tổ chức khóa tu trùng ngày với Chi Hội Stuttgart và tại sao không tổ chức chung với Stuttgart ?

- Về điểm thứ 1:

a) Trước hết chúng tôi xin nói rõ: Ngày 11-12.11.2000 là Termin mà Thượng Tọa Viên Giác đã dành cho Chi Hội Mannheim theo lịch trình sinh hoạt Phật sự năm 2000 đã phổ biến đến các Chi Hội và đăng trên báo Viên Giác.

b) Trước đây, Chi Hội Stuttgart có yêu cầu Chi Hội Mannheim đổi ngày tu Bát Quan Trai này với Chi Hội Stuttgart. Chi Hội Mannheim rất sẵn sàng. Nhưng chúng tôi không thuê được Halle trong ngày của Chi Hội Stuttgart nên không thể đổi cho Stuttgart được. Chúng tôi không có xác nhận việc hoán đổi, nhưng vì Đạo Hữu Lan Anh hiểu lầm sao đó khi nói chuyện qua điện thoại nên đã đi tìm thuê Halle vào ngày của Chi Hội Mannheim.

c) Trong buổi họp hằng năm tại Chùa Viên Giác vào ngày 24-25.6.2000, Thượng Tọa Viên Giác có nói rõ điều này và Chi Hội

Mannheim đã thể theo lời của Thầy, hoan hỉ để Thầy về chủ trì khóa tu tại Stuttgart và Thầy cung thỉnh Thượng Tọa Giáo Thọ về hướng dẫn tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Mannheim. Như vậy, Chi Hội Mannheim đã tổ chức khóa tu đúng vào ngày của Chi Hội và đã chấp hành sự sắp xếp của Thầy chủ Chi Hội Mannheim không có tổ chức riêng! (Điều mà Thượng Tọa Viên Giác thường nhắc nhở các Chi Hội là không nên có 2 khóa tu cùng ngày tại 2 địa phương gần nhau trên nước Đức !) và Chi Hội Mannheim cũng đã biết trước, nhưng sẵn sàng nhận sự thiệt thòi về mình ! Cũng không thể hủy bỏ khóa tu vì những lý do ở điểm 2 dưới đây.

- Về điểm thứ 2:

Tại Đức, mỗi năm chúng ta đã có những khóa tu chung, như khóa tu học 4 ngày, khóa tu Gieo Duyên, khóa tu Liên Chúng Bồ Tát Giới. Còn khóa tu Bát Quan Trai mà Thầy đã dành cho các Chi Hội, có mục đích tổ tại địa phương để quý Cô Bác, quý Đạo Hữu và đồng hướng tại địa phương dễ dàng đến tham dự. Ngoài ra còn có Lễ Cầu An cho địa phương. Nhất là chúng tôi muốn chấp hành sự sắp xếp của Thầy trong phiên họp nói trên.

Chúng tôi thiên nghĩ, khóa tu Bát Quan Trai tại Chi Hội Mannheim năm nay có ít về số lượng, nhưng không kém về chất lượng tu học. Tuy nhiên, trong khóa tu chắc chắn không sao tránh khỏi những sơ sót. Kính mong chư Tôn Đức và quý Đạo Hữu hi xả cho.

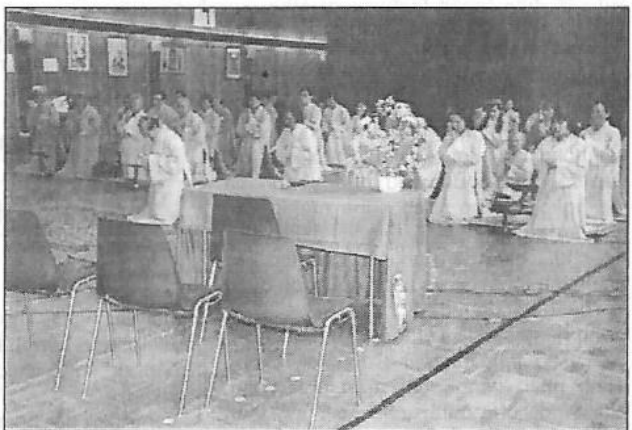
Lối cuối, Phật Tử chúng con xin thành tâm cảm niệm công đức của Thượng Tọa và quý Thầy tử bi quang lâm về Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim & VPC để truyền trao Giới Pháp và hướng dẫn chúng con tu Bát Quan Trai trong 2 ngày nói trên thật đầm ấm và lợi lạc.

Xin thành tâm cảm tạ quý Cô Bác, quý Đạo Hữu và đồng hướng đã đến tham dự khóa tu và Lễ Phật Cầu An tại địa phương. Sự hiện diện và đóng góp mọi mặt của quý vị là một khích lệ to lớn cho Chi Hội Mannheim trên bước đường tu học và phục vụ Đạo Pháp.

(Nhật Trọng ghi)



Thượng Tọa Thích Quảng Bình và quý Thầy đang chủ trì Lễ Phật Cầu An - khóa tu Bát Quan Trai ngày 11-12.11.2000 tại Mannheim.



Đạo Hữu Chi Hội Trưởng, Nhật Trọng, đang tác bạch.

đêm tối vô minh đã tan và ánh sáng trí tuệ đã đến: ánh sáng giải thoát và giác ngộ. Tất cả những sự kiện quan trọng trong cuộc đời Ngài, từ Đản Sanh, Xuất Gia cho đến Tu Khổ Hạnh, chiến đấu với Ma Vương rồi Thành Đạo, Nhập Diệt v.v..., Thế Tôn đều để lại cho chúng ta những bài học vô cùng quý giá. Hôm nay, mùa Thành Đạo đã về chúng ta hãy cùng nhau đi vào ý nghĩa của Thành Đạo và rút ra những bài học tu tập giải thoát qua thông điệp Thành Đạo của Đức Thế Tôn.

Ý nghĩa thứ nhất của Thành Đạo là: con đường đi đến giải thoát là Trung Đạo. Sau khi từ bỏ con đường khổ hạnh và thiên định ngoại đạo, Đức Thế Tôn nhập định theo hướng mới (thiên định Phật Giáo) và đi đến chứng đắc Vô Thượng. Áp dụng bài học này vào cuộc sống, anh chị em chúng ta cũng tránh xa hai thái cực: một bên là quá háng hái tinh tấn và một bên là quá giải đãi buông lung. Sau mỗi lần tu học, hay mỗi kỳ Đại Hội v.v... y như rằng chúng ta rất hăm hở về đơn vị, gia đình riêng v.v... áp dụng, truyền đạt, tích cực đóng góp xây dựng v.v... nhưng cuối cùng thì ngọn lửa nhiệt tình đó đã bị thổi tắt, cho qua, buông lung, rời rạc, rồi đầu cũng vào đó. Chúng ta không có kế hoạch để nuôi dưỡng sự tu tập, vun bồi những chủng tử tốt, loại bỏ những cái xấu v.v... Chúng ta chưa tự tạo ra thói quen soi rọi lại mình và tập cho dần em chúng ta làm như vậy. Thói quen **viết sổ việc thiện** từ những ngày xưa (bây giờ là sổ Hiếu, Sổ Hạnh và Sổ Dũng) không được duy trì và nhắc nhở nên chúng ta không tiến bộ về mặt tu tập. Anh chị em chúng ta cần lưu tâm thêm về việc này để khỏi mang tiếng người con Phật, người Huynh Trưởng trong Gia Đình áo Lam mà có khi bị Tam Độc chi phối còn mạnh hơn là một người chỉ mới biết đến đạo Phật nữa. Ý nghĩa thứ hai của Thành Đạo là: **bằng nỗ lực của tự thân, với sự tu tập đúng pháp, con người có thể giác ngộ ngay tại đời này**. Thật vậy, sinh ra là một con người, sống như một con người, Đức Phật đã thành đạt trạng thái giác ngộ bằng chính sự kiên trì và nỗ lực cá nhân. Ngài không nói rằng chỉ một mình Ngài có thể thành Phật mà Ngài dạy rằng: Tà là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có thể tu tập để đi đến giác ngộ giải thoát, giải thoát khỏi phiền não, khổ đau. Thế Tôn đã mở ra cho chúng ta một niềm tin thoát khổ. Sự kiện Thành Đạo, vì vậy, như là một lời thọ ký cho tất cả chúng sanh sẽ thành Phật trong tương lai. Là con của Ngài, hơn nữa là Huynh Trưởng GĐPT, sau lưng còn có đàn em, chúng ta nguyện nỗ lực tinh tấn trong tu sửa mình, xứng đáng là con của Như Lai. Như Lai có nghĩa là **nói gì làm vậy, làm gì nói vậy** (Vi nói gì làm vậy, làm gì nói vậy nên được gọi là Như Lai). Ở đây chúng ta còn được học thêm một bài học sâu sắc về **Thân Giáo** của người HT/GĐPT, người anh, người chị luôn là tấm gương sáng cho các em. Chúng ta

không những dạy Phật Pháp cho các em, mà còn phải hành Phật Pháp qua thân, miệng, ý cho các em noi theo, không chỉ ở Chùa, Đoàn anh, trong giới Phật Pháp mà cả ở nhà, ở mọi nơi, trong mọi lúc nữa.

Ý nghĩa thứ ba của Thành Đạo là: **nội dung của Thành Đạo là giải thoát. Giải thoát đây là giải thoát khỏi tham ái, chấp thủ mà không cần thiết phải chạy trốn khỏi cuộc đời**. Thật vậy, tự ngã và lòng tham muốn mãnh liệt nơi ta là ngục tù to lớn nhất giam giữ ta trong sinh tử luân hồi, trong phiền não khổ đau. Trong cuộc sống trước mắt, dù đã có sẵn lý tưởng, chằm ngòm v.v... đôi khi chúng ta chán nản cho rằng việc GĐPT làm chúng ta vừa vướng vào phiền não vừa tốn kém năng lượng và tiền bạc v.v... Đó là vì chúng ta chưa biết áp dụng bài học này. Cái làm cho chúng ta phiền não, tiêu hao năng lượng vô ích không phải vì sinh hoạt GĐPT mà vì trong khi sinh hoạt GĐPT, chúng ta còn quá nhiều tham vọng, cố chấp, thị phi v.v... Nếu chúng ta biết buông bỏ những thủ đó, đặt những gánh nặng đó xuống, làm việc với tâm từ không thành kiến, không phê phán, không kể công v.v... thì ta sẽ được thanh thản, nhẹ nhàng như lời Đức Thế Tôn: *Khi tâm ta thanh tịnh, ta thấy thế giới thanh tịnh*. Cũng thế, với tâm thanh tịnh và an lạc, bất cứ môi trường nào, hoàn cảnh nào, thời điểm nào, đối với người biết cách tu tập giải thoát đều thấy đó là môi trường lý tưởng, không cần phải thay đổi hoàn cảnh, cuộc sống v.v... gì cả, mà phải thay đổi cách nhìn, cách suy nghĩ đây ngã tính đã thành tập khí lâu đời của chúng ta.

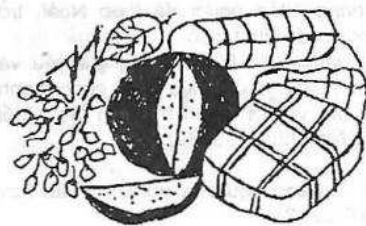
Ý nghĩa thứ tư của Thành Đạo là: **Mười Đạo Quân của Ma Vương không phải là một thế lực vô minh thủ bên ngoài mà chính là ngay tại tâm ta**. Thật vậy, Đức Phật đã chỉ tên rõ ràng 10 đạo quân của Ma Vương, đó là: nhục dục, nản chí, đói và khát, ái dục, đã dục, hôn trầm, sợ hãi, hoài nghi, giận pha và ngoan cố, chiếm đoạt, tự phụ và khinh thường người khác. Chúng ta thấy rõ rằng đây chính là 10 kẻ thù của chúng ta, làm cho chúng ta thân bại danh liệt, càng ngày càng lún sâu vào mê lầm của ngã chấp. Do vậy thành công hay thất bại là do ta có thắng lướt được "10 tên giặc trong nhà" này không, chứ không có ai khác phá quấy chúng ta một cách mạnh mẽ và hữu hiệu hơn 10 tên giặc này. Chúng không những quấy phá bản thân ta mà còn làm ảnh hưởng xấu đến đoàn thể, tổ chức của chúng ta; như con ma gièm pha và ngoan cố làm mất tinh đoàn kết giữa anh chị em mình, con ma tự phụ và khinh thường người khác làm ngã chấp tăng trưởng, xét đoán sai lầm, làm cho ta trở nên dễ ghét và khó gần dưới mắt bạn bè, anh em. Con ma đói khát cũng không kém nguy hiểm; đói khát đây không phải là đói cơm khát nước mà là đói khát vì quá tham lam, không bao giờ thấy đủ; đói khát đây đưa tới chiếm đoạt, nghĩa là chiếm hữu một cách không chân thành.

Chiếm hữu đây không phải là trộm cắp tiền bạc, tài sản mà là chiếm đoạt hay phá hoại danh thơm tiếng tốt của người khác, công lao của người khác, tiếng vỗ tay của người khác v.v... "Con ma" này thúc giục ta luôn thấy mình đúng người sai, mình hay người dở, mình phải người trái, nó lôi kéo chúng ta quay cuồng trong dục vọng đen tối, điên đảo thị phi làm cho ta mất đi cái tâm trong sáng bất sinh thuở ban đầu. Quả thật là đội quân Ma Vương có khả năng lôi ta xuống vực thẳm của khổ đau phiền não. Nhận diện được chúng, ta tất nhiên đã có cách đối phó rồi. Vì vậy, tu tập là luôn tinh thức để dừng chạy theo chúng ngay từ khi chúng bắt đầu xuất hiện dưới hình tướng một vọng niệm nhỏ khởi lên, nhìn thẳng vào chúng và duy trì chánh niệm thì chúng không thể sai sử ta được. Đó là lúc chúng ta phải dùng tới sức mạnh của định tâm; nhờ thiền tập, chúng ta có thể quán chiếu tâm mình, nhận diện chân tướng của 10 đạo quân này, nỗ lực tinh tấn loại bỏ chúng, từng đạo quân một, cho đến khi tâm ta đạt được an lạc và thành thời. Để đối trị và nhiếp phục chúng, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta chuyên tâm tu tập thực hành hạnh ít muốn, biết đủ, khiêm tốn, bao dung và luôn tinh cần soi rọi tâm mình, ghi nhớ lời Lục Tổ Huệ Năng: tự thấy lỗi mình, không nhìn lỗi người.

Từ bốn bài học chung rút ra từ ý nghĩa Thành Đạo chúng ta có thể tự mình tìm ra những bài học cụ thể, cá biệt cho riêng bản thân mình, tập thể mình, Đoàn mình hay Gia Đình mình nữa. Thân kính chúc anh chị em chúng ta một mùa Thành Đạo an lạc, thành thời và giải thoát.

(Tâm Minh)

CHUYỆN VUI ĐỌC ĐƯỜNG



Tết năm ngoài, tổ biểu cậu bạn người Đức một chiếc bánh Chưng và lại còn thân chinh đến tận nhà rán bánh và mời cả ba mẹ cậu bạn ăn nữa có, và... các cậu có biết thế nào không? Tôi nói lấp lửng.

Thế nào là thế nào? Tụi bạn đồng loạt hỏi.

- À, thế này... cả nhà xuyết xoa khen ngon và nói rằng: trên đời này chúng tôi đã được thưởng thức nhiều loại bánh, nhưng



Số Táo Quân

Muôn tâu Ngọc Hoàng

Qua năm Hai Ngàn
 Chưa hết làm than
 Dân tình kêu oan
 Tai trời ách nước
 Cho nên chưa được
 Sống cảnh thanh bình
 Vì kẻ quyền hành
 Ép người yếu thế
 Người tình khinh què
 Kẻ giàu phụ khó
 Leo lên được chỗ
 Tột đỉnh cao sang
 Trở mặt làm tàng
 Cường quyền áp bức
 Dân lành oan ức
 Đói rách ra sao
 Miễn là chúng tao
 No cơm ấm cật
 Đầy đủ vật chất
 Lên xe xuống ngựa
 Nhà cao cửa rộng
 Mặc ai te tua ...

Năm nay được mùa
 Bầu cử Tổng Thống
 Nước Nga bỏ Cộng
 Nhưng Tổng tử chức
 Nên phải ra sức
 Bầu ông Tổng mới
 Chắc cũng phải đội
 Năm bảy tháng sau
 Chính sách mới mau
 Đổi thay thay đổi
 Áo Quốc cũng mới
 Bầu bán vừa qua
 Không biết Tổng nhà
 Có hơn Tổng trước ?
 Chỉ thấy vừa qua
 Cộng Hòa Nam Tư
 Làm cuộc cách mạng
 Lật nhà độc tài
 Milosevic
 Rất là ngoạn mục
 Hàng ngàn dân chúng
 Thủ đô biểu tình
 Tuyên dương cách mạng
 Bầu Kostunica
 Giáo sư luật học
 Lý tưởng quốc gia
 Rất được ngợi ca
 Trí thức yêu nước

Nhưng vì trong nước
 Phe đảng đối lập
 Rất nhiều rất mạnh
 Nên ông né tránh
 Chưa tiện dẫn thân
 Nay được toàn dân
 Hoan nghênh ủng hộ
 Thế là nạn khổ
 Của xứ Nam Tư
 Nay được giải trừ
 Dựng xây đời mới

Xôn xao bốn cõi
 Chấn động mười phương
 Nghe thật hoang đường
 Nhưng là thật sự
 Trong khi bầu cử
 Tổng Thống Hoa Kỳ
 Máy móc tân kỳ
 Tự nhiên trục trặc
 Kết quả sai lạc
 Kiện cáo loay hoay
 Đếm lại bằng tay
 Mỗi xong kết quả
 Ông Bush đắc cử
 Ông Gore rớt đài
 Chuyện Mỹ còn dài
 Kể sao cho hết
 Nhưng điều đặc biệt
 Đường nhiệm Clinton
 Cộng du một vòng
 Ở Đông Nam Á
 Chẳng có gì lạ
 Khi ở Đại Hàn
 Nhưng đến Việt Nam
 Nghe tin chấn động
 Vì chàng Lý Tống
 Lại thả truyền đơn
 Ngay ở Sài Gòn
 Kêu gọi dân chúng
 Vùng lên lật đổ
 Cộng Sản Việt Nam
 Rồi lại ngang tàng
 Bay về đất Thái
 Chuyện còn nóng hổi

Năm nay Đại Hội
 Phật Giáo Việt Nam
 Mấy ngày luận bàn
 Mong tìm giải pháp
 Thích hợp trí thức
 Trong việc giáo dục
 Tăng Ni Phật Tử

Mong sao đầy đủ
 Tài đức vẹn toàn
 Tề gia trị quốc
 Như điều mở ước
 Của chư Tôn Đức
 Còn ở trong nước
 Gởi ra lời chúc :
 "Bi Trí vẹn toàn
 Phật sự tăng huy
 Tăng Đoàn hòa hợp
 Đại Hội thành công"
 Cũng là ước mong
 Toàn thể Phật Tử
 Trong và hải ngoại

Trở về Giáo Hội
 Phật Giáo Việt Nam
 Thống Nhất Âu Châu
 Cũng như từ lâu
 Sinh hoạt Phật sự
 Gia tăng tu học
 Giáo lý Âu châu
 Thọ bát quan trai
 Huân tu tịnh độ

Thế giới nở rộ
 Khoa học tân kỳ
 Từ Olympia
 Bên Úc Đại Lợi
 Khai mạc dù dội
 Dựa theo lịch sử
 Khai sáng nước Úc
 Từ khi Anh Quốc
 Tìm ra hoang đảo
 Xây dựng hoàn hảo
 Cho đến hôm nay
 Đất nước càng ngày
 Càng thêm giàu có
 Triển lãm EXPO
 Tại Hannover
 Miền Bắc Đức Quốc
 Chuẩn bị từ lâu
 Xây dựng kiến thiết
 Gồm nhiều quốc gia
 Văn hóa nước nhà
 Trưng bày đủ kiểu
 Chi thương Việt Nam
 Mấy tờ hủ tiếu
 Mấy bức sơn mài
 Áo dài Thượng Hải
 Cũng đem dự giải
 Thế giới hôm nay

Nam Bắc bắt tay
 Của nước Đại Hàn
 Tổng Thống miền Nam
 Ông Kim Đại Trọng
 Từ lâu vận động
 Nay mới thành công
 Chiến lược của ông
 Thế giới đồng tình
 Nobel Hòa Bình
 Trao luôn một lượt

Chỉ còn Nahost
 Là nơi tranh chấp
 Của du kích quân
 Giữa Palestin
 Và Israel

Vẫn còn tranh giành
 Chủ quyền đất đai
 Xung đột dài dài

Bão lụt liên miên
 Vào hồi năm ngoài
 Mang nhiều thiệt hại
 Bày tình miền Trung
 Đói khổ khốn cùng
 Chết chóc thảm thiết
 Tin tức cho biết
 Nhà nước bắt kham
 Cứu trợ toàn dân
 Nên đã ân cần
 Đón chờ hải ngoại
 Năm nay trời lại
 Lũ lụt miền Tây
 Các tỉnh Hậu Giang
 Cao Lãnh, Hồng Ngự
 Sa Đéc, Vĩnh Long
 Long An, Châu Đốc
 An Giang, Cần Thơ
 Long Xuyên, Đồng Tháp
 Hón bốn trăm người
 Mất tích tại nạn
 Số dân di tản
 Hón tám trăm ngàn
 Không cửa không nhà
 Mãn trời chiếu đất
 Phật Giáo Thống Nhất
 Giáo Hội quê nhà
 Thuộc Viện Hóa Đạo
 Lập Ban Cứu Trợ
 Hòa Thượng Quảng Độ
 Phát quà tận nơi
 Đồng bào hải ngoại
 Cũng đã tiếp tay
 Viện Hóa Đạo II
 Đặc biệt tại Úc
 Thầy Thích Nguyên Tạng
 Làm trưởng phái đoàn
 Mang quà về tặng
 An ủi đồng bào
 Trong cơn hoạn nạn

Muôn tâu Ngọc Hoàng
 Những điều hạ thần
 Tấu trình có hạn
 Còn nhiều việc cần
 Xin cho hạ thần
 Hẹn lại năm khác
 Vì báo Viên Giác
 Năm nay số Xuân
 Biên tập ân cần
 Tết Tây chào đón
 Nên xin tóm gọn
 Và tạm biệt chào
 Hẹn đến năm sau
 Thần lên bái kiến.

● Đan Hà



tưởng niệm

về nhà thơ

Bùi Giáng

Vũ Kỳ



(Hình của nhà thơ Bùi Giáng vào năm 1985-1986)

Tập ảnh kỷ niệm B.G. tặng nhà văn Vũ Kỳ.

Cách đây khá lâu, trong cuộc đời làm thầy giáo tình lẻ, tôi hân hạnh có được ba người đệ tử đúng hơn là ba người em lớn thân thương và lỗi lạc. Đó là Bùi Giáng, Tạ Ký và Nguyễn Thùy.

Ở xứ Quảng xa xăm, Bùi Giáng từ miền sông Thu Bồn đổ xuống, Tạ Ký từ Quế Sơn tạt ra, Nguyễn Thùy từ Phước Tiên đến, là những "du học sinh" lặn lội ra thành phố Hội An nhỏ nhỏ, khá vắng mình thoàng mùi nước mắm, cá tôm hăng hắc và thơm mùi á-phiện trong các phố hẹp có đông đảo các chú Khách Tàu. Một trường Trung Học tư thực nho nhỏ -trường Viên Minh- mọc lên trên bờ sông Hội An chỉ chít ghe thuyền phàng phất cảnh rộn rịp thời Phố Hiến chúa Trịnh vào cuối

thế kỷ 17. Ở trường này, những ông giáo tử Hà Thành hoa lệ đổ dồn về dạy học tạm sống qua ngày: đó là nhà thơ Lưu Trọng Lư, rồi họ Lưu lấy vợ luôn ở đó, nhà văn Phạm Văn Hạnh của nhóm Tinh Hoa Hà Nội và chúng tôi, ba, bốn người của địa phương xứ Quảng Nam - Đà Nẵng.

Cả ba, Nguyễn Thùy, Bùi Giáng và Tạ Ký đều có quan niệm sống lạ thường là bất cần dư luận và miệt thị, qua nhiều lần tâm sự với tôi như Tạ Ký và Bùi Giáng. Họ có nhiều dị biệt, mâu thuẫn thay! Mà tưởng đồng. Cuộc đời họ không gian truân, chìm nổi nhiều lắm nhưng mĩa mai thay, cả ba nuôi dưỡng trường kỳ tâm trạng bất đắc chí, chung thân bất mãn lại có vẻ như hận đời chút chút. Tuy tỷ lệ có khác nhau, cả ba đều "bất bình thường". Và ở đây, "bất bình thường" rất đúng là dấu hiệu của tài hoa đầy đến độ "bình hoạn" như ở Bùi Giáng.

Bùi Giáng từ năm 1943 thôi học ở Hội An, rồi lui về cố hương làm Tô Vũ mục dưỡng (chăn dê) ở Trung Phước, miền rừng núi xứ Quảng. Theo nhiều người cho biết, Giáng ngẫu nhiên làm thơ, ca hát, điên khùng suốt năm tháng. Lúc tôi gặp lại ở Sài Gòn thì Bùi Giáng đã nghỉ dạy học tứ để cầm cọ bôi mực loay hoay vẽ tranh trong một căn nhà lụp xụp ở ngõ hẻm Trường Minh Giảng, và Giáng cũng vừa in xong mấy cuốn sách giáo khoa. Luận đề về Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, ... ở nhà xuất bản Tân Việt. Tiền tác quyền không có bao nhiêu nên Giáng cũng là con bà "Cà Đồi". Giáng khoe đã thực hiện được hơn 100 bức tranh tuyệt phẩm trên giấy bản. Tôi đã mang về bán giùm cho Giáng một số nhưng chẳng ai mua vì không ai hiểu nổi công trình nghệ thuật của họ Bùi, ai nhìn vào cũng chỉ thấy một màu sắc rối nhủi, tầm tối. Giáng đã vẽ theo khuôn hình sáng tạo riêng của mình, nhằm vào chủ đề tư tưởng trong tâm thức của Giáng, một phần minh họa những giá trị tư tưởng ẩn tàng qua các thần thoại cổ Hy Lạp cộng thêm với những ý tưởng và ý hướng của Đạo học Đông phương nên chẳng một ai hiểu nổi.

Bài "Người Tây Phương nhìn Đức Khổng" (Tuần báo MAI 10.7.1961 của ông Hoàng Minh Tuynh). Bài báo của Giáng được giới độc giả trí thức, học giỏi và một số người ngoại quốc nghiên cứu về Đông phương nhiệt liệt ca ngợi, trong số ấy có Linh Mục Bửu Dưỡng và R.P Cras. Bài báo báo hiệu

sự xuất hiện một nhà-văn-tư-tưởng (écrivain philosophe) lớn trên văn thi đàn nước Việt là họ Bùi... và Bùi Giáng được nổi tiếng từ đó. Có lần Giáng bị sa thải ra, không cho dạy tư tại trường Tân Thanh Sài Gòn của ông Phan Út, tôi đến năn nỉ ông ta cho Giáng dạy lại thì ông ta phân trần: "Giáng hại tôi rồi! Tan cả một lớp Đệ Ngũ đồng học sinh". Một buổi tối trời, Giáng đến lớp, mặc trong mình bốn chiếc sơ-mi. Đang giảng bài say sưa, Giáng bỗng nhiên còi trần từng chiếc, bỏ trên bàn thầy giữa sự ngỡ ngác của toàn thể học sinh rồi Giáng bảo lũ nhỏ ấy cùng Giáng leo lên lầu thượng. Đoạn Giáng lấy ngón tay chỉ lên mặt trắng mà la lớn: "Kìa các em hãy nhìn lên cao kia! Chân lý đó! Chân lý đó! Thế là học sinh rủ nhau đến văn phòng nhao nhao phản đối vị Giáo sư khủng ấy, rồi xin thôi học". Lúc Giáng không còn dạy học ở trường tư nào nữa thì Giáng lại viết sách giáo khoa cho nhà xuất bản Tân Việt và các sách Giáng viết như về Tản Đà, Chu Mạnh Trinh, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, v.v... đúng là những tiểu luận, ý tứ tùy hứng, lạc đề, mông lung và mỗi lạ hơn là đi vào khuôn khổ cổ điển của lối văn củ nghiệp của sách giáo khoa.

Mỗi lần có biến cố gì trong đời Giáng, Giáng không quên chạy đến cho tôi biết, nào Giáng khoe học Đức ngữ để đọc Heidegger và Hegel... Và Giáng viết Đức ngữ cũng rất "chì". Giáng giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, làm thơ Pháp, thơ Anh. Về chữ Hán cũng hiểu rất thâm thúy. Giáng làm thơ chữ Hán cũng dễ như làm thơ tiếng Việt. Tài dịch thuật ngoại ngữ sang tiếng Việt của Giáng siêu tuyệt. Những quyển "La porte étroite" (Khung Cửa Hẹp) của André Gide, "Le Petit Prince" (Hoàng Tử Bé) của St. Exupéry, Giáng dịch rất thoát, rất tài tình, hầu như đi hẳn vào được cả cảm xúc nội tâm của tác giả. Nhiều đoạn của Martin Heidegger, của Gérard de Nerval, Giáng dịch cũng nhuần nhuyễn, sát ý vừa diễn đạt được cái sâu sắc, cái phiêu bổng của nguyên tác. Cả thơ của Walt Witman, Emily Dickinson... cũng vậy. Giáng đọc rất nhiều sách về tư tưởng, về triết, về thi ca, văn chương, thần thoại Hy Lạp, Kinh Phật, sách Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, truyện kiếm hiệp của Kim Dung và Ngọa Long Sinh và cả một số sách về Luận Lý học. Hầu như các sách của Heidegger được dịch sang Pháp, Anh, Giáng đều có và còn nhờ bạn bè mua

cả nguyên tác Đức ngữ. Giảng so sánh, đối chiếu các bản dịch, tìm ra những chỗ, theo Giảng, dịch đúng hay còn thiếu sót hoặc bỏ qua nguyên tác không đem vào các bản dịch đó. Nhưng, quen lối "phiêu bồng, ngao du", nhiều khi trong lúc dịch, Giảng đem cả tư tưởng, ý nghĩ mình vào, trộn cả Đông phương, Tây phương trong khi dịch nên người đọc lắm lúc nhức đầu không rõ chỗ nào thật sự là của tác giả chính của tác phẩm. Giảng có biệt tài chỉ lật số qua một tác phẩm là thấy cần mua hay không, cần đọc hay không và hầu như nắm được ngay những điều thiết cốt mà tác phẩm đề cập. Do năng khiếu hay cái tuệ trí nào trong Giảng. Chính vì thế mà khi cầm đọc lướt qua cuốn "Nghệ Thuật viết và đọc văn" của tôi (Phạm Văn Tươi tái bản 1956), Bùi Giảng buột miệng nói: Thầy viết súc tích mà cổ điển, uyên bác lắm! Nếu em viết về luận đề này, em sẽ rong chơi đến một bộ Bách khoa Tự điển cũng không dày bằng! Nhưng toàn bộ tác phẩm của Thầy em mạn phép phê bình, chỉ có một câu là em ưng ý nhất. Câu đó, chắc Thầy chịu. Giảng dò sách trang đầu và đọc lớn: "... Chúng tôi lại không muốn nói cao siêu như Đức Phật đã chỉ trắng vôi ngón tay mình mà bảo các đệ tử: "Các người hãy nhìn theo ngón tay ta mà thấy rõ trắng kia! Nhưng ngón tay ta không phải là trắng đâu!". Tuyệt lắm, Thầy trúng dẫn vào chỗ đó thực tuyệt diệu! Em chịu lắm!

Tất cả các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, Giảng đều đọc cũng như các nhà tư tưởng như Simone Weil, Karl Jaspers, Gabriel Marcel, Merleau Ponty, Jean Paul Sartre, Nietzsche, Albert Camus, René Char, Gérard de Nerval, Baudelaire Apollinaire... St John Perse, Witman, Dickinson... Về Việt Nam, Giảng thuộc thơ Huy Cận, Xuân Diệu và lúc nào cũng nhắc đến Nguyễn Du (truyện Kiều và thơ chữ Hán), Về các nhà văn, nhà thơ Việt đương thời với Giảng, Giảng chỉ đọc lướt qua nhưng nhiều khi trích, thuộc một số câu, số đoạn mà Giảng cho là "kỳ tuyệt". Có một bản, rất tưng tiền, Giảng mang một chồng tác phẩm "Tư tưởng hiện đại" của Giảng đến cho tôi để bán lấy ít tiền cơm. Sách rất dày, tiền ấn loát hình như là của Bác sĩ Bùi Kiện Tín, người bà con của Giảng chi cho. Sự thực, tác phẩm viết rất uyên bác, cô đọng, có đoạn nửa đùa nửa giỡn với nhiều suy tư triết lý -có đoạn tôi cố gắng mà không hiểu nổi vì cấu

trúc, diễn đạt tư tưởng bằng một trạng thái bất bình thường của con người hơi rối loạn về ý thức, tiềm thức. Có nhiều câu, Giảng đệm vào nhiều chữ, nhiều lời tục mà thô, thô mà tục, đọc đến mà thương cho cái khùng của Giảng.

Bùi Giảng không đọc và cũng thường ít để ý về chính trị, kinh tế. Vốn "thật dạ tin người", Giảng sống với cái "tâm tử bi" sẵn có nói mình nên rất thương người và cũng rất dễ tin. Có lần, một người bạn chụp hoặc lấy đầu được tấm hình Brigitte Bardot nằm trên ghế xích đu nơi bãi biển Pháp, đang đọc một quyển sách nào đó, nói với Giảng là "Anh không biết chú, Brigitte bên Pháp thích sách anh lắm, nhất là những đoạn anh nói về Nàng". Giảng ta hí hửng tin, hỏi đi hỏi lại người bạn, cho đó là một sự vừa lạ, vừa "thanh khí lễ hằng". Giảng thường nhắc đến Marilyn Monroe, Kim Novak, Brigitte Bardot, Kim Cương, Thu Trang... Trong tập "Ngày Tháng Ngao Du", Giảng có viết một đoạn mà tôi nhớ nhỏ đại cường như sau:

"Brigitte Bardot chạy ôm Bùi Giảng bảo:

- Anh yêu ơi, lâu nay em những ghen với chị Marilyn, cứ ngỡ anh yêu chị ấy hơn em. Đến nay, em mới biết anh yêu em nhiều, rất nhiều hơn cả chị ấy.

- Sao cô biết ?

- Thì đây nè! Thư anh viết cho em dở ẹt, còn thơ anh viết cho chị Monroe thì bay bướm, là lướt quá chừng...

- Thư tôi viết cho cô "dở ẹt" mà sao cô bảo tôi yêu cô hơn Marilyn ?

- Anh còn vớ! Thư viết dở ẹt, thì tình mới thật chứ. Còn thư viết quá hay, quá là lướt thì chỉ là... vớ vĩnh, giá đổi thời". Người bạn văn thường lay động cái cổ đôn tâm thức của Giảng là cố Thi sĩ Hoàng Trúc Ly mà Giảng ái mộ thi tài và bản tính.

Thường sau một thời kỳ nằm ở nhà hay ở chùa, không thèm ăn, chẳng thèm đọc sách, chẳng nói văn chương, thơ phú, Bùi Giảng tình dục rong chơi với cái gánh linh kinh đồ vật đồ dáy lượm lặt dọc đường. Giảng đây đó đi khắp phố phường. Rồi ngẫu nhiên thơ phú, có khi gián tiếp "chửi" chế độ (Cộng Sản), đem cả Chúa, Phật, Khổng, Trang, Heidegger, Nguyễn Du và cả Hồ Chí Minh ra "đùa giỡn", bảo là Thầy, là bạn, là tiền thân, đương thời, hậu duệ, là sư huynh, sư đệ, là em, là "học trò" của Giảng... Cái "khùng" đó không rõ do tử cái "điên loạn" hay do tử một dụng ý mở hồ

nào, thật khó lòng đoán định. Có khi Giảng đứng ngay giữa đường làm cảnh sát công lộ, có khi chọc cán bộ chế độ rồi mĩa mai khen đó, có khi chọc trẻ em, chọc người qua đường, miệng vẫn ngêu ngao, làm nhảm mọi điều vừa chửi, vừa đề cao, chẳng ai rõ Giảng thật sự muốn nói cái gì. Mọi người cho là "khùng, là điên" chỉ nhìn mím cười rồi bỏ đi. Một đôi kẻ cụ nự, gây gỗ thì Giảng hi hi xin lỗi hoặc "trận thượng" lại với cặp mắt hùng hục lừa khiến người đối diện đôi lúc khiếp vía. Giảng không hề để ý đến ăn, ngủ, đến quần áo. Quần vào mình đủ mọi thứ áo quần, dài có, ngắn có, đủ màu, bỏ đủ mọi thứ lượm lặt được vào bao túi, lại còn mang một xách trên tay, trên vai; ăn bất kỳ lúc nào, sắn khoai, cơm, bánh mì hôi, thiu gì cũng được, ăn ngay giữa đường, giữa chợ; ngủ ở chùa, ở nhà bạn, có khi ngủ ngay trên đồng rạc, giữa đường hay lề đường, nơi hàng hiên nhà ai đó. Giảng nhiều lúc đi đường, đứng hoài bên một bàn khách đang ăn, đợi khách ăn xong là húp lấy, ăn lấy những gì còn thừa. Đã thế mà còn "khen" hoặc nói bóng gió về các khách đang ăn không tục nhưng thật không ai hiểu ra sao khiến khách nhiều lúc vừa thẹn, vừa cười như được khen tặng hết lời.

Giảng có lần chọc cả khách ngoại quốc. Một lần, lang thang xuống đường Tự Do, thấy một cặp vợ chồng Liên Xô đang đứng, nói năng gì đó. Giảng nhay xô đến "bóp" nhũ hoa cô gái, cô gái hoảng hốt chạy, chồng cô ta nhìn Giảng thấy kỳ cục, cho là "điên" nên chỉ cười. Giảng quay lại lấy cái bị "cái bang" của mình thì hai công an đến chặn hỏi Giảng sao làm chuyện bậy bạ, Giảng trả lời: "Tôi muốn xem bình sữa Liên Xô nuôi nổi dân ta được bao lâu thôi mà!".

Hồi Cộng Sản mới vào Sài Gòn, Giảng nhiều lúc ngẫu nhiên gián tiếp chửi Engels, Marx tới bời, nhưng có lúc Giảng cũng khen Cộng Sản, không khen thẳng chế độ mà chỉ mĩa mai bông đùa khen từng cán bộ thôi. Thực sự, cũng không thể rõ là Giảng khen hay chê. Giảng nghe đâu được có người nói với Giảng rằng Hồ Chí Minh có đọc thơ Bùi Giảng và khen Giảng nức nở, Giảng cho rằng bên kia lần mức còn có một tên "thượng thặng" CS hiểu mình. Trong một cuộc gặp gỡ với Huy Cận ở Sài Gòn vào năm 1985 hay 1986 gì đó. Giảng đã hỏi Huy Cận tại sao theo Cộng Sản; Huy Cận đã nói với Giảng: "Thủ nghĩ có còn cái gì nữa

khá hơn đâu!". Và có thể Giáng đã cho Huy Cận có phần hữu lý chút chút. Và cũng theo Thủy, Giáng không bị công an bắt giữ, có lẽ một phần do thấy Giáng "điên điên khùng khùng", không thấy Giáng có thái độ hoặc hành vi chống đối chúng ra mặt, phần khác có thể nhờ sự nhần nhủ, chỗ che của Huy Cận và Hoài Thanh (thầy Bùi Giáng).

Giáng đặc biệt thương đàn bà, con gái và trẻ nít. Những bà cụ, những bà hàng rong hay buôn bán lẻ tại các chợ, Giáng thường dừng lại hỏi han, chọc phá, bông đùa, đọc thơ, kể chuyện lông bông, nói đến Phật, đến Chúa, đến Cộng Sản một cách đùa giỡn để chọc vui các bà. Giáng đau xót vô cùng trước cảnh những người già, tật nguyền, khổ sở, khóc than... những Giáng đành tìm cách quên đi, không nhắc đến vì có lẽ các cảnh đó quá nhiều, nhan nhản khắp nơi mà "tử bi" thương xót đến bao nhiêu cũng không cứu vãn được. Giáng tức tối và can thiệp ngay những cảnh người cha, người mẹ đánh con đến ngắt xiêu, chảy máu, bầm mình hoặc mắng con bằng những lời độc địa, tàn nhẫn. Vì thế, Giáng thích chơi với trẻ con, mặc cho chúng chọc ghẹo, quấy phá, nhiều lúc ném đồ dơ, liệng đá vào người. Nhiều bà già, nhiều bà buôn bán, nhiều cô hàng thuốc lá dọc đường cũng thích nói chuyện với Giáng, như tìm được nơi lời Giáng những an ủi, chia sẻ và tin tưởng nào đó. Nhiều trẻ con quyến luyến Giáng, chạy theo Giáng, xách túi "cái bang" cho Giáng, che chở Giáng và nhiều khi mua cả quà (chuối, đu đủ, bánh mì hoặc cơm) đem đến cho Giáng, lay Giáng đang ngủ ở lề đường, dậy ăn để cùng chúng rong chơi. Có được tiền, Giáng đem cho lũ nhỏ hoặc đến mua đủ thứ nơi các bà, các cô, các chị bán hàng rong, dù Giáng mua mà chẳng dùng, lại đem cho người khác. Giáng đi đường lượm từng khúc củi, từng chiếc bao nylon đem cho các bà hay cho Nguyễn Thủy. Nhiều lần, Giáng đến Thủy, giỏ bọc "cái bang" lấy ra nào chuối, nào bánh mì, cơm khô, thịt kho nhận được tử đâu đó, để cả mấy ngày hôi, thiu cùng ăn với Thủy, bắt Thủy phải ăn, Thủy giẫy nẩy những đôi lúc cũng chiều lòng.

Hai người nữ mà Giáng thường nói đến là Kim Cương và Ni cô Trí Hải. Giáng gọi là "mẫu thân". Nhiều lúc Giáng đùa khá tục. Với Kim Cương, Giáng thường nhắc đến trong nhiều thơ và nhiều đoạn trong sách và cử thường mong được "Kim Cương dài lên

mồ mình". Mặc dù Giáng hay đùa sỗ sàng nhưng Ni cô Trí Hải và Kim Cương không bao giờ giận. Giáng lại còn tiếp đãi ân cần và quý trọng, nhất là Kim Cương. Với Kim Cương, cả Giáng và Thủy đều mến tuy Thủy không mấy tán thành cái tài "đóng kịch" của nữ nghệ sĩ này. Cả hai đều nhìn thấy nơi Kim Cương cái "tinh thần xã hội" khá đẹp, và có lẽ do các tinh thần xã hội này mà Kim đã bị quyến rũ bởi Cộng Sản để trở thành "cán bộ" Cộng Sản. Cuộc đời Kim Cương, nhất là về mặt tình ái cũng rất đáng thương, Kim Cương đã nhiều lần thổ lộ với Nguyễn Thủy. Thủy bảo Kim Cương: "Hay là cô lấy anh Giáng làm chồng đi!". Kim Cương trả lời: "Cũng được lắm nhưng mà chịu không nổi ảnh đâu, anh Thủy ơi!" (Xin nói, Kim Cương là bạn thân của vợ Thủy).

Có lần, Giáng đi bụi đời rồi nằm luôn, ngủ đêm nơi lề đường Trường Minh Giảng, cảnh sát cộng sản bắt Giáng giải về Công an Phường. Giáng la to lên giữa đường: "Ôi Bác Hồ ơi! Bác Hồ ơi! Lúc Bác trốn ra nước ngoài, nằm lê nằm lết, ngủ bụi ngủ bờ nơi Paris nói là để tìm đường cứu nước, cứu người vô sản thìет không đó Bác ?, thế mà bọn thực dân để Bác ăn ngon, ngủ yên. Bây giờ Cách mạng thành công, đất nước được giải phóng, thế mà Công an của Bác lại hành hạ, bắt bỏ người vô sản ngủ bờ, ngủ bụi, đây này, Bác Hồ ơi!". Tên Công an giải Giáng đi, nói với Giáng: "Anh nói gì thì nói, chửi gì thì chửi nhưng đừng động đến Bác Hồ đấy nhé!". Nhiều lần, Giáng bị Công an Cộng Sản bắt đưa vào nhà thương Chợ Quán, chính Nguyễn Thủy đã đi lãnh ra hai lần và một nhà Sư (hình như chùa Theravada) cũng đã lãnh Giáng một lần. Ngày 29.4.75, cũng chính Nguyễn Thủy đã bảo lãnh Giáng ra khỏi Phường Công an Việt Nam Cộng Hòa (Phường 1 gần nhà Thủy ở Chung cư Minh Mạng).

Tất cả những bất bình thường mà người đời cho là khùng điên của Bùi Giáng trong cuộc sống bụi đời, trong văn thơ, trong suy tư, trong tiếp vật xử thế, ứng sự của họ Bùi, phân tích đến cùng, có nhiều nguyên nhân ẩn tàng trong tiềm thức và vô thức của Giáng qua nhiều tác động sau:

- Trước hết, do tác động của những ẩn ức sinh lý từ lâu đời đến ngày nay... Giáng hình như có yếu một thôn nữ vùng quê mình nhưng vẫn yêu trộm nhỏ thầm đến ngày rồi bỏ ruộng đồng

ra thành. Rồi ở Sài Gòn, Giáng âm thầm si mê nhiều người đẹp, có khi là những giai nhân qua đường, nhưng không bao giờ Giáng thổ lộ với ai mà chỉ biểu hiện bằng thái độ và cử chỉ rất dễ thương. Mến một nữ sinh viên Đại Học Sư Phạm tên là H.H.T.V., Giáng tìm đến trường giữa giờ Giáo sư đang giảng bài, réo tên cô ra nói chuyện với Giáng và mặt sát thậm tệ các giảng viên Cộng Sản tại trường Đại Học Vạn Hạnh (Đại Học Sư Phạm được Cộng Sản dọn về Đại Học Vạn Hạnh) là không đáng xách dép cho cô chủ đứng nói giảng dạy. Cô nữ sinh viên này rất trẻ, không đẹp nhưng duyên dáng, thông minh, dạn dĩ và rất giỏi Anh văn. Bùi Giáng có lần đùa thơ tiếng Anh cho cô đọc, dịch và giảng, cô đã khiến Giáng ngạc nhiên, nhiều lúc gọi cô là "Thánh Nữ, Tiên Nương". Một hôm, tại nhà Thủy, Thủy đi đâu vắng, Giáng qui xuống trước cô, bảo cô hãy đặt đôi bàn chân cô lên đầu mình và cho Giáng hôn chân... Năm 1985 hay 1986 gì đó, bỗng nhiên có hai cô, một cô là Đ.N.L.H. (Giáo viên cấp ba, người Huế, và một cô nữa (hình như là cháu của nhà văn Cung Giu Nguyễn - cô bảo thể) xách đồ đạc đến nhà Thủy ở luôn cả hai tháng. Giáng đến, thấy thế cũng ở luôn với Thủy (Giáng từng đến nhà Thủy nhiều lần như thế), hai cô sợ quá nhưng rồi chính sau này cô giáo viên văn cấp ba (rất trẻ, chừng hai mươi bốn tuổi thôi) lại rất mến trọng Giáng, thường la cà với Giáng tại nhiều quán cà-phê, nhiều lúc rất tinh tú khiến mọi khách trong quán rất ngạc nhiên. Chính cô H.H.T.V. nói trên cũng từng làm như thế. Có điều nói là Giáng tuy đùa giỡn thất thường, có la hét lung tung nhưng với người tỏ ra thông cảm với Giáng thì Giáng lại không một cử chỉ hay lời nói cợt nhả, bậy bạ nào.

Trong "Tứ Tưởng Hiện Đại", tác phẩm có phần triết của Giáng và các thi phẩm như Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột... không thiếu những từ, những lời khá tục tĩu, văng ra một cách bất ngờ, sắp vạ để trở thành thơ... Về sau, khi đem in các bản văn và chính những nhà xuất bản đã gạt đi bớt, tuy thế vẫn có mùi ẩn ức sinh lý của kẻ tài hoa là Bùi Giáng. Giáng tự coi mình là "Bán dùi". Nghĩ ra, tất cả đáng yêu, đáng thương hơn đáng trách.

-Trong những lần nói chuyện với tôi, với Tạ Kỳ và có thể với nhiều người khác, Giáng có mặc cảm hơn người và độc đáo trong sáng tạo tứ tưởng. Văn

thơ của Giáng, theo Giáng, tuy thế, vẫn hầu như bị một thế lực văn hóa, văn hóa về phe tư bản nào đó nhận chìm (nhất là sau khi căn gác Giáng ở bị cháy, đốt toàn bộ sách vở, không rõ nguyên nhân thực ra sao), không cho ngóc đầu lên được. Giáng cũng hận rất nhiều khi viết bài ca ngợi một số bạn văn do yêu cầu hoặc do tìm thấy được một đôi câu, một đôi đoạn khá đẹp nhưng rồi sau đó, một số người này, được thời rồi, lại phê bình, dả kích, gièm pha Giáng. Do đó, Giáng có mặc cảm không tốt đối với nghệ sĩ đương thời và đâm ra "thù nghịch" với một số văn đoàn quen biết lúc bấy giờ.

-Nhưng sâu xa và suy đến cùng, thái độ, tâm trạng, xử sự nửa say nửa tỉnh và khi tỉnh khi say của Bùi Giáng, tất cả cái bất bình thường ấy nằm trong một sự bế tắc nan giải về tư duy và tư tưởng của Bùi Giáng. Giáng đọc rất nhiều Khổng, Phật, Lão và viết về Khổng, Lão, Phật rất siêu bằng những luận giải và tìm hiểu độc đáo của mình. Nhưng hầu như Giáng ngả hẳn về Phật và Trang Chu, cho đấy là nguồn sinh khí và tâm lực của Đông phương mà chưa ai lĩnh hội đến cùng như Giáng. Cái rong chơi với mô đồ linh kinh, nhòp nhúa trên vai rồi bạ đầu ngồi đó, yên nghỉ và nói làm xàm hoặc la hét của Giáng, Giáng tưởng chừng như một hình thức hiện đại của Bồ Đề Đạt Ma hay của Trang Tử ngao du thiên hạ. Giáng học tiếng Đức và viết Đức ngữ cũng rất hay để đọc Hegel, Heidegger và đọc Nietzsche, Sartre, Albert Camus, René Char, Simone Weil, St Exupéry, Gide, Holderlin (thi sĩ Đức), Witman (thi sĩ Mỹ) ... cảm thông với họ một cách khác đời. Giáng không bản khoăn về sự hiện và sự mất của con người cũng không tư lự để tìm hiểu về thế giới mai sau của nhân thế. Tất cả đều là đối tượng suy tư thường trực bất biến của các ý niệm tôn giáo. Những cái "buổi đầu tư tưởng, bình minh nguyên sơ, bình minh đệ nhị, cái giờ "phục sinh" (theo kinh thánh Thiên Chúa giáo)... Giáng luôn luôn nói đến những hầu như Giáng chưa tìm ra câu giải đáp nằm ý trong tiềm thức và vô thức của Giáng là vấn đề bản thể sự vật, tính chất của mọi hiện hữu... trên đời. Giáng suy tư nhiều về lẽ siêu hình và cái thực thể với thời gian theo triết lý của Heidegger (Kant et le problème de la Métaphysique - L'Être et le Temps), Giáng phân vân gần như điên loạn mà không bày tỏ được với ai về sự đồng nhất giữa thực thể và tư duy nằm trong

một nguyên lý chung nhất nào đó như "ý niệm" theo tư tưởng Hegel. Giáng đọc quá nhiều tư tưởng Đông và Tây phương và tiềm thức Giáng rối nhui trong cái mê lộ, mê cung của bản thể, tính chất, hữu thể, cái hữu, cái vô... cho đến tận cùng quả đất, tư duy nhân loại sẽ phải vỡ đầu cố gắng tìm hiểu. Ngày nọ Giáng xông xộc vào nhà tôi, đưa vội cho tôi cuốn Dialogue của Giáng vừa viết xong và nói: "Thầy đọc gấp cuốn này của em, có chết rồi không kịp đọc".

Có lần tôi sắp đi dạy học, Bùi Giáng tìm đến trao cho các sách bỏ túi về thơ của Apollinaire, Aragon, Tagore rồi bảo tôi giải cho đúng danh từ triết: "L'Être et le Néant, le Non-Être" của Jean Paul Sartre bằng triết. Tôi nói, tôi không hiểu sâu hơn họ Bùi, tuy tôi là đàn anh của Giáng. Và không ai vất vả bị Giáng phá rầy trong giấc ngủ, trong sinh hoạt hằng ngày bằng Nguyễn Thùy. Giáng cho rằng nhờ mình, nhờ nói đến mình mà một nhà văn, nhà triết thời danh bấy giờ nổi tiếng và với thái độ trịch thượng một cách dễ thương, Giáng nhất định Thùy hãy viết thư cho vị giáo sư kia gởi tiền cho Giáng hàng nhật vì Giáng là đối tượng cho sự kính nể phi pháp, phi lý của thiên hạ đối với người ấy. Có những buổi mạn đàm ngắn ngủi giữa Bùi Giáng, Nguyễn Thùy và tôi về thể sự, văn chương, triết lý và bao giờ có mặt tôi thì Giáng cũng giữ được tối thiểu sự nề nang và bình tĩnh, không vung vãi những lời thô bỉ, tục tĩu mà thường Nguyễn Thùy, Tạ Kỳ hay các bạn thân khác của Giáng được nghe rất bất ngờ ở Giáng.

Giáng có lần hỏi Thùy: Theo mày, cuốn Kiều có hay không? Thùy trả lời: "Hay là cái chắc rồi!". Giáng tỏ vẻ phẫn nộ và nói lớn lên, rất cộc cằn: Mày nói sai rồi! Phải nói: Truyện Kiều dở ẹt, đáng đem chùi... thì Nguyễn Du mới phục mày, kêu mày là vĩ nhân tri kỷ...". Thùy không hiểu được câu nói cực kỳ phạm thượng, mất dạy ấy của "Đuối Uối thi sĩ" và tỏ thái độ bất bình.

Cách đây khá lâu, nhân có bạn thân ở Pháp về, Giáng gởi tặng tôi hai cái hình rất cũ chụp từ bao giờ và hai câu thơ rất vỏ vắn trên một mảnh giấy lọ lem:

*Lời thơ bê bối muôn vàn
Sầu lên ngút tận mây ngàn tận
thân ...*

Giai thoại về Bùi Giáng còn nhiều. Bất kỳ ai sống ở Sài Gòn trong những thập niên 60, 70, 80 và sau này nữa cũng đều có ít nhiều câu chuyện về Giáng, chắc khó có một ai không nhớ một câu chuyện lạ đời về Bùi Giáng. Ngay cả Nguyễn Thùy thân thiết với Giáng bị "mắng chửi" nhiều khi thậm tệ cũng như từng bàn bạc, cãi cọ và gây gổ nhau như điên, cũng bảo không thể phân tích thế nào cho thật đúng về con người và văn thơ Bùi Giáng".

Đến nay, qua bao biến chuyển dị kỳ của lịch sử dân tộc, qua bao tang thương đổ vỡ của Tổ Quốc, số người Việt trước đây từng không chấp nhận và có thái độ chẳng thiện cảm nào đối với con người "Trung niên đười ươi thi sĩ" ấy, hẳn nhiên ngậm ngùi về thái độ của mình đối với những kẻ đã chiêm nghiệm và đã sống trước cái dòng lịch sử oái oăm, cái bi kịch của cõi thế đắm chìm trong thị phi, sai biệt.

Bùi Giáng vẫn có lối sống đó tại Việt Nam hiện nay và có thể không bao giờ thay đổi được. Nguồn vui mà Bùi Giáng mở màng thấy trong tư tưởng và trong những giấc mơ những lần ngủ vui trên những đồng rác sau cơn "điên", niềm vui đó vẫn chưa đến với Giáng cũng như với mọi người, với đất nước quê hương. Văn thơ cùng tư tưởng của Bùi Giáng đi vào lịch sử văn học đất nước, đánh dấu một giai đoạn của văn chương Việt Nam vong quốc thì các giai thoại về Bùi Giáng sống cùng những cái "điên loạn, ngông cuồng" của Giáng cũng sẽ được nhắc nhở hoài trong văn chương, văn học.

Gần đây trên báo chí hải ngoại, nhiều bạn nói về Bùi Giáng. Là người gần gũi Bùi Giáng khá nhiều từ hồi thứ sinh của Giáng đến khi trưởng thành "lỗi lạc điên loạn", tôi đóng góp thêm những hiểu biết thú vị của mình cộng với nhiều kể thuật chính xác của vài bạn khác về Bùi Giáng trước và sau 1975. Gọi là phác họa chung chung một bức chân dung đa dạng cùng tư duy, tư tưởng phức tạp của Giáng qua các tác phẩm của Giáng, một con người - đúng hơn là một hiện tượng, nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, nghĩa hẹp và nghĩa rộng- mà chắc sẽ còn có nhiều người nhắc đến trong nền văn học, văn hóa Việt Nam hiện đại.



Sau khi đã viết rất nhiều về nhà thơ họ BÙI, lần này tôi lại cũng nói về nhà

thơ quá cố : Một Bùi Giáng bắt đầu đi vào một cuộc sống đích thực triển miên với văn hóa sử Việt Nam. Một Bùi Giáng đi vào cõi bất tử từ mùa thu năm ấy, 1998, "Cõi thần tiên" chỗ không phải "Cõi người ta" như nhan đề một cuốn sách dịch của ông. Tôi có dịp nói về cái vui, cái buồn, cái thân tình, cái đùa cợt, cái bất thường được sống với người ở quê hương đất Quảng trên mảnh đất Hội An thuở nào cùng ở Sài Gòn từ lúc người vào đời đến khi trưởng thành tao loạn.

Hai mươi năm trôi xa cách Việt Nam, lòng mình luôn vọng về người môn sinh tài hoa lỗi lạc là nhà thơ họ Bùi để gọi lại bao hoài niệm thân thương giữa tình sử đê gấn bó và tình thân hữu đồng hương thắm thiết.

Mỗi lần có người thân về Việt Nam là tôi nhớ họ tìm đến thăm họ Bùi. Lần thứ nhất tôi được Giáng gọi cho 2 câu thơ vó vắn trên một mảnh giấy nhàu nát. Lần thứ nhì, khi người cháu tôi về Việt Nam, tôi nhớ tìm mọi cách để tìm gặp được nhà thơ và cuối cùng, sau những ngày dò hỏi khá khó khăn, anh ta tìm được họ Bùi nằm khoèo trên chiếc võng trong vườn nhà người em ở Gia Định, gần chùa Dược Sư. Họ Bùi đang say, miệng nói làm nhảm, thỉnh thoảng chửi đồng vào thể nhân và thiên hạ sự. Khi nghe nói có người cháu "Thầy Vũ Kỳ" đến thăm, họ Bùi bước xuống võng, hỏi thăm sức khỏe Thầy và sau năm ba câu chuyện không đầu, vội nhờ cây bút BIC và tập giấy của người khách mang theo viết đôi dòng nguệch ngoạc gởi cho tôi:

"Bùi Giáng kính tặng Vũ Khắc Vịnh và Vũ Kỳ sứ phụ. Bùi Giáng L'Empereur des Arabes et Chef suprême de l'Orient vous envoie quoi? l'Enormité de l'Enorme - l'Inoui de la Terre - de la Terre grave et sonffrante ecectra ...

Noel tôi gần chúng ta

Tình yêu vô tận như là hình dung

???

Đường qua ngôn ngữ cuối cùng

Niềm vui sở ngộ nào nùng bình

sinh

Tòng lai giả minh tâm tình

Còn số nguyên mộng phục sinh

bây giờ..."

Có lẽ trong cơn bàng hoàng ê ẩm tâm thần nên các vần thơ trên của Giáng vô nghĩa, khó hiểu và tối tăm vô cùng. Phần lớn thơ của họ Bùi là như thế.

Đến lần thứ tư, tôi cũng lại nhờ người cháu tìm đến thăm thì Giáng đi vắng và người nhà cũng không biết nhà thơ hiện ở ngõ gác nào. May mắn lắm, một tuần sau, tình cờ người ấy đi dạo trước Bưu Điện Sài Gòn thì bắt gặp Giáng đang ngồi vắt vẻo trên chiếc xe xích-lô có người đạp. Giáng bước xuống xe; anh phu xe hốt hoảng lại phân trần với người cháu tôi: "Sớm mai đến giờ, ông kêu xe tôi đi, đến bây giờ là hơn 4 tiếng rồi; hỏi tiền, ông nói không có; bảo xuống xe, ông không chịu và cự nự, ông bảo tôi cứ kéo nữa đến nhà quen của ông họ trả tiền cho. Tôi chưa biết phải làm sao đây cho ông xuống xe". Người cháu tôi hỏi người phu xe lấy bao nhiêu tiền anh đưa ra trả và mời Bùi Giáng vào một cửa hiệu bán dụng cụ văn phòng phía sau nhà thờ Đức Bà để mua nhiều giấy bút cho nhà thơ và sau khi hỏi thăm tin tức của tôi, nhà thơ vội kê giấy trên sạp viết đôi dòng thắm viếng tôi và gia đình. Lần này nhà thơ không đùa giỡn nữa mà lời lẽ chân thật, thân tình và trang trọng dễ thương:



(thủ bút của Bùi Giáng)

Kính gửi Thầy Vũ Kỳ
Con vừa gặp lại em Vũ Khắc Vịnh tại Sài Gòn. Mừng rỡ hết sức "Tận cùng bất chợt mà ra Trùng phùng nhân vật niên hoa buổi đầu"
Thưa Thầy thưa Cô
Vui vô cùng nghe em Vũ Vịnh nói rằng Thầy Cô vẫn mạnh khỏe như xưa (và có lẽ hơn xưa là khác!)

B. Giáng sẽ giao thầy một tập thơ môi toanh (1996) để thầy thông dong sử dụng cho phiêu diêu tuế nguyệt. Muốn năm tiền trình ...

Kính bút

Học trò cũ của Thầy

Bùi Giáng (ký tên)

Cùng với bức thư trên, họ Bùi sau đó nhờ người gởi tặng tôi tập thơ Rong Rêu mới in với lời nhã kính thân yêu. Trong đó, có bài thơ Giáng viết đề tặng anh Võ Văn Ái, Chủ bút tạp chí Quê Mẹ ở Paris, tôi gởi sang anh Ái bài thơ; anh Ái điện đàm với tôi, xin địa chỉ của họ Bùi, và chắc có gởi tặng nhà thơ một số tiền...

Hai năm qua... Bấy giờ 5 ngày sau khi nhà thơ mất tại Sài Gòn tức là vào ngày 12 tháng 10 năm 1998 (Họ Bùi lia đời ngày 7 tháng 10) thì tôi được người bạn báo hung tin từ quê hương. Thiệt là rụng rời, đau xót vì những hoài niệm hồi nào trở dậy của người đối với mình, hồi còn ở trong nước, ở miền quê xứ Quảng đất Hội An đến khi vào Sài Gòn, rồi đến lúc tôi ra nước ngoài xa cách mà thầy trò vẫn liên lạc với nhau bằng thư từ thắm thiết... Một chấn động tình cảm bất ngờ do 3 chiều triết lý của sự việc: chiều thời gian, chiều không gian và chiều hoài niệm, chiều nào cũng sâu thẳm xa xăm hun hút giữa nhà thơ với mình, bèn trút nỗi lòng bằng đôi câu đối hồn nhiên viết vội chân thành thắm thiết gởi đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong ở Mỹ và tạp chí Viên Giác ở Đức:

Kính viếng hương hồn nhà thơ Bùi Giáng

Ơi hỡi! Hoa lạc nguyệt minh, thiên tài vĩnh biệt, gió bụi mây trời, sầu ly hận.

Thôi rồi, "Ngàn thu rớt hột", xót tình sử đê, đoái nhìn quê mẹ, rừ màu tang.

Vũ Kỳ

(Bruxelles 10-1998)

Theo người bạn kể lại rành mạch cuộc tang lễ họ Bùi ở Sài Gòn thì linh

cũu nhà thơ quán tại chùa Vĩnh Nghiêm; suốt hai ngày 8 và 9 tháng 10, nhiều nhà trí thức, tu sĩ, văn nghệ sĩ và dân chúng mến mộ thiên tài đến bài viếng. Họ Bùi Vĩnh Trinh, quê hương nhà thơ ở Quảng Nam có soạn câu liên thơ:

Lô hỏa thuần thanh.

Vôi câu đối:

Tái tửu thân du Hoan Hỷ địa

Thao bút thi thành phường Ngoại Thiên

(Lửa lò xanh biếc. Quày rượu thân chơi miền Hoan Hỷ. Múa bút thành thơ chốn Ngoại Thiên)

Đặc biệt có đôi câu đối của các văn hữu thân tình:

"Mưa gió ngàn thu rớt hột về thăm dăm gái núi

Lá hoa mấy độ bãi cồn vương vấn trận mưa nguồn"

Nhà thơ Tưởng Linh cũng có đôi câu đối:

"Bùi Huynh - Trung Phước đội anh về

Đôi cũ mong người thuở giữ dê"

Cũng có nhiều tu sĩ, Đại Đức các chùa lần lượt đến cúng lạy. Trong đám văn nghệ sĩ đến chào vĩnh biệt, thấy có đủ các thế hệ, nào văn sĩ của Việt Nam Tự Do, một số người văn nghệ Cộng Sản. Và đông đảo xung quanh bàn thờ, có nhiều thân nhân tộc Bùi và đặc biệt có sự hiện diện của nữ nghệ sĩ Kim Cường. Người nghệ sĩ đã đi sâu trong văn thơ và cả cuộc đời của nhà thơ trung niên thi sĩ Bùi Giáng mà có lúc nhà thơ hết lời bồn chột, dứa giồn:

"Em lấy lừng ồ! tuyệt đối Kim Cường

.....

Thương em khắp phố phường

Nói nào chẳng thấy Một Nường Cường Kim?"

(Kính dâng Kim Cường Nường Tử - Bùi Giáng)

Người cháu tôi từ Việt Nam thuật cho tôi biết cả Sài Gòn gần như qui mến Bùi Giáng và thương hại anh, một tài hoa hiếm có mà tự mình đeo đuổi một cuộc sống khủng khiếp rất khắc kỷ mà anh không nhận thấy. Tội cho nhà thơ vô cùng, anh ra đi để lại cho đời

gần 20 tác phẩm; anh đọc nhiều, viết nhiều, dịch thuật thi văn đủ loại, từ nhiều ngoại ngữ, biên khảo, từ giáo khoa đến triết lý, văn học và sáng tác mấy nghìn bài thơ... Có bài vô nghĩa, có bài đa nghĩa, có bài hồn nhiên, có bài hùng thơ xuất thần tuyệt diệu mà người đọc tấm tắc hết lời ca ngợi như là độc đáo trên thi đàn.



Quả đúng, văn thơ của Giáng là một đại dương, khi dậy sóng thì chuyển biến vô thường thách đố làm sụp đổ mọi tư tưởng của lý trí bình thường. Khi tĩnh lặng, sóng yên gió tịnh thì dưới đáy sâu thẳm nổi lên bao nhiêu kỳ hoa dị thảo dồn dập đến vô cùng! Có những nhà văn viết kỳ tài xuất chúng nhưng vẫn là cái thấp là sà của thế nhân. Có những nhà văn thơ viết bình thường nhưng siêu nhân quái dị, thỉnh thoảng điểm vào đôi chớp lòe thần khải đột xuất khôn lường. Bùi Giáng ở vào hạng người sau đó vậy.

Có người bảo nhà thơ họ Bùi là điên loạn tập thành rồi trở nên thập thành. Có người cho rằng trung niên thi sĩ là con người lập dị đầy cao độ đến kỳ chướng quái gở. Dù nói sao cũng đúng cả ở trường hợp họ Bùi, vì đấy quả là đặc tính của thiên tài. Đúng như lời triết gia và nhà kinh tế học nổi danh Anh quốc là Stuart Mill đã nói: "Cái kỳ cục và sức mạnh của cá tính ở con người kỳ cục đi song song với thiên tài. Cái điều đánh dấu sự lâm nguy to lớn của xã hội chúng ta trong thời đại này chính là ta thấy có rất ít người dám kỳ cục dị thường, không dám đi ra ngoài các công thức xã hội".

Con người "bê bối, bê tha, ba-gai số dzách" các từ Bùi Giáng nói về

minh - của nhà thơ được biểu hiện đầy đở trong các thi phẩm của ông và đặc biệt mỗi đây trong tập **Rong Rêu** in ở Việt Nam vào năm 1995 :

"... "

Anh đắm đuối nhìn em như ngó tuổi

Tuôn dòng dòng từng đợt nước ngáy ngáy

*Anh tự hỏi: phải chăng mình bê bối
Bản thân mình, mình chẳng biết ra sao ...*

(Không Đều)

... "

Anh gạ gẫm: "Em cho anh hôn chút

Bồi tửu xưa anh rất mực bỏ vợ"

*Em đáp lại: "Chỉ cho hôn nửa phút
Còn nửa kia còn lại cho ông trời"...*

*- Vì khỏi thủy tôi vô chung vô thủy
Người tình em là rất mực ông giời
Ông giời ấy bây giờ say túy lúy
Mà yêu em vẫn vĩnh viễn ông giời*

... "

(Ồ! Các Em)

... "

Em vẫn biết từ đầu tiên tôi cuối

Anh quả nhiên là bối rối ruột rà

Nên em định một giờ nào sống mới

Sẽ chào anh tuyết bạch chỗ chẳng là

Em sẽ định hôn anh thật thắm thiết

Mặc dầu anh bê bối suốt sơn hà

Em sẽ nói rằng em thật nói thiệt

Em hôn anh lần nữa suốt ta bà.

(Vi Có Lê)

... "

Rồi từ đó anh trở thành quyết liệt

Quyết tâm điên và say rượu tận

cùng

Vi quyết thể đã từ đâu tận tuyệt

Tôi ngao du tuế nguyệt để tao phùng ...

Và đây lời thơ mộc mạc, ý hồn nhiên, hùng thơ dễ dãi như ánh sáng mặt trời đồng nội, một phương thức về nguồn nôm na của anh Sáu Giáng:

Đi Về Làng Xóm

Đi về làng xóm năm xưa

Viếng thăm quê cũ người chưa quên người

Người hỏi tôi: "Từ đâu ông đến nơi đây?"

- "Thưa cô thôn nữ từ đây tôi về"

- "Ừa phải anh Sáu Giáng đó không?"

- "Và cô có phải cô Bông năm nào?"

- "Anh còn nhớ rõ ôi chao!

Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh
Anh diên mà dzui - dzẻ thập thành
Chúng tôi tình táo mà đành buồn

hiu.

Cái cô đón của một thiên tài Bùi Giáng, giữa chợ đời huyền ảo, Giáng đành nằm khoèo trên gác hẹp trong ngô vắng, thôi không làm cảnh sát công lộ chỉ đường cho thiên hạ lại qua giữa phố phường rộn rịp, thôi không mang linh kính trên mình cả "một cái xe hoa" hỗn tạp lèng kèng nào lon sũa, nào giày dép đứt mòn, nào áo lót, quần đùi dờ bần... Thôi bây giờ mình đã vĩnh viễn nằm xuống rồi và nằm xuống dưới ông trời!

Mặc cho đời khen chê cái quan định luận!

Nằm đây nhớ phố bên ngoài
Nhỏ chân trời mộng lạc loài đi hoang

Tử sinh liêu giữa dặm ngàn
Rời vào ngô cụt khôn hàn éo le
Bao phen đứng phố ngồi hè
Giai nhân riu rít cộ xe dập diu
Cõi đời phút chốc tàn xiêu

Máu tim bất chợt hoang liêu tận cùng

(Niềm Đau)

Sau đây là một bài thơ lạ, rất mực lạ thường và phải sống cái thế giới tà ba, ba tà rối loạn nghìn cơn của Bùi Giáng mới cảm thông được cái thẳng hoa đa nghĩa tuyệt vời của thi hứng họ Bùi:

Người con gái hôm nay mặc quần đỏ
Vi hôm qua đã mặc chiếc quần đen
Đen và đỏ là hai màu rồi đó
Cũng như đời, đường hai nẻo xuống lên

Người con gái hôm nay mặc quần trắng

Vi hôm qua đã mặc chiếc quần hồng
Hồng và trắng là hai màu bên lên
Cũng như núi và rừng đều rất mực
chênh vênh

Người còn gái hôm nay mặc quần tím
Vi hôm qua đã mặc chiếc quần vàng
Vàng và tím là hai màu mím miệng
Mím môi cười và chúm chím nhe răng

Người con gái hôm nay mặc quần rách
Vi hôm qua đã mặc chiếc quần lành
Lành và rách đều vô cùng trong sạch
Bồi vi là lành rách cũng long lanh

(Người Con Gái Mặc Quần)

Đôi trang tâm thành, tim rưng rưng nhòa lệ, tôi viết vội với xúc động rộn ràng nơi tâm cảm, gọi là nên hương lòng của một người anh, một người thầy già lữ khách ở phương xa, đã đi trong cuộc đời của người em thiên tài

lỗi lạc từ quê hương đau khổ đến thị thành xa lạ, ngày nay không còn nữa!

Nhân ngày giỗ thủ hai, để tưởng niệm nhà thơ Họ Bùi, bây giờ đây chắc hẳn hương linh phát phở thanh thoát bay lên cao vút trong cõi vô thủy vô chung nào đó mà nhà thơ luôn luôn vọng tưởng.

"Bỏ trắng gió lại cho đời,
Bỏ ngang giữa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yêu bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con"

(Bùi Giáng)

Bruxelles ngày 06.07.2000

VŨ KỶ

THƠ : NGÔ MINH HẰNG

Xuân

giữa đông miền

Đất khách chiều đông trắng tuyết rơi
Ai lay, hoa tuyết rụng lúng trời
Rừng rùng, cánh mỏng theo thiên gió
Đậu xuống hồn tôi cánh ngậm ngùi.

Từ cách xa quê nửa địa cầu
Quê và tôi vẫn nhớ thương nhau
Chiều nay tuyết trắng hồn hoang đảo
Đá nhứt đường gân, sỏi buốt sầu.

Vẫn chuyện đau buồn của núi sông
Quê hương giục già vẫn bên lòng
Phần tử thế kỷ bao mùa tuyết
Tuyết hồi, tha hưởng đủ lạnh lùng!

Đã đủ. Ôi người thức dậy chưa
Dậy đi, Tổ Quốc mỗi mong chờ
Dậy đi, tay nối bàn tay để
Đất nước vàng bay một sắc cờ.

Tôi bước trong rừng tuyết trắng bay
Tùng bông tuyết lạnh nổi chân giày
Vẫn mở lửa ấm, xuân huyền nhiệm
Xuân giữa đông miền, én hớp bầy ...



NĂM TY

NÓI CHUYỆN RẮN

Quỳnh Hoa



Người ta đã biết trên thế giới có khoảng 3.500 loài rắn, nhưng không phải tất cả các loài rắn đều độc mà chỉ có 300 loài rắn có nọc độc gây nguy hiểm tử vong cho người và động vật lớn, còn lại 90% là rắn lành. Rắn sống bằng ếch nhái, trứng, chim, chuột, cá, thằn lằn...

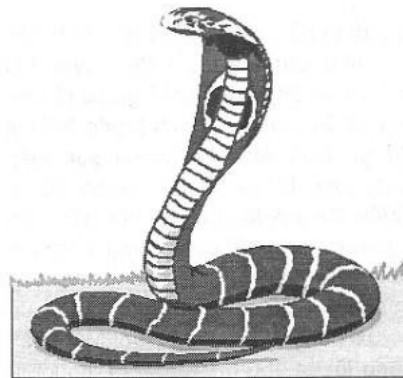
Về rắn độc thì Châu Á có 165 loài rắn độc, Châu Mỹ có 91 loài, Châu Phi có 75 loài, Châu Âu có 8 loài, Châu Úc có đến 80 loài rắn độc, số rắn độc nhiều hơn rắn lành. Đảo Tasmania cực nam Úc Châu toàn bộ các loài rắn đều độc. Ngược lại tại một số đảo như Hạ-Uy-Di thì lại không có rắn độc trên đất liền. Các loài rắn độc hầu hết đều có đầu hình tam giác (3 cạnh).

Rắn biển có khoảng 45 loài, nhiều nhất tại các vùng biển nhiệt đới, hầu hết đều có rắn độc, tuy nọc ít nhưng độ độc gấp mấy chục lần so với nọc độc rắn hổ mang trên đất liền, chúng sống ở các cửa sông, ven bờ biển, trong rặng san hô, nơi có nhiều hang đá một số rắn biển rất nguy hiểm nhất là con đèn (*Distira cyanocincta*) nọc độc của chúng có độc tính mạnh hơn giống rắn hổ mang (*Naja Naja*), mỗi lần cắn chỉ tiết ra 2-3 mg trong khi rắn hổ mang phải cần đến 20 mg. Con đèn có thân hình như rắn trên đất liền

nhưng đuôi giẹp dùng làm mái chèo di động dễ dàng dưới nước, đèn mò da lưng màu xanh xám với nhiều khoanh vàng đen là loài rắn biển có nọc độc nhất trong các loài rắn biển, nên nọc độc của đèn mò được dùng điều chế huyết thanh trị chung cho các trường hợp bị rắn biển cắn.

Rắn độc sống trên cạn có nọc độc mạnh nhất là rắn cạp nia (*Bungarus candidus*) chỉ cần 1,5 mg nọc độc đủ để làm chết người nặng 60 kg, nọc độc rắn hổ mang chúa có thể làm chết một con voi. Nói về rắn độc thường gặp ở các nước nhiệt đới thì có thể kể đến các loài như sau :

- Rắn hổ mang còn gọi rắn hổ đất, rắn mắt kính, hổ phi, Cobra, tên khoa học là *Naja Naja* thuộc họ rắn hổ Elapidae, rắn dài khoảng 2 đến 3 m, thân màu nâu đen, trên cổ có điểm trắng to hình mặt trăng, một số con có 2 điểm trắng này gần nhau giống như 2 mắt kính nên còn được gọi là rắn mang kính. Quanh cổ và giữa thân có nhiều hàng vảy. Rắn thường sống trong hang chuột, ổ mối, dưới gốc cây, trong bụi cây... Loài rắn này hay tức giận, tự vệ rất hung hăng, khi nổi giận thì đầu cất cao, thân phía trên đứng thẳng, cổ banh ra phun phì phì, có nọc độc gây chết người.

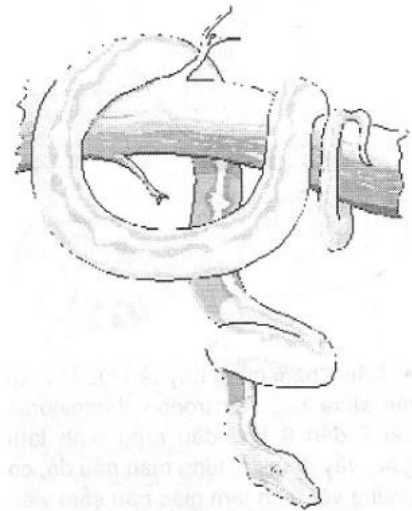


- Rắn hổ mang chúa hay hổ mây còn gọi Cobra royal *Naja*, King Cobra tên khoa học *Ophiophagus hannah* Cantor. Rắn to dài 4 - 5 m nguy hiểm hơn rắn hổ mang thường. Cổ không có điểm trắng, có vảy quanh cổ và giữa thân, ở những con sống lâu có mọc sừng dưới bụng. Rắn đi trên các ngọn cây như giống như gió. Người gặp rắn hổ mây cần coi như Ngọc Hoàng giữ sổ vì chết không kịp cữu.

- Rắn hổ mang thuộc chi *Agkistrodon* thì có 2 loại:

- Rắn hổ mang thuộc chi *Agkistrodon rhodostoma* Poie (*Calloselaema*) thuộc họ *Crotalinae*. Thân dài khoảng 1 m, đầu hình tam giác (3 cạnh) đầu vênh lên trên, vảy trên lưng màu đỏ nhạt hay xám nhạt hay nâu nhạt với những đốm 3 cạnh rộng nâu sẫm viền trắng.

- Rắn hổ mang *Agkistrodon acutus* Gunther được dùng làm thuốc ở Trung Quốc với tên bạch hoa xà, bách bộ xà, kỳ bàn xà, dài khoảng 1,80 m, đầu dài vênh lên trên

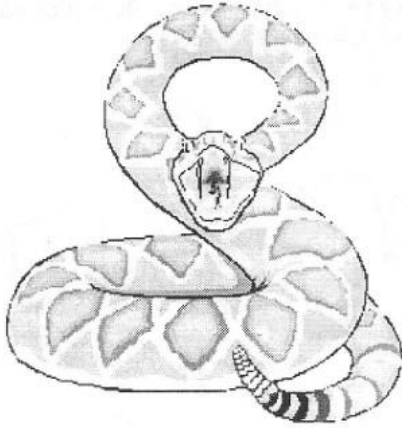


- Rắn cạp nong còn gọi là mai gầm vàng tên khoa học là *Bungarus fasciatus* Schneider thuộc họ Elapidae. Thân có hàng khoanh đen khoanh vàng xen kẽ; vảy trên lưng hình lục giác (6 cạnh), giữa sống lưng có gờ dọc rất rõ. Đuôi tận cùng bằng vảy cứng. Rắn sống trong rừng hoặc gần nơi ở của người như bờ ruộng, bờ sông, vườn... Rắn có nọc độc gây chết người trong tức thời.

- Rắn cạp nia, hay mai gầm bạc, còn gọi rắn đen trắng, tên khoa học *Bungarus candidus* thuộc họ Elapidae, dài khoảng hơn 1 m, màu đen xanh hay nâu sẫm có khoanh trắng hay trắng vàng. Thường chiều rộng một khoanh trắng không quá chiều rộng của một vảy trên lưng, khoanh trắng hẹp hơn khoanh đen. Rắn cạp nia có từ 40 đến 60 khoanh trắng mang tên khoa học là *Bungarus multicinctus*, được dùng làm thuốc ở Trung Quốc gọi là bạch cục xà, bách tiết xà, mao cân xà.

- Rắn lục xanh, tên khoa học *Trimeresurus popeorum* Smith, dài

khoảng 1 m, màu xanh lá cây, đầu hình tam giác, có lớp vảy nhỏ ở cổ, con người màu da cam, tính hung dữ, phản ứng mổ rất mạnh, thân bật về phía trước. Sống trong bụi cây, giàn cây rậm rạp gần mái nhà, vì vậy ở những vùng quê miền nhiệt đới người ta khuyên không nên trồng giàn hoa, giàn cây tựa vào mái nhà và đi đường không nên cầm cây quất vào bụi rậm. Rắn lục sinh đẻ mỗi lứa 5 - 7 con.



• Rắn Chàm quạp hay rắn lục Mã Lai tên khoa học *Ancistrodon rhodostonia* dài 7 đến 9 tấc, đầu rộng hình tam giác, vảy đều lớn, lưng màu nâu đỏ, có những vết hình tam giác nâu sẫm viền trắng xếp từng đôi. Rắn đẻ trứng, rắn mẹ canh cho đến khi nở con. Rắn kiếm ăn vào ban ngày. Rắn này rất độc luôn ở tư thế sẵn sàng, cắn là chết.

Như vậy trong các loài rắn, rắn cạp nia (*Bungarus Candidus*) là độc nhất chỉ cần 1,5 mg nọc độc đủ gây chết người. Khi bị rắn này cắn thường lúc đầu không thấy đau, chỉ thấy tê tê, chỗ bị cắn không bị sưng, không mào do đó nhiều người không chú ý mà chết, nọc độc làm co giật các cơ bắp thịt, nhiễm độc đến đâu thì co giật đến đó, gây chảy máu, máu không đông, đau bụng rồi nghẹt thở mà chết. Rắn hổ mang cắn cũng gây tử vong do nọc độc làm tê liệt trung tâm hô hấp, nhiễm độc dây thần kinh...

PHẢI LÀM GÌ KHI BỊ RẮN ĐỘC CẮN?

Trước hết đặt một ga-rô quanh và cách trên vết cắn 5cm, dùng cột chặt quá làm máu nghẽn lưu thông, cột hơi nổi lòng làm sao có thể đứt ngón tay qua lọt, để nạn nhân nằm bất động hoàn toàn hầu làm chậm sự lan truyền nọc độc và đưa đi cấp cứu ngay. Ở các

vùng thôn quê hoang dã nếu không thể đưa đi cấp cứu được trong vòng một giờ đồng hồ thì phải rạch da (bằng dụng cụ đã tiệt trùng) vết cắn và chỉ hút bớt nọc độc khi nào có các dấu hiệu trúng độc rõ ràng như vết thương sưng lên, đau nhức, nổi đỏ. Nên rạch vết cắn với độ sâu ngang với độ sâu vết cắn theo hình chữ thập, rồi có thể dùng ống giác hoặc ống trúc để hút (trong trường hợp quá khẩn cấp không có phương tiện để giác hút bớt máu ra, như khi xưa người ta dùng miệng để hút, mà không hề hấn gì) sau đó rửa vết thương bằng dung dịch thuốc tím nồng độ 1%.

Trong dân gian, tổ tiên ta từ xưa đã có cục than để hút nọc độc, cách điều chế cục than hút nọc rắn như sau: Sừng nai của thành khoanh chiều cao khoảng 1 đến 2 cm để trên miếng ngói mới, trên đây một cái om đất, lấy bùn nhồi với lá khoai và cám đắp kín, trên đó một đồng trống, châm cục lửa than vào và un (đốt) một đêm sừng nai thành than. Dập tàn lửa cạy nôi lấy cục than ra, nó có sức hút rất mạnh. Để sử dụng cục than này người dùng dao rạch vết thương cho hơi chảy máu rồi để cục than vào cho nó hút, khi cục than đã no nước thì nó rớt ra, người ta đem cục than ngâm rượu phơi khô để dành dùng lần khác.

Người ta đã chế ra Rượu Hội để trị rắn cắn như sau: Hà thủ ô đỏ, xuyên bối mẫu, quế tốt (mỗi thứ 40 g). Bạch chỉ, đậu khấu, bán hạ, bạch thược (mỗi vị 24 g). Ngũ linh chi, xuyên sơn giáp (mỗi loại 16 g). Hùng hoàng 20 g. Rượu đế 1,5 lít. Các vị trên tán nhỏ ngâm với rượu đế trong vòng 10 ngày. Khi bị rắn cắn tùy theo nặng nhẹ cho uống ngay 50 ml rượu hội này, sau đó 5 - 10 phút lại uống một lần. Một ngày uống tối đa 150 ml. Ngoài ra, người ta còn dùng bông gòn tẩm rượu hội xoa, băng nhẹ vào vết cắn.

Nếu đưa đến bệnh viện kịp thời thì người bệnh sẽ được tiêm chích ngay thuốc huyết thanh chủng nọc rắn càng sớm càng tốt. Huyết thanh này được điều chế từ huyết thanh ngựa đã được tạo miễn dịch bằng nọc độc của một loại rắn độc có khả năng làm mất độc tính của loại nọc độc này. Mỗi loại huyết thanh kháng nọc rắn chỉ có hiệu lực đặc trị cho từng loại rắn mà thôi.

(Quỳnh Hoa sưu tầm)

Toa thuốc

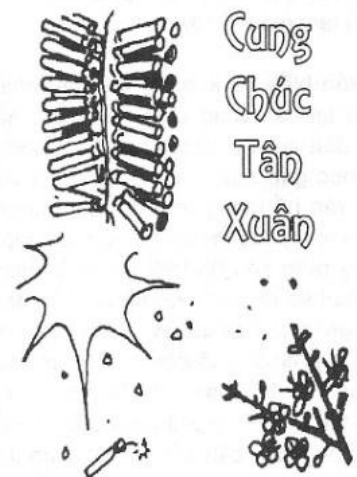
**hiệu nghiệm
trị bệnh Huyết áp
cao tại Bắc Kinh**

- Bạch hồ tiêu (hạt tiêu trắng) 7 hạt
- Gạo nếp 7 hạt
- Nam hạnh nhân 4 đồng/cân
- Chi tử 2 đồng/cân
- Đào nhân 2 đồng/cân

Nghiền lẫn 5 vị trên thành bột, dùng trứng gà nhào thành bánh, trước khi đi ngủ đắp vào lòng bàn chân (nam bên trái, nữ bên phải). Xong dùng vải thô bọc chặt lại. Ngày hôm sau biến thành màu xanh là hiện tượng bình thường. Người bệnh nặng làm 3 lần, bệnh nhẹ 2 lần.

Môn thuốc này là tên tội phạm Lý Tiên Dich hiến. Lý phạm tội tử hình; môn thuốc này nếu chữa khỏi 1000 người, tội của hắn sẽ được giảm.

Hiện nay đã chữa khỏi 700 người. Vậy nếu vị nào dùng phương thuốc này chữa khỏi bệnh, xin gửi thư báo cho "Bệnh Viện Nhân Dân Nhu Đức Nhân tinh Hồ Bắc, Trung Quốc"



Cung
Chúc
Tân
Xuân

Ngày xuân phiếm luận về RẮN

Phan Hưng Nhón

Thấm thoát thời gian qua rất mau. Một năm mới sắp đến, đây là năm Tân Tỵ tức là năm con Rắn.

Đến nay cũng chưa ai giải thích được vì sao người xưa đã đặt động vật thuộc loại bò sát này vào vị thế thủ sáu của vòng con giáp. Gia đình nhà rắn rất đông và đủ loại, đủ cỡ. Ở Việt Nam được chú ý nhiều là các loại rắn lục, rắn nước, rắn hổ mang, rắn mai gầm, rắn hổ hoặc rắn bông súng. Mọi loại rắn không ít thì nhiều đều nguy hiểm cho loài người vì miệng rắn có nọc rất độc. Đáng sợ nhất là những con có đầu hình tam giác, ai rui bị nó cắn thì khó mà kéo dài mạng sống. Vì thế người gặp rắn thường tìm đủ cách để giết rắn. Nhưng giết không phải là chuyện dễ dàng, ngoại trừ vào lúc đứng trưa ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch. Điều rất lạ lùng là vào thời khoảng đó rắn rết đều lẩn trốn đâu hết. Nếu có gặp được con rắn nào thì nó có vẻ lơ đãng về thân thể và chậm chạp nên người mình thường có câu *lờ lẩn như rắn mùng năm*.

• Truyện tích về rắn :

Khắp thế giới có rất nhiều truyện tích về rắn nhưng trong mọi truyện rắn thường đóng vai trò vô ơn bạc nghĩa, độc kị, độc ác, gian dối hay nguy hiểm cho loài người.

• Truyện rắn ở vườn địa đàng:

Trong sách Thánh Kinh có kể rằng vào thời mới khai thiên lập địa, Chúa đã tạo dựng ra ông Adam để làm thủ tổ của loài người và Adam sống trong vườn địa đàng. Tại đây đời sống Adam thật là đầy đủ, muốn gì có nấy, nhưng Adam vẫn buồn. Dù hiểu Adam buồn vì cô đơn nên từ một xương sườn của Adam, Chúa đã tạo dựng thêm một người nữ là Eva để sống chung với Adam cho có bạn. Từ đó Adam vui vẻ

cùng Eva sống trong vườn địa đàng đầy hoa thơm, cây trái ngon lành. Cả hai đều trần truồng ngây thơ không một chút ngại ngùng. Suốt ngày chỉ cùng nhau vui đùa và sống thanh nhàn khỏi phải làm việc gì cả vì mọi nhu cầu đều có sẵn. Chúa chỉ cần dặn một điều là vợ chồng Adam-Eva không được ăn trái cây táo ở góc vườn. Nhưng một hôm nọ vì Adam còn ngủ, Eva dậy sớm thành thói nên đi dạo trong vườn một mình. Nhưng khi Eva đi ngang gần cây táo thì con quỷ Stan mượn hình con rắn hiện ra dùng lời ngọt ngào quyến rũ Eva nên hái một trái táo để ăn vì táo ở cây này rất ngon. Lúc đầu Eva viện cớ rằng Chúa đã cấm nên không dám ăn, thì con rắn lại don đả nói ngay rằng: "*Chúa cấm không cho người ăn là vì sợ người sẽ bằng Chúa. Hãy nghe lời ta hái một trái để ăn rồi người sẽ bằng Chúa ngay và người sẽ hưởng thêm lắm điểm phúc*". Eva nhẹ dạ liền hái một trái bỏ vào miệng cắn xong một miếng thì Adam vừa đi tới. Thấy vợ ăn táo mà Chúa đã cấm, Adam la hoảng: "*Sao em ăn táo mà Chúa đã cấm? Chúa sẽ phạt đuổi em ra khỏi vườn địa đàng*". Vừa nói đến đấy thì Adam sực nhớ lại hoàn cảnh mình trước ngày chưa có Eva nên lòng càng buồn thối thía khi nghĩ đến cảnh phải trở lại hoàn cảnh cô đơn ngày trước một khi Eva bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Eva vừa hối hận vừa khóc lóc nói: "*Thôi thì đã lỡ như vậy thì anh hãy liều cùng ăn táo với em, Chúa có phạt thì phạt cả hai mình khỏi phải xa nhau*". Vì thương vợ, Adam vừa đưa miếng táo lên miệng cắn một miếng thì bỗng đâu Chúa xuất hiện và hỏi hai người tại sao lại dám ăn trái cây táo mà Chúa đã cấm. Adam và Eva lúc đó núp sau bụi cây vì bắt đầu thấy thẹn thùng. Adam run rẩy thưa lờ ăn vì do vợ đưa mời. Eva thì nói tại con rắn dụ dỗ. Chúa bèn phán: "*Từ nay hai người phải rời khỏi vườn địa đàng, phải làm lụng suốt ngày vất vả để sinh sống, Eva sẽ phải mang nặng đẻ đau*". Chúa cũng đuổi luôn con rắn ra khỏi vườn địa đàng cùng nói rằng sẽ có ngày rắn sẽ bị một người đàn bà đập giập đầu.

Truyện trong Kinh Thánh như thế cho biết vì con rắn mà Adam và Eva đã phạm vào tội Tổ Tông khiến loài người ngày nay phải vất vả trong cuộc sinh sống. Từ truyện này cũng có thể rút ra một kinh nghiệm là điểm yếu của phụ nữ là lòng kiêu ngạo, đó là *gót chân Achilles của các nàng*. Muốn thành công với họ người đàn ông đừng quên điều đó và cũng nên nhớ rằng đáng ngại nhất ở người phụ nữ chính là

nước mắt của họ khiến lắm anh hùng cũng phải lụy.

• Truyện tích dân gian Việt Nam:

Một ngày nọ, một nông dân thấy một con rắn con đang nằm đói gần chết nên thương tình đem rắn về nhà để nuôi, nghĩ rằng nếu được nuôi dưỡng tử nhỏ thì về sau lớn lên rắn cũng sẽ thuần hóa như chó hoặc mèo. Được nuôi dưỡng chu đáo, con rắn càng mau lớn lại ăn nhiều. Rắn ăn đủ thú tử ếch nhái và ngay cả gà cũng không từ. Một năm nọ trời hạn hán nên mùa màng đều thất thoát, người nông phu cũng lâm vào cảnh đói khổ. Vì không đủ đồ ăn cho rắn, con rắn củ than đói hoài, người nông phu bực mình mới nói: "*Chính ta đây cũng đói nhưng chưa kiếm được gì để ăn. Hãy đợi khi nào ta kiếm được thì người cũng có phần*". Con rắn nổi giận nói: "*Hãy kiếm ngay đồ ăn cho tôi, nếu không tôi sẽ cắn ông chết*". Nghe vậy người nông phu mới nói: "*Thế gian thường có câu, cừu vật vật trả ơn, còn người ơn người không trả lại còn đòi báo oán, người không thấy người xử sự như vậy là sai trái hay sao, không tin người hãy cùng ta đi gặp các con vật khác để hỏi xem thú ai phải ai trái!*"

Thế là người cùng rắn ra đường thì gặp ngay con quạ. Vừa nghe rắn trình bày xong là con quạ liền mắng ngay rằng: "*Mày là đồ phản phúc. Nếu không có ông ta cứu mày lúc trước và nuôi dưỡng mày thì mày đâu có được sống đến bây giờ*". Kể đó gặp con rùa vừa đi tới, con rắn liền chặn lại để hỏi ý kiến. Nghe rắn kể xong con rùa liền nói: "*Hắn đã để người đói thì người cứ việc cắn nó đi!*". Ngay lúc đó có con quạ đang đậu trên cành cây gần đấy nghe được chuyện rắn vừa kể cho rùa bèn tức giận la lên rằng: "*Mày là kẻ vong ân bội nghĩa, để người sống làm gì thêm xấu hổ cho thú vật*". Vừa dứt lời là quạ bay sà xuống mổ ngay vào đầu con rắn khiến rắn chết ngay. Rắn tuy chết nhưng vẫn cho rằng nó bị chết oan nên hồn nó tìm đức Phật Như Lai để khiếu nại thì đức Phật liền phán rằng: "*Bất nghĩa và phản bội như người thật là đáng tội rồi còn khiếu nại gì nữa?*". Kể đó đức Phật ra lệnh cho con quạ tha con rắn treo lên trên ngọn cây để cảnh cáo những thú khác. Từ đó về sau ở Việt Nam vào những ngày lễ lớn, người ta thường thấy gần các chùa chiền hay đình có treo một tấm vải màu vàng lục được gọi là cây phướn, đó là hình ảnh tượng trưng cho con rắn đang chịu hình phạt vì tội vô ơn bạc nghĩa. Con hạc là con vật có

nghĩa nên được thưởng được dùng trên, dùng trước. Con rùa vì tội xúi bậy bị phạt phải "lên chùa đội hạc, xuống đình đội bia".

• **Chuyện rắn báo oán :**

Trong mọi chuyện tích về rắn, chuyện rắn báo oán có lẽ là truyện được nhiều người biết nhất vì truyện có liên quan đến Nguyễn Trãi, một đại công thần nhà Hậu Lê, từng phò giúp vua Lê Lợi giải phóng đất nước Việt Nam khỏi ách thống trị của quân nhà Minh.

Theo truyện này thì lúc trẻ, Nguyễn Trãi có mở trường dạy học. Một hôm Nguyễn Trãi sai đám học trò dọn dẹp khu đất gò phía sau nhà trường. Tối hôm ấy Nguyễn Trãi nằm mơ thấy một người đàn bà bồng hai đứa con nhỏ đến van xin Nguyễn Trãi cho hoàn cọn dọn dẹp vài hôm để đủ thì giờ dọn đi nơi khác.

Sáng hôm sau tỉnh giấc Nguyễn Trãi đến trường thì đám học trò đã dọn dẹp xong rồi và đám học trò cho biết có gặp một con rắn hổ lớn chỉ kịp chặt đứt đuôi thì nó lẩn trốn mất để lại hai trứng rắn. Nghe xong Nguyễn Trãi nghĩ ngay đến người đàn bà từng báo mộng đêm qua. Tối hôm đó Nguyễn Trãi đang ngồi đọc sách thì có một con rắn tú trên xà nhà nhỏ một giọt máu rơi trúng vào chữ đại (có nghĩa là đời) ở trang sách rồi thấm đến ba trang giấy thì Nguyễn Trãi biết rằng con rắn ấy báo tin sẽ báo oán đến ba đời. Đến thời Nguyễn Trãi làm quan, một hôm dạo chơi ở Hồ Tây, thì gặp một cô gái bán chiếu rất đẹp, đầy vẻ đa tình nên Nguyễn Trãi dùng thơ để gheo:

Á ở đầu mà bán chiếu gon ?

Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?

Xuân xanh phỏng độ bao nhiêu tuổi ?

Đã có chồng chưa được mấy con ?

Nào ngờ cô gái thản nhiên đáp lại:

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,

Can chi ông hỏi hết hay còn,

Xuân xanh phỏng độ trắng tròn lè,

Chồng còn chưa có, hỏi chi con ?

Thấy cô gái vừa đẹp vừa thông minh lại hay chữ, Nguyễn Trãi cưới nàng về làm hầu thiếp. Tài sắc vẹn toàn của cô gái tên là Nguyễn Thị Lộ này được đồn đến tai vua Lê Thái Tôn. Một hôm nhân ngự giá du hành, vua Lê Thái Tôn ghé thăm Nguyễn Trãi thì gặp buổi Nguyễn Trãi vắng mặt chỉ có Thị Lộ đón tiếp. Sau đó vua Lê Thái Tôn truyền lệnh cho Nguyễn Thị Lộ cùng theo vua về kinh để dạy dỗ các cung nữ. Đêm đó thuyền rồng vừa tới sông

Đuống thì trời tối. Vua truyền lệnh đưa lại bến Trại Vải để nghỉ đêm. Tường truyền Thị Lộ được lệnh hầu rượu và ngâm thơ. Đêm ấy vua thức suốt đêm với Thị Lộ thì gần rạng sáng có tin nhà vua đã băng hà. Sau đó có tin nói rằng chính Thị Lộ bỏ độc vào rượu của nhà vua để giết nhà vua theo lệnh của Nguyễn Trãi, nên sau đó Nguyễn Trãi bị triều đình tuyên án tru di tam tộc.

Thật sự, chuyện rắn báo oán này do Hoàng Thái Hậu cùng bọn nội quan dựng ra và nói rằng Nguyễn Thị Lộ là hiện thân của con rắn ở sau trường của Nguyễn Trãi ngày trước nay hiện ra để báo oán dòng họ Nguyễn Trãi. Hoàng Thái Hậu cùng bọn nội quan đặt ra chuyện rắn báo oán là để che đậy cái chết nhục nhã của vua Lê Thái Tôn. Vua Lê Thái Tôn bản tính ham mê tử sắc, nay nghe đồn Thị Lộ là người tài sắc vẹn toàn nên có ý mượn cớ đến thăm Nguyễn Trãi. Đến khi gặp được Nguyễn Thị Lộ thì Lê Thái Tôn mê nàng ngay và muốn đem nàng theo nên mượn cớ truyền lệnh Nguyễn Thị Lộ về cung để dạy các cung nữ. Đêm đó tại bến Trại Vải nhà vua cùng Nguyễn Thị Lộ thức suốt đêm mãi đến gần sáng thì nhà vua bị thượng mã phong mà băng hà bất ngờ. Đại thần Trịnh Khả đã phải dùng thuyền thường bí mật đưa xác Lê Thái Tôn về cung, và mãi hai ngày sau mới phát tang. Lũ nội quan theo hầu nhà vua là Tạ Thanh và Lương Dật lúc đó mới theo lệnh Hoàng Thái Hậu Nguyễn Thị Anh mà tố cáo Thị Lộ bỏ thuốc độc giết vua.

Bọn quan lại triều đình nhà Lê vốn thù hằn Nguyễn Trãi nên nhân cơ hội này để hại dòng họ Nguyễn Trãi. Sở dĩ chúng thù Nguyễn Trãi là vì suốt trong thời kỳ làm quan Nguyễn Trãi luôn luôn đã phá bọn quan lại còn chịu nặng ảnh hưởng Hán nho của triều Hậu Lê. Số là ngày xưa sau khi thống trị được Giáo Chỉ, Mã Viện cũng như những Thái Thú kế tiếp đã áp đặt Hán Nho, ý thức hệ của vương triều xâm lăng Hán sang Giao Chỉ để thống trị tư tưởng của nhân dân xứ này. Đó là một chính sách nô dịch nặng nề về tư tưởng, văn hóa đối với nhân dân địa phương. Lễ giáo đạo đức đều xây dựng theo các nòng cốt cha con, vợ chồng thầy trò chỉ là những phụ lục cho cái rường cột tối cao là đạo vua tôi. Theo Hán Nho mọi người đều phải thần phục với "thiên tử", mọi dân tộc đều phải quy phục "thiên triều" do đó Hán Nho đã tạo dựng một số khoa bảng Giao Chỉ thành những người được người đời thời xưa gọi là Nam Nhân Bắc Hưởng. Đến đời Hậu Lê, tuy

nước nhà đã được tự chủ, bọn quan lại triều Hậu Lê còn chịu nặng ảnh hưởng của Hán Nho. Chữ Hán được chúng đưa sang hàng quốc gia văn tự trong khi chữ Nôm chữ của dân tộc lại bị chúng chế giễu là "nôm na mách quẻ" và bị cấm đoán. Ai bất tuân có thể bị tù tội nặng nề hay tử hình. Vì thế dưới triều Hậu Lê nhiều tuyệt tác văn chương chữ Nôm được phổ biến mà không mang tên tác giả. Nguyễn Trãi vì đã phá Hán Nho nên đã bị bọn quan lại triều Hậu Lê, nhất là bọn Đinh Liệt, Nguyễn Thiện Tích lợi dụng cơ hội này để trả thù. Còn Nguyễn Thị Anh chỉ lên vai về Hoàng Thái Hậu, chỉ sau vua Lê Thái Tôn đã băng hà và con đẻ của thị là Băng Cơ được lên ngôi, chớ thời vua Lê Thái Tôn còn sống bà cũng chỉ là một bà Phi mà thôi và vào thời đó bà cố giành cho được ngôi chính cung với bà phi Ngọc Dao con của vị công thần Ngô Tử người từng tiến cử Nguyễn Trãi lên vua Lê Lợi, nên Thị Anh nghĩ rằng Nguyễn Trãi cũng thuộc phe phái phò vệ bà phi Ngọc Dao nên cũng đã nhiều lần mượn tay của bọn nịnh thần để cố sát hại Nguyễn Trãi.

Như thế câu chuyện rắn báo oán chỉ là một câu chuyện bịa đặt để che giấu hành vi xấu xa của một vị vua cướp vợ của thần dân cùng quá say mê tử sắc mà phải chết bất ngờ, ngoài ra truyện còn được sử dụng để che đậy những bố cục thâm độc của giới quan lại nịnh thần còn chịu nặng ảnh hưởng của Hán Nho thời Hậu Lê. Vì rắn hiểm độc cho loài người như thế nên trong những truyện tích từ xưa lưu lại, con rắn luôn luôn là biểu trưng cho những sự nham hiểm ác độc. Người đời nay còn thường ví những kẻ nham hiểm hung dữ những lúc nào cũng giả bộ nói chuyện đạo đức giả nhân giả nghĩa là những kẻ *khẩu Phật tâm xà*. Những người có tâm tính ác độc được gọi là *xà yết* là những kẻ nên được mọi người xa lánh. *Xà thiệt* có nghĩa là lừa dối con rắn độc nhưng cũng được sử dụng để chỉ những kẻ chuyên ám hại đồng bào. *Xà hành* có nghĩa là bò sát đất như rắn nhưng cũng thường được dùng để gọi những kẻ miệng hùm gan sứa lúc gặp hiểm nguy thì quá sợ hãi mà có những hành vi đốn mạt. *Xà thốn tượng* là cử chỉ của những người quá tham lam, bạ gì cũng vớ vét không chừa khác gì con rắn định nuốt con voi. Trong lịch sử dân tộc những kẻ như Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống từng được dân Việt Nam xem như là những kẻ "*công rắn cắn gà nhà*". •

Họ đã đi rồi ...

Thích Như Điển

Hôm nay là chiều ngày 2 tháng 11 năm 2000, tôi đang đặt viết xuống giấy, để viết tựa đề này và gửi đến quý vị độc giả báo Viên Giác, nhân mùa Xuân Tân Tỵ sắp đến. Không biết quý vị sẽ chờ đợi hay phẩm bình gì về đề tài này không? nhưng tôi thì có nhiều chuyện phải viết để quý vị đọc.

Đức Phật đã dạy rằng: "Phàm các pháp có hình tướng đều không thật và luôn luôn biến đổi". Phải nghiệm cho kỹ lại bản thân mình và sự vật chung quanh thì đều như thế cả; nhưng mấy ai giữ lại được thời gian. Vì thời gian qua rồi, sẽ không bao giờ trở lại nữa. Hãy cố gắng mà sử dụng thời gian cho hợp lý trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người.

Cách đây 5 tháng, từ ngày 1 tháng 6 năm 2000 tại Hannover đã từng bùng lên khai mạc triển lãm Hội Chợ thế giới gồm 155 quốc gia tham dự và một số tổ chức độc lập. Có người mừng rỡ, có kẻ lo âu; có người trở nên giàu có và đồng thời cũng có lắm kẻ bị thâm lạm ngân quỹ. Nhưng tất cả cho đến hôm nay cũng đã qua đi, vì tất cả hầu như: họ đã đi rồi.

Họ đã đến, đã mang lại niềm vui cho thành phố. Họ là ai? là những người tuy khác màu da, ngôn ngữ, tập quán v.v... nhưng tất cả đã ở trong một khung trời chung của Hội Chợ. Họ đến để mang nền văn hóa của mỗi dân tộc đem giới thiệu với những người đi thường lãm. Theo Ủy Ban Tổ Chức EXPO dự định là sẽ có khoảng 35 đến 40 triệu người đến Hannover để thăm triển lãm; nhưng cuối cùng thì chỉ có 18 triệu rưỡi đã đến và đã đi mà thôi. Như thế, dự định ấy chỉ chiếm được 50% của công việc.

Người ta thay đổi đủ kiểu, nào chia ra 3 loại vé trong ngày khác nhau - từ 9 giờ sáng trở đi, hoặc 3 giờ chiều và 6 giờ tối. Mỗi lần như vậy số tiền vào của khác nhau là 69 DM, 49 DM và 15 DM. Trước đó thì phải trả tiền bãi đậu xe từ 10 - 20 DM một ngày cho một chiếc xe nhỏ; nhưng sau đó được quyết định là bỏ tiền bãi đậu xe; nhưng người đi vẫn ít. Có lẽ vì quảng cáo không rầm rộ chăng? hay tại vì Mỹ không có mặt?

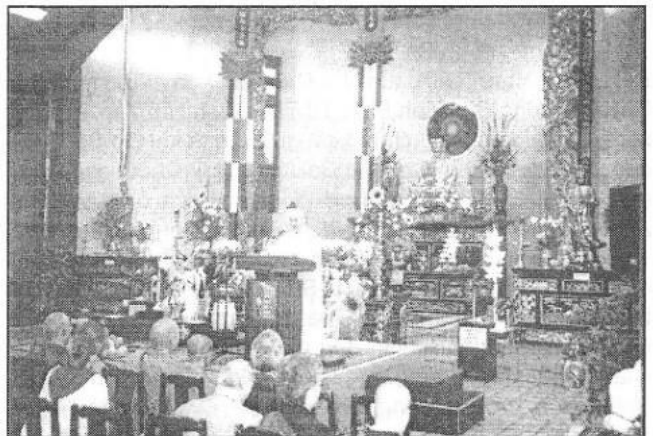


Các nhà tôn giáo và khoa học đang thảo luận về đề tài: "Phật Giáo và khoa học trong thực hành" tại Hội trường chùa Viên Giác

Chùa Viên Giác được cái duyên may là ở gần khu triển lãm; nên cũng đã tổ chức trong thời gian 5 tháng này, gồm 40 khóa hội thảo của nhiều tông phái Phật Giáo khác nhau. Nhiều buổi chiếu phim cũng như hòa tấu và văn nghệ. Cao điểm là những ngày 24 đến 26 tháng 10 năm 2000 đã có nhiều Giáo sư Đại Học, các nhà Khoa học về Tôn Giáo đã đến chùa và cùng chung Hội Thảo với đề tài: "Phật Giáo và Khoa Học trong sự thực tập". Giáo sư Schmidhausen đang dạy tại Đại Học Hamburg là một giáo sư nổi tiếng về Phật học cũng đã có mặt và Giáo sư Antes, Phân khoa trường Phân khoa Tôn Giáo tại Đại Học Hannover đã cùng 22 Giáo sư và các nhà Khoa học khác, luận bàn về Phật học. Nhưng bây giờ tất cả cũng đã qua đi. Vì họ đã đi rồi.

Đến ngày 27, 28 và 29 tháng 10 năm 2000 cũng là thời điểm để các tổ chức, các Tông phái của Phật Giáo tại Đức gần 200 người đã về chùa Viên Giác dự hội nghị với tiêu đề là: *Thời Gian, Tâm Thức và Cuộc Sống*. Có những vị diễn giả nổi tiếng như Thượng Tọa Ringu Tulku đến từ Sikkim. Ngài Nishijima đến từ Nhật Bản. Thượng Tọa Olande Ananda đến từ Hòa Lan. Tất cả đều cùng một nhịp điệu là đưa Phật Giáo vào cuộc sống hằng ngày của kiếp nhân sinh này. Đa nhiều khi tôi tưởng rằng mình đang ở một cõi xa xăm nào đó, đang ngồi nghe các vị luận sư thuyết giảng về Bồ Tát đạo và Trung Quán Luận. Tất cả đều "bất khả tư nghị"; nhưng nay thì không còn nữa. Vì tất cả họ đã đi rồi.

Đêm văn nghệ đêm 28 tháng 10 năm 2000 do Gia Đình Phật Tử Tâm Minh phụ diễn với 2 màn vũ và một màn múa lân đã làm cho người Đức hoàn toàn ngạc nhiên và thần phục để sau đó mọi người đều dành hết tâm tư của mình để lắng nghe những tiếng đàn tỳ bà, đờn tranh, đờn cò, đờn nhị của 3 người Áo đến trình diễn văn hóa Phật Giáo, dẫn truyền như đường văn minh từ lụa đi từ Ấn Độ sang Trung Quốc, Nhật Bản rồi đến Việt Nam với khúc nhạc Lưu Thủy thật tuyệt vời để rồi bước sang Âu Châu khế hợp với nền văn minh Trung Cổ tại đây cũng như nếp sống văn minh trong hiện tại. Tiếng đàn, tiếng sáo đôi khi cao vút, xoáy thẳng vào tâm linh của mọi người, khiến ai cũng trầm tư tĩnh thức. Vừa đời vừa đạo, vừa Thiền vừa Tịnh. Nửa như chú thiên, nửa như hạ giới, làm cho người nghe có một cảm giác thanh thoát nhẹ nhàng. Những giờ đây tiếng đàn đâu còn nữa và tất cả cũng đã qua đi. Vì họ đã đi rồi.



Thượng Tọa Thích Như Điển đọc diễn văn khai mạc Hội nghị của D.B.U. (Tổ chức liên hiệp Phật Giáo Đức) tại chánh điện chùa Viên Giác

Tối hôm đó ngày 29 tháng 10 năm 2000 tại Hội Trường chùa Viên Giác chúng tôi đã tổ chức một bữa tiệc để tiễn 2 người và mừng một người đến. Bữa tiệc không gì thịnh soạn; nhưng ai đến dự cũng mang cả một tấm lòng. Có độ 100

người cả Đức lẫn Việt. Ở nơi tôi có một cái gì khó diễn tả. Vì lẽ đôi khi tôi cũng bị động trước những sự việc như thế này. **Hạnh Hào** nguyên là một người Sinh viên Đức học tiếng Việt và tiếng Hoa tại Hamburg, trước đây 7 năm có ghé thăm chùa Viên Giác và đã tiếp chuyện với tôi cũng như quý Cô quý Chú tại chùa. Sau đó chú về chùa ở một thời gian, kinh kệ căn bản học xong thì thế phác xuất gia, trong khi cha mẹ cũng không hài lòng mấy; nhưng chí đã quyết; nên cuối cùng chú cũng đã đầu tròn áo vuông với pháp danh Thiện Bình. Rồi sau đó thọ Sa Di và tháng 3 năm 2000 này đã sang Úc thọ Đại Giới sau khi đã tốt nghiệp Cao Học ngôn ngữ học tại Đại Học Hamburg. Thời gian từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2000, Hạnh Hào phải lo cho 40 buổi hội thảo, ngồi thiền và tiếp không biết bao nhiêu khách như thế; cũng như mỗi ngày đều phải có mặt tại chùa Bhutan trong khu EXPO để hướng dẫn cho những người đi tham quan về thiền và giới thiệu về chùa Viên Giác. Tôi thấy điều ấy quá cực đối với một người Tây Phương như Hạnh Hào nên đã đồng ý để Hạnh Hào sau khi xong EXPO đi sang Nepal và Ấn Độ để ẩn tu, nhập thất một thời gian. Có thể là 1 năm hay nhiều năm liên tiếp như thế. Bây giờ chùa Viên Giác tại Hannover đã thiếu vắng hình dáng cao cao, nói tiếng Việt lớ lớ; nhưng có một tâm đạo rất nhiệt thành và đã quyết chí đi tu. Bây giờ thì Hạnh Hào đang bay bổng trên không trung để ngày mai 3 tháng 11 thì đáp cánh xuống rặng Hy Mã Lạp Sơn đầy huyền bí ấy. Như thế - Hạnh Hào cũng đã đi rồi.



Gần 200 Phật Tử đã tham gia hội nghị

Đến phiên **Hạnh Giới**, tức chú Đức Thọ ngày xưa, một cựu Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh cấp Tập, sau khi xong Cao Học thì vào chùa xuất gia và sau khi thọ Sa Di thì được Đại Học Santa Cruze ở California, Mỹ Quốc, nhận qua nghiên cứu một năm, qua sự giới thiệu của ông Giáo sư Antes tại Đại Học Hannover, để thu thập tài liệu tại Mỹ và về Đại Học Hannover trình luận án Tiến Sĩ tại đây vào cuối năm 2001 và đầu năm 2002. Sư chú này cũng đã là một thông dịch viên hữu thế tại Tòa án Hannover và các ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức, Việt đều giỏi như nhau. Những sách của tôi viết về sau này, đa phần chú đã dịch ra tiếng Đức. Những hôm nay chú cũng đã đi rồi.

Một chú mới đến chuẩn bị xuất gia vào ngày 12 tháng 12 năm 2000, đến từ München pháp danh là Phúc Hải, tôi đã đặt lại theo dòng kệ là Thiện và giữ nguyên chữ Hải của Bốn Sư cũ đã cho; nên bây giờ gọi là **Thiện Hải**. Trong buổi tiệc hôm đó tôi đã phát biểu rằng: „Mỗi người trong chúng ta đều tự chọn cho mình mỗi con đường để đi. Có người thì chọn công danh sự nghiệp, học hành thi cử để tiến thân. Có người thì chọn con đường thương mại để làm

giàu. Có người chọn cho mình những cuộc tình lâm ly bi đát; nhưng những thầy và những chú này đã chọn cho mình một con đường phụng sự cho tha nhân vì người quên mình, chú không phải vì mình quên người. Sau 23 năm ở lại Đức này tôi đã độ cho 30 người xuất gia và hàng ngàn Phật Tử tại gia. Trong 30 người đó đã mất đi 3 người, 4 người ra đời, vì không còn kham nổi với những cuộc sống tu hành nữa. Còn lại tất cả là 23 vị. Ở tại Đức gần 20 vị và số còn lại thì ở Việt Nam, Đài Loan, Pháp, Mỹ v.v... Như thế sau 23 năm theo tôi học đạo tỷ lệ còn lại 70%. Nhưng suốt cả cuộc hành trình của cuộc đời còn lại từ 10% đến 30% là quý. Khi đi xuất gia không ai bắt buộc mình. Do vậy nên khi không còn thích hợp với đời sống tu hành nữa, thì tự mình cũng chẳng nên làm khổ mình làm gì, khi phải ở lại với thiên môn để sớm kinh chiều kệ ?

Tôi đã vạch ra cho quý Thầy, quý Chú và quý Cô một hướng đi, một cái nhìn tổng quát như sau: Sau khi học xong Đại Học có 2 khuynh hướng để chấp nhận - Thầy nào, Chú nào, Cô nào muốn đi học tiếp để làm luận án Tiến Sĩ, sau này ra trường làm Giáo sư Đại Học, học giả hoặc dịch thuật, chú giải những kinh điển cũng rất được hoan nghinh. Hoặc giả sau khi xong Đại Học rồi không muốn tiếp xúc với đời, thì hãy đi sâu vào Thiền Định và nhập thất nhiều năm tháng như thế để chiêm nghiệm về con đường tu học của mình. Quả điều này cũng rất quý. Vì lẽ đây là lực lượng dự trữ rất cần thiết mà lâu nay Phật Giáo Việt Nam chúng ta ít lưu tâm đến, chủ Phật Giáo Tây Tạng họ đã tổ chức có quy cũ từ mấy trăm năm nay rồi.

Đến khuynh hướng thứ ba là khuynh hướng Đại Chúng. Nghĩa là sau khi thọ Tỷ Kheo, Tỷ Kheo Ni giới, tốt nghiệp những giáo lý căn bản thì nên đi vào đời để độ sanh. Khuynh hướng này cũng hay mà cũng dở, cũng dễ mà cũng khó. Vì nếu Thầy hay Cô, hay Chú nào không độ được đời thì đời sẽ độ lại quý vị mà thôi . . .”

Tôi nói miên man như thế và sau đó thì Hạnh Hào cũng như Hạnh Giới nói lại vài lời để cảm ơn tôi và mọi người và cũng hứa rằng sau một thời gian nhập thất thì sẽ trở lại chùa Viên Giác. Tuy nhiên bây giờ thì họ đã đi rồi.



Hàng đầu là các vị giảng sư và thuyết trình của hội nghị

Ngày 30 tháng 10 năm 2000 tôi nằm trọn một ngày trên giường để đọc sách và chiêm nghiệm về cuộc đời cũng như những đổi thay của thời gian. Tối hôm đó tôi không hưởng dẫn „Đại Trí Độ Luận“ như thường lệ cho Đại Chúng mà tôi để mọi người tự do. Kê đi EXPO, người ở chùa tụng kinh, đọc sách hoặc thăm viếng Phật Tử. Vì tôi nghĩ chỉ còn vài ngày nữa là hết EXPO nên phải tạo cơ hội như vậy. Và lại cũng có một số quý Thầy, Chú và Cô phải đi hành hưởng ở

Ấn Độ; nên dành thì giờ ấy để thu xếp hành lý; do vậy mà nhiều vị đã vui khi có thời gian rảnh bất ngờ ấy.

Vào lúc 12 giờ 30 ngày 31 tháng 10 năm 2000 Hạnh Hào từ EXPO về đón tôi với cái giấy mời thuộc khách danh dự của chùa Bhutan sang Preussag-Arena trong khu EXPO để tham dự lễ bế mạc. Tôi vội vã ra đi như những tia nắng cuối cùng của mùa hạ còn sót lại. Hôm đó trời bão; nên có lúc sáng, lúc tối, lúc mưa, lúc tạnh. Cuối cùng rồi Thầy trò cũng lên được xe Bus và chạy vòng vòng đến nơi thì Bà Chủ Tịch EXPO đã khai mạc rồi. Nhìn hội trường hôm đó với hơn 10.000 khách tham dự, thật cảm động vô cùng. Những tràng pháo tay liên hồi của những vị lên phát biểu cảm tưởng: Thank you Hannover, Danke schön Niedersachsen, Vielen Dank Deutschland... Rồi những tràng pháo tay như bất tận. Sau đó thì cờ EXPO xếp nhỏ lại và đã trao cho ông Thị Trưởng Aichi tại Nhật Bản và sẽ tổ chức EXPO tại đó vào năm 2005. Sau đó ông Thị Trưởng nói lời đáp từ bằng tiếng Anh rất khó nghe; nhưng mọi người cũng đã tán thưởng bằng nhiều tràng pháo tay vô tận, để rồi ông Schmalstieg, Thị Trưởng thành phố Hannover, cũng cảm ơn mọi người bằng tiếng Đức và câu cuối cùng ông ta nói câu tiếng Nhật; nhưng cũng chẳng ai hiểu gì cả, giống như ông Thị Trưởng Aichi nói tiếng Anh; nhưng mọi người đều hoan hô và cảm động.



Vé danh dự vào dự lễ bế mạc Expo



Vé vào cửa đại diện cho Bhutan trong vòng gần 5 tháng

Tiếp theo là ông Thủ Hiến Tiểu Bang Niedersachsen và ông Chủ Tịch Quốc Hội Đức phát biểu cảm tưởng. Ông nào cũng an ủi Bà Chủ Tịch EXPO là không nên buồn với sự lỗ lã khoảng 1 tỷ 8 Đức Mã sau khi tổ chức EXPO, mà phải nghĩ rằng đó là tài sản còn lại của Tiểu Bang như đường sá, sân bay, cầu cống, bãi đậu xe, nhà cửa v.v... Nếu số lượng người tham gia gấp đôi thì EXPO đã có lời. Nhưng như người xưa đã nói: „Xưa nay thiên định lẽ thường“ là vậy. Khi lòng

người muốn những cõi khác không muốn thì cũng đành. Khi thiên chưa đúng thời, địa chưa lợi và lòng người chưa hòa, thì việc hoàn hảo khó có được. Tuy nhiên sau tổ chức EXPO này, thành phố Hannover trở nên có tính cách thế giới hơn, hoàn hảo hơn và ít mang sắc thái kỳ thị như một số thành phố lớn khác của nước Đức.

Bà Chủ Tịch chắc là phải nghỉ hè dài hạn và nghe đâu bà ta cũng sẽ nghỉ hưu, do tuổi tác của bà. Những tràng pháo tay liên hồi không dứt để tán thưởng một người đàn bà, tuy không xuất sắc lắm; nhưng cũng đã lèo lái việc tổ chức EXPO đi đến chỗ hoàn mãn như vậy. Thế rồi bà cũng phải ra đi thôi.

Tôi phải vội về chùa sau hơn một tiếng đồng hồ dự lễ bế mạc tại đó. Để buổi chiều vào lúc 18 giờ lại một lần nữa vào EXPO để thăm và từ giã quý Thầy cũng như quý Phật Tử người Bhutan và để xem các em trong Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm Berlin múa lân, múa rồng vào lúc 20 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2000 trước tòa nhà triển lãm của Đại Hàn. Nghe đầu trưa hôm đó phái đoàn Việt Nam, đại diện là Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm thuộc chùa Linh Thủ Berlin đã đi diễn hành với các nước khác, có cờ Quốc Gia (cờ vàng ba sọc đỏ), cờ Phật Giáo 5 màu và cờ Đoàn của Gia Đình Phật Tử nữa. Khi đi có múa rồng. Múa lân rất xôm tụ. Trong khi phái đoàn của Cộng Sản Việt Nam cũng có ghi tên tham dự diễn hành trong khu EXPO thuộc hàng thủ 21; nhưng cuối cùng thì không thấy bóng dáng một lá cờ đỏ sao vàng nào cả và cũng chẳng có ai đại diện cho chính quyền Cộng Sản Việt Nam, mặc dầu họ có tổ chức triển lãm nơi tòa nhà số 26. Tại đây họ trưng bày 4 cảnh chính. Cảnh đầu là Văn Miếu ở Hà Nội. Nơi đây tượng trưng cho tinh thần tam giáo gồm Phật, Khổng, Lão dưới triều Lý (1010-1022); nhưng chẳng thấy một dấu hiệu gì nói về việc này cả. Vào Trung tâm Điện Thái Hòa, kinh đô của triều Nguyễn và vào Nam thăm Chợ Bến Thành cũng như lên Cao Nguyên thăm những căn nhà của người Thượng. Chi có thể thôi. Ngoài ra buôn bán đồ ăn và quà kỷ niệm. Do vậy mà tờ EXPO Journal đã bình luận rằng: „Đến gian hàng Việt Nam cái gì cũng có hết, nhất là cái ăn, cái mặc; nhưng tìm Văn Hóa Việt Nam thì chẳng có một cái gì cả“. Quả là nhục quốc thể. Những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam không biết họ đang làm gì và họ hiểu gì về cuộc triển lãm này ?

Trong khi Lào và Cao Miên cũng nhận một triệu Đức Mã để trang hoàng cho gian hàng của họ, so ra với Việt Nam đẹp gấp bội phần. Họ còn mang theo những vị Sư và ngôi chùa để giới thiệu văn hóa Phật Giáo và văn hóa Á Châu. Còn đến gian hàng Việt Nam chỉ thấy ông Hồ to tướng và cờ đỏ sao vàng để biểu diễn cho thế giới xem, mà những thủ này chưa tồn tại quá 50 năm thì làm gì có lịch sử và văn hóa mà đem trưng bày. Quả là một điều đáng hổ thẹn biết bao !

Sau khi đi vào thăm tòa nhà của Đại Hàn tôi cùng với một số quý Đạo Hữu lợi xuống phía dưới sân để cùng tham gia với các em Gia Đình Phật Tử trong buổi múa đèn và múa rồng cũng như múa lân tại đó. Hôm ấy trời vẫn còn bão tố, bầu trời vẫn vẩn vơ mây đen, gió thổi từng cơn. Trong khi đó các em chỉ có chiếc áo mỏng che thân, nên tôi đã hỏi rằng: Các con có lạnh không ? thì các em trả lời rằng: „Thầy đúng đó xem thì tụi con ấm đi một chút“. Quả là thực tế. Lâu nay rất nhiều người từ lớn chí nhỏ chờ đợi tôi rất nhiều bằng nhiều cách khác nhau, như an ủi, vỗ về, chia sẻ, thông cảm v.v... nhưng nhiều khi tôi lại quên đi điều đó và đòi hỏi ở thiện chí của mọi người rất nhiều. Vì vậy từ nay về sau tôi sẽ lưu tâm về vấn đề này hơn. Tôi đã học và tốt nghiệp về tâm lý học ở Đại Học; nhưng nhiều khi quên ứng dụng, quả là điều thiếu sót vô cùng.

Sau hơn một tiếng đồng hồ tham dự với các em trong Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm, tôi trở lại nơi Exposee; nơi đây là một hồ nước, mà mỗi tối có chiếu phim với một màn hình lớn nhất thế giới cũng như bắn pháo bông. Tất cả đều do computer điều khiển. Quả thật thế giới ngày nay đã tiến bộ quá nhiều, trong khi đó có nhiều nơi trên quả địa cầu này vẫn còn đói cơm thiếu mặc. Tất cả cũng đều do nhân duyên mà thành tựu và tất cả cũng do nhân duyên mà chia ly thôi. Đêm hôm ấy là đêm 31 tháng 10 năm 2000 đã có không biết bao nhiêu cuộc chia tay đầy nước mắt, mà báo Hannover ngày hôm sau đã tường thuật lại. Thế là họ đã đi rồi.

Mười tám triệu người hơn đã đến thành phố Hannover này gồm có hơn 8 triệu người đi xe lửa và xe điện. Ngoài ra là xe Bus, xe hơi và máy bay, để rồi sau hơn 5 tháng, cả hơn 18 triệu người ấy đã đi, để lại cho Hannover một khoảng trống vắng lạ lùng. Nhiều người dân Hannover đã khóc và đã nói lên cảm tưởng của họ sau khi EXPO đã kết thúc. Nơi đây đã trở lại đời thường sinh hoạt của nó.

Sáng hôm sau ngày 2 tháng 11 năm 2000, tôi một mình lặng lẽ đi dạo chung quanh khu phía Tây của EXPO, nhìn thấy một cảnh thế lưỡng chưa từng thấy. Vì mỗi hôm qua, hôm kia đó có không biết bao nhiêu người, bao nhiêu chuyến xe Bus đã đến, đi và đậu tại đây. Còn bây giờ thì đường dây treo không chạy nữa, mọi cửa ra vào đều lạnh lùng bỏ trống, khách sạn Holiday Inn cạnh chùa cũng đi hui tang tóc; giống hệt như một đám tang vừa xong, mọi người đều lui thui ra về. Mỗi người mang theo một tâm sự, vui lẫn buồn đều có. Vì tất cả cũng chỉ là con người mà thôi. Vì còn là con người; nên vẫn còn những cái tâm thường của nhân thế. Tôi bước đi thật chậm để chiêm nghiệm về cuộc đời, về lẽ sống, về sự thành, trụ, hoại, diệt của thế gian, của vũ trụ này. Nhất là sau khi quý Chú đã đi rồi, chùa Viên Giác lại trống vắng thêm một ít và bây giờ cũng không còn nhiều ngày hội thảo hay diễn thuyết như trong 5 tháng EXPO vừa qua. Do vậy mà không gian chùa lại càng yên tĩnh hơn.

Rồi đây những khu nhà triển lãm tại phía Tây của EXPO thuộc khu vực Á Châu, Úc Châu, Nam Mỹ phải dỡ đi, hạn chót là vào cuối tháng 2 năm 2001, nơi này chỉ còn là bãi đậu xe thuần túy cho các buổi hội chợ khác trong tương lai mà thôi. Nhìn những ngôi chùa tráng lệ của Bhutan, Nepal và những kiến trúc chắc chắn như của Đại Hàn, Ấn Độ v.v... rồi cũng phải dỡ ra từng mảnh nhỏ, để trả lại vị trí thiên nhiên cao rộng cho đất trời. Quả là vật đổi sao dời thật. Tôi đã học về Tánh Không, tôi đã giảng nhiều lần về Vô Thường; nhưng lần này tại sao tôi tự nhiên thấy trống vắng lạ thường. Vì tất cả: họ đã đi rồi. Họ là ai? là những người không quen biết hoặc đã quen tự bao nhiêu luân hồi; nhưng đã làm cho tâm mình có một cái gì đó xao xuyến lạ lùng.

Tôi viết bài này để gởi đến quý độc giả xa gần nhân mùa Xuân của đất trời đã đến. Không biết rằng có mang đến cho quý vị một niềm vui nào chăng? nhưng trong tôi là một sự trống vắng lạ thường. Điều này đã xác minh được lời Phật dạy một cách đích thực, là mọi hiện tượng đều thay đổi, không có gì luôn luôn tồn tại cả, kể cả vấn đề vui buồn hay hạnh phúc lẫn khổ đau là vậy.

Tôi nhìn tấm Card vào cửa EXPO, đại diện cho quốc gia Bhutan, gần 5 tháng, ra vào lúc nào cũng được nói EXPO để liên tưởng đến vấn đề thành, trụ, hoại, diệt của thế gian này. Rồi đây, cuối tháng 4 năm 2001 tôi sẽ có dịp để đến thăm quốc gia này trong một tuần lễ. Lúc ấy sẽ nhắc lại với mọi người một kỷ niệm đã qua. Tất cả chỉ còn sót lại nơi tâm thức những gì gần như mơ hồ, rồi tan dần vào trong khoảng không gian vô tận ấy.

Không biết năm 2005 tôi có cơ hội đi Nhật để thăm thành phố Aichi không? nơi tổ chức EXPO, thì chưa rõ; nhưng dẫu sao đi nữa hai quốc gia này đã dưỡng nuôi tôi hơn nửa đời người, để làm việc, để phụng sự và để tìm về bản lai diện mục của chính mình. Do vậy tôi cũng phải thành thật mà nói lên câu này: Cảm ơn Hannover, cảm ơn nước Đức và cảm ơn Nhật Bản đã vì tôi mà cứu mạng cái tấm thân giả tạm này để đón đưa khách trần ai qua lại và bây giờ, tất cả họ đã đi rồi!!!

Hành Trang Thơ



Mùa xuân cây trở lộc non
 Hoa Anh Nhiên nở thơm vườn nhân sinh
 Con chim én hót trên cành .
 Mừng Xuân An Lạc chúc lành nhân gian
 Hành Trang Thơ, Ánh Đạo Vàng
 Gió trời Đạo Lợi, ngát trang kinh cầu
 Lời kinh huyền diệu thâm sâu
 Thấm lòng lũ khách nhiệm màu đạo thiêng
 Gửi lòng theo ánh trăng thiền
 Lắng hồn thế tục, thấy miền trầm hương
 Nhân sinh mộng ước vô thường
 A Di Đà Phật nguyện hương kính thành
 Hoa Vô Ưu sương long lạnh
 Một trời quán tưởng tươi cảnh Đa La
 Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
 Mùa Xuân Đạo Hạnh, an hòa nhân gian
 Hành Trang Thơ ... Ánh Đạo Vàng

• Tuệ Nga

LÁ THƯ TỊNH HỮU

NHÂN
DUYÊN

T ịnh Hữu thân mến,
"... Phật xưa có thể, nếu có chúng sanh, muốn sanh nước ta, hết lòng tín nguyện, cho đến mười niệm, nếu chẳng đặng sanh, chẳng thành chánh giác..."
Sáng nay, tôi đang rửa chén dĩa trong quán, Thiệt Đạt, một Phật tử công quả tại Chùa hốt hải chạy qua quán báo tin:
- Anh Thị Chơn ơi! Anh có biết là Thượng Tọa Thiệt Thông đã bị đũa vào nhà thướng rồi chưa?
- Chuyện gì vậy? Tôi hỏi.
- Chiều qua, khi Thượng Tọa Quảng Bình vào thỉnh Thầy Thiệt Thông ra dùng cơm tối, thì thấy Thầy Thiệt Thông ngã trong tủ phòng. Trong Chùa đã kêu xe cấp cứu đưa Thầy Thiệt Thông vào bệnh viện rồi. Em Thiệt Đạt hoảng hốt khẩn báo cho tôi biết tin này. Gương mặt của Thiệt Đạt lúc đó buồn so và tái mét. Tôi cảm ơn Thiệt Đạt.
- Được rồi, Anh sẽ liên lạc với Chùa để tìm phương tiện đi thăm Thầy Thiệt Thông. Tôi nói với Thiệt Đạt như thế.
Sau đó tôi điện thoại vào Chùa thì được biết rằng, trong lúc Thầy Thiệt Thông muốn viết cho sớ phụ của tôi là Thượng Tọa Thích Như Điển một câu đối để tặng sinh nhật của sớ phụ tôi vào ngày hôm sau là ngày 28.06.2000 thì bị "trúng gió" mà ngã ụp người xuống. Trong tay Thầy Thiệt Thông vẫn còn cầm cây viết.
Tôi hỏi quý Đạo Hữu trong Chùa (qua điện thoại): làm sao chúng ta đi thăm Thầy Thiệt Thông được? Một bác Đạo Hữu trong chùa cho biết là tôi cứ đến chùa và sẽ có xe của chùa chở đi.
Sau giờ làm việc, tôi cũng chẳng màng đến việc ăn trưa nữa. Vì nhà hàng thường ăn trưa vào lúc 15.00 giờ. Tôi cùng cô Thiệt Liên cuốn bộ qua Chùa, vì Chùa cách xa quán ăn của chúng tôi khoảng 700 mét. Chúng tôi không dùng xe riêng, vì trong Chùa đã cho biết rằng những ai muốn đi thăm Thầy Thiệt Thông thì cùng tháp tùng với xe của Chùa và sẽ có quý Thầy trong Chùa hướng dẫn. Chúng tôi cứ y như thế mà làm.
Khi đến Chùa thì sự việc xảy ra không như vậy. Mạnh ai nấy đi! Chúng tôi định về quán để lấy xe riêng đi. Khi bước ra sân Chùa thì gặp anh Thông, bào đệ của Thầy Thiệt Thông, cùng phụ nhân. Anh chị cho chúng tôi cùng đi xe chung đến bệnh viện để thăm Thầy. Mô Phật!
Chúng tôi được nghe kể lại là Thầy Thiệt Thông bị bể mạch máu đầu, không phương cứu chữa. Y khoa chỉ tiếp nước biển để gọi là duy trì sự sống. Còn không phương cách gì làm phẫu thuật hay cứu

chữa được nữa. Nói khác đi thì còn vô thường đến lúc nào thì hay lúc ấy!
Đến nhà thương. Vào phòng hồi dưỡng, nói Thầy Thiệt Thông đang nằm. Những ống cao-su chẳng chịt tiếp chất liệu dinh dưỡng hầu hy vọng kéo dài sự sống cho Thầy!
Trên đường đến nhà thương, tôi tâm niệm rằng tôi sẽ trì chú "Bảo Khiếp Ấn Đà La Ni" bảy (7) biến để tạ ơn Thầy. Đây là câu thần chú mà Thầy và Thầy Tử Trí đã làm lễ an vị "Phật Bảo Tháp" tại tư gia của chúng tôi trong năm 1999 và trong quán ăn của chúng tôi để cầu an cho gia đình, thân quyến và sự an sinh của chúng tôi.
Nhưng trên đường đi, tôi lại đổi ý. Tôi sẽ trì cho Thầy bảy (7) biến chú "Bát Tự Đại Oai Đức Đà La Ni" của Ngài Đại Trí Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát để tạ ơn Thầy. Câu thần chú này do Sư Bà Như Tuấn truyền trao cho tôi nhân lễ Phật Đản năm 1999. Và sau đó tôi có thưa với Thầy Thiệt Thông việc này. Thầy chỉ dạy tôi: Anh hãy cố gắng trì tụng thần chú này đi. Nó sẽ mang nhiều lợi lạc cho chính anh và chúng sanh. Tôi chỉ biết như vậy mà hành trì. Khi Thầy Thiệt Thông sắp rời nước Đức, chúng tôi có thỉnh Thầy và sớ phụ của chúng tôi dùng bữa cơm trai phạn cúng dường để tiễn biệt Thầy Thiệt Thông về nguyên quán. Sau bữa cơm, Thầy Thiệt Thông có kêu tôi ra và nói riêng: Anh gắng trì tụng thần chú này để tự độ cho chính anh và dùng trị bệnh độ mọi người.
Tôi tạ ơn Thầy và trong khoảng khắc đó tôi chỉ niệm thầm trong trí "An a vị ra hồng khư tá lặc". Ngoài ra tôi không có một mây may tâm niệm nào khác.
Đến khi vào bệnh viện, người ta hướng dẫn vợ chồng anh Thông và chúng tôi vào phòng bệnh để "thăm" Thầy. Lúc đó có hai Đạo Hữu, Diệu Thở đang đứng bên phía trái và anh Quảng Niệm đứng bên phía phải, từ ngoài nhìn vào, đang trì tụng "Nam Mô A Di Đà Phật" khoan thai nhịp nhàng. Tất cả những ý nghĩ của tôi dành cho Thầy trên đường đi bỗng đứng tiêu tan. Tôi nhìn Thầy đang nằm trên giường bệnh, nét mặt Thầy rất tươi, đôi mắt nhắm lại bình thản không một chút ưu tư. Không vướng một chút âu lo. Tôi chợt nhớ đến lúc tôi đã từng nằm trong tư thế như vậy cách đây 15 năm về trước. Chỉ có điều lúc đó tôi còn mở mắt ra được, nên tất cả mọi người cho rằng tôi còn sống. Nay nhìn Thầy Thiệt Thông, vì Thầy nhắm mắt nên mọi người tưởng Thầy đã chết!
Lúc đó tôi tin chắc rằng Thầy chưa viên tịch. Mà thần thức của Thầy đang hoạt động rất căng thẳng. Bởi vì cái gì Thầy muốn nói cho mọi người nghe, đã bị sự tê liệt của các thần kinh ngăn ngại, khiến Thầy không cử động được; chứ không phải là Thầy không biết những gì xảy ra chung quanh mình.
Tình trạng này cũng là tình trạng của tôi cách đây 15 năm trước vào ngày 31.5.1985. Vì biết như vậy nên tôi thầm nguyện: Con Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp xin dành lễ Thầy ba lạy và trì 108 biến Nam Mô A Di Đà Phật để tỏ lòng cảm ơn

Thầy và cầu nguyện cho Thầy cao đăng Phật quốc.
Vi sao? Một là, vì cá nhân tôi biết rằng, bệnh tình của Thầy không mong gì chữa khỏi đặng! Hai là, vì Thầy bị bể mạch máu đầu. Còn tôi trước đây bị nghẽn mạch máu trên đầu.
Sau khi lạy xong ba lạy, tôi cử thể với hơi thở đều đặn - nhưng không quan tâm đến hơi thở - tôi mật niệm "A Di Đà Phật". Tôi bỏ hai chữ "Nam Mô" đi. Vì hai chữ "Nam Mô" chỉ có nghĩa là "cung kính, dành lễ" mà thôi! Ở trong khoảng không và thời gian ấy, chúng ta mới có thể biết được rằng việc niệm Phật rất là cấp bách. Lúc đó chúng ta không thể phung phí chữ nghĩa được nữa! Cũng như chúng ta thường được nghe rằng: đói thì cho ăn, khát thì cho uống. Đúng là như vậy và không thể khác được!
Cho nên sau khi lạy Thầy ba lạy là tôi bắt đầu niệm thầm trong "tâm thức": A Di Đà Phật. Với sự nhịp nhàng của hơi thở - nhưng không quan trọng đến hơi thở - (đây là mấu chốt quan trọng, tôi sẽ lần lượt kể cho các bạn rõ trong những bức thư sau). Tôi cử niệm cho hết 108 biến. Xong cầu nguyện cho Thầy sớm cao đăng Tịnh Độ quốc và hồi hướng cho mọi loài chúng sanh cũng đều được vãng sanh Tịnh Độ.
Tôi lui ra ngoài để nhường chỗ cho những đạo hữu khác vào dành lễ Thầy. Ở phòng ngoài, tôi có chuyện được nói chuyện với vợ chồng anh chị Thông, đạo hữu Diệu Thở, anh Quảng Niệm và cô Thiệt Liên về sự niệm Phật cũng như tâm niệm của mình đối với người đang nằm trên giường bệnh chờ cơn vô thường đến.
Vi phải đến giờ trở về quán làm việc nên tôi vào phòng bệnh của Thầy để lạy tạ tử biệt. Cũng giống như lần đầu, tôi lạy Thầy ba lạy để dành lễ rồi niệm 108 biến A Di Đà Phật.
Nhưng khi vào phòng bệnh, sau khi lạy Thầy xong ba lạy. Tôi quý thẳng lên để mật niệm thì nhìn thấy gương mặt Thầy chau lại, tỏ vẻ có gì không hài lòng. Trong lúc đó thì bên tai tôi nghe được tiếng niệm Phật của một nữ đạo hữu đứng bên phía phải quá ư là chất chứa. Âm thanh lên xuống không đều đặn và rất là khó nghe. Còn Bác Tâm trai thì đứng phía trái giường bệnh đang thầm niệm A Di Đà Phật đều đặn, khoan thai và nhịp nhàng.
Lúc đó tôi chỉ biết ghi nhận sự kiện này và tiếp tục thực hiện những gì mình đã dự định là: niệm 108 biến A Di Đà Phật, lạy Thầy ba lạy, cầu nguyện, hồi hướng và lui ra. Tôi không quan tâm đến giọng tụng chất chứa của nữ đạo hữu kia nữa!
Việc này tôi đã về trình lại với sớ phụ tôi. Tôi có xin Thầy nhắc nhở đại chúng hãy lưu ý nghi thức hộ niệm cho người sắp đang lìa trần thế. Dù đó là một cư sĩ hay một người tu đi chăng nữa. Cũng nên phải rất cẩn thận điều này!
Sau đó sớ phụ tôi có hỏi tôi: Vậy tâm trạng, thần thức của con trong lúc con bị cơn bệnh hiểm nghèo như Thầy Thiệt Thông ra sao? Liệu Thầy Thiệt Thông biết những gì mình đang muốn nói với

Thầy chẳng ? Và thần thức của Thầy ra sao ?

Lúc đó tôi mới có cơ hội, những gì tôi ấp ủ hơn 15 năm nay để trình bày cho Sư phụ tôi biết. Đồng thời sự ra đi của Thầy Thiện Thông đã là một duyên lành cho tôi tâm sự với mọi tín hữu khắp nơi về phương pháp hành trì Pháp Môn Tịnh Độ. Đó cũng là hoài bão của Thầy Thiện Thông đối với mọi Tịnh Hữu có duyên với Thầy trong khoảng không đầy hai năm qua.

Loạt bài với "**Lá Thư Tịnh Hữu**" này nhân chuyến ra đi của Thầy Thiện Thông là việc thực hiện một lời nguyện của tôi, lúc tôi bị liệt toàn thân, không nói chuyện được và tôi đã lập đại nguyện: ngày nào con nói lại được và cử động được thì con nguyện phần sống còn lại của con trên cõi ta bà này sẽ hoằng dương Pháp Môn Tịnh Độ. Và nếu ai niệm 10 lần "A Di Đà Phật" như con đã làm mà không được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc thì con xin nguyện không bao giờ ra khỏi địa ngục; và nguyện nhận chịu hết mọi bệnh tật khổ đau của mọi loài để họ phát tâm niệm "A Di Đà Phật" cầu vãng sanh Tịnh Độ.

Tâm trạng của tôi ở giờ phút đó, thật sự tôi muốn kể cho các bạn nghe từ 15 năm qua. Nhưng khó lắm !

Vì nếu một người đã qua đời, họ để lại xá lợi, hoặc có những sự huyền linh ứng hiện nào đó hiển ra thì mọi người cho rằng: à người đó tu thành chánh quả và đã được Phật A Di Đà hoặc Tam Thánh tiếp dẫn rồi. Khi đã có những sự kiện đã xảy ra thì người ta mới có thể kết luận hay phê phán. Chủ ít có mấy ai thấu rõ được sự kiện khi nó đang diễn tiến. Trừ phi họ thấu triệt được định luật "nhân quả nghiệp báo".

Tám vạn bốn ngàn (84.000) pháp môn mà sau khi Thái Tử Tất Đạt Đa thành đạo chỉ dạy cho chúng ta để thoát khỏi sanh tử luân hồi cũng không hề đi ra ngoài nguyên lý này. Phương tiện thì có khác, nhưng định lý này thì không hề thay đổi.

Tôi thì nói không hay, không có tài viết lách hoặc diễn giảng theo kinh sách và không có khả năng để trang trí tâm tư của mình qua thơ văn, chữ nghĩa v.v... Nhưng những gì tôi nói và viết ra đều là sự "chứng nghiệm" (không phải là kinh nghiệm !) thật nơi bản thân. Chủ tôi không bao giờ thích mượn lời nói, câu văn của người khác để hóa trang hoặc trang điểm cho chính mình. Vì tất cả những cái đó đều là hư ảo ! Nếu là như vậy thì tôi e rằng tôi chỉ là cái máy cassette, lập đi lập lại những gì người ta đã nói. Hoặc giả tôi chỉ là một diễn viên tài tình, đóng một vai thật hay như vai tưởng mình đã chọn hay người ta đặt ra cho mình. Đây chỉ là việc mượn cái hay của người khác để khoác lên cái "ngã kém cõi của mình" mà thôi. Như vậy mình không phải là mình.

Chúng ta thường được nghe giảng đến "tu học" và "tu chứng". Trong hai cụm từ này có hai từ giống nhau đó là chữ "tu". Ngoài ra chúng ta còn được biết đến ba chữ "Văn, Tu, Tu". Như vậy trước khi muốn biết mình tu như thế nào, tu là sự

sửa đổi để từ chỗ không thiện đến chỗ thiện và rốt ráo để được viên mãn, nên cần phải học. Nếu không học thì biết gì để mà tu. Nhưng chỉ có học không vẫn chưa đủ. Đức Phật đã không từng dạy cho chúng ta là: tin ta mà không hiểu ta thì phàn ta. Có tin mới có học, mới có thường xuyên đi nghe thuyết giảng. Lại nữa, chỉ học không mà không biết suy nghĩ, là Tu, thì làm sao biết sửa đổi thế nào, làm sao biết hành trì pháp môn nào, phương tiện nào.

Cái "quá" của quá trình "Văn, Tu, Tu" là sự "Chứng". Ý muốn nói đến sự "Chứng Ngộ" chứ không phải là sự "dò chứng" vì trong bụng đây ấp một đay kinh sách, nói ra như cái máy cassette. Nghĩa là mình "chứng ngộ cho mình" chứ không "chứng ngộ cho người khác" được.

Khi bạn nằm cô đơn một mình trên giường bệnh chờ cơn vô thường đến đón đi; hoặc đang nằm liệt như trường hợp Thầy Thiện Thông; hay đang thui thủi một mình trong chiếc quan tài thì mình "chứng cho mình" hay "sự hộ niệm chứng cho mình" hoặc "sự hộ niệm giúp cho mình chứng" ?

Lúc đó bạn có còn biết niệm Phật hay không ? Đây mới là điểm then chốt của việc "tu hành". Trong khoảnh khắc đó, các bạn ơi! Mình mới khám phá ra và hiểu được tám chữ mà khi Thái Tử Tất Đạt Đa chào đời, bày bước trên đóa sen nở, một tay chỉ lên trời và một tay chỉ xuống đất, Ngài đã đồng mãnh tuyên bố: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Các bạn có hiểu không ?

Lúc còn tại thế, Thầy Thiện Thông ngoài việc xây chùa, dịch kinh sách, giảng viên của trường Cao Đẳng Phật Học của Giáo Hội trong nước... Thầy luôn giảng dạy, khuyến nhủ và triệt để hoằng dương Pháp Môn Tịnh Độ. Điều này không một ai trong chúng ta không biết đến.

Qua lời Thầy Hạnh Tấn cho biết, Thầy Thiện Thông sẽ giảng về "Thiền Tĩnh Giải Nghi" trong lần thọ Bát Quan Trai giới, lần cuối của đời Thầy. Cùng trong ngày này, Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại Đức Quốc đã nhóm họp để bầu lại thành phần Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 2000-2002. Tranh thủ trong giờ giải lao, tôi lên chánh điện để nghe Thầy giảng.

Tôi ghi nhận nay nét mặt của Thầy không còn tươi tỉnh như xưa. Ngược lại cũng trên khuôn mặt từ ái ấy dướm nhiều nỗi lo âu và mệt mỏi. Giọng nói của Thầy không còn hùng mạnh như trước đây, khi tôi có duyên gặp Thầy. Nụ cười của Thầy không còn tươi như mọi khi. Tôi ghi nhận thấy những bấp thập phía trên mặt của Thầy hơi bị lệch, hơi xế xuống bên trái. Tay mặt Thầy cầm micro, nhưng nhiều lần như bị rớt xuống vì bị mỏi tay ? hoặc Thầy không còn cảm giác để điều khiển nữa ? Tôi rất ngạc nhiên. Vì triệu chứng này là báo hiệu của chứng nghẽn mạch máu não. Nó dẫn đến tình trạng liệt tay chân, méo mặt.

Đây là dấu hiệu cơn bệnh của chính bản thân tôi cách đây 15 năm về trước. Tôi bị liệt nửa người bên trái. Sau một tháng điều trị trong nhà dưỡng, tôi bị liệt tiếp theo đó nửa thân bên mặt rồi đến toàn

thân. Tôi không nói chuyện được, chỉ còn mở được hai con mắt trao tráo ! Nhưng nhờ biết niệm Phật mà sau một tháng tôi cử động lại được, nói lại được và sống đến ngày nay. Nếu không thì như Sư cô Diệu Trạng, đệ tử của Sư Ông Minh Tâm, mỗi lần gặp tôi thường vui vẻ nói: ai cũng tưởng mở anh giờ đã xanh cò rồi đỏ, anh Thị Chơn !

Như đã kể, vì tôi còn mở mắt được chứ không như tình trạng của Thầy Thiện Thông, nằm liệt nhắm mắt, nên mọi người biết rằng tôi còn sống. Trong khoảng thời gian một tháng đó tôi không cử động được cũng như không nói chuyện được. Không khác gì một cái xác còn mở mắt mà thôi.

Các bạn có biết tâm trạng và thần thức của tôi lúc ấy không khác gì một cái xác đang nằm trong hòm. Người đến thăm nói gì tôi cũng nghe hết. Nhưng không trả lời và ra dấu được. Nếu có ai nói lời gì không hợp ý mình thì chỉ biết nhỏ dòng lệ an ủi mà thôi.

Nhưng cái đêm tôi bị liệt toàn thân và không nói chuyện được là một sự đấu tranh kinh khủng trong thần thức của tôi. Lúc đó chỉ có cái "a lị da thức" của tôi hoạt động cực kỳ mãnh liệt. Vì 4 ấm khác (sắc, thọ, tưởng, hành) mình không còn kiểm soát và điều khiển được nữa.

Các bạn có biết lúc đó tôi bơ vơ, cô đơn, trống vắng và buồn thảm đến thế nào không ?

Các bạn cứ "tưởng tượng" rằng, giai đoạn đó là giai đoạn "cận tử nghiệp" vậy. Vì sao ? vì mình đang lơ lửng giữa sự "sống và chết" vậy (thần trung ấm đến cận tử). Nhưng quá trình đấu tranh quyết liệt trong A Lại Da Thức của tôi trong đêm đó để thấu triệt được 8 chữ "thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn" và cuối cùng tôi biết mình phải niệm "lục tự A Di Đà". Nhưng cũng không sao niệm được.

Trong khoảng thời gian đó, A Lại Da Thức của tôi hoạt động để còn nhỏ đến 4 chữ "A Di Đà Phật" thôi mà cũng không niệm được, đó là quá trình "Văn, Tu, Tu" theo Sư phụ học Đạo, hành hoạt Phật sự và để cuối cùng mình mới được "chứng nghiệm" ngay nơi bản thân mình trong khoảng không gian bơ vơ lạc lõng đó.

Sự "chứng nghiệm" này tôi sẽ lần lượt kể cho các Tịnh Hữu biết trong những bức thư sau.

Lẽ ra tôi muốn viết về đề tài này trong nhiều năm về trước rồi để kể lại cho bạn đồng tu Tịnh Độ nghe. Viết ra rồi cất đó. Vì rất ngại. Mình còn sống sờ sờ đó mà nói đến những chuyện hoang đường mấy ai tin ! Nước nóng mình uống phòng miệng mình biết, làm sao người khác có thể cảm nhận được cái nóng như mình.

Nhân chuyến đi của Thầy Thiện Thông, Sư phụ có hỏi tôi về tâm trạng của tôi lúc bị liệt và không nói chuyện được lúc xưa ra sao để biết phần nào về bệnh trạng của Thầy Thiện Thông đang nằm trên giường bệnh. Tôi thưa với Sư phụ là Thầy Thiện Thông đang nằm đó, không cử động được, mắt nhắm nghiền nhưng thần thức của Thầy hoạt động đủ lắm. Ngoài ra Thầy còn nghe và ghi nhận được hết những gì mọi người đang đứng bên giường bệnh nói. Nhưng Thầy không nói,

không ra dấu hay diễn tả qua ánh mắt được. Chỉ khi nào những gì Thầy không hài lòng thì có phận nào đó còn cử động được thì nó "ngộ nguậy", như là muốn nói cho mình biết một điều gì đó. Giống như con lúc xưa vậy, chỉ biết rời nước mắt mà thôi.

Lần cuối cùng Sư phụ đến viếng Thầy Thiện Thông và Sư phụ khẩn nguyện dòng mãnh với Thầy: "Nếu Thầy còn nhân duyên với Phật Tử thì xin Thầy sống lại cho thật đông mãnh. Còn như Thầy thấy không công được tử thân, thì xin Thầy yên ổn ra đi và nguyện cầu Đức tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật tiếp độ Thầy được vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ như ước nguyện thiết tha của Thầy". (Trích báo Viên Giác số 118 tháng 8 năm 2000, trang 84, cột 2, bài của Nhật-Trọng Trần-Văn-Minh "Lễ Tang Cổ Thượng Tọa Thích Thiện Thông").

Qua sự ra đi của Thầy Thiện Thông. Cũng như qua câu nói của Sư phụ tôi: "Sự học không giúp gì cho sự chứng ngộ; những không học thì biết gì để mà chứng ngộ". Qua đó chúng ta, những người hành trì Pháp Môn Tịnh Độ học được bài học gì ?

1). Niệm Phật, trì chú giúp cho chúng ta an lạc được cuộc sống chính mình, đó là cái Đức, và cũng an lạc được cho hoàn cảnh quanh mình, đó là Phước: lúc còn thở ra hít vào miệng mỉm cười được ! Mình còn niệm Phật được, mình còn đúng cử động được nên mình còn hộ niệm cho người quá vãng được. Nhưng đến phiên ta thì sao ?

2). Cho nên niệm Phật, trì chú là một sự thực tập ngay cho chính bản thân mình khi mình không còn thở ra hít vào được nữa. Và lại còn vô thường nó đến không hề báo trước cho sự thở ra hít vào của mình. Người ta thường nói "Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường ít đổ máu". Câu này viết ra đây đọc không có chút gì là thiên vị cả, nhưng thực tế là như vậy.

3). Việc hộ niệm là chuyện của người còn sống có lòng quan tâm đến mình. Nhưng có được vãng sanh Cực Lạc quốc độ hay không là chuyện của chính mình. Mình nằm đó bỏ vô lạc lõng không còn thở ra hít vào trong chánh niệm được nữa. Trong khi chồng vợ, con cái, thân nhân, bạn bè đứng kề bên kể lể. Ban Hộ Niệm thì đang tụng kinh niệm Phật cho mình v.v... Thử hỏi rằng lúc hiện tiền mà ta không chuẩn bị hành trang cho mình thì đến lúc đó sự hộ niệm có giúp được gì cho mình không ? Sự hộ niệm là chuyện của người sống. Việc đốt đuốc lên đi là chuyện của chính mình. Cho nên Phật nói nào có sai "hãy tự thấp đuốc lên mà đi", đó là ý nghĩa rõ ràng mà trong giây phút ấy bạn mới thấu được ! Còn như chính mình đã tự thấp đuốc được thì sự hộ niệm cũng đâu có dư thừa ! Nhưng không biết hộ niệm thì điều ấy chẳng khác nào những ngọn gió thổi tạt qua làm chao đảo ngọn đuốc của mình, nếu ngọn lửa của mình không đủ mạnh. Còn ngọn lửa của mình đông mãnh thì không có gì lấn áp được cả.

Cho nên sau khi Thầy Thiện Thông nghe lời khẩn nguyện ở trên của Sư phụ thì 10

phút sau Thầy đã đông mãnh bay về cõi Tịnh Độ.

Có nhiều người học Phật mà vẫn cho rằng cần phải đọc nhiều kinh sách vì "Pháp môn vô lượng, thế nguyên học". Điều cần biết khi tu học Phật là người Phật tử chúng ta cần phải biết chọn một pháp môn chánh để phòng thân khi còn vô thường đến. Chủ không thể đủ bản lãnh và khả năng để niệm được 10 câu "A Di Đà Phật" lúc nghiệp duyên ta đã chấm dứt.

Nếu chúng ta chuẩn bị lúc còn thở ra hít vào được hành trang về cõi Tịnh Độ thì chúng ta không sợ con quỷ vô thường nữa. Vì dù nó có đến chúng ta vẫn ung dung tự tại tiến về cõi Phật A Di Đà. Ngài không đến tiếp dẫn chúng ta nữa mà Ngài hoan hỉ đón ta nói quốc độ của Ngài.

Đã không còn sợ chết nữa, hoặc như đã chết đi sống lại như trường hợp của tôi, hay nói cách khác là khi mình đã biết chuẩn bị cho sự ra đi, nghĩa là biết rõ hướng đi của mình thì điều này sẽ giúp cho chúng ta rất nhiều trong lúc còn thở ra hít vào được, nghĩa là khi "còn sống".

Người hộ niệm cũng cần phải biết điều này. Mình hộ niệm cho người đang lâm chung chính là sự nhắc nhở mình khi mình là kẻ đang nằm đó và mình phải làm gì !

4). Điều quan trọng nhất trong Pháp Môn Tịnh Độ là sự "nhất tâm bất loạn". Ba điều "Tín, Nguyện, Hạnh" dành cho những Tịnh Hữu lúc còn sống tu tập, nó tương tự như quá trình "Văn, Tư, Tu" cho một hành giả vậy. Khi đạt được đến chỗ "nhất tâm bất loạn" thì đó mới là cái "quả" của quá trình hành trì "Tín, Nguyện, Hạnh".

Sau sự ra đi của Thầy Thiện Thông, các bạn hãy can đảm tự đặt mình trong tình trạng như sau: Tối nay ta lên giường ngủ và sáng mai mở mắt ra bạn không còn cử động được hơi thở ra hít vào mình cũng không còn kiểm soát được nữa. Lúc đó chỉ còn thần thức hoạt động. Dù sao bạn còn biết mình còn sống. Những hình ảnh quen thuộc bạn có thể tiếp thu qua bằng ánh mắt được. Thì hỏi bạn, lúc đó bạn làm gì ?

Hoặc giả can đảm hơn: Bạn tưởng tượng sáng mai thức dậy, bạn không còn mở mắt được nữa. Có nghĩa là mình đã lìa trần. Thì tâm trạng của bạn lúc đó ra sao ? Bạn sẽ "phải làm" những gì để khỏi phụ lòng Thầy Tổ ? Nói đây tôi muốn nhấn mạnh ở chỗ "phải làm" gì ?

Thực tập được điều này, chúng ta sẽ có một cái nhìn khác cho cuộc đời này. Cái đó tự các bạn sẽ cảm nhận được. Bạn không thể tâm sự hoặc kể cho người khác biết được cái cảm nhận đó. Vì nó thiếu sự tương ứng !

Các Tổ Tiên vẫn thường giảng dạy cho thiền sinh: "Hãy dán chữ Tử ngay trên trán để quán chiếu". Thật đúng như vậy. Vì cái "Tử" chính là "chánh niệm", cái "hiện tại", cái "ngay bây giờ, trong lúc này" mình đang "sống" với nó. Vì trong một sát na cùng "có sanh, có tử". Trong sanh có tử và trong tử có sanh. Các bậc tu hành đặc đạo nhận diện nó rất rõ. Nên các Ngài bao giờ cũng biết trước cái

"sanh" của mình. Người đời thì gọi là tử, nghĩa là lìa cõi ta bà này. Nhưng đối với các Ngài thì tử sanh - sanh tử không hai. Như trường hợp Thầy Thiện Thông. Tôi được Sư phụ kể lại như sau: Sau buổi đi quá đường trưa ngày 27.06 thì Thầy Thiện Thông có nói là: Tôi về phòng nghỉ trưa và sẽ viết cho Thượng Tọa Viên Giác hai câu đối để mừng sinh nhật của Thượng Tọa vào ngày hôm sau 28.06. Nhưng vào buổi chiều ngày 27.06, lúc Thầy Quảng Bình vào phòng để mời Thầy Thiện Thông ra dùng cháo buổi tối, vì quý Thầy, Cô, Chủ chỉ dùng cháo để ăn nhẹ trong mùa An Cư Kiết Hạ mà thôi, thì thấy Thầy xiu quỵ trên sàn nhà, một tay còn cầm cây viết và tay kia cầm một mảnh giấy có hai câu đối:

"Đa niên bất thiệp tận tha phương

Vị pháp vong xu, vị thế nhân"

Tôi bèn thưa với Sư phụ là: Nếu Thầy Thiện Thông viết tặng Thầy hai câu đối nhân ngày sinh nhật của Sư phụ với nội dung chốc như trên quả là điều không đúng. Thật ra Thầy Thiện Thông muốn viết tặng cho Sư phụ hai câu đối, nhưng Thầy biết còn vô thường đã đến nên mới viết hai câu khác để làm bài kệ cho chính mình như các bậc cao tăng đặc đạo vẫn thường làm trước đây. Sư phụ tôi nói: Chắc là như vậy, Thầy Thiện Thông đã biết trước sự ra đi của mình.

Tôi có thưa với Sư phụ là Thầy Thiện Thông hoảng đung Pháp Môn Tịnh Độ và thường hay nhắc nhở đại chúng niệm Phật cầu vãng sanh vì còn vô thường sẽ không hẹn mà đến, nên con tin chắc rằng Thầy sẽ cao đăng Phật quốc. Sự huy kỵ cho Thầy chỉ là nghi thức của những người còn sống mà thôi, đó là theo quan điểm của tôi.

Sự ra đi của Thầy Thiện Thông là một bài học sống thực và vô giá cho những hành giả Pháp Môn Tịnh Độ nói riêng và cho mọi người học Phật nói chung. Đúng như ý nghĩa thâm sâu câu nói của Sư phụ tôi: "Sự học không giúp ích gì cho sự chứng ngộ, nhưng nếu không học thì biết gì mà chứng ngộ". Sự ra đi của Thầy Thiện Thông cũng là nhân duyên thúc đẩy tôi, sau khi thưa chuyện và thỉnh ý Sư phụ, không còn ái ngại và do dự gì nữa để viết ra những kinh nghiệm của bản thân qua căn bệnh hiểm nghèo cách đây 15 năm về trước. Và cũng nhờ hồng ân chư Phật, chư Bồ Tát, Tam Bảo và Tổ Tiên cùng sự nhất tâm niệm Phật với tâm nguyện "nếu còn nhân duyên thì cho tôi đông mãnh sống cuộc đời còn lại có ích cho Đạo và Đời; còn nếu nhân duyên đã hết thì tôi chỉ quyết tâm về quê hương Cực Lạc".

Văn chương chữ nghĩa kém cỏi, kính mong quý Tịnh Hữu hiểu ý quên lời. Ấu cũng là điều hoan hỷ cho tôi lắm rồi. Hẹn bạn ở thư sau.

Nguyện đem công đức này, hưởng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, đều được vãng sanh Cực Lạc.

Nam Mô A Di Đà Phật •

(Là thư sau sẽ kể cho Tịnh Hữu rõ cái duyên của tôi đối với Pháp Môn Niệm Phật A Di Đà khi tôi bị chứng bệnh đau gan cấp tính)

Giữ vững niềm tin

Đã từ lâu tôi thường theo dõi báo chí hải ngoại, cứ mỗi lần đọc một bài bình luận với câu kết: "*Chắc chắn chế độ Cộng Sản Việt Nam rồi sẽ cáo chung...*". Vậy mà tôi chưa kịp hưởng trọn niềm vui ấy, đã tiếp tới tin nước Mỹ đã bang giao với Cộng Sản Việt Nam, đã bỏ cấm vận, tôi lại thộn mặt ra, nghĩ rằng: "như thế này thì còn hy vọng gì nữa?! Cái ông bạn đồng minh khổng lồ của Việt Nam Cộng Hòa một thời, lại chính ông bạn đã tạo cơ hội cho Cộng Sản chiếm trọn quê hương của chúng ta! Ngày nay vì "đồng tiền liền khúc ruột", thấy lợi về kinh tế nên một lần nữa ông lại cắt đứt niềm hy vọng cuối cùng của gần 2 triệu người Việt lưu vong trên khắp năm châu đang tìm mọi cách để mong có ngày mặt trời ló rạng phương Đông, kéo nhau về lại Quê Cha Đất Tổ:

Ta về ta tắm ao ta

Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn
một tâm lý chung của giống nòi Lạc Việt đã trở thành ca dao tự mấy ngàn xưa.

Nhưng khi lục soát lại ký ức, tôi chợt nhớ tới 2 chuyến ra Bắc thăm nuôi chồng bị tù cải tạo nơi trại Hà Nam Ninh cách đây hơn 20 năm, tôi lại thấy mình giữ vững niềm tin.

Hôm nay tôi xin kể lại những điều mắt thấy, tai nghe trong 2 chuyến đi mà hơn 20 năm qua tôi chỉ nghĩ đây là chuyện riêng tư của mình. Trong suốt thời gian dài đằng đẵng ấy, tôi vẫn ôm hoài những hình ảnh thăm thường, đau xót của chồng và các anh em miền Nam đã phải gánh chịu, đầy ải... Và sau cùng tôi cũng mong các bạn hiểu rõ tại sao tôi giữ vững niềm tin.

Vào năm 1978, nhờ uy tín của một cán bộ cao cấp Bộ Nội Vụ quen với chú em nhà tôi, nên đặc biệt tôi là người thứ hai được thăm nuôi chồng đi

từ cải tạo ở trại Hà Nam Ninh, cách Phủ Lý mấy chục cây số, nằm sâu vào một quả đồi trên con đường đi Chùa Hương.

Kỳ này may mắn tôi được đi máy bay ra Hà Nội, vì đang sẵn lối tổ chức của Air Việt Nam (Hàng Không Việt Nam) thuộc miền Nam nên nhân viên và cách tiếp đãi hành khách đang còn giữ nguyên nếp cũ. Khi đi cũng như lúc về, bữa ăn tôi chỉ dùng miếng bánh mì và quả chuối; Jambon, saucisse, kẹo để dành làm quà cho mấy cháu bé miền Bắc. Khi về thì cho mấy cháu nội đã ba năm nay nhờ ớn Bác và Đảng chúng chỉ biết có khoai lang luộc, mì sợi hoặc cơm độn bo bo! Tôi nghiệp, hồi còn Mỹ Ngụy, người lớn cứ bắt tội chúng phải ăn thịt, ăn cá, cơm tây, cơm tầu ê hề; đúng là muốn đầu độc những bộ óc non nớt, làm hư hỏng con cháu bác Hồ!

Hôm tiếp tế, hai chú em ruột nhà tôi chở đi bằng hai xe Honda, với hơn 80 kilô hành lý. Tôi ngồi nơi Porte bagage ôm thêm một gói nữa, với cuộc hành trình dài một trăm cây số trên con đường trải đá lồi lõm chồm những ổ gà, vũng trâu. Tủi thủ bé tôi chưa bao giờ lâm vào tình cảnh như thế! Thôi cũng đành nhắm mắt đưa chân, suốt dọc đường chỉ biết niệm "Quán Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ Cứu Nạn", vì nói đại chỉ một rùi ro là té vỡ đầu như chơi!

Vừa tới cổng trại, chúng tôi gặp ngay một đoàn mấy chục anh quần áo tả tơi, vá chằng vá đụp, đội những chiếc nón lá rách tuồm rách nát... đang hi hục khuôn vác đá. Chú Út đi cạnh khe dặn:

- Chị đừng nhìn họ, gặp anh hay ai quen chị cũng đừng lên tiếng nhé!

Nhưng trước cảnh lam lũ khổ cùng của các anh em miền Nam của mình bị đọa đày, tôi đã không cầm được nước mắt, ôm mặt nức nở khóc. Chú em lại thủ thỉ:

- Ấy chết! Chị đừng khóc chứ! Cả khi gặp anh cũng vậy. Họ đã có lệnh cấm rồi!

Chao ôi! ở cái thành phố Sài Gòn đã đổi tên đổi họ, đâu đâu tôi cũng thấy tràn ngập khẩu hiệu: "Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc", mà còn cấm cả người ta không được khóc nữa là nghĩa làm sao? Thật quá quắt lắm rồi! Tuy bụng than thầm nhưng "*ra tới xứ Lèo phải ăn mắm ngoi!*" tuy ảm ức nhưng đành phải theo cái luật rừng đó vậy,

Các anh em đang lao động, khi thấy chúng tôi đi qua, đầu đó có một vài bộ mặt ngạc nhiên. Có tiếng thì thầm "Người Miền Nam", nhưng vẫn

phải chăm chú khuôn vác trước họng súng của mấy thằng công an nhai ranh, mặt mũi non choẹt chỉ vào tuổi 17, 18 là cùng. Trước cảnh trước mắt thật đau lòng, tôi nhận thấy câu ca dao mới ở miền Nam sao mà đúng thế:

Trời làm một trận lãng nhãng

Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông!

Sau khi trình giấy tờ, họ dẫn chúng tôi đi sâu mãi vào một căn nhà nhỏ lợp tranh, nền đất đầm sỏ sài, kê một bàn và vài chiếc băng dài bằng gỗ tạp. Cửa vào có tấm bảng đề: "Nhà Khách", nhà khách đón vợ con tù? Tại sao không đề là "Phòng Đợi" cho đúng hoàn cảnh nhỉ? Cái chế độ này luôn luôn vẫn thế! Với những mảnh lời xào trá đã ăn sâu vào tận xương tủy, dưới bộ mặt nanh ác họ cứ phải bôi hề, che giấu để đánh lừa con người ta bằng những mỹ từ như thế đấy!

Tôi đang phụ với hai chú em khuôn đồ tiếp tế vào "nhà khách", bỗng giật mình nghe tiếng gọi như quát: "Chị Thuỳên", tôi nhìn lại thì thấy một cán bộ trạc ngoài bốn mươi tuổi, ngồi nơi bàn giấy ở căn nhà gần đấy, nghe chú em giục, tôi vội vàng đi tới, anh cán bộ thị oai:

- Sao chị lại mặc quần ống loe thế hả?

Trời đất! tôi ngỡ ngàng nhưng cũng kịp lễ phép:

- Thưa anh, vì tôi di cử vào Nam nên theo mấy bà già trong đó may quần ống rộng, chủ không phải theo thời trang đâu ạ!

Anh ta mặt lăm lăm nhìn tôi một lúc, tôi nghĩ thầm: Chắc gã đang ngầm nghĩ hai chữ "thời trang" nghĩa là gì đây? Sau ý chừng nhận thấy không còn gì có thể bắt bẻ tôi được nên ra lệnh:

- Thôi được, chờ đến 2 giờ chị sẽ được gặp anh ấy.

Về tới phòng khách, hai chú em vội vàng lục soát đưa ra mấy cái ghim băng bảo tôi gài cho ống quần hẹp bớt lại! Thấy thái độ sợ sệt của người thân, bất giác tôi không dám khinh thường mấy ông chúa sơn lâm nơi trại cải tạo này nữa. Nhưng trước những cái "hách xì xằng" thị oai vì mặc cảm của những con người rừng rú này đã khiến tôi căm tức, nghĩ bụng: Giá vào thời trước thì những hạng người này dù có tới xin ở không công, tôi cũng không thêm muốn là cái chắc.

Trong khi chú em ra kiểm soát lại xe chuẩn bị lúc về, nơi phòng khách chỉ còn tôi với một cô gái khoảng trên dưới 20 tuổi, mặt mũi nhẹ nhàng xinh

xấn. Biết thân phận mình là "ngụy" tôi không dám ho he, nhưng cô gái đã lần la hỏi chuyện. Cô cho biết nhà ở Phú Lý, vào trại tiếp tế cho người anh bị giam về hình sự:

- Mẹ cháu yếu không đi được, cháu phải đi thay nuôi anh cháu mỗi tháng một lần; chắc bác tử trong Nam ra nuôi bác trai ?

Một lúc nữa, cô cho biết thêm Mẹ cô có hai người anh ruột vào Sài Gòn từ năm 1954, gia đình cháu ở lại vì hồi đó Bố cháu không chịu đi... Cách cô ăn nói dịu dàng lễ độ, tôi đoán cô sinh trưởng trong một gia đình tiểu tư sản, chắc hẳn các cụ xưa đã là nạn nhân trong vụ Cải Cách Ruộng Đất hồi trước đây! Gốc gác con người ta như thế nào, dù có đem trộn nháo nhào thì "ngô vắn ra ngô, khoai vắn ra khoai" không thể nào lẫn lộn được cái về con nhà gia giáo của cô gái đang ngồi trước mặt tôi đây.

Đúng 2 giờ, một công an ra dẫn 3 chị em tôi đi sâu vào khuôn trại, chừng 20 phút tới một "phòng khách" nữa, nhưng vì của cán bộ tiếp khách nên khàng trang, rộng rãi hơn nhiều. Có 3 ông cán bộ ngồi sẵn, trên bàn bày một lọ hoa, một ấm trà và dăm sáu cái ly. Họ đón tiếp lịch sự, đối với hai chú em tỏ ra thân mật khiến trong khoảnh khắc tôi đã quên mất nơi đây là một trại giam người của Cộng Sản.

Chờ một lúc thì nhà tôi tới, anh đã thay bộ áo tui bằng bộ áo khi đi trình diện nên trông đồ thường tâm hơn. Sau 3 năm được gặp lại chồng trong hoàn cảnh này, tôi cố nén, cố nuốt nỗi uẩn ức nghẹn ngào khá lâu mà vẫn không sao thốt được nên lời. Nhà tôi hỏi gì, tôi chỉ biết "gật" hay "lắc", chỉ sợ nhỏ nức lên khóc là hỏng cả mọi chuyện, vì tôi thừa hiểu những hạng người này tuy đang cố tỏ ra là những con người "văn minh" đấy, nhưng lập tức họ cũng có thể trở thành dã man như thú dữ dễ dàng như tôi trở bàn tay.

Bầu không khí thật còi mõi, có trà, có thuốc lá đãi khách. Cán bộ nói với nhà tôi nghe củ ngọt sớt như đường, như mật. Có lẽ họ nghĩ gia đình tôi có "ông kẹ" nào ngồi ở Bộ Nội Vụ nên mới được thăm nuôi đặc biệt như thế này! Sau một tiếng đồng hồ thăm gặp hạn định, cán bộ ra kiểm soát đồ tiếp tế, họ vui vẻ nói: ngân này thủ, có lẽ ăn cả năm cũng không hết phải không anh Thuyên?

*Một tiếng thăm nuôi, dậm trường
lận đận
đã tan vèo như mây khói Hải Vân !*

*Chồng quay về trại, vợ bước âm
thầm
về Sài Gòn với những đêm thao
thức...*

Thao thức vì sau khi thấy tận mặt cảnh tù đầy rách rưới, gầy còm sa sút của anh em chiến bại miền Nam đã khiến tôi ray rứt mất ăn mất ngủ. Lòng còn vương vấn thêm hình ảnh cô con gái miền Bắc nết nết, ăn nói dịu dàng lễ độ mà tình cờ tôi đã gặp ngoài trại Hà Nam Ninh, thật trái hẳn về công cốt khinh người, hà tiện từng lời nói của mấy cô cán bộ Cộng Sản trong phường khóm, các cửa hàng lương thực mà tôi từng tiếp xúc ở cái thành phố nay đã đổi họ đổi tên!

*
* *

Năm sau, 1979, Nhà nước ra lệnh cấm người đi nuôi tù cải tạo ngoài Bắc không được phép đi máy bay. Thế là vé tàu hỏa phải mua giá chợ đen củ tăng lên vùn vụt, gấp cả hơn mười lần giá chính thức. Tuy nhiên đối với vợ con "ngụy" chẳng ảnh hưởng gì, vì chưa có vụ đổi tiền, đánh tư sản mại bán. Túi tiền các bà còn đang rủng rinh. Tôi cũng chạy chọt mua được một "vé nằm" (Couchette), mỗi buồng riêng biệt có bốn giường, nay đã bị lột hết nệm, màn cửa... họ thay vào mấy tấm ván và một manh chiếu đã rách tươm. Dù sao thì với con tàu của cái xã hội úu việt này, cuộc hành trình Sài Gòn - Hà Nội bỏ như sên, kéo dài 3 ngày 2 đêm cũng giúp tôi có chỗ nghỉ ngơi thoải mái, lại tránh được trộm cắp rình mò. Trong phòng có hai bà cán bộ và một anh bộ đội còn trẻ vui tánh, anh bỏ lo ba la nói chuyện luôn miệng với hai bà cán bộ đứng tuổi. Phần tôi thu mình vào vỏ như con ốc, không dám bắt chuyện mà cũng không ai muốn bắt chuyện với mình. Tôi lắng nghe, nên biết anh bộ đội vào Nam đã bốn năm, nay mới được phép về thăm bố mẹ và cô vợ trẻ mới cưới được vài tháng anh đã phải đi nghĩa vụ quân sự.

Khi tàu tới ga Hà Nội, hai bà cán bộ khoác ba-lô gọn gàng đi khỏi, còn lại tôi và anh bộ đội lúng túng với đám hành lý ngổn ngang. Thấy tôi dáo dác tìm người nhà ra đón. Biết ý, anh lên tiếng:

- Họ không cho người nhà vào ga đón đầu bà ạ, con với bà phải tập hợp nhau chuyển hành lý thôi.

Tôi tò mò hỏi:

- Sao anh cũng nhiều hành lý thế?

- Vào Nam con thấy thú gì cũng muốn mua, với lại đã bốn năm mới

được về phép mà bà! Nhưng anh em khác, họ có vai vế nên được về lâu rồi.

Rồi anh cười cười nói tiếp:

- Con mới cưới vợ nên nhỏ quá! Chắc Liên đang chờ con ngoài cổng; anh đề nghị tôi chỉ đóng vai đứng canh kê cấp trong lúc anh chuyển dần hành lý từng chặng ngắn, củ thể tiến dần mãi rồi cũng tới được trước phòng làm việc của nhân viên nhà ga. Anh lại nhắc:

- Bà đứng đây canh hành lý cẩn thận nha! Nhiều kẻ gian lắm đấy! Đưa giấy tờ con vào trình luôn cho.

Thấy tôi đang ngần ngại không dám đưa giấy tờ cho người lạ, anh nói tiếp:

-Con sẽ nhận bà là di con và bà phải đứng canh hành lý ngoài này.

Chung quanh tôi, người nào cũng tay xách nách mang. Chợt tôi thấy một bộ đội gái, tóc kết đuôi sam dài thườn thượt, ngoài chiếc ba-lô khoác trên lưng, trước ngực chị còn đeo thêm một đứa con nhỏ chừng vài tháng. Tôi một cái bàn gần đấy, chị ta đặt đứa bé nằm xuống, bỏ đi trình giấy tờ. Mọi người ai cũng tất bật qua lại như mắc cùi, chỉ có tôi đứng một chỗ với đồng hành lý. Tôi hồi hộp lo sợ nhìn đứa bé nằm chơ vơ trên bàn đang cựa quậy. Nó chỉ lấy một cái là lăn xuống đất thôi! tôi nghĩ vậy mà cảm thấy bản khoan, trong bụng tính toán, nếu cần mình phải chạy lại đỡ đứa bé mới được, nhưng lại sợ cái bản mặt mình là dân miền Nam. Xã hội này họ đang căm thù gọi là "ngụy", nhờ họ vu cho mình bắt cóc con người ta thì sao? Trong khi tôi đang lo sợ, bứt rứt đứa bé bị lăn xuống đất thì may sao mẹ nó ra tới. Anh bộ đội cũng vừa trình giấy xong, chúng tôi lại phải chuyển đồ đạc thêm một chặng nữa mới thoát được ra ngoài.

Ngoài hè phố, gia đình anh đang chờ sẵn. Ông bố già với chòm râu bạc, mặc áo trắng dài cũ kỹ ngả màu cháo lòng, đã vá một vài chỗ. Cô vợ trẻ của anh vào hạng người đẹp, trắng trẻo duyên dáng. Tuy tíu tít với gia đình, anh cũng không quên giới thiệu tôi với ông cụ và cô vợ trẻ.

- May gặp bà đây mới giải quyết được chừng này đồ đạc đấy Bố ạ.

Thấy tôi vẫn không có người nhà ra đón, anh gọi một chiếc xích-lô, mặc cả đùm về phố Mai Hắc Đế. Củ lớ ngớ là họ bắt nạt, bà phải trả nhiều tiền đấy! Anh còn giúp tôi chuyển hành lý lên xe rất ân cần chu đáo.

Tôi nhà chú em trước sự ngạc nhiên của mọi người, tôi mới về quê: điện tín tôi đánh đi ngay lúc mua được vé

tàu hỏa kia mà! Tính đã sáu hôm rồi. Vậy mà mãi hôm sau khi cả nhà đi làm vắng, lại chính tôi ra nhận điện tín của tôi! Cái xã hội này đúng là "ưu việt" thật đấy! Các ông cộng sản tự phụ cũng đúng lý lẽ lắm chứ!

Hôm đi tiếp tế cho nhà tôi cũng vẫn diễn ra như năm ngoái. Chỉ khác là năm nay các bà đồng như trẩy hội. Lần này "Nhà Khách" đón vợ con tôi đã chuyển ra gần cổng trại và luật lệ là phải ngủ lại một đêm, hôm sau mới được gặp người nhà. Hai chú em đành buồn rầu ra về, hết hy vọng được gặp anh như kỳ trước.

Đêm hôm ấy, tôi cố len lỏi tìm được một khoảng đất trống dưới nền nhà trải lồm chồm gạch ngói vụn, vừa đủ một mảnh ny-lông và đồ tiếp tế xếp gọn quanh mình, tôi nằm cuộn khoanh như con tôm luộc, cố thu mình trong cái áo đi mưa vừa chống lạnh, vừa tránh đám muỗi rừng, thao thức cả đêm không sao chợp mắt được, mà làm sao ngủ được giữa một hoàn cảnh như thế này?

Khi gặp được chồng cũng chỉ vòn vẹn có một tiếng đồng hồ. Giao thừa tiếp tế xong, tôi ra về đã hai giờ chiều, may sao tôi và cháu Hồng (con gái anh chị Phan Ngô) gặp được chiếc xích-lô vừa chở khách vào trại nhưng khi ra tới Phủ Lý lại bị trở chuyển tàu về Hà Nội! Ông xích-lô già, vì ngoài Bắc chỉ có người già mới được phép đạp xích-lô! Thanh niên là phải lao động nặng. Ông mách chúng tôi ra đầu tỉnh đón xe "cam nhông" chở đá về Hà Nội, cử hai mươi đồng một người leo lên đống đá ngồi, tài xế kiếm thêm tiền ấy mà! Thật phúc đức sao tôi lại gặp cháu Hồng ở trại cùng đi ra, cháu đã giúp tôi leo lên đống đá, lại còn chen lấn dùm cho tôi có chỗ ngồi an toàn hơn. Xe vừa tới cửa ô là mọi người phải xuống, tôi mò mẫm về được nhà chú em đã gần một giờ khuya!

Tôi viết những sự việc xảy ra trong hai chuyến ra Bắc thăm nuôi chồng không phải là kể lể những vất vả khó nhọc của mình, vì những sự việc này thật chẳng thấm vào đâu với cảnh tù đầy khổ cực, bị hành hạ về thể xác, nỗi nhục nhằn đau đớn về tinh thần của kẻ chiến bại mà chồng tôi và các anh em miền Nam đã phải gánh chịu suốt bao nhiêu năm trường trong các trại giam mọc như nấm của chế độ Cộng Sản khát máu. Nói đây tôi chỉ muốn nêu lên hình ảnh một cô gái miền Bắc tôi đã

gặp trong trại cải tạo Hà Nam Ninh năm 1978 và một anh bộ đội Cộng Sản trong chuyến tàu hỏa ra Hà Nội năm 1979. Trong hai năm chỉ vòn vẹn có hai chuyến đi thăm nuôi chồng, vì may mắn nhà tôi đã về sum họp gia đình năm 1980, vậy mà tôi đã gặp hai người dân "đặc sản" của chế độ đầy gian ác ấy! nhưng họ rất "nguời", chữ "nguời" ở đây với một nghĩa chính xác! Kể từ cách mạng mùa thu 45, với tuổi hai người này họ đã thuộc vào thể hệ thứ hai của một chế độ độc tài đảng trị đầy gian dối, lừa bịp khét tiếng trên thế giới! Thế mà tôi nhận thấy họ vẫn còn nhân cách, vẫn giữ được "tính bản thiện"! Họ chỉ là những nạn nhân của chế độ hà khắc, những muôn đời gốc lõi họ vẫn là nòi giống của mấy ngàn năm Văn Hiến, hiền hòa và lương thiện của Dân Tộc Việt Nam.

Tôi chợt nhớ mấy câu của cụ Nguyễn Trãi trong bài "Bình Ngô Đại Cáo" (năm 1427) mấy câu tuy cách xa nhau đã hơn 500 năm, nhưng sao mà phù hợp với người dân Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản ngày nay đến thế! "... nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa? nặng nề với những nỗi phụ phen... bắt bỏ mất cả nghề canh cửi... độc ác thay trúc rừng không ghi hết tội... dỏ bẩn thay nước bể không rửa sạch mùi! lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần dân chịu được... Đem Đại Nghĩa Để Thắng Hung Tàn, Lấy Chí Nhân mà Thay Cường Bạo...".

Chỉ vòn vẹn có hai chuyến ra Bắc thăm nuôi chồng mà tôi đã gặp hai con người thuộc thể hệ trẻ của chế độ, họ hiền hòa và lương thiện như vậy, hỏi sao tôi không lạc quan? Tôi như nắm vững niềm tin vì nghĩ rằng sau hơn nửa thế kỷ độc tài đảng trị, chính quyền Cộng Sản đã dày ải toàn dân Việt Nam vào vòng đói khổ. Hiện nay cấp lãnh đạo chỉ như những cánh bèo nổi trên mặt nước, bên dưới đầy đầy những đợt sóng ngầm, chỉ chờ có hội sẽ vùng lên đập tan xiềng xích hung tàn cường bạo.

Tôi viết những dòng này giữa tiết Xuân về, mùa Xuân thứ hai của thiên niên kỷ mới. Mùa Xuân là mùa hy vọng, tôi nuôi hy vọng một ngày rất gần đây, cái chế độ bạo tàn ấy sẽ chấm dứt. Vâng, một khi họ đã đứng chót vót trên đỉnh núi cao thì rồi sẽ có một ngày họ phải quay đầu xuống núi. Đó là lẽ tất nhiên của định luật muôn đời không thay đổi. Và như lời người xưa đã dạy: "Đại Nghĩa và Chí Nhân bao giờ cũng thắng hung tàn và bạo ngược".

QUA CHÙA II



*Qua chùa ngả nón. Ôi mây
mây trên đỉnh núi bay bay
hồn người
lá vàng mấy chiếc rơi rơi
lòng thu. Ý Phật. Nẻo đời
mênh mang...*

*Qua chùa, đứng dựa Tam
Quan
nhìn mây khói quyện hưởng
tàn về đầu
mây trên đỉnh núi giăng sào
mây quanh hồn cũng một
màu xanh theo*

*Qua chùa, mắt có trong veo
mà sao hạt lệ buổi chiều như
sửong
nón nghiêng nửa mặt tà
dưỡng
niềm vui chẳng tỵ. Nỗi buồn
tỵ đứng*

*Qua chùa một thoáng băng
khuâng
hỏi chi còn lại trên nhân thế
này
cái còn lại vẫn là mây
Quê Hưởng đâu biết chuông
đầy không gian*

● Huệ Thu

ĐI TÌM DẤU TÍCH Chùa Quan Thượng

Nguyễn Thị Chân Quỳnh



Phóng ảnh tranh vẽ lại chùa Quan Thượng

Tuy sinh trưởng ở Hà Nội, nhà cách hồ Hoàn Kiếm không xa, nhưng tôi chỉ biết đến tên chùa **Quan Thượng** từ khi bắt đầu sưu tầm tài liệu về Hà Nội xưa, nghĩa là cách đây không bao lâu, bởi lẽ rất giản dị là chùa đã bị phá hủy trước khi bố mẹ tôi ra đời.

I. CHÙA QUAN THƯỢNG, THEO SỬ SÁCH VIỆT NAM

Những chi tiết về chùa mà tôi thu nhặt được từ sử sách của ta không có bao nhiêu, gom góp lại chỉ độ một trang đánh máy là nhiều :

1. Tên Chùa: Chùa mang rất nhiều tên: Ngoài tên tục là chùa **Quan Thượng**, do Tổng Đốc Hà Nội Nguyễn Đăng Giai (hàm Thượng Thư), đứng ra quyên tiền xây chùa nên gọi là chùa Quan Thượng, còn tên chữ là chùa **Liên Trì**. Vũ Ngọc Phan gọi là chùa **Cửu Tinh** (1). Chu Thiên Bào gọi là **Sùng Hưng Tự**. Lại còn có tên là chùa **Báo Ân** (không nên lầm với tháp **Báo Thiên** của chùa **Sùng Khánh** (2), cũng ở ven hồ Hoàn Kiếm, nhưng phía Tây đã được xây cất từ thời nhà Lý, sau này được Tổng Đốc Nguyễn Hữu Độ đem hiến cho Giám mục Puginier phá đi, lấy chỗ xây nhà thờ lớn Hà Nội) (3). Đây là chùa kể tên do người Pháp đặt: **Pagode des Supplices** (tạm dịch là Chùa Thụ Hình).

2. Thời điểm xây chùa: Kiều-Thu-Hoạch (4) cho biết chùa bắt đầu kiến tạo từ năm 1842, bốn năm thì xong. Chu-Thiên nói khởi công năm 1843, trong khi Masson và Claude Bourrin lại biết xây từ năm 1841 đến năm 1847 thì hoàn tất (5).

Theo Chu-Thiên thì thời Pháp sang, chiếm đóng chùa, không ai được vào xem, chùa cũng biến ra trại lính. Đứng ra, khoảng 1884, tất cả những ngôi chùa chung quanh hồ đều bị quân đội hoặc các cơ quan hành chính của Pháp chiếm cứ, chùa **Quan Thượng** bị Service de la Sous-Intendance du corps expéditionnaire (*Thủ Cục Quân Nhu của quân đội viễn chinh*) Pháp sung công. Năm 1889, chùa bị Pháp phá hủy (6).

3. Địa điểm: Vẫn theo Chu-Thiên, địa điểm của chùa hiện nay (7) ở khu vực phố Đinh-Lễ, Bộ Nội Vụ, nhà khách của

Nhà nước, Sở Bưu Điện và trụ sở Ủy Ban Quốc Tế. Tháp Hòa-Phong hiện hây còn, thuộc cổng ngoài của chùa, thì ở gần chợ hàng hoa và ngã tư Tràng Tiền.

Đại-Nam Nhất-Thống Chí (8) chép: Chùa tọa lạc ở thôn Cựu Lâu, huyện Thọ Xương trên nền cũ lâu Ngũ-Long (9).

Chu-Thiên viết rõ hơn về gốc tích chùa:

"... Ngũ-Long lâu, lâu son, gác tía nguy nga, làm chông lên mấy tầng, ở ngoài có trường súng, có xưởng thuyền; đến cuối đời Lê, Tây-Sơn ra phủ Lê diệt Trịnh, rồi Trịnh bị Lê trả thù, hai bên đánh nhau đốt đi đốt lại mấy lần, sạch trơn cả, cử dân kéo đến ở thành làng. Vì thế bản triều (Nguyễn) mới đặt tên là làng Cựu-Lâu. Ở chỗ nền chùa bây giờ, khi ấy còn trở lại ba khẩu thần công lớn bằng gang, nông ba tấc, dài năm thước, được phong là Điện-Xiết tướng quân, Lợi-Chấn tướng quân và Phi-Đẳng tướng quân. Đời Gia Long, các quan Bắc thành cho lính di chuyển đem vào thành nhưng không tài nào nhổ lên được. Quan Đề-Đốc hộ thành phải cho sửa lễ cầu khẩn thần thì chuyển súng đi được ngay. Dân xóm chung quanh thấy linh ứng liền lập miếu lên thờ. Đến đời Minh Mạng, người ta làm ngôi đền ngôi và xin phong sắc để phụng sự. Sang đầu đời Thiệu-Trị, Quan Thượng Nguyễn-Đăng-Giai xét lại, không cho, bắt hủy đi và đích thân đứng ra làm ở trên nền ấy ngôi chùa nguy nga, đồ sộ, kiến trúc tinh xảo, công phu, tốn phi nhiều tiền của thập phủ. Chính quan Thượng đặt tên cho là **Sùng-Hưng Tự**, tức là: **Chượng sự hưng thịnh**" (10).

4. Kiến trúc: Chùa rộng 150 gian, tám mặt đào cũ, thả sen, được kể là một trong những công trình kiến trúc nổi tiếng ở ven hồ Hoàn Kiếm, song ở chỗ nào thì không thấy ai nói rõ. Ngay cả Trương-Vinh-Ký, đã từng đi vãn cảnh chùa năm 1875 và tả chùa tương đối tỉ mỉ so với sử sách của ta nhưng người đọc cũng không sao hình dung ra được "cái kiếng rất xinh" ấy "xinh" ở chỗ nào.

Trương tiên sinh viết: "Vô cửa hai bên có tháp cao. Trong có hồ đi quanh co vòng theo chùa, lại ăn lọt dưới chùa nữa, hai bên mép xây đá cả. Cầu bắc từ phía qua chùa cũng xây đá gạch hết. Xung quanh bốn phía có hành lang chạy dài giáp nhau. Trong chùa, đằng trước để tượng Phật đứng trên bàn cả đóm, hình lớn to, quang thếp cả. Hai bên sau có tháp động và tháp điện, đều bong, hình nơi.na hết. Đằng sau đến, có tạc hình cốt ông Nguyễn-Đăng-Giai. Phải chi nhà nước lo tu bổ, giữ gìn, thì ra một kiếng rất xinh, rất đẹp. Mà nay thầy chùa, thầy sãi ở đó rõ ngôi, cạy gạch, bán lấy đi mà ăn nên hủ tộ uống quá" (11).

5. Quan Thượng: Không ai biết chùa đẹp ở chỗ nào, song hẳn nói đến chùa thì tất cả đều không quên nhắc đến bốn câu tú tuyệt ngụ ý châm biếm Quan Thượng:

Phúc đức gì mây, bố đĩ Giai!

Làm cho tổn Bắc lại hao Đoài.

Kìa gương Vũ-Đế còn soi đó,

Ngã tử Đài-thành, Phật cứu ai? (12)

Đọc thơ, ta có cảm tưởng Nguyễn-Đăng-Giai là một ông quan đáng chê cười: Đã mê tín lại keo kiệt, muốn xây chùa để làm công quả nhưng lại bắt dân đen đóng góp. Tuy nhiên, nếu ta giở Đại-Nam Thục-Lục hay Đại-Nam Liệt-Truyện ra thì thấy một Nguyễn-Đăng-Giai khác :

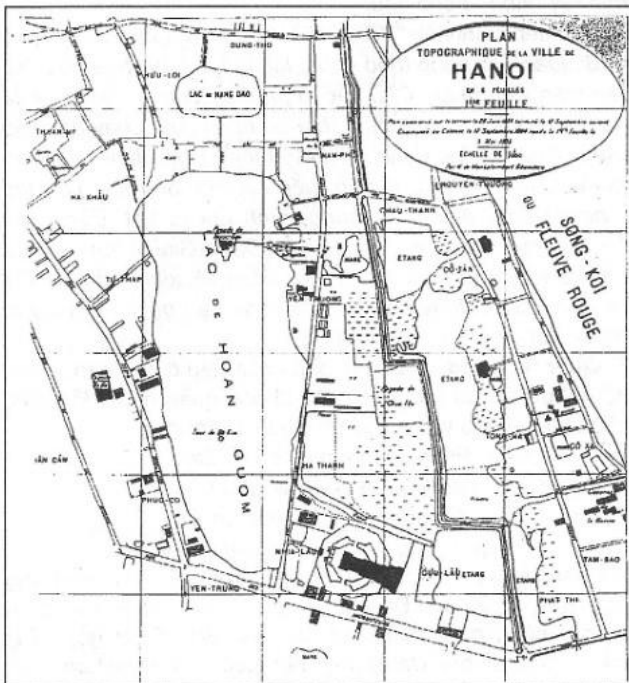
Nguyễn-Đăng-Giai người huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, đỗ Hương-Tiến (Cử nhân) năm 1825, làm quan từng giữ chức Tổng-Đốc, Thượng-Thư, Hiệp-Biện Đại-Học-Sĩ, Kinh-Lược-Sử Bắc-Kỳ, từng đi chấm thi, từng đi sứ nhà Thanh cầu phong cho vua Tự-Đức... Được vua Minh-Mệnh coi là người có kiến thức, nên những điều Nguyễn-Đăng-Giai trình bày đều thiết thực và phần nhiều được vua cho thi hành như:

gặp năm đói kém đặt ra Sở Dưỡng Tế, xin ban thóc kho, hoãn thu thuế, tha khoản trốn thiếu, xin mở đường cang, đào đá núi lấy tiền trả công thay cho tiền phát chẩn. Lại đào sông, đắp đê, đúc tiền, sửa hình luật, vun trồng phong hóa. Việc biên phòng, xin tuyển lính, luyện tập, đặt đồn, miễn thuế các châu huyện bị giặc cướp. Đi sứ, không làm nhục quốc thể...

Làm quan trên 30 năm, trải ba đời vua (Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức), ra công đánh dẹp, trị an, bày nhiều mưu kế sáng suốt, được thưởng nhiều kim tiền, kim khánh, vua ban sâm quế, thuốc ngự dụng khi ốm đau... Mất năm 1854 được vinh thăng hàm Thiếu-Bảo.

Liệt truyện tóm đời ông trong bốn chữ: "CÔNG NGHIỆP RỰC RỠ" nhưng lại hạ một câu: "Tiếc vì chuộng đạo Thích, dựng chùa thờ Phật, luôn mê hoặc người, phí của thực nhiều, chưa khỏi làm lụy cho thịnh đức" (13). Đây là những lời phê phán thiếu khách quan của nhà Nho hẹp bụng chỉ cho phép người ta tôn sùng đạo Nho mà thôi. Nguyễn-Đăng-Giai quả có ngưỡng mộ đạo Phật, ngoài việc hưng công xây chùa Liên-tri còn giúp Tổng-Đốc Hà Nội Đặng-Vân-Hòa tô lại tượng và trùng tu **Chùa Một Cột** năm Thiệu-Trị thứ 7. Sự kiện này được ghi trên bia công đức ở gần cổng chùa (14) song không thể vì "chuộng đạo Phật, xây chùa" mà thành "mê tín dị đoan, mê hoặc lòng người, làm lụy cho thịnh đức" được. Không rõ tác giả có bị ảnh hưởng về 4 câu tử tuyệt trên không ?

Xét ra Nguyễn-Đăng-Giai không được người đương thời quý trọng, một phần vì ông sùng bái đạo Phật, một phần vì ông không hòa hợp với các đại thần trong triều. Người đời sau không biết ông, thường xét qua bốn câu tử tuyệt nên không khỏi có chỗ oan ức cho ông. Sau này, đọc **Sóng Nước Hồ Gươm** tôi mới biết Nguyễn-Đăng-Giai đã được Chu-Thiện biện minh hộ rồi.



II. CHÙA QUAN THƯỢNG DƯỚI MẮT NGƯỜI PHÁP

Tuy chùa do người Pháp triệt hạ năm 1889, song cũng chính nhờ những sách báo, tranh ảnh của họ để lại mà ngày nay chúng ta có được một ý niệm về ngôi chùa nổi tiếng mà họ mệnh danh là **Pagode des Supplices** (chùa Thụ Hình).

Theo Halais thì chùa sở dĩ mang tên Thụ Hình vì hai tấm vách (panneaux) chạm nổi, chiều cao 3 thước, chiều dài 5 thước là cảnh Thần Phật ngồi phán xét những hành động của người dương thế: ai thiện được lên thiên giới; kẻ ác bị đẩy xuống phía chân vách, có quỷ sứ áp dụng những cực hình xét ra còn thảm khốc bằng mấy lần cực hình của pháp đình tôn giáo Âu Châu thời trung cổ (15).

Masson cho biết thêm chùa xây ở mé Đông Nam hồ Hoàn-Kiểm, xung quanh có hồ sen bao bọc trông giống như một vòng hoa nên có tên là **LIÊN TRI**. Chùa thờ những bức tượng bằng gỗ hay bằng đá diễn cảnh thụ hình ở địa ngục.

"Những tác phẩm điêu khắc kỳ hình, dị dạng, khó tả nên lời, nhưng không thiếu vẻ tinh xảo, vượt xa những bức họa khủng khiếp nhất của nghệ sĩ Âu Châu thời Trung Cổ" (16). Kể cũng lạ là được ta đặt tên là "**BÁO AN**" lại chỉ để lại những ấn tượng hãi hùng trong lòng người Pháp.

Bác sĩ Hocquard, Y-sĩ trưởng (médecin major) trong đoàn quân viễn chinh Pháp, là người đã từng chụp ảnh chùa năm 1882-1883. Ảnh lâu ngày, đã mờ nhạt. Những hình ảnh chúng ta thấy in trên sách báo phần nhiều là tranh vẽ lại theo ảnh của Hocquard. Chính Hocquard cũng là một trong những người đầu tiên mô tả chùa tỉ mỉ theo đúng phong cách Âu Tây:

"Từ xa, tầm mắt khách thập phương đã bị những cái tháp chuông, cột trụ, tiểu tháp thu hút. Bước vào chánh điện, quy mô rộng lớn, giữa những hàng cột vàng son lộng lẫy, có đến 200 pho tượng Thần, Phật sắp hàng. Chính giữa là bàn thờ đức Phật Thích-Ca, cao 1th50, dát vàng từ đầu đến chân, ngồi trên tòa sen, đôi mắt lim dim nhìn xuống lòng bàn tay đặt ngửa trên đầu gối. Hai đệ tử đứng hầu hai bên (17). Vây quanh mấy pho tượng trung tâm này, la liệt những chủ Thánh, Tạng đặt trên các bàn thờ riêng biệt, chạy dọc dài theo từng vách trông như một cử tọa đang chăm chú. Có những lão trượng khả kính, những ông quan mặc triều phục, tay cầm hốt hoặc búng lử hương, những tu sĩ đang ngồi tĩnh tọa, tham thiền nhập định. Tuy họ chỉ mỗi đạt được bước đầu công phu giác ngộ Phật Pháp song đã đủ tài chế ngự được các loài mãnh thú, điển hình là những con hổ, con trâu nằm phục dưới chân. Đáng dấp và cách trang phục pho tượng chính giống kiểu Ấn-Độ. Tượng Phật ở Bắc Kỳ chẳng khác gì các chùa ở bên Tích-Lan hay Tân-Gia-Ba. Chỉ những pho tượng phụ mới thay đổi hết như những tượng ở Trung Quốc. Chùa đã xiêu đổ, và không còn mấy người bản xứ đủ khả năng giải thích những điển tích nhà Phật thể hiện qua các pho tượng" (18).

Paul Bourde, phái viên tờ **Thời-Báo**, đi sâu hơn vào khía cạnh kỹ thuật:

"Tượng bằng gỗ, phủ một lớp sơn màu hay quang thép khá dày, có pho lại tô một chất liệu gì giống như stuc (đá hoa giả ?). Vì lớp sơn phết bên ngoài quá dày nên những nét đục chạm sắc bén trở nên tròn nhẵn, những đường rãnh sâu trũng bị lấp bằng, xóa mất các nét gân guốc, sắc cạnh của lưỡi dao nhà điêu khắc. Loại stuc không thích hợp thuật đắp tượng diễn khối mạnh bạo.

Nhiều pho tượng qua những tâm trạng biểu lộ trên nét mặt, những thứ thái tự nhiên, rất đáng chú ý. Đứng sánh bên thì tượng Ngũ-Thần ở Quảng Đông chỉ là những tác phẩm vụng về, thô kệch, bất thành dạng. Nghệ thuật tạo hình cũng như nghệ thuật khảm xà-cừ của họ tỏ ra thực sự đặc sắc.

Người tạc tượng đến nay đã mất hay phiêu tá. Tuy nhiên, tôi rất muốn tìm hiểu cung cách làm việc của những nghệ nhân chân chất này, xem họ bị giằng xé đến mức nào giữa những nguyên tắc rập theo khuôn mẫu cổ truyền và khuynh hướng

tôn trọng thiên nhiên. Tôi có cảm tưởng đôi phen sự thật đã làm họ phải khắc khoải" (19).

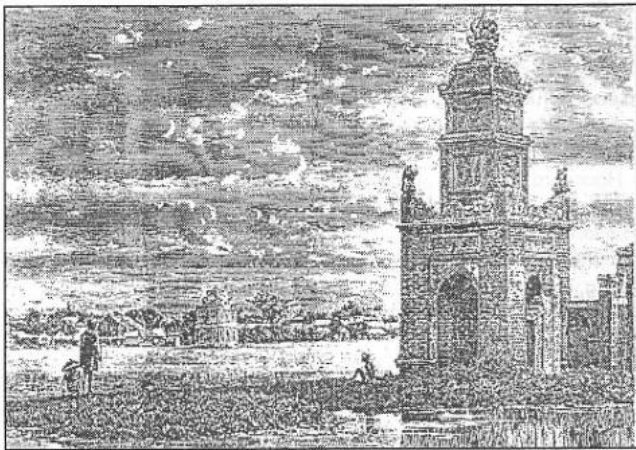
Nếu ta biết Bourde là người thường tỏ ra miệt thị dân bản xứ thì mỗi thấy những câu phê bình trên đây là những lời vàng ngọc! Hiển nhiên, phẩm chất nghệ thuật của các nghệ nhân đã chinh phục được Bourde tới mức chịu nhìn nhận tác phẩm của những người này đã đáp ứng tiêu chuẩn, trình độ thẩm mỹ của một phái viên được coi là "thông kim, bác cổ" của tờ Thời Báo. Ngày nay ai ai cũng ca tụng tượng Phật của chùa Tây Phương, có biết đầu xưa kia còn bao nhiêu tác phẩm có lẽ cũng độc đáo không kém và các nghệ sĩ vô danh khác đã bị mai một vì không được bảo tồn.

R. Bonnal, trú sứ Hà Nội (1883-1884), một trong những viên chức hành chính dân sự đầu tiên của Pháp ở Bắc Kỳ, cho rằng **Chùa Thụy-Hình** có những sắc thái đúng với mỹ quan của dân Việt và nhìn nhận nó có một giá trị lịch sử. Theo ý ông thì tất cả các ngôi chùa ở Việt Nam đều là những di sản văn hóa rất nên bảo trọng và tu bổ.

Cả năm chạp năm, sau khi chùa bị triệt hạ, Claude Bourrin vẫn còn than tiếc: "cái quyết định phá hủy chùa là một quyết định không sao giải thích nổi và thật đáng tiếc vô cùng" (20). Claude Bourrin cũng không phải là người Pháp duy nhất tỏ ý than phiền. Phải chăng có một số người thực dân quá khích muốn hủy diệt những mỹ quan có màu sắc tôn giáo ?

III. NHỮNG DI TÍCH TRANH ẢNH

1. Tháp Hòa Phong: Đất nước Ta (21) cho biết hiện nay trước nhà Bưu Điện còn cái cổng ngoài của chùa. Tôi không nhớ trước của nhà Bưu Điện có cái cổng chùa nào, có lẽ tại tôi xa nhà đã lâu nên quên. Hỏi những người quen có dịp về Hà Nội gần đây thì chỉ có một người nhận đã trông thấy "cái cổng chùa" nhưng lại chê nó xấu nên không chụp ảnh. Tôi nhờ người nhà ở Hà Nội chụp ảnh gửi sang hóa ra nó không phải là "cái cổng" mà là cái "**Tháp Hòa-Phong**", thuộc cổng ngoài của chùa, hiện được liệt vào hàng di tích kiến trúc nghệ thuật. Tháp xây ở ngay ven hồ, có lẽ vì thế mà không bị phá cùng một lúc với chùa, vì chùa cách đó khá xa, chỗ nhà Bưu Chính, tận phía bên kia con đường phân chia hồ với nhà Bưu Chính. So với tranh vẽ tháp - dựa theo ảnh của Hocquard - thì thấy tháp hiện nay trông vững chãi, nhưng có vẻ kém thanh tao, không phải tại tháp được xây lại, khác đi, mà dường như người vẽ đã "tô điểm" kéo dài cái tháp lên cao hơn sự thật. Tôi không được thấy ảnh tháp do Hocquard chụp.



Tháp Hòa Phong vẽ theo ảnh của Hocquard

2. Họa đồ : Bằng vào họa đồ của một người Việt vẽ lại theo trí nhớ (21) thì từ tháp có một con đường dẫn vào chùa, giữa đường phải chui qua một cái cổng rồi tiếp tục chạy một quãng nữa mới tới chùa. Chùa được kiến tạo trên một khuôn viên hình bát giác, tám cạnh không đều nhau, chung quanh có hồ sen bao bọc.

3. Cổng chính của chùa: Trước cổng có sân gạch. Hai bên cổng, mỗi bên có hai cái tháp. Ở giữa có cầu cuốn rồi tới mấy bậc thềm. Kiến trúc cân đối, kang trang. Toàn thể toát ra một vẻ tôn nghiêm, tĩnh lặng khiến cho lòng người lắng xuống.

Cũng như tháp **Hòa-Phong**, tranh vẽ cổng chùa, so với ảnh của Hocquard, đã được "tô điểm" ít nhiều: Đỉnh hai ngọn tháp bên cạnh chùa sự thật không nhọn, cổng chỉ có ba bậc thềm, số người đứng trước cổng không giống nhau, khi thì một, khi thì ba, vị trí chỗ họ đứng cũng khác.

Khi tôi đang viết bài thì được anh chị Tiêu-Nường và Trúc-Viên-Lang tình cờ đem đến cho mấy bức tranh ảnh Việt Nam thời cổ, trong đó có bức tranh vẽ cổng chùa. Đây là ảnh chụp lại chủ không phải phóng ảnh như của tôi, vì xin chụp lại ảnh của Hocquard rất khó, phải xin phép trước rất lâu. Tôi thích thú ngắm đi ngắm lại mãi và bỗng phát hiện rằng, cổng chùa được giới thiệu thực ra là "**cổng Văn Miếu Hà Nội**" ! Rầu ông họ đã được trịnh trọng cắm vào cắm bả kia !

4. Hai bức chạm nổi : Theo Halais thì khi phá chùa người ta dời hai bức vách chạm nổi (panneaux) đến một ngôi chùa khác ở phía Nam Hà Nội. Một bậc tiền bối cho biết phía Nam Hà Nội có một ngôi chùa ở gần Lò Lợn nhưng tên gì thì không nhớ. Nhìn địa đồ Hà Nội về năm 1889 (năm chùa bị phá) thì thấy phía Nam, gần Văn Miếu có một ngôi chùa, đọc tên không rõ chẳng biết có phải là chùa ấy không? Tôi nhờ người nhà điều tra hộ nhưng cho đến nay (tháng 07/1999) vẫn chưa ra manh mối, không rõ tên ngôi chùa ấy là gì và hai bức chạm nổi còn hay mất ?

5. Chùa Tupphen : Một trong những lần đầu đi thư viện tìm tài liệu về **Chùa Quan Thượng** tôi thấy có một bài viết về **Chùa Tupphen**. Thường thì thấy cái gì lạ tôi cũng đọc và ghi lại tên sách. Lần ấy vội, tôi bỏ qua. Một tuần sau, đọc "Archives de l'Indochine", tôi ngẩn người thấy tranh cổng **Chùa Quan Thượng** được chú thích là "**Pagode Tupphen dite Pagode des Supplices**". Tôi vội vàng trở lại thư viện, song vì lần trước vội, không ghi tên sách nên rờng rã mấy tháng tìm kiếm, vẫn không sao thấy lại được bài viết về **Chùa Tupphen** ! Khi viết về **Chùa Quan Thượng**, các tác giả dành nhiều nhất là độ một trang rưỡi, đằng này **Chùa Tupphen** được tả trên mấy tờ, càng khiến tôi tiếc ngẩn tiếc ngổ, mất ăn mất ngủ, và sẽ còn ăn năn, hối tiếc không biết đến bao giờ nếu một hôm tôi không sực nghĩ ra: Rất có thể tác giả "Archives... xuất bản năm 1995" đã làm cũng như người giới thiệu cổng **Chùa Quan Thượng** là cổng **Văn Miếu**, vì ngoài "Archives..." ra tôi không thấy một người Pháp nào đương thời gọi **Chùa Thụy-Hình** là **Chùa Tupphen**. (Suy nghĩ như vậy cũng chỉ là cách để tự trấn an cho đỡ mối ưu tư, cũng mong quý vị nào thấy được tài liệu về **Chùa Tupphen** này, xin cho biết hoặc công bố trên báo chí thì tôi thành thật cảm ơn).

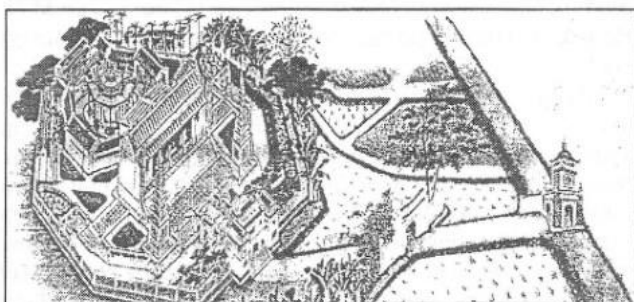
Những tưởng không thể tìm thêm được tài liệu nào về chùa, không ngờ đến phút chót, tôi lại kiếm ra được một bài ca dao có những chi tiết cho thấy, có lẽ tác giả đã từng vãn cảnh chùa, tuy rằng "tưởng lục lăng" tả không được chính xác lắm. Xin mượn nó để kết thúc bài viết này :

Gần xa nô nức tưng bừng,

Vào chùa Quan Thượng xem bằng động tiên.

Lầu chuông gác trống hai bên
 Trông ra Chợ Mới, Tràng Tiền kinh đô.
 Khen ai khéo họa địa đồ,
 Sau lưng Nhị Thủy, trước hồ Hoàn Kiếm.
 Phong quang, cảnh trí trăm đường,
 Trong xây chín giếng, ngoài tưởng lục lăng.
 Rõ mười cửa động tung bùng,
 Đền vàng, tòa ngọc, chạt từng như nêm.
 Dục-tri phối tổ màu sen,
 Thập phương chủ Phật ngồi trên đủ mười.
 Đạo xem Tam Bảo khắp rồi,
 Hành lang, nhà hậu, khắp nơi rõ ràng.
 Người thanh lịch, kẻ quyền sang,
 Vào chùa lễ bái, mọi đường vui xem.
 Ai ai mến cảnh thiên môn,
 Lòng trần rũ sạch, nhón nhón ra về.
 Bước ra hòn đá xanh ri,
 Nhìn phong cảnh chẳng muốn về nữa đâu. (22)

(Châtenay-Malabry, tháng 8 năm 1997)



Chùa Quan Thượng vẽ theo trí nhớ

CHÚ THÍCH :

- (1) **Những tháng năm ấy**, trang 51
- (2) **Bóng Nước Hồ Gươm**, tập I trang 18.
- (3) Bonnal, "Au Tonkin" **Revue Indochinoise**, Sep-Oct 1923, tr.379.
- (4) **Thăng-Long, Đông-Đô, Hà-Nội**, trang 52.
- (5) Masson André, trang 158. Claude Bourrin, trang 52.
- (6) **Bóng Nước Hồ Gươm**, tr.441, in lần thứ 3, không rõ viết từ bao giờ, cho nên chữ "Hiện nay" không rõ chỉ năm nào.
 - Claude Bourrin, trang 25 và 52.
- (7) **Bóng Nước Hồ Gươm**, trang 18.
- (8) **Đại-Nam Nhất-Thống Chí III**, trang 206.
- (9) **Lầu Ngũ-Long** cao 300 thước là nơi các Chúa Trịnh mấy lần bắt các cống sĩ (Cử nhân) thi lại để loại những kẻ gian lận, thuê người thi hộ. (thước ta khoảng 0m40, thì lầu cao 120 mét. Kiến trúc của ta khi xưa có thể xây được lầu cao như vậy không ?).
- (10) **Bóng Nước Hồ Gươm**, trang 18.
- (11) **Trương-Vinh-Kỳ**, "Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1875)" ấn bản năm 1897, Trích trong **Sống Mù trên tác phẩm của Trương-Vinh-Kỳ** của Bằng-Giang, Văn Học 1994.
- (12) Vua Vũ-Đế nhà Lương (thế kỷ thứ 6, Trung Quốc), ngưỡng mộ đạo Phật, xây nhiều chùa tháp, bị cận thần là Hầu-Cánh làm loạn, vây cung cấm khiến Vũ-Đế phải chết ở Đái-Thành. Bài thơ ngụ ý chế giễu: *Nếu Phật linh thiêng sao không cứu Vũ-Đế*. Trong **Giai Thoại Làng Nho** (tr. 382-384) cụ Lãng-Nhân chép rằng 4 câu thơ này của Ba-Giai, tức Nguyễn-Vân-Giai, khi còn để chòm, đi học về qua đấy, thấy thợ đang xúm xít xây chùa, bèn viết lên bức tường mỗi tinh bài thơ tú tuyệt ấy. Thợ thấy bối bấn bức tường, bắt giữ xôn xao. Vừa khi quan Thượng r a thăm, đọc thấy bài thơ hỗn xược, lên tiếng trách mắng. Ba Giai cãi rằng "Bố đi Giai" trỏ vào bố đẻ mình. Quan bảo: "Bố mày không có ở đây" và bắt sửa lại bài thơ. Ba Giai liền trở tài mẫn tiệp:

**Phúc đức ai bằng cụ Thượng Giai,
 Làm chùa bên Bắc lại bên Đoài,
 Nam-mô tế độ nhờ ớn Phật,
 Lạc, Thọ song toàn chẳng kém ai.**
 Đây chắc là một giai thoại được bia đặt để có chỗ dựa bài họa ra. Ngoài lời lẽ rất tầm thường, bài này còn có nhiều chỗ không ổn:
 a/ Ba Giai sinh khoảng 1850, mà chùa thì xây xong năm 1847 (3 năm trước khi Ba Giai ra đời), làm gì còn có thợ "đang xúm xít xây chùa" khi Ba Giai đi học về.
 b/ Dù đây là sự thật thì khi thấy một đứa trẻ viết bậy lên bức tường mới xây thì thợ phải can thiệp và ngăn chặn ngay, có lẽ nào lại chờ cho viết xong cả bài thơ rồi mới "xôn xao bắt giữ".
 c/ Giọng xác xược ấy không phải giọng của một đứa trẻ con "còn để chòm" đang đi học. Thời xưa: "Tiên học lễ..." trẻ con được giáo dục phải tôn kính các bậc trưởng thượng, huống chi đây là một ông quan đại thần quyền uy to lớn, mà đến mọi người cũng còn phải kính nể. Hẳn đây là giọng của một nhà Nho nông nghề nghiệp tự coi mình ngang tàng nên mới dám đùa cợt gọi đại quan là "bố đẻ". Hơn nữa nếu câu chuyện có thật thì đức độ của Nguyễn-Đảng-Giai thật đáng kính phục, vì ông đã tỏ ra thật nhân tử, độ lượng, tuy có trách mắng nhưng không chấp, không giận khi bị sỉ vả nặng lời như vậy.
 d/ "Còn để chòm" thì chỉ có thể đang học Tú Thử, Ngũ Kinh, chưa chắc đã học đến Bách Gia Chu Tử, nói gì đạo Phật. Phật giáo không có trong chương trình học để đi thi, ai muốn tìm hiểu thì tự học lấy. Một đứa trẻ, khó có thể biết rõ những điển tích như Vũ-Đế bị chết đói ở Đái-Thành để đem ra mỉa mai quan Thượng.
 (13) **Liệt Truyện III**, trang 2437-2439.
 (14) Dumoutier, trang 27.
 (15) Halais, trang 545.
 (16) Masson, trang 157-158.
 (17) **Tôn giả A-Nan và Ca-Điếp**.
 (18) Hocquard, trang 167.
 (19) Bourde, trang 297-298.
 (20) Cl. Bourrin, trang 52.
 (21) Masson, Pl 14.
 (22) **Giang Quân**, trang 43-44.

Tác giả và sách tham khảo :

- Bonal R. "Au Tonkin" (1873-1886). **Revue Indochinoise**, Spt-Oct. 1923.
- Bonnetain P. "Au Tonkin" Paris: Victor Havard, 1885.
- Borge Jacques VIASNOFF Nicolas, **Archives de l'Indochine**, Michèle Trinkvel, 1995.
- Bourde Paul. **De Paris au Tonkin**. Paris: Calmann Lévy, 1885.
- Bourrin Claude. **Le vieux Tonkin**. Saigon, J. Aspen, 1935.
- Chu-Thiên. **Bóng Nước Hồ Gươm**. Hà Nội: Văn Học. Tái bản lần thứ 3, 1985.
- Dumoutier G. **Les Pagodes de Hanoi**: F.H.Schneider impr. 1887.
- **Đại-Nam Liệt Truyện**, III. Huế: Thuận-Hóa, 1993.
- **Đại-Nam Nhất-Thống Chí III**. Hà Nội: KHXH, 1971.
- **Đại-Nam Thực-Lục Chính Biên**, XV, XVI, XVII. Hà Nội, KHXH 1965, 1966, 1967.
- **Giang-Quân**. Hà Nội **Trong Ca Dao Ngạn Ngữ**. Hà Nội 1994.
- Halais M.C. "Hanoi et ses environs" **Bulletin de la société de Géographie commerciale de Paris**. Paris: Hachette, 1889.
- Hoàng-Đạo-Thúy, Huỳnh-Hử, Nguyễn-Phước Hoàng, **Đất Nước Ta**, KHXH, 1989.
- Hocquard Dr. **Une campagne au Tonkin**. Hachette, 1892.
- Huard Lucien. **La guerre illustrée du Tonkin**. Paris: L. Boulanger.
- Kiều-Thu-Hoạch "Đại cương về đất nước và con người" **Thăng-Long, Đông-Đô, Hà Nội**. Sở Văn Hóa, Thông Tin Hà Nội, 1991.
- **Lãng-Nhân**. **Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập**, Sài Gòn, Nam Chi tùng thư 1966, tái bản ở Mỹ.
- Masson André. **Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)**, Paris: Librairie orientaliste, Paul Genthner.
- Trương-Vinh-Kỳ. "Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi" (1875) ấn bản năm 1897, Trích trong **Sống mù trên tác phẩm của Trương-Vinh-Kỳ** của Bằng-Giang, Văn Học 1994.
- Vũ-Ngọc-Phan. **Những Năm Tháng Ấy**, Hà Nội: Văn Học, 1987.

Đi tìm dấu tích về **BA CUỘC BÌNH MÔNG TỘC VIỆT** thế kỷ thứ XIII

(Trích trong Anh-Hùng Đông-A
dựng cờ bình Mông, gồm 5
quyển, 2566 trang, do Đại-
Nam, Hoa-kỳ xuất bản).

(Tiếp theo VG 117)

4. Tìm trong kho tàng Trung- quốc

a. Chính sử

Nếu sử Việt nghèo nàn, chép vắn tắt bao nhiêu, thì sử Trung-Quốc chép về cuộc chiến tranh Mông-Cổ, Đại Việt lại nhiều vô cùng, đa dạng vô cùng. Tuy vậy, để giúp các bạn có thể nhìn rõ hơn, đỡ mất thời giờ hơn, tôi chỉ đưa ra những bộ thực sự có giá trị, hơn nữa là bộ sách nguyên thủy. Còn những bộ sau chỉ mô phỏng từ bộ nguyên thủy thì tôi bỏ qua.

Trung-Hoa có 24 bộ chính sử, chép về 24 triều đại lớn. Các bộ này chép theo nguyên tắc của Tư Mã Thiên trong bộ Sử-ký. Nội dung phân ra: **Bản kỷ** chép các đời vua. **Thế gia**, chép các vương, hầu có tính cách cha truyền, con nối. **Liệt truyện** chép tiểu sử các bà vợ vua, các quan, các nước xung quanh, cùng những nhân vật nổi tiếng dù là gian thần, trộm cướp. **Biểu**, bảng liệt kê các sự kiện theo thời gian. **Chí**, chép văn học, quan chế, thiên văn, lịch số v.v...

Thường các bộ này do một cơ quan về sử của triều đại sau, chép về triều đại trước. Như sử quan triều Nguyên, soạn bộ *Tống-sử*. Sử quan

triều Minh soạn bộ *Nguyên-sử*. Các cơ quan sử này, mỗi thời mang một tên khác nhau. Tác giả ít khi là một người.

Bộ chính sử chép về Mông-Cổ và triều Nguyên, do sử thần triều Minh là Tống Liêm, Vương Vỹ vâng lệnh Minh Thái-Tổ soạn năm 1369. Cái đáng trách là bộ *Tống-sử*, do sử thần triều Nguyên, một triều đại mà dân Trung-Quốc gọi là Hung-Nô, Thát-Đát, rợ phương Bắc... soạn; lại rất vô tư, rất chi tiết, rất đầy đủ. Còn bộ *Nguyên sử*, do sử thần Minh triều soạn lại luộm thuộm, thiếu sót, sai sự thực nhất trong 24 bộ chính sử. Nguyên do chỉ vì phải hoàn thành trong vòng một năm. Lại nữa, các sử thần triều Minh không biết chữ Thổ-phồn là chữ lúc đầu Mông-Cổ sử dụng. Họ lại không biết tiếng Mông-Cổ vốn là tiếng đa âm, trong khi tiếng Trung-Quốc là tiếng đơn âm. Thành ra những tài liệu mà triều Nguyên để lại ở sử quán Bắc-Kinh trở thành vô dụng.

Trong *Nguyên sử*, ta có thể tìm thấy những sử liệu liên quan đến chiến tranh Nguyên-Mông với Đại-Việt:

- Bản kỷ đệ tam, Hiến-Tông kỷ, quyển 3.

- Bản kỷ đệ tứ, Thế-Tổ kỷ, quyển 4.

- Liệt truyện 96, An-Nam, quyển 209,

- Liệt truyện 97, Chiêm-Thành, quyển 210.

Truyện các văn thần, võ tướng liên quan đến Đại-Việt như:

- Liệt truyện 8, Túc Bất Đài, Ngột-Lương Hợp-Thai, quyển 121.

- Liệt truyện 15, A Truật, A Lý Hải Nha, quyển 128.

- Liệt truyện 16, Lai A Bát Xích, Lý Hằng, quyển 129.

- Liệt truyện 18, Áo Lỗ Xích, quyển 131.

- Liệt truyện 20, Toa Đô, quyển 133 v.v...

Vì *Nguyên sử* thiếu sót, luộm thuộm, nên sau này đời Minh, Thanh và cả Dân-Quốc có nhiều bộ sử ra đời, bổ sung, hiệu đính như:

Về đời Minh:

- *Nguyên sử tục biên* của Hồ Túy Trung.

- *Nguyên sử bị vong lục* của Vương Quang Lỗ.

- *Nguyên sử kỷ sự bản mật* của Trần Bang Chiêm.

Về đời Thanh:

Về đời Thanh, nhiều sử gia viết về Mông-Cổ, cũng dễ hiểu. Vì các sử gia đời Minh muốn viết những sự thực không đẹp của Minh Thái-Tổ trong cuộc chiến Minh-Nguyên phải e dè. Lý do khác là, Tổ tiên của nhà Thanh chính là Kim Ngột Truật nhà Kim. Mà Kim gốc từ bộ lạc Nữ-Chân, một bộ lạc trong vùng Thảo-nguyên như Mông-Cổ. Họ hiểu nhiều ngôn ngữ, phong tục Mông-Cổ

- *Nguyên sử loại biên* của Thiệu Viễn Bình.

- *Bổ Nguyên sử thị tộc biểu*, *Bổ Nguyên sử nghệ văn chí*, *Nguyên sử thập di*, của Tiền Đại Hân.

- *Nguyên sử bản chứng*, của Uông Huy Tố.

- *Nguyên sử tân biên*, của Ngụy Nguyên.

- *Nguyên sử dịch văn chứng bổ*, của Hồng Quân.

- *Mông-Ngột nhi sử*, của Đỗ Kỳ.

- *Tân Nguyên sử*, của Kha Thiệu Mẫn.

Một bộ sử, mà khi nói đến tác giả, tôi muốn lợm giọng, đó là bộ *An Nam chí lược* của Lê Trắc (Có sách chép là Lê Tắc). Y nguyên là môn khách của Chương-Hiến hầu Trần Kiện. Y cùng Kiện đầu hàng Nguyên năm 1285. Cũng nên nhắc ở đây, Kiện là con trai của Tĩnh-Quốc vương Quốc Khang. Khi An-Sinh vương phỉ tục công chúa Thuận Thiên có thai ba tháng, thì bị Trần Thủ Độ ép đem vào cung làm hoàng hậu của vua Trần Thái-Tông. Cái thai đó sau sinh ra Quốc Khang. Quốc Khang không phải là con vua, nên tuy là anh cả mà không được truyền ngôi. Ngôi vua truyền cho em là Thái-Tử Hoảng, tức vua Thánh-Tông. Sau khi hàng Nguyên, bọn Trần Kiện được Thoát Hoan đưa về Trung-Quốc. Hưng-Đạo vương cho phục binh giết Kiện và bộ thuộc. Trắc thoát chết, mang xác Kiện về gò Ôn-Khâu táng. Y được Nguyên trọng dụng. Thời gian ở Nguyên, y viết bộ *An Nam chí lược*. Nội dung, y đứng trên cương vị thần tử Trung-Quốc, luôn bóp méo lịch sử Việt. Tuy vậy trong bộ sử này chép lại rất nhiều điều trọng đại ba cuộc bình Mông của Đại Việt. Tôi xin căn dặn các bạn trẻ trước: *Khi sử dụng An Nam chí lược phải hết sức thận trọng.*

b. Phả, bia đá, minh

Nhiều vô cùng. Có một kho tàng vĩ đại, viết về nhưng tiểu tiết, những truyện lật vật, những nhân vật nhỏ bé

mà các sử gia bỏ qua. Đó là những cuốn địa phương chí, nhân vật chí của những xã, những huyện thuộc Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam. Những cuốn này cho tôi nhiều chi tiết rất quý trong việc tìm hiểu về thời gian Mông-Cổ cai trị Trung-Quốc, về ba cuộc xâm lăng Đại Việt. Hiện những tập sách nhỏ này nằm rải rác ở các Thư viện trung ương Liễu-Châu, Côn-Minh, Quảng-Châu hoặc tại Thư viện Đại-Học Văn Khoa, hoặc Thư viện cấp huyện, thậm chí cấp xã. Trong khi tiếp xúc với các giáo sư sử học, nhân chủng học, và ngay cả những vị có trọng trách về văn hóa của ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam như:

Quảng Đông: Quảng-Châu, Kỳ-Giang, Dương-Giang, Đài-Sơn, Phật-Sơn.

Quảng Tây: Liễu-Châu, Nam-Ninh, Ngọc-Lâm, Hợp-Phố, Khâm-Châu, Long-Châu.

Vân Nam: Côn-Minh, Khai-Nguyên, Văn-Sơn, Diên-Bắc, Khúc-Tĩnh.

Các vị ấy cũng không hề biết rằng trong Thư viện thống thuộc mình lại có những cuốn sách như vậy. Các vị ấy còn khuyên tôi chẳng nên chú ý đến những tiểu tiết nhỏ nhặt. Họ đâu có biết rằng những cái nhỏ bé ấy, nó như những viên gạch, tôi dùng để xây lâu đài vĩ đại. Giáo sư Chung Vũ Ninh gọi tôi là con một sách lớn nhất mà ông gặp.

Dưới đây tôi chỉ đưa ra tên những tập quan trọng mà thôi.

- *Đại-lý di hậu lục*, **Vô danh**, Minh. Thuật trận đánh của Đoàn Hưng Trí với Ngột-Lương Hợp-Thai, y bị bắt.

- *Di tộc ký sự bản mật*, **Vương Doãn**, Minh. Chép về tộc Di ở Vân Nam, cuối sách dành ra 15 trang nói về số phận 5 vạn quân Đại-Lý theo Ngột-Lương Hợp-Thai sang đánh Đại Việt.

- *Khúc-tĩnh nhân vật chí*, Minh, **Vô danh**. Chép tiểu sử một số nhân vật vùng Khúc-Tĩnh, Vân Nam. Trong đó có 7 người theo Mông-Cổ đánh Đại Việt bị giết.

- *Diễn Bắc chư thần chí*, Minh, **Đoàn Đại**. Chép sự tích 25 thần ở Diên Bắc, Vân Nam. Trong đó có tới 9 thần vào thời Mông-Cổ cai trị.

- *Thất-Đát cỏ lục*, Minh, **Vô Doãn Cương**. Chép những thống khổ của dân chúng vùng Quảng Tây phải gánh chịu trong ba cuộc chiến tranh Mông-Việt.

- *Mông-Thất di hận*, Minh, **Uông Huy**. Chép những thống khổ của dân chúng vùng Quảng Đông, Quảng Tây trong thời gian bị Mông-Cổ cai trị. Trong đó có ba lần đánh nhau với Đại Việt.

- *Đại-Lý cổ sự lục*, Minh, **Uông Kinh**. Chép những truyện kỳ lạ tại triều đình Đại-Lý trong khoảng 1200-1257. Có chép cuộc chiến tranh giữa Mông-Cổ với Đại-Lý.

Và hằng trăm sách lật vạt khác.

Nếu thời Tống đã có bộ *Tống triều công thần bi ký*, đã giúp tôi khi viết *Nam-Quốc Sơn Hà*, thì đời Nguyên, những loại bi ký lại rải rác, hiếm hoi. Vì các văn gia Trung-Nguyên coi người Mông-Cổ là thứ rợ Thất-Đát, chỉ biết cướp bóc hãm hiếp, mà không có văn hóa, nên khi các danh nhân Mông-Cổ chết, ít được soạn bi ký kỷ niệm. Những bài bi ký này, chính tác giả đã đưa vào thi hay văn tập của mình:

Diêu Toại (1238-1314) trong *Mục-Am tập* có bài ký nói về:

- Sử giả Nguyên là Trương Đình Tân, đến Đại Việt năm 1269.

- A-Lý Hải-Nha (Ariq Qaya), tướng tấn công Đại Việt năm 1285.

- Trong bài *Dinh-châu vạn hộ Đế công thần đạo bi*, có đề cập tới chiến cuộc Mông-Cổ với Chiêm, Việt.

Tô Thiên Tước (1294-1352) trong *Nguyên triều danh thần sự lược*, có bi ký của:

- A Truật (Aju), con trai Ngột-Lương Hợp-Thai, cầm quân đánh Đại Việt năm 1258 do Vương Vân soạn.

- Khắc Kha Sun do Lưu Mẫn Trung soạn.

Cũng Tô Thiên Tước, trong *Từ khê văn cáo*, có bia chép về Lý Thiên Hạo, một tướng thủy quân Nguyên, bị bắt trong trận Bạch-Đằng năm 1288.

Bia trước đền Ôn Đức, thờ viên Thiên-Phu trưởng tiếp viện lương thực cho Ngột-Lương Hợp-Thai năm 1258, bị giết. Bia này do tôi phát hiện tại xã Kiến-Thủy, huyện Khai-Nguyên, tỉnh Vân Nam.

c. Những chi tiết vụn vặt giá trị khác

Một tài liệu, không phải là sử, được biên soạn vào đời Nguyên, mang tên *Hoàng triều kinh thế đại điển*, tác giả là **Triệu Thế Diên** và **Ngụ Tập** soạn vào năm 1330-1331, dưới sự kiểm soát của Thân-vương Mông-Cổ Đác-Khan Khắc-Kha-Sun (Darqan Qarqasun). Sách này hiện chỉ

còn lại một chương đầu, in trong bộ *Vĩnh-lạc đại điển*. Nội dung nói sơ đến cuộc chiến tranh với Đại Việt, Chiêm-Thành, các sự kiện được ghi rõ ngày, tháng, năm.

Một vài bài ký sự, thơ phú thù phụng của những sứ thần Mông-Cổ qua Đại Việt, cũng ghi lại đôi ba nét về thời cuộc. Đó là các bộ:

- *An Nam hành ký* của **Từ Minh Thiện**.

- *Trần Cương Trung thi tập* của **Trần Phu**.

5. Tìm trong kho tàng Âu-Phi

Quân Mông-Cổ từng đánh phá các nước Trung Đông và hầu hết các nước Châu Âu, rồi đặt nền cai trị đến mấy trăm năm. Thế nhưng trong Nguyên sử, chỉ dành đâu có mấy trang nói về cuộc ra quân kinh thế hăy tục này. đương thời sử gia các nước bị tai vạ đều ghi chép rất tỉ mỉ. Trong cuộc sưu tầm, tôi tìm thấy những bộ sử lớn của các nước sau đều tường thuật về biến cố này: Iran, Irak, Syrie, Afghanistan, Hung-Gia-Lợi, Ba-Lan, Nga-Sô, Tiệp-Khắc, Đức, Áo. Những nước thoát khỏi tai ách này gồm Pháp, Ý, Anh, Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha. Trong các bộ sử đó, thì bộ sử biên niên của nhà sử học Iran là **Allah Rásid ud-Din** (1247-1318) có giá trị nhất. Trong bộ sử này, có nói qua về vụ Thoát Hoan bị Đại Việt đánh bại.

Sang thế kỷ thứ 18, 19, 20, nhờ Đông Tây thông thương, các sử gia Âu-Phi tham khảo thư tịch những nước Á-Châu, họ viết về Mông-Cổ rất chi tiết. Song không sách nào nói đến ba cuộc binh Mông của Đại Việt cả. Họ chỉ lược vài dòng, với nghi vấn: *Mông-cổ bại ở Nhật-Bản và Việt-Nam*. Vì sách quá nhiều, tôi chỉ lựa những bộ thực sự có giá trị, ghi trong phần tài liệu đính kèm. Các bạn có thể mua về đọc.

6. Vấn đề tên của người Mông-Cổ

Trong khi viết 11 quyển về thời Lĩnh Nam, 19 quyển về thời Tiều-Sơn, tôi chưa bao giờ gặp khó khăn về vấn đề tên của nhân vật. Những tên trong 30 quyển trên, hầu hết là tên Trung-Quốc, Đại Việt, rất dễ dàng cho tôi. Thoảng hoặc gặp những tên Ấn-Độ, Chiêm-Thành, thì tôi cứ dùng tên Hán-Việt mà tiền nhân đã dùng, rồi

ghi cạnh đó tên phiên âm bằng tiếng Phạn như:

Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinayaruci)
Tăng-giả Nan-Đà (Samvananda)
Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma)
Sạ Đẩu (Jaya Sinhavarman II)

Bây giờ, tôi gặp khó khăn khi viết tên người Mông-Cổ. Từ thuở còn thơ, tôi học sử, gọi tên người Mông-Cổ bằng tên phiên âm Hán-Việt trong Nguyên-sử in đời Thanh, riết rồi thành quen. Khi tôi vào tuổi 13-14, học sử thế-giới bằng tiếng Pháp, tôi gặp tên Mông-Cổ mà người Pháp phiên âm, làm tôi bàng hoàng như:

Thành-Cát Tư-Hãn là Gengis Khan.

Tốc Bất Đài là Sübödai.

Mộc Hoa Lê là Muqali.

Mông Kha là Môngka.

Thế nhưng, mỗi khi có dịp đọc một quyển sách có liên quan đến Mông-Cổ, tôi lại mất thì giờ rất nhiều quy những tên trong sách ra tên Hán-Việt quen biết. Vì các tác giả người Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ý, họ phiên âm theo tiếng nước họ. Rồi ngay trong một nước, mỗi tác giả lại phiên âm khác nhau. Lôi thôi! Rắc rối!

Tại sao?

Nguyên thủy, Mông-Cổ chỉ là một tộc nhỏ trong vùng Thảo-nguyên. Họ sống theo chế độ lều trại, không văn hóa, không có chữ viết. Khi chinh phục Thổ-phồn, Thành-Cát Tư-Hãn mới dùng văn tự nước này làm văn tự Mông-Cổ. Lúc đánh đế quốc Khwarezm, Mông-Cổ lại dùng văn tự Ả-Rập. Lúc Hốt Tất Liệt đặt nền móng cai trị ở Yên-Kinh, họ lại dùng Hán-văn. Đến năm 1288, Mông-Cổ dùng tới 16 văn tự khác nhau. Mỗi nước phiên âm tên Mông-Cổ theo ý họ. Ngay trong cùng một nước, mà mỗi người tùy ý phiên âm riêng. Cái phức tạp là ở chỗ đó.

Trước 1201, Mông-Cổ cũng như các bộ tộc ở vùng Thảo-nguyên, cứ sau trận đánh với nhau, thì bên thắng bắt tất cả đàn ông của bên bại làm nô lệ. Còn vợ, con gái của kẻ thù, bắt làm tỳ thiếp cho mình. Sau khi thắng bộ tộc Nãi-Man, một bộ tộc văn minh, Thành-Cát Tư-Hãn bỏ lệ ấy. Ông sát nhập hai bộ tộc làm một, cho người Nãi-Man được sống bình đẳng như người Mông-Cổ. Sự rộng lượng này đưa Mông-Cổ trở thành nước lớn. Vì vậy, từ đấy, khi đánh đến đâu, ông tuyển người địa phương bổ sung tổn thất. Ông dùng người địa phương làm tướng. Cho nên, trong quân Mông-Cổ có nhiều tướng gốc Ả-Rập, Âu-Châu,

Thổ-Phồn, Tây-Hạ, Thát-Đát, Cao-Ly, Trung-Quốc. Lại còn những tên Thánh của Hồi-Giáo, Thiên-Chúa giáo... Tên của họ, đối với chúng ta ngày nay cũng đã rắc rối rồi, huống hồ hồi đó!

Vì vậy có tình trạng mạnh ai, người ấy phiên âm. Nói đâu xa, gần đây, Paris thành Ba-lê, Moscou thành Mạc-Tu-Khoa. California thành Gia-Châu, Canada thành Gia-Nã-Đại. Montesquieu thành Mạnh Đức Tư Cửu. Karl Marx thành Mã Khắc Tư.

Năm 1976, khi tôi mới làm việc cho Ủy-ban trao đổi y học Pháp-Hoa. Trước những danh từ, mà chưa ai dịch, hoặc dịch nhưng chưa thống nhất, tôi cứ sáng tác bừa ra. Lúc đầu, nhiều anh em viết sách kêu trời, vì họ đã dịch rồi. Nay họ phải đổi lại. Tỳ như *Rhum des foies*, người bị chứng này khi hoa nở thì bị dị ứng mũi, mắt. Tôi dịch là *hoa khai thế lệ*. Nghĩa là hoa nở, nước mắt nước mũi chảy. Tiến trả xa lộ, bao năm đã dịch là *xa lộ phí*, tôi dịch là *tiền mãi lộ*. Tiền *eo-phe* tại Hoa-kỳ, tiền *RMI* tại Pháp tôi dịch là *tiền chẵn bản*. Địa danh *Chamonix* tôi dịch là *Đại-lang sơn tuyết phong*. Tổng-Thống *Clinton*, tôi dịch là *Kha-lâm-tông*. Thuốc *Viagra* tôi tương đại là *Uy-nhi-cương* có nghĩa là uống Viagra vào, thì *cái nở* cứng lên, hùng dũng. Bệnh AIDS (SIDA) tôi dịch bừa là *Kháng ái tư*. Trước sau dịch từ Hoa-văn ra Pháp-văn và ngược lại, tôi đã sáng tác ra gần 700 từ. Thế mà, bây giờ những từ đó, trở thành chính thức.

Trở lại những tên Mông-Cổ. Cái gã con trai Tốc Bất Đài, nguyên soái Mông-Cổ đánh Đại Việt lần thứ nhất vào năm 1258, *Nguyên-sử* chép là Ngột-Lương Hợp-Thai, Ngột-Lương Cáp-Thai. *ĐVSKTT* chép là Ngột-Lương Hợp-Đài. *ANCL* chép là Ngột-Lương Cáp-Đài. *Thông-giám tập lãm* chép là Ô-đặc-ly Cáp-đạt. *Hịch tướng sĩ* của *Hùng-Đạo vương* lại là Cốt-Đài Ngột-Lang. Còn tên Bột-lan Hợp-đáp-nhi, *Nguyên sử* chép là Bột-lỗ Hợp-đáp-nhi; *ANCL* chép là Lý-la Hợp-đáp-nhi, Sách-la Cáp-đáp-nhi.

Lỗi phiên âm này, vào thời Nguyên, Minh đã hỗn loạn như thế. Sang thời Thanh, năm 1781, vua Càn Long cho thành lập một ủy ban, soạn bộ *Liêu, Kim, Nguyên tam sử ngữ giải*. Vì Tổ Tiên của nhà Thanh là Kim Ngột Truật. Mà Kim vốn gốc là bộ lạc Nữ-Chân, một trong các tộc thuộc vùng Thảo-nguyên như Mông-Cổ. Cho nên ủy ban phiên âm các tên trong Liêu-

sử, Kim-sử, Nguyên-sử thành âm Mãn-Thanh, ghi bằng Hán-văn. Thế là... rối loạn càng thêm rối loạn. Lộn tùng phèo hết. Ngột-Lương Hợp-Thai được đổi thành Ô-Lan Cáp-Đạt, A-Lý Hải-Nha thành A-nhĩ Cáp-nhã. Bản in *Nguyên-sử* mà tiến nhân dạy tôi, là bản in đã sửa đổi theo phiên âm Càn Long. Mãi tới năm 1978, khi theo Ủy-ban trao đổi y học Pháp-Hoa sang Hồ Bắc, tôi đọc bộ *Nguyên-sử* cũ, mới bật ngửa ra cái sự khác nhau. Trong dịp này nhờ điều trị cho Giáo sư sử học Cao Toàn An, tôi được ông giảng giải chi tiết về sự phiên âm này. Tôi như người mù được mở mắt về vấn đề phiên âm.

Bởi vậy khi đọc sử Trung-Quốc giai đoạn này rất dễ lầm lẫn. Ông Hoàng Thúc Trâm trong tác phẩm *Trần Hưng Đạo* lầm rằng A Truật, A Châu là hai người khác nhau. Thực ra A Truật là phiên âm đời Minh. Còn A Châu là phiên âm đời Thanh. **Trần Trọng Kim** trong *Việt Nam sử lược* lầm Tích-lê-cơ-ngọc thành Tích-lê và Cơ-ngọc. Nhà sử học Nhật-Bản **Yamamoto Tatsuto** lầm Hòa-lễ-hoắc-tôn thành Hòa-lễ và Hoắc-tôn. Các dịch giả bộ *KĐVSTGCM* của Viện Sử-Học Hà-Nội cắt l-lặc-cát-đại thành Y-lặc và Cát-đại.

Vậy trong hai bộ tôi viết về thời bình Mông này, sẽ phiên âm ra sao? Theo sách Anh? Nhưng sách Anh nào? Theo sách Pháp? Nhưng sách Pháp nào? Tôi nhận ra cách phiên âm của các nước Châu Âu tuy khác biệt nhau, nhưng đại lược giống nhau. Chỉ cần biết tên đó do một nước phiên âm, khi gặp tên đó do nước khác phiên âm cũng đoán ra. Như Thành-Cát Tư-Hãn, họ phiên âm là Gengis Khan, Cjensitan, Chsgengista... Còn trong sách của tôi, tôi nghĩ: Thôi thì đầu sao tôi cũng từng là người thông dịch Pháp-Hoa trong 24 năm, tôi tự quyết định lấy. Quyết định này đặt trên căn bản sao cho giới trẻ Việt, dù ở trong nước, hay ở hải ngoại không bị lầm lẫn, dễ dàng nắm được vấn đề khi đọc sách Việt, khi đọc sách Trung-Quốc hay sách Anh, Pháp, Đức! Nguyên tắc đó là:

1. Dùng tên phiên âm của Nguyên-sử, mà lịch sử Việt từng dùng. Tên này quen với người Việt. Không cần biết tên đó phiên âm thời Nguyên-Minh hay Càn Long. Sau đó chú giải một trong cách phiên âm của Tây-phương. Tỳ như khi nói tới Triết Biệt,

tôi giữ nguyên, rồi chú giải ngay cạnh hoặc bên dưới là Jābā. Hốt Tất Liệt chú giải cạnh là Qubilai. Ngột-Lương Hợp-Thai chú giải cạnh là Uryangqadai.

2. Ngược lại khi chép những tên, mà sử Việt không nói tới, *Nguyên sử* có nói tới, tôi dùng tên phiên âm *Nguyên-sử*. Như sông Onon, tôi chép là Long-Lý hà, rồi chú giải cạnh. Như tên một thành ở biên giới Mông-Cổ, Tây-Hạ, *Nguyên-sử* gọi là Lược-Cát-Lý doanh, tôi vẫn giữ nguyên, nhưng chú giải cạnh là Wolohai.

3. Những tên người, đất chỉ xuất hiện ở Mông-Cổ, hoặc Tây-phương, Trung Đông, mà *Nguyên sử* không nói tới, tôi tự phiên âm, rồi chú giải phiên âm của Tây-phương bên cạnh.

Hy vọng, với tuổi trẻ hiếu học, với những bước đầu tôi đi qua, để lại; các bạn dễ dàng tìm hiểu về Mông-Cổ, tìm hiểu về trang sử anh hùng của tộc Việt ta trong ba lần bình Mông.

7. Thư tịch về Mông-Cổ, và ba cuộc binh Mông của tộc Việt, thế kỷ thứ XIII

Sách Việt ngữ

So sánh với sách Trung-Quốc, Nhật-Bản, Cao-Ly hay bất cứ các sách Tây-phương, thì sách báo Việt-ngữ viết về ba cuộc binh Mông quá ít, quá sơ lược. Tuy nhiên tôi cũng ghi vào đây.

Chu Thiên, *Chống quân Nguyên*, Sở Học Liệu, Bộ Văn-Hóa Giáo Dục VNCH, Đại Nam California, USA tái bản.

Đào Duy Anh, *Lịch-sử Việt-Nam*, Sở Học Liệu, Bộ Văn-Hóa Giáo Dục VNCH, Đại Nam, California, USA tái bản.

Đào Duy Anh, *Tài liệu về cuộc kháng chiến của nhà Trần đã ngăn chặn sự bành trướng của Mông-Cổ xuống Đông Nam Á*, Nghiên cứu lịch sử, số 12, Hà-Nội tháng 9 năm 1962.

Đào Duy Anh, *Tìm các đèo Khâu-Cấp và Nội-Bàng trên đường dụng binh của Trần Hưng Đạo*. Nghiên cứu lịch sử số 66, Hà-Nội tháng 9 năm 1964.

Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỷ thứ XIII*. Nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội 1975.

Nguyễn Ngọc Thụy, *Về con nước thủy triều trong trận Bạch-Đằng năm*

1288, Nghiên cứu lịch sử số 63, Hà-Nội tháng 6 năm 1964.

Nguyễn Văn Dị, Văn Lang, *Nghiên cứu về trận Bạch-Đằng năm 1288*, Nghiên cứu lịch sử số 49, Hà-Nội tháng 4 năm 1963.

Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu chiến thuật, chiến lược thời Trần Lê*, Hà-nội 1963.

Trần Hà, *Xung quanh trận Bạch-Đằng năm 1288*, Nghiên cứu lịch sử số 46, Hà-Nội tháng 1 năm 1963.

Trần Huy Liệu, *Kỷ niệm 675 năm trận chiến Bạch-Đằng*, Nghiên cứu lịch sử số 50, Hà-Nội tháng 5 năm 1963.

Trần Trọng Kim, *Việt-Nam sử lược*, Sở Học Liệu, Bộ Văn-Hóa Giáo Dục VNCH, Đại Nam, California, USA tái bản.

Văn Tân, *Bản thêm về nguyên nhân khiến cho cuộc kháng chiến chống quân Mông-Cổ hồi thế kỷ thứ 13 đi đến thắng lợi*. Nghiên cứu lịch sử số 66, 67 tháng 9-10 năm 1964.

Sách chữ Hán

Đây là loại sách viết bằng chữ Trung-Quốc, nhưng tôi gọi là sách chữ Hán, để phân biệt với sách do người Trung-Quốc viết. Chữ Trung-Quốc, trong quá khứ, Tổ Tiên ta đã dùng làm văn kiện, thi cử mấy nghìn năm, được gọi là chữ Hán đã quen. Một vài bộ, do họ Lý tại Đại-Hàn, gốc là con cháu Lý Dương Côn, Lý Long-Tường sang kiểu ngữ, đã viết, nhưng khi viết, họ đứng trên danh nghĩa người Việt, cũng được ghi vào mục này. Nói nôm na ra mục này ghi: Sách chữ Trung-Quốc do người Việt viết.

Tuy nhiên khi viết bộ *An-Nam chí lược*, Lê Tắc đã đứng trên lập trường là thần tử nhà Nguyên; con cháu Chiêu-Quốc vương Trần Ích-Tắc khi chép gia phả, cũng luôn coi mình là người... Trung-quốc; vì vậy những sách ấy được ghi vào mục tài liệu Trung-Quốc.

Sách chữ Hán do người Việt viết tuy nghèo nàn, nhưng lại là tài liệu rất quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-Cổ của Tổ Tiên ta xưa.

Một số lớn sách, chép về các anh hùng, không mấy quan trọng mà tôi đã ghi chú ngay dưới các sự kiện, thì không chép vào đây.

Cao-ly sử, Thư viện quốc gia Hán-Thành, Đại-Hàn.

Chiêu-Quốc di hậu lục. Sách chép tay của con cháu Chiêu-Quốc vương

Trần Ích-Tắc, tại trấn Nhạc-Dương, tỉnh Hồ-Nam Trung-Quốc.

Đại-Nam nhất thống chí, bản Tự-Đức, chép tay.

Đại-Việt sử ký toàn thư, Trần Kinh-Hòa chú giải, Đông-Kinh Đại Học, Đông-Dương Văn-Hóa nghiên cứu sở xuất bản, niên hiệu Chiêu-Hòa thứ 59.

Đại-Việt sử ký, đời Tây-Son.

Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, Quốc-sử quán triều Nguyễn, bản in 1881.

Nam-sử tập biên, của Vũ Văn Lập. Bản chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội.

Tiền-Son truyện phả. Sách chép tay của con cháu Kiến Bình vương Lý Long Tường tại Phú-Lương Giang, quận Khang-Linh (Ong Nin Gun), tỉnh Hoàng-Hải (Hwang-hac), Bắc Triều-Tiên.

Tinh-thiện Lý thị tộc phả. Bản chép tay của Thư viện quốc gia Hán-Thành, Nam Hàn.

Trần gia di phả. Sách chép tay của dòng Hưng Hiến vương tại Bát-Tràng.

Trần gia ngọc phả, sách chép tay Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội.

Trần gia điển tích thống biên. Sách chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội.

Trần Hưng Đạo vương cựu tích. Sách chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội.

Trần Kiến-trung thực lục hay Vạn-yên thực lục. Sách chép tay của thư viện Khoa-Học Xã Hội, Hà-Nội.

Trần đại tộc chính phả. Sách chép tay của dòng Hưng Nhượng vương tại Cổ-Am.

Trần đại vương bình Nguyên thực lục, bản chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội.

Trần tông ngọc phả. Sách chép tay của dòng Hưng Vũ vương tại Hải-Hậu, Nam-Định.

Trần triều thế phả hành trạng. Sách chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội.

Trần vương truyện khảo, của Trần Duy Vôn 1931, sách chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội, Hà-Nội.

Trần-gia Bắc-tổng chính phả. Sách chép tay của con cháu Chiêu-Quốc vương Trần Ích-Tắc tại xã Lãn-Thủy, thị xã Trường-Sa, tỉnh Hồ-Nam, Trung-Quốc.

Việt-sử tổng vịnh, bản in đời Tự-Đức 1874).

Tài liệu Trung-quốc

Nguồn tài liệu này quá phong phú, nhưng lại quá phức tạp. Nếu chép hết, có lẽ tới vài nghìn bộ. Ở đây tôi chỉ ghi tên những bộ, hội đủ điều kiện sau:

- Có giá trị nhất, nguồn gốc rõ ràng.

- Có tàng trữ tại các Thư viện lớn, hoặc Thư viện các Đại Học tại Hoa-kỳ, Pháp, Canada, Anh, Đức, Đông-Kinh, Hán-Thành và Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội.

- Có giá trị nguyên thủy. Tỷ như cùng một sự kiện, một tác giả chép rồi có nhiều tác giả khác lấy làm căn cứ viết các bộ khác, thì tôi chỉ ghi tên bộ nguyên khởi.

- Có liên hệ tới cuộc chiến Nguyên-Việt.

- Những bộ sử, mà tác giả viết vào thời gian 1949 tới 1998, trong tinh thần Marxisme, Léninisme, Maoisme không mấy trung thực, tôi không ghi vào đây. Tuy nhiên một vài bộ do các cơ sở quân đội soạn có giá trị cao. Các bộ này được dùng làm tài liệu tham khảo cho các sĩ quan chỉ huy tham mưu, cho các trường quân sự cao cấp, tuy rất khô khan, nhưng lại có nhiều giá trị về tình báo, về chiến thuật, chiến lược, tôi cũng ghi vào đây.

An-Nam chí lược, của **Lê Trắc**, Trần Trung-Hòa chú giải, Đông-Kinh Đại Học, Đông-Dương văn hóa nghiên cứu sở xuất bản, niên hiệu Chiêu-Hòa thứ 59.

An-Nam chí nguyên, của **Cao Hùng Trưng**, Cẩm-Chướng Thư cục Thượng-Hải, 1921.

Bình Tống lược, của **Lưu Mẫn Trung**, Đại Học Văn-Khoa Triết-Giang, 1978.

Chân-lập phong thổ ký, **Chu Đạt-Quan** trong bộ *Cổ kim đồ thư tập thành*. Trung-Hoa thư cục xuất bản, 1973.

Chiêu-bổ tổng lược, Thủ-sơn các tưng thư.

Chư phiên chí, của **Triệu Nhữ-Quát**, Đông-Kinh Đại Học, Đông-Dương văn hóa nghiên cứu sở xuất bản, niên hiệu Chiêu-Hòa 54.

Hắc-thất sự lược, của **Bành Đại-Nhã** và **Từ Đĩnh**, Đại Học Văn Khoa, Giang-Tô 1970.

Hoa-di dịch ngữ, bản trong Hàm-phần lâu bí níp.

Kinh thế đại điển tư lược, bản trong Nguyên-văn loại.

Kinh thế đại điển, bản trong Vinh-Lạc đại điển.

Liêu Kim Nguyên sử ngữ giải, soạn năm 1781, bản của Giang-Tô thư cục.

Mông-ngột-nhi sử, của **Đỗ Kỳ**, 1934.

Mông-thất bị lược, của **Triệu Hồng**, bản trong *Mông-Cổ sử liệu từ chủng hiệu chú* của **Vương Quốc-Duy**, Viện nghiên cứu Thanh-Hoa học hiệu.

Mục-am tập, của **Diêu Toại**, bản của Đại Học Sư Phạm Bắc-Kinh 1979.

Đại-lý hành ký, của **Quách Tùng-Niên**, Kỹ-Văn trai tưng thư.

Đào-viên học cổ lược, của **Ngũ Tập-Nguyên**, Cẩm-chướng Thư cục Thượng-Hải 1924.

Đảo di chí lược, của **Uông Đại-Nguyên**, bản của Cổ-Học vụng san 1911.

Nguyên hành tỉnh thừa tướng binh chương chính sự niên biểu, của **Ngô Đĩnh-Nhiếp** trong *Nhị thập ngũ sử bổ biên*.

Nguyên đại bạch thoại bí tập lược, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội, Bắc-Kinh 1955.

Nguyên đại Văn-nam sử địa tưng khảo, của **Hạ Quang-Nam**, Trung-Hoa Thư cục Bắc-Kinh xuất bản 1976.

Nguyên điển chương, bản niên hiệu Quang-Tự, 1908.

Nguyên sử bản chứng, của **Uông Huy-Tổ**, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội, Bắc-Kinh 1978.

Nguyên sử bị vong lược, của **Vương Quang-Lỗ**, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội, Bắc-Kinh 1978.

Nguyên sử dịch văn chứng bổ, của **Hồng Quân**, Quảng-nhã Thư cục 1900.

Nguyên sử kỹ sự bản mật, của **Trần Bang-Chiêm**, Thương-vụ ấn thư quán Hương-Cảng 1973.

Nguyên sử loại biên, của **Thiệu Viên-Bình**, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội Bắc-Kinh, 1978.

Nguyên sử nghệ văn chí, của **Tiêu Đại-Hân**, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội Bắc-Kinh, 1978.

Nguyên sử ngoại di truyện địa lý khảo dị, của **Đĩnh Khiêm**, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội Bắc-Kinh 1978.

Nguyên sử đồng danh lược, của **Uông Huy-Tổ**, Quảng-nhã Thư cục.

Nguyên sử tân biên, của **Ngụy Nguyên**, Cẩm-chướng Thư cục Thượng-Hải 1920.

Nguyên sử, **Tống Liêm** tổng biên tập, Trung-Hoa Thư cục xuất bản.

Nguyên Thánh vũ thân chinh lược, bản của Đông-Kinh Đại Học, không rõ năm xuất bản.

Nguyên thị tộc biểu, của **Tiêu Đại-Hân**, nhà xuất bản Khoa-Học Xã Hội, Bắc-Kinh 1978.

Nguyên triều bí sử, tân dịch bản của Chu Ngân-Danh, Đại Học Sư Phạm Trường-Sa 1980.

Nguyên triều chinh tiểu An-Nam khảo bị, sở Nghiên-cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tổng Tư-Lệnh quân đội Nhân-Dân Trung-Quốc.

Nguyên triều danh thần sự lược, của **Tô Thiên-Tước**, Đại Học Văn Sử Thượng-Hải 1979.

Nguyên văn loại, của **Tô Thiên-Tước**, Thương-vụ ấn thư quán 1958.

Quách-thị Nam chinh, con cháu Quách Quý, bản photocopie của Bộ Chỉ-huy quân sự tỉnh Quảng-Tây.

Tân Nguyên-sử, của **Kha Thiệu-Mân**, Đại Học Văn-Sử Giang-Tô, 1977.

Thành-Cát Tư-Hân Tây-chinh khảo lược, Sở Nghiên-cứu, Cục Tác-chiến, Bộ Tư-Lệnh quân khu miền Tây Mông-Cổ, 1960.

Thiên Nam hành ký, của **Từ Minh-Thiệu**, Đại Học Văn-Sử Văn-Nam 1976.

Triệu thị Chinh tiểu Giao-chỉ ký, con cháu Triệu Tiết, bản photocopie của Bộ Chỉ-huy quân-sự tỉnh Quảng-Tây.

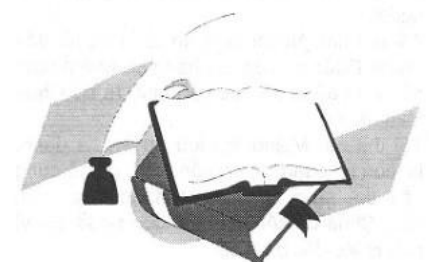
Tục tư trị thông giám, của **Tất Nguyên**, Trung-Hoa thư cục 1966.

Văn-Nam chí lược, của **Lý Kinh**, Đại Học Văn-Sử Văn-Nam 1976.

Việt kiện thư, của **Lý Văn Phượng**, bản chép tay của Thư viện Khoa-Học Xã Hội Hà-Nội, và Đại Học Văn-Sử Quảng-Châu 1982.

Nguồn tài liệu tiếng Tây phương

Phần này có khoảng 500 bộ khác nhau, quá dài, nên tòa soạn cắt đi. Độc giả có thể tìm trong quyển 1, bộ **Anh-Hùng Đông-A dựng cờ bình Mông** của tác giả. ●



Lao có *Truyện Xiêng Miêng*, ở Thái Lan có *Truyện Si Thanon Chay*, ở Cao Miên có *Truyện Thmenh Chey*.

Có thể nói Truyện Trạng Quỳnh và các tác phẩm này hợp thành một hệ (cycle) các tác phẩm mà dân gian ở bán đảo Đông Dương đã dùng lối trào phúng, chế giễu để chống lại chính quyền vua quan lúc bấy giờ. Quả vậy, xét trong các tác phẩm này, có một số chuyện giống với các chuyện của Trạng Quỳnh chúng ta:

1. Ở truyện Xiêng Miêng của Lào

"Một hôm vua Lào phàn nàn ăn không biết ngon, Xiêng Miêng nói y có cách giúp vua được, xin vua đội y đi lấy thuốc về uống đã, rồi hãy dùng cơm. Song Xiêng Miêng đi quá lâu không thấy về, vua đội không được liền truyền đem cơm lên, và lần đầu tiên, vì thấy đói, nhà vua ăn một bữa cơm chưa bao giờ thấy ngon lành đến như thế! Khi Xiêng Miêng trở lại, vua hỏi thuốc đâu, y trả lời thuốc ấy nhà vua đã dùng rồi. Đó là "đói", vì đói là thuốc hay nhất để chữa bệnh ăn không biết ngon. Đại khái truyện này cũng giống như chuyện "Món ăn đại phong" của Trạng Quỳnh.

Lần khác, vì bị Xiêng Miêng trêu ghẹo mãi, vua muốn chọc lại Xiêng Miêng. Vua ra lệnh các quan đem theo mỗi người một số trứng gà, nhưng giấu không cho Xiêng Miêng biết, để đến khi vua ngự ra sông chơi, thì sẽ ra lệnh cho các quan nhẩy xuống nước, bơi lội, mọi người phải giả làm một con gà mái kêu "cục tác", vỗ cánh... lặn xuống nước để đẻ trứng, rồi trồi lên, đem trứng đến dâng cho vua. Tính rằng như thế, Xiêng Miêng không có trứng đem theo, sẽ bị bê mặt. Nhưng Xiêng Miêng lanh trí, y không kêu "cục tác", mà y gáy "ó o" như gà trống, rồi vỗ cánh, nghênh đầu, bơi theo các quan "gà mái", nhẩy chồm lên lúng đỏi "đạp mái". Các quan hoảng sợ, có vị suýt bị chết chìm, kéo nhau lên kiện với vua. Vua hỏi, Xiêng Miêng đáp nhờ có y nên các quan mới có trứng mà dâng cho vua, chỗ chỉ có gà mái, không có gà trống đạp mái thì làm sao mà đẻ trứng được, chỗ thật ra, phần y cũng có hai trứng dính trong người (!) mà y không thể nào dâng cho vua được. Vua nghe xong bật cười. Căn bản câu chuyện này cũng phần nào giống chuyện "Đê đục có chữa" của Trạng Quỳnh (3).

2. Ở truyện Si Thanon Chay của Thái

Là một dị bản của Truyện Xiêng Miêng ở Lào, nên cũng có các mẩu chuyện vừa kể trên, giống với truyện Trạng Quỳnh của chúng ta (4).

3. Ở truyện Thmenh Chey của Miên

Có việc Thmenh Chey dùng trâu nghé chống với trâu chọi, giống như trong chuyện "Sử Tàu thách chọi trâu" của Trạng Quỳnh. Lại có chuyện vua Miên, vì tức giận gi Thmenh Chey, nên sai tất cả đàn bà trong cung đến "đại tiện" ở vườn của y. Những Thmenh Chey xem bà nào lúc ấy "tiểu tiện", thì lấy gậy đánh túi bụi. Các bà hoàng sợ chạy về tâu với vua. Vua sai lính bắt

Thmenh Chey đến hỏi nguyên do, y tâu rằng vì lệnh của vua chỉ truyền "đại tiện" mà thôi, chỗ không thấy truyền cho "tiểu tiện", vì vậy bà nào vừa "đại tiện" lại vừa "tiểu tiện" là làm trái với lệnh của vua, cho nên y phải trừng trị. Vua không biết nói thế nào nữa, nên đành chịu vậy.

Ở truyện Trạng Quỳnh của chúng ta cũng có chuyện giống như thế, chỉ khác là những người Chúa sai đi "đại tiện" không phải là đàn bà trong phủ mà là quân lính, và sau đó Quỳnh liền lợi dụng số phần ấy để trồng cải. Khi cải lớn lên, xanh tốt, Quỳnh đem biếu Chúa, Chúa ăn, khen ngon, hỏi làm sao mà khéo trồng được như thế, Quỳnh trả lời đó là nhờ ơn Chúa cho lính ra vườn của Quỳnh bón phân kỹ vừa rồi. Chúa tức giận vô cùng, nhưng không thể nào bắt bẻ gì được. (5)

Có nhà khảo cứu Tây phương đưa ra giả thuyết rằng các dị bản của truyện Si Thanon Chay (Trạng Quỳnh Lào), có thể bắt nguồn từ Dhananjayapandita Jataka của Ấn Độ, kể lại tiền kiếp của Phật Thích-Ca, khi còn là Bồ Tát, làm Cố vấn cho vua nước Dvaravati. Bồ Tát rất thông minh, tài giỏi, khôn ngoan và đã nhiều lần cứu khổ phò nguy cho quốc vương nước Dvaravati. Và có thể khi Jataka này du nhập vào vùng Thái, Miên, thì dân gian địa phương đã trích lại, đem biến đổi đi để xây dựng các Truyện Si Thanon Chay, Thmenh Chey. Về sau, các truyện ấy du nhập dần dần vào các nước lân cận để phát sinh các dị bản Xiêng Miêng hay Trạng Quỳnh. (6)

Tóm lại, có thể cho rằng các giai thoại về Trạng Quỳnh, cũng như về Xiêng Miêng, Si Thanon Chay, Thmenh Chey đã góp phần vào việc điều hòa giữa xã hội nguyên thủy của các dân tộc bản xứ ở bán đảo Đông Dương với các thể chế, học thuyết, tín ngưỡng từ Trung Hoa, hay từ Ấn Độ du nhập vào.

Và đã hạn chế phần nào ảnh hưởng của các nước ngoài, hầu thích nghi hóa với môi trường địa phương, duy trì cho được thể quân bình ổn định giữa hai dòng quyền lực chính thống: văn hóa bản sắc địa phương và văn hóa ngoại lai. (7)

Đặc điểm chung của các tác phẩm Việt, Lào, Miên, Thái này là tính cách trào lộng cho vui tai, chửi đỏi cho hả hê, khoái trá. Độc giả càng cười trước những lối lạng, những tật xấu của người đời bao nhiêu, thì lại càng thấy công phần trước những lối công và những bộ mặt tiêu cực, sa đọa của những thể chế, nhân quần, xã hội bấy nhiêu!

Trào lộng vốn là khí giới của kẻ yếu dùng để chống lại những đối thủ lớn mạnh hơn mình, và ở đây hẳn là một phương tiện để bảo tồn văn hóa nguyên thủy của chúng ta khỏi bị đồng hóa với ngoại bang xâm lăng.

Tài liệu tham khảo:

(1) Những người trúng tuyển kỳ thi Đình phân loại cao thấp như sau:

a) Đồ hàng đầu (đệ nhất giáp): Trạng Nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, gọi chung là Tam Khôi hay Tiến sĩ cập đệ;

b) Những người đồ hàng nhì (đệ nhị giáp) gọi là Hoàng giáp, hay Tiến sĩ xuất thân;

c) Những người đồ hàng thứ ba (đệ tam giáp) gọi chung là Tiến sĩ. Còn có danh là Đồng Tiến Sĩ xuất thân;

d) Những người trúng cách mà không cập phân, được đồ Phó bảng.

(2) *Trạng Quỳnh* - Hoàng Trúc Ly, Los Alamitos, CA, Xuân Thu, 1991, trang 8-36.

(3) *Xiêng Miêng*, traduction libre par Boun Thanh Vonghack, tạp chí *Bulletin des Amis du Royaume Lao* (BARL), Vientiane, No 7-8 1972, pp. 3 - 51. Xem thêm: *Sieng Mieng*, traduit par Lichtenstein J. (thèse pour le Doctorat de 3ème cycle, 1982), tạp chí *Péninsule*, Paris, No spécial 6-7, 1983, pp. 23 - 206.

(4) *Chiang Mieng ou Si Thanon Chay*, Schweisguth P. Etude sur littérature siamoise, Paris, Imprimerie Nationale, 1951, pp. 271-173.

(5) *La Merveilleuse Histoire de Thmenh Chey l'Astucieux*, Conte Populaire Cambodgien, Bitard Pierre, Saigon, France Asie, 1956, Extrait de France Asie, Nos 116 117, 121, 122 (46 pages).

(6) *Sieng Mieng* traduit par Lichtenstein Jean, Péninsule, sdd., Dhananjayapandita jataka, p. 16.

(7) Népote Jacques ở bài giới thiệu bản dịch *Sieng Mieng* của Lichtenstein Jean, trong tạp chí *Péninsule*, sdd., par. 10-12.

Thăm Môi thương



Mộng tình phai ngô phù dung,
Mùa trinh nữ xếp mứt mừng lá
hoa.

Vườn trắng xưa dáng ngọc ngà,
Nắng mưa sương gió nhạt nhòa
dấu xanh,

Ngày ta yêu tóc đang xanh,
Xa nhau mãi nhỏ sợi thành bạc
thường.

Mai trời xanh đất quê hương,
Tóc mây ta uớt môi thường ngọt
ngào.

● Nguyễn Văn Cường

Lời dẫn: Trong thời gian gần đây, nhân những tranh chấp chủ quyền về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã có hàng chục bài báo xuyên tạc lịch sử Việt Nam được đăng trên các báo Hồng Kỳ hoặc Nhân Dân của Trung Cộng. Các bài báo đó đã được dịch ra Anh, Pháp ngữ và đã được phổ biến ra ngoài quốc. Mục đích các bài báo chỉ cố nói rằng người Việt Nam có gốc nguồn tại Trung Quốc, người Việt Nam cùng chung văn hóa với Trung Hoa, Việt Nam xưa là một quận huyện của Trung Hoa, chiến tranh xưa giữa dân Việt Nam và các triều Tần, Hán, Đường v.v... chỉ là những cuộc phản loạn. Sở dĩ Trung Cộng cho phổ biến những ngụy tạo lịch sử như vậy là để sau này, nếu Trung Cộng có xâm chiếm Việt Nam đi nữa thì quốc tế cũng không thể can thiệp được vì đó là vấn đề nội bộ của Trung Cộng. Trung Cộng đã thành công như thế khi đánh chiếm Tây Tạng.

Cùng thời gian này và cũng như hàng năm mỗi lần gần đến ngày mùng 10 tháng Ba âm lịch, nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương tại hải ngoại, có nhiều bài viết về lịch sử được đăng trên nhiều báo Việt ngữ ở hải ngoại để kêu gọi người Việt đừng quên cội nguồn của mình. Thành ý của người viết về lịch sử đó (không phải là sử gia) thật đáng được mến phục, những rất tiếc bài viết lại dựa theo những tài liệu sai lầm, vô tình xác nhận luận điệu của Trung Cộng là đúng! Tai hại hơn, là tại Hoa Kỳ, một số Thư viện Đại Học đã mua những tờ báo ấy và dịch những bài đó ra tiếng Anh.

Vi thế, tôi viết bài này trình bày những sai lầm chất chứa trong sử liệu nước mình cùng góp ý mong những người có thành ý sử dụng sử liệu nên thận trọng hơn, nhất là tại hải ngoại, sử liệu về quê hương không nhiều; thông thường các người viết về sử chỉ căn cứ theo nhau mà viết, đã tạo thành một sai lầm dây chuyền tai hại làm mất niềm tin của tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại.



Góp ý với những ai muốn viết về thời tiền sử Việt Nam

Phan Hùng Nhơn

Theo ý kiến chung của các nhà nghiên cứu sử đáng tin cậy, thì sử liệu Việt Nam nếu có thể được xem là chính xác đi chăng nữa cũng chỉ từ thời đại Đinh Tiên Hoàng trở về sau vì có lưu lại những ghi chép rõ ràng, còn từ thời Thập Nhị Sú Quân trở về trước đều thật khó tin được vì chỉ bao gồm những huyền thoại mở hồ quái đản. Những người đời sau muốn viết về sử thời kỳ này quả thật đã gặp lắm khó khăn trở ngại, vì phần lớn do suốt ngàn năm bị Bắc phương đô hộ, mọi vết tích, di tích, thư liệu về nguồn gốc

thật sự của dân tộc Việt Nam đều bị bạo quyền xâm lăng hủy diệt. Nhiều thư liệu giả tạo về nguồn gốc được phổ biến. Văn hóa Hán được áp đặt ở Việt Nam. Mục đích để làm cho các người Việt quên đi sự kháng cự xâm lăng và để người Việt các đời sau làm tưởng họ cũng là con cháu nhà Hán, nhà Tần, nhà Đường, nhà Tống bên Tàu, quên hẳn rằng dân tộc Việt Nam có nguồn gốc tại chỗ từ lâu đời.

Đến thời nước nhà được tự chủ, nhiều người được triều đình đấng thời ra lệnh viết sử, hay nói đúng ra là viết gia phả cho triều đại. Vì không có thư liệu nào từ xưa được lưu lại, nên các nhà viết sử đành phải tưởng tượng ra lối sinh hoạt của người sống 14 hoặc 15 thế kỷ trước hoặc họ tham khảo trong các sách truyện của Tàu để tạo ra một nguồn gốc về vang cho vua chúa Việt Nam, vì thế trong các sách họ viết nguồn gốc dân tộc không hề được nói đến mà chỉ nói về nguồn gốc của giới cầm quyền.

I. CÂU CHUYỆN HỒNG BÀNG THỊ CÓ THẬT HAY KHÔNG ?

Ngô Sỹ Liên từng cho biết khi soạn sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, ông đã chép lại *Truyện Hồng Bàng Thị* từ sách *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp. Nhưng sách *Lĩnh Nam Chích Quái* không phải là một sách sử mà chỉ là một sách sưu tập truyện cổ mà trong đó Trần Thế Pháp đã ghi chép nhiều yếu tố của truyền thuyết dân gian Trung Hoa vào với truyền thuyết Việt cùng với nhiều truyện được phỏng theo sách xưa như *Tài Ký Quý* của Trương Quang Phòng đời Tống, *Nam Hải Cổ Tích Ký* của Ngô Lai đời Nguyên, hoặc các tiểu thuyết đời Đường. Một khi đã là thuộc loại sách truyện hay tiểu thuyết thì tác giả có quyền đề xuất giả thuyết hoặc vay mượn đó đây một số hình thái sinh hoạt. Nếu có không đúng với lịch sử thì sai lầm ấy chỉ ở địa hạt văn học dân gian. Nhưng khi đem truyện họ Hồng Bàng vào *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, dầu đã dè dặt chỉ ghi ở phần Ngoại Ký, Ngô Sỹ Liên đã đem sai lầm đó vào địa hạt lịch sử, mặc dầu chính bản thân ông không tin những gì được kể trong truyện Hồng Bàng Thị là có thật.

A. Trần đây mâu thuẫn, nghịch lý, truyện Hồng Bàng Thị lại được hình thành với những chấp vá vụng về nên không thể có thật

a) Cha của Kinh Dương Vương tức Đế Minh theo truyện kể là cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông. Như thế Kinh Dương Vương đúng là chút hay huyền tôn của Viêm Đế. Truyện Hồng Bàng Thị cho biết Kinh Dương Vương cai trị nước Xích Quỷ từ năm 2879 trước TL, nhưng Viêm Đế Thần Nông thì cai trị Trung Quốc từ 2737 đến 2697 trước TL nghĩa là huyền tôn Kinh Dương Vương cháu bốn đời của Viêm Đế lại có thể trị vì 142 năm trước cao tổ Viêm Đế, một việc không thể xảy ra được trong thực tế.

b) Lộc Tục sinh ra rồi ở lại quê mẹ. Sùng Lãm sinh ra rồi ở lại quê mẹ. Như thế họ đang sống dưới chế độ mẫu hệ. Mâu thuẫn ở điểm là cùng thời lại có chuyện Đế Minh phong cho Lộc Tục làm vua hoặc Kinh Dương Vương truyền ngôi lại cho Lạc Long Quân một tập tục cha truyền con nối chỉ có thể có trong một chế độ phụ hệ. Điểm nghịch lý nữa là làm sao Đế Minh có thể phong cho con làm vua trên một lãnh thổ không thuộc quyền cai trị của mình, vì vào thời đó phạm

vi vương quyền của Tam Hoàng đang còn ở lưu vực sông Hoàng Hà mà thôi. Còn như nói đang ở chế độ phụ hệ thì làm sao lại có chuyện loạn luân cháu Âu Cơ lấy chú ruột là Lạc Long ?

c) Theo truyện HỒNG BÀNG THỊ họ Hồng Bàng trị vì theo lối *cha truyền con nối* được 18 đời, từ năm 1879 trước TL cho đến năm 258 trước TL, nghĩa là trong 2622 năm. Như thế tính trung bình mỗi vua Hùng đã trị vì trong khoảng 144 năm. Tất nhiên thời gian thọ còn lâu hơn thời gian trị vì. Dầu là thời thượng cổ đi nữa cũng không thể có dòng họ nào suốt 18 đời mà người nào cũng thọ hơn 140 năm cả ? Tuổi thọ trung bình quá đáng của vua Hùng làm cho chuyện Hồng Bàng Thị khó tin được là có thật.

d) Truyện HỒNG BÀNG THỊ đang kể Lạc Long Quân - Âu Cơ cùng các con đang ở vùng hồ Động Đình thì thỉnh linh lại kể Lạc Long Quân - Âu Cơ cùng các con đang ở Phong Châu ở Bắc Phần Việt Nam cách hồ Động Đình hàng ngàn dặm. Không nói vì sao lại lia xa quê cha đất tổ hoặc nói rõ đã để lại nước Xích Quỷ cho ai ?

Câu hỏi đặt ra là theo sử liệu cho biết lúc Hùng Vương thứ nhất đến đấy làm vua thì ở đấy đã có sẵn đông dân rồi vì nếu không có dân thì Hùng Vương làm vua với ai ? (Theo sách *Tiền Hán Thư* và *Địa Lý Chí* có thể ước đoán lúc đó dân số 15 bộ Văn Lang cũng đã khoảng hơn nửa triệu người rồi. Con cái Lạc Long Quân - Âu Cơ đâu có thể sinh ngay ra một số con đông như vậy được ?)

Sách *Đại Việt Sử Ký* do Tiền Hy Tộ hiệu đính có ghi: "*Đến đời Trang Vương nhà Chu (năm 696 trước TL) ở bộ Gia Ninh, có người lạ dùng ảo thuật Ấp Phục Đuộc Các Bộ Lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu nước là Văn Lang...*". Như thế thêm một bằng chứng xác nhận khi Hùng Vương đến Phong Châu để làm vua thì ở đấy đã có sẵn đông dân cư rồi. Khoa khảo cổ ngày nay cũng chứng nhận lớp dân đó đã cư ngụ ở đấy từ những ngày xa xưa của lịch sử. Tất nhiên các vị Hùng Vương đầu có thể là Tổ của lớp dân đó được.

e) Truyện HỒNG BÀNG THỊ nói trăm người con trai của Lạc Long Quân và Âu Cơ là trăm ông tổ của trăm tộc Bách Việt ở Trung Hoa. Nhưng theo sử gia Tư Mã Thiên của Trung Hoa, người đầu tiên sử dụng danh xưng Bách Việt, thì từ BÁCH ông dùng chỉ có nghĩa là NHIỀU và BÁCH VIỆT chỉ có nghĩa là Nhiều Tộc Việt. Sử gia khác của Trung Hoa là La Bí đời Tống cũng quả quyết trong sách *Lộ Sử* rằng nhóm Bách Việt chỉ bao gồm khoảng 20 Tộc Việt khác nhau từ huyết tộc đến trình độ văn hóa nhưng có chung một số nét sống giống cư dân nước Việt của Câu Tiễn nên được Tư Mã Thiên gọi chung là Bách Việt. Phải chăng tác giả *Lĩnh Nam Chích Quái* đã lầm lẫn từ câu chuyện *Túi Bách Noãn* (túi nhiều trứng) ra thành túi trăm trứng nên đã biến chuyện *Nhiều Tộc Việt* thành *Trăm Tộc Việt* ?

f) Truyện Họ Hồng Bàng nói rằng Kinh Dương Vương hoặc các vua Hùng đều là con cháu Viêm Đế họ Thần Nông. Nhưng trong số những sách sử Trung Hoa có nói đến dòng họ Thần Nông như sách *Đế Vương Thế Kỷ* của Hoàng Phủ Mật, *Cổ Sử Khảo* của Tiêu Chú, sách *Thông Giám Thế Kỷ* của Lưu Thủ đều ghi *dòng họ Thần Nông truyền được tám đời* và đến đời Đế Du Vông là *tuyệt tự*. Tám đời đó là: Thần

Nông, Đế Lâm Khôi, Đế Thừa, Đế Minh, Đế Trục (Nghị), Đế Lai (Ly), Đế Ai và Đế Du Vông. Không có sách nào nói đến việc Đế Minh du ngoạn phương Nam sinh ra Kinh Dương Vương và dòng họ Thần Nông càng ngày càng đông thành trăm tộc Bách Việt như thấy kể trong truyện Hồng Bàng Thị. Như thế việc Đế Minh sinh ra Kinh Dương Vương chỉ thấy được kể trong truyện Hồng Bàng Thị mà thôi chỗ không hề có được kể trong các sách sử của Trung Hoa.

g) Các sử gia triều Nguyễn tác giả sách *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* trong bản tấu trình lên vua Tự Đức có trình rằng: "*Vai vế Kinh Dương Vương trong truyện Hồng Bàng Thị hoàn toàn hoang đường không thể có thật và ngày xưa Trần Thế Pháp hay những người bổ sung sách Lĩnh Nam Chích Quái đã phỏng theo truyện Liễu Nghị ở sách Đường Ký của Lý Triều Uy người đất Lũng Tây đời Đường, để dựng lên nhân vật Kinh Dương Vương trong truyện Hồng Bàng Thị*". Như thế nhân vật Kinh Dương Vương không hề có trong tiền sử Việt Nam mà chỉ là một nhân vật trong tiểu thuyết Liễu Nghị.

II. NHỮNG NHẬN THỨC MỖI ĐỀU PHỦ NHẬN SỰ HIỆN HỮU CỦA KINH DƯƠNG VƯƠNG

A. Ngày xưa dân tộc Việt Nam không hề biết có sự hiện hữu của Kinh Dương Vương

Trong các truyện tích hoặc truyền thuyết dân gian từ xưa lưu lại không hề có truyện tích hay truyền thuyết nào nhắc đến một nhân vật như Kinh Dương Vương của truyện Hồng Bàng Thị. Nên nhớ rằng người Việt Nam ngay từ thời dựng nước từng đặt nặng việc thờ phụng Tổ Tiên. Ngày nay những đền miếu con nhan nhân ở miền đất tổ Phong Châu là một bằng chứng. Ngày nay trên khắp lãnh thổ Bắc Việt Nam còn lưu lại hàng mấy trăm đền miếu thờ các vị Hùng Vương cùng con cái và ngay cả quần thần của họ nhưng không có đền nào để thờ Kinh Dương Vương cả. Nói đúng ra thì chỉ có một đền độc nhất thờ Kinh Dương Vương ở làng Ái Lữ thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh nhưng đền này lại chỉ được xây thời triều đại vua Minh Mạng và thần tích lưu lại ở đền cũng giống như truyện Hồng Bàng Thị được kể trong sách *Lĩnh Nam Chích Quái*. Như thế sự kiện cũng có thể chứng tỏ rằng vào thời tiền sử người Việt Nam ngày xưa cũng không hề biết đến sự hiện hữu của một tiền nhân có tên là Kinh Dương Vương cả, vì nếu biết thật có Kinh Dương Vương, thì tất nhiên *phải có đền thờ*, nhất là khi vị đó có một vai vế như một thủy tổ.

B. Truyền thuyết dân gian từ xưa lưu lại không hề nhắc đến Kinh Dương Vương hoặc một địa danh nào ở Trung Hoa cả.

Truyền thuyết có thể được xem như là một lối ghi sử của quần chúng ở vào thời mà người xưa chưa có phương tiện để ghi chép lịch sử của mình. Truyền thuyết dân gian từ xưa lưu lại chỉ nhắc đến một Mẹ Âu Cơ đã đưa nửa số con cái theo mình từ Phong Châu lên vùng Hạ Hòa để bày cho con cái trồng cây lương thực, trồng mía, trồng dâu nuôi tằm hoặc Cha Lạc Long Quân dẫn nửa số con còn lại rời Phong Châu xuống miền Châu Nhai, để cùng nhau đắp đê ngăn nước để tranh giành đất đai với biển cả hòng mở rộng địa bàn trồng

lúa nước. Không truyền thuyết nào nhắc đến một nhân vật như Kinh Dương Vương hoặc một địa danh nào ở Trung Hoa như thấy kể trong truyện Hồng Bàng Thị. Trái lại các truyền thuyết dân gian thời tiền sử đều chỉ nhắc đến địa bàn hoạt động của một tộc người được hình thành chủ yếu quanh vùng Tây Tây Bắc Đồng Bằng Bắc Phần và Đông Bắc Trung Phần Việt Nam ngày nay. Truyền thuyết dân gian càng được tin cậy khi ngày nay chính tại những vùng này ngành khảo cổ đã phát hiện được nhiều di tích chứng tỏ sự hiện hữu của tiền nhân của người Việt Nam, trong khi đó tại những địa danh có ghi trong truyện Hồng Bàng Thị không thấy ngành khảo cổ tìm được một vết tích nào của người Việt Nam xưa.

C. Nhận thức của các sử gia xưa về truyện họ Hồng Bàng.

Các sử gia xưa đều có nhận định rằng truyện Hồng Bàng Thị trong *Lĩnh Nam Chích Quái* chỉ là những vay mượn của thư liệu Trung Hoa và theo họ những nhân vật như Thần Nông, Kinh Dương Vương không thể có vai vế gì trong lịch sử cội nguồn dân tộc Việt Nam được. Ngoài ra chính họ cũng thừa rõ những nhân vật thời Tam Hoàng như Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế cũng đều là những nhân vật của thần thoại Trung Hoa mà người ta nghĩ rằng đã chắc gì có thật.

Trong sách *Đại Việt Sử Ký*, sử gia Lê Văn Hựu không nói gì đến họ Hồng Bàng. Trong sách *An Nam Chí Lược* sử gia Lê Tắc cũng không nhắc nhở gì đến Thần Nông hoặc Kinh Dương Vương. Sử gia Ngô Thì Sĩ thì nói rằng truyện Hồng Bàng Thị đây những việc quái đản khó tin. Trong sách *Dư Địa Chí*, Nguyễn Trãi cho biết ông *không thừa nhận việc nước Nam ta xưa nằm trong địa phận chín châu ở Trung Hoa*. Các sử gia triều Nguyễn từng tâu lên vua Tự Đức rằng Trần Thế Pháp đã phỏng theo truyện Liễu Nghị của tiểu thuyết *Đường Kỳ* của Lý Triều Uy đời Đường để viết ra truyện Hồng Bàng Thị và vì vậy trong sách *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* do họ soạn, các sử gia triều Nguyễn bác bỏ lập luận chép quốc thống bắt đầu từ Kinh Dương Vương.

D. Các ngành khoa học mới như Khảo Cổ Học, Dân Tộc Học, Ngôn Ngữ Học hay Nhân chủng Sinh Lý Học đều chứng minh nguồn gốc lâu đời của Tổ Tiên người Việt Nam tại Bắc Phần Việt Nam

Theo truyện Hồng Bàng Thị thì người Việt Nam có cội nguồn tại Trung Hoa vì họ là con cháu của Viêm Đế họ Thần Nông. Nhưng theo các ngành khoa học mới ngày nay thì Tổ Tiên người Việt Nam không thể nào có cội nguồn ở Trung Hoa được. Ngành Khảo Cổ Học từng phát hiện rằng ngay từ thời đại đá mới Tổ Tiên người Việt Nam đã cư trú ở Bắc Phần Việt Nam. Vết tích cư trú của họ đã được các nhà khảo cổ phát hiện được rất nhiều ở lưu vực sông Hồng và sông Mã. Trong khi đó cho đến nay khảo cổ học chưa hề tìm được di tích nào của Tổ Tiên người Việt tại Trung Hoa tại những địa danh có tên trong truyện họ Hồng Bàng. Dân Tộc Học cũng xác nhận từ huyết tộc cho đến văn hóa xưa của người Việt đều khác hẳn với dân Trung Hoa. Ngành Nhân chủng Sinh Lý Học công nhận rằng theo hình thức sọ người thì người Việt Nam nguyên thủy thuộc loại hình nhân chủng Indonésien-cổ có họ hàng xa với cư dân các hải đảo Nam

Thái Bình Dương và khác hẳn với sọ người dân xưa ở Trung Hoa.

KẾT LUẬN

Muốn hiểu rõ vì sao lịch sử thời tiền sử Việt Nam lại tàng ẩn lấm mờ hồ quái đản, người đời nay nên giả tự đặt mình vào hoàn cảnh các sử gia ngày xưa. Sau suốt ngàn năm Bắc thuộc, mọi vết tích hay sử liệu về cội nguồn thật sự của dân tộc đều bị quân xâm lăng tiêu hủy hết và để thay thế nhiều thư liệu giả tạo về sử cùng nguồn gốc với cư dân Trung Hoa được tung ra, trong khi Hán Nho ý thức hệ của các vương triều bành trướng phương Bắc được áp đặt tại Việt Nam để thống trị tư tưởng nhân dân xứ này. Đến thời Trần, Lê nước nhà được tự chủ, giới khoa bảng Việt Nam thời đó tuy đã có ý thức rõ ràng về khái niệm độc lập của xứ sở vẫn còn rất mờ hồ về ý thức độc lập văn hóa vì ảnh hưởng của Hán Nho còn quá nặng nề. Được lệnh của triều đình đương thời để viết sử nhưng thật ra họ chỉ viết gia phả cho các triều đại mà họ phục vụ, vì trong sách họ viết, họ chỉ viết về lịch sử giới cầm quyền mà không hề viết về lịch sử của dân tộc. Muốn viết sử về thời tiền sử nhưng không còn được một sử liệu nào từ xưa lưu lại nên đành dựa theo lối sinh hoạt của họ mà tưởng tượng ra lối sống của người xưa cách đó 14 hoặc 15 thế kỷ trước hoặc vay mượn đó đây ở các truyện tích có trước họ để diễn tả cho bằng được một nguồn gốc vẻ vang cho vua chúa mà họ phục vụ.

Khi soạn sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (sách sử mà những người đời nay khi viết về sử thường tham khảo) Ngô Sĩ Liên cho biết vì không có sử liệu nào từ xưa lưu lại về thời tiền sử, ông đã chép lại truyện Hồng Bàng Thị từ sách *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp. Nhưng thật sự sách *Lĩnh Nam Chích Quái* chỉ là một Sưu Tập Truyện Cổ chứ không phải là một sách sử. Khi soạn sách này Trần Thế Pháp đã ghép nhiều yếu tố của truyền thuyết dân gian Trung Hoa vào với truyền thuyết dân gian Việt Nam cùng phỏng theo những sách Trung Hoa như *Tài Ký Quý* của Trương Quang Phòng đời Tống, *Nam Hải Cổ Tích Ký* của Ngô Lai đời Nguyên hoặc từ các tiểu thuyết đời Đường. Một khi thuộc loại sách truyện hay tiểu thuyết người viết có quyền đề xuất giả thuyết hay vay mượn đó đây một số hình thái sinh hoạt. Nếu có, không đúng với sự thật lịch sử thì sai lầm ấy chỉ ở địa hạt văn học dân gian. Nhưng khi sao chép truyện Hồng Bàng Thị vào sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngô Sĩ Liên đã đem sai lầm đó vào địa hạt lịch sử. Thông thường người ta dựa vào lịch sử để viết tiểu thuyết lịch sử chứ ngược lại dựa vào tiểu thuyết lịch sử để viết lịch sử thì làm sao lịch sử đó có thể được xem là chính xác được. Như đã nói trước đây tuy gọi là viết sử nhưng thật ra chỉ là viết gia phả cho triều đại, nên sở dĩ Ngô Sĩ Liên đã làm như vậy là do lòng tự hào dân tộc lối nhà Nho ông muốn vẽ lên một nguồn gốc cao quý của các vua chúa Việt Nam không kém gì sự vẻ vang thần thánh của các vua thời Tam Đại ở Trung Hoa. Tuy vậy chính Ngô Sĩ Liên cũng không tin là truyện họ Hồng Bàng của sách *Lĩnh Nam Chích Quái* là có thật nên ông đã dè dặt chỉ chép truyện này vào phần Ngoại Kỳ. Ngoài ra ông còn phân trần rằng "*cổ thuật kỳ cựu dĩ truyền nghi yển*" tạm kể chuyện cổ để truyền lại điều nghi hoặc. Đã thế ông còn nhấn lại rằng *Tin thư bất như vô thư*, tin sách thì chẳng thà đừng có sách. Nói cách khác Ngô Sĩ Liên đứng trên lập trường

Xét lại một số châm ngôn tục ngữ qua lăng kính của Đạo Phật.

Nếu toàn thể nhân loại kể từ đời thượng cổ cho đến ngày nay đều có cùng một thói quen sống "*ai sao tôi vậy*" hoặc "*xưa sao nay vậy*" thì giờ này chúng ta vẫn còn phải vác rìu bằng đá để đi săn thú đem về ăn sống nuốt tươi, chứ không thể có được nền văn minh điện toán như ngày nay.

Nền văn minh mà chúng ta đang thừa hưởng này không phải bỗng nhiên từ trên trời rơi xuống, hoặc là từ những bộ óc ù lì, nghị gặt "*ai sao tôi vậy*" mà xây dựng nên. Đó là nhờ công lao của những khối óc quả cảm, đầy sáng kiến, dám thí nghiệm những sáng kiến của mình, dám tranh đấu để những sáng kiến thành hiện thực dù cho đôi khi phải hy sinh tính mạng.

Sự tiến hóa cả về vật chất lẫn tinh thần có được là nhờ ở những con người biết suy nghĩ độc lập, can đảm nhận lãnh trách nhiệm, dám có ý kiến khác đương thời, "*ai sao tôi không vậy*" mới vùng lên lật đổ được ngoại xâm, không chịu cam tâm làm nô lệ.

Cho nên, là phần tử của đạo Giác Ngộ, chúng ta nên xét lại một số thói quen xấu, như thói quen ý lại vào người khác "*ai sao tôi vậy*".

Những "*ai sao tôi vậy*" nào mà hợp lý, có lợi cho mọi người thì theo. Cái nào có hại thì nên bỏ và nói người khác bỏ. Không nên mang nỗi sợ truyền kiếp với tiền nhân mà cứ cấm đầu tuân theo những thói quen lạc hậu như sợ "*ra ngô gặp gái thì xui xẻo*", "*có con mèo lạc vào nhà thì sẽ nghèo*", "*vợ chồng khắc tuổi thì sẽ sớm bỏ nhau*", vân vân và vân vân.

Trong tinh thần đó, chúng ta nên xét lại một số châm ngôn tục ngữ qua lăng kính của đạo Phật, thí dụ như

câu "*đời cha ăn mặn đời con khát nước*".

Quan niệm về cái gọi là "*đời cha ăn mặn đời con khát nước*" cho rằng có một cái gì vô hình lưu truyền cái nhân xấu do đời cha tạo ra và chuyển giao cái quả xấu do nhân xấu mang lại cho con cái trong dòng họ huyết thống tổ tiên.

Có người cho rằng, đó là do ảnh hưởng huyết thống, mà khoa học ngày nay đã khám phá ra các "gene" di truyền và cũng có người cho rằng quan niệm này bắt nguồn từ thuyết nhân quả luân hồi của đạo Phật, điều này mới nghe ra thì tưởng như đúng vì cũng gieo nhân và cũng hái quả, nhưng hoàn toàn không đúng.

Thời đức Phật còn tại thế, có người hỏi Ngài:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do nào mà trong đời người có người chết yếu và có người sống lâu; có người bệnh hoạn và có người khỏe mạnh; có người xấu và có người đẹp; có người làm gì cũng không có ai làm theo, nơi gì cũng không ai nghe theo; có người nghèo khổ và người giàu sang, có người sanh trong gia đình bần tiện và có người sanh trong gia đình cao sang, có người ngu dốt và có người trí tuệ thông minh ?"

Đức Phật trả lời như sau:

"Tất cả chúng sinh đều mang theo cái Nghiệp (Karma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chỉ thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái Nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh".¹

Nghiệp (kamma, hay tiếng Sanscrit là karma) là qui luật nhân quả trên bình diện đạo đức. Nói một cách chính xác hơn, Nghiệp là tác ý hay ý muốn. Vì có ý muốn nên mới phát sinh hành động qua thân, khẩu, và ý. Tác ý có thể là thiện hay không thiện, tức lành hay dữ, cũng có thể không lành không dữ. Vì thế **hành động là gieo nhân**, mà nhân lành sẽ ra quả lành và nhân ác sẽ ra quả ác. Tiến trình hành động và phản hành động, tức tiến trình gieo nhân

và gặt quả nối tiếp vô cùng tận. Nhân tạo quả, quả trở thành nhân mới.

Tiến trình của nhân và quả này là qui luật thiên nhiên, luôn luôn biến dịch, không có ai tạo ra nó và hủy diệt nó. Một năng lực ngoại tại hay một đấng thần linh nào đó có quyền **ban phước** cho những ai ăn hiền ở lành hay **trừng phạt** những ai làm điều ác, hay có quyền **chuyển giao phước báu hoặc hình phạt** từ người này qua người khác, hoàn toàn không có chỗ đứng trong Phật giáo. Người cha, dù có thương con cách mấy cũng không thể nào thay thế cho con ở tù khi đứa con phạm trọng tội giết người.

Trong lịch sử Phật Giáo có rất nhiều điển tích nói lên cái nhân quả do mình làm mình chịu, không ai có thể gánh thay cho mình được, như sự tích bà Mục Liên Thanh Đế, thân mẫu Ngài Mục Kiến Liên. Bà Thanh Đế khi còn sống đã làm nhiều điều độc ác, tham lam và ích kỷ, không bao giờ làm phước, bố thí hay giúp đỡ người nghèo khổ, nên khi mệnh chung bà phải đọa vào địa ngục A-Tỳ, làm thân ngựa quý, đói khát cực khổ.

Ngài Mục Kiến Liên, một vị đại đệ tử thần thông bậc nhất của Phật, sau khi chứng được đạo quả, liền dùng huệ nhãn quan sát sáu nẻo luân hồi, thấy cha đang ở cõi trời hưởng phước báu an vui, còn mẹ là bà Thanh Đế đang sống trong cảnh giới địa ngục thân hình tiểu tụy, đói khát khổ sở.

Quá thương xót mẹ, Ngài dùng thần thông đem bát cơm dâng mẹ. Bà Thanh Đế, vì đói lâu ngày nên khi thấy bát cơm, thì lòng tham nổi lên sợ các quỷ đói khác giành ăn nên bà lấy tay trái che bát cơm, tay mặt bốc ăn, cơm liền biến thành than hồng. Ngài xót xa rơi lệ, biết mẹ mình nghiệp chướng quá nặng, sức mình không cứu nổi, bèn đi cầu cứu với Phật.

Vâng theo lời Phật dạy, Ngài nhờ sức tâm của chư vị A La Hán, là những bậc tu hành đạt đạo, đã thanh lọc tất cả mọi tư tưởng ô nhiễm tham sân si, tháo gỡ xong mọi sự vướng mắc của tâm ý thức, chấm dứt được dòng luân hồi nghiệp báo, tâm thanh tịnh minh mông như hư không, nên mới chuyển hóa được tâm bủn xỉn của bà Thanh Đế. Chỉ

¹ Majjhima Nikaya, Cullakammavibhanga Sutta no.35. Warren, Buddhism in Translation, p. 214

cần một niệm tâm chuyển hóa, ngục tù tâm tạo của bà đã tự tan rã. Cho nên Lục Tổ nói: "Tự tánh khởi một niệm ác, liền diệt vạn kiếp thiện nhân, tự tánh khởi một niệm thiện, liền dứt hằng sa ác nghiệp" (Pháp Bảo Đàn Kinh).

Bao nhiêu đó chứng tỏ rằng người con đắc đạo, thần thông bậc nhất là do tu chứng của chính cá nhân mình không do nơi cha mẹ và bà mẹ cũng vậy, phải gánh chịu cái quả do việc làm của chính mình, ngay cả con bà đến cứu bà cũng không được. Thật là rõ ràng quan niệm phúc ấu truyền đời hay cái gọi là "đời cha ăn mặn đời con khát nước" không có có mặt trong đạo Phật.

Theo luật nhân quả, thì quả vui hay quả khổ của người đang thụ hưởng đều do những nhân tốt hay xấu do **chính người** ấy, chứ không phải do người khác đã gieo trồng, trong kiếp hiện tại hay trong những kiếp quá khứ. Với cái nhận thức và tầm nhìn giới hạn của chúng ta nên chúng ta chỉ thấy trước mặt cái quả đang trở mà không thấy được tất cả các nguyên nhân vi tế đã sanh quả ấy, vì các nhân ấy không phải chỉ là những nhân đã gieo trồng trong kiếp này mà có thể là đã được gieo trải từ nhiều kiếp trong quá khứ. Nhà Phật gọi là nhân quả ba đời, (có nghĩa là bao gồm nhiều kiếp trong quá khứ, kiếp hiện tại và nhiều kiếp trong tương lai).

Sở dĩ chúng ta phải đem ánh sáng của đạo Giác Ngộ rọi vào những câu châm ngôn tục ngữ như câu "Đời cha ăn mặn đời con khát nước" vì câu này sai luật nhân quả. "Người này ăn mặn mà người khác lại khát nước" !!! Chuyện đời nay rõ ràng, ai cố gắng học hành thì được ghi tên nơi bằng cấp, không có việc chuyển nhượng.

Quan niệm "Đời cha ăn mặn đời con khát nước" cũng có thể là một lời hăm dọa phát nguồn từ thế lực cầm quyền trong xã hội cũ tại Việt Nam. Chế độ phong kiến thời xưa, vì quyền lợi, thường có thói quen tàn ác kéo cả gia đình phạm nhân vào một sự trừng phạt, thí dụ như án "chu di tam tộc", giết cả ba họ kẻ có tội với triều đình, với mục đích khủng bố tinh thần dân chúng, để họ vì nghĩ đến thân nhân, thương xót không muốn thân nhân mắc họa,

mà không diám chống đối lại triều đình.

Ở đây thì vì nghĩ đến con mà không dám làm điều gì mang họa cho con. Dọa dẫm mà có kết quả thì cũng có thể bỏ qua được. Nhưng không có nghĩa là lời dọa đó đúng với chánh pháp. Cũng như giết ba họ của phạm nhân để người khác không dám phạm pháp thì chỉ là một sự trả thù tàn nhẫn và vô lý mà thôi.

Cái lợi của sự dọa dẫm này quá nhỏ so với cái hại:

1. Quan niệm "đời cha ăn mặn đời con khát nước" chỉ gây cho con cái, cái tình thần ý lại vào phúc ấu tố tiên.

2. Đời sống đen tối thì oán trách, đổ thừa cho cha mẹ mà không tự nhận rằng vì cái nhân xấu mình đã gây ra trong quá khứ.

3. Con cái khá giả thì cha mẹ giành công, khoe khoang rằng phúc đức do mình tạo. Nếu trong đám lại có những đứa nghèo khổ thì chúng lại oán hận cha mẹ bất công, chia phúc cho con này không cho con khác. Cha mẹ nhận công như vậy đã gián tiếp không khuyến khích chính con cái làm điều thiện để tạo nhân tốt cho nghiệp quả của bản thân họ.

4. Không giải thích được trường hợp trường hợp một gia đình có nhiều anh chị em, trong đó có người giàu sang, kẻ nghèo khó nghiệp ngập. Như vậy thì phước đức của tổ tiên cha mẹ đã được chia cho con cái theo công thức nào?

5. Không giải thích được trường hợp cha mẹ hiền đức như vua Ba Tư Nặc và Mạt Lợi phu nhân mà lại sinh ra người con độc ác là vua Lưu Ly, đang tay giết cả dòng họ Thích.

Là Phật tử của đạo Giác Ngộ, chúng ta không tin về cái gọi là "phúc ấu truyền thừa" hay "đời cha ăn mặn đời con khát nước". Bà Mục Liên Thanh Đề ăn mặn nhưng con của bà đâu có khát nước. Chúng ta phải tin và hiểu định luật nhân quả, phải tin tưởng nơi chính mình, chính mình tạo nhân cũng chính mình gặt quả, phải tin vào khả năng và sự cố gắng của chính mình trong việc hóa giải những nhân xấu bằng những nhân tốt để cải thiện đời mình và không ngừng làm việc tốt để tạo an lạc cho chúng sinh, làm tốt cho cộng đồng ●

Thơ QUÊ NHÀ CÒN ĐÓ



Lâu lâu về thăm ngôi nhà cũ
Bên khe ruộng giếng mục nước
cạn dòng
Trắng chuối choáng vàng rây nổi
nhớ
Lời hẹn hò kẻ đợi người mong

Đi bỏ lại hàng cau quen thuộc
Bụi chuối sau hè ướm nắng vàng
sân
Dưới cây bàng nghe chiều chiều
hót
Khóm mía mừng răng lịm ngọt bao
lần

Trái đồi núp che mắt người kín mít
Nhớ như mời đứng lặng nhịp cầu
qua
Tốp trẻ nhỏ đấu nhau bằng bẻ
Tình nghịch đùa khoát nước đội âm
ba.

Chiều lửng lơ trâu về đứng đình
Đồng quê ỡ, vỗ tiếng thời gian!
Hoa phượng đỏ ve dậy rân tiền
biệt
Áo trắng bay bay phơi phới trường
làng

Dáng hao gầy trôi vào hoang vắng
Ruộng lúa dập dờn sóng cuốn
chân mây
Gà cục tác, núi đồi quên xếp lại
Ngỡ như là cơn mộng tỉnh rồi say.

ĐINH HỒI TƯỜNG
(Búddistafélag Íslands)

Những bài thơ Nguyễn Du tặng Hồ Xuân Hương trong lưu hương ký

Thạch Đình, Thanh Liên, Chí Hiên trong Lưu Hương Ký của Hồ Xuân Hương là ai ?

Năm 1999 ông Đào Thái Tôn trong quyển Hồ Xuân Hương tiểu sử văn bản, tiến trình huyền thoại dân gian hóa, nxb Hội Nhà Văn mới công bố các bài thơ này phần phụ lục, và chú thích chưa rõ là ai. Cho đến nay chưa ai tìm thấy các bút hiệu này trong thơ văn liên hệ đương thời thế kỷ 18, 19. Trong bài này tôi dựa vào tình cảm, diễn biến bài thơ, để chứng minh đó là thơ của Nguyễn Du tặng Hồ Xuân Hương.

Bản Lưu Hương Ký do gia đình cụ Cử Nguyễn Văn Tú truyền lại, chép bài Thạch Đình tặng. Theo tôi, người chép đã chép sót tựa đề Thạch Đình tặng biệt. Do thiếu chữ biệt mà chúng ta tưởng lầm Thạch Đình là một người bạn của Hồ Xuân Hương. Thật ra thạch đình chỉ có nghĩa là cái đình bằng đá ở miền biển, dùng làm nơi nghỉ chân trước khi xuống thuyền, nơi đưa tiễn nhau. Ngày xưa trên đường bộ cách 10 dặm thì có trường đình, để người và ngựa sử dụng làm trạm nghỉ chân, *Tiền đũa máy dặm trường đình* (Kiều). Trên bến sông có giang đình, Nguyễn Du có bài *Giang Đình hữu cảm* trong Thanh Hiên thi tập, tả cảnh Giang Đình làng Tiên Điền nơi tiếp rước cha ông là cụ Nguyễn Nghiễm lúc về cáo lão.

Nơi miền biển, nhiều gió bão nên đình thường dựng bằng đá. Thạch Đình có lẽ nằm ở phía nam sông Hồng, còn gọi là sông Hoàng Giang, nơi tàu bè từ các nơi đến cập bến.

Năm Quý Sửu 1793, Nguyễn Nễ sau khi đi sứ cho Tây Sơn sang nhà Thanh về, được thăng Đông Các Đại Học Sĩ, Thái Sứ, Tả Thị Lang trông coi văn thư Cổ Mật Viện tại kinh đô Phú Xuân

(Huế). Nguyễn Du ba năm (1790-1793) sống nhờ nơi ông anh, nghe tiếng đàn người nhạc nữ cung Vua Lê thời xuân xanh, yêu Hồ Xuân Hương, chủ tình chốc đã ba năm vẹn, nay cũng lên đường về Hồng Lĩnh cùng em là Nguyễn Úc xây dựng lại gia trang họ Nguyễn cùng làng Tiên Điền bị tưởng Tây Sơn là Lê Văn Dụ đốt phá hoàn toàn trong cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Quýnh, người anh thủ tù, làm chức Trấn Tả đội, nổi lên chống Tây Sơn năm 1787.

Sách Nghi Xuân Địa Chí của Lê Văn Diện bản Hán Văn, Thanh Minh dịch. Thư Viện Nghệ Tĩnh ký hiệu TVNT 82, chép rõ Nghi Đình Hầu Nguyễn Đề (Nễ) xây dựng lại chùa Trường Ninh, Văn Miếu, đình làng, cầu Tiên. Có lẽ vì bận việc quan không thể trực tiếp trông coi việc xây dựng, Nguyễn Nễ giao việc này cho em là Nguyễn Du và Nguyễn Úc. Nhất là Nguyễn Úc người có tài kiến trúc, về sau được Vua Gia Long triệu về kinh đô giữ chức Giám Đội, sau đó Thiêm Sứ Bộ Công, tước Sóc Nhạc Hầu, chỉ huy, vẽ kiểu xây dựng đình đài cung điện triều đình Huế trong suốt thời Gia Long, Minh Mạng, còn tồn tại đến ngày nay.

Do phải mang một số tiền lớn, tiền thưởng của Nguyễn Nễ sau khi đi sứ về, chuyển về Hồng Lĩnh của Nguyễn Du đi bằng thuyền... Trong Hương Đình Cổ Nguyệt thi tập của Hồ Xuân Hương có bài *Giang Nam phụ níp kiêm lưu biệt hữu nhân*. Lưu biệt bạn khẩn gói sang sông Nam bằng chữ Hán ghi lại cảnh biệt ly này, tôi dịch như sau:

LƯU BIỆT BẠN KHẨN GÓI SANG SÔNG NAM

*Khẩn gói bầy giỏ vạn dặm nao,
Trường đình rượu tiễn chén mời trao,
Buồm căng đôi cánh thuyền nghiêng
nặng,
Sầu nén sông sâu nước chẳng trào.
Cỏ cũ lặng nhìn hướng chữa mắt,
Xa quê quay ngóng núi quê cao,
Xa nhau còn có ngày gặp lại.
Thề biển thà cho ngọn sóng dào.*

Nguyên tác phiên âm Hán-Việt:

GIANG NAM PHỤ NÍP KIÊM LƯU BÚT HỮU NHÂN

Phụ níp tông kim vạn lý dao,

*Trường đình tửu tiễn thượng thù giao,
Mượn đôi phàm tịch thuyền thiên trọng,
Sầu áp giang tâm thủy bất trào,
Cựu thảo ngưng mâu hướng vị tào,
Tha hưởng hồi thủ vọng cô cao,
Tuy nhiên thượng hữu tưởng phùng
nhật
Thệ hải ninh dung nhất lãng dào.*

Cuộc chia tay Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương nơi cái đình, phía Nam sông Hồng. Theo tôi suy diễn Nguyễn Du đã viết tặng Hồ Xuân Hương bài Thạch Đình tặng biệt chép trong Lưu Hương Ký. Bài thơ tặng già từ nơi đình đá.

THẠCH ĐÌNH TẶNG BIỆT

*Đường nghĩa bấy nay trót về vôi,
Nước non sâu nặng luống đi về,
Cung Hoàng dụ vội đường khôn lọt,
Đường Nguyệt mở màng giắc hãy mê,
Đã chắc hưởng đầu cho lửa bén,
Lệ mà hoa lại quyến xuân đi,
Xanh vàng chẳng phụ lòng ân ái,
Tròn trận gương tình cũng có khi.*

Đường tình, đường nghĩa bấy lâu nay ta trót yêu nhau đi lại với nhau, lòng anh còn nặng mối sâu với nước non, nay phải về quê hương, cung đàn Phụng cầu kỳ hoàng của Tư Mã Tường Như quyển rừ Trác Văn Quân xa với có nghe được chăng? Núi Cổ Nguyệt Đường ánh sáng vàng trăng hãy còn mở màng giắc chiêm bao, lòng đã chắc với hưởng đầu cho lửa tình bén cháy, những giọt lệ khóc hoa rồi còn lại gì mùa xuân sẽ đi qua, tình như lá xanh hoa vàng chẳng phụ lòng ân ái. Rồi đây gương tình cũng có khi tròn trận, sẽ sum họp với nhau.

Hồ Xuân Hương đã họa lại bài thơ trên

HỌA THANH HIÊN NGUYÊN VẠN

*Khúc Hoàng tay Nguyệt còn chờ dạy,
Cánh phụng đường mây đã vội chi,
Chua xót lòng em lời để lại,
Hùng hồ duyên bấy bước ra đi,
Thử vàng đá nọ treo từng giá,
Phong gấm hoa kia nở có thì,
Đào thắm mạn xanh còn thú lắm,
Xuân ơi đành nở dứt ra về.*

Khúc Phụng cầu kỳ hoàng, tay em vẫn còn chờ anh dạy, chờ anh tỏ tình như lời Tư Mã Tường Như ngỏ lời cùng Trác Văn Quân. Anh là chim phụng

hoàng đường mây thênh thang đã vội chỉ ra đi, chua xót lòng em đọc bài thơ anh, sao anh hững hờ với duyên em mà nở ra đi. Đá thử vàng lòng em quyết đợi anh, Hoa phong gấm, hoa nở có thời gian, em chờ mãi được chăng? Đào còn đua sắc thắm, mận còn xanh, có nhiều niềm vui. Mùa xuân ơi sao nở dứt tay nhau chia lìa.

Trong Lưu Hưởng Ký bản cụ Nguyễn Văn Tú chép Họa Thanh Hiên nguyên vẹn; hai bài chép cách biệt nhau, xem kỹ lại hai bài cùng vần, lời lẽ đối đáp nhau. Thanh Liên cư sĩ là bút hiệu Thi hào Lý Bạch quê làng Thanh Liên, không thể có một nhà thơ lấy bút hiệu một thi hào quá nổi tiếng làm bút hiệu mình. Theo tôi nghĩ bút hiệu ban đầu của Nguyễn Du trước năm 1796 là Thanh Liên Chí Hiên về sau rút lại thành Thanh Hiên. Thân phụ Nguyễn Du bút hiệu là Nghị Hiên, anh Nguyễn Nễ bút hiệu là Quế Hiên, Nguyễn Du lấy bút hiệu Thanh Hiên ghép từ chữ Thanh của Lý Bạch với chữ Hiên của truyền thống gia đình. Thanh Hiên là Thanh Liên Chí Hiên, chí khí thanh cao như thi hào Lý Bạch. Suy diễn từ giả thuyết này, tôi cho rằng hai bài thơ mang tựa đề Chí Hiên tặng trong Lưu Hưởng Ký, cũng là thơ Nguyễn Du tặng Hồ Xuân Hương.

Dựa vào tình cảm trong bài thơ, tôi suy đoán bài này viết năm 1796. Sau khi Nguyễn Du bị bắt ở tù ba tháng, trong âm mưu đi câu cá biển Nam, Nam Hải điếu đồ, toan tính vượt biên vào Nam theo Chúa Nguyễn Ánh, bị Quận Công Nguyễn Thận, quan Trấn Thủ Tây Sơn tại Nghệ Tĩnh bắt, những nề tình bạn Nguyễn Nễ và mền tài nên chỉ giam 10 tuần rồi tha.

Ra khỏi tù Nguyễn Du ra Thăng Long, ghé lại Cổ Nguyệt Đường thì hay tin Hồ Xuân Hương đã được mẹ gả cho một thầy lang, Giáo sư Hoàng Xuân Hân trong Tinh Sử Hồ Xuân Hương tập san KHXH Paris số 10-11 tháng 12.1983 trang 128 phỏng đoán Hồ Xuân Hương lấy chồng thầy thuốc trong khoảng năm 1793-1798, khoảng thời gian đầu tiên Xuân Hương vắng làm thơ trong Lưu Hưởng Ký.

Bài thơ lời lẽ chua chát trách móc người yêu phụ tình, lòng đen tựa mực. Điều lạ là lời lẽ trách móc nặng nề như thế Hồ Xuân Hương vẫn trân trọng đặt vào Lưu Hưởng Ký.

CHÍ HIÊN TẶNG

Bài I

*Chữ giao nguyên với mấy năm tròn,
Xe nón tình kia mãi mãi còn,
Chẳng biết dạ người đen tựa mực,
Sao hay lòng khách thắm như son,
Còn tai chữa lãng lời vàng ngọc
Có mắt càng xem mặt nước non,
Chỗ trách chừa xuân lòng mỗi một,
Mận đào được tiếng thế công môn.*

Diễn tích: Xe nón do chữ xạ lập. Theo sách Phong Thổ Ký, tục nước Việt thuần phác, trong buổi sơ giao hai bên làm lễ kết nghĩa thường có lời thề: Anh cỡi xe, tôi đội nón, khi gặp nhau sẽ xuống xe vái chào anh. Anh cầm ô, tôi cỡi ngựa, khi gặp nhau sẽ xuống ngựa chào anh. Thơ Khổng Bình Trọng có câu: Vạn sự biến đổi khôn lường, chớ vì cỡi xe mà khinh bạn cũ đội nón. Vì thế tình bạn thâm giao gọi là xạ lập chi giao, mỗi giao tình xe nón.

Đã kết giao thề nguyên với nhau mấy năm tròn, dù sang hèn tình vẫn mãi còn, chẳng biết vì lòng nàng đầy tình toán đen tối, nay vì giàu sang lấy chồng thầy thuốc, còn tôi "kẻ tù tội học tập cải tạo" mới về, công danh chưa có gì, nàng có hay lòng tôi đỏ thắm như son, vẫn một lòng yêu nàng. Tai tôi còn chưa quên lời vàng ngọc của nàng. Có mắt nàng hãy xem tôi làm nên sự nghiệp với nước non, làm sao trách được nàng chờ đợi lòng đã mỗi một, tình nàng sớm mận đào như thể có xúng đàng là dòng dõi con nhà chẳng ?

Gửi Xuân Hương Hồ Phi Mai, bài thơ đầy chua chát có lẽ cũng chưa đủ; Nguyễn Du lại viết tiếp Bài II :

*Rủi may nào sá nghĩ cùng thông,
Chưa dễ tri âm tỏ nỗi lòng,
Ra Bắc phen này mong nỗi việc,
Vào Nam ngắm trước cũng hoài công,
Bạn tao năm hết mâm trà lạt,
Quán khách canh chày mảnh áo mong,
Gỏm nhẽ trông ra mù khói bể,
Nguyệt đường bao nả thấy giường trong.*

Rủi may nào có sá gì, nghĩ rằng đường cùng rồi sẽ tự biến đổi mà thông việc, chưa dễ gặp tri âm để bày tỏ nỗi lòng, ra Bắc phen này mong làm nỗi việc mở ước, (toan tính tập hợp nghĩa binh tại

Quỳnh Hải, Thái Bình?), ngắm trước việc vào Nam toan tìm đường vượt biên cũng hoài công. Năm hết bạn thơ cũ dẫu, uống trà một mình lạt lẽo củ chằm nước sôi vào. Ở trọ quán khách, đêm lạnh vì mang áo mong manh. Nhìn ra bể sương khói mịt mù, người xưa Cổ Nguyệt Đường nay nào thấy đâu ?

Thế rồi, đường ai nấy đi, Nguyễn Du về Quỳnh Hải, được Nguyễn Nễ và Đoàn Nguyễn Tuấn thu xếp cưới vợ, em thủ sáu của họ Đoàn, chấm dứt cuộc đời lưu lạc, chấm dứt mười năm gió bụi từ lúc hai ông anh cột trụ gia đình Nguyễn Khản, Nguyễn Điều mất, nhà cửa Thăng Long, Tiên Điền ra tro khói, anh em còn lại mỗi người một nơi, Nguyễn Du sống ăn nhờ ở đậu nơi chân trời góc biển: *góc biển chân trời ba chục năm*. Năm ấy 1796 Nguyễn Du ba chục tuổi, bắt đầu viết Thanh Hiên thi tập.

Còn phần Xuân Hương, nàng không yêu anh thầy thuốc, do mẹ gả cưới chẳng bao lâu anh thầy thuốc mất, Xuân Hương đưa bốn bằng bài Bà Lang Khóc Chồng: khóc tí tí, nhỏ vị cam thảo, nhỏ cay đắng vị quế chi....

Mười mấy năm trời một chữ tình, năm 1799 nàng mới gặp Mai Sơn Phú, nhưng rồi chàng về Hồng Lĩnh cậy cha mẹ hỏi cưới thì mất trong chiến tranh loạn lạc nhà Tây Sơn sụp đổ. Xuân Hương lánh nạn lên Vĩnh Yên gặp Tổng Cóc Nguyễn Công Hòa, cảm động trước sự giúp đỡ Tổng Cóc, Xuân Hương nhận lời làm thú thiếp, chịu đấm ăn xôi xôi lại hồng, cầm bằng làm muốn muốn không công.

Năm 1804, Nguyễn Du làm Tri phủ Thường Tín, sau khi tiếp sứ nhà Thanh về thăm Cổ Nguyệt Đường, nghe tin nàng tài sắc vẹn toàn mà chịu cảnh làm lẽ vợ cả ghen tuông, xót thương nàng thân phận một Tiểu Thanh ba trăm năm sau: *Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khắp tố như*. Ba trăm năm nữa trong thiên hạ, ai sẽ khóc người con gái có phẩm hạnh cao quý như nàng Tiểu Thanh. Nguyễn Du tử quan về quê Hồng Lĩnh dưỡng bệnh một tháng, để tặng nàng bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký. Hồ Xuân Hương nhận được bài thơ nàng dứt khoát không buồn mà chết như nàng Tiểu Thanh, nàng dứt tình với Tổng

Cóc: nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi, dù anh có cho ngàn vàng tôi cũng không như cóc bôi vôi mà trở về với anh. Hồ Xuân Hương về lại Cổ Nguyệt Đường thì Nguyễn Du đã đi xa, chơi Tây Hồ nhỏ bạn nàng thổ lộ: *Hồ kia thăm thẳm sâu dưỡng mấy, so dạ hoài nhân dễ chữa vữa*. Rồi Hồ Xuân Hương mở hiệu sách, bán sách, bán quạt, bán tranh tố nữ, rồi đi buôn, cho đến năm 1811 Tử Minh người bạn thân làng Nghi Tàm mất để lại lớp học, nàng lại trở về dạy học.

Năm 1813 hay tin Nguyễn Du được làm Chánh Sứ sang Trung Hoa, Hồ Xuân Hương gửi bài thơ mừng: *Biết còn mấy chút sống siu mấy, lâu nguyệt năm canh chiếc bóng chong*. Khi Nguyễn Du tới sông Hoàng Giang, Hồ Xuân Hương ra đón mừng gặp bạn trên sông Hoàng Giang, nơi từng chia tay xưa, nhưng chàng bây giờ là quan Chánh Sứ, cõ trống oai nghiêm nên nàng đành:

*Cạn dòng Tô Thủy còn duyên nợ,
Đầy giọt Hoàng Giang những ái ân
Nồng nhạt mặc dù đâu nhẽ dăm,
Tất son này vẫn thắm mười phân.*

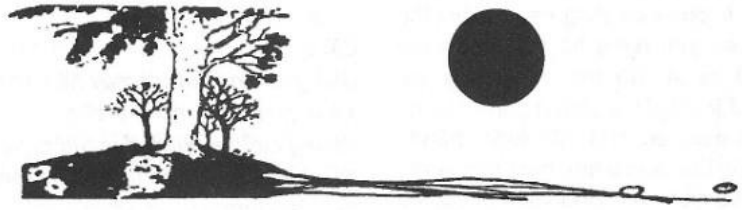
Hồ Xuân Hương vẫn yêu Nguyễn Du, đó là lý do dù bài thơ Thanh Liên Chí Hiên tặng năm 1796 đầy lời lẽ chua chát trách móc nàng lòng đen tựa mực, nàng vẫn trân trọng chép trong Lưu Hưởng Ký.

Paris 1.2000

Nhất-Uyên PHẠM TRỌNG CHÁNH

Tài liệu tham khảo :

- Nhất-Uyên Phạm-Trọng-Chánh. Hồ Xuân Hương nàng là ai? Tạp Chí Viên Giác Hannover số 107, 108, 109, 110, 11, 112, 113, 114, năm 1998, 1999, 2000 sắp xuất bản thành sách.
- Phạm Trọng Chánh. Hồ Xuân Hương nàng là ai? Đăng Tiến phòng vấn. Thế Kỳ 21 số 125 tháng 9.1999.
- Đào Thái Tôn. Hồ Xuân Hương. nxb Hội Nhà Văn 1999.
- Hoàng Xuân Hân. Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long. Tạp Chí Khoa Học Xã Hội số 10-11 tháng 12.1983.
- Nguyễn Du. Thơ chữ Hán. Văn Học 1965.
- Bùi Hạnh Cẩn. Hồ Xuân Hương. Thơ chữ Hán, chữ Nôm và giai thoại. Văn Hóa Thông Tin Hà Nội 1995.
- Nguyễn Quốc Phẩm. Văn Hóa làng Tiên Điền. ST nxb CTQG. 1998.●



Vàng trắng cố lý

*Chiều chập choạng dưới khung trời
thôn dã*

*Cà một vùng êm à giấc triền miên
Gió đầu về xao xác cỏ hoa nghiêng
Sương áp ủ nổi ưu phiền thương
nhánh lá !*

*Trên tầng không cánh mây bay hối
hả*

*Giục tà huy mau ngã bóng chân đời
Tôi đắm chìm trong chiều xuống
chơi với*

*Qua khung cửa, chao ôi buồn quá
đổi !*

*Chiều vắng lặng cỏ sao lòng trời
nổi?*

*Cảnh thật hiền sao bỗng thấy xót
xa!*

*Ngọn cỏ bỗng thương nổi hạt sương
pha*

Trời viễn phố dưới chiều ta bất động

*Lời Phật dạy cõi này là cõi mộng
Thì thôi đành áp ủ giấc chiêm bao
Theo vàng trắng cùng năm tháng
tiêu dao*

Trăng thiết thạch có sao hồn úy mị ?

*Vàng trắng ấy phải vàng trắng Cố
Lý ?*

*Theo về đây bầu bạn những canh
trường*

*Xin hãy cùng tôi chung bước tha
huương*

*Tôi kiên cố gắng noi gương thiết
thạch.*

● **Vân Nường**

**Muôn trùng
thiên lý**

(Viết cho 30.4 hai mươi lăm năm và để
họa lại bài **Vàng Trắng Cố Lý** của **Vân
Nường**)

*Có khi nào anh ra ngoài thảo dã
Nằm lặng yên nghe tiếng hát cô
miên*

*Hăm lăm năm, bao tình huống ngã
nghiêng*

Trên thân thể còn ngậm ngùi hoa lá!

*Anh còn nhớ những ngày dài hối hả
Những đêm trường vất vả vượt núi
đồi*

*Thôi, tan hàng rã ngũ, tủi hận chứa
vôi*

*Đất nước bi thương, cuộc đời thay
đổi !*

*Ba Mười Tháng Tư, một phường bão
nổi*

*Nhân danh nào làm chồng vợ chia
xa ?*

*Chủ nghĩa nào làm tình nghĩa phôi
pha ?*

*Ai nhớ ai quên, tiếng hồn vang
động!*

*Ba Mười Tháng Tư hăm lăm năm
trường mộng*

*Người xa người, ôi chua xót biết bao
Người xa quê, còn nhớ đến ca dao
Hay quyến luyến những lời ru kiêu
mị !*

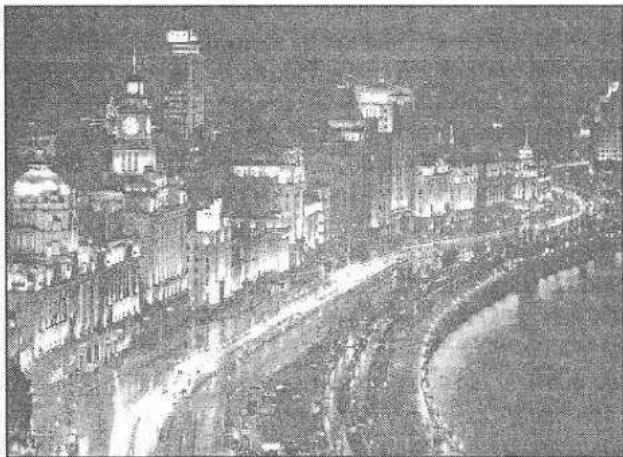
*Đường về quê không muôn trùng
thiên lý*

*Mà cỏ sao lại ngàn dặm miên
trường ?*

*Anh có về xây dựng lại quê hương
Như lời nguyện tử chân tâm thiết
thạch ?*

● **Tùy Anh**

Thành phố trên biển



Với 13 triệu dân trên một diện tích 6100 km², thành phố đông dân nhất nước Trung Hoa này nằm trên bờ biển, chỉ cách mặt nước có 4 thước nên đã được đặt tên là Thượng-Hải và phải xây đập đá (Bund) từ cửa biển tới bờ sông Hoàng Phố, phụ lưu hữu ngạn sông Dương Tử, để ngăn chặn nước biển tràn vào. Dấu vết loài người đã in trên bãi Thượng Hải từ 6000 năm trước, xưa hơn thời lập quốc của họ Hồng-Bàng chúng ta gần hai ngàn năm! Nhưng suốt chiều dài lịch sử mấy nghìn năm đó chẳng hề nghe nhắc đến tên Thượng Hải, dù là danh hiệu xưa trong các truyện Tàu, đã sử như Minh Châu, tên cũ của Ninh Ba. Thành phố trải dài 80 cây số này được xếp riêng với Bắc Kinh và Thiên Tân thành 3 thị xã đặc biệt, trong khi phần còn lại của Trung Quốc được chia ra 29 tỉnh. Mang tên Trên Biển nên thị xã này có nhiều chuyện *trời biển* để nói:

Đối với người Tây phương, nhất là Anh-Pháp, Thượng Hải được nhỏ tiếc như là một "Thiên đàng đánh mất". Trong khi người Trung Hoa ái quốc đều đau xót mỗi khi phải nhắc tới mối ố nhục Thượng Hải, vẫn hằn vết căm hờn trong lịch sử! Thật vậy từ khi Thanh Triều thất trận *Chiến tranh nha phiến*, phải nhường cho liên quân Anh-Pháp mấy tô giới như Thượng Hải, Ninh Ba, Áo Môn, Hưởng Cảng... Nước Trung-Hoa bế quan tỏa cảng mấy nghìn năm mới được mở cho mấy cánh cửa sổ nhìn ra thế giới bên ngoài. Nhưng khi Thượng Hải dần dần trở thành hải cảng sầm uất, thịnh vượng nhất nhì trên thế giới với trung tâm ngân hàng quốc tế, thì những khu ăn chơi xa hoa, trác táng của các phú thướng, tiền rừng bạc biển, với địa bàn hoạt động của những tay buôn lậu khét tiếng, cùng các băng đảng xã hội đen, gồm cả những nhân vật chọc trời khuấy nước cũng chen nhau mọc lên.

(Có thể ngày xưa Tử-Hải cũng xuất thân từ vùng này, vì Thúy Kiều nhẩy xuống sông Tiền Đường ở Hàng-Châu tự tử, chỉ cách đây có 3 giờ xe lửa!)

Từ trung tâm tài chính quốc tế này, người ngoại quốc đã chi phối và kiểm soát tất cả mọi ngành hoạt động kỹ nghệ hầm mỏ, giao thông thủy, bộ và cả kỹ nghệ dệt vải, gấm vóc nổi

tiếng, trên toàn thể Trung Quốc rộng lớn, dân số đông nhất thế giới. Suốt gần một thế kỷ qua, Thượng Hải mới thật là thủ đô thương mại, kinh tế và kỹ nghệ của Trung Hoa, trong khi Bắc Kinh chỉ là thủ-đô quan liêu phong kiến và hành chánh của quyền tũ Thanh triều, qua quân phiệt, rồi chế độ Cộng Sản đến Tư Bản Đỏ. Nên đến lúc mở màn *tử hiện đại*, rồi *kinh tế thị trường*, các Thị trường Thượng Hải đều lần lượt leo lên nắm quyền hành cao nhất trong xã hội cộng sản đổi mới: Giang-Trạch-Dân đã giữ vững chức Chủ tịch Đảng kiêm Chủ tịch Nhà Nước; Chu-Dung-Cổ cũng mỗi năm được ghé Thủ Tướng.

Từ thuở nhỏ chúng tôi đã được nghe người lớn gọi chiếc áo *xường xám*, mà các á-xám sang trọng Chợ Lớn thịnh thoàng mặc ra đường, là áo Thượng Hải. Gấm Thượng Hải cũng là loại gấm đẹp nhất, được giới quan quyền và các phụ nữ giàu có ưa chuộng để may các áo dài đại lễ, áo cưới và áo Tết... Tôi nay nhiều dân tộc trên thế giới nghe nhắc đến Trung Hoa cũng biết về Shanghai nhiều hơn các thành phố lớn khác, kể cả Bắc Kinh.

Vết nhục in mãi trong lòng dân Trung Hoa không chỉ ở việc thành phố đã từng bị chiếm đóng, dân bản xứ lưu ngụ chỉ còn những hạng người vong quốc, bọn bồi bếp đi điếm và đám người mặt búng da chì, ốm trở xuống vì nghiện thuốc phiện, ảnh hưởng di hại lâu dài về sau, mà còn vì tấm bảng lớn do thực dân Anh dựng trong công viên đẹp trên bờ biển hóng gió, ngắm tàu bè qua lại, ghi đậm hàng chữ: "**Cấm chó và người Trung Hoa**" !

Theo thống kê vào năm 1995 Thượng Hải đã sản xuất 39 tỷ Mỹ Kim hàng hóa, bằng 1/8 tổng số hàng sản xuất trong toàn quốc. Ngày nay Thượng Hải có trên 9.000 nhà máy lớn nhỏ, từ những xưởng tiểu thủ công nghệ với những phụ nữ phải dùng tay để đan áo, cho đến những nhà máy thép vĩ đại, với những ống khói cao ngất trời, trông chẳng khác bất cứ một thành phố kỹ nghệ lớn nào bên Âu Mỹ. Nếu Thượng Hải đột nhiên biến mất đi thì Trung Hoa thật khó mà tồn tại. Nhưng tài liệu trước đây cũng ghi, thời đó cứ 12 căn nhà lại có một thanh lâu. Nên khi cộng sản chiếm được Thượng Hải, họ phải bắt 30.000 gái mãi dâm và 200.000 người nghiện thuốc phiện đi cải tạo. Đến mức dân Trung Hoa ở các tỉnh khác đã từng nhìn về đây với con mắt kính thị. Nhất là đàn ông con trai thường bảo nhau, chớ lấy gái Thượng Hải làm vợ, vì cứ 3 người con gái lại có một cô kỹ nữ. Giải Nobel văn học 1936, nữ sĩ Pearl Buck, con gái của một mục sư truyền giáo Mỹ, đã viết về Thượng Hải như một thành phố *quá lạnh tình người, chỉ là nơi mà dân thôn quê ở những làng lân cận, mỗi khi gặp cơn đói kém mất mùa, rủ nhau đổ xô về tìm đường sinh sống. Phần đông trở nên hành khất ngoài đường, ngửa tay xin chút cơm thừa canh cặn. Khi đêm xuống hàng trăm người không chỗ trú thân, đã ngã xuống nằm chết vì đói lạnh, tuyết phủ trắng các thân người ốm đói như những bóng ma. Nhà cầm quyền phải cho từng đoàn xe bò đi qua các đường phố, nhặt xác chết đem ra ngoài ô, đào hố chôn tập thể. Trong khi đó trên các tầng lầu cao, người giàu có, quyền thế vẫn tiếp tục ăn uống, khiêu vũ và hưởng lạc. Tiếng đàn ca đã át mất tiếng kêu kẹt của bánh xe bò chở xác chết lăn trên đường phố vắng.*

Chính sự cách biệt giàu nghèo quá cao sâu này đã tạo ra mâu thuẫn: Cuối khu bến tàu sầm uất là xóm nhà tôn lợp xuy của đám phu khuân vác, lao碌 cả ngày không kiếm đủ miếng cơm manh áo nuôi vợ con. Sau những trụ sở ngân

hàng quốc tế cao chọc trời, những công thự hành chính đồ sộ và những cơ sở thương mại chi phối kinh tế cả nước, là những ngò hèm ổ chuột tồi tàn. Những ông chủ hàng lớn béo phệ làm việc trong những văn phòng sang trọng với tiện nghi Tây Phương, trong khi đám đông dân thợ ốm đói, đổ mồ hôi làm lụng quần quật bất kể ngày đêm và hiểm nguy trong những cơ xưởng nóng bức, thiếu vệ sinh và bảo hộ lao động! Bên ngoài những dinh thự nguy nga, lộng lẫy, tựa vào non xanh, nhìn ra biển cả, với vườn cảnh rộng, chứa đủ sơn thủy thanh lịch là những căn chòi tranh, cò lát nghèo nàn, nép mình bên cồn cát để tránh gió. Những dinh thự rộng lớn đó là của các cựu Sứ quân, Tướng vùng cai trị lãnh thổ mệnh mông, từng một thời hét ra lửa, đục khoét của cải quốc gia, vớ vét tiền bạc của dân, về đây hưởng thụ tuổi già với đồng tài sản kết xù, mà mấy ông không nhỏ nãi là bao nhiều vàng ngọc châu báu; bên cạnh những cô vợ bé, hầu non, mà các ông không thể nhớ hết mấy người; cũng như vào lúc đứng quyền các ông không cách nào nhỏ được đã chỉ huy bao nhiêu quân sĩ! Những căn chòi tranh nhỏ hẹp đó là của đám dân chài, phải vất vả từ sớm tinh sương để vớt lên mỡ cá con, ruốt bạc làm bữa ăn cho cả nhà, hay phải vật lộn với sóng to, bão lớn để đánh bắt cá tôm tươi về góp phần cho các đầu bếp nhà quan, nhà hàng xào nấu những món sơn hào hải vị và đổi về gạo hầm, vài thớ để chống chọi cơ hàn suốt năm. Chính những hoàn cảnh trái ngược bất công đó đã từng là môi trường thuận lợi cho những cuộc khởi nghĩa "Diệt Thanh phục Minh", đã là nơi tụ họp khá an toàn cho Cách Mạng Dân Quốc, rồi là thí điểm gieo mầm Cộng-Sản và với sự chỉ đạo của cố vấn Liên xô Mikhail Borodin, Mao Trạch Đông quyết định chọn thành phố kỹ nghệ này và lợi dụng đám thợ lao động nhà máy để tính chuyện nổi dậy cướp chính quyền. Nên vào ngày 21.7.1921 Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã thành lập tại một trường nữ trung học, trong tờ giới Pháp ở Thượng Hải. Rồi bùng ra hoạt động lẻ tẻ trong nhiều thành phố khác trên toàn quốc. Borodin đã tưởng tình hình Trung Hoa thời đó cũng giống như nước Nga dưới thời Sa Hoàng, có thể huy động sức mạnh của hàng trăm ngàn công nhân các nhà máy ở thành phố kỹ-nghệ kiểu Tây phương này làm nòng cốt cho cuộc cách mạng vô sản của họ Mao. Thành thủ vào lúc 2 giờ sáng rạng ngày 22.3.1927 mấy ngàn cán bộ Cộng Sản phân tán thành nhiều tiểu tổ vài ba chục người, tin tưởng được sự hỗ trợ đầy đủ của 7, 8 trăm ngàn công nhân nhà máy, đã tấn công sở Cảnh Sát, nhà máy phát điện, trụ sở Bưu điện, điện tín, điện thoại thành phố... và đến trưa coi như đã chiếm được toàn thể Thượng Hải. Nhưng Ủy ban CS quản lý lâm thời chỉ làm chủ tình hình được gần 20 ngày. Đám đông thợ thuyền vốn an phận với miếng cơm manh áo lãnh được hàng ngày của bọn chủ bóc lột, để lo sợ viễn ảnh chết đói trong bùn lầy nước đọng ở vùng nông thôn phụ cận, đã lần lần tan rã khi lực lượng quân đội quốc gia của Tưởng Giới Thạch kéo đến tái chiếm. Sau một đêm hỗn chiến kinh hoàng, 10.000 đảng viên CS gồm luôn những người sách động thợ thuyền nổi loạn bị tàn sát. Qua thời kỳ liên hiệp tạm bộ giữa hai lực lượng Quốc Gia và Hồng Quân trước nạn ngoại xâm Nhật Bản, cuộc chiến Quốc-Cộng lại tái phát. Lần này họ Mao đã lợi dụng đúng hàng triệu triệu những nông dân nghèo đói thực sự, ùa theo cuộc Vận lý Trường chinh, xuống bao vây các thành phố no đủ, trác táng của những ông tướng cát củ tham những vớ vét của dân. Quân lính chia rẽ theo nhóm quan lại vì quyền lợi, không chống đỡ nổi đám đông Hồng Quân kết hợp bằng kỹ

luật sắt, cuồng tín theo lệnh *Giáo chủ*, sẵn sàng liều chết để giành lấy miếng ăn ngon và manh áo đẹp trước mắt. Trận đánh quyết định ở Hoài Hải kết thúc với mấy trăm ngàn Quốc quân bị Cộng Sản bắt làm tù binh. Đoàn tàu chở khẳm kho tàng quý báu đầy vàng ngọc, của cải, trị giá liên thành của Tưởng Tổng Thống đã nhỏ neo rời bến cảng chỉ vài tuần trước khi Cộng quân tràn vào chiếm đóng Thượng Hải. Nếu địa danh Thượng Hải chưa từng được nhắc đến trong quá khứ lịch sử mấy ngàn năm, thì thời cuộc Cách Mạng, tình hình chính trị và các trận chiến Quốc-Cộng quyết liệt đều chọn Thượng-Hải đóng vai trò quan trọng, từ lúc mở màn đến hồi kết cuộc, trong thời cận đại và biết đâu sẽ xảy ra luôn vào thời hiện đại, nếu hớ cách biệt giàu nghèo ở đây vẫn chưa được lấp bằng.

Như Quảng Châu thành phố này cũng liên quan ít nhiều đến lịch sử Cách Mạng Việt Nam: *Được thứ của Hồ Chí Minh khẩn khoản mời về Quảng Đông tham dự ngày giỗ đầu của Liệt sĩ Phạm Hồng Thái do Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội tổ chức, cụ Phan Bội Châu, nhà Cách mạng lão thành đã khai sáng tổ chức Việt-Nam Quang Phục Hội và khởi xướng Phong trào Đông Du, đáp chuyến xe lửa từ Hàng Châu đi Thượng Hải vào cuối tháng 6.1925, những vữa ra khỏi ga Bắc trạm cụ bị 4 tên mật thám Tây chực sẵn nhào tới, bắt cóc lên xe, chở vào tờ giới Pháp tại Thượng Hải, chờ giỡ đưa luôn xuống tàu Pháp giải về Hà Nội. Theo ông Nguyễn Thạch viết trên Diễn Đàn Việt Nam số 77 (11/97), ai mời cụ Phan đến Quảng Đông? Lý Thụy! Ai biết rõ lộ trình đi của cụ? Một mình Lý Thụy! Ai mật báo cho Pháp biết lộ trình đó? Lý Thụy! Ai lãnh tiền thưởng, 100.000 đồng bạc Đông Dương thời đó? Cũng Lý Thụy! Và Lý Thụy, đang làm thông ngôn cho phái bộ CS Quốc tế Đệ tam Mikhail Borodin, không ai khác hơn là Hồ chí Minh.*

Từ phi trường Trịnh Châu chúng tôi đã "bay" đến Thượng Hải, như từ miền núi non bay xuống vùng đồng bằng mệnh mông, bát ngát, mà những dòng sông quanh co len lỏi cùng khắp và lượn theo những dãy đồi thoai thoải cỏ xanh bốn mùa, rồi đổ vào những mảnh hồ lớn nhỏ, nằm lọt trong cảnh rừng núi thâm u, thỉnh thoảng vươn lên vài ngọn núi cao, mây trắng phủ quanh năm. Theo những dòng sông, phong cảnh thiên nhiên thanh tú, trải rộng ra phía Đông tới tận lằn ranh uốn khúc giữa đất và biển. Rồi đại dương nối tiếp thẳng tắp đến tận chân trời. Đoàn hành hương được viếng thăm thành phố nổi tiếng miền Đông Trung Hoa này vào ngày đại hội thể thao toàn quốc. Chủ tịch nhà nước Giang Trạch Dân đã đến dự lễ khai mạc với ông Chủ tịch Thế Vận Hội trong một vận động trường lớn nhất Trung Hoa, lớn thứ ba thế giới có thể chứa tới 80.000 người. Ông Chủ tịch Thế Vận được mời đến để Nhà Nước có dịp khoe tài tổ chức và vận động cho Thế Vận Hội kỳ sau. Vì vụ thảm sát Thiên An Môn mà Trung Quốc đã đánh mất vinh dự tổ chức thế vận năm 2000. Đường phố kẹt xe, người đông như kiến, cỏ xí rộp trời, biểu ngữ giăng đầy. Cô hướng dẫn viên đã kể cho phái đoàn du lịch về một thành phố khí hậu ôn hòa, nhiệt độ trung bình 14 độ C, có rất nhiều đại học, nên thành phần trí thức rất đông đảo. Từ năm 1997 Thượng Hải đã cho lưu hành 40.000 xe tắc xi và phân nửa dân số đã sở hữu xe đạp (hơn 6.000.000 chiếc). Chuyển xe buýt chở đoàn chúng tôi lần từ tắc bánh xe trên đại lộ Nam Kinh dài 12 cây số. Nhìn những tiệm buôn san sát, ai cũng nhớ tới đại lộ Đồng Khánh

Chợ lớn, nhưng sầm uất, lớn và dài hơn, gồm tới 600 cửa tiệm lớn nhỏ, dòng người qua lại cũng đông đúc hơn nhiều. Đông đến nỗi che khuất các cửa hàng và trong suốt đoạn đường xe chạy qua không có khoảng nào ngớt người qua lại. Ngồi trên xe cao không thể thấy được hàng hóa bên trong tiệm bán những gì. Trái lại những sào quần áo, kể cả quần áo lót phơi hàng hàng lớp lớp đập ngay vào mắt, đủ hết áo quần cũ mới rũ thành hàng ở các tầng lầu trên. Có cây sào thông cả quần áo trên đầu khách hàng ra vào bên dưới, mà chẳng nghe ai phàn nàn. Cuối cùng xe buýt phải ngừng lại để chúng tôi xuống bát phố, xem hàng bày bán, để xe quẹo ngõ khác tìm đường vào bãi đậu. Cô hướng dẫn viên sẽ đón chúng tôi ở đầu đường để dẫn đi tiếp qua khu phố thương mại Hoài Hải. Nhờ vậy sau khi chen chúc với người qua kẻ lại, ngắm đủ các loại hàng hóa gấm vóc trong các cửa tiệm tiêu biểu Trung Hoa, chúng tôi được đưa qua mấy con đường phố hẹp, thấy tận mắt lối sống của đám người bình dân Thượng Hải. Cũng có đám đồng bu quanh một anh đang chiến đấu hủ trong chảo dầu đặt ngay đầu hè. Từ Hà-Nam Nam lộ đi vào ngõ sau một hành lang thương mại, tưởng tự như *passage Eden*, bán nhiều loại hàng, có cả quán ăn và đặc biệt là tiệm thuốc Bắc bày đủ thủ sâm, đơn quý và các loại dầu gió... Cuối hành lang mở ra thương xá lớn đứng tầm vóc phương tây. Tầng dưới bán đủ loại áo quần, va-li, cho đến nữ trang, đồ vàng ngọc, lọ bình sứ quý giá. Tầng lầu trên bày nhiều gấm vóc hàng lụa, thảm dệt tay và thủ họa. Tầng hầm phân ra hàng chục gian tiệm nhỏ cho nhiều chủ thuê bán các đồ kỷ niệm từ những pho tượng gỗ, tượng đồng, điêu khắc phóng khoáng hay tinh vi, đủ nét tân cổ, cho đến những chuỗi trân châu, các vòng mã não, cẩm thạch... Chúng tôi ulla vào mua trà giá bằng tiếng quốc tế, mua tay ra dấu hay bút đàm, chen tiếng Anh, pha tiếng Quảng. Cửa chính mặt tiền thương xá mở ra Trung tâm phố cổ từ đời nhà Minh, như một khu đi bộ, mua sắm, gồm nhiều nhà lầu bao quanh, phần nhiều theo kiến trúc Trung Hoa đời Tống, với những mái ngói cong vút, những trà lâu cao 3 tầng, cột, lan can gỗ sơn nâu, viền hoa văn chạm rồng thếp vàng. Trên bức vách gỗ sơn trắng, cao suốt hai tầng lầu làm bảng hiệu, giữa hai hàng cửa sổ và nằm ngay trên mái hiên cửa ra vào, khắc ba đại tự thếp vàng, Lục Ba Lang, trong ba vòng khuyên như ba đồng điệu lớn. Khách ngồi nhấm xà ồn ào phía trên, dân buôn bán nhộn nhịp bên dưới. Du khách chen chúc với dân địa phương chật kín một khoảng sân rộng, dưới những chiếc dù lớn in hình màu các món hàng quảng cáo. Lại có một hình nộm con heo đứng thẳng như chuột Mickey, bằng bóng cao-su bay lơ lửng giữa đám đồng trẻ con, người lớn bu quanh như đám hát Sơn đông! Đi vòng qua ngõ hẻm bên hông tòa lầu xưa cao ba tầng, cũng trang trí thanh nhã như trà lâu đằng kia, nhưng trên bảng vàng treo ở gian giữa tầng hai lại đề 4 chữ sơn mài đen "*Kim Hoàng Nhiêu Quang*", chẳng biết là cơ sở gì. Chúng tôi bước ra một hồ lớn hình vuông, với tường vây, cặp đường đi dạo dùng lan can bao quanh. Từ hai góc, một cầu đúc bắt gậy khúc chữ chỉ qua đường chéo mặt hồ. Cầu tên Cầu Khúc Kiều dẫn ngang qua bên một lầu lầu cao hai tầng xây lên giữa hồ, gọi là *Hồ Tám Đình*, lợp mái dù kiêu, lục giác, tứ giác, toàn triêm (hình tháp nhọn) và ngũ tích (năm sóng nóc), ráp nối rất công phu. Thực tế xây cầu gậy khúc, đối xứng chín lần trên đường chéo mặt hồ, chỉ để kéo dài thời gian đi dạo, hóng mát. Nhiều người có thể dừng lại ở các góc cầu ngắm sen nở, cá chép màu bơi lội, mà không cản trở dòng người đi

tiếp tục, *du ngư hi thủy*. Nhưng người Trung Hoa tin rằng, ma quỷ chỉ có thể đi theo đường thẳng, nên lúc qua cầu này chỉ đi được một khúc thì té nhào xuống hồ nước, không thể theo phá hoại ai được. Và lại theo khoa Phong Thủy, khí xấu, độc (Sha) thường xâm nhập và di chuyển theo đường thẳng, nên khi xây nhà tránh con đường đâm thẳng vào cửa chính và lúc bắc cầu dài qua các ao to, hồ lớn, phải thay hình, đổi hướng, cho cầu gậy khúc nhiều đoạn, để khí Sha khó xâm nhập lâu dài hay chỉ mượn đường di chuyển được một khúc rồi tán đi hướng khác và khách du trên cầu hứng được toàn gió lành (Chlí), mà không lo bị *trúng gió*.

Bữa cơm chiều trong cao lâu Hải-Âu trùng hợp với 5 đám cưới. Dưới những đại tự song hỷ đỏ, từng cặp cô dâu chú rể, chia nhau đứng từ dưới lầu lên đến phòng tiệc, mặc quốc phục đỏ thêu kim tuyến, buộc dải lụa hồng thắt bông to, miệng cười toe toét, nghiêng đầu chào chúng tôi, vì không rõ khách của đám nào bên đằng trai hay đằng gái. Vào tối đó chúng tôi rủ nhau làm một vòng *Shanghai by night* chay, nghĩa là chỉ đi vòng vòng dưới các đường phố xem xe cộ qua lại, ngắm các tiệm buôn, quán ăn đèn đuốc sáng choang, chỉ tạt qua những cửa hàng thương xá còn mở cửa để ngắm hàng hóa gấm vóc Thượng Hải, chỗ không ghé vào các hộp đêm hay quán rượu ăn chơi nổi tiếng của Thượng Hải về đêm, vì chúng tôi đang đi hành hương. Về lại khách sạn Tân Á (4 sao), loanh quanh một lát dưới phòng tiếp tân Lobby, với đôi cột lớn cao suốt 2 tầng, rộng hơn khách sạn Hòa Bình ở Bắc Kinh, trang trí theo lối mới với đầy đủ phòng đợi, quầy rượu, quán nhạc, sàn khiêu vũ với dàn nhạc sống và vũ nữ mặc váy da ngắn bó sát, táo bạo không kém bên Tây. Đằng kia phòng trà khách đang uống cà-phê với nhạc sĩ dương cầm đang dạo những bản nhạc cổ điển Tây phương. Các hành lang dẫn đi giữa những gian hàng bán đồ kỷ niệm, thủ họa, gấm vóc, đồ ngọc, tượng quý, cà phòng hớt tóc, uốn tóc, dẫn sâu vào các phòng tắm hơi... nhưng có cửa hông mở ra bên ngoài. Chúng tôi trở ra phố đêm, đi chưa hết cuối đường đã gặp khu chợ trời ban đêm sáng rực những ánh đèn măng-xông, đèn điện giăng mắc la liệt bên trên, với những dây sạp nhỏ xếp nhiều hàng dài đầu lủng chừa 4 lối đi, khách chen nhau qua lại trên 2 lối dưới lộ và 2 lối trên hè phố 2 bên. Hàng hóa đủ loại từ cà-vạt lụa thêu, áo gấm Thượng Hải đến các đồ ngọc, tượng đá đồ gỗ chạm... điêu khắc cũng khá tinh xảo. Du khách Tây phương chen nhau chọn lựa trà giá. Mà trà giá nào họ cũng có hàng bán từ 5 - 10 Nguyên (Yuan) đến mấy trăm, mấy ngàn, nhưng so giá vẫn rẻ hơn trong tiệm hay trong các khách sạn, có điều chúng tôi chẳng dám mua nhiều vì theo lời cô hướng dẫn, dặn từ chiều, hàng hóa ở đây đều là hàng dỏm, lại được bày bán dưới ánh đèn không mấy sáng.

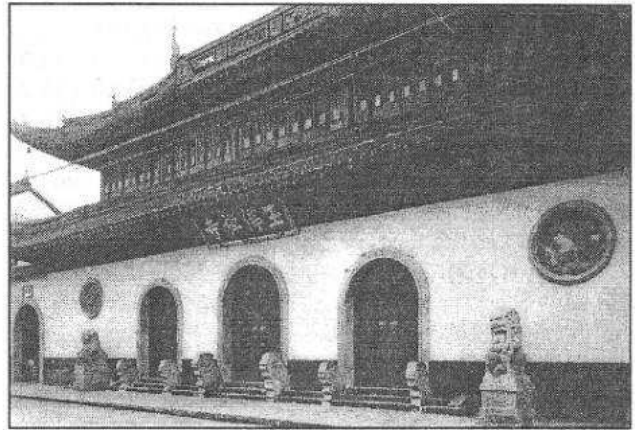
Vào đêm trong phòng ngủ khá sang trọng, chúng tôi mở Tivi xem Đại Hội Thể Thao chiếu trên 3-4 đài: đài đang chiếu lại buổi khai mạc, Chủ tịch Giang Trạch Dân, nguyên Thị trưởng Thượng Hải đứng bên cạnh ông Chủ tịch Thế Vận, đầu bạc, Juan Antonio Samaranch, tuổi cười gió tay chào các đoàn lữ sĩ diễn hành (*lúc viết bài này, báo chí đang đăng và đài TV Đức đang chiếu đi chiếu lại hình ông, vì Ủy ban Thế vận IOC cũng bị tố tham nhũng. Chẳng lẽ hề đựng tôi mấy ông Tàu là có màn hối lộ, dù chưa rõ ai nộp tiền cho ai, hay chỉ là mấy món quà tặng quý giá, hoặc qua hình thức đóng góp vào quỹ như quỹ tranh cử ?*). Các đài kia đang chiếu các cuộc tranh tài của các nhóm lữ sĩ nam

cũng như nữ. Vừa lúc đó vài tiếng bụp, đùng, chèo vang lên. Vén 2 lớp rèm cửa sổ, bầu trời đêm bình sáng từng cụm pháo bông, bên dưới hoa đăng Thượng Hải cũng phụ họa rực rỡ.

Ăn sáng lối Tây trong phòng điểm tâm rộng trên tầng hai, bên những nhà hàng, phòng ăn lớn, phòng họp, văn phòng... Xe buýt đưa chúng tôi đi qua những đường phố, đại lộ của Thượng Hải nghênh người tấp nập đi làm việc, buôn bán buổi sáng, để chiêm bái:

Ngọc Phật Thiên Tự : Nằm cách trung tâm Thượng Hải 3 cây số. Chùa xây từ đời Đồng Trị nhà Thanh, trong khu phố sầm uất, nhưng lại có cơ sở qui mô lớn nhất so với các chùa Trung Quốc khác, chỉ được vườn rộng hay cảnh trí mênh mông. Vì chùa này bao gồm cả Phật Học Viện, khách sạn, nhà hàng cơm chay lớn cho thiện nam, tín nữ và Viện Dưỡng Lão. Du khách và khách thập phương ra vào nườm nượp, mà phải mua vé vô cửa nên thu nhập của chùa nhất định rất cao. Chùa nổi tiếng vì tượng Phật bằng bạch ngọc thạch được thỉnh từ Miến Điện. Vào năm 1882 một Đại sư trên Phố-Đà Sơn du hành qua Miến Điện thỉnh về 5 pho tượng ngọc Phật. Hai pho, một tượng lớn và một tượng nhỏ được để lại ở Thượng Hải cho các thiện nam tín nữ sùng đạo thờ phượng. Từ đó ngôi chùa được dựng lên để an vị Phật, đã trải qua 117 năm lịch sử, liên hệ, biến thiên theo sự thăng trầm của thế sự và thường xuyên phải di tản. Thoạt tiên chùa chỉ lợp tạm một mái tranh để che mưa tránh nắng cho các Phật tử đến dâng lễ tượng Ngọc Phật thờ gần Y Châu Đàng, thuộc khu Trương Hoa Bang phía đông bắc Thượng Hải. Kế đó chùa Ngọc Phật được dời về vùng phụ cận nhà ga Tưởng Vạn ở Vụ Tống, mở rộng ra được 4 diện đường và 72 phòng. Nhưng sau đó nhóm quân phiệt đã cướp phá chùa và sung công, chiếm đóng các điện đường làm trại binh. Những Phật tượng kể cả tượng Ngọc Phật đều bị đem bỏ ngoài công viên bên cạnh. Hòa Thượng trụ trì về sau phải mượn một ngôi nhà ở gần Mạch Căn Lộ (nay là đường Hoài An) để thỉnh tượng Phật về thờ và cài gia vị tỳ. Từ năm 1918 Hòa thượng Khả Thành quyên góp được một số tịnh tài để xây dựng lên ngôi chùa mới ở Tân Lang Lộ (nay là đường An Viễn). Công cuộc xây dựng tiến hành 10 năm để trở nên ngôi Ngọc Phật Tự như ngày nay. Trong thời kỳ cách mạng văn hóa chùa bị đóng cửa, ngưng hoạt động, nhưng may nhờ Thị trưởng Giang-Trạch-Dân lúc đó khéo nướng thế gió, nắm được tình hình, lại có lòng cảm phục vị cao tăng trong chùa, nên ngăn giữ được đám vệ binh dò địa phương, vốn đã được mở mắt ra thế giới bên ngoài, không lộng hành phá hoại các điện đường, Phật tượng. Năm 1979, qua thời cởi mở, dân chúng dần dần đi lễ chùa trở lại, ngày càng đông, Hòa thượng Chơn Thiên được bầu làm Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Thượng Hải và thụ phong Trưởng thượng Trụ trì Ngọc Phật Thiên Viện. Ngài chủ trương tỳ túc kinh tế, mở quán cơm chay, cổ-động việc sản xuất đồ mỹ nghệ kỷ niệm và đã cố gắng hết sức để quyên giáo, gia tăng quỹ hưng công, để trùng tu các điện đường trong chùa, cùng chiêu mộ tăng chúng để thúc đẩy việc khôi phục hệ thống tu viện Phật giáo, khuyến khích việc truyền bá kinh Phật và sự giao lưu, trao đổi thánh tích Phật giáo, cũng như cử hành những đại lễ tụng kinh Phật và thực thi những sinh hoạt phụng vụ Phật giáo mở rộng cho đại chúng. Ngài đã là Viện Trưởng sáng lập Thượng Hải Cao Đẳng Phật Học Viện vào năm 1983 và Viện Trưởng

Danh Dự Học Viện Cửu Tế Xã Hội Nhi Đồng, với sự hỗ trợ của các thân hữu ngoại quốc và Hoa kiều hải ngoại.



Sơn môn Ngọc Phật Tự

Thiết kế ngôi chùa trong thành phố nhà cửa san sát phải đặc biệt tận dụng đất đai: Vòng rào ngoài cũng là tường ngoài của các điện đường, phòng ốc. Bức **Chiếu Bích** gồm năm tấm tường lớn lợp hai mái nhỏ, xây bên kia đường An Viễn, đối diện ngay trước cổng Tam Quan chùa, làm mở rộng khuôn viên như ôm cả một đoạn đường thành phố vào trong cuộc đất thiên viện. Tấm tường bình phong giữa cao nhứt, tại trung tâm điêu khắc một vành khuyên tròn trong chạm hình rồng phun nước giữa các đám mây, hai tấm hai bên thấp dần mà vòng vành khuyên ở giữa chạm hình Lân bên tấm tường trái và hình Phụng bên phải. Còn hai tấm tường bia thấp nhứt, mà một bên chạm ở giữa hình Quy, còn bên kia khắc cặp Voi bên cảnh núi mây. Tất cả năm tấm bình phong của bức chiếu bích đều đục bốn góc vuông chạm lõng còn lại năm hình lục giác chính giữa chạm ngũ linh, nghĩa là thêm hình Voi vào nhóm tượng ý Tử Linh thông thường. Cổng **Tam Quan** gồm ba cửa cuốn trên tam cấp với những cánh cửa gỗ dày sơn son, mắc khoen đồng trong các đầu sứ tử, trông giống cổng vào một vương phủ hơn là hai chữ *sơn môn* in trong tập sách giới thiệu, xuất bản nhân kỷ-niệm 110 năm ngày sáng lập Ngọc Phật Tự. Hai bên ba khung cửa Thiên này còn chạm nổi hình hổ, trong vành khuyên tròn ngay bên trên tượng hai con sứ tử đá vẫn đặt chầu trước các điện đường.

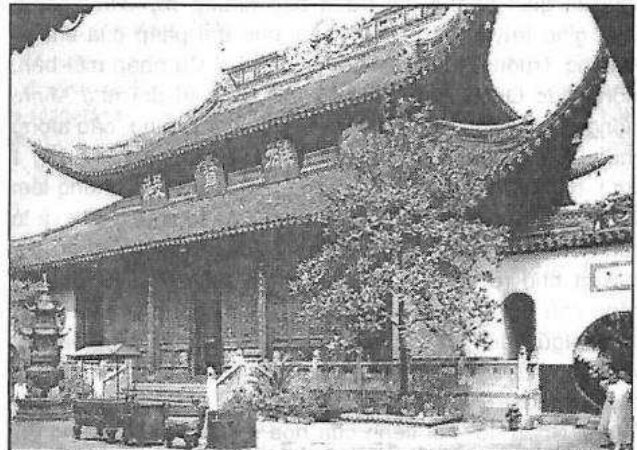
Thiên vương Điện lợp nóc hai tầng mái, mà tầng mái dưới và mặt tường ngoài chính là cổng Tam Quan. Bên trong thờ Tú Thiên Vương ngồi ở hai bên tường hông, bên nào cũng có ông Trùng Ác, mặt màu đen hoặc nâu, đang vung tay bậm môi, trợn mắt trông rất dữ tợn và một ông Khuyến Thiện hoặc cầm dù lọng như sẵn sàng đứng lên che chở, hoặc đang ung dung khảy đàn tỳ bà. Ở giữa đặt bàn thờ Phật Di-Lặc, ngài hướng ra cổng chính trong lồng kính, đóng khung sơn son thếp vàng, đang cười như chào đón những lễ lạy của khách thập phương.

Phía sau đầu lưng tượng ngài Vi-Đà mặc quan phục võ tướng, tay chống gươm. Hai tượng đều được thếp vàng rực rỡ, chỉ sơn son ở đôi môi, mặt trong lớp áo và viền đai. Đặc biệt trên thân trung mỗi bức tượng đều gắn một hạt ngọc chớp lóng lánh như kim cương. Giữa khoảng sân nổi hai tòa điện Thiên Vương và Đại Hùng Bửu Điện dựng một *Bảo*

đỉnh đồng lớn ba chân, cao ba tầng ngang riềm mái điện dưới.

Đại Hùng Bửu Điện xây trên nền cao năm nấc thang, dài năm gian, lợp hai tầng mái ngói với các góc mái cong vút và sống nóc chạm lộng hình chùa tháp, cây cối, núi đá... cùng năm tượng thú trên mỗi sống góc mái. Ba gian giữa dùng cửa gỗ sơn nâu. Hai gian cuối xây tường chùa hai cửa sổ tròn chạm lộng tượng hình bát bửu. Giữa bửu điện đặt bàn thờ lớn thờ Tam Tôn Đại Phật trên ba tòa sen cao hình vuông. Cả ba tượng đều thếp vàng và giống hệt nhau như từ một khuôn đúc ra. Phía trên thà bức trướng nhưng do thêu lưỡng long tranh châu bằng kim tuyến óng ánh. Trên trần đồng gỗ ô vuông vẽ bách hoa vây quanh một khung lớn vẽ *Cửu long thủy* theo lối tượng trưng. Hai tường bên chia ra thờ nhị thập chú Thiên. Phía sau đầu lũng với Phật điện Tam tôn thờ đức Quan Âm Nam Hải đứng trên lý ngư và các tượng nhỏ thập bát La Hán quá hải. Hai bên đầu hồi đại điện này xây hai bức tường ngăn đôi khuôn viên chùa như ngăn bớt công chúng hay phồn hoa bên ngoài, chỉ chùa hai cửa cuốn trên nền mở vào hai hành lang cặp hai bên đầu hồi và hai nguyệt môn bên dưới dẫn vào các điện đường hậu liêu. Bên tả lang treo một hàng dài các bức danh họa 32 hóa thân của đức Quan Thế Âm Bồ Tát do họa sư các triều đại Đường, Tống, Nguyên, Minh và Thanh vẽ. Bên hữu lang trưng bày ba hàng "*Phật Kinh thạch khắc*" tức những tấm bảng đá đen khắc đại tự những lời Phật dạy. Một khoảng sân hẹp dài, với những bồn hoa chậu kiểng, bao quanh hai pháp khí cổ, *Thanh đồng chung*, đường nét chạm trở hoa văn rất mạnh và trụ *Thanh đồng bi*, trên chạm Cửu long thủy, nối Đại Hùng Bửu Điện với tòa điện rộng lớn hơn cao hai tầng, xây dài ra đến tận tường rào cuối thửa đất. Tầng điện dưới bài trí như một hội trường, mang biển thếp vàng đề bốn chữ lớn **Ban Nhược Trượng Thất** là nơi tiếp khách và cư trú của Phướng Trượng. Tuy theo nghĩa xưa phướng trượng chỉ là phòng vuông một trượng (khoảng 3^m,8 mỗi bề), nhưng Phướng không ở đây gồm các phòng làm việc và phòng nghỉ của Hòa Thượng trụ trì, đặt ngay phía sau đại khách sảnh này, có cửa thông ra ngoài tiểu sảnh và sân cảnh chung với các khách phòng và hai cửa mở vào tường cuối đại khách sảnh, nằm hai bên Phật điện. Điện thờ Phật này gồm bàn thờ bức tranh hình Phật lớn treo giữa bốn câu đối, đặt trên sạp gỗ cao tam cấp, đánh véc-ni bóng láng và cũng dùng vách hai bên, phía trước đóng khung bằng ba bức hoành gỗ chạm lộng như sân khấu hội trường. Trên sàn Phật điện còn đặt bốn ghế tựa sát hai bên vách với bàn vuông, đôn cao có lẽ dành cho chư Hòa Thượng chứng minh. Gian chính ngay trước Phật điện xếp đặt hai hàng ghế bành đầu mặt vào nhau, bằng gỗ cấm lai nặng nề, mà lưng tựa lộng tấm đá cấm vân thạch tròn ấn hình sơn thủy. Cú cách hai ghế lại kê một bàn vuông chân qui để kỷ trà. Phía sau cách một lối đi lại xếp thêm vài hàng ghế tùy số khách tăng đến dự và sát hai bên vách sảnh mỗi đặt hai hàng ghế tựa cố định. Cách sắp xếp thật giống khách sảnh một võng phủ. Qua gian giữa nối tiếp hai hàng ghế danh dự, hai lan can được dựng lên hai bên lối giữa. Từ đó xếp tiếp các hàng ghế tựa nhẹ hơn cho đến tận sát tường hai bên dành cho các Tăng Ni. Gian cuối xếp chật những hàng ghế thường, cũng phân ra hai bên lối đi giữa, nhưng hướng mặt trở lên Phật điện. Hôm đoàn hành hương chúng tôi đi qua trước cửa Ban Nhược Trượng Thất này gặp lúc chủ tăng đang hành lễ. Nhưng chỉ có ba vị Đại Lão Hoà

Thượng mặc áo tràng vàng màu tối, ngoài đắp y cà sa đỏ chạy sọc vàng phân hình gạch xếp, đầu đội mào tỳ lư đứng hướng mặt lên bàn thờ Phật. Còn chủ tăng đứng các hàng hai bên lối giữa lại chấp tay hướng mặt vào nhau. Các hàng đầu chủ vị mặc áo tràng nâu đen đắp y nâu vàng, cuối cùng là các vị tăng chỉ mặc áo tràng màu xám đen. Chúng tôi không nhìn ra một vị Ni nào, hay chủ Ni đã đứng khuất ở các hàng sau, hoặc ở trong sâu. Các thiện nam tín nữ cũng đứng xen lẫn, ông già bà lão, chớ không phân biệt nam tả nữ hữu như ở các chùa ta.



Đại Hùng Bảo điện Ngọc Phật Tự

Từ hành lang chúng tôi theo cầu thang lên lầu trên của Ban Nhược Trượng Thất vào Ngọc Phật lầu. Tượng Ngọc Phật tọa thiền cao 1,95 m, được tạc từ nguyên tảng Bạch ngọc thạch Miến Điện quý nhứt, hiện thờ trong tủ kính cao đựng trần, đặt sau bàn thờ kiểu áng thư sơn son thếp vàng. Trên tấm thảm Tây Tạng rộng trải trước bàn thờ, chỉ thấy đặt ba sạp thấp, trên phủ nệm đỏ để quý lạy, chắc dành riêng cho quý vị cao tăng, còn khách thập phướng chỉ được đánh lễ bên ngoài lan can con tiện hình các bầu rượu. Nhưng nhìn vào chúng tôi cũng thấy ba viên trân châu lớn gắn theo đường nhân trung trên nhục kế Ngọc Phật và một viên kim cương lóng lánh ngay nhân trung phía trên sống mũi. Đó là chưa kể những viên lam ngọc, hồng ngọc gắn xen kẽ khít khao trên lai tấm y của đức Phật, cũng như trên vòng đai quanh chân tóc, trên cánh tay và ba vòng tràng hạt bằng ngọc bích và ngọc phỉ thúy đeo trên cổ cùng một vòng ngọc lưu ly trên bàn tay Phật như đang lần tràng hạt. Chúng tôi lần lượt đi qua dãy nhà lầu bên tả, từng dưới khỏi đầu với các văn phòng của **Phật Giáo Hiệp Hội**, mà vách ngoài dùng chung với tường rào, có cầu thang riêng dẫn lên các phòng hội ngay trên tầng lầu. Kế đến hai dãy điện bao quanh một sân nội cảnh: Điện trước nhìn ra sân giữa mang biển đề **Quan Âm Điện**, thờ tượng đồng của đức Quán Thế Âm đức tử thời nhà Minh. Phía sau là dãy nhà **Thủy Lục Nội Thiện**, ăn thông với hành lang dẫn đến **Trai Đường**. Cách một văn phòng đến ngôi **Thiền Đường** rộng và cuối cùng là các **Khách Phòng**. Dãy phòng cặp bên tả phía sau các điện đường là nhà phụ thuộc. Trên lầu chung vách với các phòng hội của Hiệp Hội là khu **Thượng Hải Phật Học Viện** rộng chiếm tới dãy **Tăng Liêu**. Còn tòa lầu ngay trên Thiền đường là **Công Đức Đường**. Dãy nhà bên hữu từ ngoài đường vào là **Khách Đường** chiếm cả hai tầng trệt và lầu. Kế đến cũng là hai dãy điện bao quanh sân nội cảnh

nữ dây nhà bên tả : **Đông Phật Điện** ở phía trước thờ tượng Phật Thích Ca tạc bằng đồng. Dây sau bày nhiều bàn ăn trải khăn sang trọng gọi là **Tổ Trai Xanh Thỉnh** (xanh là ăn hay cơm), tức nhà hàng cơm chay, có cầu thang riêng dẫn lên các dãy lầu bao quanh 3 mặt sân cũng thuộc nhà hàng, dành mở các tiệc chay. Qua sân cảnh thủ hai cũng được bao quanh ba mặt bởi ba tòa nhà: **Pháp Vật Lưu Thông Xử**, chẳng qua là một gian nhà dài bày những tủ kiếng như một cửa hàng để phát hành các pháp bảo và bán những quả kỷ niệm có cửa thông ra hành lang dẫn đến các kho hàng ở phía sau và khu vệ sinh công chúng. **Văn Vật Thất** cũng là gian phòng dài trưng bày những mỹ thuật phẩm Phật giáo truyền lại từ nhiều đời như thư pháp của chủ vị Phương Trượng, tượng Ngọc Phật Thích Ca nhập niết bàn, tượng đức Quan Âm bằng gỗ táo khắc từ đời nhà Minh, tượng đồng Phật Thích Ca tạc từ đời nhà Đường, các tượng chủ vị Bồ Tát bằng đá chỉ cao khoảng 1 thước xưa (gần 4 cm), bản Bối Diệp Kinh viết bằng chữ Phạn trên những tấm lá bối khô, gần giống như lá dừa non của ta nhưng dày và to bản hơn, được cắt dài vuông cạnh và xâu một đầu có thể xòe ra như rẻ quạt, bản Diệp Pháp Liên Hoa Kinh chép bằng chữ bột vàng trên giấy bồi đen từ đời nhà Minh, bức tranh Ngũ Bách La Hán trên Vạn Thọ Sơn vẽ trên lụa đen và nhiều bức tranh chữ Phật, chủ vị Hộ Pháp, La Hán vẽ từ các triều đại Đường, Ngũ đại, Nguyên... Đặc biệt là bức "Mang Nhân đồ" nổi tiếng của họa sư Cổ hoàng Trung đời Tống vẽ hai cảnh trái ngược, dưới đường một sĩ tử cỡi ngựa, vắc lều chông bốn ba đi thi, để đuổi theo hoạn lộ đầy gian nan; trong khi trên núi một thi nhân đang uống rượu ngâm thơ, bên bàn cờ khắc trên tảng đá và cây đàn treo trên nhánh tùng. Hai bộ điêu khắc gỗ mạ vàng lừng danh của triều Thanh được trưng trong tủ kiếng là Linh Thủ Sơn tạc tượng Phật Tổ an tọa trong động đá trên đỉnh núi, đang giảng pháp cho chủ Bồ Tát, La Hán, Hộ Pháp châu hầu chung quanh, và bộ binh phong chạm lộng. Ngoài ra còn bộ lư đồng thời Bắc Ngụy, chuông đồng khắc kinh Phật thời Minh và chiếc ngọc ấn thời vua Quang Tự, cùng bộ tượng Phật, chuông, khánh nhà Thanh. Kế đến tòa **Ngọa Phật điện** trong thờ đại Ngọc Phật Thích Ca nhập diệt dài 4 thước 6, được đặt trên bàn thờ dài chạm trở hình thuyền bầu dục. Nghe nói tượng này do Phật tử Tân Gia Ba hiến cúng từ năm 90, còn tượng ngọc Ngọa Phật nhỏ dài chỉ 96 cm hiện đang thờ trong Phật điện trên lầu mỗi được vị Đại sư ở Phổ-Đà sơn thỉnh một lần với tượng Đại Ngọc Phật từ bên Miến Điện vào năm 1882. Đi tiếp qua hành lang ngắn giữa hai phòng nhỏ, khách thập phương bước tới **Hoài Nhân Đường**. Phần lầu trên của cả khu này được bố trí thành **Thượng Khách Đường**, được phân nhiều phòng giường nệm phủ gấm vàng, bàn viết điện thoại riêng, đầy đủ tiện nghi như trong một khách sạn hạng sang nhưng cách bày biện trang nhã hơn. Các dãy phòng đều mở cửa ra một hành lang rộng trải thảm đỏ, hai bên kê hai dãy ghế bành bọc nhung vàng như khách sạn dài. Tòa nhà cuối là **Lạc-Chí Đường** mà ngay trên lầu là **Tàng Kinh Lâu**, được sắp xếp các bàn viết và tủ kệ sách như trong Thư Viện. Nhưng các ghế ngồi đều hướng về bàn thờ Phật đặt dựa tường cuối. Hầu như hàng ngày, Hòa Thượng trụ trì và chủ Tăng đều đến đây đọc tụng và nghiên cứu Kinh Phật. Phật Tử hải ngoại và trong nước đã hiến cúng 6000 pho kinh và các khoảng đất chung quanh ngôi chùa hiện hữu đã trực thuộc về chùa. Vì thế bức Chiếu Bích trước cổng chùa, bên kia

đường mỗi được dựng lên trước đây và Viện Dưỡng Lão, Viện Dục Anh cũng như Cao Đẳng Phật Học Viện đang được mở mang và xây dựng tiếp.



(Kim Hoàng Nhiễm Quang)



Lục Ba Lang



Cửu Khúc Kiều - Hồ Tâm Đình Khu phố cổ Thượng Hải

(Còn tiếp)

Đi tìm di tích lịch sử Bách Việt qua thi ca Kim Cổ Hoa-Việt



Từ mùa hè năm 1951 tới nay, tôi được nhiều cơ hội viếng thăm các nước hải ngoại khắp bốn châu: Á, Âu, Phi, Mỹ, nay chỉ còn Úc Châu là tôi sẽ cố gắng đi thăm vào cuối năm nay, nhằm đáp lại tấm thịnh tình

của nhiều văn nhân thân hữu.

Theo thông lệ thì mỗi lần phải đi xa, tôi đều phải chuẩn bị trước, bằng cách tham khảo kỹ lưỡng khá nhiều bằng hữu, sách vở, tài liệu và đồ bản, liên hệ lịch sử và văn phong của mỗi nơi và mỗi dân tộc, nhằm học hỏi và mở mang kiến thức, vì lúc nào tôi cũng ghi nhớ lời tự nhủ của nhà nghệ sĩ trữ danh Pháp là Jean Gabin: "Plus j'apprends et moins j'en sais" nghĩa là: "Tôi càng học bao nhiêu thì tôi càng cảm thấy kém cỏi bấy nhiêu!"

Những dù sao đi nữa, sau mỗi lần đi hải ngoại trở về, tôi cũng có thể tự an ủi với câu phương ngôn mà tổ tiên chúng ta truyền lại: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Theo tôi thì một sàng khôn cũng đã quá nhiều! Ngoài cái sàng khôn ấy, cũng có thể chúng ta sẽ mang về nhà năm ba kỷ niệm như công nghệ phẩm, sách báo và mỹ thuật phẩm...

Về phần chúng tôi, sau mấy chuyến công du và du lịch châu Á, chúng tôi đã mang về nhà một bức tranh màu, khắc họa trên đá cẩm thạch màu trắng, đóng khung gỗ, đích thị là minh họa bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế. Bức họa này được trưng bày nơi phòng khách của Chiêu Anh Các, Ba-Lê. Và nhiều văn nhân nghệ sĩ đã có dịp chiêm ngưỡng bức danh họa này, nhân các cuộc Âu du công tác du ca và quang lâm sự sụp đổ bức tường Berlin vào ngày 10.11.1989.

Bức họa khắc (gravure) này tôi đã mua vào mùa thu 1978, lúc tôi đến Tô Châu, sau khi ghé Tế Nam (Jinang), dọc theo Đại Vận Hà, nhằm mục đích tìm lại hai con đường đi Sử Trung Quốc của hai vĩ nhân nước Việt là Lê Quí Đôn và Nguyễn Du:

1) **Quê-Đường Lê Quí Đôn (1726-1781)** Phó sứ, cùng đi với Chánh sứ Trần Duy Mật, lại thêm một Phó sứ nữa là Trịnh Xuân Thụ, đều là Khoa bảng thời danh. Sứ đoàn của ta đã đi chuyển và lưu lại công tác nhiều nơi, từ ải Nam Quan lên tới Bắc Kinh, qua một cuộc hành trình kéo dài hai năm (1760-1762). Ngoài 3 vị chỉ huy sứ đoàn, còn có 7 "hành nhân", 11 "tùy nhân" và 4 "dự sai tiền lộ", tức là những cộng sự viên, trong đó có những chuyên viên y dược và nấu nướng, chăm sóc sức khỏe cho phái đoàn. Như thế cả sứ đoàn gồm có 25 người.

Lúc đi lên: từ biên giới Hoa-Việt cho tới Bắc Kinh, cũng như trên đường trở về, đều được chính phủ Trung Quốc cử một Thượng quan với nhiều người tùy tùng hướng dẫn và hỗ trợ sứ đoàn của nước ta. Tuy thế, sứ đoàn vẫn gặp vài khó khăn dọc đường. Ví dụ như:

Theo "Bắc Sử Thông Lục" thì "nhiệm vụ hoàn thành tốt đẹp" ở thủ đô Bắc Kinh. Ngoại trừ lúc trở về đường thủy, sứ đoàn ta ghé Giang Tây ngày 4 tháng 8 năm Tân Tị (1761), chắc là để xem các lò gốm, lò sành và mua các thủ chén bát tốt đẹp nhất thế giới, như danh bất hủ truyền.

Ngày 5 tuy gió xuôi trời tốt mà người lái thuyền không chịu nhỏ neo, mặc dù có sự thúc giục của sứ quan ta. Thậm chí, quan Khâm sai Tàu hộ tống sứ đoàn, tên là Tân Triều Vu, bảo cũng không được.

Đến trưa, Khâm sai Tân Triều Vu mời Giáp Phó sứ Lê Quí Đôn sang thuyền, bút đàm thơ văn. Ông ta bày cơm rượu và vài muối ra, hỏi: "Phưởng Nam có không?". Đáp: "Có rất nhiều". Hỏi: "Sản vật của quý quốc thế nào?". Đáp: "Sách Truyện Kỳ chẳng nói: Cỏ cây kỳ lạ đều ở phưởng Nam cả sao? Đầu dám nói quá! Sách Tây Du Ký có câu: Trung Hoa tuy là Trung Hoa, tuy là nước lớn, mà rốt cuộc chẳng có các thứ ấy. Điều đó đâu phải chúng tôi bịa đặt". Ông ta cười bảo: "Phải kể nước Ngải có nhiều của ngon vật lạ nhất...!"

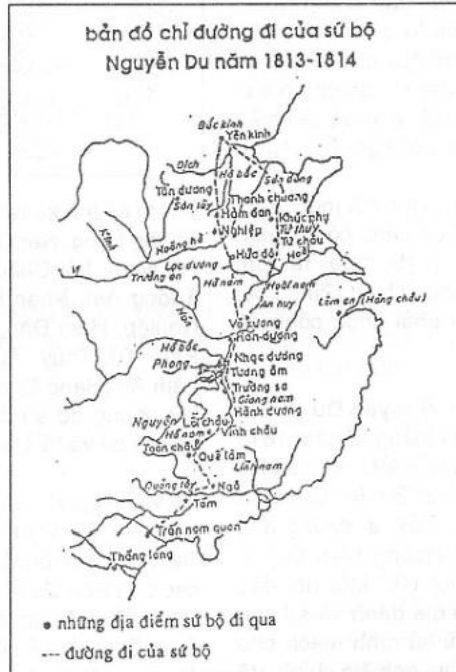
Cũng theo sách "Bắc Sử Thông Lục" của Lê Quí Đôn, ngày 17 tháng 8 năm ấy, thuyền sứ về qua núi Xích Bích, Lê Quí Đôn nhờ người xua cảnh đẹp trong lịch sử Trung Quốc, bèn ngừng thuyền lên núi chơi, "đăng cao vọng viễn" cho thỏa chí

khách phi thường!

Lúc trở lại thuyền, Lê Quí Đôn ghi những nhận xét của ông về nơi này và những suy diễn của ông về những mâu thuẫn trong cách viết về trận Xích Bích của Trần Thọ:

"Theo sách "Nhất Thống Chí" thì xưa nay nói Xích Bích có tới 5 nơi khác nhau! Nhưng nên lấy nơi huyện Bồ Kỳ, thuộc Giang Hạ là đúng, đất Gia Ngự cũng gần đó. Còn đất Hoàng Châu là núi Xích Tị, chứ không phải Xích Bích... Tôn Quyền đóng quân ở Sài Tang, tức Cửu Giang ngày nay. Vũ Hầu Khổng Minh đến thuyết phục Tôn Quyền cùng hợp binh chống Tào Tháo. Sách "Ngụy Chí" của Trần Thọ nói Lưu Bị phá được quân Tào trước, sách "Thục Chí" cũng nói như vậy. Nếu trận đánh xảy ra ở giữa Giang Hạ và Gia Ngự thì hoàn toàn không cần đến gió Đông Nam. Thế mà sách "Ngô Chí" thì lại nói nhiều đến việc Hoàng Cá dùng hỏa công... chuyên qui công khó cho Chu Du. Trần Thọ dựa vào đấy, do đó mà mâu thuẫn với nhau. Còn như Xích Bích đã không phải xảy ra ở Hoàng Châu, thì nên bỏ qua cái thuyết cầu gió Đông Nam đi".

Xem hai đoạn trên, chúng ta nhận thấy Lê Quí Đôn hẳn là một nhà thông thái lớn nhất nước Nam, thông kim bác cổ Đông Tây, là vì ông ta đã từng đọc nhiều sách của Tây phương do các Giáo sĩ Dòng Tên đưa sang, được phiên dịch ra Hán ngữ và phổ biến nhiều nơi ở Viễn Đông như Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly và Nhật Bản.



Ngoài ra, theo ý riêng của chúng tôi thì trong lúc bút đàm với Khâm sai Tân Triều Vu, Lê Quý Đôn đã tỏ rõ biệt tài hùng biện và chuyên đối của ông, đồng thời bênh vực uy thế và thanh danh của quốc gia và dân tộc Đại Việt.

Nói về kỳ hoa dị thảo và những vật lạ phương Nam mà các triều đại nước Nam thường xuyên cống hiến cho Trung Quốc, chắc hẳn là có Kỳ Nam (vật lạ phương Nam) mà tên khoa học là *Aquilaria crassna* Pierre, tên thông thường Tây phương là Bois d'aigle, lấy từ thân cây Trầm (Bois d'aloes) của Chiêm quốc và nước Nam ta.

Còn nói về trận Xích Bích thì địa điểm đích thực, ngày nay chúng ta được biết là vùng Tam Giang Khẩu mà Tây phương gọi là Gorge des Trois Rivières, là nơi nhà cầm quyền Trung Quốc đang xây cái đập nước lớn nhất thế giới, gây nên những tai hại vô tiền khoáng hậu cho nhân dân Trung Quốc. Vì nước đập dâng lên quá cao bởi mưa to gió lớn mà nhà cầm quyền đã ra lệnh phá vỡ nhiều đoạn của các đập ấy, để tránh cho các thành phố lớn và nhiều đại xí nghiệp khỏi bị ngập lụt, nhưng trái lại đã lấp vùi vô số ruộng vườn và nhiều di tích lịch sử đã ghi trong Tam Quốc Chí, vốn gồm có: Ngụy Chí, Thục Chí và Ngô Chí.

Trong thời gian đi sứ, phái đoàn Lê Quý Đôn đã mua được cả ngàn quyển sách, nhưng lúc về tới Quế Lâm, có sở quan xuống thuyền sứ buộc kê khai sách vật đã mua, rồi lạm quyền thu lại một số lớn như bộ Bách Khoa Uyên Giám Loại Hàm (450 quyển), mà Lê Quý Đôn đã phải nhọc công và mất tiền thưởng thuyết mới lấy lại được!

2) Bây giờ chúng ta hãy nhắc tới sứ đoàn Nguyễn Du (1765-1820) khởi hành từ đầu năm 1813 mà tới tháng tư năm 1814 mới về tới Huế. Rồi Thăng Long mấy ngày trước, Nguyễn Du tới Ai Nam Quan đúng vào ngày 6 tháng 2 năm Quý Dậu (1813), qua ải này tiến vào đất Quảng Tây, đi ngang qua chỗ đóng binh mã ngày trước của giặc Hoàng Sào. Đây là vùng Việt Tây (miền Tây của nước Việt cũ). Mỗi nơi đều được Nguyễn Du quan sát và ghi chép địa danh và sự tích liên hệ, đồng thời xúc cảnh đề thơ, ghi lại rành mạch cho hậu thế, chưa kể bản phúc trình đầy đủ và nghiêm chỉnh, đệ trình lên nhà Vua, tức là vua Gia Long.

Căn cứ trên hai quyển Bắc Hành Tạp Lục và Thỉnh Vũ Hiền Bút Ký của Nguyễn Du, chúng ta được biết nơi Ai Nam Quan, phía bên lãnh thổ Việt, ngày xưa vào năm 41 sau Công nguyên, Tướng Mã Viện (Phục Ba) có dựng một cột đồng lớn mà hồi đầu thế kỷ 18, người qua đường còn trông thấy, có khắc ghi câu: Đồng trụ chiết, Giao Chi diệt (trụ đồng mà gãy thì nước Giao Chi mất). Vì thế mà mỗi người đi qua đều ném đá vào chân cột cho vũng, kéo số nước mất! Chẳng ngờ vì người ta có ném đá vào mãi, suốt mười mấy thế kỷ, mà rốt cuộc trụ đồng bị lấp vùi và không ai tìm ra dấu vết!

Rồi Ai Nam Quan, sứ bộ Nguyễn Du gồm cả trăm người sẽ xuống thuyền đi trên sông Tây Giang xuống Nam Ninh và Vũ Châu rồi trở lên Quế Lâm, thủ phủ Quảng Tây để thăm xa giao nhà chức trách địa phương và dự một tiệc lớn. Sau đó, Tổng Đốc và Đề Đốc Quảng Tây cử hai viên chức cao cấp văn võ để hướng dẫn phái bộ (có thông ngôn hai bên) trong suốt lộ trình đi và về.

Rời khỏi tỉnh lỵ Quảng Tây, Phái bộ đi theo sông Dương Tử đi ngang qua Phú Giang, Giang Tây và Giang Nam. Lúc còn ở Giang Tây, Phái bộ có ghé thăm lò đồ sứ Cảnh Đức, để đặt làm nhiều thứ đồ sành và đồ sứ tráng men hào hạng, phần nhiều màu xanh nhạt, tất cả dành cho "Nội Phủ" nhà vua triều Nguyễn, ông Hoàng bà Chúa và các đại thần nhờ riêng Sứ quan mua. Đặc biệt lần ấy (1813), Nguyễn Du có đặt chế nhiều bộ trà gồm có bình ấm, chén tống (tống),

chén quân (nhò) và đĩa có vẽ hình "Mai Hạc", có ghi hai câu thơ Nôm như sau:

Nghêu ngao vui thú yên hà

Mai là bạn cũ hạc là người quen.

Sau đây là tấm hình đĩa trà Mai Hạc trưng bày tại Viện Bảo Tàng Khải Định, Huế, trước thời chinh chiến. Những đồ sứ này được các nhà sưu tập Tây phương gọi chung là "Bleus de Hué".



Rời khỏi tỉnh Quảng Tây, lộ trình hướng về phương Bắc, vượt qua ải Qua Châu, băng qua Sơn Đông, Trục Lệ và tới thẳng Đông Châu. Tới đây, tất cả đều lên bộ, theo đường bộ đến Yên Kinh, tức là Bắc Kinh.

Đi vào chi tiết thì toàn bộ lộ trình của phái bộ Nguyễn Du (1813-

1814) có thể kê ra như sau:

Thăng Long, Nam Quan, Quảng Tây, Quế Lâm, Toàn Châu, Hồ Nam, Lôi Châu, Hành Dương, Giang Nam, Trường Sa, Tường Âm, Nhạc Dương, Hán Dương, Võ Xương, Hỏa Đô, Nghiệp, Hàm Đan, Tân Dương, Yên Kinh, Sơn Đông, Khúc Phụ, Tú, Thủy, Tù Châu, Hoài Nam, An Huy, Võ Xương, Lâm An (Hàng Châu)... trở lại Giang Tây, tới lò Cảnh Đức để lấy những đồ sứ đã đặt năm trước. Từ đó phái bộ sẽ theo đường cũ về tới Nam Quan.

Về việc Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc, gia phả chép: Tháng hai năm Quý Dậu (1813), ông được thăng hàm Cần Chánh Điện Học Sĩ, rồi có chỉ sai làm Chánh Sứ tuế cống, cùng với các ông Phó Sứ là Đàm An Hầu, Thiêm sự bộ Lại, và Phong Đẳng Hầu, Thiêm sự bộ Lễ, đi sứ Trung Hoa. Tháng tư năm Giáp Tuất (1814), ông trở về Kinh đô Huế.

Theo dõi lộ trình của Sứ bộ, chúng ta để ý một điều là nơi nào có di tích Bách Việt thì Cự Nguyễn Du dừng lại lâu hơn, để chiêm ngưỡng và ngậm ngùi trước cảnh cũ người xưa, đã từng chiếm cứ và sinh hoạt lâu đời, từ năm bầy thế kỷ (Xuân Thu và Chiến Quốc) trước Công Nguyên. Và sứ sách còn ghi chép phương danh những nhân tài lỗi lạc trong "Bách Việt Tiên Hiền Chí".

Và đây là bài thơ "Quế Lâm Cù Các Bộ" ghi lại tâm tình và khí tiết trung trinh của cô thần nhà Minh, liều chết chống xâm lăng Mãn Châu, để lại danh thơm nơi thành trì Quế Lâm và toàn cõi núi sông nước Việt xưa:

Các bộ họ Cù ở Quế Lâm

*Trung nguyên thế đã đổi đường,
Cô thành chống giữ một phưởng đến cùng.
Trọn ngày coi chết như không,
Nghìn thu dưới đất tóc ông vẫn dài.
Tàn Minh miếu đã tả tôi,
Núi sông đất Việt pha phôi bóng hồng.
Trung Hoa vốn trọng người trung,
Mà đây hưởng khói lạnh lừng vì sao?*

Quế Lâm cù các bộ

*Trung nguyên đại thế dĩ đòi đường
Kiệt lực cô thành khống nhất phưởng
Chung nhạt tử trung tâm bất động*

Thiên thu địa hạt phát do trường
Tâm Minh miếu xã đa thu thảo
Toàn Việt sơn hà tận tịch dưỡng
Cộng đạo Trung Hoa thượng tiết nghĩa
Như hà hưởng hỏa thái thể lưỡng!

Nhìn dãy núi Việt Tây, Nguyễn Du cảm tác một bài khá dài mà chúng tôi chỉ trích ra năm câu đầu:

Ninh Minh giang chu hành

Việt Tây sơn trung đa giảng tuyên,
Thiên niên hợp chú thành nhất xuyên,
Tự cao nhi hạ như bát thiên,
Thiên thượng hà sở vấn?
Ứng long kịch lộ diên diên.

Dịch là:

Trong núi Việt Tây nhiều khe suối,
Nghìn năm chảy thành mương xối,
Tự cao chầy xuống như trời giọt,
Trên ghe nhè nghe thấy gì?
Như rồng vỗ cánh, sấm vang tai.

Đi qua Hồ Bắc, trên sông Dương Tử, Nguyễn Du nhớ tới Thôi Hạo (Hiệu), ngẩng mặt nhìn Hoàng Hạc Lâu mà cảm tác bài:

Hoàng Hạc Lâu

Hà xử thần tiên kinh kỹ thi,
Do lưu tiên tích thử giang mi?
Kim lai cổ vãng Lữ sinh mộng,
Hạc khứ lâu không Thôi Hạo thi.
Hạ ngoại yên ba chung diểu diểu,
Nhân trung thảo thụ thượng y y.
Trung tình vô hạn bằng thủy tổ,
Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.

Dịch thơ:

Thần tiên đâu đó tự bao giờ?
Còn dấu ghi đây cạnh bến bờ.
Nay đến xưa qua, Lữ viễn mộng,
Hạc bay lâu vắng, Hạo còn thơ.
Ngoài hiên khói sóng mênh mang thế,
Trước mắt ngàn cây phẳng phát như.
Bày tỏ với ai tình chất chứa,
Trắng trong gió mát vẫn thờ ơ.

Nhưng cái điều quan trọng nhất mà Nguyễn Du đã thực hành được trong chuyến đi sứ Bắc Kinh năm 1813 là: theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Nguyễn Du đã sáng tác, ngoài bản phúc trình thường lệ để dâng lên vua Gia Long, Bắc Hành Thi Tập và Thúy Kiều Truyện (Vừa trường u thi, thiên quốc âm. Thanh sử hoàn dĩ Bắc Hành thi tập cập Thúy Kiều truyện hành thế).

Trên đường chu du Trung Quốc, Nguyễn Du đã viếng thăm rất nhiều danh lam thắng cảnh, miếu điện đền đài, liên hệ những danh nhân kỳ nữ, những người đồng điệu bên nước láng giềng. Và Nguyễn Du đi đến nơi nào có truyện tích kỳ lạ đều cảm hứng đề thơ, diễn tả tâm tình, chứa chan cảm xúc với những phê phán công minh, và khen chê đúng mức. Ví dụ như Nguyễn Du đã nhắc tới Mã Viện, Hoàng Sào, hai bà vợ của vua Thuần là Nga Hoàng và Nữ Anh, Dương Qui

Phi, Triệu Vũ Đế, Thái Văn Cơ, Trương Nghị, Vi Ứng Vật, Tam Tạng Trần Huyền Trang, Liễu Tôn Nguyên, Khuất Nguyên, Giả Nghị, thi bá Đỗ Phủ và đặc biệt là Thôi Hiệu, tác giả bài thơ Hoàng Hạc Lâu, với giá trị vô tiền khoáng hậu. Và đây là bài thơ của Nguyễn Du đã hoài cảm người xưa cảnh cũ lúc đi ngang qua Hồ Bắc trông về Hoàng Hạc Lâu bên sông Dương Tử (như trên).

Xem kỹ bài thơ trên, chúng ta nhận thấy thi bá Nguyễn Du là một bậc kỳ tài, là một phi thường khách với tài hoa quán triệt, ngang hàng với các đại thi gia của Trung Quốc, thật xứng đáng được vua Gia Long chỉ định cầm đầu Sứ bộ Việt Nam, Bắc hành tuế cống và chuyên đối với đại lân bang.

*

Nói tới bài thơ Hoàng Hạc Lâu thì không thể nào quên bài Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế. Từ xưa đến nay, đã có biết bao thi nhân và thúc giả biên dịch bài thơ Tàu này ra thơ Nôm-Việt, tính ra có thể hơn ba bốn chục bài khác nhau, do nhiều dịch giả mà phần nhiều qui đọc giả đều biết, tôi thiết tưởng không cần chép hết ra đây.

Cái điều quan trọng đối với chúng ta là tìm ra những di tích xa xưa liên hệ đại tộc Bách Việt rải rác khắp nơi, từ phía Nam sông Dương Tử và từ Đông sang Tây Trung Quốc, đặc biệt là miền Việt-Trung và Triết Giang mà thủ phủ là Triệu Hùng (quê hương của tổ tiên nhà văn lão hủ Phùng Lăng Nhân), mà nhà thơ Lý Bạch có nhắc tới trong bài thơ Việt Trung Lâm Cổ:

Việt Vương Câu Tiễn phá Ngô quy,
Chiến sĩ hoàn gia tận cảm y,
Cung nữ như hoa mãn xuân điện,
Chỉ kim duy hữ giá cô phi.
(Lý Bạch)

Qua đất Việt Trung nhỏ chuyện xưa

Bình Ngô Câu Tiễn kéo quân ra,
Chiến sĩ về quê rệt gấm là,
Cung nữ như hoa đầy điện ngọc,
Ngày nay chỉ thấy bóng chim đa.

(Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đan dịch)

Nguyên sơ, nước Việt là một nước chư hầu đời Đông Chu. Tiên tổ vua Việt là Vô Dư, con cháu vua Hạ Vũ. Vua Chu Vũ Vương (1134-1115) trước Tây lịch) phong cho Vô Dư làm vua nước Việt. Đất nước Việt gồm tỉnh Chiết Giang và tỉnh Phúc Kiến (sau đổi thành Mân Việt), đến năm thứ hai đời Chu Nguyên Chương (473 trước Tây lịch), vua Việt Câu Tiễn đánh được Ngô thì đất nước Việt lại thêm cả tỉnh Giang Tô và một phần tỉnh Sơn Đông.

Còn nước Ngô là nước chư hầu đời Đông Chu. Tiên tổ vua Ngô là Thái Bá, chú vua Chu Vũ Vương. Vua Vũ Vương phong cho Thái Bá làm vua nước Đông Ngô, gồm cả tỉnh Giang Tô và một phần tỉnh Sơn Đông, cả hai đều thuộc vùng duyên hải, tiếp cận hạ lưu và hải khẩu Dương Tử Giang.

Vùng này nổi tiếng là xinh đẹp nhất Trung Hoa, nhờ danh lam thắng cảnh và trai thanh gái lịch, di tích lịch sử và văn thơ nghệ thuật, lại còn trù phú nhất nước nhờ kỹ nghệ và thương mại với quốc tế, qua đại hải cảng Thượng Hải với mấy chục triệu dân, được liệt hạng nhất nhì trên thế giới.

Đi theo sông Dương Tử, tức là Trường Giang, chúng ta dừng xem bia đá khắc những chữ lớn Nhược Da Tân (bến Nhược Da) là nơi tắm gội và giặt lụa của nàng Tây Thi Di Quang: Tuyết Thế Giai Nhân. Và trải qua 25 thế kỷ, người đời, sử

sách và thi ca khắp Á Đông vẫn còn ghi nhớ năm chữ "Tây Thi Gái Nước Việt".

Trên kia, chúng tôi có nhắc phước danh của quý Lão hữu Đỗ Bằng Toàn và Bùi Khánh Đản, thời kỳ quốc nội thường nhật vẫn cộng tác với nhau trên lãnh vực dịch thuật thi ca Đông Tây Kim Cổ. Nay tuy xa cách đôi bờ Đại Tây Dương mà lòng tôi vẫn nhớ thường người tài giỏi hơn tôi và xin ghi lại đây toàn bài Phong Kiều Dạ Bạc bằng Hán ngữ và bản dịch ra thơ Việt ngữ của hai Vị ấy:

Phong Kiều Dạ Bạc

Nguyệt lạc ô đồ sường mãn thiên
Giang phong ngữ hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.
(Trưởng Kế)

Đêm Đâu Thuyền ở Bến Phong Kiều

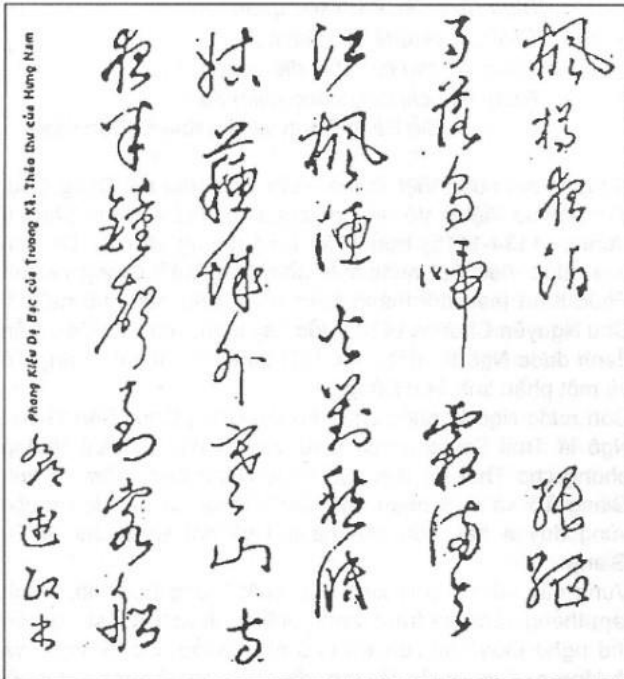
Quạ kêu, trăng lặn, khắp trời sường
Cây bến, đèn chài, giấc ngủ sông
Bên núi Cô Tô thuyền khách đậu
Chùa Hàn đêm vắng một hồi chuông.
(Bản dịch của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản)

Dịch nghĩa:

1. Trăng lặn, quạ kêu, sường phủ khắp trời.
2. Cây phong bên sông và ánh lửa chài đối giấc ngủ buồn bã.
3. Ngoài thành Cô Tô có chùa Hàn Sơn.
4. Nửa đêm, tiếng chuông vắng đến thuyền khách.

Chú thích:

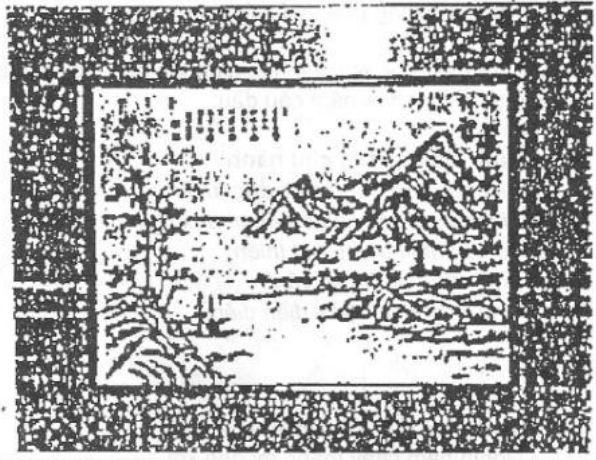
- Phong kiều: Cầu Tây Phong, ở trên sông Tây Giang thuộc Ngô huyện tỉnh Giang Tô (Pont aux Erables).



- Cô Tô Thành: Thành Cô Tô, ở trên núi Cô Tô, thuộc Ngô huyện tỉnh Giang Tô gần Thượng Hải, chỗ ngày trước vua Ngô Phù Sai xây đài Cô Tô cho nàng Tây Thi ra nghỉ mát.

- Hàn Sơn tự: Chùa Hàn Sơn, ở bên cầu Tây Phong, thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang Tô.

Và đây là Bức tranh màu Phong Kiều Dạ Bạc khắc họa trên đá cẩm thạch trắng, trưng bày nơi Chateau de Chailly, Paris.



- Phong Kiều Dạ Bạc là một bài thơ tuyệt cú âm điệu rất hay, tả người lữ khách nằm trong thuyền nghỉ ngơi lan man và cảnh đêm khuya tịch mịch nghe tiếng chuông chùa xa vắng.

- Đường thi dịch của Trần Trọng Kim: Bài thơ này đã do Khang Hữu Vi, thi nhân đời Thanh, viết lại rồi khắc vào bia đá chùa Hàn Sơn, mỗi chữ to 4 tấc ta, ngày nay vẫn còn. Chúng tôi cũng nhân cơ hội này, trình bày phóng ảnh tấm bia đá lớn, ghi khắc bài Phong Kiều Dạ Bạc, nơi thành Cô Tô và trước Hàn Sơn tự, bằng đại tự với bút pháp của Khang Hữu Vi, một danh sĩ Trung Quốc thời cận đại. Lại thêm một "thảo thư" của danh bút Hùng Nam của Trung Quốc hiện đại, cũng về bài thơ tuyệt cú ấy.

Và sau cùng là bản dịch của Vũ Tùng Chi ở Pau (thủ phủ của xứ Navarre, miền Nam Pháp Quốc):

Thuyền Đêm Ở Bến Phong Kiều

Não nùng tiếng quạ kêu sường,
Canh tà, nguyệt xế, thê lương lạnh lũng.
Lửa chài bến nước bập bùng,
Chòm phong ủ rũ, ven sông bó sỏ.
Sầu tư hồn điệp dập dờ,
Ngân nga chuông vọng Cô Tô đến thuyền.
Hàn Sơn cô tự u huyền,
Nửa đêm trầm bổng, cửa thiền nện khói,
Chày kinh tỉnh giấc chời với...

(Vũ Tùng Chi)

Trở lại bài thất ngôn tuyệt cú "Phong Kiều Dạ Bạc", nhà thơ Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn, bút hiệu TchyA (A viết hoa), đã để lại cho hậu thế thi tập Đầy Với mà chúng tôi may mắn còn giữ được lai cảo với bút pháp tinh tường, trong đó có hai bài dịch thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, tác dịch vào khoảng 1940-43, nhiều bài thân tặng Tri âm Lăng Nhân họ Phùng (hiện ở Luân Đôn), bài Oanh Vàng (cảm tác ngày đầu Xuân Kỷ Sửu 1949 lúc ở Côn Minh) mà tác giả đã gửi về nước cho cô đào danh tiếng Đàm Mộ Dung Hoàn ngâm trên Đài Phát Thanh Hà Nội, toàn bài như sau:

Oanh Vàng

Giữa cơn binh lửa tôi bồi,
Oanh vàng bỗng tiếng hát lời thi nhân.
Tinh xưa lá chén phong trần,
Người xưa lạo thảo mấy vần thơ xưa.

*

Yêu hoa những tiếc ngày xuân Mộng
 Nhỏ khách thi ngâm khúc khả Hoàn.
 Bức giang hồ khôn giảm sắc hồng nhan,
 Côn gió bụi khó hoen màu phấn đại,
 Lắm lúc muốn thu gờm tử hải,
 Đồi nọ cười ân ái để mà chời.
 Lúc kè mai, khi tựa liễu, khi rượu chén,
 lúc thở bài, khi đường tỏ ai oán khúc,
 khi dịp trống lắng lỗ rời,
 Kẻ hồng phấn ấy ai người mặc khách.
 Đã nhập thế phải nếm mùi thử thách,
 Nợ bút nghiên sênh phách cũng đều nhau.
 Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
 Thiếp thi giữ mãi lấy màu trẻ trung,
 Hữu duyên thiên lý tưởng phùng...
 Mai Nguyệt

Từ Côn Minh xa vắng, tiếp giáp với trời mây, Mai Nguyệt đã âm thầm gửi tâm tư về thấu Cố Đô Huế, mộng mơ và trầm lặng, để tìm lại hình ảnh dịu dàng của cô lái đò dọc ngang trên dòng Hương trăm thuở nghìn nhớ:

Sống sa ướt áo lụa dày,
 Anh đã có vợ, Trời đây em thương!

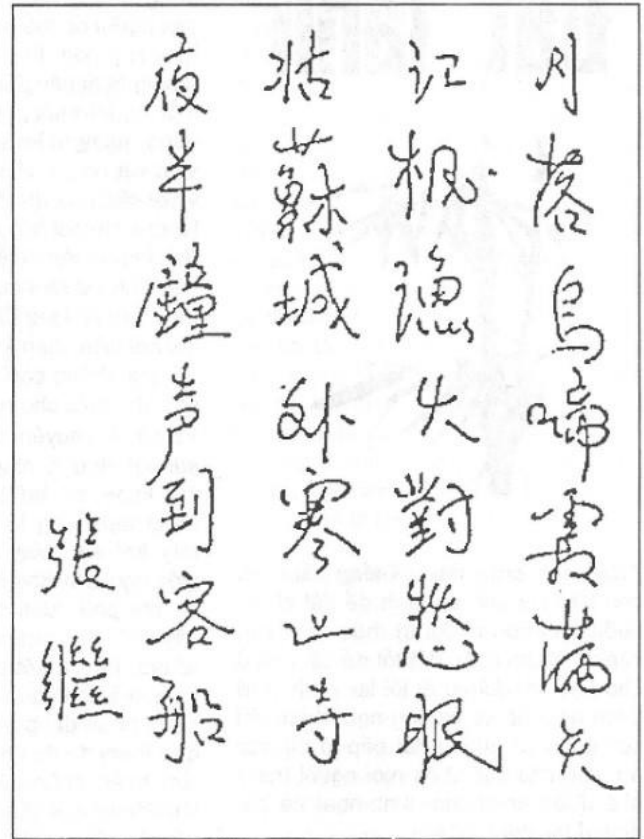
Bài thơ này đã được diễn ngâm trên đài Hà Nội trên 50 năm rồi mà âm hưởng ngày nay vẫn còn vọng lại phảng phất, lúc Phạm Lương Giang, thời sinh tiền, còn tìm kiếm mãi nơi hải ngoại.
 Nay, gần ngày giỗ của Mai Nguyệt đã qui tiên đêm rằm tháng 7 ta, năm Mậu Thân 1968, nhằm ngày chủ nhật 20/8/1968, sinh năm 1907, hưởng thọ 61 tuổi, chúng tôi van vái anh linh người bạn cố tri và xin phép đăng tải nguyên văn thủ bút nguyên tác Hán tự và 2 bài dịch Phong Kiều Dạ Bạc như sau:

Phong Kiều Dạ Bạc
 Nguyệt lạc ô đê sống mãi thiên
 Giang phong ngũ hỏa đối sầu miên
 Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
 Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền
 (Trưởng Kế)

Diễn Nôm:
 I. Quạ kêu trắng xế trời sồng
 Lửa chài cây bến đối buồn sầu miên
 Hàn Sơn vắng tiếng chùa chiền
 Nửa đêm đưa mái đến thuyền Cô Tô
 II. Quạ kêu trắng xế sống tuôn
 Lửa chài cây bến đối buồn nằm khang
 Thành Cô Tô miếu Hàn Sơn
 Nửa đêm chuông vắng tiếng sang thuyền người
 (Đái Đức Tuấn (Mai Nguyệt))

Về thân thế của nhà thơ Trưởng Kế, chúng ta cũng nên nhắc lại rằng: Ông là một nhà thơ danh tiếng thời Thịnh Đường (713-765), tự là Y Tôn, quê ở Thường Châu, đỗ Tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ 13 (754) đời vua Huyền Tông. Đến năm Đại lịch thứ 11 (776) đời vua Đại Tông, giữ chức Kiểm Hiệu Tù Bộ Viên Ngoại Lang, Phân chủồng Tài phú Hồng Châu.

Theo Mai Nguyệt, vốn là thành viên cốt cán của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng xuất ngoại, bốn ba khắp miền Nam Trung Quốc, cho chúng tôi biết thì:



1. Phong có bộ mộc là tên cây phong (érable mà Canada lấy lá làm quốc hiệu), không phải là badamier như Đào Duy Anh dịch trong Hán Việt Từ Điển (1936).
 2. Hai chữ Sầu Miên được Mai Nguyệt viết bằng chữ Hoa, ý Mai Nguyệt nói rằng đây là tên hòn núi lớn đối diện với bến Phong Kiều, là cầu bắc ngang sông có trồng nhiều cây phong, tức là hai cảnh trí cụ thể, vật chất mỗi đối diện (opposite) với nhau được, chỗ một vật cụ thể không thể đối diện với sự ngủ buồn (sầu miên) vô hình dung. Các Giáo sư Trần Kinh Hòa ở Đại Học đường Đài Loan và Hương Cảng, và Bác sĩ Nguyễn Trần Huân, nguyên Giáo sư Hán-Nôm ở Đại Học đường Sorbonne Paris, đều hiểu và giải thích như Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn.
 Tuy nhiên, Mai Nguyệt cũng tâm sự rằng: Bút ký TchyA, tuy được phổ biến với ý nghĩa "Tôi chẳng hề yêu ai", nhưng thật sự TchyA hàm ý "Tôi chỉ yêu Angèle", phường danh của một cô đầm lai ở Hà Nội, tuyệt sắc giai nhân, mà TchyA thương yêu nhất đời. Vì là tên người, vì là trùng với chữ Pháp Amour, mà chữ A này luôn luôn viết Hoa. Và chữ T hoa cũng biểu trưng cho Tuấn.

Và bây giờ đã đến lúc trình làng rằng nơi Chiêu Anh Các Paris vẫn còn trưng bày một bức tranh màu, bằng đá cẩm thạch trắng Đài Loan, khắc chạm bài thơ "Phong Kiều Dạ Bạc" của Trưởng Kế tài danh, chung quanh có cảnh trí thành Cô Tô, chùa Hàn Sơn, núi Sầu Miên đối diện với bến Phong Kiều, có thuyền chài đôi chiếc, có bếp lửa dưới ánh trăng mờ, với tiếng quạ kêu sồng như chạnh niềm cố quốc, thổi dấu tha hương...

(Paris - Chiêu Anh Các) Mạnh Hạ Kỳ Mão 1999)

Đất lạnh



"Đất lạnh chim đậu". Giống cầm thú còn biết lựa chỗ an lạnh để đặt chân, huống hồ con người tri thức cao hơn, càng biết tìm cuộc đất tốt để cất nhà ở cho hợp với đường đi lối lại, định vị trí thích nghi để kê giường ngủ, thậm chí còn chọn cả hướng đặt bếp lò để nấu ăn, sao cho sức khỏe mọi người trong nhà được an-khang, sinh-hoạt cả gia đình được thịnh vượng.

Bước vào năm 2000, con người đã tiến những bước rất xa trên mọi lãnh vực khoa học kỹ thuật, đã bay lên thật cao để nhìn được bao quát hơn mọi vấn đề. Tầm nhìn đặt cao trên tận các vệ tinh bay vòng quanh trái đất, xuống đến những linh kiện điện tử nhỏ li ti, xuyên ngang, nối dọc bằng nhiều đường song song, tất cả nằm gọn trong lòng bàn tay. Những điều tin tưởng xưa nay, thường bị coi là mê tín, cũng dần dần được kiểm chứng. Những năng lực đặc biệt của một số người, những tài nghệ bí truyền của một phường hội hay của riêng một dòng họ cũng lần hồi được tìm hiểu, điều nghiên, hệ-thống hóa và phổ biến sâu rộng. Ngay như khả năng tinh nhạy, cảm ứng kỳ bí của các thầy thủy bốc phương Tây trong việc dò tìm mạch nước ngầm, khai mỏ hay đào kiếm kho tàng... hoặc những kinh nghiệm chọn thế đất, những qui tắc về âm-dương, ngũ-hành, những phương hướng tốt xấu, những tia thiên nhiên trong vũ trụ hay các nguồn khí lực ẩn tàng trong hình thể núi sông của môn Phong thủy phương Đông, khi áp dụng vào việc xây cất hay qui-hoạch, cũng được các nhà khoa học thực nghiệm Âu Mỹ bắt tay vào khảo cứu. Họ dò ra

được những phương cách, khám phá ra các dụng cụ, máy móc để kiểm chứng cả các sự kiện kỳ bí lẫn lộn trong những điều mê tín dị đoan, để mọi người có thể hiểu ra, suy tầm, học hỏi. Họ còn tìm cách khơi dậy cả những tiềm năng sâu kín ẩn tàng trong mỗi người chúng ta, để phát huy xử dụng, ngày thêm phổ thông. Các nhà sinh vật học, y sĩ, kiến-trúc cũng đồng ý với các nhà địa chất học, vật lý điện tử và sinh-môi học rằng:

"Những nguồn nhiễu loạn sự sống của các sinh vật như *mạch nước ngầm*, các *tia ác xạ từ lòng đất* và *mù điện* (cách gọi *hở điện*, *điện khí*, như khi sưởi sa mờ mịt không còn nhìn thấy cảnh vật, gây khó chịu cho người và làm trở ngại xe cộ di chuyển, đã được gọi là *mù sương*) đều ít nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe, sự thú thái trong người, khả năng tập trung tư tưởng và tinh thần hay khí sắc của chúng ta, cả trong giấc ngủ; gây khó chịu cho các loài thú và chi phối luôn sự tăng trưởng của cây cối". Các nguồn nhiễu loạn tự sinh, tự tạo, tự liên kết nhau theo cách đơn giản, mà con người từ xưa xưa đã dò tìm ra và nhận dạng nhờ các dụng cụ như que thăm dò để tìm mạch nước và con lắc, hoặc nhận xét qua kính nghiệm lâu đời vài loài thảo mộc hay giống thú để cảm ứng. Một vài nền văn hóa cổ xưa đã cố gắng khắc phục, điều hòa, hoặc tìm cách né tránh, sửa chữa hay san định những nguồn nguy hại đó.

Những mạch nước ngầm là gì? Tại sao lại gây ra ảnh hưởng xấu cho các sinh vật sống bên trên ?

Ai cũng biết, khi trời mưa nước thấm dần xuống đất và chảy lan ra khắp nơi, cho tới lúc gặp vật cản hay một lớp không thấm nước, như một tầng đá lớn hay lớp đất sét. Phần trên mặt đất, các mạch nước hợp lại định thành ao hồ, hay chảy thành suối, sông, rồi đổ luôn ra biển. Còn nước thấm dưới đất cứ len lỏi mãi một cách khó khăn để đọng thành vũng, hay chảy thành mạch. Chính vì phải len lỏi khó khăn qua các lớp đất đá, sức ma sát càng mạnh, áp suất càng tăng cao. Những các lớp cát đá cũng giúp lọc sạch nước, tạo thành nguồn sống tươi mát. Tới lúc nước dồn đọng quá nhiều, đủ mạnh để mạch nước ngầm bắt đầu dâng cao, trước tiên thấm ngược lên mặt đất ở các thung lũng thấp, mà người xưa thường tìm đến những chỗ này để xây thành những giếng nổi. Mạch nước có thể dâng cao tại các gò nong, vùng đồi núi, rồi tuôn ra các kê đá, như nguồn Trường-Xuân trong khu Tấn Tử, tỉnh Thái Nguyên bên Tàu. *Đôi khi các*

chùa trên đỉnh núi đào giếng vẫn gặp nước.

Những các mạch nước không bao giờ chảy thẳng, mà tùy theo hình thể, tính chất, trạng thái của các lớp đất, đá, cát... cấu tạo thành vùng đất, mà chúng chảy qua. Đôi khi bị đứt quãng, hay đột nhiên lại đổi hướng vì đụng một tảng đá lớn, hay gặp một khối khoáng chất không thấm nước. Lại có lúc mạch nước như chảy ngược lên, do nguyên tắc bình thông nhau, hay rẽ thành hai nhánh cao thấp khác nhau, mà chỉ cần que dò tìm người ta có thể định được chiều sâu, cũng như người ta đã có thể đo được lưu lượng mạch nước, nhờ vậy ta có thể biết được năng lượng sinh ra để tính mức tác hại ít nhiều, nếu cất nhà và đặt phòng ngủ ngay bên trên mạch nước ngầm.

Tương tự như vậy, các chỗ đất chùi, đất sụp, nơi nếp gập của tầng nham thạch, những kê hồ, lỗ nê, ngay cả những đường nứt khiến các mô đất đá trượt tụt xuống theo và các hang hốc, động đá hay khoáng trống không dưới mặt đất tác động ra những năng lực đặc tính khác nhau, cũng tạo ảnh hưởng gây hại đến sức khỏe của các sinh vật sinh sống bên trên.

Cây cối là những "chủng nhân" tốt nhứt cho ta thấy các tác dụng gây hại từ dưới đất. Chúng không thể trốn chạy đi đâu, mà phải kiên cường bám đất, đứng chịu trận tại chỗ cho đến tàn đời. Qua cách mọc lên, phát triển, đâm cành rẽ nhánh, chúng đã tự phơi bày ra giữa thanh thiên bạch nhứt, mọi tác động tốt xấu, lợi hại của các năng lực này sinh từ dưới nơi chúng đã bám rễ. Hầu hết các năng lực sinh ra dao động như mạch nước ngầm đều gây nguy hại. Tự bản chất các sinh vật thường thích tránh đường, nhường chỗ cho thủy lực, tức vùng phát sinh năng lượng của nước, nên được gọi chung là sinh vật ly cách xạ tuyến. Mặc dầu rất khó cảm nhận những tia như vậy trên mạch nước ngầm, hay đúng ra là ảnh hưởng sự dao động của nước. Chúng ta cứ đi dạo ngoài trời, để xem cây cối mọc ở một nơi nào đó ra sao: Những loại cây ăn trái, đặc biệt là những trái có hạt, các loại lâm tùng, đề gai, điền ma (lá giống lá bồ đề) phản ứng hết sức bén nhạy với những năng lực bất lợi. Ngoài thiên nhiên những cây loại này nếu lở mọc trên mạch nước, thì thân cây luôn ngã lệch, mọc xiên đi cho đến khi thoát khỏi vùng ảnh hưởng của dao động mạch nước, rồi mới tiếp tục mọc thẳng lên lại. Hơn nữa độ xiên lệch của hàng cây mọc bên trên mạch nước cũng khác nhau, tùy theo từng

loại và phần thân gần ngọn phản ứng ít nhạy đối với các tia dao động hơn phần thân gần gốc cây. Thỉnh thoảng ở vài địa phương ta vẫn thấy trong đám cây mọc thẳng, tự nhiên có cây mọc nghiêng lệch như sắp ngã đổ xuống, rồi lại uốn mình mọc thẳng lên lại: Điều đó xác định cây đã cố gắng mọc thoát ra khỏi vùng dao động của mạch nước ngầm chày qua dưới đất. Dĩ nhiên người ta cũng phân biệt được ngay mấy cây mọc xiên loại này không phải bị gió bão quật ngã, vì chỉ duy nhất một cây đón lè nằm rạp xuống một đoạn rồi vươn lên, trong khi những cây khác trong hàng hay trong một khu lại mọc thẳng lên bình thường. Một vài cây khác lại phản ứng bằng cách tách đôi từ gốc, tạo thành hai thân cây mọc đứng sát nhau trên cùng một gốc, mà ta thường gặp trong rừng, nơi mà cây cối chen chúc nhau mọc khít khao, không còn khoảng rộng như ngoài đồng trống, để có thể mọc ngả nghiêng để lẩn tránh. Trong khoảng rừng hẹp đó lại có một cây mọc ngay trên ngã tư giao nhau của hai mạch nước ngầm. Nó không còn chỗ để mọc ngả xiêng hầu tránh khỏi vùng dao động. Không thể sửa thể mọc, để đạt tới vị trí tốt hơn được thì cây phải nhượng bộ, bằng cách vận mình mọc xoắn như cái mỏ nút chai rượu! Tùy theo sức mạnh của các lực dục phần, mà thân cây sẽ mọc xoắn theo chiều kim đồng hồ hay ngược lại. Sự dao động của mạch nước không phải lúc nào cũng gây tác dụng ngăn cản, hãm đà phát triển, làm cây cối mọc chậm lại, mà có khi cũng thúc cây mọc theo phản ứng vượt trội, như thể các năng lực dư thừa rịn ra khắp mọi nơi, thúc cây mọc tua tua đầy kín các mầm non, lá nhỏ, từ gốc ôm suốt hết thân cây như một bộ lông.

Những bên cạnh những sinh vật ít nhiều bị tật bệnh hay thậm chí khô héo tàn tạ, cũng có vài sinh vật đặc biệt tăng trưởng tốt, sinh sôi nảy nở đầy cành lá hoa trên các mạch nước ngầm, được gọi là sinh vật tìm tia bức xạ. Chúng thường mọc gần nơi mạch nước. Giống như trường hợp âm nhạc: Những kẻ thích nhạc cổ điển êm dịu sẽ không thể chịu nổi loại nhạc Rock ồn ào, giục gân và ngược lại. Người ta đã nhận dạng được một số cây loại này như cây dẻ, dương liễu, cây trần, bạch dương và nhiều loại dây leo: Như khi ta trồng đậu leo ngay trên giao điểm của hai mạch nước, nó mọc nhanh hầu như không nghĩ và kết quả hết sức dồi dào, cho đầy hạt đậu no tròn. Cây hướng mọc cũng vậy, nó lại thích mọc gần

các cây ăn trái, chẳng những nó không chia phần chất bổ dưỡng nuôi cây, hay cưỡng đoạt bớt phần ánh mặt trời mà nếu cùng mọc ngay trên mạch nước, nó sẽ giúp cây ăn trái tiêu thụ hết phần năng lực dư thừa. Hai cây sẽ kết hợp thành một cặp hài hòa. Tương tự như vậy cây tầm-gũi cũng đặc biệt này nở tốt trên mạch nước. Cho nên nó được xem như dấu hiệu chỉ dẫn vị trí mạch nước bên dưới, cũng như cây tầm-ma mọc lan tràn trong vườn có các mạch nước ngầm. Còn những cây dâu rừng, nhiều loại cây dược liệu, các loại cây cho quả mọng, quả nạc hay dây leo như trường-xuân-đẳng thường mọc dọc theo đường mạch nước chày...

Loại thú cũng phân làm hai loại: Loại sợ dao động của mạch nước ngầm và nhút là không thể chịu nổi những tia đất như phần nhiều các giống thú vật nhà, chó, ngựa, bò, heo hay dê. Nếu vô tình chủ xây chuồng hoặc ép chúng phải nằm ngủ tại chỗ có nhiều xạ tuyến, chúng luôn xoay trở, lờn lộn khó chịu, rồi gầy ốm và thường sinh bệnh. Ở ngoài đồng trống hay trong chuồng hoặc chỗ ở rộng chúng luôn tự tìm ra chỗ nằm thích hợp. Cò và chim én cũng thuộc vào loại ly cách ác xạ, vì chúng không bao giờ làm tổ tại nơi có nhiều xạ tuyến, hiểm địa. Các chim gõn và truyền thuyết phương Tây đều kể, hai giống chim này con thì thích làm tổ trên ống khói, con thì thích làm tổ nơi đỉnh đầu hồi hay dưới diềm mái. Chúng làm tổ tại nhà nào thì sẽ đem lại may mắn, phúc lành và nhút là sự *mắn đẻ*, cho gia đình nhà đó sinh đông con. Hình ảnh con cò bay ngậm hai chéo tã mang đứa bé sơ sinh in trên thiệp mừng sinh con, thường được các bà mẹ lấy làm câu trả lời cho đứa con nhỏ hiếu, em nó từ đâu sanh ra. Mèo thì hoàn toàn trái ngược với chó. Nó là con thú tìm thích xạ tuyến, nên luôn luôn hạp với chỗ xấu, sinh bệnh. Ngay tục ngữ ta cũng xác nhận: *Mèo tới nhà thì khó, chó tới nhà thì sang*. Phần lớn các loài côn trùng, rắn và vi trùng đều là loài thích tìm ác xạ! Nhiều đường kiến đi vẽ ra hướng mạch nước ngầm. Nổi ong vò vẽ đóng tổ là chỗ đất hung hiểm.

Không phải chỉ các sinh vật mà ngay cả nhà của đường sá cũng bị tổn hại bởi những dao động của mạch nước và các tia đất. Các nhà quan sát Đức đã ghi nhận các mạch nước ngầm đã làm gia tăng độ ẩm ướt bên trên, khiến các mặt tường xây nơi đó đổi màu dù chung quanh không có một

vùng nước đọng và phía đó chẳng phải là phía mưa tạt nhiều hơn những mặt tường ở phía khác. Hơn nữa hàng loạt những dao động phát sinh từ dưới đất còn gây thêm những tổn hại nặng. Những năng lực mạnh này đã làm nứt các bức tường. Lúc tu bổ hay canh tân những ngôi giáo đường cổ, các bức tường nứt và chỗ sàn nhà thờ hư hại đã được phá bỏ và xây lại mới tinh. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn mấy chỗ nứt cũ lại bắt đầu rạn ra và chỗ sàn hư cũ cũng thâm xi lại. Vì ngay mấy chỗ đó các tia đất đã phát lên quá mạnh và hình thành từ lâu đời rồi. Chẳng những lớp hồ tô mới không chịu đựng được lâu năng lực từ dưới đất, mà ngay đoạn gỗ chi, con lươn trang trí bằng sa thạch tại một góc cửa sổ cũng mòn ra như bụi trong khi những đoạn gần bên không hề hấn gì. Thật khác xa với những chỗ bị thời tiết xâm thực.

Đến như đường sá cũng thường bị nứt mạnh trên mạch nước ngầm và hàng rào cây sống bên lề đường cũng mọc còi cọc nơi đầu đường nứt. Trong rừng cũng có vài con đường mòn hình thành một cách tự nhiên ngay bên trên mạch nước ngầm, trùng lấp với đường vạch của mạng lưới tia đất toàn cầu, vì trên mấy đoạn đường đó các chồi cây không thể nào mọc lên nổi.

Đối với những dao động nước ngầm và các tia đất *con người được xem là sinh vật ly cách ác xạ*, tuy bên cạnh số người nhạy cảm mạnh mẽ và phản ứng sinh bệnh cấp kỳ, cũng có những người "da dày" hơn không cảm nhận rõ rệt. Cũng không phải mọi cơ quan trong cơ thể người nào cũng dễ nhiễm bệnh giống nhau. Thật là may mắn nếu ta được trời sinh có thân thể tráng kiện, ở đâu, ngủ chỗ nào cũng không hề hấn gì, dưỡng như luôn khỏe mạnh trong mọi hoàn cảnh. Nhưng ta phải nghĩ đến những người có cơ thể yếu kém hơn. Cách đơn giản nhất nếu thấy một người cử mang bệnh rề rề chữa hoài không khỏi hay luôn gặp xui xẻo, ta thử đề nghị xoay giường ngủ, hoặc đẩy qua cạnh kia của căn phòng. Hơn nữa nếu hai ba người khác nhau đã lần lượt ở qua trong cùng một gian phòng, mà đều mắc bệnh như nhau, thì phải nghĩ đến việc đổi phòng khác. Rồi lâu lâu phải đi đổi gió ở nơi khác. Trường hợp nặng hơn phải đổi luôn chỗ ở. Chưa kể đến những trường hợp phát hiện triệu chứng sinh bệnh tiệm tiến lâu dài, vì hầu hết các mạch nước ngầm đều có tác động gây hại sớm hơn. Tùy theo hưởng từ thông của mạch nước, dao động nước có tác dụng khác nhau lên các cơ quan của con người: Chày từ

đầu xuống chân, nó có tác dụng rút bớt, nghĩa là cướp đoạt năng lượng. Một người ngủ trúng luồng dao động đó sẽ ngủ mê và lâu, song không phải đúng là ngủ đây giấc, vì sau mười tiếng đồng hồ tỉnh dậy, anh ta sẽ cảm thấy đầu nặng, người choáng váng. Mạch nước khác chảy từ chân lên đầu sẽ khiến người nằm bên trên cảm thấy bất an, y như khi ta vuốt ngược lông con mèo khiến nó rung mình dựng sừng lông lên. Nhiều người khi nằm trên đó sẽ không dễ giấc ngủ được và trong người luôn bị kích động, dù có thể mệt mỏi ngủ chập chờn. Đôi khi cả ngày hôm sau vẫn cảm thấy bần thần khó chịu, dễ cáu giận quạu quọ. Nếu mạch nước chảy ngang qua dưới giường ngủ, thì phần cơ thể nào, cơ quan nào gặp trước tiên sẽ căng bấp trịt ra rồi bệnh tê thấp sẽ nhiễm đến.

Các mạch nước chính ra không gây hại, nhưng nước có thể chuyển chỗ mọi thứ, lại có thể điều biến thành lọc các cặn bã qua các lớp đất đá mà nó chảy qua, nên dễ chịu ảnh hưởng của thế giới chung quanh, tùy thuộc vào những rác rưởi mà nó cứu mang. Thành thử mạch nước càng dờ bần thì dao động của nó càng thiếu hài hòa; tổn hại càng tăng dần lên ở trường hợp những mương nước thải, các đường cống rãnh chạy ngầm dưới đất. Sự gây hại càng trở nên nguy hiểm nếu chúng lại kết hợp với những tia ác xạ! *Chữ dờ bần* còn được hình dung nghĩa bóng cho mạch nước bị nhiễm mù điện hay chảy ngang qua điện tử trường tác hại hoặc nằm đúng trong vùng địa lý xấu.

Từ thời xa xưa, con người đã biết về một mạng lưới các tia năng lực đầy bí mật bao phủ toàn thể mặt địa cầu, phân phối cũng khá đều đặn như các đường kinh tuyến, vĩ tuyến vẽ trên các địa đồ. Những điều hiểu biết về các tia đất được tìm thấy trong tất cả mọi nền văn hóa trên khắp hành tinh này. Nhưng luôn luôn chỉ các nhân vật đặc biệt như quý vị Tăng lữ, Tu sĩ biết pháp thuật, những thầy phù thủy, bậc tế sư, thầy pháp hay y sĩ mới có khả năng dò tìm, khám phá ra những địa tuyến này.

Các nền văn hóa cổ xưa nhiều ngàn năm trước Tây lịch còn tiếp diễn đến ngày nay như Trung Hoa, Hy-Lạp, La-Mã hay những dân tộc thuộc giống Ấn-Nhật-nhĩ-mạn (Kelten), từ Trung, Nam Đức, tới Pháp, qua Anh, xuống Ý, Tây Ban Nha và vùng bán đảo Balkan..., lúc khởi thủy thời cận đại (1500) đã xử dụng các tuyến đường

phát sinh tia đất như những đường ranh nghệ thuật để định hướng cất nhà, hoặc xây dựng những công trình thờ phượng đặc biệt, những giáo đường và lăng mộ. Sự hài hòa bên trong các công trình sẽ gia tăng hơn lên, nếu họ liên hệ đúng ranh địa tuyến với kiến tạo. Chẳng những các ngôi nhà thờ cổ, các gia cư, mà đôi khi những chuồng bò, chuồng ngựa, bộ phận kinh tế gia đình đáng kể thời đó, đều được xây dựng đúng theo qui luật này. Đáng tiếc các điều hiểu biết về năng lực của những tia đất được thiên hạ vào thế kỷ 18 tiết lộ ra như những điều mê tín dị đoan, nên phần lớn những tin tưởng và qui-luật này đã bị thất truyền. Mãi cho đến đầu thế kỷ này các khoa học gia khách quan mới tái lập sự khảo cứu về mạng lưới địa tuyến này và biên soạn từng phần trong toàn bộ nghiên cứu rộng lớn mệnh mông này. Các bác sĩ y khoa nổi tiếng như Ts. Ernst Hartmann và Ts. Manfred Curry đã tiến hành công cuộc khảo cứu một cách tường tận, từ những năng lực ích lợi đã được biết lúc xưa, cho tới những tác động gây hại, sinh bệnh trước mắt, mới được dò tìm và nghiên cứu. Người ta đã nhận định được ngay, nếu ở lại lâu dài trên đường địa tuyến này và nhứt là ngay trên giao điểm của hai tuyến đường thì có thể bị nhiễm bệnh. Tác động sinh bệnh sẽ nặng nề hơn, nếu ở đặt giường ngủ tại ngay chỗ đó. Điều nhận biết này đã phát sinh nỗi sợ về mạng lưới địa tuyến. Nói chung nhiều người đã khắc ghi quan niệm Tia ác xạ với hình dung mối liên hệ tiêu cực, gây hại! Dù khoa học chính thức vẫn chưa muốn đính dánh tới loại khảo cứu này, vì các dụng cụ trắc địa thông thường vẫn chưa đo đạc được các tia đất, các máy móc kỹ thuật vẫn xử dụng chưa định hướng được các địa tuyến. Nếu bên cạnh vi trùng, vi khuẩn còn có những siêu khuẩn mà kính hiển vi điện tử mới nhứt vẫn chưa nhìn thấy hết được, thì trong thế giới chúng ta, bên những năng lực vật chất đã khám phá, còn có những năng lực tế vi, tinh nguyên mà các khoa học gia đang cố công dò tìm khảo sát. Nhắm vào vũ trụ, người ta đã biết, không gian không phải là chân không, mà được lấp đầy bởi những năng lực tế vi tinh nguyên, tự tạo và một phần phát sinh thành mạng lưới địa tuyến. Cũng như hợp lực hỗ tương đã phát sinh những tia tử trường chung quanh trục riêng của chúng, do sự chuyển động của trái đất và mặt trăng trong vũ trụ. Các triết gia Hy Lạp xưa kia đã gọi vũ trụ bao gồm đầy những năng lực tế vi là "áther", còn Wilhelm

Reich mới đây gọi là "Năng lực Orgon". Ông ta đã mô tả dòng Orgon đã tổng đầy trái đất cho nó bởi lợi trong một đại dương năng lực. Vì vậy ta có thể hình dung các địa tuyến như những đợt sóng không chuyển động, mà ở nguyên một chỗ, nên ta có thể gọi là "sóng đứng". Những dòng mức năng lượng không chỉ nổi bật, cao hẳn lên, mà còn có tác dụng như vật dẫn truyền các dao động và tín hiệu.

Có nhiều mạng lưới địa tuyến khác nhau đã được khám phá: Như mạng lưới toàn cầu, mạng lưới Hartmann quan trọng hơn cả. Tiến sĩ E. Hartmann là một y sĩ chuyên nghiên cứu những tác động của mạng lưới, đã gây tổn hại đến các cơ quan trong cơ thể con người này. Ông đã chủ ý thuê mướn đúng ngôi nhà mà trước đây có nhiều người chết vì bệnh ung thư. Sau khi ông nhờ một thầy thủy bói, chuyên dò tìm mạch nước, mạch mỏ, dò tìm xác định giúp các đường vạch của mạng lưới địa tuyến chạy ngang qua gian nhà, ông liền cho đặt mấy cái ghế lên ngay giao điểm, ngã tư các đường vạch này, rồi để những người tình nguyện ngồi lên cho ông bắt mạch, nghe nhịp tim, xử dụng cả máy ghi tâm động đồ và xem cả những phản ứng đối kháng trên da cùng khảo sát nhiều điều mà người thầy thuốc hằng quan tâm. Ông đã lập lại sự khảo sát và dò tìm nhiều lần, so sánh với các vị trí trung hòa, nghĩa là chỗ đặt ghế cho người thử nghiệm không ở trên ngã tư mạng lưới hay mạch nước ngầm. Sau nhiều năm thâm cứu tốn kém, ông đã trình bày thành quả đạt được trong tác phẩm hai quyển dày tựa đề "**Bệnh do nơi cư trú**", mô tả minh bạch mối liên hệ giữa các nơi cư ngụ lâu dài ngay trên các ngã tư, ngã sáu các giao điểm của mạng lưới địa tuyến với các hình thức bệnh tật, chẳng hạn như ung thư.

Các đường ngang dọc của mạng lưới toàn cầu này chạy gần đúng như các phương địa dư, cũng từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Mỗi tuyến hay đường vạch trong mạng lưới rộng khoảng từ 15 đến 30 cm và dựng thẳng đứng các hàng tia đất như bức tường vô hình. Có điều các tuyến đường này không chạy thẳng băng mà hơi uốn mình theo hình rắn trườn, vì chúng bao gồm những năng lực xung động chuyển động rất chậm, chỉ dợn sóng nhẹ. Các đường dọc như kinh tuyến chạy từ Bắc xuống Nam cách nhau độ 2 thước rưỡi, trong khi các đường ngang như các vĩ tuyến chạy từ Đông sang Tây, cách khoảng chừng 2 thước. Rồi nằm thẳng góc nhau, kết

thành mạng lưới và uốn mình nhô lên hợp xuống, đổi dạng theo địa hình núi sông, hơi giống tấm vải sọc ô vuông khổng lồ, co giãn ô sát, phủ kín mặt đất nhấp nhô. Trong không gian ba chiều mạng lưới toàn cầu nhìn giống như một mạng tinh thể. Các đặc tính của địa tuyến rất giống với từ tính vật chất, nên được xếp chung vào từ lực. Mỗi tia cũng có lực tác dụng hoặc dương hoặc âm và tia dương phải đi theo tia âm. Từ đó có thể tìm gặp quan niệm âm dương, ngày đêm, giống đực, cái... theo vũ trụ quan Đông phương. Năng lực các địa tuyến cấu tạo nên mạng lưới chày chày chậm, hơi uốn khúc, như các lạch nước nhỏ trong đồng cỏ, xác định một **luồng tử thông**. Trong một vùng xung quanh không bị nhiễu, phá rối, luồng thông lượng đi từ dương qua âm, nghĩa là từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Ở một nơi nào, nếu **luồng thông lượng** đi nghịch chiều thì tại nơi đó kết tụ một **vùng nhiễu** rất mạnh, mà phần nhiễu là do nguồn kỹ thuật. Vì vậy khi nằm ngủ tốt nhất ta nên để đầu hướng về phía Bắc. Nếu nằm hướng theo chiều khác chỉ trở nên vật cản trở luồng năng lượng vật chất tế vi khiến nó phải xoay chiều, cuốn mạnh, khiến giấc ngủ trở nên khó khăn và nặng nề.

Cũng như các mạch nước ngầm, ta có thể qui định được hướng tử thông của năng lượng mạch xung động nơi các tia đất, tuy ít hẳn cảm hơn nước. Không phải mọi tia đất đều có tính năng lượng giống nhau và không phải mọi người đều phản ứng với các năng lực đó như nhau. Các chuyên gia Đức đã lập ra cây thước phân độ (Skala) chia hai phần từ -1 đến -10 và từ 1 đến 10 cách đều hai bên vạch 0, để phân định mức tai hại của những tia gây bệnh và tầm hữu dụng của những tia ích lợi. Nghiên cứu các tài liệu chuyên môn ta thường gặp trị số Bovis. Đơn vị này lấy từ tên của nhà vật lý Pháp Alfred Bovis, khoa học gia đã chịu dần thân vào sâu trong lãnh vực địa lý như một thầy thủy bốc chánh hiệu. Ông đã diễn tả và tính toán trị số năng lực ở một nơi với độ dài sóng của ánh sáng, bằng đơn vị quang học Angström. Theo kinh nghiệm khảo cứu nhiều năm ông đã xác định rõ, tất cả những độ dài sóng ở nửa dưới trị số 6500 sẽ gây hại cho sức khỏe con người, còn phần nửa trên trị số này sẽ có lợi.

Vị trí các địa tuyến trong mạng lưới toàn cầu đứng nguyên một chỗ trải qua hàng ngàn năm không thay đổi, trừ phi có lực gia tốc hay sự hâm chày

vòng quay của trái đất! Nhưng ở một số địa phương chúng có thể uốn vòng, bẻ trật và vặn téo rất mạnh, nếu chẳng hạn có những cao ốc bất đồng, không hòa hợp được dựng lên hay một tòa nhà lớn xử dụng quá nhiều kim loại; cũng như các công trình kỹ thuật có thể lôi kéo mạng lưới một vùng uốn vặn theo. Các tia đất tác động rất giống với từ lực vì cũng có hai cực khác nhau, nhưng khó cảm nhận hơn và lại có tác động **hỗ tương** với mọi thứ kim loại: từ chiếc bình cà-phê bằng thiếc, hay chiếc đèn đêm bằng đồng, hoặc các giàn lò sưởi bằng gang cho đến các khung cửa nhôm hay máng xối và các ống thoát nước bằng kẽm... Mấy tấm gương soi tráng thủy ngân với tính phản chiếu mạnh, càng tác hại đặc biệt nan giải hơn. Tùy theo độ lớn của đối tượng, các địa tuyến sẽ tác động rộng rãi hơn hay chỉ giới hạn trong một bán kính nhỏ hẹp. Một bếp lò kim loại đặt sát tường một căn phòng có thể đẩy lui địa tuyến chạy gần qua đó, khiến nó phải uốn vòng qua. Khi tiến gần đến các đối tượng kim loại, nó có thể giãn ra hoàn toàn, uốn cong, vặn xoắn, biến hình từ trường sai lệch đi. Các chuyên gia gọi tuyến đường này bị "gãy", nghĩa là nó ngừng lại nhưng không dứt, mà thỉnh linh chuyển hướng. Một tuyến đường mới được sinh ra hay tuyến đường cũ đã khúc xạ, khiến năng lực tăng thêm lên và tầm tác động mở rộng hơn. Rồi tấm gương soi phản chiếu sẽ khuếch trương thêm các tia, làm cho dao động như lan ra khắp phòng.

Bên cạnh mạng lưới toàn cầu này lại còn mạng lưới đường chéo, vì bao gồm những địa tuyến chạy theo đường chéo, nối các góc ô vuông của mạng lưới thủ nhứt, theo như khảo cứu của Bác sĩ Manfred Curry, vì vậy còn gọi là mạng lưới Curry. Mạng lưới thủ hai này đặc biệt tác động tích cực tại các ngã tư giao điểm của các địa tuyến đồng cực, phân ngã tư thủ nhứt thành ngã tám, tăng cường xung động tại tụ điểm phát tia này. Bổ sung vào các mạng lưới này còn có những luồng thông lượng vật chất tế vi khác, kết hợp lại tạo thành từng vùng **địa lý phong thủy rộng** tới 12 thước, đủ phủ khắp một nền nhà hay một phần miếng đất xây cất. Trong phong cảnh rộng lớn, mạng lưới toàn cầu cùng mạng lưới đường chéo có thể so sánh với các mương, lạch nước, suối nhỏ, còn các vùng địa lý kết thành các sông rạch tương đối thẳng. Hơn nữa các tia đất còn chiếu lên cao tòa rộng ra, nên trong không gian ba chiều có thể ví như các dòng phun thạch phun ra từ

miệng núi lửa, những vô hình vô ảnh, lại khó cảm nhận được ngay trong giây lát. Các vùng địa lý phát sinh chủ yếu qua các vùng núi đồi, sông suối, nên thường khuôn theo địa hình và mang luôn tính chất của phong cảnh. Tại mỗi một vùng địa lý, năng lực không chỉ được phát hiện ở dưới gần nền đất, mà còn tăng cao hơn lấp đầy khoảng không gian bên trên. Ngọn núi càng lớn lao, vùng địa lý càng kéo dài lan rộng và phát năng lực ra mạnh hơn. Nơi khởi điểm càng cao, tác động của một vùng địa lý càng lan rộng từ vài chục đến hơn nhiều ngàn cây số. Các vùng địa lý không phát sinh ra đúng bốn phương trời, mà theo tất cả, bất cứ hướng nào có sẵn vì chúng không đứng liên kết trực tiếp với các địa tuyến. Nếu ta đã so sánh mạng lưới toàn cầu với từ lực, thì nay ta có thể xem năng lực của vùng địa lý như điện từ lực, trong đó tồn tại một tác động hỗ tương hết sức mạnh giữa hai loại năng lực này. Các nhà khảo cứu đã khuyên ta chớ coi thường bình diện vật chất tế vi, đã được phát hiện như vận số xui của thời đại cơ khí hóa của chúng ta. Chính chúng ta đã làm ô nhiễm và phá rối cơ sở đời sống riêng của chúng ta, và qua đó đã tước đoạt sinh lực nơi ăn chốn ở của mình, mà không chú ý. Chẳng hạn các trang bị phát tuyến cho truyền thanh, truyền hình tại một vùng địa lý thường gây ra hai tác động tàn phá: Tác động thủ nhứt biến vùng này thành đường dẫn truyền các chấn động cao tần, sinh các sóng cực ngắn (Mikrowelle) và khuấy rối, gây ô nhiễm trong vùng. Vì cường độ cao đã tăng cường tác hại của các làn sóng truyền hình, rồi những dao động này gây xáo trộn trong cơ thể của chúng ta, cũng như của thú vật và cây cối. Tiếp theo sau đó là sự bất ổn, căng thẳng thần kinh và sự mệt mỏi kinh niên. Thủ hai có thể qua tác động hỗ tương phát sinh những vùng địa lý nhân tạo mang những tính chất không hài hòa. Tác hại của các cơ sở kỹ thuật, xưởng kỹ nghệ sẽ gia tăng, nhân lên gấp nhiều lần khi được xây cất ngay trên vùng địa lý.

Cho tới nay việc khảo cứu về tác động của mạng lưới tia đất đối với thú vật và cây cối chưa được đầy đủ. Nhưng đối với sinh vật chịu xạ tuyến giỏi như mèo cũng chỉ chọn nằm tại điểm bức xạ tới mức độ mà nó có thể tự cải sửa để chịu đựng nổi. Cũng như tại các vùng địa lý có thể gây ảnh hưởng đến thú vật và cây cỏ, ta chỉ thấy các dược thảo chịu lực rất mạnh như cây ô-rô, cây hoa lồng đèn, cây cà diên... mọc gần nơi phát lực. Thường

thì mạng lưới toàn cầu và các mạch nước ngầm gây bất lợi cho sức khỏe của thú vật và sự phát triển của cây cối. Chỗ mọc đối với phần thân cây quan trọng nhất. Thân cây phải tránh né các tia bất lợi trên địa tuyến, cho đến khi thoát khỏi vùng ảnh hưởng nó mới mọc lại bình thường. Nếu cây mọc ngay trên ngã tám giao điểm của các mạng địa tuyến chịu sự khống chế của nhiều ảnh hưởng nhiều ở khắp mọi phía khiến nó phải *trần minh* mọc lên thẳng, thì thân cây lại nổi lên nhiều bầu ung lạ bao quanh. Đối với con người sự tác hại có hiệu lực rõ rệt. Nhiều khảo cứu khác nhau đã khẳng định minh bạch rằng, có sự liên quan giữa các căn bệnh đã được điều nghiên với phòng ngủ hay chỗ làm việc đặt ngay trên giao điểm của mạng lưới toàn cầu. Dù cũng có những tia đất vô hại, nhưng tất cả đều là tuyến dẫn truyền và vật khuếch đại những nhiễu loạn. Chúng đã chuyên chở và tăng cường nhiễu gây hại của các công trình kỹ thuật đi rất xa và lan rộng thêm và đang góp phần lớn trong sự thay đổi một cách thô bạo môi trường sống của con người. Đứng theo quy tắc, cơ thể con người sở hữu những kháng thể đủ sức phòng thủ và chiến thắng vài nhiễu loạn đơn lẻ một cách dễ dàng. Sự tai hại đến mức gây bệnh chỉ xảy ra khi có quá nhiều yếu tố bất lợi nặng nề đồng thời xảy ra. Nếu gặp sự trùng hợp của hai đời chủ cùng mắc một chủng bệnh, khi đã cú ngụ trước sau trong cùng một gian phòng, hay một bà củ mắc bệnh kinh niên, chữa hoài không khỏi, vừa chợp mắt ngủ thì thấy ác mộng, hoặc một đứa bé khó nuôi nay đau mai yếu, hễ đặt xuống giường thì khóc ré lên, ta nên đề nghị họ thủ đổi phòng hay xoay vị trí giường ngủ.

Vấn đề mạng lưới địa tuyến xưa kia ít được chú tâm hơn ngày nay. Trong chồng sách cổ chẳng có dẫn chứng nào ghi việc các thầy địa bốc được nhờ tìm một chỗ ngủ tốt cho sức khỏe. Nền văn hóa cổ xưa ở phương Tây chỉ dành chỗ xứng đáng cho việc nhắm phương, tìm đất để thiết lập các khu cư trú. Họ tự định hướng đất đai với các địa tuyến các bên, mà cũng với bộ đồ lông của các thú vật hi sinh cúng tế! Nên chỗ gây nhiễu bệnh cũng như nơi đất tốt cho sức khỏe con người đều không đúng hẳn. Chỉ thích hợp với cả một dãy nhà, hay một thành trì chỗ không dành riêng cho một chỗ ngủ đơn lẻ. Ngoài ra các thầy tử tế, phù thủy hay các tế sư cũng chọn hướng dựng đàn cúng tế hay xây các lăng mộ. Còn các thầy thủy bốc vào thời Trung cổ chỉ

được trọng vọng về khả năng dò tìm các kho báu hay mạch mỏ quý. Tiến hành việc nghiên cứu địa lý phong thủy ngày nay còn khó khăn hơn, vì nhiễu luồng thông lượng vật chất tế vi đã bị đóng chốt bởi các công trình bề thế xây dựng bên trên, hay các xa lộ và đường hầm dài xuyên núi. Ở nhiều vùng thật khó mà học hỏi ở cảnh vật địa hình, hay tránh khỏi sai sót khi dò tìm những luồng năng lượng thiên nhiên. Tạm thời ta hãy khảo sát lại các quy luật địa lý trong kiểu kiến trúc và cách định vị trí của các công trình xưa. Cho tới khoảng hai trăm năm về trước các ngôi nhà thờ đều được xây dựng theo tiêu chuẩn địa lý. Người ta đã cố công tìm các địa điểm đặc biệt để xây lên các ngôi giáo đường trong vùng hài hòa của các luồng thông lượng tại nơi đó. Chỉ tiếc hiện nay phần lớn những qui luật này đã bị rơi vào quên lãng, vì đã từng bị coi khinh là mê tín dị đoan! Ngày nay người ta xây dựng theo đường ranh xây cất, lộ giới mà qui hoạch thành phố đã định sẵn từ trước và thu xếp trong kích thước của miếng đất, thay vì theo các địa tuyến; lại áp dụng các hình dạng bất hài hòa, cách cân đối mỗi và vật liệu xây dựng nhân tạo, nên nhiều ngôi giáo đường coi rất tân kỳ nhưng lại thiếu "thần". Vị trí các ngôi nhà thờ xưa được qui định qua những vùng địa lý. Người ta đi tìm một địa điểm nơi có nhiều vùng giao thoa, rồi nạp năng lượng vào chỗ mới. Họ cũng không qui định kỹ hướng nhà thờ theo phương địa dư, mà luôn luôn chú tâm để luồng năng lượng phát đi từ bàn thờ trong cung thánh xuống tận nơi các tín đồ ngồi xem lễ, và luồng thông lượng này định hướng ngôi nhà thờ trong phong cảnh.

Chính mạng lưới toàn cầu hay mạng lưới đường chéo sẽ quyết định quy mô của ngôi giáo đường. Nếu có thể luôn luôn các bức tường ngoài nằm ngay trên các địa tuyến mang cực âm hay được dựng trên những vùng kếp, để các góc nhà thờ nằm ngay trên giao điểm các địa tuyến. Ở những ngôi đại Giáo đường, vị trí các cây cột, các nhà nguyện nhỏ hai bên, đại chính môn, các cửa sổ, phần trong nhà thờ chỗ ca đoàn cũng tương tự như các thành phần kiến trúc đều hướng về các địa tuyến. Một ngôi nhà thờ càng được xây cất hài hòa, càng có khả năng nâng cao hơn nguồn năng lượng tế vi đi qua kiến trúc vào bên trong, từ đó sẽ tự động truyền âm thanh đi thật hoàn hảo. Không những các ngôi giáo đường đã được xây dựng theo mạng lưới toàn cầu, mà người La Mã khi xưa còn xử dụng quy luật này để kiến tạo

tất cả mọi loại công trình. Chủ yếu là các khu gia cư đã được thiết kế hướng ra bốn phương trời và thành phố đã được chia ra thành nhiều khu phố. Các tường thành, tháp canh và lâu thành đều được phát hiện dọc theo các địa tuyến của mạng lưới, mà di tích vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Từ khoảng một trăm năm nay con người đã biết đến dòng điện và trong khoảng năm mươi năm trở lại, điện lực đã phổ biến lan tràn cùng khắp theo nhịp gia tốc với nhiều loại dụng cụ máy móc ngày càng tăng thêm. Đến nay ở thế giới phương Tây hầu như không một nhà nào là không trang bị điện. Chẳng những điện chiếu sáng bên ngoài, bên trong mà còn vô số những dụng cụ máy móc xử dụng điện năng. Những đường dây điện cao thế dẫn những dòng điện cần thiết qua đèo, băng đồng và xuyên qua những cánh rừng. Các phi cơ bay với sự hướng dẫn của truyền thanh và radar. Các vệ tinh nhân tạo và cơ sở phát tuyến trang bị cho chúng ta một không gian các tia điện tử rộng lớn, để ở đâu chúng ta cũng có thể bắt được các đài truyền hình, hay có thể liên lạc điện thoại với bất cứ nơi nào. Cả hành tinh chúng ta như đã bị phủ kín mặt bởi một điện tử trường nhân tạo. Trên trái đất hiện hữu hầu như không còn một địa điểm nào mà môi trường còn giữ được nguyên thủy và không bị nhiễu khuấy rối. Cho tới bây giờ người ta mới lo sợ và tìm cách tránh né. Mới gần đây người Đức đặt ra danh từ "Mù điện" và từ từ được các nhà nghiên cứu xử dụng, để quan niệm những tác dụng gây nhiễu của điện tử trường nhân tạo. Như sương, khói mù mịt gây khó chịu đã được gọi là mù sương, khói mù. Cũng như khói thái, khí tạt thoát ra từ các ống khói nhà máy, trung tâm kỹ nghệ, "mù điện" thường khuếch tán ra khắp nơi. Nhưng người ta chưa thể biết đúng được các dây cáp, máy điện, đài phát tuyến phát tỏa ra các tia gây hại mạnh yếu thế nào. Chỉ qua các tác động trao đổi xoay chiều của những nguồn điện khác nhau, có thể các điện tử trường tăng cường độ lẫn nhau lên thật cao, thành thủ có thể tụ điểm qui vào mũi nhọn chiếu đến một không gian nhỏ: Chẳng hạn các bức tường phòng có thể phải chịu dưới hiệu số điện thế rất cao. Về lâu về dài mù điện sẽ gây ảnh hưởng đến các người sinh sống trong gian phòng đó. Có người sẽ nhiễm bệnh tức khắc, có người chịu đựng được nhiều năm. Những người khác phải tới 10 hay 20 năm bệnh mới bộc phát. Nên rất khó mà tìm ra nguyên nhân hay

nhận dạng ngay được mối tương quan giữa mù điện và căn bệnh. Mù điện tác động hàng ngày, nhưng không hiển hiện. Đối với một số người ảnh hưởng của nó len lỏi chậm chậm hầu như không thể khẳng định được. Cũng chưa có dụng cụ kiểm nghiệm đo đạc nào nhận ra đúng triệu chứng. Những người khi không mắc phải chứng bệnh không thể giải thích được phần đông đã gánh chịu áp lực của các mạch nước, kê nứt ngấm và đất chùi bên dưới lòng đất, các giao điểm của mạng lưới toàn cầu hay sống trong vùng địa lý ác tính và nay mù điện nhiễu loạn bổ sung thêm các luồng năng lượng như vật dẫn truyền phần vật chất tế vi của các dao động kỹ thuật.

Các chuyên gia đã nhận dạng các nguồn mù điện vật chất như các dây dẫn điện cao thế, đường hòa xa, các trạm biến điện, các đài phát tuyến và trang bị dâyăng-ten, dây trời, dây gió cho truyền thanh, truyền hình, điện thoại kể cả hệ thống vô tuyến liên lạc của cảnh sát, các đài ra-đa và phát tuyến cho mạng lưới D và E của điện thoại lưu động, các vệ tinh thu hình và cả các máy quang tuyến X trong các phòng mạch bác sĩ và bệnh viện.

Mỗi đường dây điện phát sinh ra một điện từ trường có thể đo được, mà phạm vi tác động của nó tùy thuộc dòng điện chạy qua. Các đường dây cao thế dẫn dòng điện cường độ thật cao, tùy theo thời tiết sẽ tác động trong một phạm vi rộng tới nhiều trăm thước và sẽ làm thay đổi hẳn môi trường thiên nhiên chung quanh vùng đó. Qua kinh nghiệm các chuyên gia khuyên nên xây nhà ở cách xa đường dây cao thế ít nhất 500 thước. Nếu mặt tiền của tòa nhà hay chung cư được che chắn bởi nhiều thanh, lam kim loại, hoặc xử dụng lan can sắt hay nhôm bao quanh các bao lớn thì khoảng cách còn cần tính xa hơn nữa. Nếu không những cư dân trong đó sẽ bị luôn luôn căng thẳng đầu óc, giấc ngủ thường xuyên bị rối loạn tiến tới suy giảm thần kinh và bị cả các chứng bệnh về đường hô hấp, vì không những môi trường vùng đó đã bị nhiễu loạn mà tổng hợp hóa học toàn thể không khí cũng biến thái. Như các đường hòa xa cũng chạy bằng điện cao thế. Cứ một chuyến xe lửa chạy qua, một điện từ trường dữ dội đã được tạo ra, kỹ thuật của đầu máy còn gia tăng thêm cường độ. Ở gần các tuyến đường sắt sự dao động của cường độ trường điện từ cực kỳ mạnh. Cơ thể củ phải luôn luôn điều chỉnh với một môi trường khác khi cao, khi thấp. Chung quanh tuyến đường sắt còn tìm thấy những dòng điện dò bề mặt hay

các dòng điện vẫn vô, long bong, vì xe lửa chạy qua đường rầy tiếp nối với đất đã dẫn dòng điện không kiểm soát được từ dây dẫn điện thoát đi tỏa ra khắp vùng lân cận. Thường thường dòng điện như thế có thể thoát qua lỗ hổng kê hồ giống như ống dẫn nước bị rò rỉ, và mang theo nó điện cao thế, thành ra mấy ống nước chạy cách đó khá xa, bỗng nhiên tạo ra một điện từ trường không thể giải thích được, rò vào có thể bị giật. Những dòng điện long bong như thế có thể lan rộng ra tới nhiều trăm thước.

Những đường dây cao thế muốn phân phối tới người xử dụng phải cần những trạm biến điện để hạ điện thế xuống. Ta thường thấy các căn nhà nhỏ không có cửa sổ nằm trở vờ ở đầu làng, bên đường hay cách ly trong một khu phố. Lại gần nghe tiếng kêu ù ù đặc biệt. Trong đó chứa máy biến điện để biến đổi dòng điện của một ngôi làng hay một khu phố. Tùy theo điện thế khác nhau, hay kích thước của trang bị, trong vòng từ vài thước đến vài trăm thước, một điện từ trường mạnh được phát sinh, mà đáng ngại hơn hết là phần từ lực rất cao.

Lại có nhiều loại đài phát tuyến khác nhau. Cái thì người ta gọi là đài phát thanh phát hình phát sóng tròn, nghĩa là phát tia đi khắp các hướng mạnh gần ngang tầm nhau, thường ứng dụng cho truyền thanh, truyền hình để phát đi cùng một chương trình cho toàn thể một khu vực. Còn cái khác gọi là máy phát vô tuyến định hướng mạnh vì các tia phát thanh, truyền hình được gom lại thành chùm nên chỉ một hay vài hướng mạnh hơn các hướng khác. Chùm tia vô tuyến này được truyền đi từ đài phát tuyến này đến đài phát tuyến khác với nhiệm vụ tiếp vận một chương trình cho một vùng nào đó. Đa số các tia truyền đi sẽ bị bất cứ vật cản kim loại nào đón chặn lại và phản xạ ra khắp vùng chung quanh gây thêm tác hại. Chẳng hạn dựng phải cây cần trục xây dựng cao luôn luôn xoay chuyển sẽ phát sinh ra các điện từ trường khác, chẳng những làm nhiễu loạn bình diện vật chất tế vi mà còn tạo ra áp lực mạnh cốt yếu qua các làn vi ba ra một vùng.

Các dàn Ra-đa ở gần hải cảng, phi trường hay các căn cứ quân sự, tuy được phát sóng khác loại với sóng phát tuyến, nhưng xung lượng dâng phồng to lên và rút xẹp xuống không đều đặn, mà còn đặc biệt ngắn và phát năng lượng tối đa dữ dội, thẩm nhập rất sâu vào cơ thể vào tận bên trong của các

tế bào. Còn các vệ tinh nhân tạo bay ở trên trời cao, không nhìn thấy được, cũng bắn tung tóe các tia bức xạ ra một vùng rộng bao la bát ngát, truyền tới đất vẫn còn tác động ngay cả với cường độ dòng điện nhỏ, nhưng với tần số cao hơn các đài phát tuyến thông thường. Rồi các đĩa thu tuyến vệ tinh gom chùm các tia vào trung tâm để chuyển hóa, đồng thời phản xạ một số tia ra vùng lân cận chung quanh tạo áp lực bất lợi cao hơn.

Các tia quang tuyến X trong các phòng mạch bác sĩ và bệnh viện còn nguy hiểm hơn. Nếu xử dụng quá lớ dềnh thì chẳng những tác hại cho con người và cả thú vật về mặt vật chất mà còn gây nhiễu nặng trên bình diện vật chất tế vi.

Nếu các nguồn mù điện ngoài trời làm co rút tàn rụi mấy cây nhỏ, gây cho các thân cây lớn nổi phù chân voi, mọc bườu, u nần, không ra trái được, những mảng đất sục và khiến các loài chim thiên di lạc mất phương hướng; thì các nguồn mù điện vật chất trong nhà như đèn chiếu sáng, đèn đỏ báo hiệu, các dụng cụ máy móc dùng điện, các điện thoại lưu động, radio, TV, các lò vi ba, dây cáp điện giấu trong tường, các lò sưởi, các ống dẫn nước, nếu đặt trùng ngay với mạch nước ngầm, giao điểm các địa tuyến của mạng lưới toàn cầu hay vùng địa lý xấu có thể làm cho con người sinh mất ngủ, tử bị căng thẳng đến suy nhược thần kinh, tử khó chịu trong mình đến mắc các chứng nan y, tác hại các đứa bé trở nên khó nuôi và các người già yếu thường lâm bệnh nặng. Như đến lúc hết thời, nghèo đói, dễ mang thêm bệnh tật. Như tới khi xuống dốc, nghiệp báo rù nhau đến đòi nợ. Cho nên ngày thường ta cố gắng tu nhân tích đức. Trong cuộc sống ta rán làm lành lánh dữ. Để khi chọn đất cất nhà ta sẽ gặp may mắn chọn đúng đất lành. Để nếu lỡ ta đã lưu trú trong ngôi nhà xây trên vùng địa lý xấu, hay đã ngủ lâu nay trong gian phòng nhiều tia ác xạ, ta còn đủ phúc đức mà tìm đúng phương, xoay được đúng hướng để né tránh bệnh tật. Cho tới khi đổi được phòng ngủ khác hay đủ khả năng dọn đến ngôi nhà mới tốt lành hơn.



Tìm về đĩ vãng



Qua một ngày vất vả vì mùa sinh, sau buổi cơm chiều, định nghỉ ngơi cho lại sức, thỉnh linh điện thoại reo vang, một giọng nói ấm áp đã gần 20 năm qua trở lại với tôi, của một người bạn thân dạy cùng trường nơi xứ "Buồn Muôn Thuở" (Ban Mê Thuột) ngày xưa.

Bao kỷ niệm vui buồn lẫn lộn hiện ra trước mắt tôi, những kỷ niệm mà suốt đời tôi không quên được.

Sau ngày đau thương của đất nước, chúng tôi tiếp tục được nhận là giáo viên lưu dụng tại BMT. Phụ quân chị là quân nhân, anh "hân hạnh" đi "học tập cải tạo" để trở thành một công dân tốt" và ngày trở về đoàn tụ cùng gia đình không phải là một thời gian ngắn. Nhà cửa, tài sản dành dụm trong ngân hàng bị tịch thu, chị Thủy, bạn tôi, một nách 3 con dại, phải chịu biết bao vất vả. Ngày đi dạy, đêm về, ngoài việc chấm bài và soạn giáo án cho ngày hôm sau, chị nhận làm thêm tất cả mọi việc tìm được, bù đắp cho đồng lương

ít ỏi của mình, chăm lo đàn con dại, thăm nuôi chồng hàng tháng.

Lên lớp, đâu chỉ thuần là dạy học. Trong một buổi họp hàng tuần, chúng tôi đều được hân hạnh nghe lời giáo huấn đấng cay, hân học của đồng nghiệp từ miền Bắc chuyển về, của Hiệu Trưởng, những lời si nhục mà chúng tôi, một số giáo viên lưu dụng ít ỏi còn may mắn được tiếp tục nghề mình, từng âm thầm đổ lệ. Mỗi tuần chúng tôi còn phải lao động: hái cà phê, nam giáo viên đốn rừng, nữ biến những mảnh đất hoang thành màu mỡ mà không nhận phần thu hoạch.

Đôi khi chúng tôi phải chia nhau lao động trong rừng sâu cả tháng trời, bỏ đàn con thơ dại trở lại ở nhà. Biết bao đêm không ngủ, nghĩ đến chồng trong lao tù, nghĩ đến con, nghĩ đến mình mà không cầm được nước mắt để rồi ngày hôm sau, lại nhận thêm lời giáo huấn: "Các chị ngày xưa chỉ biết ngồi không, chỉ tay năm ngón, nay phải học tập lao động để biết thế nào "lao động là vinh quang".

Tôi rất sợ thú dữ, sợ vắng vẻ trong rừng sâu, âm u, tịch mịch. Mỗi khi được phân công làm "chị nuôi", 2 giờ sáng phải thức dậy ra suối lấy nước nấu cơm cho đồng nghiệp lót dạ, dù sức để lợm bộ gần 3 cây số với hom mì, cày cuốc trên tay, tôi rất sợ và lo lắng. Nhưng bù lại được an ủi là lúc nào chị ấy cũng ở bên tôi, đồng viên tôi vượt qua mọi khó khăn. Với sự lao động quá sức cộng thêm đau đớn về tinh thần, chúng tôi mỗi người thân thể gầy như mẩu, đen đui vì ánh mặt trời. Ôi! còn đâu những "tiểu thơ" dài các ngày xưa nữa! Mỗi lần vác mì không nổi, chị tìm cách pha trò để chúng tôi phải cười trong nước mắt. Đặt hom mì không đúng cách, chúng tôi "được" mắng nhiếc là thường.

Ngoài lao động chung ở trường, chúng tôi phải nhận riêng mỗi người một sào đất, tự mình làm sao để thu hoạch tốt. Với sức làm việc của chúng tôi, với kinh nghiệm ít ỏi, thu hoạch tất nhiên phải kém: bắp quá nhỏ, đậu phộng lép v.v... Chúng tôi lại nhận được lời "ban thưởng" của Hiệu trưởng, của Phường, Khối vì đó là đất của phường.

Chị thường bàn với tôi, lên lớp mình phải dạy sao cho tốt, tìm cách xen vào chương trình dạy, hướng dẫn học sinh mình để chúng không đi lầm đường, lạc lối. Cán bộ phòng giáo dục mỗi tháng dự giờ chúng tôi một lần, xem chúng tôi dạy dỗ thế nào mà phụ huynh thường xin cho con, em vào lớp

chúng tôi. Chị thường bảo riêng tôi, hãy nhìn xem những con "khi" trong lớp mình (ngồi không ra ngồi, nằm không ra nằm, chân gác lên bàn), không như tú cách nghiêm túc ngày xưa khi giáo viên đến lớp dự giờ. Và kết quả trong toàn trường, kể cả giáo viên miền Bắc, mỗi mình chị được nhận huy chương "giáo viên dạy giỏi". Ngoài mặt vui vẻ nhận phần thưởng, chị thầm thì với tôi, cho họ biết tay, đừng khi dễ giáo viên lưu dụng như chúng mình. Chúng tôi rất hân diện được chọn mỗi tháng dạy mẫu một lần cho giáo viên miền Bắc rút kinh nghiệm. Hân diện không phải của riêng mình mà của cả tập thể giáo viên lưu dụng Miền Nam chúng tôi không thua ai bao giờ.

Chị là một phụ nữ rất nhu mì, đẹp nổi tiếng của miền Cao Nguyên đất đỏ. Cho nên chị gặp rất nhiều khó khăn khi chồng vắng nhà. Tên cán bộ giáo dục, tên công an chính trị lại tìm cách ve vãn, hăm dọa. Chị thường khóc cùng tôi và chúng tôi lại tìm cách bảo vệ lẫn nhau. Tôi biết rất rõ sự cảm thụ trong lòng chị, không bao giờ chị mềm lòng. Chị Thủy ơi! Tôi rất kính phục chị, chị đã khéo léo vượt qua tất cả, bảo vệ được bản thân mình, đàn con thơ dại, xứng đáng là một hiền phụ. Chị mang đến cho tôi niềm hân diện: một phụ nữ Việt Nam.

Mỗi kỳ nghỉ hè, chúng tôi phải học chính trị một tháng với sự nhồi sọ của họ, với lời giảng như máy của mỗi cán bộ đều như nhau, thử hỏi làm sao thâm nhập vào đầu chúng tôi được? Và rồi chúng tôi cũng như máy, nói ra như Két để làm tròn bổn phận. Sau mỗi bài học, lại họp tổ, lại thảo luận, lại xảy ra cảnh bạn bè đấu tố lẫn nhau để lập công. Thủy ơi! Chị có còn nhớ chăng chúng mình đã thầm lặng khóc ngay tại hội trường khi người bạn cùng trường nhân tâm mẫn cảm mình thuộc thành phần "hút máu nhân dân" và "con ông cháu cha". Mình hút máu ai chị nhỉ! Tôi cũng không bao giờ quên, sau một khóa học chính trị, một cán bộ Ty Giáo Dục đến phát cho mỗi chúng tôi một bản kê khai lý lịch trong đó có phần kê khai tôn giáo. Ông ấy nói: "Mẹ tôi là Phật tử, mỗi ngày mẹ tôi đều đi chùa, đọc kinh lễ Phật, được tự do tín ngưỡng, nhưng mẹ tôi không phải là "kỹ sư tâm hồn". Bên Liên-Xô, các cụ già vẫn tự do đến nhà thờ cầu Chúa ban phúc lành, nhưng họ không phải là "kỹ sư tâm hồn". Vậy ai muốn làm kỹ sư tâm hồn, đừng đi nhà thờ nữa" !

Vài hôm sau, sau buổi lễ bế mạc, mỗi chúng tôi nhận được bằng phân công tác mỗi. Bạn tôi không còn được lên lớp dạy. Là giáo viên giỏi, chị được ưu đãi chuyển qua làm công tác "Thư viện" trong khi các nữ giáo viên khác phải làm "chị nuôi" trong trường. Còn nỗi đau đớn nào hơn là một giáo viên phải bị "mất dạy". Tôi rất cảm thông và chia xẻ nỗi đau buồn của chị. Một lần nữa, Thư viện của chị lại nổi tiếng Thư viện tốt toàn tỉnh. Chị được đi báo cáo điển hình. Với sáng kiến, với cách làm việc của chị, với niềm tự hào là giáo viên miền Nam cũ, dù hoàn cảnh nào chị cũng khắc phục được, làm tốt công tác của mình cho dù canh cánh bên lòng bao nhục nhằn, thù hận.

Rồi một ngày kia, sau bao ngày nhọc nhằn thể xác, đau đớn tinh thần trong lao tù Cộng Sản, anh được trở về cùng chị. Cả hai thân xác mỏi mòn, kiệt quệ lại đứng lên làm lại cuộc đời, chăm sóc con cái. Anh chị tìm cách vượt biển. Như người đời thường nói: "Trời không phụ lòng người ngay", anh chị đã an toàn đến được bến bờ tự do. Từ đó, chúng tôi không còn dịp gặp được nhau, mỗi người một hoàn cảnh mưu sinh, những kỷ niệm đẹp lúc nào cũng vẫn là kỷ niệm đẹp.

Chị Thủy ơi! mong rằng khi đọc những dòng chữ này, chị sẽ nhỏ đến người bạn cùng cảnh ngộ ngày xưa. Cuộc sống của chúng ta bây giờ cũng vất vả, nhọc nhằn, cũng có những lo buồn riêng về gia đình, con cái, vì môi trường sống khác xưa. Nhưng bù lại gia đình chúng ta được đoàn tụ nhất là tìm được tự do như hằng mong muốn. Xin chị cũng đừng nghĩ rằng tôi quá đề cao chị vì mỗi con người sống ở đời, bản chất đều có phần tốt và xấu. Tôi chỉ cảm nhận được nơi chị đức tính cao quý của một người mẹ và vợ hiền, biết phấn đấu, bèn gan cùng chồng vượt qua mọi gian nguy, thù thách. Cô đón trong cảnh nước mất, nhà tan, nhưng lòng vẫn kiên trì. Đó là đức tính quý báu mà tôi tìm được và hâm mộ.

Dòng đời trôi, thời gian như bóng câu qua cửa sổ, đầu cũng đã hai thớ tóc, nhưng hình ảnh chị cũng như những kỷ niệm vui buồn ngày xưa, lúc nào cũng sống mãi trong tôi. Ước mong rằng, trước ngày xa nhau vĩnh viễn, chúng ta có cơ hội gặp lại nhau, tha hồ tâm sự phải không chị? Cầu chúc chị và gia đình lúc nào cũng được an bình, hạnh phúc. ●

Một đêm trần trở cùng Hà Nội

● Đỗ Trường



Hà Nội đã vào đêm, từng đợt gió mùa cuối cùng rơi rớt còn lại lạnh đến se sắt. Những giọt mưa bắt đầu nặng hạt, lòng đường nhầy nhụa, nhộp nháp. Những bước chân nghe bóp bép trong đêm thâu, càng tạo cho lòng người cô độc và lạnh lùng đến ghê sợ. Đêm Hà Nội thật tĩnh mịch. Tôi đã sống với Hà Nội một đêm như vậy.

Tôi đi bộ theo những mái hiên, trong cái tí tách của mưa rơi, Hà Nội đã đi vào giấc ngủ, một giấc ngủ chập chờn và trần trở. Trong cái chập chờn ấy, tôi đã gặp một chú bé đánh giày, ôm đồ ngủ gục dưới mái hiên, tấm áo che thân mong manh rách toạc bờ vai, như cuộc đời phiêu bồng của chú. Hai tay cậu bé ôm chặt thùng đồ như sợ ai cướp giật. Trong bóng đêm, tôi lặng nhìn tấm thân gầy gò, thật tội nghiệp của chú bé, lúc ẩn lúc hiện dưới ánh đèn đường vàng vọt, đu đưa theo chiều gió. Và đâu đây tôi nghe thấy tiếng kêu gào thảm thiết của những lá non sớm lìa khỏi cành, phải chịu đựng những phong ba của mưa, của gió và bão táp. Tôi lặng lẽ cời khăn quàng trên cổ mình, nhẹ nhàng cuốn vào cổ của chú, cậu bé khẽ tựa mình, vòng tay càng xiết chặt thùng đồ hơn. Bất chợt cậu bé choàng mở mắt nhìn tôi và sợ hãi chạy vụt vào trong bóng tối. Tôi đứng như trời trồng nhìn theo những bước chân xiêu vẹo của cậu bé. Tôi nghĩ, không biết tôi cần phải có bao nhiêu khăn ấm mới đủ cho các em bé củ bắt củ bơ Hà Nội đêm nay. Không gian trở lại yên tĩnh, những bước chân cậu bé lạc vào đêm xa dần và mất hẳn.

Từng cành lá non chao đảo ở trên cây như thiếu đi sự sống, và dường như chỉ cần một đợt gió nhỏ sẽ quật ngã chúng. Tôi bước đi thật chậm trên đường phố, xa xa vọng lại tiếng ru hời, bất chợt tôi nhìn lên một ngôi nhà sang trọng, ánh đèn màu lung linh như đùa cột vôi những ánh đèn mờ mờ của những nhà bên cạnh. Đứng là trong một giây lát tôi bắt gặp hai khung cảnh của hai đứa bé Hà Nội. Những đứa trẻ bất hạnh, và những đứa trẻ sống trong lầu son... Và tôi cũng lắng nghe tiếng đàn ai oán của một nghệ sĩ nào đó vọng trong đêm thật náo nùng, thật chua xót. Có lẽ trong bóng đêm người Hà Nội mỗi diễn tả hết nỗi lòng của họ. Tôi đi qua những khách sạn mi-ni với những ánh đèn màu nhợt nhạt, tôi nghe đơn đả, những tiếng mời chào của các cô gái làm tiền. Nhìn những khuôn mặt có lẽ chứa đến tuổi trưởng thành, phở phạc thật tội nghiệp. Trong bóng đêm nhạt nhòa ấy, tôi cũng kịp nhận ra mấy vị cán bộ cấp cao của các tỉnh về họp trung ương đang tìm trò lạc thú. Tôi bước vội qua những nhà hàng thâu đêm, những phòng trà mờ ào.

Tôi trở về màn đêm tĩnh mịch của Hà Nội. Đêm nay Hà Nội thức hay ngủ? Và dưới chân tôi là lớp bùn nhầy nhụa của đường phố, trong gió, trong mưa ấy, từng cánh hoa trắng tinh rơi là tà dính chặt vào những lớp bùn dơ bẩn. Tôi thao thức cùng Hà Nội đêm nay, Hà Nội bị đẩy lùi về quá khứ. Người Hà Nội đang bước những bước chân "rời rã" trong đêm tối. Và đêm nay tôi cũng đang "rã rời" bước theo những bàn chân ấy. Tôi đã đến bờ đê sông Hồng. Dòng sông từ ngàn năm vẫn âm thầm mang phù sa về bồi đắp cho đồng bằng Bắc Bộ, và nuôi sống mấy chục triệu đồng bào miền Bắc. Nó chứa đựng bao kỷ niệm vui buồn của người Hà Nội. Tôi giật mình nhìn ra bờ đê, cả vùng ven sông náo động, cả Hà Nội dường như đêm nay không ngủ. Từng đoàn người đang vận chuyển gạch ngói, bê tông, vật liệu xây dựng, và họ đang đào móng xây hàng loạt các công trình lớn nhỏ. Tôi lại gần một cụ thợ nề già, đang nhể nhại mồ hôi, mặc dầu ngoài trời rất lạnh. Tôi hỏi:

- Sao lại xây nhà ngoài đê Hà cụ? Không sợ nước sông Hồng cuốn đi sao?

Cụ già nhìn tôi từ đầu đến chân, và nhận ra có lẽ tôi vừa ở xa về, nên cụ thủng thảng trả lời:

- Chú ở xa về không biết chủ! Hà Nội đang cơn sốt đất, nhà cửa. Ai tranh thủ bán được là bán. Ông chủ tịch xã, chủ tịch quận, huyện, thành phố đều có quyền bán đất của công hết. Chú nhìn sang bên kia (cụ chỉ tay về những ngôi nhà vừa xây xong). Đây là đất của mấy ông bên huyện Từ Liêm bán cách đây mấy tháng. Còn mấy nhà lụp xụp là những người trong phố ra đây "nhảy dù" cắm đất chờ "thời cơ" để xây.

Tôi trợn tròn mắt hỏi cụ:

- Thế chính quyền không nói gì sao cụ?

- Có chủ, nhưng lầy lệ, vì ông chính quyền nào mà chẳng có vài ba miếng đất công, thành riêng. Do vậy chẳng ai nói được ai.

Vậy đây, Hà Nội đang mất dần, họ biến của công thành của riêng, họ xây và họ phá bất chấp hậu quả của thiên tai. Hà Nội đang chìm dần vào cơn ác mộng.

Tôi trở lại Ba Đình, nói mà có những "bộ óc vĩ đại nhất loài người". Nơi đây vườn Bách Thảo, tự khép mình nhường chỗ cho "bộ óc vĩ đại nhất" trong các bộ óc vĩ đại nằm vĩnh viễn yên nghỉ. Và những ngôi nhà bảo tàng vĩ đại như những "bộ óc vĩ đại nhất của loài người" đã mọc lên. Tiếng chim muông, tiếng rì rào của cây của lá làm mất rụi cả một góc trời Hà Nội không còn nữa. Vườn Bách Thảo nơi vui chơi của các em bé Hà Nội, nay chỉ còn trong mơ. Một góc Chùa Một Cột đã bị đóng chặt nghiêng sang một bên, bởi công trình bảo tàng "vĩ đại". Dưới ánh đèn "chói lọi đến chưa chút" ấy tôi đã nhìn thấy hình hài con người "vĩ đại". Tôi tần ngần, thăm nghĩ: Ngôi nhà này có lẽ cũng đủ chứa gần hết các em bé Hà Nội đêm nay phải ngủ vật vờ ngoài đường giá lạnh. Và dưới chân tôi từng chiếc lá non rơi là tà, ngẩng đầu lên, tôi chỉ thấy một con quạ đen, đang lấy mỏ vật và rứt đi từng chiếc lá non của mùa xuân bắt đầu nở, rồi cất lên tiếng kêu man rợ trong đêm.

Bầu trời Hà Nội, đêm nay không trăng, không sao. Bầu trời như túi khổng lồ chứa đầy bão tố, phong ba, sẵn sàng trút vào đầu người Hà Nội... Và trong tiếng rì rào của gió, tiếng tí tách của mưa rơi, cũng không át đi được những tiếng thò dài, đang quận mình trần trụi của người Hà Nội... ●

Chào Thiên Niên Kỳ



Chào thiên kỳ mới! Chào năm mới mới!

*Chào những hy vọng thật gần gũi
Con người được những bát cơm ngon*

*Những manh áo lành được học hỏi
Và xa hơn nữa được Tự Do
Tha hồ viết lách, tha hồ nói
Chúng ta nhìn nhau đầy yêu thương*

Không còn giết nhau như lang sói

*Hai chữ Tình Yêu sẽ viết hoa
Lòng bao nhiêu tuổi vẫn không già
Thấy lá Thu vàng rơi trước cửa
Thấy ánh chiều Thu vàng bao la
Rủ nhau họp bạn dăm bảy kẻ
Nói chuyện thơ văn chuyện nước nhà
Nghe trong câu nói sao đầm ấm
Sao dịu dàng thay sao thiết tha.*

*Chào thiên kỳ mới! Chào năm mới
Chứa đỏ máu mình để chuộc tội
Phật bỏ ngai vàng ngồi tòa sen
Con người quanh năm đều mở hội
Việt Nam sẽ ấm tình đồng bào
Năm Châu con cháu ta về lại*

*Hát khúc Quan Họ miền Bắc Ninh
Hát Lý Ngựa Ô trên bến bắc **

*Có gái sông Hương núi Ngự Bình
Che nón bài thơ yếu điệu xinh
Miền Trung không còn lụt lội nữa
Ta về trồng lại khoảng rừng xanh
Ta về giọng ngọt nơi Quê Mẹ*

Tạ ơn những tấm lòng móng mênh

Tạ ơn những thê an sinh cũ

Tạ ơn Hoa Kỳ thật trù phú

Tạ ơn những tiếng nói như chim

Tạ ơn cặp môi xinh thiếu nữ

Tạ ơn hoa cỏ đẹp như mơ

Tạ ơn chúng ta còn làm thơ

Còn nhớ Xuân Hương nhớ Nguyễn Du

Còn nhớ hiền nhân nơi rừng trúc

Đánh ván cờ tiên chờ trăng mọc

Chờ ngọn gió hiền trên núi cao

Phất tay áo rộng cúi lưng chào

Chào anh, chào chị chào nhân loại

Chào cỏ cây cho miếng ngọt bùi

Về nghe chim hót bên bờ giậu

Thấy lúa đầy sân, sao đầy trời

Thấy tiếng chèo xua vang dội lại

Thấy những Tây Thi những

Phạm Lãi

Không cần phải đọc sách Liêu Trai

Vấn thấy tình yêu thom đỏi môi

Em nói đi em! Trong tự điển

Chào ôi! Chữ tình nghĩa sao linh hiển

Có phải ngàn năm bát ngát Xuân

Chẳng quen mới gặp đã ân cần

Chào thiên kỳ mới! Chào năm mới mới!

Chào những hy vọng đang le lói

Cuộc đời chỉ còn những câu thơ

Quê ta trăng sáng ngập đỏi bờ

Quang Dũng không còn Tây Tiến nữa

Chùa Hương vàng rực một rừng mơ

Tiếng mõ canh trường gõ ngân ngo...

● **Hà Thượng Nhân**

* Bac: tiếng Pháp nghĩa là con dò
Người miền Nam quen gọi thành tên luôn.

Nguyễn Minh Cần

NGUYỄN ƯỚC

2000

Khi Thần Thời Gian râu tóc bạc phơ tung đôi cánh rộng đưa Loài Người tới một mốc mới, gọi là Năm 2000, khi cả Loài Người hân hoan đón mừng và hy vọng năm 2000 sẽ chuẩn bị cho Loài Người đi vào Thế kỷ mới, Thiên niên kỷ mới an bình hơn, hạnh phúc hơn, thì người dân Việt, con dân cháu đống tân mắt khắp bốn phương trời hay còn trụ lại trong lòng Đất Mẹ, hướng toàn bộ tâm tư về các bậc Tổ Tiên xa xưa, hướng về các đấng Mẹ Tiên, Cha Rồng bốn ngàn năm trước đã từng khai sinh ra dòng giống dân Việt, hướng về các đấng Vua Hùng đã từng mở Nước, dựng Nước, giữ Nước, về các bậc Tiên Nhân đã từng đem máu xương mỡ hôi nước mắt gây dựng nên Tổ quốc Việt Nam ngày nay.

Từ một phương trời xa vời vợi, nơi băng giá lạnh lùng, cây cối trần trụi, khác biệt hẳn với quê nhà, một trong số 80 triệu đứa con mang dòng máu Lạc Hồng đang hướng lòng về Tổ quốc thân yêu, thành kính dâng lên lời nguyện ước đầu năm:

Xin các bậc Tiên Nhân **phù** hộ cho con và toàn thể con cháu dân Việt giữ vững niềm tin vào truyền thống Tổ Tiên, vào tiến độ Đất nước và Dân tộc, **phù** hộ cho chúng con ý thức sâu sắc trách nhiệm nặng nề trước Tiên nhân và Hậu thế để chúng con xua tan lòng lãnh đạm đầy tội lỗi đối với tương lai Đất nước và Dân tộc, để chúng con hăng hái tiếp tục sự nghiệp của các bậc Tiên nhân xây dựng Đất nước phồn vinh đem lại ấm no, hạnh phúc cho toàn Dân tộc.

Xin các bậc Tiên Nhân **phù** hộ cho chúng con ý thức sâu sắc Đất nước Việt Nam là của mọi người Việt Nam, giúp chúng con nuôi dưỡng lòng thương yêu, đùm bọc, tinh thần khoan dung, hòa ái truyền thống của Dân tộc, xóa bỏ được mọi hận thù, xung khắc hay tị hiềm của quá khứ, thắt chặt khối đoàn kết của cộng đồng dân Việt trong cũng như ngoài nước để cùng nhau kế vai sát cánh đưa Đất

nước ra khỏi tình cảnh hiểm nghèo hiện nay.

Xin các bậc Tiên Nhân **phù** hộ cho chúng con đủ sức mạnh tâm linh ngăn chặn được những ảnh hưởng xấu xa bằng hoại đạo đức, sa đọa tinh thần hiện nay, giúp cho chúng con bồi dưỡng cái tâm, cái đức, cái trí của mình làm cơ sở cho việc chấn hưng nền đạo đức, văn hóa truyền thống của Dân tộc, giúp cho chúng con nuôi dưỡng lòng vị tha, tình nhân ái, lòng yêu nước, tinh thần công bằng, vô tư làm nền tảng tư tưởng Việt Nam trong suốt chiều dài Thế kỷ mới và Thiên niên kỷ mới.

Xin các bậc Tiên Nhân **phù** hộ cho chúng con đủ đầu óc sáng suốt nhận rõ mục tiêu phấn đấu trước mắt của toàn Dân tộc để cùng nhau chung sức chung lòng ra sức hòa bình chuyển hóa chế độ chuyên chế hiện tồn trở thành xã hội công dân, trong sạch, công bằng, xã hội dân chủ đích thực, đem lại tự do dân chủ cho toàn dân, huy động được tiềm năng lớn lao của toàn Dân tộc để đưa Đất nước Việt Nam ra khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu hiện nay, để toàn dân Việt người người đều được ấm no, hạnh phúc.

Xin các bậc Tiên Nhân **phù** hộ cho chúng con đủ lòng can đảm, kiên trì, nhẫn nại để thuyết phục và thức tỉnh được những người còn chưa thấy rõ con đường tiến lên của Dân tộc, kể cả những người đang ở trong đàng cấm quyền hoặc vì quyền lợi ích kỷ, hoặc vì mê muội, bị cấm tù bởi ý thức hệ lầm lạc mà cố ngăn cản Dân tộc vươn tới con đường đúng, giúp cho những người đó mau mau trở lại con đường ngay để cùng toàn dân đưa Đất nước và Dân tộc đến tương lai tươi sáng.

Xin các bậc Tiên Nhân **phù** hộ cho chúng con đầy đủ lòng quyết tâm phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm để đưa Tổ quốc Việt Nam nhanh chóng tiến kịp và hòa đồng cùng Nhân Loại, nhanh chóng vươn lên con đường văn minh đầy ánh sáng để Tổ quốc Việt Nam, bất chấp mọi biến động bất thường của thế giới, mãi mãi trường tồn và phồn vinh cả trong Thế kỷ 21 lẫn trong suốt Thiên niên kỷ thứ ba.

Xin kính dâng lên các bậc Tổ Tiên, các đấng Mẹ Cha của Dân tộc, các bậc Tiên Nhân những lời nguyện ước chân thành của con, những lời nguyện ước âm vang trong lòng mỗi người con cháu dòng giống Lạc Hồng.

(Ngày 12 tháng 12 năm 1999)

Thơ

• Tuệ Nga

Năm Hai Ngàn 2000

Xuân ước vọng

*Giọt lệ buồn... giọt nước mắt chờ mong
Lệ đang chảy trên dòng sông thế hệ
Cho đau thương vào lãng quên dâu bể
Chuyện ngày nay hay chuyện của ngày
sau*

*Vẫn giọt sầu ngơ ngác
Đọng trong thơ từ một chiều hoang loạn
Ngày đổi đời người theo sóng xa khơi
Chợt chiều nay về xao xuyến hồn tôi
Hai mươi mấy năm rồi! Tha phương biệt xứ*

*Ồ! Những mùa xuân lũ thú!
Người nô nức về thăm lại Quê Hương
Sao tôi ngồi đây ngơ ngẩn giữa hoàng
hôn*

*Ồ! Quê Hương, Xuân về trong ảo tưởng
Đời cơ hàn, những trẻ thơ vất vưởng
Biết bao giờ, thật sự có mùa xuân ?*

*Bão lụt thiên tai! Cơ cực u trầm !
Xin Cầu Nguyện cuộc đời thôi khổ ải
Khẩn thiết nguyện cầu cho Việt Nam
trở lại*

*Cảnh an bình xuân trẩy hội mùa xa
Đô thị xóm làng những cánh đồng ngát
hoa*

*Bầy trẻ nhỏ ca vui mùa xuân mới
Tôi nguyện cầu và tôi đang chờ đợi
Ngày Thanh Bình hoa nắng dệt tình
thương*

*Đại Hồng Chung ngân vang hòa nhịp
Chuông Giáo Đường
Khắp phố phường cờ vàng bay phất
phới*

*Xuân tao phùng, Xuân Thiên Niên Kỷ
mới*

*Đời An Bình, Xuân mở hội Tình Thương
Xuân muôn nhà, Xuân Ước Vọng Quê
Hương*

*Kỷ Nguyên Mới, Hai Ngàn 2000 Xuân
Thịnh Hội...*

Nhận thức về sự nghiệp của Hai Bà Trưng

Lời nói đầu: Ngày xưa, hằng năm lễ tưởng niệm Hai Bà Trưng thường chỉ được cử hành vào ngày mùng 6 tháng 2 Âm lịch tại đền thờ Hai Bà ở Hát Môn, thuộc tỉnh Hà Tây. Nhưng từ năm 1935, trước viễn ảnh chiến tranh thế giới không thể tránh được sắp xảy ra, thực dân Pháp thường cho tổ chức nhiều lễ lạc, trong đó có lễ tưởng niệm nữ anh hùng Jeanne d'Arc của Pháp. Mục đích không ngoài mưu đồ làm xao lãng tinh thần ái quốc của nhân dân thuộc địa. Để phản ứng lại và cũng do hưởng ứng lời kêu gọi của các nhà cách mạng yêu nước, Chính phủ Nam triều cho phổ biến lễ tưởng niệm Hai Bà Trưng ra khắp Bắc và Trung Phần Việt Nam và chỉ từ 1950, hai năm sau khi chế độ thuộc địa Pháp thật sự chấm dứt ở Nam Phần Việt Nam, mới thấy ở đây làm lễ tưởng niệm Hai Bà.

Hai Bà Trưng là hai nữ anh hùng dân tộc đã từng anh dũng dấy binh khởi nghĩa đánh đổ bạo quyền đô hộ của Thái thú Tô Định để khôi phục nền độc lập cho nước nhà sau hơn 150 năm bị Bắc thuộc. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh dấu một trang sử oai hùng và bất hủ của dân tộc Việt trong công cuộc đuổi giặc và dựng nước vào đầu Công nguyên. Vì vậy sự nghiệp lừng lẫy của Hai Bà rất đáng được nhân dân Việt Nam đời đời ghi nhớ.

Tuy nhiên sự tôn vinh các anh hùng dân tộc cũng cần được thực hiện dựa theo những sử liệu chính xác. Vẫn biết rằng thần thánh hóa các nhân vật anh hùng vốn là sở thích của con người muôn thuở, tuy vậy cũng đừng quên trình độ tiến hóa của dân tộc. Nếu cứ dựa vào những thần tích mơ hồ tam sao thất bản ở các đền thờ đó đây rồi tiếp tục thiếu suy luận tăng bốc một cách lố lăng với những sự tích lạc hậu phản khoa học, như thế, vô tình làm

mất niềm tin của đám hậu duệ cùng phưởng hợi đến sự trang nghiêm kính trọng đối với các bậc anh hùng. Ví dụ, như có những sách báo nói Hai Bà Trưng nguyên là công chúa ở Thiên đình, lễ làm bể chén ngọc nên bị Ngọc Hoàng Thượng Đế đày xuống trần gian, hoặc kể tưởng Phật Nguyệt của Hai Bà có tài bạt núi lấp sông. Hoặc quân của Hai Bà chỉ trong một tháng Đánh Chiếm được 65 thành trì, hoặc Hai Bà đã cầm quân chiến đấu trên một chiến trường rộng lớn từ quận Nhật Nam ở phía Nam đến tận hồ Động Đình ở phía Bắc, nghĩa là hành quân trên một lãnh thổ rộng hơn bốn lần lãnh thổ của nước Việt Nam ngày nay. Nếu chịu khó suy luận, mỗi chúng ta ngày nay có thể tự hỏi nếu tưởng Phật Nguyệt có tài như thế sao không bảo vệ nổi Hai Bà. Lại trong hoàn cảnh đường xa giao thông sơ sài, núi sông cách trở, Hai Bà làm sao hội đủ được yếu tố thời gian và quân số để chỉ có thể Trong Một Thời Gian Ngắn Ngủi Đánh Chiếm được 65 thành trì rải rác từ cực nam của quận Nhật Nam ở phía Nam đến phần đất miền Nam của các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây ở phía Bắc: Hai Bà Trưng khởi nghĩa vào tháng 3 năm 40. Đến tháng 4 năm 42 đã bị Mã Viện đem quân sang đánh. Trong khoảng thời gian 25 tháng này làm sao Hai Bà Trưng vừa khởi nghĩa đuổi thẳng giặc xong còn phải lo tổ chức lại cơ cấu chính quyền khắp nước để thay thế bạo quyền đô hộ, củng cố quân lực để đề phòng địch phản công thì thử hỏi làm sao có thể kéo quân sâu sang lãnh thổ Trung Hoa để đánh những trận được kể như Trường An, Động Đình Hồ cách hậu cần Hát Môn hàng mấy ngàn cây số?

Vì vậy thiết tưởng cũng nên có những nhận thức đúng đắn về sự nghiệp vĩ đại của hai vị nữ anh hùng này.

*

Sử liệu nói về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng

Sử liệu Việt:

Sử liệu Việt viết về thời gian này cũng chỉ do những sử gia Việt sống cách hơn 13 hay 15 thế kỷ sau:

Sách An Nam Chí Lược của Lê Tắc soạn vào thế kỷ 14 đời nhà Trần không nói đến lý do khởi nghĩa của Hai Bà, chỉ chép rằng: "Trưng Trắc làm

phản" (Quang Võ Kiên võ thập lục niên, Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc phản)

Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên soạn vào thế kỷ 14 đời Lê, chỉ ghi "Năm Ất Hợi (năm 15 hiệu Kiến Vũ - 40 năm sau Công nguyên) Thái thú Giao Chỉ là Tô Định là người tham bạo, Trưng Trắc nổi binh để đánh... Năm Canh Tý (41 sau Công nguyên) tháng 2 mùa xuân, Ngải khổ vì Tô Định lấy pháp luật bó buộc và thù Tô Định giết chồng mình, bèn cùng em là Nhị cử binh đánh lấy Châu Tri (Vương khô thái thú Tô Định dĩ pháp thảng chi, cấp thù Định chỉ sát kỳ phu).

Sách Thiên Nam Ngũ Lục soạn vào thế kỷ 17 thì ghi như sau: "Tô Định ngờ Thi Sách làm phản, lại ghét Thi Sách lấy cả hai chị em họ Trưng, bèn đưa binh đến Chu Diên toan bắt Thi Sách và Trưng Trắc. Thi Sách đem quân ra chống cự nhưng vì thế yếu bèn khiến Trưng Trắc và Trưng Nhị rút quân về giữ Hát Môn. Đêm ấy Thi Sách bị quân Tô Định giết. Trưng Trắc bèn cùng với em là Trưng Nhị khởi nghĩa để trả thù chồng".

Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục soạn vào thời Nguyễn cũng chỉ ghi vắn tắt là "tại chánh sách tham bạo của Tô Định và vì Tô Định giết chồng bà Trưng Trắc nên Hai Bà mới dấy binh"

Nói chung các sách sử Việt đều ghi như thế, còn sách sử Trung Hoa được soạn nhiều thế kỷ trước, đều ghi đại khái như:

Ở sách Hậu Hán Thư, ở phần Mã Viện truyện: "người đàn bà ở Giao Chỉ tên là Trưng Trắc với em là Trưng Nhị làm phản. Trưng Trắc là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh, là vợ người huyện Chu Diên tên là Thi Sách, rất hùng dũng. Thái thú Giao Chỉ là Tô Định lấy pháp luật ràng buộc, Trắc oán giận mà làm phản. Đánh chiếm quận Người Man di, các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, cướp chiếm hơn 65 thành trì ở Lĩnh ngoại. Trắc tự làm vua".

Sách Thủy Kinh Chú chỉ ghi rằng Thi Sách cùng Trưng Trắc đứng lên làm giặc.

Nói chung các sách sử Trung Hoa hay Việt xưa đều chỉ ghi như vậy. Về sau có sách Trưng Vương Công Thần Phổ Lục có ghi thêm: Tô Định chẳng những đã tham tàn mà lại còn ham sắc đẹp nên quyết tâm ám hại Thi Sách để chiếm đoạt Trưng Trắc là một người đàn bà vừa tài ba vừa đẹp đẽ.

Nguyên nhân sự thật của cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng

Những sử liệu trên đây làm cho người đời nay có cảm nghĩ rằng Bà Trưng Trắc sở dĩ dấy binh khởi nghĩa chỉ vì mục đích trả thù chồng luôn dịp định diệt luôn tên Thái Thú tham tàn Tô Định.

Nhưng nếu nghiên cứu kỹ sử liệu cùng những truyền thuyết dân gian được lưu lại thì có thể biết được rằng: Đến đầu thế kỷ thứ nhất của Tây lịch nhà Tiền Hán đang trên đà suy nhược. Tể Tướng Vương Mãng tiếm ngôi nhà Hán tự mình lên ngôi khởi xướng triều đại nhà Tân, nắm quyền cai trị Trung Hoa. Rất nhiều quan lại văn võ trung thành với nhà Hán phải lánh xa đi xa xuống núi tận quận Giao Chỉ là nơi mà họ cho là an toàn nhất. Nhân cơ hội có nhiều quan lại nhà Hán cũ đến Giao Chỉ, các Thái Thú sở tại, trước là Tích Quang sau là Nhâm Diên liền bổ dụng họ để lần lần thay thế các Lạc hầu, Lạc tướng ở các bộ lạc yếu nhất để cai trị nhân dân Giao Chỉ. Nhiều dân Hán được đưa sang Giao Chỉ để lần lần xâm chiếm ruộng đất của dân địa phương. Văn hóa Hán, Tân được áp đặt cho dân bản xứ. Chánh sách đồng hóa gắt gao của Tích Quang và Nhâm Diên đã gây nhiều phần nộ tại các bộ lạc mà các Lạc tướng bị thay thế. Nhiều cuộc chống đối vô trang đã được Nhâm Diên khôn khéo trấn áp. Ở phương Bắc nhà Đông Hán thay thế nhà Tân. Bọn quan lại nhà Tiền Hán quay lại quy phục triều Đông Hán. Nhà Đông Hán củng cố và hoàn thiện bạo quyền đô hộ tại Giao Chỉ. Vào năm 34 sau Tây lịch Tô Định được cử sang thay thế Tích Quang, được lệnh xóa bỏ lối dùng "tục cũ để cai trị", áp dụng pháp luật Hán để trói buộc nhân dân Giao Chỉ. Vào thời đó chỉ còn một số ít Lạc tướng Giao Chỉ còn nắm quyền cai trị dân ở địa phận họ thì lại bị Tô Định hạn chế quyền hành. Mưu định khởi nghĩa của Trưng Trắc theo sử liệu đã có từ thời kỳ này (chỗ không phải chỉ sau khi Thi Sách chết như một số sử gia đã sai lầm). Vì vậy để có một lực lượng đủ mạnh để chống với quan quân nhà Hán, các bộ lạc còn lại phải liên kết với nhau. Hôn nhân giữa con gái Lạc tướng huyện Mê Linh là Trưng Trắc với Thi Sách con trai Lạc tướng huyện Chu

Diên là thành quả của sự liên kết này. Từ đó dân quân hai huyện này ngày đêm tập luyện, thao diễn chuẩn bị chống quân thù. Một mặt các Lạc tướng Mê Linh và Chu Diên phái người đi liên lạc với dân chúng các huyện khác để kêu gọi họ cùng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa để giành lại chủ quyền của đất nước. Thái Thú Tô Định thấy thế lực chống đối ngày càng lớn mạnh nên cử đại binh đánh phủ đầu trước để bắt vợ chồng Thi Sách và Trưng Trắc. Trước khí thế mạnh của quân Hán, Thi Sách đành một mặt đem một toán quân nhỏ ra cản trở sự tiến quân của Tô Định để Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị kịp rút quân về Hát Môn trước để bảo toàn lực lượng sau để kịp thời liên lạc với các quân dân các huyện khác để chuẩn bị phản công lại. Nhưng rủi thay Thi Sách đã tử trận



trong khi cố gắng cản trở đà tiến quân của quân thù. Không bắt được Hai Bà Trưng và trước khí thế chống đối nổi lên khắp nơi, Tô Định cho rải quân khắp nơi để đề phòng sự đồng loạt khởi nghĩa của các huyện. Tin Thi Sách tử trận không làm cho Trưng Trắc sờn lòng, trái lại càng làm cho Bà quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa chống bạo quyền đô hộ. Biết được kế hoạch rải quân ra để phòng thủ của Tô Định, hai Bà Trưng liền phát động xuất quân từ sông Hát rồi lạng lẽ mạo hiểm lên kéo quân đi xuyên qua các đồn tiền phong địch để đánh úp bất ngờ vào Luy Lâu, thủ phủ của bạo quyền Đông Hán ở Giao Chỉ. Không ngờ bị quân Hai Bà có thể dám mạo hiểm tấn công như thế nên bạo quyền ở Luy Lâu tan rã sụp đổ nhanh chóng. Bọn quan lại Đông Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, ấn tín, giấy tờ chạy tháo về nước. Tô Định cũng phải cải dạng bỏ thành trì Luy Lâu lên chạy trốn về Nam Hải (Quảng Đông). Được tin thắng lợi của Hai Bà, quân dân các huyện khác đều thừa thế vùng lên đánh đuổi quân thù. Quân Đông Hán rải rác khắp nơi

nghe tin chủ tướng Tô Định đã bỏ chạy thì chúng như rã mất đầu cũng tháo chạy cả. Chỉ trong thời gian ngắn gần 65 thành ấp lớn nhỏ rải rác khắp các huyện đều thừa thế nổi lên đánh đuổi quân thù. Kế đó Trưng Trắc liền được đa số những nhà quý tộc đại diện 65 thành ấp tôn lên làm vua với hiệu Trưng Vương, đóng đô tại Mê Linh.

Sự xâm lăng của Mã Viện

Trong sự phấn khởi ban đầu do việc đánh đuổi được quân đô hộ, đa số những giới lãnh đạo của 65 thành ấp khi tôn Trưng Trắc lên làm vua đều có vẻ muốn chịu hiệu lệnh của Trưng Vương, nhưng thực tế về sau cho thấy do giao thông khó khăn cách trở, uy quyền của Trưng Vương chỉ thật sự hiện hữu ở các huyện Mê Linh và Chu Diên cùng một số nhỏ thành ấp lân cận mà thôi. Ngoài ra có một số khá lớn lãnh đạo huyện lại có ý nghĩ rằng chính lực lượng của mình đã đánh đuổi quân Đông Hán ra khỏi lãnh thổ mình, sao nay mình lại tự mình lại chịu khuất phục dưới uy quyền của Trưng Vương? Do suy nghĩ thiên cận đó mà sau này khi nghe tin Mã Viện sắp kéo đại quân sang thì họ ly tán, mạnh ai nấy lo phận mình để mong tránh tai họa.

Nhờ dò biết tình trạng này, Mã Viện dùng mưu vừa hứa hẹn vừa ly gián để các huyện này án binh bất động. Do đó lực lượng Hai Bà Trưng bị cô thế nên bị đánh bại.

Nói về vua Quang Vũ nhà Hán sau khi nghe Trưng Trắc khởi nghĩa thành công và xưng vương, liền phong cho Mã Viện làm Phụ Ba tướng quân để từ tháng 4 năm 42 đem hai vạn quân thủy bộ tập trung ở Hợp Phố rồi tiến sang Lăng Bạc. Trưng Vương phải đem quân từ Mê Linh xuống chặn đánh. Tuy quân Hai Bà chiến đấu rất dũng mãnh, nhưng về sau vì thế yếu phải thua (*Truyền thuyết kể lại rằng khi Mã Viện thấy trận chiến kéo dài mà không thắng được quân của Hai Bà và nhân thấy được quân của Trưng Nữ Vương phần đông thuộc phái nữ, nên Mã Viện ra lệnh cho quân Hán bỏ hết áo quần trần truồng xông vào trận tuyến, làm quân của Hai Bà thẹn thùa lúng túng do đó hàng ngũ bị rối loạn phải thua*). Trưng Trắc bèn rút quân về Cẩm Khê. Mã Viện đem quân đuổi theo. Cuối cùng vì quá suy yếu quân

Hai Bà đành tan rã. Hai Bà chạy về Hát Môn rồi gieo mình xuống dòng Hát Giang mà tự tận vào ngày 6 tháng 2 năm 43.

(Theo Hậu Hán Thư phần Lưu Long truyện, thì Lưu Long đuổi theo nghĩa quân bắt được Trưng Nhị, nhưng cũng ở phần Mã Viện truyện thì sau khi đánh tan nghĩa quân ở Cẩm Khê thì Mã Viện chém được Hai Bà Trưng rồi gởi đầu về Lạc Dương. Còn theo thần tích làng Hạ Lôi thì chỉ có một mình Trưng Nhị tử trận, còn Trưng Trắc thì tuyệt tích ở Mỹ Sơn).

Xét theo diễn tiến kể trên về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng; người đời nay có thể nhận thức rằng:

1) Vào thời Hai Bà Trưng, nhà Hán đã khắc phục được một lãnh thổ mệnh mông. Dân Nhục Chi bị đánh lùi tận cửa ngõ Ấn Độ. Dân Hung Nô bị đánh bật sang phía Tây. Sĩ của nhà Hán đã từng đến Palmir, Tây Tạng. Phần lớn vùng Trung Á có thể đã trở thành vùng ảnh hưởng của nhà Hán. Miền Bắc bán đảo Triều Tiên đã trở thành quận Lạc Lãng của nhà Hán. Ở phía Nam, các nước Điền Việt, Đông Việt, Mân Việt đều bị tiêu diệt. Sau thất bại của Lữ Gia ở nước Nam Việt (Quảng Đông, Quảng Tây) và nước Âu Lạc cũng bị sát nhập vào lãnh thổ đế chế Hán lúc đó đang ở vào thời kỳ thịnh đạt. Tất cả các nước bị chinh phục được coi như những phiên bang đều phải phục tùng triều đình Hán như một *thiên triều*, tôn trọng vua Hán như một *thiên tử*. Trật tự hình như đã được an bài tươm tất chẳng còn ai dám phủ nhận uy quyền nhà Hán.

Do đó điều đáng kính phục và đáng được tôn vinh nơi Hai Bà là dù là phụ nữ của một dân tộc nhỏ bé vẫn bất khuất, vẫn đứng lên nêu cờ khởi nghĩa *hiên ngang phủ định uy quyền bình thiên hạ của đế chế Hán*.

2) Quân lực của Hai Bà cũng không nhiều, nòng cốt phần lớn là dân của hai huyện Mê Linh và Chu Diên mà phần lớn là phụ nữ. (Có thể xác nhận hiện trạng này là thần tích xã Thanh Cao huyện Thanh Oai có kể chuyện ông Cai mộ được gần 300 nghĩa quân mà phải giả trang làm đàn bà để có thể tham gia lực lượng của Hai Bà. Ngoài ra còn chuyện Mã Viện đã ra lệnh quân Hán tràn trường xông trận Lãng Bạc để gây thẹn thùng, lúng đoạn hàng ngũ). Vì vậy Hai Bà không thể có đủ lực lượng để hành quân mau chóng trên một lãnh thổ quá rộng như

lãnh thổ nước Âu Lạc để *đánh chiếm* được trong một thời gian ngắn (có sách nói một tháng) đến 65 thành trì. Nhưng điều đáng ngợi khen nơi Hai Bà là đã *biết mình biết địch* hành quân khéo léo nhập được thủ phủ Luy Lâu để bất ngờ đánh phủ đầu hủy hoại được bộ chỉ huy địch khiến cho Hán quân như rắn mất đầu phải tan rã và thắng lợi oanh liệt này đã gây đủ hứng khởi để quân dân 65 thành trì hưởng ứng vùng lên đánh đuổi quân thù.

3) Có một số sử gia đời nay còn nói thêm rằng Hai Bà Trưng đã kéo quân sang sâu vào nội địa nước Trung Hoa để đánh quân Hán và kể ra những thắng trận nào là ở Tượng Quận, nào là ở Trường An, nào là ở Hành Sơn, hoặc ở Động Đình Hồ, nghĩa là quân lực của Hai Bà hành quân trên lãnh thổ các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Phúc Kiến, Vân Nam, Triết Giang và Quảng Tây với chiến trường rộng lớn mệnh mông khoảng 1.600.000 km². Đó là điều không tưởng, vì chỉ nội tỉnh Vân Nam với diện tích 436.000 km² cũng đã hơn diện tích của nước Việt Nam ngày nay rồi (329.550 km²). Với một trận tuyến rộng bao la như vậy, một triệu quân rải ra cũng chưa đủ (dân số quận Giao Chỉ thời Hán cũng chưa quá được số một triệu người). Quân lực của Hai Bà còn quá ít chững cở là sau này Mã Viện kéo sang Giao Chỉ hai vạn quân mà cũng đủ áp dụng lối đánh biển người với quân lực Hai Bà. Và lại chỉ nội đường đi từ hậu cần Hát Môn đến hồ Động Đình cũng đầy khó khăn, núi sông cách trở dài cả hàng ngàn cây số, giao thông khó khăn gây nhiều cản trở cho sự tiến quân và tiếp vận. Đã vậy không thấy nói những trận chiến đó đã xảy ra vào khoảng thời gian nào, vì sử từng cho biết thắng được Tô Định xong là Hai Bà tổ chức lại cơ cấu chính quyền, chưa kịp củng cố lại quân lực thì đã bị Mã Viện đem quân sang đánh rồi.

Có nhà viết sử nói rằng ngày nay họ có dịp viếng vùng này thì thấy có đôi nơi có đền thờ Hai Bà hoặc tưởng của Hai Bà và cho đó là bằng chứng quân đội Hai Bà đã đi ngang qua đó. Nói như thế họ không nhớ rằng sử từng cho biết sau khi thắng Hai Bà Trưng xong, Mã Viện đã áp dụng chánh sách đối dân, đưa hàng chục ngàn tội nhân Hán sang Giao Chỉ và đầy hàng trăm ngàn dân Giao Chỉ, nhất là dân các huyện Mê Linh và Chu Diên, sang các tỉnh gần lưu vực sông Dương Tử. Riêng tỉnh Hồ Nam cũng có hơn 300 gia đình

các tướng tá cũ của Hai Bà (Xem sách Tiền Hán Thư, Hoa Dương quốc chí, hoặc Thực Hòa Chí đều có nói rõ), thì những đền thờ đó cũng chỉ do những người dân trung thành với Hai Bà đã dựng lên mà thôi. Nếu quả thật có những chiến trận xảy ra ở đó thì chỉ là những trận đã có thể xảy ra giữa nhân dân địa phương của những nước trước đó bị nhà Tần chiếm đóng nay thừa thế dư vang cuộc khởi nghĩa của Trưng Vương ở Giao Chỉ, đã nổi lên chiến đấu với quân thù chung. Quân lực của Hai Bà còn ít hơn rất nhiều số Hai Vạn quân của Mã Viện, chưa đủ để bảo phòng đất nước, Hai Bà đâu có đủ quân số tối thiểu để hành quân trên một lãnh thổ mệnh mông hàng triệu cây số vuông như vậy được? Thiết tưởng ngay cả những vị danh tướng đời nay với những phương tiện giao thông tối tân sẵn có, cũng không thể dám với một quân số dưới số hai vạn quân của Mã Viện, điều khiển những trận chiến trên một chiến trường rộng bao la lớn gần Bốn Lãn diện tích của nước Việt Nam ngày nay và chỉ trong thời gian rất ngắn ngủi. Nếu quả thực có những trận đánh của quân lực Hai Bà Trưng tại Tượng Quan, Hành Sơn, Trường An hoặc tại Động Đình Hồ, thì tại sao không thấy nói những chiến trận đó xảy ra vào thời khoảng nào?

Với một ít suy luận nghiêm chỉnh, người đời nay phải công nhận công trạng của Hai Bà Trưng quả thật còn vĩ đại hơn rất nhiều những công trạng mà sử sách xưa từng ghi lại. Vào thời mà đế chế Đông Hán đang ngự trị mạnh mẽ trên một lãnh thổ từ Trung Á ở phía Tây cùng từ Bắc Triều Tiên ở phía Bắc đến tận Âu Lạc ở phương Nam, mà Hai Bà Trưng, những phụ nữ của một vùng đất nhỏ bé bị đô hộ ở Giao Chỉ, đã làm *Khởi Nghĩa, Hiên Ngang Phủ Nhận Cái Uy Quyền Bành Trướng Của Đế Chế Đông Hán*. Nhưng các sử gia Trung Hoa xưa vì tự ái dân tộc đã giảm thiểu công trạng của Hai Bà nhỏ thành chỉ một công cuộc trả thù chồng và những chống đối cá nhân đối với tham quan ô lại ở địa phương. Hơn mười thế kỷ sau, các sử gia Việt các đời Lê, Trần sao chép những sai lầm đó vào sử Việt. Đã vậy có thể vì tình thần tự ái dân tộc và quên cả những qui tắc binh pháp, địa lý, thêm vào cuộc khởi nghĩa của Hai Bà những chi tiết huyền hoặc khiến người sau phải phân vân nghi ngờ thành ra có phương hại đến sự trang nghiêm kính trọng đối với các bậc anh hùng.

Về cái chết của nhà văn NHƯỢNG TỔNG

Kể từ khi được đọc bài của Nguyễn Tà Cúc đăng trong nguyệt san Khởi Hành tháng 11 năm 1996 về cái chết của nhà văn Nhượng Tống, chúng tôi đã để ý tìm có cái gì mới liên quan tới vấn đề.

Hồi hè năm ngoái có một người bạn trẻ ngoại quốc về Việt Nam để kiểm tài liệu thêm cho Luận án Tiến sĩ của anh về giai đoạn nửa đầu thế kỷ 20 của Việt Nam, anh đọc thông viết thạo tiếng Việt. Tinh cờ anh đã được đọc mấy cuốn sách của Cộng Sản Việt Nam có liên quan đến cái chết của nhà văn Nhượng Tống, anh đã chụp và gửi cho.

Chúng tôi nghĩ rằng, nhà văn Nhượng Tống mất hơn 50 năm rồi, đã đi vào lịch sử đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt. Nhưng, những người còn lại có kẻ đã phủ nhận sự thật, chụp cái mũ chủ mưu vào đầu người khác mà không có một tí lương tri tối thiểu của người bình thường.

Nêu lên, chỉ là muốn làm sáng tỏ vấn đề *ai là người giết nhà văn Nhượng Tống* và gọi là có chút suy nghĩ về tư cách của người cầm bút hôm nay nơi *vu xử* này.

PHẦN DẪN TÀI LIỆU THEO THỦ TỰ THỜI GIAN XUẤT BẢN :

● Cuốn: VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG - Lịch Sử Đấu Tranh Cận Đại của Hoàng Văn Đào, tái bản kỷ II năm 1970, bản in lại ở hải ngoại không đề năm, viết như sau:

"Sáng ngày 26 tháng 7 năm Kỷ Sửu (20.8.1949) vào hồi 8 giờ sáng Nhượng Tống vừa đi chơi tổ tôm về, một mối định đi nghỉ thì có một đứa nhỏ đến mời đi thăm bệnh cho người cha của nó bị một nặng nhà ở sau khu nhà rượu. Nhượng Tống từ chối không muốn đi, những sau lại nghĩ "cứu nhân như cứu hỏa", nên ông lại khoác áo ra đi.

Vì quãng đường không bao xa, nên Nhượng Tống cùng đứa nhỏ lững thững đi bộ.

Đi được một quãng cách nhà độ 500 thước, thì có một tên lạ mặt đi xe đạp tiến đến bắn một phát súng lục xuyên qua gáy chết.

Có nhiều giả thuyết về cái chết của Nhượng Tống, nhưng theo sự điều tra riêng của tác giả thì tên lạ mặt bắn Nhượng Tống là Nguyễn Văn Kịch người làng Mai Động, Quỳnh Lôi, ngoại thành Hà Nội, là Biệt động đội nội thành của Cộng Sản.

Chúng tôi cụ thể, là ngay sau khi Nhượng Tống bị ám sát Cộng Sản đã cho tuyên truyền âm ĩ ở hậu phương, xác nhận chính CS đã thi hành xong bản án xử tử Nhượng Tống năm 1945". (các trang 466 - 467)

● Cuốn: THỦ ĐỘ HÀ NỘI - Lịch Sử Kháng Chiến Chống Thực Dân Pháp (1945 - 1954) - Quân Khu Thủ Đô, nhà xuất bản Hà Nội, năm 1986, viết như sau:

"Cũng trong chiến dịch Tổng phá tề toàn thành, lực lượng công an đã trừng trị tên Nhượng Tống, Ủy viên Trung ương Quốc Dân Đảng phản động; Đặng Trần Học, Phó giám đốc Nha công an Bắc Việt và một số tên Việt gian, phản động khác... làm chấn động bọn nguy quyền tay sai". (trang 246)

● Cuốn: LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - Sơ Thảo 1926-1954, Đảng Cộng Sản Việt Nam Thành Ủy Hà Nội, Nhà xuất bản Hà Nội - 1989, viết:

"Công an đã diệt trừ một số tên Việt gian lợi hại, uy hiếp tinh thần bọn nguy quân nguy quyền thành phố.

Trong một đợt phá tề trừ gian, ta đã diệt tên Nhượng Tống, Ủy viên Trung ương Quốc Dân Đảng phản động, tên Đặng Trần Học, Phó giám đốc Nha công an bù nhìn Bắc Việt". (trang 297)

● Cuốn: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ Ở HÀ NỘI - Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng trực thuộc Thành Ủy Hà Nội, không thấy đề năm xuất bản, viết:

"Cuối năm 1949, trong một đợt phá tề toàn thành, công an đã diệt trừ một số tên Việt gian lợi hại như Nhượng Tống, Ủy viên Trung ương Quốc Dân Đảng phản động; Đặng Trần Học, Phó giám đốc Nha công an bù nhìn Bắc Việt". (không thấy ghi số trang, có lẽ có mà người bạn chúng tôi không chụp và ghi đầy đủ).

● Vì chúng tôi không có cuốn sách của Nguyễn Thạch Kiên nên, xin được ghi tài liệu là Nguyễn Thạch Kiên - Nguyễn Tà Cúc đăng ở số Khởi Hành tháng mười một năm 1996, nói trang 22, 23, 24, với tựa đề: LÊ NGỌC CHẤN RA LỆNH GIẾT NHƯỢNG TỔNG.

● Nguyễn Tà Cúc căn cứ vào cuốn sách Về Những Kỷ Niệm Quê Hương của Nguyễn Thạch Kiên, xuất bản năm 1996. Viết và trích dẫn của Nguyễn Tà Cúc như sau: "Cựu Tổng Trấn Bắc Phần Nghiêm Xuân Thiện (thời 1948-1949) đã cho tác giả biết chính ông Lê Ngọc Chấn (chồng nhà thơ Văn Nuông) bí danh Chấn Quang Minh, lãnh đạo Chi Bộ Hà Nội lúc bấy giờ ra lệnh ám sát học giả Nhượng Tống.

Trong khi hàn huyên, nhắc đến học giả Nhượng Tống, thật nhiên ông Nghiêm Xuân Thiện bảo tôi: Ở Anh Quốc, được tin ông Nhượng Tống bị ám sát chết, tôi biết ngay chính Chấn Quang Minh ra lệnh!" (số báo trên, trang 22)

PHẦN NHẬN XÉT :

● Tác giả cuốn VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG đã viết đúng sự thật: Cộng Sản Việt Nam là thủ phạm giết nhà văn Nhượng Tống, chứ không phải bất cứ ai khác. Tác giả Hoàng Văn Đào đã phải đề đặt mặc dù khẳng định theo nguồn tin tức từ hậu phương cho biết: Cộng sản đã tuyên truyền là giết được nhà văn Nhượng Tống vì có nhiều nguồn dư luận khác nhau về cái chết này. Cũng hơn mười năm sau khi cuốn sách Việt Nam Quốc Dân Đảng của Hoàng Văn Đào ra đời, thì mấy cuốn sách của Đảng CSVN in ra và đều tự nhận là thủ phạm giết nhà văn Nhượng Tống.

● Thế mà hơn hai mươi năm sau, Nguyễn Thạch Kiên viết cuốn Về Những Kỷ Niệm Quê Hương lại chỉ tin nghe lời nói của một người để rồi kết tội người đồng đảng với mình là: Quang Minh Lê Ngọc Chấn ra lệnh giết nhà văn Nhượng Tống! quá là một điều hiếm thấy ở những người cầm bút chân chính vậy. Sao trước năm 1975, Nguyễn Thạch Kiên không viết ra điều này, khi các ông Hoàng Văn Đào, Lê Ngọc Chấn, ... còn sống ?, sao để đến bây giờ đa số đã ra

người thiên cổ, chỉ còn lại ông Nghiêm Xuân Thiện đã rơi vào tình trạng lẫn rồi mới mùa gầy vườn hoang ? (theo lời anh NVT nói với chúng tôi cách đây mấy năm ông Nghiêm Xuân Thiện đã lần).

● Thay lời tựa cuốn Về Những Kỷ Niệm Quê Hương, Nguyễn Thạch Kiên viết: "Thận trọng, đề đặt khi viết". Chúng tôi rất nghi ngờ lời viết này! Nếu thận trọng và đề đặt thì chắc chắn phải nghiên cứu đến nơi đến chốn những điều minh viết, thế mà cho người ta nằm xuống rồi mới dùng ngòi bút để tạo không thành có! mỗi viết liều! thì quả thật vẫn đục của Nguyễn Thạch Kiên là chỉ như vậy thôi !

● Nguyễn Tà Cúc căn cứ vào cuốn Về Những Kỷ Niệm Quê Hương của Nguyễn Thạch Kiên để trình bày ý kiến về cái chết của nhà văn Nhượng Tống trên tờ báo Khởi Hành số 157 (22) tháng 11 năm 1996. Ngay cái tựa đề của bài viết: Lê Ngọc Chấn Ra Lệnh Giết Nhượng Tống đã cho biết Nguyễn Tà Cúc cùng minh nhiên đồng ý với Nguyễn Thạch Kiên là Quang Minh Lê Ngọc Chấn ra lệnh giết nhà văn Nhượng Tống !

● Những người tự nhận là quốc gia nhưng vì vô tình hay cố ý lại còn tàn độc không thua gì cộng sản.

● Với Nguyễn Thạch Kiên là một minh chứng cụ thể qua cuốn Về Những Kỷ Niệm Quê Hương.

● Đối với Cộng Sản Việt Nam, để đạt tới mục đích thì sẵn sàng hy sinh bằng mọi giá kể cả tổ cha, giết mẹ, anh em, họ hàng thân thích, dào mà tổ tiên v.v...

● Đối với kẻ ham danh lợi, tiểu nhân thì sẵn sàng bán rẻ lương tâm mình, dùng ngòi bút để tạo không thành có, khác gì bọn văn nô cộng sản !

LỜI KẾT :

Cách nay 15 thế kỷ, tác giả Văn Tâm Điều Long đã viết :

"Văn chi vi đức dã đại hi; dữ thiên địa tịnh sinh hà giả tai ?"

(Lưu Hiệp. Văn Tâm Điều Long. Nguyên Đạo)

Xin được tạm dịch như sau:

Đức nghiệp của văn chương, đúng thật là cực to lớn và phong phú! Với trời đất cùng sinh ra, là biết bao duyên cố ?

Mượn lời của Lưu Hiệp để chúng tôi muốn nói lên:

- Văn đức của người cầm bút là vô cùng quý giá nếu có một tâm hồn ngay thẳng, đúng đắn, công minh... thì ích lợi lớn lao đối với con người.

- Hãy trả sự thật về cho sự thật, một cách công chính vô tư.

- Nhưng nếu chỉ là giả danh thì nguy hại cũng không nhỏ.

Vậy, kính xin quý vị lượng thứ cho ý nghĩ thô thiên của chúng tôi thì đó là một điều hân hạnh vô cùng.

(Thiên san phố, Canh Thìn, ngũ nguyệt, số ngũ.)

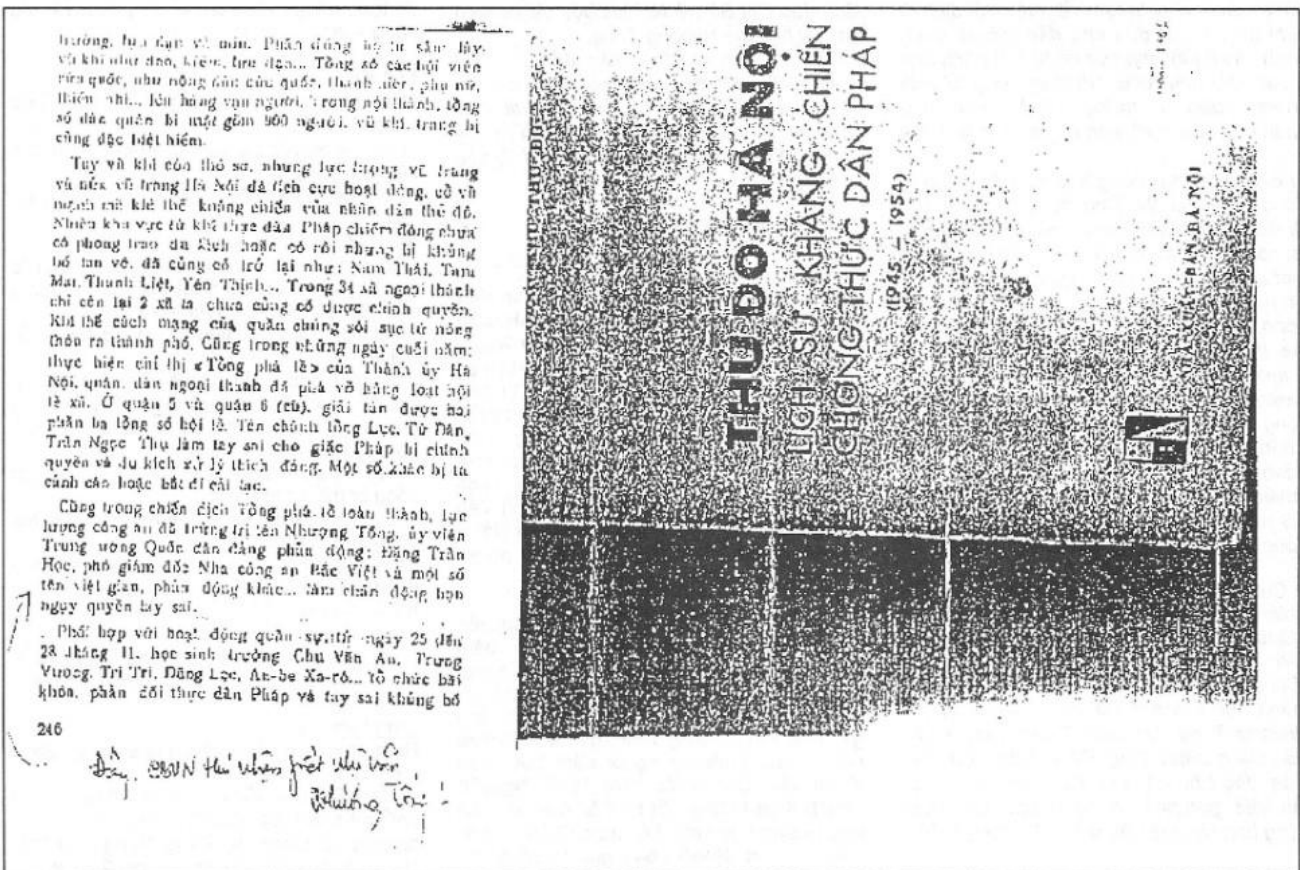
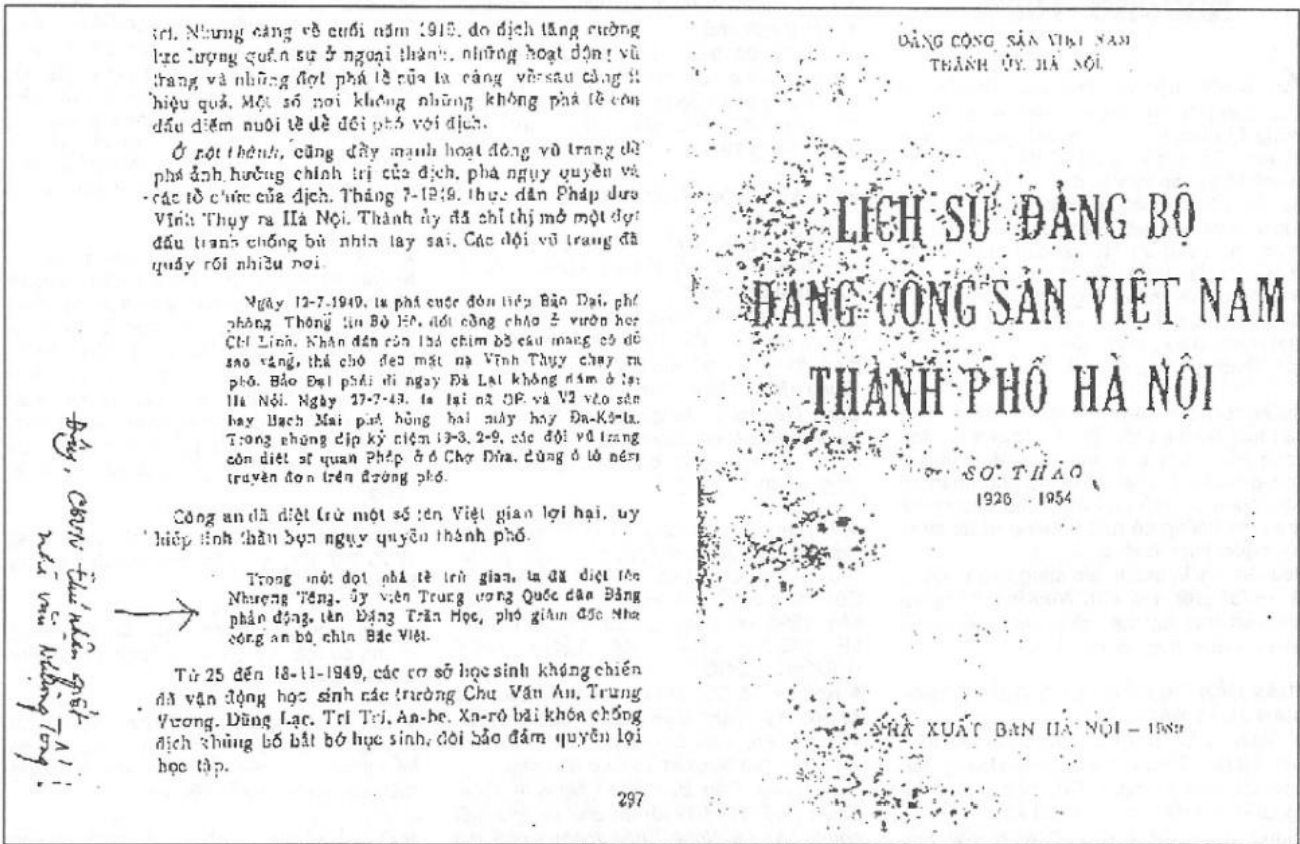
Đính kèm:

Hình chụp tên sách và trang sách có đoạn trích dẫn:

a/ Thủ ĐỘ HÀ NỘI - Lịch sử Kháng chiến chống Pháp (1945-1954), trang 246.

b/ Lịch sử Đảng Bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam - Thành phố Hà Nội - trang 297. ●

Hình chụp tên sách và trang sách có đoạn trích dẫn



Thức thời

"Vi thời thế, thế thời phải thế"



Người xưa có câu "Thức thời vụ mới là trang tuần kiệt" để nhắc con cháu là trong ứng sử luôn luôn phải biết mình / biết người, biết thời / biết thế, biết tiến / biết thoái, và có được như thế mới là trang tuần kiệt còn củ thảng trước mặt mà xông tới thì chỉ là loại trâu lửa của Điền Đan (*Tướng nước Tề là Điền Đan đã cột dao nhọn vào sừng, để tẩm dầu vào đuôi trâu rồi dẫn cả đàn ra đàn trận. Khi đối diện địch quân, Điền Đan cho lính nổi lửa đốt đuôi, thế là đàn trâu liền xông thẳng lên phía trước mà húc càn, húc loạn*). Cũng lại dạy ta rằng lịch sử là bài học của quá khứ mà ta phải học cho thật kỹ nếu ta muốn tránh những vấp vấp, hụt hẫng trong những bước đi tương lai. Do đó mà ta phải cố dùi mài kinh / sử để ôn cố / tri tân.

Trường hợp Tề Mân Vương :

Quân năm nước Hàn, Triệu, Ngụy, Tần, Yên, dưới sự thống lĩnh của tướng Yên là Nhạc Nghị tiến đánh nước Tề. Quân bốn nước Hàn, Triệu, Ngụy, Tần chia nhau đánh phá các thành biên ải, chỉ riêng Nhạc Nghị kéo đại binh nước Yên rượt thẳng đến kinh đô Lâm Tri; đi đến đâu phủ dụ dân chúng; người nước Tề lâu nay oán vọng vua Tề đều ra đầu hàng. Tề Mân Vương sợ quá, dẫn vài mươi viên quan văn, võ lên mở cửa thành phía Bắc chạy trốn.

Đi đến nước Vệ, vua Vệ thân hành ra tận ngoài thành tiếp đón, dẫn vào nơi chánh điện, cung phụng rất lễ phép. Tề Mân Vương kiêu ngạo, tự cho mình là vua nước lớn, không lấy lễ đãi vua Vệ nên quần thần nước Vệ đều bất mãn, ban đêm lên đến cướp tất cả hành trang. Tề Mân Vương nổi giận, chở vua Vệ đến châu sẽ khiển trách

những vua Vệ mấy ngày không đến triều kiến cũng không cung cấp đồ ăn nữa.

Tề Mân Vương xấu hổ quá, đợi mãi đến lúc mặt trời đã xế chiều, bụng đói như cào, lại sợ vua Vệ mưu hại mình mới cùng Di Duy và mấy người hầu cận bỏ trốn. Các quân lính theo hầu mất chủ, mạnh ai nấy tìm đường thoát nạn.

Tề Mân Vương chạy đến nước Lỗ, vua Lỗ sai sứ giả ra đón; Di Duy hỏi :

- Nước Lỗ đãi Đại Vương ta như thế nào ?

- Sẽ rước vua Tề bằng mười cỗ xe Thái Lao.

- Vua Tề là Đại Vương, vua Lỗ là Tiểu Hầu. Đại Vương đến tuần thú, Tiểu Hầu phải lánh ra khỏi cung, sớm chiều thân hành chăm sóc, hầu hạ dưới thềm; sao lại chỉ đãi bằng mười cỗ xe Thái Lao ?

Sứ giả về báo lại với vua Lỗ. Vua Lỗ cả giận, đồng của thành không cho vào nữa.

Tề Mân Vương lại phải chạy sang nước Trâu, gặp lúc vua Trâu mới chết, Mân Vương muốn vào thăm. Di Duy nói với người nước Trâu :

- Đại Vương hạ mình đến điều tang, chủ nhân phải lật úp áo quan lại, đứng ở hè phía Tây, ngoảnh mặt về hướng Bắc mà khóc còn Đại Vương ta đứng ở hè trên, ngoảnh mặt về hướng Nam mà viếng người chết.

Người Trâu nói:

- Nước tôi nhỏ, không dám phiền Đại Vương hạ mình đến viếng.

Nói xong cũng đóng chặt cửa thành không cho vào.

Thế là Tề Mân Vương đành phải chạy về ngôi thành nhỏ Củ Châu rồi sai sứ sang nước Sở cầu cứu, hứa là nếu Sở lui được binh Yên thì Tề sẽ cắt đất Hoài Bắc dâng cho Sở. Vua Sở liền sai tướng là Trác Sĩ đem mười vạn binh, lấy cỏ đi cứu Tề để sang nhận đất. Đến Tề rồi, Trác Sĩ liền thỏa hiệp với Nhạc Nghị giết Mân Vương để cùng chia nhau nước Tề. Mân Vương đã mất nước lại mất luôn cả mạng chỉ vì không thức thời vậy (*Đông Chu Liệt Quốc, hồi thứ chín mươi lăm*).

Trường hợp mấy ông Tướng Bạch Nga :

Trong cuộc Cách Mạng tháng Mười năm 1917 tại Nga, Lênine đã cướp được chính quyền không nhờ vào lực lượng quân sự cũng không nhờ vào hậu thuẫn quần chúng mà chủ yếu là nhờ vào thủ đoạn chính trị. Vì thế

nhên trong những năm kế tiếp, chính quyền của y rất mong manh như chỉ mảnh treo chuông, phần vì chính trị bất ổn (các đảng phái đối lập quá nhiều lại tưởng đối mạnh hơn đảng Bolchevik của y nữa như Menchevik, Essaire (SR), Cadet (KD), Anarchiste v.v...) phần vì các nhóm chống đối vô trang nổi lên khắp chốn như nấm gặp mùa mưa.

Ngay khi CS mới nắm quyền là đã có một số tướng lãnh của Quân Đội Nga trước đó đứng ra hoặc thu thập tàn quân, hoặc lãnh đạo nhân dân nổi lên chống lại. Nếu chỉ kể đến những nhóm tưởng đối quan trọng hơn cả cũng đã có đến sáu nhóm, đó là: Đô Đốc Koltchak lập căn cứ ở vùng Tây Sibérie, Tướng Kornilov ở bờ biển đen, Nam Ukraine (*khi tướng Kornilov tử trận thì quyền chỉ huy đoàn quân này được chuyển qua tay tướng Denikine*), Tướng loudénitch ở vùng Lettonie ngay sát nách thủ đô Pétrograd, Tướng Grigoriev lãnh đạo dân Ukraine, Tướng Kalédine lãnh đạo dân Cosaque sông Don và Tướng Krasnov lãnh đạo dân Cosaque vùng Kouban. Những nhóm này không thể được coi là giặc cỏ vì họ có lực lượng rất đáng kể; tỷ dụ như dưới quyền Tướng Krasnov có đến 27.000 bộ binh, 30.000 kỵ binh, 175 đại pháo, 610 đại liên, 20 máy bay, 8 pháo đĩnh, 4 đoàn xe lửa vô trang. Đã thế, Đô Đốc Koltchak còn gặp may - như chuột sa hũ nếp - hốt ngay được kho tàng của Sa Hoàng để tại kho ở Kazan, thu về được 657 triệu Rúp Vàng. Với số vàng này, quân chống cộng có thừa phướng tiện (*giá một khẩu súng Mauser với 300 viên đạn lúc đó chỉ có mười Rúp vàng*).

Ngoài ra họ còn được các nước đồng minh tận tình hỗ trợ như :

- Quân Anh đổ bộ ở Mourmansk và Arkhangelsk, hạm đội Anh chế ngự Biển Trắng và biển Baltique, hỗ trợ cho Tướng loudénitch,

- Quân Pháp, ngoài 2 đội Lê Dương Ba Lan và Tiệp Khắc có sẵn tại chỗ (*Đầu năm 1917, nước Pháp thiếu quân số trầm trọng nên đã phải điều đình với chính phủ lâm thời Nga xin được tuyển lính trong số 2 triệu tù binh đang bị giữ tại Nga. Do đó mỗi có toán Lê Dương Ba Lan khoảng 30.000 người dưới quyền tướng Anselme ở Ukraine và toán Lê Dương Tiệp Khắc khoảng 50.000 người dưới quyền Tướng Janin ở Tây Sibérie. Pháp chưa kịp đưa 2*

đoàn quân này về mặt trận chính quốc thì Lénine đã cướp chính quyền ở Nga rồi quân Mỹ tham chiến khiến mặt trận Tây Âu không còn thiếu quân như trước nữa nên Pháp giữ luôn 2 đoàn quân này tại chỗ để tiếp tay cho công cuộc chống cộng tại đây) còn đổ bộ thêm ở Odessa và hạm đội Pháp chế ngự Biển Đen. Đoàn Lê Dương Tiệp Khắc yểm trợ cho Đô Đốc Koltchak ở mặt trận Đông còn các cánh quân khác thì yểm trợ cho Tướng Dénikine ở mặt trận Nam.

- Hạm đội Nhật phong tỏa và bộ binh Mỹ đổ bộ lên Vladivostok.

- Quân Ba Lan, được sự hỗ trợ của một đoàn 200 cố vấn quân sự Pháp (trong đó có cậu Đại úy De Gaulle mới ở tuổi 30) dưới quyền Tướng Weygand, hằm sẵn ở phía Tây.

Chính quyền Lénine lúc bấy giờ quả là đang ở thế **dầu sôi / lửa bỏng**, như người đã dút cổ vào tròng duy chỉ có 2 chân còn dính được trên mặt ghế, những tưởng là sẽ chẳng thọ được bao lâu. Ấy thế mà rồi mọi đe dọa đối với y đều qua đi như cơn cuồng phong bạo phát, bạo tàn để rồi chế độ của y cũng tồn tại được trên 70 năm, gây ra biết bao thảm họa cho nhân loại. Chúng được thoát chết chỉ là vì mấy ông Tướng Bạch Nga cũng lại **không thức thời**, y như Tề Mân Vương!

Mấy chà củ tưởng rằng mình còn mạnh lắm nên cứ muốn tái áp đặt bạo quyền để tái củng cố cả nhân dân trong nước lẫn các dân tộc lân bang. Mấy chà không biết là **khi bắt chẳng được thì phải tha làm phúc**. Mấy chà cũng mắc bệnh **suy bụng ta ra bụng người**, củ nghĩ là ai cũng bảo hoàng như mấy chà, củ nghĩ rằng một khi đã được nếm mùi CS tất người ta sẽ tiếc nhờ trật tự cũ, chế độ xưa, dù đó là chế độ chuyên chế Sa Hoàng mà người dân đã ngấy lên đến cổ. Mấy chà cũng không thêm biết đến những chiến thuật **mị dân giai đoạn** của chính quyền CS mấy năm đầu nên đều đã làm ngược lại khiến mọi người chán, bỏ mấy chà mà chạy theo ủng hộ Lénine!

Trong lúc CS tuyên truyền là **"chế độ xưa, ta mau phá sạch tan tành"** (một câu trong bài Quốc Tế Ca, dịch từ câu gốc "du passé faisons table rase") thì mấy chà quyết lập lại chế độ xưa; theo gót đoàn quân của mấy chà là một đoàn quý tộc (Công Tước, Bá Tước, Hầu Tước v.v...) lục tục trở về để thu

hồi lại những thái ấp, lâu đài vừa bị chiếm và... bằng hành động đó họ đã đẩy cả khối nông dân vào vòng tay CS! Đã thế rồi mấy chà còn tàn sát nhân dân để trả thù - tạo ra cái được gọi là "bạo lực trắng - khiến cho chính các đồng minh của mấy chà cũng phải phản uất. Các quân nhân Anh/Pháp - vốn đã thấm nhuần ý thức tự do, bình đẳng và dân chủ - đã nổi loạn, chống lại việc tham chiến tại Nga vì họ cho là không thể tiếp tay cho mấy ông tướng cướp tàn sát dân lành. Họ nổi loạn ngay tại chính quốc (cả ở Anh lẫn ở Pháp), họ nổi loạn, chống lệnh ở chiến trường; thủy thủ Anh thuộc hạm đội Baltique, thủy thủ Pháp thuộc hạm đội Biển Đen cũng nổi loạn (đây chính là dịp để anh thủy thủ Tôn đức Thắng lập công, chỉ bằng việc a dua treo một miếng giẻ đỏ trên cột cờ của chiến hạm Jean-Bart) khiến các chính phủ đồng minh phải vội vã rút quân. Để giải thích việc rút quân, Thủ Tướng Anh Lloyd George đã tuyên bố **"Nếu chúng ta tiếp tục giúp mấy ông tướng Bạch Nga chống lại chính quyền Bolchevik thì chính nước Anh sẽ thành Bolchevik và rồi chúng ta sẽ có một chính phủ Soviet ngay tại Luân Đôn"** (muốn biết thêm chi tiết về những cuộc nổi loạn này, xin đọc *Histoire de l'Internationale Communiste của Pierre Broué - trang 110-111*). Đặc biệt là Tướng Pháp Janin, chỉ huy đoàn Lê Dương Tiệp Khắc, do không chịu nổi tình dã man, cuồng sát, khát máu của Đô Đốc Koltchak (mà ông ta có nhiệm vụ yểm trợ) đã tóm gáy ông này trao cho CS treo cổ (sách vừa dẫn, trang 98). Bất người đến giúp mình phải xuống tay hạ mình thì quả là đồ đê Koltchak đã quá u mê, vô chính trị!

Lại nữa, khi nghe tin chính quyền Xô Viết sẽ tịch thu ruộng đất của giai cấp quý tộc chia lại cho dân cày, lính người Cosaque - vốn gốc nông dân - đã hỏi thẳng Tướng Kalédine, cấp chỉ huy trực tiếp của họ, là "ông có chịu tịch thu ruộng đất của quý tộc Cosaque để chia lại cho nông dân Cosaque hay không?". Kalédine đã trả lời thẳng thừng là **"thà chết còn hơn"**. Thế là cả đoàn quân Cosaque sông Don, vốn rất thiện chiến, rã bè như tuyết gặp nước sôi khiến Tướng Kalédine phải tự bắn vào đầu để được toại nguyện **"thà chết còn hơn"** như đã từng tuyên bố.

Khi đoàn quân của Tướng loudénitch tiến đến sát cửa ngõ Péetrograd thì 2 nước Lettonie và Phần Lan đưa đề nghị là nếu các ông Tướng Bạch Nga hứa cho họ được độc lập thì quân 2 nước này sẽ tiếp tay dứt điểm CS. Các ông tướng đã trả lời là các ông không có thẩm quyền, phải đợi khi nước Nga có chính phủ và quốc hội hợp pháp rồi sẽ tính. Thế là 2 nước này theo Lénine vì lúc ấy Lénine có hứa là sẽ để cho các nước lân bang được hưởng quyền **tự quyết** (hứa nhăng, hứa cuội gì thì "hạ hồi phân giải"). Rồi chỉ hơn một tháng sau, loudénitch bị Trotski đánh bại, tàn quân phải chạy sang Lettonie và liền bị nước này giải giới, bỏ tù. Thế là vì tưởng mình vẫn bảnh (y như Tề Mân Vương) mà loudénitch đã không được đối xử như bạn đồng minh mà lại được làm... tù ở Lettonie! Thật ra thì chỉ có lính của y bị tù thôi còn chính y thì đã dùng máy bay giông trước.

Nhìn lại quá khứ, ta thấy năm 1919 tình hình thật vô cùng thuận lợi cho mấy ông tướng Bạch Nga: quân số có, trang bị có, tài chánh có, ngoại viện có. Nếu có thiếu chẳng là chi thiếu hậu thuẫn mà thôi. Do đó nếu mấy ông biết áp dụng một đường lối khoan dung, cởi mở để tranh thủ hậu thuẫn, **thêm bạn bớt thù** thì Lénine đâu có trụ được. Khổ một nỗi là mấy ông quen thói hống hách, vô biên, chỉ biết có độc một bài đánh, giết với **"kênh si-po"** để **thêm thù bớt bạn** nên mới sụm. Tướng pháp Lyautey đã nói "Một quân nhân hoàn toàn vô biên là một quân nhân tồi" (un militaire qui n'est que militaire est un mauvais militaire). Nếu ta mang câu nói này đối chiếu với mấy ông tướng Bạch Nga thì ta sẽ thấy mấy ông này quả là loại tướng tồi!

Tóm lại là Lénine đã thành công một phần nhờ hấn liều và quá nhiều thủ đoạn còn phần khác là nhờ các đối thủ của y không thức thời, thiếu ý thức chính trị, chỉ là thủ trâu lừa của Điền Đan, chưa xứng đáng là đối thủ của y. Nếu mấy ông tướng Bạch Nga biết câu **"thức thời vụ mới là trang tuần kiệt"** cùng câu **"bắt chẳng được, tha làm phúc"** thì giông lịch sử đã trôi theo hướng khác.

Tiếc thay và cũng lại **buồn thay!** Hai trường hợp lịch sử trên đây rất đáng để chúng ta suy ngẫm, học hỏi vậy.

● N.T.

Trường làng tôi



Vừa 4 giờ sáng tôi đạp xe ra Trung Lương đón xe, đi Hậu Giang đi Mỹ Thuận. Đến nơi trời đã sáng hẳn rồi mặc dầu có sương mù của những ngày tháng cuối năm. Xa quê hương mấy mươi năm rồi, hôm nay tôi quyết tâm trở về "đường xưa lối cũ" thăm trường làng tôi. Qua đó Mỹ Thuận là đến đường liên tỉnh Sa Đéc - Vĩnh Long, rẽ phải đi Sa Đéc, còn rẽ trái đến Vĩnh Long.

Buổi sáng mát trời thấy tâm hồn thoải mái, và lại đâu có gì thúc bách tuổi già, nên tôi bèn cỡi con ngựa sắt nhắm hướng Sa Đéc còn 8 cây số nữa là đến Nha Môn, quê tôi, mà cũng là quê của nhiều ngôi bút nổi danh ở Âu Châu, ở Bắc Mỹ. Đường đi Nha Môn phải qua nhiều con rạch, như rạch Cái Gia, rạch Cái Tàu, rạch Cái Xép, rồi mới đến rạch Nha Môn, tất cả đều nằm trong lưu vực sông Cửu Long. Riêng rạch Nha Môn là dòng sông nối liền sông Tiền với sông Hậu.

Con nước ba mươi cuộn cuộn chảy đầy sông đem tôm cá nuôi con người, tài phú sa phi nhiều cho đồng ruộng từ đời này sang đời khác. Con người sinh ra trong lòng đất nước, để đất nước nuôi con người. Nổi trôi nơi xứ người, ai mà chẳng chạnh lòng nghe trẻ thơ hát ngâm nga... "người cách xa cội nguồn, đâu có gì đau buồn hơn..."

*

Thuở ấy vào năm 1936, cha tôi sắm sửa cặp võ cho tôi đi học lớp Đồng Ấu, bởi vì tôi đã được 7 tuổi rồi. Làng Tân Hộ Đông của tôi lúc bấy giờ là một làng nhỏ bé, thuộc tổng An Mỹ, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc, nay là tỉnh Đồng Tháp. Làng này nằm trên tả ngạn rạch Nha Môn, có một ngôi đình

khá to thờ Thần làng và hai kiếng Chùa, một Chùa Ông và một Chùa Phật. Thầy giáo dạy tôi học võ lòng là ông Phạm Văn Kế, gốc làng Bình Tiên cạnh tỉnh Sa Đéc, đến đây lập nghiệp từ lâu lắm, rồi làm rể ông Cà Tài ở làng Tân Hộ phía hữu ngạn rạch Nha Môn. Dạy học ở đây trong mười mấy năm trời, ông đã tỏ ra một nhà mô phạm tận tụy hy sinh, được lòng tất cả mọi người, dù lớn dù bé, dù sang dù hèn.

Hồi năm 1938 khi ông Cà Viên trong làng được chánh quyền thuộc địa phong chức Huyện hàm; ông giáo Kế được cử làm đại diện đọc diễn văn chúc mừng tân quan Huyện. Tôi nhớ rõ việc này bởi chiều hôm ấy tôi có đến xem cảnh buổi tiệc có thầy tôi đọc diễn văn. Rồi ít hôm sau thầy tôi có nhờ tôi (có tưởng chủ trương đối đẹp) chép lại diễn văn ấy vào một quyển sổ tay để làm kỷ niệm.

Sự nghiệp mô phạm của thầy tôi gắn liền với trường làng tôi. Thầy tôi dạy ở đây cho đến năm 1945 đất bằng nổi sóng. Thầy tôi, cũng như mọi người dân yêu nước thức tỉnh trước vận hội mới của nước nhà, đi kháng chiến ở vùng Tháp Mười. Ít năm sau đó thầy tôi trở về thành thì làng tôi là một vùng bị tàn phá nặng nề, nên thầy phải dạy ở tại tỉnh lỵ mà thôi. Chắc trong lòng vẫn hoài vọng ngày nào đó hòa bình tái lập thầy sẽ trở về Nha Môn như trước. Nhưng mộng không thành thì... thôi!

Sinh ra trong một gia đình nông gia tay lấm chân bùn, tôi đã một thời xem thầy tôi là một thần tượng, ước mơ một ngày kia sẽ có một đời sống như thầy. Tôi biết khá rõ gia đình thầy cô tôi, bởi tôi thường được thầy nhờ đến nhà sáng chủ nhật để còng sổ, sửa bài. Và lại con trai lớn của thầy là anh Phạm Công Nghiệp là bạn đồng song với tôi cho đến khi học hết trường tỉnh Sa Đéc. Còn đối với con gái của thầy là cô Ba Ánh, tôi chỉ e thẹn liếc mắt chỗ không dám nhìn thẳng. Con gái lớn hai, con trai lớn một, cô ba Ánh lên xe hoa về nhà chồng năm 1951 lúc tôi còn đi học trường Trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, tôi thấy lòng nuối tiếc một cái gì ấy vượt khỏi tầm tay của mình.

Gần bãi trường giữa năm 1937, thầy tôi có mời thợ nhiếp ảnh Huế Chân ở Sa Đéc đến chụp hình chung với 40 học trò. Thầy tôi vận âu phục trắng, mang giày tây đen, ngồi giữa trên một chiếc ghế kiểu Thonet cũ, cạnh bên có con trai lớn của thầy và

một người cháu gái là chị tư Nhan. Ở hàng đầu thầy sắp chỗ ngồi cho 5 người học trò mà thầy ước đoán rằng gia đình cha mẹ có khả năng mua lấy một tấm hình, trong đó có tôi. Mặc dầu thầy đã năm lần bảy lượt dặn các học trò này ngày chụp hình phải mặc quần áo trắng sạch sẽ và mang dép da cho ăn ảnh. Tôi đâu có thi hành lời thầy dạy được bởi lẽ tôi đâu có dép da mà mang, cũng không có quần trắng để mặc, còn áo trắng thì có nhưng nó trở màu vàng mà lại sút nút, thôi đành đi chân đất, mặc quần đen, áo bà ba đen dù có sút nút ở cổ không ai thấy đâu (đó là điều tôi đã làm tuồng bởi thiếu một nút trắng trên áo đen thì thấy quá rõ). Thầy không có dạy phải chải tóc vì phần đông học trò đều hớt tóc ngắn cả, mà dầu có để tóc dài cũng không thấy ai chải chuốt gì đâu.

Vào năm 1936, trường làng tôi ở gian nhà dưới của Chùa Ông, mái thấp, vách mặt cáo, xung quanh có bóng cây um tùm, nên trong lớp lúc nào cũng có ánh sáng lờ mờ, khi trời chuyển mưa thì chỉ nghe thầy nói chỗ khó thấy trên bảng đen thầy viết gì, bởi không có đèn dù là đèn dầu đi nữa. Khi nào có gánh hát về hát lệ tại chùa thì nghỉ học vài ba hôm. Vào đầu năm 1937, ông Cà Viên mới xuất tiền riêng cất tặng làng một trường riêng biệt, mang bảng hiệu "Ecole Cà Viên", mặc dầu đây là một công sở của làng, còn lương bổng thầy giáo vẫn do công nhơ tỉnh đài thọ. Cứ mỗi tháng một lần và vào ngày cuối tháng, thầy tôi cho nghỉ học sớm vào một buổi chiều trong tuần để cùng với ba thầy giáo khác dạy ở trường làng Tân Hộ bên kia sông đi xe ngựa hoặc xe đạp về tỉnh lỵ Sa Đéc cách đó 10 cây số để lãnh lương.

Trường làng tôi là một ngôi nhà khá rộng, mái ngói, nền đất, vách ván bồ kho ba mặt, mặt tiền bằng cây mặt cáo có cửa lớn ra vào và một cửa hông có ống khóa bên ngoài. Đây là một loại cửa an toàn cho thầy tôi. Mỗi ngày thầy tôi luân phiên cho một trò có vẻ lanh lợi ngồi ngang trông ra cửa hông thẳng tôi bên đó. Nếu có ai lạ mặt mặc âu phục đi vào là phải báo động ngay cho thầy biết. Đó là thầy muốn canh chừng Thanh tra Tiểu học tỉnh đến kiểm soát trường. Suốt hai năm trời học tại đây tôi không thấy có Thanh tra nào tới cả, chỗ trường làng Tân Hộ bên kia sông đã có tiếp Thanh tra một lần, mà lần đó chú Tư Lâm đưa đồ ngang sông đã sai con cấp báo cho thầy tôi biết. Thế mới biết thầy tôi sống

với phụ huynh học sinh như "cá với nước".

Nếu trường làng Tân Hộ bên kia sông là một nhà gạch lợp ngói, với 3 lớp học có vách ngăn từ lớp Đồng Ấu đến lớp Sơ Đẳng, tức là từ lớp Năm đến lớp Ba, trường làng tôi chỉ có 2 lớp Đồng Ấu và Dự Bị không có vách ngăn. Thầy tôi phụ trách luôn cả hai lớp. Thầy bắt đầu bằng cách chỉ dẫn học trò lớp Đồng Ấu: đánh vần, ráp vần, tập đọc hoặc viết số, làm toán cộng, trừ v.v..., rồi một học trò khá bên lớp Dự Bị lên bảng hướng dẫn tiếp, để thầy tôi sang chỉ dẫn bên lớp Dự Bị ở cấp cao hơn một chút, rồi cũng có một học trò ruột của thầy lên tiếp sức với thầy, đại để học trò phải học đọc trôi chảy các bài trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư, tập làm văn trả lời các câu hỏi ngắn gọn, hoặc tập làm toán đồ có toán nhân và chia, v.v... Thầy biết sắp đặt công việc nên tôi thấy thầy tôi không bận rộn cho lắm. Hễ lúc học trò làm bài, thầy cấm bọn trẻ nói chuyện để thầy soạn sổ nhật ký cho những ngày sắp tới. Soạn xong thầy tôi ung dung lấy đường phen dùng với nước trà (do chị tú Nhan mang từ nhà thầy đến trường), rồi thầy đi tôi đi lui coi học trò làm bài.

Trong trường có hai dãy bàn, dãy bên trái dành cho lớp Đồng Ấu, dãy bên phải dành cho lớp Dự Bị. Trên vách có treo vài tranh vẽ các động vật có vú, các loại côn trùng, hoặc dán các câu: *Tiên học lễ, hậu học văn - Cá không ăn muối cá ươn - Con cãi cha mẹ trăm đường con hư - Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*, v.v... Khung cảnh không có gì hấp dẫn lôi cuốn thị hiếu tuổi trẻ, nhưng tôi thích đi học vì tôi thưởng thầy tôi hiền từ, dịu dàng, tôi mến bạn tôi và thích vui đùa. Tôi thích đọc Quốc Văn Giáo Khoa Thư, có những bài mà tôi còn nhớ, như: *Đi học để làm gì? - Chọn bạn mà chơi - Cây sen - Mấy lời khuyên về vệ sinh - Lê Lai liều mình cứu chúa - Con cò đi ăn đêm - Ông Carnot biết ơn thầy*, v.v... nhưng lúc ấy tôi không hiểu tại sao trong bài "Chăn trâu" lại mở đầu bằng câu: *"Ai bảo chăn trâu là khổ? Không, chăn trâu sướng lắm chứ!..."*; trong khi cha tôi thường răn: không chịu đi học để nũa chăn trâu dói rách cho mà biết!

Hồi còn bé ham chơi tôi không thích ngủ trưa, nhưng vào tiết tháng 3 tháng 4 âm lịch mà thầy bảo đọc bài "Bà ru cháu" : *Trúa mùa hè, trời nắng*

chang chang, gió im phăng phắc. Trong nhà, ngoài ngõ, vắng vẻ, tĩnh mịch. Bà ôm cháu vào lòng nằm trên cái võng, đưa đi đưa lại, tiếng kêu kẻo kẻo kéo kệt..."; tôi thấy sao mí mắt nặng trĩu rồi tôi thiếp đi...

Ngày tháng qua mau. Học hết lớp trường làng Tân Hộ Đông, tôi mỗi ngày đi dò ngang qua sông học trường làng Tân Hộ, trong hai niên khóa 1938-39 và 1939-40, học lại lớp Dự Bị rồi mới lên lớp Sơ Đẳng. Lớp Dự Bị do thầy Trần Văn Tài phụ trách. Thầy Tài năm ấy còn trẻ lắm, có lẽ chưa nắm vững môi trường xã hội trong làng. Đạo ấy tôi bị cảm rồi ho, nên không đi học. Tuần sau mẹ tôi dẫn tôi vào trường. Thầy Tài bảo: "Nó ở nhà không xin phép. Tôi bôi sổ nó rồi". Nghe qua tôi rụng rời tay chân, tưởng đầu cuộc đời từ đây sẽ đi vào ngõ cụt rồi. Mẹ tôi chạy qua gặp thầy Nguyễn Văn Bảy dạy lớp Đồng Ấu nhờ thầy can thiệp. Thế là tôi được vào học trở lại. Trưa hôm ấy, mẹ tôi bắt 3 con vịt mập tặng thầy Tài, thầy Bảy mỗi thầy một con, còn một con tặng thầy Trần Văn Muôn dạy lớp Sơ Đẳng kiêm chức Hiệu Trưởng. Buổi chiều tan giờ học thầy Muôn đi xe đạp về Sa Đéc, phía sau có cột con vịt kêu cạp cạp dài một quãng đường, khiến tôi nhớ bài: *Kẻ ở người đi. "Ồi! cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!"*

Rồi năm 1940 tôi thi đậu vào trường tỉnh Sa Đéc học kế tiếp các thầy Ngô Văn Hay dạy Lớp Nhi 1B (tôi bị một trận đòn roi mây tới tấp bổ trên đầu có thua gì oanh tạc cơ B52 dội bom rừng núi Trường Sơn, nhưng về sau thầy rất thương tôi. Thầy Hay là một nhà chơi hoa kiểng có tiếng ở Sa Đéc). Thầy Trịnh Quan Lai dạy Lớp Nhi 2C (bề ngoài nghiêm khắc không che đậy nội tâm rạt rào tình cảm, năm 1966 về hưu rồi thầy Lai đến gặp tôi tại sở làm nói thốn thức: "Nghe em thi đỗ Tiến Sĩ thầy mừng em và sẵn dịp trả lại em tập nháp Pháp văn của em mà thầy giữ 25 năm nay"). Thầy Phan Văn Thà dạy Lớp Nhứt A (sau ngày 30.4.75 tôi đến thăm thầy về Sài Gòn sau 20 năm tập kết ra Bắc, thầy Thà có con trai là Thiếu tá Không quân Quân lực VNCH).

*

Cuốn phim dĩ vãng quay nhanh trong tâm trí khiến tôi đến Nha Môn lúc nào không hay, chừng đến dốc cầu đúc mỗi qua rạch Nha Môn mỗi biết.

Hồi trước ở đây là một cầu sắt, nhíp giữa có thể trục lên cao cho ghe buồm qua được. Khoảng thập niên 1960, Công binh VNCH cất cầu này cho cao lên, cho nên hai bên móng khá dốc. Lúc trẻ tôi có thể đạp xe qua cầu này không khó lắm, nhưng bây giờ gần tuổi "thất thập cổ lai hy" nên thận trọng là tốt. Tôi xuống xe dắt bộ qua cầu là đến chợ Nha Môn uống tách cà-phê để lấy sức. Từ đây tôi có thể đi vào trường làng tôi bằng một trong hai lối, hoặc theo rạch Nha Môn phía tả ngạn dắt xe đi bộ khoảng 2 cây số rưỡi, mà phải qua khá nhiều cầu khi, hoặc bọc hậu theo ngõ Tân Xuân xa hơn nhưng đường rộng để đi. Tôi chọn đi đường Tân Xuân để luôn tiện viếng mộ gia tiên.

Trước năm 1945, đường Tân Xuân là một con lộ khá rộng có thể trải đá tráng nhựa là ô-tô chạy suốt từ làng tôi ra tỉnh lộ thẳng tỉnh lỵ Sa Đéc, nhưng nay thì lộ ấy hư nhiều chỗ, nhà cửa cất chen chúc trên mặt lộ choán cả lối đi, cầu sập được thay thế bằng cầu khi, phải mang xe đạp trên vai mà lần qua, khiến tôi nhớ những tài tử đi dây trong các gánh xiếc. Nhưng không sao, ngộ biến phải từng quyền mà. Đi một đôi là đến đồng ruộng mênh mông; có nơi lúa đã chín có thợ gặt lúa lủ năm lủ bảy. Có nơi đã gặt xong giò đầy nông phu bó rơm lấy nắm và chuẩn bị rẫy khoai, rẫy cà. Tôi có đi qua sở đất gò 12 công mà cách đây hơn nửa thế kỷ tôi đã giúp cha tôi khai thác, cùng với khoảng 10 mẫu ruộng sâu ở xa hơn một chút. Hai bên đường hàng cây trâm bầu vẫn còn tươi tốt như thuở nào trưa tôi dở cơm ra ăn trong bóng râm với những người dân công.

Nặng lên cao thì tôi đến gần bờ rạch Nha Môn là nơi trước kia trường làng tôi được xây cất. Chắc chắn là nơi đây rồi không thể lầm lẫn được. Mà nhà trường đâu rồi? Chẳng thấy dấu tích gì ngoài trừ cây rừng, cỏ dại, nhứt là dừa rừng có cây cao khoảng 3 thước. Tôi nhớ lại mấy câu Kiều lúc Kim Trọng trở về "đường xưa lối cũ" tìm lại gia đình Thúy Kiều: "Hỏi ông mắc tụng đình, Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha, Hỏi nhà nhà đã rời xa...". Phải chi mình đứng về đây để còn giữ được hình ảnh êm đềm của trường làng xưa? Tôi đi tôi một tí nữa là đến bờ rạch Nha Môn, khi trước có con đò sang sông để tới chợ Dinh với dây phổ dài mấy chục căn bán buôn sầm uất, nay thì lác đác vài túp lều lợp tôn trông thật tiêu điều mặc dầu đã đứt

chiến tranh từ lâu lắm rồi. Còn bên này bờ rạch có một cụ già mà tôi nhìn ra là chú Sáu Lợi đang ngồi chờ mỗi trong một trại lá nhỏ bán hòm lớn nhỏ đủ cỡ. Dường như trong thương trường nghề bán quan tài là chắc ăn nhứt. Bình sanh không ai muốn mua loại hàng này, nhưng lúc cần thì giá bao nhiêu cũng mua. Tôi biết chú Sáu Lợi trước cuộc chiến làm đủ nghề, trong đó có nghề mộc tuy không khéo tay cho lắm. Chú có một con trai tên Huỳnh Văn Bảy mà thầy giáo gọi là Bảy Huỳnh lúc bé học cùng một lớp với tôi, rồi học hết trường làng là nghỉ học luôn cũng như hầu hết các trẻ khác trong làng. Hỏi thăm chú Sáu Lợi, tôi mới biết bây giờ có cất một trường học khác ở đường vào Chùa Phật là chùa Phước Long.

Thôi thì đành trở lui đến bên bờ rạch Ông Yên, tôi cuộc đất lúc trước là nhà Năm Dê bán rượu đế; nay có một căn nhà nhỏ vách gạch lợp ngói, đó là trường làng tân tạo đấy. Trong lớp có khoảng 20 học trò cỡ 6, 7 tuổi, trai có gái có, đang ê a học vắn vỏi một cô giáo rất trẻ khoảng ngoài hai mươi tuổi, trong bầu không khí yên tĩnh nơi đồng quê. Tôi dựng xe đạp vào gốc cây bên đường muốn vào giếng trường, làm như ông Carnot khi xưa về thăm thầy cũ, nhưng nghĩ lại đây có phải trường làng cũ của mình đâu, và chẳng làm sao dám so sánh phận mình tha phương cầu thực với cương vị của một Tổng Thống thời Đệ Tam Cộng Hòa Pháp. Thôi thì đành ra về vậy.

Trên đường về tôi ghé giếng phần mộ ông nội, bà nội tôi (ngôi mộ lập cách đây gần 70 năm), phần mộ cha tôi. Tôi tới giếng chùa Phước Long vừa được xây cất lại, nhờ sự cố võ của một nhân sĩ địa phương là ông Võ Văn Toại. Chùa vẫn nằm trong khung cảnh u tịch của một khu vườn rộng lớn bên bờ rạch Ông Yên. Qua khỏi cổng, tôi đi thẳng vào nhà Trai thì thấy cửa xích sắt khóa lại bằng ổ khóa to, tôi gọi cửa khá lâu mà không có ai mở cửa. Hồi lâu tôi bỗng thấy có hai người đàn ông vạm vỡ, một người vắc riu, một người cầm mác cán dài từ vườn sau đi ra. Tôi nghĩ nên đề phòng thì hơn nên bèn dẫn xe đạp ra hướng cổng chùa để, nếu cần, thì chạy cho mau. Nhưng không sao bởi hai người này làm công quả trong chùa hôm ấy đi kiếm củi chụm. Tôi nói với họ là tôi đến đây trước là lễ Phật sau là chiêm bái hướng hồn của sư bác trước kia là Hòa Thượng tại chùa này.

Sau khi lễ Phật xong, họ dẫn tôi ra sau vách ngăn bàn thờ Phật có một cái bục có bài trí bài vị các Hòa Thượng đã tu tại chùa này từ đầu thế kỷ đến nay, trong đó có bài vị của sư bác đã tịch cách đây không lâu, đó là Hòa Thượng Huệ Tử, mà trong chùa họ gọi là Hòa Thượng Cả. Danh từ "Hòa Thượng Cả" có sự tích của nó. Hồi thời Pháp thuộc, sư bác tôi được cử vào Ban Hội Tề làng Tân Hậu Đông, rồi khi làng Tân Hậu Đông sáp nhập với hai làng Tân Hậu và Phú Nhuận kế cận để lập thành làng Tân Nhuận Đông vào năm 1942, sư bác tôi giữ chức Đại Hưởng Cả. Sau biến cố ngày 9.3.1945 lật đổ chánh quyền thuộc địa, sư bác được cử giữ chức vụ Chủ Tịch Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chánh. Khi quân Pháp trở lại, sư bác bị quân Pháp bắt tra tấn, giam cầm một thời gian. Được trả tự do, sư bác tôi thể phát quy y vào chốn thiền môn. Cuộc đời của sư bác có nhiều điểm mâu thuẫn khó giải thích được, cũng như vận nước ở hồi cận đại vậy.

Đã đi tìm cảnh mà không toại nguyện, tôi quyết tâm tìm người xưa. Tôi nhờ người hướng dẫn đến thăm thầy Phạm Văn Kế đã dạy tôi hồi lớp Đồng Ấu. Thầy tôi nay trên chín mươi tuổi rồi, sống tại thị xã Sa Đéc cùng với bà kể thất từ khi cô tôi qua đời cách đây khá lâu. Thầy tôi già yếu lắm mà trí óc còn minh mẫn, nhận ra tôi dễ dàng. Trên vách phòng có treo ảnh thầy tôi lúc tuổi xuân xanh, rồi đối chiếu với hình ảnh một cụ già đang la liệt trên giường bệnh, tôi thấy rõ sự tàn phá của thời gian. Tôi nghe bà kể thất của thầy tôi kể rằng cô Ba Ánh bây giờ định cư ở Hoa Kỳ có về nuôi cha trong sáu tháng, rồi trở về Hoa Kỳ với gia đình. Thế là quý lắm rồi. Cho tôi năm 1975 thầy tôi có lãnh hưu bổng để sống, nhưng từ dạo ấy đến nay chắc đời sống khá chật vật, đâu có các con trợ cấp. Tôi xin bà kể thất của thầy tôi cho tôi gởi một số tiền nhỏ mượn gọi là góp phần nuôi dưỡng vị ân sư dày công khai tâm tôi cách đây trên sáu mươi năm. Ra về tôi tự vấn lương tâm tại sao trước năm 1975 mình không năng về thăm thầy? Có phải chăng bà vinh hoa mùi phú quý đã làm lương tâm mình u ám hay không? Ít lâu sau tôi được hưng tin thầy tôi mất, được đem về an táng tại làng Bình Tiên, quê quán của thầy.

*

Hồi năm 1945, rạch Nha Môn là một vùng trù phú nhứt nhì của tỉnh Sa Đéc. Bên hàng dừa cao soi bóng nước, nhà cửa san sát đông đúc dân cư. Ba mươi năm chiến tranh đã đưa làng tôi vào điêu tàn đổ nát. Có những gia đình không còn ai sống sót cả. Dân cư đổ xô ra đô thị để tìm an ninh, họ đi Sài Gòn, hoặc Sa Đéc, Vĩnh Long, Cần Thơ... Hòa bình vẫn hồi, một số trở về nông thôn quê quán, nhưng hơn hai mươi năm nay Nha Môn vẫn chưa phục hồi nếp sống trước kia. Do đó trường làng tôi chắc sẽ không có cơ hội được tái thiết!

(Les Ulis-France)

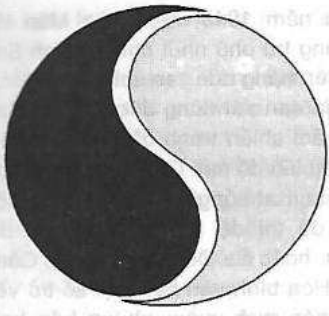
Chùa Xưa



*Trời thu trở lạnh se mình
Lá vàng rơi nhẹ - nhỏ đình chùa
xưa
Nhỏ ngày niên thiếu dưới mưa
Bên chùa nép cạnh giậu thưa, vườn
trà
Tiếng chuông vang vọng gần xa
Tiếng kinh trầm ấm chan hòa đỏ
đây
Ngồi yên lặng, dưới cội cây
Ngọc lan diu diu, hương bay an
lành
Mưa tan, giọt đọng trên cành
Đưa tay ra hứng, mong manh vỡ liã
Cuộc đời - như giọt nước kia
Có, không - không, có, phân chia
bên nào !?
Phút giây chợt bằng xôn xao !
Như ly nước lạnh dội vào tâm linh
Mặc bao thế thái nhân tình
Tâm bình thán lặng, hữu hình như
không !*

Nhỏ về chùa Linh Sơn - Đà Lạt

● **Thiện Như**



(Tiếp theo VG 114 trang 124)

Viết tặng những người mệnh Cấn

Những tuổi dưới đây trong Trung-Nguyên, từ 1924 đến 1983, đều thuộc mệnh Cấn:

Nam: Kỷ-Ty 1929, Mộc; Mậu-Dần 1938, Thổ; Đinh-Hợi 1947, Thổ; Bính-Thân 1956, Hỏa; Ất-Ty 1965, Hỏa; Giáp-Dần 1974, Thủy; Quý-Hợi 1983, Thủy.

Nữ: Đinh-Mão 1927, Hỏa; Canh-Ngọ 1930, Thổ; Bính-Tý 1936, Thủy; Kỷ-Mão 1939, Thổ; Ất-Dậu 1945, Thủy; Mậu-Tý 1948, Hỏa; Giáp-Ngọ 1954, Kim; Đinh-Dậu 1957, Hỏa; Quý-Mão 1963, Kim; Bính-Ngọ 1966, Thủy; Nhâm-Tý 1972, Mộc; Ất-Mão 1975, Thủy; Tân-Dậu 1981, Mộc.

Khi có liên hệ tới vấn đề nhà, đất thuê, mua, xây, tuổi người nam gia chủ là căn bản của mọi sự tính toán về phong thủy. Tuổi người nữ được coi là chính yếu khi còn độc thân hoặc trong tình trạng góa bụa có hoặc không ở chung với (các) con.

Nam, nữ mệnh Cấn có cùng những hưởng tốt/xấu giống nhau như sau:

a. Những hưởng tốt:

a1. Sinh khí: Tây-Nam (Khôn), là hưởng vượng và tốt trên nguyên tắc, nhưng ở trường hợp này cách tốt bị phá vì sao Mộc (Tham Lang) khắc cung Thổ (Khôn), nên không nhờ cậy gì được hưởng này, mà sự khắc giữa tinh/cung còn có thể gây bất lợi cho bà mẹ người mệnh Cấn.

a2. Thiên-y: Tây-Bắc (Càn), rất vượng và tốt, hay mang lại cho toàn gia sự an

Nên xây, mua, thuê nhà thế nào để đạt lợi ích tối đa

• Ngô Quốc Phong

khang, thịnh đạt, nhiều may lành, gia đạo êm ấm, tránh được nhiều bệnh họa, công danh sự nghiệp thăng tiến, giàu có ngàn vàng. Phát vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và những tháng ba, sáu, chín và chạp âm lịch. Ông bố nếu còn ở chung nhà được hưởng nhiều lợi ích.

a3. Duyên-niên: Chính Tây (Đoài), là hưởng tốt lành thường mang lại tuổi thọ, thành công về công danh tiền bạc (trung phú), nhiều may lành về tình duyên, cưới hỏi, thêm người thêm phúc lộc. Phát vào những năm Ty, Dậu, Sửu và những tháng tứ, tám, chạp âm lịch. Con gái nhỏ được hưởng nhiều lợi ích.

a4. Phúc-vị: Đông-Bắc (Cấn), là hưởng tốt, nhưng cũng không nhờ cậy được vì cung Thổ (Cấn) khắc tinh Thủy (Phụ/bật). Con trai nhỏ gánh chịu bất lợi, nhất là khi có phòng riêng thuộc khu Đông-Bắc trong nhà.

b. Những hưởng xấu:

b1. Tuyệt mang: Đông-Nam (Tốn), là hưởng chủ những hung hại cho sự thụ thai, sinh nở, nuôi nấng con cái, gia chủ ít con có thể tới mức tuyệt tự, nếu có con cũng khó nuôi vì nhiều bệnh họa hoặc khó dạy dỗ, khó sống lâu, tiền bạc suy thoái, công danh trắc trở lẹt đẹt, nhà đất gia súc hao tán lụn bại, gia đạo mất an vui, nhiều lo âu phiền muộn. Ứng hại vào những năm Ty, Dậu, Sửu và những tháng tứ, tám, chạp âm lịch. Trưởng nữ chịu nhiều thiệt thòi.

b2. Ngũ Quỷ: Chính Bắc (Khảm), là hưởng gây mâu thuẫn, chia rẽ, bất hòa, thị phi, tranh chấp trong và ngoài gia đình, ly biệt, bạn bè/cộng sự viên thù tử lợi phản trắc, nhiều bệnh họa, xui xẻo, họa về trộm cắp cướp, lừa dối, súng đạn, mổ xẻ, hao người hao của, công việc tiền bạc bế tắc. Ứng hại vào những năm Dần, Ngọ, Tuất và

những tháng giêng, năm, chín âm lịch. Con trai giữa chịu nhiều thiệt thòi.

b3. Luc-sát: Chính Đông (Chấn), là hưởng gây xui xẻo, lụn bại về công danh tiền bạc, uy tín sút mẻ, tiêu hao nhà đất, vườn ruộng mất mùa, gia súc chết vì bệnh dịch, thị phi khẩu thiệt, bệnh họa có thể tới mức tử vong. Ứng hại vào những năm Thân, Tý, Thìn và những tháng ba, bảy, mười một âm lịch. Trưởng nam gánh chịu thiệt thòi.

b4. Hoa-hại: Chính Nam (Ly), là hưởng dễ gây thị phi, thua kiện, đau yếu, túng thiếu tiền bạc, học hành thi cử lẹt đẹt, tiến thân bị trở ngại, chậm trễ. Ứng hại vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và những tháng ba, sáu, chín, chạp âm lịch. Thiệt thòi thường tới với con gái giữa.

c. Khuôn viên ngôi nhà :

c1. Những điều "nên" và "không nên" tổng quát (xin xem phần này ở Viên Giác 114 tháng 12/1999).

c2. Nhà người mệnh Cấn:

- Cửa chính và mặt tiền căn nhà nên day về một trong bốn hướng tốt. Nếu sự ra vào căn nhà phần lớn do ngả trước này thì hướng mặt tiền day về Tây-Bắc là tốt nhất, về chính Tây là tốt nhì. Nếu người trong nhà lại chỉ dùng cửa sau hay cửa hông, thì mặt sau hay mặt hông cũng là quan trọng và nên day về một trong bốn hướng tốt.

- Phòng khách thường tọa lạc ngay mặt tiền căn nhà. Do đó, những phần kiếng nào nhìn về phía trước, tức là hướng tốt, cần để trống trải, quang đãng, sáng sủa để luồng môn khí tốt lành từ phía trước dễ vô nhà. Ngoài ra, tất cả phần kiếng của bất cứ phòng nào khác mà day về phía mặt tiền cũng dẫn cát khí vô nhà, nên cần để trống trải.

- Phòng sinh hoạt gia đình (family room) nên ở khu vực tốt lành, nghĩa là nên tọa lạc tại một trong những khu Tây, Tây-Bắc, Tây-Nam, Đông-Bắc. Nếu gia chủ đặc biệt chú ý tới gia đạo yên vui, hạnh phúc gia đình, và khía cạnh tình cảm, nhân duyên của các con, phòng này nên đặt ở khu vực Duyên-niên, nghĩa là khu Tây trong nhà. TV và loa phát thanh (loudspeakers) chỉ nên day mặt về (một trong bốn) hướng xấu, vì sự phản xạ của mặt kiếng (screen) TV, và âm

thanh phát ra sẽ dội hung khí trở lại, nghĩa là đuổi xấu trở về hướng xuất phát.

- Phòng ăn nếu ở sát mặt tiền là ở khu vực lành. Tuy nhiên, phần kiếng hông nếu nhìn về hướng tốt thì nên để trống trải để vượng khí dễ vô nhà. Nếu phần kiếng phòng này, cũng như phần kiếng của những phòng khác, mà lại day hướng hung, thì phải ngăn chặn sự xâm nhập của luồng hung khí bằng cách dùng gi帘, màn cửa, cây phía ngoài và cây kiếng trang trí bên trong những phần kiếng này.

- Lò sưởi mà gia chủ thỉnh thoảng có thấp để sưởi, nên tọa lạc trong khu xấu, lưng lò sưởi dựa về hướng hung nhưng mặt lò sưởi cần day về hướng tốt. Thí dụ đặt lò sưởi ở khu Bắc, và miệng lò mở về phía Tây-Nam. Nếu lò sưởi chỉ được coi là một vật trang trí, nghĩa là chủ nhà không bao giờ dùng đến cả, thì tọa lạc ở vị trí nào cũng không thành vấn đề.

- Nhà bếp nên ở khu Đông-Nam, mặt lò hướng về Tây-Bắc. Nếu đặt nhà bếp ở phương Bắc, mặt lò cần nhìn về hướng Tây-Nam. Nếu nhà bếp ở phương Đông căn nhà, mặt lò cần nhìn về hướng chính Tây. Tủ/phòng làm kho chứa đựng thực phẩm khô, gạo, đồ hộp v.v..., cần ngó về hướng tốt, và nếu được như vậy, cửa tủ pantry này nên để ngó suốt ngày để thu nhận thêm cát khí. Cửa bếp không nên trực diện bất cứ cửa phòng ngủ nào.

- Những hướng xấu là Đông-Nam, chính Bắc, Đông và Nam sẽ bắt xấu khi được ngăn chặn bởi một trong những phòng ốc sau đây: bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh, nhà để xe, phòng đặt máy giặt, máy xấy, chuồng nuôi gia súc, kho chứa những máy móc làm vườn và những đồ phế thải.

- Phòng ngủ của gia chủ (master bedroom) cần chiếm cứ phương tốt lành như Tây-Bắc, Tây, Tây-Nam, Đông-Bắc, và đầu giường cần day về một trong bốn hướng tốt kể trên. Trên bức tường đối diện với đầu giường không nên treo các vật trang trí có thể phản xạ ánh sáng. TV trong phòng ngủ này nên theo nguyên tắc nêu ở đoạn trên, nghĩa là mặt TV cần ngó về một trong bốn hướng hung. Trên bức tường nào ngó về hướng xấu, gia chủ cần trang trí bằng những gương, tranh ảnh lồng kiếng, lacquer và những vật bóng láng. Trên những bức tường nào day về hướng tốt, gia chủ có thể trưng bày hay treo những đồ trang trí không

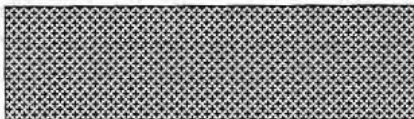
- Phòng riêng của các con, nên sắp xếp theo mệnh của chúng, nghĩa là cô cậu nào thuộc Tây mệnh thì nên có phòng riêng tại những khu vực thuận lợi cho Tây mệnh là Đông-Bắc, Tây-Bắc, Tây-Nam, và Tây. Nếu thuộc về Đông mệnh nên có phòng tọa lạc tại khu Bắc, Nam, Đông, và Đông-Nam của ngôi nhà. Do đó, ta thấy những hướng xấu của người Tây mệnh lại là những hướng tốt của người Đông mệnh, và những hướng tốt của người Tây mệnh lại là những hướng hung của người Đông mệnh. Đầu giường chỉ nên day về một trong những hướng tốt của cá nhân đó.

- Khu vực Đông-Nam trong nhà nếu đặt tảo tòa (kitchen) như đã nêu ra ở phía trên bài này là tốt nhất, bằng không thì đặt lò sưởi ở đây, và miệng lò sưởi day về một trong những hướng tốt, nếu day được về Tây-Bắc thì tốt nhất. Phía ngoài sân thuộc khu này nên trồng các cây có hoa trắng hay hoa đỏ. Khu vực Bắc trong nhà nên đặt cây kiếng thiết, và ngoài sân cần có cây xương rồng. Nếu đặt lò sưởi tại khu Bắc này, miệng lò sưởi cần day về Tây-Nam để đạt lợi ích tối đa khu được thấp sưởi. Nên nhớ nhiệt ở lò sưởi thu hút năng lượng vũ trụ từ phía mặt trời tới. Bởi vậy, nếu miệng lò sưởi day hướng tốt sẽ hút cát khí tới khi được thấp sưởi; nhưng nếu day nhằm hướng xấu, nhiệt ở lò sưởi sẽ hút hung khí từ phía mặt trời tới.

- Bàn thờ tôn giáo hay bàn thờ tổ tiên với nhang đèn (nơi thờ phượng thật sự) nên được đặt ở nơi trang trọng trong những khu vực tốt là Tây, Tây-Nam, Tây-Bắc hoặc Đông-Bắc. Tượng ảnh, bài vị cần hướng về một trong những hướng tốt kể trên.

- Tuồng cũng nên nhắc lại là để có thể xác định các phương hướng một cách chính xác hầu biết rõ những hướng và khu vực tốt / xấu của gia chủ, ta phải đặt la-bàn ở trung tâm điểm của ngôi nhà thì sự đo đạc mới chính xác, và tin cậy được.

- Về màu sắc nên dùng hay nên tránh đối với những người mệnh Cấn, xin tham chiếu phần cuối của bài giải luận mệnh Khôn trước đây, nghĩa là phần nêu rõ những màu tốt và những màu xấu của những người thuộc hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. ●



Thơ

● Huệ Thu



Núi và Tôi

Sáng ra chiều lại trở vào
núi xanh không một bước nào
theo ta !
chiều vào sáng lại trở ra
núi xanh trước mặt cùng ta
lặng nhìn !

Núi cùng ta đứng lặng thình
ta còn có chỗ che mình nắng
mưa
thường cho ngọn núi chơ vơ
ngàn năm hiu quạnh bên bờ
nước non !

Ta nhìn đỉnh núi chon von
núi nhìn ta mái tóc vờn phát
phờ
núi cùng ta có duyên thơ
nếu ta đi biệt núi chờ chắc
đâu?

Sáng ra chiều lại trở vào,
vườn ta một góc sân rào giậu
hoa,
có hôm mưa, núi khóc òa
ta thương núi quá, trước nhà
khóc ngon !

Phong trào dân chủ phát sinh đầu tiên từ Quảng Nam

● Võ Thu Tịnh

Vào cuối thế kỷ XIX, bước sang đầu thế kỷ XX (1867-1904), Nhật-Bản đã tiến tới địa vị một cường quốc trên thế giới, và cũng theo đà ấy đi xâm chiếm các láng giềng: chiếm Đài-Loan (1874), chiếm Lưu Cầu (1879), chung với nhà Thanh Trung-Hoa bảo hộ Triều Tiên, rồi đánh nhà Thanh mà chiếm Triều Tiên (1895).

Vì nhà Thanh để cho bị thua Nhật-Bản, nên các nhà ái quốc "Hán tộc" như Khang Hữu Vi (1858-1927), Lương Khải Siêu (1873-1928) đứng lên đòi triều đình - vua Quang Tự, mẹ là bà Từ Hy Thái Hậu - các nhà cầm quyền, phải duy tân Trung-Quốc. Họ đề xướng hiến pháp, đòi bỏ chuyên chế và khoa cử, họ sáng lập học hội, học đường, thư quán, báo chí cùng thương hội, họ dịch sách của Jean Jacques Rousseau, Voltaire, Montesquieu... Nhưng, bị đàn áp, một số phải bỏ nước, xuất ngoại.

Khi tân thư Tàu ấy được lan truyền sang nước ta, các nhà khoa bảng ta hưởng ứng theo để khởi xướng hai phong trào duy tân quốc gia đầu tiên và song hành:

1- "**Việt Nam Duy Tân Hội**" của nhóm Phan Bội Châu, Nguyễn Thành (1904).

2- "**Phong Trào Duy Tân**" của nhóm Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng (1904).

Duy Tân hội của nhóm Phan Bội Châu

Phan Bội Châu, hiệu là Phan Sào Nam, sinh 1867, chết 1940 (thọ 74 tuổi), là người làng Đan Nhiệm, tổng Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, con một nhà Nho nghèo làm thầy đồ làng, không đỗ đạt gì.

Phan Bội Châu sinh ra lúc nước ta bị mất Lục Tỉnh Nam Kỳ. Lên 8 tuổi, ông chứng kiến cuộc "Văn thân khởi nghĩa" ngay ở tỉnh Nghệ An, sinh

quán của ông, do hai vị tú tài Trần Tấn, Đặng Như Mai đề xướng, cuối cùng thất bại, bị bắt và bị giết. Năm 23 tuổi, lại chứng kiến cuộc "Khởi nghĩa Hương Khê" của Phan Đình Phùng (1890-1895) thanh thế rất mạnh, đến nỗi viên Toàn quyền Rousseau phúc trình về Paris (ngày 22-06-1895) rằng: "*Tỉnh Hà Tĩnh vẫn rối loạn nặng nề. Trong thực tế có hai chính phủ: chính phủ hợp pháp và chính phủ phiến loạn, cả hai thu thuế đã từ 10 năm nay trong tất cả các làng không bỏ sót làng nào. Thủ lãnh chính phủ phiến loạn là Phan Đình Phùng*". Sau 5 lần hỏng thi, đến năm 1900 ông đỗ đầu Cử Nhân (thủ khoa) trường Nghệ An. Vừa lúc đó thân sinh ông qua đời, ông mới bắt đầu bắt tay vào những kế hoạch thực hiện cách mạng. Ông mượn tiếng "nhập kinh tọa Giám" tức là vào Huế nội trú ở trường Quốc Tử Giám, có lương chính phủ, để học tập chuẩn bị thi Hội.

Vào Quảng Nam vấn kế Nguyễn Thành

Rồi Phan Bội Châu đi tìm Tiểu La Nguyễn Thành, tức Nguyễn Hàm, con quan Nguyễn Trường, Bố Chánh, Kinh Lược Sứ, (thường gọi là Ấm Hàm), sinh 1863, người làng Thanh Mỹ, phủ Thăng Bình, Quảng Nam. Năm 1885, Nguyễn Thành đã tham dự phong trào Cần Vương của Nguyễn Duy Hiệu ở Quảng Nam. Sau khi Nguyễn Duy Hiệu thất bại, bị giết, Nguyễn Thành lui về quê làm ruộng. Khi Phan Bội Châu vào Quảng Nam thăm, Nguyễn Thành bàn rằng:

"Chúng ta khởi sự, trước hết phải thu lòng người. Hiện những người nước ta ngoài "tôn quân, thảo tặc" (tôn vua, giết giặc Pháp) ra, thì chưa ai có tư tưởng gì mới lạ... Và lại, sắp tới việc lớn, tất phải trừ có món tiền to. Kim tiền nước ta là ở Nam Kỳ, và khai thác ra Nam Kỳ là công đức của triều Nguyễn. Vua Gia Long lấy lại nước tất là nhờ tài lực ở trong ấy.

Bây giờ nếu ta tìm được chính tông dòng Gia Long, đặt làm minh chủ để hiệu triệu, Nam Kỳ tất hưởng ứng mau lắm... Anh được cơ hội nhập Kinh tọa Giám, nên hết sức tìm dò những người dòng vua, thứ nhất là Cao Hoàng, tức là đông cung, may gặp được một người, đó là nước cờ thứ nhất vậy"

Thành lập Duy Tân Hội (1904) - Đến tháng 5/1904,

chúng 20 người họp bí mật ở nhà Tiểu La Nguyễn Thành, lập nên "Duy Tân Hội", tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Hội Chủ, hội viên là Nguyễn Thành, Phan Bội Châu, Trịnh Hiên, Lê Vu, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân... Đây là một hội kín. Riêng Nguyễn Thành và Phan Bội Châu lãnh việc cử người xuất dương đi cầu ngoại viện, nhưng cốt ở khôi phục Việt Nam, đặt một chính phủ độc lập. Còn những hội viên khác lo chiêu mộ đảng viên, góp đảng phí, mưu đồ phát khởi bạo động trong nước bằng cách liên kết với các cựu đảng Cần Vương, các trai tráng sơn lâm, lục lâm vong mạng để đánh Pháp.

Xuất dương cầu ngoại viện

Nguyễn Thành giúp tiền bạc cho Phan Bội Châu, và giới thiệu Tăng Bạt Hổ (tùy tướng của Mai Xuân Thưởng, Cần Vương ở Bình Định năm 1885-1887, đã từng liên lạc được với một số nhân sĩ Nhật) để hướng dẫn ông xuất ngoại. Cuối tháng giêng năm 1905, Phan Bội Châu theo Tăng Bạt Hổ sang Trung-Hoa để cầu viện không được. Ông liền sang Nhật, nhưng lúc bấy giờ Nhật đang lo việc đánh Nga, nên không muốn có chuyện với Pháp. Một chính khách Tàu đang lưu vong bên Nhật là Lương Khải Siêu (Liang Ki Chao 1876-1928) cùng một số chính khách Nhật như Inukai Tuyoshi (Khuyến Dưỡng Nghị), Okuma Shigenobu (Đại Ôi Trung Tín) đều khuyên ông rằng: "*Nên lo cho quốc dân có đủ tư cách độc lập, nên ẩn nhẫn mà chờ cơ hội. Nên trở về nước đưa thanh niên xuất dương cầu học, làm cái nền tảng hưng dân khí, khai dân trí. Các ông đưa thanh niên tuấn tú sang đây, nước chúng tôi sẽ đào tạo cho*". Phan Bội Châu

nhận "thấy những tư tưởng trước kia của mình và những việc kinh dinh, thấy là hoang đường mạnh lãng, không tí gì thiết thực".

Phong trào Đông Du (1906-1908)

Từ đó ông chỉ chú tâm lo phát khởi phong trào Đông Du. Ông được Khuyến Dưỡng Nghị giới thiệu với tướng Nhật là Fukushima Yasumasa (Phúc đảo An chính) chức Tham Mưu Trưởng, sung hiệu trưởng trường quân sự Chấn Võ học hiệu (Shimbu Gakko) ở Đông Kinh. Trường cũng nhận học sinh Tàu, cho nên tướng Fukushima đầu tiên nhận 4 sinh viên Việt coi như người Tàu là: Kỳ Ngoại Hầu Cường Để cải danh là Nguyễn Trung Hưng, và ba thanh niên Việt là Lương Ngọc Quyến, Nguyễn Diễn (Bắc Kỳ) và Trần Hữu Công (tức Trần Thức Canh, Trung Kỳ). Ba người này được miễn học phí, riêng Cường Để phải trả tiền, vì chính khách Nhật chỉ lấy tư cách cá nhân giúp đảng của Phan Bội Châu, còn về mặt chính phủ họ ngại không giúp Cường Để sợ mất thiện cảm với Pháp. Năm sau, bị bệnh, Kỳ Ngoại Hầu phải thôi học. Phong trào Đông Du trong hai năm 1906-1907 đã đưa được tất cả gần hai trăm thanh niên xuất ngoại du học (100 Nam Kỳ, 50 Trung Kỳ, 30 Bắc Kỳ). Để có tiền đưa thanh niên xuất ngoại, Phan Bội Châu viết thêm sách để vận động với đồng bào Nam Kỳ, như *Kính Cáo Phụ Lão Toàn Quốc* và *Ai Cáo Nam Kỳ*, bằng chữ Nho, cuối bản đề "Phan Bội Châu phụng thảo" và Cường Để ký tên. Ông cũng viết hai bài *Hải Ngoại Huyết Thư* (Sơ biên và Tục biên) khá dài, bằng chữ Nho, Lê Đại trong nhóm Đông Kinh Nghĩa Thực dịch ra thơ song thất lục bát, phổ biến rộng rãi khắp trong nước. Đồng thời Phan Bội Châu cũng lập chi nhánh yểm trợ đưa sách về nước, giúp đỡ tiền bạc...

Về nước thúc đẩy bạo động

Năm 1907, ông theo đường bộ về nước lo việc tổ chức bạo động. Ông đến gặp Đệ Thám. Đệ Thám đồng ý gia nhập Duy Tân hội, thừa nhận Kỳ Ngoại Hầu và hai bên hứa hẹn cứu trợ nhau khi hữu sự. Một tháng sau Phan Bội Châu quay trở lại Nhật.

Bị Nhật trục xuất

Nhưng năm 1907, Nhật và Pháp ký hiệp ước, Pháp thừa nhận những quyền lợi Nhật đã cướp đoạt của Trung-Hoa, Nhật tôn trọng chủ quyền Pháp ở Việt Nam và cam đoan ngăn cấm mọi hoạt động của người Việt chống Pháp trên đất Nhật, v.v... Năm 1908, bị trục xuất khỏi Nhật-Bản, Phan Bội Châu và Kỳ Ngoại Hầu tạm về Hương Cảng. Vừa đến nơi, liền được tin Hoàng Hoa Thám (tức Trương Văn Thám), sau 10 năm trá hàng, nay theo lời giao ước với Phan Bội Châu, nên lại vùng lên đánh Pháp. Phan Bội Châu cho người sang Nhật mua được 500 khẩu súng trường để gửi về nước giúp. Song vì vận tải khó khăn, ông qua Thái-Lan xin chính phủ Thái chở dùm cho, mà không được. Trở về Hương Cảng thì được tin vụ đầu độc ở Hà Nội thất bại (6/1908), trường Đông Kinh Nghĩa Thực bị đóng cửa, vụ kháng thuế xin xâu ở miền Trung thất bại, Pháp bắt Nguyễn Thành, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... đây Côn Lôn (8/1908) và Đệ Thám bị thua, hiện đang lạc lõng ở miền Vĩnh Phúc Yên và Thái Nguyên... Súng gửi về cho Đệ Thám không được, chán nản, ông đem tặng cho nhóm Tôn Dật Tiên.

Hoạt động tiếp và bị bắt cóc ở Trung-quốc

Sau cuộc cách mạng Trung-Hoa năm Tân Hợi (1911) ông trở về Trung Quốc thành lập hội "Việt Nam Quang Phục" và hội "Chấn Hoa Hưng Á". Ông bị Long Tế Quang bắt giam ở Quảng Châu (1911). Ra tù, ông càng tích cực hoạt động hơn nữa. Năm 1922, cải tổ "Hội Việt Nam Quang Phục" thành "Đảng Việt Nam Quốc Dân". Đến năm 1925, ông bị tay sai Pháp bắt cóc ở Thượng Hải giải về nước. Chúng định thủ tiêu kín, nhưng việc bại lộ phải đưa ra xử trước Hội đồng để hình của chúng, kết án khổ sai chung thân. Nhân dân toàn quốc đấu tranh đòi ân xá. Toàn quyền Varenne buộc lòng phải tha, nhưng lại đem ông đi an trí tại Huế (Bến Ngự). Ông qua đời ngày 29-10-1940 tại Bến Ngự.

Pháp Việt để huê: một lỗ lăm đáng tiếc

Tháng 2/1918, khi còn ở Trung-Hoa, ông bị Sở Cuồng Lê Dư và Phan Bá Ngọc (con cả của Phan Đình Phùng) là hai tùy tùng tin cẩn của ông tìm cách dụ dỗ ông "nên làm một bài lý luận nói về Pháp Việt để huê", ("để huê" nghĩa là vui vẻ hòa thuận với nhau), như vậy, hai bên Pháp, Việt đều có ích cả: người Pháp (Toàn quyền Sarraut) được thư ấy, tất nhiên sẽ bớt nghi đảng ta, còn ta nhân đó dò xét được tình trạng mật tình của địch và người trong nước cũng có thể thông được với người ngoài nước". Ông nghe bùi tai, liền viết bài "Pháp Việt để huê" đưa cho Lê Dư đem về nước. Đây là một sự lăm lờ đáng tiếc trong đời ông mà chính ông cũng rất ân hận: "Việc này tuy chủ động do Lê với Phan, mà cũng thực là cái tội của tôi". Bản văn Pháp Việt để huê ấy, người Pháp giữ kín, cho đến năm 1926, sau khi ông đã được ân xá và an trí tại Bến Ngự (Huế), Pháp mới đem ra đăng ở Nam Phong (phần chữ Hán) và tờ Tân Dân (bản dịch quốc ngữ).

Phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh

Đồng thời với cuộc âm thầm lập Duy Tân Hội cách mạng bạo động "tôn quân, diệt tặc" (tôn vua, diệt giặc) của Phan Bội Châu, Cường Để, Nguyễn Thành, thì bộ ba Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cũng phát khởi Phong trào Duy Tân "dân chủ, dựa vào Pháp cầu tiến bộ" bắt bạo động, mở mang dân trí, đề cao dân quyền, một phong trào ảnh hưởng mạnh mẽ tại Quảng Nam, rồi lan truyền sang nhiều tỉnh khác nam Trung Kỳ.

1- **Phan Châu Trinh**, sinh ngày 09-09-1872, làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, tự là Tử Cán, hiệu là Tây Hồ. Thân sinh ông là Phan Văn Bình, làm Quan cơ sơn phòng, sau vào Nghĩa hội Cần Vương làm Chuyển Vận Sứ, rồi vì bị tình nghi mưu phản nên bị quân Cần Vương giết (1887).

Thuở nhỏ theo cha học chữ và học võ, sau khi cha mất, ông trở về nhà bắt đầu học theo lối cử nghiệp. Năm 1900 đỗ Cử Nhân, rồi đỗ Phó Bảng, được bổ làm Thừa Biện Bộ Lễ. Năm 1905, ông từ quan, cùng bạn đồng chí Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý

Cáp đi vào Nam tìm bạn đồng tâm, xem xét tình hình, vận động cho phong trào Duy Tân "dân chủ, dựa vào Pháp cầu tiến bộ".

2- Huỳnh Thúc Kháng, sinh năm 1876, làng Thạnh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, hiệu là Minh Viên, có nhiều bút danh khác như: Sử Bình Tử, Tha Sơn Thạch, Khi Ưu Sinh, Ngu Sơn v.v... Năm 1900 đỗ Giải Nguyên, năm 1904 đỗ Hoàng Giáp, không ra làm quan, kết bạn với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp.

3- Trần Quý Cáp, sinh năm 1870, thôn Thái La, xã Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, tự Dã Hàng, Thịch Phu, hiệu Thái Xuyên, còn có tên cúng là Trần Nghị. Năm 1904 đỗ Tiến Sĩ, đã từng hưởng ứng phong trào Cần Vương, ủng hộ phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng. Năm 1905 cùng Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng vô nam cổ động cho phong trào Duy Tân.

Cuộc Nam du cổ động phong trào Duy Tân

Năm 1905, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp cùng ông tú Hoàng Thường Trung (người Phú Yên, học trò của ông Trần) lên đường vào Nam để cổ động cho phong trào Duy Tân. Tới Bình Định, vừa gặp lúc các quan Đốc tỉnh này đang sát hạch học trò toàn tỉnh, ra đầu đề bài thơ Chí Thành Thông Thánh, và bài phú Danh Sơn Lương Ngọc. Cả nhóm liền ghé vào thi, để mượn những đề tài này mà bày tỏ nỗi lòng trước thời sự, kích động lòng yêu nước của các sĩ phu, trí thức và đồng bào trong nước. Các ông ký tên Đào Mộng Giác, Phan Châu Trinh làm bài thơ Chí Thành Thông Thánh. Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng làm bài phú Danh Sơn Lương Ngọc, giao Tú Trung chép lại, đem nộp lẫn với các quyển khác, có câu:

*Mạnh thay dòng giống nước ta,
Đâu có thua gì kẻ khác!
Tiếc chỉ sai lầm một lúc,
Mà gây họa để muôn đời!
Tục còn ưa thích văn chương,
Sĩ vẫn say mê khoa mục.
Ngày đêm điển tịch miệt mài,
Năm tháng phú thơ cặm cụi.*

*Sách hay dở, cúi đầu theo miệng
trường quan,*

*Lời lẽ nên chăng, nhắm mắt học
thừa Trung quốc!*

*Ồn ào tranh miếng lợi danh, toàn đồ
kẻ cắp,*

*Bô bô lên giọng hào kiệt, cả lũ lưng
khom.*

*Rõ ràng bọn túi cơm giá áo, lẫn mình
vào đội chủ Tây sai,*

*Thật đúng phường mặt ngựa đầu
trâu, đành dạ để xô hằm con đồ...*

(Thái Bạch dịch)

Các quan chấm thi ém đi thật kỹ, nhưng câu chuyện này, cũng như những bài thơ, phú này vẫn được truyền đi khắp miền Trung, rồi lan ra khắp cả nước, mặc dù bị chính quyền nghiêm cấm rất ngặt.

Bộ ba Trinh - Kháng - Cáp xuống tới Phan Thiết ngụ lại nhà ông Nguyễn Thông, rồi gặp nhiều nhân sĩ địa phương, đặc biệt có ông Hồ Tá Bang (thân sinh bác sĩ Hồ Tá Khanh, Bộ Trưởng Y-Tế nội các Trần Trọng Kim). Hưởng ứng thuyết Duy Tân tiến bộ trong Hòa Bình, các nhân sĩ Phan Thiết cùng nhau lập ra công ty Liên Thành chế nước mắm, trường nghĩa thực Dục Thanh tại nhà Nguyễn Thông, dạy miễn phí theo tinh thần mới, nhà giảng sách Thi Xã tại đình làng Phú Tài. Hoa lợi công ty nước mắm dùng hỗ trợ chi phí trường học và nhà giảng.

Thực hiện kế hoạch Duy Tân tại tỉnh nhà

Sau khi trở về tỉnh nhà (Quảng Nam), cả ba chia nhau thúc giục đồng bào thực hiện kế hoạch Duy Tân. Không những ở tỉnh lỵ mà cả trong các hương thôn, các nhân sĩ cùng nhau mở tiệm buôn, chăm nghề nông để khuếch trương kính tế và dùng một phần hoa lợi bù đắp cho các trường tư thực và nhà giảng. Mục đích của phong trào Duy Tân là "hậu dân sinh, chấn dân khí, khai dân trí" (hậu hỉ đời sống của dân, chấn hưng khí phách của dân, mở mang trí thức của dân).

1- Hậu dân sinh : cổ động thực nghiệp: Năm 1905 Nguyễn Toán (cụm Bang Tá, lúc đó 70 tuổi) và Cử nhân Phan Diên (tức Phan Thúc Duyện) đứng tên làm chủ, tiến vốn có lẽ do Nguyễn Thành bỏ ra, mở

"Quảng Nam Thương Hội" muốn dệt những thứ vải có thể may Âu phục, rồi chính Phan Châu Trinh làm gương cho đồng bào, cắt may một bộ đồ Tây bằng thứ vải nội hóa đó. Tiệm được đặt ở phố Hội An, có xin phép, nộp thuế hẳn hoi. Nhiều nhân sĩ Quảng Nam còn chung vốn mở "nông hội" để khai khẩn ruộng hoang, làm vườn, cổ động dùng đồ nội hóa và đẩy mạnh phát triển tiêu thụ sản phẩm công nghiệp của tỉnh nhà. Thương hội và Nông hội của nhóm Duy Tân đều hoạt động công khai, hợp lệ. Đồng thời, các nhà Nho Quảng Nam làm thơ ca để khuyến khích thực nghiệp.

2- Chấn dân khí : chấn hưng khí phách dân tộc. Theo chiều hướng này, đã đưa ra những biện pháp như bài trừ hủ tục trong thân thể (cắt búi tóc, cạo răng đen, cắt cụt móng tay, bỏ khăn đen áo dài để mặc đồ Tây với hàng nội hóa), bài trừ hủ tục trong xã hội (chống mê tín, tướng số, cúng bái và nạn xôi thịt ở chốn đình trung, đả đảo tứ đồ tướng : rượu chè, trai gái, cờ bạc, hút xách)...

3- Khai dân trí : Mở mang trí thức cho dân cụ thể trước tiên là mở các trường tư, bỏ chữ Hán và tứ thư ngũ kinh, dạy chữ quốc ngữ, dạy những môn khoa học thường thức như cách trí, toán pháp, lịch sử, địa dư, vệ sinh, dạy tập hát, tập thể dục, tập diễn thuyết... Theo lời Phan Châu Trinh kể: "Nguyên buổi ấy quan Toàn quyền Beau (nhiệm kỳ từ 10/1902 đến 2/1908) có sức bảo các quan tỉnh chuyển sức xã dân lập trường tiểu học. Bắc Kỳ đã lập nhiều, còn ở Trung Kỳ thì không thấy sức bắt. Tôi đến Tòa Sứ Hội An xin thiết sức cho xã dân lập trường học. Công Sứ trả lời: "Nếu dân muốn học thì lập, không thì thôi; vả lại cũng không có thầy". Bởi vậy tôi đi khắp trong xã dân diễn thuyết (theo lệnh của chính quyền) về việc lập trường là có ích. Trong 5, 6 tháng lập ra trường dạy quốc ngữ và trường dạy chữ Pháp ước 48 trường". Từ 1905, Huỳnh Thúc Kháng và Lê Bá Trinh (người làng Hải Châu, huyện Hòa Vang, Quảng Nam, đỗ Cử Nhân, không ra làm quan, dời nhà gần núi "Ngũ Hành Sơn" hẻo lánh để tiện việc hoạt động cho cách mạng) phụ trách liên

lạc với các "học hội" trong toàn tỉnh Quảng Nam. Đặc biệt ở làng Phú Lâm có ông Lý trưởng Lê Cơ, anh em cô cậu với Phan Châu Trinh, mở trường Phú Lâm Nghĩa Thực, rước thầy dạy chữ quốc ngữ, ít lâu lại mở thêm một trường nữ học. Đồng thời lập cuộc bảo hiểm phòng kẻ trộm cướp, lập hội buôn con con, mua giấy bút cấp cho học trò, cùng mắm muối bán rẻ cho dân cày...

Cuộc thương thuyết giữa hai

Cụ Phan thất bại

Phong trào Duy Tân được các tỉnh khác hưởng ứng như ở Nghệ An, Tiến sĩ Ngô Đức Kế lập Triều Dương Thương Quán, ở Phan Thiết vẫn còn Liên Thành công ty, ở Sài Gòn có khách sạn Minh Tân của Tri phủ hàm Trần Chánh Chiếu tức Phủ Chiếu, tức Gilbert Chiếu, có khách sạn Chiêu Nam Lâu của nhà nho Nguyễn An Khương là thân phụ của Nguyễn An Ninh...

Những nhân vật Nam Kỳ nấy lúc đầu hưởng ứng phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh, về sau, lại theo phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, tranh đấu cho Kỳ Ngoại Hầu Cường Để về làm vua nước Việt Nam thống nhất độc lập. Vì vậy, năm 1906, Phan Châu Trinh bí mật đi Nhật, ghé nhà Lưu Vĩnh Phúc Sa Hà gặp Phan Bội Châu để đàm thông tư tưởng với nhau. Theo Phan Châu Trinh kể lại: "*Mục đích của tôi là để cùng Phan Bội Châu lý giải để phá bỏ cái vọng tưởng của ông (chủ trương bạo động), cho quốc dân khỏi đau khổ, khỏi chết chóc. Ông ta hoặc có thương quốc dân mà sửa đổi, hoặc động tình bè bạn ngày xưa, hoặc nữa có thương tôi (thì) đừng lấy "chủ nghĩa phản đối" của ông mà đá phá chủ thuyết của tôi chẳng...*" Phan Châu Trinh kể tiếp: "*Bất đồ ông ta vẫn ngoan cố không chịu phục, khư khư giữ lấy trí mình mà không chút động lòng thương người. Tôi từ đó góc trời chia tay trở về nước. Ông ta làm theo chí ông và tôi làm theo chí tôi. Từ đó chia thành hai đảng và hai chủ nghĩa bất đầu chống đối nhau vậy.*"

Phan Châu Trinh chỉ đồng ý với Phan Bội Châu về một điểm là khuyên thanh niên xuất dương du

học để khai trí, chứ không đồng ý về hai điểm khác là:

- duy trì chế độ quân chủ, dù là quân chủ lập hiến với Cường Để làm vua.

- bồi dưỡng nhân tài để về nước tổ chức dân chúng võ trang bạo động. Cuộc tranh luận giữa hai ông không đưa đến một thỏa hiệp nào, nhưng hai ông vẫn hòa nhã chia tay, và trên đường hoạt động, phần ai nấy lo, dù hai chủ nghĩa có trái ngược nhau.

Về vấn đề chế độ dân chủ, khi Phan Bội Châu, qua sự giới thiệu của Khuyễn Dưỡng Nghị, đến gặp Tôn Dật Tiên (mới ở Mỹ quốc về, tạm trú tại Hoành Tân) hai người bút đàm, Tôn hết sức bài bác đảng quân chủ lập hiến là hư ngụy. Không ai chịu ai, nhưng rất hòa nhã.

Đến tháng 3/1907, Nguyễn Thành gửi Lưu Ấm Sinh, người Thừa Thiên qua báo cáo với Cường Để việc Phan Châu Trinh ở trong nước tuyên truyền "tôn dân đồ vua" (quí dân, giết vua) và "ỷ (dựa vào) Pháp cầu tiến bộ", như vậy là công kích quân chủ mà không nói đến Pháp, làm cho dù luận một lúc thốt nhiên phân vân, cơ hồ (hình như) có nổi lên việc tranh đảng." Cường Để bảo Phan Bội Châu viết thư cho Phan Châu Trinh. Phan Bội Châu thảo một "bức thư cầu cứu" (danh từ của ông dùng) sang Hương Cảng đưa thư cho Lưu Ấm Sinh lén đem về nước. Thư đại ý nói trình độ nhân dân nước ta còn ấu trĩ, nếu áp dụng chế độ dân chủ ngay sợ không tránh khỏi những việc lảo đảo ngả nghiêng, xin hãy chờ ít lâu nữa, đến lúc (dân trí trưởng thành) "đại huynh xương thuyết dân chủ, cử quốc dân đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng, thì trong đó có tôi...". Phan Bội Châu trong Tự Phán giải thích sơ dĩ ông dùng hai chữ "cầu cứu" là vì ông sợ có đảng tranh, tranh gì đây? Cả hai phe đều chưa có mộng tranh quyền, bởi vì chính quyền còn ở trong tay người Pháp. Vậy chỉ có thể là tranh đảng viên mà thôi.

Phan Châu Trinh công khai hóa hoạt động trên mặt chính trị để đẩy mạnh phong trào Duy Tân.

Ông gửi một bức thư ngỏ bằng chữ Hán để ngày 15-08-1906 cho viên Toàn quyền Paul Beau, thư viết

thành nhiều bản để gửi cho nhiều báo chí. Tờ "Bulletin de l'Ecole d'Extrême-Orient" năm 1907 có trích bản dịch ra tiếng Pháp (tr. 166-175), bản dịch ra chữ quốc ngữ trong "Thi văn quốc cấm thời thuộc Pháp" của Thái Bạch, (1968, tr. 348-366) được chép lại toàn văn, tóm lược như sau:

"Vào bài là lời khen một số công tác của chính phủ Bảo Hộ, như đắp đê, làm cầu, đường sá, xe lửa, tàu thủy chạy khắp nơi, yết bản tin ARIP ở các sở bưu điện để thông báo tin tức cho công chúng đọc, đều có lợi cho nước Nam. Muốn xây cất thì phải có tiền, Chính phủ tăng sưu thuế. Thành ra lợi xa xôi chưa thấy đâu mà dân chúng thấy ngay trước mắt là đóng thuế nặng nề, làm xâu liên miên. Thêm vào đó, sự cai trị hà hiếp tàn ác của đa số công sứ Pháp, sự hà hiếp tham nhũng của quan lại cường hào Việt, làm bùng nổ ra phong trào "cắt tóc xin sưu" đầu năm 1908 ở Trung Kỳ. Cái tệ nạn ấy do ba nguyên nhân: Một là tại Chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt Nam; hai là tại Chính phủ khinh rẻ dân Việt Nam thành ra có cái tệ người Pháp xa cách người Việt, ba là quan lại Việt Nam nhân cái tệ xa cách mà sinh cái tệ hà hiếp dân.

"Người Pháp, nghề làm ăn thì không dạy, mối lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế tăng cho nhiều, cho nên mới cùng khổ thế này... Hậu quả khốn nạn cho dân Việt là có người qua Nhật khóc lóc thổ lộ cái khí uất ức bất bình, chứ nhất định không đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau khổ trong lòng. Nghềnh cổ mơ trông các cường quốc đâu đâu đến cứu mình (chỉ Duy Tân hội của Phan Bội Châu). Cái mơ hão huyền như thế của dân trí thức, kể cũng đáng thương vậy! Còn thân sĩ trong nước, người thì xướng học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn để mở hiệu buôn, các quan lại ghét, cho rằng làm thế để chống lại mình, âm mưu làm phản, nên đặt ra lời vu oan giá họa (chỉ phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh). Ông yêu cầu Chính phủ Bảo hộ đổi chánh sách: kén chọn người hiền tài trao quyền bính, lấy lễ mà

tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại trong nước. Như thế, dân thì được yên nghiệp làm ăn, sĩ thì vui lòng giúp việc cho Chính phủ, lúc đó chỉ sợ Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa... Còn bỏ nơi này, cầu nơi khác, làm chết hại vạn vạn người, rồi nô lệ cũng vẫn là nô lệ, người Nam đâu phải diên đại mà làm như thế...

"Kết luận: Xin được yết kiến Toàn quyền Pháp. Nếu Chính phủ cứ lấy cái cách tàn ngược đối đãi người Nam là hay, là tốt hơn cả, nhất quyết không cho người Nam mở mặt mở mày với thế giới, thì xin lấy cái tội ngộ công, phỉ báng buộc cho tôi, làm tù đầy tôi, khiến cho những kẻ tài trí trong nước trùm chần khóa miệng, lo liệu lấy cách mà làm, đừng bắt chước tôi nói càn mà mắc vòng tù tội".

Không thấy Toàn quyền Paul Beau trả lời bức thư ngộ ấy. Trái lại, đến tháng 4/1908, (khi ấy Beau đã hết nhiệm kỳ), nhân xảy ra vụ phong trào cắt tóc xin râu ở Quảng Nam và ở các tỉnh miền nam Trung Kỳ, Pháp bắt Phan Châu Trinh đang ở Hà Nội đưa về Huế cho Tòa Nam Án Quảng Nam lên án xử là chủ mưu cuộc phiến loạn, phạt đầy Côn Lôn, dù có ân xá cũng không được tha. Hội Nhân Quyền Pháp can thiệp, ông được trả tự do trước hạn tù, đưa về quản thúc tại Mỹ Tho (Nam Kỳ) vào năm 1911. Cũng trong năm này, ông yêu cầu được sang Pháp, Chính quyền Đông Dương buộc lòng chấp thuận. Tại Pháp, năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ, Pháp đánh nhau với Đức, ông bị Pháp bắt giam ở ngục Santé vì tình nghi ông tư thông với Đức.

Phan Châu Trinh kể tội vua Khải Định

Năm 1922, Khải Định sang Pháp dự đấu xảo tại Marseille, ông viết một bức thư dài buộc tội Khải Định bảy điều (được gọi là Thất điều trần), và khuyên vua về nước gấp đừng làm nhục quốc thể. Bảy điều ấy là: Tôn bậy quân quyền, (bắt dân phải tôn thờ mình), lạm hành thưởng phạt, thích chuộng sự quý lạ, xa xỉ quá

độ, ăn mặc không phải lối, chơi bời, có sự ám muội trong chuyến đi Tây này.

Những ngày cuối cùng của Phan Châu Trinh

Năm 1925, ông trở về nước, ngụ ở Sài Gòn, diễn thuyết hai lần về "Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa", rồi lâm bệnh mất ngày 24-03-1926, thọ 54 tuổi. Các trường học bãi khóa, nhân dân biểu tình để tang. Về sau, Phan Bội Châu khóc ông một bài theo lối hát nói, có đoạn:

Cờ xã hội những toan lên thẳng bước,

Gánh giang sơn chẳng chút chịu nhường ai.

Đau đớn thay trời chẳng chiếu người,

Người bước tới mà trời giằng kéo lại.

Công nghiệp sống chưa ra vòng thất bại,

Tuổi chết nay đã trải chẵn mười năm.

Nhớ bạn xưa không nỡ khóc thầm,

Một dòng chữ gửi thốn tâm cùng thiên cổ.

Kể tiền đạo ấy ai người hậu lộ ?

✱

Tóm lại, vào đầu thế kỷ thứ XX, ở nước ta phát khởi hai phong trào quốc gia đầu tiên: Hội Duy Tân của nhóm Phan Bội Châu và Phong trào Duy Tân của nhóm Phan Châu Trinh, tuy đồng thời, mà là hai tổ chức riêng rẽ. Một bên, Hội Duy Tân là một hội kín, chủ trương quân chủ: tôn quân diệt giặc, cầu ngoại viện, bạo động, đưa thanh niên xuất dương du học để về chiến đấu cho đất nước. Một bên, Phong trào Duy Tân là một phong trào công khai hợp lệ, chủ trương dân chủ: tôn dân diệt vua, dựa vào Pháp mà cầu tiến (để đi dần đến độc lập), chủ trương hòa bình, duy tân xã hội một cách công khai hợp lệ, để hậu dân sinh, chấn dân khí, khai dân trí.

Tuy riêng rẽ, nhưng cùng một lý tưởng "duy tân xã hội, độc lập đất nước", cho nên không kinh địch nhau, trái lại có khi hoạt động song song với nhau. Nhất là về mặt chiến tranh tâm lý, cả hai đều dùng văn

thơ mà khích động đồng bào, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều cùng một diễn đàn chung là Đông Kinh Nghĩa Thục của Lương Văn Can ở Hà Nội, một tổ chức mặt ngoài công khai hợp lệ, nhưng bên trong bí mật liên lạc với cả hai nhóm, Hội Duy Tân và Phong trào Duy Tân, để hoạt động cho cách mạng.

Lãnh đạo Hội Duy Tân là Phan Bội Châu, nhưng quân sư cốt cán của nhóm lại là Tiểu La Nguyễn Thành người Quảng Nam. Trong vụ dân chúng biểu tình xin sưu thuế năm 1908 ở Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ, Nguyễn Thành bị đày Côn Lôn với Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và bị chết trong tù.

Còn trong Phong trào Duy Tân, có cả một nhóm người Quảng Nam, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, và nhiều nhân sĩ Quảng Nam như Lê Cơ, Nguyễn Toán (cựu Bang Tá) và Cử nhân Phan Diên (tức Phan Thúc Duyện), Cử nhân Lê Bá Trinh (làng Hải Châu, huyện Hòa Vang) v.v... đã hăng hái dùng tình Quảng Nam làm thí điểm để dẫn đầu cho phong trào dân chủ còn mới lạ đối với dân Việt thời bấy giờ. Họ đã trả giá các hoạt động của họ bằng mạng sống của chính mình, mà thê thảm nhất là trường hợp Trần Quý Cáp bị chém ngang lưng.

Như vậy, phong trào dân chủ nước ta đầu tiên đã phát xuất từ tỉnh Quảng Nam. Khi Phan Châu Trinh qua đời, có một Phó Bảng, người cùng một tổng Nam Đàn với Phan Bội Châu, đã đi diếu hai câu thơ bất hủ, để tuyên nhận dứt khoát điều ấy trước quốc dân:

Nam quốc dân quyền tiên tổ chức,
Nam phương tịnh độ hậu siêu sinh.

Nghĩa là: Nước Việt Nam ông là người tổ chức dân quyền đầu tiên, đi về miền Nam sau sống siêu thoát (Nguyễn Q. Thắng dịch).



Ngôn ngữ và biện chứng

Trong Bích Nham Lục có kể một chuyện như sau, với tựa đề **Chí Đạo Vô Nam** của Triệu Châu. Triệu Châu dạy chúng tôi nói: "Đạo lớn không khó miễn đừng so đo. Vừa có ngôn ngữ lập tức có lựa chọn và dính mắc, có minh bạch. Lão tăng này chẳng ở nơi minh bạch. Các ông có còn tri giữ gì chăng?".

Lúc ấy có ông tăng hỏi: "Không ở nơi minh bạch, thì thầy tri giữ cái gì?"

Triệu Châu nói: "Tôi cũng chẳng biết nữa".

Ông tăng nói: "Hòa Thượng đã không biết, cô sao còn nói là không ở nơi minh bạch?".

Triệu Châu nói: "Hỏi về vấn đề là đủ rồi. Mau lạy rồi trở lui".

Trong lời Triệu Châu, câu "Đạo lớn không khó, miễn đừng so đo" vốn là từ bài Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán. "Đạo lớn chẳng gì khó, cốt đừng chọn lựa thôi. Quý hồ không thường ghét, thì tự nhiên sáng ngời".

Tại sao vừa có ngôn ngữ lập tức có lựa chọn dính mắc, có sáng ngời minh bạch? Tại vì ngôn ngữ là hình thức của tư duy và tư duy thông thường dùng giác quan và ý thức phân biệt mọi sự vật có hình tướng khác nhau để nhận biết. Từ đó hoặc khởi sinh thường ghét, chấp trước, ái thù, hoặc xuất hiện sự cố gắng vươn lên dùng trí tuệ thấu suốt tất cả mọi sự vật đều giả hợp, thể nghiệm được lý vô thường, vô ngã và tiến tới giác ngộ.

Khi Triệu Châu bảo "Lão tăng này chẳng ở nơi minh bạch", câu ấy có nghĩa là Triệu Châu không đắm nhiễm trụ vào bất cứ một cái gì, ngay cả cái minh bạch, giác ngộ.

Nhưng khi hỏi "Các ông có còn tri giữ gì chăng?", Triệu Châu biết trước thế nào cũng có người thấy chỗ sơ hở trong câu hỏi đó và phản ứng dồn ông vào chỗ lúng túng. Sơ hở là vì đã bảo rằng mình đặc mà như không đặc, mình có tinh thần vô trụ, vô ngã, thế mà vẫn còn dính mắc vào cái tư tưởng tri giữ. Quả vậy, ông tăng kia bước ra hỏi thẳng thừng "Hòa Thượng đã không ở nơi minh bạch thì còn tri giữ cái gì nữa?". Triệu Châu cũng hay, chẳng bao giờ dùng đến gây hay hét, chỉ nói một cách gọn gàng: "Tôi cũng chẳng biết nữa". Ông tăng kia không chịu tha cho Triệu Châu rút lui yên ổn mới hỏi dồn: "Hòa Thượng đã không biết, cô sao còn nói là không ở nơi minh bạch?". Qua câu hỏi "Hỏi về vấn đề là đủ rồi. Mau lạy rồi trở lui", Triệu Châu cho ông tăng kia hay cuộc bàn luận đến đó đã đủ, chấm dứt là vừa.

Công án này gợi ra hai vấn đề sẽ được đề cập trong bài này. Đó là ngôn ngữ và phương pháp từng tướng nhập tánh. Bài sẽ trình bày một sự song hành giữa một bên là kinh nghiệm tìm tòi học hỏi Khoa Học do bản tính tò mò về chân lý vũ trụ, và bên kia là đường đi của một kẻ tìm cách thông suốt Phật Pháp qua cửa phương tiện - của kia là chân thật môn, nghĩa là cánh cửa mở ra con đường trực tiếp cho những ai bàn tâm thanh tịnh đầy đủ khả năng trực nhận thật tướng các pháp. Nếu đem so sánh hai quá trình ấy với nhau trên phương diện thực dụng thời con đường chỉ bày phương pháp ức chế phiền não, phát huy chân trí để cuối cùng đạt đến tự do giải thoát là con đường nhiều hứng thú hơn và tối cần thiết cho một đời sống an nhiên tự tại.

Ngôn ngữ có thể xem như là bộ khung kết hợp và sắp đặt thành hệ thống những biểu tượng sự vật và tương quan nhân quả giữa sự vật nhằm diễn đạt sự vận hành của những cơ cấu và tiến trình duyên sinh trong vũ trụ. Trên thực tế, ai cũng biết sử dụng ngôn ngữ thông tục, một thứ ngôn ngữ phát xuất từ tri thức thường nghiệm và được quy định bởi tập quán và công ước. Đó là thứ ngôn ngữ cần thiết cho sự truyền đạt tư tưởng trong quần chúng. Trên bình diện cao hơn, lời dạy của Đức Phật thuật lại trong Kinh hay lời các Tổ giải bày trong Luận là một thứ ngôn ngữ khác. Đó là ngôn ngữ tinh thượng, phát xuất từ tâm Đại Bi, nhằm chỉ cho chúng sanh con đường tu tập biết rằng

giáo pháp Phật chứng ngộ là không thể dùng tâm ý mà suy xét cho cùng (bất khả tư nghị) và không thể đem lời nói mà diễn đạt cho đúng (bất khả thuyết). Khác với ngôn ngữ tinh thượng (ngôn ngữ kinh điển), ngôn ngữ của Khoa Học chính là toán ngữ, một loại ngôn ngữ cố động dùng toàn ký hiệu ước định. Toán ngữ là một cố gắng trình bày thí nghiệm khoa học một cách khách quan. Bởi sau khi biểu tượng sự thể bằng ký hiệu toán học, áp dụng phương pháp diễn dịch với những quy tắc làm toán hình thức trên những ký hiệu ước định, lý luận trở nên máy móc và chính xác, dẫn từ tiền đề đã xác nhận đến kết quả tất nhiên không thể nào chối cãi được. (Quý vị có thể so sánh sự thay thế những sự thể bằng ký hiệu toán học với trường hợp đi đánh bạc đem tiền đổi thành chips trước khi vào sòng). Chính vì cái lối lý luận không dựa trên thực tế ấy mà nhiều người rất sợ toán học cũng như đa số cho rằng Kinh Luận rất khó hiểu mặc dầu toán ngữ hay ngôn ngữ tinh thượng cả hai đều phải nói ra theo ngôn ngữ thông tục.

Toán ngữ là gì? Thực ra thường ngày tất cả chúng ta sử dụng toán ngữ một cách rất thuần thực mà không hay biết. Chẳng hạn, ai cũng biết cộng trừ tiền của, so sánh thời gian sinh hoạt với đời người ngắn ngủi. Mỗi lúc xem tin tức trên Tivi chúng ta cũng kiến mọi sự so sánh và đối thay đều được nói lên bằng những con số. Quý vị không để ý tại vì Xưởng-ngôn-viên dùng ngôn ngữ thông tục. Ngay cả với ngôn ngữ thông tục, cần phải đề phòng đừng lầm lẫn danh với sự. Khi dùng ngôn ngữ này để nói lên một sự thể, thì vai trò của ngôn ngữ là biểu tượng cho sự thể, chứ không phải là thay thế sự thể. Danh và sự hoàn toàn khác nhau. Hiện thực với tính cách vô thường luôn luôn sai biệt và sai biệt. Bởi thế, khi gọi tên một hiện thực thì tên gọi đó là một tổng xứng vì nó nói đến tổng tướng của hiện thực tức là tổng cộng tất cả những cái sai biệt, chứ không chỉ vào từng cái sai biệt, nghĩa là không gọi thẳng vào tự tướng của hiện thực. Điều này thấy rõ trong đời sống hằng ngày với lối sử dụng những con số thống kê (statistics) để diễn tả tình hình kinh tế, chính trị, hay xã hội, liên hệ đến số đông. Những con số thống kê ấy không đả động gì đến sinh hoạt của bất cứ một cá thể nào trong số đông mặc dầu rất có ích trên phương diện

cho thấy tính chất biến chuyển tổng thể của một quần chúng.

Khi một hiện thực có thể nhận thức bằng tri thức thường nghiệm, ta bảo hiện thực ấy có tính chất cụ thể và hiển nhiên. Trái lại, nếu hiện thực đó thoát khỏi tầm với của tri thức thường nghiệm thì mang tính chất trừu tượng. Bởi vậy chúng ta thấy toán ngữ khó hiểu và khó học. Ở cấp Tiểu Học, con số thường đi kèm với tên một vật thể: ba con bò, chín cái bánh. Ta gọi đó là những số cụ thể (concrete numbers). Lớn lên, ta học cộng trừ nhân chia với những con số trừu tượng (abstract numbers), chẳng hạn, cừu cừu bát nhất, bát cừu thất nhị. Rồi tai nạn lớn xảy ra khi lên bậc Trung Học nghe thầy giáo bảo dùng chữ x hay y để biểu tượng cho một con số có thể thay đổi và gọi chữ X hay Y ấy là biến số (variable). Từng quen sử dụng mười ký hiệu 0, 1, 2, . . . , 9 với cách sắp chúng thành số, nay bỗng nhiên thầy lại bảo dùng chữ cái $a, b, . . . , z$ làm con số mà lại không biết đó là số gì, thì thiệt là điên cái đầu! Cho nên có nhà toán học nói đùa rằng khi bọn toán gia nói chuyện, chúng thực sự không biết chúng đang nói cái gì. Tuy vậy tiến trình trừu tượng hóa không dừng ngang đây. Hầu được hữu hiệu hơn - và giá trị của toán học là ở chỗ hữu ích - toán học phải biết diễn tả những tương quan nhân quả. Do đó mà khai sinh khái niệm hàm số (function). Hàm số cho ta biết sự thay đổi của một sự thể A dẫn đến sự thay đổi một sự thể B như thế nào và bao nhiêu. Chẳng hạn như khi đang lái xe bạn nhìn đồng hồ chỉ giờ, cái kim chỉ tốc độ, và số miles của đoạn đường bạn đã chạy xem bắt đầu từ số 0. Nếu bạn giữ tốc độ không đổi, chẳng hạn 60 miles một giờ, thời sau 1 giờ, bạn thấy khoảng đường chạy là 60 miles. Sau 2 giờ, khoảng đường ấy là 120 miles, . . . Sau vài giờ nhận xét như vậy bạn tìm ngay ra một hàm số: Số miles chạy xe bằng tốc độ nhân với thời gian: **Khoảng đường = Tốc độ X Thời gian**. Thời gian ở trong trường hợp này gọi là biến số độc lập. Phép nhân tốc độ là hàm số cho biết kết quả khoảng đường chạy xe tương ứng với thời gian chạy xe. Khoảng đường chạy xe gọi là thuộc số vì nó phụ thuộc vào biến số độc lập. Vùng từ đó xuất phát những biến số độc lập được mang tên là xuất xứ (domain), và vùng chứa những thuộc số được gọi là lai xứ (range). Hàm số biểu trưng cho sự

tương quan hỗ tác giữa hai vùng, xuất xứ và lai xứ. Một điều hay của hàm số là trong nhiều trường hợp đơn giản ta có thể hình dung được sự tương quan nhân quả bằng hình vẽ thay thế ký hiệu khó hiểu. Hình vẽ có thể là một đường thẳng hay một làn sóng. Nhưng nên nhớ đó chỉ là giả hình, nghĩa là hiện thực không phải có hình thù như vậy. Đó chỉ là một cách giúp đỡ trí nhớ hình dung trong trí óc một sự tương quan nhân quả. Tất cả đều là phương tiện giúp ta đến gần hiện thực chứ không phải là hiện thực chân như.

Đọc kinh Phật hay nghe lời Tổ giải cũng vậy. Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan. Thay vì hiểu biết trên bề mặt của ngôn từ (tức là theo nghĩa đen) ta nên hiểu kinh như là những lời chỉ dẫn mỗi nắm bắt được những giá trị nội dung thông điệp của Đức Phật (chân lý). Trong tựa đề cho bản dịch Trung Luận của La Thập, Ngài Tăng Duệ có nói: "Thực phi danh bất ngộ". Nghĩa là, một sự thể nếu không có tên gọi thì sự thể ấy không được biết đến mặc dầu sự thể và tên gọi của nó hoàn toàn khác nhau. Cái dụng của ngôn ngữ trong Kinh Luận không phải ở khả năng diễn đạt mà là ở khả năng chỉ dẫn. Ngoài ra, ngôn ngữ kinh điển còn có giá trị giải thoát, nghĩa là hàm chứa mục tiêu của sự truyền đạt. Phật dùng ngôn ngữ là để khai thị, giải minh thật tướng, chủ tịch thể thật tướng Phật không bao giờ nói ra mà ta chỉ tìm thấy nơi sự im lặng cao thượng của Ngài. Chẳng hạn, trong kinh thường dạy, Niết Bàn không đến không đi, bất nhất bất dị, phi đoạn phi thường, chẳng sanh chẳng diệt. Nói như vậy không phải là để định nghĩa Niết Bàn, mà chỉ vạch con đường giữa cho ngôn ngữ để đi về Niết Bàn. Con đường ấy không phải là bản chất hiện hữu của thực tại mà là bản chất biểu tượng của ngôn từ. Nói tóm lại, trình độ thông hiểu ngôn ngữ càng cao thì khả năng nhận diện chân lý càng sâu và mức độ giải thoát càng bao quát.

Trong phạm vi khoa học, khoa học gia thường bị bắt buộc phải dùng ngôn ngữ thông tục để mô tả hiện tượng không phải bằng luận lý hay phân tích toán học mà bằng một hình ảnh gợi ý. Theo Einstein "hầu hết tư tưởng thiết yếu của khoa học có bản tính đơn giản và trên nguyên tắc, có thể diễn đạt bằng một thứ ngôn ngữ mà ai cũng hiểu được". Werner Heisenberg tin

rằng "ngay cả với nhà vật lý học, sự diễn tả bằng ngôn ngữ thông tục sẽ trở thành một tiêu chuẩn để nhận ra trình độ hiểu biết thấu đạt".

Khi làm thí nghiệm, nhà khoa học cắt xén thực tại thành từng mảnh, giới hạn thu hẹp mỗi mảnh trong một khuôn khổ nhỏ để dễ bề định nghĩa và biểu tượng bằng ngôn từ, cho nên mọi lý thuyết khoa học vì căn cứ trên biểu tượng ngôn từ, nếu thành tựu tốt đẹp, thì sự thành tựu ấy chỉ là một thành công tối đa chứ không phải là một thành công viên mãn. Tiến trình biểu tượng cố gắng rập khuôn theo tiến trình thực tại những không thể nào thay thế cho tiến trình thực tại. Một bên là những khái niệm khô cứng, tĩnh tịch, một bên là sinh động biến đổi liên tục. Theo Einstein, không một lý thuyết khoa học nào được gọi là viên mãn trừ phi khi mỗi phần tử của thực tại vật lý phải có một đôi phần tương ứng trong lý thuyết vật lý ấy. (Whatever the meaning assigned to the term *complete*, the following requirement for a complete theory seems to be a necessary one: *every element of the physical reality must have a counterpart in the physical theory*). Trong hoàn cảnh Einstein đã phát biểu như vậy? Để hiểu ý nghĩa câu nói đó, ta cần nhìn lại từ đầu những biến cố lớn lao đã xảy ra trong lịch sử khảo cứu khoa học thuộc phạm vi vật lý học. Khảo cứu vật lý làm những việc gì? Dựa trên giả thuyết các vật lý gia làm thí nghiệm để thiết lập những luật nhân quả và thử xem giả thuyết có đúng với thực tế hay không. Nếu đúng thì sẽ đem những luật được khám phá ra áp dụng để giải đáp thắc mắc về một số hiện tượng vũ trụ. Đọc đoạn văn sau đây của Einstein có thể giúp ta hiểu biết thêm về công việc các nhà vật lý đang theo đuổi.

"Các khái niệm vật lý hoàn toàn do tâm (human mind) tự do tạo ra và tuy thấy như là những không phải duy nhất tùy thuộc thể giới ngoại tại. Trong cố gắng tìm hiểu thực tại chúng ta giống như một người đang thử tìm hiểu máy móc của một chiếc đồng hồ. Người ấy thấy mặt đồng hồ và hai kim đang chạy, nghe cả tiếng tích tắc, nhưng không có cách nào mở hộp vỏ ra được. Nếu kỹ xảo người ấy có thể hình dung ra một bộ máy tưởng tượng chịu trách nhiệm về mọi điều người ấy quan sát, nhưng không bao giờ tin chắc được bộ máy tưởng tượng ấy là bộ máy duy nhất khả dĩ giải thích mọi điều quan

sát. Người ấy không bao giờ có thể so sánh bộ máy tưởng tượng với bộ máy có thật và không thể hình dung được khả năng thể hiện của ý nghĩa về một sự so sánh như vậy".

Như Einstein nói, nhà vật lý chỉ có một cách duy nhất là nhìn hình tưởng bên ngoài để thông hiểu thực tánh bên trong của sự vật. Tuy nhiên mọi phương cách tri nhận hình tưởng đều do tâm chi phối. Vì tâm chúng ta thường xuyên vẫn đục như nước ao hồ bị khuấy động nên tri giác do tâm không cho ta thấy đúng như thật. Hai câu chuyện sau đây cho thấy tâm bị vẫn đục như thế nào.

Câu chuyện thứ nhất là Hoàng Đế mặc áo quần mới. Một ngày nọ Hoàng Đế dạo khắp nẻo đường trần trường như nhộng. Trước hôm đó dân chúng được báo cho biết Hoàng Đế sắp đi dạo với một bộ áo quần mới thật đẹp. Bởi vậy tuy thấy Hoàng Đế trần trường, mọi người tự ám thị mình để tin rằng Hoàng Đế quả đang dạo chơi với một bộ áo quần mới thật đẹp. Chỉ trừ một cậu bé la lớn "Ê, Hoàng Đế ở trần ở trường".

Tâm của bé được ví như tâm của một kẻ mới học Thiền. Tâm này "trống không, không bận tật quen của một chuyên viên, sẵn sàng thâm nhận, hoài nghi, và mở rộng đón tiếp mọi điều có thể xảy đến". (Trong lời Baker Roshi đề tựa sách Zen Mind, Beginner's mind).

Câu chuyện thứ hai là một Thiền Sư tiếp chuyện một giáo sư Đại Học. Một giáo sư đến gặp một Thiền Sư để hỏi về thiền. Thiền Sư dọn trà. Ông đổ đầy chén trà của khách và cứ tiếp tục rót. Ông khách nhìn nước chảy tràn cho đến lúc không còn giữ được im lặng. Ông nói "Chén đã quá đầy. Chẳng có gì vào thêm trong chén được nữa!". Thiền Sư liền bảo "Giống như cái chén này, ông đầy áp ý kiến và ước đoán. Làm sao tôi chỉ ông thiền trừ phi khi ông trút sạch chén ông trước đã".

Chính thế, đầu óc của bất cứ nhà vật lý nào cũng chứa đầy những điều đã học hỏi và những vấn đề, phương pháp, mục tiêu mà họ đã bỏ công nghiên cứu lâu ngày. Những khoa học chỉ tiến bộ khi các nhà làm khoa học cởi bỏ biết loại bỏ mọi thành kiến ngăn trở sự đón nhận những ý kiến mới.

Trong khi nghiên cứu lịch sử khoa học nhà vật lý Thomas Kuhn đề nghị một phương pháp phân chia những cơ cấu lý thuyết và hình thức luận lý khoa học

thành loại dựa trên "paradigm", dịch là mô thức. Sự phân chia này tương tự như sự phân chia thành nhiều bộ phái và tông phái trong Phật Giáo vì kiến giải bất đồng về giáo nghĩa, tu hành, và quả vị. "Một mô thức là những gì các thành viên của một cộng đồng khoa học san sẻ với nhau, và ngược lại, một cộng đồng khoa học là bao gồm những thành viên cùng san sẻ một mô thức". Như thế, một mô thức có thể là một quan điểm hay mô hình sự diễn tiến tư duy liên quan đến một vấn đề khoa học. Thí dụ: Tiến trình biến hóa của sự vật căn cứ vào nguyên lý về sự chọn lọc tự nhiên là một mô thức. Không thời gian tưởng hình như một môi trường liên tục (continuum) do Einstein đề nghị là một mô thức khác. Khi một mô thức mới xuất hiện, một số vấn đề chưa được các mô thức khác giải quyết thời nay được giải quyết. Nhưng đồng thời, mô thức mới làm phát sinh thêm nhiều vấn đề, nhiều câu hỏi mới. Ngay cả những vấn đề tưởng như đã giải quyết thực ra chỉ giải quyết được phần nào, không đầy đủ, còn thiếu sót. Đó là lý do để tiếp diễn cuộc tìm kiếm những mô thức có nhiều khả năng giải thích hữu hiệu hơn. Nhưng đến bao giờ mới chấm dứt được cuộc tìm kiếm? Theo Ngài Long Thọ, một câu hỏi, đúng với ý nghĩa một câu hỏi là đi tìm chân trời mới cho tư tưởng, phải căn cứ trên thuyết tánh Không, nghĩa là một nghi vấn mệnh đề không chứa đựng một khẳng định mặc nhiên nào cả. Nếu không được thiết lập trên thuyết tánh Không thì câu hỏi đã đóng khung sẵn cho câu trả lời và không một trả lời nào có thể thỏa mãn câu hỏi. Như vậy cuộc tìm kiếm một mô thức khoa học toàn năng sẽ không bao giờ thành công vì bất cứ mô thức nào cũng xuất phát từ những khẳng định. Sau đây là một số mô thức rất quan trọng vì được dùng làm nền tảng giải thích sự tiến bộ của khoa học.

Mô thức I. Thuyết tương đối của Albert Einstein (Theories of relativity).

Trước hết, Einstein giả định rằng tốc độ ánh sáng không phụ thuộc vào sự chuyển động của quan sát viên hay của nguồn sáng và là một hằng số. Tốc độ ấy hữu hạn nhưng rất lớn, 186,000 miles mỗi giây nếu đo trong khoảng trống. Đó cũng là tốc độ tối đa có thể đạt được ở thế gian này.

Để theo đúng nguyên lý tương đối buộc mọi luật vật lý phải có giá trị trong tất cả mọi hệ qui chiếu chuyển động đều (uniform motion), thời cần phải thay thế hai khái niệm riêng rẽ không gian và thời gian bằng một cái khung mới, gọi là không-thời-gian. Không-thời-gian là một môi trường liên tục (continuum), nghĩa là một vật thể mà cấu tử ở sát cạnh nhau đến nỗi không có chỗ hở giữa chúng thành ra không thể nào phân biệt phần này với phần kia. Trong không-thời-gian mọi biến cố hiện ra như vậy là như vậy chủ không triển khai (develop) với thời gian như trong cơ học cổ điển. Toàn thể sự vật hiện hữu như vậy là như vậy trên nền không-thời-gian giống như hình trong tranh học chủ không diễn biến trước mắt theo dòng thời gian. Tất cả quá khứ, hiện tại, và vị lai đồng loạt hiện hữu. Xin nhắc lại đây là những phát biểu do sự dùng ngôn ngữ thông tục để nói ra ý nghĩa của suy luận bằng toán học. Xét cho cùng, bởi vì không có cách trình bày nào đúng hơn khi dùng ngôn ngữ thông tục nêu lên sự tương quan nhiếp nhập của hai khái niệm không gian và thời gian nên Einstein mới gọi thời gian là "chiều thứ tư". Nói đúng hơn, "chiều thứ tư" là tên gọi, nhãn hiệu gán cho sự tương quan giữa không gian và thời gian. Một giáo sư của Einstein, Hermann Minkowski, quá thích thú về sáng kiến của ông học trò, liền nghĩ ra được một cách diễn dịch bằng phương trình toán học những tiến trình diễn biến trên nền không-thời-gian, tương tự công thức Pythagoras mà người ta thường dùng để tính cạnh huyền của một tam giác vuông khi biết chiều dài hai cạnh kề góc vuông. Theo công thức Minkowski, khoảng không-thời-gian cách xa hai biến cố, như là sự nổ bùng của hai vì sao, luôn luôn là như vậy, không biến đổi, dù cho đo khoảng đó từ một hành tinh chuyển động chậm hay từ một hỏa tiễn phóng rất nhanh. Ngạc nhiên và thích thú nhất là công thức Minkowski cho thấy đối với mỗi cá nhân, ba thời quá khứ, hiện tại, và vị lai tụ lại tại một điểm, gọi là "bây giờ" (now). Điểm này được đặt vào một vị trí xác định rõ rệt, gọi là "tại đây" (here) mà ta không tìm thấy ở một chỗ nào khác ngoài vị trí hiện tại của quan sát viên. Trong Thiền Luận, tập hạ, vấn đề này được Thiền Sư D.T. Suzuki đề cập trong khái niệm viên dung, một trong tất cả, tất cả trong một, khi trình bày về kinh Hoa Nghiêm.

Một hệ quả rất quan trọng của thuyết tương đối hẹp là sự đồng hóa hai khái niệm, khối lượng và năng lượng, bấy lâu tách biệt. Sự đồng hóa ấy được viết thành một công thức toán học, tuy đơn giản nhưng hết sức công hiệu: $E = mc^2$. Nói như Einstein, "năng lượng có khối lượng, và khối lượng tiêu biểu năng lượng". Nếu ví khối lượng với thân và năng lượng với tâm, thời cái mô thức thân tâm phân biệt được Descartes xác nhận bằng câu nói bất hủ "Tôi suy nghĩ, vậy là tôi hiện hữu" không còn chút giá trị nào nữa. Chính nhờ công thức đồng hóa khối và năng lượng mà người ta thông hiểu vì sao sao trên trời liên li phát ánh sáng một cách đều đặn. Sự hiểu biết về vận hành của vũ trụ bao gồm những vật thể rộng lớn như thiên hà, sao, hành tinh hay vi tế như những hạt lượng tử tiến triển rất mau nhờ vào công thức này. Tiếc thay bom nguyên tử, bom khinh khí cũng bắt nguồn từ công thức ấy mà ra.

Khối và năng là hai hình tướng của sự vật, chúng còn sinh ra nhiều hình thức khác, những tựu trung theo luật bảo tồn khối-năng lượng thì dù chúng đổi từ hình tướng này sang hình tướng khác, tổng số khối-năng lượng trong vũ trụ luôn luôn vẫn như vậy, không thay đổi. Nói cách khác, toàn vũ trụ luôn luôn tìm cách giữ thế cân bằng, kết dặt hay đồng nhất mọi sự vật trong "sự vô ngại pháp giới", nghĩa là cốt tạo thành một toàn thể nhịp nhàng do sự tương dung tương nhiếp theo quan điểm viên dung của kinh Hoa Nghiêm.

Sau này, Einstein bổ túc thuyết tương đối hẹp bằng cách mô tả không-thời gian với những vùng lồi lõm tương ứng với sự tác dụng của sự hút vạn vật (gravity). Độ cong của những lồi lõm lớn hay bé tùy theo tại vùng đó có nhiều hay ít khối lượng. Khi một hành tinh chạy quanh mặt trời thời nó chạy quanh một vùng lồi có độ cong rất lớn tương ứng với sự hiện diện của khối rất lớn của mặt trời. Quỹ đạo của hành tinh là con đường hành tinh theo một cách tự nhiên và cũng là con đường ngắn nhất. Phương trình Einstein thiết lập để mô tả sự vận hành của vũ trụ không biểu diễn sự chuyển động mà trái lại, biểu diễn một vùng địa phương của không-thời gian tại đó quan sát viên đang làm thí nghiệm. Einstein tin rằng vật chất chính là độ cong của những lồi lõm trên nền không-thời gian. Đó là điều ông suốt đời ước ao

chứng minh được bằng toán học. Những khái niệm như khối, năng lượng, rốt cuộc chỉ là độ cong của những lồi lõm trên không-thời gian. Như vậy cuối cùng chỉ còn lại hai khái niệm là không-thời gian và chuyển động. Những vi chuyển động là con đường tự nhiên và ngắn nhất quanh những lồi lõm trên không-thời gian, cho nên không-thời gian và chuyển động là không hai. Tóm lại, tất cả chỉ là giả danh! Những ai tu pháp môn bất nhị chắc không lạ gì về điều nhận xét này. Hiện nay các nhà thiên văn học áp dụng thuyết tương đối của Einstein để giải thích sự hỗ tương tác dụng và sự chuyển động của các thiên hà, sao, hành tinh, hệ tinh trong không trung. Căn cứ vào thuyết ấy, họ dự đoán có thể tìm ra nào là lỗ đen, nào là chất tối, nào là nhiều vũ trụ khác đồng thời hiện hữu với vũ trụ của chúng ta v.v...

Mô thức I I. Cơ học lượng tử (Quantum mechanics)

A. Thuyết bổ sung của Niels Bohr (Theory of complementarity)

Một lượng tử (electron, v.v...) có lúc thì có vẻ là hạt nhưng lúc khác lại phải được mô tả như sóng. Theo Bohr, vấn đề "A và chẳng phải A" đó không thể giải quyết bằng cách tìm kiếm một khái niệm mới thay thế, có khả năng chụp bắt được thật tính của hệ thống. Những gì các nhà vật lý kinh nghiệm (electron như sóng hoặc như hạt) là một phần bất khả phân của, hoặc bị quy định, khuôn nắn bởi, toàn thể trạng huống của thí nghiệm. Trạng huống này không những bao gồm những dụng cụ máy móc, sự thể được thí nghiệm, mà còn kể cả quan sát viên làm thí nghiệm nữa. Do đó cách giải thích là cặp khái niệm tương phản này phải được sử dụng đúng trạng huống và xem chúng như bổ khuyết cho nhau để có được một hình ảnh đầy đủ về hệ thống. Quan hệ tương phản những bổ khuyết của hai khái niệm, sóng và hạt (thí dụ cụ thể khác là hai đại lượng vật lý như xung lượng và vị trí, năng lượng trong một tiến trình vật lý và thời gian tiến trình này xảy ra, v.v...) được Bohr gọi là bổ sung (complementarity).

Thuyết bổ sung nhắc ta nhớ đến phương pháp tử cú Ngài Long Thọ thường hay dùng để bác bỏ chủ trương sự vật có tự tính. Bốn câu ấy là:

1. Hữu nhi bất vô (Có mà chẳng không)
2. Vô nhi bất hữu (Không mà chẳng có)
3. Diệc hữu diệc vô (Cũng có cũng không)
4. Phi hữu phi vô (Chẳng phải có, chẳng phải không)

Đem dùng những từ luận lý (logical words) như: và (and), hay (or), chẳng phải (not) của luận lý hình thức, bốn câu trên có thể viết lại như sau theo luận lý hình thức: 1.A; 2. Chẳng phải A; 3.A và chẳng phải A; 4. Chẳng phải (A và chẳng phải A).

Triết lý Phật Giáo chủ trương xét giá trị đúng hay thực của một tiền đề căn cứ trên thực nghiệm và suy luận. Nếu câu thứ nhất thực (sacca, truth) Đức Phật cho rằng câu thứ hai và câu thứ ba là vọng (confusion, musà), đối đãi chứ không sai (sin, kali). Ngược lại câu cuối sai. Lý do: Phật cho rằng khi phủ định một điều gì thực theo kinh nghiệm, thời sự phủ định không bắt buộc dẫn đến sự sai tuyệt đối, mà chỉ dẫn đến một trường hợp tương phản mà thôi. Tiêu chuẩn để nhận biết giá trị sai là điều đó phải mâu thuẫn với một sự thực tuyệt đối hay mâu thuẫn với một mệnh đề được thành lập có tính chất phổ quát (universal). Thí dụ: Câu "Tất cả thiên nga đều trắng" và câu "Một số thiên nga không trắng" được xem như là mâu thuẫn nhau. Bởi vì câu đầu xem như là một sự thực tuyệt đối. Do đó, khi đọc kinh Phật ta hãy lưu ý đến hai điều. Một, khi Phật dùng chữ "nhất thiết" (tất cả), Phật luôn luôn giới hạn tất cả vào các sự thể được thực nghiệm. Hai, Phật không bao giờ nói tiếng như là "Tất cả đang khổ đau", mà luôn luôn nói "tất cả những thủ này đang khổ đau". Trở về câu tử cú của tử cú trong đó có sự đồng thời bác bỏ cả khẳng định lẫn phủ định. Phật không cho đó là một cách phát biểu luật loại trừ điểm giữa (law of excluded middle) mà là một sự từ chối hoàn toàn kiến thức (knowledge) và mô tả (description). Như vậy Phật bác bỏ quan điểm của những người theo giáo lý Upanishad (Áo nghĩa thư) và theo giáo phái Kỳ Na (Jaina) cho câu tử cú là thực.

Thuyết bổ sung có thể xem như tượng trưng cho câu tử ba. Nghĩa là một lượng tử vừa là hạt và vừa chẳng phải hạt tức sóng.

Khi A thực mà chấp nhận câu tử hai (chẳng phải A) và câu tử ba (A và chẳng phải A) không sai. Chính đó là

một điểm rất ư đặc biệt của suy luận Phật Giáo. Ta thường quen lý luận theo lối nhị biên, không sai thì đúng, không đúng thì sai. Để phá kiến chấp nhị biên tướng đối, Phật chấp nhận thêm lối suy luận đối đãi, tướng phản, như trong hai câu thủ hai và thủ ba của tử cú. Quyển sách Fuzzy Thinking của Bart Kosko sẽ giúp hiểu thêm rất nhiều về vấn đề này trên phương diện toán học và mạng lưới thần kinh (neutral networks) của máy tính.

B. Nguyên lý bất định của Heisenberg.

(Uncertainty principle of Heisenberg)

Trong cơ học lượng tử, dẫu dụng cụ, phương pháp, và người đo lường hoàn hảo đến mức độ nào đi nữa, ta không bao giờ có thể đồng thời biết được chính xác cả vị trí lẫn xung lượng của một hạt đang chuyển động, cũng như cả thời gian lẫn năng lượng liên hệ đến một biến cố. Đó là nguyên lý bất định của Heisenberg. Sau đây là một thí dụ áp dụng nguyên lý ấy để thông hiểu lời dạy "**sắc tức thị không, không tức thị sắc**" của Đức Phật trong phạm vi vật lý.

Theo nguyên tắc bảo tồn khối-năng lượng, ta không thể tử không làm ra có (No free lunch). Nếu chỗ này được thêm một số năng lượng thời chỗ kia sẽ mất đi một số tương đương. Trong các phòng vật lý lượng tử, các nhà vật lý quan sát thấy rằng các hạt thường xuyên biến chuyển, phát sinh ra những hạt loại khác, thường gọi là hạt ảo, rồi tức thì hấp thụ những hạt ảo ấy lại ngay khi chúng phát khởi. Thí dụ: electron với những ảo photon. Proton với những ảo photon và ảo pion. Đó là hiện tượng sinh diệt trong sát na, nói theo thuật ngữ của Phật Giáo. Để giải thích hiện tượng, trước hết phải lưu ý thời gian của biến cố rất là ngắn ngủi. Chỉ độ một trong ngàn tỷ phần của một giây đồng hồ hay chóng hơn nữa. Ngược lại nếu nhìn vào năng lượng của biến cố ta thấy cả một đại lượng. Đó là theo nguyên lý Heisenberg. Nướng vào tính chất bất định của sự đo lường nên đầu có sinh ra một số năng lượng trái với luật bảo toàn, nhờ biến mất trong nháy mắt nên số năng lượng sinh ra tử không đó nằm trong khoảng bất định của hệ thức Heisenberg. Năng lượng càng lớn, nghĩa là hạt ảo sinh ra càng nặng, thì thời gian sinh hoại phải càng ngắn hơn.

Lại có hiện tượng các hạt thường xuyên tự biến thành các hạt loại khác rồi tức thì trở lại trạng thái cũ. Thí dụ: proton biến ra hoặc một cặp proton-pion, hoặc một cặp neutron-pion. Neutron biến ra hoặc một cặp neutron-pion hoặc một cặp proton-pion âm. Như vậy hạt nào cũng có thể xem như là tổng thể của một số tổ hợp của các hạt loại khác. Đây là một hiện tượng nhắc đến lý viên dung của Hoa Nghiêm. Trong cơ học lượng tử tổ hợp nào cũng có khả năng xuất hiện, tức là có một xác suất sinh khởi nào đó. Xác suất của mỗi một tổ hợp có thể tính được chính xác, nhưng tổ hợp nào sinh khởi thì còn tùy cơ duyên không định trước được.

Các nhà vật lý thường cho các hạt va chạm nhau để tìm ra hạt loại mới hay để khảo sát tính chất vật lý của các hạt để biết. Họ quan niệm rằng sau mỗi va chạm các hạt nguyên thủy tự diệt và từ đó khởi sinh ra những hạt khác. Nhưng có điều kỳ lạ là lắm lúc không có va chạm mà quan sát viên vẫn nhìn thấy không biết từ đâu, tại một điểm, đồng thời sinh khởi hai hay ba hạt tác dụng lẫn nhau rồi biến mất ngay tức khắc không chút dấu vết. Phải chăng sự sinh diệt tử hư không như vậy tượng hình cho hình tướng sắc sắc không không của "chân không diệu hữu" ?

Kết luận :

Trở lại câu hỏi trong hoàn cảnh nào Einstein đã nói "không một lý thuyết khoa học nào được gọi là viên mãn trừ phi khi mỗi phần tử của thực tại vật lý phải có một đối phần tương ứng trong lý thuyết vật lý ấy" ? Đó là lời bài bác thuyết lượng tử. Bởi vì thuyết này không dự đoán được từng biến cố riêng biệt trong tiến trình biến chuyển của các hạt, trái lại chỉ ước tính xác suất của những biến cố có thể sinh khởi mà thôi. Như vậy trong thuyết lượng tử không có phần tử đối ứng với mỗi một biến cố riêng biệt hiện hữu. Vì thế cho nên theo Einstein thuyết lượng tử không được viên mãn như nhiều nhà lượng tử học (trong đó Bohr là đầu tàu) đã tưởng tượng.

Sống trong một xã hội đề cao vật chất và tiêu thụ, con người thường đặt lòng tin vào các nhà khoa học và trao cho họ cái nhiệm vụ mà đáng lẽ phải tự mình gánh vác là mình giải tính cách bí mật của sinh, thành, hoại, diệt trong đời sống này. Nhưng sau hơn ba thế kỷ tìm tòi, thí nghiệm, họ tin cho chúng

ta biết họ không hiểu gì hơn chúng ta về thực tại. Tuy nhiên với những dữ kiện thâm thập họ bảo rằng họ có bằng chứng cái chìa khóa để thông hiểu vũ trụ chính là ở nơi chúng ta. Họ dùng toán học và luận lý để thấu đạt một sự thật mà Đức Phật đã thấy mấy ngàn năm về trước: Mọi cái gì ở "ngoài đó" đều phụ thuộc vào cái gì mình quyết định ở "trong đây". Hiện nay ngôn ngữ của vật lý, nhất là của cơ học lượng tử, dần dần có tính chất huyền bí. Con đường đi vào thế giới vật lý là thực nghiệm. Mọi thí nghiệm có chung một mẫu số là cái ta, cái ngã nói theo chân lý công uốc (tục đế). Ta làm thí nghiệm. Như vậy cái ngoại tại mà ta tìm hiểu thực ra là sự tương tác giữa ta với ngoại tại chứ không phải ngoại tại. Đặc tính bổ sung của hạt và sóng trong thuyết ánh sáng là đặc tính của sự tương tác giữa ta với ánh sáng. Chính ta có thể lựa chọn loại thí nghiệm để minh chứng ánh sáng là sóng hay hạt. Như vậy, nhìn vào những việc các nhà khoa học đang làm và những kết quả họ đã và đang gặt hái, không thấy cái gì là cứu cánh mà tất cả chỉ là phương tiện.

Để kết luận bài này xin trích dẫn lời của Tuệ Sỹ giải thích ý nghĩa của quán về hiện tượng vô thường trong Triết Học về Tánh Không.

"Quán về hiện tượng vô thường cho đến khi chúng ngộ được nó, bấy giờ ta mới thấy tương quan giữa tên gọi của hiện thực và bản thân của hiện thực. Đối với chúng ta đặc tính của ngôn ngữ là tĩnh. Tĩnh cho nên nó hàm hồ. Bởi vì dưới định lý vô thường, hiện thực luôn luôn sai biệt và sai biệt. Khi ta gọi tên nó, ta không thể chỉ vào **từng** cái sai biệt này mà là chỉ vào **tất cả những** cái sai biệt đó, nghĩa là ta không thể gọi thẳng vào tự tướng của nó mà chỉ là tổng tướng của nó. Tương quan giữa tên gọi của hiện thực và bản thân của hiện thực nếu được nhận thấy, nói đúng hơn là nếu được **thể nghiệm**, thì bấy giờ ta mới đủ khả năng gọi tên một hiện thực bằng tự tướng của nó, và bấy giờ ta mới có thể sử dụng ngôn ngữ với đặc tính động như là diệu dụng của phương tiện".



Tiếng đàn trong đêm



Bộ quần áo ướt sũng khiến cho Cao Thanh Tú cảm thấy lạnh, cũng may cơn mưa đã bắt đầu tạnh, chỉ còn rơi lác đác một vài nơi. Mây đen bay đi hết trả lại bầu trời cao, trong vắt với những vì sao lấp lánh, ánh trăng thượng tuần đã bắt đầu nhỏ lên ở hướng Đông cho chàng nhận ra mờ mờ cảnh vật trước mắt. Cao Thanh Tú thở dài, cởi quần áo ra vắt cho khô rồi mặc lại, xách túi hành trang đan bằng mây đeo vào lưng, không đèn đuốc trong tay, chàng chỉ còn biết cách nhắm hướng chòm sao Đại Hùng đi tiếp. Vừa đi Cao Thanh Tú vừa suy nghĩ miên man, từ chiều đến giờ chàng bị lạc trong khu rừng này, loay hoay mãi không tìm được lối ra, đêm nay chưa biết ngủ đâu? Đi được một lúc, cảm thấy đói bụng, Cao Thanh Tú dừng lại, lục túi hành trang tìm bọc lương khô gói bằng lá chuối. Bọc lương khô bị thấm nước mưa nhưng vẫn còn ăn được, chàng ngồi xuống một tảng đá vừa nhai vừa đưa mắt chán chường nhìn quanh

- Chắc mình phải ngủ lại trong rừng này đêm nay.

Cao Thanh Tú lăm lăm bấm đúng dây, sau khi ăn được vài miếng. Vứt bọc lương khô ăn đó

đang vào một bụi rậm, chàng quyết định tìm chỗ ngả lưng, chờ tối sáng sẽ đi tiếp. Chọn một cây cổ thụ lớn, cành lá chắc chắn, Cao Thanh Tú đu người trèo lên một cành khá to, dùng dao chặt bớt những cành lá vướng víu chung quanh, rồi nhìn xuống dưới. Thấy đã đủ chiều cao để tránh thú dữ, chàng yên tâm lấy bó dây vải cột quanh người vào cành để đề phòng khi ngủ quên không bị té xuống đất. Vừa ướt vừa lạnh, chàng mệt mỏi dựa người vào thân cây, nhắm mắt lại rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Đang thiêm thiếp giấc nồng, chàng giật mình chỗi dậy khi nghe tiếng vó ngựa lộc cộc, cũng may là chàng đã cẩn thận cột dây quanh người, chủ không thì đã té xuống đất. Tiếng vó ngựa càng lúc càng gần, Cao Thanh Tú tháo nhanh mấy sợi dây đu người nhảy xuống.

Trước mắt chàng, thấp thoáng qua các cành cây, Cao Thanh Tú nhìn thấy hai ngọn đèn lồng lớn treo trên một cỗ xe song mã đang từ từ chạy đến. Mừng rỡ chàng chạy vội ra phía đầu xe kêu lớn:

- Bỏ khách quan! Dừng lại!

Người đánh xe có lẽ cũng giật mình khi thấy có người nhảy ra chặn đầu xe trong cánh rừng hoang vắng nên hồi hốt hoảng giật cương tránh qua một bên. Hai con ngựa bị bắt ngờ tung vó trước lên cất tiếng hí dài như phản đối rồi dậm mạnh chân xuống ngừng lại.

Từ trong cỗ xe, một người vén rèm cửa nhỏ thò đầu ra hỏi:

- Chuyện gì đó Chu Sơn?

Người đánh xe đứng lên, nhờ ánh sáng của hai ngọn đèn lồng treo ở đầu xe Cao Thanh Tú nhận ra một trung niên, ăn mặc theo lối người miền sơn cước, chàng vội vòng tay:

- Tiểu sinh là Cao Thanh Tú quê ở An Hòa Sơn, qua cánh rừng này chẳng may lạc đường không tìm được lối ra, tình cờ nghe tiếng ngựa chạy tới nên chặn đầu xe, làm phiền quý tôn ông, xin cho quá giang ra khỏi rừng, thật vô cùng cảm tạ.

Người đánh xe không trả lời chàng, chỉ quay lại nói vào trong xe:

- Bẩm công tử! Có người lạc đường xin đi nhờ!

Người ở trong xe dường như cũng đã nghe tiếng Cao Thanh Tú, có vẻ hơi ngần ngại, nhưng rồi cũng mở cửa bước xuống, lịch sự:

- Tiểu đệ là Mạc Chính Phong! Xin mời Cao tôn huynh! Chỉ sợ xa mã không tốt, tôn huynh không được hài lòng.

Vừa nói Mạc Chính Phong vừa đứng lùi sang một bên, đưa tay ra đầu mời. Cao Thanh Tú vòng tay tỏ đầu cảm tạ, xách túi hành trang leo lên xe, Mạc Chính Phong bước theo sau, ngồi đối diện với chàng. Cỗ xe khá lớn, trong có hai hàng ghế bọc nhung êm ái. Một mùi thơm thoang thoang như hoa dạ lý hương khiến Cao Thanh Tú thấy ấm áp, dễ chịu.

Chàng dựa người ra sau nhìn Mạc Chính Phong đưa tay kéo tấm rèm cửa lại, sau khi thấp lên một ngọn đèn dầu lạc nhỏ.

Mạc Chính Phong cũng im lặng quan sát chàng một lúc rồi mới lên tiếng:

- Cao tôn huynh đi đâu mà bị lạc vậy?

- Tiểu đệ đi thăm một người bạn ở Tuyết Hoa Sơn, trên đường không may gặp trận mưa lớn ban chiều nên bị lạc không tìm thấy đường ra khỏi cánh rừng, đêm nay tưởng đã ngủ lại trong rừng nếu không gặp Mạc huynh.

Mạc Chính Phong cười nhẹ:

- Không gặp mưa thì Cao huynh cũng không thể ra khỏi khu rừng này được nếu không có người dẫn đường.

Cao Thanh Tú ngạc nhiên:

- Tại sao vậy? Mạc huynh có thể nói rõ hơn được không?

Mạc Chính Phong gật đầu, chậm rãi:

- Cánh rừng này có tên là U Lâm Bất Khủ, vào rồi thì không thể trở ra được nữa. Chỉ có một số ít người dân địa phương ở đây biết được con đường duy nhất đi qua cánh rừng này. Rất nhiều người bị lạc hoặc mất tích. Ngay ở bia rừng có cắm nhiều bảng cảnh cáo, Cao huynh chắc không nhìn thấy?

Cao Thanh Tú ngần ngừ:

- Buổi chiều, khi vừa đến bia rừng thì trời đã bắt đầu mưa lớn, tiểu đệ quá có thoáng thấy một hai tấm bảng nhỏ đóng ở mấy gốc cây, nhưng không để ý vì mãi lo chạy theo con đường mòn tìm chỗ trú mưa, không ngờ chạy một lúc thì gặp đường cụt, không còn thấy lối ra.

Mạc Chính Phong có vẻ suy nghĩ, một lúc sau mới nói:

- Đường đi Tuyết Hoa Sơn còn khá xa, tiểu đệ cũng ở gần đây, nếu Cao huynh không chê, đêm nay có thể ngủ lại tệ xá của tiểu đệ.

Cao Thanh Tú chưa kịp trả lời thì cỗ xe đã chạy chậm lại rồi ngừng hẳn, Mạc Chính Phong mở cửa bước xuống, ra đầu mời. Cao Thanh Tú đưa mắt nhìn ra ngoài, trước mặt chàng là một căn nhà sàn bằng gỗ khá lớn, cất cao hơn mặt đất chừng một thước, có lẽ để tránh thú dữ về đêm. Nơi chiềncầu thang đi vào cửa chính có hai cây cột cũng bằng gỗ, treo hai ngọn đèn lồng lớn vẽ chữ Mạc thật rõ ràng. Cao Thanh Tú vội bước xuống xe, sửa lại áo, vòng tay:

- Xin đa tạ thịnh tình của Mạc huynh.

Không thấy Chu Sơn, người đánh xe đầu, Cao Thanh Tú ngó ngác định hỏi thì họ Mạc đã hiểu ý nói:

- Chu Sơn đang chuẩn bị bữa ăn tối.

Nói xong Mạc Chính Phong cất bước đi trước. Hai người leo lên cầu thang, họ Mạc đẩy cửa ra rồi tránh sang bên, đưa tay mời, cử chỉ thật trang nhã. Cao Thanh Tú hơi cúi người đi vào. Bên trong phòng khách bày biện đơn sơ, một chiếc bàn nhỏ với bốn

chiếc ghế, một chiếc giường đan bằng mây, trải chiếu đồ kê sát vách. Trên vách, phía đối diện treo hai tấm tranh và gần chục nhạc khí lạ lùng mà Cao Thanh Tú chưa thấy bao giờ. Mạc Chính Phong mời chàng ngồi xuống bàn rồi đi vào gian nhà trong, lát sau bưng ra một cái khay trên đựng hai tô cháo lớn khói bốc nghi ngút đặt xuống bàn đoạn bước qua ngồi đối diện với Cao Thanh Tú.

Đẩy một tô cháo về phía Cao Thanh Tú, Mạc Chính Phong ân cần đưa chàng chiếc muỗng:

- Tệ xá nghèo nàh không có cao lương mỹ vị, mời Cao huynh dùng tạm chén cháo cho qua bữa.

Cao Thanh Tú cầm lấy muỗng, cảm động:

- Đa tạ Mạc huynh! Làm phiền Mạc huynh quá tiểu đệ thật áy náy.

Mùi tiêu và hành từ tô cháo bốc lên thơm phức, Cao Thanh Tú thấy bụng cồn cào, không khách sáo, chàng cúi xuống cầm cúi ăn một hơi hết tô cháo nóng. Ngẩng lên thấy tô cháo Mạc Chính Phong chỉ với đi một ít, Cao Thanh Tú hơi ngượng đánh trống lảng hỏi:

- Mạc huynh ở đây một mình ư?

Mạc Chính Phong lắc đầu:

- Một mình thì cũng không đúng, tiểu đệ có một người hầu là Chu Sơn, hần vừa đánh xe, vừa đi chợ, lo mọi việc cho tiểu đệ. Nói xong Mạc Chính Phong đứng dậy dọn hai tô cháo đi rồi bưng ra một khay trà. Hai người ngồi đàm đạo, thấy ánh mắt Cao Thanh Tú thỉnh thoảng liếc nhìn lên vách, nơi treo những nhạc cụ lạ lùng, Mạc Chính Phong mới nói:

- Đường như Mạc huynh chưa thấy những nhạc cụ này bao giờ, phải không?

Cao Thanh Tú gật đầu:

- Tiểu đệ vốn cũng là người thích âm nhạc, đã học sử dụng khá nhiều nhạc cụ nhưng thú thật chưa thấy qua mấy loại này lần nào.

Mạc Chính Phong mỉm cười:

- Cao huynh chưa thấy các loại nhạc khí này lần nào cũng không lạ vì thân phụ tiểu đệ khi xưa làm quan trấn đóng ở vùng thượng du, tiểu đệ sinh trưởng ở đó, học chơi các loại nhạc cụ này ở dân cư miền núi. Khi này Cao huynh giới thiệu là người ở An Hòa Sơn, tiểu đệ đã mừng thầm trong bụng là được quen biết với một người quê ở dòng Nhạc Tuyền nổi tiếng. Tiểu đệ có một hoài vọng trong đời chưa thực hiện được là đến An Hòa Sơn, thăm dòng suối phát ra tiếng nhạc đó vào buổi sáng sớm, khi mặt trời chưa ló dạng để được nghe những tiếng nhạc du dương kỳ bí của thiên nhiên. Huynh có biết vì sao dòng Nhạc Tuyền chỉ phát ra tiếng nhạc vào buổi sáng sớm không?

Cao Thanh Tú lắc đầu, chàng suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Dòng Nhạc Tuyền theo lời thân phụ tiểu đệ kể lại, có cách đây cả trăm năm rồi nhưng chỉ có đoạn ở rừng Cô Trúc, nơi dòng suối

sâu nhất là phát ra tiếng nhạc. Có nhiều giả thuyết được đặt ra nhưng chưa có lời giải đáp thỏa đáng, nhiều người thuê cả thợ lặn mò xuống tận đáy vì nghi ngờ có tay nhạc sư nào đó âm thầm đặt nhạc cụ dưới đáy rồi nhờ dòng nước chảy mạnh xoáy vào tạo thành điệu nhạc, nhưng các thợ lặn mò xuống tới đáy cho biết bên dưới chỉ toàn cát không mà thôi. Là người say mê âm nhạc, tiểu đệ đã đến Nhạc Tuyền nhiều lần để tìm hiểu nhưng thú thật chưa tìm ra được căn nguyên.

Ánh mắt Mạc Chính Phong hơi có vẻ thất vọng. Hai người yên lặng một lúc, Mạc Chính Phong đứng dậy lấy trên vách xuống một chiếc đàn hình dạng hơi giống như thập lục huyền cầm nhưng ngắn hơn nhiều và chỉ có tám dây, nói với Cao Thanh Tú:

- Đây là Bát Đoàn cầm, loại nhạc cụ thông dụng nhất của người dân miền núi.

Vừa nói Mạc Chính Phong vừa dùng tay khảy nhẹ vào dây đàn dạo thành một khúc nhạc ngắn. Những tiếng đàn sắc và gọn nối tiếp nhau tạo thành một điệu nhạc vừa hùng tráng vừa bi thương khiến Cao Thanh Tú ngạc nhiên, nhưng không nói gì chỉ yên lặng lắng nghe. Chờ cho Mạc Chính Phong ngừng tay, chàng mới hỏi:

- Đường như Mạc huynh vừa mới dạo khúc nhạc Tiêu Tương Sầu Viễn Xứ?

Mạc Chính Phong gật đầu, Cao Thanh Tú nói tiếp:

- Vừa rồi Mạc huynh chơi có mấy chỗ sai!

Mạc Chính Phong có vẻ hơi ngạc nhiên:

- Thật ư? Cao huynh đánh lại xem sao? Từ trước đến nay tiểu đệ vẫn thường chơi như vậy, quả thật không biết chỗ sai.

Nói xong Mạc Chính Phong trao chiếc Bát Đoàn cầm cho Cao Thanh Tú, chàng lắc đầu cười nhẹ:

- Tiểu đệ làm sao có thể sử dụng được đàn này như huynh được?

Mạc Chính Phong cũng cười, đứng dậy:

- Xin Cao huynh thứ lỗi! Tiểu đệ quên rằng Cao huynh mới thấy đàn này lần đầu. Để tiểu đệ lấy đàn khác cho Cao huynh.

Dứt lời Mạc Chính Phong đi vào trong lấy ra một chiếc Thập Lục, vừa đi họ Mạc vừa dùng một cái chổi nhỏ phủi sạch bụi bám trên mặt đàn rồi trao cho Cao Thanh Tú:

- Chiếc đàn này của thân mẫu tiểu đệ, từ khi người mất không có ai sử dụng nữa nên bụi bám đầy.

Cao Thanh Tú đón lấy đàn, sửa lại thế ngồi, rút phím đàn ra dạo thủ một lúc cho quen tay rồi mới đánh lại khúc nhạc mà Mạc Chính Phong vừa chơi. Mạc Chính Phong lắng nghe, khi Cao Thanh Tú ngừng tay, họ Mạc gật đầu nhẹ:

- Tiểu đệ đã nhận ra chỗ sai của mình.

Hai người tiếp tục ngồi nói chuyện âm nhạc, đàn hát, một lúc sau đã trở thành thân mật, Mạc Chính Phong mới nói:

- Tiểu đệ ở đây thật cô đơn, gặp được Cao huynh cũng là duyên tương ngộ, nếu Cao huynh không chê tiểu đệ xuất thân hoang dã thì xin được cùng Cao huynh kết nghĩa huynh đệ.

Cao Thanh Tú xúc động, chàng cầm lấy tay Mạc Chính Phong ân cần:

- Mạc huynh đừng nói vậy! Thân phận tiểu đệ thật ra còn kém Mạc huynh nhiều.

Chàng kể sơ qua về thân thế, tuổi tác mình cho Mạc Chính Phong nghe, Mạc Chính Phong yên lặng, khi Cao Thanh Tú ngừng kể, họ Mạc mới quý xuống vai chàng:

- Cao huynh lớn tuổi hơn, xin nhận ba lạy của Mạc Chính Phong này tôn làm huynh trưởng. Dù âm dương cách trở Mạc tiểu đệ từ đây có một người anh kết nghĩa, không còn cảm thấy cô đơn nữa.

Cao Thanh Tú giạt bản người, tưởng mình nghe lầm:

- Há? Tiểu đệ nói sao

Mạc Chính Phong cười buồn:

- Cao huynh nghe không sai đâu! Tiểu đệ nguyện đã chết cách đây hơn ba năm, lòng còn một mối hận nên chưa đi đầu thai được.

Cao Thanh Tú ngỡ ngàng nhìn Mạc Chính Phong chẳng biết sao, nhưng vốn là người can đảm, chàng bình tĩnh hỏi:

- Tiểu đệ có thể nói rõ thêm được không?

Ánh mắt Mạc Chính Phong tối hẳn lại, họ Mạc yên lặng một chút rồi mới chậm rãi kể:

- Gia phụ khi xưa vốn là quan Án Sát trong triều, vì dâng số trù trừ bọn gian thần nên bị chúng liên kết với nhau bày mưu hãm hại, phải bị đi đày lên trấn thủ miền thượng du, giống như tình trạng của Tế Tướng Tiêu Tương khi xưa bị đày ra sa mạc. Cùng mang tâm trạng như thế nên ngay khi từ nhỏ gia phụ đã dạy cho tiểu đệ chơi khúc nhạc Tiêu Tương Sầu Viễn Xứ.

Mạc Chính Phong ngừng lại đường như suy nghĩ điều gì, một lúc sau mới tiếp:

- Cách đây hơn ba năm gia phụ được lệnh hồi kinh, cả gia đình mừng rỡ thu dọn đồ đạc trở về kinh đô. Trên đường trở về, đến khu rừng U Lâm này thì bị một bọn thổ phỉ chặn đường đòi tiền mãi lộ. Gia phụ là người thanh liêm, suốt đời làm quan chưa hề nhận hối lộ của ai bất cứ món gì nên lấy đầu ra của để dọa cho chúng? Biết rằng có nói sự thật bọn cướp cũng chẳng tin, nên gia phụ quyết định chống trả, tiếc thay trên đường về chỉ đem theo vài ba người hầu cần thiết, làm sao chống cự được với bọn thổ phỉ mấy chục tên, nên chẳng mấy chốc thân phụ và thân mẫu cùng mấy người lính hầu bị chúng giết ngay tại chỗ, tiểu đệ cũng bị chúng đâm một kiếm vào bụng nhưng không chết ngay, chỉ vì quá đau tiểu đệ ngất đi. Bọn cướp tưởng mọi người đã chết nên bình thân tập trung lại lục soát những hành lý cướp được; đứng vào lúc đó tiểu đệ tỉnh lại. Thấy chẳng có gì quý giá, chúng chủi rửa âm ỉ, một tên có lẽ là đầu

đang, cầm kiếm rạch áo quần từng người xem có ai giấu giếm gì không. Chẳng kiếm thêm được gì hần lâu bầu :

- Tiu nà ma! đấm toi mấy mạng chẳng thu được gì quí! Vậy mà Hinh Bộ Thượng Thư Lương Xích Hùng nói với ta là sẽ vô được món bô.

Nghe nói câu đó, tiểu đệ uất ức hét lên một tiếng lớn, thổ huyết chết ngay. Thượng Thư Lương Xích Hùng là người đứng đầu trong tờ số của gia phụ khi xưa, hần nắm Binh Bộ nên dung dưỡng cho bọn quan lại tham nhũng, sách nhiễu dân lành... để lấy tiền của đút lót, hối lộ, làm giàu phi nghĩa. Dân tình khắp nơi vô cùng ta thán, nhiều nơi trộm cướp nổi lên, thế là hần cử đưa quân về đó lấy cỏ là tiểu trù, nhưng chính là để móc nối hay xúi giục bọn này nổi loạn. Kè nào theo thì hần dung dưỡng, ai chống cự thì hần cho quân đánh dẹp. Hần cấm thù gia phụ từ khi biết được tên mình đứng đầu trong tờ số thanh lọc gian thần của gia phụ. Có lẽ hần đoán biết được ngày về của gia phụ nên bần tin bọn cướp phục kích, song thân tiểu đệ nếu có của thì chắc chẳng đến nỗi thảm tử. Tiểu đệ biết được điều đó nên khi chết quá uất ức không đi đâu thai được, linh hồn còn lảng vảng mãi trong cánh rừng này.

Cao Thanh Tú ngồi nghe không nói được lời nào, giấy lâu chàng mới ngập ngừng hỏi:

- Còn Chu Sơn ?

Mạc Chính Phong thờ dãi:

- Hần là người hầu chăm lo cho tiểu đệ từ khi còn sống rất chu đáo, hôm bị cướp hần là người chiến đấu dũng mãnh nhất để bảo vệ cho tiểu đệ chạy, nhưng bọn cướp quá đông, làm sao thoát được? Đáng lẽ hần đã đi đâu thai tử lâu, nhưng vì thương xót tiểu đệ vất vưởng nên tình nguyện ở lại bên tiểu đệ một thời gian. Dưỡng như cuối tuần trăng này thì hần hết hạn, hoặc đi đâu thai, hoặc ở lại làm ma vĩnh viễn.

Cao Thanh Tú không dám nhìn khuôn mặt u uất của Mạc Chính Phong, chàng thờ nhẹ nhìn ra ngoài trời suy nghĩ một lúc rồi quay lại nắm tay của Mạc Chính Phong, bàn tay lạnh ngắt khiến chàng rùng mình nhưng không nổ bùng ra:

- Huynh có thể làm gì cho đệ ?

Mạc Chính Phong ngược mặt lên nhìn chàng thật lâu, dường như để ước lượng mức độ ân cần rồi đứng dậy đi vào trong cầm ra hai ống tre nhỏ dài độ một thước. Cao Thanh Tú ngỡ ngác nhìn họ Mạc dùng tay vặn hai đầu ống tre ra rồi dốc ngược xuống, từ trong rơi ra hai cuộn giấy đã ngả màu vàng ố. Mạc Chính Phong dùng tay vuốt hai cuộn giấy cho thẳng ra rồi đẩy về phía chàng một cuộn. Mỗi thoáng đọc những dòng chữ đầu với nét bút thật thẳng và sắc, chàng giật mình kêu lên nho nhỏ :

- Tờ số năm xưa ?

Mạc Chính Phong gật đầu :

- Cao huynh đọc hết đi.

Cao Thanh Tú đưa mắt đọc nhanh hết bản số rồi trân trọng cuộn lại trả cho Mạc Chính Phong, bấy giờ Mạc Chính Phong mới đưa cho chàng cuộn thứ hai. Mở ra thấy ngay nét chữ hơi khác, nhưng chàng cũng chẳng nói gì chỉ chăm chú đọc tiếp, nội dung của tờ số thứ hai thuật lại chuyện hồi kinh của quan An Sát Mạc Chính Tâm, bị cướp phục kích giết giữa đường, do âm mưu của Lương Xích Hùng, cùng những việc lộng hành của hần, cuối tờ số ký tên Mạc Chính Phong với lời thỉnh thị đức Hoàng Đế cách chức Lương Xích Hùng và những quan lại theo hần, đồng thời giải oan cho cha là Mạc Chính Tâm.

Trao lại tờ số thứ hai cho họ Mạc, chàng đưa mắt dò hỏi. Mạc Chính Phong yên lặng bỏ hai tờ số vào trong ống tre rồi mới ngược nhìn chàng nói nhỏ:

- Cao huynh đem hai tờ số này về kinh đô, nhờ người làm thành mộc bản, in ra mỗi thứ chừng trăm tấm, thuê người dán khắp hoàng thành cho tiểu đệ.

Cao Thanh Tú giật mình than thầm trong bụng nhưng vẫn bình tĩnh hỏi thêm:

- Chỉ có thế? Nhưng đệ làm như vậy với mục đích gì?



Mạc Chính Phong gật đầu:

- Chỉ có vậy thôi! Xong việc huynh nên rời kinh đô ngay. Những diễn biến kế tiếp huynh không cần bận tâm. Đệ làm vậy với mục đích gì ư? Tiểu đệ chỉ muốn thức tỉnh nhà vua, Ngài quá tin tưởng Lương Xích Hùng chỉ tin vào những báo cáo của hần nên không biết được dân tình thực sự ra sao.

Cao Thanh Tú cảm thấy lúng túng không biết phải trả lời thế nào, suy nghĩ một lúc chàng đành nói thật ý nghĩ của mình:

- Mạc đệ! Việc đệ nhờ thật đơn giản, huynh sẵn sàng làm, chỉ ngại rằng mình tài hèn,

sức kém không hoàn thành nổi. Vì thủ nhất huynh chưa hề lên tới kinh đô bao giờ, đường đi nước bước thật xa lạ, lên đến nơi ngõ ngách chưa làm được gì thì có thể đã bị lính tuần bắt rồi, thủ hai là huynh không có đủ tiền trang trải cho chuyến đi, như đệ thấy đó, hành trang của huynh chỉ có một chiếc giỏ mây kia.

Mạc Chính Phong gật đầu và hiểu, đứng lên đi lại chỗ treo những nhạc khí, lấy xuống một chiếc kèn đồng hình xoắn ốc, bụi bám đầy, nhiều nơi đã bị rỉ xanh, đưa cho chàng:

- Cao huynh đem chiếc kèn này về phố bán lấy tiền lộ phí và thuê người hướng đạo.

Cao Thanh Tú ngắm người cầm lấy chiếc kèn, cảm thấy nó nặng khác thường, chàng nhìn Mạc Chính Phong có ý hỏi. Họ Mạc giải thích:

- Chiếc kèn này nguyên là tặng vật của một Tú Trưởng vùng thượng du, thọ ơn cứu tử của thân phụ tiểu đệ. Biết thân phụ không nhận của cái, tặng vật quý giá... Người ấy đem vàng đúc thành chiếc kèn rồi mạ bên ngoài một lớp đồng. Lúc nhận thân phụ chỉ nhìn thoáng qua, rồi giao cho mẫu thân đệ nên không biết. Thân mẫu đệ lúc đầu cũng không để ý, mãi về sau trong những lần quét dọn, thấy trọng lượng khác thường của nó mới phát giác ra, nhưng lỡ nhận rồi nên đành im lặng luôn không cho phụ thân biết. Chính bọn cướp cũng không ngờ nên bỏ lại chẳng lấy đi.

Cao Thanh Tú thấy không còn lý do gì để từ chối, chàng cầm chiếc kèn và hai ống tre đút vào cái giỏ mây của mình rồi hỏi thêm:

- Mạc đệ cần điều gì nữa không ?

Mạc Chính Phong đứng dậy, lắc đầu:

- Không! Trời cũng đã khuya, huynh nên đi nghỉ để mai còn khởi hành sớm đi Tuyết Hoa Sơn.

Cao Thanh Tú lắc đầu đứng dậy theo:

- Việc đi Tuyết Hoa Sơn không quan trọng có thể dời lại. Việc của Mạc đệ cần làm trước, huynh hứa sẽ cố gắng hoàn thành.

Mạc Chính Phong lùi lại vòng tay vái Cao Thanh Tú rồi chỉ chiếc giường kê ở vách:

- Đa tạ Cao huynh! Huynh có thể nằm nghỉ ở đó.

Nói xong họ Mạc lui vào trong, Cao Thanh Tú vòng tay đáp lễ rồi đi lại chiếc giường ngả lưng nằm xuống, chẳng bao lâu chàng cũng thiếp đi.

Tiếng người nói chuyện lao xao làm Cao Thanh Tú thức giấc. Chàng ngồi dậy giụi mắt nhìn quanh. Trời đã sáng, không thấy Mạc Chính Phong và căn nhà sàn đâu, thay vào đó là một nhóm 4, 5 người gánh củi đang cười nói đi ngang qua. Thấy chàng, họ có vẻ ngạc nhiên nên dừng lại, một người hỏi:

- Chào tiểu huynh đệ! Tiểu huynh đệ đi đâu mà lang thang trong rừng này một mình vậy, không sợ lạc rồi ma bắt ư?

Cao Thanh Tú hấp tấp đứng dậy, xốc chiếc giỏ mây đeo vào người, chàng nói:

- Tiểu sinh bị lạc trong rừng này từ chiều qua, quý tôn huynh đi đâu vậy?

- Gánh củi ra chợ bán! Tiểu huynh đệ có muốn đi chung cho vui thì tháp tùng theo bọn này!

Cao Thanh Tú mừng rỡ:

- Đa tạ quý tôn huynh! Không có quý tôn huynh tiểu đệ chưa biết theo hướng nào để ra khỏi đây.

Nói xong chàng nhập vào đám người gánh củi, đi theo họ. Chẳng bao lâu họ đã tới một khu phố buôn bán sầm uất, tiếng mời chào, trả giá, chen lẫn với tiếng quát tháo, chửi thề... thật ồn ào, sống động. Cao Thanh Tú vòng tay chào từ biệt mấy người gánh củi, rồi lang thang kiếm chỗ bán chiếc kèn. Thấy một tiệm bán nữ trang khá lớn, chàng ngần ngại đứng nhìn một lúc rồi mới bước vào trong. Chủ tiệm, một trung niên độ ngũ tuần, mặt mũi hồng hào khuôn mặt, mặc một bộ y phục bằng lụa sang trọng nhìn chàng từ đầu đến chân. Thấy điệu bộ rụt rè cũng như bộ quần áo tầm thường của chàng, hẳn hắt mặt hách dịch:

- Tiểu tử! Có chuyện gì không?

Cao Thanh Tú tháo chiếc giỏ mây khỏi người, rút chiếc kèn đồng ra trao cho hắn, nói nhỏ:

- Tiểu sinh muốn bán cái này!

Ánh mắt gã chủ tiệm nhìn chàng có vẻ dè dặt, khinh miệt. Tuy vậy hắn vẫn đưa tay ra cầm lấy cái kèn, thấy trọng lượng khác thường của nó, hắn chẳng nói tiếng nào, ngoắc tay ra dấu cho chàng đi theo vào nhà trong. Hai người đến bên một cái lò luyện kim đang cháy đỏ rực, bên cạnh kê một cái tủ với đầy đủ những dụng cụ luyện kim tinh xảo và những chai lọ đựng các chất cường toan xanh, vàng... đủ màu. Chẳng nói chẳng rằng tên chủ tiệm cầm chiếc kèn đặt ngay vào trong ngọn lửa đang cháy hồng hực một lúc rồi rút ra nhúng vào một chiếc bể nước nhỏ bên cạnh, đoạn lấy ra ngắm nghía. Hắn kêu lên một tiếng thích thú khi thấy chiếc kèn giờ đây có một màu vàng sáng chói:

- A! trúng rồi!

Hắn quay sang Cao Thanh Tú tươi cười vòng tay:

- Xin tiểu huynh đệ thứ lỗi! Bồn chủ có mắt không trông! Xin mời! Xin mời!

Hắn khom người xuống đưa tay ra dấu, dẫn chàng qua một phòng bên cạnh, dường như là nơi để tiếp khách quý nên đồ đạc bày biện sang trọng khác thường, thái độ của gã hoàn toàn khác hẳn. Mời chàng ngồi xuống một chiếc bàn bằng gỗ cẩm lai sơn bóng, gã chủ tiệm đơn giản rót trà, trao cho chàng một tách rồi mời hỏi:

- Tiểu huynh đệ định bán cái này bao nhiêu?

Cao Thanh Tú bối rối chẳng biết nói sao, từ nhỏ đến lớn chàng chưa bao giờ cầm vàng trong tay nên không biết giá trị của nó như thế nào, lăm lăm tính toán, chàng nói đại con số ước lượng:

- Tám chục lượng vàng!

Gã chủ tiệm nháy nhồm lên như ngời phải lứa:

- Hầy à! Đắt quá! Không được đâu!

- Vậy thì bao nhiêu?

Gã chủ tiệm vàng không trả lời, cầm chiếc kèn đi lại một chiếc cân nhỏ đặt ở góc phòng, loay hoay một lúc, gã quay trở lại rút ra một chiếc bàn tính, đẩy lên kéo xuống một lúc rồi nói:

- Ba chục lượng!

Cao Thanh Tú mừng thầm trong bụng, nhưng vẫn lắc đầu:

- Sao rẻ vậy? Ít nhất cũng phải sáu chục lượng chứ?

Hai người trả giá qua lại một lúc rồi đồng ý với nhau giá 45 lượng, gã chủ đi ra ngoài bỏ Cao Thanh Tú ngồi một mình trong phòng khách, lát sau quay trở lại ôm theo một cái rương nhỏ bằng gỗ. Gã lấy từ trong rương ra những thẻ vàng gập, trên có khắc chữ giống nhau, đếm đủ 45 tấm trao cho Cao Thanh Tú nói:

- Tiểu huynh đệ nên cẩn trọng! Đạo này cướp bóc như rươi!

Cao Thanh Tú ngần ngừ chưa biết phải cất số vàng này vào đâu thì gã chủ tiệm đã nhanh nhẹn trao cho chàng một chiếc túi vải nhỏ:

- Tiểu huynh đệ lấy cái này mà dùng!

Cao Thanh Tú thờ ra nhẹ nhõm, chàng nhìn gã chủ tiệm bằng ánh mắt biết ơn, nhét hết số vàng vào trong túi vải rồi đứng lên:

- Xin cảm tạ tôn ông! Nhờ tôn ông cho biết tiểu sinh có thể thuê ngựa ở đâu cho rẻ?

- Tùy thuộc vào chỗ tiểu huynh muốn đi đâu!

- Tiểu sinh muốn lên Kinh Đô! Xin tôn ông tìm luôn cho một người hướng đạo.

Gã chủ tiệm suy nghĩ một lát rồi nói:

- Tiểu huynh đệ chờ đây! Để tại hạ sai gia nhân đi thuê dùm cho! Chỉ phiền tiểu huynh đệ ứng trước cho chút tiền!

Cao Thanh Tú lấy ra một lượng vàng trao cho gã chủ tiệm. Hắn cầm lấy quay lưng đi liền, chùng tăn nện nhang, đã nghe tiếng ngựa hí vang ngoài cửa. Cao Thanh Tú vội đeo chiếc giỏ mây vào người rồi bước ra.

Gã chủ tiệm trao cương cho chàng, chỉ một người trạc độ tứ tuần, mặt mũi có vẻ lạnh lợ, ngồi trên một con ngựa thỏ hai:

- Đây là Thạch Kha! Hắn rất rành rẽ đường đi nước bước về Kinh Đô. Mọi việc tiểu huynh đệ có thể trông cậy nơi hắn.

Gã ngừng lại, dúi vào tay chàng một ít bạc vụn, rồi tiếp:

- Còn thừa ít tiền, tại hạ đổi cho tiểu huynh đệ ít bạc vụn tiêu dọc đường.

Cao Thanh Tú nhảy lên lưng ngựa, ra hiệu cho Thạch Kha. Hắn gật đầu thúc mạnh chân và hông ngựa, con vật hí lên một tiếng dài phóng vụt đi. Cao Thanh Tú vòng tay cảm ơn gã chủ tiệm vàng rồi thúc ngựa chạy theo.

Hai người ngày đi đêm nghỉ, băng rừng lội suối gần nửa tháng trời mới tới Kinh Đô. Đến chỗ trạm gác đầu tiên trước khi vào Kinh Đô, hai người chia tay. Thạch Kha chỉ hai ba người tay xách, tay nài đứng chỗ trạm gác dặn dò:

- Tình hình Kinh Đô hiện rất căng thẳng, nghe đồn có nhiều nơi muốn nổi loạn nên Thượng Thư Lương Xích Hùng đã ra lệnh kiểm soát nghiêm ngặt mọi nẻo đường, thủy cũng như bộ, dẫn vào Kinh Đô. Ngày cũng như đêm, lính tuần tra rất nghiêm ngặt. Ai có một chút hành động đáng nghi đều bị bắt giữ, tra hỏi. Nhiều người đã bị bắt oan, tra tấn, giam cầm... chỉ vì vô tình có hành động hay lời nói phạm đến Thượng Thư họ Lương. Tiểu huynh đệ nên thận trọng, nhất là trong quận ăn, lũ điếm... ở những nơi đó mật báo viên, chỉ điểm đông như rươi. Nhưng cũng chính vì vậy mà xảy ra tình trạng tham nhũng, hối lộ khắp nơi từ trên xuống dưới vì bọn quan lại thừa hành cũng nhân dịp đó tìm cách ức hiếp, bóc lột dân lành để vơ vét.

Cao Thanh Tú nghe nói như vậy, ngoài mặt vẫn bình tĩnh nhưng trong bụng thầm lo, chàng lấy một lượng vàng trao cho Thạch Kha:

- Đa tạ Thạch huynh có dạ quan hoài!

Nói xong, chẳng chờ Thạch Kha trả lời, chàng thúc ngựa đi chậm chậm tới trạm gác, Thạch Kha nhìn theo chàng một lúc rồi quay ngựa trở về. Quả đúng như lời Thạch Kha, còn cách trạm gác chừng vài bước, Cao Thanh Tú đã nghe tiếng quát:

- Xướng ngựa!

Từ trong trạm gác, hai tên lính áo nâu, giáp đỏ, tay kiếm tay thuẫn, mặt mũi hung háng đi ra, nhìn chàng guồm guồm. Cao Thanh Tú vừa rời khỏi lưng ngựa, chưa kịp nói gì thì một tên đã xọc lưỡi kiếm vào chiếc giỏ mây của chàng, quát:

- Tiểu tử đi đâu? Mang gì trong giỏ đó?

Cao Thanh Tú loạng choạng té ngồi xuống ngay dưới chân ngựa, một ý nghĩ thoáng qua đầu, chàng tháo vội chiếc giỏ mây ra khỏi lưng, trả lời:

- Bẩm quan! Tiểu sinh vào thành thăm người anh em họ xa là Lương Kính Châu.

Hai tên lính nghe vậy, quay sang nhìn nhau rồi quay lại nhìn chàng dụi giọng, nhưng ánh mắt đầy nét nghi ngờ:

- Lương Kính Châu con trai Thượng Thư Lương Xích Hùng? Có gì để chứng minh không?

Cao Thanh Tú bịa đại một cái tên để nói, không ngờ sự trùng hợp đó, lỗ trón chàng đành tiếp luôn:

- Dạ phải!

Vừa nói chàng vừa móc ra nắm bạc vụn mà gã chủ tiệm vàng đã trao dúm vào tay một tên. Hắn cầm lấy, soi mói nhìn vào chiếc giỏ mây của chàng rồi nháy mắt cho tên thứ hai:

- Cho người đi!

Cao Thanh Tú mừng rỡ, hấp tấp đứng lên, đeo giỏ hành lý vào người, vòng tay vái hân:

- Cám ơn quan!

Nói xong chàng nhảy lên ngựa chạy vội đi, không dám nhìn lại chỉ sợ hân đổi ý. Chạy một đoạn đến một khu phố khang trang, buồn bán tấp nập, Cao Thanh Tú đi chậm lại nhìn hai bên đường tìm một lữ điếm muốn chỗ trọ và cất hành lý.

Thuê được phòng trọ rồi, Cao Thanh Tú thả bộ ra phố, vừa đi vừa kin đáo nhìn sinh hoạt ồn ào chung quanh để tìm một nhà in, khắc mộc bản. Chàng hơi lo khi thỉnh thoảng bắt gặp những đôi mắt cú vọ nhìn mình chăm chăm. Đang ngẩn ngừ chưa biết xoay trở ra sao chàng chợt thấy một người, y phục, dáng dấp giống hệt Chu Sơn, Cao Thanh Tú ngạc nhiên vội vã bước theo, nhưng người đó đi nhanh quá, chàng đi như chạy vẫn không theo kịp. Loanh quanh qua hai ba khu phố thì chẳng còn thấy bóng hân đâu, Cao Thanh Tú ngỡ ngác, đứng lại thờ, đũa mắt tìm kiếm.

- Ủa!

Chàng kêu lên một tiếng ngạc nhiên lẫn mừng rỡ khi thấy tấm biển màu đỏ, chữ trắng đề Đại Nam Ấn Quán trước mặt mình, bên kia đường. Quay nhìn trước sau thấy không ai để ý tới mình, Cao Thanh Tú băng qua đường đi vô nhà in. Một người đàn ông trạc ngũ tuần, dáng chừng là chủ ấn quán đứng sau quầy tiếp khách, gật đầu chào chàng, nhã nhặn tự giới thiệu:

- Tại hạ là Chương Đại Nam! Quý khách cần chi?

Cao Thanh Tú lấy hai tờ số ra, nhưng lật úp mặt lại, nói:

- Tiểu sinh muốn in cái này, mỗi thứ trăm bản, giá bao nhiêu?

Chương Đại Nam nhìn chàng rồi nhìn hai tờ số lắc đầu:

- Tại hạ phải ước lượng mỗi tờ có bao nhiêu chữ mới nói được.

Cao Thanh Tú suy nghĩ, thấy không còn cách nào khác hơn, chàng đành lật hai tờ số lên, trải ra trước mặt Chương Đại Nam. Hắn mới thoáng đọc vài dòng đã tái mặt, lấy tay cuộn hai tờ số lại, nói nhỏ:

- Quý khách vô đây!

Nói xong hắn cầm hai tờ số xoay lưng hấp tấp đi vào trong. Cao Thanh Tú bước vội theo. Hai người vào trong một căn phòng nhỏ tối mù mù, Chương Đại Nam cẩn thận

gài then của lại rồi thắp lên một ngọn nến, xong mới nói nhỏ:

- Tiểu huynh đệ lớn mặt thật! Nếu hôm nay gặp người khác thì tiểu huynh đệ chắc sẽ rù tù hay đi mò tôm không chừng! Tiểu huynh đệ là gì của quan Án Sát Mạc Chính Tâm?

Cao Thanh Tú hỏi ngược lại:

- Tôn ông biết Ngài ư?

Chương Đại Nam gật đầu:

- Tại hạ là người thợ in quan lớn cách đây gần mười năm, không có Ngài chắc giờ này tại hạ chưa ra khỏi ngục thất ở Nam Đò. Nhưng thôi chuyện đó lúc khác sẽ nói, giờ cho tại hạ biết tiểu huynh đệ là ai, sao lại có tờ số này trong tay?

Cao Thanh Tú thuật lại chuyện mình bị lạc, gặp Mạc Chính Phong cho Chương Đại Nam nghe. Hắn yên lặng chẳng nói tiếng nào, chập sau thở dài một tiếng:

- Việc gia đình quan lớn Mạc Chính Tâm bị cướp giết một dạo đã gây xôn xao, bàn tán khắp Kinh Đô, nhiều người cho rằng chính Thượng Thư Lương Xích Hùng đã thuê bọn cướp sát hại gia đình Ngài trên đường trở về khiến Lương Xích Hùng phải ra lệnh cho thuộc hạ đi lùng bắt bất cứ ai nói tới chuyện đó. Lúc đó nhiều người bị bắt giam hay xử tử lên lút vì vô tình lặp lại hoặc bàn ra tán vào về những chuyện liên hệ đến quan lớn Mạc Chính Tâm. Chuyện tưởng đã đi vào quên lãng vì ít còn ai nhắc tới, không ngờ hôm nay tiểu huynh đệ lại muốn khuấy động lên.

Cao Thanh Tú nghe thế chán nản nói:

- Tiểu sinh nào có muốn dính dáng chi đến chuyện hiểm nguy đó. Chẳng qua vì muốn giúp cho nghĩa đệ sớm đi đầu thai nên mới nhận lời làm việc này. Nếu tôn ông thấy trở ngại quá thì thôi.

Chương Đại Nam có vẻ suy nghĩ rồi thở dài lần nữa:

- Thôi được! Tại hạ nhận lời khắc mộc bản và in cho tiểu huynh đệ, nhưng còn việc đem phân phối và dán ở các phố thì tiểu huynh đệ phải giải quyết một mình.

Cao Thanh Tú mừng rỡ:

- Ôi! Được vậy thì còn gì bằng! Bao giờ thì xong?

- Cuối tuần trăng này! Tiểu huynh đệ ở đâu? Khi nào xong tại hạ sẽ cho người đem tới. Giờ tiểu huynh đệ nên rời khỏi đây, ờ lâu không tiện.

Cao Thanh Tú nói tên lữ điếm chàng trọ cho Chương Đại Nam nghe, hắn gật đầu, mở cửa đi ra ngoài chỉ tay cho chàng:

- Tiểu huynh đệ nên theo hướng này ra.

Cao Thanh Tú đi theo con đường Chương Đại Nam chỉ, ra tới ngoài chàng mới biết nhà in của hắn có ngõ sau dẫn ra một phố khác. Cao Thanh Tú yên tâm đi về lữ điếm nghỉ ngơi.

Mấy ngày sau, trong lúc chờ đợi, Cao Thanh Tú lấy ít vàng mua quần áo mới, rồi thả bộ ra phố xem xét tình hình. Quả đúng như Thạch

Kha nói, trong phạm điểm, tiệm buôn, hay sòng bạc, hi trường... chỗ nào chàng cũng bắt gặp những đôi mắt nhìn mình soi mói, dò xét. Cao Thanh Tú thờ dài, tất cả đều xa lạ với chàng, từ phong thổ đến sinh hoạt, nhất thời chàng chưa biết làm cách nào để có thể đem dán những tờ số khắp nơi như lời yêu cầu của Mạc Chính Phong được.

Thời gian lặng lẽ trôi qua, một buổi tối chàng đang nằm suy nghĩ trần trọc mãi không ngủ được thì có tiếng gõ cửa rồi tiếng Chương Đại Nam gọi nhỏ:

- Cao tiểu huynh đệ! Mở cửa nhanh lên!

Cao Thanh Tú bật dậy đi ra cửa, Chương Đại Nam ào vào phòng như một cơn lốc với một người nữa còn rất trẻ, hân vừa thở dồn dập vừa chỉ ra cửa. Cao Thanh Tú hiểu ý đóng cửa, cài then lại đang hoảng. Bấy giờ Chương Đại Nam với người đi cùng mới tháo ở sau lưng mỗi người ra một cái túi vải dài, đổ xuống chiếc giường gỗ chàng đang nằm hai cuộn giấy dày màu vàng viết chữ đen kịt. Chương Đại Nam chỉ người đi cùng, nói qua hơi thở vẫn còn hỗn hển:

- Đây là Tô Chí, nhân viên của ấn quán, hân là người khắc mộc bản và in cho tiểu đệ đó!

Cao Thanh Tú tháo một cuộn ra xem thử, thấy nội dung y như tờ số, chàng yên tâm cuộn lại rồi lấy ra mấy lượng vàng trao cho Chương Đại Nam. Hắn cầm lấy, hất hàm ra hiệu cho Tô Chí, hai người vái chào, đợi Cao Thanh Tú vừa mở cửa là biến ngay đi không nói tiếng nào. Cao Thanh Tú đóng cửa phòng rồi đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Trời tối đen như mực, chẳng hiểu đã sang canh mấy, phố xá gần như hoàn toàn yên lặng, thỉnh thoảng mới nghe tiếng vó ngựa lóc cóc và ánh đuốc lấp lánh của những toán lính tuần tra.

Cao Thanh Tú đứng nhìn một lúc rồi quay trở lại giường, đẩy hai cuộn số sát vào trong, chàng nằm xuống nhìn lên trần nhà, nhắm mắt lại suy nghĩ rồi thiếp đi lúc nào không hay.

Đang ngủ ngon, Cao Thanh Tú giật mình vì những tiếng đập cửa ầm ầm, rồi tiếng quát nạt, la hét:

- Mở cửa! Mở cửa nhanh lên! Lính xét nhà!

Cao Thanh Tú ngồi dậy nhìn sang bên cạnh, không thấy hai cuộn số đâu, chàng hoảng hốt kêu thầm:

- Chết rồi!

Tiếng đập cửa, quát tháo vẫn rầm rập, Cao Thanh Tú thấy không còn cách nào khác hơn, đành phải đi ra mở cửa. Cửa vừa mở, 3, 4 tên lính mặt mũi hầm hầm, tay kiếm tay đao ào vào phòng, một tên xô Cao Thanh Tú ngã nhoài xuống nền nhà đau điếng cả người, rồi cả bọn sục sạo tìm kiếm khắp nơi. Cao Thanh Tú vừa đau vừa sợ nhìn ra cửa

thấy lão chủ lầu điểm và hai ba người làm mặt may sợ hãi, lấm lét nhìn vô.

Mấy tên lính lục soát một lúc thấy chẳng có gì, chúng quay lại, một tên nắm lấy cổ chàng quát:

- Tại sao người dám đem mấy tờ số của cha con nhà họ Mạc phổ biến khắp hoàng thành ?

Cao Thanh Tú ngẩn người ra khi nghe nói vậy, hai cuộn số trước khi chàng ngủ thiếp đi vẫn nằm trên giường không còn đó nữa đã làm chàng kinh ngạc, giờ bọn lính lại hỏi như thế khiến chàng vô cùng sững sốt. Ai là người đã đem chúng đi? Cao Thanh Tú ú ớ :

- Bẩm quan! Số gì ? Tiểu sinh không biết !

Một tên lính thủ hai, dường như là đội trưởng, cầm kiếm dí vào cổ Cao Thanh Tú cười gằn:

- Người không biết há? Nhâm Long! Bá Đạt!

Đem thẳng Tô Chí vào đây!
Thêm hai tên lính khác xuất hiện lôi xềnh xệch một người bị trói quăng vào giữa phòng. Cao Thanh Tú chết điếng người, không nói được tiếng nào. Chàng không ngờ Tô Chí bị bắt đã khai ra, nhưng ai là người đã đem số đi mất? Còn Chương Đại Nam đâu? Tô Chí đã bí bắt thì chắc hẳn sẽ bị liên lụy, hay là hẳn chính là người đã lên quay trở lại lấy hai cuộn số rồi đem dán khắp nơi trong khi chàng ngủ rồi điểm chỉ để lãnh thưởng? Những câu hỏi đó quay cuồng trong đầu khiến Cao Thanh Tú xuất hận mờ mờ, chàng quay nhìn Tô Chí có ý hỏi. Thấy ánh mắt của chàng, Tô Chí lắp bắp:

- Tại hạ! Tại hạ... không biết gì hết! Tại hạ không có khai tên huynh!

Cao Thanh Tú chưa biết phải phản ứng ra sao thì bên ngoài lại có tiếng binh khí va chạm vào nhau dữ dội chen lẫn những tiếng kêu rú đau đớn, rồi một toán lính ăn mặc theo lối Ngự Tiền Thị Vệ rầm rập chạy vào. Người đi đầu hét:

- Tất cả bỏ binh khí xuống!

Mấy tên lính đang uy hiếp Cao Thanh Tú thấy đám lính Thị Vệ ào vô có vẻ sợ hãi, tất cả riu riu buông vũ khí xuống nền nhà. Người đi đầu hỏi lớn:

- Ai là Cao Thanh Tú ?

Cao Thanh Tú thoát khỏi hiểm nguy, ngờ ngác chưa hiểu chuyện gì xảy ra, nhưng cũng lên tiếng:

- Chính là tiểu sinh !

Người đó vòng tay chào chàng:

- Ngô Trác này đến trễ, suýt nữa thì nguy đến tính mạng công tử, xin công tử thứ lỗi !

Cao Thanh Tú đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, chàng đáp lễ Ngô Trác rồi hỏi:

- Chuyện gì đã xảy ra ?

Ngô Trác không trả lời chàng ngay, hẳn quay lại nói nhỏ đám Thị Vệ đi theo, bọn này thu lượm hết mô dao kiếm dưới sàn rồi bắt trói mấy tên lính dẫn đi, bấy giờ Ngô Trác mới quay lại nói:

- Lương Xích Hùng đã bị bắt! Lâu nay Hoàng Thượng cũng có nghi ngờ về hành vi của hần, nhưng vì không có bằng chứng rõ rệt nên không thể kết tội. Đêm qua Hoàng Thượng nhận được hai tờ số, không hiểu do ai dâng lên, Ngài nổi giận đùng đùng vì không ngờ Lương Xích Hùng lộng hành như vậy. Nửa đêm Ngài ra lệnh cho ban chức thống lãnh toàn thể đội Thị Vệ của hoàng cung vây bắt Lương Xích Hùng, đám quan lại dưới quyền hần cũng chống trả kịch liệt. May là có người đã đem hai tờ số của quan Án Sát Mạc Chính Tâm in ra thành nhiều bản, đi phổ biến khắp nơi nên một số quan lại thanh liêm đã kịp thời huy động quân lính dưới quyền cùng đội Thị Vệ trấn áp được Lương Xích Hùng và tông đảng.

Cao Thanh Tú nhủ thầm nhìn qua cửa sổ, chàng giật mình khi thấy bên ngoài trời đã mờ sáng. Hóa ra chàng đã ngủ một giấc dài không hay biết bao nhiêu biến chuyển đã xảy ra trong đêm qua. Quay lại Ngô Trác, chàng ngáp ngừng hỏi:

- Sao Ngài biết tiểu sinh mà tôi giải cứu ?

- Lúc vừa bắt được Lương Xích Hùng xong thì có một người mặc y phục lạ lùng tới nói với ban chức rằng nên tới ngay lầu điểm này giải cứu cho một người tên là Cao Thanh Tú đang bị lính của Lương Xích Hùng vây bắt vì tội in và phân phát những tờ số. Ban chức vội kéo quân tới ngay, cũng không rõ người đó là ai, sao lại biết được công tử ở đây.

Cao Thanh Tú đoán chừng đó chính là Mạc Chính Phong, nhưng cũng không nói gì. Thấy Tô Chí vẫn bị trói nằm dưới đất, chàng quì xuống cúi trối cho hần, xong đứng lên vòng tay cảm tạ Ngô Trác lần nữa. Hần hiểu ý, gạt đầu chào chàng rồi kéo quân đi. Bấy giờ chàng mới quay sang Tô Chí, hỏi:

- Chương Đại Nam đâu? Sao tiểu huynh để lại bị bắt? Việc gì đã xảy ra ?

Tô Chí lắc đầu nói:

- Tiểu đệ không biết! Về đến án quán thì đã khuya, tiểu đệ chia tay Chương gia đi ngủ, đến gần sáng chợt nghe tiếng ồn ào rồi bọn lính ập vào bắt tiểu đệ giải tới đây. Thủ thật tiểu đệ chưa hề tiết lộ bất cứ điều gì liên hệ đến công tử cả. Chương gia, từ lúc bị bắt đến giờ tiểu đệ không thấy.

- Có thể hần làm phản, tố cáo mình rồi đã bỏ trốn không chừng.

Cao Thanh Tú nghĩ thầm như vậy, chàng lấy thêm ít vàng đưa cho Tô Chí, hẳn cảm động cầm lấy số vàng, vái chào chàng rồi lui ra cửa. Còn lại một mình trong phòng Cao Thanh Tú trở lại giường nằm định bụng chờ trời sáng hẳn sẽ trả phòng trở về quê quán.

Đang vẫn vô suy nghĩ thì nghe tiếng gõ cửa, tưởng là Tô Chí quên điều gì quay trở lại, Cao Thanh Tú không ngồi dậy, chỉ hỏi:

- Ai đó? Cứ vào!

- Cao huynh!

Giọng nói quen thuộc của Mạc Chính Phong khiến chàng bật mình ngồi dậy. Mạc Chính Phong bước vào, ánh mắt nhìn chàng có vẻ buồn bã:

- Cao huynh! Đệ đến từ biệt huynh để đi đầu thai.

Cao Thanh Tú đứng lên, đi lại nắm hai bàn tay Mạc Chính Phong:

- Mạc đệ! Tiểu huynh thật vô tài bất tướng, không hoàn thành việc đệ ủy thác, thật ân hận vô cùng.

Mạc Chính Phong lắc đầu:

- Cao huynh chớ bận tâm chuyện đó nữa! Mọi việc đã xong! Cũng may là có Chu Sơn tình nguyện theo huynh để giúp đỡ mọi việc, nếu không thì chắc đệ phải ân hận suốt đời vì kéo Cao huynh vào việc nguy hiểm này mà tiểu đệ chắc cũng chẳng bao giờ giải được mối hận để đi đầu thai.

Thấy Cao Thanh Tú tỏ vẻ không hiểu, Mạc Chính Phong nói tiếp:

- Lúc Cao huynh rời khỏi rừng U Lâm, Chu Sơn nói với đệ rằng để hần theo Cao huynh về kinh. Huynh lạ nước lạ cái, việc dễ đổ bể, có thể nguy tới tính mạng, đệ cũng nghĩ vậy nhưng lúc đầu không biết tính sao vì bản thân mình không rời khỏi rừng U Lâm Bất Khử được. Chỉ linh hồn nào chò đi đầu thai như Chu Sơn mới đi lại đây đó được. Hần theo giúp đỡ Cao huynh tìm đến án quán của Chương Đại Nam, tên này thọ ơn gia phụ nhưng không ngờ cuối cùng lại làm phản đi báo cho quan lại của Lương Xích Hùng biết, có lẽ tại hần quá sợ hãi hoặc thấy huynh có quá nhiều vàng nên nổi lòng tham không chừng.

- Hần ra sao rồi? Cao Thanh Tú hỏi.

- Trong lúc hỗn loạn, hần đứng bên toán lính của Lương Xích Hùng nên bị Thị Vệ giết rồi. Mạc Chính Phong thở dài một tiếng rồi tiếp:

- Tất cả đều do lỗi hần. Chu Sơn thấy hần đi báo cho lính Lương Xích Hùng biết, vội trở lại chỗ Cao huynh trợ, lấy hai cuộn số đem đi, một phần rải ra các phố, phần khác đánh thức Hoàng Đế và những quan lại thanh liêm dậy trao cho mỗi người một tờ. Đúng ra Chu Sơn không được làm thế vì sẽ tổn thọ trong kiếp tới, nhưng hần nói với đệ rằng hần không cần, miễn sao đệ được đi đầu thai là hần mãn nguyện rồi. Bây giờ mỗi hận đã tan, đệ đến gặp huynh lần cuối cùng.

Mạc Chính Phong nói đến đó, hai dòng nước mắt chảy dài trên má, Cao Thanh Tú cũng thấy lòng bồi hồi không biết nói sao. Hai người yên lặng nắm lấy tay nhau không nói tiếng nào cho đến lúc có tiếng Chu Sơn kêu nhỏ:

- Mạc công tử! Trẻ rồi!

- Cao huynh ở lại bình yên!

Mạc Chính Phong buông tay chàng rồi lùi dần ra cửa. Cao Thanh Tú thấy bóng Chu Sơn thấp thoáng, chàng tần ngần nhìn theo cho đến khi hai người biến mất hần.-●

Thuyết định mệnh trong truyện Kiều

Tất cả những nỗi khổ đau đầy đọa nàng Kiều "thanh y hai lượt thanh lâu hai lần" được tác giả là cụ Tiên Điền Nguyễn Du đổ thừa do thiên mệnh - tức là tại ông Trời tất cả.

*Ngẫm hay muôn sự tại Trời,
hay là:*

Bất phong trần phải phong trần

Cho thanh cao mỗi được phần thanh cao

Ông Trời ở trong Truyện Kiều đúng ra là một mạng lưới nhân quả. Có người còn bị quan hơn nữa lại bảo rằng đời là bể khổ như trong Cung Oán Ngâm Khúc tác giả Ôn Như Hầu có viết:

Kể từ khi môi chôn nhau

Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra

Khóc vì nỗi thiết tha sự thế

Ai bày trò bãi bể nương dâu

Tử trướng rặng đến thuở bạc đầu

Tử sinh kinh cữu làm nao mấy lần

Làm người có tấm thân cũng đã là một sự đầy đọa rồi. Đó chẳng qua chỉ là một tư tưởng yếm thế. Có người nghĩ rằng "Không, tôi không có thân. Tôi không muốn làm người. Bởi vì làm ra con người như tôi bây giờ, đúng là truân chuyên lao khổ, đúng là phong trần thật".

Làm như có một thế lực vô hình, có một cuốn số của thiên định đã xếp đặt như thế. Ké làm biếng mà vẫn sống thanh cao, như vậy thì số mệnh được do Trời xếp đặt sao? Số mệnh ở đây bảo là làm người bị kẹt vào mạng lưới định mệnh nên cuối cùng có nhiều người cũng tin là như thế. Tác giả có kể chuyện nàng Kiều, hồi còn trẻ có ông thầy tướng số bảo là nàng suốt đời sẽ khổ vì số của nàng là số khổ. Bởi vì:

Tinh hoa phát tiết ra ngoài

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa

Chính vì thế Thúy Kiều mới nói với Kim Trọng trong đêm đầu tiên hai người mới gặp nhau thề non hẹn biển: Em nghĩ rằng anh là người có phúc đức sau này có số làm quan. Còn em chỉ là phận mỏng thời (câu 413)

Nhỏ tử năm hầy thô ngày

Có người tướng số đoán ngay một lỗi

Anh hoa phát tiết ra ngoài

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa

Tự nhiên có lão thầy bói mắt dạy lại gieo một hạt giống khổ đau vào lòng một cô thiếu nữ là nàng Kiều. Làm cho nàng cứ đinh ninh là đời mình như thế:

Trông người lại ngẫm đến ta

Một đầy một mỏng biết là có nên

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Nghiệp đây là nghiệp xấu (*the bach karma*), văn chương Phật giáo gọi chữ nghiệp là *Karma*, còn chúng ta có người dịch là *action*. Nghiệp có thiện nghiệp và ác nghiệp. Ý nghiệp là toan tính và quyết định. Khẩu nghiệp và thân nghiệp là hành động, ví dụ như bố thí và thưởng người v.v...

Nghiệp có: nghiệp nhân, nghiệp quả, nghiệp thiện, nghiệp ác. Ý của cụ Nguyễn Du nói: *Đã mang lấy nghiệp vào thân*, thì chữ nghiệp này là nghiệp xấu, bị đem lại sự xấu là tại Trời - vừa mới nói mọi sự tại Trời thì lại đổ thừa cho Trời đem lại sự xấu cho mình.

Chữ Trời rất là trừu tượng, hơn nữa ông Trời ở xa thì nói gì lại chẳng được, nên đổ lỗi cho ông Trời không công minh.

Thiện căn là gốc rễ nằm trong lòng mình - Tâm kia bằng ba chữ tài. Tâm cũng có thiện tâm và tà tâm - Các thứ thiện tâm, tà tâm và chánh tâm tất cả đều do hạt giống của thiện nghiệp. Trong lòng đầy thiện tâm, ta vun trồng hạt giống đó ngày được này nọ ta sẽ nhờ nó rất nhiều, nó có giá trị bằng ba chữ tài. Còn ác tâm chỉ gây hại cho con người thì làm sao bằng ba chữ tài được, nên tránh nó ra để bớt gây hại cho người khác.

Sau cùng tác giả cũng có mở một lối thoát: Đoạn Kim Trọng ra điều anh hùng cứu mỹ nhân mới nói rằng: Em đừng lo *Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*. Nếu cần anh sẽ đứng ra lo cho em, đem vàng đá cả một tấm lòng lo cho người yêu. Vì nàng Kiều có tư tưởng rằng cuộc đời đã khổ, nên du Xuân gặp mà Đạm Tiên, về nhà nằm mơ cũng thấy Đạm Tiên. Sau cùng là tự tử để gặp Đạm Tiên trong cơn mê. Cũng bởi Đạm Tiên có nói: *Chị ơi! Chị còn khổ dài dài!*

Hãy tin hết kiếp liễu bèo

Sông Tiền Đổng sẽ hẹn hò về sau

Nào hay chửa hết tình duyên

Số còn nặng nợ má đào...

Tư tưởng bị quan của nàng Kiều rất mạnh, lúc nào cũng cảm thấy như có con ma Đạm Tiên réo gọi không bao giờ chịu buông tha.

Niềm tin của cụ Nguyễn Du về thiên mệnh khiến chúng ta phải xét lại coi thử mình còn tin được mấy phần trăm đây

Ngẫm hay muôn sự tại Trời

Từ câu bắt đầu:

Trăm năm trong cõi người ta

đến:

Mua vui chỉ được một vại trống canh

Tác giả muốn nói cuộc đời trôi qua như một giấc mộng. Có đầu thiên vị người nào chữ tài chữ mệnh đời nào cả hai. Càng có tài thì càng bị bạc bèo bao nhiêu, nên trong chế độ phong kiến con người phải giấu tài sống cuộc đời yếm thế. Mãi đến chế độ cộng sản Mao-ít cũng còn bạc đãi những người trí thức có tài. Đến người đẹp vẫn phải bị ganh ghét

Anh hoa phát tiết ra ngoài

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa

Dưới những chế độ "Đêm Giữa Ban Ngày" khiến con người phải giấu tài, giấu sắc, giả ngu, giả dại, giả điên như Thi sĩ Bùi Giáng, như những cô gái đi vượt biên trên tàu sợ hải tặc. Hiện trạng của xã hội dè ra những đức tin tùy theo sự thật của thời đó. Trong ngụ ngôn La Fontaine có chuyện Con Bướm và Con Đẻ, khuyên người đời sống ẩn danh như con đẻ, nếu cao tâm lý ganh ghét, lạc hậu, cổ hủ. Có đầu thiên vị người nào, thuyết tài mệnh, chữ tài liền với chữ tai. Đối với kỹ nguyên khoa học kỹ thuật hôm nay không còn ý nghĩa nữa, vì không có ai có thể kéo lùi bánh xe lịch sử được. Nhất là chúng ta đang sống ở nước Âu-Mỹ tất cả mọi ngành đều phải cạnh tranh để tiến bộ.

*

Có lần cũng vì thưởng cho thân phận nàng Kiều, Sư chị Giác Duyên đến gõ cửa Sư cô Tam Hợp hỏi về cuộc đời của nàng. Dĩ nhiên Sư chị Giác Duyên có kể rõ ngọn ngành về lai lịch nàng Kiều. Sư cô Tam Hợp cho biết Thúy Kiều bị kẹt bởi hai chữ Định Mệnh. Bảo số nàng là số khổ - *Khăng khăng mình buộc lấy mình vào trong*. Kiểu này thật vô phước cứu chữa, vì biết ai gỡ mới tỏ mệnh cho ra, làm sao bỏ được tâm niệm về số mệnh của mình. "Trong các pháp, Tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác nên tất cả. Nếu ta nói hay làm với tâm ô nhiễm thì khổ nào sẽ theo ta như bánh xe củ lắn theo bước chân con vật" (Kinh Pháp Cú câu 1).

Chính vì như thế mà thân phận người phụ nữ như Thúy Kiều trở nên:

"Đứng không yên ổn ngồi không vững vàng

Ma đũa lối quỷ đũa đàn

Chỉ tìm những chốn đoạn tràng mà đi"

Cho dầu nàng có ngồi trên tòa sen nàng cũng vẫn coi như là mình đang ngồi trên lửa. Nàng luôn luôn đi tìm những hoàn cảnh đứt ruột để lao vào mới thấy mình được thoải mái. Tuổi mới lớn lên chúng ta thường hay bị kẹt vào thuyết định mệnh số con rệp kiêu Thúy Kiều chớ chẳng chạy đâu khỏi.

Hoạn Thư đã có lần đưa Thúy Kiều vào chùa để tu học và chép kinh. Nàng đã được quy y Tâm Bảo và có pháp danh là Trạc Tuyên - có nghĩa là dòng suối giải oan, chuyện trong kinh Thủy Sám. Ở chùa chẳng được bao lâu nàng ăn cắp chuông, mõ và khánh vàng đang đem leo rào bỏ trốn. Vài ngày sau đến tá túc bên chùa của Sư chị Giác Duyên. Cô nàng vào chùa bằng một cái tâm không ổn và nghiệp củ mỗi ngày vẩy chặt không bao giờ dứt. Hoạn Thư đưa Thúy Kiều vào chùa để mong nàng được tự do phần nào. Nhưng chữ tự do ở trong nhà chùa nó có khác. Tự do tức là chánh niệm, có nghĩa là khi đi biết mình đang đi, khi thở biết mình đang thở, sống biết mình đang sống trong từng sát na. Người ta thường nói tranh đấu cho tự do chính trị, tự do kinh tế. Có người đã có tự do, có thông hành, có quyền công dân mà

họ lại đi tự tử, vì họ thấy cuộc đời làm họ đau khổ.

Đứng vào phương diện thực tập giáo lý mà nói thì tất cả chúng sinh coi như đang bị tóm vào mạng lưới nhân quả. Cho dầu sống bên Sư chị Giác Duyên nàng Kiều vẫn đau khổ, vì nàng không có chánh niệm, không thấy mình có thể nường tựa Tăng được.

Chỉ có khi nào chúng ta nường tựa Tăng được chúng ta mới tìm thấy được đó là điểm khởi hành để tìm đến một không gian tự do, một lối thoát thênh thang. Đừng có như Thúy Kiều nghĩ rằng đến chùa là mất tự do, mà chúng ta phải thấy sự quý giá của không gian tự do đó. Vì Thúy Kiều không có điều kiện xây dựng Tăng thân thì cô ta sẽ bị lạc lõng (Building Sanga), xây dựng Tăng thân để thoát khỏi bể khổ trầm luân nơi mình.

Từ lâu định mệnh đã đè nặng tâm tư Thúy Kiều nhân vì hoàn cảnh đáng thương nên có thiện nhân giúp đỡ là Sư chị Giác Duyên. Số mệnh đã như vậy nhưng mình phải có quyết định nếu không thì sẽ bị lôi cuốn theo kiểu ma đưa lối quỷ đưa đường. Đã là con người có tự do thì phải chống lại thuyết định mệnh. Có bản tự do của đạo Phật là sống có chánh niệm. Hạt cải tuy nhỏ nếu được gieo trồng thì nó mới lớn. Sư Giác Duyên là ý tưởng chánh niệm trong Truyện Kiều. Triết lý đạo Phật trong Truyện Kiều bị chen lấn bởi thuyết định mệnh, khiến Thúy Kiều không có lối thoát đành bị tóm vào mạng lưới nhân quả.

Triết học Tây phương họ thường ngó ngác hỏi: Ta từ đâu đến, ta là ai, và ta đi về đâu? Cuối cùng họ cũng chẳng tìm ra lối thoát, họ chỉ có quan sát thôi chứ chưa tìm giải đáp.

Đạo Phật quan niệm rằng: Con người chẳng có bắt đầu và cũng chẳng có kết thúc. Chẳng phải sinh mà cũng chẳng phải diệt. Chẳng có đến mà cũng chẳng có đi. Trước mặt các đệ tử, Đức Phật đưa lên một sợi tóc, Ngài bảo là: "Có cả tam thiên đại thiên thế giới trong sợi tóc này".

Khi chúng ta rành rang đi (thiền hành), ngồi (thiền tọa), tập thiền quán, nhìn lại thể gian thấy mình như vượt khỏi cái bể trầm luân đau khổ và đang sống trong một không gian thênh thang chẳng bị trói buộc bởi định mệnh. Đối với đạo lý, người tu hành giả dối thể nào cũng bị đẩy ra ngoài. Như đại dương không chấp nhận xác chết, xác chết sẽ bị đẩy vào bờ.

Trở lại con người của Thúy Kiều suốt đời chỉ mang lấy một chữ tình khừ khừ mình buộc lấy mình vào trong. Hết nạn nọ đến nạn kia, thanh y hai lượt thanh lâu hai lần. Oan khiên theo mãi, đau khổ suốt đời. Ma đưa lối quỷ đưa đường tức là sào nào với hồn giặc, số mệnh đã kết án như thế làm mình không tháo gỡ được. Một đời như vậy thì còn gì là con người. Tác giả đưa kết luận:

1. Xét trong tội nghiệp - mất điều tình ái, khỏi điều tà dâm.
2. Lấy tình thâm trả nghĩa thâm - Bán mình chuộc cha.
3. Giết Từ Hải cắt đứt chiến tranh - Động hiếu tâm đến lòng Trời nên Thúy Kiều được cứu vớt lên khỏi sông Tiền Đường.●

BẢN DI CHÚC THẬT CỦA BÁC HỒ



Lời thưa đầu của người viết: Bác Hồ trước khi qua đời có để lại một Di Chúc. Nhưng bản Di Chúc thật này đã bị giấu nhem. Bản được công bố là "bản giả mạo" do Bộ Chính Trị Cộng Sản tráo trở đưa ra nhằm duy trì và củng cố quyền lực cùng quyền lợi của tập đoàn chúng. May mắn thay, người viết một hôm chiêm bao thấy Bác Hồ hiện về đọc lại nguyên văn bản Di Chúc của Bác. Vì Bác là thi sĩ nên bản Di Chúc này được Bác viết bằng thơ. Người viết xin "công bố" nguyên văn như sau:

Mai này khi ta chết

Ta đến với các người

Nói ít điều vụn vặt

< Mai này khi ta chết

Các người có quyền

Lấy máu xương da thịt

Uớp đất cho mềm

Lấp con đường sỏi đá

Trải nhung tơ cho nhẹ gót bước dân đi

Còn như bây giờ

Các người đừng hỏi ta làm gì

Vì ta đã chết

Giữa tuổi xuân

Chai lì hôn gỗ đá vô tri!

Ta làm con ngựa thồ

Chở đầy lưng đau khổ

Những thánh kinh của lũ con hoang

Đem trút lên mình

Để giết chết màu xanh

Vì ta là chất khai quang!

Ta làm tên âm binh
Dậy lên từ bóng tối
Muộn hết của lũ người
Thịt, xương, da, máu
Giết cho thật nhiều
Chém cho thật nhanh
Đệt bài ca chiến đấu
Dựng loài người lên triệu đầu lâu
Vì ta là con mã tấu!

Mai này khi ta chết
Các người đừng biên tiểu sử
Ta đã nhảm tiểu sử
Nhạc ta đừng hát
Thơ ta đừng đọc
Lời ta đừng ghi
Vì ta là thằng Cuội!

Mai này khi ta chết
Các người đừng biện hộ
Ta đã nhảm biện hộ
Đừng khen chê gì ráo
Đừng rạch ròi phân tích thị phi
Vì ta là phù thủy!

Mai này khi ta chết
Các người đừng xây mồ xây mã
Đừng dựng tâm dựng lăng
Mà khai quật cốt hài ta
Đem rải sông rải biển
Cho loài ác điều kinh ngư
Rút ria thật no rồi ngã lăn ra chết
Vì ta là chất độc!

Nếu các người từ chối
Không nghe lời ta dặn
Thì quả lũ các người
Là bọn người "KHỐN NẠN"
Không xứng đáng là kẻ thừa kế ta
dâu
Thì buộc lòng
Ta sống lại
Đời đời
Làm tên Thừa Phát Lại
Tống trát đòi bắt hết lũ các người
Về trị tội
Tội "ngu dân hôn ta" >

(Ng. Thùy
sao chép qua chiêm bao)

THỬ BÀN VỀ VẤN ĐỀ TRUYỀN LƯU VĂN HÓA

Nguyễn Hữu Thị Diệp

Ông bà ta vẫn nói rằng bán trâu tậu nhà là việc của đàn ông, nuôi lợn bán gà là việc của đàn bà, thành thử tử bao thế hệ nay trách nhiệm trong gia đình cũng như ngoài xã hội đã được phân chia thành việc lớn việc nhỏ đáng hoàng: đàn ông lo việc lớn, đàn bà lo việc nhỏ.

Việc lớn gồm có những vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, tài chính, an bang tế thế, quốc gia đại sự, thì đàn ông đảm nhận. Việc nhỏ như cơm nước, chợ búa, may vá đan thêu, sinh con đẻ cái, lau nhà rửa bát là việc của đàn bà. Sự phân chia như vậy thấy cũng có phần... hợp lý trong một xã hội phong kiến nho phong, khi người phụ nữ phải hoàn toàn lệ thuộc vào đàn ông về kinh tế. Nhưng thời thế đã đổi thay, thế giới đã tiến bộ, cao trào phụ nữ đòi quyền sống đang quá mạnh, nhất là ở xứ Hiệp Chúng Quốc Huê Kỳ này, nên nhiều khi đàn bà tự mình cũng nổi hứng... vung tay múa bút lảo lếu vài dòng, bàn chuyện đại sự... thì chắc các bạn mấy rầu cũng không chấp nhất làm chi.

Tuy nhiên đối với một vấn đề lớn như việc truyền lưu văn hóa cho hậu thế, chúng ta cũng xin nhường cho các bạn tu mi nam tử hội họp bàn thảo, mổ xẻ lý luận..., ta chỉ nên kiểm điểm thử xem đàn bà chúng ta đã, đang và sẽ có thể làm được gì cho các thế hệ con cháu chúng ta đã sanh ra và lớn lên ở cái đất nước tự do... quá tròn này.

Là đàn bà Việt Nam thì dù ở đâu hay làm gì đi nữa, chúng ta vẫn mặc nhiên đảm nhận vai trò nội tử: sinh con, nuôi nấng con thơ, chăm sóc dạy dỗ chúng cho đến lúc lớn khôn rồi dựng vợ gả chồng, gây dựng tướng lai hạnh phúc cho chúng. Và cuối cùng nhiều lúc, hay thường xuyên, chúng ta còn phải phụ giúp chúng chăm sóc các cháu cho chúng rảnh tay đi làm tranh sống. Suốt một quá trình như vậy không một giờ phút nào lơi, lúc nào cũng canh cánh bên lòng làm sao nuôi nấng cho con chúng ta có được một thân xác cường tráng khỏe mạnh, những quan trọng hơn vẫn là làm sao dạy dỗ chúng nên người, nên một người Việt Nam đáng hoàng, xứng đáng với đức hạnh của ông bà tổ tiên, với dòng dõi của một dân tộc anh hùng đã từng có bốn nghìn năm văn hiến.

Từ khi còn trứng nước, mỗi ngày mỗi giờ ta ru con ta đi vào những giấc ngủ an lành bằng những bài hát ru em êm ái, bằng ca dao tục ngữ, bằng câu hát điệu hò, tức là ta đã cố tình gieo vào tiềm thức của chúng những tình tự dân tộc. Cùng với năm tháng ta dạy chúng thuộc nằm lòng Gia Huấn Ca, Kim Văn Kiều, Chinh Phụ Ngâm v.v... và khi chúng bắt đầu lớn lên, ta giới thiệu với chúng những áng văn thơ tuyệt tác kim cổ hoặc bình dân hoặc bác học chứa đựng biết bao tình cảm, lý tưởng, hoài bão, thể hiện

một nhân sinh quan cá biệt của một dân tộc anh hùng...

Ngoài văn chương ta còn dạy chúng lễ nghĩa. Ngay từ lúc mới tập đi tập nói, qua suốt thời thơ ấu, ta đã dạy chúng nào là "gọi dạ báo vâng", "đi thưa về trình". Đến khi lớn lên có đầu óc biết suy nghĩ ta cũng từng giảng cho chúng biết thế nào là "tam cương ngũ thường", thế nào là "tam tông tử đức", "trai thì trung hiếu làm đầu, gái thì tiết hạnh làm câu trau mình".

Ngoài giấc ngủ giờ chơi chúng ta còn chăm sóc cho chúng từng miếng cơm manh áo. Chúng ta đã tự tay lo cho chúng những bữa ăn tuy đạm bạc nhưng quân bình, vừa mặn mà, vừa thanh thoát, đầy hương vị quê hương.

Ta đã cố gắng nấu cho chúng những món ăn Trung Nam Bắc và giới thiệu từng đặc sản của mỗi miền. Ta cũng giảng cho chúng nghe thế nào là "ăn Bắc mặc Kinh", là "canh măng giang nấu cá ngạnh nguồn", v.v ...

Người ta nói tình yêu đi qua dạ dày, ta cũng có thể nói văn hóa cũng đi qua dạ dày vậy. Chúng nào mà các con chúng ta, đầu đang ở nơi đâu trên quả đất, mà vẫn thích ăn cơm Việt Nam, vẫn thèm những món ăn do mẹ nấu, vẫn nhớ nhung các dịp Tết nhất, vẫn nhắc nhở đến những bữa cúng giỗ trong đại gia đình, thì tức là chúng đã thấm nhuần phần nào văn hóa dân tộc rồi vậy.

Lo cơm ăn thì cũng lo áo mặc. Ta cũng đã truyền cho các con chúng ta cách ăn mặc đôn sơ nhưng kín đáo, gọi cảm nhưng không kém mỹ quan.

Khi nào các cô con gái của chúng ta đầu đang ở bất cứ nơi đâu, mà vẫn còn hân hoan khi được mặc chiếc áo dài trong những ngày lễ lạc, hoặc các cô dâu Việt Nam vẫn còn hãnh diện trong chiếc áo rộng khăn vành trong ngày vu quy để về nhà chồng, thì chúng đó chúng ta đã có thể tự hào là chúng ta đã thành công phần nào rồi đó.

Văn hóa là một sự tiếp thu. Tiếp thu những cái hay cái đẹp, những thuần phong mỹ tục của ông cha truyền lại.

Nhưng văn hóa cũng là một sự đào thải. Vì có đào thải những hủ tục lạc hậu phong kiến lỗi thời mới có thể theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Như vậy, văn hóa cũng là một sự giao hòa giữa mới và cũ, giữa Đông và Tây, giữa tiện nghi và thuần mỹ, sao cho phù hợp với hạnh phúc an vui trong cuộc sống.

Những điều này ông bà tổ tiên chúng ta đã làm trong suốt quá trình giữ nước và dựng nước và nhờ đó mới có thể xây dựng được một nền văn hóa độc lập và đặc thù cho dân tộc.

Những điều này thế hệ cha mẹ chúng ta đã làm khi đứng trước những khác biệt giữa hai nền văn hóa Đông Tây, khi văn minh Tây phương bỗng nhiên đột nhập làm xáo trộn nếp sống cổ truyền.

Và rồi sau này con cháu chúng ta cũng sẽ phải tiếp tục làm mới có thể giữ vững và đồng thời làm phong phú nền văn hóa cổ truyền đặc thù của dân tộc trước ảnh hưởng cuốn hút của nền văn minh mới ở nơi mà chúng đã được sinh ra và lớn lên.

Riêng với chúng ta, vấn đề là chính chúng ta cần nên kiên toàn văn hóa của chúng ta trong hoàn cảnh mới để chỉ để lại cho con cháu chúng ta toàn thuần phong mỹ tục, những gương sáng cao thượng anh hùng, những suy tư sâu sắc tế nhị, những tình

cảm đảm thắm dịu dàng..., nói tóm lại là những cái hay cái đẹp, thì lo gì con cháu chúng ta không tiếp thu, nhận lãnh, gìn giữ, để rồi cũng lại truyền đạt cho các thế hệ tiếp nối theo ... phải không các bạn?

Vi như đại thi hào Keats đã nói:

"A thing of beauty is a joy forever ..."

Việt Nữ Thưởng Tình

(Cảm Đề Tập Truyện "Sông Côn Mùa Lũ" của nhà văn Nguyễn Mộng Giác.)

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhỏ người quân tử khản điều vắt vai.*
(Ca Dao)

*Trên yên ngựa giải lưng điều phất phơi
Ánh gió mờ trần phản chiếu bóng hoàng hôn*

*Người anh hùng áo vải đất Tây Sơn
Do sông núi hồn thiêng hun đúc lại.*

*Nàng, Người con gái Việt Nam tần tảo
Thay mẹ hiền chăm sóc lũ em thơ
Đã từ lâu không biết tự bao giờ
Đôi mắt biếc để lợt hình người quân tử.
Là môn sinh yêu dấu của cha già
Người cha tài ba, hoạn đồ lận đận.*

*Đã có duyên sao không thành phận
Trông như gần mà thật quá xa xôi!
Theo bước chân chàng dẫm trên
đường đời
Trong gang tấc, bỗng ra ngoài vạn
đậm...*

*Những tình cảm băng sương ta còn đó
Dệt bằng những mộng ước của tuổi thơ
Của những tháng năm mong ngóng đợi
chờ
Ta dành để cho nhau cho trọn kiếp.*

*Mai sau khi chùn chân trên bình
nghiệp
Hoặc chân ché trong cay đắng của
cuộc đời
Nhỏ lại tình xưa, nhờ đến một người
Từng cùng ta xây đắp giấc mộng đời ...*

*Khi đất Việt còn sinh dòng Nữ Kiệt
Khí thiêng sông núi vẫn tạo Hùng Anh
Ta sẽ gặp nhau, qua suốt viễn trình
Tay trong tay, vai kề vai, dựng nước.*

● Song Hoa

Vô thủy vô minh & Duy vật lịch sử

Mỹ Vị

Trên bục giảng, anh cán Cộng "thao thao" nói về **Duy Vật Lịch Sử**. Anh ta nói : "Khi mới có loài người trên trái đất, người ta đã và đều sống trong một kiểu xã hội '**Cộng Sản Nguyên Thủy**', trong đó mọi vật đều là của chung, ai cần củ dùng; không một ai có ý thức tư hữu, muốn giữ riêng một vật gì cho mình cả. Rồi loài người tiến lên xã hội Nô Lệ, xã hội Phong Kiến kể đến là xã hội Tư Bản, người ta mới nghĩ đến việc chiếm hữu nô lệ, chiếm hữu đất đai, chiếm hữu công cụ, chiếm hữu tư bản v.v... Tóm lại ý thức tư hữu là sản phẩm độc hại của Phong Kiến / Tư Bản nên vì thế mà ta phải loại trừ..."

Qua bài giảng, anh ta muốn chứng minh thuyết "**Nhân chi số, Tính bản Cộng**" để thuyết phục mọi người là theo CS là xu thế tự nhiên, là phân bổ hoàn nguyên, là lá rụng về cội; còn gì tự nhiên hơn nữa chứ? Lập luận của anh ta rất dễ hấp dẫn những người đã được đào tạo trong lò **Cộng Sản** vốn đã bị đảng điều kiện hóa (*theo phương pháp Pavlov*) để chỉ biết nghe và tin mà không biết phân tích, phê phán, không biết tư duy, suy luận vì một lý do rất dãn dãi là : "Người dân mà biết suy tư, Thì phường bịp bợm coi như hết nghề".

Nhưng những người còn biết tư duy, suy luận, còn có óc phân tích, phê phán tất sẽ tự hỏi : "Sự thật có đúng như thế không hay đây chỉ là ngụy biện?".

Còn người Phật Tử lại sẽ tự hỏi: Có đúng ý thức tư hữu là sản phẩm độc hại của Phong Kiến, Tư Bản hay không? Nếu đúng như thế thì đạo Phật đã sai khi lập thuyết là chúng sinh số dĩ có là do bị vướng mắc trong vòng 12 nhân duyên mà nhân duyên đầu tiên là **Vô Minh Chấp Ngã**. Vì chấp ngã mà chúng sinh nảy lòng tham, củ muốn vớ tất cả những cái đẹp, cái tốt, cái hay, cái ngon về để bồi đắp, thỏa mãn cho cái ta cùng xả thân bảo vệ cái ta (*tức Ngã*) và những cái của ta (*tức Ngã Sở hữu: người thân của ta, tài sản của ta, uy tín của ta v.v...*). Nếu lòng tham không được thỏa mãn, chúng sinh sẽ phát sản để rồi bị ba độc Tham - Sân - Si nó lôi kéo khiến phải chìm đắm trong luân hồi, sinh tử.

Bảo vệ ta (*tức Ngã*) và những cái của ta (*tức ngã sở*) rõ ràng là ý thức tư hữu rồi mà cái đó theo Phật lại là tính bẩm sinh vì nó là **Vô thủy Vô Minh** (*vốn sẵn có từ khi môi chào đời*) chứ không phải do một chế độ xã hội nào sản sinh ra cả. Nay ta hãy thử suy luận xem ý thức tư hữu là tính bẩm sinh

hay là sản phẩm của chế độ Phong kiến / Tư bản?

Bé Tí, một tuổi, ngồi trong nôi chơi với cái trống bỏi mà bé lắc cho kêu tong tong với sự thích thú hồn nhiên của tuổi thơ. Lúc ấy, nếu có ai muốn đoạt cái trống bỏi của bé, ắt là bé không chịu. Nếu lại ý mạnh dặt lấy của bé ắt bé phản đối, bé khóc vì bé muốn bảo vệ món đồ chơi của bé. Bảo vệ cái của mình là bảo vệ quyền tư hữu, là biểu hiện ý thức tư hữu chủ còn là gì nữa; mà bé mới có một tuổi, vẫn còn bú, vẫn ỉa đùn thì nào đã biết Phong Kiến với Tư Bản là gì.

Ngoài vườn có hai con gà mẹ chân hai đàn gà con gần như nở cùng ngày nên ta không phân biệt nổi con nào thuộc đàn nào. Ấy thế mà mấy con gà mẹ nó biết, nó nhận ra con nào là con của nó, con nào không phải con của nó; con của nó đến thì nó chặn, nó ấp, con không phải của nó mà lò mò đến thì nó mổ, đuổi đi. Đây không phải là biểu hiện của ý thức tư hữu thì còn là gì nữa chứ; mà gà thì làm gì biết đến Phong Kiến với Tư Bản để mà chịu ảnh hưởng.

Lại nữa chó đẻ thường là đũ; tại sao vậy? Vì nó muốn bảo vệ con của nó, không chịu cho ai được đụng vào. Còn cảnh "luồng cầu tranh phân" (*hai con chó tranh nhau món "hầu sục" mà chỉ ở đồng quê Việt Nam mới có*) nữa; tất cả đều là biểu hiện của ý thức tư hữu (*cổ bảo vệ những cái của mình - tức ngã sở*), mà chó cũng như gà đâu có biết đến Phong Kiến với Tư Bản.

Trong thế giới loài vật cũng đầy dẫy những biểu hiện của ý thức tư hữu. Thú bắt được mồi ăn không hết cũng biết tìm chỗ chôn giấu để khi đói đến ăn tiếp mà không chịu buông bỏ cho những con thú khác được "ăn theo".

Trong đàn chó rừng có con cái chúa, giữ quyền sinh / sát trong đàn? Những lúc thuận lợi, mồi sẵn được dồi dào, thì nó cho phép lũ chó con - không phải con của nó - được ăn theo. Gặp lúc khó khăn, mồi khan hiếm thì nó không cho lũ chó con không phải con của nó được quyền ăn và thậm chí còn cắn chết chúng, chỉ để bảo đảm cho đàn con của nó không bị đói. Đây chẳng phải là biểu hiện tối cao của ý thức tư hữu là gì?

Trong mùa hè ấm áp, thú biết kiếm mồi để giành cho mùa Đông tháng giá. Có những con cáo bắc cực biết vùi cá dưới tuyết, những con sóc biết trữ cá mậy chực ký hột trong hang v.v... Con ong, cái kiến cũng đều biết lo xa như thế cả; mà như thế chẳng phải là biểu hiện của ý thức tư hữu đó sao? "Ve sầu kêu ve ve; Suốt mùa hè. Đến kỳ gió bắc thổi; Nguồn cơn thực bối rồi..." bài ngụ ngôn "con ve và con kiến" của La Fontaine đủ chứng minh là đến loài sâu bọ cũng có ý thức tư hữu nữa, mà... con nào có ý thức tư hữu (*biết lo xa*) thì nó đũ, con nào không thêm màng đến tư hữu hay chối bỏ tư hữu thì đời đã hạ nã ra. Phải chăng La Fontaine biết tiên tri, đã nói trước những gì sẽ xảy ra trong thế kỷ XX (*các chế độ đã phá quyền tư hữu cứ càng ngày càng tàn bạo, rạc xác ve để rồi đổ vỡ tan tành*).

Khi Cộng Sản đã dạy dân là phải loại trừ ý thức tư hữu (*chính Karl Marx cũng đã viết trong bản Tuyên Ngôn của đảng CS là*

"...người Cộng Sản có thể tóm gọn lý thuyết của mình trong chỉ một công thức: thủ tiêu quyền tư hữu") tất người ta sẽ tưởng rằng mấy anh CS gốc ắt không còn có ý thức tư hữu nữa vì từ lâu họ đã "dọn mình" để sẵn sàng tiến lên Cộng Sản Chủ Nghĩa mà. Người ta đã lầm to: ngay khi vừa mới chiếm được miền Nam là mấy chú cán bự đã nhảy bổ vào Sài Gòn để tranh giành chiến lợi phẩm, y như cảnh luông ... tranh ... vậy và ... khi đã chiếm cho mình được món "hầu sục" (*ở trường hợp này là một biệt thự lộng lẫy của người Quốc Gia bỏ lại*) rồi là họ quyết tâm bảo vệ nó chết thôi. Nếu nhà lớn quá, ở không hết thì họ cho "kẻ thù giai cấp" là bọn tư bản ngoại quốc thuê để lấy đồ la đốt tụi; kẻ (*chạ*) mấy đồng chí vô sản chân chính ngủ gầm cầu! Mà khi đã được ngủ gầm cầu, có trắng thanh, gió mát rồi thì các đồng chí vô sản "thủ thiệt" phải nhỏ hát "Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian. Vùng lên hỡi ai có khổ bần hàn" nhé; mà phải hát sao cho "khí thế" kia, còn hát iu siu là đáng buồn lắm đấy (*đây là 2 câu mở đầu của bài Quốc Tế Ca, được dịch từ 2 câu gốc "Debout les damnés de la terre. Debout les forçats de la faim..."*).

Té ra họ nói dzậy mà không làm như dzậy; họ xúi trẻ ăn k... gà còn họ lại nhai kẹo lạc. Thằng nào ngu tin họ thì đói, khổ ráng chịu; "thế gian tin bộm mất bò" mà!

Còn việc khi được tài phiệt ngoại quốc tặng một triệu đô la, sao ông Đỗ Mười không công khai bỏ nó vào công quỹ mà lại lạng lẽ đút túi riêng? Nay nếu có một thế lực nào đó đủ mạnh để bắt ông ta phải nhà số tiền đó ra, không được nuốt chửng luôn thì liệu ông ta có đau như những con heo đã bị ông ta thiếu thủ ở ông còn hàn vi không? Nếu ông đã biết tham, biết đút túi tiền bố thí thì ông có ý thức tư hữu hay không có? Mà nếu ông đã có ý thức tư hữu thì ai sẽ đưa ông đi cải tạo đấy?

Dân Hà Nội vốn biết rõ là họ chỉ được quyền nói tốt, nói hay cho chế độ mà thôi còn nói ngược lại là đi tù nên họ đã khen - chủ không chê (*vi chê là chết*) - thành quả xây dựng của chế độ là: "tám mươi tuổi hơn tám mốt, tám mốt tốt hơn tám hai, tám hai oai hơn tám ba, tám ba hơn tám tư, tám tư cũ hơn tám lăm, tám lăm bằng trăm lần tám sáu..." Đây là thành quả hiển nhiên của việc thủ tiêu quyền tư hữu vậy.

Xét như trên đủ thấy ý thức tư hữu vốn là tính bẩm sinh của muôn loài chủ không phải chỉ riêng của loài người, lại càng không phải là ảnh hưởng của Phong Kiến / Đế Quốc. Nó chính là thuộc tính của cái mà đạo Phật gọi là **vô thủy vô minh** và không phải là "**Nhân chi số, tính bản cộng**" mà là "**Nhân chi số, tính phản cộng**" vì ngay khi còn rở vú mẹ, cái "**nhân chi số**" cũng đã biết miệng bú một vú, tay giữ một vú rồi. Như thế chẳng phải là nó đã mặc nhiên phản đối Cộng Sản hay sao?

Thủ tiêu quyền tư hữu, tận diệt ý thức tư hữu bằng ngụy biện duy vật lịch sử là đi ngược lại tính bẩm sinh của con người và hậu quả tất nhiên phải là tàn bạo như dân Hà Nội đã tiên tri (*tám mươi tuổi hơn tám mốt, tám mốt tốt hơn tám hai...*)! ●

Chiến Lược Tâm Công

Phan Quang Việt

- CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG CỦA ĐỨC HÙNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN
- CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG CỦA ĐỨC LÊ LỢI VÀ NGUYỄN TRÃI
- CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG CỦA THẮNG GANDHI,
- ĐỨC DALAI LAMA, VÀ BÀ AUNG SAN SUU KYI .

Tâm là chủ của thân. Thân là dụng của Tâm. Tất cả mọi việc lành, việc dữ đều do Tâm mình tạo ra. Tâm mình tu thiện thì thân mình an vui. Tâm mình làm ác thì thân mình khổ khổ. Đạo do Tâm học, Đức do Tâm chứa, Công do Tâm tu, Phước do Tâm tạo, Họa do Tâm làm.

Tất cả công đức đều do Tâm của mình tự tu lấy, chứ không phải ngoài mình ra mà tìm kiếm được. Tất cả Đạo vô thượng đều từ trong Tâm mình xuất phát ra. Tâm ấy vô cùng tận, không thể phá hoại, không thể tạp nhiễm". (Tài liệu tham khảo số 1).

Muốn thực hiện được Chiến Lược Tâm Công, chúng ta phải có Tâm thành thật, Tâm bình đẳng (thường yêu đồng loại, kẻ thù hay người thân như nhau), Tâm thương người và vật (Tâm Từ Bi), Tâm sáng suốt (Tâm Trí Tuệ) và Tâm không sợ hãi (Tâm Dũng Cảm).

Những bậc thánh nhân đầy đủ Tâm Bi Trí Dũng, Tâm Thành Thật và Tâm Bình Đẳng đã dùng Chiến Lược Tâm Công như chiến lược lấy sức mạnh của Tâm (Tâm lực, heart-force) để kết hợp lòng người, thay đổi lòng dạ độc ác và hung tàn của con người, hoán chuyển nghịch cảnh thành thuận cảnh và đi đến mục đích cuối cùng để chấm dứt bạo lực, chiến tranh và hận thù hầu đem lại hạnh phúc cho sinh dân.

A. CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG CỦA ĐỨC HÙNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN

Vào thế kỷ thứ 13, đời nhà Trần nước Việt Nam chúng ta đã phải đương đầu với ba lần xâm lăng của đạo quân hùng mạnh và thiện chiến Mông Cổ những quân dân nước ta đã đánh bại cả ba lần xâm lăng vào những năm 1257, 1284, 1287 (theo tài liệu sử sách tham khảo số 5 và 6) trong khi đế quốc Mông Cổ (hoàn thành năm 1280) đã thôn tính 40 quốc gia (kể cả Trung Hoa) từ Đông sang Tây tạo dựng một đế quốc trải dài từ Á sang Âu Châu (6).

Khi học lại những trang sử oai hùng của cuộc chiến tranh kỳ vĩ do Hùng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lãnh đạo để chống quân Nguyên (Mông Cổ), người viết xin được ghi chép lại và đóng góp những nhận định hết sức tổng quát và đơn giản về chiến lược Tâm Công đời nhà Trần. Đây chính là quốc bảo để giữ nước và dựng nước mà tất cả người Việt đều có quyền hành diện thừa hưởng, học hỏi và áp dụng.

TƯỚNG QUAN LỰC LƯỢNG CỦA QUÂN VIỆT NAM VÀ QUÂN MÔNG CỔ

Dân số nước ta vào thế kỷ 13 (1284) có thể ước lượng là vài triệu người nhưng theo sử chép thì tổng số quân lực dưới quyền lãnh đạo của Hùng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chỉ có 20 vạn quân. (5), (6)

Với 200.000 quân số như vậy mà nước ta phải đương đầu với 500.000 quân của đoàn quân xâm lược thiện chiến Mông Cổ thì quả là một sự chênh lệch quá lớn trong tương quan lực lượng của quân ta và quân Mông Cổ.

CHIẾN LƯỢC CỦA ĐỨC HÙNG ĐẠO VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN



Trần Hưng Đạo là một thiên tài quân sự đã nghiên cứu chiến lược, chiến thuật và binh pháp của tất cả những nhà quân sự thời bấy giờ (2 & 3) và Người đã viết Hịch Tướng Sĩ (2), hai quyển Vạn Kiếp Bí Truyền (5), (6) và Binh Thư Yếu Lược (3) để huấn luyện và thao dượt quân sĩ. Sau này theo Phan Huy Chú trong sách Lịch Triều Hiến Chương Văn Tịch Chí thì Vạn Kiếp Bí Truyền, Binh Thư Yếu Lược cũng bao nhiêu sách vở của nước Nam từ nhà Trần về

trước đều bị quan quân nhà Minh thu lấy cả rồi đem về Kim Lăng trong thời kỳ nhà Minh đô hộ nước ta (1414-1427). (5)

Dựa vào những dữ kiện lịch sử, chúng ta có thể đi đến kết luận là những chiến lược sau đây đã do chính Trần Hưng Đạo dâng lên để Vua Trần Nhân Tông và triều đình sử dụng:

1. Hội Nghị Bình Than (tháng 10 năm Nhâm Ngọ 1282): "Trần triều trước tình thế cấp bách và nghiêm trọng, triệu tập các vương hầu và bá quan văn võ bên sông Bình Than. Nói hợp có tính cách bí mật vì cần tránh tai mắt của bọn gián điệp đối phương. Hội nghị này là hội nghị để thăm dò ý kiến của các vương hầu, tướng lĩnh. Các quan có người bàn không nên nghịch ý Mông Cổ nghĩa là cho mượn đường và giúp lương. Có người bàn nên đem quý vật sang cống để hoãn binh. Duy chỉ có Trần Quốc Tuấn và Trần Khánh Dư chủ chiến và xin đem quân giữ các nơi hiểm yếu". (6)

2. Hội Nghị Diên Hồng (tháng Chạp năm Giáp Thân 1284) hay chiến lược Đồng Tâm. Trước thế giặc Nguyên hết sức mạnh, Thượng Hoàng (Vua Trần Thánh Tông) đã cho triệu tập các bô lão về họp ở điện Diên Hồng để trưng cầu dân ý cùng tham khảo chiến lược trước cơn quốc nạn (Tâm Trí). Các bô lão đều đồng thanh xin đánh.

Qua hai hội nghị Bình Than và Diên Hồng, quyết định chung của toàn dân và toàn quân là quyết chiến và hy sinh để bảo vệ đất nước và nền độc lập, tự chủ. (Tâm Trí và Tâm Dũng). Lời bài ca Hội Nghị Diên Hồng còn vang lên hùng khí của tiền nhân: "Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến? Quyết chiến! Quyết chiến! Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh? Hy sinh! Hy sinh!".

3. Hội Nghị Diên Hồng có thể được xem như là hội nghị dân chủ đầu tiên trong lịch sử nước ta để biết ý dân vì các bô lão thực sự là những đại biểu của dân, đã sống cả cuộc đời gắn bó với quê hương và dân tộc, đã hiểu được cái Đạo Sống của dân tộc, luôn được dân chúng kính trọng và nghe lời dạy bảo. Thượng Hoàng (Vua Trần Thánh Tông) đã không cho triệu tập các thành phần sĩ, nông, công, thương trong xã hội nước ta vào thời đó vì lý do này. (Tâm Trí).

4. Hội Nghị Diên Hồng đã mở ra chiến lược Đồng Tâm, áp dụng chiến lược "Tâm truyền Tâm" để kết hợp toàn dân trong tình thế hết sức nguy khốn khi đất nước có thể rơi vào trong tình trạng bị đô hộ bởi ngoại bang và có thể mất nền độc lập, tự chủ nếu mỗi giành lại được từ thời Ngô Quyền năm 939. Khi các bô lão trở về làng của mình đã truyền giảng thông điệp quyết chiến và hy sinh của hội nghị Diên Hồng và đã hoàn thành chiến lược Đồng Tâm để kết hợp và điều động toàn dân bảo vệ bờ cõi chống xâm lăng. (Tâm Trí và Tâm Dũng).

Chiến lược này đã giúp cho nước ta đương đầu với cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ không thể chặn được những cuộc tấn công của quân Mông Cổ và đã thua ở nhiều mặt trận kể cả kinh thành Thăng Long cũng đã bị thất thủ và Trần Hưng Đạo đã phải rước

xa giá và bảo vệ nhà Vua dời đi nơi khác. (5), (6)

5. Sau khi tham dự Hội Nghị Diên Hồng, các bô lão đã giải quyết được vấn nạn truyền thống đại chúng cho triều đình nhà Trần để đưa thông điệp quyết chiến và hy sinh đến toàn dân và đã hoàn thành chiến lược Đồng Tâm vì vào thế kỷ 13 đây là một vấn đề rất khó giải quyết khi chưa có các phương tiện truyền thông đại chúng (như báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình...) và tất cả nguồn nhân lực, tài nguyên quốc gia đều phải đổ vào cuộc chiến tranh tự vệ.

6. Khi nghe tin Hưng Đạo Vương lui quân khỏi Lạng Sơn và chạy về Vạn Kiếp, Vua Trần Nhân Tông liền xuống chiến thuyền nhỏ ra Hải Đông (tức là Hải Dương), rồi cho vời Hưng Đạo Vương đến bàn quốc sự. Vua Nhân Tông nói: *"Thế giặc to như vậy, mà chống với nó thì dân sự tàn hại, hay là Trẫm hãy chịu hàng đi để cứu muôn dân"*. (Tâm Tử Bi).

Hưng Đạo Vương tâu rằng: *"Bệ-hạ nói câu ấy thì thật là lời nhân đức, nhưng mà Tôn-miếu Xã-tác thì sao? Nếu Bệ-hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng!"* (Tâm Dũng).

Vua nghe lời nói trung liệt như vậy, trong bụng mới yên. (5) (Tâm an Tâm).

Sau đó Hội Nghị Quân Sứ ở Vạn Kiếp được nhóm họp để chỉnh lại lại hàng ngũ, duyệt xét lại toàn bộ các mặt trận cùng chiến lược, chiến thuật sẽ được sử dụng sau những kinh nghiệm về các trận đánh cùng quân Nguyên ở mặt trận Lạng Sơn (6) (Tâm Trí).

7. Hịch Tướng Sĩ hay là Chiến Lược Toàn Quân

Sau hội nghị Bình Than (tháng 10 năm Nhâm Ngọ 1282), "Vua Trần Nhân Tông thân chinh đốc xuất các vương hầu huy động toàn thể quân đội thủy lục được tất cả 20 vạn mở cuộc tập trận. Trần Quốc Tuấn được tấn phong làm Quốc Công Tiết Chế thống lĩnh lực lượng quân sự toàn quốc, sau đó Người đã viết và cho truyền ra Hịch Tướng Sĩ, lời Hịch đầu tiên kêu gọi tinh thần ái quốc và kỷ luật của các tướng sĩ và toàn quân vào tháng 8 năm Giáp Thân 1284 trước cơn quốc nạn. (6) (Tâm Trí).

Mặc dù bản văn Hịch Tướng Sĩ đã được viết hơn 7 thế kỷ trước để hiệu triệu tướng sĩ và toàn quân thể mà đến ngày nay người viết đọc vẫn cảm nhận được hùng khí của tiền nhân gói trọn trong những nét hay và vẻ đẹp của văn chương.

Qua Hịch Tướng Sĩ, Trần Hưng Đạo đã đưa ra một Chiến Lược Toàn Quân vì Người đã dùng Hịch này để hiệu triệu toàn quân phải hết lòng chiến đấu để dẹp tan quân giặc (Tâm truyền Tâm, Tâm Dũng). Vương đã dạy cho quân sĩ chiến thuật và chiến lược chống xâm lăng qua việc học hỏi và thao luyện những điều mà Người đã tổng hợp các sách quân sự đương thời trong quyển Bình Thủ Yếu Lục (Tâm Trí): "Nay ta soạn hết các binh pháp của các nhà danh gia hợp lại làm một quyển gọi là Bình Thủ Yếu Lục. Nếu các người biết chuyên tập sách

này, theo lời dạy bảo, thì mỗi phải đạo thần tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo, thì tức là kẻ nghịch thù". (2)

8. Trần Hưng Đạo cũng là một nhà chính trị lỗi lạc và chính trị của Vương luôn đặt tinh thần yêu nước và sự an vui, hạnh phúc của toàn dân làm đầu:

"Hưng Đạo Vương là một người danh tướng đệ nhất nước Nam, đánh giặc Nguyên có công to với nước, được phong làm Thái Sứ, Thượng Phụ, Thượng Quốc Công, Bình Bắc Đại Nguyên Sứ, Hưng Đạo Đại Vương... Khi Vương sắp mất, Vua Anh Tông có ngự giá đến thăm, nhận thấy Vương bệnh nặng, mới hỏi rằng: *"Thuộng Phụ một mai khuất núi, phỏng có quân Bắc lại sang thì ta làm thế nào?"*

Hưng Đạo Vương tâu rằng:

"Nước ta thuở xưa, Triệu Võ Vương dựng nghiệp, Hán Đế đem binh đến đánh. Võ Vương sai dân đi sạch đồng áng, không để lương thảo cho giặc chiếm được, rồi đem đại quân sang châu Khâm, châu Liêm, đánh quận Tràng Sa, dùng đoản binh mà đánh được, đó là một thời. Đến đời Đinh, Lê, nhiều người hiền lương giúp đỡ, bấy giờ nước Nam đang cường, vua tôi đồng lòng, bụng dân phấn chấn; mà bên Tàu đang lúc suy nhược, cho nên ta đập thành Bình Lỗ (thuộc Thái Nguyên) phá được quân nhà Tống, đó là một thời. Đến đời nhà Lý, quân Tống sang xâm, Lý Đế sai Lý Thường Kiệt đánh mặt Khâm, Liêm, dồn đến Mai Lĩnh, quân hùng, tướng dũng, đó là có thể đánh được.

Kể đến bản triều, giặc Nguyên kéo đến vây bọc bốn mặt, may được vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước dấy sức lại mà đánh, mỗi bắt được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mỗi được thế. Đại đế, kẻ kia cậy có trang trận, mà ta thì cậy có đoàn binh; lấy đoản chống nhau với trường, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến âm âm, như gió, như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó dùng cách dần dà, như tầm ăn lá, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mỗi khó trị; thì ta nên dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mỗi có thể đánh được. (Tâm Trí)

"Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thuật giữ nước hay hơn cả". (5) (Tâm Tử Bi) Vua Anh Tông chịu lời ấy là rất phải. Được mấy hôm thì Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn mất vào ngày 20 tháng 8 năm Canh Tý (1300). Từ nhà Vua cho đến dân chúng ai cũng thương tiếc. Nhân dân nhiều nơi lập đền thờ phụng để ghi nhớ công đức của Ngài. (5)

9. Thực hiện Chiến Lược Tâm Công để kết hợp toàn dân và quân, Thượng Hoàng (Vua Trần Thánh Tông), Vua Trần Nhân Tông và triều đình đời Trần đã giao trọng trách điều khiển lực lượng quân sự toàn quốc cho Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Lịch sử đã ghi chép vào thế kỷ 13, Việt Nam là

quốc gia duy nhất trên thế giới đã đánh bại quân xâm lăng Mông Cổ ba lần để giữ vững nền tự chủ và bờ cõi.

B. CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG CỦA ĐỨC LÊ LỢI VÀ NGUYỄN TRÃI

Khi học lại những trang sử oai hùng của công cuộc kháng chiến kỳ vĩ để lật đổ chế độ đô hộ của nhà Minh (1414-1427) do Bình Định Vương Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo (1418-1427), người viết xin được ghi chép lại và đóng góp những nhận định hết sức tổng quát và đơn giản về chiến lược Tâm Công do Nguyễn Trãi dâng lên cho Lê Lợi, người anh hùng áo vải ở đất Lam Sơn, để thực hiện công cuộc kháng chiến 10 năm đầy gian khổ và chứa từng cơn trong lịch sử xưa nay. Đây chính là quốc bảo để lấy lại nước, giữ nước và dựng nước mà tất cả người Việt đều có quyền hành diện thừa hưởng, học hỏi và áp dụng.

1. Bình Định Vương Lê Lợi người ở làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đã mấy đời làm nghề canh nông, nhà vẫn giàu có, lại hay giúp đỡ cho kẻ nghèo khổ, cho nên mọi người đều phục... Ông Lê Lợi khảng khái, có chí lớn, quan nhà Minh nghe tiếng, đã dỗ cho làm quan, nhưng ông không chịu khuất, thường nói rằng: *"Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ người!"* (5) (Tâm Trí)

2. "Bèn giấu tiếng ở chỗ sơn lâm, đón mời những kẻ hào kiệt, chiêu tập những kẻ lưu vong. Đến mùa xuân năm Mậu Tuất (1418), ông Lê Lợi cùng với tướng là Lê Thạch và Lê Liễu khởi binh ở núi Lam Sơn tự xưng là Bình Định Vương, rồi truyền hịch đi gần xa kể tội nhà Minh để rõ cái mục đích của mình khởi nghĩa đánh kẻ thù của nước". (5) (Tâm truyền Tâm)

3. Bình Định Vương Lê Lợi là bậc anh hùng hội đủ tất cả những đức tính cần thiết để thực hiện chiến lược Tâm Công giải phóng đất nước ra khỏi ách đô hộ của nhà Minh do Nguyễn Trãi dâng lên cho Vương trong "Bình Ngô Sách".

4. Trước khi đi gặp Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã hoàn tất chiến lược cứu nước qua tác phẩm Bình Ngô Sách. (Tâm Trí) Tiếc thay, bản chiến lược Bình Ngô Sách này đã thất lạc.

Tuy không biết Bình Ngô Sách trình bày những nhận định gì về con đường cứu nước và về tình hình ta và địch. Nhưng điều may mắn nhất của chúng ta là vẫn còn biết được yếu chỉ hành động của Bình Ngô Sách nhờ bài tựa của Ngô Thế Vinh trong Úc Trai Di Tập (quyển 1): "Bình Ngô Sách hiểu mưu chước lớn, không nói việc đánh thành, mà lại nói đến việc đánh vào lòng người. Cuối cùng nhân dân và đất đai của 15 đạo nước ta sẽ đem về cho nước ta cả". (7) (Chiến lược Tâm Công)

5. Sau khi Bình Định Vương Lê Lợi đã dẹp xong giặc Minh năm 1427, Người đã ra lệnh cho Nguyễn Trãi soạn thảo bài tuyên cáo

cho toàn dân biết và Nguyễn Trãi đã minh định chiến lược này qua bản Bình Ngô Đại Cáo (1427) :

"... Đem đại nghĩa để thắng hung tàn

"Lấy chí nhân mà thay cường bạo..."

"Ta mưu phạt tâm công, không đánh mà người phải khuất..." (Tâm Công)

"Tuồng giặc bắt tù, xin thưởng hai vẩy đuôi cầu sống,

"Uy thần chẳng giết, lấy khoan hồng thể bụng hiếu sinh..." (Tâm Tử Bi)

"Chúng đã sợ chết xin hòa, thực thà cầu sống,

"Ta muốn toàn quân làm cốt, ngồi nghỉ cùng dân.

"Chẳng những mưu kế cực sâu xa,

"Cũng là cổ kim chưa nghe thấy..." (4) (Tâm Trí - Tâm Tử Bi)

6. Trong Bình Ngô Đại Cáo, Tâm Tử Bi đã dùng hoạt thể hiện Chiến Lược Tâm Công qua sự bùng nổ của Tâm Trí Tuệ áp dụng trong chiến tranh chưa từng nghe thấy từ xưa đến nay để bảo toàn lực lượng khởi nghĩa, giữ đúng lệnh khoan hồng cho các trấn thành cùng quan quân đối phương đầu hàng, giảm thiểu những tổn thất về sinh mạng cho cả hai bên đang trong cuộc chiến, chấm dứt chiến tranh, đi đến chiến thắng sau cùng và mang lại hạnh phúc cho toàn dân.

7. "Tối giai đoạn này viện quân của Minh triều bị đại bại, tinh thần của đối phương ở nhiều trấn thành sa xuống rất mạnh. Nhiều tướng lĩnh Minh xin quy phục, chỉ còn 4 thành: Tây Đô, Cổ Lộng (nền cũ của thành này còn ở làng Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định), Đông Quan và Chí Linh vẫn chưa xao xuyên lấm. Đáng lẽ quân ta tổng tấn công các thành đó trong lúc quân dân của chúng ta đang thừa hăng hái, Bình Định Vương sai viên thông sự Đặng Hiếu Lộc dẫn Thôi Tự, Hoàng Phúc và một số lớn tù binh cùng quà ấn song hổ và cờ kiếm, sổ sách đưa vào thành Đông Quan..." (6)

"Mưu thuật này đạt được đúng kết quả mong muốn là đánh một đòn nặng vào tâm lý địch giữa lúc họ đang khùng hoảng tinh thần. Biết tình thế hoàn toàn đổ vỡ, Vương Thông, Sơn Thọ cử phái viên là Thiên Hộ họ Hà đến đại bản doanh của Bình Định Vương đề nghị thành thực cầu hòa và xin mở đường cho chúng lui binh về nước". (6) (Tâm Trí)

8. "Tuồng sĩ và nhân dân tò ý không tán thành cuộc hòa giải vì lòng người còn căm giận sự tàn bạo trước đây của giặc Minh. Dự luận còn đang phân vân, Nguyễn Trãi bàn:

"Giặc Minh tàn bạo nhân dịp này giết hết chúng đi là phải, nhưng phải nghĩ nước mình nhỏ, nước chúng lớn gấp mấy chục lần thì xung đột với chúng chỉ là sự bất đắc dĩ. Nếu mỗi thù ngày một thêm sâu, giặc mất thể diện lại kéo binh sang nữa thì cuộc chiến tranh biết bao giờ mới dứt được. (Tâm Trí). Sao bằng chấp thuận cuộc hòa hiếu

để tạo phúc cho sinh linh hai nước. (Tâm Tử Bi).

9. "Tha Vương Thông và đồng bọn về, hẳn chúng không còn lòng nào trở sang nữa. Xem như bãi biển giữa trong thời sáp của y gọi về Minh triều có câu: "Xin thôi đừng vi miếng đất "hẻo lánh một phường mà làm nhọc nhằn quân lính đi xa muôn dặm. Bấy giờ muốn đánh lại phải huy động đại quân như buổi ra đi, đại tướng phải sáu bảy người vào hạng Trưởng Phụ. Nhưng dù lấy lại được thì sự giữ sau này cũng vẫn khó lòng..." (6) (Tâm Trí)

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu khen phải, nói: "Phục thù báo oán là cái thường tình của mọi người, nhưng bản tâm người nhân không muốn có việc giết người bao giờ, huống hồ người ta đã hàng mà giết thì không hay. Thỏa cái giận một lúc mà đeo cái tiếng muôn đời giết kẻ đầu hàng, sao bằng cho muôn vạn người cùng sống để tránh cuộc chiến tranh cho đời sau, lại còn được tiếng thơm lưu truyền sử xanh mãi". (6) (Tâm Tử Bi và Trí Tuệ).

C. CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG TRONG THẾ KỶ 20

1. MAHATMA GANDHI ĐẤU TRANH BẤT BẠO ĐỘNG Ở ẤN ĐỘ

Mahatma Gandhi tên thật là Mohandas Karamchand Gandhi, sinh ngày 2 tháng 10.1869 ở Porbandar, Ấn Độ, nhưng nhà thơ Tagore (giải thưởng Nobel Văn Chương về Thi Ca năm 1913) đã dùng hai chữ Maha (nghĩa là lớn) và Atma (tâm hồn) và nối nhau thành Mahatma (Great Saint, bậc Thánh) như một danh hiệu để vinh danh Người. (8)

Tháng Giêng năm 1915, sau khi cuộc đấu tranh thành công về quyền làm người cho những người dân da đen và các chủng tộc khác kể cả người di dân Ấn Độ ở vùng Transvaal, Nam Phi Châu, bị người da trắng kỳ thị và đàn áp, Mahatma Gandhi đã được đảng Quốc Đại Ấn Độ (Indian National Congress) mời trở về Ấn Độ để tham gia vào công cuộc đấu tranh giành độc lập, (8)

Trong cùng thời điểm với cuộc khởi nghĩa ngày 10 tháng 1.1930 của Việt Nam Quốc Dân Đảng mà sau đó thất bại và bị bắt, đảng trưởng Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí đã hiến ngang hô to câu "Việt Nam vạn tuế" khi lên đoàn đầu đũa ở Yên Bái và ngày 17 tháng 6.1930 và hàng ngàn đảng viên bị đày đi Côn Đảo, Sơn La và Lao Bảo. (6)

Tháng 3 năm 1930, Mahatma Gandhi đã khởi sự cuộc đấu tranh áp dụng tinh thần Bất Bạo Động (AHIMSA, non-violence) và Người cũng đã sử dụng chiến lược tâm công:

- Ngày 12 tháng 3.1930 Mahatma Gandhi cùng 78 nam thành viên trong ngôi làng (ashram), mà tên tuổi được công bố trên báo Young India, bắt đầu cuộc đi bộ 241 dặm (= 386 cây số) trong 24 ngày để đi xuống bờ Ấn Độ Dương và đến bờ biển ở vùng Dandi ngày 5 tháng 4 để làm muối

cùng với các nhà lãnh đạo của đảng Quốc Đại Ấn và mấy ngàn người dân Ấn Độ từ hơn ba trăm ngôi làng mà phái đoàn Người đã đi qua, nắm đờ Người 61 tuổi;

- Những hạt muối Ấn Độ Dương đã là điểm tựa làm đon bầy cho dân tộc Ấn Độ trang bị bằng Chiến Lược Tâm Công và tinh thần Bất Bạo Động để đánh bật tầng đá là chế độ đô hộ và thuộc địa của Anh Quốc;

Cuộc đấu tranh đã sử dụng ưu điểm của dân tộc Ấn Độ là Sức Mạnh Tâm Linh (mà tiếng Ấn Độ là Satyagraha, Satya (gốc là chữ SAT) có nghĩa là sự thật, lẽ phải, GRAHA có nghĩa là quyết tâm; chuyển sang tiếng Anh là SOUL FORCE; SỨC Mạnh tâm linh).

- Cuộc đấu tranh đã áp dụng chiến lược Dân Chúng Bất Cộng Tác (civil disobedience, civil non-cooperation) bằng những cuộc đình công, bãi thị toàn diện (general strike) để làm tê liệt guồng máy cai trị của chế độ đô hộ của người Anh. Chiến lược Dân Chúng Bất Cộng Tác áp dụng song song với sức mạnh của Bất Bạo Động, lẽ phải và sự thật khiến cho dân tộc Ấn Độ không còn mang mặc cảm bị đô hộ, bị đàn áp và đã hiến ngang đứng lên đòi độc lập và tự do;

- Gandhi đã muốn có một nước Ấn Độ mới ngay vào thời điểm lúc đó, chứ không phải chỉ một nước Ấn Độ tự do trong tương lai. Người tin rằng tự do thật sự cho Ấn Độ phải chính là những người dân Ấn Độ hoàn toàn mới và tự do.

- Người đồng ý với Tagore là gông cùm đeo nặng lên dân tộc Ấn Độ là do chính tự mình làm ra. Tagore viết: "Người tù hời, ai là người đã đem đến xích xiềng không thể phá vỡ này? Chính tôi, người tù nói, đã trui rèn (tôi luyện) xiềng xích này rất kỹ lưỡng". (Prisoner, tell me who was it that brought this unbreakable chain? It was I, said the prisoner, who forged this chain very carefully). (8)

Ngày 15 tháng 8.1947, dân tộc Ấn Độ đã thành công trong việc giải phóng đất nước ra khỏi ách đô hộ của người Anh và đạt được nền độc lập, tự chủ mặc dù Ấn Độ bị chia cắt ra thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pakistan.

Gandhi chủ trương hòa giải với Pakistan theo Hồi Giáo và Người đã bị bắn chết ngày 30 tháng 1.1948 bởi những thành phần quá khích.

2. ĐỨC DALAI LATMA ĐẤU TRANH Ở HẢI NGOẠI ĐỂ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TÂY TẠNG RA KHỎI ANH THỐNG TRỊ CỦA TRUNG CỘNG

Đức Dalai Lama, His Holiness Tenzin Gyatso, sinh năm 1935, và lúc hai tuổi đã được xác nhận là Đức Dalai Lama tái sinh, Người đã phải thường thảo với Mao Trạch Đông năm Người mới 19 tuổi dời về tướng lai của đất nước Tây Tạng, sau khi Trung Cộng đã xâm lăng và chiếm đóng Tây Tạng từ năm 1950 cho đến ngày nay. (9)

Năm 1959, sau khi những cuộc đàm phán thất bại, Trung Cộng đàn áp đẫm máu những cuộc nổi dậy của dân tộc Tây Tạng mà hàng chục ngàn người đã hy sinh, Đức Dalai Lama đã phải rời bỏ Tây Tạng và

sống lưu vong ở Dharamsala, Ấn Độ, vì Người sợ rằng dân Tây Tạng sẽ phải bạo động trong tuyệt vọng nếu Trung Cộng bắt và giam giữ Người. (9)

Đức Dalai Lama, vị lãnh đạo tinh thần của hơn 6 triệu người Tây Tạng, nhận giải Nobel Hòa Bình năm 1989 cho những nỗ lực tranh đấu không ngừng cho quyền làm người trên toàn thế giới, và nhất là cho nền tự chủ của dân tộc Tây Tạng thoát ra khỏi ách thống trị của Trung Cộng.

Đức Dalai Lama luôn luôn chủ trương áp dụng tinh thần Bất Bạo Động (non-violence) trong công cuộc đấu tranh cho nền tự chủ (self-rule) để quốc gia Tây Tạng và nền văn hóa truyền thống Phật Giáo khỏi bị diệt vong. (9)

Người cho rằng sức mạnh của dân tộc Tây Tạng là Lê Phái, là Sự Thật (truth) trong tinh thần Bất Bạo Động. (10)

Mặc dù cuộc đấu tranh của Đức Dalai Lama và dân tộc Tây Tạng chưa đạt được nền dân chủ nhưng đã đem lại nhiều thành quả đáng kể nhờ Người luôn luôn áp dụng chiến lược tâm công để nêu cao chính nghĩa luôn sáng ngời và được toàn thế giới kính phục. Gần đây, có nhiều dấu hiệu cho thấy chính quyền Trung Cộng muốn thương thảo với Đức Dalai Lama để đi đến một giải pháp cho Tây Tạng.

3. BÀ AUNG SAN SUU KYI ĐẤU TRANH CHO TỰ DO VÀ DÂN CHỦ Ở MIẾN ĐIỆN

Năm 1989, chế độ độc tài quân phiệt Miến Điện, Hội Đồng Phục Hồi Luật Pháp và Trật Tự Quốc gia (State Law and Order Restoration Council, SLORC), củng cố quyền lực bằng việc bắt giam Bà Aung San Suu Kyi, ái nữ của Aung San vị anh hùng quốc gia của Miến Điện, và lúc đó Bà là Tổng Thư Ký của Liên Minh Quốc Gia Dân Chủ (National League for Democracy, NLD). Bà đã bị quản thúc tại gia từ tháng 7.1989 và không được vận động tranh cử trong cuộc bầu cử năm 1990. (11)

Mặc dù bị ngăn cản không được vận động tranh cử nhưng Bà Aung San Suu Kyi đã áp dụng chiến lược tâm công và được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của dân chúng Miến Điện và nhiều chính phủ trên thế giới. NLD đã toàn thắng trong cuộc bầu cử ngày 27 tháng 5.1990. Sau đó chế độ độc tài quân phiệt (SLORC) hứa hẹn mở hồ là sẽ trao quyền sau khi Hiến Pháp mới được soạn thảo. (11)

Sau cuộc bầu cử, SLORC bắt giam phần lớn các lãnh tụ đối lập và Bà Aung San Suu Kyi tiếp tục bị quản thúc tại nhà.

Tháng 7.1991, chính phủ Úc, Gia Nã Đại và Cộng Đồng Âu Châu đã ủng hộ lời kêu gọi của Hoa Kỳ đến sáu quốc gia thành viên của Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á Châu (ASEAN), khởi giao thương chính của Miến Điện, phải làm áp lực với SLORC để chấm dứt nạn cai trị độc tài. Trong cùng tháng 7.1991 SLORC ban hành đạo luật tước bỏ chức vụ Dân Biểu trong Quốc Hội

của các thành viên đối lập và không cho họ được ứng cử.

Tháng 10.1991 Bà Aung San Suu Kyi, lúc đó đã bị quản thúc tại nhà hơn hai năm, được trao giải Nobel Hòa Bình. SLORC từ chối không cho Bà đi Na Uy để nhận giải, và đã bắt giam nhiều người ủng hộ Bà ở Rangoon khi con trai Bà là Alexander Aris đã đại diện Bà để nhận giải Nobel Hòa Bình. (12)

Khác với Thành Gandhi và Đức Dalai Lama đã và đang phải đấu tranh với hai chế độ ngoại xâm, khác chủng tộc và khác văn hóa là chế độ thuộc địa của Anh Quốc và Trung Cộng, Bà Aung San Suu Kyi đã và đang phải đấu tranh với chế độ độc tài quân phiệt Miến Điện cùng chủng tộc, ngôn ngữ, và văn hóa.

CHIẾN LƯỢC TÂM CÔNG VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ 21

Chúng ta sắp bước sang thế kỷ 21, người Việt Nam trong nước đã đứng lên đòi hỏi tự do, dân chủ và nhân quyền từ Bắc vào Nam kể từ sau Hiệp Định Genève ký kết chia đôi đất nước ngày 20 tháng 7.1954 và sau ngày cộng sản chiếm miền Nam 30 tháng 4.1975 cho đến nay. Nhiều người Việt trong nước đã và đang bị chế độ cộng sản giam cầm. Nhiều nhà lãnh đạo tinh thần đang bị giam giữ, quyền tự do tín ngưỡng và các quyền làm người căn bản khác cũng đang bị tước đoạt.

Chế độ cộng sản Việt Nam cực kỳ tham nhũng và không còn hậu thuẫn vì khối cộng sản Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ. Cuộc khủng hoảng kinh tế tại Á Châu, tại Nga Xô, tại Nam Mỹ Châu La Tinh đang làm cạn dần những nguồn đầu tư kinh tế tại Việt Nam và bằng chứng hiển nhiên là cộng sản Việt Nam đang phải đối phó với nhiều khó khăn kinh tế không vượt qua nổi. Dân chúng trong nước đã nổi dậy ở nhiều nơi để đòi hỏi nhân quyền, tự do, dân chủ và công bằng xã hội.

Hơn hai triệu người Việt tại hải ngoại đang sống lưu vong trên hàng mấy chục quốc gia có thể làm được gì để hỗ trợ cho công cuộc đấu tranh ở trong nước mà vẫn phù hợp với luật pháp ở những quốc gia tạm dung?

Tuổi trẻ Việt Nam nhất là sinh viên, học sinh có thể làm gì để đưa dân tộc Việt vào thế kỷ 21 trong đó quyền làm người được phục hồi trên đất nước, dân tộc Việt được sống trong ấm no, hạnh phúc để chấm dứt giai đoạn lịch sử đầy những khổ đau và hận thù?

Người viết tin tưởng Chiến Lược Tâm Công kết hợp với tinh thần Bất Bạo Động:

- Có thể vận động những dân tộc và những chính phủ của cộng đồng các quốc gia trên thế giới hỗ trợ công cuộc tranh đấu đòi hỏi nhân quyền, tự do và dân chủ cho Việt Nam;

- Có thể sử dụng triệt để mạng lưới truyền thông như các cơ quan báo chí, các hãng thông tấn xã, những hệ thống truyền thanh,

truyền hình, mạng lưới điện toán Internet, và trong tương lai Siêu Xa Lộ Tin Học (Information SuperHighway) nhằm hỗ trợ cho công cuộc đấu tranh trong nước của toàn dân để chấm dứt độc tài, bạo lực, hận thù và hoàn chuyển nghịch cảnh đau thương, lạc hậu của dân hầu đem lại hạnh phúc cho dân tộc Việt vào năm 2000, khởi đầu thế kỷ 21 để bước vào vận hội mới trong một thiên niên kỷ mới.

Phạm Duy qua tâm khúc "Việt Nam Việt Nam" đã tiên đoán trước vận hội mới này. Tâm khúc này sẽ lại được mọi người dân Việt hát khắp nơi trên quê hương thân yêu: *"Việt Nam không đòi xướng máu, Việt Nam kêu gọi thương nhau, Việt Nam đi xây đắp yên vui dài lâu. Việt Nam trên đường tưởng lai, lửa thiêng soi toàn thế giới, Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho đời. Tinh yêu đây là khi giải, tinh thương đem về muốn nói. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình người. Việt Nam, Việt Nam, Việt Nam muốn đời".* (13)

(Bắt đầu viết vào những đêm cuối mùa Đông, hoàn tất, sửa chữa và bổ túc xong vào những đêm đầu mùa Xuân, tháng 9 năm 1998, Sydney, Úc Đại Lợi, Nam Bán Cầu.)

Tài liệu học hỏi và tham khảo:

1. Thích Viên Giác dịch, Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, Chùa Đức Viên, Hoa Kỳ.
2. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Hịch Tướng Sĩ, 1284.
3. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Bình Thử Yếu Lược, 1284, Quê Mẹ, Paris.
4. Nguyễn Trãi, Úc Trai Di Tập, Quán Trung Tử Mệnh Tập, Bình Ngô Đại Cáo, 1427.
5. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược (quyển 1&2), Bộ Giáo Dục, Sài Gòn, 1971.
6. Phạm Văn Sơn, Việt Sử Toàn Thư, Thư Lâm Ấn Thư Quán, Sài Gòn, 1960.
7. Võ Văn Ái, Nguyễn Trãi: Sinh Thùc và Hành Động, Quê Mẹ, Paris, 1981.
8. Louis Fisher, Gandhi: His life and message for the world, Mentor Book, 1954.
9. Giáo sư Robert A. F. Thurman, Bài phỏng vấn Đức Dalai Lama, Columbia University.
10. The Dalai Lama His Holiness Tenzin Gyatso, A Human Approach to World Peace, Tibet House, Wisdom Publications, London 1996.
11. Burma (Myanmar), SBS World Guide 1996.
12. Mark Baker, The invisible man of the fight for Burma, báo Sydney Morning Herald, 11 September 1998, (bài viết nói về Giáo sư Michael Aris, phu quân của Bà Aung San Suu Kyi, khi Ông sang Úc Châu để nhận bằng Tiến Sĩ Danh Dự về Luật Pháp được Viện Đại Học Melbourne trao tặng cho Bà).
13. Nhạc sĩ Phạm Duy, Tâm Khúc Việt Nam Việt Nam.

● Phan Hùng Nhon

Lại nhớ bài CHÔI

Ngày xưa vào mỗi độ Xuân về, khắp Việt Nam đâu đâu cũng đều có tổ chức những trò chơi dân gian để có dịp hội tụ vui chơi. Tình này mở những cuộc hội thi đốt pháo, kéo co, đua cà kheo, thì tình kia mở hội ném cầu, cướp cờ hay tung còn. Riêng tại Quảng Nam - Đà Nẵng thường mở hội Đánh Bài Chôi. Đây là một trò chơi dân gian thuần túy để giải trí và cũng là dịp thi thố tài năng của các nghệ nhân trong tình. Đây là trò chơi dân gian gắn liền với văn hóa dân tộc và được lưu truyền lại từ những thời xa xưa. Tuy được gọi là CHÔI BÀI, nhưng đây không phải là những trò cờ bạc sát phạt. Tuy có ăn tiền nhưng chỉ là một trò vui Xuân. Người chơi bài chôi không chỉ vì ăn tiền, vì tiền thường không bao nhiêu; nhưng cốt để nghe tiếng hát hay câu hò của người hô bài hồng suy luận đoán được ra con bài. Những cuộc đánh bài chôi thường được tổ chức hoặc ở sân đình hoặc ở những

- **Pho VẠN** gồm 9 quân: Nhất Gối, Nhị Bánh, Ba Bụng, Tứ Tường, Ngũ Rốn, Sáu Suông, Bảy Liễu, Tám Miếu, Chín Cu.

- **Pho SÁCH** gồm 9 quân: Nhất Nọc, Nhị Nghèo, Ba Gà, Tứ Sách, Ngũ Dụm, Sáu Hường, Bảy Thừa, Tám Dây, Cửu Điệu. Ngoài 3 Pho trên còn các cặp Lão, Thăng, Chi. Lão có ông Ầm, Thăng có Thái Tử và Chi có Bạch Huệ. Trên mỗi con bài đều không có chữ mà chỉ có những hình vẽ như kiểu siêu thực. Bài chôi không chỉ tạo niềm hứng thú cho những người đến chơi ngồi trên các chôi mà còn tạo thêm hẳn hoan cho số đông đúc người trong làng đến nghe *anh Hiệu* hô bài. Vì vậy vai trò *anh Hiệu* trong các cuộc chơi bài chôi rất là quan trọng. Muốn đủ khả năng để đóng vai trò này, *anh Hiệu* tất phải thuộc lòng hàng trăm câu thơ, nhớ cả hàng trăm bài hát, câu hò, câu vè, ngoài ra còn phải có tài ứng khẩu linh hoạt, ăn nói chẳng những hoạt bát mà phải có duyên thì mới làm cho cuộc chơi được vui vẻ hay đây hứng thú. Bộ bài được sử dụng trong các cuộc chơi bài chôi là bộ bài trùng, rất phổ thông ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Trong cuộc chơi bài chôi có 2 bộ bài. Một bộ để phân phát cho người chơi ở chôi và một bộ được cắm trong ống tre treo cao nơi chôi *anh Hiệu*. Mỗi chôi chơi nhận được 3 con bài khác nhau. Phát bài đủ xong cho các chôi, *anh Hiệu* quay mặt về hưởng Ban Chỉ Đạo cuộc chơi và hô:

*Hiệu phát bài đã đủ
Cho Hiệu thủ bài tỳ.*

Sau khi có tiếng trống chầu đồng ý của Ban Chỉ Đạo cuộc chơi, *anh Hiệu* quay mặt hưởng về các chôi, cùng khán giả để loan báo cuộc chơi bắt đầu bằng một câu như:

*Gió xuân phát
phôi ngọn tre,
Hai bên có bác
lắng nghe bài
chôi.*

Kể đó *anh Hiệu* cầm ống tre hiện có cắm các quân bài trùng mà lắc kỹ rồi rút ra một thẻ. Sau khi nhận diện quân bài, *anh Hiệu* không loan tên quân bài đó mà chỉ loan một câu thai gồm từ một câu đố, một đoạn thơ hay bài hát hoặc ca dao. Cũng có thể *anh* kể một chuyện ngắn hay hát những câu vè đề cao đạo đức con người hoặc châm biếm những cảnh trái tai gai mắt đương thời. *Anh* vừa hô vừa làm thêm những động tác để câu nói *anh* thêm hấp dẫn. Trong lúc đó những người chơi lắng nghe tới những chỗ ỨNG với tên bài.

Ví dụ như *anh* hô:

*Thuyền ai thấp thoáng bên bờ,
Hay thuyền ông Lự đợi chờ con vua.
(ứng với quân bài THÁI TỬ)*

Anh Hiệu lại rút từ ống tre ra một quân bài thứ hai và hô:

*Đầu rồng, đuôi phụng, cánh tiên
Ngày năm bảy vợ, tối ngủ riêng một
minh.*

thì người chơi biết câu đó ứng với quân bài Ba GÀ.

Trò chơi cú thể tiếp tục và người chơi cũng như khán giả cũng có thể nghe những câu như:

*Một hai bậu nói rằng không,
Đấu chân ai đứng, bờ sông ai ngồi.
(quân bài Bảy Thừa)*

*Làm duyên làm cách làm kiêu,
Hết duyên bí thối, bầu thiu ai thêm.
(quân bài Nhị Bì)*

*Trời mưa lộp độp sân đình,
Anh đi cho khéo, trượt mình xuống đàng.
(quân bài Ngũ Trệt)*

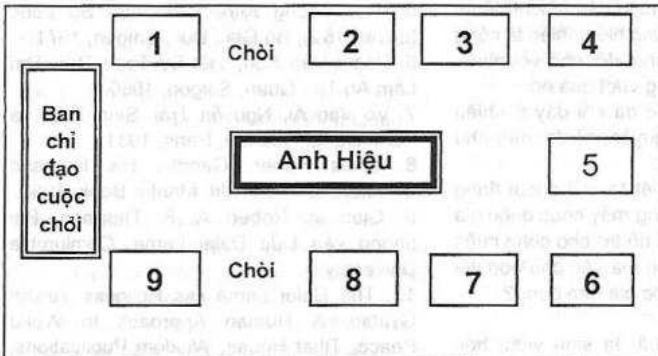
Lắm khi *anh Hiệu* hô những câu dài hơn để tạo thêm sự hấp dẫn cho người nghe:

*Tay cầm sào chống lái,
Mắt liếc túp lều tranh.
Ở đây dưa rước bộ hành,
Thuyền nan một chiếc, chủ sanh trọn bề.
Trải qua bài bạc gành nghề,
Bốn mùa chèo chống, đôi bề sóng xao.
Tiếng ai vắng vắng kêu dò,
Mau mau nhổ nọc chèo qua rước người.
(quân bài Nhất Nọc)*

Và cú như thế cho đến khi có chôi nào có được 3 cặp bài trùng thì đánh một hồi mõ dài để báo tin mình thắng. Chôi trung ương đánh trống báo hiệu đã có người thắng. *Anh Hiệu* liền chạy đến chôi thắng để kiểm tra rồi hô to, ví dụ như: *Chôi số 5 thắng vì có một cặp Nhị Bì, một cặp Chín Gối và một cặp Nhị Nghèo... v.v....*

Kể đó chôi trung ương đánh một hồi trống. Tiếng trống vừa dứt thì người chơi tại các chôi con gõ một hồi mõ để mừng chôi thắng. Kể đó *anh Hiệu* lãnh khay tiền ở Ban Chỉ Đạo để đưa đến chôi thắng.

Thế thức chơi bài chôi ở Quảng Nam - Đà Nẵng là như vậy. Có thể xem đây như là những cuộc diễn xướng dân gian từng đem lại nhiều hoan lạc cho nhân dân trong tình nhân dịp mỗi độ Xuân về. ●



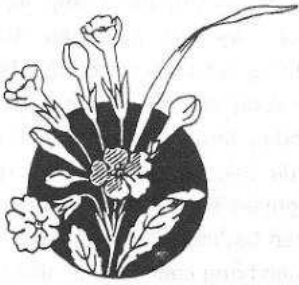
bài đất trống trong làng. Sở dĩ được gọi là BÀI CHÔI là vì những người chơi được phân bố ngồi trên các CHÔI dựng ở sân.

Tất cả gồm có 10 chôi: 9 chôi bao xung quanh dành cho người chơi và một chôi ở giữa thấp hơn dành cho người hô bài thường được gọi là *anh Hiệu*. Bộ bài chôi gồm có 30 con bài bằng giấy cỡ 2,5cm x 7,5cm dán trên những nẹp tre ngắn. 30 con bài (hoặc 30 quân) được chia làm 3 pho:

- **Pho VẠN** gồm 9 quân: Nhất Trò, Nhị Bì, Tam Quảng, Tứ Ghế, Ngũ Trệt, Lục Trạng, Thất Vừng, Bát Bồng và Cửu Chừa.

tưởng niệm nhà thơ

Tạ Ký



Cách đây khá lâu, hơn nửa thế kỷ, trong cuộc đời làm thầy giáo tình lẻ của tôi, lúc tạm dứt cuộc đời sinh viên ở Hà Thành, tôi hân hoan có được ba người đệ tử - có thể gọi là đệ tử được không nhỉ vì tôi không lập một môn phái nào để trở thành là sư phụ của họ - đúng hơn là ba người em lớn thân thương. Đó là Bùi Giáng, Tạ Ký và Nguyễn Thùy. Không lớn hơn họ bao nhiêu tuổi và cũng là đồng hương, họ học với tôi từ lớp nhỏ ở bậc Trung Học Pháp như Bùi Giáng, Nguyễn Thùy, từ hết cả bậc Trung Học ở trong bưng, rồi về thành Huế và rồi sau này là đồng nghiệp với mình như Tạ Ký.

Ở xứ Quảng xa xăm, Bùi Giáng từ miền sông Thu Bồn đổ xuống, Tạ Ký từ miền núi Quế tạt ra, Nguyễn Thùy từ Phước Tiên đến, là những "du học sinh" lặn lội ra thành phố Hội An nhỏ, khá vắng mình thoàng mùi nước mắm, cá tôm hăng hắc và thơm mùi á-phiện trong các phố hẹp có đông đảo các chú Khách Tàu. Một trường Trung Học tư thục nhỏ nhỏ - trường Viên Minh - mọc lên trên bờ sông Hội An chi chít ghe thuyền phảng phất cảnh rộn rịp thời Phố Hiến Chúa Trịnh vào cuối thế kỷ 17. Ở trường này, những ông giáo từ Hà Thành hoa lệ đổ dồn về dạy học tạm sống qua ngày: đó là nhà thơ Lưu Trọng Lư, rồi họ Lưu lấy vợ luôn ở đó, nhà văn Phạm Văn Hạnh

của nhóm Tinh Hoa Hà Nội và là tác giả của văn phẩm *Giọt Sương Hoa*, và chúng tôi, ba bốn người của địa phương xứ Quảng Nam Đà Nẵng. Nhắc đến bộ ba Nguyễn Thùy, Bùi Giáng, Tạ Ký, ngày nay kẻ mất người còn, có người trong hiện tại vẫn gọi tôi là Thầy như Bùi Giáng và Nguyễn Thùy, có người để được thân mật hơn, đã bỏ lối xưng hô "Thầy Con" từ bao giờ mà gọi bằng tiếng "anh em" ngọt xớt, như Tạ Ký... tôi thật vô cùng bùi ngùi về bao nhiêu hoài niệm cũ ray rút được sống với họ, trên mảnh quê hương đất nước suốt thời bình đến khi thời loạn. Nhờ về họ, tôi cũng không có chút hậu ý nào lấy cái thực danh và chân tài của cả ba làm cái hư danh phảng phất cho chính mình.

Cả ba, Nguyễn Thùy, Bùi Giáng và Tạ Ký đều có quan niệm sống lạ thường là bất cần đủ luận và miệng thể, qua nhiều lần tâm sự với tôi như Tạ Ký và Bùi Giáng. Họ có nhiều dị biệt, mâu thuẫn thay! Mà tưởng đồng. Cuộc đời họ không gian truân, chìm nổi nhiều lắm nhưng mìa mai thay, cả ba nuôi dưỡng trường kỳ tâm trạng bất đắc chí, chung thân bất mãn lại có vẻ như hận đời chút chút. Tuy tỷ lệ có khác nhau, cả ba đều "bất bình thường" dầy đến độ "bị nạn" như ở Bùi Giáng. Họ có tài vượt chúng do trí sáng tạo đặc biệt của mình. Và ở đây, "bất bình thường" rất đúng là dấu hiệu của tài hoa. Đã có lần, nửa đùa, nửa thật, tôi nói với Giáng, Ký và Thùy: *"Tuy lớn hơn các em nhưng nếu còn sống lâu, anh sẽ viết cho cả ba, mỗi người một tiểu sử với tâm tình và nhiều giai thoại lật vật làm thành những mẩu "Đời văn" ngộ ngộ cho văn học sau này"*. Nhắc đến ba nhân vật này, thực đối với tôi có nhiều điều để nói, để nhớ thương về họ. Có một điều thực là dễ thương mà tôi ghi nhớ hoài hoài là ba đệ tử khá úy áy của tôi đều hết mực thương yêu và quý trọng người thầy cũ và cũng là người anh em của họ... bằng cách này hay cách nọ. Họ nâng đỡ tôi về vật chất, tinh thần với khả năng hạn hẹp của mình mỗi lần thầy đi tù về: tù Quốc Gia, tù Cộng Sản... và có cái may là cả học trò cùng sư phụ đều cùng một sở trường và riêng các đệ tử đều là nhà văn, nhà thơ bấy giờ được

trọng vọng với thực tài, thực danh của mình chỗ không phải họ do "bè phái, do cổ cánh" mà bốc lên như thói thường nhân thế. Do đó sự trợ lực của họ đối với bậc thầy là tôi trở nên rất hiệu nghiệm. Chúng tôi nhắc lại đó với rất nhiều biết ơn trong nền đạo lý cổ truyền. Xin chỉ nói riêng về Tạ Ký:

Sau Hiệp định Genève, từ trại tù Việt Minh, miền Tiên Lập, vùng xứ Quảng Nam, rừng cao núi thẳm về, tôi xin dạy học ở trường Trung Học Khải Định Huế thì đã thấy ngay trong lớp Đệ Nhất của tôi có người học sinh cũ, nước da trắng trẻo, ngồi ở bàn dưới cùng là Tạ Ký rồi. Thế là Ký mừng vô cùng, tìm đến nhà thăm viếng thường xuyên, giúp đỡ vật vạnh trong khi vợ con tôi nheo nhóc, chân ướt chân ráo sống giữa cổ đô rộn rịp, tinh trạng chưa phục hồi từ vật chất đến tinh thần...

Lại đến khi vào Sài Gòn, tôi đi tù từ trung dương Phú Quốc về, Ký cũng tìm biết địa chỉ đến thăm, sau những giờ lấy "cua" ở Đại Học Văn Khoa, Ký còn sốt sắng đến các tòa soạn, nhật báo, tạp chí bán các bài viết của tôi mà theo sự thúc giục của Ký, tôi viết rất hối hả... Cả Bùi Giáng lẫn Tạ Ký đều trợ sức cho gia đình chúng tôi độc nhất có phương thức này: năm, bảy mẩu hồi ký tù rồi rạc, vài câu chuyện rong chơi triết lý vụn, vô đề... tất cả tôi chắc do sự rao hàng của Ký và Bùi Giáng mà họ thường tình trả cho tôi nhuận bút cao. Có lần Ký bán cho Nhật báo Sài Gòn Mới của bà Bút Trà - nhờ nhà văn nữ Tùng Long đưa đến - một truyện ngắn khá lâm ly trong cảnh tù Việt Cộng, nhà báo không đăng, sau mấy tuần chờ đợi - có lẽ vì không đúng với lập trường của tờ báo nhưng cảm thông cảnh khó khăn về tài chính của tôi vừa mới thoát cảnh tù ngục VC nên bà Bút Trà, theo lời phụ quân của bà Tùng Long là ông Hồng Tiều, gọi cho Ký đem về cho tôi một nghìn đồng... Thực là cảm động! Lại một lần tôi viết một tập truyện, Tạ Ký thúc viết cho mau xong để Ký đạp xe đem ngay bàn thảo đến bán cho Tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong (nay Tạp chí này tiếp tục xuất bản ở Hoa Kỳ), ông Hồ Anh và thư ký tòa soạn bây giờ là anh Văn Giang trả nhuận bút rất hậu hi

(500\$) và với tân truyện ấy, tạp chí VNTP mở ngay đầu tiên một đề mục với hình vẽ rất đẹp lấy tên là: "Truyện Lòng" đăng tiếp hai kỳ trên 6 trang báo lớn. Số 27, 28 vào năm 1959. Tân truyện ấy lấy tên là Sống Lại và tôi đã cho đăng lại trong soạn phẩm "Truyện và Ký" của tôi, xuất bản ở Hoa Kỳ năm 1994, do nhà xuất bản Mékong ty nạn ở San Jose.

Trong bộ ba đệ tử lỗi lạc của tôi, Bùi Giáng, Tạ Kỳ và Nguyễn Thùy - về Giáng và Thùy tôi đã nói rõ các lần trước - thì Kỳ là người tài hoa hơn hết, phiêu bồng, thoáng đạt, bay bổng!... hơn hết yêu giai nhân, mỹ nữ, bướm hoa, tiên cảnh, phi phàm, tính tình bất thường, có khi hưởng nội, hưởng ngoại không chừng! Và Kỳ khác với Giáng nhiều ở vũ trụ nội tâm mỗi người.

Nếu Bùi Giáng không là con sông bình lặng chuyên chở bao nhiêu điều đa dạng hữu ích cho sinh hoạt tinh thần của con người âm thầm chảy ra biển cả thì văn thơ của Giáng là một đại dương.

Chuyến biển vô thường khi nổi sóng thì thách đố làm sụp đổ mọi tư tưởng của lý trí bình thường - khi bình lặng sóng yên gió tĩnh thì dưới đáy sâu thẳm nổi lên mặt nước bao nhiêu kỳ hoa dị thảo dồn dập đến vô cùng! Ở Tạ Kỳ, khác xa, cũng bất bình thường, nhưng luôn luôn than thở một vũ trụ tâm tình chiêm nghiệm nỗi sầu hận về một số kiếp đau thương tiền định. Từ thuở nhỏ, hồi còn học bậc Trung Học ở tỉnh nhà, chỉ là một thứ sinh ở quê vựa ra tỉnh lạ, Kỳ đã ôm ấp mộng thi nhân muôn thuở biết rung động tâm hồn trước đợt lá vàng, run rẩy trước cơn gió thu hiu hắt đầu mùa trên chòm phượng vĩ trước cổng trường hay tiếng sáo vi vu của ai kia đầu đó lấp ló trong hàng tre phất phơ bên kia ruộng lúa.

Tôi còn nhớ rõ mà bụi ngùi nhớ đến các buổi chiều chủ nhật, Kỳ rời nhà trọ học ở Hội An tìm đến thăm thầy để rồi hai thầy trò, đứng ra là hai anh em, rảo bước dạo chơi khắp phố phường của thị xã Hội An bé nhỏ. Nào con đường Chùa Cầu có cái tên Pháp, gọi chính văn hóa xa xưa: Rue du Pont Japonais và con đường Quảng Đông: Rue des Cantonais song song từ đầu đến cuối thành phố, chạy dài ra mãi ngoài ô

đầy những xóm nhà chi chít lụp xụp nằm không cân đối ở hai bên vệ đường đá sỏi...

"Chùa Cầu" (Chùa Nhật Bản) tối om, trên lợp mái ngói thấp trệt, những thanh gỗ bắc ngang qua con sông hẹp mỗi khi có xe cộ lưu thông rung rinh vang lên các âm thanh rập rình liên tiếp. Dưới cầu, dòng nước róc rách không ngừng, chỉ nghe tiếng nước mà không thấy dòng nước chảy đầu hết... Một cái chùa nhỏ - thấy đó mà không bao giờ tôi bước chân vào - được dựng lên giữa cầu, ở hai bên trông thật ngộ nghĩnh. Ở đầu và cuối cầu, có hai bàn thờ bằng gỗ đỏ chói, 2 con khi đội khăn đỏ ngộ nghĩnh, ngồi làm li, khói hương nghi ngút... Thầy trò chúng tôi đã nhiều lần dừng lại cầu, chiêm ngưỡng 2 cái tượng khi với nhiều cảm xúc hay hay...

Chạy dài theo bờ sông, các ngôi nhà xấp xỉ chuyên buôn các hàng hóa mà ghe thuyền chở đến hoặc chở đi từng đợt nhịp. Và đây Hội An, một giang cảnh có một lịch sử xa xưa đầy tính để khá phồn thịnh trong chiều dài của văn hóa Việt xây dựng nên nền văn minh Cổ Việt... Mùi cá tôm, mùi nước mắm hăng hắc, mùi nước sông vừa lạnh vừa hôi một thứ rong rêu của thủy thổ địa phương xứ Quảng làm cho người địa phương càng đi xa quê hương, lạc loài nhiều năm tháng trên miền đất lạ càng bụi ngùi thương nhớ về phố Hội, nhớ cảnh tấp nập ở bờ sông ấy! Tôi và Kỳ, 2 thầy trò lui thui dạo chơi, ngắm nhìn như những kẻ hiếu kỳ vô công rồi nghề cô độc...

Rồi có lúc hai thầy trò tạt vào tiệm Cao Lầu ông Cảnh, với các hàng song gỗ bắc chéo như mặt võng, bắt ra cả một luồng khói mịt mờ thơm phức bay đến tận ngoài đường phố, "kêu" vài tờ thường thức mùi vị Hội An để hạ cơn đói...

Bao nhiêu hoài niệm giữa thầy và trò, nhớ về Tạ Kỳ, người em tinh thần lỗi lạc của tôi... Nhưng đặc biệt một cố tật đeo đuổi nhà thơ họ Tạ mà khó nói về Tạ Kỳ, người ta nhắc đến như một thói quen bất ly vốn là lẽ sống của nhà thơ núi Tản sông Đà và riêng ở Tạ Kỳ, nhậu là một cái tật dễ thương đã đi vào huyền thoại.

Về 3 người em lỗi lạc của tôi, Giáng và Thùy mỗi người có một "nỗi buồn thời đại". Con người của Kỳ tìm đến hơi men để khuấy khỏa nỗi buồn hận thế sự bất công quá đối với mình, mỗi đau thương áp ù chín muối. Con người của Bùi Giáng chìm sự lãng quên trước những bế tắc tư duy mình về hữu thể, vô thể, về thuở bình minh nguyên sơ nào đất trời hội nhập truyền sinh khí siêu hình cho vạn vật, đúc tạo nên vũ trụ hữu hình. Bùi Giáng tìm sự lãng quên ấy của cá nhân mình bằng những cuộc rong chơi đây đó, lê bước đi trong thành phố nhỏ hẹp mà tưởng chừng tâm tư của lão gia rong ruổi giữa bao la trời cao mây rộng. Còn Nguyễn Thùy thì gặm nhấm nỗi chung thân bất mãn, đời sao không chịu hiểu mình bằng cách nhai đi nhai lại vài suy tư triết lý bí hiểm mà khó ai thu nhận được. Riêng cái nhậu đối với Kỳ là hình với bóng. Mà nhậu là hình, Kỳ là bóng, trái với thói quen của nhân thế. Cỡi chiếc Vespa, có luôn luôn trong cốp nạng Whisky, tu lỏ dỏ, Kỳ vừa đi vừa khám phá thêm những nơi hẹn hò tốt với các bạn bè mình trong vũ trụ tửu giới...

... Tôi còn nhớ, nhớ rõ lắm... Hồi Kỳ tu về (1977), tôi cũng được thả ở lần tu thứ nhất. Tôi mời Kỳ đến nhà dùng cơm, Cố Tuyết Hồng vợ của Kỳ căn dặn tôi: "Anh cho ành nhậu, nhưng nhậu mà không có tí rượu nào nhé, anh nhớ kỹ". Kỳ ngoái cổ lại nói: "Ồ!Ồ! Nhậu mà không có đế, sao gọi là nhậu... Đừng nói bậy..." Giữa bữa ăn, tôi và Kỳ nhắc lại chuyện cũ cách 20, 30 năm xa lắc. Trong hoàn cảnh sống pháp phòng, đầy ưu tư của chúng tôi, như cá nằm trên thớt, dưới chế độ CS, quả thực những hoài niệm ấy hình như thuộc về một kiếp nào! Kỳ nói: "Anh Kỳ này! Anh thì sao không biết, chỗ em, em không bao giờ đầu hàng bọn này đâu! Chó má lắm, mình sống sao được! Trong tù, một anh Biệt Động Quân chửi nó, nó nhốt connex, mình mảy anh ta lỏ lỏi, em có phận sự mỗi bữa đem một chén cơm sắn chút chút cho ành, em đã trộn bột terramycine trong ấy cho ành ăn tạm lành các vết thương... Thương hại anh ta quá". Rồi Kỳ nhắc lại về các năm học Trung Học bình dân với tôi ở Tam Kỳ. Đề luận

văn đầu tiên mà tôi thử văn tài Kỳ là một đề tài tả thú vật: "Hây tả một bầy chim sẻ đang ăn lúa" ... và rồi Kỳ đã được điểm cao nhất lớp trong số 65 người. Kỳ còn nhỏ rơ và khoe thành tích thời hoa niên ấy với bạn bè - bạn nhậu hay bạn đồng nghiệp với một giọng điệu tự tin rất dễ thương: "Thầy tao - anh Vũ Kỳ đã tiên đoán là tao sẽ nổi tiếng từ thuở bé" đó chúng mày".

Cuốn "*Sầu Ở Lại*", được giải thưởng Văn Học toàn quốc năm 1971 với chiếc khánh vàng Hội tặng Kỳ bỏ lỏn rổn trong túi quần cô đọng tinh ý buồn sầu, chung thân bất mãn của một kẻ tài hoa sinh bất phùng thời còn đậm nét ưu thời mẫn thế "trịch thượng".

Các bạn nhậu của Kỳ thường chế giễu và đòi sửa nhan đề thi phẩm ấy lại là Tiền Ra Đi (cho nên Sầu Ở Lại) ám chỉ máu đỏ đen sát phạt của Kỳ mỗi khi chàng ta rời rãnh. Một buổi nọ, ngồi ở phòng Giáo sư trưởng Petrus Kỳ, thấy tôi buồn, Kỳ sà lại gần gạ chuyện "Chiều nay, sau giờ tan học, em với anh đi nhậu chút chút ở quán đường Lý Thái Tổ hoặc Trần Quý Cáp chơi nhé, anh. Mỗi khi chán nản, bực bội sự đời, ngồi nhấm nháp cốc bia, thổ phi phào điệu thuốc, nghe gió về trên lá, trước tiệm nước, nhìn người nhìn ta, trầm tư với bao nhiêu ý nghĩ nội tâm của mình. Thiết thú vị đó anh". Và rồi anh sẽ quên bằng thời gian, không gian, những bực dọc của nhân thế gặm nhấm trong tâm hồn. Mình quên mất, tưởng chừng như Lão Tử cỡi trâu trắng ngao du thiên hạ, tìm lẽ huyền vi của Trời Đất. Một lối thiên hạ cấp đó, anh. Anh thử nghiệm xem rồi anh mới thấy có hiệu lực. Anh sẽ chiêm nghiệm: -Những ưu tú xao xuyên về cuộc sống, về lẽ chết, về hư vô, về kiếp người, về... về giai nhân, tài hoa, quốc sắc, thiên hương... lãng dăng mở mở màng màng qua hơi nồng của rượu, làn khói thuốc, để rồi tan biến cùng buổi chiều của cuộc đời mình và của thiên nhiên. Bạn bè vợ con... trách em nhậu nhẹt, la cà quán này, quán nọ. Nhưng đó còn là may, em còn có đủ lý trí để không la hét giữa chợ đời đầy bí ối, nhớ những nghịch lý này. Nhiều lúc, nốc say, em muốn đứng giữa đường chửi đời, chửi người cho hả

dạ... *Đời chó má quá! Anh nhỏ trần lợt 1964 ở Quảng Nam chỗ, đã giết của em bao nhiêu phần da thịt, tim óc của em không?...".*

Lại nữa, lúc tôi đi tù về lần giữa năm 1979, tại Sài Gòn thì được tin rằng Tạ Kỳ đã ra đi vĩnh viễn rồi. Tôi buồn vô cùng, cái buồn khó tả như rút ra khỏi con người mình một phần lớn những hoài niệm của cuộc đời dĩ vãng dính liền với kẻ tài hoa xấu số. Bạn bè cho biết Kỳ từ Sài Gòn xuống lục tỉnh đi chui rồi nhậu say mèm ở một quán chợ, ngủ vùi ban đêm trong lều chợ lộng gió rồi mất ngay ở đó miền lục tỉnh. Chuyện thực hư không rõ nhưng quả một khúc trường hậu ca kết liễu một đời người! Thương hại cho một kiếp thi nhân chung thân bất mãn sống trên đời, chưa một lần vui với đến, thỏa cơn mộng bình sinh dù là trong giây phút ngắn ngủi để mình tự dối mình... như mệnh số của nhà thơ họ Tạ.

Rồi khi mới ra nước ngoài, tôi cũng được bạn hữu cho biết là bà con của Kỳ và bằng hữu - trong đó có người bạn đời của Kỳ hiện tại ở Mỹ - đã thành tâm dâng đàn làm lễ cầu siêu truy điệu trọng thể cho nhà thơ quá cố tại một ngôi chùa lớn ở Westminster (California).

Thôi thế cũng tạm an ủi và ấm cúng cho một cô hồn nghệ sĩ - Kỳ làm thơ rất nhiều nhưng vòn vẹn để lại cho đời mỗi thi phẩm mà người đặc ý nhất được giải thưởng Văn Học nói trên. Thơ của Kỳ đượm một ít Quang Dũng, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Thâm Tâm v.v... và riêng rất nhiều của Tạ Kỳ. Nội dung cùng các hình tượng nghệ thuật hồn nhiên độc đáo mang mang sầu hận bao la, u uất về kiếp phù sinh lở vận lạc dòng... có thể của Kỳ, của ai đó và của một số người trong chúng ta là nhân thế. Hồi còn là một sinh viên lớp đệ nhất trường Lycée Khai Định Huế vào năm 1952, 53... những bài thơ Kỳ nhẹ nhẹ, ý và lời dễ thương đăng tải trên tạp chí *Đời Mới* ở Sài Gòn và một vài tạp chí ở Hà Nội... Tâm tư bề bàng của tuổi hoa niên, yêu đương mở mộng, đứng ở ngã ba cuộc đời, phân vân về lý tưởng ngày mai được các nàng nữ sinh ở Sài Gòn, Huế nắn nót từng lời trong tập Album ngập tràn hoa bướm...

Rồi đến lúc va chạm với đời, giữa đó thành nhận nhịp, bưng tình một cơn say, nhà thơ viết vội đôi vần hoặc một thi phẩm đầy uẩn úc, sầu hận, trách hờn man mác... Tiếc rằng chúng tôi không có được tập "Sầu Ở Lại" của Kỳ trước mặt... Nhưng trong vườn Tao Đàn hiện tại, khó tìm thấy ở đâu những vần tái tê dịu vợi, u uất nỗi buồn thế sự, chất chứa đắng cay cho một kiếp người lở đại trót lạc lờng hành trình giữa cõi phù sinh như nhà thơ họ Tạ. Ray rứt vì bao nhiêu phiền lụy, từng thú nhận mình là kẻ trần đầy tội lỗi:

"... *Tôi hốt hoảng như một người phạm tội*

Tôi muốn chạy nhưng mà đường nghẽn lối

Chúa thì xa, Phật cao vút từng không..."

Nhưng rồi trong Đêm Giáng Thế, nhà thơ cầu xin được thánh hóa để trở nên một con người ngoan đạo vô cùng:

... *Đêm Giáng Thế, chiêm lành quỳ lạy Chúa,*

Thường đàn chiên nằm dưới gót sài lang,

Chúng con sống đau buồn trong khói lửa,

Thầy chồng thầy, ngán mắt lối Thiên Đường.

Đấng Cửu Thế tình yêu trùm vũ trụ
Vâng ngôi Cha làm một kẻ chắn cửa
Xin vớt lấy những linh hồn đen tối...

Gởi đời, gởi người, gởi hậu thế là những tâm tư cay đắng nào nùng của nhà thơ trước vạn nẻo truân chuyên của đời mình, trước tình yêu nghẽn lối, ngập ngừng:

THÊM BUỒN

Tôi đã chết dễ dàng như đã sống
Mất không buồn vì nhắm đến thiên thu
Con chim nào xanh giấc mộng nào hư
Lời hay bướm lịm dần vào dĩ vãng
Ba mươi Tết khổ lo tiền cơm tháng
Em mỉm cười em có hiểu gì đâu?

Tôi từng nghe chó sủa suốt canh thâu
Và chim hót suốt mùa đông lạnh lẽo
Ôi những cánh chim hồng tung bay lạc nẻo
Đường về trái tim hun hút thời gian

Thuở xưa kia người ấy đẹp tuyệt trần
Cao nguyên ngục Thái Bình Dương
mất biếc
Ảnh đào môi tóc trường giang quán
riết

Tháp da ngà chứa một bóng du lam
Tôi đến bên em lời nói ngập ngừng
Ốc đảo chấp chờn giữa trưa sa mạc
Gót ngọc quay đi một người chết khát
Thuở xưa kia thời mười tám hai mươi
Có chàng trai cười vẫn nở trên môi
Tin tưởng lắm chuyện trên trời dưới đất
Nhân ái công bằng yêu thương bất
khuất

Viết chữ hoa trong óc trẻ mười tám
Nay ba mươi biết được chuyện xưa
nhằm

Thì đau khổ đã hằn trên trán nhỏ
Và uất hận vạch trời nhúng chẳng tỏ
Rồi cô đơn như một kẻ chần chừ
Trên đời cao nhìn tinh tú luân lưu...

.....
Lúc tôi in lại soạn phẩm "Nghệ thuật
viết và đọc văn" của tôi ở Sài Gòn
(1961) tôi đã nói với Tạ Kỳ hãy chọn
cho tôi một bài thơ bí hiểm nhất của
Kỳ cũng như lối thơ của Thanh Tâm
Tuyền và nhóm Xuân Thu Nhã Tập
thời tiền chiến để tôi trích dẫn trong
sách của tôi và Tạ Kỳ đã trao cho tôi
bài đoàn thi sau đây:

Đôi bờ cây xanh cửa miệng,
Gốc cây bốn xác cùng hồn
Trái chín chưa mùa hiển hiện
Bàn tay bịt mắt môi hôn!
"Tình thường mỏng dầy lớp giấy,
Rách, lành gói trọn chữ Yêu"
Thánh giá còn nguyên máu chảy,
Âm thanh dựng nhịp phù kiều
Hai bên hai bánh xe lăn,
Lên dờ hay là xuống dốc?
Triệu triệu con người vun gốc
No lòng như thể được ăn!...

(Thánh giá còn nguyên máu chảy
- Tạ Kỳ)

Đôi trang tâm thành, tim rưng rưng
dòng lệ, tôi viết vội với đau thương âm
thầm, tha thiết gọi đến nhà thơ tài hoa
mà cũng là người em xấu số của mình
gọi là nén hương lòng của người đàn
anh đã đi sâu trong cuộc đời người em
không còn nữa... Khấn niệm nhà thơ
họ Tạ bây giờ đây hương linh phiêu
diêu trong cánh trắng sao mây gió hay
phất phơ bằng bạc trên sóng nước
ngàn khơi. ●

THƠ Nguyễn Thùy

MAI NÀY KHI TA CHẾT



Mai này khi ta chết
Các người đừng biên tiểu sử
Ta đã nhảm tiểu sử
Nhạc ta đừng hát
Thơ ta đừng đọc
Lời ta đừng ghi
Vi ta là thằng Cuội

Mai này khi ta chết
Các người đừng biên hộ
Ta đã nhảm biên hộ
Đừng khen chê gì ráo
Đừng rạch rời phân tích thị phi
Đừng xây bia dựng tấm
Đừng nêu đức kể công
Vi ta là phù thủy

Mai này khi ta chết
Các người hãy đạp lên mồ lên
mả
Khai quật cốt hài ta
Dem rải sông rải biển
Cho loài ác điều kinh ngư
Rút rìa thật no
Rồi ngã lăn ra chết
Vi ta là chất độc

Nếu các người từ chối
Không nghe lời ta dặn
Thì quả lũ các người
Là bọn người
Khốn nạn
Không xứng là kẻ "thừa kế" ta
dâu

Thì buộc lòng
Ta sống lại
Đời đời
Làm tên thừa phát lại
Tống trật đời
Bắt hết lũ các người
Về trị tội
Tội "ngu dần" hơn ta!

(Thác lời một "lãnh tụ" di chúc lại cho
dàn em)

Ta đến với các người
Nói ít điều vụn vặt
Mai này khi ta chết
Các người có quyền
Lấy máu xương da thịt
Uớp đất cho mềm
Lấp con đường sỏi đá
Trải nhung tó
Cho nhẹ gót các người đi
Còn như bấy giờ
Các người đừng hỏi
Ta làm gì?
Vi ta đã chết
Giữa tuổi xuân chai lì
Hòn gỗ đá vô tri!

Ta làm con ngựa thồ
Chở đầy lưng đau khổ
Nhưng Thánh Kinh của lũ con
hoang
Đem trút lên mình
Để giết chết màu xanh
Vi ta là chất khai quang

Ta làm tên âm binh
Dậy lên từ bóng tối
Muộn hết của lũ người
Thịt, xương, da, máu
Giết cho thật nhiều
Chém cho thật nhanh
Dệt bài ca chiến đấu
Dựng loài người
Trên triệu triệu đầu lâu
Vi ta là con mã tấu

Câu chuyện một người Phật-Tử

An-Tiêm MAI-LY-CANG

Tôi vốn có liên hệ tinh thần rất nhiều với hai vị cư sĩ tiền bối là Cụ Mai-Thọ-Truyền và Cụ Châu-Quang-Phước. Cư-sĩ Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền nguyên là Hội-Trưởng Hội Phật-Học Nam-Việt, Chùa Xá-Lợi Sài-Gòn, thì có lẽ đã được rất nhiều người biết đến qua các công trình đóng góp giá trị của ông trong việc chấn hưng và truyền bá Phật-Giáo Việt-Nam.

Còn Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước thì chắc hẳn ít được nhiều người nghe tới vì bản tính nhân hậu, khiêm nhường và thích an nhàn, ẩn dật. Trong suốt cuộc đời hành đạo tu tâm dưỡng tánh đi tìm giác ngộ và giải thoát, Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước luôn luôn lúc nào cũng tỏ ra là người có phong cách của một vị chân tu chánh niệm, thường hay đem tình thương và nhân nghĩa ra để mà ứng xử với cuộc đời. Những ngày làm quan lại dưới chế độ thực dân của Cụ, là những chuỗi ngày để Cụ được dịp thi ân bố đức cho kẻ nghèo, giúp đỡ, bênh vực người dân có thể mỗi khi hữu sự.

Tốt nghiệp Kỹ-Sư Công-Chánh, Cụ được chính quyền thuộc địa bổ đi làm việc và giữ nhiều chức vụ cao cấp quan trọng trong các tỉnh ở Nam-Kỳ. Đến đâu, Cụ cũng tỏ ra là một người Phật-tử mộ đạo, hiền lương qua các hành động gieo tình nhân nghĩa đối với dân lành và sốt sắng ủng hộ các công tác Phật-sự ở các chùa chiền. Riêng tại tỉnh Trà-Vinh bấy giờ, hiện vẫn còn sót lại những công trình xây dựng kiểu lộ của Cụ.

Thưở sinh tiền, gặp lúc nước nhà chiến tranh loạn lạc, Phật-giáo không được mở mang cho nên nhiều lúc người ta thường được nghe Cụ than phiền về các đạo dụ kỳ thị tôn giáo của các chính quyền dưới chế độ cũ. Tuy nhiên, có điều khác lạ là Cụ vẫn lạc quan vì cho rằng lẽ đạo nói vạn vật vốn có ý nghĩa vô thường, thì huống hồ gì những cái sắc lệnh không những không có căn bản giá trị pháp lý mà cũng chẳng thuận lòng dân. Ngoài ra, Cụ rất quan tâm về thời cuộc nước nhà, nhưng chưa bao giờ Cụ có ý nghĩ là mình phải tham gia vào việc làm chính trị. Theo Cụ, người Phật-tử thuần thành hòa nhập tâm hồn vào tôn giáo, thì tức là đã có tham gia vào một hình thức đóng góp làm tốt cho xã hội rồi. Và Cụ thường đề cập đến phương châm hành động bất bạo động của Phật-giáo, Cụ khuyến mọi người hãy cố gắng làm sao tu tập cho thấm nhuần được hai chữ Tứ-Bi. Thời kỳ nhà chí sĩ Nguyễn-An-Ninh cùng với các đồng chí khởi xướng lên phong trào thanh niên tiền phong, tầm vông vạt nhọn để kháng chiến chống lại thực dân Pháp, thì chính Cụ là người đã từng đứng ra dùng uy tín của cá nhân mình, để vận động can thiệp với chính quyền bảo hộ địa phương xin giảm tội tử hình xuống lưu đày cho rất nhiều nghĩa quân bị giặc bắt lúc bấy giờ. (Hồi đó giặc Pháp nghi ngờ hay bắt

được nghĩa quân là có quyền tha giết, tùy nghi xử bắn tại chỗ)...Rồi quá khứ thời gian như đã lãng quên, những gần đây trong những ngày còn lại của cuộc đời sống xa quê hương, tâm hồn nhân hậu và tánh khí tốt đẹp đó của Cụ vô tình đã được cộng đồng người Việt-Nam hải ngoại tại Paris biết đến qua một giai thoại ly kỳ cảm động sau khi Cụ đã qua đời...

Cụ đã qua đời cách đây 16 năm, trong ngày hỏa táng tại nghĩa trang Père Lachaise tại Paris. Sau khi Thượng-Tọa Thích-Huyền-Vi (nay Hòa-Thượng là Vị Tăng-Thống của Giáo-Hội Phật-Giáo Linh-Sơn Thế-Giới) cùng các tăng ni làm lễ cầu siêu tiễn đưa cho linh hồn của Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước về cõi hư vô, thì Đại-Tá Châu-Hữu-Lộc (thủ nam của người quá cố) đứng lên đại diện tang gia ngỏ lời cảm ơn thân hữu Việt-Pháp và tiếp tục giới thiệu phần phát biểu cảm tưởng.

...Trong bầu không khí trang nghiêm, lời phát biểu thân tình sau cùng là của ông Huỳnh-Hữu-Nghĩa (nguyên là vị Bộ-Trưởng lâu dài nhất dưới chế độ nhà Ngô) đã làm cho người nghe phải xúc động và chú tâm theo dõi.

-Theo ông, Kỹ-Sư Châu-Quang-Phước đối với ông là hình ảnh của một người cha chú, một Phật-tử có tấm lòng bao dung quảng đại. Hồi tưởng lại quãng đời cách đây hơn ba mươi năm, vạn vật hoàn cảnh đổi thay, cái gì cũng đi qua nhưng hành động nghĩa nhân của người Phật-tử Châu-Quang-Phước hiện còn để lại trong tim ông một dấu ấn cảm tình cao quý không thể phai mờ. Số là (theo lời ông kể) vào thời kỳ toàn dân nổi lên phong trào kháng chiến Nam-Bộ chống Pháp, thì ông là một trong những lãnh tụ của nghĩa quân ở miền Tây. Ngày N ông bị sa chân vào ổ phục kích vây bắt của Sở Mật-Thám Pháp ở tại châu thành Vĩnh-Long, lúc bấy giờ dưới quyền chỉ huy của viên Thiếu-Tá Bernard-Petit. Lần này, bị truy lùng quá chặt chẽ cho nên ông không tin là mình có thể làm cách nào để đào thoát ra khỏi vòng vây được. Tuy nhiên, trong phút giây tuyệt vọng cuối cùng thì ông nhớ đến đức độ tử tế của người Phật-tử Châu-Quang-Phước mà nhiều người kính mến cho nên ông không ngần ngại tìm đến nhà để xin lánh nạn (lúc đó Kỹ-Sư Phước đang là Trưởng-Ty Công-Chánh ở tại Vĩnh-Long). Dưới chế độ Thực-Dân lúc bấy giờ, hành động tòng phạm che giấu nghĩa quân là một hành động chống lại mẫu quốc sẽ dẫn tới cảnh tù tội lưu đày một gông. Nhưng lòng tử-bi của Cư-Sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước đã không những không tố cáo ông mà còn trá lại tìm bằng mọi cách để bảo vệ tánh mạng cho ông.

Diễn tiến sự kiện, sau khi ông lánh nạn tại nhà của Cư-Sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước được khoảng một tuần lễ, thì ngày nọ có viên Thiếu-Tá Bernard-Petit đến chơi ở rất lâu trò chuyện với Kỹ-Sư Phước. Trong dịp, ông ta (Thiếu-Tá Petit) cũng có nói tới chuyện tìm bắt ông cả tuần qua mà không kết quả và yêu cầu Kỹ-Sư Phước tiếp sức truy tìm. Kỹ-Sư Phước nhận lời, nhưng sau đó đã tìm kế giúp cho ông thoát thân ra khỏi được vòng vây và trở về bưng tiếp tục công cuộc đấu tranh... Khi ông kể tới đây (có

Tiến-sĩ Lâm-Bửu-Sơn thông dịch tiếp theo bằng tiếng Pháp) thì bất ngờ có một ông Tây già đang đứng đối diện với ông bỗng mặt mày tái nhợt và như rung động toàn thân... Và ông Huỳnh-Hữu-Nghĩa vẫn kể tiếp:

-Tuy là một nhà nho học, nhưng ông ít khi ông tìm thấy được người nào có tấm lòng hào hiệp phi thường như Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước... Và cuộc đời của ông sau bao nỗi thăng trầm đã đạt lên tới đỉnh vinh quang. (Dưới suốt chín năm chế độ của nhà Ngô, ông được coi như là một công thần hưởng nhiều ân sủng nhất, ông được bổ nhiệm làm Bộ-trưởng từ năm 28 tuổi (chú thích của người viết). Tuy nhiên, trong suốt khoảng thời gian sống trên bổng lộc công danh, ông không bao giờ quên được quá khứ cuộc đời mà hành động nghĩa tình cao cả quên mình của Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước bao giờ cũng còn ngự trị trong trái tim ông. Do vậy, mà trong thâm tâm ông lúc nào cũng muốn tìm dịp để trả ơn cho vị ân nhân khi xưa đã từng ra tay cứu nạn mình. Chính vì lẽ đó, cho nên đã nhiều lần ông tìm đến thăm Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước và ngỏ ý muốn giới thiệu Cụ với gia đình nhà Ngô để tham gia nội các. Nhưng mỗi lần như thế thì ông đều được Cụ chối từ và tươi cười đáp lễ:

- Ngày xưa tôi cứu giúp chủ vì tình nghĩa đồng bào dân tộc, vì phản ứng tình cảm tự nhiên của một người Phật-tử vị tha. Nay chủ được rạng rỡ công danh, tôi rất mừng nhưng thôi chủ hãy quên đi chuyện cũ...

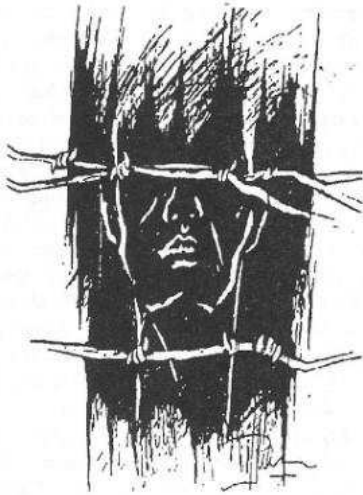
Về tuổi xế chiều, Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước nghỉ hưu và sống cuộc đời kệ kinh, ẩn dật cho đến khi có biến cố mùa Xuân 1975 xảy ra mới xin sang tỵ nạn chánh trị tại Pháp. Lúc Cụ mãn phần đúng vào ngày 6-12-1983, thượng thọ 86 tuổi... Ngoài các thân hữu trong Hội Người Việt Cao-Niên Hải-Ngoại, các đại diện Hội-Đoàn Việt-Nam tại Paris, những người bạn có trí ở trong nước (trong số có gia đình Cụ Vũ-Dương-Hồng-Sễn) đều có đến phúng điếu, tiễn đưa và gởi lời chia buồn thương tiếc Cụ.

Sau đám táng của Cụ, chỉ có gia đình của tang gia mới biết được ông Tây già run rẩy khi nãy chính là Đại-Tá Petit (khi hồi hương ông mang cấp bậc Đại-Tá), người có tim bắt cho được ông Huỳnh-Hữu-Nghĩa khi xưa cách đó hơn ba mươi năm về trước. Nhưng nhờ có tấm lòng nghĩa hiệp, thấm nhuần tư tưởng, tinh thần đại tử-bi của đạo Phật mà Cư-sĩ Minh-Trí Châu-Quang-Phước đã cứu được ông Huỳnh-Hữu-Nghĩa thoát nạn tử thần.

Đây là một giai thoại nghĩa tình lý thú được tiết lộ như nhiều trường hợp khác ở trong xã hội loạn ly, nhưng nói riêng là của cộng đồng người Việt-Nam hải ngoại tại Pháp. Tôi muốn thành tâm ghi lại để cùng với bạn đọc nhìn thấy được màu sắc của cuộc đời thật là oái oăm, kỳ lạ thay, chuyện gì cũng có thể xảy ra với ý nghĩa vô thường!

... Và đó cũng là câu chuyện của một người Phật-tử hiền lương, thể hiện được tấm lòng tử-bi, khi biết dùng sức mạnh của tinh thần để dùng cảm quên mình, đứng ra che chở cứu nạn cho người bằng với những hành động phản ứng tùy duyên trong nghịch cảnh

Bài buồn Thế Kỷ



Lời nói đầu: Mỗi năm đến ngày 30/4, tập đoàn Cộng Sản Việt Nam lại kỷ niệm ngày xâm chiếm Miền Nam để gọi là "Thống Nhất Đất Nước" rồi đưa ra Nghị Quyết này, tuyên bố nọ hầu và vuiu và ru ngủ dân chúng quên đi những tội lỗi tày trời chúng đã gây ra cho nước, cho dân kể từ ngày đó, ngày chúng "kể ân tình giải phóng, ngày chúng khoe công cán đổi đời" (Đổi đời cho Đảng riêng thôi, Dân kia phận mỏng tôi đời kể chi!). Nhân dân trong nước hay nơi hải ngoại mỗi năm đến ngày này lại chỉ thấy nhục nhã đau thương cho phận mình, phận nước để sôi sục căm hờn, thù hận bọn người phản bội quê hương, dân tộc. Đoạn thơ dưới đây ghi lại tâm trạng người dân trong ngày 30/4, ngày buồn dài của lịch sử Việt Nam.

.....
Xuân 75 xôn xao lòng dạ
Cuối tháng Tư rộn rã bố phờ
Bên lo còi giáp cuốn cờ
Bên mừng đại thắng (!) thời cơ cướp quyền
Kẻ nào nức vầy duyên hội mới
Người bàng hoàng chối với tâm can

Giao thời trời đất hoang mang
Người đi kẻ đến rộn ràng ngược xuôi
Tiếng loa thét niềm vui với với
Cánh buồm trường với với âu lo
Phần năm thế kỷ đôi co
Hai bờ tranh chấp một giờ nhục vinh!
Bao mai mĩa cuộc tình dân tộc
Bao ngậm ngùi Tổ Quốc Quê Hương
Cuộc cờ đỏ máu trắng xương
Hai mươi năm lẻ đoạn trường, hồi ôi!

.....
Sài Gòn vỡ dậy dâng âm vọng
Giải phóng về kèn trống loa vang
Tin vui chạy khắp xóm làng
Nhạc mừng đại thắng rộn ràng núi sông

.....
Ngỡ như thế Quê Hương đôi môi
Ngỡ từ đây sông nước yên vui
Chao ôi! Nói những nghẹn lời
Mặt của muôm đắng, than ôi, còn gì!
Từng ngày đến, ngày đi, ngày lại
Nước qua cầu nước mãi xuôi êm
Mặt mừng một nghĩa trang đen
Chập chùng gió bão bóng đêm quê nghèo!

Cha túc tuổi eo xèo căm nín
Mẹ bờ phờ nghẹn nói lời đau
Tuổi thơ hoang phế lên màu
Má hồng lệ mặn gục đầu chiêm bao!
Đêm từng đêm trăng sao vàng vọt
Ngày từng ngày nắng rớt hoang liêu
Gầm gừ tiếng cộp lời beo
Đầu quê cuối chợ tiêu điều xác xơ!
Sông vẫn lạnh đôi bờ bến nước
Đời đổi đời sau trước khác chi
Mẹ ôi! Còn nói lời gì
Sông mé vẫn một dòng đi lạnh lũng!
Vẫn cuộc sống bão bùng mưa nắng
Vẫn cuộc đời lặn dạn chua cay
Vẫn từng ngày một ngày hai
Vẫn từng khuya sớm dọc dài truân chuyên!

Vẫn lệ chảy trong đêm thắm lặng
Vẫn mồ hôi giọt đắng theo nhau
Vẫn muôm túi vẫn nghìn sầu
Vẫn xô xác áo vẫn bầu nhàu cơm!
Vẫn nheo nhóc đàn con gầy guộc
Vẫn vàng tay vẫn buốt đen chân
Vẫn ngày eo óc đời ăn
Vẫn đêm rách muôm chiếu chán lạnh dài!

Vẫn miên viễn đọa đày khổ nhục
Vẫn triền miên áp bức bất công
Vẫn tiếng oán vẫn lời hờn

Vẫn dây xiềng xích vẫn vòng cùm gông
Vẫn ớn lạnh lưng dòng tụy sống
Vẫn ngậm hồn cháy bóng tim gan
Vẫn ngỡ ngáo mắt lũng trông
Vẫn ngỡ nghếch xác vô vàng tù lao
Vẫn tiếng thét gào điên dại
Vẫn niềm niềm hồ hải hoàng kinh
Vẫn loài chó sủa mèo rình
Vẫn thời quạ rúc cú nhìn, gòm thay!
Vẫn máu chảy canh dài giấy giụa
Vẫn thân bầm nát rửa tinh suồng
Vẫn tuồng róc tụy nạn xương
Vẫn trò hút máu bòn hồng đến cùng
Vẫn gục mặt công lũng nghĩa vụ
Vẫn cúi đầu linh thú dân công
Vẫn tìm rỗng vẫn dầu không
Vẫn quỳ gối lạy vẫn cong lưng châu
Vẫn quỵ lụy khẩn cầu van vi
Vẫn năn ni năn ni dạ vâng
Vẫn đòi quốc phá gia vong
Vẫn kiếp ngựa chó vẫn thân tôi đòi
Vẫn xác héo lạc loài của quý
Vẫn hồn tàn vạn lý ma trời!
Trời làm chi cục bấy trời
"Đổi đời" sao mãi phận người truân chuyên?

Xót dân tộc hồn quỳên gọi nước
Đau sù hành ngược dọc xuôi ngang
Đời giăng lổp lổp hàng hàng
Đoạn trường tiếng cũ trùng trùng tân thanh!
Cuộc trần thế đấu tranh nham nhò
Néo thế đồ sắc ố mùi tanh
Đời không có Đảng đã đành
Đời thêm có Đảng vạn phần thế lưỡng!

.....
Suốt Nam Bắc trời buồn đất thảm
Suốt Bắc Nam núi xám sông đen
Cha Rồng lại với Mẹ Tiên
Thấu chẳng dân nước đôi miền héo hon!

Sao năm cánh hây còn năm cánh
Cờ đỏ kia còn ánh màu son
Mà sao nghĩa nước tình non
Đảng dày Đảng xéo cho tròn lòng ai?
Thủ lần giò đôi bài đã học
Đổi việc làm "công đức" (!) Đảng ta
Hỏi tù trong máu trong da
Ngày vui hay cảnh tà ma ngợm người?!

(Trích "Việt Nam Tân Huyết Sử
Diễn Ca")

Sứ mệnh văn hóa Việt Nam hải ngoại

Quốc nạn 30 tháng 4 năm 1975 là một đại bất hạnh đối với dân tộc Việt Nam, mà lại là dịp may chưa một dân nước nào có được, khi chỉ trong một thời gian ngắn, mà đã hàng triệu người Việt tràn ra khắp thế giới, để vừa tích cực học hỏi, hội nhập với các quốc gia địa phương, vừa quy tụ lại với nhau thành các Cộng Đồng, nhằm duy trì bản sắc Việt Nam. Để được thế, những di dân của các nước khác phải mất rất nhiều thời gian và công sức mới làm nổi. Nếu di dân ở vào thế đờn lè, thì khó tránh khỏi bị đồng hóa với nước mà mình đang sống.

Khuynh hướng kết hợp Cộng Đồng của người Việt, đã phổ biến và thành tựu ở khắp nơi trên thế giới. Đặc biệt nhất là khác với mọi nước, người Việt tỵ nạn, đã chọn nơi quy tụ nhiều đồng bào của mình nhất là Quận Cam ở Mỹ, để gọi là Thủ Đô chung cho Người Việt Hải Ngoại, và có cái tên Mỹ-Việt rất dễ thương gọi cảm là: LITTLE-SAIGON, đã được luật Mỹ thừa nhận. Đây là biểu hiện hết sức cụ thể và đặc thù của dân tộc tính Việt, Văn hóa tinh Việt, một dân tộc có truyền thống di-cư từ ngàn xưa, đi tị bất cứ nơi đâu, khắp chân trời góc biển, cũng vẫn không quên cội nguồn Dân tộc và đặc tính Văn hóa của mình là Dung-Hòa.

Tuy HÌNH thì đã định, mà TÍNH vẫn còn chưa. Dù ngay ở Thủ đô Little-Saigon, nơi mà Người Việt ở nhà Mỹ, sử dụng mọi phương tiện Mỹ, nhưng đại đa số vẫn giao tiếp với nhau bằng tiếng Việt, ăn cơm Việt, dù các món ăn của khắp miền đất Việt được mời chào, sách báo Việt ngữ nhiều vô số kể, phát thanh tiếng Việt vang lên khắp nơi suốt ngày đêm, không giây nào nghỉ, những bảng hiệu Việt ngữ nối tiếp nhau, buộc du khách, và ngay cả người Mỹ địa phương cũng phải nhận: Đây đúng là một Thành Phố Việt Nam, không thể nói khác được nữa. Nhưng văn hóa tinh Việt, đã được thể hiện ra trong lối nghĩ, lối xử, lối sống giữa chúng ta hay chưa? Thì phải cúi đầu thừa nhận rằng: CHƯA!

Chưa không có nghĩa là không, mà phải nói rằng: Trong cảm thức sâu thẳm của mỗi Người Việt chân thật, đều tàng chứa Văn hóa tinh dân tộc đặc thù Việt Nam, nên mới có cùng một ý hướng kết hợp thành các Cộng Đồng trong một thời gian ngắn nhất, nhằm để chung sống, bảo vệ

ngôn ngữ, phổ biến Văn học Nghệ thuật, và duy trì những nét chính yếu của cuộc sống Gia-đình Việt Nam, dù đây là một việc làm không dễ ở những xã hội, mà chủ nghĩa cá nhân được triết để đề cao, nuông chiều, làm cho mọi giá trị đạo đức gia đình, tinh thần dân tộc trở thành mong manh, dưới những bước đi phủ phàng của nhu cầu thực tế.

Để có được một cuộc sống văn hóa đích thực Việt Nam, thì ngay ở trên quê hương ngày trước, cũng ít thời được biểu hiện trọn vẹn đúng mức, huống chi là ở những nước tạm dung, vốn có muôn vàn khó khăn đời sống, mà hai yếu tố thời gian và hệ lụy thế sự vẫn bám sát mỗi người không bỏ. Với trên 23 năm thì những gì vốn có, mà giữ được, đã là quý rồi; nói gì đến việc phát huy, nhất là Văn hóa Dân tộc, tuy là một thực thể, mà tất cả đều cảm nhận được là có, và tuyệt đối tin là có, nhưng trình bày ra trước nhận thức của mọi người thì vẫn còn bâng bạc, mờ mờ ảo ảo, rải rác xuất hiện trong những vần thơ, câu hát, áng văn... chưa rõ nét chủ đạo, đúng với vị thế của Văn hóa, là làm trung tâm hướng dẫn cho khắp mặt nhân sinh.

Chính vì Người Việt hải ngoại chưa đủ thời gian, tinh tâm hướng nội để tự khai mở Văn hóa tinh Dân tộc tiềm ẩn sâu thẳm trong tâm tư mỗi người, nên thường bị những cảm tính hận thù, ganh ghét, tiếc nuối, những suy nghĩ chủ quan duy-ý-chí vay mượn của những tư tưởng một chiều, tạo thành những mặc cảm tị-ty. tị-tôn vô lối. Mặc cảm thất bại, mặc cảm tội lỗi, mặc cảm mất nước, mặc cảm lưu vong, cuối cùng dẫn tới hành vi: "Giặc không đánh chi đánh người nhà". "Những việc đáng làm thì bỏ". "Việc không cần làm thì ôm".

Thảm trạng chia bè kéo cánh, bôi xấu nhau phổ biến trong hầu hết các tập thể, các cộng đồng, phối bày một cách trắng tráo tàn nhẫn trên các phương tiện của Văn hóa là sách báo và làn sóng điện...

Làm cho lớp trẻ mới lớn không biết phải học hỏi cha anh mình ở điểm nào? Không biết dân tộc mình còn gì để kính trọng? Quê hương mình có gì đáng yêu? Cộng Sản có thật là một tai họa của Đất Nước hay không? Hy vọng ngày về cùng với Tự Do trên giang sơn thân yêu bao giờ mới tới? Và cũng làm cho những cái nhìn của thế giới đối với Người Việt bị méo mó đi nhiều.

Phải nhận rằng: hầu hết Người Việt, khi bị buộc phải rời nước lưu vong, ở vào tuổi trưởng thành, đã có một quá khứ, đã từng nếm trải những cay cực trong cuộc chiến, đã lập được sự nghiệp, đã có vị thế trong xã hội, hoặc đã dựng được tài sản bằng cách nào đó, thì đều thấy mình bị mất sạch, rồi phải làm lại từ đầu. Thế nhưng những vết hằn tẩm máu trong tâm thức thì chẳng sao hết được, mà trái lại càng lúc càng đau nhức thêm, cùng với tuổi già lần theo bên gót. Thế rồi để cho oán thù khổng chế trái tim và mặc cảm tràn ra suy nghĩ, lối sống, và cách ứng xử

giữa người cùng cảnh khổ như nhau.

TRÚT BỎ MẶC-CẢM HẬN THÙ

Mặc cảm là thành lũy chi để nhốt chính mình vào trong đó, mặc cảm càng dày thì thành lũy càng vững, sự giao tiếp với thế giới bên ngoài càng khó khăn. Thù hận càng sâu thì sự sáng suốt càng bị chìm khuất, con người khi không còn sáng suốt thì dễ bị động, thậm chí bị chính kẻ địch thao túng là đằng khác. Bất cứ người nào giạt mình tinh thần, thì cũng thấy thương cho chính mình, thường cho đồng bào cùng cảnh, bị chính những mặc cảm, hận thù do mình nuôi nấng, đang quật ngã mình và đồng bào, đồng đội mình, ngay trên đường mình phải tranh đấu cho sự tự do của toàn dân, cho sự hùng khởi của Dân Tộc.

Mặc cảm thua trận bỏ chạy, bỏ ngũ, là thủ mặc cảm thường thấy trong lớp người có chức có quyền trước 75, mà cũng may mắn chạy thoát vào dịp 30 tháng 4. Đây được xem như thủ mặc cảm tội lỗi với đồng bào, đồng đội. Từ mặc cảm dẫn đến nhận thua, tự thấy không còn đủ tư thế đấu tranh nữa. Họ đành buông xuôi sống với chuỗi ngày còn lại và những gì may mắn ôm theo nếu có. Để rồi có dịp thì lên tiếng đổ lỗi cho nhau về tội để mất nước. Nhưng nhất định không ai tự nhận lỗi về phần mình để xin được tha thứ. Thậm chí có những kẻ trước đây ở vào thế lãnh đạo, luôn miệng hô chiến đấu tới giọt máu cuối cùng, thì nay lại tỏ dấu muốn đầu hàng, nhằm chia quyền bóc lột đồng bào khổ khổ của mình với Đảng Ác Cộng. Chính họ đã tự tiêu diệt sinh mạng chính trị của họ, ở đây chúng ta khỏi cần nói tới nữa.

Những người đến được bờ tự do bằng sức can đảm phi thường, xem nhẹ sống chết trên những con thuyền mỏng manh vượt biển lớn, và những người đã phải trả cái giá bị đầy đọa trong ngục tù Cộng Sản để được nhận cho đi định cư, thì đều không tránh khỏi mang một mối oán thù chất ngất trong lòng. Oán những kẻ phản bội. Thù bọn Ác-Cộng tàn độc gian tham. Việc chống Cộng trở thành lý tưởng kiên cố không khoan nhượng. Đây là một ưu điểm tối cần thiết của người tỵ nạn Cộng Sản, và đây cũng là một nhược điểm chí tử của Quốc Gia. Bởi vì kẻ địch rất dễ dàng lợi dụng sự thù hận, đến độ dè dặt với những gì có liên quan xa gần với Cộng Sản, của người Quốc Gia, nhằm gây hoang mang nghi kỵ, làm rối loạn, chia rẽ mỗi lúc một sâu rộng trong hàng ngũ đấu tranh, làm nổ bùng lên một cơn sốt: "Thừa lãnh tụ, loạn đoàn thể, mà thiếu lãnh đạo".

Trong nhất thời, triển khai được lòng hận thù để đối phó với cường địch trước mặt, thì một có thể chọi được nhiều. Nhưng trong trường kỳ, thì ai dám chối là thời gian sẽ không làm chúng lòng thù hận xuống. Nhất là sự thù hận bao giờ cũng chỉ tác dụng trên cảm thức của người, đã đích thân nhận chịu mối oán thù, do kẻ khác gây ra trên chính thân

tâm minh. Ngày xưa ngày xưa thì: "Thù ông cha, con cháu phải trả" là lẽ thường. Nhưng ngày nay, nhất là hoàn cảnh của lớp trẻ lớn lên, trưởng thành tại hải ngoại, thì phải nhận chân một sự thật là đã vượt ngoài tầm tay của cha anh rồi.

Do vậy không thể dùng sự hận thù để huy động lớp trẻ nhập cuộc "Diệt Cộng, Giải cứu Đồng bào, Giải thoát Quê hương" được, mà phải viện cầu tới việc vận động văn hóa. Chính vì phải *làm sáng, làm tốt, làm đẹp*, và luôn luôn *làm mới* cho tự thân, quê hương, đồng bào và dân tộc, đúng với xu thế thời đại, đáp ứng với nhu cầu *tự do tự chủ sáng tạo* của con người và cuộc sống *hòa bình điều hòa phát triển* toàn diện của thế giới, nên Người Việt hải ngoại mỗi phải đấu tranh, vận động dư luận toàn thế giới, hỗ trợ tích cực cho các cuộc tranh đấu sự sống, tự do và tiến trình thể hiện chế độ *Dân chủ Pháp trị* chân thật của toàn dân Việt Nam.

Hiển nhiên thế lực đen tối ngu muội tham ác đang đim dấy toàn dân Việt Nam vào ngục tù nghèo đói, chận ngang đường tiến của dân tộc, tàn phá sinh mệnh văn hóa của nòi giống, là Đảng Cộng Sản độc tài ô-lậu Việt Nam. Cộng Sản là sản phẩm của tư tưởng Duy Vật một chiều cực đoan tàn nhẫn quyết liệt Duy-ý-chí của nền văn minh Tây phương, vừa mới chập chững bước vào đầu đường phát triển khoa học, với rất nhiều phán đoán chủ quan, thiếu cơ sở lý luận khoa học, mà cứ tưởng rằng: khoa học. Hệ thống lý luận duy vật Cộng Sản rơi vào cảnh bất túc đó. Nên nó đã hoàn toàn thiếu nền tảng *nguyên-lý hiệsinh-hàng-hóa* của vũ trụ, thiếu *tâm-thức thường-yếu sáng-suốt* của con người, dẫn tới không có *văn-hóa-tính là sáng-tốt-đẹp* và luôn luôn phải *mới*, tức là thường xuyên hướng dẫn vận động con người và xã hội vươn đạt tới lý tưởng *chân-thiện-mỹ*, với một thể giới *hòa-bình điều-hợp phát-triển*.

Chính vì thiếu căn bản đạo đức, thiếu văn hóa tính mà chủ nghĩa Cộng Sản đã lấy *hận thù hủy diệt* làm chủ đạo hướng dẫn cho cuộc đấu tranh để thực hiện chủ nghĩa. Quyết liệt thủ tiêu và loại trừ mọi giá trị đạo đức, tâm linh cũng như những suy nghĩ khác với Cộng Sản, mặc dù những hiện tượng đó đã có từ ngàn xưa, hay vừa mới xuất hiện. Tức là phủ nhận và bóp chết sự *tự do tự chủ sáng tạo* của con người, triệt phá quá khứ, triệt đường tiến hóa và phát triển của xã hội. Thế nên không ngạc nhiên khi thấy Cộng Sản thắng thế trong đấu tranh, vì không thể lực nào tàn nhẫn và gian dối bằng Cộng Sản, nhưng lại hoàn toàn thảm bại trong xây dựng, dẫn tới sự sụp đổ tan tành, thậm chí loài người có cảm tưởng như vừa thoát ra khỏi cơn ác mộng. Cơn ác mộng hận thù, nhìn đâu cũng thấy toàn kẻ thù, được khuyến khích là cần phải tiêu diệt.

SAU LỬNG MỸ-TỬ VĂN-HÓA

Cộng Sản đã chết, chỉ còn một phần nhỏ hình hài đang giẫy chết, Cộng đảng Việt

Nam là một mẫu hình hài đó. Chúng chưa chết không phải là chúng mạnh, mà do ta quá yếu. Ta vốn đã từ lâu thường tự đặt mình trong thế bị động chống đối, tâm lý đó đã trở thành quán tính Chống Cộng, không một ai nghĩ, hoặc dám nghĩ tới một tử thay thế cho hợp, sợ bị hiểu lầm chống phá. Chính vì Người Quốc Gia chưa chủ động khởi thế tiến công, nên Cộng Sản khi phải tự cứu bằng sự bước Mỏ Của Đồi Mồi, chịu đầu hàng Tư Bản bằng cách áp dụng hình thức *kinh tế thị trường*, nhằm tạo cho Đảng thành một *tập thể tài phiệt đỏ*, để thao túng nền kinh tế đất nước, củng cố thêm vững nền độc tài đảng trị, thì chúng đưa ra các khẩu hiệu lừa dối là: *Về Nguồn Dân Tộc*, với các chiêu bài *Hòa Giải Hòa Hợp, Giao Lưu, Hợp Lưu Văn Hóa* và dùng *tình thường xóa bỏ hận thù, trao đổi sách báo, và mời về tranh cử...*

Tất cả những thủ đó Cộng Sản tung ra chỉ nhằm câu nhử những người thiên cận ảo tưởng, tự lừa phỉnh mình bằng sự nghĩ rằng: Cộng Sản đã yếu, đang bị quốc tế o ép khiến chúng phải cầu tới mình. Mục đích của Việt Cộng là làm nhẹ sự chống đối của dân chúng trong nước, làm giảm áp lực đòi hỏi của quốc tế, và quan trọng hơn hết là gây nghi kỵ hoang mang chia rẽ trong hàng ngũ Người Việt Hải Ngoại, khiến cho chỗ dựa của cuộc đấu tranh *chống tham nhũng, giành sự sống, đòi tự do* của toàn dân bị sụp đổ, để chúng củng cố độc quyền lãnh đạo lâu hơn.

Thủ nghĩ xem, Cộng Sản có bao giờ thực tâm phụng sự dân tộc, coi trọng dân chúng đâu? Chúng chỉ mượn chiêu bài dân tộc trong lúc cần huy động toàn dân chiến đấu. Đến khi thành công thống nhất đất nước, thì ngay lập tức chúng nhận công: "Chủ nghĩa Mác-Lê bách chiến bách thắng". "Chủ nghĩa Cộng Sản vô địch muôn năm". Còn lý tưởng dân tộc bị liệt thủng rác, những người vì dân tộc cùng đấu tranh với chúng thì cho về vườn, rồi bị canh chừng, ngược đãi. Đến khi chúng thấy quan thầy Liên Xô sụp đổ, thế giới Cộng Sản tan tành, chúng vội vã lấy khẩu hiệu "Về nguồn dân tộc" hòng lừa dân thêm một lần nữa.

Thực ra trên nửa thế kỷ cầm quyền, không lúc nào Cộng Sản không ra sức triệt tiêu tâm thức dân tộc trong đầu óc đảng viên, biến họ thành những công cụ nô lệ trung thành cho Cộng Sản chủ nghĩa, đẩy họ vào công tác phá tan mọi nền tảng Văn Hóa Dân Tộc còn lưu truyền trong tâm cảm, trong lối sống, nếp sống chân chất của người Việt, trong quan hệ gia đình, dân tộc, làng xóm, giữa vợ chồng, nam nữ, già trẻ trong tinh thần yêu thương, kính trên nhường dưới, đùm bọc lẫn nhau. Phá hủy các Tôn Giáo chân chính phụng sự con người và dân tộc, vốn đã được Việt hóa từ ngàn xưa, và là nơi vun trồng tâm-đức cho người dân biết tôn trọng giá trị đạo đức, làm lành lánh dữ. Chính nhờ thế mà dân Việt đã hiền hòa trong thanh bình, dũng mãnh trong chinh chiến bảo vệ dân tộc và quê hương.

Nhìn vào thực tại Việt Nam do Cộng Sản thống trị hiện nay, tất cả đều thấy hiện hình ra một xã hội phi văn hóa, vô đạo đức. Toàn thể nhóm lãnh đạo đảng từ Hồ Chí Minh đến xuống, đều sống cuộc sống vô luân. Lợi dụng dân trong chiến đấu. Bóc lột dân khi có quyền. Tham nhũng đã thành bản chất của Cộng Sản. Diệt tham nhũng tức là diệt Cộng Sản. Hết tham nhũng là hết Cộng Sản. Xã hội thì làm than nghèo đói, trộm cướp giết người diễn ra lạnh lùng thường xuyên. Các tệ điểm buôn bán ma-túy, mại dâm được Công An bao che, hoặc tổ chức tràn lan đô thị. Tuổi trẻ thành phố đang bị đầu độc, làm mất đi tinh thần đối kháng. "Tội đồ thiên cổ với dân tộc chính là Cộng Sản". Vậy Cộng Sản muốn về nguồn nào đây?

Cộng Sản vốn là thủ phi văn hóa, thì lấy đâu ra văn hóa mà đòi giao-lưu hợp-lưu văn-hóa. Còn hồ hào "Dùng tình thường xóa bỏ hận thù", thì phải kêu gọi Cộng Sản hãy thường dân đang bị họ bóc lột đến tận xương tủy. Rằng: Hãy ngừng tay lại. Hãy từ bỏ độc quyền lãnh đạo ngàn đời độc đoán. Hãy tránh chỗ cho toàn dân tự do phát triển cuộc sống. Hãy nhường đường để dân tộc đi lên. Vậy chính vì *tình thường dân chúng tha thiết, vì tình thường dân tộc rực sáng*, mà chúng ta người Việt hải ngoại, phải tích cực hỗ trợ cho toàn dân đấu tranh "loại thủ vi trùng thủ hận có tên là Cộng Sản ra khỏi cơ thể dân tộc đau thương".

Cộng Sản dùng mọi quỷ kế chỉ nhằm có một mục đích duy nhất, là làm vô thế lực yểm trợ hữu hiệu của hải ngoại, cho các cuộc đấu tranh của đồng bào trong nước. Chúng biết rất rõ, những sách báo của chúng, đến bắt ép đọc mà đồng bào trong nước còn không đọc, thì mong chi người ở hải ngoại mua đọc. Ấy thế mà chúng cũng để ra chính sách, đem sách báo bày bán tại đường phố hải ngoại. Rồi mớm ý cho sự đòi hỏi: "Sách báo của người Việt tại hải ngoại cũng phải bày bán tại trong nước". Mời nghe thì hợp lý đấy.

Nhưng buồn thay, sách báo của Cộng Sản chỉ cần "bày" ở tiệm sách hải ngoại, chủ "không cần bán". Cộng Sản chỉ cần bấy nhiêu, đủ để bảo vệ đồng bào trong nước rằng: Đảng đã làm chủ được thị trường hải ngoại, các người đồng bào có mà hy vọng gì nữa. Còn sách báo của người Việt hải ngoại thì "có bày", mà "không ai dám mua". Muốn mua phải "đăng ký", vì đây là "thủ quỹ". Đừng quên rằng: Việt Nam vẫn đang sống dưới chế độ Công An trị, và có thủ luật quái gở là cho phép được bắt giam người, theo biện pháp quản lý hành chánh, khỏi cần ra tòa án. Khẩu hiệu Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc, Cộng Sản đã đưa ra dùng nhiều lần, lừa được nhiều người, mà lâu lâu dùng lại vẫn có kẻ vướng bẫy. Đã rõ bản chất của Cộng Sản là độc tài toàn trị, chẳng chia phần bóc lột dân nước cho ai. Nhưng vẫn có nhiều "chính khách xôi thịt", những "đoàn thể có hội" không biết thân, tưởng thời cơ đã tới, vội vàng giống trống khua

chiêng, cổ xúy cho chủ trương bị bọm, nhằm mục đích xé nát thế lực đấu tranh của Người Việt hải ngoại.

Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc, đứng ra là một ước vọng, đã được áp ú của người Việt kéo dài gần nửa thiên niên kỷ nay. Từ thời chiến tranh Mạc, Lê lưỡng triều. Chiến tranh Trịnh, Nguyễn phân ranh. Chiến tranh Tây Sơn diệt Nguyễn+Trịnh. Chiến tranh Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn. Chiến tranh thực dân cướp nước, chia Việt Nam thành 3 kỳ: Bắc, Trung, Nam. Chiến tranh Nam Quốc, Bắc Cộng. Những cuộc chia cắt đôn đau trong lịch sử đó, buộc người Việt có suy tư về thân phận dân tộc mình, phải nghĩ ngay tới giải pháp Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc. Những nhất định không cùng suy nghĩ như Cộng Sản và những kẻ không dám đấu tranh, mà lúc nào cũng muốn có chính quyền.

Thực tế là công cuộc Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc đã chính thức hiện thực ở thời điểm mà Thái Bình và Nông dân miền Bắc nổi lên chống Đảng, làm cho đồng bào miền Nam và toàn thể người Việt trên thế giới, lập tức tiêu tan đi những định kiến cho rằng: "Dân Bắc là dân Cộng", "Dân Nam là dân Quốc" và "Người Việt hải ngoại là kẻ mất nước". Tất cả đều nhận rõ toàn dân đã hợp nhất, đã có cùng một kẻ địch cực kỳ tàn ác gian dối là Đảng Cộng Sản độc tài ô-lậu. Đất nước vẫn còn đó, đồng bào vẫn còn đó. Vẫn còn đang đấu tranh gian khổ với bọn Cộng Sản ô-lậu mất gốc. *Nước chỉ mất khi chính mỗi người chúng ta, tự quên mình là Người Việt Nam, dù kẻ đó sống ngay trên quê hương đất nước.*

Thật là phản dân chủ khi nghĩ tới: Việt Nam phải có một chính quyền hòa hợp mọi phe đảng mới có yên ổn. Đây là lối nghĩ của phong kiến, lạc hậu. Kẻ đã có chính quyền thì muốn thu tóm mọi phe phái về một mối, để dễ thao túng, bóp nghẹt tự do của dân chúng. Kẻ chưa có chính quyền thì muốn hợp tác với chính quyền để ăn chia. Thủ nghĩ xem, chế độ Dân Chủ Pháp Trị, mà chỉ có một đảng cầm quyền, không có các đảng đối lập ngoài chính quyền, thì còn gọi là Dân Chủ nữa không? Hay phải gọi đó là triều đình phong kiến, là Cộng Sản toàn trị, là chế độ gia-trưởng khoác áo dân chủ, đang bị đào thải tại Á Châu? Xin hãy mau thoát khỏi bãi lầy tư tưởng phong kiến, nếu muốn làm chính trị mà có văn hóa.

Khi Cộng Sản đem miếng mồi bầu cử ứng cử ra nhử, thì phải hỏi: Dựa trên Hiến Pháp nào? Luật bầu cử ra sao? Và quan trọng hơn hết là ai tổ chức, giám sát bầu cử? Nếu vẫn với Hiến Pháp mà điều 4 dành cho đảng Cộng Sản quyền tuyệt đối lãnh đạo, không giới hạn, không có chế tài; Luật bầu cử vẫn dành cho Mặt Trận Tổ Quốc công cụ của Đảng, giới thiệu ứng cử viên. Chính phủ Cộng Sản tổ chức bầu cử, thì dù cho cả thế giới đứng ra giám sát bầu cử, thì cuộc bầu cử đó cũng nằm gọn trong ý chí của Đảng nhằm: Khoác cho Cộng Sản độc tài một

chiếc áo Dân Chủ mà thôi. Thối nát vẫn hoàn thối nát. Dân chúng vẫn còn khổ đau. Kẻ nào thích làm chuyên viên đánh bóng cho Cộng Sản trước thế giới, thì chắc sẽ được trả công cho chiếc ghế Dân Biểu bù nhìn đấy!

Cho dù Cộng Sản có bị ép buộc thay đổi Hiến Pháp, bỏ điều 4, thay luật bầu cử, mà dân chúng chưa thực sự sinh hoạt tự do: Tự do ngôn luận truyền thông, Tự do Tôn giáo, Tự do Chính trị lập đảng, hội họp, biểu tình chưa có... Chính phủ Cộng Sản lại tự dùng ra tổ chức bầu cử, dù có quốc tế kiểm soát như tại Cam-Bốt, thì chưa chắc đã bằng được tình trạng tại Cam-Bốt, vì chỉ có những cá nhân ra chơi với một Đảng có chính quyền, quân đội, công an và tiền bạc kinh tài ô-lậu nhiều vô số kể, thế mà thắng nổi, thì đúng là phép lạ. Nếu không có phép lạ, thì do chính Cộng Sản chọn một số người bởn nguy hiểm cho thắng cử, để bày hàng trước thế giới vậy thôi. Muốn có Dân chủ Pháp trị cho Việt Nam, con đường duy nhất là phải đấu tranh. Đấu tranh toàn dân, toàn diện và toàn cầu, mà chủ đạo phải là văn hóa.

KHỞ NGUỒN VĂN HÓA DÂN TỘC

Văn hóa chính là nội dung của cuộc sống con người, nội dung của cuộc sống xã hội, nội dung của các dân tộc trường tồn, nội dung của một thế giới đang đi tới. Văn hóa mang cốt tính sáng-tốt-đẹp "chân thiện mỹ", và luôn luôn làm mới: Vừa bảo-lưu vừa đãi-lọc để dung-hóa rồi thể-hiện và phát-huy, qua rung-cảm suy-tư hành-xử của con người, tạo thành phong thái sống của mỗi người, lối sống, cách sống, nếp sống, thể thống sống, tạo phương tiện sống của Cộng đồng và truyền thống sống của một dân tộc. Chính vì vậy mà có thể khẳng định rằng: Một dân tộc tồn tại được đến ngày nay, sau mấy ngàn năm sống trong luật tự nhiên, "mạnh được yếu thua", mà chưa bị đồng hóa, thì dân tộc đó phải có một Truyền Thống Văn Hóa bền chắc ủng hộ linh động được với mọi tình huống. Trong đó chắc chắn là có Dân Tộc Việt Nam.

Văn hóa là thể hiện khả năng Tự-Do Tự-Chủ Sáng-Tạo của con người dựa trên Nguyên-lý của Trời Đất: "Đức lớn của vũ trụ là Hiếu-sinh. "Đạo lớn của vũ trụ là Hằng-hóa". "Luật lớn của vũ trụ là Điều-hợp". Do Nguyên-Lý Hiếu-Sinh Hằng-Hóa Điều-Hợp đó, mà vạn vật sinh sôi phát triển không ngừng, cả về năng lượng nội dung lẫn hình tướng, ở các chủng loại vô tình, hữu tình đến tuệ-linh. Rồi các Sinh-vật tự-cảm-thụ, thay tự nhiên làm công việc truyền giống, tạo ra gene di truyền, phân thành các chủng loại khác nhau, để tiếp hóa không cùng, (khi còn đủ điều kiện), thì mọi chủng loại tự thân thăng hóa nhằm hoàn thiện nội giống mình. Sinh loại ưu việt tuệ linh nhất của vũ trụ hiện nay ta biết được, có Loài Người.

Do đức hiếu sinh của trời đất, mà con người có nơi tự tánh mình, Tinh-Yêu-

Thưởng, biết quý trọng, bảo vệ và gìn giữ sự sống của mình, của người và của vạn hữu. Nướng theo đạo Hằng-hóa của trời đất, mà con người đã tự thăng hóa Tâm-thức mình, rồi vận dụng luật điều hợp một cách tự nhiên, từ mặc thức, tiến tới ý thức, đạt tới nhận thức, để kiến tạo một cuộc sống người toàn diện, mỗi ngày một sáng-tốt-đẹp và mới hơn lên. Đây là cuộc sống có "tinh văn hóa" của nhân loại. Vậy đích thực Văn Hóa là THỂ, giữ phần chủ đạo cho khắp mặt sinh hoạt của nhân sinh, còn các lãnh vực khác như: Chính trị, Cai trị luật pháp, Kinh tế, Xã hội, Quân sự, Giáo dục, Văn học, Nghệ thuật, Khoa học, Tôn giáo... và ngay cả mặt Đấu Tranh nữa, cũng đều là Dụng của Văn Hóa. Thế nên, bất cứ lãnh vực sinh hoạt nào, mà không có văn hóa tính, thì đều bị mất hướng, đọa lạc, đều gây tai ương cho nhân loại, đều tạo sự khổ đau cho con người hết.

Những vấn đề tuyệt đối không thể tách rời con người. Văn hóa khởi đi từ Người, bởi khả năng của người, do nhu cầu của người, để phục vụ người, nhằm hoàn hảo cuộc sống người, góp phần điều hợp thế giới Người và cùng vũ trụ hòa điệu thăng hóa dài lâu. Lê đấng nhiên con người đã phải đổ ra rất nhiều công sức, nối tiếp đời này qua đời khác, thế hệ trước truyền cho thế hệ sau để làm việc ấy. Trải dài hàng triệu năm, loài người đã phải sinh hoạt lần mò trong cuộc sống "Mặc-Thức Nhân-Nhiên", tuy tự thân mỗi người đều có hạt giống Tuệ-linh, nhưng vẫn còn sống như những sinh vật cùng thời, hoàn toàn lệ thuộc thiên nhiên. Chỉ chưa đầy mười ngàn năm trở lại đây, trên mặt đất, lác đác ở một vài nơi, loài người mới khai mở được Ý-thức-Người, để khởi sự hình thành cuộc sống "Ý Thức Nhân Loại", tức là sống có Văn-hóa, có hình thái sinh hoạt cộng đồng.

Trong thời Mặc-thức Nhân-nhiên, con người theo bản năng cảm tính thì có những quan hệ Lừa-dối, rồi gia đình cha mẹ vợ chồng, con cái, sau mở rộng đến Tộc thuộc. Mãi gần bước vào buổi bình minh của sinh hoạt ý thức, loài người mới tập hợp thành Bộ-lạc để nương vào nhau mà kiếm sống. Không sản xuất, không tích lũy, cách sống là nhặt, hái, săn, câu. Tức là hoàn toàn phi-sản. Đã phi-sản thì sao gọi được là Cộng-Sản Nguyên-Thủy nữa. Đã không có thú Cộng-Sản Nguyên-Thủy trên thế gian này, thì làm gì có câu "mâu thuẫn đấu tranh" để thành chế độ Nô-Lệ. Rồi nô lệ đấu tranh để thành chế độ Phong Kiến. Phong kiến mâu thuẫn đấu tranh để thành Tư Bản. Tư bản mâu thuẫn đấu tranh tiến lên Cộng Sản Văn Minh.

Đây là thủ ngục tạo, ngục biện của Duy-vật Sù-quan. Cộng Sản khống chế được tư tưởng con người là nhờ đó. Mà Cộng Sản sụp đổ cũng bởi đó. Vậy đây vốn không phải là lẽ "Tất yếu lịch sử", mà chỉ là sản phẩm của óc chủ quan duy ý chí một chiều hoang tưởng mà thôi. Những đau đôn là đã có hàng trăm triệu mạng người bị chết oan, và biết bao thống khổ

trút xuống đầu nhân loại. Riêng Việt Nam thì thảm họa Cộng Sản vẫn còn đó. Tuy còn, mà như đã chết. Người theo Cộng tại Việt Nam đang cố gắng trong tuyệt vọng để kéo dài giờ hấp hối. Người dân Việt Nam cũng đang bị tra giá về sự giãy chết của con quái vật dị chủng này.

Khi nhân loại đã tiến lên trong cuộc sống Ý-thức-người, thì hình thái xã hội cũng nở rộng, từ Bộ-lạc kết hợp êm đềm, hoặc bằng võ lực thôn tính, để thành các Quốc Gia Phong Kiến, cầm đầu bởi vị Vua toàn trị, truyền tử lưu tôn. Biển quốc gia thành của riêng của một người, của từng dòng họ. "Trung Quân là Ái Quốc". Thế nên quốc gia còn hay mất, mở rộng hay co lại, đều dựa trên Vương-quyền thuộc về ai, mạnh hay yếu? Còn lãnh thổ và dân chúng của quốc gia thì mãi tới thời Dân Chủ mới được đặt ra: "Quyền lực của quốc gia đặt trong ý chí của toàn dân". Lãnh thổ, lãnh hải, lãnh không thuộc về quốc gia, mới được thừa nhận, mà nay vẫn còn nhiều tranh chấp.

Có người chủ quan, lấy lối nhìn hiện nay phê phán lịch sử, khi cho rằng: "Ý niệm Quốc gia Dân tộc rất mới đối với chúng ta". Thật ra, tinh thần quốc gia dân tộc chỉ mới đối với những "con một sách", hay những kẻ đầu óc đặc sệt tư tưởng phong kiến: Học giỏi để ra làm quan, tranh đấu để mong được quyền hành, rồi tha hồ bóc lột nhân dân. Đến ngay Cộng Sản lúc nào cũng đề cao Nhân Dân, mà vẫn không ra thoát tư tưởng Phong kiến khi đưa ra những khẩu hiệu: "Trung với Đảng. Hiếu với Dân". "Yêu Nước là yêu Xã Hội Chủ Nghĩa". ... Còn tinh thần Quốc Gia Dân Tộc của Người Việt thì vốn có từ ngàn xưa và tồn tại mãi mãi khi còn Người Việt sống trên trần gian này, đâu phải đến thời đại Dân Chủ mới học một người ta.

Trong khi các dân tộc cùng thời, lao mình vào việc chém giết tranh giành, nhằm mở mang bờ cõi của các quốc gia phong kiến, tại miền trung thổ Hoàng Hà + Dương Tử, thì dân tộc Việt lựa chọn: "Bỏ Đất, Giữ Người", rồi chiếc nôi Động-Đình-Hồ - Ngũ-Linh-Sơn, để xuôi Nam tìm nguồn nắng ấm. Cuộc sống một dân tộc di dân luôn luôn đòi hỏi phải gọn nhẹ, nên Người Việt có thể mất tất cả, nhưng chủ yếu là phải: "Bảo tồn Huyết thống Nòi giống". Bảo tồn tiếng nói thống nhất". "Bảo tồn truyền thuyết phong giao". Điều này dân tộc Việt đã làm được và làm đúng. Những người còn trong mình dòng máu Việt, thì đi đến bất cứ nơi đâu, cũng mặc nhiên theo đúng di huấn thiêng liêng đó.

Vậy tinh thần quốc gia của người Việt, không phải là tinh thần quốc gia phong kiến thông tục, mà là tinh thần Quốc gia Dân tộc. Quốc gia chỉ là hình thái tổ chức, vốn hết sức tùy thời linh động đối với người thiên cử, điểm chính là tinh thần Dân Tộc. Sống ở nơi đâu, gặp thời điểm nào thì hình thái quốc gia tùy đó mà triển khai. Quốc thổ của Bách Việt quần cư ở lưu vực sông Dương Tử, vốn được Kinh Dương vương lãnh đạo, sau truyền

cho Lạc Long Quân và Âu Cơ kế nghiệp. Định cư lập Quốc ở nơi đây từ 2879 đến 2197 trước Tây lịch.

Do đấy mới có Linh-thoại Long Quân thuộc giống Rồng, Âu Cơ thuộc loại Tiên, hai người lấy nhau sinh ra trăm trứng, nở trăm con. Năm mười theo mẹ lên núi, năm mười theo cha xuống biển, mở mang bờ cõi về phương Nam. Thế nên suốt ngàn năm thiên cử, Dân tộc Việt chỉ tồn tại ở một vị Thần-Vương duy nhất là Lạc Long Quân và thân mật gọi Ngài là "Bố", luôn luôn hộ trì dân tộc trên bước đường thiên cử. Chính vì vậy Vua Hùng thủ nhất lúc định cư ở Châu thổ Sông Hồng mới xưng mình là con Vua Lạc Long, làm cho có sự hiểu lầm là 18 đời Hùng, mà cai trị dài trên hai ngàn năm.

Qua linh-thoại Rồng-Tiên, ta còn khám phá ở đấy chứa đựng một tư tưởng hết sức thực tại kỳ vĩ sánh ngang Trời Đất, tồn tại mãi mãi cùng với con người trong vũ trụ. Đó là tư tưởng Nhân Chủ. Thực vậy, trong khi hầu hết các dân tộc xuất hiện cùng thời, đều Nhân-Cách-Hóa một Đấng Thần-Linh nào đó, để thờ lạy làm Thần-tổ và tùy quan niệm trọng Mẫu-hệ hay Phụ-hệ, mà vị Thần đó có phái tính Nam hay Nữ. Còn dân tộc Việt thì Thần-Hóa chính Cha Mẹ làm Thần Tổ RỒNG TIẾN (Lạc Long Quân + Âu Cơ) Tổ-phụ Tổ-mẫu của dân tộc để thờ kính. Đặt toàn thể con dân vào Nhân-Chủ-Đạo, Bình đẳng, Khoan dung, Hiếu sinh, Tự Do, Tự chủ, Sáng tạo. Chính ngay hai loài Rồng, Tiên cũng là do sản phẩm sáng tạo của con người mà có.

Sau khoảng một ngàn năm họ Hồng Bàng dắt dân tộc từ vùng Động-Đình-Hồ, xuống tới châu thổ sông Hồng thì nhiều Định Cư Lập Quốc lần thứ nhì, đặt tên nước là VĂN LANG, lúc đó mới thực sự là Quốc Gia Phong Kiến, lãnh đạo bởi 18 đời vua Hùng, đến năm 257 trước Tây lịch, Thực Phán đoạt ngôi, đổi tên nước là Âu-Lạc. Rồi lại mất về tay Triệu Đà, đặt quốc hiệu là Nam Việt. Sau đó rơi vào tay Nhà Hán Trung Hoa, Dân tộc chìm xuống một ngàn năm lệ thuộc, Quốc gia Phong kiến Văn Lang, Âu Lạc, Nam Việt đều mất, mà dân tộc Việt vẫn còn, vẫn kiên trì bảo vệ: Nòi giống, Tiếng nói, Truyền thuyết, văn tự chủ đấu tranh chống Đồng-Hóa, để cuối cùng Ngô Quyền lãnh đạo toàn dân giành lại Độc Lập Quốc Gia Dân Tộc vào năm 939 Dương lịch.

KHẢ-NĂNG DUNG-HÓA TƯ-TƯỚNG

Suốt ngàn năm bị Trung Quốc đô hộ, lãnh thổ quốc gia bị xóa bỏ, nước Việt trở thành Quận, Huyện của Tàu, do nhà Hán đặt quan cai trị. Người Việt phải học chữ Nho, nhưng nhất định cứ phát âm theo tiếng Việt, thế nên chữ Nho nghiêm nhiên thành thủ ký-âm cho tiếng Việt, Người Việt đọc thì người Việt hiểu, chữ người Tàu không hiểu, tuy chữ viết thì cả hai cùng hiểu như nhau. Dịp này tiếng Việt nhận được thêm được rất nhiều từ ngữ văn học, do cách ghép chữ Việt-Nho, mà

đến nay chúng ta vẫn dùng để sáng tạo thêm danh từ mới để biểu hiện những tư tưởng, mà những chữ cũ không lột hết ý, ví dụ như chữ Tuệ-linh để chỉ cho Tâm-linh Trí-tuệ, Dung-hóa, Thăng-hoa, Điều-hợp... chúng ta vừa gặp trong bài này.

Điều may mắn lịch sử mà dân tộc Việt đã có duyên gặp được đó là: Một luồng Đạo học tử lục địa Ấn Độ êm đềm thổi tới, hầu như cùng lúc với văn minh Hán-Nho, đó là Đạo Phật, một Đạo lấy con người làm chủ, đặt con người vào vị thế tối ưu, với trách nhiệm tự thân chủ động làm sáng Tuệ-Linh chính mình, làm bùng nổ Tư Tâm nơi mình, thể chứng trọn vẹn ý nghĩa Tự Do, Tự Chủ, Giải Thoát ở Con Người, trợ duyên cho tất cả cùng Thăng-Hóa. Đây đúng là biện chứng thực tại của Nhân Chủ Đạo, mà Ông Cha Việt-tộc đã sớm đặt con cháu mình vào đường trường cửu đó, chẳng lấy gì làm khó hiểu, khi thấy Đạo Phật với Dân Tộc Việt, bổ túc cho nhau, hòa-hóa cùng nhau. Người Việt từ ngàn xưa vốn có Bản chất Nhân-chủ-Việt, rồi cùng sống với biện chứng Nhân-chủ-Phật, luôn luôn mở rộng tâm thức, đón nhận tất cả các luồng tư tưởng khác, để cùng dung-hóa, nhằm phục vụ con người.

Chính vì Đạo Phật cùng một cội rễ nhân-chủ với Dân-tộc, nên Đạo Phật trở thành Đạo-Phật-Việt, mang đậm nét thực tại, không chỉ tự thân phần đấu, mà còn cùng nhau tranh đấu, cao độ là còn chiến đấu với các thế lực xâm lăng nữa. Do ý chí quyết liệt bảo vệ độc lập giống nòi của con dân, được võ trang bằng ý thức tự chủ của Đạo Phật, nên dân tộc Việt đã vượt thoát nỗi sự đồng hóa quyết liệt của đế quốc phong kiến Tàu, kéo dài cả ngàn năm. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng: "Các nước bị Tàu thống trị, không những mất nước, mà còn mất cả dân tộc, đến ngay các nước thẳng Tàu, thống trị được Tàu, mà cũng bị Tàu đồng hóa nữa. Dù thấy sức mạnh đồng hóa của Tàu dữ dội biết chừng nào.

Đành rằng: Tinh thần tự chủ của người Việt rất mạnh, sức đề kháng rất cao, nhưng cũng không dễ gì chịu đựng được cả ngàn năm, mà không biến chất, hoặc ít ra là bị pha chất. Bị pha chất mà không kiểm soát được sẽ dần tới biến chất, rồi bị đồng hóa là điều khó tránh. Vậy ngoài tinh thần tự chủ và sức đề kháng ra, trong tâm thức người Việt vốn sẵn có đức bao-dung, cộng với lý Vô-Chấp của Đạo Phật, để nhận ra được các luồng tư tưởng khác, có cái đúng, cái tốt, cái đẹp, mà mình phải học theo; cái sai, cái ác, cái xấu, mình phải loại bỏ. Đây là sự bao-dung dài lọc hết sức cần thiết khi tiếp nhận văn hóa của người. Nói rõ hơn, đó đích thật là: Khả năng Dung-Hóa của văn hóa vậy.

Khi ta đã có nền tảng văn hóa vững vàng, có khả năng dung-hóa thích ứng, thì không bị người đồng hóa, trái lại ta sẽ nhận được ở người nhiều chất liệu cần để phát triển thêm lên. Mà NỀN của văn hóa Việt là Nhân Chủ. Dân tộc đã tôn NGƯỜI lên làm Thần-Tổ, đã biết bỏ Đất để giữ

Người, thì đã rõ: Người là Cửu Cảnh rồi. Xu hướng thời đại chúng ta hiện nay không phải đang lấy Người làm Cửu Cảnh đó sao? Nói tới công cuộc trường kỳ Dung-hóa Văn-hóa của dân tộc thì, đã mặc nhiên diễn ra từ ngày khi: Người Việt tiếp nhận Đạo Phật, còn Đạo Lão thì do giới Trí thức, Đạo sĩ tránh loạn tại trung thổ đem vào, riêng Đạo Khổng thì do các quan lại thống trị áp dụng. Vì nhà Hán đã chính thức tôn Đức Khổng Tử thành Vạn-thế-sư-biểu. Nho giáo trở thành chủ đạo cho chế độ phong kiến và đế quốc Hán. Chính vì thế mà người Việt, ngoài việc thoải mái nhận Đạo Phật, Đạo Lão cũng được tiếp thu rất sớm. Còn với Đạo Khổng thì chỉ thu gọn ở chốn quan trường. Mãi cho tới khi, sau nhiều thay đổi triều đại ở Trung nguyên, các biên trấn bất tuân lệnh trung ương, tách ra tự trị, rồi cuối cùng, trung ương phải dành củ ngay người bản xứ là Tiết-độ-sứ, thì lúc đó Người Việt mới thực sự phải học Nho-thuật, để ra làm quan. Đây là lúc Người Việt sắp bước sang mùa bùng khởi Tự-chủ: Ngô, Đinh, Lê.

Nhưng phải đợi tới thời Lý (1010) công cuộc Dung-hóa Văn-hóa Phật-Lão-Khổng mới được triển khai, mới được đưa vào chủ-đạo cho chế độ, tạo thành một triều đại có Văn-Hiến, bền vững. Người làm công việc Tập-đại-thành đó là nhà Việt-Phật, Thiên Sư Vạn-Hạnh. Người thầy của Thái Tổ Lý-Công-Uẩn. Nhà thiết kế toàn diện triều đại nhà Lý. Vị Quốc Sư thân ở ngoài triều, tạo thế đứng Văn-hóa Chi-đạo Chính-trị. Danh là một Tu sĩ Đạo Phật, nhưng là Đạo-Phật-Việt có khả năng Dung-Hóa các tư tưởng trái nghịch, để đưa vào phục vụ con người và dân tộc. Đạo-Lão Vô-Vi, dùng vào việc tinh thần Tự-do Tự-tại cho người Trí-thức. Đạo-Khổng Hữu-Vi, thì dụng Nho-thuật vào việc tổ chức An-bang Tế-thế cho dân cho nước. Lê đứng ngoài với Đạo-Phật Giác-Ngộ thì giúp cho con người tự tu, tự thăng hoa tâm-thức mình, đạt giác ngộ giải thoát, thế nhập thường hằng. Tức là giải quyết mọi vấn đề của con người, từ cá nhân ra xã hội rồi vươn lên toàn vũ.

Dù với nhận thức toàn diện, đã ứng dụng thành công trong thực tế, nhưng về lâu về dài, vì chiếc áo nhà tu của Thiên-Sư Vạn-Hạnh, ít còn có nhà đại-trí-thức nào mặc vừa, chỉ còn lại những nhà tu bình thường hiền hòa vì đạo, không đủ khả năng văn hóa để chủ trì đại cuộc nữa, thế nên vào cuối thời Lý, mới có hiện tượng đáng buồn là: "Trốn việc quan đi ở chùa". Phải đợi sang đến triều đại Nhà Trần, công cuộc dung-hóa Tam-Giáo Phật-Lão-Khổng mới chính thức thành định chế. Ngay năm thứ ba triều của Thái Tông, đầu thời nhà Trần (1227) đã có mở khoa thi Tam-Giáo-Tử, chọn người nổi nghiệp Tam-giáo.

Nhưng về mặt thể hiện Văn hiến Dân tộc, tạo thế Văn hóa chi đạo chính trị, như Vạn-Hạnh khởi đầu, thì lớp tiếp sau đó, Nhà Trần mới có người thay thế. Đây là nhà tư tưởng Trần-Trung, Thiên-gia Cử-sĩ Tuệ-Trung-Thượng-Sĩ. Viên-dung Tam-

giáo. Ngài là người khai mở dòng Thiền dẫn thân, tùy duyên ứng cử, mang đậm bản chất Việt-Phật, mà vua Trần-Nhân-Tông, sau khi lãnh đạo toàn dân đánh tan quân Mông Cổ, mở rộng ngôi cho con, khoác Tăng bào, trở thành Điều-ngự-giác-hoàng, Đệ-nhất-tổ dòng Thiền Trúc Lâm, y cứ vào tư tưởng đó mà phát huy. Thời ấy hầu như toàn dân đều hưởng Phật. Nên Thế-văn-hóa Chi-đạo Chính-trị cho triều đình, cho toàn dân, không chỗ nào tốt hơn là ở Thiên-môn. Các bậc Thiệu-trí-thức tử thời Lý sang đời Trần, đều cùng làm như vậy.

Ở thời Lý thì văn hóa chỉ là Thầy Vua. Đến nhà Trần thì không những là Thầy mà còn là Bồ Vua nữa. Bồ Vua mà lại sống hạnh-đầu-đà hành-cửóc trong dân gian, thì quan nào dám sách nhiễu dân, Vua nào không nghĩ tới dân cho được. Các Vua Trần sau này đều theo lệ truyền ngôi cho con, để Xuất-gia, nhưng không phải Xuất-thế mà là Nhập-thế tu tâm hành đạo giúp đời. Giữ gìn giếng mối văn hiến dân tộc. Thủ hồi trên thế gian này có nơi nào, mà phương pháp chế tài đối với lãnh đạo, rắn đe tham quan hiệu nghiệm, đầy tình người như vậy chưa? Tất nhiên đây chỉ thực sự hữu hiệu ở thời phong kiến, còn thời mà "Quyền lực lãnh đạo dựa trên ý chí toàn dân" như hiện nay, thì lại khác, nhưng vẫn phải đặt văn hóa vào chính vị-thế chủ-đạo mới đúng cách.

Thế duy trì bảo vệ và phát huy Văn-hiến Việt đó, đã bị tiêu hủy bởi tay Hồ-Quý-Ly (1400), đoạt ngôi nhà Trần, Quý-Ly chủ trương làm một cuộc bút phá vĩ đại trong lịch sử Việt, phân chia ruộng đất cho dân, phát hành tiền giấy, khuyến khích phát triển kỹ thuật, dùng chữ NÔM thay cho chữ NHO, đưa ra chủ thuyết Minh-Đạo (cuốn sách này đã bị tiêu hủy). Nếu chủ trương của Quý-Ly thành tựu thì Việt Nam đã đi trước thời đại Âu Châu một bước. Nhưng ý chí của một người chẳng thể thay đổi được nhận thức của đại khối chứa tinh thức, nhất là còn rất nhiều thế lực tri-độn kéo ngược lại. Hơn nữa Quý-Ly đã không chọn đúng thế văn hóa như Vạn-Hạnh, Tuệ-Trung để làm, mà đi chọn cách đoạt quyền, khiến cho Nhà Minh có cơ hội đem quân qua tiêu diệt, làm cho nước mất.

Phải nói rằng chỉ có 14 năm Nhà Minh thống trị Việt Nam thôi, mà dân tộc bị thiệt hại nặng nề, còn hơn cả một ngàn năm nô lệ trước kia. Tất cả nền văn hiến bốn trăm năm Lý, Trần bị nhổ bật gốc. Văn khố, sách vở bị đốt, bị lấy về Tàu. Người giỏi bị giết, bị bắt đi phục vụ cho đế quốc, và hàng năm quan địa phương phải cung cấp đủ số những nhân tài mọi ngành mọi mặt, cho triều đình nhà Minh. Điều di hại đến ngày nay là: Sinh mệnh văn hóa dân tộc bị cắt ngang. Khả năng dung-hóa bị khựng lại. Tinh thần Viên-dung Tam-Giáo bị đập bể, dẫn tới cảnh Nho-giáo độc chiếm chính trường và khống chế tư tưởng của Trí thức Việt Nam dài dài, mãi cho tới giờ vẫn chưa ra thoát.

Phải nhận rằng: Về mặt Đức-Lý thì vấn đề Ngũ-thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, mà Khổng Tử rút ra từ kinh nghiệm ngàn đời, dựng thành một hệ thống tư tưởng làm tiêu chuẩn cho cuộc sống NGƯỜI, thì đến nay vẫn còn giá trị. Nhưng về học thuyết chính trị, thì chính Ngài đã nhận ra là mình lầm, khi Ngài giác ngộ được Dịch-lý. Nhưng sách đã viết ra, việc đã làm trong suốt cuộc đời, thì không còn thời gian để thay đổi nữa. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử là triển khai và hệ thống hóa truyền thống Hữu-vi Phong-kiến của dân tộc Tàu phụ hệ, mà Nhà Hạ đã thiết lập trật tự Hồng-phạm Cửu-trù. Ở ngôi trung tâm của Cửu-trù, là Cửu-ngũ, vị trí của ông Trời, ông Vua và ông Gia-Trưởng.

Người trong Nhà thì phải tuyệt đối nghe lệnh của ông Gia-trưởng. Người trong Nước thì phải tuyệt đối trung thành với ông Vua. Ông Vua nhận mệnh từ ông Trời. Ông Trời ở trên chín tầng mây cao tít, mà ông Vua thì ở ngay trần thế. Nên Vua thay Trời để trị dân. Người Dân trong chế độ phong kiến chỉ là những kẻ nô lệ. Tệ hại hơn nữa, giới trí thức được hệ thống tư tưởng đó tạo ra lại chỉ là những tên cai nô lệ với tâm lý trở thành quán tính "đội trên đạp dưới". Cổ học hành đồ đạc để làm quan, làm tôi trung cho Vua, làm cha mẹ của dân. Hầu như nhà cầm quyền lạc hậu nào cũng rất ưa hệ thống cai trị kiểu đó, họ cố chỉ sao tìm ra những mỹ từ để che thực chất phong kiến, nhằm lừa dân mà thôi.

Sau khi phò Lê Lợi đánh đuổi được quân Minh, Nguyễn Trãi định nối gót Vạn Hạnh, Tuệ Trung lập thế văn hóa. Hồi hưu viết sách dạy học trò, duy trì Văn hiến Việt. Ông được con của Lê Lợi là Thái Tông Văn Hoàng Đế coi là Trọng-phu, thường đến tận nhà thăm viếng, rồi bị chết đột ngột tại nhà của ông. Tộc thân nhà Lê, ghép ông vào tội giết vua. Bị chém cả ba họ. Thế là dòng Văn hiến Việt bị đứt. Nho giáo lần lần lớn mạnh, tư tưởng phong kiến Tống-Nho "một sách" bảo thủ chiếm lĩnh triều đình, đẩy Đạo Phật về với dân chúng, Đạo Lão chỉ còn cái vỏ ngỗng ngàn Đổng-Bồng, mất hẳn phần tinh túy. Đến khi Mạc Đăng Dung lật đổ nhà Lê, thì lịch sử Việt Nam bước vào thời chiến triển miên, hết đợt này tới đợt khác, dưới đủ mọi hình thái, kể từ năm 1527 cho đến ngày 30.4.1975.

Văn hiến bị bể, sinh mệnh văn hóa bị gián đoạn, khiến khả năng dung-hóa bị cùn nhụt, thế nên, khi phải đối diện với văn minh duy lý kỹ thuật Tây phương xa lạ, người Việt bị chóa mắt, triều đình hai chúa Trịnh - Nguyễn bị rớt vào thế thụ động. Nhất là vua quan nhà Nguyễn sau này thì càng thảm hại hơn. Trong đầu của họ thì lúc nào Nho giáo cũng là "khuôn vàng thước ngọc". Thiên triều nhà Thanh là nhất. Không chịu rộng lòng sáng mắt, để học hỏi cái hay cái mới của người, nhằm thay đổi đất nước (cũng giống như Việt Cộng ngày nay vậy). Họ chỉ biết dùng biện pháp đê và ngăn của kẻ cầm quyền là ra lệnh cấm, và đàn áp

người theo. Dẫn đến việc cấm và giết những người theo Đạo Chúa của Tây phương.

Về mặt tín ngưỡng, càng bị cấm đoán càng phát triển nhanh và mạnh, càng nhiều người chịu chết cho đức tin, đức tin càng được củng cố và trở thành linh thiêng, mà đã thành linh thiêng thì không có một thế lực nào tiêu diệt nổi nữa. Mục cổ đạo Thiên Chúa bị giết hại, nước Pháp đã đem binh đội, pháo thuyền, súng lửa vào xâm chiếm Việt Nam. Biến Việt Nam thành nước thuộc địa của Pháp. Buộc nhà Thanh của Tàu, phải nhường quyền bảo hộ Việt Nam cho Pháp.

Thật là bất hạnh cho Việt Nam, sau Đế Nhị Thế Chiến là cơ hội phổ biến để cho các dân tộc thuộc địa của thực dân được Độc Lập, thì Cộng Sản lại đoạt được cơ hội đó, và cũng không may cho dân tộc Việt Nam, gặp phải thủ thực dân Pháp, li lợm ngoan cố quyết bám thuộc địa dù đã hết thời. Rồi cả Cộng Sản lẫn Thực Dân đều trở thành quân cờ trong thế chiến lược mới của Hoa Kỳ, bị lừa vào một cuộc chiến Ý-Thức-Hệ, nhằm mài giũa những đối kháng sắc cạnh của các hệ tư tưởng duy-lý duy-ý-chí cực-vi Tây phương, nhằm xác lập quyền lực và quan hệ thế giới mới, nhằm thu lợi khổng lồ nhờ kỹ nghệ chiến tranh...

Thực dân Pháp rút cục bị nhục nhã ra đi. Việt Nam bị chia đôi Nam-Quốc, Bắc-Cộng, chiến tranh ý thức hệ giữa Duy-linh Miền Nam và Duy-vật Miền Bắc, được trình diễn bởi hai hệ thống xã hội đối nghịch nhau, nhưng lại được lãnh đạo bởi hai chính quyền có cùng một bản chất là độc tài phong kiến. Miền Nam hiện hòa hơn trong bộ áo TỰ DO Dân Chủ. Miền Bắc dù tợn hơn trong bộ áo XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. Miền Nam thành thật cho thấy có ông chủ lớn Mỹ lạnh lùng đứng đằng sau. Miền Bắc ma-lanh giấu được hai ông chủ Nga Tàu khủng khiếp ở hậu trường. Còn người Việt ở cả hai miền thì được khích lệ thi đua hận thù bản giết nhau, quyết liệt phải bảo vệ cho bằng được những thứ lý tưởng "trời ơi đất hỡi", mà nếu như không có, thì lại càng may cho Con Người và Dân Tộc hơn.

DÂN-TỘC NGANG-TẦM THỜI-ĐẠI

Suốt nửa thế kỷ trở lại đây, toàn thể dân tộc Việt đã bị ăn "bánh vẽ" tẩm độc, tuy không chết, nhưng khi bùng tình thì cơ thể đã bị rũ rột. Để phục hồi, điều cần làm là phải giải trừ chất độc trước đã. Chất độc hiển hiện lừng lừng trong tâm-thân đất nước là Cộng Sản Độc tài Ô lậu, với bản chất hận thù, tham lam, tàn nhẫn, gian ngoan, lừa dối và ích kỷ. Chúng ta đã phải sống với những thủ đó, dù ở thế chống đối, cũng khó tránh nhiệm độc. Vì chúng ta rất dễ dàng tha thứ cho mình về ý niệm: "Với kẻ thù độc ác thì ta phải dùng cách của chúng, đối phó với chúng". Nhưng bản chất của ta vốn hiền lương, không thể độc địa bằng kẻ thù, nên ta luôn bị bại. "Đĩ ác đối ác, ác đa tất thắng" là lẽ đương nhiên. Huống

chi với Cộng Sản, vốn được đào luyện trong lò không tim, óc chúng chứa đầy độc tố Hận-Thù Hủy-Diệt.

Một chất độc khác thấm sâu vào trong tiềm thức của chúng ta đã quá lâu đời, dù đó là người tự thấy mình là Quốc Gia, hay cử gông mình lên nhận là Cộng Sản, thì vẫn còn đậm đặc chất độc Phong Kiến Nô Lệ. Chính ý thức phong kiến nô lệ, đã xé nát mọi thế lực Quốc Dân, phá hoại tiềm lực Dân Tộc, làm mờ tâm thức chúng ta, để không nhận được bản chất và khả năng dân tộc, hiện giờ rất ứng hợp với nhu cầu và xu hướng thời đại. Sau sự sụp đổ của Thế giới Duy-vật Cộng Sản, con người nhận thấy rằng: Tất cả những tư tưởng, những ý thức về một chiều Duy-ý-chí, những học thuyết chủ quan Duy-khép-kín đều đã bị vượt bỏ. Nhân loại đang thực sự bước vào thời đại Nhận-Thức Nhân-Chủ Nhân-Văn, con người, các dân tộc, các quốc gia, phải biết chấp nhận nhau, phải tôn trọng nhau, cần giúp nhau phát triển về mọi mặt để cùng sống hòa bình thịnh vượng. Nhận thức Nhân-chủ Nhân-văn: Lấy con người làm cứu cánh, chân-nhận con người có quyền tối cao: Tự-Do Tự-Chủ Sáng-Tạo. Chính do khả năng sáng tạo, mà loài người đã có đời sống văn hóa, và những cảnh sống văn minh khác nhau. Nay khuynh hướng và nhu cầu của nhân loại là phải mở ra cuộc sống khắp mặt toàn-cầu-hóa, cả về kinh tế, chính trị, luật pháp, an ninh... Nếu cứ đặt những vấn đề trên, trong ý niệm quyền lợi: Quốc gia, thế lực hay cá nhân thì sự gọi là toàn-cầu-hóa đó, lại trở thành thủ bánh vẽ mới. Thế giới vẫn bị đặt ở thế chênh vênh, mất ổn định. Loài người vẫn còn khôn khéo.

Do đó khi đề cập tới Nhận-thức Nhân-chủ Nhân-văn Thời-đại, có nghĩa đặt con người vào vị thế chủ động, đặt văn hóa vào vị thế chủ đạo cho khắp mặt nhân sinh, kể cả những tướng quan quốc gia và quốc tế. Nói tới văn hóa của thế giới là phải nhận một sự thật, đó là tính cách đa-văn-hóa. Những tham vọng muốn thế giới chỉ có một loại người. Trong vườn chỉ có một giống hoa, đã gây biết bao đau khổ cho nhân loại, và đều đã theo nhau sụp đổ. Tôn trọng, trân quý mọi giá trị văn hóa, lại cũng không có nghĩa là đổ đôn tất cả với nhau, làm thành một món "hồ lốn". Làm thế lại là một thảm họa cho văn hóa.

Xin nhớ, làm văn hóa có hai nhiệm vụ chính: 1. Bảo lưu. 2. Phát huy. Bảo lưu để thấy những giá trị của ý thức sáng tạo ở con người trong tiến trình lịch sử. Phát huy là làm mới những tạo phẩm, quan trọng hơn nữa là đưa văn hóa vào cuộc sống, làm thành cuộc sống nhân-văn. Được vậy, con người phải có tâm thức dung hòa, để tạo ra khả năng dung hòa, biết đãi lọc lấy những tinh túy Sáng, Tốt, Đẹp có tính phổ quát của các luồng tư tưởng, các nền văn hóa, nhằm thăng hoa, rung cảm, suy tư và hành xử, để con người tự do chủ động điều-hợp cuộc sống trong từng quốc gia, trên toàn thế

giới, làm cho tất cả có hòa bình phát triển, luôn luôn mới mà không sợ đổ vỡ.

Điều-hợp vốn là Luật Thành của Vũ-trụ, tất cả các hiện tượng hiện hữu trong vũ trụ, đều nằm trong luật Bổ sung Phân hóa Điều-hợp. Ngay những vận động sinh hoạt của các Lực trong một Nguyên Tử cũng tuân theo nghiêm ngặt luật đó. Có bổ sung là có phân hóa, mà chỉ phân hóa thì không thành được gì hết, muốn thành thì phải Điều-hợp, tức là phải điều hòa và hợp-nhất, trở thành một thể-thống-nhất, tuy những thành tố trong đó vẫn có sắc thái riêng: Âm điện tử, Dương điện tử, Trung hòa tử... không biến tính, nhưng chúng ta đã điều hợp năng lực với nhau, để có năng lực chung cho từng nguyên tử một. Vậy Điều-Hợp và Luật Thành của tất cả, từ sinh hoạt tự nhiên đến sinh hoạt nhân loại. Đi ra ngoài luật đó, thì đều bị đổ bể.

Con Người Tự-Do Tự-Chủ Sáng-Tạo, tự ý thức trách nhiệm của mình, tự chủ động góp phần xây dựng cuộc sống chung cân bằng hòa bình phát triển, dựa trên Luật-Điều-Hợp của Trời Đất và Văn-Hóa của Con Người. Đó mới đúng là bậc Thiêng-Trí-Thức thời đại. Hiện nay từ cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Á, đã tràn sang Nga và các nước Nam Mỹ, đe dọa kéo theo Âu Châu, Hoa Kỳ vào trận bại liệt suy thoái. Tướng quan thế giới ngày nay đã đi hẳn vào thế-cách sinh hoạt toàn-cầu-hóa, dù cho bất cứ thế lực nào mạnh cách mấy cũng không thể kéo ngược lại được nữa. Hệ thống thông tin cực nhanh, cực mạnh đã phủ lên toàn cầu, đã làm chủ phòng khách, phòng ăn, ngủ ngay trên bàn làm việc, và len cả vào trong phòng ngủ của mỗi gia đình, mỗi người, đang đặt chúng ta vào mối tương quan Điều-Hợp mật thiết giữa Ta với Người trên hành tinh này vậy.

Ba phạm trù nổi bật trong Dòng-Sinh-Mệnh Văn Hóa Dân Tộc đó là: Nhân-chủ, Dung-hóa, Điều-hợp, hiện là chìa khóa trong tay những nhà tư tưởng Việt Nam hải ngoại. Chúng ta có thể dùng nó để mở mọi kho tàng văn hóa nhân loại học hỏi, mà không còn một thủ mặc cảm nào cả. Nhu cầu của nhân loại hiện nay là cần có: Nhận-Thức Nhân-Chủ Duy-Hóa Tư-Tưởng nhằm Điều-Hợp Cuộc-Sống. Chúng ta tích cực góp phần vào đại cuộc ấy. Đồng thời chúng ta vận động dư luận toàn cầu hỗ trợ và gây sức ép với Cộng Sản Việt Nam, buộc chúng đáp ứng đòi hỏi chính đáng của toàn dân Việt, là phải được sống Tự-Do trong chế độ Dân-Chủ Pháp-Trị, bảo đảm cuộc sống trong sạch và phát triển ngang tầm với thế giới. Còn về lâu về dài, thì qua phương tiện truyền thông tự do ở trong nước cũng như toàn cầu, những bậc Thiêng-Trí-Thức có thể sử dụng để biểu tỏ tư tưởng văn hóa, làm chủ đạo cho tiến trình phát triển đất nước và sự thường xuyên Dung-hóa, nhằm Điều-hợp trong dòng sống thế giới vươn lên.

(Little Saigon 9.11.1998)

MUỐN RẰNG OẢN BỤT CHO THƠM...

Trong tâm khảm sâu thẳm của mỗi người Việt chúng ta đều có hình bóng hoặc đậm hoặc nhạt của một ngôi chùa, hoặc chí ít cũng một mái đình. "Chùa làng ta", những tiếng thân thương, đầm ấm này gợi lên một thực thể, một khái niệm vừa gần gũi vừa chứa chan tự hào và gắn với không biết bao kỷ niệm êm đềm từ thời thơ ấu cho tới lúc về già. *Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt.*

Chúng ta có bao nhiêu làng là có bấy nhiêu chùa, rất có thể số chùa còn nhiều hơn số làng xóm vì, nhiều làng lớn có tới hai ba chùa: Chùa Trong, Chùa Ngoài (như ở làng Đa Ngưu ngoài Bắc); Chùa Thượng, Chùa Hạ; Chùa Đông, Chùa Đoài... Đầu những năm 1930, riêng ở châu thổ sông Hồng đã có khoảng bảy ngàn làng ⁽¹⁾. Thế thì chí ít, chỉ riêng ở vùng này đã có khoảng bảy ngàn ngôi chùa. Ở thị thành cũng không ít chùa, ngoài chùa của ta còn có chùa Tàu (Quảng, Tiều, Phúc Kiến...), chùa Nhật... Chúng ta có nhiều chùa rất nổi tiếng như các chùa Xá Lợi, Vĩnh Nghiêm, Ấn Quang ở Sài Gòn, chùa cầu Nhật Bản ở Hội An, chùa Thiên Mụ ở Huế, chùa Quán Sứ ở Hà Nội, chùa Hương Tích (đứng là nhiều chùa vì ở nội trong dãy núi này có Chùa Ngoài, Chùa Giữa, Chùa Trong...) ở Hà Đông... Tỉnh Hà Tiên trong Nam được tiếng là có nhiều chùa. Cả nước, trước đây có bao nhiêu chùa? Chúng tôi không có số liệu thống kê. Có thể lên đến mấy chục ngàn chùa. Thế mà nay, sau bao năm rấp tằm phá phách tàn bạo của những người theo chủ nghĩa không tưởng ngoại lai, cả nước không còn quá bốn ngàn ngôi chùa ⁽²⁾! Mà phải nói thêm, nếu số ước tính này mà đúng thì nhiều chùa cũng bị bỏ tan hoang, không còn Tăng Ni trụ trì!

Một trong những dư âm chùa làng đọng lại trong lòng người là tiếng chuông, tiếng mõ. Tiếng chuông chùa ngân vang sớm khuya bằng bình trên sóng lúa trải dài đến tận chân trời xa thẳm, xoa dịu những nỗi dằn vặt, khổ đau trong cuộc đời trầm luân, giáo hóa những tâm hồn lạc bước, giải thoát tâm ta khỏi bến mê, đưa tiến gần đến cõi giác ngộ, nâng tâm linh ta tiếp cận cõi diệu huyền rồi vào cõi thanh bình vĩnh hằng... Những hồi chuông ngân nga, sớm chiều, nhất là những tiếng chuông thu không bằng làng còn nhắc nhở chúng ta về Phật pháp,...

*Cầu Đông vắng tiếng chuông chùa,
Trăng soi giá nến, gió đưa khói nhang.*

Trong văn chương bình dân, Bụt, chùa gắn liền với nhiều truyện cổ tích, nhiều câu ca dao, tục ngữ... Bụt hiện hậu hiện lên bốn lần giúp cô Tấm (trong truyện cổ tích **Tấm Cám**, tên hai nhân vật chính cũng là tên phổ sản của gạo - Tấm [gạo gãy] và Cám [vụn nhỏ từ lớp vỏ bao ngoài hạt gạo]) vào những lúc nguy nan nhất: 1) khi bị Cám trút mắt hết rỏ tôm tép, đang lo sợ bị mẹ ghè đánh nếu về không, 2) khi cá bống bị mẹ con Cám bắt trộm và ăn thịt mất, 3) khi lo sợ không biết làm cách nào nhặt riềng được thóc và đậu, và cuối cùng, 4) khi không có quần áo đẹp đi hội. Cứ mỗi lần cô Tấm bị nguy khốn thì Bụt hiện tử lại đến giúp đỡ, và sau mỗi lần như vậy, cô lại vươn đến gần hơn với hạnh phúc đôn sơ...

Lên chùa, ra chùa hoặc chí ít nói đến chùa, nhờ đến chùa... chủ yếu là để lễ Phật mà trên bàn thờ Phật nào cũng có xôi oản làm tử... gạo nếp. Tục ngữ có câu: *Dân được mùa, sãi chùa có oản* và *Đếm Phật đóng oản* hay *Bụt nhiều, oản ít*.

Ngâm gạo, đồ xôi, đóng oản, nấu chè là một trong những hoạt động quan trọng khi chuẩn bị ngày Rằm, Mồng Một lễ Phật và những ngày đại lễ như Phật Đản, Vu Lan Báo Hiếu, Nguyên Đán...

Oản là một tử nôm cổ, thấy trên bia dựng năm 1210 ở chùa Báo Ân, xã Tháp Miếu, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên. Lúc này "oản" có nghĩa rộng, tương đương như tử "*Phật sự*" ngày nay. Ngược lại, "oản" ngày nay lại có nghĩa hẹp và cụ thể, đó *phẩm oản* (xôi nén chặt trong khuôn gỗ mít, thành khối hình chóp cụt). Ra chùa lễ Phật, khi về bao giờ cũng có phần, thường là phẩm oản, quả chuối. Oản, chuối nhà chùa bao giờ cũng thơm ngon hơn, vì đây là lộc Phật!

*Muốn rằng oản Bụt cho thơm,
Những như cơm nếp, ổ nơm trong nhà.*

Ngoài xôi, oản, nhà chùa nào cũng có nấu **chè bà cốt** (chè bào cốt?). Đó là xôi nấu với mật và gừng. Nếu xôi có sẵn đậu xanh, lạc... thì chè cũng có đậu, lạc... và hơi đặc hơn. **Chè con ong**, cũng nấu bằng xôi nếp, mật, gừng, nhưng **đặc hơn chè bà cốt** và thường múc ra đĩa (chè bà cốt múc vào chén hoặc bát). Hai loại chè này rất dễ nấu, nguyên liệu rất phổ biến, dễ kiếm, ai cũng có thể nấu được và thường chùa nào cũng nấu vào ngày Rằm và Mồng Một. Thế là cũng thêm một món: có chè, có xôi, có oản...

Chúng ta đồ xôi trong chõ, ngày xưa bằng tre, gỗ, đất nung, đồng điều, ngày nay bằng kim loại không rỉ. Đồ (*hày*) cũng là cách nấu nướng rất phổ thông ở người Thái, họ *hày* không chỉ gạo nếp mà cả gạo tẻ, rau, thịt, cá...⁽³⁾. Cũng như nhiều sắc tộc khác, họ tin rằng *hày* như vậy, Thần Lúa không bay mất nên ăn ngon và bổ hơn; thực tế nhiệt độ cao của hơi nước giúp giữ lại được một số vitamin, chất dinh dưỡng và chất khoáng. Ăn xôi (thối bằng cách đồ) thường đậm hơn ăn cơm nếp (thối bằng cách cho gạo nếp vào nước rồi đun cho đến chín)⁽⁴⁾. Đó là theo nhận thức của tôi hiện nay nhưng trước đây ra sao? Ca dao có một câu làm tôi cú phân vân và phải đặt dấu hỏi, *có chày xôi chày?*

*Có duyên lấy được chồng già,
Ăn xôi bỏ cháo, ăn gà bỏ xương.*

Ngoài ra, người Thái và nhiều sắc tộc thiểu số khác còn *lam* cốm: thổi cốm nếp hoặc tẻ bằng cách cho gạo mới giã vào ống nứa, ống vầu hoặc ống tre rồi đốt cho chín. Có khi vo gạo trước, có khi không; có khi trộn thêm cà đậu đỗ, nhất là đậu phộng (lạc) cùng với gạo; có khi lót lá chuối ở thành ống tre nứa. Mỗi sắc dân ưa dùng một loại tre nứa riêng, thí dụ người Thái Tây Bắc hay dùng tre *pá ngá*, người Ê Đê ở Cao nguyên Trung phần dùng nứa; điểm chung là những loại tre nứa này đều có đường kính không quá lớn nên gạo bên trong cũng dễ chín nục khi lam. Chúng ta cũng có thể nếm *kháo lam* này ở những *talad sao* (chợ sáng sớm) Vientiane (Lào). Ở Cambodge, cốm lam được gọi là *s'krolan*. Cư dân ở nhiều hải đảo thuộc Indonesia, Malaysia như người Iban, người Bugi... cũng có tập quán lam cốm như người Thái, người Lào. Lam cốm là hình thức nấu nướng sơ khai của cư dân săn bắn, hái lượm hoặc khi đi rừng (chỉ cần đem theo gạo, "nồi" thì kiếm ngay trong rừng (những ống tre nứa có vỏ vằn ở bất cứ đâu).

*Muốn ăn măng trúc măng giang,
Măng tre, măng nứa, chè bàng, cốm lam.
Muốn ăn sim chín đi tìm,
Đố ai tìm được đem lên hầu nàng.
Chim kêu vượn hót trên ngàn,
Bây giờ đã đến trăng tàn canh ba.*

Chúng ta có hai loại gạo, gạo nếp đục hạt, dính (*Say nhau như say rượu, Dính nhau như cốm nếp*) và gạo tẻ trong hạt, không dính lắm. Ban đầu, có thể cách đây vài ngàn năm, Tổ tiên ta ăn một loại gạo chẳng ra nếp và cũng không phải tẻ. Sau đó, tình cờ họ gặp những bông lúa biến dị, đục hơn, dính hơn bình thường, ăn cũng ngon hơn, họ chọn để riêng giống đó, dần dần chúng ta có gạo nếp. Khi rồi bỏ hang đá, tiến xuống ở vùng đồng bằng ít lạnh hơn, dân đông dần; loại gạo trong hạt (gạo tẻ) thích hợp với sinh thái vùng này hơn và cũng có năng suất cao hơn, thỏa mãn nhu cầu lớn hơn vào lúc này. Thế là từ đó, gạo nếp lùi về chiếm vị trí chính trong các dịp lễ tết, hội hè, đình đám... Gạo nếp cũng là nguyên liệu chính để cất rượu trắng (rượu đế), ủ rượu cần, làm rượu nếp (cơm rượu)... Chúng ta dùng nhiều gạo tẻ nhưng phổ sử dụng của gạo nếp lớn, đa dạng hơn nhiều. Nhìn vào ngày lễ Phật trên chùa thì thấy rõ điều này.

Người Thái ở vùng Tây Bắc nước ta có một truyện cổ tích nói về sự xuất hiện của gạo tẻ: "Ngày xưa ngày xưa, Trời làm hạn hán kéo dài từ Lễ Tiên Bàn Xiên Mường đến tận Tháng Tám. Không một hạt mưa, trời củ trong như mắt con mèo. Ngọn suối chảy qua Bàn vốn lớn như nhà phía nhà tạo nay chỉ còn bằng cái lá chuối trên rừng. Dân Mường trên Bàn dưới đều đói dài ra. Nhà nào cũng thiếu ăn. Hai anh em nhà họ làm lụng vất vả từ khi bố mẹ chết sớm nhưng vẫn còn dăm đụn *khâu* (lúa nếp) treo trên bếp. Họ *khâu* xôi riêng (ở riêng) nhưng vẫn cùng trong một Bàn. Họ đốt rẫy

riêng nhưng cùng trên một nương. Người anh đã có vợ và bốn con, đứa bé nhất hầy còn ẵm ngửa. Người em còn đơn chiếc. Một đêm trời nóng quá, lá cái cây trong rừng cũng không rì rào; người em không ngủ được, nghĩ: "Anh ta phải nuôi một vợ bốn con, làm sao qua khỏi nạn đói kém này đây, phận làm em ta phải cứu mang anh ta". Người em vùng dậy, lấy một sọt đầy lúa đem sang cho anh. Trong khi đó, người anh cũng bàn với vợ: "Chú em nó đơn chiếc, không ai giúp đỡ, chắc khó qua được cơn đói này, bổn phận làm anh, ta phải giúp gấp chú em mới phải đạo". Anh cũng lấy ít lúa cho vào gùi đem cho em. Trong đêm tối, hai anh em gặp nhau bên sườn đồi. Khi biết lý do khiến anh em phải bước xuống cái thang giữa đêm hôm khuya khoắt, hai anh em đều khóc ròng, nước mắt rò xuống thóc nếp rửa hết màu đục đi, gạo trở nên trong. Từ đó người Thái có thêm *kháo cao* (gạo tẻ) và họ *hày* (đỗ xôi) hay *lam cà khao* (gạo nếp lẫn *kháo cao*." (5).

Ngày nay, thường người dân gọi "gạo" là loại gạo đang được sử dụng phổ biến hàng ngày; thí dụ đối với người Việt đó là gạo tẻ, người Thái là gạo nếp (*kháo*). Riêng khi chỉ loại gạo không được dùng phổ biến, người ta mới thêm tính từ chỉ loại đó; thí dụ ở người Việt đó là *gạo nếp* [ở miền Nam, do thói quen ưa nói gọn nên thường dùng đọc một từ "*nếp*"], ở người Thái là *kháo cao* (gạo tẻ). Đôi khi để nhấn mạnh, chúng ta mới dùng *gạo tẻ* và người Thái mới dùng *kháo niu* (gạo nếp). Thói quen gọi tên lúa gạo như trên cũng gặp ở các nhóm người Thái ở miền Nam Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Miến Điện.

Xét theo thời gian thì chúng tôi cho là *cháo* xuất hiện trước tiên do dễ nấu, đó cũng là một dạng canh, một dạng kho nhạt (các loại cháo của ta ngày nay, bao giờ cũng có ít hạt nếp để cho *sánh*) rồi đến *cốm nếp* sau đó mới đến *xôi*. Dân ta thích ăn các món ăn, nhất là cháo, canh *sánh sánh* hoặc *nhón nhót*, đó là dấu tích của thời xa xưa khi Tổ tiên ta ăn gạo dính, gạo nếp hằng ngày.

Xét một cách rộng lớn hơn về mặt địa lý, các cư dân nông nghiệp ở Đông Nam Á đều có nhiều lễ phẩm làm từ gạo nếp, dù họ theo đạo Phật hay đạo Hồi hay đạo Chúa... Dân Nam Dương theo đạo Hồi là chính nên bánh *lemper* (một dạng bánh tét nhỏ) của họ có nhân thịt gà, đậu xanh, gừng (đạo Hồi cấm ăn thịt heo; ở vùng nhiệt đới nóng ẩm, ăn gừng giúp chống được nhiều bệnh thời khí). Quý thầy và quý Phật tử chúng ta có gói *bánh chưng chay*. Ở Nam Dương cũng có một dạng bánh chưng chay, đó là bánh *wadjik* gồm gạo nếp trộn đường thốt nốt và dừa sợi, gói bằng lá bắp. Nói rộng ra thì tập quán ăn uống chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như môi trường tự nhiên (người Thái, người Mường, người Việt miền Bắc dùng lá *vông* [*Phrynium capitatum*] gói bánh chưng, người Việt miền Trung và miền Nam dùng lá chuối hạt gói bánh tét; người Êđê, người Gia Rai dùng lá chuối thay cho mâm, đĩa...). Nhưng ở đâu và bao giờ tôn giáo cũng có ảnh hưởng quyết định và trực tiếp đối với tín đồ tôn giáo đó, nhưng đối với toàn xã hội, ảnh hưởng này lại có tính tương đối lớn, quan

trong và gián tiếp. Có thể tóm tắt mối quan hệ phức tạp và đan xen này trong sơ đồ ở trang sau :

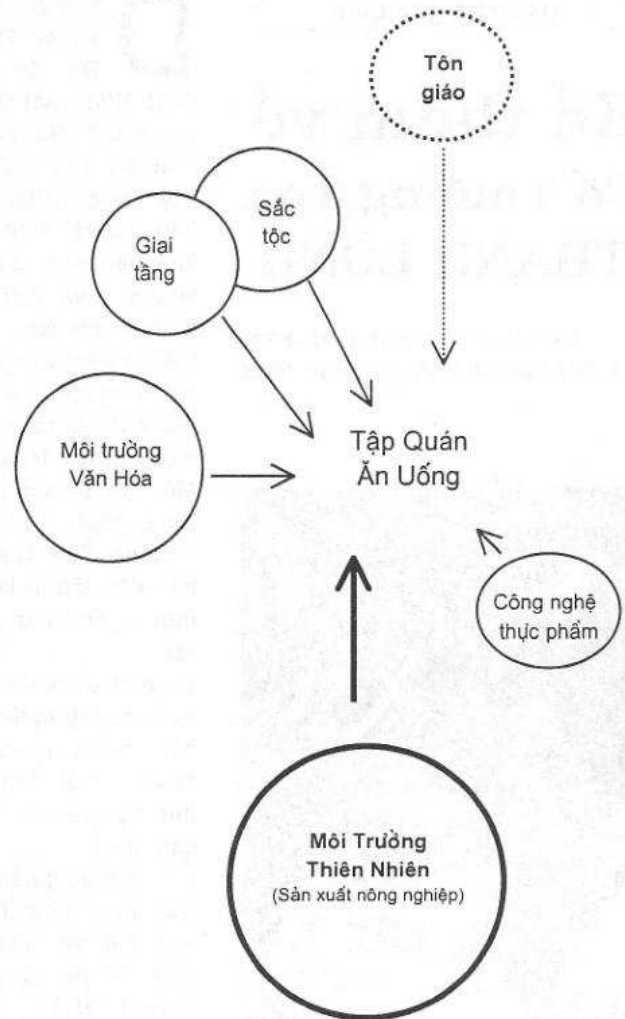
Cũng có thể nghĩ thêm rằng đối với món ăn, bánh trái không có *chuẩn mực chặt chẽ, thống nhất và duy nhất*. Những món ăn mà chúng ta ăn hằng ngày, dù ở nhà hay ở hàng ăn, là thể hiện tập quán ăn uống của xã hội, của gia đình thông qua sự vận dụng của bà (hay ông) nội trợ hoặc ông/bà đầu bếp trong một môi trường xã hội cụ thể. Hơn nữa, tập quán ăn uống thuộc loại xuất hiện hằng ngày; ngày nào chúng ta cũng ăn hai hay ba bữa, không kể những lúc "lai rai", vui bạn vui bè. Cũng rau muống nhưng ở Hà Nội khác ở Sài Gòn và càng khác ở The Hague, Hòa Lan. Ngay ở những nước sinh tiêu chuẩn hóa như Đức, Hòa Lan... mỗi hãng sản xuất Hamburger chẳng hạn, cũng chỉ cần đăng ký thành phần nguyên liệu (và chẳng công thức nào giống công thức nào cả) chứ không cần công bố tỷ lệ các nguyên liệu; họ còn có bí mật nhà nghề chủ! Đôi khi còn có những cải tiến thích ứng với môi trường, hoàn cảnh mới. Bánh chưng gói ở hải ngoại làm gì có lá vông, bà con gói bằng lá chuối và cà bằng giấy thiếc (aluminiumfoli), và cũng đâu có dùng lạt đang để buộc, thường dùng dây nylon tước nhỏ. Cái tên gọi và những thành phần chính cũng như hình dáng xưa thì còn nhưng mùi vị, chất lượng không còn nữa. Tục ngữ Quảng Đông ⁽⁶⁾ có câu : "Anh đầu bếp giỏi là anh biết thay đổi công thức cho phù hợp với tình hình cụ thể" (dịch ý theo bản tiếng Anh của Wintle J.). Ngoài ra, cũng phải nói đến không gian ăn uống: bữa ăn đúng điệu, người ăn uống đồng điệu, môi trường ăn uống hài hòa và thích hợp... lúc đó mới cảm nhận hết cái ngon, "ăn mỗi đã"! Đó là lý do vì sao nhiều vị sống ở hải ngoại uống chén trà Biao mà vẫn thấy không phải là trà "của ta", chấm nước mắm Phú Quốc chính hiệu mà vẫn thấy nó nhạt nhẽo thế nào ấy!

Bụi trần tham sân si đó sẽ giảm phần nào trong tiếng mõ chùa tụng niệm sớm khuya hằng ngày. Tiếng mõ đều đều trong tiếng kinh trầm bổng, điểm xuyết những tiếng chuông ngân vang làm lòng ta lắng lại, tâm ta vượt lên khỏi những tục lụy thường nhật...

Mối Tương Quan Giữa Các Yếu Tố Chi Phối Tập Quán Ăn Uống.

(Nguyễn Xuân Hiến, 1998)

Môi Trường Thiên Nhiên (trong đó kể cả Sản Xuất Nông Nghiệp) giữ vai trò lớn nhất, quan trọng nhất và có ảnh hưởng trực tiếp. **Công Nghệ Thực Phẩm** chi phối nhỏ hơn, kém quan trọng hơn những cũng trực tiếp. Hai yếu tố này tạo thành cơ sở hình thành nên Tập Quán Ăn Uống. **Môi Trường Văn Hóa** có ảnh hưởng lớn, quan trọng và trực tiếp. Hai yếu tố **Sắc Tộc** và **Giai Tầng Xã Hội** có ảnh hưởng nhỏ hơn, đan xen nhau và trực tiếp. Yếu tố Tôn Giáo có ảnh hưởng quyết định và trực tiếp đối với tín đồ tôn giáo đó, những đối với toàn xã hội, ảnh hưởng này lại có tính tương đối lớn, quan trọng và gián tiếp.

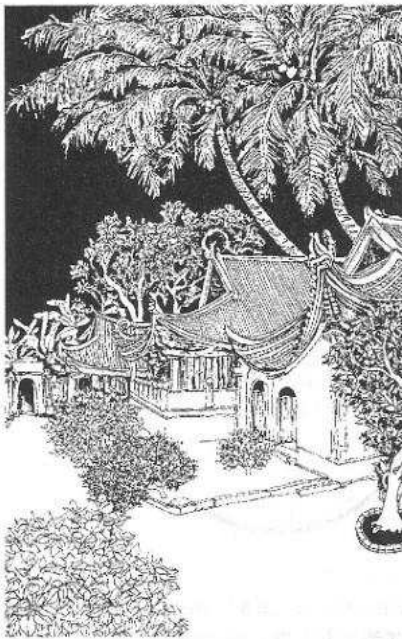


Chú thích :

- (1) René Dumont. La Culture du Riz dans le Delta du Tonkin. Étude et Propositions d'amélioration des techniques traditionnelles de Riziculture tropicale. Paris, Société d'Éditions Géographiques, Maritimes et Coloniales, 1935. p.37.
- (2) Theo Mai Thục. Tinh Hoa Hà Nội. Hà Nội, nxb Hà Nội, 1998. tr.248.
- (3) Người Kinh trước đây cũng có đồ cả một số thức ăn, tôm he Thanh bán từng thè năm con một, chính là tôm đồ.
- (4) Miền Bắc, dựa vào cách nấu đã phân biệt rõ rệt giữa *cơm nếp* và *xôi* nhưng *hình như* miền Nam gọi tuốt lượt là xôi. Tôi dùng chữ *hình như* vì a) khi còn ở quê nhà, tôi chưa chú ý đến điểm này, b) nay muốn biết, tôi đã hỏi ý kiến 14 vị sinh trường ở miền Nam (miền Nam rặt) và thuộc thế hệ Thủ Nhất (đến đây khi trên 25 tuổi) đang sống tại Hòa Lan thì có 5 vị (35,74 %) cũng phân biệt rõ như dân miền Bắc, 6 vị (42,84 %) chỉ biết có xôi, còn 3 vị (21,42 %) đang phân vân hoặc không có ý kiến ... Những một anh bạn quê ở Quảng Ngãi (thuộc thế hệ Một Rười, đến đây khi dưới 25) nghe nói đến xôi và cơm nếp vội lớn tiếng "Trật lặc cả hè, làm gì có cái gọi là *cơm nếp*, chỉ có xôi mà thôi. Mày chú già rồi nên lảm cẩm bày đặt ra lảm chuyện !"
- (5) Trích từ "Chapter Three. Glutinous Rice in Evolution" trong chuyên khảo "Being Hungry, You Have Cravings for Meat and Xôi - Glutinous Rice and the Vietnamese" của Nguyễn Xuân Hiến (đang in).
- (6) Nời nấu ăn nổi tiếng là ngon nhất nước Tàu, còn ngon hơn cả bếp Bắc Kinh [Sơn Tây], bếp Tử Xuyên và bếp Hoài Dương. Trước đây ta có câu *Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật, chết ở ta.*

Kể thêm về Cố Thượng Tọa THANH LONG

Để Tưởng niệm "Nhà Sư Của Tôi"
Cầu chúc Ngài sớm siêu thăng Lạc Quốc.



LTG - Mới đây, cụ Đại Tá Nguyễn Quốc Quỳnh ở Orlando (Florida), có nhắc tôi là bài "Nhà Sư Của Tôi" (NSCT) trong cuốn tạp văn "Viên Đạn Cuối Cùng" còn thiếu nhiều chi tiết. Tôi cảm ơn cụ Quỳnh và hứa sẽ kể thêm.

Cụ Quỳnh và kể viết bài này đều có nhiều kỷ niệm tại trại "cải tạo" Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, - nhất là với cố Thượng Tọa Thích Thanh Long, nguyên Giám Đốc Nha Tuyên Uy Phật Giáo Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sở dĩ bài NSCT thiếu một vài câu chuyện về Đại Sư Thanh Long, vì là bài viết ngắn để đăng trên Bản Tin Chùa Vạn Hạnh (Raleigh, North Carolina) mà số trang có hạn. Lê ra trước khi in bài này trong tạp văn, tôi phải bỏ túc, nhưng đã sơ suất. Nay xin... chuộc lỗi bằng bài viết này.

(HNL)

Do một cơ duyên... tiếp nối với cụ Thanh Long, sau khi Đại Sư viên tịch tại chùa Giác Ngạn Sài Gòn, tôi viết về Cụ, bài NSCT. Bài viết này đưa tới việc Thượng Tọa Thích Thiện Tâm về Trụ Trì tại Chùa Vạn Hạnh; việc tôi liên lạc với thân hữu bên Đức sau khi bài này được đăng lại trên Nguyệt San Viên Giác của Thượng Tọa Thích Như Điển; việc tôi có thêm nhiều thân hữu là Phật Tử, vì tôi là người theo Thiên Chúa Giáo mà viết bài rất trân trọng sùng kính một vị Chân Tu bên Phật Giáo.

Mỗi lần chúng tôi, những anh em đồng cảnh tù "cải tạo", nhắc đến Thượng Tọa Thích Thanh Long, ai nấy đều thành kính nhớ về Cụ như một vị anh hùng trong lòng chúng tôi.

Ở một cõi không còn hệ lụy, vị sư già của chúng tôi biết được điều này hẳn không vui lòng. Bởi Cụ vẫn cho mình là một Ông Sư Nhà Quê, bình thường, giản dị, không muốn ai để cao mình.

Cụ chia sẻ phần ăn của mình cho bạn tù, như một hành động phải làm như thế mà không hề có ý hành thiện để gây công đức. Thỉnh thoảng được Phật Tử - chùa Giác Ngạn -, hay vợ chồng người Công Giáo gần nhà thờ Ba Chuông ra thăm nuôi, Cụ chia thức ăn cho kỹ hết, sau đó lại nhận phần "bo bo" như... thường. Nhiều bạn tù thấy dưới chân sàn nằm của mình có bịch "ni-lông" thức ăn, đều chấp tay vái, hướng về phía chỗ cụ nằm. Anh em biết là của cụ cho. Trong đồng cảnh "đói muôn năm", ngoài cụ ra, ít ai còn có thể bớt phần ăn, phần "thăm nuôi" của mình để phân chia bằng hết cho các bạn tù, như Cụ?

Bọn "chè" không ưa cụ, dĩ nhiên, vì:

- Anh Nong, Anh nể mẹ thế?

Cụ thông thả:

- Nào tôi có lẽ mẹ bao giờ đâu!

- Anh còn cãi hả?...
và:

- Anh vất túi bo bo qua hàng rào cho bọn bên kia nhận, anh tưởng cán bộ không biết sao? Anh vi phạm nội quy...
- Thì bọn trẻ đòi quá...
- Anh nà bướng nắm! Tôi cảnh cáo anh!

Cụ bị làm "kiểm điểm nhiều lần mà lần nặng nhất là tội "mua bán đổi chác" với một thanh niên dân tộc thiểu số. Xin kể lại chuyện này hầu bạn đọc, như sau:

Trong thời gian làm "Trực Bồng", Cụ Thanh Long có nhiệm vụ xuống nhà bếp gánh hai thùng nước sôi về "chế" vào các "gò" - lon sữa guigoz được bạn tù dùng để nấu nướng hay đựng nước uống. Vào một buổi chiều cuối năm, vừa xuống nhà bếp - trên dốc bờ suối chạy ngang qua trại Thanh Phong - Cụ nhắc thấy thấp thoáng có một thanh niên Thượng đi ngang qua. Hé mắt nhìn qua hàng rào cọc tre, cụ thấy người này co ro trong manh áo hở hang. Cái lạnh mùa đông miền núi với những cơn mưa bụi khiến mặt anh tái mét. Nhìn quanh không thấy có gì trở ngại, cụ lên tiếng vừa đủ cho anh nghe:

- Này!

Thanh niên nhìn qua kẽ hở của hàng rào:

- Cụ bảo gì?

- Anh đợi đó, tôi đi lấy cho chiếc mền!

- Mền?

- Phải rồi, là cái chăn, cho ấm!

Thanh niên mừng rỡ nhìn theo Cụ thoãn thoắt đi vào phía trong.

Chỉ một lát sau. Cụ guộn chiếc mền đỏ - một trong hai cái mền màu đỏ mà "Trại" phát cho tù, cùng với chiếc áo trấn thủ cũ mềm, còn dính máu, là tất cả phương tiện "chống rét" theo tiêu chuẩn - qua hàng rào cọc tre.

Nhưng Cụ già sức yếu, đã lấy đà để liệng chiếc mền qua nhưng nó chỉ qua được gần phân nửa, phần còn lại bị mắc trên đầu những cọc tre nhọn hoắt. Bên ngoài, anh càng kéo mép mền xuống, nó càng dính chặt vào đầu cọc.

Đúng vào lúc đó, tên chèo ngồi trên vọng gác nhận ra sự việc bất thường. Gã báo động. Thấy tình trạng nguy hiểm cho người bên ngoài, Cụ bảo anh:

- Đi lẹ đi!

Thanh niên vừa chạy xuống bờ suối thì tên "cán bộ trực trại" hăm hăm bước tới. Y lớn tiếng:

- Anh Nong! Anh nằm gì ở đây?

Cụ điềm tĩnh:

- Tôi lấy nước về cho Đội!
 Y chỉ tay lên chiếc mền đỏ máng trên hàng rào?
 - Anh vắt chiếc chăn này cho ai bên ngoài?
 - Tôi đâu biết là ai?
 Y nạt lớn:
 - Anh chối hả?
 Cụ vẫn thông thả:
 - Nào tôi có chối gì đâu?
 - Tại sao anh vắt chiếc mền cho người bên ngoài?
 - Vì tôi thấy anh ta lạnh quá!
 Y dần từng tiếng:
 - Anh... mua bán đổi chác hả?
 Cụ cười:
 - Cán bộ nghĩ coi, trên người anh ta chỉ có chiếc quần đùi và manh áo rách, có gì để tôi... mua bán đổi chác?
 - Anh còn cãi hả. Anh vi phạm nội quy. Nê ra tôi cùm anh một chân...
 - Tùy cán bộ thôi!
 - Nhưng thấy anh già yếu, tôi bắt anh nghiêm chỉnh nằm kiểm điểm. Anh nghe rõ chưa?
 - Nghe rõ, cán bộ!
 Trước khi quay đi, y còn dọa Cụ:
 - Anh phải thành thật khai báo, nghiêm khắc kiểm điểm và nộp nên văn phòng tôi ngay chiều nay. Anh nắm được chưa?
 Cụ muốn phì cười khi trả lời y:
 - Nắm được rồi, cán bộ.
 Chiều hôm ấy, khi chúng tôi xếp hàng ... vô chuồng. Tên trực trại nói với cụ Thanh Long, khi cụ bước qua trước mặt y:
 - Anh Nong! Sao chưa nộp kiểm điểm?
 Cụ vẫn thông thả:
 - Tôi trực buồng làm bao nhiêu việc, thì giờ đâu mà viết. Cán bộ lại chưa cho giấy bút, tôi lấy gì để viết?
 Y nạt liến:
 - Viết thư cho gia đình thì anh có giấy bút...
 Cụ không chịu:
 - Nào tôi có gia đình đâu mà viết thư...
 Có tiếng cười phía sau của bạn tù còn đợi vào buồng. Tên trực trại quay lại nhưng không bắt được kẻ nào vừa phát ra tiếng cười ấy, y khoát tay:
 - Vào buồng đi. Tôi sẽ cho anh giấy bút nằm kiểm điểm. Sáng mai nộp cho tôi!

Sáng hôm sau, tên trực trại đòi nộp bài kiểm điểm thì cụ làm ra bộ không hiểu:
 - Tôi nghĩ sáng nay viết thì chiều nay nộp, nếu tôi tranh thủ viết kịp...
 Y quát:
 - Tại sao tối qua anh không viết?
 Cụ cười:
 - Làm sao tôi thấy đường viết, khi không đủ ánh sáng?
 - Không nói thôi với anh! Anh nà buồng lảm. Trưa nay anh phải viết xong tờ kiểm điểm, nếu không, tôi cùm anh!
 Cụ không trả lời nữa. Tên trực trại bỏ đi.
 Sau đó, Cụ không làm trực buồng nữa, ra lao động như trước.

 Hôm ấy, sau khi "trại viên" sắp hàng ngồi theo từng đội trên sân "tập kết" chờ báo cáo xuất trại đi "lao động là vinh quang", tên trực trại lớn tiếng:
 - Anh Nghiêu đâu?
 Linh Mục Nghiêu đứng lên:
 - Có tôi!
 - Anh nên đây! Đứng bên cạnh tôi và nhìn xuống sân tập kết.
 Chờ cho vị linh mục già an vị, tên trực trại ... phát:
 - Trước toàn Trại, tôi cảnh cáo trại viên Nghiêu về tội nê mề trong nao động, gây ảnh hưởng xấu đến phong trào thi đua sản xuất vụ Đông Xuân!...
 Một cánh tay giơ lên, cùng với giọng nói quen thuộc của Thượng Tọa Thích Thanh Long mà phần đông anh em tù đều kêu là bố:
 - Tôi có ý kiến!
 Tên trực trại vốn không có hảo cảm với Cụ, y chưa kịp phản ứng thì Cụ đã lớn tiếng:
 - Thừa cán bộ trực trại, tôi không đồng ý cho rằng ông cha Nghiêu...
 Y ngắt lời cụ:
 - Cho anh nói nại: anh Nghiêu! Không có ông cha nào ở đây cả!
 Cụ nói tiếp:
 - Tôi không đồng ý cho rằng anh Nghiêu lể mề trong lao động. Tôi nhận thấy anh Nghiêu rất... tích cực, luôn đạt chỉ tiêu do trại đề ra. Chỉ là anh Nghiêu lớn tuổi nên không được nhanh nhẹn...
 Tên trực trại xua tay:
 - Anh Nong ngồi xuống! Tôi nhắc: Trại cảnh cáo anh Nghiêu, cảnh cáo

nuôn anh Nong về tội cũng nê mề nao động, còn thêm tội bao che nữa. Nếu các anh không sửa đổi, Trại sẽ có biện pháp.
 Y nhìn qua phía ông cha Nghiêu:
 - Anh Nghiêu và anh Nong sáng nay nên phòng cán bộ trực trại "nằm việc".
 ... Chúng tôi nhìn theo nhị vị chân tu trở về buồng.
 Nhiều năm sau, những anh em tù từng chứng kiến khung cảnh một vị Thượng Tọa lớn tiếng bênh vực một vị Linh Mục ngay trong ngục tù cộng sản bất chấp mọi hậu quả, không bao giờ quên được.
 Còn nữa, hình ảnh các ông sư, ông cha ngồi chồm hồm nấu nướng ngoài sân rồi ăn chung với nhau... luôn hiện ra trong những giấc mơ của tôi, dù đang sống ở Hoa Kỳ.
 Tôi còn được biết Linh Mục Tổng Thiện Liên (TX) đã "meo" món quà 100 Mỹ kim để Welcome Thượng Tọa Thiện Tâm (hồi Ngài còn ở Atlanta), khi vị sư khả ái này mới tới Mỹ.
 Thử hỏi những sự thật này, mấy ai nghĩ được là đã xảy ra?
 Các vị tu hành khả kính trong tù, chỉ cảm nhận tình người của nhau, không bao giờ có chuyện mất đoàn kết giữa những chiến sĩ quốc gia, vì màu sắc tôn giáo. Quý vị ấy mến thương nhau thành khẩn khiến bạn tù đều được noi gương. Sau khi ra tù, các vị thường qua lại, thăm hỏi nhau thân thiết tử trong cũng như ngoài nước.

Thế mà ở đâu đó sau này, ngay trên những nước Tự Do, vẫn còn những chuyện chia rẽ giữa một số - dù rất ít - con người Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo!
 Cụ Thanh Long, "Nhà Sư Cửa Tô", thần thông quảng đại, hân đàu lòng về những chuyện chia rẽ, nếu còn xảy ra trong cộng đồng người Việt Quốc Gia, như thế.

Miền Đông Hoa Kỳ,
 tháng 1 năm 2000



Tiểu sử nhà văn, nhà thơ

VI KHUÊ

Các bút hiệu khác: Đoàn Văn, Đào Thị Khánh, Nguyễn Thị Bình Thường.

Chánh quán: Thừa Thiên.

Nguyên Hiệu Trường: Trung Học Tư Thục Văn Khoa Đà Lạt.

Xưởng ngôn viên, Diễn viên thoại kịch Đài Phát thanh Huế, Đà Lạt.

Tại hải ngoại: Đã cộng tác thường xuyên với các tạp chí Văn, Làng Văn, Văn Học, Đất Mới, Nhân Văn, Thế Kỷ 21, Thời Luận, Người Việt, Saigon Times, Thời Báo, Chiều Dường.

Có tên trong Tự Điển Tiểu Sử Nhân Vật Quốc Tế (Dictionary Of International Biography), ấn hành tại Cambridge, Anh Quốc.

Có tên trong Tự Điển American Biography Institute Inc (ABI), ấn hành tại Hoa Kỳ. Chủ trương nhà xuất bản Sao* Hoa Thịnh Đốn.

Tác phẩm: Giọt Lệ *thơ 1971. Cát Vàng *thơ 1985 - Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ *văn 1986 - Tặng Phẩm Tình Yêu *thơ 1991 - Những Ngày Ở Virginia *văn 1991 - Vẫn Chờ Xe Thổ Mộ *văn 1993 - Hoa Buồm Vườn Thơ Tôi *thơ 1994.

* Tác phẩm đã đóng góp trong 15 tuyển tập thơ văn tại hải ngoại.

• Tác phẩm đăng trên nguyệt san Phụ Nữ Diễn Đàn liên tiếp trong 12 năm với nhiều bút hiệu khác nhau, chưa in thành sách.

※

Truyện ngắn

PHÙ DU

Cặp mắt người thợ sơn ngược nhìn lên thẳng về phía bà, khi bà Hồ vừa mở cửa xe thả một chân xuống nền đất, làm bà giật mình phải chăm chú nhìn lại. Cặp mắt sao kỳ lạ, sâu thẳm, màu xanh lơ, dưới cặp chân

mày thật đậm nét; một vầng trán sáng sủa lòa xòa mái tóc quăn rũ xuống. Phầng phầng giống Tom Cruise, phầng phầng giống Cary Grant, mà cũng phầng phầng giống Jesus Christ!

"Tại sao cậu nhìn tôi chăm chú thế, hay là cái nhìn của cậu vốn đắm thắm như vậy, chủ chẳng phải là dành riêng cho một người nào? Tôi nghĩ là cậu, là cậu bé!" Bởi vì bà Hồ biết là người thợ sơn đến nhà bà làm việc hôm nay, chủ nhật này, là một sinh viên trẻ trong nhóm student-painter thường rao kiếm job vào dịp đầu mùa hè, và cách sơn nhà của của họ thường rất thành công, hơn hẳn những thợ chuyên nghiệp. Bà Hồ thoáng nghĩ: thằng bé thật đẹp trai. Tại sao chưa trở thành tài tử Movie, hay ít nhất cũng là tài tử TV nhỉ? Hiện nay trên màn ảnh Hoa Kỳ ít có người diện mạo khôi ngô tuấn tú như thế để mà địch cho lại đội quân tài tử điện ảnh Tàu lần lượt xuất hiện từ Đài Loan đến Hồng Kông, với tài nghệ diễn xuất tuyệt luân, và diện mạo thanh niên Trung Hoa kia thì thường được tô điểm đẹp hơn lên nhờ bộ lông mày vẽ xênh xếch thật điệu, còn người Mỹ trên màn ảnh, cũng như người Mỹ sinh-viên-thợ-sơn này thì không. Đây là cậu ta với cái mặt thật trong bộ đồ sơn nhà, cũ và sờn nói lại chiếc quần jean soọc. Nước da trắng hồng nâu như người mời đi biển về.

Những điều đáng nói là cái nhìn của cậu bé. Sâu thẳm thẳm dưới cặp mày rậm hơi nhíu lại... Cứ như là một hố suy tứ, pha một chút gì thoáng qua như màu tím nhạt mà bà Hồ tưởng là nắng chiều phản chiếu vào đôi đồng tử. Bà Hồ cất tiếng trong giọng cười vui vẻ:

- Chào! Cậu là người student-painter? Cậu là Jonathan đấy hả?

- Chào bà. Chắc chắn rồi. Chính bà gọi tôi qua phôn đến đây làm việc hôm nay mà. Tôi đến sớm lắm, nhưng bà đã đi ra ngoài.

- Tiếc nhì. Dầu sao thì công việc cũng đã xong hai phần rồi. Cậu làm nhanh thật, giỏi thật, và đẹp thật. Có thể nào xong ngay chiều nay không, hay còn phải tiếp tục qua ngày mai.

- Nếu tôi lẹ lẹ lên thì có thể xong trong vài tiếng nữa. Tôi có cảm tưởng trời sắp đông, nóng quá. Nhưng nhờ vậy sơn càng mau khô thôi.

Bà Hồ tiến lại ngồi xuống bên cạnh người thanh niên, nhìn bàn tay mảnh khảnh của cậu ta cầm cái cọ quét nhẹ lớp sơn màu hồng nâu lên cánh cửa ga-ra nhà bà vốn màu đẹp.

- Thích nhì! Tôi cũng thích làm thợ sơn lắm. Có khi tôi đã mua sơn về tự mình sơn lại cả đôi guốc, hay cái bàn cái ghế. Cái gì sơn lại cũng đẹp ra ngay. Thích

lắm chứ. Mà này, Jonathan vẫn còn là sinh viên chứ? Năm nay bao nhiêu tuổi? Học năm thứ mấy rồi?

- Tôi ấy à? Tôi không phải là sinh viên. Tôi chỉ mới học tới lớp mười hai thì bị nhà trường đuổi, đuổi lên đuổi xuống, sau một thời gian khuyến nhủ, cảnh cáo, lo lắng cho tôi mà không được.

- Tại sao? Tại sao?

- Tại tôi học dốt lắm. Họ bảo tôi ngu, chỉ nên làm thợ sơn hay cắt cỏ hay việc gì không cần đến đầu óc thì được thôi. Họ bảo lúc nhỏ tôi khá hơn, càng lớn càng ngu.

- Thật à? Thế năm nay Jonathan bao nhiêu tuổi?

- Mười bảy rồi.

- Vậy mà tôi tưởng cỡ hăm hai, hăm ba gì rồi chứ. Là nhì?

- Bà bảo cái gì lạ?

- Không, tôi nghĩ chuyện riêng của tôi. Thế... à thế... Jonathan không thích học, vậy mà có thích đọc sách gì không?

- Có chứ, tôi chỉ thích đọc Kinh Thánh. Tôi luôn luôn nghĩ đến Ngày Tận Thế và Cuộc Phán Xét Cuối Cùng. Và thế là tôi thấy chán, không muốn học: đã có Ngày Tận Thế thì còn học làm gì, học cũng một cái đầu lấm chủ bộ, mà có để làm gì đâu?

Jonathan vừa nói vừa đập khê nắm tay trái vào đầu, vừa nhăn mặt lại. Bà Hồ đáng tử lự, vòng hai tay trước ngực, lặng lẽ bước vào nhà, lên lầu, thay áo rồi bật ngay Tivi lên xem lại một lần nữa đoạn phim Tinh Võ Môn mà cái phất tay gạt tà áo dài rất điệu nghệ của một sư phụ có cặp mắt lé mai mai củ làm khán giả như bà "hâm mộ" mãi!

※

Khoảng bốn giờ chiều, trời đột nhiên tối sầm lại. Và điện tắt. Trên lầu. Dưới nhà. Và ngoài trời nổi lên mưa gió sấm sét. Áo ào, ầm ầm. Tiếng những cành cây gãy rắc rắc. Mưa đập vào cửa sổ mạnh như những mũi tên phóng tới. Nhưng điện thoại vẫn còn. Máy này. Máy kia. Trên lầu. Dưới nhà. Mọi người dặn nhau:
- Đóng hết cửa kín mít lại. Đi tìm đèn pin và nến thấp lên, để bên cạnh, mau lên. Tắt hết mọi ngọn đèn hời này đang dò. Và cần nhất, đừng gọi điện thoại. Nhỏ. Trừ ra trường hợp khẩn cấp.

Nhưng, điện thoại đã vang lên với giọng Thẩm hoàng hốt bên kia đầu dây:

- Cô có nhà không, Ánh có nhà không? Bên này mưa gió sấm sét. Điện tắt hết. Bên đó cũng tắt hết hà. Thế mà lúc đầu củ tưởng hứ cầu chì. Bây giờ biết thế là chạm điện rồi. Tắt điện có thể còn lâu. Nhà này không có nến, không có đèn pin gì cả. Làm sao đây!

- Trùm chăn lại mà ngủ đi. Hễ đèn bật sáng lại là thức dậy thôi. Mọi sự đâu lại vào đấy. Không có đèn tối um, ngủ càng sướng, có gì đâu mà hoảng lên.

- À quên, nhà sơn xong chưa?

- Xong chưa hè, thằng Jonathan vẽ chưa?

- Nó về từ lúc chưa bốn giờ kia, mama. Cửa thì khô liền rồi, hôm nay trời nóng quá nên khô liền rồi, mẹ ạ.

Tắt điện. Lâu lâu mới có tắt điện xảy ra một lần; tối đa một vài giờ. Chẳng có gì khủng khiếp. Như vùng Virginia này vẫn bình yên, đã hơn hai mươi năm ở đây, gia đình người Việt tỵ nạn chưa hề nếm mùi bão lụt, tuyết đáng ngập nửa thân hình, thậm chí nước đáng ngập basement cũng chưa hề một lần, chủ đứng nói là có dịp run lên run lên vì nạn động đất đe dọa. Thế mà hôm nay mưa gió bão bùng sao lâu quá. Cả vài tiếng đồng hồ đã trôi qua trong cơn cuồng nộ của đất trời. Hé nhìn qua cửa sổ đóng chặt và phủ màn kín mít thấy trời đen mây mù, mưa gió sấm sét, nghe những tiếng rắc rắc cành cây gãy... và hình như có cả thân cây đổ vật vã. Vậy mà hai đứa cháu ngoại của bà Hồ còn léo nhéo trong điện thoại, để thường như thường:

- Ngoại ơi! y y... có về như là... Tận Thế, phải không Ngoại? Bà lên giường đắp chăn thật kín đi, khỏi sợ gì cả.

Bà Hồ ừ ừ, ừa nước mắt nhỏ lại trước đây khá lâu, có một lần điện bị cúp như thế này, mặc đầu đêm đã khuya rồi, mười hai giờ hơn, mà hai đứa cháu ngoan của bà - ở cách nhà bà mười phút đi xe - còn thức dậy gọi sang cho bà để dặn dò, giọng lo lắng:

- Bà ơi, cúp điện rồi. Bà nhỏ lấy máy chạy bằng pin cho ông nha, lỡ ông lên cơn suyễn mà không có điện thì làm sao?

Ông là ông ngoại của các cháu, chồng của bà, người vừa vĩnh viễn ra đi sau năm năm vương vào căn bệnh suyễn chẳng phải là hiếm nghèo gì, nhưng cũng đã cướp mất ông đi rất vội vàng rất đột ngột mới đây thôi, trong một đêm khuya trời mát dịu, chủ không mưa gió sấm sét như chiều nay. Ông đã ra đi nhẹ nhàng. Ờm à, như suốt cuộc đời ông luôn luôn bận rộn với công việc, chưa có giây phút nào rảnh rỗi để mà mở màng nghĩ đến Ngày Tận Thế hay Giờ Phán Xét Cuối Cùng, như thằng bé Jonathan kia, đẹp đẽ, ngây thơ, trong trắng như thiên thần, mà lại sống lây lất qua ngày với nghề thợ sơn bắt đỉ, hề ai hỏi đến chuyện học hành là lại tủi thân kể chuyện mình bị nhà trường đuổi, vì đầu óc lãng đãng, không bình thường, thật tội nghiệp. Thế mà, thằng bé thích bắt chuyện lắm, hồi trưa mới gặp bà trong ít phút mà tự nhiên lại hỏi bà một câu làm cho bà ngạc nhiên

không ít: "Bà, tiếng You mà bà vừa gọi tôi có ngụ ý khinh bỉ không, hở bà?"

- Ồ, ai bảo em thế?

- Bạn tôi, người Việt, nó dạy tôi tiếng You của người Việt Nam có khi có nghĩa tử tế như ông bà, anh chị v.v... nhưng có khi nghĩa là "mày" rất khinh bỉ! Bà có khinh tôi không?

Đây cũng là một điểm khiến bà ngạc nhiên về thằng bé; nó cũng tò mò muốn hiểu, nó biết chuyện này chuyện nọ đầy chữ, hay là nó nhỏ đâu nói đó vậy thôi? Giờ đây, trong lúc trong nhà chỉ le lói mấy ngọn nến và ngoài trời sao xác gió mưa, bà Hồ lại lần thẩn nhỏ câu hỏi tội nghiệp của nó "Bà có khinh tôi không?". "Không, tôi chỉ thương em thôi". Nhưng người Việt chúng tôi quả thật thường hay dùng chữ "Mày" để dịch chữ You của người Mỹ, nhiều khi thật không đúng. Như một truyện ngắn duyên dáng kia, nhà văn đã để cho tất cả những tiếng You của người Mỹ đều thành ra Mày cả, trong khi tiếng You của người Việt trong truyện thì đều là Ông, rất lễ phép.



- Này xích lô, mày biết nói tiếng Anh hả?

- Dạ thưa Ông, có chút chút.

- Mày chờ tao tôi địa chỉ này được không? Địa chỉ của vợ tao, người Việt, trước 75 ở đây. Bây giờ không biết còn ở đây không?

- Tôi sẽ cố gắng tìm ra cho ông.

- Tốt tao sẽ thưởng cho mày.

Bà ngồi nhìn ngọn nến, nghĩ vớ vẩn, và chợt nhận ra là mình đã dành cho cậu bé quá nhiều vấn vương trong lòng. Tội nghiệp, Jonathan, sao cặp mắt nó buồn quá vậy.

Một tiếng sét đánh dữ dội xẹt qua ngoài song cửa làm bà Hồ giật nảy mình. Những người con chạy túa cả vào phòng hỏi mẹ có nghe không? Chẳng biết là

thiên lôi đã đánh vào đâu hay đánh vào ai mà khủng khiếp như vậy? Tiếp theo, vẫn là tiếng những thân cây, những cành cây gãy đổ nghe rằng rắc rắc như đạn réo bên tai.

※

Chừng nửa giờ sau bỗng im phăng phắc. Minh hé màn cửa nhìn ra và reo lên:

- A ha ha! Trời quang mây tạnh rồi. Sấm sét qua rồi! Thử bật đèn lên xem có điện chưa? Chưa, chưa, nhưng kia, người ta đã bắt đầu đi lại ngoài đường kia! Đi, nắm tay nhau dung dăng dung dè, ngó bộ vui vẻ khác thường, chủ không phải như thường đâu nha!

- Người ta đang đi lại ngoài đường thật, quần đùi áo cánh thành thời. Cảnh vật trở lại êm đềm trong một bầu không khí mát dịu khó tả.

- "Voilà, après la pluie c'est le beau temps". "Sau cơn mưa, trời lại sáng", đúng thế.

Bà Hồ nói nửa Tây nửa Ta như thế, rồi mở toang cửa sổ, và cũng bước xuống sân, ra đường vờ người ta. Anh reo lên:

- Khoan khoan, để lấy xe, cả nhà leo lên chạy một vòng quanh xem những gì xảy ra.

Trong nhà vẫn chưa có điện - chắc nhà ai cũng thế - tối om và nóng bức sau mấy tiếng đồng hồ của đóng kín mít. thảo nào ai cũng bước ra đường. Hồn hờ tệ!

Đầy đường, những thân cây bị xé dọc từ trên xuống dưới, chia ra những cành đổ rạp hàng loạt xuống đất; có nơi thân cây, cành và lá chắn cả lối đi, chưa có người đến để dọn dẹp. Cây bị sét đánh tàn bạo, có nhà đổ cả hai ba cổ thụ che lấp hết mặt đất, có nhà bay cả nóc, trong khi cửa vẫn đóng im lìm như không có ai ở trong. Trên lề đường, một nhóm đứng chỉ tay về phía Bắc kể rằng ngôi nhà lớn nhất ở đó đang có "party" mừng sinh nhật thì nghe tiếng sét đánh, nhìn lên thấy sáng trưng, thì ra mái ngói đã bay về phương nào mất, may mà thực khách không ai bị hề hấn gì! Minh ngừng xe lại, nghe cho rõ câu chuyện, tán gẫu vài câu, rồi chạy tiếp. Xe gần tới một shopping center, Anh đã nhận thấy ngay một cảnh tượng "hoang tàn đổ nát" khác:

- Kia kia, mẹ nhìn xem, cái nhà nhỏ mới cất lên để bán pháo bông gọi là "Fire Work" trong dịp lễ Độc Lập của Hoa Kỳ sắp tới cũng đã bị gió bão thổi sập mất tiêu rồi! Thế cũng là tan tành một sự nghiệp, chủ phải chơi đâu!

- Nhất là, Minh dám cá với Anh và Huy đó, quán pháo bông này chắc chắn là của tụi nhóc teenagers góp tiền dựng lên để mua bán kiếm lời thôi, chủ không phải

là của người lớn đầu. Đối với trẻ con thì vụ này thật sự là một thất bại nặng nề, ít nhất cũng là khóc tùm lum tà la mấy tháng, à không, mấy tuần, chưa hết. Tội biết mấy!

Chỉ vài ngày sau, bà Hồ thấy Ánh ngồi trước quyển sách mở, khóc tùm tùm, mắt đỏ hoe. Lại mấy quyển sách thuộc loại huyền bí mà xưa nay không có trong tủ sách nhà này, nhưng từ ngày người cha của gia đình đột ngột ra đi như được gọi "lên trời" từ một tiếng gọi thiêng liêng nào đó, thì mấy người con đã trưởng thành của bà Hồ cứ ôm về đọc ngấu đọc nghiêng hết quyển này qua quyển khác, rồi thì thầm với nhau như vừa khám phá ra điều gì bí ẩn chưa từng được biết đến.

- Ánh, con lại khóc đó hả? Lại mấy quyển sách vở vắn, khoa học huyền bí hả? Sách này xưa kia ở bên nhà mẹ đã được đọc từ lâu, lâu lắm rồi, cũng không có gì mới mẻ lắm mô, con. Một quyển nhan đề là Đại Hội Long Hoa, có nói rõ "kẻ nào ăn hiền ở lành thì sau khi chết, tới hội Đại Hội ấy, sẽ được sống tiếp cuộc sống thần tiên, bài tiết không còn ra phân như người phàm tục, mà ra thứ gì đó, thơm tho lắm kia!".

- Nhưng đây là sách của người Mỹ, mẹ ạ, người Mỹ thuộc loại thông thái, trí thức nhất, chủ không phải mấy ông thầy mò nhà quê đâu. Họ nói về sự sống, sự chết, và nhất là đời sống của con người sau khi chết đi. Đó là điều tụi con đang quan tâm đặc biệt. Mẹ xem qua đi mẹ: "Life after death" này, "After we die, what then?" này, "Communication with Death" này...

- Nhưng mà mẹ biết, loại sách viết về đời sống sau khi chết ấy chỉ giúp đọc giả trấn tĩnh tinh thần sau khi mất mát người thân yêu - nghĩa là bớt nhỏ thương, bớt lo lắng, bớt buồn khổ - chứ đâu phải để càng đọc càng khóc hoài, vậy? Nhưng mà, mẹ cảm thấy hình như có chuyện gì mới xảy ra làm cho con khóc, chủ không phải...

- Phải, có chuyện mới xảy ra, mẹ ạ!

- Chuyện chi?

- Jonathan nó chết rồi. Nó bị sét đánh chiều hôm tē đó!

- Trời ơi, thiệt rặng? Jonathan sống nhà ấy à? Có chắc vậy không?

- Thật mà, chắc chắn mà. Chiều hôm trước, sau khi sơn của nhà mình xong, nó tới nhà kia để sơn cái ống khói lò sưởi, chỉ một cái đó thôi, nên nó nghĩ là chỉ cần mười phút thôi cũng đủ. Cho nên nó leo cầu thang lên tận nóc nhà, trời nóng lắm, lúc đó sắp đông, mẹ nhỏ không, nên nó ở trần. Khi trời đất tối sầm lại, nó vẫn còn sơn. Thế rồi, sau đó, tiếng sét đầu tiên là tiếng sét Trời đánh nó. Trời đánh nó, mẹ ạ! Hàng xóm nó kể lại thế.

Ánh gục đầu xuống bàn. Bà Hồ hé nhìn ra cánh cửa nước sơn còn tươi mới, và

tưởng nhìn thấy Jonathan đang ngồi đó, tay cầm cọ, cặp mắt buồn sâu thẳm dưới một phía tóc quân rừ xuống trán, và nó nói, vừa ngây thơ vừa nghiêm túc không ngờ: "Tôi luôn luôn nghĩ đến Kinh Thánh, đến Ngày Tận Thế, đến Cuộc Phán Xét Cuối Cùng. Nên tôi thấy ở đời này chẳng có gì quan trọng để mà phải cố gắng học hành. Học cũng mệt lắm chủ bộ. Mà để làm gì có chủ?"

"Mà để làm gì có chủ?" Em đã tự hỏi như thế là em thông minh rồi, chủ đâu có ngu! Nhưng mà, đặt câu hỏi như thế là cũng đáng tội chết rồi đó! Dù sao thì sét đánh em tức Trời đánh em như thế, cũng tàn nhẫn quá. Giờ đây, em đang ở đâu ai mà biết được, chỉ biết rằng nghĩ đến em thì tôi đau lòng, Ánh đau lòng, và chúng tôi cảm thấy sợ hãi! Chỉ một thoáng qua, rồi em vừa mới ngồi đó đã biến mất, biến, một cách lạ kỳ, khủng khiếp nhất. Tôi đã bị ám ảnh bởi em ngay từ cái nhìn đầu tiên, và em đã nói chuyện với tôi, chỉ vài ba câu thôi, nhưng thật là tin cậy, thật là nhân tình. Thế rồi thôi, từ nay tôi không bao giờ còn trông thấy lại em nữa sao? Chỉ một thoáng qua. Như là giấc mộng? Giấc mộng Hoàng Lương hay giấc mộng Nam Kha, hay giấc mộng Lầu Hồng thì cũng thế thôi. Phú quý vinh hoa là giấc mộng lớn nhất của đời người thì cũng chỉ là hư ảo! Ý nghĩa của pho truyện tiểu thuyết hiện thực lừng danh Trung Quốc viết từ đời Thanh cũng chỉ có chừng ấy thôi, viết về một giấc mộng; Giấc mộng Lầu Hồng! Tiểu thuyết mà gồm đến tám mươi hồi đầu viết bởi Tào Tuyết Cần, bốn mươi hồi sau nối tiếp bởi Cao Ngạc, người Tàu họ nghĩ gì mà viết nhiều lắm thế. Dầu gì đi đi nữa thì cũng chỉ là một giấc mộng, thoáng qua! Bà Hồ nhỏ lại hỏi kết thúc:

Khi thân thể của nhân vật chính là Giá Bảo Ngọc đã đến hồi suy vi mệt mỏi, chàng, một hôm kia, nằm ngủ quên dưới gốc cây già, thấy quay lại trước mặt mình khúc phim của một thời dĩ vãng vinh hoa phú quý đến tột cùng nơi Giá Phủ. Giá Phủ, phủ của dòng họ nhà chàng, một đại gia đình quý tộc đời Thanh. Cái đại gia đình quý tộc này gồm đến bốn trăm bốn mươi tám người, từ trên xuống dưới, từ những chủ nhân ông họ Giá đời đời tập tước Công, đến những gia nhân: kẻ hầu người hạ, và thê, và thiếp. Giá Phủ gồm hai phủ, Minh Quốc Phủ và Vinh Quốc Phủ, hai dinh có lớn chiếm đến quá nửa thành phố Kim Lăng. Hai nơi này ngày ngày tấp nập ra vào những giai nhân cực kỳ diễm lệ, đáng kể là mười hai người đẹp cài mười hai chiếc trâm vàng, khiến cho nơi đây còn được gọi là "Thập Nhị Kim Thoa Phủ". Hai người đẹp nhất đã lọt vào mắt xanh của chàng: Lâm Đại Ngọc và Tiết Bảo Thoa. Hai thiên tình sử lâm ly

bị đất với bao tình tiết ly kỳ trong cảnh hài thêu giát ngọc, môi thắm yên chi... Thế rồi, chỉ trong vòng tám năm ngắn ngủi với biết bao là tranh chấp về quyền lợi và ý thức hệ, tất cả đều đã tan tành sụp đổ trong một thoáng qua...

Chàng, nhân vật chính, Giá Bảo Ngọc, nằm ngủ quên dưới gốc cây già, vừa mở mắt ra đã ý thức ngay là vừa trải qua giấc mộng Hồng Lâu quen thuộc của mình, kể từ ngày ấy. Chàng vừa giật mắt vừa thoáng thấy lướt qua một hình thù có vẻ gian manh quỷ quyệt, ừ, thì ra chính hắn... một gia nhân cũ đã từng hưởng của chàng khá nhiều ân huệ, nay cũng đã già. Chàng cất tiếng gọi với theo "Lão Quang, Lão Quang", thì y liền ừ té chạy khiến chàng giật mình tự bảo "hay là chính Lão Quang này cũng đã có làm gì hại ta chăng, nếu không, sao phải xây lưng trở mặt đến như vậy, cả? Chàng ngao ngán thở dài, lẩm bầm "Ôi, đời đen bạc thế ư?" Cuối cùng, chàng xốc áo đứng lên, bước tới con đường đất bụi trước mặt bằng những bước chân xiêu vẹo, vất vưởng, chẳng biết là đến đâu, rồi, rú lên hai tiếng "Phù du... phù du..." kéo dài ra giữa khoảng mệnh mông như hồi còi tù và rít lên giữa sa mạc.

Phù du... phù du... hai tiếng rít lên bên tai bà Hồ, giữa buổi trưa hè của miền Đông nước Mỹ, củ như vọng lại từ cõi nào xa xăm: cõi mộng. Giấc mộng Lầu Sơn, giấc mộng Hoàng Lương hay giấc mộng Nam Kha thì cũng thế, ngụ ý rằng mọi điều mơ ước đặt cho kỳ được của kiếp người chẳng qua chỉ là hư ảo, có đó rồi không đó, phù du... phù du!... Tiểu thuyết hiện thực của Trung Hoa viết từ đời nhà Thanh bên Tàu, nay được thu vào băng video cuối thế kỷ 20, rồi chiếu trên màn ảnh nhỏ khắp nơi trên thế giới, chấm dứt bằng hình ảnh của Giá Bảo Ngọc, đại diện cho một thời cực kỳ phong kiến xa xưa, vừa rú lên hai tiếng thật nào nùng ai oán. Không biết có phải đó chính là cảnh thật từ cốt truyện của Tào Tuyết Cần, hay chỉ là một màn chế biến theo ý của đạo diễn bây giờ, dù sao cũng rất là tương xứng với nhan đề: giấc mộng.

Bà Hồ chưa tỉnh mộng, Ánh đã bước vào và nắm lấy bàn tay mẹ mà lắc tới lắc lui thật mạnh, như một người bắt tay ai nồng nhiệt lắm vậy, và kêu lên:

- Mẹ à mẹ ơi, mẹ tỉnh dậy đi! Mẹ vừa nằm mơ, con nghe mẹ la to lắm đó. Mẹ nói: Phù du... phù du...

- Giá Bảo Ngọc là đó, không phải mẹ mô! Bà Hồ vừa ú ớ vừa bàng hoàng mở mắt ra nhìn con gái đang nắm bàn tay mình lắc mạnh.

- Con biết mẹ đang mơ, nên con lắc tay mẹ rửa để mẹ tỉnh dậy. Ui chao, mẹ nói "Giá Bảo Ngọc", tức cười quá. Làm như

Ông ta còn sống và đang ở đâu đây! Chừ, mẹ tỉnh rồi hả, nì, mẹ ơi, có đi Khanh tôi đã lâu, ngồi chờ ngoài tề. Di Năm tôi cho mẹ vòng ngọc cẩm thạch, đẹp lắm đó. Di Khanh cao lớn và có da có thịt trong bộ áo liền quần chạy sọc dài, với cái xách tay bằng da cá sấu to gần bằng nửa chiếc va-ly, lừng lựng bước vào, cười tươi rói:

- Bà ngủ trưa ngon giấc dữ, sướng hí. Đã kiếm được vòng ngọc đệ nhất hạng cho bà rồi đây. Đưa tay, đưa cổ tay đây, tui uôm cho mà coi.

Mẹ Ánh tung chân ngồi dậy tựa đầu vào tường, để mở tóc dài rũ rượi trong một dáng điệu mệt mỏi:

- Chị ngồi đây, ngồi trên giường với tui, trong nhà mà, khách khứa chi mô. Á mà chị đã đột nhập phòng ngủ tui rồi mà, còn mồi mọc chi nữa. Chị thiệt, chưa thấy người đã thấy cái miệng, chuyện nổ vui như pháo. Còn tui thì chừ chán rồi chị, chẳng thiết chi nữa cả. Mấy năm trước có thích cặp vòng của mẹ Tường thiệt, nhưng chừ có cũng được, không cũng được, vì thấy cuộc đời quá phù du, chẳng có chi đáng kể là quan trọng để cho mình phải thiết tha. Chị thì tuyệt đối tin ở Cái Số, chị cũ nói số người nì sướng, số người tề khổ; thiệt ra, tui cũng không biết rằng là cái số sướng, rằng là cái số khổ nữa!

- Có chi mô mà không phân biệt được. Ngó đây này. Hai cổ tay hai chiếc vòng ngọc, đẹp như tiên! Rửa là sướng chỗ chi nữa! Thiệt giản dị, có chi mà không hiểu được? Trong pho sách Tam Thế Diễn Cầm chất cao bằng núi, hiện còn nguyên vẹn ở bên Tàu đã có in sẵn lá số tử vi của mọi người trong thiên hạ, ai cũng có lá số của mình trong nỗ cá; từ ông Clinton, Tổng Thống Hoa Kỳ, tới ông Võ Văn Kiệt, Thủ Tướng Việt Nam Cộng Sản, từ Lady Diana của nước Anh tới Pol Pot, lãnh tụ Khmer Đỏ Căm Bốt... ai cũng có lá số của mình trong ấy đúng theo tiêu chuẩn "nhất ẩm nhất trắc giai do tiền định", cho nên cái sự sướng, khổ của con người thì cũng đã được quan niệm rõ ràng rồi mà. Đại khái, mỗi người có số sung sướng thì, trong suốt cuộc đời được ăn ngon mặc đẹp, thậm chí lá số còn ghi: được ăn bao nhiêu thịt, bao nhiêu cá, bao nhiêu sơn hào hải vị; được mặc bao nhiêu gấm, bao nhiêu nhung, bao nhiêu tơ, bao nhiêu lụa; và khi chết đi có bao nhiêu người thân thích ruột thịt hoặc là tai to mặt lớn đến để tiễn đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng, cũng là một khoản quan trọng vào hàng đầu của lá số Tam Thế Diễn Cầm nữa. Còn số khổ thì, trái lại, không đủ cơm ăn, không đủ áo mặc, không hề được nếm cao lương mỹ vị; suốt đời cô quả cô đơn, đừng nói chi chuyện lên xe xuống ngựa như người Việt

minh bây giờ ở bên Mỹ này ai cũng có xe Toyota, xe Camry, xe Accord, xe Mercedes, xe Previa, xe Dodge, xe Caravan, xe Mazda, và xe Van...

Anh ngồi há hốc miệng nghe Di Khanh nói thao thao, nghe tôi mở sừng sờ tôi đó, nghe tôi tên mấy loại xe Di kể một hơi dài, vanh vách, thì không thể không ngắt ngang:

- Tam Thế Diễn Cầm! Lạ quá, Di hí. Ai mà ngờ trong pho sách Tử Vi lập từ ngàn năm trước tận bên Tàu mà đã có ghi mấy món tối tân đó của thời hiện đại, ghê thiệt!

Di Khanh nhìn Ánh dăm dăm, rút bật lửa trong ví ra châm diếu thuốc kẹp sẵn giữa hai ngón tay, lại nói:

- Chà! Cô kỹ sư! Ngó rửa mà cũng thiệt thà dữ! Di nói là nói đại khái rửa chỗ có phải exactly là như rửa mô. Ví dụ như ri: Nói về cái số cao, cái số sang, thì đời bây giờ, ở đâu có Văn Chương Nghệ Thuật thì, phải kể là vừa sướng, vừa oai, vừa sang không thể tả, đó là mấy ông mấy bà được chễm chệ ngồi trên đầu trên cổ người ta - người ta đây là những nhà văn, nhà thơ, đại khái, những membres của International Pen Club đó - những người đã từng được coi như có trong tay cái khả năng, cái quyền uy tối thượng của Đấng Sáng Tạo - rửa mà họ, cả ngàn cả triệu người vắt óc moi tim để viết nên những quyển sách, thì đều phải cúi đầu rậm rạp mà nhận điểm phê - quẹt xanh quẹt đỏ chỗ này chỗ kia - của mấy ông mấy bà ngồi chễm chệ đó cả...

- Ủi cha! Ai mà oai rửa Di? Có tên trong bộ Tam Thế Diễn Cầm đó không? Ai? Di nói rõ rõ chút!

- Chắc là phải có chỗ ràng không? Đã nói ai cũng có hết mà! Thi, đó là mấy nhà Phê Bình Văn Học đó, Ánh không biết à? Ánh thờ hắt ra, ngà đầu bên phía sau mà cười rích rích:

- A, Ánh hiểu rồi. Tại Di nói kiểu xa xôi bí hiểm quá, làm Ánh hiểu chưa ra. Thiệt ra, Di biết không, theo Ánh hiểu thì Văn Chương Nghệ Thuật mà phát triển được trên mặt đất này là cũng nhờ ơn chi lối soi đường, nâng đỡ, của các nhà ấy đó. Họ luôn luôn có lòng ưu ái, ca ngợi, khuyến khích, đại khái là khen.

- Phải, như vậy là phải. Nhà phê bình chân chính là phải có đầy đủ kiến thức, đức độ và lương tri, chỗ còn a dua, theo bè kết phái thì đâu có được...

Mẹ Ánh đã buộc tóc thành cái đuôi ngựa bằng sơn thun to màu xanh lục, và ngồi ngay ngắn lại, nhìn Di Khanh có vẻ lạ lùng, làm cho Ánh nhớ lại là tuy là chỗ thân tình, có bà con xa xa, và là bạn học cũ ngày xưa ngày xưa, nhưng chưa bao giờ Ánh đã chứng kiến cảnh hai bà nói chuyện với nhau lâu cà, trừ ra là chuyện làm ăn mua bán của Di thôi. Cũng như

Di tới đây hôm nay, mục đích cũng là để bán cặp vòng thôi, rửa mà Di cũng bắt qua chuyện Tử Vi, chuyện Văn Học, Văn Bút được, thiệt tài! Chắc Di cũng có theo dõi và biết đây là một vấn đề đang gây sôi nổi trong Cộng Đồng Người Việt hải ngoại. Bởi rửa, khi không nghe Di thờ phào một tiếng, đừng dậy khỏi ghế, bước qua bước lại, trầm tư một lát rồi nói nhanh:

- Chà, nói tào lao cho vui chuyện, vậy mà cũng đã chiều rồi, tui phải về thôi. Thôi chị giữ cặp vòng mà đeo, chớ chi nữa? Giá đặc biệt, họ để cho mình có sáu ngàn thôi, trong khi giá thiệt là chán một vạn đó.

- Thôi chị. Hai năm trước tui có nói với chị tui thích cặp vòng của bà Tường, như của bà Tường, là nói vậy thôi, chỗ giá cao quá mà! Với lại, chừ tui chán quá rồi, chẳng thiết vòng vàng chi nữa hết.

- Phải, khi hồi chị có nói chị thấy chán, chẳng thiết gì nữa cả, vì cuộc đời quá phù du, tui có nghe. Nhưng chị Hồ ơi, cuộc đời hẳn phù du kệ hần, chị ạ, mình còn sống ngày mô, phải buồn chái ngày nỏ, mỗi sống nổi. Như, tên chị là Liên Hồ, cái hồ sen, cao quý lắm, nhưng nghề của em là nghề buôn hàng chạy, thì phải buồn hàng chạy thôi! Cặp vòng đó, em đã nài cho chị, chừ nếu mình không lấy, thì tối thiểu cũng phải trả sáu trăm tiền cọc cho người ta đó, chị ơi!

Di Khanh đổi qua giọng buồn buồn cũng như đã đổi cách xưng hô từ tui qua em với mẹ Ánh, và Ánh tưởng như mắt Di có đọng nước rưng rưng. Tự nhiên Ánh hốt hoảng đứng dậy nắm lấy hai vai Di, nhìn thẳng vào mắt Di, nói như van lơn:

- Thôi, con xin Di đừng nói thêm tiếng nào nữa, mắt vui. Cặp vòng quá đẹp, nếu mẹ con không lấy thì con sẽ lấy để tặng mẹ, hoặc là sao đó cũng được, mẹ con đang buồn vì nằm mơ chuyện Hồng Lâu Mộng, nên nói vậy vậy thôi, chừ con biết mẹ còn yêu đời lắm, còn thích nhiều thú lắm; thích nữ trang nè, thích áo đẹp nè, thích tia lông mày nè...

- Ổ ồ, không thích cũng ràng mà thích chừ, chừ không thì làm sao mà sống cho vui được! ●



Quốc tế nhân quyền và quyền làm người Việt Nam trong bối cảnh diễn biến hòa bình

(Nhân quyền là ánh sáng chiếu khắp mỗi phương; nhưng muốn ánh sáng ấy lọt vào ngôi nhà đen tối Việt Nam, xin đồng bào phải tự tay mở cửa (dân tộc tự quyết, chính nghĩa quốc gia) đừng ỷ lại vào bàn tay bọc nhưng quốc tế chính trị thuận nghịch, tốt xấu bất thường. Đó là điều kiện tiên quyết)

I. DIỄN BIẾN HÒA BÌNH VỚI BẮC BỘ PHỤ

Diễn biến hòa bình là một xu hướng, một công cuộc điều hòa toàn cầu được thai nghén sau khi kết thúc đệ nhị thế chiến với hy vọng thành lập một thế giới hòa bình không còn cạnh tranh được yếu thua, thôn tính nhau bằng quân sự. Để thực hiện mục tiêu này, lần lượt xuất hiện những Tổ chức Quốc tế nhằm định chế hóa mối tương quan giữa các nước; như Liên Hiệp Quốc với bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (1948), hoặc Tổng Thỏa Hiệp Mậu Dịch Quan Thế Giới (Gatt, 1947) rồi sau này Mậu Dịch Thế Giới (WTO) với Ngân Hàng Thế Giới (WB) và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) v.v... Nói tóm lại diễn tiến hòa bình là mô thức hữu hiệu nhất trong hy vọng thay thế mọi tranh chấp quân sự cục bộ bằng hợp tác kinh tế toàn cầu. Mô thức này được phổ biến mạnh mẽ kể từ ngày chế độ chính trị của Nga và các nước Đông Âu chuyển từ độc tài cộng sản sang tự do dân chủ, biết tôn trọng nhân quyền. Mô thức này gặp khá nhiều trở ngại ở Việt Nam vì được đón nhận trên ba ý nghĩa khác nhau tạm gọi là *diễn biến chờ thời*, *diễn biến lừa bịp* và *diễn biến trung thực*.

1/ Diễn biến hòa bình chờ thời là của đồng bào nhẹ dạ ngàn đấu tranh với cộng sản. Họ nuôi hy vọng rằng chế độ cộng sản sẽ *biến thể* dần dần tức còi mả và đổi mới tư duy theo thời gian nhờ những phương pháp bất bạo động ở hải ngoại như biểu tình, tuyệt thực, đối thoại, thông luận, giao điểm, hợp lưu hay giao lưu văn hóa v.v... Đó là những hành động đáng khen nếu Bắc Bộ Phủ Việt Nam là Đế quốc Anh thời Gandhi để biết tôn trọng nhân quyền ngàn phương pháp đấu tranh bất bạo động của dân bản xứ. Phương pháp hợp tác mậu dịch đối với cộng sản Việt Nam là chấp nhận đặt lưỡi cày trước con trâu. Con trâu tượng trưng cho nhân quyền, tự do và dân chủ, còn lưỡi cày tượng trưng cho sự hợp tác mậu dịch quốc tế với nền kinh tế thị trường. Lưỡi cày thí nghiệm hợp tác đầu tiên của Tiến sĩ Stephen Young và Cụ Nguyễn Đình Huy gồm một số trí thức hải ngoại về Sài Gòn năm 1993 mong đối thoại hòa giải hòa hợp với Mặt Trận Tổ Quốc. Kết quả là lưỡi cày trí thức bị đuổi ngoại trừ cụ Huy vào tù. Lưỡi cày trí thức hải ngoại không quý bằng cục phân theo lời Bác dạy.

Do vậy tôi xin kết luận rằng mô thức diễn biến hòa bình bằng hòa giải hòa hợp, nếu không phải là đòn càn đem gậy tai trâu, thì cũng là chuyện ngồi chờ sung rụng, không thực tế. Ngay cả quy chế tối huệ quốc mà họ cũng không dám lãnh vì đó không phải là quy chế tối huệ dành cho đảng thất tín. Quy chế Tối Huệ Quốc chỉ cấp đặc quyền đặc lợi cho quốc gia nào chịu làm ăn buôn bán *trung thực với Hoa Kỳ* nghĩa là đề cao chữ tín trên thương trường tự do với những điều lệ dân chủ pháp trị, trong đó

có luật lao động sòng phẳng với công nhân. Nói tóm, quy chế này giúp dân giàu nước mạnh, đưa các nước nhược tiểu lên hàng Rồng Á Châu. Biết vậy, nhưng Đảng vẫn không nhận quy chế này vì xưa nay quen với luật rừng bịp bợm tráo trở, chuyên xé mọi hiệp ước vừa mới ký trên thế mạnh vũ lực, đầu dám ký với Hoa Kỳ trong thế yếu ngày nay. Ngoài ra Đảng không bao giờ chịu khó buôn bán làm ăn lương thiện mà chỉ thích xin vay mượn các ngân hàng quốc tế trên bình diện *rút tiền chuyển nhân, nợ nần dân chịu*. Nhưng dầu muốn hay không Hà Nội cũng phải tuân lệnh cấm của Bắc Kinh nên tại Hội Nghị ở Tân Tây Lan vừa rồi họ đã cho biết mặt thật xấu xa của mình khi khước từ gia nhập đạo quân bảo vệ hòa bình (peacekeepers) và tránh né Quy chế Tối Huệ Quốc dân chủ pháp trị.

2/ Diễn biến hòa bình lừa bịp là của giới tư bản tài phiệt và tư bản ð mafia. Chỉ có độc tài cộng sản và tài phiệt mới lợi dụng xu hướng diễn biến hòa bình bằng cái gọi là *kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Kinh tế thị trường là lười cày béo bở với WB, IMF và các ngân hàng cấp vùng, còn trâu là cáo già với danh xưng *định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đối với định hướng xã hội chủ nghĩa thì Nhân Quyền là biệt lệ nhân quyền tức nô lệ Châu Á, dân-chủ là dân chủ tập trung tức nô lệ tập trung, còn tự do là tự do bán vé được ghi trong Hiến Pháp được thực hiện bằng tù đày cải tạo. Diễn biến hòa bình kiểu này giúp Bắc Bộ Phủ Hà Nội *vọng ngoại để chuyển ngân, buôn dân để bán nước*. Họ rất sợ hãi chữ *cách mạng* của dân chúng kiểu Đông Âu và Liên Xô. Để ngăn chặn làn sóng phản nộ họ dùng bọn tuyên vận đề cao tinh thần bất bạo động kiểu Gandhi hoặc khuyến đồng bào lấy tinh thương xót bỏ hận thù. Nếu dân thực sự nổi dậy thì đâu còn định hướng xã hội chủ nghĩa, đâu còn kinh tế thị trường tư bản mafia. Nói một cách khác, chính nhờ sự đứng lên làm cách mạng thực sự của đồng bào mà đất nước tái lập được sự ổn định chính trị tức thực hiện chế độ dân chủ pháp trị, củng cố nền kinh tế thị trường tự do.

3/ Diễn biến hòa bình trung thực của Liên Hiệp Quốc là công cuộc toàn cầu hóa mọi sinh hoạt, mở đầu bằng những hoạt động kinh tế với những Tổ Chức Quốc Tế như WB, IMF và các Ngân hàng cấp vùng, điều hòa kinh tế thị trường tự do theo những nguyên tắc mậu dịch quốc tế, bảo vệ quyền lợi người cho vay và người thiếu vốn, loại bỏ tính cách bảo hộ mậu dịch quốc doanh của chế độ độc tài. Những Tổ Chức Quốc Tế giúp vốn này là những nước giàu bảo trợ trong đó có Khối 7G là quan trọng hơn cả và Hoa Kỳ bỏ tiền nhiều nhất nên có tiếng nói mạnh nhất. Sau đây là những nét độc đáo của sự điều hòa kinh tế này:

- 1)- Nền kinh tế điều hòa phải được đặt trên căn bản Luật pháp quốc tế dân chủ để nước mạnh không thể nào dùng bao lực áp bức nước khác.
- 2)- Nền kinh tế điều hòa phải được đặt trên căn bản Luật pháp quốc gia dân chủ để bảo vệ nhân quyền và tôn trọng tự do cho mọi người dân trong nước.
- 3)- Nền kinh tế điều hòa phải có một nền thông tin truyền thông hiện đại để theo dõi thị trường, âu đó cũng là một vũ khí của người dân để phát biểu ý kiến và bảo vệ thực thi luật pháp dân chủ nghiêm túc.
- 4)- Để tránh chiến tranh cục bộ giữa hai nước hay những nội chiến trong một nước. Những mầm tranh chấp do sự kỳ thị tôn giáo, sắc tộc hay ý thức hệ phải được giải quyết bằng sự điều đình nhân nhượng hòa giải với nhau (Ví dụ Kashmir, Ái Nhĩ Lan).
- 5)- Liên Hiệp Quốc bảo vệ sự điều hòa kinh tế này bằng phương pháp hòa bình nhưng có thể can thiệp *bằng vũ lực quân sự nếu xét có sự ngoan cố*. (Ví dụ, Irak, Kosovo, Đông Timor). Do đó, đối với cộng sản Việt Nam li lợm, tráo trở và ngoan cố, không chịu thay đổi đường lối, họ củi thẳng tay tiếp tục đàn áp sắc tộc, tôn giáo và đảng phái ngày càng mạnh, thì biện pháp thích nghi

nhất là sự can thiệp bằng biện pháp quân sự của Liên Hiệp Quốc để giải thể ngay lập tức chế độ. Sự hiện diện của lực lượng Chính phủ Cách mạng Việt Nam Tự Do trong Chiến Dịch Hòa Bình cũng chỉ với mục đích giải thể này. Và chính đây là sự lo sợ của tập đoàn Bắc Bộ Phủ, vì họ thừa biết rằng sự nổi dậy của đồng bào trong nước là cốt để bảo vệ cuộc sống, để bảo vệ quyền làm người, là một phản ứng tự vệ sinh tồn rất chính đáng rất phù hợp với chính sách diễn biến hòa bình quốc tế.

II. NHỮNG HIỆP ĐỊNH QUỐC TẾ TÀN NHÂN

Dân tộc Việt Nam tiếp tục bị đọa đày vì cấp lãnh đạo lưu vong thiếu tinh thần dân tộc tự quyết, thiếu óc sáng tạo, ngồi đợi quốc tế bật đèn xanh. Họ phó thác con em của thế hệ mai sau tiếp tục làm thân trâu ngựa để trả nợ tham ô dãi dãi cho chế độ hòa hợp hòa giải giữa cộng sản/mafia và quốc gia/vong ngoại. Hiện nay cộng sản nợ quốc tế 64 tỷ, và con số này tiếp tục gia tăng. Chúng ta đừng bao giờ quên lịch sử đau thương đầy máu và nước mắt của những hiệp định quốc tế bất nhân giữa các thế lực quốc tế tự do cũng như quốc tế cộng sản bất chấp quyền làm người Việt Nam. Pháp lý mạnh được yếu thua được lịch sử chứng minh:

- *Pháp lý* do Hiệp Định Patenôtre 1884, buộc triều đình phong kiến giao đất nước cho chính phủ thực dân Pháp bảo hộ.
- * *Pháp lý* do Hiệp định Số Bộ 1946, giúp cộng sản giao đất nước cho Liên Hiệp Pháp để tiếp tay cộng sản thắng tay đàn áp các đảng phái và tổ chức quốc gia.
- *Pháp lý* do Hiệp Định đình chiến Genève 1954, hợp thức hóa việc cộng sản và Pháp chia đôi đất nước làm hai phần làm tiền đồn cho hai khối tự do và cộng sản.
- *Pháp lý* do Hiệp Định đình chiến Paris 1973, cho phép Mỹ rút ra khỏi tiền đồn tự do trong danh dự và giao trọn cho tiền đồn cộng sản Việt Nam bành trướng trên toàn cõi Đông Dương.
- *Pháp lý rừng rú* do Vũ Lực cộng sản được quốc tế đứng nhiên công nhận sau ngày 30.4.1975.

Những danh từ nhân quyền, dân chủ, tự do, giải thể, biến thể, dân tộc giải phóng, dân tộc tự quyết, hòa giải hòa hợp v.v..., ngoài ý nghĩa triết học cao đẹp của thức giả thế giới, được quốc tế **xanh-đỏ** chính trị sử dụng như những chiêu bài chính trị với mưu đồ tốt xấu tùy theo quyền lợi giai đoạn của họ - *đường nhien những chiêu bài nói trên thông thường được áp dụng một cách ngược ngạo rất tai hại cho dân tộc Việt*-. Đó là lý do tại sao Liên Hiệp Quốc năm 1990, nếu không có sự chống đối của cộng đồng Việt Nam hải ngoại, kèm với biến cố Thiên An Môn ở Trung Quốc, đã vinh danh Hồ Chí Minh, một tên trùm cộng sản khát máu hại dân hại nước, như một ví nhân thế giới !!!
Để dễ trình bày vấn đề này, tạm chia các cụm từ ngữ nói trên, ra làm 4 loại ý nghĩa: 2 loại quốc tế (gồm quốc tế tư bản và quốc tế cộng sản) và 2 loại quốc gia (gồm quốc gia chính nghĩa, và quốc gia vong ngoại). Đây là một vấn đề từ nghĩa luận (semantics), tức sự phân tích ý nghĩa danh từ được biến chuyển theo quá trình đấu tranh lịch sử của một nước quá khốn khổ vì mô thức chia để trị của bọn tuyên vận vong quốc. Khốn khổ vì đó là thân phận nô lệ một cụ thuộc địa của đế quốc thực dân Pháp chuyển sang cảnh ngộ đọa đày của một nước tôi tớ cho đế quốc cộng sản qua trung gian đảng cộng sản Pháp, không bao giờ có độc lập cả.

1* Trước 1945, Việt Nam thuộc địa Pháp.
Số đồ (1) tượng trưng cảnh ngộ lạ lùng này:

Cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh chủ trương biến thể chế độ bảo hộ thuộc địa, xuất dương sang Pháp để tranh đấu nhân quyền và tự do dân chủ, hòa giải hòa hợp với Pháp mẫu quốc.
Cụ Sào Nam Phan Bội Châu nêu cao chính nghĩa quốc gia và tinh thần dân tộc tự quyết, chủ trương giải thể, lật đổ chính phủ

Pháp quốc:
Nhân quyền,
Tự do
Dân chủ

CHÍNH PHỦ BẢO HỘ ĐỘC TÀI, BỐC LỘT

NHÂN DÂN ĐẤU TRANH
Phan Chu Trinh: Biến thể thuộc địa, nhân quyền tự do dân chủ, hòa giải hòa hợp với Mẫu quốc Pháp.
Phan Bội Châu: Giải thể bảo hộ, lập chính phủ lưu vong quân chủ lập hiến, chính nghĩa quốc gia, tinh thần dân tộc tự quyết.
 Nguyễn Ái Quốc: đại bịp quốc tế cộng sản mệnh danh quốc gia để diệt quốc gia.

1

bảo hộ và thành lập chính phủ lưu vong bảo hoàng với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để.
Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh sau này) mệnh danh quốc gia để làm nghĩa vụ quốc tế tay sai cho 3 loại cộng sản: Hết Pháp, rồi Nga, hết Nga rồi Tàu, hết Tàu theo tư bản Mỹ, mệnh danh quốc gia để tiêu diệt đảng phái quốc gia và mệnh danh dân tộc để giết chết tinh thần dân tộc tự quyết. Khi chưa nắm vững chính quyền thì đội lốt quốc gia để giải tán bịp đảng cộng sản. Khi nắm được chính quyền thì hiện nguyên hình cộng sản tay sai quốc tế diệt quốc gia.

2* Tháng 8/1941, Dân Tộc Tự Quyết và Giải Phóng Dân Tộc với Hiến Chương Đại Tây Dương.
(Số đồ 2)

Đại chiến thế giới II bùng nổ với sự ưu thế của phe Trục (Bá Linh-Đông Kinh-La Mã) làm bá chủ Âu Châu Bắc Phi và Đông Nam Á. Tháng 8/1941 Tổng Thống Roosevelt và Thủ Tướng Churchill bàn thảo về một *Hiến Chương Đại Tây Dương* để mang lại phước tiện giúp các quốc gia sống trong hòa bình an ninh và giúp mọi cá nhân sống tự do trên lãnh thổ họ. Bản văn chính thức được 21 quốc gia đồng minh lâm chiến ký ngày 1.1.1942 tại San Francisco. Dư âm Hiến Chương này vang dội không những bên trời Âu mà còn đem lại sự nô nức đòi độc lập của các sắc dân thuộc địa ở Á Châu dưới hình thức *Dân Tộc Tự Quyết* hay *Giải Phóng Dân Tộc*.

CHIẾN TRANH NÓNG, ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI II
PHỦ TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

ĐẤU TRANH DÀNH ĐỘC LẬP
Phe chính nghĩa quốc gia: đòi dân tộc tự quyết
Phe cộng sản đội lốt quốc gia đòi dân tộc giải phóng
Hoàng Đế Bảo Đại bị lừa, thoái vị trao quyền cho cáo già Hồ Chí Minh

2

Hiến Chương Đại Tây Dương chỉ là một chiêu bài chính trị để trấn an dân chúng Âu Châu đang bị Hitler đô hộ. Các dân tộc thuộc địa nghe được chuyện này bèn tranh đấu đòi độc lập làm khốn khổ các cường quốc. Vì tất cả là chiêu bài chính trị nên mặc dầu Hiến Chương Liên Hiệp Quốc ra đời tại Paris năm 45 nhưng vẫn không có dân tộc nào được tự quyết hay giải phóng

hết. Đông Âu bị Liên Xô xích hóa và Việt Nam bị Pháp đô hộ trở lại với sự trợ giúp của cộng sản (Hiệp Định Số Bộ 6.3.46). Dân tộc Đông Nam Á đứng lên đòi độc lập. Thanh Niên Tiền Phong trong Nam, Thanh Niên Tiền Tuyến ở Huế, sinh viên học sinh toàn quốc gia nhập các đoàn Giải Phóng Quân (*chứa bị cộng sản hóa*) Nam tiến chống Pháp trong tinh thần dân tộc tự quyết với chính nghĩa quốc gia (*chứa bị sa đọa vì viện trợ ngoại quốc*). Thời ấy đâu cần mời bô lão họp hội nghị Diên Hồng để quyết định hòa hay chiến, đâu có chuyện ngồi chờ Mỹ *bật đèn xanh* mới chống Pháp.

3* Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 48 và Chiến Tranh Lạnh (số đề 3)

Hoa Kỳ có thâm ý muốn làm bá chủ thế giới bằng chiến tranh lạnh với chiêu bài nhân quyền với *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền*. 1948.

Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền là chiêu bài phục vụ cho chiến tranh lạnh, đối với dân tộc Việt là một gáo nước lạnh một sự lừa bịp vì quyền làm người Việt Nam triệt để vắng bóng khi quân Pháp xâm nhập miền Nam năm 1945 và Hồ Chí Minh được cơ quan OSS Hoa Kỳ trợ giúp cho về miền Bắc. Từ đấy Nam-Bắc chia đôi để làm hai tiền đồn đối lập gây cảnh cốt nhục tương tàn suốt nửa thế kỷ. Số đề 3 tượng trưng sự phân chia đất nước làm hai tiền đồn do quốc tế quyết định để *hám nóng chiến tranh cục bộ* tại Việt Nam tức Chiến Tranh Lạnh giữa các siêu cường.

3	CHIẾN TRANH LẠNH THẾ GIỚI Chiến tranh nóng cục bộ VN
<p>ĐỘC LẬP LỆ THUỘC (Nam VIỆT NAM) Tiền đồn quốc tế phe tự do gồm: <i>Quốc gia Việt Nam với Quốc Trưởng Bảo Đại, (viện trợ Pháp), Đệ I Cộng Hòa với Thống Thống Ngô Đình Diệm, độc tài, gia đình trị, (viện trợ Mỹ), Đệ Nhị Cộng Hòa với Tổng Thống, Nguyễn Văn Thiệu, độc tài quân phiệt. (viện trợ Mỹ)</i></p>	
<p>MỆNH DANH ĐỘC LẬP (Bắc VIỆT NAM) Tiền đồn quốc tế phe cộng sản, với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Độc tài, đảng trị, tay sai Liên Xô và Trung Cộng. làm nghĩa vụ quốc tế bán nước buôn dân</p>	

Cả hai tiền đồn đều trên danh nghĩa quốc tế là độc lập nhưng chỉ bán độc lập mà thôi vì miền Nam lệ thuộc vào viện trợ Pháp rồi Mỹ để bảo vệ khối Tự Do trong khi miền Bắc không bao giờ độc lập cả vì bản chất cộng sản tay sai làm nghĩa vụ quốc tế cho Liên Xô.

Độc tài bao phủ dân tộc cho đến ngày 30.4.1975 Mỹ rút quân, cắt viện trợ, *tắt đèn xanh chống cộng* một cách tàn nhẫn, hy sinh đồng minh Cộng Hòa Miền Nam trong thế chiến lược kinh tế và chính trị toàn cầu của chiến tranh lạnh. Mỹ chịu nhục lùi một bước để mượn tay đỉnh cao trí tuệ Hà Nội gây chia rẽ làm tan nát khối cộng sản Nga-Tàu. Kết quả cộng sản Việt Nam xưa quân chiếm miền Nam và thôn tính Cao Miên tạo chết chóc tù đầy cho hàng triệu sinh linh, gây hận thù triền miên.

III. LỆ THUỘC QUỐC TẾ HAY DÂN TỘC TỰ QUYẾT? LỊCH SỬ CHỨNG MINH NHỮNG GÌ?

Tất cả các chế độ chính trị Miền Bắc hay Miền Nam đều lệ thuộc quốc tế. Các Hiệp Định Geneva hay Paris đều do Pháp và Hoa Kỳ chủ động được các cường quốc trong Liên Hiệp Quốc hưởng dẫn. Các thành phần Việt Nam đối diện với nhau trong bàn hội nghị chỉ là những con cờ thí, một bên nhân danh quốc gia chống quốc tế cộng sản, bên kia mệnh danh dân tộc chống quốc tế tư bản. Vật tế thần vẫn là quốc dân Việt Nam luôn luôn làm nô lệ quốc tế. Chế độ cộng hòa Sài Gòn vì lệ thuộc Pháp rồi Mỹ, nên đành cúi đầu đồng minh khi họ bị bỏ rơi trong thế cờ thí xe chiếu tướng. Còn chế độ cộng sản Hà Nội đệ tam quốc tế thì trên căn bản không bao giờ thường mền quốc gia Việt Nam cả. Vì toàn bộ hệ thống quốc tế cộng sản bị phá sản nên Bắc Bộ Phủ chạy theo Mỹ, và o bế thành phần quốc gia cũ hô to khẩu hiệu đoàn kết, hòa giải hòa hợp. Hiện nay mức nợ quốc tế lên đến 64 tỷ đô-la nên Bắc Bộ Phủ Hà Nội sợ quốc dân nổi dậy tàn sát theo phương pháp Đông Âu nên khẩn thiết kêu gọi hòa giải hòa hợp với lập luận tâm lý làm vừa lòng vừa chính khách miền Nam vừa cán bộ miền Bắc. Miền Nam giận Mỹ phân bội nhưng nay Mỹ bật đèn xanh cho phép thân cộng và miền Bắc tuy thù Mỹ Ngụy nhưng nay vờng bùa mê đô-la. Hai bên sẽ bắt tay hòa hợp để biến thể chế độ cộng sản (?) dưới ngọn cờ đỏ thắm máu chính nghĩa quốc gia. *Cộng sản sẽ bỏ Điều 4 Hiến Pháp, chấp nhận đa nguyên đa đảng, tổ chức bầu cử tự do với sự giám sát quốc tế trong công cuộc diễn biến hòa bình lừa bịp.*

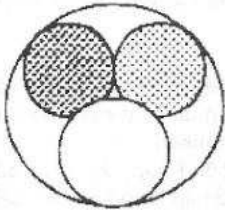
Con đường đưa đất nước thoát khỏi thân phận nhục tiếu là con đường chính trị dân chủ và kinh tế thị trường nhờ công cuộc diễn biến hòa bình trung thực. *Chính nghĩa quốc gia trung thực phải dựa trên tinh thần dân tộc tự quyết.* Phải noi gương các nước xưa thù địch của Hoa Kỳ như Nhật, Đức, Ý và nay Nga và Đông Âu, họ trung thực đòi mỗi tư duy và cời mở thật sự, họ trung thực bằng cách từ khước lớp sơn *chủ nghĩa độc lập dân tộc quá khích độc tài độc tôn để hội nhập vào nền kinh tế và chính trị toàn cầu.* Lịch sử chứng minh điều này: Đức, Nhật và Ý là những nước bại trận trong chiến tranh nóng nay trở thành là 3 siêu cường trong 7G, còn các nước Đông Âu và Nga tuy là những nước bại trận trong chiến tranh lạnh nay cũng bắt đầu khá dần nhờ biết tôn trọng nhân quyền và tự do dân chủ. Những con rồng Á Châu với bộ óc gia trưởng thiếu cời mở nên phải học thêm bài dân chủ mới khá lại được. Quả thật, nếu thiếu nhân quyền, và tự do dân chủ thì làm gì có người dân can củ hàng say sáng tạo, mà chỉ có bầy cừu nghiện rượu, một tập thể chán đời. Không còn dân trí thì đâu còn văn hóa bốn nghìn năm để nói chuyện dân giàu, và với dân nghèo làm sao có nước mạnh. Nói tóm, trong công cuộc diễn biến hòa bình trung thực, *phải giải thể chế độ cộng sản mới có thể hội nhập vào những cộng đồng thế giới và phát huy tinh thần dân tộc tự quyết được.* Trái lại nếu chỉ cầu may chờ ngày chế độ *biến thể* để được hòa hợp hòa giải với họ là vô tình giúp cộng sản thực thi *diễn biến hòa bình lừa bịp với công an trong tay* (theo mô thức Hun Sen). Họ sẽ bỏ Điều 4 Hiến Pháp chấp nhận đa nguyên, đứng ra tổ chức bầu cử với những đảng phái do chúng nguy tạo như thời 1945, nào là Xã Hội, đảng Dân Chủ, đảng Lao Động, hoặc thêm một số đảng mới cho hợp thời trang như đảng Dân Tộc hay đảng Tự Do v.v... Tất cả để cho cộng sản tiếp tục lừa bịp với luận điệu *độc lập tự do hạnh phúc* của cái gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh ngày xưa. Chấp nhận giải pháp này là khai trừ trí thức hải ngoại về hợp tác vì con em nào mà chịu nổi *đỉnh cao trí tuệ của đảng.* Những quan trọng nhất là giải pháp này sẽ đem lại một trong hai hậu quả diệt chủng vô cùng tai hại sau này:

1/ Nếu phe thù cựu thân Trung Cộng thắng thì chính phủ hòa hợp sẽ lãnh viện trợ Trung Cộng (tức là Tối Huệ Quốc bạc nhi) để làm *tiền đồn* theo kiểu cộng sản Bắc Việt ngày xưa và tiếp tục buộc con em làm *nghĩa vũ quốc tế* thôn tính Đông Nam Á.

2/ Nếu phe đòi mỗi chống Trung Cộng thắng thì chính phủ hòa hợp sẽ lãnh viện trợ quốc tế để đưa xương máu con em ra làm tiền đồn chống Trung Quốc đồng thời đem mồ hôi nước mắt con em ra trả nợ tham nhũng cộng sản (hiện đã lên gần 64 tỷ đô-la) và nợ tham nhũng hóa hợp trong tương lai.

IV. ÁNH SÁNG NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ

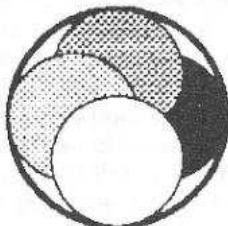
Một quốc gia độc lập lý tưởng trước khi lệ thuộc hẳn hoi với các nước trên thế giới phải có chánh nghĩa quốc gia phù hợp với văn hóa dân tộc, đối ngoại có tinh thần dân tộc tự quyết, biết trọng công pháp quốc tế, đối nội biết tôn trọng nhân quyền, tự do dân chủ, nói tóm lại là được sự tin nhiệm của người dân trong nước và ngoài nước.



Sở dĩ bên cạnh tượng trưng một quốc gia lý tưởng nói trên, đặc biệt không lệ thuộc kinh tế hay quân sự với một cường quốc.





Cạnh đây là vòng tròn đen tượng trưng cho chế độ cộng sản Việt Nam. Bản chất của đế quốc thực dân Pháp hay của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản là không bao giờ biết nhân quyền, tự do dân chủ là gì. Đấu tranh để đòi hỏi họ thực thi nhân quyền, tự do dân chủ với họ là đối thoại với người vừa điếc vừa đi.



Sau đây là vòng tròn tượng trưng cho chế độ Cộng Hòa Việt Nam ở miền Nam: Đó là một quốc gia độc lập trong khối gọi là tự do nhưng không mấy tự do dân chủ, lệ

thuộc kinh tế và quân sự Hoa Kỳ (lưỡi liềm đen trong vòng tròn và có những hành động phản nhân quyền (ví dụ những con rồng Á Châu).

GHI CHÚ

-  *Độc Lập, Chính nghĩa quốc gia, Dân tộc tự quyết*
-  *Nhân quyền*
-  *Tự Do Dân chủ*
-  *Lệ thuộc quốc tế tư bản hay quốc tế cộng sản Việt Nam*

Xin quý đồng hương tự nạn nhỏ rằng không bao giờ quốc tế ủng hộ một quốc gia độc lập theo chủ nghĩa tự cô lập và cực đoan bài ngoại đã đành, cái đó dễ hiểu, nhưng cũng vì quyền lợi riêng tư, mà quốc tế tài phiệt chủ trương ngăn chặn mọi cố gắng của dân Việt để thực hiện một chế độ có tinh thần dân tộc tự quyết, có chính nghĩa quốc gia và có khả năng tạo sự đoàn kết dân tộc. Cái chết của nhà văn Nguyễn Tuân Tam là một tiếng chuông cảnh tỉnh cho những ai quên tình thân dân tộc tự quyết. Nhưng tiếc thay, đó chỉ là một tiếng nổ trong sa mạc trước sự thờ ơ hay dị ứng của đồng bào vọng ngoại. Đồng bào tha hương ngày nay đánh mất tinh thần Diên Hồng, quên lời thề Lũng

Nhai, quên sức mạnh dân tộc tự quyết để tin vào tuyên ngôn quốc tế đòi cộng sản thực thi nhân quyền tự do dân chủ cho người dân Việt Nam. Trên lý thuyết thì hay không thực tế tại Việt Nam. Không thực tế vì Bắc Bộ Phủ có biết gì về nhân quyền mà đòi họ thực thi. Xin bố thí cái mà họ không có là máu mủ tuyên vận để kéo dài quốc nạn triền miên.

Hơn nữa đồng bào phải nhớ rằng mặc dầu có tuyên ngôn quốc tế nhân quyền rầm rộ nhưng tại trụ sở Liên Hiệp Quốc cớ diệt chủng của chế độ Pol Pot vẫn ngạo nghễ bay gần 20 năm (từ 1975 cho đến 1993). Ngoài ra Liên Hiệp Quốc đã bao lần làm le vinh danh Hồ Chí Minh và kể từ 1945, chỉ công nhận ở Việt Nam ba chế độ chủ trương tiêu diệt Quốc Dân Đảng và Phật Giáo Hòa Hảo tức hai kẻ thù quyết liệt nhất của cộng sản Việt Nam. Đó là:

- 1- Chế độ Việt Nam thuộc địa Pháp.
- 2- Chế độ cộng sản quốc tế Việt Nam.
- 3- Chế độ Cộng Hòa Miền Nam độc tài lệ thuộc quân sự và kinh tế Hoa Kỳ, kỳ thị tôn giáo và đảng phái quốc gia.

Nói tóm, tất cả rất phù hợp cho mô thức tiền đồn chiến lược của chiến tranh lạnh thế giới, một mô thức độc hại tàn sát và gây chia rẽ diệt chủng ba nước Việt Miên Lào bằng chiến tranh cục bộ. Những đấu tranh của dân chúng chống độc tài miền Nam được Hoa Kỳ lợi dụng trong chiến lược toàn cầu. Họ dùng khổ nhục kế hy sinh cả danh dự mình và đồng minh Việt Nam để đại thắng, phá tan khối cộng sản qua trung gian đỉnh cao trí tuệ Bắc Bộ Phủ Hà Nội. Rất tiếc, bài học này chưa được thuộc nên một số trí thức tự nạn ngày nay khi thấy Mỹ bật đèn xanh bên chủ trương hòa giải hòa hợp đa nguyên đa đảng, mong được hồi hưởng ứng cử với sự hủy bỏ Điều 4 Hiến Pháp 1992.

Xin thưa với đồng bào rằng: Hiến Pháp Việt Cộng 92 trừ bỏ Điều 4 Độc Đảng tức trở lại Hiến Pháp Việt Cộng 45 của đại bịp Hồ Chí Minh được trang bị bằng hai đảng ma bị khai tử năm 92 (Xã Hội và Dân Chủ). Nay mai từ tượng Bác Hồ hưởng dẫn chính khách ty nạn hòa giải hòa hợp hồi hưởng lập đảng cò mời cho Bắc Bộ Phủ dưới lá cờ đỏ 45. Do đó, chiến dịch tuyên vận *nhồi sọ máu đỏ thắm máu* bằng văn nghệ hòa giải hòa hợp máu đỏ bắt đầu với hoa hồng đỏ, rồi đôi mắt đỏ bồ câu ngậm nhành lúa đỏ cho đến lồng đèn đỏ để trở về với cội nguồn đỏ 45 là: *Mẹ (Việt Nam) khóc hoài với nguồn thương chứa cạn đậm máu cờ đỏ hơn máu các con.* (những nghệ sĩ trình diễn vô tình không để ý âm mưu nhồi sọ máu đỏ của tuyên vận).

Nhân quyền là ánh sáng chiếu khắp mười phương; nhưng muốn ánh sáng ấy lọt vào ngôi nhà đen tối Việt Nam, xin đồng bào phải tự tay mở cửa (dân tộc tự quyết, chính nghĩa quốc gia) đừng ỷ lại vào bàn tay bọc nhưng quốc tế thuận nghịch, tốt xấu bất thường. Đó là điều kiện tiên quyết. Nói một cách khác phải giải thể cộng sản (bê khóa ngục tù) thay vì ngồi chờ khóa ngục biến thể với thời gian. Tất nhiên, ngôi chõ mái ròi cũng có ngày ánh sáng nhân quyền quốc tế chiếu lọt qua ngôi nhà sập nát. Khi ấy ngôi nhà quốc gia biến thể còn lại chỉ là một tổ hợp nhượng địa quốc tế. Đó là một chợ trời, phi quốc gia, phi dân tộc. Di vật văn hóa từ lâu được dâng bán cho con buôn đồ cổ, nay bán luôn đất tổ, buôn cả dân tộc, chuyển hết ngân quỹ, tẩu tán bán sạch ngoại trừ... ngoại trừ tư tưởng Bác Hồ, bác đã được Liên Hiệp Quốc vinh danh... anh hùng nhân quyền quốc tế năm 1990 nếu không xảy ra vụ Thiên An Môn 1989 bạo động.

V. BẬT ĐÈN XANH CHO LỒNG ĐÈN ĐỎ

Đồng bào Việt Nam ngồi trên ghe liều chết vượt biên tự nạn cộng sản, ai cũng nhất trí mong sao giải thể gấp chế độ Bắc Bộ Phủ để sớm trở về quê hương, không ai có ý nghĩ đại đột hòa hợp hòa giải với một chế độ quốc tế độc tài phi nhân. Đồng thời mọi người đều tức giận chế độ miền Nam bị đồng minh Hoa Kỳ cúp viện trợ bỏ rơi sau bao năm hứa hẹn tình nghĩa mặn nồng. Giận người rồi lại giận ta, đồng bào oán luôn cấp lãnh đạo Đệ Nhất lẫn Đệ Nhị Cộng Hòa quá lệ thuộc vào Mỹ, thiếu tinh thần

dân tộc tự quyết, có óc kỳ thị và không biết trọng nhân quyền tự do dân chủ.

Do đó biết bao thế hệ thanh niên anh hùng nêu cao ngọn cờ chính nghĩa quốc gia, kháng chiến chống vừa để quốc thực dân và vừa cộng sản kể từ 1945 cho đến nay (1999) vẫn chưa chấm dứt. Và với đại họa cộng sản, thanh niên ưu tú Việt Nam tiếp tục hy sinh ngoài mặt trận hay tuân tiết theo gương ngũ hổ tướng quân năm 1975 và vị Thủy sư cô đón năm 1987.

Đồng bào hải ngoại lâu ngày hấp thụ chế độ tự do dân chủ biết tôn trọng nhân quyền, dần dần quên đồng hưởng đang lâm nạn trong chế độ cộng sản. Xưa họ đưa con em đi làm nghĩa vụ quốc tế sát nhân thì nay lại buộc con em đi làm nghĩa vụ lao động đọa đày, ngộ hầu đầu tắt mặt tối, con em sẽ không có thi giờ tư duy về nhân quyền, hay tự do dân chủ...

Do đó, thay vì giải thể một chế độ độc tài có bản chất quốc tế, đồng bào lại tranh đấu đòi hỏi nhân quyền, tự do dân chủ ở một chế độ phi nhân quyền phi quốc gia dân tộc. Đòi hỏi một chuyện không bao giờ có là công dã tràng xe cát biển Đông. Nếu dùng phương pháp hòa giải hòa hợp để mong cộng sản quốc tế sửa tu chính hiến pháp như ở Âu Mỹ và biến thể dần dần giúp dân tỵ nạn có cơ hội hồi hương xây dựng quốc gia, là mấu chốt cộng sản quốc tế và tài phiệt. Đồng bào sẽ hợp thức hóa chế độ mafia quốc tế này muôn đời và con cháu chúng ta tiếp tục làm lao công tiên tiến cho chế độ công an cờ đỏ sao vàng. Chiến dịch hoa hồng đỏ, chim bồ câu mất đỏ, hạt lúa đỏ, lồng đèn đỏ của bọn quỷ quốc gia trở cờ tuyên vận sẽ nhuộm đỏ đồng bào tỵ nạn.

Một số nhân vật đang nêu cao ngọn cờ chính nghĩa quốc gia và triết đề chủ trương *giải thể* nguy quyền cộng sản bỗng nhiên nghe lời tuyên vận, xoay qua tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ ngộ hầu *biến thể* từ từ chính quyền cộng sản. Họ cho rằng việc giải thể một cơ cấu cộng sản chủ hầu Trung Quốc một cách bất ngờ và triết đề bằng bạo lực quần chúng hay bằng can thiệp quân sự quốc tế kiểu Kosovo hay Đông Timor, khó lòng mà xảy ra tại Việt Nam. Họ quên mất câu tục ngữ của cha ông: *Khó đầu phải vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*

Những đồng thời ngược lại, một số nhân vật khác thiên tả xưa tranh đấu cho nhân quyền, tự do và dân chủ, chủ trương hòa giải hòa hợp với cộng sản nay thức tỉnh khi thấy cần phải *giải thể* chế độ bằng bạo lực nếu cần, trước sự ngoan cố và bịp bợm của cộng sản Việt Nam vô phương cứu chữa. Bài học hòa giải hòa hợp (HGHH) do cộng sản Việt Nam tung ra để lừa bịp rồi sát hại người quốc gia có đến năm lần bảy lượt kể từ thời cụ Phan Bội Châu (HGHH số 1 1926) cho đến nay qua những giai đoạn kháng chiến (HGHH số 2 1945), đình chiến (HGHH 3 1954) để xâm nhập (HGHH số 4 1960), rồi đình chiến lại (HGHH số 5 1973) để thôn tính luôn (HGHH số 6 1975), cuối cùng hàng triệu người tỵ nạn chạy trốn HGHH cũng vẫn có người mắc mưu hoà giải để *biến thể* (HGHH số 7 năm 2000). Nếu không có biến cố 1963 thì Đệ Nhất Cộng Hòa khi bị đồng minh bỏ rơi, cũng đã tình chuyện HGHH với cộng sản để chống Mỹ bội nghĩa, bạc tình. Chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin-nít không bao giờ chấp nhận tự do, dân chủ và nhân quyền để có thể biến thể. Đòi hỏi chúng thực thi dân chủ dân quyền là đòi bác ái nơi Satan hay từ bi nơi Ma vương. Đòi hỏi cộng sản biến thể để thực thi là mấu chốt tuyên vận: chúng sẽ bảo dân chủ tập trung là dân chủ gấp 100 lần dân chủ tư bản, dân quyền là biệt lệ nhân quyền của mỗi nước có chủ quyền, còn tự do hạnh phúc thì bảo đảm trong tương lai sẽ có gấp mười bảy giờ theo công thức zêrô nhân mười là 10 zêrô. Đòi bỏ Điều 4 của Hiến Pháp 92, thì Quốc Hội bù nhìn sẽ trở về Hiến Pháp 1945 lập lại ngay Đảng Dân Chủ què hay Xã Hội ma (bị giải tán năm 92) và qua trung gian Mặt Trận Tổ Quốc cho phép hải ngoại lập thêm những đảng mới để tha hồ bầu bán.

Ngay cả đảng cộng sản Việt Nam cũng đã nhiều lần được giải tán giả tạo hoặc đổi tên để bịp mọi người như Hội Nghiên Cứu Mác-Xít 1945, hay Đảng Lao Động 1954, trước khi hiện nguyên

hình là Đảng Cộng Sản Việt Nam 1975. Vì tự thấy bất lực và *thiếu sáng kiến để tự mình kiếm ra mô thức giải thể cộng sản* nên một số nhân vật chính trị salon chạy theo những *tổ chức quên chính nghĩa quốc gia và tinh thần dân tộc tự quyết* để ngồi chờ Hoa Kỳ bật đèn xanh cứu lồng đèn đỏ. Xin nhớ rằng theo truyền thống chính trị duy lợi ích, Hoa Kỳ có thể cùng một lúc bật đèn xanh cho phép biến thể lẫn giải thể.

Người quốc gia có tinh thần dân tộc tự quyết, hành động theo lợi ích quốc gia không bao giờ ngồi chờ đèn xanh cả. Để tiện trình bày tôi xin phân loại như sau:

A. Hoa Kỳ bật đèn xanh biến thể

Thế giới sợ Bắc Bộ Phủ không thể đứng lâu trước sự phẫn nộ của toàn dân nên Hoa Kỳ vì quyền lợi phải bật đèn xanh biến thể để chặn đồng bào trong nước nổi dậy và để buộc dân hậu sinh vinh quang lao động trả nợ quốc tế 64 tỷ do tham những cộng sản chuyên ra nước ngoài.

Hai trường hợp sẽ xảy ra:

1. *Phe báo thù Hà Nội* hủy bỏ Điều 4 Hiến Pháp, cho phép các tổ chức hải ngoại về tham gia tổng tuyển cử theo mô thức Cao Miên. Nghĩa là trở lại làm tiền đồn kiểu Husen.
2. *Phe đối mồi Hà Nội* hủy bỏ Điều 4 Hiến Pháp, cho phép các tổ chức hải ngoại về tham gia tổng tuyển cử theo mô thức Cao Miên nghĩa là trở lại làm tiền đồn kiểu Ranarith.

B. Hoa Kỳ bật đèn xanh giải thể:

1. *Một chính phủ Cộng Hòa lưu vong* do những bậc lãnh đạo lưu vong hoặc do những bậc anh hùng được cộng đồng Việt Nam hải ngoại đề cử thành lập, được Tòa Bạch Ốc viện trợ quân sự và kinh tế để hồi hương giải thể chế độ cộng sản theo mô thức Đệ Nhị Cộng Hòa trước 75, nghĩa là trở lại làm tiền đồn lệ thuộc Hoa Kỳ chống Trung Cộng. Có thể trả nợ quốc tế 64 tỷ do tham những cộng sản/mafia tùy theo áp lực kinh tế Hoa Kỳ.
2. *Một Chính phủ Lâm Thời Cách Mạng không lệ thuộc vào đèn xanh nào cả*, được thành lập trong nước, có lãnh thổ trong và ngoài nước, do giới trẻ lãnh đạo *có óc sáng tạo để tự lực tự cường*, quyết hy sinh thân mạng và tài sản để giải thể chế độ cộng sản theo mô thức dân tộc tự quyết và *tức khắc giải tán* sau khi tổ chức tổng tuyển cử để thành lập một chính phủ dân chủ pháp trị nằm trong khối chính trị và kinh tế Đông Nam Á. Có thể được Hoa Kỳ công nhận mặc dầu không trả nợ tham những cộng sản/mafia.

KẾT LUẬN: LỚP GIÀ PHẢI TRỞ BỘ ÓC ĐỂ TRÁNH NẠN TUYÊN VẬN THẮP LỒNG ĐÈN ĐỎ

Tôi xin nói rõ, lớp già là nói lớp người có bộ óc chưa đổi mới. Do đó có những bộ lão trẻ-bộ-óc không thuộc lớp già-bộ-óc nói trên và cũng có những cụ non thanh niên mà lại thuộc lớp già vì chưa chịu học hỏi thêm để đổi mới tư duy. Lớp già-bộ-óc tuy khá hơn đỉnh cao trí tuệ Bắc Bộ Phủ nhưng vẫn chưa theo kịp đà biến đổi tư duy theo thời đại -tin học điện toán- của kinh tế thị trường. Lý luận toán học khác hẳn luận lý cổ điển, phương pháp UML (Unifiel Modeling Language) khác phương pháp suy luận máy móc một chiều. Sau đây một thí dụ suy luận máy móc: Một tổ chức chính trị có tinh thần dân tộc tự quyết đang hoạt động chống cộng sản mạnh thì bị bọn tuyên vận đặt nghi vấn về nguồn tài trợ. Người già-bộ-óc chỉ biết có ba nguồn tài trợ nên xem nghi vấn tuyên vận là chí lý:

1. Một là quyền góp (tuyên vận vu cáo ngay đó là tổ chức lường gạt đồng bào không chứng minh được).
2. Hai là C.I.A Hoa Kỳ tài trợ (tuyên vận bảo đó là tổ chức tay sai Mỹ).
3. Ba là Bắc Bộ Phủ (tuyên vận bảo đó là tổ chức chống cộng già của bọn cộng sản lập ra để lừa bịp người quốc gia).
4. Bốn là không biết gì thêm nên không tin có cách gì khác.

Thật đáng tiếc, theo người trẻ-bộ-óc thì có hàng vạn cách kiếm ra nguồn tài trợ nếu mình có sáng kiến và có khả năng thực hiện những gì mình hứa để đem lại chữ tin cho đồng bào. Chủ

tin của thời đại kinh tế thị trường là sự thành công thực tiễn phù hợp với lý thuyết mới do mình phát minh, là thành quả lợi ích cho mình và cho người. Thời đại tự do dân chủ không thể nào vu cáo hành động người khác bằng suy diễn lý thuyết kiểu mácxít, ngược lại cũng không thể nào chứng minh thành quả bằng những báo cáo lão, những thống kê kíp như cộng sản được. Hàng vạn thanh niên Việt Nam tự nạn đã biết dùng khối óc sáng tạo khoa học kỹ thuật của mình để tạo chữ tín trong giới doanh thương và từ đấy thực hiện được biết bao nhiêu nguồn tài trợ (Không thấy ai thắc mắc về nguồn tài trợ hàng trăm tỷ bằng cổ đông (stock) của Bill Gate cả). Ốc trẻ lý luận căn cứ theo thống kê xác suất chứ không lý luận suy diễn kiểu chính trị xa-lông bất chấp kết quả thực tế. Già-bộ-óc suy luận theo tam đoạn luận nhị nguyên chỉ biết phán quyết đúng hoặc sai. Trẻ-bộ-óc suy luận theo xác suất phán quyết tức mấy % đúng, mấy % sai và mấy % không biết. Tuổi trẻ tự nạn không bao giờ hỏi nhau về nguồn tài trợ. Khi thấy bạn bè thành công là họ tin vào sự tự lực cánh sinh của bạn. Họ biết đánh giá khả năng sáng tạo và tổ chức quản trị của nhau. Người trẻ-bộ-óc không chống đối chính trị duy lợi của quốc tế mà phải tùy cơ ứng biến bằng óc sáng tạo của mình. Người trẻ-bộ-óc không trách cứ Hoa Kỳ đã bỏ rơi Việt Nam cho cộng sản mà chỉ trách mình già-bộ-óc không chuẩn bị kíp để ứng phó cứu dân trong mọi biến cố có thể xảy ra (Thí dụ: Lý Thừa Vãn ở Nam Hàn, Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan) Ngoài ra luận lý trẻ-bộ-óc không có luận triết tam (tiers exclus) máy móc theo tam đoạn luận cổ điển mà cộng sản thường dùng một cách ấu trĩ bằng nguy biện (nhị luận): ví dụ *Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội*. Già-bộ-óc áp dụng bừa bãi luận triết tam này trong đời sống hàng ngày thì chỉ *gây chia rẽ làm tan nát cộng đồng*. Tất nhiên tuyên vận cộng sản lợi dụng sự kiện này để cài người trong mọi tổ chức cộng đồng phá hoại đoàn kết. Các báo chí là cái tuyên vận cũng chuyên môn dùng nguy biện vu khống vô tội vạ những tổ chức chống cộng qua những mục nguy biện *nói mà chối, phỉếm dị* rất ăn khách già-bộ-óc. Thí dụ luận điệu triết tam: *nếu có anh A trong Hội X thì tôi từ chức, hoặc nếu có tôi thì phải loại anh A ra khỏi Hội*. Ở San Francisco có luật lạ kỳ do Hội HO đề xướng năm 1997 làm chia rẽ Trung Tâm Cộng Đồng Việt Nam, (*nếu anh ở trong Tổ chức Cộng đồng thì không được nhập vào ban lãnh đạo Hội Veterans Việt Nam HO*). Xin thưa: luận lý trẻ-bộ-óc chấp nhận một người có thể ở trong bao nhiêu Hội cũng được, làm lãnh đạo cũng không sao, miễn đừng có sự mâu thuẫn về mục đích hay tôn chỉ căn bản nóng cốt của tổ chức để tránh nạn ba phải đứng hàng hai hàng ba vì quyền lợi bản thân. Thí dụ một người ở trong Hội chống thuốc lá không thể hiện diện trong Hội bệnh vực thuốc lá; một người trong tổ chức chống cộng không thể nào chấp nhận một người hợp tác với một tổ chức thân cộng.

Các bô lão ngày xưa trong Hội Nghị Diên Hồng hưởng về tôn chỉ căn bản là chính nghĩa quốc gia, nên cời mở hơn một số bô lão tự nạn già-bộ-óc ngày nay: các cụ xưa không bao giờ chia rẽ nhau vì những chuyện không ăn nhằm gì với việc giải thể tập đoàn cộng sản, một quốc nạn triền miên do tuyên vận. Ngày xưa Tưởng Trần Quốc Tuấn xuất trận phò vua vì nợ nước, vì đại nghĩa trước quân Mông Cổ xâm lược, quên mối thù nhà đối với vua Trần Nhân Tông. Do đó tôi mạo muội kết luận: *Đồng bào tự nạn muốn đoàn kết vì chính nghĩa quốc gia chống quốc nạn cộng sản/mafia, nên cầu cơ triệu thỉnh hưởng linh bô lão Diên Hồng hiện về giúp cho trẻ-bộ-óc lại ngộ hầu tránh được nạn tuyên vận văn nghệ đang thấp lờng đèn đỏ*. Bắc Bộ Phủ đang chuyển ở ạt đô-la đang mua chuộc lòng người, vì sự thật vẫn là sự thật: **Bắc Bộ Phủ là một tập đoàn mafia bán nước**. Khách quan mà nói, tất cả đồng bào hải ngoại, dầu già hay trẻ-bộ-óc - kể cả những bọn tuyên vận, mặc dầu miễn cưỡng- đều giống cao ngọan cổ vàng ba sọc đỏ và triết để tránh né lá cờ màu ô nhục xem như thổ tả. Bằng chứng: *không một ai dám đeo logo cờ máu quốc nạn trên mình hoặc dán trên xe hơi*. Tùy cơ ứng biến, bọn tuyên vận được lệnh tập trung nỗ lực nhờ sợ máu đỏ để giải quyết bệnh dị ứng của đồng bào tự nạn. Bệnh này làm

cho đồng bào nổi nóng khi thấy lại cờ máu làm nhỏ lại cảnh huống bên nhà: cảnh bà con mặt mày nếu không xanh như tàu lá khi gặp công an biên phòng, thì cũng vàng như nghệ khi gặp công an khu vực. Cách đây chừng 20 năm, trước vụ cờ đỏ 99 của tên cộng sản Trần Trường tại Little Saigon, có một vài tu sĩ ý thể tu hành không ai dám đụng đến tại xứ tự do, treo thủ cờ máu liền bị đồng bào tây chay phản đối dữ dội đánh ầm thân núp bóng cờ vàng chính nghĩa quốc gia chờ thời vận đỏ.

Để kết luận tôi xin nhắc lại rằng nhân quyền là ánh sáng chiếu khắp mười phương; những muốn ánh sáng ấy lọt vào ngôi nhà đen tối Việt Nam, xin đồng bào phải tự tay mở cửa dùng ý lại vào bàn tay bọc nhưng quốc tế chính trị thuận nghịch, tốt xấu bất thường. Đó là điều kiện tiên quyết. Cũng vậy, đối với bạc chân tu như Hòa-Thượng Quảng-Độ, Đạo pháp là kim chỉ Nam, là ánh sáng trí tuệ, nhưng muốn cho ánh sáng đạo pháp xuyên qua ngục tù đến với dân tộc Việt, Ngài quyết hy sinh thân mạng chống lại bạo quyền, mở cửa ngục để ưu tiên cứu nguy dân tộc. Ngài kết thúc tập *Nhân Định* như sau: *Tóm lại, mẹ tôi, sư phụ tôi, sư bá tôi, sư Tổ tôi đều đã chết thảm, nay đến lượt tôi nếu lại chết thảm, thì xin góp thêm một giọt máu nữa vào trang sử đau thương của dân tộc*. ●

THO HÀ HUYỀN CHI



Dựa Lưng Vào Nỗi Nhớ

*Núi dựa núi cho với niềm trông trái
Minh dựa nhau chia mặn muối cay
gừng*

*Em kề bên và em cũng xa chừng
Đờ hệ lụy đắm ngang dòng bi thiết*

*Hoa hạnh phúc nở trong chiều minh
triết*

*Bờ mê đây, bến giác cũng là đây
Bèo cũng đau khi sóng gió từng ngày
Tan và hợp đâu còn gì đáng nói*

*Núi dựa núi chia buồn vui sớm tối
Tình bao la cảm thức cũng bao la
Hãy ngoan đi, em hãy dựa vào ta
Như ta vẫn dựa lưng vào nỗi nhớ.*

hahuyench
hk1555

Điểm sách :

"Viết văn, đọc văn" : Đối thoại với mình, với người

(Nhân đọc "Nghệ Thuật Viết Văn
và Đọc Văn của Giáo Sư VŨ-KỶ)

Nguyễn Thùy

"Viết Văn, Đọc Văn", những sự việc thông thường, có gì phải nói. Vàng, chẳng có gì phải nói, nhưng "Cách Viết, Cách Đọc" đây là vấn đề.

Vấn đề đã được nói bởi nhiều nhà văn đó đây qua một số tác phẩm hay qua những cuộc trao đổi, đàm thoại. Giáo sư Vũ Kỳ đã sưu tầm, sắp xếp lại với rất nhiều dẫn chứng và qua kinh nghiệm riêng của mình hoàn thành một tác phẩm khá dày "*Nghệ Thuật Viết Văn và Đọc Văn*" (771 trang) xem như một "biên khảo" về "Phương pháp Viết & Đọc" giúp chúng ta tự mình trau dồi "cách viết và cách đọc" Văn Chương thế nào vừa hay đẹp, vừa thích thú, bổ ích. Không dễ gì một tác phẩm tiếng Việt thuộc loại biên khảo quá dày như thế lại được 5 lần xuất bản từ Việt Nam (năm 1949, 1956, 1962) rồi đến Bỉ Quốc (1985) rồi lại Hoa Kỳ (1998). Năm lần xuất bản đủ nói lên nội dung tác phẩm, sự cần thiết của nó cùng sự yêu chuộng, ham thích của người đọc.

Tác phẩm giới hạn nói mặt "Văn Chương", chú trọng đến "Nghệ Thuật Viết và Đọc Văn" và giới hạn nói những thể loại Văn Chương thông thường nhất "Miêu tả, Tự sự và Thư tín", những thể loại mà bất kỳ người viết văn nào cũng cần đến và trải qua cũng như bất cứ một người bình thường nào cũng đã nhiều khi sử dụng trong cuộc sống. Trong phần "Lời dặn về Phương pháp", tác giả nhấn mạnh đến những cách thức cần thiết nhất trong khi viết và đọc văn: từ "Sưu tầm Ý tứ", Sắp xếp Ý tứ đến "Diễn đạt Ý tứ" trong khi viết, từ "ghi nhỏ và chép những đoạn văn hay đã khiến mình chú ý", "biết sống cùng nhịp với các tâm hồn trong sách trước cuộc đời, trước sự vật", đến "biết

nhận xét, bình luận tư tưởng, tình cảm của các nhân vật hay chính của tác giả trong sách" trong khi đọc văn. Ở mỗi thể loại, tác giả nhắc lại tất cả những phương pháp trên phù hợp với những đặc tính riêng của từng thể loại. Dĩ nhiên, tác giả chú trọng nói rõ và minh chứng mọi cách thức: "tìm ý" (chọn và hiểu đề tài, dựa vào quan sát, kỷ ức, kinh nghiệm, kiến thức về cuộc sống, cuộc đời, cả những tưởng tượng và suy tư của riêng mình), "lập ý" (xây dựng bố cục, sắp xếp các tình tiết, sự việc sao cho vừa hợp lý vừa tạo bất ngờ, ngạc nhiên), "hành văn" (chọn chữ, dùng lời vừa xác thực, hay đẹp lại vừa tạo thích thú, say mê giúp người đọc thêm phong phú về cảm xúc cũng như về mặt trí tuệ). Tóm lại, "trước khi viết một bài văn, ta phải đặt cho mình 4 câu hỏi chính yếu tức là 4 vấn đề tiên khởi: Viết về cái gì, Viết cho ai đây, Viết làm sao đây, Viết với chủ đích gì? (trang 63). Thiết nghĩ về "đọc văn" cũng tương tự như thế: Đọc cái gì, đọc loại sách nào, Đọc làm sao, Đọc với chủ đích gì? (đọc để chỉ mua vui, giải trí hay đọc để phong phú kinh nghiệm, kiến thức hầu ứng xử với mình, với người, với cuộc đời nói chung hay để tìm tòi, khám phá những gì mới lạ giúp mình thêm vững chắc trong mọi dự định "sáng tạo" về mặt này mặt nọ). Tóm lại, Nghệ thuật Viết Văn và Đọc Văn chính là để "ĐÀO LUYỆN MÌNH" nhằm vào phần "CON NGƯỜI SẼ TRỞ NÊN" của chính mình (trang 49), "sẽ trở nên về nhân cách, phẩm giá, sẽ trở nên hạnh phúc hơn trong cuộc sống, sẽ trở nên sáng suốt, minh mẫn trong suy tư, ứng xử, sẽ trở nên phong phú về kiến thức, tri tuệ, từ đó giúp xây dựng cuộc sống mình và xã hội thêm tốt đẹp và nhân bản. Những phần trích dẫn của GS Vũ Kỳ về văn chương của các tác giả xưa và nay, Việt Nam và Thế Giới rất phong phú đã nói lên điều đó.

"Văn" gồm lời và chữ. "Viết Văn" là dùng lời và chữ diễn đạt ý mình. "Đọc Văn" là qua "lời và chữ" của tác giả, tìm ra những "trao đổi" của tác giả với cuộc đời trong đó có mình. "VIẾT VĂN, ĐỌC VĂN CHÍNH LÀ MỘT "ĐỐI THOẠI" VỚI MÌNH, VỚI NGƯỜI". Ngoài lời nói miệng ra, Văn dù dưới hình thức thể loại nào, vẫn là phương tiện giao lưu, truyền thông lâu đời và hữu hiệu nhất. (Ngày nay, qua Internet, người ta chẳng đã sử dụng "Văn" (lời và chữ, thêm hình ảnh, âm

thanh) để giao lưu với nhau dù có giới hạn đến tối đa tình cách đồng dài). Con người, dù bình thường đến mấy, vẫn có những lúc cảm thấy một "chán chường, rỗng không, nhạt nhèo, vô vị, thiếu vắng" nào đấy nơi tâm tư. Ngoài đôi việc làm lăm lăm, bâng quơ để giải thoát trạng thái đó (như lời ca dao: "ngồi buồn đốt một đồng rơm...), với những người thích văn chương thì quay ra viết hay đọc văn. Viết văn là để giải thoát mình, nói theo Sainte Beuve "*écriture, c'est délivrance*". Các bà, các ông Việt Nam cao niên nơi hải ngoại hiện nay, vốn không là nhà thơ, nhà văn nhưng lại thích làm thơ hay viết lách này nọ là để giải tỏa những phút "trống vắng" đó, để "được sống" lại với cái "đã chết" nơi mình (tức thời gian quá khứ) ngoài cái dụng ý lưu truyền một kỷ niệm để đời cho con cháu. Viết văn là "giúp mình tự sống với mình", giúp "mình tự tìm hạnh phúc cho mình" (niềm vui sáng tác) qua những "rủi ro, bất trắc, đau khổ, qua những chết chóc hay qua những may mắn, những hạnh phúc" của nhân vật trong tác phẩm mình. Viết văn, vì thế là một "đối thoại" với mình để khơi dậy những gì còn kín nhiệm, u ám, những ẩn ức tiềm tàng nơi tự thân mình do nhu cầu giải tỏa một "trống rỗng" của tâm tư hay do một "bức bách" của cảnh ngộ hoặc do một "hưởng vọng" của thần trí hầu thiết lập một an bình cho mình, cho người. Viết văn còn là "đối thoại với người". Cái "Dụng" của ngôn ngữ là để thông giao, thể hiện tính cách "hữu thể tương giao" (L'être relationnel) của con người dù tương giao trong hòa hợp hay trong trắc trở, mâu thuẫn. Trên bình diện "Hữu-Thể-học": "Không có Trời, ta sống với ai?" (ca dao Việt Nam), trên bình diện "Hữu-Tại-Thể" (être dans le monde): "Không có người ta sống với ai?". Viết văn là cách thề dùng ngôn ngữ (chữ và lời) thể hiện cả hai mối tương giao.

Viết văn -đúng như Gs Vũ Kỳ đã nói- là một cách thể hiện cái hiện thể của mình trong vũ trụ, nói như triết gia Heidegger thì đó là cách thể phát lộ cái hữu thể liên quan đến thời gian (l'Être et le temps) xoay quanh chu kỳ tổng hợp các ý niệm: Thiên nhiên, Vật loại, Con người, Ý tưởng (các cụm từ triết lý của Heidegger). Gs. Vũ Kỳ luận bàn tiếp Viết văn còn là một hình thái vô cùng quan yếu biểu dương quan niệm sống, minh định ý hưởng bản thể của sự có mặt của mình trong nhân loại này. Và không có sự biểu dương, sự

minh định nào về nhân sinh, vũ trụ quan, thế giới quan của chúng ta, của mỗi cá nhân lại minh bạch hơn hoặc bằng sự diễn đạt bằng văn chương đó vậy. J. Paul Sartre, triết gia hiện sinh Pháp nói lên một chân lý muôn đời: "Tất cả mọi sự việc trên đời đều được con người suy nghĩ đến, trừ cái sự việc: 'Nên sống như thế nào đây' là không thấy ai bàn đến mà thôi". (Tout a été pensé, excepté comment vivre). Viết văn góp phần lớn giải đáp cái vấn nạn to lớn ấy của người đời (Trích dẫn của Gs. Vũ Kỳ).

"Đọc văn" cũng là một "đối thoại với mình, với người" qua một "hệ thống quy chiếu" tức tác phẩm của các tác giả. "Đối thoại với mình" là "ta tự sống với ta, tự hỏi về ta, tự tra vấn ta" đối chiếu với những gì ta đọc; "đối thoại với người" là "phẩm bình, nhận xét, đánh giá" về bức "thông điệp" tức những gì tác giả muốn trao gửi đến mọi người qua nội dung tác phẩm để hoặc "thông cảm, hòa hợp, tán đồng" hoặc "phản biện, chống đối, bác bỏ" lúc đối chiếu tác phẩm với ta, với cuộc sống, với thời đại.

"*Phép đọc sách là gì? là mượn sách của người để tự mình tư tưởng. Vậy thì sách gì giúp được mình tư tưởng, gọi được cái tư tưởng của mình là sách hay, nên đọc cả. Có khi giúp cách trực tiếp, có khi giúp cách gián tiếp. Giúp trực tiếp là sách đồng ý với mình, giúp nghị luận được xác thực, phổ biến được rõ ràng, khiến cho mình nhận thấy mà suy cứu cái tư tưởng của mình cho đến cùng cực. Giúp gián tiếp là khi trái với ý mình, bày cái tư tưởng ra một phương diện khác hẳn của mình, khiến cho mình phải sát hạch lại tư tưởng của mình, phải gia công biện bác, thảo luận cho ra lẽ- Mà cách gián tiếp có khi lại bổ ích hơn là cách trực tiếp, vì nó kích thích tư tưởng của mình một cách mạnh bạo hơn*". (Nghệ thuật Viết Văn và Đọc Văn, trang 77).

Tóm lại, Viết Văn, Đọc Văn là "đối thoại với mình, với người" vì Văn là phương tiện truyền thông, giao lưu hai chiều. "Sự giao lưu mang tính cách sáng tạo. Nó giúp cho mỗi người sự tự sáng hiện chính mình trong mỗi hỗ tương thuận nghịch với kẻ khác" (La communication a donc une vertu créatrice. Elle donne à chacun la révélation de soi dans la réciprocité avec l'autre - Georges Gusdorf: La Patrole, PUF, Paris 1952, trang 67).

Đĩ nhiên, Viết Văn khó hơn Đọc Văn. Viết Văn cần phải chú trọng cả hình thức lẫn nội dung. Hình thức là Chữ, Lời và Bố cục; Nội dung là Ý, Tình, Tư tưởng. Chữ phải đúng, phải xác thực, Lời phải giản dị, dễ hiểu, trau chuốt, văn hoa, truyền cảm; Bố cục phải phân minh, hợp lý. Ý, Tình, Tư tưởng phải trong sáng, cô đọng, hàm súc, phải phản ánh đúng, đầy đủ, súc tích và sâu sắc tất cả tính chất thâm sâu cùng diễn tiến của sự tình, sự việc, sự vật, ngoài ra còn mang tác dụng hướng dẫn người đọc nghĩ suy để cùng hưởng về xây dựng cho nhau một cảnh đời càng lúc càng nhân bản hơn. Vì, hơn ai hết, nhà văn hay người viết văn là kẻ "dẫn thân" vào "cuộc Liều của cuộc đời", vào cuộc "phiêu lưu của nhân loại" và là kẻ, hơn ai hết, luôn luôn sống trong mối ưu tư muốn sao cuộc sống, cuộc đời, nhân loại sớm thoát khỏi mọi bất hạnh, khổ đau.

Đọc Văn thật ra cũng không phải dễ. Nếu chỉ đọc cho qua thì giờ thì không có gì phải nói. Nhưng "đọc trong ý hưởng và nhu cầu đối thoại với mình, với người" thì cũng lắm điều phải nói. Đón nhận một lời văn là nắm bắt cái ẩn ý, cái tinh hoa, cái mới lạ, cái khác thường, cái đặc sắc, cái tân kỳ của ý tình tác giả để phong phú hóa mình hơn dù không đồng tình với tác giả. "Văn chính là người", nói theo Buffon (le style, c'est l'homme même) và Đọc văn có lẽ cũng tương tự như thế. Vì thế, dù Viết hay Đọc cũng cần đến một ít nhiều phương pháp căn bản, điều mà Gs. Vũ Kỳ tha thiết khi trước tác "Nghệ thuật Viết Văn và Đọc Văn". Đây là tác phẩm sửa soạn cho ta để đưa ta vào "đối thoại với mình, với người" qua các tác phẩm văn chương. Tác phẩm bổ ích và cần thiết cho những ai -nhất là giới trẻ- thích Viết và Đọc Văn để với bất cái "**PHẦN CON NGƯỜI SẼ TRỞ NÊN CỦA MÌNH**" như Gs. Vũ Kỳ đã viết.

Đùng như Hòa Thượng Thích Giác Lộng, Giám đốc Nhà xuất bản Nguồn Sống ấn hành tác phẩm này, đã nói: "Dày 800 trang, in đến lần thứ 5, với nội dung phong phú được các giới văn hóa, văn nghệ ca ngợi, tác phẩm có một vị trí độc nhất và danh dự trong ngôi nhà Văn Hóa Việt Nam ở hải ngoại".

Trévoux (France), tháng 10/1999
Giáo sư Học giả NGUYỄN THÙY

Hương về phương Đông

*Con đứng đây nghe ngàn xưa vọng lại
Âm thanh từ non nước thuở bình minh
Muôn khúc ca thơm ngọt suối nhựa tình
Say ngọn sóng triều dâng lòng đất mẹ.*

*Con đứng lặng nghe tim mình nhắc khẽ
Bao yêu thương in dấu thuở trong nôi
Nỗi ưu tư, phiền muộn kiếp con người
Chứa trọn vẹn nghĩa ân tình sông núi.*

*Con ra đi lòng ngổn ngang trăm mối
Nơi quê nhà đang chìm ngập bóng đêm
Mẹ ngóng trông con bóng đổ xiêu thềm
Mấy chục năm cha chưa lần yên giấc.*

*Màu Việt Nam thắm oan sâu lòng đất
Nước mắt mờ hôi dựng chín tầng cao
Cho Đảng xây niềm kiêu hãnh, tự hào
Từ những kẻ áo ôm thành tỵ phũ.*

*Đang sướng vui trong giàu sang đầy đủ
Và say sưa trong phù phiếm xa hoa
Bỏ mặc dân ôm mối nhục không nhà
Làm hành khất khắp nơi trên thế giới.*

*Đang vẫn hô to: "Toàn dân đổi mới"
Mấy chục năm rồi chẳng đủ áo cơm
Dân ta đâu cần chủ nghĩa nào hơn
Bằng chủ nghĩa ấm no và hạnh phúc.*

*Con ra đi theo trái tim thúc giục
Tình quê hương trong mạch máu trào sôi*

*Tim lại nơi đây một kiếp con người
Khơi suối mát chảy về sông đất mẹ.*

*Con đang đi trong màn xuân sục trẻ
Quyết một ngày xây dựng lại nước non
Xóa đau thương trong mắt mẹ mỏi mòn
Bằng chính huyết của ông cha, dân tộc.*

● Nguyễn Thị Hoa

Hoa Sen nở cõi lạ

*Hoa sen nở cõi lạ
Vẫn sống đời thong dong
Vi cõi nguồn nhân quả
Ẩn một hồn phưởng đồng*



Thật là một duyên lành, vào trung tuần tháng sáu vừa qua, nhân theo đoàn hành hương, cùng tham dự lễ thọ Bát Quan Trai do Hội Phật Tử Việt Nam tại Ý tổ chức dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác Đức Quốc, với sự hiện diện của Thượng Tọa Thích Thiện Thông từ Việt Nam mời qua chữa bệnh. Tuy sức khỏe không được tốt lắm, nhưng Thầy không quản ngại đã tháp tùng Thầy Viên Giác đến với đồng hướng Phật tử tại Ý để ban cho thời Pháp. Ban Điều Hành tuy mới tổ chức lần đầu kể từ khi xây dựng Niệm Phật Đường VIÊN-Ý, song mọi tổ chức đều rất chu đáo và trang nghiêm. Nhất là tinh cảm đối với nhau chứa đầy đạo vị. Có lẽ ngoài tinh đạo, chúng ta còn tinh đồng hướng nữa, nên khi gặp nhau rất thấm thiết và chân tình. Với 30 giới tử thọ giới và 8 Phật tử quy y Tam Bảo, chúng tôi lòng mong cầu học đạo của đồng bào Phật tử tại Ý, cũng như tinh thần phụng sự Đạo Pháp của Ban Tri Sự Hội Phật Tử Việt Nam tại đây, trong bước đầu mà đã gặt hái nhiều kết quả mong muốn, xin được tán thán công đức.

Chúng tôi đến ngày hôm trước, nên có nhiều thì giờ thong thả, buổi sáng được một Đạo hữu đưa đi mua bánh mì về chuẩn bị cho bữa điểm tâm, nhân tiện đi ngang một ao sen chúng tôi dừng xe lại xem. Ao sen nằm gần Niệm Phật Đường VIÊN-Ý. Chủ nhân ao sen là một gia đình người Ý, ông bà rất vui mừng khi thấy chúng tôi đến xem ao sen, đồng thời dừng chuyện trò với người hướng dẫn. Một Đạo hữu địa phương hỏi đến xuất xứ của ao sen, thì được chủ nhân cho biết, bà ra tiệm bán hoa, thấy hoa đẹp bà mua về chưng trong nhà, bà ngắt mấy cọng đem cắm xuống ao nước trước nhà, thế là một thời gian sau sen mọc cây, rồi nhay cây lan khắp mặt hồ, đón sơ chỉ có thế mà bây giờ lại có một ao sen thật đẹp. Tôi đứng nhìn ngắm từng lá sen xanh non, thỉnh thoảng vói nước tưới vườn xoay qua, làm rơi rụng từng hạt nước lăn tròn trên lá sen hình lòng chảo, một màu trắng xóa lần qua lần lại trong lòng lá sen màu xanh non ấy, lấp lánh dưới ánh bình minh như những hạt kim cương trông thật đẹp. Xen lẫn giữa những tàn lá sum sê, là những búp hoa sen mỗi vườn lên khỏi mặt nước, với màu sắc hồng nhạt, đang đong đưa trước gió như những chiếc lồng đèn con. Trong phút giây, cảm thấy lòng mình như đang gặp cõi an lạc nào. Dưới ao sen, những lá sen, những búp hoa như đang nở nụ cười, như đang chan hòa một niềm vui vì không còn cảm thấy cô đơn nơi cõi lạ, không lạc loài nguồn cõi. Vì có người nhìn ngắm, có những người bạn đồng hành trên bước đường lưu lạc đang san sẻ cho những nỗi nhỏ niềm thương, để cùng cảm thông nhau trên bước muôn trùng.

Niệm Phật đường VIÊN-Ý tọa lạc tại làng Castelbelforte, cách thành phố Mantova khoảng 10 cây số, một làng quê thuộc vùng đồng bằng miền trung nam Ý.

Con đường từ thành phố Mantova đến Niệm Phật Đường trải dài những ruộng bắp, đậu xanh tươi, nhà cửa thưa thớt, người dân hiền hòa, thật là một cảnh thanh bình. Thật là một khung trời mở ước cho những ai đã trải qua bao cảnh thăng trầm, long đong của một quê hương chìm ngập trong tang thương, ly tán...

Hoa Sen người Tàu gọi là Liên Hoa, còn nhiều tên nữa như Hà Hoa (Hà tri là đầm sen hay ao sen). Tây gọi là Lotus. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là bậc nhất trong các Kinh Pháp

khác mà Phật đã thuyết. Cũng vì như hoa sen, vì hoa sen sánh với hoa khác có 5 điều đặc biệt:

1. Có hoa là có gương: nhân quả đồng thời.
2. Mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho.
3. Cọng hoa từ gốc tách riêng không chung cành với lá.
4. Ong và bướm không bu đậu.
5. Không bị người dùng làm trang điểm (xưa đàn bà Ấn Độ quen dùng hoa kết thành tràng để đeo).

*(thích nghĩa của dịch giả
Thích Trí Tịnh)*

Hoa sen có xuất xứ từ bên Thiên Trúc (bây giờ là Ấn Độ) gồm có 4 loại: Loại mang tên Ưu-bát-la có hoa màu xanh. Loại Câu-vật-đầu hoa màu vàng. Loại Ba-đầu-ma hoa màu đỏ. Loại Phân-đà-ly hoa màu trắng.

Trong Tú Thập Nhị Chương kinh, Đức Phật Thích Ca có dạy rằng: Bực Sa-Môn sẵn minh vào cõi ô trược này, phải gìn giữ thân ý như hoa sen mọc dưới bùn mà chẳng dính nhớt. Đối với hàng phụ nữ, phải có tư tưởng đứng đắn này: Già thì coi như mẹ, lớn tuổi hơn thì coi như chị ruột, nhỏ tuổi hơn thì coi như con gái mình. Bởi hoa sen là hoa chẳng nhiễm trược, cho nên Đức Phật lấy đó mà làm biểu hiệu. (Sa-Môn theo âm Phạn là Sa-môn-na (Sramana) có nhiều nghĩa: Căn già là người luôn làm điều thiện. Túc già là người dứt bỏ các nghiệp ác. Bần già là người chịu thiếu, chịu nghèo, chẳng có của cải, chẳng có gì gọi là của mình. Sa-Môn là tiếng gọi những người xuất gia theo đạo Phật.)

Tịnh Độ Tông cũng lấy hoa sen biểu hiệu cho nơi chốn thanh tịnh trang nghiêm. Trong ao Thất Bào ở cõi Cực Lạc cũng có đủ 4 loại hoa sen ấy, mỗi loại đều tỏa ra hào quang với màu sắc tuyệt đẹp. Mùi hương thơm dịu và tinh khiết.

Trên bàn thờ Phật, dùng hình tròn bằng phẳng của hoa sen, trên ấy có tượng Phật, tượng Bồ Tát gọi là Liên Đài (Đài Sen, Tòa Sen)(theo Tự điển Phật Học của Đoàn Trung Còn).

Vào cuối thời nhà Đường, Nhà Sư Lục Quy Mông diễn tả nét đẹp của hoa sen qua bài thơ Bạch Liên, có những câu như:

Cổ vì da môn biệt diễm khi

Thử hoa đoan hợp tại Dao Trì...

(Đừng nên xem thường hoa trắng, che lấp nét đẹp đặc biệt. Hoa này kết hợp đầu tiên tại cõi Dao Trì (chú thích HTL).

Dùng hoa sen để diễn tả cảnh vô thường trước vạn vật, chỉ thời gian thấm thoát thoi đưa, Nguyễn Du cũng đề cập trong Truyện Kiều:

Sen tàn, cúc lại nở hoa

Sầu dài, ngày vắng, đông đã sang xuân...

Trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam, dùng hoa sen để làm huy hiệu, với tám cánh; năm cánh trên tượng trưng cho các hạnh: Tinh tấn, Hỷ xả, Thanh tịnh, Trí huệ và Từ bi và ba cánh dưới chỉ Phật, Pháp, Tăng (tức là Tam Bảo). Với bài ca của Gia Đình:

Kìa xem đóa sen trắng thơm. Nghìn hào quang chiếu sáng trên bùn. Hình dung Bốn sứ chúng ta, lòng tử bi, trí giác vô cùng. Đồng thể nguyện một dạ theo Phật. Nguyện sửa mình ngày thêm tinh khiết. Đến bao giờ được tòa sen ngát, tỏa hương thơm Tử Bi tận cùng.

Trong các đoàn đội của Gia Đình, cũng lấy hoa sen đặt tên hiệu. Như Đoàn Sen Trắng, Đội Sen Vàng ...

Hay bài hát Em Đến Chùa:

Một hôm mong một đến chùa. Em đi với mẹ mua vài hoa sen. Đến chùa dâng cả hồn em. Lên trên Đức Phật lòng em kính thành...

Ồi đẹp làm sao, một tâm hồn son trẻ trinh trắng, như đóa hoa sen kia em dâng lên lời nguyện. Em nguyện cho tâm hồn trinh nguyên này, được mãi mãi trong trắng tinh khôi, như hoa sen kia để được sống một cuộc đời vô nhiễm. Vẫn vươn mình lên khỏi chốn bùn nhơ nước đọng, để còn thấy rằng cuộc đời còn mãi đẹp, cuộc đời là quà tặng. Trân quý và săn sóc cuộc đời luôn tươi mát và thánh thiện, cũng là một phương cách tự mình tìm về nẻo Đạo rồi vậy.

Theo văn học dân gian, hoa sen cũng là một biểu tượng cao quý và đẹp đẽ:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Tinh thần vô nhiễm của hoa sen theo quan niệm nhân gian, cũng không khác gì trong nhà Phật bao nhiêu, nên người đời cũng lấy hạnh của hoa sen để khuyên bảo người sau.

Nhưng cũng trong tinh tự dân gian, chuyện một chàng trai trẻ xa xưa nào đó, một hôm tát nước đầu đình, giả bộ bỏ quên chiếc áo để may ra có người nhặt được, đem về nhà làm của tin:

Hôm qua tát nước đầu đình,

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.

Em được thì cho anh xin.

Hay là em để làm tin trong nhà.

Áo anh sứt chỉ đường tà.

Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu.

Áo anh sứt chỉ đã lâu.

Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.

Khâu rồi anh sẽ trả công.

Mai một lấy chồng anh sẽ giúp cho.

Giúp cho một thúng xôi vò.

Một con heo béo, một vỏ rượu tằm.

Giúp cô đôi chiếu cô nằm.

Đôi chân cô đắp, đôi tằm cô đeo.

Giúp cô quan tám tiền cheo.

Một con heo béo lại đèo buồng cau ...

Thì ra cái anh chàng này làm bộ bỏ quên chiếc áo nơi đây để mong người nhặt được, để có cơ hội tỏ tình. Chủ thật sự thì chuyện đâu có dễ dàng như vậy? Nội việc bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen, thấy cũng đã không ổn rồi, vì cành hoa sen thì mỏng manh yếu đuối, nằm sát trên mặt nước, chỉ dụng nhẹ là cành sen đã chắm nước rồi, làm sao mà chịu đựng với chiếc áo vải thô của anh? Nhưng ý tưởng nghe ra rất chi là thâm thúy! Lối tỏ tình kín đáo này, cũng rất thớ mộng biết bao. Vì áo rách nhờ khâu rồi trả công bằng quả chuối, thấy tuyệt vời vô cùng. Cho dù có đổi tượng hay không, chuyện đó không thành vấn đề, khi mở thì củ để cho lòng nó mở cái đã. Giấc mơ thì bao giờ cũng đẹp! Nên mỗi khi nhắc nhở đến, chắc ai cũng muốn trở về tát nước đầu đình, để bỏ quên chiếc áo...! Hoa sen cũng dùng làm thực phẩm và dược phẩm, như ngó sen dùng làm gỏi hay các món xào nấu cũng "dzách lầu" lắm. Hạt sen dùng để nấu chè:

Thương chồng nấu cháo cá trê

Nấu canh bông lý, nấu chè hạt sen

Mấy nhà trường giả thì lấy tim sen ướp trà, uống trà sen cũng giúp cho việc điều hòa tim mạch và cơ quan tiêu hóa.

Mấy lần ghé vào tiệm thực phẩm Việt Nam mua một gói trà sen, hay mua một ít hạt sen về nấu chè, lòng tôi thấy nhớ quê hương vô cùng. Cái nhớ như quay quắt, như xót đau vì những gì tôi đã sống qua, đã cảm nhận chỉ còn lại một chút kỷ niệm nhạt nhòa ở trong lòng, mà ngỡ tưởng không bao giờ có thể thấy lại. Tất cả đều như mất hút, ngàn trùng.

Cách đây mấy năm, tôi sang Pháp thấy hồ sen, nhưng sao thấy sen nơi

này nó không làm tôi xao xuyên, băng khuâng mỗi khi nhìn ngắm. Có lẽ sen nở qua Pháp không mấy đặc biệt, hay trái lại tôi nghĩ ngày trước họ qua đô hộ nước ta, rồi đem giống về trồng như một tuốc đoạt của cải người khác, hay là chủ nhân không tha thiết gì với sen. Chẳng qua, họ trồng để làm cảnh lạ, vậy thôi. Cho nên thấy sen mà cứ đứng đứng với lòng, thấy cảnh của quê hương mà không có chút nhớ nhung! Ấu cũng là cái duyên gặp gỡ mỗi lúc mỗi khác, mỗi hoàn cảnh với sự cảm nhận không giống nhau ấy, mới gọi là "duyên lành".

Nên hôm nay sang Ý được nhìn lại khung cảnh hồ sen ao cá, có nương lúa rẫy bắp, có những căn nhà thưa thớt, mà cảm nhận như đây là quê nhà! Một quê nhà trong tâm cảnh, nhưng cũng an ủi được niềm xa. Nhất là gặp lại những đồng hương và bây giờ thêm tinh đồng đạo. Có lẽ hoa sen đến nơi đây, tuy tinh cổ nhưng đặc biệt, giản dị nhưng thiện ý của chủ nhân lại có tấm lòng yêu mến. Và đồng hương nơi đây cũng đã ẩn tàng một tấm lòng thiện lành, nên khi xa họ vẫn nuôi dưỡng và chăm bón những tinh hoa, duy trì những nguồn suối mát muôn đời tắm gội, cho hạt giống Tử Bi vẫn còn kết trái đơm hoa. Hay tiếp nối truyền thống muôn đời của tiền nhân, đang diu nhau hưởng về Chân Thiện Mỹ.

Khi về, tôi kiểm soát lại đã mang theo những gì khi đến một nơi chốn xa lạ. Thời gian chỉ vồn vện có hai ngày, nhưng tôi đã gặp, đã nhận nhiều món quà trân quý.

Xin cảm ơn những đồng hương tại Ý, đã xây dựng một chốn Đạo tràng để đón tiếp những người đồng đạo. Cũng như chủ nhân ao sen kia, đã ra công chăm bón cho những đóa sen hồng này còn mãi dâng hương sắc cho cuộc đời.

Nhìn ao sen, từng cánh sen đang đong đưa trong gió sớm, nhìn cảnh thanh bình của xứ sở này, gặp những đồng hương mà lòng tôi thấy một nguồn an lạc. Nên khi về tôi mang theo về nhiều lắm, những kỷ niệm khó quên và một cảm nhận như lời khai thị của Hòa Thượng Thích Minh Tâm mà tôi được nghe một đạo nào:

"... *Khi chúng ta đến một xứ trầm hương, mặc dầu khi về không mang theo một miếng trầm nào cả, nhưng mà hương thơm của trầm nó sẽ bám vào áo của chúng ta*". ●

VIỆT NAM :

Những bước đi tới

(Tiếp nối bài "Thế Đứng Tắt Yếu của Việt Nam vào đầu thế kỷ 21"- Đăng trên báo VG số 114)

Lê Doãn Kim

Quan trọng hơn việc kết thúc một cuộc chiến, chúng ta cần phải chặn đứng sự khởi đầu của mọi cuộc chiến tranh. (More than the end of war, we want the end of the beginnings of all wars).

Franklin D. Roosevelt.

Các Liên Hệ Mỹ-Việt - Kể từ thế kỷ 19 đến nay, vào những khúc quanh quyết liệt của lịch sử, Việt Nam ta ở Đông Nam Châu Á, đều đã hướng về Huê Kỳ, một cường quốc tại Mỹ Châu, nằm tận bên bờ phía Tây Bắc Thái Bình Dương.

Năm 1873, khi thực dân Pháp chiếm thành Hà Nội lần đầu, trong việc tìm cầu một giải pháp, Vua Tự Đức phái cụ Bùi Viện đi ra nước ngoài để tìm đồng minh có khả năng giúp Việt Nam đánh đuổi ngoại xâm. Nhà ngoại giao sáng suốt, lỗi lạc Bùi Viện khi đến Hương Cảng liền tìm hiểu cục diện thế giới và nhận định ngay rằng: "Ngoài các nước ở Âu Châu như Anh, Pháp, Đức, Ý, Hòa Lan, Bồ... mà người ta cho là văn minh, còn có một nước khác ở Mỹ Châu, tức Hiệp Chúng Quốc Huê Kỳ, tiến bộ hơn, lại đã từng nếm mùi bị đô hộ, nên ắt có cảm tình với các nước bị xâm lăng. Bùi Viện liền hướng đến nước Mỹ. Cụ lại được vị Lãnh Sự Huê Kỳ tại Hồng Kông biên thư gửi gắm cho một người bạn làm việc tại Tòa Bạch Ốc. Đến Mỹ năm 1874 và được Tổng Thống Ulysse S. Grant tiếp kiến, Bùi Viện liền trình bày việc Pháp xâm chiếm miền Nam Việt Nam rồi tiến chiếm luôn thành Hà Nội; Cụ yêu cầu Huê Kỳ can thiệp và giúp Việt Nam đánh đuổi Pháp thực dân. TT Grant đồng ý trên nguyên tắc sẽ giúp Việt Nam, nhưng đòi Bùi Viện phải có

quốc thư để chính thức nói chuyện với Huê Kỳ. Cụ Bùi Viện trở về nước và được Vua Tự Đức phong làm Đặc Sứ Toàn Quyền Đại Thần, cử qua Mỹ để trình quốc thư, năm 1875, thì Mỹ đã thay đổi chính sách, nên việc viện trợ cho Việt Nam đánh đuổi Pháp không được Huê Kỳ đề cập đến nữa. Cuộc bang giao Việt-Mỹ⁽¹⁾, khởi tử ý chí sáng suốt và nỗ lực phi thường của nhà ái quốc Bùi Viện, chẳng may đã bị sớm đứt đoạn". Không có Mỹ giúp, Việt Nam đã bị Pháp thôn tính dễ dàng.

Trong tài liệu The Vietnam Experience⁽²⁾, gồm 13 tập, nơi Quyển Ba: "Setting The Stage", bài "American in Vietnam: The First Encounters", trang 94-95, lại ghi rằng vì Quân Pháp đã rút lui khỏi Hà Nội và các Tỉnh miền Bắc VN từ đầu năm 1874, nên Huê Kỳ thấy không còn có lý do để can thiệp nữa.

Thực tế là Pháp đã chiếm 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ (1862), buộc Việt Nam ký hòa ước Nhâm Tuất (1862) nhường 3 tỉnh này cho Pháp. Rồi Pháp chiếm luôn 3 tỉnh Miền Tây (1867), và tiến chiếm Hà Nội lần thứ nhất năm 1873. Sau đó, Pháp trả Hà Nội lại cho Việt Nam đầu năm 1874, buộc Việt Nam phải chịu ký hòa ước Giáp Tuất, 1874, nhường đứt 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp⁽³⁾.

Bảy Mươi Năm Sau, sau Bùi Viện, người Việt Nam thứ hai là Hồ Chí Minh, đã cố vận động Huê Kỳ giúp Việt Nam ngăn chặn Pháp tái chiếm Đông Dương sau Thế Chiến Hai, nhưng không thành. Vào những năm 1943, 44, 45, tại Côn Minh bên Tàu, trong chiến khu Việt Bắc và tại Hà Nội, ông Hồ lợi dụng được nhu cầu của Huê Kỳ dùng Việt Nam để giải thoát các phi công Huê Kỳ bị Nhật bắt rơi trong lãnh thổ Trung Hoa và miền Bắc Việt, đã chinh phục được cảm tình của nhiều

nhân viên Huê Kỳ ở nhiều cấp, nhiều ngành và họ đều tận tình giúp ông Hồ. Huê Kỳ⁽⁴⁾ đã vận động tích cực với chính quyền Tưởng Giới Thạch trả tự do cho ông Hồ Chí Minh, bị Tưởng Trưởng Phát Khuê⁽⁵⁾, Tư lệnh Chiến khu 4, tức Quảng Tây, cầm giữ vì khi bị bắt tại Liễu Châu ngày 29.8.1942, ông Hồ mang trong mình những giấy tờ do phe Cộng Sản Mao Trạch Đông cấp từ năm 1940. Tưởng Trưởng Phát Khuê đã trả tự do cho ông Hồ ngày 10.9.1943. Sau đó, ngày 28.8.1944, William R. Langdon, Tổng lãnh sự Mỹ tại Côn Minh lại đánh điện tham khảo ý kiến Bộ Ngoại Giao Huê Kỳ về phương cách cấp hộ chiếu cho ông Hồ Chí Minh đi Mỹ⁽⁶⁾, vì ông Hồ không có sổ thông hành. Tháng 9.1944, từ Quảng Tây ông Hồ trở về Việt Nam; đến cuối năm lại sang Côn Minh để liên lạc với Tưởng Claire Chennault, Tư lệnh Không đoàn 14 của Huê Kỳ.

Tiếp đó, cả hai nhóm tình báo Mỹ, "Deer" và "Cat", này dù xuống vùng núi ở Tuyên Quang đều phải công nhận rằng Việt Minh là tổ chức kháng chiến duy nhất chống Nhật hữu hiệu, có thể giúp Mỹ tại miền Bắc Đông Dương. Họ đều báo cáo là Huê Kỳ cần phải giúp Việt Minh hơn là giúp Pháp chống Nhật. Trung úy John⁽⁷⁾, tháng 5.1945, đã nhảy dù xuống chiến khu Việt Bắc, gần làng Kim Lung, đã từng sống và làm việc chung với ông Hồ trong suốt mấy tháng, và do ông Hồ yêu cầu, đã cố vận động với Bộ Chỉ Huy ở Côn Minh, Trung Hoa, cung cấp bản Tuyên Ngôn Độc Lập (1776) của Huê Kỳ, làm sườn cho bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Việt Nam, mà ông

(4) Suốt mùa Hè và Thu năm 1943, Cơ quan Tình báo OSS của Mỹ, qua đường lối ngoại giao và quân sự đã vận động Chính phủ Tưởng Giới Thạch trả tự do cho ông Hồ Chí Minh, bị giam từ ngày 28.8.1942. (Xem "Why Vietnam? Prelude To America's Albatross", của Archimedes L.A. Patti, trang 47-49, do University of California Press xuất bản năm 1980).

(5) Xem "Hồ Chí Minh tại Trung Quốc", từ trang 215 đến 231, do Trương Vĩnh Kính viết năm 1972, Thượng Nguyên dịch từ tiếng Trung Hoa, Nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1999 tại California, Huê Kỳ.

(6) Xem Chương "The Americans Discover Ho Chi Minh", trang 46, sách "Why Vietnam?" của A. Patti.

(7) Xem "The Lost Revolution" của Robert Shaplen, trang 28, 29, 30. Nhà xuất bản Harpet & Row, New York, Huê Kỳ.

Hồ Chí Minh đã đọc tại công trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 2.9.1945. John còn giúp chuyển về Côn Minh những bức điện văn ông Hồ gửi cho Liên Hiệp Quốc. Ông Hồ cũng đã gửi điện thư cho Tổng Thống Truman; nhưng đều không được Huê Kỳ phúc đáp. Rồi Việt Nam Cộng Sản cho là Mỹ không những đã không tôn trọng điều cam kết nơi Hiến Chương Đại Tây Dương, mình định rằng sau thế chiến hai là "thời đại giải phóng thuộc địa", mọi dân tộc bị trị đều được độc lập và tự do, mà lại còn **hỗ trợ Pháp** gây hấn nhằm tái chiếm Việt Nam và Đông Dương.

Sự thực không phải Mỹ thờ ơ với ý định tranh thủ Độc Lập của dân tộc Việt Nam, năm 1945 đã do Việt Minh lãnh đạo. Chung quy chỉ vì chính quyền Mỹ không tin ông Hồ quyết tranh đấu cho quyền lợi tối thượng của Việt Nam mà còn nhằm bành trướng chủ nghĩa cộng sản tại Đông Dương và Đông Nam Á, thi hành nhiệm vụ quốc tế do Liên Xô chỉ đạo. Mỹ nghi ông Hồ âm mưu tranh thủ viện trợ của Mỹ để sớm nhuộm đỏ toàn cõi Đông Dương và Đông Nam Á theo kế hoạch của Mạc Tú Khoa. Tại Hội Nghị Potsdam nhóm vào cuối tháng 7.1945, sau khi đối đầu với một Stalin tham lam, cuồng vọng không thua gì Hitler, quyết thách thức Huê Kỳ, quyết sát nhập trọn vẹn vùng Đông Âu vào khối Nga, khiến Tổng Thống Truman đã chán ngán, quyết bằng mọi giá phải ngăn chặn, không để cho "**phe cờ Đỏ**" ngự trị tại Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, nhất là tại Hà Nội và Sài Gòn, dù cho Mỹ buộc lòng phải tạm thời nhờ đến bàn tay De Gaulle của Pháp ⁽⁸⁾. Cái "cốt cách: XANH VỎ ĐỎ LÔNG" của ông Hồ Chí Minh và Việt Minh cộng sản, mong được "**Đồng Minh Huê Kỳ**" ủng hộ, nhưng lại quyết sử dụng cờ ĐỎ của quốc tế cộng sản làm nền cho Quốc Kỳ Việt Nam, do đó đã không tranh thủ được hậu thuẫn của Mỹ. Và cũng chỉ vì ông Hồ Chí Minh đã không giành được hậu thuẫn của Huê Kỳ mà Việt Nam đã phải kinh qua 3 trận chiến tranh khốc hại, làm tan hoang đất nước ! Năm 1945, nếu như ông Hồ Chí Minh quyết đặt quyền lợi đất nước và dân

tộc lên trên hết, cũng như đặt mục tiêu tối thượng của Việt Nam là độc lập và hòa bình mà thôi, để tranh thủ hậu thuẫn của Huê Kỳ, thì đương nhiên Quốc Kỳ Việt Nam không thể là Cờ Đỏ Sao Vàng (cộng sản) !

Sau nghìn năm đô hộ của Tàu, một trăm năm đô hộ của Tây, rồi Nhật, nhân Thế Chiến II, và trước một Vận Hội Mới đầy triển vọng hòa bình, độc lập và thống nhất đất nước, nhằm hội nhập Việt Nam vào cộng đồng nhân loại ... Tất cả đã bị phí phạm trong một chính sách sai lầm, không lấy dân tộc làm nền tảng.

Nay, 55 năm sau, bước sang thế kỷ 21, một lần nữa, trong cố gắng cứu vãn kinh tế và thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Cộng, Hà Nội đã phải ký kết bản Thương Ước Việt-Mỹ tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào ngày 13.7.2000. Trong hoàn cảnh bi đát của đất nước ta, việc Hà Nội phải ký hiệp thương với Mỹ là điều tối thiểu phải làm. Tuy nhiên, Việt Nam có tạo được **thế đứng vững vàng**, thiết yếu cho sự sống còn và vươn lên của dân tộc Việt, lại hoàn toàn tùy thuộc vào hai vấn đề căn bản:

1) Mục đích nhằm tới phải là **biến Việt Nam** từ một chiến trường đẫm máu trong quá khứ để trở thành **một thị trường thịnh vượng** trong tương lai gần.

2) Thiết lập được **những bước đi** tất yếu để tiến tới đích.

Hiện Tình Việt Nam và Đông Dương - Vào đầu thế kỷ 21, tình thế tại bán đảo Đông Dương chừng như đang rục rịch diễn lại lịch sử của thập niên 70 của thế kỷ vừa qua. Vào tháng Tư 1975, khi Mỹ chuẩn bị rút lui, Hà Nội vội xua quân chiếm trọn miền Nam, trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris 1973, ký chứa ráo mực về Hòa Bình Việt Nam. Bắc Kinh lại tích cực yểm trợ Pol Pot nhằm khiêu khích Hà Nội, loại ảnh hưởng Việt Nam ra khỏi Cao Miên. Trận chiến tranh ác liệt giữa 3 nước anh em Xã Hội Chủ Nghĩa bùng bùng nổ cuối năm 1978, khi Cộng Sản Việt Nam tấn công ở ạt Cao Miên đánh đuổi phe Khmer Đỏ thân Tàu chạy dài lên vùng biên giới Thái Lan. Đến tháng Hai 1979, Bắc Kinh lại xâm lăng miền Bắc Việt, gọi là "dạy Hà Nội một bài học", vì Việt Nam Cộng Sản vội rời quỹ đạo của Trung Hoa để bành trướng vùng ảnh hưởng cho Nga Xô.

Còn nay, trước cuộc viếng thăm của Tổng Thống Huê Kỳ, Bill Clinton, định vào ngày 16 tháng 11.2000, Chủ Tịch Trung Quốc, Giang Trạch Dân, trên đường đi dự hội nghị APEC tại Brunei và đồng thời hội kiến riêng với TT Clinton, lại ghé thăm Lào trong hai ngày 11 và 12, rồi qua thăm Cao Miên ngày 13 và 14. Cuộc viếng thăm của nhà lãnh đạo Trung Hoa tại Vạn Tượng và Nam Vang, chỉ vài ngày trước khi TT Huê Kỳ đến Hà Nội, ắt không phải là cuộc thăm viếng xã giao bình thường. Bắc Kinh muốn thế giới, mà trước hết là Việt Nam, hiểu rằng "**dầu cho chiến tranh Việt Nam và chiến tranh lạnh đã chấm dứt, nhưng không để gi Trung Quốc chịu để cho Huê Kỳ trọn quyền ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam và Đông Dương**". Không phải chỉ có TT Mỹ, Clinton, đi thăm Việt Nam mà thôi. Chủ Tịch Giang Trạch Dân cũng sẽ đến Hà Nội một ngày gần đây; rồi đến đầu năm 2001, TT Putin của Nga cũng sẽ qua Việt Nam. Cả ba cường quốc Huê Kỳ, Trung Hoa và Nga, lại một lần nữa, như trong thời chiến tranh Việt Nam đợt Hai (1959-1975), tranh nhau gây ảnh hưởng trên một nước Việt Nam nhỏ bé ! Lại còn vấn đề chủ quyền tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vẫn còn đang tranh chấp, vì trữ lượng dầu tại Biển Đông còn dồi dào hơn các mỏ dầu ở Trung Đông. Nay Trung Quốc và Huê Kỳ, và có thể Nga nữa (vì Nga có Hạm Đội tại Cam Ranh nhìn thẳng ra Biển Đông), lại đang ngấm ngấm đối đầu nhau tại địa bàn Đông Dương mà Việt Nam là thành phần cốt lõi của ba nước Việt-Miên-Lào. Do đó, Đông Dương sẽ có hòa bình hay chiến tranh, là **tùy ở thế đứng chính trị của Việt Nam** trên bàn cờ Đông Nam Á.

Tại sao vậy ? - Vì Việt Nam nằm trên trục giao thông huyết mạch từ Thái Bình Dương qua Ấn Độ Dương, luôn chiếm giữ một vị thế *địa dư - chính trị* độc đáo trên bàn cờ thế giới mà các cường quốc đều muốn giành độc quyền sử dụng. Lại sát nách với một nước Trung Hoa khổng lồ, hung hãn và bá quyền, Việt Nam đã không ngừng, trong suốt bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, đấu tranh gian khổ chống xâm lăng, cố bảo toàn những tính dân tộc.

Trong quá trình lịch sử, Việt Nam cũng đã phải bao phen **đón độc** đóng

⁽⁸⁾ Từ 1945 đến 1954, trong cuộc "Chiến Tranh VN" (đợt đầu), Mỹ đã chi viện cho Pháp hơn \$2.5 Tỷ đô-la, cao hơn số tiền viện trợ của Mỹ nhằm phục hồi kinh tế cho cả nước Pháp trong Chương Trình Marshall. Xem Vietnam, A History ... do Stanley Karnow, trang 137.

vai trò tiền đồn ngăn chặn Trung Hoa tràn xuống Đông Nam Châu Á. Nhưng kể từ thời Đệ Nhị Thế Chiến, rất may cho Việt Nam là Huê Kỳ lại rất quan tâm đến Việt Nam và Đông Dương. Huê Kỳ, với Tổng Thống đương thời là Franklin D. Roosevelt đã chủ trương Quốc Tế Hóa cùng Trung Lập Hóa Việt Nam và Đông Dương, yêu sách Nhật Bản rút quân khỏi Việt Nam nhằm tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh tại Đông Nam Á và Thái Bình Dương, đồng thời giải phóng luôn ba nước Việt, Miên, Lào khỏi nền cai trị của Pháp và Nhật. Nay, ở vào thời đại toàn cầu hóa, Huê Kỳ đương nhiên đã trở thành một **đối lực thiết yếu cho sự sinh tồn của Việt Nam và Đông Dương** trước áp lực bành trướng của Trung Quốc.

Sau ngày Nhật Bản đầu hàng Huê Kỳ, kết thúc Thế Chiến thứ II, nếu như Việt Nam quyết noi theo truyền thống tự chủ, hiếu hòa, sáng suốt và thực tiễn của dân tộc Việt, nếu biết khai thác đúng mức tinh thần bản Hiến Chương Đại Tây Dương, nếu biết đứng ngoài cuộc tranh chấp ý thức hệ giữa Nga, Hoa và Huê Kỳ, nếu không đại **dội dựng "cờ Đỏ cộng sản quốc tế"** làm quốc kỳ, làm con chốt thí, trực tiếp đứng đầu thách thức chống Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh, thì Việt Nam cũng như Đông Dương đã mau chóng thu hồi Độc Lập và Thống Nhất xứ sở, đã đoàn kết tiến lên xây dựng lại đất nước trong **hòa bình an lạc**, trong sự giao hảo và hợp tác tích cực về chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, kinh tế, kỹ nghệ, khoa học... với mọi quốc gia trên thế giới.

Oan uổng thay, Việt Nam đã phạm trên 30 năm cho chiến tranh tàn phá xứ sở, đã phải hy sinh vô lối trên 10 triệu người con dân nước Việt ! Và chỉ vì "nghĩa vụ quốc tế", vì "sợ môi hồ rãng lạnh", Việt Nam đã phải hy sinh xương máu để bảo vệ biên thùỵ mạn Nam cho Trung Quốc ! Để rồi, Việt Nam lại phải gánh nợ của Nga, Hoa đã cung cấp cho cuộc nội chiến, mệnh danh chống "Mỹ-Ngụy", mà đến nay Hà Nội củ phải trả mãi mà vẫn chưa hết nợ !

Nay, tuy cuộc chiến tranh Việt Nam và cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt, nhưng căn cơ và đầu mối gây nên sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam, **mà mục đích tối hậu là ngăn chặn làn sóng cộng sản cùng chủ nghĩa bành trướng và bá quyền của Trung Quốc**, lại vẫn còn y nguyên như cũ. Và thùng thuốc súng âm ỉ tại Việt

Nam và Đông Dương, từng là đầu mối gây nên ba trận chiến khốc liệt trong bán phần cuối của thế kỷ 20 (**mà trận chốt là cuộc tấn công xâm lăng của Trung Quốc, đầu năm 1979, vào lãnh thổ Việt Nam**) vẫn chưa dập tắt, lại vẫn còn có cơ nguy bùng nổ trở lại bất cứ lúc nào ! Hơn nữa, người dân Việt vẫn bị bạo quyền cộng sản Hà Nội tiếp tục đàn áp, gây chia rẽ, gây cảnh thù trong giặc ngoài, trong một xã hội rối loạn, băng hoại, kinh tế tụt hậu, chính trị chuyên quyền, độc ác, tham nhũng, thối nát, độc tài độc đoán, khiến cuộc sống của toàn dân và sự sống còn của đất nước Việt Nam bị đe dọa trầm trọng.

NHỮNG BƯỚC ĐI TỎI CỦA VIỆT NAM

Hiện tình thảm thương, đen tối tại quê hương xứ sở đòi hỏi cấp bách một cuộc đổi mới tư duy và thay đổi chính sách, nhằm phát động một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên hai mặt đối nội và đối ngoại, để toàn dân đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam thịnh vượng, ổn định xã hội, và hòa bình thân thiện với các nước lân bang.

Mục tiêu chiến lược của cuộc cách mạng Việt Nam là tích cực dự phần phát triển kinh tế thị trường toàn cầu, xây dựng, củng cố Hòa Bình khu vực và hòa bình thế giới. Việt Nam phải vừa là môi trường hòa hợp giữa ảnh hưởng của mọi nước trên thế giới quan tâm đến Việt Nam và Đông Dương, lại vừa là nơi tưởng ngộ Đông Tây trong tinh thần phát triển ý niệm "toàn cầu" mới của nhân loại.

• **Đối nội** - Việt Nam phải xây dựng một XÃ HỘI PHÁP TRỊ, một nền KINH TẾ THỊ TRƯỜNG và một nền CHÍNH TRỊ DẪN CHỦ TỰ DO. Ba yếu tố đó là căn bản không thể thiếu được cho một xã hội ổn định và phát triển. Có được như vậy, Việt Nam mới tạo được sự kính nể và sự hợp tác tích cực của thế giới, mới thu hút được vốn đầu tư của nước ngoài để phát triển kinh tế, kỹ nghệ, khoa học, giáo dục, huấn nghệ, v.v... nhằm giải quyết tình trạng thất nghiệp, xã hội rối loạn, kinh tế tụt hậu, éo ẹp của Việt Nam. Và toàn dân Việt, trong và ngoài nước, mới nhìn thấy nơi guồng máy chính quyền tính trong sáng, nền công lý và tình dân tộc, mới tin tưởng ở tương lai đầy thực chất, mới phấn chí đoàn kết, tận lực phục vụ tạo

dựng một xã hội công bình, an lạc, ấm no, tân tiến và hạnh phúc trong một nước Việt Nam thanh bình, thịnh trị, phú cường.

• **Đối ngoại** - Việt Nam phải đạt cho bằng được một QUY ƯỚC QUỐC TẾ có cả Trung Quốc, Huê Kỳ, các cường quốc khác và các Tổ Chức chính trị cấp quốc gia như khối ASIAN và Liên Hiệp Quốc đồng ký kết, đảm bảo hòa bình, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ cho Việt Nam và Đông Dương trong thế đứng Trái Độn và Trung Lập. Quy Ước Quốc Tế cho Việt Nam và Đông Dương chính là cái "KHIÊN" chính trị tối ư cần thiết, nhằm vào ba mục tiêu quốc phòng khẩn yếu:

1)- Giải tỏa mọi áp lực chiến tranh (*nhử đã từng xảy ra trong quá khứ*) do các cường quốc gây nên để giành độc quyền trên vị thế địa dư, kinh tế, chính trị, quân sự vô cùng lợi hại của Việt Nam và Đông Dương và để gián tiếp ảnh hưởng đến cuộc điện Đông Nam Á, Biển Đông và Thái Bình Dương.

2)- Ngăn chặn sự va chạm quân sự trực tiếp giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Huê Kỳ, ngay trên lãnh thổ, lãnh hải và không phận Việt Nam. Việt Nam nhất quyết không đảm nhận vai trò tiền đồn, trận địa, căn cứ hay hậu cứ, hay liên kết chiến lược quân sự và chính trị với bất cứ cường quốc nào.

3)- Tạo dựng một thế đứng quân bình vững mạnh giúp Việt Nam và Đông Dương bung ra khỏi vùng cường tỏa của mọi cường quốc để được thành thời mà tiến bước đi lên trong Hòa Bình, đuổi kịp trào lưu tân tiến trên thế giới, đáp ứng thỏa đáng khát vọng hòa bình, an lạc, tự do, dân chủ và hợp tác thân thiện giữa ba dân tộc Việt-Miên-Lào.

Tóm lại, **Những Bước Đi Tỏi của Việt Nam** phải là những bước đi vững mạnh, có ý thức và tầm cỡ, nhằm kiến tạo và củng cố Hòa Bình tại Đông Dương và Đông Nam Á. Việt Nam ngày nay **không thể tiếp tục lẩn theo lối củ đường mòn, hay lập lại trò đi dây bấp bênh, của mấy mươi năm trước, do ông Hồ vạch ra, chỉ đưa tôi mâu thuẫn, hận thù, chia rẽ và chiến tranh !**

Năm 1947, khi báo chí đánh điện phòng vấn ông Hồ nghĩ sao về ý đồ của Huê Kỳ tại Á Châu, ông Hồ trả lời rằng: "*Mỹ muốn bành trướng guồng*

trình Marshall hóa trên toàn thế giới. Còn Nga Xô chủ trương chống kế hoạch Marshall của Mỹ" ⁽⁹⁾. (Thực tế mà xét, kế hoạch Marshall đã tích cực cứu đói, giảm nghèo, giúp các nước Tây Âu xây dựng lại xã hội và nền kinh tế hoàn toàn suy sụp sau thế chiến hai. Nếu Mỹ không bày ra Chương Trình Marshall thì trong tình trạng nghèo đói và khốn cùng sau chiến tranh, Đảng Cộng Sản tại mọi nước ở Tây Âu sẽ giành được ưu thế để phát động phong trào đấu tranh chiếm đoạt và thiết lập chính quyền cộng sản độc tài, giúp Nga Xô bành trướng thế lực khắp Âu Châu). Âu cũng vì sợ Mỹ sẽ trực tiếp tạo một miền Nam Việt Nam ấm no, giàu mạnh sau Hiệp Định Genève 1954, trong khi miền Bắc thì bần cùng, đói khổ và lạc hậu, nên tuân theo chính sách chống kế hoạch Marshall hóa của Mỹ, ông Hồ đã phát động cuộc nội chiến cốt nhục tương tàn trong Nam, để chỉ cốt ngăn chặn Huê Kỳ xây dựng ấm no và thịnh vượng tại Miền Nam Việt Nam.

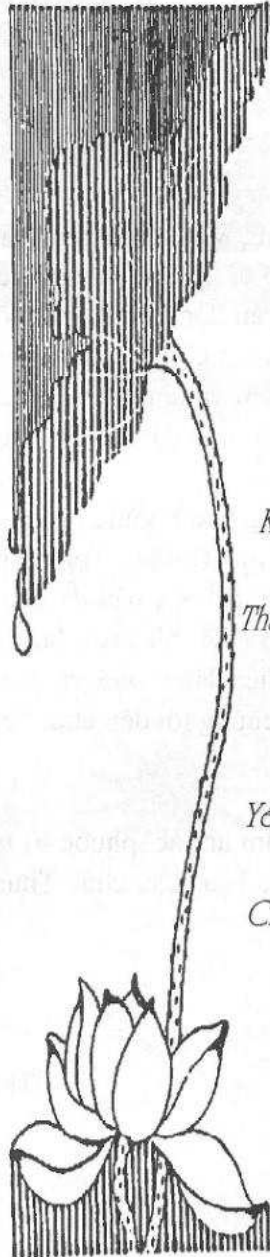
Nay ở vào thời đại tin học, nền kinh tế thế giới đã được toàn cầu hưởng, thì việc Hà Nội chủ trương ký kết Thương Ước với Mỹ để "Xây Dựng Kinh Tế Thị Trường Theo Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa" là hoàn toàn nghịch lý và sai trái. Kết quả rồi sẽ không khác gì hậu quả tang thương, bi đát do việc dựng Đảng Kỳ Cộng Sản làm Quốc Kỳ Việt Nam năm 1945.

Xưa nay Việt Nam Cộng Sản luôn dựa vào lực lượng Công An, Cảnh Sát, Bộ Đội, vào "Âm Binh" để củng cố chế độ toàn trị, bắt chấp hậu quả cực kỳ tai hại dồn dập nhận chìm đất nước. Còn nay, nếu Hà Nội vẫn củi cố bám vào cái "định hướng xã hội chủ nghĩa" lỗi thời, tai quái ấy, nếu không sớm thức tỉnh, lo đổi mỗi tư duy, dân chủ hóa chế độ, cởi trói đất nước, cởi trói toàn dân, kiến tạo hòa bình, xây dựng kinh tế thị trường, cho dân giàu nước mạnh, thì trước áp lực của thời cuộc chuyển biến không ngừng..., chắc gì âm binh của chế độ lại không tranh nhau lập công đầu, vật mấy trụ phù thủy ác ôn tại Hà Nội, Sài Gòn v.v..., làm y như cảnh "Âm binh vật Phù Thủy tại Rumania, tại Serbia..." mà cả thế giới và toàn dân Việt đã chứng kiến ?

Quý Thu Canh Thìn (Nov. 2000)

⁽⁹⁾ Xem "The lost revolution", trang 52, của Robert Shaplen.

Bến bờ nào chia



*Phải chăng linh được là thơ
Lẳng tan trần mộng đến bờ giác hoa
Chuông ngân thanh thoát gần xa
Nghe thiền nào dứt an hòa tâm vui
Thơ như linh được đất trời
Đất hồn êm ả thanh thoi về nguồn
Kính như ánh sáng tâm hồn
Sáng soi nhân thế tạo nguồn sống vui
Là niềm hạnh phúc tuyệt vời
Là lời vô thí mây trời thật xanh
Xanh như ý niệm trong lành
Kết hương giải thoát tịnh thanh gió trời
Cho ta có nụ cười tươi
Thấy trời vẫn đẹp, thấy người dễ thương
Lòng ươm hoa giải thoát hương
Trên cao Từ Dụ như đường mím cười
Hài lòng vì các con Ngài
Yêu Hoa Giải Thoát như Ngài thường yêu
Cho vườn đời sắc mỹ miều
Cho lòng mở rộng thương yêu muôn loài
Cho thơ vẽ áo Như Lai
Cho người hòa ái nụ cười Bốn Đu
Cho lòng lắng tịnh chân như
Ta Bà, Tịnh Độ bến bờ nào chia
Hương Giải Thoát, Hoa Từ Bi
Mùa xuân Di Lạc, sân si xa rồi
Thanh thanh từng sắc hoa đời
Nắng trời Tịnh Độ sáng tươi trong lòng
Thuyền trăng cập bến hư không
Có Hoa Vô Úy nở hồng sớm nay.*

Tuệ Nga

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

BAN TỪ THIỆN XÃ HỘI - VIỆN HÓA ĐẠO

VP. Chùa Liên Trì 153 Lương Định Của, P. An Khánh, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

PL.2544, ngày 15 tháng 11 năm 2000

Kính gởi: **Thượng Tọa Thích Như Điển**
Tổng Thư Ký GHPGVNTNHN tại Âu Châu
Tọa chủ Chùa Viên Giác - Đức Quốc.

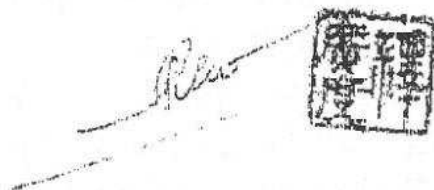
Kính bạch Thượng Tọa,

Thừa lệnh Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo và thay mặt Ban Từ Thiện Xã Hội Viện Hóa Đạo hiện đang đàm đương việc cứu trợ đồng bào lâm nạn lũ lụt tại Đồng bằng sông Cửu Long, xin chân thành tri ân Thượng Tọa đã hết lòng vận động Phật giáo đồ và đồng bào ở Đức Quốc yểm trợ tịnh tài để chúng tôi có thêm phương tiện thi hành công tác cứu trợ cấp thiết cho đồng bào lâm nạn. Nếu không có sự hậu thuẫn tài chính này, thì ý chí và tâm nguyện cứu khổ của chúng tôi nơi quê nhà có tha thiết đến thế nào cũng không biết lấy phương tiện đâu để thực hiện.

Trong hoàn cảnh thống khổ của đồng bào ở vùng lũ lụt hiện nay, số tiền **63.800.000 ĐVN** (sáu mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn) mà Thượng Tọa đã gởi về là món quà vừa vô giá vừa biểu hiện cho chúng tôi trong công cuộc cứu trợ. Số tiền này đã đến từ những tấm lòng nhân hậu, tuy sống xa quê hương nhưng vẫn gần gũi đồng bào ruột thịt đang lâm cảnh màn trời chiếu nước, đói rét ngày đêm. Thay mặt Ban Từ Thiện Xã Hội Viện Hóa Đạo và gia đình những người lâm nạn, kính xin Thượng Tọa hoan hỷ chuyển lời tri ân của chúng tôi đến chư Tăng, Ni, Phật tử và quý Ân nhân đã đóng góp tịnh tài cứu trợ.

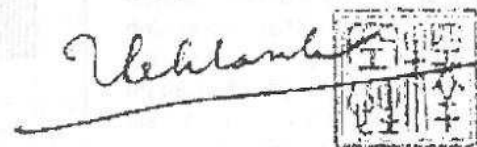
Nguyện cầu chư vị Ân nhân thân tâm an lạc, phúc trí trang nghiêm, quả lành viên mãn. Chân thành cảm tạ công đức vô biên của Thượng Tọa. Cầu chúc Thượng Tọa pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ.

Chứng minh
Viện trưởng VHĐ



Sa môn Thích Quảng Độ

Kính thư
TM. Ban Từ Thiện Xã Hội VHĐ



Tỳ khưu Thích Không Tánh
(Trưởng Ban)



Cha ông ta có công khai đất lập dân, khắc triện Đồng trống Lũ
Con cháu chắt mình nối tiếp theo nhau, gìn giữ vẻ đẹp Quê Hương

Thượng Tọa Thích Như Điển

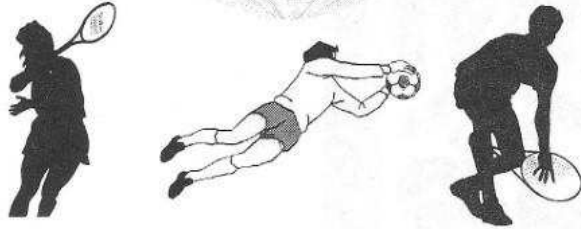
釋如典 尚座

Sư Haynh Hà Dầu Dòng

師兄荷極想

● Người Giám Biên

thể thao



Tạm vắng mặt ở cầu trường hơn một năm vì bận lo theo dõi tin tức thể giới và nhất là ở phần đất Xã Hội Chủ Nghĩa còn sót lại của thế kỷ. Hôm nay nhìn lịch thấy gần hết năm đầu của kỷ nguyên 21, Người Giám Biên trở lại trong số báo Xuân Tân Ty để cống hiến quý vị ghiền thể thao nhất là hai môn bóng tròn, quần vợt và Thể Vận Hội mùa hè tại Úc một vài tin tức đọc đỡ buồn trong 3 ngày Tết xa quê hương.

● BÓNG TRÒN

Giải Vô Địch Thế Giới 2002

Được tổ chức tại Nhật Bản và Đại Hàn. Vòng chung kết gồm có 32 đội của 4 Châu, được phân chia như sau:

Châu Âu : 14 đội

Gồm có 50 quốc gia. Sau khi bốc thăm các đội của các nước được nằm trong 9 Toán sau đây:

Toán 1

1. Jugoslawien
2. Russland
3. Slowenien
4. Färöer-Insel
5. Schweiz
6. Luxemburg

Toán 2

1. Portugal
2. Zypern
3. Estland
4. Rep.Irland
5. Holland
6. Andora

Toán 3

1. Đanemark
2. Nordirland
3. Tschechien
4. Island
5. Bulgarien
6. Malta

Toán 4

1. Turkei
2. Slowakei
3. Schweden
4. Aiserbaidschen
5. Mazedonien
6. Moldawien

Toán 5

1. Polen
2. Weißrussland
3. Norwegen
4. Armenien
5. Wales
6. Ukraine

Toán 6

1. Schottland
2. Belgien
3. Kroatien
4. San Marino
5. Lettland

Toán 7

1. Israel
2. Spanien
3. Bosnien
4. Bosnien-Herzegowina
5. Liechtenstein

Toán 8

1. Rumänien
2. Ungarn
3. Italien
4. Georgien
5. Litauen

Toán 9

1. Deutschland
2. Finnland
3. England
4. Albanien
5. Griechenland

Thể thức đấu

Đội Pháp đương kim vô địch, miễn đấu vòng loại. Còn lại 13 đội tranh như sau:

a/- Các đội của mỗi Toán phải gặp nhau lượt đi và lượt về. Chín (9) đội đứng đầu Toán sẽ được vào vòng chung kết.

b/- Tám (8) đội đứng hạng nhì có điểm cao sẽ bốc thăm để chia thành 4 cặp. Bốn (4) cặp này sẽ đá lượt đi và lượt về. Bốn (4) đội thắng cũng sẽ được vào vòng chung kết.

c/- Còn lại đội đứng hạng nhì có số điểm thấp nhất, sẽ phải đá với một đội ở Á Châu. Nếu thắng thi cũng sẽ được vào luôn vòng chung kết.

Đội tuyển Đức

Sau giải vô địch thế giới năm 1998 tại Pháp và giải vô địch Âu Châu tại Bi-Hòa Lan năm 2000, đội tuyển Đức đã bị khủng hoảng trầm trọng. Hai Huấn Luyện Viên (HLV) đã ra đi không trống không kèn.

Tổng Cục Túc Cầu Đức sau mấy lần hội họp thảo luận đã đi đến quyết định đề cử anh Rudi Völler, cựu cầu thủ quốc gia, hiện là Giám Đốc Thể Thao (Sport Direktor) cho đội Leverkusen làm Đội Trưởng (Team Chef, vì anh chưa có bằng HLV) cho đội tuyển quốc gia đến hết ngày 31.5.2001. Kể từ 01.6.2001 ngày HLV Christoph Daum hết giao kèo với đội Leverkusen, sẽ về thay thế Rudi Völler làm HLV chính thức cho đội tuyển quốc gia. Từ ngày Völler làm Đội Trưởng, anh kéo theo cựu HLV của đội Dortmund, anh Skibbe, về làm phụ tá. Cặp bài trùng này đang xây dựng lại một đội ngũ mới, tạo một không khí mới cho đội tuyển Đức đã và đang lấy lại phong độ, được sự ủng hộ của hầu hết khán giả. Ra quân 3 lần, thắng 3 lần.

1/- Đức - Spanien 3 : 1 (đá giao hữu)

2/- Đức - Griechenland (Hy Lạp) 2 : 0 (vòng loại giải vô địch thế giới).

3/- England - Đức 0 : 1 (vòng loại giải vô địch thế giới).

Hiện giờ trong Toán 9, Đức đang dẫn đầu bảng với 2 trận thắng được 6 điểm. Còn Anh đứng chót bảng với 1 trận thua và 1 trận hòa, chỉ có 1 điểm. Đội Anh, ông Tổ môn bóng tròn lạng quạng không được vào vòng chung kết thi mất mặt lắm đó! Hiện đội Anh đang bị khủng hoảng HLV, vì sau trận thua Đức 0:1, HLV Keegan đã từ chức.

Xi-căn-đan

Vi sự thành công của Rudi Völler nên mới xảy ra một xi-căn-đan trong làng bóng đá của Đức. Câu chuyện bắt đầu từ anh Uli Hoeneß, quản lý đội Bayern München. Không biết giữa anh và Christoph Daum có mối bất hòa gì không mà bất thần anh tuyên bố cho báo chí biết là C. Daum không xứng đáng làm HLV đội tuyển quốc gia Đức vì Daum hay chơi bởi, đi điểm, xi-ke ma-túy v.v... ! Mặc dầu trước đó mấy tuần anh là một trong những người đề nghị Daum trong chức vụ này.

Tin động trời này làm bàng hoàng, sững sốt Ban Chấp Hành Tổng Cuộc Bóng Tròn Đức, gây ra một sự tranh cãi sôi nổi giữa hai phe Daum và Honeß.

Daum yêu cầu Hoeneß đưa ra bằng chứng, nếu không anh sẽ thưa Hoeneß ra Tòa về tội vu khống, xúc phạm danh dự, gây tổn thương và khủng hoảng về tinh thần trong gia đình.

Trong một cuộc họp báo, Hoeneß nói là anh căn cứ vào một tờ báo địa phương viết về đời sống của Daum chò thật ra anh không nhìn thấy tận mắt ! Anh rất tiếc là đã vô tình lặp lại lời của báo chí viết. Nhưng anh không có xin lỗi Daum. Tuy nhiên người ngoài cuộc vẫn *bán tín bán nghi*.

Thành ngữ Việt Nam có câu: *Không có lửa, sao có khói!* Vậy để rõ trắng đen, báo chí cũng như dân chúng yêu cầu Daum nên đi thử nghiệm để chứng minh rằng mình trong sạch, có cơ để đưa Heoneß ra Tòa. Mỗi đầu thi Daum từ chối, nhưng vì sức ép của quần chúng, nên Daum bằng lòng cho cắt tóc để thử nghiệm. Sau hai tuần lễ có kết quả là Âm Tính (Positiv). Hết chối cãi ! Lần đầu tiên trong lịch sử bóng tròn Đức, một HLV của một đội cầu hạng A dùng xi-ke ma-túy. Sau khi biết được kết quả, Daum bay qua Mỹ tạm sống ẩn dật tại Villa của một người bạn ở Naples (Florida).

Còn tại Đức thì Biện Lý Cuộc ở Köln, bà Regine Appenrodt, đã truy tố Daum về tội: "Sử dụng ma-túy vi phạm luật pháp về việc

tồn trữ bất hợp pháp ma-túy". Cho khám xét nhà và tịch thu một số tài liệu.

Được biết trong mùa bóng năm vừa qua (1999) đội Leverkusen do Daum lèo lái đã đứng hạng nhì sau khi thua trận đấu cuối cùng với Unterhaching (0:2). Sự việc xảy ra quá đột ngột, làm cho làng bóng tròn Đức mất đi một HLV giỏi; đội Bayern München mất đi một đối thủ đáng ngại và kể từ nay, con đường đi đến chức vô địch đang mở rộng thênh thang cho đội cầu Bayern mà Uli Hoeneß lại là quản lý!

● QUẦN VỢT

Nữ :Trong làng banh nì chưa thấy xuất hiện cây vợt trẻ nữ nào có tầm vóc để thay thế đàn chị. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ những cây vợt lão làng làm mưa làm gió như Hingis, Davenport, hai chị em nhà Williams v.v...

Trong Thế vận Hội Mùa Hè tại Sydney vừa qua, cô Venus Williams đoạt huy chương vàng về đón nữ. Ngoài ra cô đứng chung với em là Serena Williams đoạt luôn huy chương vàng về đôi nữ. Thành tích này từ trước đến nay chưa có ai làm được.

Nam : Mỗi xuất hiện hai tay vợt trẻ nhiều triển vọng như Marat Safin (19 tuổi - Nga) và Lieyton Hewitt (17 tuổi - Úc).

Tại Thế Vận Hội Sydney, anh Kafelnikow (Nga) đoạt huy chương vàng sau khi hạ anh Haas (Đức) trong 5 ván kéo dài trên 3 tiếng đồng hồ (7:6 (7:4), 3:6, 6:2, 4:6, 6:3). Còn cặp Larean/Nestor (Canada) hạ cặp Woodbrige/ Woodforde (Úc) với tỷ số 5:7, 6:3, 6:4, 7:6 (7:2) đoạt huy chương vàng.

Còn Đức, sau khi Boris Becker và Michael Stich giải nghệ không thấy cây vợt nào khá, ngoài anh Nikilas Kiefer (hạng 16) và Thomas Haas (hạng 19).

Riêng anh André Agassi, vì lo buồn về bệnh tình ngặt nghèo (ung thư) của mẹ và chị ruột nên tài nghệ, tinh thần lẫn vật chất sa sút trầm trọng. Nhờ có cô Graf Steffi bên cạnh an ủi, động viên tinh thần nên anh mới có đủ nghị lực cầm vợt ra sân tuy không thắng được giải nào nhưng cũng nói lên được sự phấn đấu không ngừng của anh. Hy vọng rằng bệnh của mẹ và chị anh sẽ được chữa lành để anh có đủ thời giờ tập luyện hầu cống hiến cho quý khán giả những đường banh giao trả ngoạn mục.

MƯỜI TAY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI
(có giá trị đến 02.10.2000)

Nữ

1. Martina Hingis (Thụy Sĩ)
2. Lindsay Davenport (Mỹ)
3. Venus Williams (Mỹ)
4. Monica Seeles (Mỹ)
5. Conchita Martinez (Tây Ban Nha)
6. Mary Pierce (Pháp)
7. Serena Williams (Mỹ)
8. Nathalie Tauziat (Pháp)
9. Arantxa Sanchez (Tây Ban Nha)
10. Sandrine Testud (Pháp)
-
15. Anke Huber (Đức)

Nam

1. Gustavo Kuerten (Ba Tây)
2. Marat Safin (Nga)
3. Pete Sampras (Mỹ)
4. Magnus Norman (Thụy Điển)
5. Jewgeni Kafelnikow (Nga)
6. Lieyton Hewitt (Úc)
7. Alex Corretja (Tây Ban Nha)
8. André Agassi (Mỹ)
9. Thomas Enquist (Thụy Điển)
10. Tim Henman (Anh)
-
16. Nikolas Kiefer (Đức)
19. Thomas Haas (Đức)

● THẾ VẬN HỘI MÙA HÈ NĂM 2000



Ngày 23.9.1993, ông Juan Antonio Samaranch, Chủ tịch Ủy Ban Thế vận Hội, chính thức tuyên bố thành phố Sydney của Úc đã được

hội đồng cử xét và chấp thuận là nơi tổ chức Thế vận Hội Mùa Hè năm 2000, từ 15.9 đến 01.10.2000. Vì Sydney là thành phố lý tưởng, thanh bình và an ninh hơn những thành phố khác cùng nộp đơn xin tổ chức như Bắc Kinh (Trung Cộng), Berlin (Đức), Manchester (Anh), Milan (Ý) và Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ).

Đây là lần thứ hai, Úc Châu được danh dự tổ chức Thế vận Hội. Lần thứ nhất, tổ chức năm 1956 tại Melbourne thủ phủ của tiểu bang Victoria, nằm trên con sông Yarra.

Khởi đầu, Úc Châu chỉ là một miền đất lúu đầy những tù nhân hình sự nguy hiểm của Anh. Trên lãnh thổ rộng mênh mông này vẫn có người trú ngụ lâu đời, đó là thổ dân Aborigin. Theo truyền thuyết thì họ xuất xứ từ lục địa Á Châu tối, khi Á Châu và Âu Châu còn dính liền nhau khoảng vài triệu năm về trước.

Châu Úc được khai phá cách đây hai thế kỷ khi người Anh ông Arthur Phillip chỉ huy một hạm đội, trên có 1530 người Âu mà phân nửa là tù nhân Anh, đến bỏ neo tại một vùng biển, ngày nay là hải cảng số 1 của nước Úc : Sydney.

Từ khi phát hiện có mỏ vàng và hồng ngọc, dân tử xử rú nhau đến Úc, sinh có lập nghiệp, khiến cho nền văn hóa Úc đa dạng, đa quốc gia. Bắt nguồn từ sự di dân ò ạt này, đã xâm chiếm đất đai của thổ dân Aborigin và ngày lại ngày qua đây họ đến những vùng đất khô cằn không màu mỡ, họ phải sống nghèo nàn trong góc núi, hang cùng ! Trong nhiều thập niên qua, họ đứng lên đòi chính quyền Úc phải trả lại đất đai và bồi thường cho họ v.v... Họ dọa là trong những ngày tổ chức Thế Vận Hội, họ sẽ kéo nhau đến Sydney để biểu tình. Việc này chẳng những làm cho Ban Tổ Chức Thế Vận Hội bối rối, đã xâm chiếm quyền Úc cũng lo lắng quên ăn mất ngủ. Cuối cùng để thực hiện chính sách hòa đồng sắc tộc mà cũng để xoa dịu thổ dân Aborigin, Ban Tổ Chức đã mời vị Thủ Lãnh và thổ dân tham dự lễ khai mạc và nhất là dành một danh dự tuyệt đối cho cô Cathy Freemann gốc Aborigin châm ngọn lửa thiêng Thế Vận Hội năm 2000, thấp sáng niềm tin, nối vòng tay lớn.

• SYDNEY: ĐIỂM HẸN NĂM 2000

Trong 7 năm dài, sau ngày được tuyển chọn tổ chức Thế Vận Hội Mùa Hè năm 2000 của đầu thế kỷ 21, chính phủ Úc đã huy động mọi tiềm lực quốc gia từ tiền bạc đến công sức để xây dựng một làng Olympic có khả năng chứa 20.000 lực sĩ nam nữ của 199 quốc gia tham dự sống chung với đầy đủ an ninh, tiện nghi vật chất công cộng để di chuyển từ làng tới các vận động trường (VĐT).

Một đại lộ mang tên Olympic, nối từ làng thế vận đến VĐT, có chiều ngang 60 m, mất khoảng 30 phút di chuyển bằng bất cứ phương tiện nào chạy qua công viên Olympic nằm kế vịnh Homebush, cách trung tâm thành phố Sydney 14 km về hướng Tây. Một bãi đậu xe công cộng có sức chứa 20 ngàn chiếc kế làng thế vận để khán giả gửi xe và dùng các phương tiện công cộng tới VĐT. Ngoài ra còn có các tàu tại các bến phà để chuyên chở mọi người tới làng thế vận.

Vận động trường Sydney nằm trong công viên Olympic là nơi để các lực sĩ của 199 quốc gia thi đấu 27 bộ môn điền kinh, trong đó có hai môn thể thao mới là: Taekwondo và Triathlon (phối hợp 3 môn là bơi lội 1,5 km - chạy xe đạp 40 km và chạy bộ 10 km cho cả nam cũng như nữ lực sĩ).

Với môn bơi lội thi đấu tại Sydney International Aquatic Center (Trung tâm thể thao quốc tế dưới nước), nơi này có thể chứa 12 ngàn khán giả. Còn cuộc đua Marathon 42,2 km xuất phát từ phía Bắc thành phố qua Harbour Bridge, qua khu phố cổ Rocks, Vườn bách thảo Hoàng gia và điểm cuối cùng là VĐT Olympic.

Tháng 2.1995, Ủy Ban Thế Vận Hội đã quyết định cho Đài số 7 của truyền hình Úc được trực tiếp phát hình trong suốt thời gian thế vận. Đài này đã trả cho Ban Tổ Chức 45 triệu Mỹ kim. Theo dự kiến của Ban Tổ Chức, có khoảng 1,3 triệu du khách đến xem và ngân sách nước Úc cũng như tiểu bang New South Wales mà Sydney là thủ đô thu hằng tỷ Mỹ kim, đồng thời tạo thêm công việc cho hơn 150 ngàn người. Lỡ như vậy nên nước nào cũng muốn đứng ra tổ chức.

● LỄ KHAI MẠC

"**Thế Vận Hội và Giấc Mơ**" là đề tài của đêm khai mạc.

Thế Vận Hội lần thứ 27, một kỷ nguyên mới, những cuộc tranh tài mới... với những thành tích mới... xuất phát từ Sydney, điểm hẹn năm 2000. Đó là lời tuyên bố của vị Thủ Hiến Sir William Deane trước 10.600 vận động viên đại diện 199 quốc gia của 5 lục địa, 116 ngàn khán giả tại vận động trường và trên 3 tỷ người khắp hoàn vũ đang theo dõi trên màn ảnh truyền hình.

Lễ khai mạc kéo dài trên 4 tiếng đồng hồ, đầy thơ mộng, màu sắc, hình ảnh v.v... và v.v... Cảnh một cô bé tên Nikki Webster (13 tuổi), mặc áo ngắn tay, xõa tóc, sau lưng có cột một sợi dây lụa nối liền với trần của VĐT để kéo bé lên hoặc thả xuống khi trình diễn. Lúc cô bé cùng hát với những thổ dân bài ca Thế Vận Hội, làm hàng triệu người xem đều cảm động... Rồi trong giấc mơ bé kể cho khán giả biết về nước Úc từ thuở xa xưa, chỉ có người thổ dân cư ngụ. Khán giả nhìn thấy cảnh biển nước, sóng ngói, cá, hải sản thật phong phú của nước Úc. Cô bé tung tăng bơi lội cùng nhiều đàn cá, bạch tuộc v.v... Rồi cô trôi lên nhìn thấy cách sinh hoạt, tụ tập của thổ dân. Cô đi theo họ và say mê theo dõi các sinh hoạt của họ. Hình ảnh và màu sắc của cả hội trường chuyển từ màu xanh của biển cả sang màu đỏ của đất sét, tượng trưng cho cảnh sa mạc. Các thổ dân đang làm nghi thức hun khói, biểu tượng cho việc tẩy sạch. Các sắc dân của bộ lạc khác cũng quy tụ về tham dự. Đột nhiên xa xa có một chiếc tàu đi tới mang theo những người từ phương Tây, với những tập tục văn hóa khác nhau.

Thế rồi bộ mặt nước Úc bắt đầu thay đổi. Khán giả nhìn thấy cảnh sinh hoạt của những người khai phá này. Họ làm chòi để ở, sáng chế động cơ chạy bằng sức gió, khai quang, làm rẫy, trồng trọt v.v... Họ đang xây dựng một nước Úc khác lạ, như hình ảnh của Ned Kelly, của những thùng thiếc, những máy cày, xe đạp, súng ống, lửa, pháo v.v...

Những hình ảnh đó rồi cũng từ từ đi qua, nhường lại cho cảnh tượng của nhiều sắc dân khác đến từ Châu Phi, Châu Á, Châu Âu. Phần lớn những người này tới đây để chạy trốn chiến tranh, chạy nạn cộng sản tại quê hương của họ, trong đó có Việt Nam. Họ tới để xin tỵ nạn. Nhưng cũng có những người tới để tìm một cuộc sống an bình hơn và tốt hơn. Họ tới đây và họ đã xây dựng nên một xã hội đa dạng, đa văn hóa.

Rồi cô bé Nikki từ từ tỉnh dậy, cô nhìn về tương lai. Cô thấy nước Úc thật đẹp, thật hiền hòa. Cô thấy mọi người cùng nhảy múa, cùng làm việc, cùng vui đùa với nhau. Không có cảnh chiến tranh, không có xung đột, đàn áp v.v...

Chương trình trình diễn chấm dứt qua cuộc diễn hành thật đặc sắc, thật hùng hồn của đoàn Sydney Olympic Marching Band, cả hội trường rung lên qua những đợt vỗ tay không ngừng tán thưởng.

Tiếp theo là những nghi thức khai mạc, chào đón các lực sĩ từ khắp nơi trên thế giới. Xen kẽ là những tiếng hát của các ca sĩ nổi tiếng của Úc, như Human Nature, Julie Anthony, John Farham, Olivia Newton-John, Tina Arena. Sau đó là phần đốt đuốc.

Phần chào đón các lực sĩ và lúc cô Cathy Freemann châm ngọn lửa Thế Vận Hội là những giây phút cảm động nhất.

Thế Vận Hội chính nó đã bao trùm nhiều giấc mơ. Giấc mơ kết hợp nhân loại, qua các bộ môn thể thao. Giấc mơ thay thế chiến tranh bằng các cuộc tranh tài lành mạnh.

Riêng về các lực sĩ tham dự cũng ấp ủ nhiều giấc mơ. Giấc mơ được tranh tài cùng các lực sĩ tài giỏi từ các quốc gia khắp thế giới. Giấc mơ đoạt được nhiều huy chương và đem lại hạnh diện cho quốc gia mình, v.v...

Cũng thế, trong nhiều tháng qua hai chính quyền Nam và Bắc Hàn đã tỏ ra rất thiện chí trong việc kết hợp hai quốc gia. Công sức của họ đã đưa đến thành quả là hai phái đoàn lực sĩ Nam và Bắc Hàn đã nắm tay nhau cùng đi chung dưới một lá cờ trắng có hình Hàn Quốc màu xanh. Trên 100 ngàn khán giả tại VĐT đều đồng loạt đứng lên vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt cho biểu tượng đẹp đẽ này.

Trong giờ phút cuối cùng của nghi thức khai mạc, người ta mới biết rằng cô Cathy Freemann được chọn để châm ngọn lửa Olympic. Và hầu hết mọi người dân Úc đã vui mừng với sự chọn lựa ấy. Vì cô đã đi tiên phong trong quá trình hòa giải giữa người da trắng và thổ dân. Khi cô đoạt giải vô địch thế giới về môn chạy 400 m. Cô đã quấn quanh người cô hai lá cờ Úc và thổ dân Aborigin.

Riêng ngọn lửa thế vận được giữ hoàn toàn bí mật. Cho đến giờ phút chót người ta chỉ nhìn thấy một bể nước, nằm bên cạnh là một cái thác, ngoài ra không thấy gì cả. Khi cô Cathy Freemann từ từ bước lên mấy bậc thang, lội xuống nước, châm ngọn lửa thiêng xuống nước, ngọn đuốc thế vận bốc cháy, lần lần lan ra thành một vòng tròn. Còn cô Cathy thì đứng ở giữa. Vòng tròn lửa này từ từ lên cao, lên cao trên 50 m bên cạnh khán đài. Cô Cathy đứng giữa nhìn theo ngọn đuốc, trong khi đó cái thác nước bắt đầu chảy cuộn cuộn xuống... Thật là một cảnh tượng độc đáo, vừa hùng vĩ, vừa lạ mắt, vừa cảm động, có một không hai từ trước tới nay.

● Việt Nam

Phái đoàn Việt Nam chưa được 10 người. Việc tuyển chọn các lực sĩ đại diện quốc gia còn lỏng lẻo, không áp dụng đúng theo tiêu chuẩn tối thiểu phải đạt được cho từng bộ môn do Ủy ban Thế Vận Hội ấn định. Do đó lần nào phái đoàn của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đi cũng về tay không.

Lần này, huy chương đầu tiên và duy nhất của Việt Nam là một huy chương bạc về môn Thái Cực Đạo (Taekwondo) dành cho lực sĩ dưới 57kg. Môn này lần đầu tiên được đưa ra tranh tại Thế Vận Hội. Người đoạt được huy chương là cô Trần Hiếu Ngân, 26 tuổi, sinh tại Tuy Hòa. Cô đã lần lượt hạ một cô người Trinidad ở vòng 1, người Phi Luật Tân ở vòng 2, người Hòa Lan ở vòng 3. Sang chung kết cô thua cô Jung Jae-Eun người Đại Hàn, nơi xuất xứ môn võ này.

Nhờ có huy chương bạc mà Việt Nam đứng vào hạng 64 trên 80 nước đoạt được huy chương.

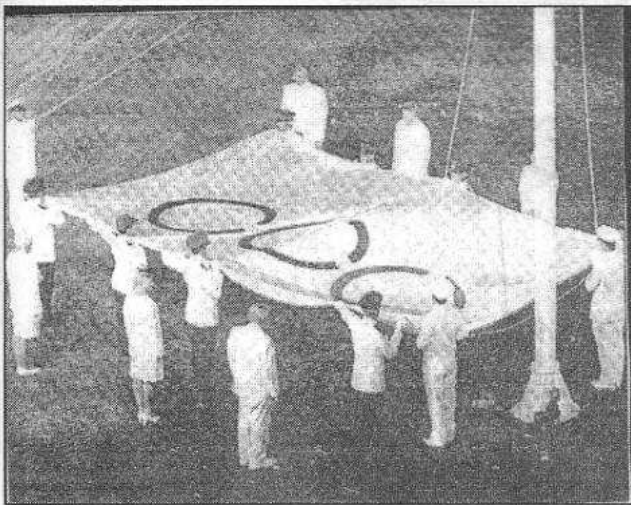
Bảng xếp hạng các quốc gia đoạt huy chương

	Vàng	Bạc	Đồng
1. USA	39	25	33
2. Russland	32	28	28
3. China	28	16	15
4. Australia	16	25	17
5. Germany	14	17	26
6. France	13	14	11
7. Italy	13	8	13
8. Holland	12	9	4
9. Cuba	11	11	7
10. England	11	10	7
11. Ruman	11	6	9
12. Südkorea	8	9	11
13. Ungarn	8	6	3
14. Polen	6	5	3
15. Japan	5	8	5
16. Bulgarien	5	6	2
17. Greece	4	6	3
18. Sweden	4	5	3
19. Norwegen	4	3	3
20. Äthiopien	4	1	3
21. Ukraine	3	10	10
22. Kasachstan	3	4	0
23. Weissrussland	3	3	11
24. Canada	3	3	8
25. Spanien	3	3	5
26. Iran	3	0	1
Turkei	3	0	1
28. Tschechien	2	3	3
29. Kenia	2	3	2
30. Dänemark	2	3	1
31. Finnland	2	1	1
32. Österreich	2	1	0
33. Litauen	2	0	3
34. Aserbaidshjan	2	0	1

35. Slowenien	2	0	0
36. Schweiz	1	6	2
37. Indonesia	1	3	2
38. Slowakei	1	3	1
39. Mexico	1	2	3
40. Algerien	1	1	3
41. Usbekistan	1	1	2
42. Jugoslawien	1	1	1
Lettland	1	1	1
44. Bahamas	1	1	1
45. Neuseeland	1	0	3
46. Estland	1	0	2
Thailand	1	0	2
48. Kroatien	1	0	1
49. Kamerun	1	0	0
Kolumbien	1	0	0
Mosambik	1	0	0
52. Brasilien	0	6	6
53. Jamaika	0	4	3
54. Nigeria	0	3	0
55. Belgien	0	2	3
Sudafrica	0	2	3
57. Argentinien	0	2	2
58. Marokko	0	1	4
Taiwan	0	1	4
60. Nordkorea	0	1	3
61. Moldawien	0	1	1
Saudi-Arabien	0	1	1
Trinidad/Tobago	0	1	1
64. Irland	0	1	0
Uruguay	0	1	0
Vietnam	0	1	0
67. Georgien	0	0	6
68. Costa Rica	0	0	2
Portugal	0	0	2
70. Armenien	0	0	1
Barbados	0	0	1
Chile	0	0	1
Indien	0	0	1
Island	0	0	1
Israel	0	0	1
Katar	0	0	1
Kirgisien	0	0	1
Kuwait	0	0	1
Mazedonien	0	0	1
Sri Lanka	0	0	1

Trên một trăm quốc gia khác không đoạt được huy chương nào cả. Nhưng sự cố gắng của các quốc gia đó đã nói lên tinh thần thể thao cao độ và sự đoàn kết trong một thế giới mở rộng hài hòa.

HÌNH ẢNH BUỔI LỄ KHAI MẠC



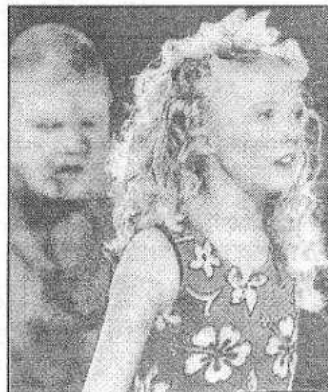
Cờ thể vận có từ năm 1920, được chuyền tay nhau qua 27 lần tổ chức, sắp được kéo lên.



Cô Cathy Freemann, biểu tượng cho sự hòa đồng sắc tộc, chuẩn bị chăm ngọn lửa thể vận lần thứ 27



Những con hải vật khổng lồ đang bơi lội trong đại dương.



Cô bé Nikki Webster cô Cathy Freemann và lãnh tụ thổ dân là những vai chính nổi bật trong buổi lễ khai mạc.



Cô bé Nikki đang bơi lội cùng với đoàn bạch tuộc.

← Hai cô người Úc với con Kangurus biểu tượng nước Úc.



Những người khai phá đến đầu tiên làm chòi, quạt gió v.v...





Phái đoàn Đức đông vào hàng thứ ba sau Mỹ và Úc, gồm có 428 người.

● BÊN LỄ THỂ VẬN HỘI

- Cô bé Nikki Webster sẽ trở thành ngôi sao điện ảnh trẻ ở Hollywood. Số là sau khi lễ khai mạc vừa chấm dứt, nhà đạo diễn phim Mỹ, ông Randal Kleister gọi điện thoại ngay cho cô trông nom Nikki (Managerin) mời Nikki đóng một phim cho trẻ em. Cô bé sẽ đóng vai chính. Cô sẽ làm quen với con dĩa nhân trắng, cố tìm hiểu ý muốn của con dĩa nhân qua các dấu hiệu của nó và giúp dạy nó hiểu ý muốn của cô cũng bằng cách ra dấu v.v... Tài nghệ không đời tuổi, lúc 5 tuổi cô đã trình diễn trên Tivi và đã từng hát chung với danh ca Michael Jackson vào năm 1997.

- Bưu điện Úc đã cho phát hành trong thời gian Thế Vận Hội 500 ngàn con tem thư có in hình của cô Cathy Freeman. Chỉ 2 ngày sau số tem này đã được bán hết sạch, nên phải in thêm 1 triệu con nữa.

- Anh C. Jones Hunta, nặng 146 kg, lực sĩ ném tạ, bị loại ngay lúc đầu vì anh đã uống thuốc kích thích (Doping). Anh J. Hunta là chồng của cô Marion Jones (25 tuổi) đã đoạt 3 huy chương vàng về môn chạy 100 m - 200 m và tiếp sức 4 x 100 m. Người ta đang đặt câu hỏi là không biết trong lúc trả dư tù hậu cô có dùng thủ thuốc của chồng cô không? Đang chờ thủ nghiệm.

- Anh Alexander Leipold (31 tuổi - Đức) lực sĩ đô vật tự do đã phải trả lại huy chương vàng, tiền thưởng mà còn bị phạt treo giò vì đã dùng thuốc kích thích (Doping).

- Cô Jane Saville (25 tuổi - Úc) đã bị thè dò khi về gần tới đích trong bộ môn đi bộ. Vì trọng tài đã thấy cô nhiều lần chạy thay vì phải đi bộ thẳng nhượng và nguyên bản chân phải chạm đất. Cô khóc suốt trước hơn 100 ngàn khán giả đồng hưởng!

- Đoàn lực sĩ Đức gồm có 428 người, đông đứng hàng thứ ba sau Mỹ và Úc, nhưng chỉ đoạt được có 14 huy chương vàng. Năm 1992 tại Barcelona 33 huy chương vàng. Năm 1996 tại Atlanta 20 huy chương vàng. Năm 2000 tại Úc chỉ có 14 cái! Sang năm 2004 với cái đà tụt dốc này chắc chỉ còn vài cái!

● LỄ BẾ MẠC

Theo luật vô thưởng của tạo hóa thi hề có bắt đầu, phải có chấm dứt. Thế Vận Hội Mùa Hè lần 27 cũng không thoát

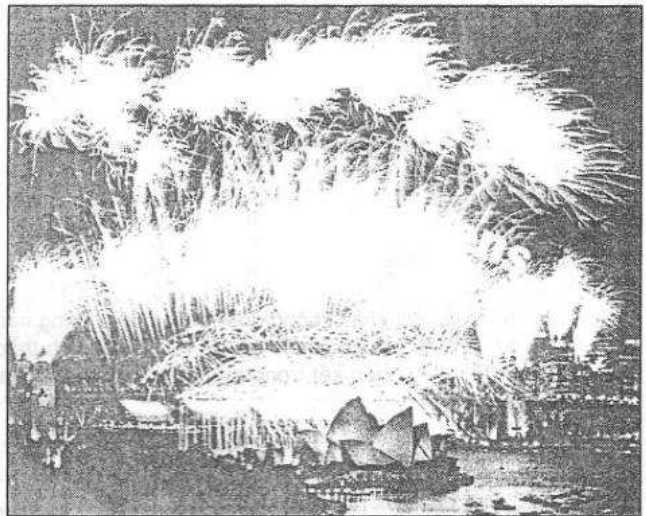
khỏi quy luật này. Nhưng thường thường khi bắt đầu thi vui vẻ mừng rỡ bao nhiêu; lúc chấm dứt buồn tẻ, lạnh nhạt bấy nhiêu. Trái lại Thế Vận Hội tại Sydney, khi bắt đầu bằng lễ khai mạc tưng bừng, náo nhiệt, cảm động bao nhiêu; thì lễ bế mạc cũng huy hoàng, sống động, vui tươi bấy nhiêu.

Đúng 21,13 phút ngày 01.10.2000 (giờ tại Úc) đoàn phân lực cơ bay qua vận động trường, liền khi đó pháo bông được đốt lên tỏa ra muôn màu sắc, sáng rực một góc trời. Trên 100 ngàn khán giả và lực sĩ vừa xem pháo bông vừa thường thức lời hát của những danh ca như Kylie Minogue, Midnight Oil, INXS và cô bé Nikki Webster. Tại Harbour Bridge nơi có nhà hát Con Sò, một loạt pháo bông được đốt lên, trên nền trời trong sáng hiện ra câu: See you in Athens! (Gặp anh tại Athens (Hy Lạp)). Vì Thế Vận Hội Mùa Hè năm 2004 sẽ được tổ chức tại Athens nơi xảy ra các trận thi tài thể thao tại vận động trường Olympia từ năm 776 trước Tây lịch.

Lễ bế mạc cũng là lễ tiễn đưa vị Chủ Tịch IOC về hưu. Trước khi già biệt khán giả và lực sĩ khắp năm châu, ông tuyên bố: "Việc tổ chức Thế Vận Hội kỳ 27 tại Sydney, điểm hẹn năm 2000 được đánh giá là hoàn hảo và thành công nhất từ trước tới nay". (Die besten aller Zeiten).

Riêng các lực sĩ với phùng châm: "Thắng không kiêu, thua không nản" luôn luôn cố gắng tập luyện để sẽ gặp lại nhau vào năm 2004.

Good-bye - Au revoir - Aufwiedersehen - Ciao!



Cảnh đốt pháo bông tuyệt đẹp tại Harbour Bridge, trước nhà hát Con Sò.





Tin

thế giới

Người Quan Sát

Năm đầu của thế kỷ 21 đã qua, nhìn chung về tình hình thế giới, người ta ít nhiều lạc quan khi nhìn thấy sự xích lại gần nhau của một quốc gia với hai thể chế chính trị thù nghịch nhau là Nam Hàn Tự Do Dân Chủ và Bắc Hàn Cộng Sản Độc Tài; sự nổi dậy của dân chúng Nam Tư lật đổ chế độ độc tài khát máu của tập đoàn gia đình trị Milosevic để đưa quốc gia này hội nhập vào cộng đồng thế giới.

Bên cạnh đó, vẫn còn những bi quan khi nhìn thấy:

• Lò thuốc súng Trung Đông không biết bên nào châm ngòi nổ trước? Do Thái hay Palestine?

• Những phần tử quốc gia cực đoan hủ khuyh quá khích đã và đang gây ra nhiều thảm họa cho xã hội.

• Những nước Cộng Sản cuối mùa vẫn còn cai trị dân bằng chính sách độc tài đảng trị v.v... và v.v...

Tuy nhiên trong một thế giới mở rộng với chiều hướng toàn cầu hóa thì mọi sự xung đột hay rối loạn bất cứ một nơi nào đó trên quả địa cầu không ít thì nhiều đều gây ảnh hưởng chung cho tất cả. Như: "Bứt mây động rừng", bằng cớ là sự đụng nhau giữa Israel với Palestine làm giá xăng thưởng không chỉ từ 1,95 DM/lit nhảy vọt lên 2,06 DM/lit! Do đó các lãnh tụ cường quốc cố tìm mọi biện pháp để ngăn chặn những cuộc xung đột xảy ra.

• NAM VÀ BẮC HÀN

Mặc dù biết rằng con đường thống nhất Hàn Quốc trong hòa bình và hòa hợp còn nhiều thử thách cam go, nhưng Tổng

Thống Kim Đại Trọng (74 tuổi) quyết tâm từng bước đưa ra những chính sách nhân đạo, hợp lý hợp tình người, buộc Kim Nhật Thành, Chủ tịch Đảng Cộng Sản kiêm Chủ tịch Nhà Nước phải chấp nhận. Trước mắt là sau chuyến viếng thăm Bình Nhưỡng của Kim Đại Trọng, 100 gia đình được phép qua lại thăm nhau vài ngày. Thời thì biết bao cảnh bi thương cảm động đã xảy ra khi hai bên gặp lại thân bằng quyến thuộc sau nửa thế kỷ bị phân ly!

Rồi tiếp theo là hai chính quyền cho nối lại đường xe lửa Nam Bắc, cũng như cho mở rộng con đường thủ hận phân chia thành một xa lộ hòa bình chạy song song với đường xe

lửa. Binh sĩ hai bên lo gỡ mìn, dọn kềm gai ở hai bên bờ khu phi quân sự để cho nhân viên hòa xa làm việc. Hy vọng vào năm 2001, đoàn xe lửa mang tên "Hòa Bình" sẽ lăn bánh nối liền Hàn Thành - Bình Nhưỡng.



Tổng Thống Nam Hàn Kim Đại Trọng (Kim Dae Jung) được giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 2000

Rồi trong lễ khai mạc Thế Vận Hội mùa Hè 2000 tại Sydney (Úc), hai đoàn lực sĩ Nam và Bắc Hàn cùng nắm tay nhau đi chung dưới một lá cờ trắng, trên có bản đồ Hàn Quốc màu xanh. Sự việc này trước đây một năm không có ai dám nghĩ tới. Do đó khi hai đoàn đi ngang qua khán đài, cả trăm ngàn người đứng dậy vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt và có người quá xúc động bật ra tiếng khóc!

Thành ngữ Việt Nam có câu: *Vạn sự khởi đầu nan*, còn Đức thì có câu: *aller anfang ist schwer*. Thật vậy muôn việc, việc nào khi bắt đầu cũng khó. Nhưng cái khó lúc đầu hai ông Kim Đại Trọng và Kim Nhật Thành đã vượt qua, do đó nhân dân Hàn Quốc ở cả hai miền cũng như người ngoại quốc tin tưởng rằng sớm hay muộn gì rồi Hàn Quốc sẽ tái thống nhất trong hòa bình như Tây và Đông Đức đã thực hiện vào năm 1989.

Nhờ kiên trì, bền bỉ theo đuổi một đường lối hòa bình không thủ hận trong một cuộc chiến tranh lạnh giữa Nam và Bắc Hàn kéo dài trên 50 năm, nên ông Kim Đại Trọng được giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 2000.

• DÂN NAM-TU NỔI DẬY

Nơi nào có áp bức, nơi đó có đấu tranh! Dân Nam Tư đã bị áp bức trên mấy chục năm qua, hôm nay họ đứng lên đấu tranh để lấy lại quyền sống và quyền làm người.

Số là sau ngày bầu cử Tổng Thống và Quốc Hội ngày 24.9.2000, kết quả phe dân chủ đối lập do ông Kostunica lãnh đạo đã thắng trên 50%; còn phe Milosevic chỉ được trên 30%. Nhưng ông không công nhận kết quả này. Ông chỉ thị ngầm cho tay chân bộ hạ sửa lại kết quả, nên ngày 27.9, Ủy ban Bầu cử của Nhà Nước tuyên bố là Kostunica chỉ đạt được 48,6%, chưa đa số tuyệt đối; còn Milosevic thì được 40,7%. Do đó theo luật bầu cử thì 2 tuần lễ sau, tức là ngày 7.10.2000 phải bầu lại vòng 2.

Ông Kostunica không chấp nhận và đưa ra tối hậu thư là đến ngày 03.10.2000, nếu Milosevic không chịu thua trong cuộc bầu cử mà cứ bám chặt vào quyền lợi thì ông sẽ kêu gọi dân chúng xuống đường lật đổ Milosevic.

Milosevic nghĩ rằng với quân đội và cảnh sát ở trong tay ông, đã từng hưởng nhiều bổng lộc của ông ban cho sẽ trung thành với ông một cách tuyệt đối, ông sẽ ra lệnh đập tan bất cứ một cuộc xuống đường nào của nhân dân đòi lật đổ ông như ông đã từng làm trên 15 năm cầm quyền của ông. Nhưng ông đã lầm và lầm to!

• Diễn tiến cuộc nổi dậy

05.10.2000 - Phe đối lập dân chủ kêu gọi dân Nam Tư xuống đường. Công nhân hầm mỏ Colubara đình công, cảnh sát bao vây. Số người tử khắp nơi đổ về Belgrad bằng mọi phương tiện mỗi lúc một đông, phá vỡ vòng vây của cảnh sát. Họ biểu tình cả ngày lẫn đêm cho đến khi nào tên độc tài Milosevic chịu tử chức tức là cắt đi họ mỗi thời.

06.10.2000 - Suốt ngày Milosevic không dám xuất hiện trước công chúng. Đảng Xã Hội của ông và Đảng CS JUL của vợ ông tuyên bố là sẽ đứng sau lưng ông!

Từ 18 giờ, trên nửa triệu người xuống đường tràn ngập thành phố, họ bao vây trụ sở Quốc Hội và Đài truyền hình. Lĩnh cảnh sát mỗi đầu bắn vài tiếng súng thị oai, ném lựu đạn khói vào đám biểu tình. Nhưng dân chúng bất chấp, họ tràn vào Quốc Hội như nước lũ, đập bể cửa kính, đốt sách vở tài liệu, liệt hình tượng, chôn dung Milosevic tử tung ra ngoài đường. Một số người khác tuốc khí giới của cảnh sát, lột mũ của họ v.v... nhưng không có đánh đập họ. Cuối cùng cảnh sát đã hòa nhập vào đám người biểu tình. Vài chiếc xe bọc sắt của cảnh sát chạy tới, nhưng cảnh sát ngồi trên xe án binh bất động. Dân chúng bắt tay họ và hoan nghênh họ vang dội. Cảnh sát cho biết là họ không bắn vào dân chúng, họ đã quyết tâm đứng về phía nhân dân. Còn về phía quân đội thì sao? Các tướng lãnh cũng cho binh sĩ dưới quyền án binh bất động với hai chữ **chờ xem** (Wait and See!). Thành phần chủ lực để đàn áp biểu tình là quân đội và cảnh sát. Nhưng hai lực lượng này đã đứng về phía nhân dân thì câu hỏi **Ai thắng ai?** coi như đã được trả lời.

- Đài truyền hình RST cũng bị phá hại.

- Phóng viên báo chí thuộc cơ quan truyền hình của Milosevic cũng tuyên bố là họ đứng về phía nhân dân.
- Thông tấn xã Nhà Nước Agencj Tanjung bắt đầu gọi Kostunica là: Vị Tổng Thống được bầu (elected President).
- Khoảng 22 giờ, có tin loan báo là 3 máy bay của Nga vừa rời phi trường quân sự gần Belgrad bay về phía Nam. Người ta nghi là trên máy bay có chở gia đình và người thân cận của Milosevic chạy trốn.
- Cơ quan thông tin Beta loan báo có một cô gái bị đâm đồng loạt chết. Một người chết cho hàng triệu người sống thật là anh hùng và đi vào lịch sử.
- Kostunica tuyên bố trước dân chúng tại trụ sở Quốc Hội là kể từ giờ này ông là Tổng Thống Nam Tư.

• Phản ứng của các lãnh tụ trên thế giới

- Clinton, Tổng Thống Mỹ, tuyên bố Mỹ sẵn sàng bãi bỏ sự trừng phạt Nam Tư khi lực lượng dân chủ do Kostunica lãnh đạo làm chủ tình hình.
- Putin, Tổng Thống Nga, nói ông muốn thấy các nước Tây Âu nên chấm dứt cô lập Nam Tư (hiểu ngầm là Putin đứng về phía Kostunica).
- Bà Allbright, Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ, kêu gọi Nga buộc Milosevic từ chức. Bà nói tiếp: Hình ảnh cuộc nổi dậy của dân chúng Nam Tư giống như sự nổi dậy của dân chúng Đông Đức làm sụp đổ bức tường Bá Linh năm 1989. Lịch sử lại lặp lại!
- Prodi, Chủ Tịch Quốc Hội Âu Châu, hứa là sẽ viện trợ để tái thiết Nam Tư với một ngân khoản là 1,5 tỷ đồng EURO dưới sự lãnh đạo của Kostunica.
- Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp và Đức cho biết là lãnh tụ đối lập, ông Kostunica, kêu gọi EU chấm dứt sự trừng phạt Nam Tư.

06.10.2000

Nga chính thức công nhận Kostunica là tân Tổng Thống Nam Tư. Ông Iwanow, Bộ Trưởng Ngoại Giao Nga, đã đến tư dinh gặp Milosevic lần cuối. Nhìn trên màn ảnh truyền hình không biết Iwanow nói gì với Milosevic mà thấy ông ta sa sầm (xụ mặt) mặt xuống. Sau đó Iwanow đến gặp Kostunica và chuyển lời chúc mừng của ông Putin Tổng Thống Nga. Thế là trang lịch sử đẫm máu ở vùng Balkan được lật qua.

Thủ Tướng Nga tuyên bố là sẽ không cho Milosevic ty nạn chính trị. Còn Bạch Nga, Thủ Tướng Jermoschin, cho biết là sẽ chấp nhận cho Milosevic ty nạn nếu có lời thỉnh cầu.

07.10.2000

- Ông Kostunica tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống trong buổi họp Quốc Hội lần đầu trước những Dân Biểu đắc cử trong cuộc bầu cử ngày 24.9.2000.
- Nhiều Dân Biểu đã tranh cãi gay gắt, vì họ không công nhận tỷ lệ chia ghế cho các cánh đảng. Nhất là các Dân Biểu từ Kosovo không được chấp nhận vì nơi đó phe của Milosevic gian lận phiếu nhiều nhất.

- Trước phóng viên truyền hình và báo chí, Milosevic công nhận thua cử và chúc mừng tân Tổng Thống Kostunica. Milosevic cho biết là ông ta sẽ tiếp tục lãnh đạo Đảng Xã Hội và sẽ đóng vai trò đối lập?

- Ông Pavkovic, Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội, thay mặt toàn thể quân nhân các cấp chúc mừng Kostunica và cho biết là quân đội Nam Tư chấp nhận kết quả cuộc bầu cử hợp pháp tức là chấp nhận ý dân. Mà ý dân là ý trời!

14.10.2000

Trong cuộc họp thượng đỉnh của các nước Liên Hiệp Âu Châu (EU) tại Biarritz (Pháp) các nguyên thủ chào đón chính thức tân Tổng Thống Nam Tư, ông Kostunica. Họ hứa là sẽ viện trợ cấp thời cho Nam Tư 200 triệu EURO.

Được hỏi về số phận của Milosevic, ông Kostunica cho biết là ông muốn hợp tác với Tòa án Quốc tế tại Den Haag (Hà Lan) về tội phạm chiến tranh và ông còn cho biết là tại Nam Tư, Milosevic không còn đóng một vai trò chính trị nào nữa, kể cả vai trò đối lập.

Riêng Thủ Tướng Liên Bang Đức, ông Schröder, thì muốn bắt ngay Milosevic đưa ra Tòa án Quốc tế, nhưng ông nghi là nên để cho Kostunica một thời gian củng cố nền dân chủ trước đã. Sau đó sẽ hỏi thăm sức khỏe của Milosevic cũng không muộn.

• Kostunica, ông là ai ?

Tên của ông là Vojislav Kostunica (56 tuổi), Giáo sư Luật học. Ông dạy Đại Học đến năm 1974 thì bị sa thải vì có tư tưởng chống Cộng. Thập niên 90, ông làm việc cho phe đối lập dân chủ và sau đó thành lập Đảng Dân Chủ vào năm 1992. Ông là người quốc gia ôn hòa.

Trong cuộc chiến Kosovo, ông không chấp nhận NATO dội bom trên lãnh thổ Nam Tư, ông coi đó là hành động phạm pháp, vi phạm chủ quyền Nam Tư. Milosevic dựa vào đó để bám quyền, để kêu gọi dân chúng chống Mỹ, chống NATO. Ông ủng hộ chính sách của Milosevic tại Kosovo cũng như tại Bosnien-Herzegowina, nhưng ông hoàn toàn chống lại chính sách diệt chủng và kỳ thị chủng tộc cực đoan của Milosevic.

Trong phe đối lập, Kostunica không sáng giá bằng ông Draskovic và Djindjic, nhưng vì ông là người có học lại ôn hòa, có tài thuyết phục và khiêm tốn nên mới được đề cử lãnh đạo phe đối lập dân chủ.

Trong những ngày sắp tới, trên con đường thực hiện dân chủ, dân sinh, ông sẽ gặp vô vàn chướng ngại từ phía tàn dư của chế độ Milosevic. Do đó ông phải làm thế nào để tạo được một sự đồng thuận từ phía đối lập dân chủ của ông. Đừng để trống đánh xuôi kèn thổi ngược vì đặc quyền đặc lợi làm mất lòng tin của người dân.

• Tài sản của nhà Milosevic

Theo sự tiết lộ của báo chí, số tiền trong những trương mục ở ngân hàng Thụy Sĩ, Pháp, Moskau, Hy Lạp, Luxembourg do con gái Milosevic đứng tên lên đến hàng nửa tỷ Mỹ kim! Tất cả các trương mục đều bị phong tỏa.

Ngoài ra, sau cuộc đổi đời vì sự uất hận tràn đầy của dân chúng nên tất cả những cơ sở vật chất của dòng họ Milosevic tạo nên vì tham nhũng đều bị đập phá tan tành, như:

- Một đài phát thanh địa phương, một thẩm mỹ viện, một tiệm bán mỹ phẩm, một hãng chế tạo bánh ngọt hiệu "Bambi", một vũ trường loại cực sang mang tên "Madona", một tiệm bán điện thoại cầm tay, một công viên tên "Bambiland" v.v... do con trai của Milosevic là Marko Milosevic (26 tuổi) được mệnh danh là tên ăn chơi (Playboy) thành Belgrad điều hành.



Thẩm mỹ viện bị đập phá tan tành. Marko Milosevic con trai tên độc tài Milosevic, được mệnh danh là Playboy thành Belgrad)

• Chủng nào tội Việt Nam ?

Trong 10 năm trở lại đây, đã có 3 cuộc xuống đường long trời lở đất của nhân dân, hay nói một cách khác là: **Nhân Dân Làm Cách Mạng** để quật ngã chế độ độc tài đảng trị và gia đình trị.

Ba (3) chế độ bị lật đổ là:

- * 1989 - Chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị của Honecker và vợ là Margarat ở Đông Đức.
- * 1998 - Chế độ độc tài gia đình trị Suharto ở Nam Dương (Indonesia).
- * 2000 - Chế độ độc tài đảng trị và gia đình trị Milosevic ở Nam Tư (Serbien).

Câu hỏi được nêu lên là: **Chủng nào tội Việt Nam ?**

Câu trả lời xác định là: **Không xa**. Vì bánh xe Dân Chủ thời đại

đang quay, nó sẽ nghiền nát và quăng ra bên lề xã hội những chế độ độc tài dù Cộng Sản hay không Cộng Sản như nó đã từng làm trong một thập niên qua.

Cộng Sản Việt Nam đang nằm dưới vòng quay tiến hóa của lịch sử, nếu không chịu thức tỉnh sẽ bị đào thải. Hãy chờ xem !

• Gia nhập lại Liên Hiệp Quốc

Dưới triều đại độc tài Milosevic, Nam Tư bị Liên Hiệp Quốc cô lập từ năm 1992. Nhưng một tuần lễ sau khi Milosevic bị hạ bệ, theo thư thỉnh cầu của tân Tổng Thống Kostunica, trong phiên họp Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã biểu quyết chấp thuận cho Nam Tư trở lại trong đại gia đình Liên Hiệp Quốc.

● ISRAEL - PALESTINE

Mặc dù nhiều cuộc dàn xếp của các lãnh tụ đứng đầu trên thế giới, nhất là Mỹ, nhưng việc sống chung hòa bình hai dân tộc Israel (Do Thái) và Palestine chưa cho chúng ta thấy một ánh sáng nhỏ nhoi nào ở cuối đường hầm. Vì sao ? Vì bên nào cũng có những phần tử quốc gia cực đoan quá khích. Họ luôn luôn tìm mọi cách đổ dầu thêm vào lửa !

Theo sự tìm hiểu của người ngoại cuộc thì cuộc xung đột kéo dài cả tháng và còn tiếp tục đã gây thường vong trên cả trăm người và hàng ngàn người bị thương cho cả hai bên là do lãnh tụ khối hữu khuynh cực đoan Likud, ông Ariel Scharon, đột nhiên công khai đi thăm viếng đồi Tempelberg và đền thờ Al-Aska một thánh địa tại Jerusalem vừa của người Do Thái lẫn người Hồi Giáo. Người Hồi Giáo gọi nơi này là *Thành Địa Cao Quý* chỉ đứng sau Mekka và Medina. Sở dĩ Scharon muốn đến nơi này là để chứng tỏ cho người Palestine biết rằng Tempelberg hoàn toàn do người Do Thái quản trị.

Thánh địa Jerusalem hiện còn trong vòng tranh chấp. Do Thái muốn chiếm hữu hoàn toàn nơi này để làm thủ đô. Còn Palestine cũng muốn lấy một phần để làm thủ đô ! Cái nguyên nhân gây ra sự xung đột triển miên giữa hai nước phát xuất từ đây. Có đề nghị đưa ra là thánh địa Jerusalem nên đặt mọi sự quản trị của Liên Hiệp Quốc, nhưng Do Thái cũng như Palestine đều từ chối.

• Bạo động

Khởi đầu đám nổi loạn Palestine bắt hai người Do Thái tại thành phố Ramallah phía Tây vùng đất Jordan. Một người bị chúng xử tử dã man tại chỗ xong chế xăng đốt cháy, kéo lê cái xác trên đường vừa đi vừa hoan hô như là một chiến tích. Còn người kia họ đem vào đồn Cảnh sát, sau khi đánh nhừ tử, chúng giết chết quăng xác qua cửa sổ. Cái dã man của những tên cực đoan là trước khi giết, chúng gọi điện thoại cho người vợ anh này biết là chúng giết chồng bà.

Việc giết người này có bản tay của Cảnh sát Palestine vì đã xảy ra ngay trong đồn Cảnh sát.

Thủ Tướng Do Thái, ông Barak, ra lệnh quân đội dùng trực thăng, chiến đấu cò, chiến xa, tàu chiến bao vây dinh thự của Arafat ở Ramallah, dãy Gaza và hăm dọa là sẽ trả thù.

Vài giờ sau đó, sự hăm dọa trở thành sự thật. Trực thăng dùng hỏa tiễn phá hủy hoàn toàn đồn Cảnh sát và những chiếc tàu của lực lượng Cảnh sát đang đậu tại bến. Sự xử tử tại chỗ người Do Thái ở Ramallah dưới con mắt của Cảnh sát Palestine làm người Do Thái quá xúc động. Từ quá xúc động trở thành phản uất. Hội đồng Nội các Do Thái họp khẩn cấp, yêu cầu Barak tấn công bằng quân sự có giới hạn trên lãnh thổ Palestine mà người Do Thái cho là Arafat phải chịu trách nhiệm về sự đổ máu này.

• Diễn tiến

* Barak tuyên bố tình trạng khẩn trương, cho thành lập một chính phủ tạm thời dưới sự chỉ đạo của Ariel Scharon, Thủ lĩnh đảng cực đoan Likud. Còn Barak thì vẫn làm Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng. Tuy các chiến tranh dùng mọi cách, mọi phương tiện để đập tan các cuộc bạo động bằng vũ khí, ném đá, ném bom xăng v.v... của người Palestine tại Umm - el - Fachem - Nazareth - Gaza - Rafach v.v...

*Arafat kêu gọi tổng đình công, đồng thời kêu gọi Liên Hiệp Quốc thành lập một Ủy Ban điều tra vụ bạo động mà nguyên nhân là do sự khiêu khích của Ariel Scharon.

* Tại thủ đô Kairo (Ai Cập) Liên Hiệp Ả Rập họp khẩn trương ngày 30.9.2000. Chủ Tịch Liên Hiệp, ông Esmat-el-Meguid, đổ trách nhiệm cho Scharon, một người Do Thái có đầu óc kỳ cực đoan gây ra cuộc khủng hoảng này.

* Tại nơi nghị mật Scharm el Scheich (Ai Cập) một cuộc họp thượng đỉnh để cứu vãn hòa bình gồm có: Tổng Thống Clinton (Mỹ); Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, ông Anan; Tổng Thống Mubarak (Ai Cập); Thủ Tướng Aznar (Tây Ban Nha); Thủ Tướng Barak (Do Thái); Tổng Thống Arafat (Palestine); Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Ivanow (Nga) và Vedrine (Pháp). Trước tiên là đưa Arafat vào ngôi chung bàn với Barak để ngoài miệng nói chuyện hòa bình, nhưng trong tâm thì... Ngày 17.10.2000, Do Thái và Palestine đã phải miễn cưỡng ký kết một hiệp ước ngưng bắn.

• Hận thù vẫn thù hận

Ba ngày trôi qua từ khi ký hiệp ước, tình hình tạm lắng dịu. Thi đột nhiên các cuộc bạo động lan rộng khắp phần đất Palestine. Tại hai thành phố Nablus và Ramallah, sau buổi lễ cầu nguyện ngày thứ sáu của Hồi Giáo, dân Palestine kéo xuống đường bạo động. Các trận đụng độ bằng súng đạn, ném đá, xăng đặc xảy ra ác liệt hơn những ngày đầu, làm cho một số người chết, cả trăm người bị thương cả hai bên.

• Trung gian hòa giải



← Lò lửa Trung Đông đang bùng cháy từ Ramallah và từ tư lan sang các nước láng giềng nếu không kịp dập tắt.

Thủ Tướng Liên Bang Đức, ông Gerhard Schröder, đã thực hiện một cuộc Đông du qua 5 quốc gia là Ai Cập, Syrie, Jordan, Do Thái và Palestine để cùng các

lãnh tụ các nước này tìm kiếm một giải pháp hòa bình khả thi cho hai nước muốn đời thù nghịch này.

Trong khi ông Schröder đang ở Do Thái, thì một toán trong tổ chức khủng bố Hồi Giáo Dschihad mang tên "El-Aksa-Martyrer-Revolutionäre Garde" đánh bom nổ tại khu chợ Mahane-Yehuda nằm trên con đường Ben-Yehuda ở Jerusalem lúc 15 giờ địa phương ngày 2.11.2000, nơi mà chỉ trước đó một ngày, bà Doris-Schröder-Köpf phu nhân của ông Schröder đi mua sắm và ngắm phố.

Hiệp ước ngưng bắn chưa ráo mực, hận thù vẫn chưa nguôi, súng vẫn nổ, máu vẫn chảy, người vẫn chết và vẫn tiếp tục như vậy vì những phần tử cuồng tín cả hai bên muốn như vậy.

Vừa rồi đây, ông Arafat tuyên bố là cường độ bạo động sẽ gia tăng đến khi nào lá cờ của Palestine được bay phất phới trên thánh địa Jerusalem mỗi thời ! Khi nào ? Khó trả lời.

● ĐAN MẠCH VÀ ĐỒNG EURO

Ngày 29 .9. 2000, trong một cuộc trưng cầu dân ý về việc chấp nhận hay không chấp nhận sử dụng đồng EURO thay thế tiền Krone Đan Mạch. Kết quả 53,1% không chấp nhận (nej) 46,9% chấp nhận. Theo lời các chuyên gia về tài chính trong EU cho biết là mặc dù Đan Mạch không sử dụng đồng EURO cũng không gây ảnh hưởng gì đến đồng EURO là vì Đan



Mạch là một quốc gia nhỏ, dân cư không đông, lợi tức quốc gia không cao.

● IRÁK VÀ ĐỒNG EURO

Ở trên đời có nhiều chuyện tréo cẳng ngỡ ngàng. Phần đông dân Đan Mạch không chấp nhận xài đồng EURO. Trái lại Saddam Hussein, Tổng Thống Irak, lại thích đồng EURO. Số là sau cuộc chiến Trung Đông, Irak bị phong tỏa, mỗi ngày chỉ được xuất cảng dầu với trị giá là 60 triệu Mỹ kim để mua thuốc men và thực phẩm. Số tiền này được trả bằng đô-la Mỹ. Vừa rồi, Saddam đã xin Liên Hiệp Quốc được nhận tiền EURO và đã được chấp thuận.

Kể từ ngày 6.11.2000, thay vì nhận Mỹ kim ông nhận EURO. Nhờ đó mà đồng EURO từ từ lên giá, cứu vãn được một phần nào đồng EURO. Đúng là vị cứu tinh của đồng EURO.

● ÁN ĐỘ

Lần đầu tiên kể từ khi Ấn Độ giành lại được chủ quyền trên tay người Anh, cựu Thủ Tướng, ông P.V. Narasimha Rao (79 tuổi), đã bị Tòa án Tối cao xử phạt 3 năm tù ở vì tội mua phiếu trong kỳ bầu cử của ông.

Đúng là một nước Dân Chủ Pháp Trị. Dù người đó là ai ? Tổng Thống hay Thủ Tướng, còn tại chức hay về vườn nếu có lỗi cũng phải chịu hình phạt như pho thường dân.

● NGƯỜI CỦA THẾ KỶ

London - Ông Nelson Mandela, cựu Tổng Thống Nam Phi, được bầu với danh hiệu: Chính trị gia của thế kỷ (Staatsman des Jahrhunderts). Còn người Nữ của thế kỷ (Frau des Jahrhunderts) là bà nữ phi hành gia Valentina Tereschkova người Nga. Bà là người đàn bà đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã bay vào vũ trụ.

● TRUNG CỘNG CHỐNG THAM NHŨNG

Quân đội Bắc Kinh vừa khai trương một cuộc triển lãm chưa từng có về cuộc chiến chống tham nhũng ở nước này từ ngày 20.8.2000. Khách vào xem có thể thu tóm tình hình chống tham nhũng ở nước này trong 20 năm từ khi đổi mới kinh tế, cũng như lập lại tưởng tượng những chi tiết của một số trường hợp đặc biệt qua *pa-nô* và tranh ảnh. Hầu hết những người vào xem đều chú ý tấm ảnh phóng to của nguyên Phó Ủy Viên Trưởng Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân Trung Quốc (tướng đương Phó Chủ Tịch Quốc Hội) Thành Khắc Kiệt bị công trước tòa, người vừa bị xử tù hình hồi tháng trước, với dòng chú thích "*tham nhũng và tha hóa*".

Triển lãm còn cung cấp thông tin, hình ảnh hàng chục tên cướp và buôn lậu đã bị sa lưới, ảnh ngôi nhà của một cán bộ sống xa hoa, một cửa hàng chuyên in biên lai thuê giá ... Theo giải thích của Ban Tổ Chức, cuộc triển lãm này nhằm: "Giới thiệu các thành quả công tác chống tội phạm kinh tế, giáo dục về luật pháp cho dân chúng và cho thấy những mặt đảm bảo về pháp lý đối với công cuộc đổi mới". (Báo Tuổi Trẻ, 8/2000)

Lời người viết: Cộng Sản Việt Nam từ trước tới nay luôn luôn bắt chước Trung Quốc. Hề quan thầy làm cái gì thì trò làm theo cái đó. Lần này, dân chúng đang chờ đợi nhà cầm quyền ở Bắc Bộ Phủ cho thành lập ba cuộc triển lãm chống tham nhũng tại ba nơi như Trung Cộng đã làm là Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Nếu còn thời giờ làm luôn một cái ở Cần Thơ thì người dân sẽ hoan hô cả tay lẫn chân. Đang chờ đợi !

● ĐỨC

● EXPO 2000 (1.6 đến 31.10.2000)

Có 155 quốc gia và Tổ Chức tham dự. Trong đó có gian hàng của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Trong hai số báo Viên Giác 118, 119, chúng tôi có trình bày về sự thảm hại nghèo nàn của căn nhà triển lãm Việt Nam. Lần này tôi xin ghi nhận định của tờ báo EXPO (EXPO Journal) ngày 12.10.2000, như sau:

Der Pavillon Vietnams bietet mehr Kitsch als Geschichte. (Tạm dịch: Gian hàng Việt Nam mời mọc nhiều đồ vật lố loẹt hơn là trình bày về lịch sử của nước mình).

Còn sau đây là nhận xét của hai cô Andrea và Alexandra Rüsing ở Koblenz:

"Vietnam hat einen sehr schönen Stand. Man erfährt, was in diesem Land so alles produziert wird. Allerdings kommt die



Geschichte Vietnams etwas zu kurz". (Tạm dịch: Gian hàng Việt Nam thật đẹp. Người ta biết được tất cả những đồ vật mà nước này sản xuất. Song lẽ về lịch sử thì quá ít 'ngắn').

◀ Hai người Việt Nam đang bán chả giò và mì xào tại gian hàng Việt Nam.



Anh Jürgen Wiesemöller đội cái nón lá cười hề hê

Cô Andrea và Alexandra Rüsing

Những lời nhận xét khách quan của người Đức rất đúng. Nếu có ai đi xem EXPO đến gian hàng Việt Nam thì chắc chắn cũng có một nhận xét như vậy, đôi khi còn nặng lời hơn nữa, chẳng hạn như bài viết về "Việt Nam EXPO" của cô Trần Thị Kim Lan, đăng trong báo VG số 118, trang 65.

Đứng từ phía trước nhìn vào, dãy bên phải là những quầy bán đồ thủ công nghệ, nón lá, áo v.v...; dãy bên trái cũng có hai quầy bán nón lá, sơn mài, đồ chơi v.v...; kế đến là một dãy bán thức ăn, nhìn lên bảng thấy: Súp chua ngọt 4 DM; Mì xào thịt gà 12 DM; Mì xào chay 8 DM; Nước xoài hay nước dừa tươi 3 DM/lý; Chả giò 4 DM/1 cái.

Vào bên trong không có một tài liệu nào nói về lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam qua bốn ngàn năm xây dựng và giữ nước; Chỉ thấy mấy tấm hình tuyên truyền của Đảng và tấm hình của Hồ Chí Minh treo trên tường không ai muốn nhìn xem ! Còn cái Văn Miếu, cái Nhà Rông, chiếc Đồng Hồ Chợ Sài Gòn đứng trở trối một mình, người xem qua lại muốn tìm hiểu lai lịch không biết hỏi ai vì tất cả bận lo buôn bán để kịp vớ vét cho chuyến tàu chót ! Vào gian hàng Việt Nam đến 4 lần, người viết không tìm thấy được một cô mặc áo dài, quốc phục của người phụ nữ Việt Nam.

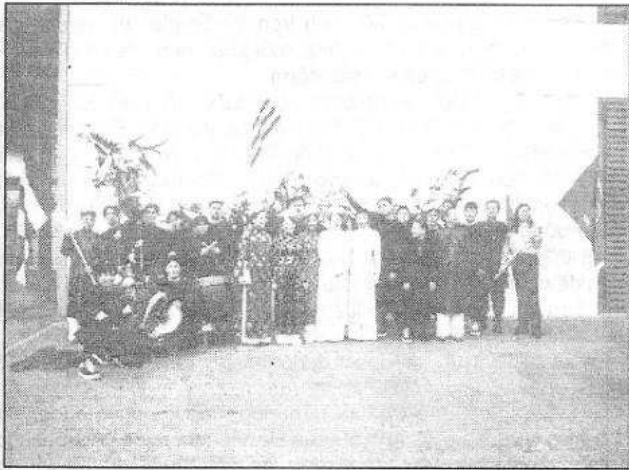
Thật tình mà nói thì gian hàng Việt Nam đã thành công về mặt bán thức ăn và hàng hóa. Mỗi ngày thu vào ít nhất cũng trên chục ngàn Đức Mã ! Trong 5 tháng, một số tiền không nhỏ.

Song lẽ EXPO 2000 không phải đến để bán thức ăn lấy tiền bỏ túi, mà đến để giới thiệu cho thế giới, cho trên 20 triệu người vào xem biết rõ về nền văn hóa dân tộc, về lịch sử hào hùng của con Hồng cháu Lạc trên 4 ngàn năm dựng nước và giữ nước. Tiếc thay nhà cầm quyền CS Hà Nội không làm được việc này, mà chỉ biết làm tiền, tiền và tiền ...

● Phạt tử Việt Nam / Berlin tham dự cuộc diễn hành văn hóa

Ngày 31.10.2000, cuộc lễ bế mạc EXPO, Ban Tổ Chức mời Hiệp Hội Văn Hóa Quốc Tế tại Berlin trong đó có Chi Hội Phạt Tử Việt Nam Ty Nạn và Gia Đình Phạt Tử VNTN Chánh Nhiệm tham dự cuộc diễn hành văn hóa quan trọng trong ngày lễ bế mạc EXPO 2000. Gần 200 ngàn người đến xem trong ngày cuối cùng này.

Nhận thấy nhà cầm quyền CSVN không giới thiệu được nền văn hóa và lịch sử hào hùng của dân tộc mình cho thế giới biết thì Phạt Tử Việt Nam Ty Nạn tại Berlin đảm nhận vai trò quan trọng đó.



Chi Hội Phật Tử và Gia Đình PTVNTN Chánh Niệm tại Berlin trước khi xuống đường diễn hành văn hóa

Gó trên 60 quốc gia tham dự cuộc diễn hành. Đoàn Phật Tử VNTN gồm có 30 người, được xếp thứ 17 đi sau Nam Phi, còn Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được xếp thứ 22...

• Đoàn diễn hành của Phật Tử VNTN được tổ chức như sau:

Đi đầu có 6 cô mặc quốc phục, áo dài màu xanh, màu hồng, đội khăn đóng màu vàng, mỗi bên 3 cô nâng lá đại quốc kỳ Việt Nam Tự Do, màu vàng ba sọc đỏ. Kế tiếp một vị bồ lão cũng mặc quốc phục, áo dài khăn đóng, cầm lá quốc kỳ Việt Nam Tự Do đưa cao lên. Rồi đến một vị đại diện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất / Âu Châu cầm Phật Giáo kỳ và một Huynh Trưởng thuộc Gia Đình Phật Tử VNTN Đức Quốc cầm cờ của GDPT VNTN tại Berlin và một con rồng màu vàng khoảng 10 thước do 8 đoàn viên GDPT luân phiên nhau điều khiển, múa lượn chạy chung quanh đoàn diễn hành trong tiếng trống lân đánh liên hồi thúc giục. Đi tới đâu khán giả đứng nghệt hai bên đường vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt tới đó.



Sáu cô Phật Tử thuộc GDPTVNTN Chánh Niệm trang trọng nâng lá đại kỳ Việt Nam Cộng Hòa dẫn đầu cuộc diễn hành

Tôi (người viết) vừa quay phim vừa đội đoàn diễn hành của Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa coi họ làm ăn ra sao? Nhưng chờ đến đoàn diễn hành của nước cuối cùng cũng không thấy đoàn Việt Cộng. Tôi nghĩ chắc họ không có người để làm cái việc mà họ cho là không mang lại lợi ích gì cho họ. Để người đi buôn bán còn có lợi nhiều hơn.

Mặc dù thời tiết lạnh lẽo (10 - 11 độ C), mặc toàn quần áo mỏng, các thành viên trong đoàn diễn hành vẫn cố khắc phục mọi sự giá rét, tiếp tục đi trên các đường trong EXPO, khoảng 1 tiếng rưỡi đồng hồ trong niềm hân hoan và hãnh diện. Không hân hoan và hãnh diện sao được! Vì đây là một biến cố vô cùng to lớn kể từ khi chúng ta bỏ nước ra đi tìm tự do. Sau 25

năm, lá cờ vàng ba sọc đỏ vẫn là biểu tượng duy nhất của người Việt Quốc Gia (không Cộng Sản), biểu tượng này mang một sắc thái cao sang, nhân ái, hiền hòa, nói lên được tất cả những gì gọi là tình cảm, chân thật của dân tộc Việt Nam. Trái ngược hẳn với lá cờ màu máu của Việt Cộng chỉ tượng trưng cho chết chóc, đau thương, cho hận thù giai cấp v.v...



Phần đóng góp cho EXPO 2000 của Phật Tử VNTN tại Berlin



Hình chụp trước khi múa màn "Con Rồng Châu Tiên". Người đứng giữa mặc áo Mantel là T.T. Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN Đức Quốc. Bên trái ĐH. Võ Văn Mai, bên phải Bác Nguyễn Đình Tâm



Màn múa "Đèn Châu" ở cung điện

Lá đại quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ được 6 cô Phật Tử mặc quốc phục nâng đi thật trang nghiêm, thật cảm động trên các đường trong EXPO, nơi có 155 quốc gia và Tổ Chức trên thế giới tham dự làm lu mờ hẳn lá cờ máu của Việt Cộng lúc đó đang ú rử trên cột ở gian hàng của họ!

Buổi tối lúc 20 giờ 15, đoàn lại trình diễn văn nghệ và múa lân trước gian hàng của Korea.

Phần trình diễn gồm có: **Màn một:** Múa đèn châu. **Màn hai:** Múa lân. **Màn ba:** Múa con Rồng cháu Tiên



Màn múa "Đèn Châu" ở cung điện



Mỗi màn đều có xướng ngôn viên mặc quốc phục, áo dài khăn đóng, giải thích bằng Đức ngữ về lai lịch và ý nghĩa của màn trình diễn để cho khán giả biết về văn hóa và lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam không Cộng Sản trên 4 ngàn năm dựng nước và giữ nước. Các màn diễn tới đâu khán giả hoan nghênh nhiệt liệt tới đó.

◀ Màn Múa Lân

• **Biểu tình chống Hữu Khuynh**



Bá Linh - Ngày 9.11.2000, trên 200 ngàn người đủ mọi giới, từ Tổng Thống Đức, ông Johannes Rau (SPD); Thủ Tướng Liên Bang, ông Schröder (SPD); Bộ Trưởng Ngoại Giao, ông Fischer (Grüne); Thủ Tướng Tiểu Bang Bayern, ông Stoiber (CSU); Chủ tịch Đảng CDU, Bà Merkel; Thị Trưởng Bá Linh, ông Diepgen (CDU) và những chính trị gia khác, đến thưởng kỹ nghệ gia, ca sĩ, Tổng đoàn v.v... và v.v... đã xuống đường tại Berlin, thủ đô nước Đức, để chống "**Bạo Lực và Hận Thù**".

Trong bài diễn văn, có đoạn ông Rau nói: "*Những thanh niên Đức đã săn đuổi, gây thương tích hay đánh đập chết những người ngoại quốc, những người tàn tật, những người vô gia cư qua các đường phố là một sự nhục nhã cho nước Đức chúng ta*". Ông tiếp: "*Hôm nay chúng ta nói: Chúng ta biểu tình chống "Bạo Lực và Hận Thù". Chúng ta không được xúc phạm đến phẩm cách của con người*".

Sở dĩ có cuộc biểu tình to lớn quan trọng có nhiều nhân vật lãnh đạo quốc gia tham dự là vì trong mấy tháng qua, đám đầu trọc, đám hữu khuynh cực đoan đã xuống đường khủng bố, đánh chết người ngoại quốc, đốt nhà thờ hoặc làm hư hại mồ mã của người Do Thái, không coi luật pháp ra gì.

Hy vọng qua cuộc biểu tình trên, chiến dịch bài ngoại của đám hữu khuynh sẽ giảm đi được một phần nào. Hãy chờ xem

• **Đảng NPD bị cấm hoạt động**

Ngày 8.11.2000, trong buổi họp Quốc Hội Liên Bang Đức, ông Otto Chily (SPD), Bộ Trưởng Nội Vụ Liên Bang đưa ra những bằng chứng là Đảng Quốc Gia Dân Chủ Đức, gọi tắt là NPD (National-Demokratische Partei Deutschlands) là một đảng cực đoan, hữu khuynh, có những hành động phá rối trị an, xách động quần chúng bạo động, đánh đập người ngoại quốc, tàng trữ tài liệu vũ khí bất hợp pháp, vi phạm Hiến Pháp v.v... nên đề nghị cấm đảng này hoạt động.

Sau khi bàn cãi, thảo luận sôi nổi Quốc Hội đã biểu quyết chấp thuận đề nghị trên.

Quyết định này còn phải được chuyển lên Thượng Viện để cửu xét và biểu quyết.

Hai ngày sau (10.11.2000) Thượng Viện khi nhận được đơn xin cấm hoạt động đảng NDP của Hạ Viện thì cũng có một cuộc tranh luận sôi nổi, gây chấn tử phía đại diện ba đảng phái đối lập là CDU, CSU, FDP. Nhưng cuối cùng Thượng Viện cũng đã biểu quyết Chấp Thuận.

Ở Đức chỉ có Tòa án Hiến Pháp Liên Bang mới có quyền ra lệnh cấm một chính đảng hoạt động. Từ khi thành lập Cộng Hòa Liên Bang Đức đến nay chỉ có hai đảng bị cấm hoạt động là Đảng Xã Hội Đại Quốc (Sozialistische Reichspartei) năm 1952 vì chủ trương xóa bỏ nền trật tự tự do dân chủ tại Đức và Đảng Cộng Sản Đức (Kommunistische Partei Deutschland) năm 1950 vì chủ trương xây dựng chuyên chính vô sản.

Theo hiến định, rồi đây Thượng Viện cũng phải chuyển toàn bộ hồ sơ lên Tòa án Hiến Pháp Liên Bang Đức để xin phán quyết ?

• **Di Dân và Hội Nhập**

Chánh sách này do hai đảng liên minh cầm quyền SPD + Grüne đưa ra. Một Ủy Ban soạn thảo chánh sách di dân và hội nhập do bà Rita Suessmuth (CDU) cựu Chủ Tịch Quốc Hội dưới thời cựu Thủ Tướng Kohl hướng dẫn.

Không bỏ lỡ cơ hội, ông Merz (CDU) Trưởng khối Dân biểu Quốc hội CDU+CSU tuyên bố là nên chọn đề tài này làm đề tài tranh cử trong kỳ bầu cử Liên Bang năm 2002. Phụ họa với Merz còn có ông Koch (CDU) Thủ tướng Tiểu Bang Hessen.

Merz đòi hỏi nước Đức nên giới hạn mỗi năm chỉ nhận 200 ngàn người di dân. Những người này muốn ở lại Đức thì phải học tiếng Đức và chấp nhận nền văn hóa trưởng thành tự do của Đức (die gewachsene freiheitliche deutsche Leitkultur). Cạm tử này thì nó nói lên chủ trương kỳ thị người ngoại quốc, nên gây ra sự chống đối chẳng những từ các đảng phái đối lập mà ngay cả trong đảng CDU.

Còn ông Ruehe, Phó Chủ Tịch đảng CDU thì tuyên bố rằng: Trong tương lai chúng ta muốn được thể giới xem như là một nước tiến bộ thì chúng ta phải mở cửa đón mời chuyên gia ngoại quốc vào và phải tạo một không khí hiếu khách với người ngoại quốc.

Riêng ông Stoiber (CSU) Thủ tướng Tiểu Bang Bayern thì nói rằng: Hội nhập đồng ý - Đa văn hóa - Không (Integration ja, Multikulti nein).

• **Đại ân xá tại Đức ? (Báo SHCB 11/2000)**

Ngày 11.10.2000, tại Hội nghị về chánh sách di dân diễn ra tại Berlin, ông Heinz Putzhammer, Đại diện cho Liên Hiệp Nghiệp Đoàn DGB, và ông Ralf Fuecks, Đại diện viện Heinrich Boll (thân Đảng Xanh) trong Ủy Ban Di Dân dưới sự Chủ tọa của Bà Suessmuth (CDU) đã cho biết rằng Ủy Ban này đã nhất trí rằng nước Đức cần có một chánh sách di dân tự do, cởi mở và nhân đạo.

Tiết lộ với báo Die Welt số ra ngày 17.10, ông Fuecks cho biết thêm rằng Ủy Ban này đang nghiên cứu một quyết định ân xá đối với những ngoại kiều lâu nay sống bất hợp pháp tại Đức cũng như một hạng ngạch cho những người muốn di dân vào Đức. Một trong những mẫu mực được nghiên cứu là cách giải quyết của chính quyền Pháp đối với những người không giấy tờ cư trú (sans papier) cách đây ít lâu.

Đối tượng là những người sống lâu năm ở Đức và không phạm pháp. Theo ước tính hiện có khoảng nửa triệu người đang sống bất hợp pháp và do đó hoàn toàn mất quyền tại Đức. Ủy

Ban này cũng nghiên cứu cách giải quyết của Bỉ. Đầu năm nay Bỉ cho phép 70.000 di dân bất hợp pháp, đã sống trên 4 năm ở Bỉ được làm đơn xin phép cư trú. Ông Fuecks đề nghị thời gian từ 3 - 5 năm cho trường hợp ở Đức. Theo ông việc ấn định thời gian quá lâu sẽ dẫn đến việc loại quá nhiều người; Còn quá ngắn sẽ trở thành lực hút đối với những người muốn vào Đức.

Ủy Ban cũng sẽ bàn về hạng ngạch đối với một vài thành phần di dân. Ủy Ban cực lực chống lại một giới hạn bên trên đối với người tỵ nạn chính trị và tỵ nạn chiến tranh. Mặt khác Ủy Ban đã định ra hạng ngạch cho những người Đức hồi cư và những người tỵ nạn qui số gốc Do Thái. Việc ấn định các hạng ngạch khác có thể dựa vào hạng ngạch này.

Ông Fuecks tuyên bố rằng, riêng ông muốn việc di dân chính thức không bị giới hạn vào trong số những người có trình độ chuyên môn cao và muốn mở cửa cho cả đám đông những người muốn di dân bình thường. Phương thức bóc thăm thẻ lục hàng năm ở Hoa Kỳ, theo đó mọi người đều có quyền tham gia, là một mô thức được cửu xét.

Ủy Ban Di Dân Liên Bang được Chính phủ Liên Bang thành lập vào ngày 12.9.2000, gồm 21 thành viên thuộc mọi đảng phái, giới kinh tế và nhà thờ, dưới quyền của bà Suessmuth, vào mùa hè 2001 Ủy Ban này dự định sẽ đệ trình lên chính phủ những đề nghị về chính sách di dân.

Lời người viết: Chính sách di dân trên đây chỉ là một dự thảo và sẽ được đệ trình lên Chính phủ cửu xét, có thể bị bỏ, thêm hay bớt một vài đề nghị của Ủy Ban. Do đó những người Việt đang xin tỵ nạn chờ đợi lạc quan rồi nắm hà miệng chờ sung rụng; trái lại phải dẫn thân chứng minh mình là một người thật sự xin tỵ nạn chính trị để chính quyền Đức cho tỵ nạn hơn là chờ một đại ân xá. Hy vọng, những mong manh !

● MỸ

Bầu cử Tổng Thống

Ngày 7.11.2000, bầu cử Tổng Thống thứ 43 của Mỹ. Có 6 đảng cử đại diện ra tranh cử, nhưng chỉ có hai đảng chính quan trọng, luân phiên nhau cầm quyền là Đảng Cộng Hòa và Đảng Dân Chủ.

* 1. George W. Bush (54 tuổi), Đảng Cộng Hòa đương kim Thống Đốc Tiểu Bang Texas.

* 2. Al Gore (52 tuổi), Đảng Dân Chủ đương kim Phó Tổng Thống Mỹ.

Cuộc bỏ phiếu đã diễn ra trong 48 Tiểu Bang suôn sẻ. Hai ông Bush và Gore đã đấu đối đầu theo đuổi nhau sát nút. Nhưng còn lại hai Tiểu Bang Oregon và Florida thì gặp rắc rối mà nhất là tại Florida nơi quyết định tối hậu vì ai sẽ thắng ở Tiểu Bang này được vào Tòa Nhà Trắng ngồi trong 4 năm; có uy quyền nhất thế giới.

Trước hết tôi xin trình bày sơ lược thể thức bầu cử Tổng Thống Mỹ để quý vị hiểu rõ, để từ đó mỗi theo dõi được diễn tiến xảy ra như thế nào ?

* 1. Mỗi Tiểu Bang được ấn định một số vị Thụ nhiệm (để bầu Tổng Thống trong cuộc tuyển cử gián tiếp). Tranh cử viên nào được số phiếu bầu nhiều nhất sẽ thắng, tức là tất cả số vị Thụ nhiệm đó thuộc về mình.

Thí dụ: Tiểu Bang Alaska có 3 vị Thụ nhiệm - Ông Bush có số phiếu nhiều nhất (không cần phải đa số tuyệt đối) 3 vị Thụ nhiệm đó thuộc về ông Bush.

* 2. Trong 50 Tiểu Bang có 538 vị Thụ nhiệm. Ai đoạt được 270 thì đắc cử.

● Bảng phân chia

Sau đây là bảng phân chia số lượng những vị Thụ nhiệm trong 50 Tiểu Bang - và số vị Thụ nhiệm do Bush và Gore thắng được trong 48 Tiểu Bang :

Tiểu Bang	Số thụ nhiệm	Bush	Gore	Tiểu Bang	Số thụ nhiệm	Bush	Gore
Alaska	3	3	-	Michigan	18	-	18
Nevada	4	4	-	Massachusetts	12	-	12
Arizona	8	8	-	Connecticut	8	-	8
Utah	5	5	-	Delaware	3	-	3

Idaho	4	4	-	Washington D.C	3	-	3
Montana	3	3	-	New York & Pennsylvania	59	-	59
Wyoming	3	3	-	Kentucky	8	8	-
Colorado	8	8	-	North Carolina	14	14	-
Texas	32	32	-	South Carolina	8	8	-
Oklahoma	8	8	-	West Virginia	5	5	-
Kansas	6	6	-	Virginia	13	13	-
Nebraska	5	5	-	Indiana	12	12	-
South Dakota	3	3	-	Ohio	21	21	-
North Dakota	3	3	-	New Hampshire	4	4	-
Louisiana	9	9	-	California	54	-	54
Arkansas	6	6	-	New Mexico	5	-	5
Missouri	11	11	-	Iowa	7	-	7
Mississippi	7	7	-	Illinois	22	-	22
Alabama	9	9	-	Maine	4	-	4
Georgia	13	13	-	Rhode Island	4	-	4
Tennessee	11	11	-	New Yersy	15	-	15
Hawai	4	-	4	Maryland	10	-	10
Washington	11	-	11	Oregon	7	?	?
Minnesota	10	-	10	Florida	25	?	?
Wisconsin	11	-	11				

Cộng : Số thu nhiệm : 538 Bush = 246 Gore = 260

Kết quả sau 48 Tiểu Bang, ông Bush thắng 29 Tiểu Bang được 246; ông Gore thắng 19 Tiểu Bang được 260. Còn lại hai Tiểu Bang là Oregon 7; Florida 25. Do đó ai thắng phiếu ở Tiểu Bang Florida, dù ông Bush (246 + 25 = 271) hay ông Gore (260 + 25 = 285) cũng đều trên 270/538 Thụ nhiệm, thì người đó sẽ đương nhiên thắng cử.

Vì lẽ đó nên mới có sự trục trặc vô tình hay cố ý của Ủy Ban Bầu Cử tại Florida trong việc bỏ phiếu và kiểm phiếu. Khi thì báo chí loan tin ông Gore thắng, lúc thì ông Bush thắng, làm dân chúng hoang mang không biết đâu là sự thật.

Đến tối ngày 10.11.2000, sau khi kiểm phiếu của 63 trên 67 địa điểm bỏ phiếu thì ông Bush chỉ hơn ông Gore có 341 phiếu. Kết quả nghi ngờ này người ta cho là "bất bình thường". Do đó bà Bộ Trưởng Tư Pháp, Janet Reno, đã tuyên bố là cho điều tra.

(Xem tiếp trang 176 kết quả bầu cử T.T Mỹ)

● VIỆT NAM

Trên 25 năm thống trị đất nước, Đảng Cộng Sản đi từ chuyên chính vô sản, chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa, đất nước Việt Nam bị hoàn toàn phá sản từ vật chất đến tinh thần. Dân chúng đói nghèo, xã hội băng hoại v.v...

Nhưng nếu có ai nói và viết lên như vậy, người Cộng Sản hay đám "theo đóm ăn tàn" cho họ là có thành kiến vì bị Cộng Sản cho đi tù cải tạo nên thù hận.

Lần này Tòa Soạn cho đăng "THỨ NGŨ" của P.H. ở Saarbrücken, người này đã sinh ra và lớn lên trong lòng chế độ Cộng Sản viết về chế độ CS chắc không phải vì có thành kiến hay thù hận mà vì muốn nói lên sự thật, dù sự thật đó có làm mất lòng đảng CS.

THỨ NGŨ

Kính gửi: Tòa soạn báo Viên Giác

Tôi đã rất xúc động và cảm kích sau khi đọc xong những bài báo viết về thực trạng đói nghèo thê thảm của nhân dân Việt Nam dưới sự thống trị vô minh của đám người Việt Cộng.

Tôi được sinh ra trong lòng chế độ Cộng Sản, cha mẹ tôi cũng đã từng hy sinh cống hiến cả tuổi trẻ của họ cho Cộng Sản, rồi cũng bị Cộng Sản "lấy oán trả ơn". Tôi cũng như lớp thanh niên Việt Nam, hàng ngày phải ăn độn khoai, phải mặc

quần áo vá, đi đến trường vẫn phải học những bài khuếch trương của Cộng Sản "Nhờ ơn Đảng và Bác Hồ đất nước ta giàu và đẹp". Sự hiểu biết của lớp trẻ chúng tôi bị kim hãm, hạn chế trong vòng u tối của những tên quan Việt Cộng. Hơn 12 năm đến trường, kiến thức của chúng tôi về văn học, lịch sử, triết học chỉ là ca tụng con đường Mác-Lê, tâng bốc ông Hồ và những con một dân Cộng Sản ngày nay. Còn về nền văn minh thế giới, về sự tự do dân chủ ở các nước tiên tiến cũng như khoa học kỹ thuật vượt bậc của họ thì không hề có trong nền giáo dục của Cộng Sản.

Hầu hết nhân dân đều bất mãn với chế độ Cộng Sản nhất là thanh niên chúng tôi, nhiều người hết sợ mà nói rằng: "Nếu giặc Mỹ quay lại đánh Việt Nam, tôi sẽ giương cờ trắng chạy theo nó". Còn tôi khi được sống, được thấy sự văn minh, được hưởng tự do ở nước người, tôi mới càng thấm thía nỗi nhục của người dân Việt ta. Cũng vì đau với nỗi đau chung của dân tộc mà tôi xin góp chút ý kiến cá nhân tôi cho công cuộc giải phóng dân tộc.

Để giúp cho tầng lớp thanh niên ở trong nước có một cái tầm nhìn vượt qua bức màn tre bưng bít của Cộng Sản, quý vị Đại diện Đảng phái, Hội đoàn, Tổ chức v.v... nên tìm cách đưa chui những tài liệu liên quan đến tình hình thế giới, chẳng hạn như cuộc nổi dậy của dân chúng Nam Tư lật đổ chế độ độc tài Cộng Sản Milosevic, những cuộc đấu tranh của người Việt hải ngoại nhằm loại bỏ chế độ Cộng Sản v.v... vào các trường Trung học, Đại học để họ biết rõ bộ mặt lừa dối của Cộng Sản, để từ đó họ vùng lên đòi lật đổ bắt nhân Cộng Sản phải thực hiện Tự Do - Dân Chủ, trả lại quyền sống và quyền làm người cho dân.

Xin cảm ơn P.H.

• Tổng Thống Clinton thăm Việt Nam

Ngày 16.11.2000 sau khi kết thúc cuộc họp thượng đỉnh Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương (APEC) tại Brunei, ông Clinton hưởng dẫn một phái đoàn hùng hậu gồm chính trị gia, báo chí, thường kỹ nghệ gia và con gái ông, cô Chelsea, đến thăm chính thức Việt Nam. Còn bà Hallary, phu nhân Tổng Thống Clinton, tân Nghị sĩ thành phố New York, đến Hà Nội chiều ngày 16.11, trước Clinton vài giờ sau khi dự tang lễ bà Leah Rabin, phu nhân cựu Thủ Tướng Do Thái, ông Zitzhak Rabin.

• Tóm lược cuộc viếng thăm của ông Clinton

* Khuya ngày 16.11.2000, phái đoàn đến sân bay Nội Bài. Ra đón Clinton có Đại sứ Mỹ Peter Peterson; về phía Việt Nam có Nguyễn Duy Niên, Ngoại Trưởng, và Vũ Khoan, Bộ Trưởng Thương Mại.

* Sáng 17.11.2000, lễ đón tiếp chính thức Clinton tại phủ Chủ Tịch Đảng CSVN, có mặt Trần Đức Lương.

* Chiều 17.11.2000, Clinton hội kiến với Thủ Tướng Phan Văn Khải.

Sau đó Clinton đọc diễn văn tại Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Trong bài diễn văn có mấy đoạn chính, ông nói:

- Tôi muốn xây dựng một tương lai khác biệt, giữa hai cựu thù địch. (Nguyên văn: *I want to build a different future, between two enemies*).

- Hai quốc gia nên nhìn về tương lai, mà (và) không về quá khứ. (*Both countries should look to the future, and not the past*).

- Giúp Việt Nam những tài liệu để tìm những người lính bộ đội CS bị mất tích suốt trong cuộc chiến.

• Thông dịch viên áp ứng khi dịch đến Nhân Quyền

Theo tin Reuters thì sang đến vấn đề Nhân Quyền, Clinton đã nhẹ nhàng yêu cầu CSVN hãy tôn trọng nhân quyền hơn, hãy mở rộng chế độ chính trị và cho kinh tế được tự do hơn. Những lời thông dịch cùng một lúc từ tiếng Anh sang tiếng Việt được truyền trực tiếp trên đài truyền hình đã mất cả ý nghĩa.

Mặc dù Thông dịch viên do Tòa Đại Sứ Mỹ tuyển chọn và cung cấp, nhưng những lời nói khác của Clinton đều được dịch rõ ràng, đến khi Clinton đề cập đến Nhân Quyền thì dịch áp ứng, ngập ngừng...

Thí dụ Clinton nói: "Theo kinh nghiệm của chúng tôi thì sự bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền đối lập chính trị không làm cho xã hội mất ổn định; trái lại nó giúp cho người dân tin tưởng hơn vào tính chất công bằng của định chế".

Thế mà Thông dịch viên lại dịch như sau: "Theo kinh nghiệm của chúng tôi, vấn đề cho phép thờ phượng, cho phép (áp ứng... rồi ngừng lại một chút...) nó không ảnh hưởng đến chế độ, nhưng làm cho chế độ tốt hơn !!!".

Thí dụ thứ 2, Clinton nói: "Chỉ có các bạn có thể quyết định bằng cách nối kết (tiếng Anh: weave) các quyền tự do cá nhân và nhân quyền vào trong "Tám Vải" vững mạnh của bản ngã quốc gia của Việt Nam".

Câu này được dịch như sau: "Chỉ có các bạn mới có thể quyết định (ngừng một lát...) làm cách nào sống với vấn đề (lại ngừng...) trong vấn đề nhân quyền ở Việt Nam và trong xã hội rồi các bạn sẽ tự quyết định lấy".

Nhiều người Việt Nam, sau khi nghe bài nói chuyện của ông Clinton đã cho phái viên Reuters biết rằng lời dịch có dụng ý làm cho những lời nói về nhân quyền của Clinton người nghe không ai hiểu ông nói cái gì !

Bản tin Reuters không cho biết Thông dịch viên mà Tòa Đại Sứ Mỹ cung cấp cử ngụ ở Việt Nam hay ở nước ngoài về, và gia đình người Thông dịch hoặc chính người đó có được công an tiếp xúc, hỏi thăm, dặn dò trước khi Clinton qua thăm Việt Nam hay không ? Nhưng ai cũng thấy các vấp vấp, lúng túng khi dịch những vấn đề tế nhị như nhân quyền là điều rất bất thường.

Nếu Tòa Đại Sứ Mỹ tuyển Thông dịch viên tại Việt Nam thì chắc chắn 100% là do nhà cầm quyền CSVN giới thiệu. Còn có tự đi thuê thì anh Thông dịch đó cũng phải báo cáo với nhà cầm quyền CS để nhận chỉ thị. Nếu không, sau khi Clinton đi về xử, anh Thông dịch đó sẽ cuốn gói đi tù cải tạo mức mùa !

* Sáng ngày 18.11.2000 tại thôn Đại Lợi, xã Tiều Châu, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc, Clinton cùng phu nhân và cô Chelsea đến thăm địa điểm khai quật hài cốt cố Đại Úy phi công L. Evert bị bắn rơi năm 1967. Cùng đi có hai con trai của cố Đại úy L. Evert.

* Chiều 18.11.2000, tại trụ sở Trung Ương Đảng, Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu và các đảng viên chấp bu tiếp ông Clinton và phái đoàn.

Trước hết là bài diễn văn của Clinton, cũng ca ngợi sự bang giao giữa hai nước trước kia là thù địch... ông cho biết là Mỹ cùng Liên Hiệp Quốc sẽ thành lập một Trung Tâm Dự Báo Thời Tiết tại miền Trung Việt Nam để giúp giảm thiểu hậu quả thiên tai; phụ giúp trong việc rà phá mìn, vật liệu chưa nổ v.v...

Tới phần diễn văn của Lê Khả Phiêu thì vẫn như cũ, vẫn khoe khoang thành tích đánh Mỹ cứu nước, thành tích xây dựng xã hội chủ nghĩa...

Phiêu nói:

Về đối mới: Mục tiêu đối mới mà chúng tôi phải đi đến là xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa. Nền kinh tế của chúng tôi có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Chúng tôi có kinh tế tư nhân, nhưng chúng tôi không tư nhân hóa nền kinh tế. Chúng tôi tổ chức lại Hợp Tác Xã chứ không phải giải tán Hợp Tác Xã. Trong nền kinh tế mà chúng tôi xây dựng kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác có vai trò rất quan trọng. Hơn 30 năm chiến tranh, 19 năm bị cấm vận, gặp vô vàn khó khăn, thách thức, nhưng Chủ Nghĩa Xã Hội Việt Nam vẫn tồn tại, vẫn phát triển và nhất định sẽ phát triển. Tôi đã được mời đi thăm Pháp, Ý, Cộng Đồng Âu Châu, tôi cũng đã nói như vậy. Bà Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ trong một lần gặp tôi có hỏi: Chủ Nghĩa Xã Hội có tồn tại được không ? Tôi nói: Không những tồn tại mà Chủ Nghĩa Xã Hội sẽ tiếp tục phát triển thắng lợi !

Lời người viết (LNV): Những lời Phiêu nói trên đây hoàn toàn ngược lại với Hiệp Ước Mậu Dịch mà Vũ Khoan đã đại diện cho Phiêu ký ngày 13.7.2000 chứa ráo mỵ, Hãy chờ xem lời nói của Phiêu có giá trị không ? Người viết còn nhớ, trong lần kỷ niệm 50 năm thành lập Cộng Hòa Dân Chủ Đức, Honecker đã chỉ bức tường Bá Linh nói: "Bức tường này sẽ đứng vững không phải 100 năm mà còn lâu hơn nữa !". Thế mà chỉ một thời gian

không lâu bức tường bị đập tan tành và Honecker phải chạy trốn và sống kiếp đời lưu vong, chết ở xứ người.

Về đối ngoại: Chúng tôi muốn làm bạn với tất cả các dân tộc, các quốc gia trên thế giới, cùng phấn đấu cho hòa bình, độc lập, hữu nghị và phát triển, hợp tác bình đẳng cùng có lợi... Chúng tôi tôn trọng sự lựa chọn, cách sống và chế độ chính trị của các dân tộc. Chúng tôi cùng đòi hỏi các nước tôn trọng chế độ chính trị, sự lựa chọn của dân tộc chúng tôi. Việc các nước có chế độ chính trị khác nhau cũng không ngăn cản sự hợp tác để cùng phát triển, nếu biết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi...

LNV: Thủ nhất: Ông Phiêu nói : "Chế độ Cộng Sản của ông là do sự lựa chọn của người dân". Vừa vừa thôi chứ ông Phiêu! Ngoài những đảng viên cao cấp được hưởng quá nhiều đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng v.v... Còn người dân có ai mà chọn lựa cái chế độ độc tài đảng trị lỗi thời của ông đâu. Chẳng qua là ông dùng súng Nga đạn Tàu bắt người dân phải cúi đầu nghe theo. Nếu ông và đảng ông buộc tôi là kẻ phản động chuyên lo đi xuyên tạc, thì xin ông cho thực hiện một cuộc bầu cử hoàn toàn tự do. Nếu người dân lựa chọn chế độ của ông, tức là đảng của ông thắng, tôi sẽ tình nguyện ôm chiếu đi vào tù cải tạo suốt đời. Tôi thách đố ông đó.

Thứ hai: Ông yêu cầu các nước khác phải tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của đảng ông, để cho các ông tha hồ tham nhũng, vi phạm nhân quyền, đàn áp những người yêu nước những không yêu Xã Hội Chủ Nghĩa của các ông. Điển hình là Nghị Định 31/CP của Võ Văn Kiệt ký tới nay vẫn còn hiệu lực.

* Chiều tối 18.11.2000 - Clinton, phu nhân cùng phái đoàn rời Hà Nội đi Sài Gòn. Ông đi Sài Gòn để xem tận mắt "Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi" mà ông đã từng nghe khi còn là một sinh viên phản chiến trốn lính, còn mọi việc đã được quyết định ở Bắc Bộ Phủ rồi.

Tại sân bay Tân Sơn Nhất đến khách sạn New World (trung tâm Sài Gòn) nơi Clinton lưu lại vào tối 18.11.2000, hai bên đường mặc dù trời tối, dân chúng cầm cờ Mỹ hoan hô Clinton và phái đoàn vang dội ngoài sự dự đoán của nhà cầm quyền CSVN. Nhà nước đã trải thảm đỏ nước Mỹ, dân chúng cầm cờ Mỹ rước Mỹ thì làm sao cấm được.

Cuộc viếng thăm Việt Nam của Clinton, một Tổng Thống cuối mùa (23.1.2001 hết nhiệm kỳ) chắc chắn chẳng mang lại lợi ích gì nhiều cho Hà Nội mặc dù ông đã hứa đủ điều; vì quyền lực sẽ nằm trong tay của một người khác. Tuy nhiên cũng làm hành động cho nhà cầm quyền Cộng Sản VN là được một ông Tổng Thống Mỹ đến thăm, cũng thực hiện được ước mơ mà trước đây ông Nguyễn Có Thạch, cựu Ngoại Trưởng, đã không ngượng miệng nói: "Ngày nào chúa làm bạn với Mỹ, ngày đó Hà Nội chỉ ngủ có nửa con mắt!". Bây giờ thì các ông ngủ thoải mái với hai con mắt rồi phải không ?

• Cộng Sản Việt Nam làm gì cho Clinton

Công ty Boeing, hôm 17.11.2000 cho hay họ đã nhận được đơn đặt mua ba chiếc phi cơ Boeing 777 - 2000 ER, loại chở hành khách đường quốc tế, từ Công ty Hàng không Nhà nước CSVN. Phi cơ sẽ được chuyển giao vào năm 2002 và 2003. Đơn đặt hàng này đã được công bố trong khi Clinton bắt đầu chuyến thăm Việt Nam kéo dài ba ngày.

• Đại Sứ Mỹ tại Việt Nam được thưởng Huân Chương

Trong khi ông Clinton đang viếng thăm Việt Nam, ông đã từng thưởng Huân Chương Công Dân của Tổng Thống cho Đại Sứ Peterson tại Việt Nam.

Nội dung bản văn:

Peter Peterson, là Đại Sứ, là Dân Biểu Quốc Hội 3 nhiệm kỳ và là một phi công có nhiều chiến công của Không lực Mỹ, ông đã cống hiến đời mình cho sự nghiệp bảo vệ dân chủ. Khi còn trong quân đội, ông là tù nhân chiến tranh bị giam giữ sáu năm rưỡi tại Việt Nam và trở lại Việt Nam năm 1997 trong tư cách Đại Sứ Mỹ đầu tiên sau thời chiến để bắt đầu tiến trình hòa giải. Với tài ngoại giao và nhạy cảm ông đã làm việc để hàn gắn vết thương trong quá khứ, tích cực tìm đầy đủ các hồ sơ Mỹ còn mất tích. Qua sự phục vụ quên mình, ông Peterson đã biểu lộ một nhiệt tâm không mệt mỏi vì bốn phận, danh dự và Tổ Quốc.

LNV: Được biết ông Peterson có vợ Việt, bà cư ngụ tại Úc. Việc làm của ông trong thời gian qua đã có một vài lần bị người Việt ty nạn ở Mỹ chất vấn vì có chiều hướng thiên Cộng.

• Lý Tổng thả truyền đơn

VNN. Các chứng nhân tại Sài Gòn và nhóm "Liên Minh Tổng Nổi Dậy Chống Cộng Toàn Cầu" ở Little Saigon, Orange County, Nam California, cho biết:

Vào lúc 3 giờ 45 chiều ngày 17.11.2000, phi công Lý Tổng đã dùng một máy bay thể thao mà anh đã thuê tại Thái Lan bay vào không phận Sài Gòn và đã tung 65.000 truyền đơn tại Sài Gòn và sau đó tại vùng Tây Ninh, kêu gọi đồng bào quốc nội thực hiện cuộc biểu tình đòi Tự Do trong khi ông Clinton đang đọc diễn văn tại Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

Nội dung như sau:

Đồng bào quốc nội thân mến, thời điểm đã đến, Tổng Thống Hoa Kỳ và Đức Giáo Hoàng đã cố xúi quẩy can thiệp vi nhân quyền vào một nước bằng quân sự. Hãy noi gương Nam Dương, Nam Tư vùng lên lật đổ chế độ phi nhân Việt Cộng, Fidel Castro và bọn Đầu Gấu Bắc Bộ Phủ đã bị lãng nhục bằng 50 ngàn truyền đơn được rải xuống Havana ngày Quốc Khánh thứ 41 của CS Cuba. Vậy ngay sau khi nhận được truyền đơn, Đồng bào hãy: Truyền báo khẩn cấp để cùng đồng bào toàn quốc thực hiện cuộc biểu tình đòi Tự Do ngày 17.11.2000 nhân dịp Tổng Thống Hoa Kỳ ghé thăm Việt Nam. Nhà nhà xuống đường, Người người xuống đường sẵn sàng đập tan mọi thế lực phản động chống lại. Cuộc Biểu Tình Đòi Tự Do phải được tiến hành đến khi hoàn toàn chiến thắng. Đồng bào hải ngoại, Khối NATO, Liên Hiệp Quốc và tất cả cường quốc Tự Do sẵn sàng hỗ trợ đồng bào quốc nội Tổng Nổi Dậy. Hãy giương cao tinh thần Thiên An Môn dựng Khải Hoàn Môn lịch sử đón chào Nữ Thần Tự Do. Liên Minh Tổng Nổi Dậy Chống Cộng Toàn Cầu. - Lý Tổng.

Mặt trước lá truyền đơn là lá cờ vàng ba sọc đỏ với những dòng chữ :

"Bắc Bộ Phủ toàn những tên Đầu Gấu, sống vô tâm quan hóa bữa tiệc đầu lâu"

và:

"Ta cúi đầu - Cộng cỡi cổ - Ta đứng dậy - Cộng sụp đổ".

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT TY NẠN CỘNG SẢN TẠI MỸ THAM DỰ NGÀY DIỄN HÀNH VĂN HÓA TẠI NEW YORK

Do thư mời của tổ chức Liên Hiệp Quốc (LHQ) (gồm có Tổ Chức Văn Hóa, Giáo Dục và Khoa Học (UNESCO) và Cơ Quan Di Dân Quốc Tế (International Immigrant Foundation - "IIF"), Phái đoàn Việt Nam Ty Nạn đã tham gia "Ngày Diễn Hành Văn Hóa Quốc Tế" theo truyền thống các sắc dân thiểu số di dân định cư tại Mỹ là một sự kiện mang tính cách lịch sử. Vì đây là cuộc diễn hành văn hóa lần thứ 15 cũng là dịp kỷ niệm lần thứ 55 ngày Liên Hiệp Quốc được thành lập.

Liên Hiệp Quốc chấp nhận cho phái đoàn Việt Nam diễn hành dưới lá Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa chủ không phải đứng dưới lá cờ Cộng Sản Việt Nam có phái đoàn đại diện tại LHQ. Đó là một vinh dự cho tất cả chúng ta suốt 25 năm trang trọng và bảo vệ lá Quốc Kỳ màu vàng ba sọc đỏ, để ngày 10.9.2000 ngạo nghễ tung bay cùng với những lá quốc kỳ của 116 nước tham gia cuộc diễn hành.

Khi lá đại kỳ của cựu chính thể Việt Nam Cộng Hòa xuất hiện cùng với chiếc xe hoa thiết trí thốt voi màu xám, trên lưng có hai thiếu nữ Việt Nam xinh đẹp với trang phục phụ nữ, áo cấm báo có thêu Long Phụng, đầu đội khăn đóng màu vàng, thắt lưng đeo thanh kiếm, xuất hiện tại ngã tư đại lộ Madison và 42th trung tâm thành phố New York thì hàng ngàn tiếng vỗ tay vang dội từ mọi phía.

Điểm đặc biệt trong cuộc diễn hành này chỉ duy nhất phái đoàn Việt Nam được trao giải bằng chỉ huy "Marsal" cùng với 6 nhân viên LHQ do Tiến sĩ Joseph A. Costantino hướng dẫn mà các phái đoàn khác không được trao giải bằng danh dự này. Theo sự giải thích của một nhân viên LHQ thì Phái Đoàn Việt Nam Ty Nạn tham dự cuộc diễn hành không được sự bảo trợ của quốc gia họ và không đi dưới lá quốc kỳ của quốc gia có

chân trong tổ chức LHQ, họ có lá quốc kỳ riêng và vì thế LHQ mới trao cho "giải băng" tổng chỉ huy (Marsal).

Mỗi phái đoàn tham gia cuộc diễn hành đều tiêu biểu cho một sắc thái văn hóa riêng biệt của quốc gia họ.

Còn Phái Đoàn Việt Nam Ty Nạn Cộng Sản thì tiêu biểu cho một nền văn hóa đấu tranh chống xâm lăng mà biểu tượng đó là hình ảnh Hai Bà Trưng hiên ngang, lẫm liệt ngồi trên lưng voi chỉ huy xông trận, đó chính là hình ảnh đã tạo nên sự xúc động mạnh trong tâm trí mọi người chứng kiến cuộc diễn hành với những tràng pháo tay vang dội khắp khu phố New York. Không phải phái đoàn Việt Nam chỉ thể hiện qua hình ảnh đấu tranh chống ngoại xâm mà còn thể hiện qua những nét văn hóa đặc thù khác như: Đám cưới cổ truyền với cô dâu và chú rể mặc quốc phục. Đội Trống Cơm do các thiếu nữ trang phục tiêu biểu cho các sắc dân đa số và thiểu số ở Việt Nam cùng với ba hồi chiêng trống tạo nên một âm thanh vừa rộn ràng, lại như vừa thúc giục, chen lẫn những âm thanh vui nhộn, hân hoan như những dịp lễ tại các vùng nông thôn Việt Nam.

Phái Đoàn Việt Nam được xem như là hùng hậu, đông đảo nhất trong cuộc diễn hành truyền thống văn hóa lần thứ 15 do LHQ tổ chức. Có ít nhất 12 phái đoàn Việt Nam thuộc các Tiểu Bang cũ người đến tham dự cuộc diễn hành với tổng số lên tới 1.300 người nối tiếp xe hoa và trên tay mỗi người đều cầm quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, tạo nên một rừng cờ vàng ba sọc đỏ rực rỡ tung bay trên đại lộ Madison. Khi phái đoàn đi ngang qua khán đài, Ban Tổ Chức giới thiệu một cách trang trọng: **Đây là Phái Đoàn của người Việt Nam Ty Nạn và di dân đồng đảo, có nhiều màu sắc tiêu biểu cho nền văn hóa Việt Nam có trên 4000 năm văn hiến.**

Lúc đầu tổ chức LHQ yêu cầu Phái Đoàn Việt Nam Ty Nạn đi diễn hành dưới lá cờ đỏ sao vàng của CSVN, họ nói đó là lá cờ đại diện cho người Việt Nam. Các đại diện Việt Nam phải tranh luận và giải thích cho LHQ biết rằng họ là những người Việt Nam Ty Nạn Cộng Sản, họ không bao giờ chấp nhận đi diễn hành mang tính cách truyền thống văn hóa dân tộc dưới lá cờ đã từng thấm máu của chính đồng bào ruột thịt họ trong suốt 30 năm chiến tranh do Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ mưu và tiến hành. Họ đi diễn hành dưới lá cờ mà khi ra đi ty nạn họ mang theo, lá cờ vàng ba sọc đỏ là linh hồn của họ. Cuối cùng LHQ phải chấp nhận cho Phái Đoàn Việt Nam Ty Nạn đi diễn hành dưới lá Quốc Kỳ của cựu chính thể Việt Nam Cộng Hòa.

Sau cuộc diễn hành, Phái Đoàn Việt Nam Ty Nạn được xếp hạng nhất kế đến là Thái Lan.

• **Tại sao LHQ chấp nhận cho Phái Đoàn Việt Nam đi diễn hành dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ ?**

Từ tháng 2.2000, khi Tổ Chức Văn Hóa, Giáo Dục và Khoa Học LHQ (UNESCO) quyết định tổ chức cuộc diễn hành văn hóa truyền thống dành cho các dân tộc thiểu số di dân định cư tại Hoa Kỳ vào ngày 10.9.2000, tức sau một ngày Đại Hội Đồng LHQ bế mạc thì UNESCO cũng như tổ chức di dân thế giới (IIF) quyết định tổ chức một cuộc họp khoáng đại với sự tham dự của nhiều đại diện các quốc gia có người di dân định cư tại Hoa Kỳ, trong đó có đại diện của nhà cầm quyền CSVN.

Tại cuộc họp này, đại diện của nhiều quốc gia có người di dân đã nhận tham gia cuộc diễn hành văn hóa truyền thống và đại diện của tòa Đại sứ CSVN tại LHQ cũng nhận lời tham gia diễn hành và họ cho biết rằng họ sẽ đưa các đoàn Văn Công tử Việt Nam đến thành lập phái đoàn của nước CHXHCN Việt Nam để tham gia cuộc diễn hành lần thứ 15 này. Tuy nhiên đại diện của UNESCO và IIF cho biết rằng cuộc diễn hành hoàn toàn mang tính cách văn hóa truyền thống của các sắc dân di dân đang định cư tại Hoa Kỳ và không mang tính cách tuyên truyền cho bất cứ một chế độ nào và không phải là người tử trong quốc gia đưa đến tham gia vào cuộc diễn hành.

Đại diện của tổ chức UNESCO và IIF còn nói cho đại diện CSVN biết rằng: *Nước CHXHCNVN của các ông chỉ mới thành lập hơn 50 năm chưa đủ thời gian để nói lên nền văn hóa truyền thống của nước Việt Nam mà theo chỗ chúng tôi biết thì có đến 4000 năm văn hiến, tức nền văn hóa Việt Nam có lâu đời nhất tại Á Châu. Theo chỗ chúng tôi biết thì những người Việt Nam di dân và ty nạn hiện nay tại Mỹ có đủ những yếu tố để nói lên nền văn hóa truyền thống của nước Việt Nam, các ông và chúng tôi*

sẽ mời họ tham gia vào cuộc diễn hành, nếu họ đồng ý và bảo đảm thể hiện được những nét văn hóa đặc thù của nước Việt Nam.

Đại diện tòa Đại sứ CSVN tỏ ra ngoan cố cãi rằng: Nhưng những người Việt đó đã bỏ nước ra đi, họ không thể đại diện cho nước Việt Nam chúng tôi, trong số họ có người đã chống lại Nhà Nước CHXHCNVN.

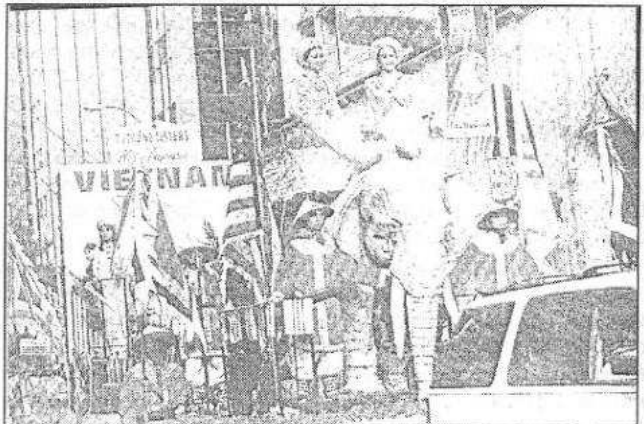
Vị đại diện của tổ chức IIF trả lời với nhân viên tòa Đại sứ CSVN rằng: *Đừng, họ không đại diện cho nước Việt Nam các ông, nhưng họ là khối dân đồng đảo hiện đang định cư tại Mỹ, họ không có Tổ Quốc, không có chính quyền như các ông, nhưng họ có khối quần chúng kết đoàn thành nhiều tổ chức văn hóa xã hội có khi có cả chính trị nữa, chúng tôi không thể nào loại bỏ họ ra ngoài cuộc diễn hành truyền thống văn hóa dành cho các sắc dân thiểu số này.*

Viên đại diện tòa Đại sứ CSVN tại LHQ tiếp tục cãi chày cãi cối rằng: Nhưng, nếu các ông nhận những người Việt Nam này và cho họ tham gia vào cuộc diễn hành thì không đúng với Công Pháp Quốc Tế vì họ sẽ sử dụng lá cờ trước đây, ngày nay không còn giá trị nữa. Nếu họ tham gia diễn hành phải đi dưới lá quốc kỳ của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam chúng tôi.

Vị đại diện tổ chức IIF hỏi viên đại diện của tòa Đại sứ CSVN rằng: Ông hiểu như thế nào là Công Pháp Quốc Tế ? (The Law Among Nations-Public International Law). *Công Pháp Quốc Tế bắt buộc phải có 3 yếu tố để hình thành một quốc gia và linh hồn của quốc gia đó là lá quốc kỳ. Đó là: 1. Lãnh thổ. 2. Quần chúng. 3 Chính quyền. Có phải đúng thế không ? Nhưng Công Pháp Quốc Tế cũng thừa nhận: Một khối quần chúng kết đoàn hợp thành một phong trào hay một tổ chức thì linh hồn của họ là lá quốc kỳ do chính họ làm ra, hay họ mang từ một quốc gia bị chiếm, làm linh hồn của khối quần chúng đó. Đó là trường hợp của dân tộc Do Thái, dân tộc Palestine hay một số dân khác. Nếu những người Việt Nam hiện định cư tại Mỹ tham gia diễn hành họ mang theo lá quốc kỳ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước đây thì không có gì là lạ cả và cũng không trái với tinh thần Công Pháp Quốc Tế.*

Cuộc tranh luận trên đây là lý do đưa đến LHQ quyết định mời Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn tại Hoa Kỳ tham gia cuộc diễn hành văn hóa truyền thống đi dưới lá quốc kỳ của cựu Việt Nam Cộng Hòa. (Viết thao báo Trách Nhiệm, số 21).

Lời người viết: Qua lời giải thích rõ ràng của vị Đại diện Tổ chức IIF sẽ đánh tan mọi tranh cãi từ trước tới nay về Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn chúng ta đã và đang dùng lá quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ biểu tượng cho tự do, làm linh hồn cho Cộng Đồng trong cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ, giành lại quyền sống và quyền làm người cho dân tộc Việt Nam thì không có gì là trái luật cả.



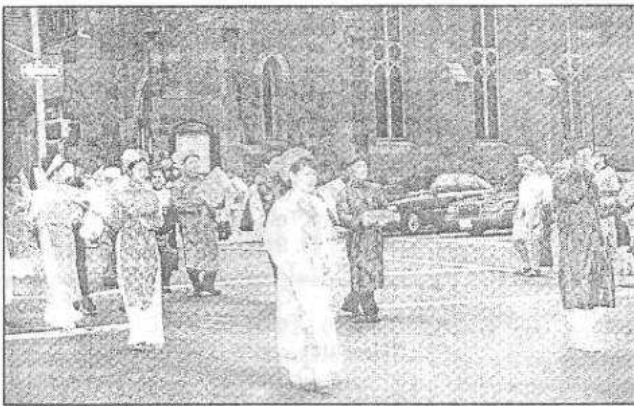
Xe hoa Hai Bà Trưng do hai sinh viên Phạm Huy Phụng & Trần Mỹ Tiên trong vai Trưng Trắc và Trưng Nhị là một hình ảnh sống động được dân cư New York và du khách đặt biệt chú ý.



Đại Kỳ cựu Việt Nam Cộng Hòa do Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn California dẫn đầu đoàn diễu hành



Cờ Việt Nam Cộng Hòa đang phát phôi tung bay trên đại lộ Madison



Các Thanh niên, Thiếu nữ Việt Nam trong trang phục hôn lễ của một đám cưới cổ truyền tham gia cuộc diễu hành và được mọi người hoan hô nhiệt liệt

• Cựu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa được tuyên dương

Đã đến lúc phải lật lại những trang sử cũ, những trang sử nhiều oai hùng nhưng cũng lắm gian khổ và hiểm nguy của cựu quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã từng ngày đêm lo bảo vệ miền Nam tiền đồn của thế giới tự do, ngăn chặn làn sóng đỏ, để cảm phục, biết ơn và vinh danh họ.

Ngày 01.7.2000, Thượng Viện Mỹ đã tuyên dương Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, bản văn như sau:

**QUỐC HỘI KHÓA THỨ 26
PHIÊN HỢP 2D
THƯỢNG VIỆN HOA KỲ
Ngày 1 tháng Bảy năm 2000**

Nhận và chuyển đến Hội Đồng Ngoại Giao

QUYẾT NGHỊ CHUNG

Nhằm biểu lộ nhận thức của Quốc Hội đối với sự hy sinh của những cá nhân đã phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cũ.

Xét rằng: Quân Lực Hoa Kỳ và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã cùng chiến đấu bên nhau cho mục tiêu tự do và dân chủ tại Việt Nam Cộng Hòa trước đây;

Xét rằng: Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã chịu nhiều hoàn cảnh đau khổ khủng khiếp, bao gồm trên 250.000 người đã hy sinh và trên 750.000 người bị thương tử năm 1961 đến 1975 để gìn giữ tự do;

Xét rằng: Nhiều sĩ quan và công chức đã bị giam giữ và lao động khổ sai trong các trại cải tạo theo sự chỉ huy của Chính Phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Xét rằng: Ngày 19/6 hằng năm, là ngày truyền thống mà Cộng Đồng người Mỹ gốc Việt dùng để tưởng nhớ đến những người đã hy sinh trong cuộc chiến đấu để gìn giữ sự tự do của Việt Nam Cộng Hòa cũ;

Xét rằng: Ngày 19/6 là ngày dùng để nhắc nhở của những người Mỹ gốc Việt về những lý tưởng và giá trị cao quý của sự tự do cần phải được ghi tâm; và những vấn đề về nhân quyền cần phải lưu ý Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Vi thế, nay :

Quyết nghị bởi Hạ Viện (và đồng thời Thượng Viện) rằng Quốc Hội :

(1) Ca ngợi sự hy sinh của những người đã phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa; và

(2) Hoan nghênh sự đóng góp của tất cả những cá nhân đã dồn nỗ lực, và đang tiếp tục nỗ lực, gây sự chú ý của quốc tế về việc vi phạm nhân quyền tại Việt Nam.

Thông qua Hạ Viện ngày 10 tháng Bảy năm 2000
 Chủng thực, JEFF TRANDAHL, Thư ký,

KHI TÔI CHẾT ĐỪNG ĐƯA TÔI RA BIỂN

Cái oai hùng và bất khuất của người lính cựu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa nói chung và người lính mũ xanh Thủy Quân Lục Chiến nói riêng qua bài thơ của Trung Tá Nguyễn Văn Phán:

KHI TÔI CHẾT ĐỪNG ĐƯA TÔI RA BIỂN :



Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
 Đưa tôi về Lao Bảo, Khe Sanh
 Để đêm nghe vang dội khúc quân hành,
 Ôi! lính chiến một thời kiêu hãnh quá.

Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
 Đưa tôi về Bến Hét, Đắc Tô
 Nơi bạn bè tôi xây mộng sông hồ
 Nguyễn trấn giữ dãy Trường Sơn yêu qui

Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
 Đưa về Bình Giã, Chiến khu Đ
 Cho hồn tôi siêu thoát với lời thề
 Thân chiến sĩ, nguyện xin đền nợ nước

Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
 Đưa tôi về Cái Nước, Đầm Dơi
 Đêm U Minh, nghe tiếng thét vang trời
 Mừng chiến thắng để dâng về Tổ Quốc

Khi tôi chết, đừng đưa tôi ra biển
 Trả tôi về với dân tộc Việt Nam
 Gởi thân tôi ba sọc đỏ màu vàng
 Xin liệm kín với hồn thiêng sông núi !

TIN THẾ GIỚI

(Tiếp theo trang 171)

Tiếp theo "Bầu cử Tổng Thống Mỹ"

Riêng ông Gore thì quả quyết là đếm phiếu bằng máy không đúng 100%, nên ông yêu cầu ủy ban bầu cử phải đếm lại bằng tay. Hơn nữa những phiếu bầu gửi đến trễ chưa được đếm. Ông thưa lên tòa án tối cao ở Florida. Tòa án này gồm có 7 người, trong đó có 6 người thuộc về đảng của Gore (Dân chủ), còn 1 người không đảng phái.

Thế là cuộc kiểm và đếm phiếu bằng tay bắt đầu. Đến ngày 26.11.00, lúc 17 giờ địa phương (23 giờ tại Âu Châu) là phiếu cuối cùng đã được kiểm và đếm xong. Kết quả ông Bush vẫn hơn Gore 537 phiếu. Tòa án tối cao Florida cũng phải chấp nhận kết quả này. Vì trong khi kiểm tra và đếm phiếu không phát giác được một sự gian lận nào.

Nhưng Al Gore không chịu thua, ông tuyên bố ít nhất là có 2 địa điểm bầu cử mà ông tố cáo là gian lận.

1/ - Tại Palm-Beach, Gore nói bà Bộ Trưởng Nội Vụ, Katharine Harris (Cộng Hòa) đã không cho đếm 220 phiếu, bởi vì những người phụ giúp chưa lựa xong đã hết giờ ?

2/- Tại Miami-Dade, ông nói 10.000 phiếu không được đếm ? (Phiếu bất hợp lệ làm sao đếm được)

Ông tố cáo nhưng không có bằng chứng cụ thể, coi như cầm chắc cái thua trong tay.

- Cựu Ngoại Trưởng ông James Baker (CH) kêu gọi Gore nên chấp nhận thua và rút lui còn đỡ mất thể diện hơn là bị xử thua.

- Ngày 1.12.00, Tối Cao Pháp Viện (TCPV) sẽ họp tại Washington để cứu xét toàn bộ nội vụ.

- Ngày 18.12.00 TCPV sẽ quyết định dứt khoát ai là Tổng Thống thứ 43. Sau đó 538 vị thụ nhiệm của 50 Tiểu bang sẽ họp tại Washington để xác định vị Tân Tổng Thống.

Kết quả qua 50 Tiểu bang như sau :

- George W. Bush thắng 30 Tiểu bang được 271 / 538

- Al Gore thắng 20 Tiểu bang được 267 / 538

Khi tờ báo này đến tay quý vị, chắc hẳn quý vị đã biết ai là Tổng Thống thứ 43 của xứ Cờ Hoa rồi.

- Ngày 23.1.2001 sau buổi lễ bàn giao trọng thể, Tân Tổng Thống, người có quyền lực nhứt thế giới, sẽ vào tòa nhà Bạch Ốc, ngự trị tại đây 4 năm để điều hành quốc sự./.

Kêu gọi phát tâm cúng dường in kinh ấn tống hoặc cho vay ngắn hạn

In kinh ấn tống là một trong những phước điền cao cả và công đức vô lượng; nhằm truyền đạt giáo pháp của Đức Như Lai vào các nẻo quần sanh. Do vậy trong thời gian qua Liên Chúng Bồ Tát tại Đức đã phát tâm đồng mãnh đánh máy lại Bộ Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới giảng ký do Pháp Sư Diễn Bồi giảng bằng tiếng Hoa và Hòa Thượng Thích Trí Minh (Mai Sơn Thiền Viện - Việt Nam) đã dịch ra Việt văn rất công phu trong suốt thời gian 47 năm nhập thất của Ngài.

Kinh được chia ra làm 2 quyển, đóng bìa cứng mạ vàng. Mỗi quyển hơn 500 trang. Bên trong lại có những hình ảnh màu của chư Phật và Bồ Tát, khiến khi đọc tụng, thọ trì sẽ phát tâm đồng mãnh hơn. Suốt trong thời gian gần một năm kêu gọi, quý Phật Tử khắp nơi đã cúng dường khoảng gần 20.000 Đức Mã. Như vậy còn thiếu khoảng 40.000 Đức Mã nữa mới in được 1.000 bộ này.

Nhân buổi thọ Bát Quan Trai tại Karlsruhe vào ngày 25 - 26 tháng 11 năm 2000 vừa qua, qua sự kêu gọi của Thượng Tọa Trụ Trì Chùa Viên Giác đã có 11 Phật Tử cho mượn 11.000 Đức Mã (mỗi cổ phần 1.000 Đức Mã) và nhân đây cũng xin kêu gọi quý vị Phật Tử tiếp tục hỗ trợ cho công đức cao quý này. Quý vị có thể cúng dường mỗi bộ 2 cuốn 100 Đức Mã, hoặc cho mượn ngắn hạn trong thời gian độ 2 năm, mỗi cổ phần 1.000 Đức Mã, sau đó Liên Chúng Bồ Tát sẽ hoàn lại quý vị. Số tịnh tài có thể chuyển vào số Konto sau đây :

Congr. d. Verein. Vietn.
Buddh. Kirche e.V

Konto Nr. 034 4630 - BLZ 672 700 03
Deutsche Bank Heidelberg

Xin chân thành cảm tạ quý vị trước.

Đại diện cho Liên Chúng Bồ Tát tại Đức:
Diệu Đồng Trịnh Thị Nam - Heckerstr.59,
69124 Heidelberg.

Tel+Fax: 06221 - 78 56 81

Kỷ Niệm 52 Năm Ngày Quốc Tế Nhân Quyền

10.12.1948 - 10.12.2000

HÃY VỀ BERLIN THAM DỰ BUỔI THẮP NẾN CẦU NGUYỆN CHO NHÂN QUYỀN VÀ TỰ DO TÔN GIÁO TẠI VIỆT NAM

Chương trình:

* Ngày thứ Bảy 09.12.2000 từ 15 giờ đến 21 giờ:

* Lễ cầu nguyện; thắp nến tại Potsdamer Platz - Berlin. (Góc đường Leipzig Str. và Alt Potsdamer Str.)

* Hội luận về hiện tình Việt Nam: Nhân quyền, Tự do Tôn giáo... tại Vietnam Haus, Großbeerenstr. 70 - 10963 Berlin (Quận Kreuzberg)

* Ngày Chủ Nhật 10.12.2000 từ 10 giờ đến 13 giờ:

* Mít-tinh trước Sở Quán CSVN, Elsenstr. 3 - 12435 Berlin (Quận Treptow).

Mọi chi tiết xin liên lạc Ban Tổ Chức / Ủy Ban Bảo Vệ Cộng Đồng :

-Bắc Đức:

Ô. Ngô Văn Phát

Tel : 0511 879630;

Ô. Phạm Công Hoàng

Tel : 0421 876511;

Ô. Trần Văn Các

Tel : 0421 421606.

-Nam Đức:

Ô. Trịnh Đỗ Tôn Vinh

Tel : 06321 344496;

Bà Phương Thị Phi Nga

Tel : 0671 41633;

Ô. Bùi Văn Tân

Tel : 0911 8148754.

-Đông Đức:

Ô. Nguyễn Đình Tâm

Tel : 030 32706807;

Ô. Đinh Anh Dũng

Tel : 0177 6561819;

Ô. Phạm Công Niên

Tel : 036424 50920.

-Tây Đức:

Ô. Nguyễn Hữu Đông

Tel : 0211 253631;

Ô. Nguyễn Thanh Văn

Tel : 02151 393550.



Mục ủng hộ báo Viên Giác

Họ và tên :

Địa chỉ :

Số tiền :

Độc giả : Cũ Mới

Hướng dẫn đường đi:

I. Đến địa điểm thấp nền cầu nguyên (Potsdamer Platz):

Trên **A111** lấy hướng **Zentrum**, khi đến **Autobahn Dreieck (AD) Funkturm** thì vào **Ausfahrt (AS) Kaiserdamm**, -> **Messedamm-Süd**, -> Khi gặp đường **Kaiserdamm** thì rẽ phải hướng **Tiergarten**, -> chạy trên đường **Bismarckstr** -> **17 Juni Str** -> đến khi gặp **Brandenburger Tor** thì rẽ phải trên đường **Ebertstr**, chạy trên đường này thì sẽ gặp **Potsdamer Platz**.

II. Đến Nhà Việt Nam (Vietnam Haus) : Từ **Potsdamer Platz**, chạy trên đường **Potsdamer Str** (hướng **Schöneberg**) khi gặp **Schöneberger Ufer** (qua cầu) thì rẽ trái -> **Tempelhofer Ufer**, khi gặp **Großbeerenstr** thì rẽ phải, tìm số **70**.

III. Đến Sứ Quán CSVN (Elsenstr. 3) : Từ Nhà VN (Vietnam Haus), trở ra đường **Tempelhofer Ufer** và rẽ phải, gặp đường **Mehringdamm** thì rẽ phải, gặp **Blücherstr** hoặc **Gneisenaustr** thì rẽ trái, -> **Hasenheide**, -> **Karl-Marx-Str**, khi gặp **Erkstr.** thì rẽ trái, -> **Wildenbruchstr**, gặp đường **Harzer** thì rẽ phải, sẽ gặp đường **Elsenstr**.

* Yêu cầu đồng bào về tham dự mang theo nến, cờ, cán cờ, biểu ngữ mang nội dung: Tự do Tôn giáo cho Việt Nam (Religionsfreiheit für VN); Hà Nội Hãy ngưng ngay mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng tại VN (Hanoi - Schluss mit den Verletzungen der Glaubensfreiheit in VN); Tự do báo chí cho VN (Pressefreiheit für VN); Tự do ngôn luận cho VN (Redefreiheit für VN) ...

Tết Tân Ty - Xuân và Tuổi Trẻ

Sẽ được tổ chức vào ngày 27.01.2001
tại Schulzentrum a.t. Ronzellenstr
Ronzellenstr.51 - 28359 Bremen
Chương trình bắt đầu vào lúc 15 giờ
Chương trình văn nghệ 17.30 giờ
Disco - Dạ vũ Tết từ 22 giờ đến 1 giờ
Vé ủng hộ vào cửa 10 DM
Hội NVTNCS Bremen kính mời



Tin Phật sự

Tân Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử VNTN Freiburg & VPC

Ngày 18 & 19.11.2000, dưới sự chứng minh của Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng, Chi Bộ Phật Giáo VNTN Đức Quốc, nhân dịp Lễ Phật đản kỷ và Thọ Bát Quan Trai, Phật Tử tại Freiburg và VPC đã bầu lại Tân Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 2000-2002.

Thành phần Tân Ban Chấp Hành :
-Chi Hội Trưởng : ĐH. Đồng Kế Nguyễn Ban
-CHP Nội Vụ 1 : ĐH. Minh Mẫn
Trần Đức Minh
-CHP Nội Vụ 2 : ĐH. Thiện Tánh
Nguyễn Minh Tâm
-CHP Ngoại Vụ : ĐH. Thiện Dũng
Võ Ngọc Hùng
-Thư Ký 1 : ĐH. Thiện Pháp
Đỗ Thị Túy Anh
-Thư Ký 2 : ĐH. Thiện Tài
Lê Thị Kim Dung
-Thủ Quỹ: ĐH. Đoàn Minh Thắng
-Trai Soạn : ĐH. Thiện Thảo
Nguyễn Thị Minh Hiếu

Địa chỉ liên lạc:

Nguyễn Ban - Binzengruen 34,
79114 Freiburg
Tel. 0761 - 41545

Nhân dịp này thay mặt Hội Phật Tử VNTN/Đức, chúng tôi xin chào mừng Tân Ban Chấp Hành đồng thời chúc quý vị Đạo Hữu thành viên gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong công việc Phật sự được giao phó.

Nhắn Tin

• TÌM CON

Con trai tôi tên **VÕ-THẮNG GIA-UY**, sinh năm 1975, Ba cháu là cựu Đại úy Không quân ở Cần Thơ di tản qua Mỹ tháng 5.1975.
Tháng 6.1990, cháu đã vượt biên sang Thái Lan, sau đó được Hội Phật Giáo Hòa Hảo lãnh sang Úc vào cuối tháng 8.1995, ở tại Adelaide.
Lần đầu tiên cháu gửi thư có ghi địa chỉ là: **298 Sackvillestr - Canleyvale NSW 2166**. Lần sau: **400 Cabra Matta Rd. Cabrawatta - NSW 2166 - AUSTRALIA**.

Từ giữa năm 1996 đến nay tôi mất liên lạc với cháu. Tôi không biết cháu hiện nay ở đâu? Vậy kính xin quý vị nào biết cháu **VÕ-THẮNG GIA-UY** hiện đang ở đâu? Còn sống hay chết? Xin rộng lòng báo cho cháu biết nếu cháu còn sống, hoặc báo cho tôi biết nếu cháu đã mất hay bị tù tội v.v...

Con GIA-UY, khi được tin này, dù con hiện sống ra sao đi nữa cũng viết thư về cho Má biết. Má đang mòn mỏi trông con từng giờ, từng ngày...

Địa chỉ: **NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH**
474/20 A, Đường 26.3 - F.16 -
Quận Gò Vấp
TP Hồ Chí Minh - VIỆT NAM.

• TÌM CHỒNG & CHA

Vợ là: **VÕ-THỊ KIM-SA**
Và các con là: Nguyễn-Thị Kim-Thoa - Nguyễn-Thị Kim-Điệu - Nguyễn-Thị Kim-Luyến (đã chết) và Nguyễn-Quốc-Hùng, tìm chồng và cha là Ông **NGUYỄN-VĂN-BỐN**, đã mất tích tại Bình Dương.

Đón vị sau cùng của ông Nguyễn Văn Bốn là Sư Đoàn 18 Bộ Binh, Trung Đoàn 43, Tiểu Đoàn 1, đã mất tích ngày 18.6.1974 tại Bình Dương xã An Thạnh trong khi giao chiến với Cộng quân và bị chúng bắt đi theo. Có được trao trả tù binh? và hiện giờ ở đâu?

Khi được tin này Anh hãy liên lạc với vợ là **Võ-Thị Kim-Sa**, hiện đang sống tại đất Pháp với các con tại địa chỉ:

NGUYỄN-VÕ Marie Jeanne
29 Route de Givry -
71.100 St. Rémy - FRANCE

Vậy, các Ông Bà, Cô Bác ai biết chồng tôi là ông Nguyễn Văn Bốn ở đâu xin vui lòng liên lạc địa chỉ trên xin vạ tạ với tấm lòng thành của tôi.

• NHẮN TIN

Ông Phạm Văn Liễu, vợ là Bà Hà, trước 1975 làm việc với ông Hoàng Đức Nhã. Sang Đức năm 1980, hiện ở đâu, tin cho **Nguyễn Trọng Giao, 3580 Ovide, Brossard, J4Y 2N2 - Canada**.

• TÌM THÂN NHÂN

Tìm em gái họ là **ĐÀM THỊ BÁU**, sinh năm 1952, đi vượt biên với chồng là **NGUYỄN TRUNG THÀNH** và một người con trai là **NGUYỄN TRUNG DŨNG** sinh năm 1979, khi đi vượt biên cháu được 8 tháng.

Mấy tháng nay có tin là chị Báu và người con trai sống ở Đức. Ba Má của chị Báu còn sống ở Việt Nam, bây giờ đang mong chờ tin con và cháu ngoại, vì thương nhớ con và cháu nên sức khỏe hao mòn nên rất yếu. Chỉ mong chị về Việt Nam gặp lại thân nhân hoặc liên lạc lại với gia đình.

Địa chỉ của cha mẹ chị **Đàm Thị Báu**:
Đàm Văn Phú - Khu phố chợ 28 -
Huyện Tân Bình - TP Hồ Chí Minh.
Tel. 0084 88 49 69 29

Hoặc với gia đình em:

Quách Thị Quế - Friedrichschulstr. 26
- 42105 Wuppertal - Deutschland.
Tel. 0202 - 44 37 18.

Hoặc có ai biết chị Báu và cháu Dũng hiện đang ở đâu làm ơn xin nhắn lại dùm. Xin thành thật cảm ơn.

Chương Trình sinh hoạt của chùa Viên Giác năm 2001

* Từ ngày 22.12. năm 2000 đến ngày 8 tháng 1 năm 2001 thuyết trình tại Singapore, Malaysia, Indonesia và Úc Châu.

Tháng 1 năm 2001:

Ngày 13 và 14.01.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
Tu học tại chùa Phổ Hiền Straßburg-Pháp
Ngày 23.01.2001: (thủ ba)
- Tất niên
- 20:00 giờ sám hối
- 22:00 - 24:00 Văn nghệ Tết do GDPT Tâm Minh phụ trách
- 24:00 đón giao thừa, lì xì, xin xăm, hái lộc
Ngày 24.01.2001: (thủ tư) nhằm ngày mừng một Tết Tân Ty
- 05:45 Tọa thiền và tri tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm
- 11:00 Cúng Tổ và cúng chú Tiên linh quá vãng
- 17:00 Công phu chiều
Suốt từ sáng đến chiều tại chùa đều có phát lộc, xin xăm, lì xì.
Ngày 25.01.2001: (thủ năm) nhằm ngày mừng hai Tết
- Chương trình giống như ngày mừng một Tết
Ngày 26.01.2001: (thủ sáu) nhằm ngày mừng ba Tết
- Từ 6:00 giờ sáng đến 17:00 giờ chiều tri tụng bộ Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa để cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.
Ngày 27.01.2001: (thủ bảy)
- Tết tại Nürnberg (Thầy Hạnh Tấn tham dự và hướng dẫn)
Ngày 28.01.2001: (chủ nhật)
- Tết tại Künzelsau (Thầy Hạnh Tấn đảm trách)

Tháng 2 năm 2001:

Ngày 03.02.2001: (thủ bảy)
- Lễ Tết tại Chi Hội Frankfurt
Ngày 04.02.2001: (chủ nhật)
- Lễ Tết tại Chi Hội Mannheim
Ngày 07.02.2001: (thủ tư) nhằm ngày rằm tháng giêng chánh lễ tại chùa có thuyết pháp, hái lộc, lì xì đầu năm
Ngày 10.02.2001: (thủ bảy)
- Cúng Rằm Tháng Giêng tại chùa
Ngày 17 và 18.02.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai cũng như lễ Rằm Tháng Giêng tại Odense Đan Mạch
* Từ ngày 20 đến 28.02.2001 hành hương chiêm bái rừng Phật tại Tích Lan (Sri Lanka).

Tháng 03 năm 2001:

Ngày 03.03.2001: (thủ bảy)
- Lễ Phật tại Koblenz
Ngày 04.03.2001: (chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai và Lễ Phật tại Chi Hội Phật Tử Saarland
Ngày 10 và 11.03.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Tu học và lễ vía Đức Phổ Hiền tại chùa Phổ Hiền Straßburg-Pháp
Ngày 17 và 18.03.2001: (thủ bảy và chủ nhật)

- Thọ Bát Quan Trai tại Chi Hội Phật Tử Nürnberg + Fürth + Erlangen

Ngày 24 và 25.03.2001: (thủ bảy và chủ nhật)

- Thọ Bát Quan Trai tại Mannheim
Ngày 31.03. và 01.04.2001: (thủ bảy và chủ nhật)

- Thọ Bát Quan Trai tại Rottweil
- Tại chùa Viên Giác có khóa huân tu Đại Bi do Thầy Hạnh Tấn hướng dẫn

Tháng 4 năm 2001:

Ngày 7 và 8.04.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Aschaffenburg

* Từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 4 năm 2001 (thứ sáu đến thứ hai) khóa Giáo Lý cho Gia Đình Phật Tử và đặc biệt kỷ này có khóa huấn luyện bổ túc hành chánh tại chùa Viên Giác.

Ngày 21 và 22.04.2001: (thủ bảy và chủ nhật)

- Thọ Bát Quan Trai tại Stuttgart
* Từ ngày 23 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001 viếng thăm vương quốc Bhutan.

Ngày 28 và 29.04.2001: (thủ bảy và chủ nhật)

- Thọ Bát Quan Trai tại Berlin (Thầy Hạnh Tấn hướng dẫn)

Tháng 5 năm 2001:

Ngày 01.05.2001:
- Du ngoạn với Gia Đình Phật Tử Tâm Minh

Ngày 02.05.2001: (thủ tư)
- Họp Chi Bộ tại chùa Báo Quang Hamburg

Ngày 05.05.2001: (thủ bảy)
- Lễ Phật Đàn tại chùa Thiện Hòa M' Gladbach

Ngày 5 và 6.05.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Có khóa huân tu Đại Bi tại chùa Viên Giác do Thầy Hạnh Tấn đảm trách

Ngày 07.05.2001: (thủ hai)
nhằm ngày Rằm Tháng Tư trước âm lịch

* Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 5 năm 2001 (thứ sáu đến chủ nhật) Lễ Phật Đàn tại chùa Viên Giác Hannover.

Ngày 19.05.2001: (thủ bảy)
- Lễ Phật Đàn tại chùa Phật Báo Bartrup

* Từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 5 năm 2001 (thứ năm đến chủ nhật) khóa Giáo Lý định kỳ cho Phật Tử Việt Nam tại Đức dự định tổ chức tại München và lễ Phật Đàn tại chùa Tâm Giác.

Tháng 6 năm 2001:

* Từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 6 năm 2001 (thủ bảy đến thứ hai) khóa Giáo Lý tại Niệm Phật Đường Viên Ý - Ý Đại Lợi.

Ngày 07.06.2001: (thủ năm)
- Lễ nhập hạ an cư của chư Tăng Ni tại Đức

Ngày 23 và 24.06.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Họp Hội Phật Tử tại chùa Viên giác

Tháng 7 năm 2001:

* Từ ngày 1 đến ngày 14 tháng 7 năm 2001, tại chùa Viên Giác Hannover có khóa Tu Gieo Duyên của các Phật Tử tại gia và khóa An Cư Kiết Hạ của GHPGVNTN Âu Châu.

Ngày 14 và 15.07.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Khóa huân tu Đại Bi tại chùa Viên Giác do Thầy Hạnh Tấn đảm trách.

* Từ ngày 21 đến ngày 31 tháng 7 năm 2001 dự trữ tổ chức khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 13 tại Thụy Điển.

Song song có tổ chức Đại Học hè cho thành phần thanh niên trẻ.

Tháng 8 năm 2001:

Ngày 11.08.2001: (thủ bảy)
- Lễ Vu Lan tại chùa Quán Thế Âm Aachen

Ngày 18.08.2001: (thủ bảy)
- Lễ Vu Lan tại chùa Báo Quang Hamburg

* Từ ngày 24 đến 26 tháng 8 năm 2001 (thủ sáu đến chủ nhật) Lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác Hannover.

Tháng 9 năm 2001:

Ngày 01.09.2001: (thủ bảy)
- Lễ Vu Lan tại chùa Thiện Hòa M' Gladbach

Ngày 02.09.2001: (chủ nhật)
- Nhằm ngày Rằm Tháng Bảy chánh lễ

Ngày 03.09.2001: (thủ hai)
- Lễ mãn hạ tụ của chư Tăng Ni

Ngày 08.09.2001: (thủ bảy)
- Lễ Vu Lan tại chùa Phật Báo Bartrup

Ngày 15.09.2001: (thủ bảy)
- Lễ Vu Lan tại chùa Tâm Giác München

Ngày 22.09.2001: (thủ bảy)
- Lễ Vu Lan tại chùa Linh Thủ Berlin

* Từ ngày 25 tháng 9 đến ngày 2 tháng 10 năm 2001 Phật sự tại Portland - Hoa Kỳ.

Tháng 10 năm 2001:

Ngày 6 và 7.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Karlsruhe

Ngày 13 và 14.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

Ngày 20 và 21.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Họp báo Viên Giác tại chùa

- Khóa huân tu Đại Bi do Thầy Hạnh Tấn hướng dẫn

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Ngày 27 và 28.10.2001: (thủ bảy và chủ nhật)
- Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden

Số điện thoại :

0511-8796320 hoặc số cầm tay :

0178-5052233.

Khó khăn trong việc áp dụng dân chủ ở Việt Nam

Vấn đề khó khăn trong việc áp dụng dân chủ là khả năng nhận thức, đánh giá và nhận định vấn đề. Cùng một sự kiện nhưng được đánh giá khác nhau, không có một định hướng chung. Nguyên nhân dẫn đến việc cản trở hấp thụ tư tưởng dân chủ, là tại Việt Nam chưa có quyền căn bản về tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do thông tin, tự do lập hội. Người dân phải có quyền bày tỏ ý kiến của mình "tự làm chủ biểu quyết" trong một xã hội công bằng. Đây là những quyền tự do căn bản bắt buộc phải có, để nhờ đó người dân mới có khả năng hấp thụ tinh thần dân chủ. Vậy muốn áp dụng dân chủ, trước hết phải tôn trọng nhân quyền, không được phép dùng chính sách độc tài, đảng trị. Việc áp dụng dân chủ thực sự tại Việt Nam gặp khó khăn, vì Trung Ương Đảng CSVN quá bảo thủ, cố giữ lấy địa vị và vai trò thống trị. Họ độc tôn quyền lực, họ dựa vào giá trị khác biệt khác để duy trì vây cánh đàn áp dân, hạn chế dân chủ hóa. Vấn đề khó khăn tiếp theo nữa là Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng khóa 8, Hội nghị đảng lần 3, trong điểm thứ 9. Đảng khẳng định cầm quyền tuyệt đối và lãnh đạo. Họ chỉ tập trung vào việc bảo vệ quyền lợi cá nhân và phe cánh trong đảng, chống lại ngay những người đảng viên CS cấp tiến và nhân tâm đã man hơn nữa Trung Ương Đảng tìm mọi cách đàn áp kịp thời các tổ chức có tư tưởng dân chủ đối lập. Cái ưu tiên cao nhất mà Đảng CS cần phải đạt được là bảo vệ quyền lực bằng mọi cách.

Vấn nạn khó khăn trong việc áp dụng tinh thần dân chủ còn lệ thuộc vào ý thức chính trị, "vốn nhận thức" được đào tạo trong tinh thần tự do dân chủ và bình đẳng hỗ tương. Bởi vì chúng ta chưa đào tạo và phổ biến những tin tức trong các lãnh vực khác nhau: Dân chủ nhà nước pháp trị và Nhân quyền. Đây là một điều nên làm, chúng ta hãy tìm một nền tảng nhân bản trung thực. Dân chủ đích thực cho dân tộc, cứu vãn suy thoái, áp dụng Dân chủ và thực thi Nhân quyền. Chúng ta ân cần lo lắng đến khát vọng của toàn dân thoát khỏi cảnh nô lệ, không bị cai trị bởi bất cứ một đảng phái độc tài nào, chúng ta thường mong đợi tìm những giải pháp về phương án có ý nghĩa mà chúng ta thường quan tâm.

Dân chủ đích thực, chúng ta nhằm tới sản nghiệp tinh thần lẫn vật chất của toàn dân, chúng ta khẳng định để bảo vệ con người được tự do, khi được áp dụng dân chủ, người dân được bày tỏ quyền "tự làm chủ biểu quyết trong xã hội" dân chủ đích thực, con người dân thì hạnh phúc, ấm no, dân giàu nước mạnh. Vậy mọi người chúng ta đứng chân chờ nữa, mọi người phải có trách nhiệm đòi hỏi Đảng CSVN phải thực thi Nhân Quyền và Dân Chủ hóa, mà năm 1966 về Công Ước Quốc Tế Nhân Quyền và Dân Quyền, đã được Đảng và Nhà Nước CHXHCN Việt Nam ký kết vào ngày 24.9.1982. Từ năm 1977 Việt Nam CS là thành viên của Liên Hiệp Quốc. Như vậy, hai văn kiện này là hiệp ước chính thức có hiệu lực đối với quốc gia đã ký kết. Thế mà Trung Ương Đảng CSVN có tôn trọng hiệp ước đã được quốc tế công nhận đâu ! Đảng CSVN không thể nào bắt chước theo Trung Quốc (không ký kết các công ước này) rồi lập ra những đặc thù văn hóa cho rằng "mỗi nước có một nhân quyền riêng" để rồi họ không tôn trọng bất cứ quyền dân sự, chính trị, văn hóa được minh thị trong Công ước Quốc tế và Nhân Quyền.

● Phạm Văn Khai
Linkenheim

Thông Báo

Ghi chú của tác giả về "Lá Thư Bắc Mỹ" đăng trên báo Viên Giác số 118 ra tháng 10 năm 2000

Vi thiếu hiểu biết về Kinh Thánh và không tưởng thuật rõ ràng khúc chiết từng lời thuyết trình của Linh mục Nguyễn Văn Mai mà tôi đã vô tình gây hiểu lầm và thắc mắc cho một bạn đọc thuộc Thiên Chúa Giáo tại Đức Quốc rằng chính tôi (kê tường trình sơ lược) hoặc Linh mục Mai đã phủ nhận rằng Chúa không phải là đấng cứu thế.

Tôi xin minh xác rằng, tôi (người dự khán và ghi chú lại buổi nói chuyện) cũng như Cha Nguyễn Văn Mai (diễn giả) đều làm việc trên tinh thần và trong mục đích là giúp những người sắp tử già cõi đời, khi đã vô phương cứu chữa, thập tử nhất sinh, đang bối rối bên bờ sống chết chỉ không bàn lan man đến cuộc đời của Chúa Jesus hay sự nghiệp hoằng đạo cứu thế của Ngài.

Trong cuốn Video ghi lại để làm tài liệu, Linh mục Nguyễn Văn Mai cũng nói rất rõ ràng rằng đó là xác nhận của Chúa trong những lần cứu sống, chữa lành bệnh cho người đời "Chính Đức Tin đã cứu sống con". Những chi tiết đó đều được Thánh Luca ghi chú lại trong Kinh Thánh (Phản Luca).

Tuy nhiên, vì có sự hiểu lầm nên hôm nay tôi xin ghi lại vài lời để minh xác lần nữa và hơn nữa để thành thật nhận lỗi gây nên sự hiểu lầm ngoài ý muốn.

Mong rằng mọi việc được sáng tỏ, không có gì khuất lấp và tất cả đều được hài lòng.

Cuối cùng xin cầu nguyện cho tất cả mọi loài đều được an vui hạnh phúc trong bóng mát tử bi bác ái của Đức Chúa Jesus cũng như đấng tử phụ Thích Ca Mâu Ni.

Kính bút

Lê-Thị Bạch-Nga

Sinh Nhật



Quá nửa cuộc đời thấm bé đau
Ngoái nhìn cõi thế đã u sầu
Công hầu khanh tướng, tướng hù
huyền
Châu báu, tài danh, ánh đổi màu
Cha mẹ trên vai, ơn nặng nỗi
Chờng con dưới gối, nghĩa dày sâu
Còn chăng một cõi trời trong vắt
Ta mộng thành mây rười bóng cầu.

Lê-Thị Bạch-Nga
30.10.2000

Giới Thiệu Sách Mới Xuất Bản

Tiếp Kiến Với Đức Đạt Lai Lạt Ma (Die Begegnung mit seiner Heiligkeit, dem Dalai Lama)

của Thượng Tọa Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN tại Đức Quốc, Viện Chủ Chùa Viên Giác kiêm Chủ Nhiệm tạp chí Viên Giác tại Đức; Đức Thụ chuyển sang Đức ngữ. Sách dày 518 trang do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội PGVN tại CHLB Đức xuất bản năm 1999, phát hành đầu năm 2000, gồm 5 chương và phần hình ảnh phụ lục:

- Chương I: Người ngoại quốc biết như thế nào về Phật Giáo Tây Tạng
- Chương II: Sự nhập thế theo tinh thần Đại Thừa Giáo
- Chương III: Diện kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma
- Chương IV: Những ngày tại Schneverdingen
- Chương V: Những chuyện trong tháng 7.1999 tại Chùa Viên Giác

"... Trong Lối Vào Tập, tác giả đã ghi lại hai câu đối tại Chùa Phước Hậu ở Trà Ôn, nơi ở của cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa: "Độc bình thư cụ chiến, độc luật thơ cụ hình, độc Phật thơ chiến hình vô cụ" "Canh vô điền ưu thủy, canh thang điền ưu hạn, canh tâm điền hữu hạn hà ưu" (Đọc sách nhà binh hay lo chiến tranh, đọc sách về luật pháp hay lo về hình phạt, chỉ có độc kinh sách Phật là không lo lắng chiến tranh mà cũng chẳng lo sợ hình phạt. (Cây ruộng sâu lo cho có nước, cây ruộng cao lo sợ có hạn hán, chỉ có cây ruộng tâm của mình thì chẳng lo nước mà cũng chẳng lo khô gì cả!) Đây quả là một chân lý. Mỗi chúng ta cố mà tìm về! Muốn nhận sách, xin liên lạc với Chùa Viên Giác.

Phật Học Quần Nghi (Giải Thích Những Nghi Vấn Trong Phật Học)

của Thích Thánh Nghiêm Pháp Sư. Tác giả là một trong những tu sĩ học giả nổi tiếng của Phật Giáo Trung Quốc hiện tại. Ngài sinh năm 1930 tại Giang Tô. Sau khi cộng sản chiếm Hoa Lục, Ngài sang Đài Loan. Tiến sĩ Triết Học tại Đại Học Rishsho/Tokyo năm 1975, thành lập Trung Tâm Thiền tại New York năm 1980, Viện Nghiên cứu Phật Học tại Đài Bắc năm 1985. Thánh Nghiêm Pháp Sư trước tác và viết rất nhiều sách. Hai cuốn Phật Giáo Chánh Tín và Phật Giáo Quần Nghi được dịch ra Việt ngữ dưới hình thức vấn đáp và giải thích những giáo lý có bản cũng như những vấn đề thiết yếu trong đời sống hàng ngày của người Phật tử. Sách dày 174 trang do Chùa Viên Giác in lại và phát hành đầu năm 2000. Muốn nhận sách xin liên lạc với Chùa Viên Giác.

Quảng Đà- Đặc San Biên Khảo Văn Học Nghệ Thuật.

Trong Lời mở đầu "Tâm tư gởi đến ngàn phương", Ai Cầm và Thái Tú Hạp (chủ trương) đã viết "... Không có nơi nào đẹp bằng quê hương vì ở đó có mồ má cha ông, có kỷ niệm một thời không phai nhạt, như vốn quý một đời hẳn in trong tâm trí. Nghe tin quê nhà cuốn trôi trong bão lụt, nghìn trùng cũng lo lắng xót xa..."

"... Ngày 2.12.99 tại phiên họp lần thứ 23 ở Marrakesh (Marốc) Ủy Ban Bảo Vệ Di Sản Thế Giới của tổ chức UNESCO đã chính thức công nhận phố cổ Hội An và Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới. Viên ngọc quý của nhân loại. Như cố gái dễ thương xinh đẹp thức giấc sau giấc ngủ hàng mấy trăm năm trong khu rừng đất nước đầy những thặng trầm, nghiệt ngã, khổ đau. Niềm tự hào không riêng cho dân chúng Hội An, Quảng Nam mà còn là niềm kiêu hãnh cho cả dân tộc Việt Nam..."

Sách dày 544 trang do Sông Thu tại Los Angeles, California / Hoa Kỳ xuất bản tháng 6.2000, giá 15 Mỹ Kim tại Hoa Kỳ và 20 Mỹ Kim ngoài Hoa Kỳ kể cả cước phí.

Liên lạc: Quảng Đà, P.O.Box 428 *
Rosenmead * CA 91770 * USA

Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn của Lý Hồng Xuân.

Cuốn sách "Chân Dung Nhà văn" của nhà thơ Xuân Sách- nguyên Chủ tịch Hội Văn Nghệ Vũng Tàu-Côn Đảo dự tính phát hành, nhưng rồi lại gặp khó khăn mọi mặt. Rồi đến tháng 3.1992, Lữ Huy, Giám Đốc Nhà Xuất Bản Hà Nội, mạnh dạn cho tiếp tục ấn hành "Chân Dung Nhà Văn". Sách chưa kịp phát hành đã bị tịch thu. Sau 6 năm, Ông Lý Hồng Xuân, đang xin tỵ nạn chính trị tại Đức Quốc, "... nhân một tình cờ tìm được bản chép tay CDNV của một người yêu văn chương nào đó sao lại lưu truyền trong Việt Nam, rồi chuyển ra nước ngoài".

"Bản chép tay về 100 nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, nhạc sĩ, kịch tác gia... nghĩa là đủ mặt tinh hoa của nền văn học nghệ thuật "Hiện thực xã hội chủ nghĩa". Từ hơn nửa thế kỷ qua, họ sống và viết, ở một giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước. Nhiều người nổi danh từ thời văn chương tiền chiến (trước năm 1945) được coi là "lột xác", cũng có mặt trong tác phẩm này..." Đây là một cuốn sách có nhiều giá trị về tư liệu để làm cơ sở cho những vị nào muốn viết biên khảo về văn học nghệ thuật Việt Nam.

Sách, sau khi in xong, Ông Lý Hồng Xuân còn gởi thêm cho chúng tôi một số tư liệu gồm 17 trích đoạn của 17 chân dung để nhằm bổ sung cho lần tái bản sắp tới. Sách dày 368 trang, in đẹp và trang nhã. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ / Hoa Kỳ xuất bản. Giá 16 Mỹ Kim ở Hoa Kỳ và 19 Mỹ Kim ngoài Hoa Kỳ. Liên lạc: -Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2031, Westminster, CA 92863, USA -Lý Hồng Xuân, Friedrich Ebert Str.5, 68519 Viernheim. Tel.: 0172.6331676. Fax. 06204.969484

Vết Nhạ Lưng Trời của Huỳnh Trung Chánh.

"Huỳnh Quân viết truyện để nuôi dưỡng chân tình và tình cảm của mình như người xưa nuôi hoa lan gầy hoa cúc để nuôi dưỡng tinh tình của họ. Tôi nghĩ trước khi đặt bút xuống viết một truyện, Huỳnh Quân thường để tâm mình chìm xuống trong suối nguồn lịch sử dân tộc để được nuôi dưỡng bằng trí tuệ và tình tự của đất nước, của giống nòi. Trong khi viết truyện, ông cảm thấy khỏe mạnh, hăng hái, yêu đời và cảm thấy thường yêu trên ngập trong lòng. Và sau khi viết xong một truyện, ông cảm thấy khoan khoái và nhẹ nhàng. Người cảm thế nào cũng cảm nhận được tinh chất lạnh mạnh, tin tưởng và yêu thương đó của ông. Đọc truyện của Huỳnh Quân viết cũng là để nuôi dưỡng tinh thần..." (Tạ- Thích Nhất Hạnh)

Sách dày 218 trang do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội GHPGVNTN tại CHLB Đức tái bản năm 2000.

Liên lạc: Chùa Viên Giác.

Trái Đắng Quê Nhà, Lục Bát Đấu Tranh, Góp Lửa (tái bản)

thi tập của Ý-Nga đều do nhà xuất bản Anh Em tại Oslo / Na Uy ấn hành và ra mắt vào ngày 30.4.2000 "... để tưởng nhớ ngày, hai mươi lăm năm trước, cả nước chìm đắm trong tiếng thờ dài, máu, nước mắt mà những nụ cười không muốn hé mà vẫn phải nở. Tác giả và gia đình đã chuyển qua Canada sau một thời gian dài tỵ nạn chính trị tại Italia.

"Trong sinh hoạt văn học hải ngoại, thơ Ý-Nga có bản sắc riêng, phần lớn nói thay cho đồng bào ở quê nhà, cho những người đã nằm xuống và những người muốn nói mà không được nói. Cả ba tập thơ Góp Lửa, Lục Bát Đấu Tranh và Trái Đắng Quê Nhà đều không có bài Đề Tựa và bài Bạt..."

"Ý-Nga, một nhà thơ nữ người Quảng Nam khi ra hải ngoại mới hai mươi tuổi. Những hồi ức về một quê nhà thời tác giả còn tấm bé, lớn lên với bao thăng trầm, có nhiều điểm ngày nay đã khác trước. Nhưng các nét chính về vận nước và lòng dân cùng tình cảnh đau thương, trước sau vẫn còn nguyên vẹn. Nếu không muốn nói là thân phận con người ngày càng bị dấn vào đường cùng khốc liệt..." (Nxb. Anh Em) Sách in đẹp, trình bày trang nhã. Giá 12 \$US (Góp Lửa, Lục Bát Đấu Tranh, 150 trang) và 15 Mỹ Kim (Trái Đắng Quê Nhà, 240 trang). Liên lạc: Nguyễn Ý-Nga, 4707 Rundle Horn Dr. N.E., Calgary Alberta / Canada.

Dấu Bùn Thờ Trố Bồng

thi phẩm thứ hai của thi sĩ Nguyễn Văn Cường, hiện ở Bergen, Na Uy, gồm hơn trăm bài thơ về tình người, tình nghĩa và tình yêu.

"... Thi phẩm đầu tay, *Thương Quê*, của ông đã được nhà xuất bản Viên Giác / Đức ấn hành. Tạp chí và nhà xuất bản Làng Văn, Canada in Dấu Bùn Thờ Trố Bồng vào tháng 8 năm 2000. Thơ Nguyễn Văn Cường dù ở chủ đề nào, quê hương, tranh đấu, tâm tình cũng có nét riêng tư, đặc biệt, chứa đựng nhiều ẩn tình..." (làng văn).

Sách dày 126 trang. Tranh bìa và trình bày Nguyễn Hữu Nhật, Anh Em xuất bản. Giá 15 Mỹ Kim. Liên lạc: Nguyễn Văn Cường, Olsvikåsen 144, 5183 Olsvik-Bergen / Norway. Tel.: 0047.55265320

Tha Hưởng

do Cơ Sở Đấu Tranh Nhân Quyền Cho Việt Nam phát hành tháng 4.2000 để đánh dấu hai mươi lăm năm ngày Quốc Hận 30.4, gồm 75 bài thơ ghi lại những biến chuyển đã xảy ra từ quốc nội cho đến hải ngoại của những cán bộ lãnh đạo làm trò nhỏ nhăng và của những tên tay sai, nằm vùng chuyên "đâm sau lưng chiến sĩ"; nhằm tranh đấu cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng. Tập Thơ Tha Hưởng do nhà thơ nữ Ngô Minh Hằng chuyển.

Ngoài ra, chúng tôi còn nhận được 3 thi tập của Ngô Minh Hằng:

Tiếng Lòng

(tác giả tự xuất bản, Hoa Kỳ 1996), sách dày 160 trang. Ảnh bìa: nhiếp ảnh gia Phạm Bá Vinh, Trình bày: Họa sĩ Phạm Cố; layout Trần Hoài Thư; gồm phần 1: Tiếng Lòng, phần 2: Nỗi Niềm, phần 3: Tiếng Lòng II và phần 4: Cô Gái Bắc Kỳ.

Gọi Đàn

(Hoa Kỳ 1998), sách dày 152 trang, Trần Thái Văn trình bày với 72 bài thơ gồm 2 phần: Gọi Đàn và Niềm Riêng.

Dữ Âm

(tác giả tự xuất bản, Hoa Kỳ 1998), Hình bìa Trần Minh Châu, Kỹ thuật Trần Thái Văn, sách dày 150 trang, in đẹp, trang nhà trên giấy hồng phần với 100 bài thơ.



Thơ Ngô Minh Hằng- thơ của một cựu nhà giáo Bắc Kỳ di cư 54, với kỹ thuật già dặn, giàu âm điệu và hình tượng trang trải trên nhiều thể thơ và nhiều thể tài- nhất là những tiếng thơ về niềm riêng trầm tịch trong đáy sâu tâm tưởng dễ dẫn dắt niềm xúc cảm của tha nhân len lỏi vào ngõ ngách sâu kín của tâm hồn, đôi khi làm cho trái tim người đọc xót nhớ...

Giá mỗi cuốn: tại Hoa Kỳ 12 Mỹ Kim, ngoài Hoa Kỳ 14 Mỹ Kim. Liên lạc: Ngô Minh Hằng, P.O. Box 9215, Paramus, NJ 07653 - 9215 USA. E-Mail: Nmhl86@aol.com



THƠ Huy Giang

*Lạnh lùng mùa tuyết mãi bay bay
Vì viết lời than gió thổi dài
Ngoài song nhánh môi cây trở đứng
Thấp nền mừng Xuân
dạ ngát ngày !*

Hỏi nhỏ:

*"Này Xuân, Xuân có thấu
Xuân về tính nữa mấy mùa Xuân ?"
Kiếm thép đường hoa vung ngạo nghệ
Gian lao
càng vững bước quân nhân*

Nổi chí Tiên Nhân

*Xuân Bắc tiến
Quang Trung Nguyễn Huệ đuổi
quân thù
Dựng lại cơ đồ
Dân hoan lạc
Cờ vàng phát phối đình thiên thu...*

Việt Nam ơi

*hồn thiêng Dân Tộc
Còn quân thù đâu để vui Xuân !
Tổ Quốc ơi
con xa nghìn dặm
Từ năm nào cũng một mùa Xuân...*

Cũng một mùa Xuân

*thề trở lại
Phá gông cùm...
Mẹ Việt Nam ơi.*

Cũng một mùa Xuân thề trở lại



THÔNG BÁO

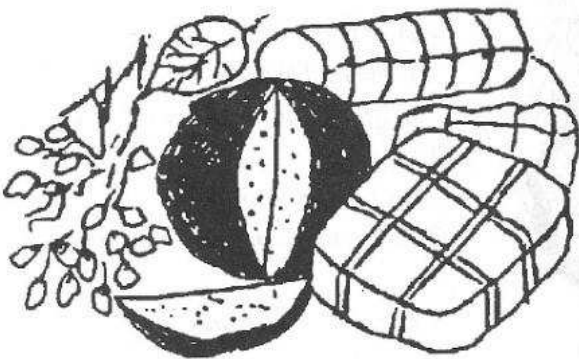
Bánh Tét, Bánh Chưng và những đặc sản chay ngày Tết

Chùa Viên Giác có phát hành các loại bánh tét, bánh chưng, bánh xanh, chả chay, mứt thái chay v.v... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết. Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa, hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

- Bánh tét 900 gr.	: 10 đồng/1 đòn
- Bánh tét loại nhỏ	: 5 đồng/1 đòn
- Bánh chưng 900 gr	: 10 đồng/1 cái
- Mứt thái chay	: 25 đồng/1 ký
- Bánh bao	: 2 đồng/1 cái
- Bánh da lợn loại nhỏ	: 2 đồng
- Bánh da lợn loại lớn	: 5 đồng
- Bánh bò	: 1 đồng/1 cái
- Bánh gai	: 1 đồng/1 cái
- Bánh ít trần	: 1 đồng/1 cái
- Bánh xanh	: 1 đồng/1 cái
- Bánh xanh có gân dừa	: 2 đồng/1 cái
- Bánh khoai mì nướng	: 5 đồng/1 miếng
- Chả chay	: 10 đồng/1 đòn
- Chả cuốn chay	: 10 đồng/ 1 bao 2 cái
- Chả ổ chay bằng tàu hủ ky	: 15 đồng/1 ổ
- Chả ổ chay bằng đậu hủ	: 5 đồng/1 ổ
- Chả giò chay	: 1,50 đồng/1 cuốn

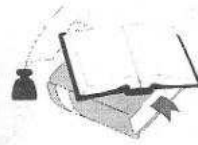
(Số tiền trên chưa có cước phí Bưu Điện)

Mong quý Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa. Xin thành thật biết ơn quý vị trước.



Cùng Chúc Tân Xuân

HỘ THƯ VIÊN GIÁC



Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

● THƯ TÍN :

Gs. Vũ Kỳ (Bi), Nguyễn Thùy (Pháp), Bs. Tôn Thất Hứa (Đức), Hương-Giang Thái-Vân-Kiểm (Pháp), Phạm Minh Châu (Áo), Vân Nường (Pháp), Thở-Chí-Việt (Pháp), Tuệ Nga (Mỹ), Huệ Thu (Mỹ), Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Ngô Kim Khôi (Pháp), Trần Trọng Khoái (Mỹ), Hư-Thần Huỳnh-Trung Chánh; Nhất-Uyên Phạm-Trọng-Chánh (Pháp), Tử Hùng & Quỳnh Hoa (Đức), An Tiêm Mai Lý Càng (Pháp), Trần Kim Lan (Đức), Lê Mỹ Như Ý; Ngô Minh Hằng; Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc), Thiện-Căn Phạm-Hồng Sáu & Hồng-Niên (Đức), Người Giám Biên (Đức), Phạm Văn Khai (Đức), Phan-Huy Oánh (Đức), Tâm Minh (Mỹ), Hạnh Nguyễn (Ấn Độ), GHPGVNTN Úc & Tân Tây Lan; Tuệ Hạnh; Nguyễn-Phúc Bửu Tập (Mỹ); Hoài Việt (Pháp), Vũ Nam (Đức), Như Giác (Việt Nam), Phan Ngọc (Đức), Đan Hà (Đức), Huy Giang (Đức), Đức-Hương Hồ-Thanh (Đức), Phan Hùng Nhón (Đức), Dư Thị Diễm Buồn (Mỹ), Khải-Chính Phan-Kim Thư (Canada), Huyền Thanh Lữ (Đức), Nguyễn-Thị Chân-Quỳnh; Lê-Thị Bạch-Nga (Canada), Người Quan Sát (Đức), Thiện-Hậu Trần-Xuân-Hiền (Đức), Lý Hồng Xuân (Đức), Đỗ Bình (Pháp), Nguyễn Tấn Hùng (Hoa Kỳ).

● KINH SÁCH & BÁO CHÍ

- **Đức:** Dân Chúa Âu Châu số 216, 217; Bản Tin Đức Quốc số 172, 173; Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn của Lý Hồng Xuân; Dân Việt số 39; Dân Văn số 77; Entwicklung und Zusammenarbeit 10,11/00; Cánh én số 105, 106; Khúc Hát Tiêu Dao (Thơ) của Tuy Anh; Kỳ Yếu GDPT Pháp Quang Hamburg; Thông Tin VIDỊ số 5+6; Wissen und Wandel 11/12; Tibet und Buddhismus Nr.55; Buddha-Haus Mitteilungsblatt; Lotusblätter Nr.4/2000; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 138; Diễn Đàn Việt Nam số 110; Bản Tin Tâm Giác số 6; Hy Vọng số 64.

- **Pháp:** Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 13; Việt Nam Dân Chủ số 49; Bản Tin Hoa Sen số 1; Khánh Anh bản tin tháng 10/00; Đặc San Nặng Gổ số 13; Việt Nam Dân Chủ số 50.

- **Hòa Lan:** Zen-Leben; Buddhayana Zeitung Nr.2.

- **Anh Quốc:** Buddhist Studies Review Nr.1.

- **Nga:** Nước Nga dưới mắt người Việt của Lan Hương.

- **Hoa Kỳ:** Chân Trời Mới 9/00; Buddha's Light Newsletter Nr.60; Trúc Lâm số 16; Tin Lành số 56, 57; Chan Magazine Fall 2000; Tự Do Dân Bản số 81.

- **Canada:** Đi Tới số 37, 38, 39; Đối Lực số 44; Tịnh Độ Tam Kinh và Kinh Nhứt Mật Bồ Tát do Hòa Thượng T.Tri Tịnh dịch.

- **Tích Lan:** The Therigāthā của Vijitha Rajapakse

- **Đài Loan:** Art News Nr.58, 59; Thiên Phật Sơn số 158.

- **Úc Đại Lợi:** Nhân Duyên vào Đạo Phật - Thích Phổ Huân.

PHÂN ƯU

Được tin Thân Mẫu của nhà văn Phong-Hùng Lưu-Nhơn-Nghĩa, cộng sự viên thường xuyên của báo Viên Giác, là

Bà Quả Phụ LỮ HÒA
Nhũ danh Trần Hôn Kim Phụng
Pháp danh Diệu Đức

Sinh năm 1918, đã từ trần ngày 30.9.2000 tại Brisbane - Úc Châu. Thượng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình Phong-Hùng Lưu-Nhơn-Nghĩa và tang quyến, nguyện cầu cho Hưởng linh Cụ Bà sớm được siêu thăng Tịnh quốc.

- Chủ Nhiệm, Chủ Bút, Ban Biên Tập, Kỹ Thuật và Ấn Loát báo Viên Giác.

- Gđ. Phạm Thăng (Canada) và Phù Vân (Đức).

- Gđ. Nguyễn Long, Lê Thị Thanh (Úc)

PHÂN ƯU

Được tin trẻ, Thân Mẫu của anh Nguyễn Hòa (Phù Vân) là

Bà Quả Phụ NGUYỄN ĐÌNH
Nhũ danh Phan Thị Em

Sinh năm 1908 tại Thừa Thiên, mất ngày 05.07.2000 tại Huế. Thượng thọ 92 tuổi.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng anh Hòa và tang quyến; nguyện cầu cho Hưởng linh Cụ Bà được siêu sinh cõi Tịnh Độ.

- Gđ. Nguyễn Long - Lê Thị Thanh

- Gđ. Lưu-Nhơn-Nghĩa - Tạ-Thị-Chu
Brisbane-Australia

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Hiền thê của Đạo Hữu Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu, Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe và VPC, thành viên Ban Biên Tập báo Viên Giác

Bác DƯƠNG THỊ QUỲNH
Pháp danh Diệu Huệ

đã tạ thế ngày 07.10.2000 (11 tháng 9 năm Canh Thìn) tại Karlsruhe - Đức Quốc. Hưởng thọ 78 tuổi.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Bác Thiện Nghĩa và tang quyến. Nguyện cầu Hưởng Linh Bác Diệu Huệ sớm vắng sanh về Miền Cực Lạc.

- Hội Phật Tử và các Chi Hội PTVNTN/Đức

- Ban Hướng Dẫn GĐPTVNTN/Đức

- Ban Biên Tập báo Viên Giác.

PHÂN ƯU

Được tin buồn,

Cụ Nicola PHẠM VĂN HẠT

nguyên cựu Bác sĩ Chủ Tịch Hội Hồng Thập Tự, cựu Đại Tá Giám Đốc Nha Quân Y, đã từ trần ngày 14.09.2000 tại Nantes. Thượng thọ 89 tuổi.

Xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cho hưởng hồn Cụ sớm được về nước Trời.

- Gđ. Nguyễn Minh Tâm (tại Ý)

- Gđ. Lê Ngọc Hữu (tại Ý)

PHÂN ƯU

Được tin trẻ,

Cụ Bà BUI VĂN BẢO
Nhũ danh Phạm Thị Mỹ

tạ thế ngày 11.08.2000 tại Montréal. Thượng thọ 81 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hưởng hồn Cụ Bà được siêu thoát.

- Gđ. Lê Ngọc Hữu (tại Ý)

- Gđ. Nguyễn Minh Tâm (tại Ý)

CẢM TẠ

Chúng con xin thành tâm dâng lễ và tri ân :

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ chùa Viên Giác

- Đại Đức Thích Hạnh Tấn

đã cầu nguyện, chia buồn, hướng dẫn tang lễ, chủ lễ cầu siêu, hỏa táng tại nghĩa trang St. Georgen (Bayreuth).

Đồng thời chúng tôi xin thành kính cảm tạ :

- Anh Chi Hội Trưởng cùng quý Đạo Hữu, Phật Tử Chi Hội Nürnberg-Fürth-Erlangen.

- Quý Đạo Hữu, Phật Tử, bạn hữu xa gần

- Quý đồng hương tại Bayreuth

đã cầu siêu, tụng niệm, thăm viếng, giúp đỡ, phúng điếu, chia buồn và tham dự tang lễ của chồng, cha của chúng tôi là

LÊ MẠNH HÙNG

hưởng dương 40 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ suất xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

- Vợ: Quả Phụ Lê Mạnh Hùng, nhũ danh Vũ Thị Thường

- Trưởng nam: Lê Vũ Hồng Anh

- Thứ nam: Lê Vũ Tuấn Anh

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc: Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố chúng tôi là

Bà Quả Phụ ĐỖ VĂN HOẠT
Nhũ danh Anna Vũ Thị Chúc

Sinh ngày 21.03.1926 tại Đặng Đình Hưng Yên. Sau khi nhận mọi phép bĩ tích, đã từ trần hồi 14 giờ ngày 08.10.2000 tại bệnh viện Ambroise Paré, Mons. Hưởng thọ 74 tuổi.

Thánh lễ an táng sẽ cử hành vào lúc 10 giờ ngày 12.10.2000 tại Nhà thờ Saint Rémy, Thành phố Cuesmes. Sau đó linh cữu sẽ chuyển về nghĩa trang Thành phố Cuesmes, Bỉ.

Tang gia đồng kính báo

- Trưởng nữ: Đỗ Thị Lan (Bỉ)

- Thứ nữ: Đỗ Thị Dung, Chồng, các con và các cháu (Đức & Mỹ).

- Trưởng nam: Đỗ Trọng Hòa, Vợ và các con (Nhật).

- Thứ nữ: Đỗ Thị Gấm, Chồng và các con (Đức).

- Thứ nam: Đỗ Đức Đạt, Vợ và các con (Bỉ).

- Thứ nữ: Đỗ Thị Côi và các con (Bỉ).

Cáo Phó này thay thế thiệp tang
(Xin miễn phúng điếu)

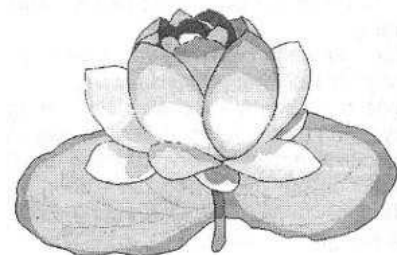
PHÂN ƯU

Chùa Bào Quang và Chi Hội Phật Tử Hamburg kính nguyện cầu chư Bồ Tát từ bi tiếp độ Hưởng Linh Đạo Hữu:

TRẦN VIỆT YẾN
Pháp danh Tâm Phú
Hưởng thọ 76 tuổi

mãn phần ngày 27.10.2000 tại Hamburg, được sớm siêu sanh Lạc Cảnh.

Đồng thời chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng anh chị Trần Việt Tuyên và đại gia đình Trần tộc.



CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bằng hữu xa gần: Vợ, Mẹ của chúng tôi là :

PHẠM THỊ BÍCH DỤC

sinh ngày 26.8.1970 (âm lịch) tại Thái Bình, Việt Nam, đã từ trần lúc 9 giờ 30 ngày 02.10.2000 (âm lịch).
Tang lễ đã được cử hành ngày 04.11.2000 tại Nhà quản Nätthe - Langenhagen.

Cáo phó này xin được thay thế thiệp tang

Gia đình chúng con, chúng tôi, chân thành cảm tạ:

- Đại Đức Thích Hạnh Vân, Thích Hạnh An, Thích Hạnh Hòa chùa Viên Giác, Hannover.

- Các Bác, các Cô, các Anh Chị và bạn hữu ở Langenhagen, Burgwedel, Hannover, Nienburg, Osnabrück, Berlin, Rostock và ở mọi miền khác trên nước Đức đã đến viếng thăm, an ủi, chăm sóc Bích Dục trong suốt hơn 3 năm qua. Đặc biệt tất cả đã dành thời gian đến hộ niệm, giúp đỡ và dự tang lễ để cầu nguyện cho linh hồn người mất sớm về cõi Phật.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ suất kính xin được tha thứ.

- Chồng: Bùi Duy Nam

- Con: Bùi Việt Anh

cùng tang gia ở Việt Nam đồng cảm tạ.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa: Chồng, Cha, Ông chúng tôi là :

Cụ Ông TRẦN VIỆT YẾN Pháp danh Tâm Phú

Đã thất lạc tại Hamburg (CHLB Đức) ngày 27.10.2000 nhằm ngày mồng 1 tháng 10 năm Canh Thìn. Hưởng thọ 76 tuổi.

Linh cữu đã được chuyển về Việt Nam vào ngày 11.11.2000 và được an táng tại Huế.

Đồng thời chúng con xin dành lễ tri ân :

- Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, trụ trì chùa Bảo Quang Ni Tự ở Hamburg, đã chủ trì Tang Lễ theo nghi thức Phật Giáo.

- Chú liệt vị Đại Đức, Tăng Ni chùa Bảo Quang

- Ban Hộ Niệm, Hộ Trì và các vị cao niên trong Chi Hội Phật Tử tại Hamburg.

Ngoài ra chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý bằng hữu, thông gia cùng quyến thuộc nội ngoại xa gần đã điện thoại thăm hỏi, gửi thiệp, hoa, chia buồn và đưa tiễn Chồng, Cha, Ông chúng tôi về nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều sơ suất kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

- Bà Quả Phụ Trần Viết Yến - Nhũ danh Hồ-Thị Ngọc-Hát, Pháp danh Tâm Lộc.

- Các con, cháu, dâu, rể: **Tôn, Tú, Thủ, Tuyên, Trạch, Hạc, Khoan, Hồng, Dung, Loan, Nga.**

Thư cảm tạ

Kính thưa các Đạo Hữu thân mến,
Một lần nữa tôi xin có lời chân thành cảm tạ Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Âu Châu/Đức Quốc, Hội Phật Tử và các Chi Hội Phật Tử VNTN tại Đức Quốc cùng quý Thầy và các Đạo Hữu gần xa về những lời ưu ái chia buồn nói với tôi hay gửi đến tôi hoặc đã đăng trên các tập san Phật Giáo lúc nhà tôi bất ngờ ra đi vĩnh viễn đầu năm nay và nhất là về những buổi lễ Cầu Siêu mà quý Thầy và các Phật Tử đã tổ chức cho nhà tôi. Đùng như di chúc của nhà tôi để lại và theo sự dự tính của tôi, vào dịp Tết (Tết vào ngày 24.01.2001) tôi sẽ đưa tro nhà tôi về chùa Quy Thiện tại Huế.

Nhân dịp về Huế đó, tôi sẽ đem theo một số tiền do gia đình đóng góp cũng như của bà con bạn hữu và của một số người khác quyên thêm với mục đích lập một Trạm Y Tế nhỏ được tạm gọi là "Trạm Y-Tế Hóa Thành / Huế" (*)

Vì vậy hôm nay tôi cũng có ý định xin quý Đạo Hữu gần xa đóng góp thêm một ít tịnh tài, kẻ ít người nhiều, của ít lòng nhiều, nhiều ít thành nhiều, càng nhiều càng hay để gia tăng số tiền tôi đem về chùa.

Danh sách và số tiền của những nhà hảo tâm đóng góp tôi sẽ truyền đi trên internet và sẽ gửi đến từng người một khi cuộc lạc quyền đột I được chấm dứt cuối năm âm lịch Canh Thìn này. Sau đó, quý vị đóng góp sẽ được thông báo thường xuyên về giai đoạn tiến triển của chương trình thiết lập Trạm Y-Tế Hóa Thành / Huế" (*)

Để dễ dàng việc chuyển tiền và để giảm thiểu tổn phí, quý vị có thể chuyển tịnh tài của quý vị đến Chùa Viên Giác như thường lệ hoặc chuyển thẳng vào chương mục của tôi tại Đức (Dr. Phan-huy Oánh, Kto.Nr.202542-507, Postbank Köln, BLZ.37010050), trong cả hai trường hợp đều xin ghi rõ ràng "Trạm Y-Tế Hóa Thành / Huế" (*)

Tôi xin thành thật cảm ơn trước Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Âu Châu/Đức Quốc, Hội Phật Tử và các Chi Hội PTVNTN tại Đức Quốc cùng quý Thầy và quý Đạo Hữu gần xa về số tịnh tài sẽ đóng góp cho việc thành lập "Trạm Y-Tế Hóa Thành / Huế" (*) và đồng thời cũng xin chúc toàn thể quý vị bỏ để tâm kiên cố, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn.

Kính thư

Phan-huy Oánh
Lahnweg 14- D-53129 Bonn
Tel.&Fax: 0049 228-233563
E-mail: <oanh@phanhuy.de> ;
<oanh@phanhuy.de> ;

<Dr.Oanh@phanhuy.de> hoặc bất cứ chủ nào trước @phanhuy.de> cũng đều được cả.

(*) Xin xem Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm thứ bảy "Hóa Thành Dụ".

NHẮN TIN

• TÌM BẠN

Tim **NGUYỄN QUỐC NAM**, đi tàu Cap Anamur 6, nay ở đâu, xin liên lạc với Trần, Tuấn Anh tại Đức,
Điện thoại 0172 / 653 86 82

• TÌM CON

Cha tìm con tên là **HUỲNH THỊ MỸ DUNG**. Đã đi cùng mẹ qua Đức năm 1973, lúc đó cháu khoảng 6 tuổi.

Mẹ tên Nguyễn Thị Mai-Ly (tự Mari), đi hát cải lương ở Việt Nam. Cha tên Huỳnh Văn Hai (tự Vũ Phong) cùng đi hát cải lương. Từ năm 1973 đến nay không được gặp con. Vì nghe tin mẹ con Nguyễn Thị Mai-Ly bị bệnh đã chết. Quê ngoại ở tại Cần Thơ.

Nhận được tin này con liên lạc về Ba ở Việt Nam.

Địa chỉ: 528/5/95 đường Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 83 25 062.

• TÌM CON

Tim con **NGUYỄN LEO**, con của ông Nguyễn Văn Xiên và bà Nguyễn Thị Chanh, Tổ dân phố 11, Phường Mũi Né, Thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận - Việt Nam.

Trước đây con ở địa chỉ: 96 Rue du Férate APT 61 - 31400 Toulouse - FRANCE.

Cách 8 năm nay rồi con không liên lạc với gia đình nữa. Con nhận được tin này liên lạc về cho Má ở Việt Nam hoặc về địa chỉ:

Nguyễn Ban, Binzengrün 34
79114 Freiburg - GERMANY.
Tel. 0761 / 41545.

Quý bạn bè thân hữu nào biết cháu Nguyễn Leo, xin liên lạc với 2 địa chỉ trên. Xin chân thành cảm ơn.



PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 04.10.2000)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ danh máy một lần chủ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

TAM BẢO

ĐH. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 100DM. Trần Văn Ân (Pháp) 50FF. Lê Ngọc Bích (") 100FF. Châu Thị Sáu (") 100FF. Ấn danh (") 500FF. Nguyễn Tăng Như (Canada) 30DM. Võ Mẫn (Bi) 1.000FB. Cheng Đức 100DM. Ban Nhạc Nürnberg 100DM. Trịnh Minh Nguyễn 50DM. Quang Huệ Mi (Neumarkt) 50DM. Nguyễn Thị Hạnh (Braunschweig) 300DM. Bùi Kim Huệ (Hamel) 100DM. Chùa Phật Bảo (Barntrop) 1.000DM. Nguyễn Thị Phi (Y) 300DM. Ấn danh 400DM. Diệu Phụng & Thiện Đăng (Langen) 200DM. Nguyễn Tử & Nguyễn Trí (Neu Anspach) 100DM. Nguyễn Biên (") 100DM. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Wuppertal) 100DM. Bambusgarten VN China Rest, (Trier) 100DM. Nghiêm Thủy (Saarbrücken) 50DM. Trưởng Khánh (Y) 50.000Lire. Huỳnh Mỹ Lan (Aalen) 20DM. Trần Thị Như Tâm (Recklinghausen) 30DM. Hoàng Bảo Long (Beddingen) 40DM. Nguyễn Minh Hòa (Berlin) 20DM. Nguyễn Minh Tường (Schlüchtern) 10DM. Lê Thị Năm (Göttingen) 50DM. Nguyễn Hùng Hà (Brandenburg) 10DM. Trần Chí Thành (Hannover) 20DM. Ngô Hải Yến (Ohldenburg) 20DM. Kha Hiếu Chí (Bremen) 100DM. Phạm Trần Việt 10DM. Đinh Thị Thoa 20DM. Nguyễn Văn Thắng (Berlin) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (Osnabrück) 20DM. Bùi Thị Kim Oanh 10DM. Thiện Báu (München) 20DM. Nguyễn Thị Nhân (") 20DM. Trần Thiếu Hường 10DM. Ngô Bích Hường (Phần Lan) 100DM. Phan Bộ Nhanh (Dellingen) 20DM. Michler Boonhuay (Einbich) 10DM. Trần Trung Anh (Buchholz) 7DM. Nguyễn Phú Tiên (Schweinfurt) 10DM. Đông Nghĩa & Nguyễn Tinh 20DM. Phạm Quang Cường 20DM. Mai Khanh 20DM. Vũ Lan Phượng (Berlin) 20DM. Hoàng Mai Hương (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Khắc Hai (Mainz) 50DM. Kha Bảo Như 100DM. Đặng Tú Bình 40DM. Ly Tô 50DM. Chi 10DM. Lâm Thị Huệ (Hannover) 10DM. Nguy Minh Thủy (") 20DM. Khai Tâm 50DM. Nguyễn Văn Thọ (Bad Salzetfurt) 20DM. Vũ Thái Hòa (Gammertingen) 50DM. Vũ Minh Hạnh (Tiệp Khắc) 20DM. Tuyết &

Phượng (") 20DM. Bùi Văn Hiếu (") 20DM. Vũ Minh Thái (") 50DM. Vũ Quốc Hùng (") 20DM. Tô Văn Đoàn (Paderborn) 20DM. Phùng Ngọc Yến (Pháp) 100DM. Nguyễn Thị Huyền Thu 40DM. Tạ Thị Văn Anh (Berlin) 100DM. Nguyễn Thị Sáu (") 35DM. Trần Thị Hữu (Sangerhausen) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (Homburg) 70DM. Tạ Bá Hùng (Peine) 10DM. Mak (Ba Lan) 20DM. Trịnh Anh Thố 20DM. Lạc Chấn Hùng (Achim) 20DM. Nguyễn Quang Khay 50DM. Nguyễn Sĩ Huyền (Helmstadt) 50DM. Fam. Jench (Hannover) 200DM. Nguyễn Muôn (Göttingen) 50DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 50DM. Gđ. Nguyễn Phụng Các (") 100DM. Vũ Âu & Vũ Cao (") 80DM. Nguyễn Tăng Lộc 50DM. Gđ. Bùi Đình Phú (Unna) 150DM. Mach Văn Hưng (NPE Viên-Y) 100DM. Lưu Thị T. Dung (") 50DM. Nguyễn Thị Khang (") 100DM. Nguyễn Phước Như Mai (") 100DM. Nguyễn Thị Uyên Chi 50DM. Nguyễn Hoài Bắc (") 50DM. Mai Văn Thứ (") 50.000Lire. Trần Xuân Hoa (") 100.000Lire. Nguyễn Ngọc Minh (") 50.000Lire. Ngô Bá Sang (") 100.000Lire. Nguyễn Văn Xích (") 250.000Lire. Nguyễn Hữu Tâm (") 50.000Lire. Từ Ngọc Em (") 50.000Lire. Nguyễn Văn Hoàng (") 100.000Lire. Lý Sử (") 50.000 Lire. Phái đoàn Hành hương NPE Tâm Giác (München) 500DM. Đinh Hồng Vân (HH) 20DM. Phạm Thị Côi (") 30DM. Nguyễn Mai Tuy (") 20DM. Hồ Thị Kim Hoa (Essen) 50DM. Nguyễn Quốc Cường (") 30DM. Nguyễn Đình Chương (Remscheid) 30DM. Phạm Thanh Chí (Langen) 50DM. Võ Văn Ngân (Bremen) 50DM. Nguyễn Hữu Hiền (Borken) 50DM. Lý Hồng Tiên (Krefeld) 100DM. Bùi Thị Hạnh (Königsütter) 50DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 50DM. Phan Văn Hữu (Tuttlingen) 50DM. Huỳnh Thị Lý (Bad Iburg) 20DM. Trịnh Hy (Saarbrücken) 50DM. Lý Kiến Phi (") 50DM. Lý Kiến Cường (") 30DM. Cao Văn Sơn (Canada) 50DM. Trưởng Thị Mai (M'Gladbach) 100DM. Phạm Thị Nhiều (") 50DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 20DM. Ấn danh 50DM. Gđ. Trần Chương Phú (BS) 100DM. Nguyễn Thị Hà (Erlangen) 50DM. Lê Kim Thu (Maintal) 10DM. Lâm Kỳ Thạch (Papenburg) 10DM. Lâm Mộc Vân (Albstadt) 10DM. Trần Thị Tuyết (Việt Nam) 20DM. Đặng Quang Hải (Trier) 20DM. Lê Tiến Dũng & Vương (") 20DM. Trần Hữu Hường (") 10DM. Đỗ Thị Đẹp (Münster) 20DM. Nguyễn Thị Thái (") 30DM. Trần Hữu Hào (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Văn Tích (Y) 20DM. Nguyễn Hoàng Tuấn (Würzburg) 20DM. Lê Thị Cẩm (Việt Nam) 10DM. Lê Thị Dung (") 10DM. Điền Quốc Huy (Meppen) 20DM. Ấn danh 20DM. Lê Thị Hiệp (Nordhorn) 30DM. Chơn Tâm Ngụ (Göttingen) 10DM. Nguyễn Văn Trí (Eisleben) 30DM. Tăng Kim Lang (Berlin) 30DM. Trần Thị Ánh Hồng (Dresden) 50DM. Phạm Kim Oanh (Cottbus) 20DM. Trần Hai (Bad Kreuznach) 20DM. Trần Văn Chánh (Flensburg) 50DM. Võ Thanh Nao (Essen) 50DM. Hứa Xuân Mai (Stuttgart) 20DM. Thiện Căn (Aurich) 20DM. Nguyễn Thị Huyền Nga (Schwabach) 100DM. Mãng & Nghiêm 50DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 20DM. Mai Hồng Tuấn 30DM. Triệu Quốc Đạt (Dessau) 20DM. Phạm Thị Thái 10DM. Thiện Nhân 20DM. Vũ Phượng Thu 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh 10DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnener) 10DM. Nguyễn Thị T. Huyền (Hannover) 50DM. Lê Anh Tuấn 20DM. Hà Minh T. Quý (Schneeberg) 30DM. Phạm Văn Trúc (") 50DM. Phạm Văn Ca 10DM. Đào Đoàn H. Văn (Chemnitz) 10DM. Đoàn Thị Liên (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Việt Nam (Zwickau) 20DM. Phan Văn Bình 20DM. Trương Minh Hà 20DM. Nguyễn Thị Tuyết (Vechta) 40DM. Văn Nại Tường & Hương (Helmstedt) 100DM. Văn Trí Tài (") 50DM. Nguyễn V.H. (BS) 30DM. Trần Duyệt Xương

20DM. Tu Vu Ngan (Lüneburg) 10DM. Nguyễn Thị Đặng (Stade) 40DM. Nguyễn Công Lý 50DM. Trịnh Tú Kiên (Detmold) 20DM. Trần Đại Nghĩa (Troisdorf) 10DM. Yen Dicks (Remagen) 100DM. Nguyễn Thành Toàn (Olching) 30DM. Trần Thị Thủy (Wiesbaden) 20DM. Đinh Văn Hùng 10DM. Phan Văn Đạt 20DM. Bùi Ngọc Hà (Magdeburg) 20DM. Hoàng Thu Vân 20DM. Nguyễn Hiếu Thế 50DM. Trần Văn Đức 10DM. Lưu Thị T. Tiên 50DM. Nguyễn Thị Gái (Regensburg) 50DM. Nguyễn Đức Thắng (Bruchsal) 50DM. Đinh Nam Hà (München) 100DM. Lê Thị Vương 20DM. Thiện Thịnh 20DM. Cao Việt Đức 20DM. Thiện Phẩm & Thiện Như 20DM. Hà Quốc Thắng (Aue) 20DM. Nguyễn Văn Phát + Anh + Long 100DM. Phan Thị H. Vinh 20DM. Tiến + Thái + Tuấn 10DM. Thái Thị Lan 20DM. Thái Hồng Loan 20DM. Nguyễn Tài Thượng 10DM. Nguyễn Thị Tâm 20DM. Văn Anh Scharpen (Hannover) 100DM. Nguyễn Văn Chương (Flensburg) 20DM. Vinh & Ngọc 20DM. Đỗ Thị D. Thủy 20DM. Dương Tố Muối 10DM. Trịnh Thị Mai Hoa 30DM. Văn Tường & Kim Nhung (HH) 30DM. Nguyễn Kim Oanh (Fürth) 50DM. Đinh Ngọc Hân 20DM. Ấn danh 100DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 30DM. Trần Thanh Hương (Berlin) 100DM. Trịnh Kim Minh 50DM. Nguyễn Thị Hằng (Brethheim) 20DM. Trịnh Kim Sơn 50DM. Trịnh Kim Hòa 20DM. Nguyễn Hữu Bền 30DM. Ngô Giàu (Berlin) 100DM. Nguyễn Thị Thủy (Blaufelden) 50DM. Phạm Văn Hiến 10DM. Nguyễn Thị Thu Hà (Empedel) 10DM. Nguyễn Thị Toàn 10DM. Vũ Hải Văn (Rosengarten) 20DM. Đinh Trọng Quảng 10DM. Đinh Văn Tuyên (Duderstadt) 20DM. Lê Hồng Sang & Hà 50DM. Liễu Thị Tứ (Göttingen) 20DM. Nguyễn Thị Đing (Stade) 20DM. Hiệp Ngọc (Würzburg) 10DM. Văn Nga (Nbg) 20DM. Lê Thừa nGiệp (") 20DM. Văn Hùng (Regensburg) 20DM. Trần Thị Kim Loan (Breuberg) 10DM. Lan Anh (Bemburg) 50DM. Cao thị Kim Sa (Roßdorf) 50DM. Nguyễn Chung Toàn (Göttingen) 10DM. Phạm Thị K. Nhung 20DM. Trần Hữu Hùng (Bissendorf) 20DM. Trần Minh Nam 30DM. Thị Hồng Hạnh 10DM. Nguyễn Xuân Dũng (Rheine) 20DM. Dương Sâm Hải 10DM. Trần Thị Hương (HH) 40DM. Huỳnh Thị Hoa (Haren) 20DM. Lâm Văn Thân 20DM. Nguyễn Duy Hùng (Salzgitter) 10DM. Trần Anh Tuấn 20DM. Nguyễn Công Lý 10DM. Gđ. Trần Văn Trước + Thủy (Gladenbach) 50DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 200DM. Thanh Loan (") 50DM. Vũ Anh Dũng (") 20DM. Nguyễn Quang Thành (München) 20DM. Trương Mỹ Luân 10DM. Craven T. Tho (Würzburg) 20DM. Phan Dân Lanh 50DM. Nguyễn Hữu Dũng 10DM. Trịnh Minh Thắng 10DM. Đặng Thị K. Oanh 10DM. Bernhard Greiff 10DM. Trần Thủy Hằng 20DM. Nguyễn Thị K. Loan (Wildeshausen) 20DM. Lê Thị Nghĩa (") 20DM. Trương Quang Tuấn 10DM. Trần Duyệt Thái 50DM. Nguyễn Hữu Cường 20DM. Ninh Thị Cúc (Chemnitz) 10DM. Gđ. Lê Công Viên 60DM. Trương Kim Thủy 30DM. Thái Quang Minh 100DM. Lê Thị T. Hương 30DM. Mai Hồng Hà 10DM. Cao Minh Đức (Löninge) 20DM. Nguyễn Quang Liên 100DM. Nguyễn Duy Đức 10DM. Lê Thị K. Thu (Tannhausen) 20DM. Nguyễn Thị K. Liên (Regensburg) 10DM. Lê Thị P. Tuyết 10DM. Cao Thị Hằng 10DM. Phan Thị Vy (München) 20DM. Fam Ung (Bremerhaven) 130DM. Phạm Đình Vũ 30DM. Đỗ Bá Sự 10DM. Phạm Thị Năm 10DM. Trần Thị Tiệp (Oberursel) 20DM. Ngũ Cẩm Đường (Berlin) 100DM. Vương Thủy Hằng Nga (Neuendorf) 50DM. Trần Hoàng Minh (Itzehoe) 20DM. Đoàn Văn Hùng (Deiziau) 30DM. Mayer 20DM. Trần Việt + Dương Siêu (Lüneburg) 40DM. Trần Chính Đăng (Gera) 50DM. Trầm Kim Mỹ 50DM. Phùng Văn Muối 20DM. Nguyễn Minh

Hùng (Hannover) 5DM. Nguyễn Hải Hậu 10DM. Thị Ngọt Huber (Laatzen) 10DM. Dương Chánh Quan 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Lan 50DM. Đào Minh Ngọc (Eisenach) 50DM. Ngô Thị Dương 20DM. Nguyễn Thị Biển 30DM. Trần Thu Hà (Essen) 10DM. Nguyễn Bạch Yến 10DM. Đào Văn Tâm (Göttingen) 20DM. La Quốc Cường 20DM. Thị Liên Thắng 20DM. Nguyễn Ngọc Thông 10DM. Hàn Thi (BS) 50DM. Phùng Văn Nhi 20DM. Vũ Hùng Hà (Hannover) 20DM. Sơn Phương 50DM. Nguyễn Thị Hằng (Berlin) 50DM. Đỗ Ngọc Quý 50DM. Đặng Oesterte 100DM. Nghiêm Quốc Hùng 20DM. Nguyễn Huỳnh (Köln) 50DM. Nguyễn Hồng Tâm (München) 100DM. Trần Thuận Đạt (Nürnberg) 20DM. Trần Thị X. Phương 20DM. Hồng Tú Nguyễn 20DM. Tú + Phương 50DM. Diệp 50DM. Nguyễn Thị T. Thủy (Heide) 20DM. Phan Văn Bái (Thale) 20DM. Nguyễn Quang Tùng 50DM. Nguyễn Thị Bắc Nam 10DM. Nguyễn Văn Đông 20DM. Tống Thị Nguyệt 40DM. GDPT Pháp Quang (HH) 50DM. Trần Thị K. Thao 40DM. Huỳnh Hiến (Nürnberg) 20DM. Trần Thúc Hiền (Sindelfingen) 10DM. Nguyễn Hang Ha 30DM. Võ Trần Cường 20DM. Nguyễn Thu Hà (Brandenburg) 30DM. Đường Xuân Lang (Darmstadt) 50DM. Lê Đức Quang 20DM. Huỳnh Trần (Pforzheim) 30DM. Nguyễn Thị Toàn 20DM. Dữ Hồng Sương (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Anh (") 100DM. Dương Trường Bàn + Song 50DM. Ni Cô Bảo Quang (HH) 100DM. Hồ Thị Minh (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thái (Winsen) 50DM. Phạm Đức Thứ 20DM. Trần Thị Thanh 10DM. Nguyễn Văn Hùng 20DM. Trần Quốc Đại + Hương + Nam + Long 100DM. Nguyễn Thị Xê 20DM. Thủy + Hương (Dresden) 20DM. Lương Thị B. Huệ 20DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Nguyễn Viết Hào (") 20DM. Hoàng Thị Thanh (Rudorf) 20DM. Nguyễn Văn Đông (Seelze) 10DM. Đào Văn Chung (") 20DM. Thị (München) 10DM. Dương Thị Hối (Stuttgart) 50DM. Phan Thị H. Nhung 20DM. Nguyễn Văn Phúc 20DM. Huệ Từ (Nürnberg) 20DM. Hồng Ngọc Phương 50DM. Phan Hình Xò 20DM. Đỗ Anh Tú (Mannheim) 10DM. Chi Ly (Leipzig) 20DM. Hoàng Ngọc Anh (Eschenburg) 50DM. Phạm Thị Sang (FF/M) 20DM. Bình Brause (Berlin) 10DM. Trịnh Thị K. Chung (Clausthal/Z) 20DM. Đặng Thủy Phần (München) 40DM. Nguyễn Thanh Quý (Hameln) 10DM. Nguyễn Quốc Thắng 10DM. Nguyễn Công Nam (Rhein) 50DM. Cường Nhung Trung (München) 50DM. Dianne Nga König (Rehau) 50DM. Nguyễn Ngọc Thắng 20DM. Ngô Kế chi (Basweiler) 10DM. Ngô Nga (") 50DM. Trương Hạnh (Friesoythe) 50DM. Trịnh Lê Diễm 10DM. Ấn danh (Melle) 30DM. Nguyễn Hoàng Long (Rathenow) 50DM. Lê Thị K. Dung (BS) 10DM. Trần Thị Bình (Berlin) 100DM. Phan Văn Tiến (") 50DM. Phan Thị Hay 20DM. Trương Đài (Berlin) 30DM. Ngô Thị Trà 20DM. Nguyễn Văn Hà 10DM. Hồ Ngọc Anh (Götting) 20DM. Phạm Ngọc Tuấn (Hanau) 50DM. Phạm Thị Thủy 10DM. Diệu Ninh (HH) 50DM. Lê Minh Tâm 20DM. Trịnh Kim Yên 50DM. Nguyễn Duy Đô (Eisenach) 20DM. Trần Thị Nga (Hannover) 10DM. Vũ Minh Châu 20DM. Nguyễn Quốc Bình 20DM. Huỳnh Thị T. Hà (Altenau) 20DM. Lan Phương Delarber 10DM. Đào Ngọc Hạnh (Dresden) 80DM. Trường Bích Hậu (Lehrte) 50DM. Nguyễn Trọng Mẫn (Stipsdorf) 20DM. Đoàn Trường Sơn (Haren) 20DM. Nguyễn Văn Khanh 20DM. Phan Thị Thanh 20DM. Nguyễn Thanh Qui (Pháp) 10DM. Đặng Quốc Chí 30DM. Bạch Dương Hiệp 20DM. Lê Thị Tú (Tuttlingen) 50DM. Nguyễn Văn Nam (BS) 30DM. Vũng Nga 10DM. Đinh Cẩm Thủy (Leipzig) 60DM. Phạm Hữu Khanh (Oberlungwitz) 50DM. Vũ Quốc Hoài 10DM. Ngô Thị Cam 10DM. Nguyễn Văn Hòa + Quý

(Frontenhausen) 100DM. Khuu Mỹ Anh (Helmstedt) 200DM. Thủy Nga Scheel (Hannover) 20DM. Nguyễn Văn Thắng (Fürth) 20DM. Bùi Hồng Mạnh (") 50DM. Trần Anh (Lüneburg) 20DM. Trần Quang Bình 20DM. Phùng Thị Hiền (Hannover) 10DM. Lê Thị Bích Lan (") 20DM. Graul Cúc (Göttingen) 20DM. Trường Chánh (Friesoythe) 50DM. Nguyễn Trường Chinh 30DM. Hữu To Trần (Recklinghausen) 20DM. Nguyễn Thị T. Hằng 50DM. Nguyễn Nhu (Wilhelmshaven) 20DM. Nguyễn Công Cường (") 20DM. Trương Sanh Hoàng (München) 40DM. Cao Xuân Liễu (La Hai) (Suisse) 50FS, HHHL ĐH Cao Triều Trực. Như Thanh (USA) 40US. Trần Đình Thảo (") 20US. Diệu Kim (") 100US. Diệu Hiếu (") 100US. Ấn danh (") 100US. PT chùa Phật Bảo (") 260US. Vương Thủy Nga (") 110US. Đào Thanh Yến (") 20US. Phùng Hóa (") 50US. Lê Đăng Phương (") 50US. Bảo Quang Ni Tự (Hamburg) 500DM. Nguyễn Vũ Hào (Lippstadt) 200DM. Nguyễn Thị Phần (Anh quốc) 20 Anh kim. Trần Thị Lê Chi (") 100 Anh kim. Nguyễn Thị Yến (") 10 Anh kim. Viên Chiêu (") 5 Anh kim. Chúc Đẳng & Diệu Đường (") 50 Anh kim. Minh Phúc (") 20 Anh kim. Diệu Hoàng (") 20 Anh kim. Kim Loan Vương (") 10 Anh kim. Quảng Trọng & Viên Minh (") 30 Anh kim. Thiện Hạnh (") 20 Anh kim. Đặng Thị Quán (") 10 Anh kim. Diệu Hoàn (") 10 Anh kim. Diệu Hạc (") 5 Anh kim. Nguyễn Thị Tú (") 5 Anh kim. Diệu Thủy (") 10 Anh kim. Lê Thị Phương Oanh (") 5 Anh kim. Phan Thị Đây (") 20 Anh kim. La Anh Tuyết (") 20 Anh kim. Diệu Dung (") 10 Anh kim. Đức Minh (") 20 Anh kim. Diệu Đạt (") 20 Anh kim. Diệu Hiền (") 10 Anh kim. Diệu Kiến (") 10 Anh kim. Minh Thanh & Diệu Thông (") 20 Anh kim. Sơn & Phương Mai (") 10 Anh kim. Viên Tuệ (") 40 Anh kim. Diệu Chi (") 20 Anh kim. Nguyễn Kim (") 40DM. Trần Văn Tuấn 30 DM. Lê Ngọc Hương 100DM. Võ Thị Bạch Tuyết 20DM. Nguyễn Hồng Minh 50DM. Hà Uyên Phạm Thị 20DM. Lý Huỳnh Thanh Hải (Suisse) 200DM. Huỳnh Phương 251DM. Vũ Thanh & Thủy (Pforzheim) 20DM. Trần Văn Tuấn (Vaduz) 100DM. Phạm Ngọc Thanh Tuyên (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Xuân Kha (Regensburg) 30DM. Huỳnh Kim Cúc 10DM. Lê Quý Dương 20DM. Trần Minh Tuấn 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Mannheim) 20DM. Ngô Trọng Sầu 20DM. Hà Thị Thơm (Viernheim) 20DM. Đào (Glashütten) 30DM. Chấn N. Lý (USA) 200DM. Nguyễn Văn Trung (Lübeck) 20DM. Lục Thị Hồng Duy (Leipzig) 100DM. Vũ Kim Thành 10DM. Huỳnh Thị Hương (Hannover) 20DM. HHHL Nguyễn Châu Bình (") 50DM. Nguyễn Đăng Lê (Erlangen) 30DM. Nguyễn Thị Mẫn (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Thăng Long (Halle) 20DM. Lê Minh Hà (") 100DM. Trần Phương Thủy (Leipzig) 20DM. Vũ Hoàng Sơn 50DM. Phan Thị Hồng Vân (Dresden) 10DM. Đoàn Tuyết Anh (Kiel) 50DM. Trần Văn Lâm (Aurich) 60DM. Hồng O. Đoàn (Bremen) 20DM. Đoàn Minh Tuấn (Weinböbla) 50DM. Phúc Lương & Phúc Thân 20DM. Asia Cousine (Hannover) 20DM. Dương Xuân Phương (Việt Nam) 20DM. Nghiêm Xuân Hoàng (Beeskow) 20DM. Trần Thị Tuyết (Streutdorf) 30DM. Nguyễn Minh Cường (Ludwigshafen) 20DM. HL Võ Thị Anh Thư 500DM. Min-Sie-Tong 90DM. Triệu Thành 200DM. Bambusgarten (Marktberdorf) 50DM. Xu Xích Lương (Stadthagen) 20DM. Hồ Keny 20DM. Thái Thị Ben (Gronau) 20DM. Lê Trung Dũng (Wittenberge) 20DM. Trần Minh Tuấn (") 20DM. Mai Thị Dung (Langenhagen) 10DM. Lê Hà Thủy 20DM. Trần Thị Kim Dung (München) 10DM. Nguyễn Uyên Trang 3DM. Hoàng Quốc Hùng (Harzgerode) 50DM. Nguyễn Đắc Nghiệp (Thale) 100DM. Nguyễn Tô & Ngọc (Dachau) 30DM. Nguyễn Văn Sơn (München) 20DM. Dương Thị Quỳnh Tiên 5DM. Trần Thanh Hải, Nguyễn Thị Ngân, Trần

Thị Gái, Liên & Hải, Hùng & Hoàng, Toán & Thâm, Hà & Dũng, Văn & Hòa, Lai & Ngọc, Lam & Phúc, Thòa & Được (Tiệp) 180DM. Thiện Hội (Salzgitter) 50DM. Lâm Thị Bé (Helmstedt) 20DM. Nguyễn Cường & Ly (Suisse) 100FF. Mai Đắc Thắng (Pháp) 200FF. Trần Thị Kim Dung (München) 10DM. Biscoff 60DM. Tô Văn Đức (Rückersdorf) 20DM. Jann & Frank 10DM. Nguyễn Thị Yến (Wittlich) 50DM. Nguyễn Thị Hai (Klause) 50DM. Hà Tông Hằng (USA) 10US. Jrawra Becker 20DM. Mai Văn Danh (Berlin) 10DM. Min-Sie-Tong 10DM. Hà Minh (USA) 50DM. Hoàng Xuân Hùng (Berlin) 20DM. Nguyễn Ngọc Tấn (") 20DM. Vô Thị Tuyết (Lübeck) 10DM. Hồ Đông Phương (Schönebeck) 10DM. Bùi Thanh Thủy (Dresden) 20DM. Trần Mỹ Linh (Hamburg) 20DM. Lê Thị Gấm (Sondershausen) 50DM. Nguyễn Quốc Hùng (") 50DM. Tina Hannover 20DM. Nguyễn Minh Hoàng (Ba Lan) 4DM. Nguyễn Thanh Liên (Peine) 10DM. ĐH. Khải & Tín & Đường 30DM. Nguyễn Thị Cường (Eisleben) 30DM. Nguyễn Mạnh Dũng 20DM. Phan Thị Ngọc Wolfenbüttel) 20DM. Rest. Dynastie (Paderborn) 20DM. Asia Market (") 50DM. Thái Đông Viên (Đan Mạch) 100Kr. Bùi Thị Hương (Việt Nam) 10DM. Chùa Phật Bảo (Barntrop) 500DM. Nguyễn Thị Bè (Köln) 50DM. Dr. Nguyễn Thị Bin (Heidelberg) 1.000DM. Bích Thơm Vo - Willger (Schiffweiler) 20DM. Dr. Klaus Kohl 50DM. Nguyễn Minh Phương (Wernigerode) 20DM. Phạm Xuân Thiếp (Krefeld) 20DM. Nguyễn Văn Cường (Na Uy) 12DM. Choka Sanghe e.V (Steyerberg) 600DM. Japanische Rosli (Japan) 100.000 Yen. Lai Khánh Văn (München) 100DM. Nguyễn Chiêu Thâm (") 200DM. Tâm Tùng (") 100DM. Chùa Tâm Giác (") 1.000DM. Thị Hạnh (USA) 100US. Chú Phổ Giác (") 20US. Nguyễn Thị Trac (Việt Nam) 20DM. Lê Đình Số (") 50DM. Nguyễn Văn Tịnh (") 10DM. Nguyễn Thị Liên (") 10DM. Đỗ Bích Lê (Berlin) 100DM. Nguyễn Bạch Yến 10DM. Lisa Ong 20DM. Trần Thiệu Thống 20DM. Vũ Minh Thông (Barth) 20DM. Bùi Mỹ Phúc (Hannover) 20DM. Nguyễn Ngọc Toàn (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Đức Hiệp (") 20DM. Hoàng Trung & Lan 20DM. Nguyễn Vinh Thao (A'burg) 20DM. Hiền Altmann (MD) 10DM. Thiện Hội (Salzgitter) 10DM. Hàn Cường (Reutlingen) 50DM. Quách Văn Vinh (Döbeln) 30DM. Tai, Hòe, Việt Châu, Thủy An (Burgwedel) 15DM. Nguyễn Thị Thanh Thủy 50DM. Ngọc & Hà (Braunschweig) 20DM. Vũ Tuấn Khôi & Minh 10DM. Lê Nghĩa Fat (Berlin) 100DM. Phạm Thị Khanh & Triết (Hannover) 50DM. ĐH. Chiêu Hương (USA) 200DM. T. Hồng (Hóa Lan) 25Gđ. Nguyễn Thị Tuyên (Fürth) 50DM. Trần Thị Nga (") 75DM. Tâm An (Bi) 1.000FB. Sabine Konrad (Essen) 30DM. Diệp Kim Huệ (Sweden) 100Kr. Lưu Văn Tý (") 500Kr. Gđ. H.D.M. 100DM. Ngô Văn Xuân (Hannover) 20DM. Trần Đăng Khoan (Berlin) 50DM. Võ Kim Lệ 20DM. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 50DM. Nguyễn Văn Minh (Kaart) 30DM. Nguyễn Thị Thanh Vân (Esslingen) 50DM. Huỳnh Bá Thiên (München) 30DM. Quảng Tử Lê Văn Báo (Đan Mạch) 1.000 Kr. Thiện Báo & Thiện Tiến (Berlin) 300DM. Chùa Linh Thủ & Chi Hội PT (") 500DM. Nguyễn Thị Hằng (") 100DM. Tường (") 50DM. Vân (") 50DM. Diệu Hằng (") 20DM. Gđ. Sứ cô Huệ Niệm (") 300DM. Nguyễn Thị Nhân (") 100DM. Trịnh Phẩm Hoa (Hannover) 100DM. Vũ Văn Thiết (Potsdam) 10DM. Nguyễn Xuân Trường (Việt Nam) 10DM. Trường Thị Diệu Linh (Salzbergen) 50DM. Lê Sơn Lâm 10DM. Diệu Minh 20DM. Lương Văn Thủy (Việt Nam) 10DM. Lê Thanh Thủy (Laatzen) 10DM. Tô Hà 20DM. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Nguyễn Thị Phín (Neuss) 40DM. Ngô Thị Vũng 20DM. Leuchtweis Chi Thành

200DM. PT Thụy Sĩ 200FS. J. Inthaphong & Dirk Schröder 100DM. Hồng Tú Nguyên (Wuppertal) 10DM. Vũ Khương (Wiesbaden) 10DM. S. Saelee Fann 50DM. Trình Đạt Sướng (Barntrup) 20DM. Lý Đệ Phát (Sweden) 10DM. Trần Kim Hồng 20DM. Hoàn & Di (Garbsen) 10DM. Vũ Văn Phú (Schwetzigen) 50DM. Nguyễn Thu Hà (Empedel) 10DM. Nguyễn Ngọc Toàn & Châu (Sweden) 100DM. Nguyễn Tuấn Anh (Einbeck) 50DM. Đồng Đức Thọ (Langenhagen) 21DM. Lương Thị Hiền (Hannover) 20DM. Nguyễn Thanh Hương (") 10DM. Trần Thị Vinh (Bochum) 10DM. Fam. Ong 20DM. Vi Steffen & Ecken Steffen 20DM. Lê Thị Sướng (Oldenburg) 10DM. Trần Đình Tiếp (Cottbus) 60DM. Nguyễn Trọng Hiếu (Bautzen) 20DM. Nguyễn Văn Hải (Minden) 50DM. Vũ Thị Kim Hà 20DM. Bùi Văn Quế 100DM. Dương Văn Huệ (Eching) 40DM. Dương Văn Lộc (Deggendorf) 100DM. Gruchmann Nhụy (Lübeck) 20DM. Quách Chưởng (") 20DM. Đồng bào PT Nürnberg, Fürth, Erlangen 1.600DM. Chi Hội Phật Tử (") 400DM. Đức Hương & Diệu Tinh (Fürth) 100DM. Vũ Thị Đức (Ingolstadt) 30DM. Thiện Vũ (Nürnberg) 100DM. Dr. Trần Đình Thắng (Detmold) 300DM. Phạm Mạnh Thọ (Hoyersweden) 20DM. Nguyễn Thị Hà 30DM. Nguyễn Hoàng Lâm 10DM. Nguyễn Văn Quyền (Cremlingen) 20DM. Harrer Bông (München) 50DM. Phạm Thế Thoan (Aichtal) 50DM. Fam. Tân Fischer (Gunshoben) 50DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 50DM. Nguyễn Văn Hiền 40DM. Phạm Ngọc Hoàn (Hoyesweden) 50DM. Lê Đoàn Quý (Wedelmark) 10DM. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 1 nôi cơm điện. Staron Phường (HH) 40 Bông cải trắng. Phan Văn Hiệp (Bingen) 100 bánh xu xê. China Rest. Dynastie (Springel Bennigsen) 10 bao gạo trắng. China Rest. Dynastie (Springe) 15 thùng dầu ăn. China Rest. Dynastie (Oldendorf) 20 thùng dầu ăn. Tử Thu Muối (Bắc Tân) (Laatzen) 10 thùng dầu ăn. Hồ Minh Hoàng (Obertshausen) 12 bánh Trung Thu + 1 keo mứt chay. Gđ. Mỹ & Xuân (Hannover) 100 bánh xu xê + 50 bánh da lợn. Hồ Đắc Tinh (Darmstadt) 50 bánh da lợn. Tiêu Chi Chung (St. Ingbert) 150 bánh nhân dừa. Chi Dũng (Hildesheim) 2 thùng nước ngọt. Vũ Đình Hải 50 bánh xu xê.

● BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Lê Văn Hiền (Düsseldorf) 50DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Hiền Minh (Saarbrücken) 20DM. Nguyễn Trưởng Thủy Dướng (Frankfurt) 30DM. Huỳnh Quang Đăng (Berlin) 20DM. Lê Văn Thạch (Plochingen) 20DM. Vũ Tuấn Khôi (Espelkamp) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Tâm (Glanchau) 20DM. Đặng Văn Uy (Eisenfeld) 50DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Quang Huệ Mi (Neumarkt) 50DM. Nguyễn Chung Toàn (Göttingen) 20DM. Trịnh Thị Tuyết Hạnh (D'orf) 20DM. Trịnh Quốc Phong (Duisburg) 20DM. Lê Thái Thị Minh (Hòa Lan) 30DM. Võ Thị BB (") 25Guld. Ngô Đắc Thắng (") 40DM. Nguyễn Minh Tuấn (Altenburg) 30DM. Bùi Kim Huệ (Hameln) 20DM. Hứa Xuân Vinh (Sindelfingen) 100DM. Đặng Văn Ba (Schweinfurt) 30DM. Nguyễn Đình Long (Haiger) 20DM. Nghiêm Thủy (Saarbrücken) 50DM. Wen Wei (Hannover) 65DM. Hồ Thị Mừng (Neustadt) 20DM. Kadi Dancing (Hamburg) 1.000DM. Trần Thị Thứ Tâm (Recklinghausen) 20DM. Hồ Trâm (Hamburg) 190 DM. Võ Toàn Trung (Hamburg) 50 DM. Lê Văn Cát (Norden) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Neuss) 20DM. Phạm Hồng Tân (Rudersberg) 50DM. Trịnh Đức Vượng 20DM. Nguyễn Văn Thắng (Berlin) 50DM. Mak (Ba Lan) 11DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM.

Nguyễn Đức Giang (Đan Mạch) 100DM. Hoàng Nam (") 50DM. Nguyễn Linh Phương (") 50DM. Nguyễn Văn Cao (") 100Kr. Vũ Thị Xinh (") 100Kr. Nguyễn Văn Cử (") 30DM. Hà Thị Bé (") 30DM. Đặng Như Nam (Nürnberg) 50DM. Lê Thừa Nghiệp (") 25DM. Lê Trần (Regensburg) 25DM. Pagode Linh Sơn (Pháp) 40DM. Mai Thị Mỹ Duyên (") 100FF. Tạ Quang Thanh (Karlsruhe) 30DM. Trần Minh Đạo (Áo) 200Schl. Trần Quang (") 300Schl. Hoàng Võ Vy Bao (Fulda) 20DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigsburg) 30DM. Nguyễn Thị Phương Lan (Oberhausen) 20DM. Hồ Đắc Tinh (Darmstadt) 50DM. Trần Thị H. Ly (") 20DM. Vũ Ân & Vũ Cao (Karlsruhe) 20DM. Hồ Châu (Garbsen) 50DM. Gđ. Bùi Đình Phú (Unna) 50DM. Phạm Thị Côi (HH) 50DM. Nguyễn Mai Tuy (") 50DM. Nguyễn Đình Chương (Remscheid) 20DM. Trương Văn Xuân (Hannover) 30DM. Hồ Đắc (Heiligenhaus) 30DM. Lan Blumenstock (Wiesbaden) 20DM. Trần Minh (Göttingen) 20DM. Nguyễn Văn San (Osnabrück) 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Canada) 50Can. Huỳnh Thị Lý (Bad Iburg) 20DM. Lý Phần Thọ (Leipzig) 30DM. Hà Ngu (Leer) 20DM. Lý Kiến Phi (Saarbrücken) 20DM. Nông Văn Hòa (HH) 30DM. Nguyễn Thị Gao (A'burg) 20DM. Asia Hạ Long (Hannover) 85DM. Nguyễn Thị H. Quyên (München) 50DM. Mã Ngọc Thượng (Pháp) 500FF. Patrik Drumont (") 300FF. Vương Thị X. Loan (Aurich) 20DM. Lê Khanh Trướng (Weiden) 20DM. Phạm Lương Khanh (Neuss) 20DM. Vũ Thị Dấu (Aachen) 20DM. Điền Quốc Việt (Nürnberg) 20DM. Phan Thị Út (Langen) 20DM. Hue Wollenberg (Hamm) 20DM. Vũ Đình Hải (Neustadt) 50DM. Trần Thị Ngọc Mai (Úc) 110DM. Nguyễn Thị Phương (Wiesbaden) 20DM. Trần Văn Tiến (Bad Kreuznach) 20DM. Nghiêm Han (Essen) 20DM. Phạm Ngọc T. Tuyên (Frankfurt) 20DM. Dutta Thị Như Ý (A'burg) 20DM. Johannes Dao (HH) 40DM. Trương Văn Bá (Langenhagen) 20DM. Nguyễn Thị Hà (Erlangen) 10DM. Lâm Kỳ Thạch (Papenburg) 20DM. Lâm Quang Tùng (Neuwied) 20DM. Nguyễn Trọng Nhiều (Neuenburg) 25DM. Trương Văn Lục (Viersen) 25DM. Ngô Thị T. Thủy (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Văn Bình (Essen) 50DM. Huỳnh Then (Köln) 20DM. Trần Kim Nga (Itzehoe) 20DM. Châu Ái Hương (Münster) 50DM. Trần Hữu Hưng (Trier) 20DM. Đinh Văn Hùng (Magdeburg) 30DM. Nguyễn Duy Trung (Meppen) 20DM. Nguyễn Thị Hương (Gera) 20DM. Lưu Xuân Lộc (Seevetal) 40DM. Lê Thanh Tùng (Hoya) 20DM. Trần Thị T. Quỳnh (Nürnberg) 10DM. Nguyễn Văn Kế (Furtwangen) 50DM. Lan Blumenstock (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Quốc Phong (Berlin) 40DM. Ấn danh (Hannover) 20DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 100DM. Hữu To Trần (Recklinghausen) 20DM. Phan Thành Chí (Langen) 50DM. Lê Văn Phụng (Kornwestheim) 20DM. Lê Thị Mân (Gelsenkirchen) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (") 20DM. Nguyễn Ngọc Sơn (Wörishofen) 100DM. Nguyễn Huỳnh H. Triều (Bergkamen) 10DM. Nguyễn Đăng Lê (Erlangen) 35DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 20DM. Nguyễn Ngọc Chương (Remscheid) 20DM. Trương Bích Thủy (Nordheim) 20DM. Ngô Quốc Việt (Einbeck) 20DM. Vũ Đức Dũng (Bockhorn) 50DM. Đặng Thị Bạch Tuyết (Berlin) 20DM. Nguyễn Xuân Xá (Helmstedt) 50DM. Huỳnh Thị T. Thủy (Ostercappeln) 20DM. Bùi Thị Hà (Wuppertal) 20DM. Trương Minh Châu (HH) 20DM. Trương Tiến Dũng (Lechtingen) 50DM. Nguyễn Phi Hùng (Bab Iburg) 20DM. Phạm Minh Đạt (Bischberg) 20DM. Phạm Văn Kỳ (Dettingen) 20DM. Đoàn Thị Phạm (Đan Mạch) 20DM. Phạm Như Quối (Unna) 80DM. Hồ Thị Hương (Münster) 30DM. Thái Hoa Nguyễn (") 30DM. Nguyễn Văn

Hoàng (Bad Homburg) 50DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 30DM. Huỳnh Thị Kim Liên (München) 30DM. Cao Ngọc Lang (BS) 20DM. Trần Mao (") 20DM. Kỳ Chí Trung & Hiền (Berlin) 20DM. Trang Thị Như Ngọc (Langenhagen) 20DM. Phạm Hồng D. Khanh (Willich) 50DM. Lý Mỹ Anh (Köln) 20DM. Trần Thị Dung (Steinfurt) 20DM. Đào Thị Phương (Dortmund) 50DM. Hồng Beo (Reutlingen) 20DM. Văn Anh Scharpen (Hannover) 20DM. Vũ Thị Hiền (Berlin) 50DM. Ngô Thị Khi (München) 20DM. Vũ Thị K. Toàn (") 20DM. Nguyễn Văn Trí (Eisleben) 20DM. Nguyễn Huỳnh Đức (") 100DM. Nguyễn Thị Văn (Nürnberg) 30DM. Khampion Rattanawong (Kiel) 20DM. Tăng Kim Lang (Berlin) 30DM. Ninh Văn Phước (Bi) 30DM. Fam. Nguyễn (Magdeburg) 20DM. Vũ Thị Dung 20DM. Nguyễn Hữu Tạo 30DM. Phạm Kim Oanh (Cottbus) 20DM. Trần Hai (Bad Kreuznach) 30DM. Tuy Thanh Trướng (Neustadt) 20DM. Gđ. Nguyễn (München) 20DM. Bùi Thị Lệ (") 40DM. Trịnh Tu Kiên (Detmold) 20DM. Liêu Thị Tú (Göttingen) 20DM. Nguyễn Thu Nguyệt (Lünen) 20DM. Nguyễn Thị Tinh 20DM. Nguyễn Phương Tường (Wedtlenstedt) 20DM. Trịnh Lan Văn (Peine) 10DM. Nguyễn Thị Đông (Stade) 20DM. Lâm Hữu Tài (D'orf) 20DM. Lâm Hữu Trí (BS) 20DM. Lê Vi Tường (Koblenz) 30DM. Nguyễn Đăng Lạc (Goslar) 10DM. Monique Lim (Canada) 100Can. Nguyễn Hà (Stuttgart) 30DM. Trương Kim Thủy 30DM. Trần Thị Tú (Lahr) 50DM. Nguyễn Bao Cường (Naumburg) 20DM. Đoàn Minh Tuấn (Weinböla) 50DM. Trần Kim Hưng (Tauberbischofsheim) 40DM. Trần Hân (USA) 20US. Hà Văn Tho (Pháp) 200FF. Đoàn Bá Trí (") 100FF. Trần Thị H. Giang (Steinbach) 20DM. Nguyễn Hoàng Liệt (HH) 40DM. Phan Thị T. Xuân (Bingen) 30DM. Lưu Quang Thuận + Diệp (Eversen) 100DM. Khưu Cẩm Văn (Wiesbaden) 30DM. Quan Tú Quyên (Berlin) 20DM. Phạm Thị Huế (Neuss) 50DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Kün-Gaisbach) 20DM. Nguyễn Thị Văn 40DM. Phan Lưu (Nordhorn) 20DM. Nguyễn Công Khai (Cham) 30DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Lampertheim) 50DM. Nguyễn Văn Đạt (München) 20DM. Từ Nguyễn (USA) 200FF. Minh Đô (USA) 100US. Diệu Kim (") 100US. Tâm Hậu & Tâm Sướng (") 100US. Phùng Hóa (") 100US. Phổ Kiến (") 60US. Chúc Đăng & Diệu Dướng (Anh quốc) 10 Anh kim. Diệu Đạt (") 20 Anh kim. Đôn Do (") 10 Anh kim. Trần Quốc Thái (") 20 Anh kim. Nguyễn Bá Thông (") 10 Anh kim. Viên Tuệ (") 100FF. Trần Văn Tuấn 20DM. Nguyễn Thị Nga 100DM. Trịnh Hùng 30DM. V. Lý 28DM. Ninh Khắc Nhạ (Bochum) 1.500DM. Trần Minh Giang 20DM. Phạm Tấn Lực (Suisse) 50DM. Ngô Tuấn Kiệt (Giengen) 20DM. Phan Văn Bông (Ý) 50.000 Lire. Vũ Thị Thường (Bayreuth) 50DM. Nguyễn Quốc Hùng (Sondershausen) 20DM. V. Trần 50DM. Hà Ngọc Huỳnh 75DM. Huỳnh Hoài Phu (Cloppenburg) 20DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 50.000 Lire. Huỳnh Hoa Lan (Eschweiler) 20DM. Phạm Hữu Vui (Leinefelde) 20DM. Nguyễn Minh Phường (Wernigerode) 20DM. Huỳnh Văn Tinh (Bremen) 20DM. Crouzet (Pháp) 300FF. Đào Khánh Lộc (Schweich) 30DM. Phạm Xuân Thiếp (Krefeld) 30DM. Hồ Kim Sinh (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Văn Mỹ (") 25DM. Nguyễn Văn Tân 50DM. Tô Thanh Quang (Bayreuth) 50DM. Triệu Công Trường (Pháp) 50DM. Trương Tấn Nhi 20DM. Nguyễn Minh Huệ (D'orf) 50DM. Ludwig Thị Thanh (Wittlich) 30DM. Ngọc & Hà (BS) 20DM. Dietrich Teickner Hằng (Langenhagen) 20DM. Ngô Văn Kỳ (Pháp) 29,81DM. T. Hồng (Hòa Lan) 25Guld. Trần Thị Hương (Singen) 20DM. Trịnh Quang Tuyên (Đan Mạch) 50DM. Đinh Đức Quý (Meppen) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. GAM Gehrke 500DM.

Nguyễn Ngọc Hồ 50DM. Hoàng Xuân Chiến (Salmthal) 50DM. Lê Đức Toàn (Bruchköbel) 20DM. Nguyễn Tá Minh (USA) 50US. Nguyễn Ngọc Hải (Niederhorbach) 20DM. Lê Văn Hoàng (Regensburg) 10DM. Nguyễn Đức Vương (Leipzig) 50DM. GMT Reisebüro (Minden) 125DM. Võ Thị Dương Hạnh (Marl) 20DM. Kim Thành (Hannover) 200DM. Nguyễn Ngọc Bình 10DM. Tiêu Kim Huệ 100DM. Nguyễn Văn Mạnh (München) 200DM. Lê Viết Hòa (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 20DM. Kahle Ta Hường (Leipzig) 50DM. Lê Thọ Văn (Mannheim) 20DM. Nguyễn Thị Nhuận (Bad Gandersheim) 50DM. Huỳnh Bà Thiên (München) 20DM. Trần Bích (Nguyễn Đình Hùng) (USA) 20US. Ấn đánh (Bietigheim) 20DM. Huỳnh Trước Đào (Hannover) 30DM. Trần Văn Minh (Hòa Lan) 50Guld. Chính Trực (Canada) 100Can. Lê Khắc Lộc (Zeititz) 10DM. Long Bao Chi Bernkastel-Kues) 50DM. D. Hồ 50DM. Nguyễn Quang Mạnh (Osnabrück) 40DM. Ngô Thanh Tri (Sigmaringen) 30DM. Nguyễn Chí Thiện (Hamburg) 20DM. Châu Bảo Chương và đồng hướng tại Bayreuth 100DM, HHHL PT Lê Mạnh Hùng. Phạm Văn Phước (D'dorf) 50DM. Giang Lăng Hĩa (Nürnberg) 30DM. Cao Thiên Quý Thảo 30DM. Nguyễn Văn Hoàng (Schwäbisch-Hall) 20DM. Lý Chí Minh (Y) 20.000Lire. Nguyễn Ngọc Minh (") 50.000Lire. Nguyễn Hữu Tâm (") 20.000Lire. Báo Chí (") 50.000Lire. Vũ Bảo Vọng (") 20.000Lire. Lâm Phương Nguyễn (USA) 20.000Lire. Lệ Oanh Seidel (Nürnberg) 20DM.

● VU LAN

ĐH. Nguyễn Thị Bê (Köln) 20DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Hồ Ngọc 50DM. Phù Di Tạ (Frankfurt) 100DM. Huỳnh Quang Đăng (Berlin) 20DM. Nguyễn Thanh Đức (Paderborn) 50DM. Nguyễn Thị Lan Hường (München) 20DM. Nguyễn Hùng Gỵ (Zwickau) 50DM. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 30DM. Trần Khắc Hiếu (Rostock) 20DM. Lê Văn Thanh (Bi) 500FB. Võ Thị Huệ (") 500FB. Cô Phúc Bốn (") 2.000FB. Kim Hon (Bad Kreuznach) 50DM. Châu Nhuận Tường (Laatzten) 50DM. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 50DM. Tô Chương Phát (Canada) 200DM. Phạm Chí Huy 40DM. Lê Văn Đức 100DM. Nguyễn Thị Nguyệt (Buxtehude) 30DM. Nguyễn Thị Anh (Landstuhl) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hằng (") 30DM. Huỳnh Thị Khiêm (Hamburg) 20DM. Lê Văn Lợi (Schorndorf) 10DM. Lê Văn Danh (Darmstadt) 50DM. Hoàng Ngọc Thụy (Pháp) 100FF. Phan Lộc Gian (") 300FF. Hồ Văn Nguyễn (") 100FF. Nguyễn Thị Ngọc (Schorzberg) 30DM. Đặng Văn Uy (Eisenfeld) 50DM. Trịnh Bạch Tuyết (Áo) 200Schl. Diệu Tiến (Anh) 20 Anh kim. Lâm Kim Nguyên (K'Lautern) 100DM. Nguyễn Văn Hà (Fürth) 10DM. Nguyễn Thị Liên (Eisenach) 20DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Trần Thị Nhiều (") 25Guld. Đỗ Văn Lợi (Meerbusch) 50DM. Nguyễn Hữu Hạnh (Zell) 100DM. Bathke Diệu Minh (Gießen) 40DM. Từ Sánh (Aachen) 50DM. Đức Thị Hòa (Saarbrücken) 100DM. Tôn Quốc Vinh (") 100DM. Nguyễn Thủy Ngân (") 20DM. Bùi Duy Nguyên (Ertech) 20DM. Lê Thị Hoàn (Doberburg) 10DM. Trần Thị Ánh Hồng (Dresden) 10DM. Vũ Thị Phúc (Mainz) 20DM. Helène Antony Đỗ (D'dorf) 100DM. Huỳnh Thiên Tâm (Neuss) 20DM. Trịnh Đức Vương 50DM. Ban Hướng Dẫn ĐGPTVN Đức Quốc 100DM. Lê Thanh Tùng (Bad Salzungen) 30DM. Trần Xuân Hiền (Stuttgart) 100DM. Phật Tử Odense (Đan Mạch) 4.000Kr. Vũ Thị Xinh (") 200Kr. Đinh Vũ Trung (") 200Kr. Lê Thanh Thủy (") 200Kr. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 50DM. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe)

50DM. Tôn Nữ Thị Tuy (") 50DM. Nguyễn Văn Nhật (Wiesbaden) 50DM. Võ Thị Mỹ (") 50DM. Khuê Thị Mỹ Tiên (Stuttgart) 50DM. Thái Anh (T. Ngọc) (") 40DM. Chiêm Thị Hiền (") 50DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (") 30DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigsburg) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thị Phương Lan (") 20DM. Hồ Đắc Tinh (Darmstadt) 50DM. Ngô Thị Nga (Pháp) 100FF. Trần Văn Thanh (Tübingen) 30DM. Chu Quỳnh Sơn (Gera) 50DM. Nguyễn Văn Lộc (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Thị Sâm & Thương (Wiesbaden) 30DM. Hoàng Anh Tuấn (Bad Bentheim) 50DM. Trang Văn Hòn (Goppingen) 20DM. Võ Văn Ngân (Bremen) 50DM. Lý Phần Thở (Leipzig) 20DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 20DM. Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 50DM. Võ Thị Kim Anh (Kassel) 30DM. Vũ Thị Đầu (Aachen) 50DM. Nguyễn Triết (") 20DM. Tôn Thất Sung (Bonn) 20DM. Điền Quốc Việt (Nürnberg) 30DM. Gđ. Trần Thị Kim Lê (Berlin) 50DM. Nguyễn Thị Ánh (Münster) 30DM. Lý Tích Bình (HH) 20DM. Phan Chí Thắng (") 20DM. Quỳnh Các Đăng (Hanau) 20DM. Tu Minh (Dietzenbach) 20DM. Dương Trung Dũng (München) 20DM. Hoàng Minh Tuấn (Bad Bentheim) 100DM. Hoàng Ngọc Phương (") 20DM. Điền Văn An (") 20DM. Trần Cẩm Châu (Bruchköbel) 100DM. Đặng Anh Tuyết (Löbau) 50DM. Phan Văn Kiêm (Brucksal) 40DM. Hoàng Thanh Vân (") 50DM. Cao Ngọc Lang (BS) 20DM. Trần Mao (") 20DM. Lê Thị Vân (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Thị Oanh (") 10DM. Kỳ Chí Trung & Hiền (Berlin) 30DM. Nguyễn Thị Nhi (Helmstedt) 20DM. Lê Văn Kim (Stuttgart) 20DM. Trang Thị Như Ngọc (Langenhagen) 20DM. Văn Kênh Vũ (Vechta) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Lahr) 20DM. Bùi Văn Hòa (Neuwied) 20DM. Phạm Quang Vinh (") 20DM. Lại Ngọc Ly (Hennef) 10DM. Trịnh Anh Chiến (Osnabrück) 20DM. Ấn danh 10DM. Huỳnh Văn Tú (Göttingen) 20DM. Nguyễn Ngọc Thìn (Mainz) 20DM. Phùng Mạnh Cường (Wolfenbüttel) 20DM. Bùi Ánh Hường (Köln) 40DM. Đoàn Quý Trung (Vechta) 20DM. Diệu Tâm (Gladbeck) 20DM. Chiêu Văn Mười (Berlin) 20DM. Ngô Ngọc Anh (Bad Iburg) 20DM. Nguyễn Thị hường (Winsen) 20DM. Nguyễn Văn Dũng (Gelsenkirchen) 20DM. Lưu Tích Thắng (Hòa Lan) 20Guld. Cao Sỹ Minh (Magdeburg) 20DM. Lê Thị K. Lê (Wilhelmshaven) 20DM. Trịnh Thu Hà (Ludwigsweder) 20DM. Lưu Tích Thắng (Hòa Lan) 20Guld. Lưu Thế Mai (") 50DM. Lưu Giới (Nordhorn) 20DM. Ly Tý (") 100DM. Cao Sỹ Minh (Magdeburg) 20DM. Nguyễn Thị Kim Anh (") 20DM. Tô Lệ Hoa (GM.Hütte) 50DM. Lê Công Thu Nga (Regensburg) 50DM. Nguyễn Thị K. Anh (Neustadt) 50DM. Vũ Thị Lan (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Thị Thủy (Brucksal) 10DM. Lưu Thị Hà (BS) 10DM. Trần Thị Hòa (Cloppenburg) 10DM. Nguyễn Thị H. Trinh (") 10DM. Lục Huệ Linh (Stuttgart) 20DM. Gđ. Lê-Do (Hòa Lan) 50DM. Phùng Thị Kim Oanh (Lüneburg) 20DM. Nguyễn Thị Thuận & Hà Kim Dung (Köln Zündorf) 100DM. Châu Ái Hường (Münster) 50DM. Lâm Chí Trung (") 30DM. Huỳnh Tích Anh (Hòa Lan) 50Guld. Gđ. Huỳnh Then (Köln) 70DM. Huỳnh Diệp Văn (") 50DM. Bùi Nguyễn Trọng (Erfurt) 100DM. Phạm Nguyễn Thị Hoa (Marburg) 20DM. Qiu Xin Ying (Münster) 50DM. Lê Thị N. Tuyết (B. Schwarztau) 20DM. Huỳnh (Haren) 20DM. Huỳnh Diệp Trung (Köln) 50DM. Huỳnh Bích Ngọc (") 10DM. Lý Mỹ Anh (") 30DM. Trưởng Văn Tân (Việt Nam) 20DM. Huỳnh Quốc Hội (Neuenburg) 30DM. Trần Quý (Wildeshausen) 20DM. Nguyễn Hữu Lưu (") 20DM. Trần Thị Dung (Steinfurt) 20DM. Trần Thị Mậu (Reutlingen) 40DM. Hồng Beo (") 30DM. Nguyễn Huy (") 20DM. Trương Thị Phụng (Köln) 20DM. Trần Đức Xuân

(Wunstorf) 50DM. Lâm Thuận Hi (Hagen) 50DM. Trần Thị Hương (Hannover) 20DM. Lưu Tiến Tùng (Osterode) 20DM. Đào Thị Phương (Dortmund) 10DM. Trần Thị Năm (Steindorf) 10DM. Thế Ba & Ngọc Anh (Cuxhaven) 50DM. Trần Minh (Hannover) 10DM. Vũ Trần Lâm (Leipzig) 10DM. Tuyết Giang (Norden) 20DM. Ngô Thị Khi (München) 50DM. Ấn danh 20DM. Tạ Hữu Dục (Harburg) 10DM. Lê Văn Đức (Gütersloh) 20DM. Đỗ Thị Cúc (Hildesheim) 20DM. Trương Tuyết Trinh (") 10DM. Trương Tuyết Nhung (") 10DM. Đỗ Văn Chung (Dresden) 20DM. Nguyễn Tiến Dũng (Bahndorf) 20DM. Gđ. Đặng Vũ T. Tâm (München) 50DM. Nguyễn Thị Vân (Nürnberg) 20DM. Khampion Raitanawong (Kiel) 50DM. Ngô Kiều Oanh (Aurich) 50DM. Bùi Thủy Bày (Weringerde) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 20DM. Nguyễn Cao Nhân (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Thị P. Thu (Stuttgart) 10DM. Mai Zelek (HH) 50DM. Trần Lê Sương (Hannover) 30DM. Lương Tô Tử (") 10DM. Kim Anh (Dresden) 10DM. Hạnh (") 10DM. Thịnh (") 10DM. Văn Phương Lan (Việt Nam) 20DM. Phan Thị T. Hằng (Rostock) 30DM. Nguyễn Thị Tuyết (") 20DM. Lâm Đức (HH) 50DM. Nguyễn Thanh Hải 20DM. Nguyễn Thị Hợp 20DM. Phạm Đức Thắng 20DM. Tô Thị Hà 20DM. Nguyễn Văn Đỗ 20DM. Nguyễn Thị Yến (Erfurt) 100DM. Lại Thị Vê 30DM. Lê Thị hường 50DM. Vũ Thị Đình 100DM. Hứa Tiểu Minh 10DM. Nguyễn Thị Ngọc 20DM. Lê Thị Thu Hải 20DM. Đỗ Thái Sơn 10DM. Nguyễn Văn Trảnh (Bamberg) 20DM. Hoàng Thị Bình (Leipzig) 40DM. Hoàng Thị Lan 20DM. Nguyễn Văn Mồi 20DM. Nguyễn Trọng Hoai 15DM. Nguyễn Thị B. Loan 10DM. Lê Thị Hà (Oschersleben) 10DM. Nguyễn Anh Quang 10DM. Nguyễn Đưỡng Minh (Hettstedt) 20DM. Chu Văn Thuyền 10DM. Lê Thị Dung 10DM. Hoàng Văn Thái (Erfurt) 10DM. Đỗ Thị Dung 20DM. Kiều Quốc Định (Göppingen) 100DM. Trương Văn Đạt (Altenburg) 20DM. Phạm Văn Tân 40DM. Nguyễn Ngọc Quan (Teningen) 100DM. Nguyễn Thị Minh Hoa (Dresden) 50DM. Trần Thị Nga 50DM. Nguyễn Văn Đình 20DM. Phạm Đình Kỳ (Dresden) 20DM. Nguyễn Linh & Diệp (Ellwangen) 10DM. Quách Thị Mậu 30DM. Phạm Thị Thái 10DM. Nguyễn Thị Thu Hường (CZ) 10DM. Lý Tùng Phương 100DM. Lê Thị Hà 10DM. Trần Thị T. Mai (Chemnitz) 10DM. Trần Thị Ánh Tuyết (Erfurt) 50DM. Waskönig (Hannover) 150DM. Nguyễn Hoàng Anh (Eisenach) 50DM. Vũ Văn Thắng (") 50DM. Lê Anh Sứ 10DM. Nguyễn Quang Chánh (Leipzig) 100DM. Đặng Thị Kim Oanh (") 40DM. Lê Thị Tinh 20DM. Vũ Thị Vương & Linh 10DM. Trần Thị Quyển (Rachwitz) 40DM. Trần Ngọc Kim (Zerbst) 50DM. Nguyễn Thị B. Hiền 20DM. Phan Thị Bình (Magdeburg) 20DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Nguyễn Anh Tuấn (Rostock) 20DM. Bùi Thị Chiên (Dietenhofen) 50DM. Đỗ Yên Trung 20DM. Phạm Bảo Ngọc 20DM. Đinh Tuyết Trinh & Thu 50DM. Lê Hải Châu (Berlin) 10DM. Nguyễn Văn Chúc (Hannover) 20DM. Huỳnh Minh Cảnh 50DM. Đoàn Thị Mỹ Quyển (Chemnitz) 40DM. Lê Thị Hoa (Leipzig) 30DM. Nguyễn Thị T. Hải 20DM. Long & Hà Lâm 20DM. Nguyễn Thị Hân & Thanh (Brandenburg) 30DM. Ngô Đức Thắng (") 20DM. Lê Thị Gấm 20DM. Nguyễn Thị Linh 20DM. Nguyễn Thị Lan (Rostock) 20DM. Nguyễn Xuân Long (") 20DM. Hoàng Thanh Hiền 10DM. Vũ Chí Trung 10DM. Lê Thủy Nga 20DM. Nguyễn Thu Hường (Thalheim) 30DM. Lê Thị T. Nga 20DM. Bùi Hữu Trung 50DM. Dương Thị M. Loan & Quang (Rostock) 20DM. Bùi Thị Lan 20DM. Nguyễn Thị Thảo 30DM. Bùi Huy Bình (Halle) 10DM. Nguyễn Đỗ Cường Hường 50DM. Nguyễn Thu Trang 10DM. Trần Thị T. Dung (Wolfen) 20DM. Ngô Thị Hào 10DM. Hoàng Văn Hải 40DM. Nguyễn

Quốc Trung & P. Dung (Leipzig) 40DM. Phạm Thị Hồ Tu 50DM. Nguyễn Thị Lý 20DM. Bùi Thị Phương 50DM. Chu Thị T. Hà 10DM. Vũ Xuân Phương (Rostock) 20DM. Nguyễn Văn Vinh (Magstadt) 80DM. Đào Quang Tuấn 10DM. Nguyễn Thủy Mộng 100DM. Phạm Văn Vương 40DM. Lý Văn Tân & Hải 20DM. Triệu Ngọc Thanh (Leipzig) 20DM. Lê Thanh Hải (") 20DM. Nguyễn Danh Trịnh 20DM. Nguyễn Tuấn Minh (Rudostadt) 50DM. Trần Thị Huyền (Sangerhausen) 50DM. Ngô Thị Thanh 50DM. Hồ Quang Chính 20DM. Trần Đức Thành & Hằng 50DM. Nguyễn Văn Đình 50DM. Phạm Thị Hiền (Berlin) 20DM. Vũ Thị K. Liên 20DM. Ngô Yến & Bình (Neuburg) 40DM. Đặng Thị Tân 20DM. Helmut Rädler (Wangen im Allgäu) 50DM. Phạm Thị Tân 10DM. Chu Bá Dự 20DM. Lê Thị Cúc 10DM. Nguyễn Thị Lý 20DM. Lê Văn Ruộng (Flöha) 20DM. Dương Ngọc Tuấn & Lâm 50DM. Trần Xuân Hòa 20DM. Cao Sơn Hậu (Caber) 5DM. Trần Anh Dũng 30DM. Lê Đăng Thuý 20DM. Nguyễn Ngọc Tâm (Leipzig) 35DM. Minh Tiến & Long 50DM. Đặng Hồng Sơn 120DM. Bùi Văn Dân (Haren) 20DM. Nguyễn Văn Hoài (Berlin) 50DM. Đặng Sỹ Đức (") 20DM. Lê Minh Nghĩa 10DM. Lâm Du Minh (Ulm) 50DM. La Quốc An (Neuburg) 20DM. Nguyễn Thị Chung Thủy 20DM. Vũ Thị Duy 20DM. Vũ Ngọc Thúc & Thắm 100DM. Văn Hùng Tiến 10DM. Nguyễn Huy Hùng (Dresden) 20DM. Nguyễn Văn Thuận 10DM. Hà Tiến Văn 10DM. Hà Quốc Thanh (Memmengen) 100DM. Lương Thị Hậu (Langenhagen) 10DM. Đặng Thị Oanh 50DM. Quán Đình Hòa 20DM. Nguyễn Thị Pho 20DM. Thu Dung & Hải Yến 10DM. Ô Thị Lê 100DM + 20US. Phạm Thị Thi 55DM. Trần Thanh Tùng (Leipzig) 50DM. Bùi Thị Minh (") 40DM. Đặng Thị Việt Hà (") 20DM. Nguyễn Thanh Minh (") 50DM. Bùi Văn Công & Nhung 20DM. Hà Kiến Hùng 50DM. Lâm Thế Vĩ 50DM. Vũ Tuấn Khôi 20DM. Nguyễn Canh Hoan 20DM. Đào Công Ngươn 30DM. Lê Văn Đường 50DM. Bạch Tuyết Mai 5DM. Lê Minh Hà 150DM. Nguyễn Thị H. Thanh 50DM. Trần Thanh Tùng 10DM. Nguyễn Tuấn Anh 10DM. Trần Ngọc Oanh 20DM. Trần Thị Chi 10DM. Hoàng T. Trang 20DM. Nguyễn Hữu Vê 50DM. Hoàng Hoa Nam 20DM. Hoàng Văn Chiến 20DM. Trương Công Chính (Leipzig) 20DM. Nguyễn Trọng Thạch (") 50DM. Nguyễn Trọng Hách 100DM. Nguyễn Thị Sỏi 100DM. Trần Thị Quỳnh Hoa 50DM. Nguyễn Vũ T. Hương (Magdeburg) 20DM. Đặng Thị Liên 20DM. Vũ Minh Nguyệt 30DM. Hà Thị Hồng (Lüchow) 10DM. Nguyễn Quý Tuấn 20DM. Phạm Thị H. Nhung 20DM. Hà Tú Linh 60DM. Nguyễn Đăng Hùng 20DM. Tuấn Anh (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Ngôi 40DM. Nguyễn Bá Hòa (Chemnitz) 200DM. Nguyễn Văn Lân (Oberlungwitz) 50DM. Đoàn Văn Thanh 30DM. Đoàn Thị Thu Hà 50DM. Lại Thanh Tùng (Leipzig) 20DM. Nguyễn Phương Chi 70DM. Trần Thị Hằng 100DM. Huyền Tischler 50DM. Đặng Ngân Bình 10DM. Nguyễn Đức Tuấn 20DM. Nguyễn Quốc Nam (Schwerin) 20DM. Phạm Thị B. Hạnh 10DM. Trương Công Chính 20DM. Nguyễn Minh Phú 100DM. Nguyễn Thị Tĩnh 20DM. Bùi Thị T. Hà 10DM. Nguyễn Thị T. Tâm 10DM. Nguyễn Văn Mạnh 30DM. Nguyễn Văn Đông (Thale) 50DM. Chu Thị Hiền 10DM. Chu Thị M. Hiếu 10DM. Nguyễn Thị Thục 50DM. Phan Hồng Ngân 10DM. Trần Thị Minh 10DM. Lai Thị Minh Châu 10DM. Nguyễn Thị T. Tâm 10DM. Đặng Thị Liên 20DM. Vũ Thị Nga 10DM. Nguyễn Đức Tuấn 200DM. Nguyễn Văn Lộc 20DM. Trần Thị Nguyệt 20DM. Ngô Ngọc Anh 10DM. Vương Thị T. Hương (Chemnitz) 20DM. Dương Quý Lâm (") 20DM. Lâm Anh Ngọc (") 20DM. Đinh Thị Liên 20DM. Vũ Ngọc Thứ 100DM. Đặng Tú Anh (Berlin) 20DM. Lê Thu Hà (") 20DM. Đỗ Thị Ánh (Parchim) 20DM. Lê

Ngọc Hương (") 10DM. Nguyễn Thị Nhung 20DM. Trương Thị Tuyết 20DM. Nguyễn Xuân Cường 10DM. Hà Văn Trúc 10DM. Hoàng Thị Lan (Erfurt) 20DM. Đàm Văn Chính 20DM. Nguyễn Thị Toàn 10DM. Giang Trường Sơn 20DM. Phan Thị Dung 50DM. Hoàng Văn Thái 20DM. Bùi Bích Hà 10DM. Nguyễn Thị Huyền (Erfurt) 20DM. Hồ Quang Dũng 5DM. Nguyễn Thị B. Lê 20DM. Nguyễn Văn Phúc 10DM. Ngô Anh Tài (Potsdam) 40DM. Đinh Văn Sĩ (Apolda) 30DM. Đường Ngô Hùng 5DM. Phạm Thị Ngân 10DM. Ngô Thị Hào 10DM. Nguyễn Văn Tôn (Leipzig) 20DM. Lê Văn Khương (Berlin) 10DM. Hoa Thị H. Mai 10DM. Nguyễn Công Minh (Eisenach) 30DM. Nguyễn Thị Ngôi 10DM. Nghiêm Trọng Tuấn (Erfurt) 100DM. Đinh Bích Hương 20DM. Nguyễn Thị Hà (Stolberg) 20DM. Nguyễn Mai Đăng 30DM. Vũ Quang Vỹ 20DM. Đỗ Thị Gái 10DM. Nguyễn Cam Lại (Gera) 50DM. Nguyễn Thị Thiện 10DM. Phạm Quang Sáng 20DM. Nguyễn Thị Hai 20DM. Nguyễn Thị Lan Anh (Thale) 10DM. Đặng Mạnh Cường 20DM. Đỗ Thị X. Hương 50DM. Nguyễn Thị Nhài (Torgau) 24DM. Nguyễn Thị Lương 10DM. Đoàn Thị Ngọc 70DM. Trần Ngọc Kim 20DM. Trâm Công Tuấn (Gera) 30DM. Hoàng Văn Minh 10DM. Phan Thanh Bao 100DM. Đinh Xuân Cường 20DM. Mai Thị Lệ 10DM. Trần Quang Thành 10DM. Vũ Bích Ngà (Apolda) 30DM. Nguyễn Minh Cần (") 10DM. Nguyễn Tuấn Phương 20DM. Nguyễn Văn Tâm 10DM. Nguyễn Thị Mai Hoa 10DM. Đoàn Quỳnh Hương (Köthen) 10DM. Nguyễn Xuân Khanh 20DM. Bùi Quang Thủy 20DM. Nguyễn Việt Tân 50DM. Lê Trung Thủy 10DM. Phan Thị T. Hương 20DM. Phạm Văn Bình 20DM. Nguyễn Hồng Quý 100DM. Vũ Thanh Quyên (Brandenburg) 20DM. Đặng Đức Thái (Leinfelden) 300DM. Trịnh Xuân Biên (Gardelegen) 50DM. Hà Thị M. Tý (Berlin) 50DM. Nguyễn Hồng Thủy 30DM. Vũ Thị T. Phương 20DM. Lê Thị B. Hương 20DM. Nguyễn Thị Ánh Minh 20DM. Trịnh Phú Minh 110DM. Bùi Thị Tố Nga 10DM. Hoàng Thị Hoa 50DM. Thái Mai Cường 20DM. Nguyễn Thúy Hạnh 50DM. Nguyễn Văn Minh 20DM. Bùi Ngọc Luyến (Berlin) 20DM. Bùi Văn Vinh (Erfurt) 120DM. Trần Văn Ham (Hautzen) 20DM. Đào Thị Tân 10DM. Lương Thị X. Phương 20DM. Nguyễn Thị Văn Yến 10DM. Hồ Thị Lộc 20DM. Nguyễn Xuân Long 30DM. Nguyễn Thanh Thủy 20DM. Thanh & Tiền (Dresden) 60DM. Phạm Mỹ Sâm 20DM. Vũ Thị Chung 10DM. Phan Thị Hiền 10DM. Hoàng Minh Khai 50DM. Lê Đức Đoàn 20DM. Trần Ngọc Lan (Meisberg) 20DM. Nguyễn Thị Bình 10DM. Nguyễn Thanh Bình 40DM. Trần Văn Hâm 20DM. Lâm Thị Cúc 20DM. Trần Văn Lành 10DM. Vũ Thị H. Minh 20DM. Nguyễn Cao Thắng (Freital) 50DM. Hùng & Nguyệt (Zwickau) 10DM. Đặng Xuân Trường (Halle) 40DM. Nguyễn Thị Nhung (") 20DM. Lê Văn Oanh (Dresden) 50DM. Đỗ Thị B. Châu 10DM. Trần Thị Liên (Schwerin) 20DM. Đặng Thị T. Xuân (") 20DM. Lê Mạnh Cường (") 20DM. Nguyễn Thị An 30DM. Nguyễn Thái Hải (Dessau) 10DM. Vũ Mạnh Hà 20DM. Vũ Văn Sơn 50DM. Phạm Thanh Bình 10DM. Hoàng Thị Ngân 20DM. Lương Thị T. Hiền 20DM. Bảo Khánh (Zwickau) 20DM. Đỗ Thị Hiến 10DM. Vũ Mạnh P. Vê 20DM. Trần Thế Toàn 20DM. Cao Thị Phúc 10DM. Nguyễn Thị Tám 20DM. Nguyễn Đoàn Đức Minh (Stuttgart) 20DM. Dương Thị Oanh 20DM. Lâm Thị Năm (Burgdorf) 20DM. Ngô Ngọc Yến (Việt Nam) 200DM. HHHL ĐH Phùng Đình Tín. Lê Ngọc Khâm 20DM. Đặng Minh Nghĩa 50DM. Chung Tâm 20DM. Đặng Minh Châu (Neuburg) 20DM. Nguyễn Thị Liêm (Dresden) 20DM. Nguyễn Thị Vinh 20DM. Bùi Thị Chiên 10DM. Trần Văn Sanh 100DM. Nguyễn Thị M. Hương 10DM. Bùi, Lý Thị K. Liên 20DM. Trần

Quang Bắc 10DM. Nguyễn Đường Ngọc 30DM. Nguyễn Văn Lịch (Bautzen) 20DM. Tiêu Quang Thanh (Offenbach) 50DM. Vũ Văn Thế 50DM. Trần Thị Hoa 10DM. Phi Văn Khanh 20DM. Lưu Thị Liễu 10DM. Phạm Thị M. Thanh 10DM. Phạm Thị Phiến (Werdau) 20DM. Lê Văn Mỹ (Scherzheim) 20DM. Lê Văn Tốt (Weingarten) 50DM. Nguyễn Thị T. An 20DM. Trương Thị Lam 10DM. Nguyễn Văn Bình (Schwerin) 20DM. Nguyễn Quốc Do (") 20DM. Đặng Thị H. Oanh (Leipzig) 20DM. Nguyễn Văn Đình 20DM. Đỗ Hùng Văn 20DM. Sáu (Erfurt) 20DM. Phạm Ngọc Lương 20DM. Schrade Thị Đạt 10DM. Nguyễn Văn Chí (Slovakia) 10DM. Dương Thị Nguyệt (Erfurt) 50DM. Lê Thị Nga 200DM. Phan Văn Đoàn 20DM. Hồ Phước Hải 300DM. Nguyễn Thị Phương 25DM. 25DM. Nguyễn Thị Tâm (Schwerin) 20DM. Trần Minh Sơn 20DM. Nguyễn Duy Huân (Zwickau) 100DM. Nguyễn Ngọc Bích (") 20DM. Lê Thị Thoa (Würzen) 50DM. Võ Thị Nam 20DM. Bùi Thị Đạn (Löwenstein) 20DM. Đoàn Văn Tuấn (Aalen) 10DM. Hoàng Ngọc Khang 20DM. Dương Văn Phúc (Stolberg) 50DM. Hoàng Văn Bón 50DM. Võ Thị Nguyệt 20DM. An Hoàn Trang 200DM. Nguyễn Đức Hiệp 30DM. Đỗ Thủy Liên 10DM. Dương Thị Hương 20DM. Kim & Tuấn & Hoàng (Altena) 20DM. Phạm Thị Thảo 10DM. Nguyễn Thị Anh 10DM. Phương & Hương 20DM. Nguyễn Đình Thọ 20DM. Nguyễn Thị Liễu 20DM. Nguyễn Thanh Hải 20DM. Đỗ Thu Hương 20DM. Tuyết Göhring Trần 30DM. Minh Lê Hồng 20DM. Trịnh Công Năng (Chemnitz) 20DM. Trần Thế Hoàng (Dresden) 30DM. Vũ Huy Toàn 20DM. Nguyễn Linh & Diệp (Ellwangen) 20DM. Nguyễn Văn Truyền 10DM. Phạm Hồng Lan 20DM. Nguyễn Thị Búng 10DM. Nguyễn Trung Đông 50DM. Phạm Văn Thành 20DM. Nguyễn Thị Sinh (Stassfurt) 20DM. Thái Hải Cường (Brandenburg) 50DM. Đinh Công Dũng (") 20DM. Võ Tá Linh 30DM. Hoàng Thị Hằng (Gardelegen) 40DM. Phạm Thị Thoa 20DM. Phạm Văn Trúc 30DM. Hồ Quang Dung 10DM. Mai Thị Nhâm (Magdeburg) 20DM. Nguyễn Thị N. Bích 10DM. Trương Văn Ta 10DM. Vũ Bích Ngà (Apolda) 20DM. Đào Viết Khoa (Jena) 20DM. Nguyễn Thị M. Phương (Werdau) 20DM. Nguyễn Thị Thủy (Berlin) 50DM. Lưu Văn Dũng 10DM. Nguyễn Tiến C. Hoa 50DM. Đinh Quý Thạc 100DM. Nguyễn Thị Tươi 10DM. Vũ Thị Cài 10DM. Nguyễn Thị Xuân 20DM. Lê Minh Hùng 30DM. Phạm Thị N. Luyến 20DM. Đặng Trọng Vinh (Zwickau) 20DM. Trần Xuân Hương 20DM. Đặng Ngọc Thành 50DM. Trần Thị Thủy Hương 100DM. Đặng Thị Minh (Berlin) 30DM. Nguyễn Thị Loan (Hà Nội) 10DM. Lê Văn Thín 10DM. Hồng Nguyễn (Hannover) 10DM. Đỗ Văn Mỹ 20DM. Hà Ngọc Thịnh (Hamein) 10DM. Bùi Thanh Phong 20DM. Trịnh Tô Điểm 10DM. Trần Giang Nam 20DM. Trần Đức Cường (Leipzig) 10DM. Lê Thanh Châu 20DM. Vũ Minh Nghĩa 30DM. Nguyễn Kha 100DM. Bùi Công Chín 10DM. Hùng Sinh (Plauen) 40DM. Bùi Minh Hải (Berlin) 30DM. Đinh & Hoàng (") 20DM. Bùi & Nguyễn (") 50DM. Phạm Thị Hoa 30DM. Lê Thành Châu 10DM. Phạm Kim Giao (Dortmund) 50DM. Lê Anh Thu (Leipzig) 10DM. Thiên Luân & Thao 5DM. Phạm Khắc Hiếu 5DM. Nguyễn Thu Hà 10DM. Bình & Tuyền (Dresden) 20DM. Đoàn Thị Lai 20DM. Nguyễn Thị Linh (Schmalkalden) 20DM. Phương T. Huy 10DM. Nguyễn Văn Vương 50DM. Vương Đức Cường 70DM. Phạm Viết Dũng 40DM. Trần Thị Thư (Altenburg) 100DM. Đỗ Thị T. Bình (Dessau) 20DM. Nguyễn Trọng Điền 10DM. Lê Thị Hồng (Hannover) 50DM. Vũ Thị Kim Nhiên (") 20DM. Nguyễn Thị Thu Thủy 40DM. Vũ Đình Minh 50DM. Quang & Phạm Yến 50DM. Phạm Trung Hà (Cham) 30DM. Chu Thị Đoàn Trang (Eisenach)

100DM. Lê Thị Hằng 20DM. Đào Thị T. Hiền (Berlin) 50DM. Nguyễn Văn Biên (Torgau) 10DM. Phạm Thị Huệ 10DM. Vũ Đức Giang 10DM. Nghiêm Thị Ánh Tuyết (Dresden) 20DM. Trần Xuân Trường 20DM. Đào Xuân Viên 10DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (Stassfurt) 10DM. Phan Thị Hằng (") 20DM. Nguyễn Danh Tĩnh 30DM. Thị Hồng Hạnh (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Toàn 20DM. Trương Tuấn Nghĩa 100DM. Vũ Thị Cúc 20DM. Nguyễn Duy Khương 20DM. Nguyễn Xuân Hào 10DM. Đoàn Văn Thắng 10DM. Đoàn Thị Thơm 10DM. Nguyễn Ngọc Trung (Dresden) 10DM. Raaf Steikel (Aachen) 20DM. Nguyễn Thị L. Nga 20DM. Nguyễn Công Thúc (Torgau) 50DM. Chu Thị B. Văn (Freital) 30DM. Hà Thanh Bình (Meiningen) 20DM. Nguyễn Xuân Cảnh 10DM. Nguyễn Chí Thành 20DM. Đặng Đức Sơn (Karlsruhe) 10DM. Hoàng Văn Quyết & Mỏ (Erfurt) 20DM. Beck Wolfgang & Yến (") 100DM. Võ Kim Thành 50DM. Nguyễn Thị Thành (Oschersleben) 50DM. Phạm Hữu Hậu 50DM. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 20DM. Nguyễn Hùng 10DM. Khổng Văn Phô (Magdeburg) 20DM. Đoàn Văn Hoàng 20DM. Phạm Xuân Phong 20DM. Trần Kim Hoa (Erfurt) 20DM. Lê Thị Tuyết (Köthen) 30DM. Lê Hồng Việt 20DM. Phan Văn Thông (Calbe) 30DM. Trần Thanh Hải 20DM. Trần Văn Hạnh (Schwerin) 20DM. Đặng Thị Minh (Hannover) 10DM. Đinh Công Dũng 10DM. Dương Thị Hương 30DM. Quách Văn Thắng 20DM. Nguyễn Đức Hai (Berlin) 10DM. Nguyễn Trọng Thủy 20DM. Nguyễn Thanh Bình 20DM. Nguyễn Xuân Tường 10DM. Huỳnh Phái 20DM. Đặng Khánh Huy & Hoàng 100DM. Nguyễn Thị N. Thiềm 20DM. Trần Quốc Hùng (Halle) 20DM. Marie Nöelle Kunde 50DM. Trịnh Việt Hồng (Speyer) 20DM. Đỗ Thị Lý 20DM. Phạm Đức Phú (Erfurt) 50DM. Trần Bình Lubritz (Werdau) 20DM. Lưu Văn Linh 50DM. Mai Xuân Tỏi (Sangerhausen) 20DM. Vũ Thị Hiến 20DM. Nguyễn Trung Dũng (Việt Nam) 10DM. Lê Văn An (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Thanh Thuận 10DM. Nguyễn Văn Ba 10DM. Bùi Xuân Sướng 10DM. Nguyễn Thanh Hải 20DM. Phạm Thị K. Huỳnh 10DM. Huỳnh Công Danh 10DM. Lê Thanh Quỳnh (Leipzig) 10DM. Đoàn Thanh Bình (Dessau) 50DM. Nguyễn Thị T. Hiền 20DM. Phường (Duisburg) 20DM. Đoàn Xuân Hương 20DM. Hồ Thị K. Ba (Berlin) 20DM. Đinh Thị Thơm (Fürth) 10DM. Gđ. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 50DM. Phạm Thị Thu Văn (Trier) 50DM. Chu Thị Thuần (Paderborn) 30DM. Mao Thị Vấn 10DM. Linh Hương 20DM. Vũ Thị P. Anh (BS) 10DM. Nguyễn Thị Huệ (D'orf) 50DM. Lý Ngọc Hạnh (Münster) 50DM. Cao Thành Phương & Thanh (Đan Mạch) 50DM. Nguyễn Tuyết Nhung (Limbach) 100DM. Đỗ Bằng Sĩ (Seelze) 20DM. Đặng Thị Liễu 20DM. Phạm Thị Hồng (Herten) 20DM. Liễu Thị Tứ (Göttingen) 40DM. Lê Văn Quang (Schwedt) 50DM. Lê Thị T. Trúc 20DM. Nguyễn Hoàng Lan 20DM. Vũ Văn Úy (Vechta) 10DM. Ngô Văn Long (Goslar) 10DM. Nguyễn Thị Lành 20DM. Đôn Thị Xuân 5DM. Phan Thị (GM. Hütte) 20DM. Nguyễn Thị Gái (Augsburg) 20DM. Hoàng Kim Hằng (Nienburg) 20DM. Nguyễn Thu Hà 10DM. Hoàng Anh Tuấn (Stralsund) 20DM. Trần Văn Sáng (Bielefeld) 100DM. Trần Văn Tuấn (Hannover) 10DM. Nguyễn Hữu Tiếp (Mainz) 40DM. Phan Doanh 10DM. Lưu Anh (Helmstedt) 50DM. Trần Xó (") 50DM. Thanya 20DM. Trần Văn Tiến (Bad Kreuznach) 50DM. Lê Thị T. Minh (Trier) 20DM. Hồng Thạch & Tú Khuê (Uchte) 10DM. Lưu Kim Châu 50DM. Chu Thị M. Hằng (BRB) 50DM. Vũ Thị Tuyết (Schornrdorf) 20DM. Đỗ Đức Hữu (Laatzen) 20DM. Hằng Chiêu Quang (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Công Lý 20DM. Trần Bích Hằng 20DM. Ngọc 20DM. Lê Kim Thanh (Paderborn) 20DM. Lê Văn Phong (")

20DM. Nguyễn Tường An 20DM. Huỳnh Tú nGhia (Lüneburg) 20DM. Trần Thị Thu Hà 10DM. Trần Quang Thành (Aschendorf) 10DM. Nguyễn Văn Đức (Essen) 20DM. Nguyễn Thị Nhiếp (") 30DM. Fam. Lâm (Neuweid) 20DM. Cao Văn Nhân 20DM. Bùi Đức Hải 20DM. Khiêm Lê & Hồng Hà 50DM. Ky - Kinh - Chi (Helmstedt) 50DM. Hoa Nam (Kassel) 20DM. Vũ Quốc Hiến 20DM. Buaphan + Rossukon + Anh Hoa (Hannover) 30DM. Phan Văn Hưng 20DM. Vũ Quốc Khánh (Vechta) 10DM. Huỳnh Thị Hoa (Kiel) 50DM. Gđ. Cự (Oberhausen) 100DM. Gđ. Xu Xích Lương (Stadthagen) 120DM. Châu Thị Tâm 170DM. Hoàng Thị Mai 20DM. Nguyễn Khánh Hoàng 10DM. Huỳnh Thanh Lam (Lüneberg) 20DM. Trương Su Ha 10DM. Nguyễn Huỳnh Lang 20DM. Liễu Tuyết Hồng (Krefeld) 20DM. Liễu Tuyết Hoa (") 20DM. Vũ Minh Khanh 10DM. Lí Trần Thúy Phương (Pforzheim) 20DM. Trần Văn Dũng (Selters) 20DM. Nguyễn Thị Việt An 10DM. Thái Thị Lan (Berlin) 20DM. Đinh Anh Dũng 20DM. Trần Nga 20DM. Vũ Thị Thanh Văn (Hameln) 10DM. Triệu Thị Thục (") 20DM. Manfred Schulz (Wittingen) 10DM. Lâm Thanh Phương 50DM. Nguyễn Thị N. Dung (HH) 10DM. Cao Minh Trung & Hà (Bremen) 20DM. Nguyễn Công Trí (Magdeburg) 30DM. Lê Thái 10DM. Nguyễn Xuân Hiếu (Rastatt) 20DM. Đỗ Văn Kiên & Tép 50DM. Nguyễn Việt Cường (Hildesheim) 20DM. Phạm Ngọc Thái (Freising) 20DM. Trịnh Minh (Göttingen) 30DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Thái Hà 10DM. Nguyễn Kim Dung & Thái (Olching) 40DM. Nguyễn Khắc Kết & Yến (Hofheim) 50DM. Nguyễn Minh Hạnh (Kassel) 20DM. Phạm Vũ Quyết Thắng (Erbesbach) 10DM. Hứa Trường Hưng 50DM. Đỗ Văn Chung (Dresden) 20DM. Nguyễn Trung Nghĩa (Gießen) 20DM. Vũ Thị Thảo (Stendal) 20DM. Phạm Nguyễn Thị Hoa (Weimar) 10DM. Vũ Thanh Xuân 10DM. Trần Thị Mỹ Hạnh (Flensburg) 10DM. Bùi Minh Hùng (") 50DM. Nguyễn Thị T. Huỳnh 10DM. Ngô Văn Xuân 20DM. Trịnh Thị T. Hằng (Husum) 50DM. Nguyễn Văn Dũng (Hannover) 20DM. Giáp Văn Lai (BS) 10DM. Giáng Ái 20DM. Lê Văn Hải 10DM. Nguyễn Đình Quyết 10DM. Phạm Thị Quy (Köthen) 20DM. Đỗ Thị H. Quyên (Berlin) 20DM. Nguyễn Duy Mai (Rostock) 10DM. Nguyễn Thị Ngon (Bochum) 50DM. Nguyễn Văn Đông 10DM. Đoàn Kim Chung (Darmstadt) 20DM. Tuấn Anh & Huyền (Goslar) 20DM. Nguyễn Thị Gái (Gütersloh) 40DM. Tô Quang Vinh (Hannover) 100DM. Bùi Tấn Quốc (Treis.) 50DM. Trịnh Quốc Triệu (Langenhagen) 500DM. Đoàn Hy Dung 40DM. Nguyễn Văn Quang 20DM. Hương + Duy + Khanh (Emden) 30DM. Sự - Hà - Hoa (") 20DM. Trần Kim Phương 20DM. Hồ Thị T. Thủy 20DM. Nguyễn Phúc Định (Dortmund) 30DM. Ngô Thị T. Dương 20DM. Nguyễn Văn Luận (Aue) 20DM. Dương Thu Huyền 20DM. Vương Thế (K'Lautern) 50DM. Nguyễn Xuân Trường 10DM. Hoàng Anh & Kim Thoa (Hannover) 20DM. Đoàn Thị P. Thu (Apolda) 20DM. Nguyễn Thủy Dương (") 10DM. Nguyễn Ngọc Lâm (Hameln) 20DM. Đỗ Đình Công (") 20DM. Đồng Thị Duyên (") 20DM. Nguyễn Thị K. Huệ (Bi) 100DM. Trần Trung Diêm 10DM. Đoàn Văn Mỹ 20DM. Đoàn Thị Yến (Seevetal) 20DM. Lê Thị Như Mai (D'orf) 20DM. Lim-Boh-Sing 20DM. Nguyễn Văn Lân 20DM. Đinh Thị Ngọc Nga 20DM. Nguyễn Văn Thịnh 20DM. Trần Việt Miến (Zwickau) 10DM. Bùi Thị T. Mai 20DM. Lê Thanh Tâm (Pháp) 200FF. Lê Quang Thịnh 20DM. Trần Ngọc Nga (Neumünster) 50DM. Sơn Hướng (Hameln) 10DM. Đinh Văn Lai (Vechta) 40DM. Đặng Thị Minh (Hannover) 20DM. Trần Văn Năng (") 20DM. Phan Hải Yến (Stolpe) 20DM. Nguyễn Thị Hồng 20DM. Phạm Thị Tiếp

(Papenburg) 20DM. Lý Hồng Liên (Winsen) 10DM. Nguyễn Đức Thắng (Burgwedel) 10DM. Tâm Hiệp 20DM. Hồng Hạnh (Meppen) 10DM. Trần Thị Tuyết 20DM. Bùi Hữu Thòa (Bad Eilsen) 20DM. Đặng Gai Thân (Wuppertal) 40DM. Đỗ ngọc Oanh 10DM. Trần Thị Thuần 2US. Lê Minh Chang 20DM. Trịnh Văn Tuấn (Vechta) 50DM. Trần Thị Mai 10DM. Trịnh Quang Hùng (Saarburg) 10DM. Phạm Văn Mỏc5 40DM. Lê Thị K. Oanh (Hildesheim) 20DM. Trịnh Đức Thông (Hannover) 20DM. Đặng Quốc Dũng (") 20DM. Nguyễn Thị Thủy (Winsen) 20DM. Nguyễn Tú Linh 20DM. Nguyễn Thị Huệ (Sweden) 20DM. Lê Văn Hoàng 20DM. Hoàng Thị Thân 20DM. Nguyễn Thị Mai 50DM. Sy Tác Hin (Baden) 60DM. Đinh Sỹ Bích 20DM. Nguyễn Huy Cường 20DM. Nguyễn Đức Quang (Einbeck) 20DM. Nguyễn Thanh Trang 20DM. Đỗ Trung Trường 100DM. Trần Thị Cúc 10DM. Trần Thị Nhung 10DM. Nghiêm Kim Ngân 10DM. Nguyễn Hồng Dương 10DM. Phan Thị N. Loan 50DM. Đỗ Huy Quý (Bahrdorf) 20DM. Vũ Anh (Lemwerder) 40DM. Nguyễn Minh Tuấn (Garbsen) 40DM. Moschoidis Georgios 10DM. Nguyễn Thị K. Loan 20DM. Phạm Duy Quang 20DM. Trần Thị K. Quyên (Salzgitter) 20DM. Phạm Thị B. Ngọc 10DM. Vũ Thị Nga 20DM. Trần Thị N. Lan 10DM. Lê Thị Đàm (Velpke) 20DM. Nguyễn Thị Hằng (Neuwied) 20DM. Nguyễn Thị T. Bình 10DM. Bùi Văn Chiến 10DM. Nguyễn Mỹ Huyền 30DM. Trần Kim Lang 50DM. Dương Hồng Yến 20DM. Phạm Đức Thắng 10DM. Vũ Thái Bình 20DM. Lê Thị Đỗ (Dietzenbach) 100DM. Trương Minh Tâm (HH) 20DM. Trần Hữu Uyên 20DM. Nguyễn Thị Uyên 20DM. Nguyễn Thanh Nhung (Dortmund) 10DM. Nguyễn Phạm (München) 40DM. Hoàng Văn Thanh 20DM. Duyệt Hiếu Trần 50DM. Vũ Thanh Tùng 10DM. Trịnh Ngọc Bích (Lehrte) 20DM. Nguyễn Thị K. Nhung (Holle) 20DM. Nguyễn Thị Lệ Thỏ 50DM. Nguyễn Thị Thìn (Việt Nam) 15DM. Nguyễn Thị Tâm (") 20DM. Hoàng Thúc Huy 20DM. Nguyễn Quang Lương 10DM. Nguyễn Thị An 5DM. Tiêu Chí Hùng (Krefeld) 20DM. Nguyễn Đăng Hà 20DM. Bùi Thị Hạnh 10DM. Nguyễn Thị Khanh (Berlin) 20DM. Nguyễn Hồng Bình 20DM. Mã Thanh 30DM. Tống Thị Bình (Konz) 20DM. Ngọc + Bình + Thanh Tùng 20DM. Nguyễn Phương Hoa 20DM. Trần Huy Thắng (Berne) 20DM. Hoan Di 20DM. Hoàng Trọng Hải (Norden) 10DM. Trương Minh Ngọc 10DM. Trịnh Hoài Nga 20DM. Gđ. Quách (Helmstedt) 20DM. Đặng Thế Cường 40DM. Trần Thị Hương 20DM. Nguyễn Bá Tuấn (München) 50DM. Đỗ Việt Hùng 10DM. Ngô Thị K. Liên (Cuxhaven) 10DM. Nguyễn Kim Oanh (Weythe) 10DM. Nguyễn Xuân Bái (Wernigerode) 40DM. Nguyễn Duy Nam (Hameln) 20DM. Ngô Thị Thúc 10DM. Nguyễn Tiến Dũng (HH) 20DM. Nguyễn Thị Vinh (Neustadt) 200DM. Lỗi Trạch Cường (Duisburg) 20DM. Trương Tố Hà (Lönigen) 50DM. Trần Tú Ngọc (Gifhorn) 20DM. Nguyễn Phương Mai 10DM. Trịnh Thanh Liêng (Nordhorn) 100DM. Trần Văn Thành 20DM. Nguyễn Thủy Hiền 10DM. Đỗ Văn Thanh (Hannover) 10DM. Đặng Thị V. Văn (HH) 10DM. Phi Văn Cảnh (Frankfurt) 100DM. Phan Văn Hải (Dresden) 20DM. Lê Sang 20DM. Hà Thủy Vương (München) 10DM. Nguyễn Thị T. Thủy (Beilstein) 20DM. Nguyễn Thị T. Hằng (HH) 10DM. Bùi Lê (Hannover) 10DM. Cao Duê Ngọc 10DM. Trần Chương Phú 50DM. Nguyễn Thị Cẩm Hà 10DM. Nguyễn Thị Tâm 20DM. Fam. Chong 20DM. Hồ Thanh Long 20DM. Vũ Loan 10DM. Phạm Thị Vinh (Bad Salzungen) 100DM. Jing Rui (HH) 100DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20DM. Nga & Hiếu 20DM. Nguyễn Minh Dương 20DM. Nguyễn Minh Đức (Suhl) 50DM. Hoàng Thị Hạnh 20DM. Ngô Đức Trưởng 10DM. Nguyễn Lan

Hưởng (Burgdorf) 20DM. Lê Hùng (Winsen) 20DM. Kiều Thị H. Vinh (Việt Nam) 10DM. Cao Thị Quý 40DM. Trịnh Xuân Lý 20DM. Nguyễn Thị Quý (Dorsten) 100DM. Ngô Thị Dương 5DM. Vasilij Radakovic 5DM. Su San Vut (Oberhausen) 50DM. Cù Thiên Sáng (") 50DM. Cù Khin (") 50DM. Lu Vong (") 50DM. Ting Kiên Minh (") 50DM. Trang & Văn (Vechta) 20DM. Lưu Hữu Hùng 10DM. Lý Át (Seevetal) 20DM. Trần Hoa Lê 20DM. Cao Thị Hằng 10DM. Ngô Kim Hòa 20DM. Giang Thị Huệ (Ý) 20.000Lire. Nguyễn Trọng Dũng (Berlin) 50DM. Huỳnh Amenda (Münster) 20DM. Đặng Tiến Dũng (Ilsenburg) 20DM. Nguyễn Hồng Tâm 50DM. Kling Diêu 20DM. Phạm Thị N. Loan 20DM. Quang Trí 10DM. Phạm Thị Quý 10DM. Nguyễn T. Tâm 40DM. Nguyễn Thị Thủy 20DM. Nguyễn Khắc Sinh 20DM. An Châu & Liên 20DM. Đỗ Thị T. Hà 40DM. Lê Thị Ánh (Bayreuth) 50DM. Thị 20DM. Thủy Tuấn 10DM. Nguyễn Văn Tuấn (Hennigsdorf) 10DM. Giang Monika Hà 20DM. Huỳnh Thị D. Khoa 10DM. Nguyễn Thành Hóa (Berlin) 50DM. Đinh Tuấn Cường 20DM. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (Magdeburg) 40DM. Phạm Thị Oanh (Nürnberg) 10DM. Nguyễn Thị Nhung 20DM. Lê Thanh Phúc 20DM. Trịnh Xuân Trường (Aue) 50DM. Dương Thị Hồi 20DM. Lê Ngọc Phượng (Staffelstein) 50DM. Phạm Văn Hồng (Mạnh Cường) (Berlin) 100DM. Nguyễn Đức Thái (Homburg) 100DM. Mai Thị Long 20DM. Trần Quang (Salzburg) 50DM. Nhung Long 20DM. Dương Văn Hoàn 20DM. Đoàn Thị Dung 10DM. Nguyễn Anh Tuấn (Aurich) 10DM. Trần Thị Hải 60DM. Đỗ Văn Hải (BS) 20DM. Lê Thị Minh Diệp 20DM. Đoàn Mạnh Thắng 20DM. Kling Diêu 30DM. Hưởng Khách Ta 10DM. Nguyễn Minh Tuấn (Altenburg) 20DM. Trần Quốc Cường 10DM. Hà Chung Phi 20DM. Thu Mai (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Nường 20DM. Huỳnh Thị Hoa (Wiesbaden) 20DM. Phạm Ngọc Quyền 10DM. Nguyễn Thị N. Anh 20DM. Đỗ Xuất Lê (Sindelfingen) 50DM. Ly Ly Do & Lina Do (") 10DM. Phan Văn Hải (") 20DM. Hoàng Thị K. Chi (München) 20DM. Lê Quang Định (Vechta) 10DM. Nguyễn Thị Tiên (Tuttlingen) 50DM. Huỳnh Tiểu Anh 10DM. Trịnh Thị Mai Hoa 70DM. Trịnh Hữu Huy 20DM. Lê Thị Ngọc Hiền (Münster) 50DM. Nguyễn Ngọc Hào (Bad Beutheim) 30DM. Nguyễn Tấn Anh 30DM. Qui Zun Wei (Münster) 200DM. Jąge Thị Phi (Berlin) 20DM. La Quốc Dũng (Nordhorn) 20DM. Phạm Thị K. Hưởng (Lohne) 10DM. Phạm Kim Dung (Syke) 50DM. Nguyễn Đăng Khoa (Schweinfurt) 20DM. Nguyễn Thị Tinh 20DM. Nguyễn Hà (Stuttgart) 30DM. Trần Văn Sáu 20DM. Đỗ Thị Mai 40DM. Trần Thị Ngọc Mai 10DM. Nguyễn Thị Ngaoan (Neukirchen) 10DM. Phan Thị Nguyệt 10DM. Phan Huy Chiến 20DM. Nguyễn Văn Mỹ & Ngọc 30DM. Ngô Văn Đức 20DM. Ngô Quế Chấn (Dachau) 50DM. Đặng Vũ Dung 20DM. Pin Hua Zheng (Hannover) 50DM. Nguyễn Thị Dâu 20DM. Đoàn Thị P. Thu (Apolda) 10DM. Vũ Trọng Thủ 10DM. Nguyễn Thị K. Oanh 10DM. Quỳnh & Chinh 10DM. Nguyễn Văn Tâm 20DM. Fam. Ung (Bremerhaven) 160DM. Phạm Mạnh Tuấn 20DM. Khương Khuyết Đạt 20DM. Nguyễn Thị Mai Thảo 10DM. Đỗ Ngọc Oanh 7.50DM. Tạ Thị K. Loan (Nordhorn) 10DM. Nguyễn Thị T. Hưởng 20DM. Nguyễn Viết Trường (Saabrücken) 20DM. Nguyễn Thị Đăng 150DM. Nguyễn Tùng Trí 60DM. Đỗ Hoàng H. Thủy 10DM. Vũ (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Hồng D. Trang 20DM. Đoàn Trung Cường 10DM. Nhung Geisler (Hude) 10DM. Nguyễn Văn Lưu (Neustadt) 20DM. Tô Duy Bình (Vechta) 20DM. Việt Hải Lê 10DM. Phan Thị Liên (GM. Hütte) 20DM. Tran (Hameln) 10DM. Ưng Thị T. Sơn 20DM. Nguyễn Quốc Bảo 20DM. Nguyễn Tấn Đức (Magdeburg) 20DM. Ngô Nguyễn Khai 10DM. Lý Tam 20DM. Lý

Thanh Hà 20DM. Marc + Quý + Xian (HH) 20DM. Dương Thị Tuấn (") 20DM. Nguyễn Thị Nhị (Helmstedt) 50DM. Tu Dung De 100DM. Nguyễn Thu Nguyệt (Lünen) 40DM. Mã Trang & Quỳnh 20DM. P. Samai Santarak 20DM. Trần Văn Các (Bremen) 50DM. Trần Văn Ngọc 30DM. Viễn Thị Hoa 20DM. Norbert Tertel (Uslar) 20DM. Phạm Công Đường (Dresden) 30DM. Fam. Ngô 10DM. Trần Quế Lang 50DM. Võ Ha (GM. Hütte) 20DM. Trương Tiến Dũng 20DM. Đỗ Anh Cường (Wolfsburg) 20DM. Mai Thị Tuyền 10DM. Fam. Dương (Waldenbuch) 20DM. Tăng Quốc Có (Laatzen) 100DM. Nguyễn Thị Điều (Sögel) 10DM. Nguyễn Hữu Tạo 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Leipzig) 50DM. Quảng Hiệp 20DM. Nguyễn Đức Thái 50DM. Nguyễn Thanh Tùng (D'dorf) 50DM. Nguyễn Ngọc Minh 20DM. Nguyễn Mạnh Cường 30DM. Tử My + Papa (BS) 20DM. Minh Sa (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Cư T. Bạch Lan 20DM. Chánh Thắng & H. Tín (HH) 50DM. Tạ Thị Gấm 30DM. Noo & Micka (Gotha) 30DM. Nguyễn Quốc Thái 50DM. Nguyễn Tích Phùng (HH) 30DM. Lê Quế Sơn 20DM. Nguyễn Văn No (D'dorf) 10DM. Lê Thị Lan (Hannover) 20DM. Lê Bích Nga 10DM. Phan Văn Việt (Duderstadt) 40DM. Nguyễn Tuấn Tú 20DM. Nguyễn Thị Liên (Köln) 10DM. Bà Hai 100DM. Lê Tuấn (Achim) 10DM. Đặng Thị Nga 10DM. Võ Thị T. Mai (Göttingen) 20DM. Nguyễn Thị Lộ 50DM. Hứa Xuân Hên (Stuttgart) 30DM. Diệu Khiết & Ngọ (Aachen) 20DM. Nguyễn Ngọc Trung (Weingarten) 10DM. China Rest. Man Sin (Gehrden) 100DM. Võ Thị Lan (Heidenheim) 50DM. Nguyễn Thị N. Lan (Nürnberg) 30DM. Sinh & Lan (") 20DM. Lưu Xuân Lộc (Seevetal) 50DM. Nguyễn Thị Chèo 10DM. Phạm Bích Liên (Bischofberg) 20DM. Lê Thị Hoàng Nga (Kassel) 20DM. Kamalwan Bursh 10DM. Nguyễn Mạnh 20DM. Trịnh Văn Minh (Salzbergen) 50DM. Lê Lam Gian (") 50DM. Chi Wolf Kaspar Nguyễn (Lindenberg) 40DM. Đồng Thị Hoa (Italia) 100.000Lire. Lê Chí Minh (") 30.000Lire. Trần Minh Chấn 20DM. Lưu Ngọc Thủy 30DM. Gđ. Thoi & Vinh Hoi (Essen) 20DM. Diệp Bửu Lý Diêu Anh 20DM. Lê Thị h. Văn 50DM. Đỗ Thị T. Văn (Stuttgart) 20DM. Trần Minh Tuấn 10DM. Võ Thị Hải (Bremen) 10DM. Phan Thị Loan (Hòa Lan) 50Guld. Hoàng Thị Phong (") 25Guld. Bùi Thị Huyền & Yên (") 25Guld. Nguyễn Mạnh Hùng & Mai & Hiền (") 50Guld. Nguyễn Đức Cường & Bích (") 50Guld. Quách Minh Xuân (Minden) 50DM. Gđ. Hứa (D'dorf) 50DM. Hàng Ngọc Phường (Herborn) 100DM. Nguyễn Thị Thiệt (") 50DM. Lê Thanh Long & Thủy (Zapfendorf) 50DM. Ngô Minh Nguyễn (Hannover) 20DM. Đỗ Hữu Văn 20DM. Ngọc + Stefan Wassenberg (Neuenhaus) 20DM. Đỗ Thị Đạt 10DM. Vũ Anh Tuấn 20DM. Lê Xuân Hòa (Leipzig) 20DM. Lý (") 20DM. Vũ Viết Thanh (") 30DM. Nguyễn Văn Kế 10DM. Lý Chánh Minh 200DM. Bạch Lý Hoa (Tamm) 30DM. Vũ Minh Thoa 10DM. Thái & Nga (Lingen) 20DM. Trần Chung 20DM. Đỗ Kim Dung 10DM. Trần (BS) 20DM. Phan Văn Châu 100DM. Lý Nghiêu Cường 20DM. Peter Krauskopf 10DM. Phạm Hiếu Trung 10DM. Lê Kim Lang (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Minh Tuấn (Altenburg) 40DM. Đỗ Văn Bình 20DM. Nguyễn Văn Nhón (BS) 30DM. Phan Thị Thu Minh 10DM. Võ Thị B. Ba (Hòa Lan) 25Guld. Phạm Công Chinh (Salzburg) 50DM. Trần Quang 10DM. Tô + Tinh + Kim N. Hong 50DM. Nguyễn Quang Hiến (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị T. Hà (MD) 20DM. Lê Thị Bích Châu (Hannover) 100DM. Nguyễn Thị B. Liên 10DM. Lê Thị T. Hà (Bad Iburg) 20DM. Nguyễn Diệp T. T. Hằng 10DM. Phan Thanh Bình (Garbsen) 20DM. Phạm Phú Cường (Regensburg) 50DM. Mai Mac (Bremen) 20DM. Nguyễn Thị T. Hưởng (Peine) 50DM. Trần Thị Phượng 10DM. Vũ Văn Kiên

(Clausthal) 10DM. Phan Thu Hưởng 10DM. Lê Thị Mậu 20DM. Nguyễn Phương Chi (Wolfen) 20DM. Vũ Tùng Lâm 10DM. Trần Thị Huy Vương 20DM. Nguyễn Anh Vũ 20DM. Đỗ Thị Hồng (Altenau) 10DM. Nguyễn Thị T. Văn 20DM. Dương Thị Mùi 20DM. Trần Thị Tam 20DM. Phạm Thị T. Mai (Pflintal) 40DM. Bùi Thị Dồi (USA) 100DM. Nguyễn Thị Phượng 10DM. Nguyễn Thị Huệ (München) 10DM. Võ Thị Nho 50DM. Phan Thị Liên (Berlin) 20DM. Nguyễn Phú Thắng (Weilburg) 50DM. Nguyễn Diệp Bích 20DM. Thiện Huệ & N. Tân (Wörrstadt) 20DM. Hải & Hồng Nguyễn (BS) 20DM. Nguyễn Thế Hùng (Bremen) 10DM. Kim Em 50DM. Trần Văn Sua & Sủ 50FS. Phạm Ngọc Bích (Berlin) 50DM. Trần Thế Dung & Minh (") 40DM. Trần Văn Tường 20DM. Nguyễn Mau Giáp 20DM. Võ Thị Ánh 50DM. Gđ. Quan 10DM. Nguyễn Thị T. Hưởng (München) 40DM. Nguyễn Thị Tự 30DM. Phan Xuân Thủy (Burgdorf) 20DM. Thị Thu (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Thị T. Phượng 20DM. Nguyễn Thị Dương (Thale) 50DM. Vũ Mạnh Liêm (Dresden) 10DM. Lê Thị Thanh (") 20DM. Hồ Văn Thế (Viermheim) 20DM. Đinh Đăng Vinh 50DM. Ngô Quang Phú (Berlin) 10DM. Lê Văn Thanh (Frankfurt) 20DM. Phạm Thủy Nga 10DM. Trần Thị T. Hưởng 20DM. Phan Thị Thu (Altenburg) 50DM. Hồ Cẩm Lệ (Laupheim) 50DM. Huỳnh Văn Sấm (") 50DM. Trần Văn Đức (") 50DM. Lê Văn Trai 10DM. Phạm Thủy Nga 10DM. Tô Minh (Eisenach) 20DM. Trần Thanh Thủy 10DM. Giác An (Hamm) 20DM. Trần Thị Lý 20DM. Vương Khiết Vy 10DM. Đỗ Thị Hội (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Thái Thanh (Palenburg) 20DM. Trần Thị D. Châu 20DM. Phan Văn Thông 10DM. Châu Thị Khanh (Paderborn) 20DM. Nguyễn Hải (Berlin) 20DM. Hồng Sum Kỳ 50DM. Đỗ Kiều Thanh (Dresden) 10DM. Nguyễn Đức Tú (Fürth) 50DM. Võ Thành Công 30DM. Lê Thị Thanh (Zwickau) 10DM. Lê Thanh Bình 20DM. Mạnh Chú (Hildesheim) 20DM. Trần Duyệt Nhu (BS) 20DM. Nguyễn Văn Sơn 10DM. Dương Văn Út (Bad Beutheim) 30DM. Nguyễn Thị Thủy 20DM. Sian Hoan (Peine) 20DM. Thượng Công Hoàng (Oberhausen) 100DM. Kim Haren 20DM. Ngô Thiệu Anh (Basweiler) 20DM. Triệu Hoàng Sa (Emden) 20DM. Nguyễn Quốc Nguyễn (Esterwegen) 10DM. Lư Láng (HH) 10DM. Trương Ngọc Bé (") 20DM. Lê Thị Hồng (Erbach) 20DM. Nguyễn Trọng Nhiều 20DM. Phạm Ngọc Hải (Burgwedel) 20DM. Nguyễn Văn Kiên 20DM. Dương Quốc Bảo 20DM. Trần Văn Hòa (Pforzheim) 50DM. Tuấn + Thuận + Nam (Flensburg) 50DM. Lý Quốc Thái (Lüdenschheid) 50DM. Lý Kiệt Hà (") 50DM. Ngô Quốc Tuấn 20DM. Trương Trần Trân 10DM. Trương Nhựt Nam 10DM. Lê Hồng Quân (Weingarten) 10DM. Nguyễn Thị T. Sướng 20DM. Nguyễn Thị Sanh (Norden) 10DM. Nguyễn Thị B. Dung (Homburg) 50DM. Trương Văn Lực (Viersen) 50DM. Lê Văn Dũng (Bad Münden) 50DM. Huỳnh Quốc Hội 20DM. Lý Trần 20DM. Nguyễn Công Minh (Peine) 10DM. Nguyễn Thị Hưởng (Krefeld) 20DM. Nguyễn Văn Báo + Đào Thị Thêu (R. Hausen) 50DM. Huỳnh Văn Khương (Buchholz) 20DM. Hoàng Đỗ (Brucksal) 50DM. Đoàn Thị H. Phượng (Köthen) 50DM. Lê Thị K. Cúc 20DM. Nguyễn Hồng Tuyền 20DM. Vũ Thu Hưởng (Hannover) 10DM. Khúc Thị Nguyệt 20DM. Dương Mai Phường (Viersen) 50DM. Nguyễn Khắc Quỳnh (Wernigerode) 20DM. Thanh Đăng (Paderborn) 40DM. Bùi Quang Tuấn 20DM. Trần Thị Chương 10DM. Nguyễn Khắc Luân 20DM. Gia Văn Đăng & Khanh 30DM. Lý Dương Thủy 10DM. Lư Thị Liên 20DM. Phan Thị Lan 20DM. Anne Diel c/o Betz (Berlin) 10DM. Lê Thị K. Thủy 20DM. Vũ Thị M. Hưởng (Steinbach) 20DM. Quách Thị Loan 20DM. Nguyễn Ngọc Quang (Berlin) 20DM. Nguyễn Văn Bình (Essen) 100DM.

Hoàng Văn 20DM. Lê Quang Minh (Nienburg) 10DM. Bùi Thị Thiệt (Jaderberg) 50DM. Lê Đình Vinh (Berlin) 50DM. Trần Duyệt Khánh (Hannover) 50DM. J. Trần (*) 10DM. Trần Văn Thanh 20DM. Phạm Thị Xuân Mai 10DM. Nguyễn Thị Hằng (HH) 10DM. Phan Tiến Anh (Bayreuth) 20DM. Thảo Nhi 30DM. Nguyễn Thanh Nga 10DM. Hung Dinh Hang (Herborn) 10DM. Huỳnh Thị Hà 20DM. Mai Văn Phượng (Regensburg) 10DM. Tăng Bích Phân (Münster) 50DM. Thạch Loan (Vechta) 20DM. Phạm Thị B. Ngọc 10DM. Văn Mỹ Hoa (BS) 20DM. Trần Quang Thái 50DM. Trương Bích Thủy 20DM. Nguyễn Bích Thủy 50DM. Trần Đức Toàn 20DM. Nguyễn Thị Lựu 10DM. Nguyễn Thị Hải Yến 10DM. Lê Thị Cẩm Linh 10DM. Lê Công Sở 20DM. Trần Thanh (BS) 10DM. Phan Thị T. Hiền 30DM. Đinh Đức Hoan (Stuhl) 50DM. Liêu Ngọc Nga 20DM. Bùi Văn Hùng (Moya) 20DM. Thu Hiền Jarchow (Güstrow) 10DM. Phan Văn Lý (Weilburg) 10DM. Lương Quang Đức (Hamm) 20DM. Trần Văn Thuận (Diez) 20DM. Hứa Thị T. Mai 20DM. Hoàng Trung Sơn (Alhorn) 20DM. Văn Ngọc Xuân 20DM. Nguyễn Đình Thắng (Lehrte) 10DM. Văn Mỹ Lệ (HH) 10DM. Lê Hà & Hương 10DM. Hoàng Thị Bắc (Dessau) 10DM. Huỳnh Thế Mỹ (HH) 20DM. Vũ Đình Quyết (Zipper) 20DM. Lien Nguyen + T. Ulrich (Pattensen) 50DM. Trịnh Thị Thanh (Nürnberg) 20DM. Hiền Altmann (MD) 20DM. Nguyễn Văn Kim (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Vinh Thảo 20DM. Mai Thị T. Liêm 40DM. Lê Ngọc Hai (Köthen) 20DM. Nguyễn Tiến Lâm (Rostock) 50DM. Trần Thị Huyền (Hannover) 10DM. Ngô Thị Nhung 20DM. Lâm Tuy Liên 50DM. Khuú Lài (Unna) 20DM. Lương Thị Ngọc Yến 20DM. Phan Thế Mỹ (Schrozberg) 40DM. Nguyễn Duy Mạnh 20DM. Núi 10DM. Nguyễn Thanh Liêm (Regensburg) 20DM. Ấn danh (Lutten) 20DM. Phạm Thị Là (MD) 20DM. Đỗ Thái Hà (BS) 40DM. Phan 10DM. Nguyễn Thị Sáu (Rheinbröl) 50DM. Nguyễn Đăng Ba 20DM. KH. (Cuxhaven) 100DM. Gđ. Phan Ngọc Lâm 100DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20DM. Gđ. Quách (Helmstedt) 50DM. Lâm Văn Chánh 20DM. Nhung - Anh - Quân 50DM. Bùi Thị T. Minh (Neustadt/D) 20DM. Nguyễn Văn Thôi 10DM. Nguyễn Mai Chi (Hannover) 10DM. Tạ Văn Dũng (Berlin) 20DM. Trần Thị T. Hoa 10DM. Diệp Biên + Anh + Cường + Sao + Phong (Salzburg) 100DM. Lê Thị Phượng (Nurzburg) 2DM. Hồ Minh Hải (Berlin) 10DM. Nguyễn Trường Giang 10DM. Phạm Thị Nguyệt (Uffenheim) 50DM. Đoàn Văn Khanh 10DM. Ngô Văn Quang 20DM. Nguyễn T. Quyên 20DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 10DM. Trần Đức Lâm + Nhân (Hamminke) 50DM. Hồ Hưng (Emden) 20DM. Tong 10DM. Đặng Kim Ai 20DM. Võ Tường Linh 20DM. Nguyễn Đăng Quang (Schweinfurt) 20DM. Nguyễn Thị T. Hà + Sơn 20DM. Anton Lý (Vechta) 50DM. Thiện Giải (Rotenburg) 20DM. Kim Phượng (GE) 10DM. Trương Tiến Dũng 10DM. Hồng Minh Kiệt (Hildesheim) 50DM. Trần Thị N. Mai 5DM. Phạm Thị K. Tuyến (MD) 20DM. Trương Thị T. Hiền (Lemwerden) 20DM. Tống Văn Trung (Treis.) 30DM. Nguyễn Minh Nguyệt (*) 40DM. Hồ Thị Minh (Leipzig) 10DM. Nguyễn Thị Tuyết (*) 20DM. Nguyễn Đức Hiệp 20DM. Nguyễn Thị Riếp (Mönchberg) 30DM. Đỗ, Hoàng Nhật 20DM. Lê Phát Tân 20DM. Nguyễn Văn Tâm (Frankfurt) 20DM. Thái Kathi + Huy + Danh 150DM. Châu Ngọc Lan (BS) 40DM. Lý Tuyết Liên (Bremen) 10DM. La Quốc Hưng (Nordhorn) 20DM. Hoàng Thị Chuyên 20DM. Châu Kiều Phú 20DM. Phạm Hưng 20DM. Nguyễn Văn Quyền + Hoàng (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thị Định (München) 20DM. Phan Thị Vi (*) 20DM. Grund Văn Thị Lâm Thủy 20DM. Nguyễn Văn Phụng (Pfaffenhofen) 50DM. Dương Ngọc Dung

(Augsburg) 10DM. Nguyễn Anh Đức (*) 20DM. Lê Thị T. Hương (*) 10DM. Nguyễn Cao Tường (Nürnberg) 100DM. Schonmann Thi Nhung (München) 50DM. Lê Oanh Seidel 10DM. Lâm Y Xuân 10DM. Dũng + Lượm (Einbeck) 20DM. Nguyễn Thị N. Hà 20DM. Fam. Goh (Hannover) 100DM. Ngô Mỹ Châu (*) 50DM. Lê Phương Lan 10DM. Fam. Luitjens 10DM. Lương Mạnh Hưởng 10DM. Bào Lan + H. Mai (Erlangen) 20DM. Nghiêmi Thị Cúc 20DM. Nguyễn Thị Dư (Mannheim) 50DM. Trương Tuy Thanh (Neustadt) 50DM. Nguyễn Xuân Thang (Mainz) 20DM. Chu Văn Phong (*) 50DM. Diệu Bình 30DM. Lê Thanh Hải (Steinheim) 20DM. Chin Pun Ming 20DM. Lê Văn Chiêu (Iserlohn) 20DM. Lê Hồng Thu 20DM. Phạm Thị Trước (Pháp) 100FF. Quan + Hoàng (München) 20DM. Graul Cúc (Göttingen) 20DM. Nguyễn Đức Thắng 20DM. Lương Văn Khoa 20DM. Gđ. Lâm (Berlin) 50DM. Diệu Kim (Pháp) 10DM. Trần Minh Nhứt (Nürnberg) 50DM. Vũ Thanh & Thủy (Pforzheim) 20DM. Huỳnh Hoài Phu (Cloppenburg) 20DM. Đoàn Văn Thời (Pforzheim) 100DM. Hồ Kim Sinh (*) 100DM. Trần Thị Phúc 30DM. Đinh Quốc Chính 40DM. Nguyễn Thanh Tài (Babenhausen) 30DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. Lê Văn Đức (Neustadt) 100DM. Phạm Ngọc Sơn (M'Gladbach) 20DM. Trương Kim Sướng (Bad Soden) 50DM. Phạm Văn Hải (Giesen) 10DM. Trần Thị Bích Thanh (Karlsruhe) 50DM. -

● ẤN TỔNG

ĐH. Nguyễn Thị Thượng (Đan Mạch) 100Kr. Đỗ Thị Đẹp (Münster) 50DM. Nguyễn Thị Thế (*) 50DM. Nguyễn Thị Phụng (Bielefeld) 50DM. Lương Ngọc Phách (*) 50DM. Đào Thị Chúc (Trier) 30DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 10DM. Gđ. Huỳnh Then (Köln) 10DM. Ấn danh 10DM. Diệu Từ An (Kiel) 20DM. Lục Thị Hồng Dung (Leipzig) 400DM. Dương Minh Ánh (Krefeld) 100DM. Mã Anh Thy (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 20DM. D. Hồ 50DM.

● KINH VU LAN

ĐH. Ấn danh 20DM.

● KINH PHẠM VÔNG

ĐH. Nguyễn Trinh (Donaueschingen) 25DM.

● KINH PHẠM VÔNG BỒ TÁT GIỚI GIẢNG KÝ

ĐH. Bathke Diệu Minh (Gießen) 100DM. Trương Thị Hà Thanh (Đan Mạch) 100DM. Võ Văn Thắng (Suisse) 200DM. Bùi Thị Tuyết Mai (Worpswede) 120DM. Đàm Thiện (Bi) 1.000FB. Nguyễn Thị Khang (Ý) 100DM. Nguyễn Thục Vy (Hòa Lan) 100Guld. Hoàng Thị Tân (Garbsen) 200DM, HH đến PT Nguyễn Hoàng Khánh. Ngô Ngọc Yến (Việt Nam) 100DM, HHHL ĐH Phùng Đình Tín. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 100DM.

● TÔN TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnberg) 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (*) 10DM. Đặng Xuân Hùng 50DM. Hứa Kỳ Năng (Wilhelmshaven) 100DM.

● TƯỢNG PHẬT THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Phát + An + Thảo + Đăng (Stuttgart) 40DM.

● MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Trần Nguyễn Văn Khanh 120DM. Đoàn Thị Tuyết 120DM. Nguyễn Xuân Khải (Sondershausen) 120DM. Nguyễn Thị Tín (*) 120DM. Vương Đức Đắc + Lê Thị Vân + Lê Văn Lụa (*) 340DM. La Thị Buội (Ibbenbüren) 120DM. Nguyễn Trọng Ân (USA) 120DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (*) 120DM. HLĐH Nguyễn Văn Vê (USA) 120DM. HLĐH Nguyễn Thị Thanh (*) 120DM. HLĐH Dr. Hanna Mercker (Hannover) 150DM.

● TRAI TẶNG

ĐH. Nguyễn Thị Bê (Köln) 30DM. Trần Văn Ấn (Pháp) 100FF. Đức Thị Hòa (Saarbrücken) 20DM. Chi Hội PT VNNTN tại München & VPC 300DM. Hứa Xa (Wittmund) 30DM. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 50DM. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 50DM. Lisa Kappemann (*) 50DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 20DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigsburg) 10DM. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thị Phương Lan (*) 20DM. Trần Thị Phú (*) 20DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 100DM. Diệu Phước (*) 50DM. Nguyễn Thị T. Thủy (*) 50DM. Hà Văn Hiến (*) 20DM. Huỳnh Cathy (*) 30DM. Nguyễn Thị Chi (*) 50DM. Nguyễn Thị T. Phượng (*) 30DM. Nguyễn Thị N. Lan (Bielefeld) 50DM. Nguyễn Thị Tường Nhân (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Ngô Hạnh (*) 20DM. Phạm Thị Côi (HH) 20DM. Nguyễn Mai Tuy (*) 10DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 50DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 20DM. Giang Cui (Saarbrücken) 20DM. Ăn danh 50DM. Trương Mỹ Hạnh (Münster) 20DM. Gđ. Trần Thị Kim Lê (Berlin) 30DM. Trần Thị Thu Hằng (Husum) 20DM. Lý Thị Chu (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Thị Hà (BS) 20DM. Ấn danh 10DM. Vũ Thủy T. Phi (Mannheim) 100DM. Tâm Cừ (Giessen) 20DM. Kunde Udo (Hannover) 5DM. Thiện Tịnh (München) 50DM. Bác Viên Tuyết (Laatzen) 100DM. Minh Tôn (*) 50DM. Diệu Nhụy (*) 20DM. Đào Duy Vũ (Việt Nam) 50DM. Thiện Ý (Hannover) 100DM. Mai Xuân Diệu (*) 20DM. Quảng Niêm (*) 20DM. Võ Phước Lầu (*) 20DM. Quảng Ngô (*) 30DM. Tạ Ngọc Hoa (HH) 50DM. Tâm Lương (Frankfurt) 20DM. Diệu Tịnh (Fürth) 50DM. Phạm Thị Tuyết 20DM. Phát (Canada) 20DM. Tân 10DM. Craven 10DM. Lê Thị La 10DM. Võ Thị Lý 20DM. Đoàn Thị N. Diệp 20DM. Nguyễn Văn Cừ 20DM. Diệu Bình 20DM. Trương Thị Hà Thanh 20DM. Thiện An 20DM. Lý Hồng Sơn (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Thị Thuồng 100Kr. Lê Văn Tài 10DM. Nguyễn Thị Hiện 50DM. Nguyễn Xuân Quang 50DM. Ngô Thị Dung 100DM. Diệu Hồ 100DM. Trần Quốc Quảng 50DM. Lại Khánh Văn 20DM. Từ Sánh (Aachen) 20DM. Hưng 5DM. Phan Thị Lang 5DM. Trang Thị Chia 5DM. Trịnh Văn Bào 10DM. Chu Văn Phong 10DM. Nguyễn Xuân Thắng 10DM. Vũ Thủy Hà 20DM. Thiện Minh 10DM. Trương Quốc Thanh 10DM. Nguyễn Đăng Hằng 20DM. Thiện Đạo 20DM. Phạm Công Hoàng (Bremen) 20DM. Nguyễn Xuân Tân (Künseleau) 50DM. Lưu Ngọc Diệp 10DM. Nguyễn Quốc Khánh 5DM. Thiện Pháp 10DM. Thiện Bào 20DM. Tăng Bích Phân 20DM. Marie Kunde 10DM. Diệu Quế 30DM. Nguyễn Thanh Tý 20DM. Thiện Trí 50DM. Lê Thị Bích Tùng (Hannover) 20DM. Kỳ Chí Trực (Langenhagen) 10DM. Nguyễn Minh Tuấn 5DM. Trần Thị Xuân 5DM. Nguyễn Thị Ngoan 5DM. Bùi Thị Sáu 10DM. Nguyễn Thị Xê 10DM. Vương Thế 10DM. Thiện Nghiêmi 50DM. Diệu Nữ 50DM. Diệu Bào (Bielefeld) 30DM. Tú Anh 20DM. Thiện Đức (Frankfurt) 100DM. Diệu Tường (München) 20DM. Thiện

Học 20DM. Nguyễn Thị Lang (Bremen) 10DM. Phan Thị Liên (Bergkamen) 40DM. Diệu Nguyễn 20DM. Jenny Kim Bathke (Gießen) 10DM. Fred Bathke (") 50DM. Thiện Hữu 20DM. Lê Thị Hồng (Hannover) 50DM. Trịnh Thái Thuận 50DM. Thiện Định 20DM. Tiểu Chí Chung (St. Ingbert) 20DM. Lê Thanh Thanh (Langenhagen) 20DM. Nguyễn Thị Tinh 10DM. Trần Thị Tý 5DM. Nguyễn Thị Kim Loan (Uelzen) 50DM. Nguyễn Hồng Quang (") 10DM. Nguyễn Đức Nhật (") 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Lan 20DM. Ngọc Thỏ (A'burg) 20DM. Nguyễn Thị Hào (") 30DM. Nguyễn Thị Sương (") 20DM. Nguyễn Mỹ Hào 10DM. Đinh Văn Thủy (Hannover) 20DM. Nguyễn Xuân Nghiêmi & Liên (Göttingen) 20DM. Diệu Nhân 30DM. Thiện Thế 10DM. Nguyễn Tịnh 10DM. Trần Chính Đăng 10DM. Nguyễn Lệ Cơ (Offenbach) 10DM. Đào Quang Tiến (Darmstadt) 50DM. Nguyễn Tất Thắng (München) 20DM. Vũ Ngọc Thịnh (Berlin) 10DM. Lê Hoàng Anh (Neuss) 10DM. Huỳnh Thanh Ba (") 10DM. Nguyễn Đức Cường (") 20DM. Liêm & Cúc 10DM. Thiện Hiền 30DM. Thị Kiến (HH) 50DM. Tuệ Giác 20DM. Diệu Kim 50DM. Phước Lộc (Reutlingen) 10DM. Thiện Lương 20DM. Cao Tường 20DM. Hoàng Yến 10DM. Dương Nhật Phương (Krefeld) 20DM. Trần Thu Hạnh (Berlin) 10DM. Thiện Vũ 10DM. Thiện Hào 10DM. Minh Phong 50DM. Đoàn Thị T. Hường 10DM. Nguyễn Văn Lâm 20DM. Marie Louise Kunde 5DM. Chí Thành 10DM. Ấn danh 10DM. Ấn danh 10DM. Lý Mỹ Anh 20DM. Huỳnh Diệp Văn 20DM. Huỳnh Then 20DM. Thiện Châu 10DM. Vi 10DM. Nghĩa Lê 10DM. Bảo Châu 10DM. Phương 10DM. Thị Chánh 50DM. Ngô Trường 10DM. Tạ Thị Văn Anh 10DM. Diệu Thoa 10DM. Phan Thị Thu Hằng 20DM. Ngô Kiều Oanh 50DM. Thiện Nguyễn 20DM. Lương Tô Tử (Hannover) 20DM. Hoàng Thị Hà 10DM. Nga 10DM. Chủ Hạnh Luận (Chùa Viên Giác) 500DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 30DM. Lê Kim Hường (") 50DM. Vũ Thị Đức 50DM. Huệ Tử (Nürnberg) 20DM. Ngô Ngọc Yến (Việt Nam) 20DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 100DM.

● QUỸ MÁY IN

ĐH. Ninh Văn Phước (Bi) 20DM.

● QUỸ DUỖNG LÃO

ĐH. Nguyễn Ngọc Lâm (Heilbronn) 2.000DM.

● ỦNG HỘ TẶNG NI

ĐH. Trần Thị 50DM.

● QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI (Chùa Viên Giác nhận)

ĐH. Bathke Diệu Minh (Gießen) 85DM. Trần Thị 50DM.

● TU BỔ CHÙA

ĐH. Đức Thị Hóa (Saarbrücken) 100DM. Trần Văn Ấn (Pháp) 50FF. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 50DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 50DM. Đặng Văn Hải (Bielefeld) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (Canada) 100Can. Nguyễn Thị Chí (Krefeld) 30DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 20DM. Lê Tiến Dũng & Vương (Trier) 30DM. Ấn danh 50DM. Nguyễn Thanh Hà (Bad Iburg) 10DM. Nguyễn Văn Dũng (Minden) 10DM. Thiện Châu (Essen) 50DM. Trần Thị Ánh Hồng (Dresden) 200DM. Quỳnh 20DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 400DM. Đỗ Thị Phái Zimmermann (") 50DM. Hồng Nhật Quang 100DM. Như Minh 10DM. Đinh Văn Tuyển (Duderstadt) 30DM. Nguyễn Thu Nguyệt (Lünen) 20DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Kün-

Gaisbach) 80DM. Ban Phát hành Bằng Kính 100DM. Trần Hoàng Anh (Hildesheim) 10DM. Châu Thị Tâm 50DM. Hoàng Nhung (Mainz-Kastel) 300DM. Hồ Kim Sinh (Pforzheim) 50DM. Phạm Ngọc Sơn (M'Gladbach) 20DM. Ludwig Thị Thanh (Wittlich) 50DM. Trịnh Quốc Triệu & Duyên (Langenhagen) 200DM. Nguyễn Trinh (Donaueschingen) 25DM.

● ĐỀN TRÍ TUỆ

ĐH. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 200DM. Trịnh Quốc Triệu & Duyên (Langenhagen) 300DM.

● ĐỀN ĐƯỢC SỬ

ĐH. Mã Anh Thy (Pforzheim) 50DM.

● CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 100DM. Vũ Thanh & Thủy (Pforzheim) 20DM. Dietrich Teickner Hằng (Langenhagen) 10DM.

● PHÒNG SANH

ĐH. Nguyễn Văn Lộc (Hòa Lan) 100Guld.

● QUẦY HÀNG TÌNH THƯƠNG

ĐH. Gian hàng tình thương 3.000DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM.

● CÔ NHI VIỆN + CÙI + MŨ + DUỖNG LÃO

ĐH. Ngô Thị Nga (Pháp) 100FF. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 10DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 10DM. Gđ. Trần Thị Kim Lê (Berlin) 20DM. Vũ Thị K. Toàn (München) 20DM. Nguyễn Thị Vân (Nürnberg) 50DM. Viên Tuyết (Laatzen) 50DM. Diệu Nhụy (") 100DM. Thiện Căn & Diệu Nữ (") 50DM. Nguyễn Văn Lô 50DM. Vũ Âu & Vũ Cao (Karlsruhe) 20DM. Đỗ Thị Đẹp (Münster) 30DM. Nguyễn Thị Thế (") 50DM. Nguyễn Thị Anh (") 20DM. Nguyễn Tăng Lộc 50DM. Trần Thị Kim (D'dorf) 100DM. Fam. Hứa (") 50DM. Chiêm Thị Hiền (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 50DM. Võ Thị Kim Anh (Kassel) 20DM. Chi Hội PTVNTN (Hannover) 50DM. Thiện Ý (") 10DM. Võ Phước Lầu (") 50DM. Như Thân (") 10DM. Ấn danh (") 20DM. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) + Chùa Quán Thế Âm (Aachen) 100DM. Nguyễn Văn Sáu (Schweinfurt) 50DM. Tử Khánh (Aachen) 50DM. Vũ Thị Dầu (") 30DM. Quầy hàng Tình Thương khóa Giáo Lý 4 ngày tại Karlsruhe 892DM. Lý Hồng Thu (Ý) 50DM. Ấn danh 20DM. Bùi Thị Trâm 10DM. Thủy Lê (FF) 50DM. Ấn danh 10DM. Ấn danh 15DM. Ấn danh 15DM. Ngô Thị Kim Loan (Cloppenburg) 30DM. Trường Hạnh (Friesoythe) 50DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 50DM. Mai Khắc Hùng 50DM. Nguyễn Quý Đại (München) 1.200 DM (Cô Nhi Viện Đả Năng). Vũ Thanh & Thủy (Pforzheim) 40DM. Đào Jeannette Tiên Nữ (Glashütten) 20DM. Huỳnh Hoài Phu (Cloppenburg) 10DM. Thái Quang Minh 100DM. Ludwig Thị Thanh (Wittlich) 20DM. Dietrich Teickner Hằng (Langenhagen) 40DM. Nguyễn Thục Vy (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Thanh Hồng (Pfarrkirchen) 20DM. Nguyễn Lê Dân 50DM.

● NGƯỜI NGHÈO Ở PHI CHÂU

ĐH. Lê Kim Hường (Heilbronn) 50DM. Dietrich Teickner Hằng (Langenhagen) 10DM.

● HƯỞNG LINH KÝ TỰ

ĐH. Nguyễn Văn Huệ (Berlin) 150DM, ký tự HLĐH Trưởng Thị Rôt. Phường Thị T. Hường (Bartrup) 150DM, ký tự HLĐH Wilhelm Ohen.

● CỬU TRỢ NẠN LỤT MIỀN TRUNG (do Chùa Viên Giác nhận)

ĐH. Lê Thái (Krefeld) 50DM. Lê Thị Minh Hiền (") 10DM. Nguyễn Thị Bảy (Đan Mạch) 200Kr. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 30DM. Nguyễn Thị Thanh Đạm (Magdeburg) 50DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 30DM. Nguyễn Thị Hiền (Leipzig) 50DM. Hứa Xa (Wittmund) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 10DM. Nguyễn Thị Kim Huệ (Augsburg) 50DM. Trần Thị Kim (D'dorf) 100DM. Fam. Hứa (") 50DM. Nguyễn Thị Hiền (Canada) 20Can. Nguyễn Bình (") 20Can. Chí Trần (") 10Can. Nguyễn Thị Quý (Dorsten) 50DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 20DM. Nguyễn Thị Vân (Nürnberg) 50DM. Nguyễn Thành Toàn (Olching) 40DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Saarland 520DM. Dietrich Teickner Hằng (Langenhagen) 20DM. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 70DM. -

● CỬU TRỢ NẠN LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (do Chùa Viên Giác nhận)

ĐH. Ấn danh (Bietigheim) 100DM. Lê Kim Nhung (Hildesheim) 50DM. -

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nội (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để Văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dưỡng định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuê Lại (bảng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
KONTO NR. 870 1633
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Mỗi Ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449
BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Một Tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát
Ma Ha Tát

PHƯƠNG DANH CUNG DƯƠNG

(Tính đến ngày 03.12.2000)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Đường, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Đường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cung Đường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Phùng Như Sách (Na Uy) 200Kr. Mai Trọng Hiếu (*) 100Kr. Chu Văn (Dresden) 100DM. Thái Côn (Duisburg) 30DM. Thái Kim Huệ (*) 30DM. Nguyễn Thu Hồng (Donaueschingen) 50DM. Mike & Häng (Hildesheim) 400DM. Thị Thi Fussueggen (Tübingen) 100DM. Lê Thị Ngô (K' Lautern) 30DM. Kỳ Nhật Thủ (Hannover) 30DM. Tạ Minh Hoa (Frankfurt) 200DM. HHHH ĐH Hà Hào Đức. Tân & Liêm (Geehren) 200DM. ĐH. Bình (Minh Hải) 40DM. Nguyễn Chín (*) 90DM. Nguyễn Thị Mỹ Hằng (*) 5DM. Tâm Thiện (*) 105DM. Vương Thị Xuân Loan (*) 20DM. Vương Thị Xuân Mai (*) 10DM. Nguyễn Thị Kim Duyên (*) 30DM. Danh Thị Xuân Thắm (*) 10DM. Mai & Sơn (*) 300DM. Nguyễn Văn Quan (*) 50DM. Nguyễn Văn Quân (*) 100DM. Trần Kinh (*) 30DM. Bùi Thị Khâm (Norden) 80DM. Đào Hải Hùng (Aurich) 20DM. Trâm (*) 100DM. Nguyễn Thị Trâm (*) 20DM. Bùi Thị Nữ (*) 10DM. Thái Văn Anh (*) 100DM. Thái Văn Mùi (*) 30DM. Ngô Kiều Oanh (*) 50DM. Thái Kim Lâm (*) 100DM. Danh Thị Cẩm Loan (*) 10DM. Danh Thị Thảo (*) 10DM. Dũng (*) 50DM. Duy (*) 50DM. Thái Thị Nho (Siegen) 50DM. Huỳnh Phước Bình (Leer) 50DM. Nguyễn Thị Lan (Bremen) 20DM. GPPT Chánh Giác (*) 150DM. Vũ Trọng Ánh (*) 20DM. Trần Thị Thìn (Wittmund) 20DM. Huỳnh Thị Khuyến (Aurich) 20DM. Hào, Dieter Christgan Marth Erbach 20DM. Lê Văn Đức (Neustadt) 100DM. Thiệp Sanh 20DM. Nguyễn Thị Bắc (Burgdorf) 10DM. Fam. Điền 20DM. Ngngnam Freukler 10DM. Phan Thị Thu (Fürth) 30DM. Phạm Thanh Lan (Deggendorf) 50DM. Ngô Phú Hải 100DM. Đỗ Ngọc Hùng (Cottbus) 50DM. Mai Phạm Anh 9DM. Nguyễn Khắc Tiến Tùng (Leipzig) 50DM. Phạm Bảo Thanh 40DM. Dương Thị Linh Chi (Reutlingen) 50DM. Phạm Thị Cúc (Altford) 20DM. Quan (Roding) 100DM. Vũ Quốc Hùng 410DM. Gưỡng Pen Chi (Salzbergen) 800DM. HHHH ĐH Gưỡng Quốc Ngọc. Diệu Khánh Vũ Thị Vàng (M'Gladbach) 100DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 10DM. Michael Hồng 10DM. Melinda Hồng 10DM. Dr. Tôn Thất Hỏa (Würzburg) 162DM. Đan Hà (Reutlingen)

30DM. Hồ Diệu Hạnh (Garbsen) 100DM. Quý Phật Tử tại Aachen 510DM. Nguyễn Thị Âu 10DM. Phạm Xuân Phúc 90DM. Trần Bình Thành 100DM. Trần Bình Văn 100DM. Hoàng Việt Dũng (Berlin) 150DM. Nguyễn Xuân Chiến (*) 20DM. Hoàng Việt Tuấn (*) 20DM. Hồng (*) 50DM. Hồng Vinh (Burgdorf) 30DM. Nguyễn Thị Bích Tuyết 100DM. Nguyễn Thị Minh Sáu 10DM. Lương (Mainz) 100DM. Võ Linh Quân (Freiburg) 100DM. Lê Thị Loan 20DM. Thiên Trí Trần Đình Thăng (Detmold) 20DM. Phan Thị Cầm (Gomaringen) 50DM. Häng & D. Teickner (Langenhagen) 20DM. Trần Minh Tuấn (Hannover) 20DM. Trần Mạnh Hùng (Fürsten) 20DM. Sinh viên tại D'dorf 50DM. Hồ Sang 30DM. Bùi Đức Thành (Gammertingen) 10DM. M. N. Kunde 10DM. Đào Thiên Mãn (Ronnenberg) 10DM. Nguyễn Lạc 25DM. Nguyễn Thìn 20DM. Phan Tiến Dũng (München) 20DM. Cự Diệu Hải (Hochdorf) 300DM. Tsang Trạch (Rietberg) 100DM. Trương Trạch (*) 80DM. Gđ. ĐH Đào Trọng Hiếu & Đào Trọng Hợp (Karlsruhe) 2.285DM. HHHH ĐH Dương Thị Quỳnh Pd Diệu Huệ. Nguyễn Ngọc Hồ 50DM. Châu Thị Tâm (Koblenz) 50DM. Trần Kim Cúc (Schwetzingen) 20DM. Huỳnh Tân Muối (*) 20DM. Lại Ngọc Lâm (Frankfurt) 50DM. Phan Thị Huyền (*) 50DM. Học Hội Đức Kitô Phục Sinh (TX-USA) 500DM. Thái An Giang 100DM. Nguyễn Thị Kim Phượng 100DM. Nguyễn Thị Mùi 10DM. Nguyễn Thị Văn Anh 10DM. Ngọc & Hà (BS) 30DM. Trần Thái Sơn (Ronnberg) 50DM. Cao Toàn Châu 30DM. Thailandische Fest (Hannover) 500DM. Trịnh Đức Thông (*) 20DM. Trịnh Huệ Huệ 10DM. Max + Alein + Paul (Hòa Lan) 50DM. Weis Susanne (Bingen) 100DM. Li Yu (Nordhausen) 10DM. Cao 50DM. Cao Đoàn Minh 40DM. Đào Trung (Wolfenbüttel) 20DM. Phùng (Celle) 20DM. Mã Đào Dân 20DM. Phạm Thị Hiệp (Chemnitz) 20DM. Thanh & Quân (Leipzig) 50DM. Thị Kim Loan Kraus (Putbrunn) 100DM. Phạm Minh Hải 20DM. Trần Nam Tiến 20DM. Nguyễn Hồng Thủy 20DM. Thiên Thọ (Karlsruhe) 50DM. Diệu Hồ (Langen) 100DM. Đặng Thị Hạnh 50DM. Phạm Thị Diệu Lan (Wiesbaden) 30DM. Chi Hội Phật Tử tại Wiesbaden 500DM. Nhật Trọng (Mannheim) 50DM. Thiên Chánh (*) 30DM. Đỗ Thị Cam 50DM. Thiên Tú (Wiesbaden) 50DM. Châu Thành Lợi (*) 50DM. Vũ Thủy Nga (*) 100DM. Diệu Hoà (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Thị Kim (*) 50DM. Thiên Nghiêm (Langen) 50DM. Thiên Lâm & Diệu Phụng (*) 100DM. Trần Tuyết Mai 50DM. Nguyễn Văn Lâm (Schaafheim) 50DM. Nguyễn Thị Duyên 20DM. Phạm Văn Ngọc 50DM. Ngô Thị Vũng (Zindorf) 20DM. Fam. Jench (Hannover) 50DM. Lâm Minh (Landau) 20DM. Nguyễn Huyền Nguyễn Linh (Re.) 20DM. Trần Thị Tú Uyên (BS) 50DM. Tibetische Haus (Hamburg) 150DM. Đỗ Kim Yến (Pfullendorf) 10DM. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell) 50DM. Lâm Văn Yến (Saarbrücken) 10DM. Ngô Thị Kim Oanh (Wangen) 20DM. Fam. Trương (Albstadt) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Huyền (Weetzen) 200DM. HHHH ĐH Nguyễn Văn Hữu. Tony Khúc 50DM. Thanh 20DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Empelde) 10DM. Thiên Mãn (*) 10DM. Häng Teickner (Langenhagen) 10DM. Phạm Thị Bái 30DM. Lê Nguyễn Hồng (Hildesheim) 50DM. Nguyễn Việt Tiến (Esens) 20DM. Đặng Thục Chánh 20DM. Nguyễn Phước Hòa (Hamburg) 20DM. Nguyễn Công Chung (Dresden) 20DM. Lâm Chi Phát (Osnabrück) 20DM. Tsang (Rietberg) 60DM. N. C. Đại (Fürth) 10DM. Thái Quang Tâm (Erlangen) 100DM. An Văn Hùng (Magdeburg) 50DM. Lê Nguyễn Hồng 20DM. Fam. Mạnh (Wuppertal) 10DM. Đoàn 10DM. Nguyễn Văn Thọ (Gifhorn) 10DM. Vinh & Quý (München) 50DM. Tạ Quốc Bảo 50DM. Nguyễn Trụ (Bremen) 30DM. Tạ Minh Tuấn (Rostock) 200DM. Wat Thai (Berlin) 50DM. Phan Thị Ly (Limbach) 200DM. Châu Thị Như Mai (Pháp) 30DM. Dương Minh Ngọc

(Wuppertal) 20DM. Lưu Văn Chinh (Essen) 50DM. Huệ Lộc + Huệ Kiệt + An Dũng + Thiên Bảo (Kassel) 100DM. HHHH ĐH Đinh Thị Bền. Hồ Xuân Đệ (USA) 100US. Diệu Đạt Trương Thị Nhi (*) 130US. Ngọc Mỹ (*) 50US. Chúc Tuyên (*) 50US. Kim (*) 20US. Đồng Hiệp (*) 50US. Đồng Trúc (*) 100US. Hồ Thị Thu Hà 30DM. Vũ Hữu Khánh 50DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (München) 20DM. Huỳnh Ngọc Phúc (*) 50DM. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 20DM. Nguyễn Thanh Tùng & Mỹ Lệ (Donaueschingen) 200DM. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 50DM. HHHH ĐH Nguyễn Văn Thuận. Trương Bình (Pháp) 200FF. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 200DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen 1.500DM. Lưu Quốc Huệ 100DM. Lê Văn Hải (Einbeck) 400DM. Bảo Lý (Cuxhaven) 100DM. Nguyễn Ngọc Thắng (Nürnberg) 100DM. Ngô Thị Thúc (Bad Neundorf) 10DM. Nhà xuất bản Theseus (Berlin) 200DM. Trần Đức Quang 110DM. Trương Thị Minh Tâm 100DM. Nguyễn Thị Kiều Liên 100DM. Đồng Dung (Langenhagen) 10DM. Phan Viết Hiền (Việt Nam) 30DM. Tâm Linh & Tâm Tịnh (Halle) 20DM. Fam. Châu 100DM. Tiêu Lệ Phượng (Krefeld) 100DM. Hoàng Thu Hà Mi (Rostock) 10DM. Nguyễn Trọng Nghĩa (Berlin) 20DM. Lê Thị Thanh 10DM. Nguyễn Đạo & Thị Chấn (Hamburg) 60DM. Trần Thị Đồng (Detmold) 200DM. HHHH ĐH Trần Văn Bảy. Ngô Long Du (Paderborn) 100DM. Nguyễn Thị Phượng (Hannover) 20DM. Chu Thị Bích Hoàn 10DM. Häng Teickner (Langenhagen) 10DM. Trịnh Nhân Chiếu 10DM. Hồ Ngọc Thanh 50DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hóa Lan) 25Guld. Phạm Thị Hồng (Herten) 40DM. Vũ Nguyễn Thị Ngọc Dung (Kamen) 13.800DM. Phạm Hạnh (Ratingen) 20DM. Liên Thị TH (BS) 40DM. Tạ Văn Khánh (Neufgrange) 50DM. Nguyễn Thị Bảy (Đan Mạch) 100Kr. Nguyễn Thị Kim (Regensburg) 30DM. Lâm Bửu Trân (Albstadt) 100DM. Tsang Kam Choi 200DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 30DM. Lý Trung Hà (Bremerwörde) 40DM. Ban Liên Lạc PTVNTN Stuttgart 1.500DM. Nguyễn Ngọc (Neu-Anspach) 300DM. Một ĐH tại Suisse 200FS. ĐH Nguyễn Lan và con (Stuttgart) 140DM. Vũ Thị Đức (Ingolstadt) 50DM. Vũ Đức Quỳnh Như Vivian (*) 50DM. Nguyễn Thị Vinh (Naustadt) 200DM. HHHH ĐH Nguyễn Văn Quang Pd Thiên Lạc. Nguyễn Văn Lô (Augsburg) 100DM. Vương Kỳ Văn 20DM. Phan Nguyệt Hoa 20DM. Chu Thanh Hương (Haldensleben) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Huyền (Ronnberg) 20DM. Hoàng Thanh Lâm (Hannover) 10DM. Wjiltra Lücke 30DM. Hồng Vinh (Burgdorf) 10DM. Như Hoa 10DM. Đặng Ngọc Thủy 10DM. Nguyễn Thị An (Hamein) 20DM. Lê Quyết Thắng 5DM. HLĐH Nguyễn Thị Kiều Liên 30DM. Tiến & Dung (Fürth) 10DM. Hồ Thị Mai Thanh (Rheinsberg) 100DM. Tai Hòe (Burgwedel) 10DM. Bùi Khánh Linh (Gundelfingen) 30DM. Lưu VánLiên (Wardenburg) 20DM. Minh Diễm 20DM. Hoàng Torgau 10DM. Phạm Đình Tuyển 20DM. Lê Bình (Berlin) 10DM. Đỗ Thị Vân 9DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Hồng Pát Mùi (Löningen) 20DM. Dương Hoàng Long (*) 20DM. Trương Huệ Trần (*) 20DM. Trương Philipp (*) 10DM. Trần Ngọc Minh 50DM. Lê Thủy Diệp (Evensen) 20DM. Trần Thiện Châu (Watenbüttel) 200DM. Trần Chương Phú (BS) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Huyền (Ronnberg) 40DM. Đỗ Văn Nhân (Windhagen) 20DM. Vương Thế Hùng (Saarlouis) 40DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 200DM. Trần Quốc Việt (Neunkirche) 20DM. Cao Mạnh Hải (Laatzten) 20DM. Phạm Phi Khanh & Triết (Hannover) 20DM. Nguyễn Chí An (*) 20DM. Nguyễn Thị Hương (Gera) 50DM. Nguyễn Ngọc Hồ 50DM. Lê Thị Mỹ Linh (Hóa Lan) 30DM. Nguyễn Thanh Be (Haan) 70DM. V. Ly 28DM. Nguyễn Văn Đồng (Freiburg) 100DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 220DM. Lê Văn Coul (*) 50DM.

Quách Thu Anh (*) 20DM. Phùng Thị Quảng (*) 20DM. Chi Hội PTVNTN Freiburg 1.000DM. Huỳnh Kim Hoàng (*) 100DM. Nguyễn Thị Thanh Hường (Emmendingen) 30DM. Huỳnh Thị Mỹ Lệ (*) 30DM. Diệu Kim & Diệu Hạnh (Pháp) 200FF. Minh Khồng & Diệu Linh (*) 200FF. Diệu Đức (*) 100DM. Tri Tuệ, Quang Minh, D. Cát Tường (*) 200FF. Vũ Thị Hoa (*) 100FF. Trần Trung Hậu & Đào 50DM. Tan Hay Soei (Peine) 10DM. Lê Hiệp (Hannover) 10DM. Trịnh Bình Minh (*) 500DM. HHLH Thân mẫu Nguyễn Thị Kiều Liên. Bùi Duy Nam (Langenhagen) 400DM. HHLH ĐH Phạm Thị Bích Dục. Hùng & Sinh Plauen 30DM. Lâm (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Diễm Trinh (Wiesbaden) 20DM. Bùi Thị Thu Hường (*) 20DM. Lương Bao Phi 10DM. Đỗ Thị Vinh (Regensburg) 50DM. Phạm Minh Sơn (*) 20DM. Hằng & Dietrich Teickner (Langenhagen) 20DM. Quảng Ngộ & Diệu Hiền (Hannover) 100DM. HHLH ĐH Nguyễn Trung Thành. Ngô Thị Vũng (Zindorf) 20DM. Trần Văn Hoa & Thị An (Sweden) 200Kr. Văn Thị Mỹ (Lanz) 30DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Tăng Quốc Lương 50DM. Nguyễn Mạnh Tùng (Taufkirche) 100DM. Trần Thái Nguyên (Salzhemmendorf) 50DM. Phùng Thế Hùng 100DM. Phạm Thị Đức 10DM. Đỗ Thái Hà 10DM. Lương Tô Tử (Hannover) 20DM. Lê & Trần (*) 10DM. Huỳnh Hồng Nga 20DM. Đỗ Quang Tấn (Selingenstadt) 100DM. Phạm Văn Bái (Thale) 10DM. Dương Trường Cửu (Frankfurt) 50DM. Kim Thủy Vy (Hamburg) 20DM. Ngô Minh Anh (Cloppenburg) 10DM. Lê Thị Bích (Bad Kreuznach) 20DM. Thục Giác (Mannheim) 50DM. Chi Hội PTVNTN tại Karlsruhe 1.000DM. Nguyễn Văn Sển 30DM. Thiên Huệ (Landau) 100DM. Trần Thị Thuần 100DM. Diệu Thanh (Pháp) 200FF. Thiện Từ Wiesbaden) 50DM. GĐĐH Thiện Nghĩa (Karlsruhe) 690DM. HHLH ĐH Diệu Huệ Dương Thị Quỳnh (tuần 49 ngày). Lý Thanh Hường (Pforzheim) 50DM. Huỳnh Lan Tăng (Kuppenheim) 50DM. Văn Thị Bay (Baden-Baden) 50DM. Tôn Nữ Thị Tuy (Karlsruhe) 100DM. Đoàn Thị Liên (*) 100DM. Trần Sum Sển & C.T. Hiền & Trần Văn Út (Stuttgart) 50DM. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 50DM. Trần Văn Thanh (*) 50DM. Trần Ngọc Mỹ & Lâm Như Hải (*) 50DM. Bùi Thị Ngọc Loan (Frankfurt) 30DM. Thanh Nguyên (Bochum) 40DM. Võ Quang Châu (Bremen) 100DM. Võ Văn Ngân (*) 100DM. Trần Thị Thủy Oanh (Freising) 200DM. Lưu Tú Phụng (Pforzheim) 40DM. Lê Gia Trí Chi 50DM. DBU (München) 2.100DM. Nguyễn Quang Chánh (Wurzen) 100DM. Vũ Thị Tâm (Schorndorf) 50DM. Thu Dung (Langenhagen) 10DM. Hằng Teickner (*) 20DM. An Thị Hồng Hạnh (Hannover) 20DM. Thiện Diệu (Leine) 10DM. Trần Quốc Hiệp (Wernigerode) 10DM. Bùi Thị Hồng Nga 50DM. Diệu Chung 20DM. Nguyễn Tuấn Hinh (Goslar) 10DM. Đặng Thành Mạnh (Essen) 50DM. Kusawski Thi Nhuần (*) 20DM. Vũ Sơn Đông (Bergen) 40DM. Vũ Đức Quyết (*) 100DM. Nguyễn Thị Lý (Zirkow) 200DM. Richwien - Matthias (Halle) 20DM. Đặng Văn Minh (Lübeck) 50DM. Đỗ Thị Mỹ An (Việt Nam) 20DM. GĐĐH Nguyễn Trí & Nguyễn Tử (Neu Anspach) 150DM. Nguyễn Thị Ngao (Aschaffenburg) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Huyền (*) 100DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 50DM. Thiện Từ (*) 50DM. Nguyễn Thị Sơn (Rüsselsheim) 30DM. Diệu Hồ (Langen) 100DM. CHPTVNTN Frankfurt 200DM. Diệu Quế (Darmstadt) 30DM. Nguyễn Tuyết Anh (Rest. Dynastie (Bennigssen) 5 thùng bột giặt. Trần Thị Nguyệt (Springe) 1 bao gạo.

• BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Phùng Như Sách (Na Uy) 300Kr. Nguyễn Thị Thụy (Mainz) 30DM. Jennifer Le (Pforzheim) 20DM. Trang Trần Thị Kim (Mannheim) 20DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 30DM. Võ Thị Kim Hoàng (Neuss)

20DM. Thái Côn (Duisburg) 20DM. Thái Kim Huệ (*) 20DM. Trần Thanh Phương (Recklinghausen) 160DM. Lê Thị Ngọc (K' Lautern) 20DM. Kỳ Nhật Thủ (Hannover) 20DM. Anna Phạm Minh (Kemnath) 65DM. Phan Thị Lan 10DM. Nguyễn Tuyết Hằng (Mari) 20DM. Hào - Dieter Christan (Marth Erlbach) 30DM. Nguyễn Thị Bắc (Burgdorf) 10DM. Huỳnh Thị Chăng (Hamburg) 20DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 30DM. Phạm Văn Khai (Linkenheim) 40DM. Trần Văn Nhung (Canada) 50Can. La Phan Hoàn (Landstuhl) 30DM. Cao Văn Giàu (Pháp) 40DM. Julien Cao (*) 30DM. Lê Phát Tâm (*) 30DM. Nguyễn Ngọc Hùng (Frankfurt) 50DM. Phùng Khắc Quang (Y) 30.000Lire. Lê Thị Bạch Nga (Esslingen) 20DM. Nguyễn Bích Ngọc (USA) 20DM. Hoàng Thị Hồi (Wilhelmshaven) 20DM. Nguyễn Văn Nghĩa (*) 50DM. Bùi Ngọc Yến (Wadlenheim) 30DM. Jennifer Lê (Pforzheim) 45DM. Diệu Khánh Vũ Thị Vàng (M'Gladbach) 50DM. Lam Anh 20DM. Đan Hà (Reutlingen) 30DM. Nguyễn Hữu Bình (Dachau) 30DM. Thiện Mỹ & Diệu Hạnh (Aurich) 100DM. Trần Mạnh Hùng (Fürsten) 30DM. Phan Tiến Dũng (München) 30DM. Xuân Thị Lande 200DM. V. B. Dinh (Hòa Lan) 20DM. Đỗ Anh Thu (Mutlange) 20DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 10DM. Đặng Văn Uy (Eisenfeld) 50DM. Phạm Văn Khu 100DM. Trần Thị Mỹ Dung (Kleve) 20DM. Trần Thị Kim Hoa (Pháp) 200FF. Trường Ngươn (*) 100FF. Nguyễn Văn Bi (*) 200FF. Nguyễn Thị Dung (USA) 30US. Dương Thị Minh Phượng (Steinheim) 65DM. Trần Kim Cúc (Schwetzingen) 10DM. Nguyễn Tấn Thắng (München) 50DM. Đinh Duy Diễm (Duisburg) 150DM. Ngọc & Hà (BS) 10DM. Weis Susanne (Bingen) 20DM. Li Yu (Nordhausen) 5DM. Diệu Trí (Neu-Anspach) 50US. Nguyễn Vinh Thin (Oberhausen) 20DM. Ngô Thành Cát (Eppstein-Breuthal) 50DM. Nguyễn Văn Lâm (Schaafheim) 50DM. Mai Ngọc Bông (Leuckkirch) 60DM. Tạ (Bensheim) 20DM. Dương Tân Thanh (Wiesbaden) 20DM. Tsang (Rietberg) 110DM. Trần Đức Ngọc (Mengen) 40DM. Phan Thanh Phượng (Berlin) 20DM. Nguyễn Huyền Nguyễn Linh (Re.) 20DM. Trần Volkach) 20DM. Ha (Schleswig) 20DM. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50DM. Uông Văn Hoa (Hamburg) 30DM. Ngô Kim Bung (Kieselbronn) 20DM. Phạm Văn Út (Y) 20.000Lire. Đỗ Kim Yến (Pfüllendorf) 20DM. La Bank (Frankfurt) 275DM. Đặng Văn Trúc (Großostheim) 20DM. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell) 20DM. Lâm Văn Yến (Saarbrücken) 20DM. Mai Bá Long (Bad Kreuznach) 60DM. Hoàng Công Chừ (M'Gladbach) 500DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Empelde) 10DM. Dr. Nguyễn Khắc Tiến Tùng (Leipzig) 50DM. Hồ Xuân Đề (USA) 100US. Vũ Hữu Khánh 40DM. Kim Loan Hà Ngọc (Krefeld) 500DM. Đỗ Thị Bích Thủy (Essen) 10DM. Nguyễn Thị Lập (Ludwigshafen) 40DM. Nguyễn Phú Thanh Văn (*) 20DM. Trần Đức Quang (Königsbrunn) 20DM. Bùi Văn Dân (Pháp) 100FF. Lafort Yvette (*) 200FF. Nguyễn Thanh Cảnh (*) 300FF. Trần Văn Phước (*) 10DM. Minh Thiện (USA) 20US. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 22DM. Bùi Duy Nam (Langenhagen) 50DM. Lưu Trí Dũng (Gmünd) 20DM. Nguyễn Thục Vy (Hòa Lan) 50Guld. Đỗ Thị Dung (Frankfurt) 50DM. Bùi Ngọc Hùng (Grenchen) 50DM. Trần Thị Phước (Reutlingen) 30DM. Phan Thị Hường (*) 10DM. Ngô Chiểu (Fülingen) 30DM. Hàn Sinh Quang (Schwetzingen) 30DM. ĐH. Phú 50DM. Lâm Minh 20DM. Nguyễn Văn Thành (Neu-Ulm) 20DM. Đặng Hiền 30DM. Trịnh Quang Ngọc (USA) 10US. Ngô Thị Lý (Göttingen) 30DM. Nguyễn Hồng Quang 30DM. Trần Anh Tuấn (Wiesbaden) 30DM. Bích Trâm Vogtlände (Koblenz) 50DM. H. Wipperfürth (Essen) 50DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Huỳnh Thị Xuân Thúc (Suisse) 100DM. Hoàng Hương (Viersen) 30DM. Vưu Thị Mến (Sweden) 200Kr. T. Lưu 20DM. Mej TMD Nguyen (Hòa

Lan) 170,66DM. Nguyễn Văn Tú (Pháp) 20US. Nguyễn Thị Kim (Regensburg) 30DM. Nguyễn Hữu Buối (Ahlhorn) 35DM. Nguyễn Man Đăng Khôi 50DM. Nguyễn Thị Nga (Ostfilden) 20DM. Nguyễn Thế Việt (K' Lautern) 125DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Julie C. Gytot (Pháp) 100FF. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Đào Trọng Cường (Canada) 50Can. Nguyễn Thanh Trúc (Suisse) 20FS. Phạm Văn Út 10.000Lire. Phạm Minh Tấn (*) 20.000Lire. Phạm Thị Ngọc Thủy (*) 20.000Lire. Nguyễn N. Lộc (USA) 80US. Phạm Thị Thu Thủy (Berlin) 100DM. Elisabeth Nguyễn (Pháp) 100FF. Huỳnh Thị Hồng 50DM. Bùi Minh Quang (Köln) 50DM. Đoàn Nguyễn Xuân Hào (Markt Schwab.) 20DM. GĐĐH Tuyền (Hamburg) 100DM. Nguyễn Trung Phượng (Ihlow Riepe) 22DM. Nguyễn Thanh Be (Haan) 50DM. Nguyễn Trường Luật (Aachen) 20DM. Lê Hồ Nam (Papenburg) 20DM. Lê Văn Đông (Lampertheim) 20DM. Phạm Mỹ Kiêm (Pháp) 100FF. Trần Thị Minh Hà (Leipzig) 20DM. Nguyễn Trọng Thành (Freiburg) 20DM. Lê Văn Coul (*) 50DM. Quách Thu Anh (*) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hường (Emmendingen) 30DM. Đinh Trọng Nghĩa 20DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 20DM. Dương Quang Hùng (Grüßen) 20DM. Đỗ Thị Thu Hường (D'dorf) 20DM. Hồ Vĩ Quốc (Isernhagen) 110DM. Phạm Văn Hùng 50DM. Hứa Mỹ Hằng (Hòa Lan) 25Guld. Trường Hồng Hiếu (Wahlstadt) 22DM. Nguyễn Minh Hưng (Erbach) 275DM. Trần Ngọc Thiện (Barntrop) 20DM. Trường Văn Linh 50DM. Hứa Ngọc Tai (Augsburg) 70DM. Trương Ngọc Liên (Weißbach) 20DM. Ngô Xuân Ngọc (Bottrop) 90DM. Quách Thị Quế (Wuppertal) 20DM. Phạm Mai Sơn (Anh Quốc) 5 Anh kim. Văn Thị Mỹ (Lanz) 20DM. Văn Thị Bay (Baden-Baden) 50DM. Nguyễn Thị Hồng Lan (Erbach) 275DM. Trần Quang Bình 185DM. Ngô (Bottrop) 90DM. Nguyễn Văn Sang (Kaufbeuren) 20DM. Yuk-Lan-Husui (Alfeld) 90DM. Phạm Ngọc Thạch (USA) 20US. Trường Văn Hùng (*) 20US. Ân danh (*) 5US. Trần Di Nhơn (Bad Münster) 70DM. Bùi Thị Ngọc Loan (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Đức Phúc (Ronnensberg) 30DM. Huỳnh Minh Tân (Saarlouis) 22DM. Dominik Lưu 185DM. Lưu Tú Phụng (Pforzheim) 30DM. Nguyễn Hữu Trâm (USA) 20US. Trường Văn Hai (Áo) 30DM. Lưu Thế Lợi (Wilhelmshaven) 30DM. Cao Thị Yến (Berlin) 40DM. Nguyễn Hương Giang (Halle) 20DM. Nguyễn Ca (Oberhausen) 110DM. Nguyễn Kim Nguyễn (Bonn) 50DM. Vũ Thị Tâm (Schorndorf) 20DM. Hoàng Thị Ngọc Bình (Hòa Lan) 30DM. Lê Quang Tân (Lehrte) 20DM. Trần Văn Long (Bayreuth) 22DM. GĐĐH Nguyễn Trí & Nguyễn Tử (Neu Anspach) 60DM.

• ẤN TỐNG

ĐH. Lê Thị Bích Ninh (München) 20DM. Nguyễn N. Lộc (USA) 20US. Huỳnh Thiện Minh Thượng (Neuss) 40DM. Thiện Pháp (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 20DM. Trần Quốc Hiền (*) 20DM. Trần Sum Sển & C.T. Hiền & Trần Văn Út (*) 100DM. Ngô Anh Kiệt & Trần Ngọc Nhung (Pforzheim) 40DM. Lâm Ngọc Châu & Lâm Ngọc Tuấn (Tübingen) 60DM. Trần Ngọc Dung (*) 50DM. Trần Ngọc Mỹ (*) 50DM. Lâm Ngọc Tùng, Lâm Ngọc Thu, Lâm Ngọc Trung, Lâm Ngọc Thọ, Lâm Ngọc Phát, Xin Yey (*) 120DM.

• TÔN TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Thị Liễu (Stuttgart) 200DM (thinh hào quang).

• MỘT TƯỢNG PHẬT

HLĐH Vũ Văn Phin (Bayreuth) 200DM. HLĐH Lưu Thị Bênh (") 200DM. HLĐH Lê Quang Dũng (") 200DM. Trần Lê (Sweden) 600Kr. Tuyết Phương (") 600Kr. Hoàng Kim Toàn (Berlin) 120DM. Hoàng Mạnh Dân + Nguyễn Thị Lạng (Berlin) 120DM. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 120DM, HHL Nguyễn Thị Bảy Pd Diệu Huệ. Nguyễn Hùng Anh (Ibbenbüren) 120DM. Mai Thị Đẹp (Frankfurt) 120DM. Huỳnh Huệ Thuỳ (Áo) 1.000Schl. Lu Ngam (") 1.000Schl. Trịnh Bình Minh (Pattensen) 120DM, HHL ĐH Nguyễn Thị Kiều Liên.

• TƯỢNG ĐỊA TẠNG

ĐH. Thiện Châu & Diệu Kim (Frankfurt) 100DM.

• KINH PHẠM VÒNG BỒ TÁT GIỚI

ĐH. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 30DM. Đồng Ngọc 20DM. Thiện Bích 20DM. Diệu Yến 20DM. Minh Thiện (USA) 50US. Võ Kim Lê (Pforzheim) 500DM. Nguyễn Thị Bảy (Dan Mạch) 200Kr. Hội Phật Tử và các Chi Hội PT Reutlingen, Stuttgart, München, Mannheim, Freiburg, Frankfurt, Erlangen 220DM, HHL ĐH Dương Thị Quỳnh Pd Diệu Huệ. Nguyễn N. Lộc (USA) 20US. PT Nguyễn Minh Tuấn & PT Nguyễn Thị Nhung (Homburg/Saar.) 600DM (chuyển từ việc in cuốn BYTC). Hồ Tấn Bích Tiên (Hannover) 100DM. Phạm Thị Kim Thoa (Düsseldorf) 600DM (thay vì ấn tổng 1.200 cuốn BYTC chuyển sang ấn tổng kinh Phạm Vòng Bồ Tát Giới giảng ký).

• BA KINH TỊNH ĐỘ

ĐH. Nguyễn Thị Mùi 50DM. Trịnh Văn Thúc 50DM. Lê Thị Thanh 20DM. Nguyễn Thị Thanh Ngọc 20DM. Trần Thị Phước 50DM. Nguyễn Thị Linh Chi 50DM. Phan Thị Hồng 50DM. Lâm Kiến Huệ 30DM. Lâm Thị Tiến 50DM. Trịnh Thị Hồng 20DM. Trang Thục Hiền 10DM. Hà Thị Lan Anh 20DM. Hồ Thị Thanh Đạm 20DM. Trần Tú Anh 10DM.

• THIỀN MÔN NHỰT TỤNG

ĐH. Nguyễn Mai (Dorsten) 500DM.

• TRAI TẶNG

ĐH. Nguyễn Lạc 25DM. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50DM. Phạm Bảo Thanh 20DM.

• TU BỔ CHÙA

ĐH. Huỳnh Thị Chăng (Hamburg) 1.000DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Nguyễn Thu Hồng (Donaueschingen) 100DM. Nguyễn Minh Tâm (Ý) 100.000Lire. Phùng Khắc Quang (") 50.000Lire. Thiện Tài & Thiện Hiếu (Canada) 500Can. Nguyễn Thị Mai (Villingen) 50DM. Thiện Bích 20DM. Sơn 1.000DM. Hoàng Khánh Toàn 100DM. Peter's Karaoke Team (Edemissen) 1.000DM. Huệ Lộc + Huệ Kiệt + An Dũng + Thiện Bảo (Kassel) 5.000DM. Trần Phong Lưu (Saarburg) 170DM. Nguyễn Văn Triều (Elze) 550DM. Xuyên Tiêu (Canada) 50Can. Nguyễn N. Lộc (USA) 50US. Thái An Giang 100DM. Đỗ Minh Dũng 2.300DM. Trần Phong Lưu (Saarburg) 85DM. Võ Phước Lầu (Hannover) 100DM.

• QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI

(CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN)

ĐH. Phan Thị Huyền (Frankfurt) 50DM. Lại Ngọc Lâm (") 50DM. Trần Thị 50DM. Trần Thị 50DM.

• QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TẠI ẨM ĐỘ

ĐH. Casanovo Thailan (Suisse) 100FS.

• CỎ NHI VIỆN + CÙI + MÙ * VIỆN ĐƯỜNG LÃO

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Mai Khắc Hưng 50DM. Ngụy Sơn Hùng (Hannover) 30DM. Phan Thị Lan 10DM. Nguyễn Thị Thanh (Heubach) 100DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 50DM. Nguyễn Thị Dung (USA) 30US. Mai Khắc Hùng 50DM. Kim Đức Tống (Wuppertal) 1.100DM. Nguyễn N. Lộc (USA) 50US. Trương Mỹ Châu (Karlsruhe) 20DM. Trương Huệ Thanh (Albstadt) 100DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 90.000Lire. Nguyễn Ngọc Tuấn (50DM.

• NGƯỜI NGHÈO TẠI VIỆT NAM

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Cô Diệu Hải (Hochdorf) 50DM.

• NẠN ĐÓI ẤN ĐỘ

ĐH. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50DM.

• NẠN ĐÓI PHI CHÂU

ĐH. Lê Kim Hương (Heilbronn) 50DM.

• CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld.

• HƯỞNG LINH KÝ TỰ

ĐH. Bùi Duy Nam (Langenhagen) 150DM, HLĐH Phạm Thị Bích Dục.

DANH SÁCH ĐẠO HỮU, PHẬT TỬ PHÁT TÂM CỨU TRỢ NẠN LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐÓT I (GỬI QUA CHÙA VIÊN GIÁC)

ĐH. Ấn danh (Bietgheim) 100DM. Ấn danh (Hildesheim) 50DM. Ấn danh (Buchholz) 70DM (Đã đăng trên VG số 119). Lê Văn Lợi Schorndorf 10DM. Lê Kim Stefanie (") 10DM. Lê John Kerry (") 10DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 20DM. Thái Côn (Duisburg) 50DM. Thái Kim Huệ (") 310DM. Võ Phước Lầu (Hannover) 50DM. Võ Thị Mỹ Cẩm & Hiền (") 50DM. Kỳ Chí Trực (Langenhagen) 20DM. Ngụy Sơn Hùng (") 20DM. Phan Thị Lan 50DM. Võ Hồ Kim Thanh 50DM. Nguyễn Ngọc Tuấn 50DM. T. Lê 100DM. Trần Viết Hồng Hoa (Stuttgart) 300DM. Trương Thu Vân và đồng nghiệp hãng Alicop (Lindenberg) 300DM. La Thị Ngọc Dung (Ibbenbüren) 30DM. Nguyễn Văn Tây (Hannover) 50DM. Nguyễn Văn Nam (") 50DM. Nguyễn Phú Đức (") 50DM. Nguyễn Thị Tuyết Anh 100DM. Nguyễn Thị Thanh Loan (") 50DM.

CHI HỘI PTVNTN TẠI NORDDEICH

ĐH. Gđ. Diệu Hòa Nguyễn Bốn (Aurich) 20DM. Thiện Xuyên Nguyễn Thị Mỹ Hằng (Minh Hải) 5DM. Gđ. Tâm Thiện (") 50DM. Bùi Thị Khâm (Norden) 20DM. Huỳnh Phước Bình (Leer) 20DM. Nguyễn Thị Lan (Bremen) 20DM. Thiện Xuân Vương Thị Xuân Mai (Minh Hải) 10DM. Diệu Tú Vương Thị Xuân Loan (") 10DM. Ấn Tử Trần Thị Thu Hiền (") 5DM. Thiệu Tử Danh Thị Cẩm Dung (") 10DM.

Nguyễn Hào Bùi Thị Nữ (Aurich) 10DM. Thái Văn Mùi (") 20DM. Diệu Hạnh Thái Trần Ý Nhi (Minh Hải) 50DM. Ngọc Thanh Ngô Kiều Oanh (") 20DM. Thiện Long Đào Hải Hùng (Aurich) 10DM. Thái Kim Lâm (") 100DM. Danh Thị Cẩm Loan (") 10DM. Danh Thị Thảo (") 10DM. Thiện Đạo Vũ Trọng Anh (Bremen) 20DM. Mai & Sơn (Minh Hải) 50DM. Nguyễn Văn Quân (") 20DM. Nguyễn Văn Quan (") 50DM. Trần Kinh (Aurich) 20DM. (Công : 560DM)

CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN HANNOVER

ĐH. Mai Xuân Diệu 10DM. Diệu Nhụy Phan Thị Nhị (Laatzen) 50DM. Hồ Thành (Hannover) 50DM. Nguyễn Văn Dinh (Lehrte) 20DM. Gđ. Thiện Căn & Diệu Nữ (Laatzen) 30DM. Gđ. Nguyễn Văn Phong (") 100DM. Gđ. Trần Thị Hiền (") 50DM. Liêm & Tân (Hannover) 50DM. Vũ Đình Hải (Neustadt) 30DM. Gđ. Quảng Niệm (Hannover) 20DM. Gđ. Phan Văn Dũng (Hildesheim) 50DM. Gđ. Như Thân & Quảng Thái (Hannover) 30DM. Gđ. Cô Nga & Sanh (Laatzen) 50DM. Tâm Lượng (Frankfurt) 20DM. Quỳ hàng Tinh Thượng 200DM. Gđ. Trương Tấn Lộc (Laatzen) 50DM. (Công : 810 DM)

Công Đót I : 3.320 DM

DO CHÙA LINH THỦY VÀ CHI HỘI PHẬT TỬ BERLIN QUYÊN GÓP ĐÓT I

ĐH. Cường 10DM. Anne 10DM. Ấn danh 100DM. Thiện Kinh 10DM. Diệu Nhân 10DM. Diệu Tịnh 10DM. Thiện Giới 100DM. Giác Mỹ 20DM. Bé An 20DM. Thiện Lạc 20DM. Tâm Bích 10DM. Lan Hương 10DM. Diệu Hương 50DM. Hoàng Việt Dũng 10DM. Uyên & Hải 30DM. Long & Nga 20DM. Diệu Tịnh 20DM. Tâm Thủ 10DM. Nguyễn Phương Nam 10DM. Nguyễn Kim Hoa 10DM. Diệu Nghiêm 10DM. Thiện Bảo & Thiện Tiến 500DM. Dr. Thái Thanh Phương 200DM. Nguyễn Quốc Sơn 50DM. Trương Ngọc Giao 50DM. Nguyễn Văn Kha 200DM. Dr. Benz 55DM. Nguyễn Gia Thiện 50DM. Nguyễn Gia Huy 50DM. Nguyễn Gia Thi 50DM. Thiện Giới 150DM. Ấn danh 500DM. Nguyễn Hoàng Đức 20DM. Khất thực tại chợ Rhin- Marzahn Berlin 2.388DM. Tâm Bích 50DM. Nguyễn Huệ 20DM. Sư cô Huệ Niệm 200DM. Trần Anh Tuấn 100DM. Nguyễn Thị Thu 50DM. China Haus 300DM. Phạm Tuấn Khanh 50DM. Nguyễn Ngọc Dũng 50DM. Minh Thông & Diệu Thanh 50DM. Diệu Phan & Ngộ 60DM. Dương Thanh 50DM. Nguyễn Văn Be & Hoa 50DM. Phan Thu Nhi & Cường 50DM. Cô Chí Tâm 20DM. Diệu Trí 20DM. Lâm Quốc Thống 5DM. Diệu Huệ 9DM. Nguyễn Quang Tùng 50DM. Nguyễn Thanh Thủy 20DM. Hải Hiền 30DM. Huỳnh Thị Luân 50DM. Sơn & Liễu 50DM. Búp Tâm 50DM. Khất thực ngày 06.10.2000 - 221DM. Nguyễn Thị Huệ 30DM. Diệu Thiện Lê Hồng Nhiều 20DM. Dương Văn Long 10DM. Lê Thị Bình 10DM. Nguyễn Thị Hương 10DM. Ấn danh 30DM. Thiện Hùng 50DM. Phùng Thế Tài 50DM. Phùng Thế Hùng 50DM. Gđ. Phùng Thế Ích 50DM. Phan Thị Bích Phương 50DM. Diệu Trung 10DM. Diệu Thủy & Đạt Huệ 20DM. Huỳnh Quang Đăng 20DM. Phạm Thị Hiền 200DM. Hồ Sĩ Tiến 50DM. Trục Ngô 300DM. Phạm Thanh Minh Giáp 30DM. Bùi Đức Hạnh 30DM. Nguyễn Văn Hùng 50DM. Nguyễn Văn Hùng quyên góp tại hãng Siemens Bosch 780DM. Nguyễn Ái Thụy 20DM. Termir 20DM. Ấn danh 50DM. Bác Nhâm Từ Ý 50DM. Cẩm & Mừng 50DM. Huệ 10DM. Quảng Tường 10DM. Tâm Nghĩa 50DM. Cô Hòa & Kim Bình 300DM. G. Phố 50DM. Giác An 30DM. Gđ. Tăng Quốc Hiệp 100DM. Gđ. Trần Văn Mẫn 50DM. Gđ. Lâm Khanh Thuận 50DM. Gđ. Hoàng Thu Lan 20DM. Gđ. Nhan Ích Quý 50DM. Gđ. Diệu

Thiện Lê Thị Giàu 20DM. Nguyễn Văn Minh 50DM. Diệu Tịnh Nguyễn Thị Hằng 50DM. Thái Thị Lang 100DM. Trần Minh Thủy 50DM. Võ Thị Liễu 20DM. Gđ. Phạm Thị Thu Hà & Văn 20DM. Nguyễn Tiến Sùng & Thủy 50DM. Phạm Thị Kiều Hương (Nguyễn Hương) 20DM. Chi Hoa Nguyễn Đạt 111DM. Khất thực ngày 12.10.2000 - 304DM. Gđ. Hưng & Xây 100DM. Minh Thanh 50DM. Nguyễn Lượng Nguyễn Thị Đan Thanh 100DM. Tú Thị Mốt 100DM. Nguyễn Chiang 100DM. Gđ. Đoàn Trần Thanh Tâm 100DM. Huỳnh Hữu Quốc 30DM. Diệu Hương 50DM. Minh Hải 10DM. Đỗ Thị Hồng Quyên 30DM. Bạn cô Hòa 1.500DM. Chị Nga 60DM. Bà Phó 11DM. Phạm Thị Tâm 20DM. Đặng Minh Hiệp 20DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Trần Thế Bảo 50DM. Lê Thị Trí 50DM. Đỗ Quang Huy 20DM. Phi Đức 10DM. Chi Hoa 10DM. Triều 10DM. Khanh 10DM. Gđ. họ Phạm 70DM. Nhóm Thiện Chí 2.573DM. Giác Chánh 20DM. Thiện Hải 50DM. Giác Phổ 50DM. Thiện Khiết 30DM. Giác An 30DM. Nguyễn Nhân 20DM. Hoàng Kim Hóa 20DM. Nguyễn Đức Tuấn 100DM. Diệu Thuận Huỳnh Thị Thanh Thảo 20DM. Bích Diệp 50DM. Nguyễn Thị Bông 100DM. Thiện Định 20DM. Gđ. Bắc Tâm Độ 120DM. Gđ. Thiện Đạo 100DM. Hubertus Cromme 300DM. Mai Hồng Nhung 50DM. Trần Kim Quế 50DM. Tửng Vi 10DM. Nga 10DM. Gđ. Diệu Nguyễn & Nguyễn Văn Nhiều 50DM. Gđ. Nguyễn Thu Mỹ 50DM. Nguyễn Đạt (Chị Hoa) 54DM. Tôn Nữ Quỳnh Hương 10DM. Vũ Văn Đức 10DM. Nguyễn Thị Diệu Hạnh 100DM. Tiêm Sun-Kwai-Lam 10DM. Tiêm Evergreen 10DM. Lô Văn Giung 100DM. Nghĩa Mai 10DM. Ling Li Yin 50DM. Li 10DM. Việt Nam 50DM. Lý Liên Chí & Huỳnh Phụng 100DM. Tinh Thổ 20DM. Nguyễn Đăng Phúc 10DM. Chan Yuet Jung 30DM. Vinh Lợi 500DM. Ho Lin Wah 200DM. Chung Huy Na 20DM. Ding Wen Ping 10DM. Khuu Thị Hoa 30DM. Kiều Hoàng 50DM. Cam Hùng Châu 10DM. Dương Xuân Viên 100DM. Nguyễn Văn Châu 20DM. Hoàng Văn Nhật 10DM. Dương Mạnh Hùng 20DM. Nguyễn Minh Tuyên 10DM. Lê Thị Diệp 100DM. Nguyễn Văn Thảo 20DM. Hoàng Tân 50DM. Phùng Đình Hiếu 20DM. Nhà hàng Hải Long 20DM. Hà Mai Hoa 50DM. Dương Công Bình 10DM. Nguyễn Văn Minh 200DM. Tang Kim Qui 20DM. Nguyễn Thị Thanh Tâm - Diệu Tịnh 50DM.

(Công : 18.341.00 DM)

DO CHÙA BẢO QUANG, HAMBURG, QUYÊN GÓP :

ĐH. Diệu Mỹ (Hamburg) 20DM. Hằng Hỷ Bánh Ngán Trang (") 200DM. Huỳnh Kim Hương & Phương (") 100DM. An Hòa (") 20DM. Long Phương (") 50DM. Hà Mai (") 20DM. Xuân Thuồng 50DM. Sơn Bé (") 20DM. Chứng (") 20DM. Thủy (") 20DM. Giang Ái (") 50DM. Diệu Nhơn Tử Dung Đệ (") 20DM. Quảng Hiền Đào Hữu Chí (") 20DM. Chơn Thủy (") 50DM. Huỳnh Thị Hoa (") 20DM. Diệu Trân (") 20DM. Diệu Ngọc (") 20DM. Lạc Mỹ (") 20DM. Ngọc Thạch (") 30DM. Huỳnh Đức (") 20DM. Diệu Anh (") 20DM. Diệu Cao (") 10DM. Lưu Minh Thành (") 20DM. Diệu Đạo (") 30DM. Nguyễn Mạnh Thường (") 30DM. Nguyễn Thanh Cầm (") 20DM. Tất Tô Hà (") 20DM. Nguyễn Văn Tô (") 20DM. Trần Quốc Đạt (") 30DM. Diệp Hoàng Mai (") 50DM. Chơn Nhận Hiếu 20DM. Khương Diệp (") 100DM. Ân danh (") 50DM. Diệu Ninh (") 20DM. Ngô Văn Thạch (") 20DM. Nguyễn Thị Hiền (") 50DM. Phạm Quốc Bình (") 50DM. Cô Diệu Phúc (") 30DM. Phan Lệ Linh (") 200DM. Griem May + Billy (") 20DM. Trịnh Quang Khánh (") 30DM. Trần Việt Tuyên (") 100DM. Nguyễn Văn Tân (") 50DM. Gđ. Hàng Kha Ngọc Dung (Iserlohn) 100DM. Gđ. Văn Công Trám (") 200DM. Gđ. La Cửu (Tornesch)

200DM. Đặng Thị Soan (Kiel) 80DM. Nguyễn Thị Sinh (") 20DM. Long * Hồ Quách Bích Liên (Lübeck) 1.100DM. Quách Thị Kim Trang (") 50DM. Lê Mậu Tảo (Harburg) 100DM. Nguyễn Biên Trần Hữu Lượng (Frankfurt) 200DM. Ân danh (") 20DM. Gđ. Phan Din Lợi (Oberusel) 200DM. Trần Thị Len (Neu Anspach) 25DM. Đồng Ngọc (Darmstadt) 20DM. Diệu Hạnh (") 30DM. Diệu Phụng (Langen) 50DM. Nguyễn Tú & Nguyễn Trí (Neu Anspach) 200DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 300US.

Công : 4.375 DM + 300 US

TỔNG CỘNG ĐỢT I :

Chùa Viên Giác 3.320,00 DM
Chùa Linh Thủy 18.431,00 DM
Chùa Bảo Quang 4.375,00DM + 300US
26.126,00 DM + 300US

(Đã chuyển về Việt Nam Đợt I cho Viện Hóa Đạo 10.000 DM; số tiền còn lại 16.126 DM + 300US đã mua quà, mua xoàng và tiền mặt để giúp đỡ đồng bào bị lụt tại Đồng Bằng Sông Cửu Long).

ĐỢT II (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN)

ĐH. Trần Thanh Pháp (Hannover) 50DM. Yến (Rehburg-Loccum) 6DM. Diệu Hải Cao Thị Sâm (Hochdorf) 100DM. Nguyễn Thị Mai (Villingen) 50DM. Châu Thị Tâm (Koblenz) 50DM. Nguyễn Văn Lâm (Schaafheim) 100DM. Trần Văn Chính (Frankfurt) 200DM. Cao Văn Chiến (") 200DM. Ân danh 20DM. Đoàn Thanh Bình (Dessau) 30DM. Nguyễn Huyền Nguyễn Linh (RE) 30DM. Thiện Hiếu (Göttingen) 100DM. Tâm Khương (") 100DM. Lê Văn Tài (Salzgitter) 20DM. Huỳnh Mỹ Lan (Aalen) 50DM. Ngô Thị Kim Oanh (Wangen) 30DM. Võ Thanh Hải (Essen) 200DM. Phạm Thị Thắm (Alsfeld) 40DM. Vũ (Karben) 100DM. K. Vương 10DM. Nguyễn Thị Lập (Ludwigshafen) 30DM. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 30DM. Nguyễn Thanh Tai (Babenhause) 50DM. Nguyễn Ngọc Tuấn 108DM. Nguyễn Thục Vy (Hòa Lan) 100Guld.=90DM. Phan Thanh Phương + Tâm (") 100Guld.=90DM. Nguyễn Tấn Tài (Burgwedel) 20DM. Bùi Ngọc Hùng (Grenchen) 20DM. Nguyễn Văn Biên (Erkrath) 50DM. Trương Vinh Khương 70DM. Bích Trâm Vogtländer (Koblenz) 50DM. Thi Dau Clement 200DM. Nguyễn Thị Hồng Loan 20DM. Lê Văn Tú (Münster) 100DM. Lê Văn Phước (") 20DM. Lê Thị Loan (") 20DM. Lê Thị Dung (") 20DM. Lê Thị Hạnh (") 20DM. Lê Văn Dũng (") 20DM. Nguyễn Quốc Dân (Wildeshausen) 20DM. Vũ Việt Tân (M'Gladbach) 100DM. Đoàn Mậu Can (Reutlingen) 100DM. Văn Ngọc Xuân (Regensburg) 20DM. Tôn Nữ Thanh Vân (Friesoythe) 70DM. Lâm Đức Toàn 10DM. Đinh Minh Tuấn 200DM. Trần Thị Diệu Hải (Wuppertal) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (Heubach) 50DM. Trần Thị Phúc (Fürth) 50DM. Nguyễn Hoàng Hải (Nürnberg) 50DM. Nguyễn Thị Tường An (Koblenz) 30DM. Nguyễn Thị Nguyễn Hòa (") 20DM. Nguyễn Việt Dũng (") 10DM. Nguyễn Thị Hà Thu (") 10DM. Nguyễn Đức Tùng (") 10DM. Nguyễn Viên Phương (") 100DM. Ban Liên Lạc Phật Tử (") 50DM. Nguyễn Bích Diệp (") 10DM. Mai Thị Phương (") 10DM. Nguyễn Văn Dũng (Esslingen) 100DM. Mã Duy Việt 200DM. Tâm Nhật (Brackenheim) 50DM. Đinh Đại Lâm 30DM. Phạm Văn Thanh (Wilhelmshaven) 50DM. T. Lương 100DM. Nguyễn Hoàng Cường 50DM. Nguyễn Thị Hoàng Liên 50DM. Trần Ngọc Sang 100DM. Nguyễn Thị Thế (Münster) 100DM. Lâm Thị Đạo (") 100DM. Trương Thị Diễm (") 100DM. Trương Thị Háng (") 100DM. Đỗ Thị Đẹp (") 100DM. Trần Văn Biều (") 100DM. Nguyễn Thị Phi (") 100DM. Nguyễn Thị Dung (")

100DM. Trương Giang (") 50DM. Nguyễn Thế Dũng (") 50DM. Huỳnh Muối (Đan Mạch) 500Kr. = 120DM. Nguyễn Minh Tuấn (Homburg/Saar.) 200DM. Lê Văn Anh 30DM. Nguyễn Bình Dương (Erkrath) 50DM. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 150DM. Hải, Thông, Vinh, Hiên (Mohorn) 30DM. Ngô Thị Mỹ Dương (Bielefeld) 200DM. Thiện Phương 60DM. Lạc - Phạm Thúy Hằng (Weissenthurm) 20DM. Phan Thị Mai (Oberhausen) 50DM. Lê Văn Chung (Freuden) 50DM. Huỳnh Thanh Hà 30DM. Phạm Văn Lan (Leonberg) 50DM. Phạm Thị Hương 50DM. Nguyễn Roanh 100DM. Lê Văn Đổng (Lampertheim) 50DM. Võ Văn Thắng (Suisse) 50DM. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 200DM. Nguyễn Thúy Hồng 550DM.

CHI HỘI PTVNTN ASCHAFFENBURG + WIESBADEN

ĐH. Cao Ngọc Diệp 100DM. Diệu Nhơn Cao Ngọc Duyên 50DM. Diệu Phát Phương Thị Đại 50DM. Lý Thị Ny 20DM. Diệu Hạnh Lê Thị Liễu 30DM. Hồng Ngọc Phương 50DM. Sương Schneider 50DM. Hoàng Sơn 20DM. Diệu Hồ Phạm Thị Út 20DM. Nguyễn Vinh Thìn 20DM. Thiện Lâm Phạm Văn Mộc 10DM. Diệu Lan Mai Thị Đẹp 10DM. Thiên Đạo Trần Hoàng Minh 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Huyền 20DM. Thiện Hiếu Nguyễn Ngọc Thìn 20DM. Diệu Hạnh Nguyễn Ngọc Diệp 20DM. Diệu Hòa Trần Nướng Báo 20DM. Diệu Trí Trần Thị Len 50DM. Nguyễn Thị Lý 20DM. Quán Mỹ Huỳnh Thị Xuân Hương 20DM. Lê Văn Diễm 50DM. Nguyễn Thị Xong 20DM. Lương Thị Anh 20DM. Phan Thị Kim Anh 20DM. Châu Đức Văn 20DM. Nguyễn Thị Du 10DM. Đặng Chung Huỳnh 20DM. Nguyễn Tuấn Dũng 20DM. Nguyễn Ngọc Châu 20DM. Diệu Kim Lê Thị Đỗ 20DM. Thiện Lạc Giang Thái An 20DM. Thiện Tâm Nguyễn Hiệp 10DM. Tâm Minh 20DM. Hậu 10DM. Diệu Linh 10DM. Diệu Sáng 30DM. Thiện Mỹ Lương Văn Xinh 10DM. Đồng Ngọc 20DM. Thiện Thanh Lê Văn Trường 50DM. Trí Tân Nguyễn Văn Tân 20DM. Đặng Thị Hương 20DM. Thiện Minh Hà Văn Thành 10US = 20DM. Trần Văn Phúc 20DM. Nguyễn 10DM. Nguyễn Văn Lý 20DM. Tô Đào 30DM. Trần Văn Minh 20DM. Phan Văn Hiệp 20DM. Phúc Quảng 20DM. Lê Thị Nam 10DM. Võ Thị Mỹ 10DM. Nguyễn Thị Phương 20DM. Stefan Phan Bingen 50DM. Huỳnh Lê Diệu Phước 20DM. Bành Thẩm Sơn 50DM. Bành Thẩm Cường 50DM. Phan Văn Thanh 20DM. Châu Đức Quý 10DM.

(Công : 1.470 DM + 10US=20DM)

DANH SÁCH QUỸ PHÁT TỬ TẠI Ý ĐẠI LỢI

ĐH. Lương Văn Thuộc 100.000Lire. Nguyễn Văn Xích 50.000Lire. Huỳnh Long Thành 50.000 Lire. Võ Văn Quế 50.000Lire. Lý Thu Bốn 100.000Lire. Nguyễn Ngọc Minh 50.000Lire. Đán Thị Bạch Liên 50.000Lire. Nguyễn Hoài Bắc 20.000Lire. Vũ Thế Phiệt 20.000Lire. Nguyễn Văn Hoàng 50.000Lire. Bảo Chí 50.000Lire. Nguyễn Phước Như Mai 30.000lire.

(Công : 620.000 Lire = 625,87 DM)

CHI HỘI PTVNTN TẠI SAARLAND- TRIER&VPC

ĐH. Trịnh Hi (Saarbrücken) 100DM. Lý Kiến Khổng (") 30DM. Lý Kiến Phi (") 50DM. Lý Siêu (") 30DM. Lý Kiến Cường (") 50DM. Vũ Đình Đức (") 50DM. Bửu Đạt Nguyễn Thanh Tâm (Trier) 100DM. Thiện Hải Trần Huy Quý (Dillingen) 13DM. Tiểu Chí Chung (St. Ingbert) 25DM. Nguyễn Văn Khánh (Bitburg) 35DM. Trần Huy Lâm (Beckingen) 50DM. Tạ Văn Khánh (Neufgrange) 50DM. Chung Văn Tấn (Saarbrücken) 50DM. Huỳnh Văn Liễu (")

50DM. Lý Kiến Hoàng (") 50DM. Trần Xuân (") 50DM. Từ Minh Lê Thị Ngọc (K'Lautern) 20DM. Đức Thị Hiền 20DM. Diệu Oanh Lâm Văn Yến (Saarbrücken) 20DM. Lý Kiến Chung (Thụy Sĩ) 50DM.

(CỘNG : 895 DM)

ĐAO HỮU LÝ CHẤM LỜI QUYÊN GÓP

ĐH. Lý Chân Lợi (Hannover) 200DM. Trần Quế Anh (") 200DM. Lý Kim Thanh (") 50DM. Lý Kim Long (") 50DM. Nguyễn Đa Đạt (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Tấn Thông (") 20DM. Phan Thị Thắm (") 20DM. Nguyễn T. Quang Vinh (") 20DM. Nguyễn Anh Thứ (") 20DM. Bùi Quang Hà (Hannover) 50DM. Lưu Lê Minh (") 50DM. Trần Trọng Điện (") 20DM. Nguyễn Đông Bình (Peine) 50DM. Bùi Văn Phong 20DM. Trần Hưng (Hannover) 20DM. Trần Thái Sơn (") 50DM.

(CỘNG : 860 DM)

CHI HỘI PTVNTN TẠI REUTLINGEN & VPC

ĐH. Nguyễn Thị Đồi (Reutlingen) 20DM. Vũ Đức Nghị (") 10DM. Võ Hoàng Hải (") 20DM. Nguyễn Văn Hạnh (") 50DM. Ngô Văn Cường (") 50DM. Huỳnh Tố Nữ (") 20DM. Hùng Văn Kiên (") 20DM. Hùng Thục Hy (") 20DM. Ngô Thị Loan (") 20DM. Đỗ Văn Nho (") 50DM. Wok Man (") 10DM. Thái Wok Xuân Cúc (") 50DM. Trần Văn Huyền (") 50DM. Hàn Cường (") 50DM. Hoàng Đôn Trịnh (Tübingen) 50DM. Cổ Kim Trường (Reutlingen) 30DM. Lê Thọ Hằng (") 30DM. Dương Văn Chánh (") 10DM. Nguyễn Ngọc Long (") 10DM. Trần Xuân Hiền (Stuttgart) 50DM. Đỗ Kiến Châu (") 50DM. Thái Kha Thi (Nürnberg) 50DM. Đỗ Chánh Dân (Sindelfingen) 100DM. Thái Cẩm Huệ (Nürnberg) 50DM. Nguyễn Hữu Tùng Khang (Sindelfingen) 20DM. Nguyễn Hữu Kiềm (") 50DM. Hứa Xuân Vinh (Maichingen) 100DM. Trần Thúc Hiền (") 50DM. Viên vô danh (Sindelfingen) 100DM. Nguyễn Thị Tú (") 50DM. Dân Hùng Đức (") 20DM. Dân Hùng Bửu (") 20DM. Xuân Vinh (") 10DM. Xuân Quang (") 10DM. Bảo Bảo (Sindelfingen) 10DM. Trần Sun Sến (Stuttgart) + Ch�n Thị Hiền (") + Trần Ngọc Mỹ (Tübingen) + Trần Ngọc Dung (") + Lâm Thành Khôi (") 1.500DM. Ấn danh 10DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 50DM. Thái Dũng (Bad Bellingen) 20DM. Dương Thị Nhiều 20DM. Nguyễn Hữu Nielsen (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Thị Nhâm (") 50DM. Ấn danh 30DM. Herr Trần 20DM. Ấn danh 20DM. WN-Heg 20DM. Lê Minh Tuấn (Stuttgart) 20DM. Mạnh Trước Khung (Friedrichshafen) 20DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50DM. Lưu Văn Phúc (Gammertingen) 50DM. Gđ. Bảy Viên (Reutlingen) 10DM. Dương Tý (") 20DM. Nguyễn Quang Toàn 20DM. Ấn danh 50DM. Dương Tường 20DM. Ấn danh 10DM. Trần Thị Quang 10DM. Phạm Hữu Chương 10DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 10DM. Thiện Đạo Trần Văn Đức (Laupheim) 20DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 30DM. Hàn Hiến Quang (Stuttgart) 50DM. Ấn danh 10DM. Phan Thị Hương 20DM. Nguyễn Văn Lộ 25DM. Trương Thị Khôi 25DM. Lâm Ngọc Lan 20DM. Imbis Wokmann (Reutlingen) 200DM. Ulrich Huter (Konstanz) 100DM. Quỳ bánh Reutlingen 95DM. Điều (Suil) 20DM. Thiện Vy & Thiện Tuệ 20DM. Hưng Le (Reutlingen) 50DM. Nguyễn Kinh Quốc 30DM. Ấn danh 20DM. Nguyễn Khanh Thị Lan (Regensburg) 10DM. Võ Thị Phan (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Văn Thành & Hồ Thanh Tú (Neu-Ulm) 30DM. Dieter Maier & Kim Loan (") 20DM. Wokmann (Reutlingen) 100DM. Mã Vinh Hưng (Stuttgart) 20DM. Gđ. Trần (") 50DM. Ấn danh 10DM. Phạm Thị Hằng (Glabeck) 20DM. Nguyễn Phươn Thảo (Stuttgart) 10DM. Phan Thị Cẩm (Gomaringen) 20DM. Gđ. Diệu Quảng (Künzelsau) 20DM. Gđ. Thiện Huệ (") 50DM. Ấn danh (") 10DM. Ấn danh (") 20DM. Trần

Thị Nhan (") 20DM. Phan Ngọc Minh (Reutlingen) 100DM. Ấn danh 30DM.

(CỘNG : 4.725 DM)

NHÓM SINH VIÊN VIỆT NAM TẠI DORTMUND:

Bình 10DM. Dung 52DM. Hòa 10DM. Khuyến 20DM. Nhung 10DM. Ninh 20DM. Phúc 42DM. Sơn 100DM. Trúc 30DM. Toàn 52DM. Uyên 72 DM. Vinh Do 10DM. Vinh Ma 10DM. Vi-Van 10DM. Vỹ 72DM.

(CỘNG : 520 DM)

BAN LIÊN LẠC PHẬT TỬ VN TẠI STUTTGART

ĐH. Trần Anh Tống (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Thị Kim Cúc (") 5DM. Trần Dũng (") 10DM. Bùi Thị Trường (") 10DM. Diệu Trí Trần Thị Lan 40DM. Gđ. Diệu Hoa Ôn Thị Anh Đào (Leonberg) 100DM. Trần Bình Tây 10DM. Nguyễn Văn Phước (Stuttgart) 70DM. Lê Hữu Dũng (") 50DM. Trần Trinh & Trần Mỹ Hương (") 10DM. Chương Anh Phan (") 50DM. Gđ. Thiện Trí (Reutlingen) 30DM. Gđ. Vong Phơ Dương (Stuttgart) 20DM. Gđ. Lương (Pforzheim) 20DM. Gđ. Phạm Hữu Chương + Nguyễn Thị Bích Thu + Nguyễn Quang Minh (Stuttgart) 20DM. Ông Hải 50DM. Lâm Thị Maier - Kim Loan (Neu-Ulm) 50DM. Diệp Thị Sơn (Aalen) 20DM. Trần Sum Sến & Chiêm Thị Hiền 200DM. Nhà hàng Kim Long (Tübingen) 100DM. Nhà hàng Cửu Long (") 100DM. Nhà hàng Tsingtao (") 100DM. Trần Văn Út (Stuttgart) 20DM. Diệu Kim (Fürth) 100DM. Bùi Thị Thanh Văn (Schwabisch-Hall) 50DM. Gđ. Đỗ Nguyễn (Stuttgart) 50DM. Phan Thị Huỳnh (") 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Lâm 20DM. Trần Trung Stuttgart) 50DM. Các Ấn nhân ấn danh Stuttgart & VPC 1.203DM.

(CỘNG : 2.598 DM)

CHI HỘI PTVNTN MANNHEIM

ĐH. Gđ. Hoàng Tài Lê Tấn Khui (Mannheim-Rheinau) 200DM. Nhựt Trọng Trần Văn Minh (Mannheim) 50DM. Phan Chí Khang 10DM. Thiện Xà Nguyễn Ngọc Long 20DM. Ấn danh 100DM. Thiện Phi Diệp Mỹ Quang 20DM. Ấn danh 30DM. Thiện Trí Vũ Thủy Tuyết Phi 50DM. Thiện Bích Bành Trúc Quân 50DM. Ngô Thanh Long 50DM. Trần Thị Bích Liên 50DM. Ấn danh 10DM. Thanh Tâm Huỳnh Văn Khá 50DM. Trần Thị Phương Lan (Heidenheim) 50DM. Trần Văn Tú 50DM. Lê Thị Hảo 30DM. Hoàng Linh 20DM. Thiện Độ & Thiện Chơn 20DM. Ấn danh 11DM. Ấn danh 20DM. Thiện Lạc 60DM. Đoàn Văn Chung 20DM. Diệu Văn 20DM. Ấn danh 10DM. Nguyễn Thị Vịnh 50DM. Thiện Lạc 20DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 50DM. Ấn danh 10DM. Nguyễn Khắc Mai 20DM. Nguyễn Khắc Mào 20DM. Nguyễn Thị Yến 20DM. Nguyễn Thị Thủy 20DM. Nguyễn Thị Loan 50DM. Triệu Nữ 20DM. Diệp Bửu Linh 10DM. Diệp Mỹ Linh 20DM. Đặng Thị Dung 20DM.

(CỘNG : 1.351 DM)

CHI HỘI PTVNTN REUTLINGEN (BỔ TÚC)

ĐH. Phạm Văn Phú (Marbach am Neckar) 300DM. Phạm Thị Mai (") 10DM. Hồ Thị Năm (Reutlingen) 30DM. Hưng Nguyễn (Satteldorf) 30DM. Bùi Ngọc Danh (Filderstadt) 20DM. Hùng Nguyệt (Metzingen) 20DM. Hứa Xuân Vinh (Maichingen) 200DM.

(CỘNG : 610 DM)

CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN TẠI FREIBURG

ĐH. Gđ. Anh chị Báo, Nhà hàng Mekong (Freiburg) 500DM. Dr. Kriege Richard (Kirchgarten) 50DM. Huỳnh Công Tạo (Freiburg) 50DM. Gđ. Quyên & Thôn, Nhà

hàng Thái Mekong (") 200DM. Cao Thanh Bình (") 40DM. Huỳnh Thị Giàu (") 100DM. Tạ Vi Minh (Wei am Rhein) 50DM. Trần Chí Dũng + Phạm Văn Quang + Anh Dũng Ngo (Freiburg) 150DM. Tùng & Cường (") 30DM. Gđ. Tô Sinh, Nhà hàng Hong Kong (") 100DM. Tiêu Hùng (") 50DM. Lê Văn Học (") 40DM. Cát Huy Hóa (") 50DM. A Sinh (") 10DM. A Tùng (") 20DM. Kim Monika (") 60DM. Nhà hàng Bát Đạt (") 500DM. Nhà hàng Mỹ Kim (") 100DM. Nguyễn Thị Sáu (Việt Nam) 200DM. Lâm Văn Tiếng (Emmendingen) 200DM. Quang & Hoàng (") 200DM. Võ Ngọc Hùng (Freiburg) 20DM. Nguyễn Trọng Thành (") 100DM. Trần Đức Minh (") 100DM. Lê Kim Dung (") 100DM. Đoàn Văn Minh (") 100DM. Lâm Thị Sân (") 20DM. Nguyễn Tuấn Anh (") 50DM. Ch� Phệt (") 20DM. Thím Minh (") 10DM. Bắc Tăng (") 20DM. Nguyễn Văn Đồng (") 20DM. Huỳnh Văn Dân (") 20DM. Nhung (Basel) 50DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 10DM. Nguyễn Văn Lý (Kippenheim) 50DM. Ấn danh (Pháp) 60FF = 20DM.

(CỘNG : 3.410 DM)

TỔNG CỘNG ĐỢT II : 24.338,87 DM

(Đã chuyển về Việt Nam Đợt II cho Viện Hóa Đạo 10.000 DM; số tiền còn lại : 14.338,87 DM đã mua quà, mua xuồng và tiền mặt để giúp đỡ đồng bào bị lụt Đồng Bằng Sông Cửu Long)

ĐỢT III (CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN)

ĐH. Vũ Đình Khuống (Möhlau) 20DM. Nguyễn Thu Thủy (") 20DM. Đặng Thị Tố Nga (") 30DM. Nguyễn Thị Sơn (Gräfenhainichen) 30DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 200DM. Cô Hạnh Bình (") 100DM. Lê Kim Lan (") 20DM. Ấn danh (München) 10DM. Hồng Nhật Quang (D'dorf) 20DM. Khái Urbe (") 20DM. Nguyễn Văn Minh (Kaarst) 50DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 100DM. Trương Ngọc Liên (Weißbach) 20DM.

CHI HỘI PTVNTN TẠI KARLSRUHE QUYÊN GÓP ĐƯỢC:

Gđ. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 330DM. Tâm Diệu Thiện (Ludwigsburg) 20DM. Trần Thị Phú (Stuttgart) 20DM. Thiện Hùng 30DM. Tạ Nguyệt Trinh 115DM (Tiền bản băng Video). Trần Quang Hào / Thiện Quý 100DM. Ngọc Lợi Trần Ngọc Mỹ & Lâm Như Hải 50DM. Trần Xum Sến & Chiêm Thị Hiền 100DM. Thiện Đạo Nguyễn Ngọc Mỹ 30DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Lâm 50DM. Gđ. Trương Tố Đức 30DM. Thiện Liên Trần Thị Kim Loan 30DM. Ấn danh 219DM. Chi Hội Karlsruhe 600DM. (Cộng 1.724DM).

Nhóm Từ Tâm (Đức) 500DM. Trần Tý 100DM. Đàm Quang Anh 100DM. Phạm Thị Hương 50DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại München 13.140,90DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Hannover & VPC 5.500DM. Trần Thị Nguyễn (Konz) 20DM. Bùi Thị Ngọc Loan (Frankfurt) 40DM. Phạm Thị Hằng (Essen) 30DM. Chi Hội Bremen & GĐPT Chánh Giác 450DM. Nguyễn Thị Hoa (Bremen) 100DM. Thiện Đạo (Hannover) 300DM. Huỳnh Minh Đức (Berlin) 50DM. Lê Phước Hoàn (Ludwigshafen) 30DM. Trần Văn Dân (Konstanz) 50DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 50DM. Trần Văn Long (Bayreuth) 50DM. Diệu Quế (Darmstadt) 30DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Frankfurt 1.000DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe 987DM.

TỔNG CỘNG ĐỢT III : 24.941,90 DM



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddhist. Kirche e.V
Karlsruher Str.6. 30519 Hannover. Deutschland

CHỦ BÙT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TỌA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà
- Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Hồng
Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm -
Phù Vân

*

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Thanh Bình
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương
Mai Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) -
D.S. Trương Thị Mỹ Hà (Đức) - Thái Tú Hạp (Hoa
Kỳ) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiềm
(Pháp) - Lê Doãn Kim (Hoa Kỳ) - G.S. Vũ Kỳ (Bi)
- Thiện Hữu Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyện Thanh Lũ
(Đức) - Thiện Mẫn (Nga) - Thiện Xuân -Inna
Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch
Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hưng
Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) -
Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hưng
Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn
Nường LNC (Pháp) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) -
T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - B.S. Trương Ngọc Thanh
(Đức) - Phạm Thắng (Canada) - Đoàn Văn Thông
(Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Vô Thúc (Ấn Độ)
- Hoài Việt (Pháp) - Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ
(Pháp)

KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CÔNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TỌA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail : baovg@t-online.de

E-Mail : viengiactu@t-online.de

Homepage : http://www.viengiact.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm
- Những tư tưởng của tác giả không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo.

Congr. d. Verein Vietn. Buddhist. Kirche e.V
Konto Nr. : 870 16 33. BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

MỤC LỤC	Trang
- Thư chúc Tết	1
- Thư Tòa soạn	2
• TIN PHẬT SỰ	3-13
• TRANG HOA PHƯỢNG	14-22
- Gia Đình Phật Tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu)	
- Chuyện vui đọc đường (Trần Kim Lan) - Lớp học Việt ngữ của tôi (Thơ Chi Việt) - Ngày đẹp nắng hồng (Phạm Minh Châu) - Những khuôn mặt trẻ làm rạng rỡ cộng đồng (Bảo Đa Hiệu) - Rắn bảo oán (Hồng Nhiên s.t)	
• SÁNG TÁC - VĂN NGHỆ THAM LUẬN CHÍNH TRỊ	
- Số táo quân (Đan Hà)	23
- Tưởng niệm về nhà thơ Bùi Giáng (Vũ Kỳ)	24-30
- Năm Tân Tỵ nói chuyện rần (Quỳnh Hoa)	31-32
- Ngày xuân phỉếm luận về rần (Phan Hùng Nhơn)	33-34
- Họ đã đi rồi (Thích Như Điển)	35-38
- Lá thư tình hữu Nhân duyên (Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp)	39-41
- Giữ vững niềm tin (Văn Nường)	42-44
- Đi tìm dấu tích chùa Quan Thượng (Ng.T.Chân Quỳnh)	45-48
- Đi tìm dấu tích về 3 cuộc Bình Mông tộc Việt thế kỷ thứ 13 (Trần Đại Sỹ)	49 -53
- Truyện Trạng Quỳnh và các dị bản Lào, Miên, Thái (Vô Thu Tịnh)	54-55
- Góp ý với những ai muốn viết về thời tiền sử Việt Nam (Phan Hùng Nhơn)	56-59
- Xét lại một số châm ngôn tục ngữ qua lăng kính của đạo Phật (Tâm Diệu)	60-61
- Những bài thơ Nguyễn Du tặng Hồ Xuân Hương (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)	62-64
- Thành phố trên biển (Trần Phong Lưu)	65-70
- Đi tìm di tích lịch sử Bách Việt qua thi ca Kim Cổ Hoa Việt (Thái văn Kiềm)	71-75
- Đất lành (Trần Phong Lưu)	76-81
- Tìm về dĩ vãng (Thu Trần)	82-83
- Một đêm trăng trở cùng Hà Nội (Đỗ Trường)	83-84
- Nguyễn ước 2000 (Nguyễn Minh Căn)	85
- Nhận thức về sự nghiệp của Hai Bà Trưng (Phan Hùng Nhơn)	86-88
- Về cái chết của nhà văn Nhượng Tống (Lê Nguyễn Thái Thuận)	89-90
- Thức thời (N.T)	91-92
- Trường làng tôi (Nguyễn Văn Tây)	93-95
- Nên xây, mua, thuê nhà như thế nào để đạt lợi ích tối đa (Ngô Quốc Phong)	96-97
- Phong trào dân chủ phát sinh đầu tiên từ Quảng Nam (Vô Thu Tịnh)	98-102
- Ngôn ngữ và biện chứng (Nguyễn Văn Hai)	103-107
- Tiếng đàn trong đêm (Giang Phúc Đông Sơn)	108-113
- Thuyết định mệnh trong truyện Kiều (Hiếu Đệ)	114-115
- Thư bàn về vấn đề trào lưu văn hóa (Ng. H. Thị Diệp)	116
- Vô thủy vô minh và duy vật lịch sử (Mỹ Vi)	117
- Chiến lược tâm công (Phan Quang Việt)	118-121
- Lại nhớ bài chòi (Phan Hùng Nhơn)	122
- Tưởng niệm nhà thơ Tạ Kỳ (Vũ Kỳ)	123-126

MỤC LỤC	Trang
- Câu chuyện một người Phật tử (Mai lý Cang)	127
- Bài buồn thế kỷ (Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân)	128
- Sứ mệnh văn hóa Việt Nam hải ngoại (Lý Đại Nguyên)	129-134
- Muốn rằng oản bụt cho thơm (Nguyễn Xuân Hiền)	135-137
- Kể thêm về chuyện cổ T.T Thanh Long (Hoàng Ngọc Liên)	138-139
- Phù Du (Vi Khuê)	140-143
- Quốc tế nhân quyền và quyền làm người (Ngô Trọng Anh)	144-149
- "Viết văn, đọc văn" đối thoại với mình với người (Nguyễn Thùy)	150-151
- Hoa sen nơi cõi lạ (Đan Hà)	152-53
- Việt Nam : Những bước đi tới (Lê Doãn Kim)	154-157
- Thơ của G.H.P.G.V.N Thống Nhất	158
- Thơ Hà Đậu Đồng & T.N.Điền	159
• TIN THỂ THAO (Người Giám Biên)	160-164
• TIN THẾ GIỚI (Người Quan Sát)	165-175
• PHIẾU ỦNG HỘ BÁO	176
- Tin thế giới (Tiếp theo)	176
- Kêu gọi phát tâm cúng dường in kinh ấn tống hoặc cho vay ngắn hạn - Thông Báo - Nhân Tin - Tim thân nhân - Chương trình sinh hoạt của chùa Viên Giác năm 2001 - Phân ưu - Cáo Phó - Cảm tạ - Hộp Thư Viên Giác.	176-184
- Khó khăn trong việc áp dụng dân chủ ở Việt Nam (Phạm Văn Khai)	179
- Thư của Lê Thị Bạch Nga về bài "Lá thư Bắc Mỹ" đăng trên Viên Giác 118 tháng 10 năm 2000	179
• PHƯỢNG DANH CÚNG DƯỜNG	185-196
• PHẬT TỬ PHÁT TÂM CỨU TRỘ NẠN LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	196 -198
• THỔ	
-30- Xuân giữa đông miên (Ngô Minh Hằng) . - 44- Qua chùa II (Huệ Thu) . -55- Môi thơm thường (Nguyễn Văn Cường). -59- Tiêu dao (Quang Tuấn. -61- Quê nhà còn đó (Đình Hồi Tuông). -64- Vàng trắng cố lý & Muôn trùng thiên lý (Văn Nường & Tùy Anh). -84- Chào thiên niên kỷ (Hà Thượng Nhân). -85- Năm 2000 xuân ước vọng (Tuệ Nga). -95- Chùa xưa (Thiện Như). -97- Núi và tôi (Huệ Thu). - 115- Bản di chúc thật của bác Hồ (Ng. Thùy). - 116- Việt Nữ thường tình (Song Hoa). -126- Mai này khi ta chết (Nguyễn Thùy). -149- Dừa lũng vào nổi nhỏ (Hà Huyền Chi). -151- Hưởng về phượng đông (Nguyễn Thị Hoa) -157- Bến bờ nào chia (Tuệ Nga). -179- Sinh nhật (Lê Thị Bạch Nga) -181- Cũng một mùa xuân thề trở lại (Huy Giang)	
CÁO LỖI	
Vi số trang báo có giới hạn, nên bài của các Văn Thi Hữu gửi đến không thể đăng hết trong số báo này được. Chúng tôi sẽ lần lượt đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.	
• Ban Biên Tập Báo Viên Giác	

Đại lý bán Sách & Sơn Mài

Hồng Phúc

BÁN SĨ VÀ LÊ ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI SÁCH KHOA HỌC, KỸ THUẬT, TRUYỆN TIỂU LÂM, TRUYỆN CỔ TÍCH, SÁCH HỌC LÀM NGƯỜI, SÁCH CỔ TƯỢNG, VÔ THUẬT, YOGA, DUỐNG SINH, TỬ VI, TỬ ĐIỂN V.V...

- **Đặc biệt sách mới: Tự điển :** Đức Việt / Việt Đức (150.000 từ & 80000 từ).
- **Sách thuốc Đông Y :** Thần phương diệu dược, những bài thuốc tráng dương, đặc biệt có bản thang thuốc Bắc toa thuốc lưu truyền của Minh Mạng (trị liệu đau nhức và bồi bổ cơ thể sinh lực tráng kiện) do lương y Lê Hữu Thuật bốc.
- **Sách mới :** Thầy Lê Mạnh Thát (T.T. Thiện Siêu) :
- Nghiên cứu về Thiên uyển tập anh.
- Lịch sử Phật Giáo VN tập 1
- **Sơn mài :** Đầy đủ các loại tranh sơn mài cần ốc xa cừ, hàng xuất khẩu đặc biệt, dùng làm quà tặng, nhà mồi, sinh nhật, cưới hỏi, năm mới và giáng sinh.
Giảm % cho người mua bán lại, hoặc hợp tác với người có cơ sở rộng - gởi tận nhà.

Xin liên lạc Tel. & Fax : 04421 28279
hoặc Handy 0174 6873199

Tin Mới Nhất Thẩm Mỹ Viện Mùa Xuân

Phát triển thành bệnh viện tư nhân Riefenbach Institut (với sự cộng tác của giáo sư y học sửa sang về sắc đẹp, bác sĩ phẫu thuật người Đức, thợ cả xoa bóp, nữ thợ xăm lành nghề người Việt)

- ♥ Hút mỡ bụng, đùi, cằm, làm cho thân hình cân đối.
- ♥ Cát mi mắt chữa sụp mí. Cát mi mắt một mí thành hai mí
- ♥ Làm hết các nếp nhăn trên mặt, vết xạm do tuổi già.
- ♥ Xóa các vết sẹo trên da.
- ♥ Làm căng da mặt bị nhăn bằng phẫu thuật.
- ♥ Làm bay hết các loại nốt ruồi bằng tia hồng ngoại (Laser)
- ♥ Xoa bóp y học, châm cứu chữa bệnh đau lưng, khớp mãn tính.
- ♥ Phục hồi sức khỏe sau khi sanh đẻ, ốm đau lâu ngày bằng máy điều Oxy.
- ♥ Xăm mí mắt, môi, lông mày không đau, có đảm bảo.
- ♥ Xăm trên người với nhiều hình đẹp nghệ thuật
- ♥ Xóa các vết xăm bị hỏng

ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆN :

Làm không đau. Phục vụ tận tình.

Đối với những người ở xa hoặc có con nhỏ, viện có phòng khách sạn với bể bơi, phòng tắm hơi phục vụ.

Xin mời liên lạc : Tel. : 05322 - 70 95 (buổi sáng và buổi tối)
05321 - 18708 (buổi chiều).

Địa chỉ : Kurhaus Strasse 18 - 38667 Bad Harzburg

THI - HIỀN

HAUPTSTR.32A - 79591 EIMELDINGEN.W. GERMANY

TEL. 07621 / 65178 HOẶC 07621 / 44105

HOẶC 0171 / 2674737

NHẬN ĐẶT NẤU : Tiệc cưới - Sinh Nhật - Họp Bạn

ĐẶC BIỆT : Bánh Đám Hối, Bánh Cốm,

Bánh Phu Thê, Bánh Bùn, Trầu Cau Tuổi

Đầy đủ tiện nghi chén đĩa, bếp ga.

Hơn 500 món ăn để chọn lựa

Hạp khẩu vị vừa túi tiền

Được sự khen ngợi và tín nhiệm của

cộng đồng người Việt tại Đức, Pháp,

Thụy Sĩ, Hòa Lan và Đan Mạch



VIENGIAC, KARLSRUHER STRASSE 6. 30519 HANNOVER

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298**

SANG NHÀ HÀNG TÀU

- Có 90 chỗ ngồi
- Có 2 phòng ở bên trong và bãi đậu xe riêng cho khách
- Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với Long qua số
Điện thoại : 04931 - 76 486 (Tiệm giờ mở cửa)
04931 97 43 81 (Nhà ngoài giờ)

Video VÂN

Cho thuê phim bộ Hồng Kông
và Đài Loan

- * Nói tiếng Hoa và Việt * Hình ảnh rõ ràng
 - * Âm thanh trung thực * Luôn luôn có phim mới
- Quý khách chỉ cần gọi điện thoại chúng tôi sẽ gửi phim đến tận nhà, không tính thêm cước phí bưu điện.

Có giá đặc biệt cho quý khách trong dịp khai trương.

NGOÀI RA CHÚNG TÔI CÓ BÁN PHONE CARD :

- | | | | |
|---------|--------|-----------|-------------|
| * Unity | gọi về | China | 0,20 / phút |
| | | Hồng Kông | 0,15 / phút |
| | | Malaysia | 0,20 / phút |
| | | USA | 0,12 / phút |



- * X,Cess gọi về Việt Nam 0,99 / phút

Chúng tôi sẽ bớt % cho mỗi Card trong dịp khai trương.

Mọi chi tiết xin liên lạc với chúng tôi :

Video Vân

Altstadt 75 - 84028 Landhut

Tel & Fax : 0871 / 27 62 688

